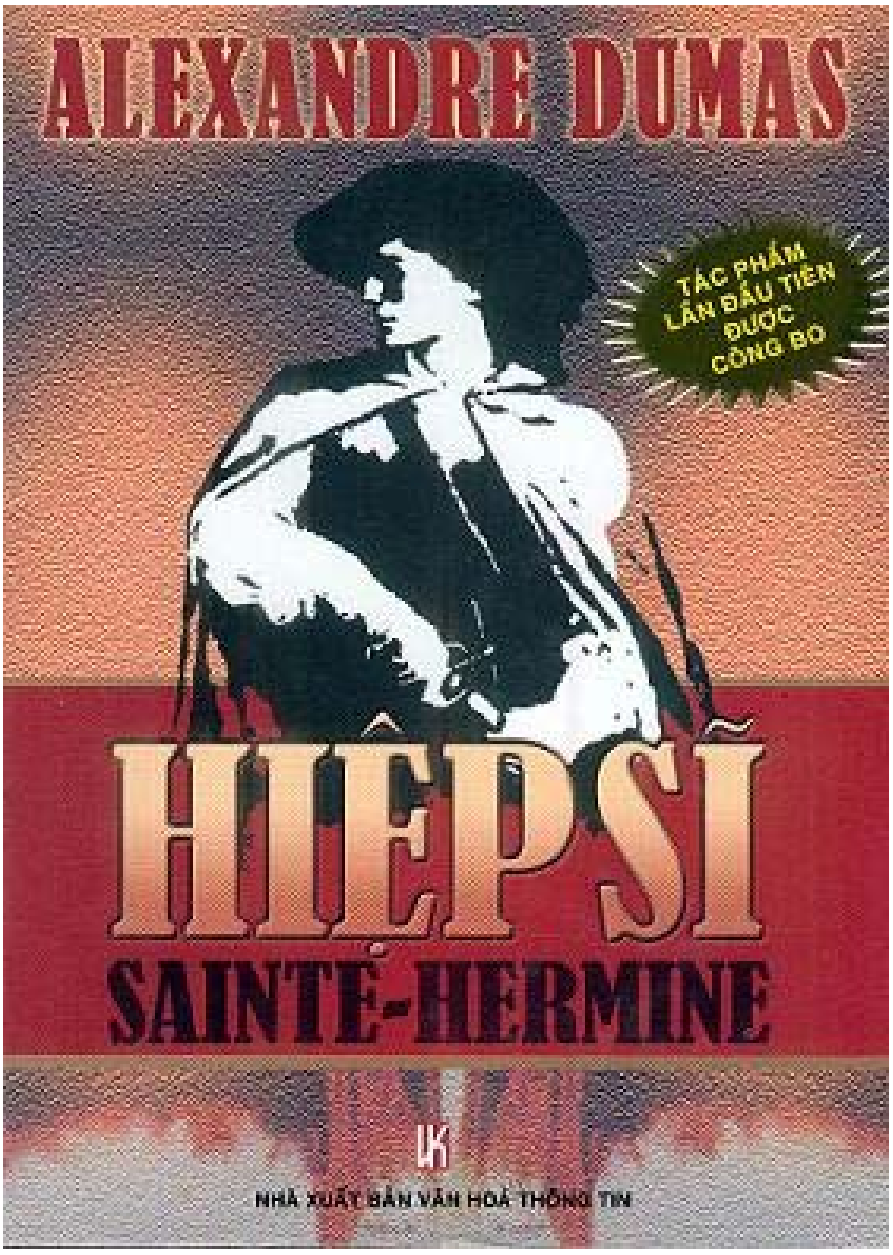

WWW.THUQUAN.NET, 2008.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Giới thiệu

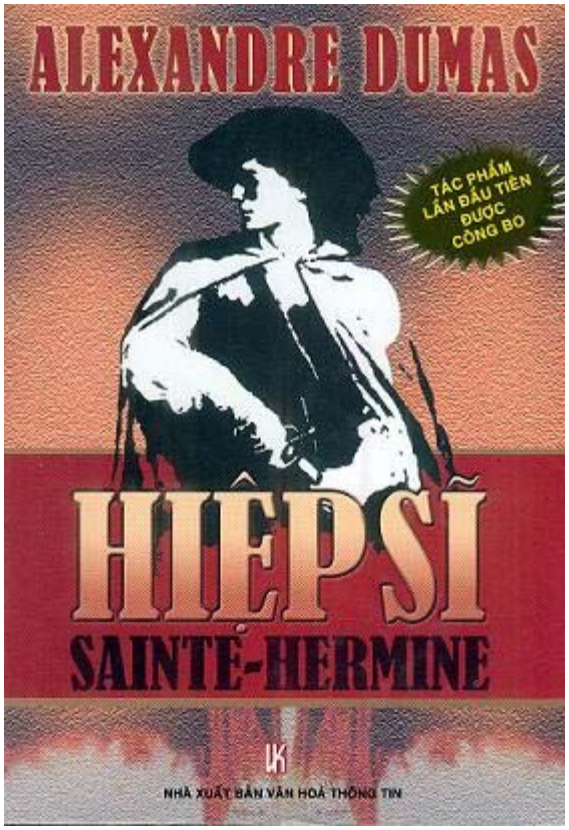

Năm 2005, một cơn sốt dâng lên tại Pháp và trên toàn thế giới như ở các nước Mỹ, Trung Quốc, Nga về sự xuất hiện của bộ tiểu thuyết cuối cùng của Alexandre Dumas với 1230 trang, 118 chương: Hiệp sĩ Sainte-Hermine (Tên nguyên tác là *Le chevalier de Saite-Hermine*). Cuốn sách đã được lãng quên trong thư viện quốc gia Pháp suốt 135 năm trước khi được đưa ra với công chúng.

Hiệp sĩ Sainte-Hermine lần đầu được đăng nhiều kỳ trên một tờ báo của Pháp nhưng vẫn chưa hoàn tất khi Dumas mất năm 1870. Ông Claude Schoppe, một chuyên gia chuyên nghiên cứu về Alexandre Dumas đã phát

hiện ra cuốn sách và ông đã viết thêm ba chương cuối để hoàn tất tác phẩm.

Khi xuất hiện trước công chúng, cuốn sách được đánh giá là "hay đến mức không thể tả nổi". Sở dĩ cuốn sách hấp dẫn như vậy là một phần nhờ vào nguồn tư liệu dồi dào về lịch sử mà Dumas đã dày công sưu tầm.

Trên bối cảnh của cuộc cách mạng Pháp, cuốn tiểu thuyết đề cập đến sự lựa chọn đầy khó khăn của một nhà quí tộc giữa tư tưởng bảo hoàng và sự ngưỡng mộ cá nhân đối với Napoléon.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 1

Khoản nợ của Joséphine

- Thế là chúng ta đã ở trong điện Tuileries - Tổng tài thứ nhất Bonaparte nói với thư ký Boumerine khi họ đi vào cung điện nơi vua Louis XVI từng dừng chân lần cuối trên chặng đường giữa Versailles và giá treo cổ - phải cố mà trụ lại đây.

Những lời định mệnh ấy được thốt ra vào khoảng bốn giờ chiều ngày 30 Pluviose năm thứ VIII theo lịch Cách mạng cũ (tức 19 tháng Giêng năm 1800).

Như chúng ta còn nhớ, đúng ngày này một năm sau là ngày ra đời tiếp phần "*Quân Trắng và Quân Xanh*" của tôi, câu chuyện kết thúc bằng cuộc chạy trốn của tướng Pichegru de Sinnamary và cuốn tiểu thuyết " Đồng đảng Jéhu" có kết thúc là cuộc hành quyết Ribier, Jahias, Valensolles và Sainte-Hermine.

Trong tác phẩm, khi Bonaparte vẫn còn là tướng quân, chúng ta đã tạm chia tay nhân vật này vào lúc ông ta đặt chân về đất Pháp sau cuộc viễn chinh Ai Cập. Từ ngày 24 Vendémiaire năm thứ VII (tức 16 tháng Mười năm 1799) đến lúc này, nhân vật ấy đã làm nên không ít chuyện.

Trước tiên phải kể đến cuộc đảo chính ngày 18 Boumaire, lúc đầu sự kiện này bị chỉ trích nhiều nhưng cho đến giờ, đây lại là sự kiện đáng lưu lại hậu thế. Kế đến là chuyến vượt dãy Alpes như Annibal và vua Charlemagne, rồi nhờ Desaix và Kellermann giúp, Bonaparte đã chiếm lại được chiến trận Marengo mà ông đã để mất. Sau đó, ông ký hiệp ước hoà bình Lunéville (Hiệp ước Lunéville thừa nhận nước Pháp sở hữu Bỉ, tả ngạn sông Rhin và bảo hộ cho nền độc lập các rước cộng hoà Batave, Helvétique, Cisalpine và Ligurienne). Cuối cùng là lập lại cách gọi *phu nhân*. Trước chế độ Cộng hoà, phụ nữ quý tộc được gọi là *phu nhân*. Trong thời kỳ cách mạng đổi cách gọi là nữ *công dân*. Napoléon khôi phục cách gọi phu nhân như trước vào hôm ông cho David đặt tượng Brutus tại điện Tuileries. Bây giờ những người cứng đầu tuy còn gọi đàn ông là *nam công dân*, song chỉ còn kẻ thô lỗ và vô giáo dục mới gọi phụ nữ là *nữ công dân*. Lẽ dĩ nhiên, chỉ những ai

xứng đáng mới được đặt chân vào điện Tuileries.

Giờ đây, chúng ta đang ở ngày 30 tháng Pluviôse năm thứ IX (tức ngày 19 tháng Giêng năm 1801) trong cung điện của nhà Tổng tài thứ nhất Bonaparte - Cung điện Tuileries.

Từ căn phòng chứng kiến quá nhiều sự kiện này, tôi sẽ dùng hết khả năng để chuyển tới những ai đã sống ở hai phần ba thế kỷ này chân dung một con người huyền thoại, một người không chỉ mải lo tính cho sự thay đổi của nước Pháp mà còn lo tính đến sự quay đảo của thế giới. Đó là căn phòng rộng màu trắng đan xen những đường kẻ vàng, trong phòng kê hai chiếc bàn.

Một chiếc rất đẹp dành cho ngài Tổng tài thứ nhất. Ông đang ngồi ở đó, quay lưng về phía lò sưởi, cửa sổ phía bên phải. Đứng cạnh ông, cùng phía bên phải là Duroc, người cộng sự tin cẩn trên chiến trường suốt bốn năm qua của ông. Từ phòng này người ta cũng có thể đi thẳng đến phòng của Landoire, người phục vụ khiến ngài Tổng tài rất ưng ý, và các phòng lớn khác nhìn ra sân.

Vị Tổng tài thứ nhất ấy đang ngồi trên một chiếc ghế bành bọc đệm hình sư tử, tay xoay qua xoay lại con dao nhíp mãi không thôi. Trước mặt ông là một giá sách khổng lồ xếp không biết cơ man nào là bản đồ. Chệch về phía bên phải một chút, cạnh giá sách là cánh cửa thứ hai của căn phòng. Qua cánh cửa ấy là một phòng ngủ sang trọng, kế đến là một phòng khách. Trên trần nhà, hoạ sĩ Le Brun đã vẽ hình Louis XIV trong trang phục vô cùng lộng lẫy. Một tay hoạ sĩ khác, chắc chắn kém tài hơn người đầu tiên, nhưng lại tỏ ra thương tình trang trí cho bộ trang phục của nhà vua hình ảnh lá cờ ba màu khiến Bonaparte càng có lý khi nói với những người đến thăm: "Đám người phe Quốc ước này thật ngốc?" Đối diện với lối giao nhau duy nhất đang chiếu sáng cả căn phòng là một phòng thay đồ. Nó chẳng khác gì một phòng nguyện của Marie de Médicis. Căn phòng này có một cầu thang dẫn đến phòng ngủ của quý bà Bonaparte dưới tầng trệt.

Giống như hoàng hậu Marie-Antoinette, vợ vua Louis XVI, Joséphine cũng ghét những căn phòng quá rộng. Chính vì vậy bà đã chọn cho mình một căn phòng nhỏ ở điện Tuileries giống như hoàng hậu Marie-Antoinette đã làm khi ở Versailles.

Hầu như mọi ngày hoặc ít ra cũng ở thời điểm đó, ngài Tổng tài đều đi từ phòng thay đồ sang phòng làm việc của mình vào mỗi buổi sáng. Tôi nói hầu như bởi lẽ chỉ ở điện Tuileries, Bonaparte mới có một phòng tách riêng phòng của phu nhân Joséphine, một nơi ông có thể nghỉ lại mỗi khi xong việc quá muộn hoặc có vài cuộc tranh cãi với bà. Những cuộc tranh cãi tuy chưa liên tục nhưng xuất hiện ngày càng nhiều.

Chiếc bàn thứ hai, khiêm tốn hơn, được đạt gần cửa sổ. Viên thư ký làm việc ở đó với đống giấy tờ lộn xộn chất cao như cây dẻ.

Anh ta quay người về phía ngài Tổng tài cố gắng nghiêng đầu tránh cái nhìn đối diện. Duroc rất hiếm khi có mặt trong phòng, mỗi lần như vậy, viên thư ký chỉ đóng vai trò khán giả.

Viên thư ký ấy là Boumerine.

Các hoạ sĩ và nhà điêu khắc đã sử dụng hết tài năng để khắc hoạ những đường nét của Bonaparte và sau này là Hoàng đế Napoléon. Nhưng những con người ấy phải thừa nhận trong các bức tượng hay tranh, kiểu khuôn mặt của con người phi thường ấy, dù ở cương vị Tổng tài hay hoàng đế, họ không thể tạo được hình ảnh giống ông hoàn toàn.

Khi ông là Tổng tài, người ta có thể vẽ hay tạc cái sọ nhô cao, vầng trán đẹp, mái tóc rủ xuống thái dương chấm cả xuống vai, khuôn mặt ngăm đen, gầy và dài.

Khi ông là hoàng đế, người ta có thể tái hiện cái đầu giống như một tấm mề đay cổ xưa, phủ lên hai gò má nước da tái xanh dự báo sự chết yểu, mái tóc màu đen như gỗ mun càng khiến hai bên má thêm tái. Song, không cây chổi vẽ hay dao tạc nào có thể thổi vào đôi mắt ông ngọn lửa rực cháy hay sự u ám khi ông chám chú nhìn vào một chốn nào đó. Không ai thể hiện được cái nhìn chuyển sang sự đồng thuận nhanh như chớp, không cơn giận dữ nào khủng khiếp hơn hoặc không cái nhìn nào sánh bằng sự đằm thắm dịu dàng.

Người ta nói rằng ông có dung mạo đặc biệt cho mỗi chuỗi suy nghĩ nối tiếp nhau trong tâm hồn mình. Thân hình ông thấp bé chỉ cao gần năm bộ ba tuy nhiên, Kléber cao hơn ông hẳn một cái đầu đã từng đặt tay lên vai ông mà nói: "Thưa tướng quân, ngài vĩ đại bằng cả thế giới".

Quả thực, ông hơn hẳn Kléber một cái đầu.

Bonaparte có đôi tay rất đẹp, ông tự hào về chúng và chăm chuốt chúng như phụ nữ vẫn làm. Ông có thói quen ngắm nhìn chúng nên chỉ đeo găng tay trái, để tay phải trần với cớ còn bắt tay quan khách nhưng thực ra là để ngắm và vuốt ve móng tay bằng chiếc khăn lụa.

Ông Turenne, người chăm lo việc trang phục cho hoàng đế, vì thế mà chỉ cho may găng tay trái. Riêng việc này cũng tiết kiệm được sáu ngàn phăng một năm.

Nghỉ ngơi với Bonaparte là điều không chịu nổi. Ông sẵn sàng đi đi lại lại ngay cả trong phòng mình. Ông đi chúi người ra phía trước như thể sức nặng từ các suy nghĩ khiến ông phải trĩu đầu xuống còn đôi tay chắp phía sau lưng.

Khi đang suy nghĩ khi để tuột mất ý nào đó, ông thường rung rung vai phải, răng nghiến chặt. Đây cũng là một thói quen thường thấy nhưng đôi khi có kẻ lại nói quá lên và cho rằng Bonaparte mắc chứng động kinh.

Bonaparte thích ngâm mình trong bồn tắm. Ông có thể ở đó vài giờ để đọc báo hay xem xét vài giấy tờ ông đã ký. Một khi đã vào phòng tắm, ông thả mình dưới vòi nước ấm mặc cho nước tràn ra khắp Bonaparte cũng thích ngủ. Nhiều lần, viên thư ký đến đánh thức ông dậy lúc bảy giờ sáng, ông còn phàn nàn: “Hãy để tôi ngủ thêm lát nữa? Hãy vào đánh thức tôi muộn nhất khi có thể, nếu có tin vui thì đừng đánh thức tôi, nhưng nếu tin xấu thì phải gọi tôi dậy ngay vì khi đó, không thể để mất một phút nào cả”.

Ngay khi Bonaparte thức dậy, người phục vụ Constant lo cạo râu và chải tóc cho ông. Trong lúc được cạo râu, Bonaparte cho người đọc báo. Ông luôn bắt đầu bằng tờ *Le Moniteur*, ngoài ra, ông cũng chú ý đến một số tờ báo của Anh hoặc của Đức. Nếu Boumerine đọc một trong số chục tờ báo trong nước phát hành thời đó là y rằng ông gạt đi: "Thôi thôi, họ chỉ nói những gì tôi muốn để họ nói thôi".

Vệ sinh buổi sáng xong, ông cùng Boumerine vào phòng làm việc ở đó, luôn dể sẵn thư từ phải đọc trong ngày, những bản báo cáo phải ký. Ông đọc thư, hướng dẫn trả lời và ký các văn bản.

Đúng mười giờ, cửa mở và người phục vụ nói: "Mời tướng quân dùng bữa?"

Bữa trưa rất đơn giản, chỉ có ba món và đồ tráng miệng. Hầu như luôn có món thịt gà trộn dầu và hành, giống như bữa lần đầu ông ăn hôm đánh trận Marengo và cũng kể từ đó, người ta gọi món này là món gà Marengo.

Bonaparte uống ít rượu vang, chỉ loại vang Bordeaux và Bourgogne. Sau bữa trưa hay bữa tối, ông uống thêm một tách cà phê. Nếu ông làm việc khuya hơn thường lệ, người ta mang thêm cho ông một cốc sô cô la.

Ngay từ sớm, ông đã hút một điếu thuốc nhưng cả ngày ông chỉ hút ba hoặc bốn điếu, hiếm khi hút cùng lúc. Thuốc lá của ông được đặt trong một chiếc hộp rất sang trọng bằng vàng hay san hô.

Hôm ấy, như thường lệ, Boumerine vào phòng làm việc từ sáu rưỡi, phân loại thư từ. Ông đặt thư quan trọng xuống dưới cho Bonaparte đọc sau và sẽ nhớ lâu hơn.

Đồng hồ điểm bảy tiếng là khi phải đi đánh thức tướng quân dậy. Nhưng Boumerine rất ngạc nhiên khi thấy phu nhân Bonaparte ngủ một mình và đang khóc. Cũng không cần nói thêm là Boumerine có một chìa khoá phòng ngủ của Bonaparte. Anh ta có thể ra vào đó bất cứ lúc nào.

Khi thấy Joséphine đang khóc một mình, anh ta định lui ra nhưng phu nhân vốn quý mến và tin tưởng Boumerine đã gọi anh ta lại ngồi gần giường.

Boumerine lại gần, trong lòng rất lo lắng.

- Thưa phu nhân, đã có chuyện gì xảy ra với ngài Tổng tài ư?

- Không, Boumerine, không phải thế - Joséphine đáp - Chuyện xảy ra với tôi...

- Sao cơ thưa phu nhân?

- Ôi, Boumerine thân mến? Tôi thật bất hạnh?

Boumerine bật cười nói:

- Thế thì tôi đã đoán được chuyện gì rồi.

- Những người cung ứng... - Joséphine ấp úng.

- Không chịu mang hàng đến cho phu nhân chứ gì?

- Ôi! Nếu chỉ có vậy thì đã tốt!

- Họ đòi được trả tiền chứ gì? - Boumerine vừa nói vừa cười.

- Họ còn doạ truy tôi đến cùng! Thử nghĩ xem tôi sẽ khó xử ngần nào khi một thư đòi nợ rơi vào tay Bonaparte hả Boumerine thân mến!

- Phu nhân nghĩ họ dám ư?

- Tôi chắc chắn.

Không thể!

- Đây này - Và Joséphine lấy từ dưới gối ra một tờ giấy in hình biểu tượng của chế độ Cộng hoà, trong giấy yêu cầu ngài Tổng tài thứ nhất phải trả cho phu nhân Bonaparte một khoản bốn mươi ngàn phăng. Thật may là tờ giấy này rơi vào tay người vợ chứ không phải chồng. Giấy đòi nợ có ký tên phu nhân Giraud.

- Chà chà - Boumerine nói - Chuyện nghiêm trọng đây! Phu nhân đã mua đồ cho cả nhà từ người phụ nữ này sao?

- Không, Boumerine thân mến, khoản này chỉ cho mình tôi.

- Mình phu nhân?

- Phải.

- Nhưng mươi năm qua, chẳng lẽ phu nhân chưa thanh toán sao?

- Tôi đã thanh toán rồi. Tôi đã trả hết nợ vào ngày 1 tháng Giêng năm ngoái. Tất cả là ba trăm ngàn phăng. Chuyện này khiến Bonaparte nổi giận đùng đùng. Nghĩ lại tôi vẫn chưa hết sợ.

- Và phu nhân tiêu hết bốn mươi ngàn phăng từ ngày một tháng Giêng năm ngoái đến nay chỉ để mua găng tay?

- Chắc thế, vì họ đòi tôi ngần ấy mà.

- Vậy phu nhân muốn tôi làm gì bây giờ?

- Tôi muốn, nếu sáng nay Bonaparte vui vẻ, phiền ông nói giúp với chồng tôi một tiếng về chuyện này.

- Nhưng trước hết tôi muốn biết sao tướng quân không ở cạnh phu nhân? Hay trong nhà lại có chuyện? - Boumerine hỏi.

- Không hề. Tối qua, tướng quân rất vui vẻ đi cùng Duroc, như tướng quân nói, là thử tinh thần của người Paris. Chắc tối qua về muốn không muốn làm tôi thức giấc nên tướng quân đã ngủ trong phòng thay đồ.

- Thế nếu tướng quân vui vẻ, khi nói về khoản nợ của phu nhân, nếu tướng quân hỏi bao nhiêu, tôi biết trả lời thế nào?

- Ôi Boumerine! - Joséphine vùi đầu vào gối.

- Chắc một con số đáng sợ phải không?

- Khủng khiếp lắm.

- Thế là bao nhiêu?

- Tôi không dám nói cho ông biết.

- Ba trăm nghìn phăng?

Joséphine thở dài.

- Sáu trăm nghìn...?

Joséphine lại thở dài, lần này còn não nề hơn lần trước.

- Phải thừa nhận là phu nhân làm tôi sợ đấy - Boumerine nói.

- Tôi đã thức suốt đêm tính toán cùng phu nhân Hulot, người bạn của tôi, chị ấy giỏi tính hơn tôi, ông biết đấy, tôi chẳng hiểu gì cả.

- Vậy phu nhân nợ bao nhiêu?

- Hơn một triệu hai trăm nghìn phăng.

Boumerine phải lùi lại một bước.

- Phu nhân nói đúng - Anh ta nói và lần này không cười nữa - Ngài Tổng tài sẽ rất giận dữ.

- Chúng ta sẽ chỉ nói với tướng quân một nửa thôi.

- Cách đó không hay đâu! - Boumerine lắc đầu - Trong lúc này tôi khuyên phu nhân nên thú thực là hơn.

- Không đâu Boumerine, không bao giờ!

- Nhưng phu nhân sẽ xoay sở như thế nào với sáu trăm nghìn còn lại?

- Trước tiên tôi sẽ không nợ nữa, như thế đã là quá khổ sở rồi.

- Nhưng sáu trăm nghìn? - Boumerine nhắc lại.

- Tôi sẽ tiết kiệm để trả dần.

- Phu nhân nhầm rồi, nếu ngài Tổng tài không quan tâm đến chuyện sáu trăm nghìn thì chuyện sáu trăm nghìn hay một triệu hai cũng như nhau. Ngược lại, nếu phu nhân giấu giếm, tướng quân sẽ càng giận hơn. Ngài sẽ chi khoản một triệu hai trăm nghìn phăng rồi phu nhân sẽ mất ngài mãi mãi.

- Không, không - Joséphine kêu lên - Đừng nài thêm nữa Boumerine. Tôi biết tính tướng quân. Tướng quân sẽ giận điên cuồng mà tôi thì không bao giờ trút được cơn thịnh nộ ấy nữa.

Đúng lúc đó, tiếng chuông từ phòng Bonaparte vang lên gọi người phục vụ nhưng thực ra là muốn hỏi xem Boumerine ở đâu.

- Tướng quân đấy - Joséphine nói - Tướng quân đã ở phòng làm việc rồi. Hãy đến đó và nếu tướng quân vui vẻ, ông biết rồi đấy.

- Một triệu hai trăm ngàn phăng đúng không? - Boumerine hỏi.

- Không, sáu trăm nghìn, không hơn một xu!

- Phu nhân chắc chứ?

- Tôi xin ông đấy.

- Đồng ý.

Boumerine lao về phía cầu thang nhỏ dẫn đến phòng làm việc của ngài Tổng tài thứ nhất.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 2

Thành Hambourg tự do đã trả khoản nợ của Joséphine ra sao?

Khi Boumerine bước vào phòng làm việc, anh ta thấy Bonaparte đã ngồi bên bàn làm việc đọc thư từ do mình săp xếp.

Hôm nay, ông mặc quân phục cấp tướng của nền Cộng hoà. Đó là chiếc áo màu xanh không cầu vai chỉ có cành nguyệt quế vàng, chiếc quần da hoẵng, áo gilê đỏ vạt lớn và đôi ủng cao.

Vừa nghe tiếng bước chân thư ký của mình lại gần, Bonaparte khẽ quay người lại.

- Chào Boumerine, tôi nhấn chuông gọi Landoire để cho mời anh.

- Tôi đã xuống phòng phu nhân, tôi tưởng tướng quân ở đó.

- Không, tối qua tôi ngủ trong căn phòng ngủ lớn.

- Ái chà? - Boumerine thốt lên - Trên giường nhà Bourbon?

- Xin thề là đúng như vậy.

- Ngài ngủ ở đó thế nào?

- Tệ lắm. Bằng chứng là tôi đã dậy sớm không cần anh phải gọi. Mọi thứ ở đó đều quá mềm mại đối với tôi.

- Ngài đã đọc ba lá thư tôi xếp riêng ra chưa, thưa tướng quân?

- Rồi, bà goá của một phó tham mưu bị chết trong trận Marengo nhờ tôi làm cha đỡ đầu cho con trai bà ta.

- Tôi phải trả lời sao đây?

- Rằng tôi đồng ý. Dura sẽ thay tôi đi, đứa trẻ sẽ mang tên Napoléon người

mẹ sẽ có một khoản 500 phăng có chuyển hồi cho con trai. Anh trả lời theo ý đó.

- Còn một người tin vào vận may của ngài, xin ngài ba con số để chơi lô tô.

- Bà này chắc bị điên, nhưng vì bà ta đã tin vào ngôi sao chiếu mệnh của tôi nên dù không bao giờ trúng, bà ta cũng tin rằng sẽ trúng. Anh hãy trả lời rằng người ta chỉ trúng số khi người ta không chơi. Bằng chứng là bà ta sẽ không bao giờ trúng khi mua vé. Ngày nào bà ta không mua bà ta sẽ trúng ba trăm phăng.

- Vậy là tôi phải gửi cho bà ấy ba trăm phăng?

- Đúng vậy.

- Còn lá thư cuối, thưa tướng quân?

- Tôi vừa bắt đầu đọc thì anh vào.

- Xin tướng quân tiếp tục, nó sẽ làm ngài thích thú đấy ạ.

- Anh đọc nó cho tôi, chữ viết run quá khiến tôi phát mệt.

Boumerine vừa cầm lá thư vừa cười.

- Tôi biết điều gì khiến anh cười rồi - Bonaparte nói.

- Tôi không chắc về điều đó đâu thưa tướng quân - Boumerine đáp.

- Anh tự nhủ rằng khi người ta đọc chữ của tôi, người ta có thể phải đọc từng nét ngay cả quan toà và những nhà biện lý chứ gì?

- Thú thực ngài nói rất đúng.

Boumerine bắt đầu đọc:

Jersey, ngày 26 tháng Giêng năm 1801

Thưa tướng quân, tôi thiệt nghĩ sau chuyến công du lớn trở về của tướng quân, người ta sẽ ý tứ không làm bận lòng ngài thêm để nhắc tên tôi trong

tâm trí ngài. Chỉ có điều, có lẽ ngài sẽ ngạc nhiên vì một chuyện cỏn con mà tôi hân hạnh được viết cho ngài sau đây.

Thưa tướng quân, ngài sẽ nhớ lại khi cha ngài đi đón các quý anh trai của ngài ở trường Autun hồi gặp ngài ở Brienne, ngày ấy, ông cụ không có tiền. Ông dã hỏi vay tôi 25 đồng *louis, tôi đã rất vui vẻ cho ông vay, khi trở về ông đã không có dịp trả lại tôi. Lúc tôi rời Ajacco, bà cụ mẹ ngài đã xoay sở để đưa cho tôi chút ít nhưng tôi không nhận và nói rằng nếu ở địa vị tôi, bà cũng sẽ làm thế. Tôi trao lại ông Souires tờ ghi nợ và nhờ ông giữ hộ. Tôi thề là lúc thuận tiện, ông ấy cũng sẽ không tìm lại nó vì cuộc cách mạng nổ ra.*

Có lẽ ngài sẽ lấy làm lạ khi chỉ vì một khoản ít ỏi ấy mà tôi lại khiến ngài bận tâm; nhưng hoàn cảnh của tôi bây giờ thật éo le, và cái khoản nhỏ nhoi kia giờ đây lại là kếch xù với tôi. Tôi bị lưu đầy trục xuất khỏi quê hương, phải trốn trong hòn đảo nơi cái gì cũng đắt đỏ đến nỗi phải giàu có mới sống được ở đây. Vậy mong ngài hãy đặc ân cho phép tôi lấy khoản tiền mọn mà ngày xưa tôi lại coi không là to tát lắm.

Bonaparte gật gật đầu, Boumerine cũng nhìn thấy cơ chỉ đó

- Ngài còn nhớ người đàn ông này không, thưa tướng quân? - Viên thư ký hỏi.

- Rất rõ - Bonaparte nói - như thể chuyện mới xảy ra hôm qua. Khoản tiền đó được đưa đến ngay cho tôi tại Brienne, chắc ông ta là Durosel.

Boumerine đưa mắt liếc nhìn chữ ký.

- Đúng vậy - Anh ta nói - Nhưng họ của ông ta có thể giúp ta dễ tìm hơn.

- Ông ta tên là gì thế?

- Durosel Beaumanoir

- Phải hỏi xem liệu họ Beaumanoir ấy có phải vùng Bretagne không.

- Tôi tiếp tục chứ?

- Tất nhiên.

Boumerine đọc tiếp:

“Thưa tướng quân, ngài sẽ hiểu ở tuổi 86, sau khi phục vụ tổ quốc gần sáu mươi năm liên tục, thật đau đớn khi bị săn đuổi khắp nơi, bị buộc phải lưu lại Jersey hòng mong sự cứu giúp ít ỏi từ chính phỉ dành cho những người nhập cư Pháp.

Tôi nói người nhập cư Pháp vì người ta bắt tôi phải thế. Tôi không hề muốn vậy mà chỉ mắc tội duy nhất là cựu linh mục lâu đời nhất vùng và là người trang trí cây đại thập tự Saint-Louis.

Một tối, người ta đến để sát hại tôi, họ đạp cửa xông vào may nhờ những tiếng kêu của hàng xóm báo hiệu, tôi chỉ kịp chạy thoát thân không mang theo được gì. Mạng già của tôi phải chịu hiểm nguy trên đất Pháp! Tôi bỏ lại toàn bộ của cải, đồ đạc và chẳng biết đặt chân nơi đâu trên quê hương mình. Rồi ở đây, tôi gặp được một người không nhà còn già nua hơn tôi. Tôi còn người mẹ vợ tám chục tuổi, bà không được một khoản nào từ tài sản của tôi với cớ tài sản của tôi đã bị tịch thu. Tôi trắng tay và đến chết mất nếu mọi chuyện không thay đổi.

Kính chào tướng quân.

Kẻ phục vụ thấp kém, Durosel Beaumanoir"

- Thưa tướng quân, ngài nói gì đây?

- Tôi thấy - vị Tổng tài thứ nhất hơi hạ giọng- thật sự xúc động trước chuyện này. Khoản nợ này rất thiêng liêng Boumerine ạ Hãy viết cho vị linh mục Durosel là tôi đồng ý. Anh hãy gởi mười ngàn phăng trong khi chờ có thể hơn vì tôi muốn làm nhiều hơn cho người đã giúp cha tôi. Tôi sẽ chăm sóc ông ấy... Nhưng, nhân nói đến nợ, Boumerine này, tôi có chuyện nghiêm túc nói với anh đây.

Bonaparte ngồi im nhíu mày và đứng lại gần ông.

- Tôi muốn nói đến khoản nợ của Joséphine.

Boumerine rùng mình.

- Ngài có tin đó từ đâu?

- Từ dư luận.

Boumerine muốn hỏi tên người báo tin nhưng rồi anh ta không dám.

- Cậu hãy thử nghĩ xem (đôi khi Bonaparte vẫn quên và xưng hô với người bạn cũ một cách thân mật) tôi đã đi cùng Duroc và nghe được chuyện người ta nói.

- Thế người ta nói xấu về vị Tổng tài thứ nhất với ngài sao?

- Tôi còn khích để họ nói xấu và không có Duroc có lẽ người ta đã bắt chúng tôi về Château d' Eau rồi.

- Tôi không hiểu giữa những lời ca ngợi ngài Tổng tài thứ nhất như vậy làm sao ngài lại nghe được khoản nợ của phu nhân Bonaparte?

- Bên cạnh những lời ca ngợi dành cho Tổng tài, người ta cũng xì xào bàn tán về vợ ông ta. Người ta nói rằng phu nhân Bonaparte yêu chồng bằng phục trang khiến bà ta nợ nần khắp nơi, chỉ một cái váy cũng hàng trăm đồng *louis*, một cái mũ đơn giản cũng tốn hai trăm phăng. Tôi không tin tất cả chuyện đó, cậu biết đấy nhưng không có lửa làm sao có khói. Năm trước tôi đã phải trả khoản nợ ba trăm ngàn phăng. Cô ấy vin cớ là tôi không gửi tiền từ Ai Cập về. Cũng không sao. Nhưng bây giờ đã khác mỗi tháng tôi chỉ cho cô ấy sáu ngàn phăng tiền trang phục. Tôi nghĩ thế là đủ. Cũng vì lý do ấy mà dân chúng đã thất tín với hoàng hậu Marie-Antoinette đáng thương đấy. Cậu phải đi nói với Joséphine chuyện này và coi đó là lệnh.

- Ngài không biết là tôi mừng nhường nào khi chính tự ngài đề cập đến chuyện này đâu. - Boumerine nói - Sáng nay, đúng lúc ngài sốt ruột chờ tôi là lúc phu nhân Bonaparte xin tôi nói với ngài về tình thế nan giải của bà ấy.

- Tình thế nan giải ư Boumerine? Anh nghe được gì? - Bonaparte hỏi lại không dùng từ thân mật nữa.

- Phu nhân nói bà rất khổ sở.

- Vì ai?

- Vì chủ nợ.

- Vì chủ nợ! Tôi tưởng đã giúp cô ấy thoát khỏi bọn họ rồi.

- Cách đây một năm thì đúng thế.

- Còn bây giờ?

- Bây giờ, vị thế của phu nhân đã thay đổi hoàn toàn. Cách đây một năm, phu nhân mới chỉ là vợ của tướng quân Bonaparte, ngày nay, bà đã là vợ của Tổng tài thứ nhất.

- Thôi đi Boumerine, đừng để tôi nghe những câu tương tự thế nữa.

- Đó chỉ là ý của riêng tôi thôi, thưa tướng quân.

- Lẽ ra, phải anh là người chịu trách nhiệm trả nợ mới đúng.

- Tôi cũng không mong gì hơn. Hãy giao cho tôi một khoản và tôi sẽ thanh toán nhanh chóng, tôi xin đảm bảo như vậy.

- Anh cần bao nhiêu?

- Tôi cần bao nhiêu ư...? à? Vâng... một khoản...

- Bao nhiêu?.

- Một khoản mà phu nhân Bonaparte cũng không dám nói với ngài.

- Sao cơ! Không dám ư? Còn anh - Tôi cũng không dám, thưa tướng quân.

- Anh cũng không dám thì chắc là núi tiền rồi!

Boumerine thở dài.

- Thế thì thanh toán bằng năm ngoái vậy, tôi giao cho anh ba trăm nghìn phăng...

Boumerine im bặt, Bonaparte lo lắng nhìn anh ta.

- Nói đi chứ đồ ngốc!

- Vâng, thưa tướng quân, nếu ngài giao cho tôi ba trăm nghìn quan, tôi e ngài mới thanh toán được một nửa số nợ.

- Một nửa? - Bonaparte bật dậy kêu lên - Sáu trăm nghìn phăng. Cô ta nợ... sáu trăm nghìn phăng...

Boumerine gật đầu.

- Cô ta nói với anh như thế à?

- Vâng, thưa tướng quân.

- Dựa vào cái gì mà cô ta muốn tôi trả sáu trăm nghìn phăng này chứ? Bằng thu nhập năm trăm nghìn phăng kiếm được từ chức Tổng tài chắc?

- Chắc phu nhân cho rằng ngài có vài khoản tiết kiệm.

- Sáu trăm nghìn phăng...? Bonaparte nhắc lại - Trong khi tôi chỉ trả một trăm phăng tiền trợ cấp cho người đàn bà goá và đám con của lính trận hi sinh ở Pyramides và ở Marengo thì vợ tôi tiêu hết sáu trăm nghìn phăng cho việc ăn mặc. Tôi còn không thể cho hết chúng được, chúng phải sống cả năm bằng 100 phăng đó vậy mà phu nhân Bonaparte lại mặc chiếc váy đắt hàng trăm đồng *louis*, những cái mũ tốn hai trăm phăng. Chắc anh nghe nhầm, không phải sáu trăm nghìn đúng không Boumerine?

- Tôi nghe rất rõ thưa tướng quân. Chỉ mới hôm qua, phu nhân còn nhận được hoá đơn bốn mươi nghìn phăng tiền găng tay.

- Anh nói gì...? - Bonaparte kêu lên.

- Bốn mươi nghìn phăng tiền mua găng tay thưa tướng quân. Vậy đấy, tối qua phu nhân tính toán cùng phu nhân Hulot, bà đã khóc suốt đêm, sáng nay tôi vẫn còn thấy bà đám đìa nước mắt.

- Ái chà! Cô ta khóc cơ đấy? Khóc vì hổ thẹn, vì ăn năn đấy!

- Bốn mươi nghìn phăng tiền mua găng tay...! Trong bao lâu?

- Một năm - Boumerine đáp.

- Trong một năm! Số tiền đó nuôi được cả bốn mươi nhà...!

- Boumerine, tôi muốn xem mọi ghi chép ấy.

- Khi nào ạ?

- Ngay lập tức. Đã tám giờ rồi. Chín giờ có cuộc hẹn gặp Cadoudal vẫn còn thời gian, nhanh lên Boumerine, ngay lập tức?

- Ngài nói đúng, thưa tướng quân. Chúng ta hãy giải quyết ngay trong lúc chúng ta còn ở chủ đề này.

- Hãy mang mọi giấy tờ lại đây, tất cả anh nghe rõ chưa, chúng ta sẽ cùng xem.

- Tôi chạy đây, thưa tướng quân.

Boumerine chạy xuống cầu thang dẫn đến phòng của phu nhân Bonaparte.

Còn lại một mình, ngài Tổng tài bắt đầu sải bước, tay chắp sau lưng mặc vai và miệng giật giật, ông lẩm bẩm.

- Lẽ ra mình nên nhớ những gì Junot nói bên suối Messoudia, lẽ ra mình nên nghe Joseph và Lucien, em trai mình khuyên không nên gặp lại cô ta sau khi trở về. Nhưng làm sao không gặp Hortense và Eugène được! Ôi những đứa trẻ đáng yêu dù chúng chỉ là con riêng của cô ta! Chúng làm mình xích lại với cô ta hơn?

"Ôi! Li dị! Mình sẽ làm điều đó tại Pháp, mình sẽ chia tay người đàn bà không đẻ cho mình đứa con nào lại còn khiến mình phá sản nữa".

- Thưa tướng quân - Boumerine vừa nói vừa bước vào - Ngài sẽ không phá sản chỉ với sáu trăm nghìn phăng đâu, vả lại phu nhân Bonaparte còn trẻ, còn ở tuổi sinh cho ngài một quý tử để kế nghiệp Tổng tài sau bốn mươi năm nữa.

- Lúc nào anh cũng bênh cô ta - Bonaparte nói và véo tai Boumerine khiến anh này phải bật kêu lên.

- Biết làm sao, thưa tướng quân, tôi ủng hộ cái đẹp, cái tốt và yếu đuối Bonaparte bực bội nhìn đám chứng từ, ghi chép mà Boumerine vừa mang tới và rút đại một tờ:

- Ba mươi tám cái mũ... trong một tháng! Cô ta định đội hai chiếc một ngày chắc? Bonaparte giận dữ ném hoá đơn xuống và nhặt tờ khác - Cửa hàng mỹ phẩm của Tiểu thư Martin. Ba nghìn ba trăm lẻ sáu phăng tiền son: một nghìn bảy trăm bốn mươi chín phăng chỉ trong tháng sáu. Cây son đắt hàng trăm phăng? Hãy nhớ lấy cái tên này nhé Bourrienne, một con mụ đáng bị gửi đến nhà tù dành cho phụ nữ Saint-Lazare. Tiểu thư Martin, anh nghe rõ chưa?

- Vâng, thưa tướng quân.

- A! Lại còn váy nữa này. Ông Leroy... ngày xưa người ta chỉ có thợ may, bây giờ lại đẻ ra nhà thiết kế cho phụ nữ nữa. Một trăm năm mươi cái váy trong năm, bốn trăm nghìn phăng tiền váy?

- Nếu cứ như thế này thì khoản nợ không chỉ là sáu trăm nghìn mà hàng triệu khéo lát nữa lên đến triệu hai cũng nên.

- Ồ thưa tướng quân - Boumerine hồ hởi nói - Còn có giảm giá kèm theo nữa chứ.

- Ba cái váy năm nghìn phăng chứ gì?

- Vâng - Boumerine nói - Nhưng có sáu cái váy chỉ năm trăm phăng thôi.

- Anh cười gì thế - Bonaparte nhíu mày.

- Không, tôi có cười đâu thưa tướng quân, nhưng có điều tôi thiết nghĩ một người như ngài không đáng để mình tức giận vì một chuyện như thế.

- Thử hỏi Louis XVI mà xem, ông ta là vua mà còn nổi giận đùng đùng huống hồ là tôi, thế mà ông ta còn có tiền phụ cấp là 25 triệu cơ đấy?

- Ngài cũng vậy và sẽ như vậy khi ngài muốn, thậm chí còn hơn cả vua Louis XVI thưa tướng quân. Vả lại, Louis là một kẻ đáng thương, ngài biết đấy.

- Một người dũng cảm thì có!

- Tôi thật muốn biết có phải người ta đã nói về lòng can đảm của ngài Tổng tài giống như ông ấy đã nói với tôi hay không.

- Ít ra với đám váy áo năm nghìn phăng mà nhìn đẹp như những chiếc váy đẹp thời Louis XVI, loại chỉ mất năm chục mét vải, thì tôi còn hiểu được, đằng này với những thứ khiến chúng nhìn như dù che mưa thì...

- Thì cũng phải theo mết chứ thưa tướng quân.

- Chính thế, thế mới làm tôi bực thế này. Chúng ta đâu có trả tiền vải? Nếu chỉ vải không thôi thì chỉ đến xưởng vải là xong, chúng ta trả tiền cho đường cắt bác học của tay Leroy thì có: năm trăm tiền vải còn bốn nghìn cho kiểu cách. Mốt đấy! Bây giờ thì kiếm đâu ra sáu trăm nghìn để trả cho "mốt" đây.

- Chẳng phải chúng ta còn bốn triệu đó sao?

- Bốn triệu! Bốn triệu nào?

- Khoản tiền mà nghị viện Hambourg vừa trả cho ngài để được phép chuộc hai người Ai len mà ngài đã cứu mạng họ ấy.

- À phải, Napper - Tandy và Blackwall.

- Tôi nghĩ có khi bốn triệu rưỡi chứ không phải bốn triệu mà người trung gian, ngài Chapeau-Rouge, đã trả cho tướng quân thì đúng hơn.

- Quả thực như vậy - Bonaparte vừa nói vừa cười, trong lòng vui trở lại khi nhớ đến chuyến đi đến thành phố tự do Hambourg - Tôi không biết liệu mình có quyền hành động như thế hay không, tuy nhiên tôi đã trở về từ Ai Cập, chính những nhục nhã lại khiến tôi làm thân với những kẻ xa hoa đấy.

Đúng lúc đó, chuông đồng hồ điểm chín giờ. Cửa phòng bật mở, Rapp, người phục vụ, bước vào thông báo Cadoudal và hai tuỳ tùng đang chờ.

- Được rồi, cứ thế nhé - Bonaparte nói với Boumerine - Hãy lấy sáu trăm ngàn phăng từ khoản đó, nhưng đừng để tôi nghe thấy chuyện này lần nữa đấy.

Rồi Bonaparte đi gặp viên tướng miền Bretagne.

Cửa phòng vừa khép lại, Boumerine đã lại chuông gọi Landoire.

- Hãy đi báo với phu nhân Bonaparte rằng tôi có tin vui muốn cho bà biết. Nhưng vì tôi không dám bỏ phòng làm việc khi chỉ có một mình, tôi chỉ có một mình anh nghe rõ chưa Landoire, nên phiền bà đến gặp tôi.

Thấy Boumerine quả quyết là tin vui, Landoire vội chạy về phía cầu thang.

Tất cả mọi người, bắt đầu bằng Bonaparte, đều yêu quý Joséphine

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 3
Đồng đảng Jéhu

Lần đó, không phải là lần đầu tiên Bonaparte gắng vãn hồi cho phe Cộng hoà và thiết lập mối liên kết mong manh với tướng Cadoudal.

Có một việc đã xảy đến với ông sau chuyến trở về từ Ai Cập. Chuyện ấy đã để lại trong ông một kỷ niệm sâu sắc và còn tiếp diễn mà chúng ta sẽ biết sau đây:

Ngày 17 Vendemieire năm thứ VIII (tức ngày 9/10/1799) như chúng ta đều biết, Bonaparte đã trở về và cập bến ở Frejus chưa đến 40 ngày dù ông vừa về từ Alexandrie.

Ông nhanh chóng lên xe cùng người tuỳ tùng tin cẩn Roland de Montrevel để trở về Paris.

Khoảng bốn giờ chiều hôm đó ông đã đến Avignon, cho dừng xe cách cửa Oulle năm chục bước trước lâu đài Palais-Egalité (vừa đổi lại tên về với tên vốn có từ đầu thế kỷ XVIII là Palais-Royal). Ông vội vã bước xuống trong nhu cầu chung của mọi người phải thoả mãn vào khoảng từ bốn đến sáu giờ chiều hàng ngày, đó là ăn bữa tối dù ngon hay dở.

Ông chủ khách sạn không nhận thấy điểm gì đặc biệt của Bonaparte ngoài bước đi dứt khoát giọng nói trầm, hỏi ông muốn ăn riêng hay ngồi chung ở phòng ăn.

Bonaparte suy nghĩ một lát. Vì vừa đặt chân về Pháp nên ông chưa được mọi người biết nhiều, người ta cứ ngỡ ông còn đang ở Ai Cập. Với bộ quần áo thông dụng thời bấy giờ mà ông và viên sĩ quan tuỳ tùng đang mặc cộng với ý muốn được mắt thấy tai nghe tình hình ở đây nên ông không sợ bị nhận ra. Vả lại, ăn ở phòng ăn chung sẽ nhanh hơn nên ông quyết định ăn tại đây.

Rồi quay sang người đánh xe, dặn dò:

- Một tiếng nữa phải thắng ngựa vào xe cho tôi đấy.

Ông chủ khách sạn dẫn đường cho những vị khách mới đến ngồi vào bàn của họ. Hai chàng trai trẻ gồm Bonaparte chỉ độ hai chín hay ba mươi và Roland hai mươi sáu tuổi ngồi xuống chiếc bàn tách biệt với những thực khách khác bằng một lối đi nhỏ.

Bất cứ ai trong số có mặt hôm đó đều có một cảm giác đặc biệt trước hai thanh niên ấy. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía họ khiến trong chốc lát, họ trở thành tâm điểm chú ý.

Mọi người ở đây vốn vẫn là khách quen tới ăn hay trọ, một số đi từ Marseille đến Lyon bằng xe ngựa, một thương lái buôn rượu vang từ Bordeaux đến Avignon thì lưu lại với một số lý do mà chúng ta sẽ biết sau này.

Dáng vẻ của hai người mới kia khác hoàn toàn với họ khiến sự tò mò của họ tăng gấp đôi. Tuy quần áo mặc giống nhau, ủng cao, quần chẽn ngắn, đuôi áo dài và mũ rộng vành, dù xuất hiện trước dáng vẻ bình đẳng nhưng người đi sau vẫn có điểm khác biệt không phải bởi tuổi tác mà do vị thế xã hội thấp hơn. Ngoài ra, anh ta gọi người đi trước là công dân trong khi ông gọi người đi cùng chỉ bằng tên Roland.

Cũng giống như các trường hợp tương tự, sau những phút lạ lẫm, tò mò những ánh mắt rời khỏi họ và tiếp tục trở lại câu chuyện đang dở dang.

Họ nói về một chủ đề đáng chú ý đối với hai thanh niên đó là phản ứng của phe cách mạng trước lời đề nghị mới được đưa ra của chế độ quân chủ. Khách hàng tự do nói về một cuộc phục quyền của triều đình Bourbon, một việc không thể trì hoãn thêm sáu tháng. Chuyện này sẽ nằm ngoài tầm tay Bonaparte vì ông vẫn ở Ai Cập. Lyon, một trong những thành phố không thể chịu đựng hơn trong suốt cuộc cách mạng của phe Cộng hoà đã tất yếu trở thành lò mưu phản.

Do đó, sẽ có một chính phủ lâm thời có chính quyền hoàng gia, bộ tham mưu cũng của hoàng gia và quân đội cũng của hoàng gia.

Ai cũng biết, việc trả chi phí cho quân đội để duy trì cuộc chiến liên tục ở Vendée và Morbihan khiến phe Bảo hoàng phải tốn tiền, rất nhiều tiền. Nước Anh có thể chu cấp thêm nhưng không khả quan lắm. Mặt khác một mình phe Cộng hoà cũng phải chiến đấu với không chỉ một kẻ thù. Đã vậy

thay vì liến hành thoả hiệp một cách khó khăn với phe Cộng hoà, một việc dễ sẽ bị bác bỏ, phe Bảo hoàng lại tổ chức những băng đảng chuyên đi thúc thuế và tấn công xe tiền ngân khố nhà nước.

Những dư luận đạo đức thời đó coi đây không phải là vụ trộm cắp hay hành động thông thường mà là việc ăn cướp ngân quỹ quốc gia.

Một trong những băng đảng ấy hành động ngay trên tuyến đường Lyon - Marseille. Đúng lúc hai vị khách trẻ ngồi vào bàn ăn, bên ngoài cũng có một vụ chặn xe chở khoảng sáu mươi nghìn phăng của chính phủ, việc bắt bớ diễn ra ngay giữa thanh thiên bạch nhật trên đoạn Marseille - Avignon, giữa phố Lambesc và Pont-Royal. Đám kẻ cướp, nếu người ta có thể gọi các nhà quý tộc như vậy, không hề giấu giếm người đánh xe mang tiền đi đâu. Tiền sẽ được chuyển qua nước Pháp bằng những phương tiện chắc chắn đến Bretagne nơi chiến tuyến của quân đội tướng Cadoudal.

Tất cả những chuyện đó đều mới mẻ, kỳ lạ và hầu như khó tin với Bonaparte và Roland, những người đã xa nước Pháp hai năm. Điều này cũng khiến các tầng lớp xã hội dưới sự lãnh đạo của chế độ Đốc chính không khỏi có sự chấn động. Sự việc xảy ra ngay trên con đường mà hai người vừa đi qua. Người kể lại là nhân chứng sống của cảnh tượng ấy. Ông ta là lái buôn rượu vang từ Bordeaux bị chặn từ hôm qua.

Người lấy làm lạ trước những chi tiết câu chuyện nhất ngoài hai chàng trai đi xe ngựa, Bonaparte và Roland đang mải chăm chú nghe kia còn có những khách qua đường khác. Đám khách là dân địa phương thì quen với những chuyện như vậy đến nỗi họ có thể kể thêm chi tiết khác thay vì lắng nghe.

Thương gia buôn rượu vang trở thành tâm điểm chú ý. Ông ta tỏ vẻ lịch thiệp trả lời hết mọi câu hỏi đưa ra.

- Này công dân - Một người đàn ông to béo ngồi đối diện một phụ nữ cao, gầy, khô đét đang run tái người ngỡ như nghe thấy tiếng xương va vào nhau răng rắc cất tiếng hỏi - Có thật ngài vừa đi qua đoạn đường xảy ra vụ cướp không?

- Đúng vậy, giữa Pont-Royal và Lambesc, ngài có biết chỗ giao nhau của hai quả đồi nơi có nhiều đá nhô lên không?

- Ồ phải rồi - Người phụ nữ nói và níu chặt tay chồng. Tôi biết chỗ đó, em

đã bảo anh, chắc anh còn nhớ chứ, chỗ ấy rất khó đi. Tôi thích qua đó vào ban ngày hơn là ban đêm.

- Ôi thưa phu nhân - Một thanh niên như muốn cố tình nhấn đến yếu tố thời đại qua việc dùng từ ngữ của chốn cung đình - Phu nhân biết thừa rằng với Bạn đồng hành của Jéhu thì ngày hay đêm đâu quan trọng gì.

- Đúng vậy - Người buôn rượu nói - Giữa ban ngày ban mặt, khoảng mười giờ sáng thì chúng tôi bị chặn lại.

- Chúng có bao nhiêu tên? - ông béo hỏi.

- Bốn tên.

- Chúng chờ sẵn dưới đường à?

- Không, chúng phi ngựa đuổi theo, vũ khí đầy người và đeo mặt nạ.

- Thói quen của họ đấy - Người thanh niên nói - Có phải sau đó họ nói: *Đừng chống lại, vô ích, như thế ngươi sẽ không sao, chúng ta chỉ cần tiền của chính phủ thôi*, đúng không?

- Không sai một từ nào, công dân ạ.

- Phải rồi - Người thanh niên nói tiếp ra vẻ biết rất rõ - Hai người nhảy xuống ngựa, nắm dây cương cho đồng bọn rồi buộc lái xe giao tiền.

- Này công dân - ông béo nói đầy ngưỡng mộ - Anh kể chuyện cứ như thật ấy.

- Có thể anh đây có mặt trong số đó cũng nên - Roland nói.

Người thanh niên quay phắt sang phía Roland rồi nói:

- Tôi không biết liệu có phải anh cố tình mất lịch sự với tôi hay không, chúng ta sẽ nói với nhau về cái đó sau, nhưng dù sao tôi cũng cho anh hay quan điểm của mình, trừ trường hợp anh cố ý nhục mạ tôi, tôi không coi sự nghi ngờ của anh như sự khiêu khích. Có điều, mười giờ sáng hôm qua, khi sự việc diễn ra, tôi đang ăn trưa gần đó giống như tôi đang ăn cùng quý vị đây.

- Vậy khi đó các vị có bao nhiêu người? - Lần này Roland quay sang hỏi người buôn rượu.

- Chúng tôi có bảy người, ba phụ nữ.

- Không kể người đánh xe à? - Roland hỏi tiếp.

- Dĩ nhiên.

- Với tám người, các vị để bốn tên cướp lột mất va ly? Tôi thật khen ngợi các vị đấy - Roland nói.

- Chúng tôi biết mình tiếp xúc với ai - Người lái buôn nói - Và chúng tôi không có nghĩa vụ chống lại.

- Sao cơ? - Roland kêu lên - Các vị tiếp xúc với bọn vô lại, bọn trộm cướp ngay giữa đường cái quan sao?

- Không hề, vì chúng có xưng tên.

- Chúng xưng tên à?

- Chúng nói: "Bọn ta không phải là quân cướp, chúng ta là những người bạn đồng hành của Jéhu. Các vị phản công vô ích, thưa quý ông, quý bà, xin đừng sợ".

- Đúng thế - Người thanh niên ban nãy lại nói - Họ có thói quen báo trước để không bị khinh rẻ.

- Ái chà - Roland chen vào trong khi Bonaparte vẫn im lặng - không biết công dân Jéhu là ai mà lại có bạn đồng hành lịch sự thế. Hay đó là chỉ huy của chúng?

- Thưa ngài - Một người đàn ông mặc quần áo giống như thầy tu, nhìn giống dân bản địa và là khách quen của khách sạn nói - Nếu ngài chú tâm thì trong kinh thánh đã nói Jéhu đã chết cách đây hai nghìn sáu trăm năm, do vậy, ông ta không thể chặn xe giữa đường cái được.

- Thưa cha - Roland nói - Dù giọng điệu của cha hơi quá nhưng tôi vẫn thấy

cha là người hiểu biết vậy dám xin hỏi nếu như Jéhu đã chết cách đây hai nghìn sáu trăm năm thì ai vinh dự có được những người bạn đồng hành cùng người mang tên Jéhu này thế.

- Thưa ngài - Vị cha xứ đáp bằng giọng lảnh lót như cũ - Jéhu là vua Israel được phong thánh vì đã trừng phạt tội phạm tại Achab và Jézabel, và đã khép tội chết những thầy tu dòng Baal.

- Xin cảm ơn lời giải thích của cha - Viên sĩ quan vừa nói vừa cười - Tôi không nghi ngờ điều đó, chỉ có điều tôi không thấy nó liên quan đến chuyện này.

- Cái gì? Anh không hiểu Jéhu chính là S. M. Louis XVIII sẽ được sắc phong vì trừng phạt bọn tội đồ phe Cộng hoà sao? Giết thầy tu dòng Baal nghĩa là quân Girondin, Cordelier, Jacobin, Thermidor, tất cả những ai tham gia vào cái nhà nước tồi tệ trong suốt bảy năm qua, cái mà người ta gọi là cách mạng ấy!

- Úi chà! - Roland thốt lên - Tôi bắt đầu hiểu rồi, nhưng trong số những đồng hành cùng Jéhu chiến đấu, ngài có cho rằng họ là những binh sĩ đã đánh đuổi quân xâm lăng khỏi biên giới nước Pháp và những tướng tá lừng danh đã từng chỉ huy quân đội ở Tyrol, Sambre-Meuse và Italia không?

- Thì chính họ chứ ai và không ai khác cả.

Đôi mắt Roland quắc lên, hàm bành ra, đôi môi mím chặt Anh đứng phắt dậy nhưng người đi cùng đã kéo áo buộc anh ngồi xuống. Từ "nực cười?" suýt nữa buột khỏi miệng Roland.

Bằng một giọng điềm tĩnh, người vừa thể hiện quyền lực với Roland mới cất giọng lần đầu.

- Thưa công dân, hãy thứ lỗi cho hai người vừa từ cùng trời cuối đất trở về, hai người đã rời nước Pháp cách đây hai năm, họ vốn không biết chuyện gì đang diễn ra và muốn được biết một số điều.

- Các vị muốn biết gì? - Người thanh niên ban nãy hỏi và không tỏ vẻ quan tâm về hành động của Roland vừa rồi.

- Tôi cho rằng - Bonaparte nói - Dòng tộc Bourbon đã hoàn toàn chấp nhận

bị lưu đầy, tôi nghĩ cảnh sát có cách không để quân trộm cướp hoành hành trên đường cái quan và cuối cùng tôi cho rằng tướng Hoche sẽ mang lại hoà bình trên chiến tuyến Wendée.

- Nhưng ngài từ đâu đến? Từ đâu đến thế? - Người thanh niên phá lên cười.

- Tôi đã nói rồi, từ cùng trời cuối đất.

- Thôi được, ngài sẽ hiểu ngay thôi: Nhà Bourbon không giàu. Họ bị bán hết tài sản và cháy túi. Không thể trả tiền cho hai đội quân ở miền Tây và lập một đội quân vừa ở miền núi Auvergne mà không có tiền. Vậy là họ, những người đồng hành của Jéhu trở thành những người thu thuế cho triều đình bằng cách chặn xe và lấy két. Hãy đi hỏi Charette, Cadoudal và Teyssonnet thì biết.

- Nhưng liệu quân Jéhu có phải chỉ muốn tiền của chính phủ hay không... - Người buôn rượu dè dặt hỏi.

- Chỉ tiền của chính phủ, không lấy tiền của ai.

- Như thế đâu có đúng, mới hôm qua họ còn lấy của tôi hai trăm đồng *louis* thì sao?

- Thưa quý ông - Chàng trai trê trả lời - Đó là một sự nhầm lẫn một sự nhầm lẫn rõ ràng như tên tôi là Alfred de Barjol, khoản tiền này sẽ được trả lại cho ngài nay mai thôi.

Người đàn ông buôn rượu thở dài và lắc đầu vì dù cho anh thanh niên kia quả quyết, ông vẫn còn nghi ngờ.

Đúng lúc đó, sau khi chàng thanh niên quý tộc vừa cam kết xong, thì một con ngựa phi nước đại dừng trước khách sạn. Người ta nghe thấy tiếng bước chân trong hành lang rồi cửa phòng ăn bật mở, một người đàn ông bịt mật, vũ khí đầy mình xuất hiện trước ngưỡng cửa.

Tất cả ánh mắt đổ dồn vào anh ta.

- Thưa các quý ông - Người này cất tiếng trong sự im lặng của cả phòng ăn - Trong số các vị có ai tên là Jean Picot đã đi chiếc xe ngựa bị những người đồng hành của Jéhu chặn đoạn giữa Lambesc và Pont-Royal không?

- Có! - Người lái buôn đáp với vẻ ngạc nhiên.

- Chắc đó là ngài? - Người đàn ông bịt mặl hỏi.

- Chính là tôi đây.

- Ngài không mất gì chứ?

- Có, người ta đã lấy hai trăm louis mà tôi đã gửi bác đánh xe.

- Tôi cũng nói thêm rằng ông đây vừa nhắc đến chuyện đó và coi đó là của đã mất - Alfred de Barjol nói xen vào.

- Quý ngài nhầm rồi - Người lạ bịt mặt nói. - Chúng tôi chỉ tuyên chiến với chính phủ chứ không phải với dân thường. Chúng tôi là phe phái chính trị chứ không phải kẻ trộm cướp. Đây là hai trăm đồng *louis* thưa ngài. Nếu còn chuyện nhầm lẫn này xảy ra, xin hãy hỏi đến cái tên Morgan.

Vừa dứt lời, người bịt mặt đặt túi những đồng vàng phía bên phải người lái buôn, chào theo kiểu quý tộc và đi ra để lại sự sợ hãi cho một số người, số khác sững sờ vì sự trùng hợp kỳ lạ.

Đúng lúc đó, người ta báo cho Bonaparte biết ngựa đã chuẩn bị xong. Ông đứng dậy rồi bảo Roland trả tiền.

Roland đi về phía ông chủ khách sạn trong khi Bonaparte ra xe. Nhưng khi trở lại chỗ Bonaparte, Roland bị Alfred de Barjols chặn lại:

- Xin lỗi ngài - Người thanh niên hỏi - Hồi nãy ngài định nói một câu nhưng lại thôi, tôi muốn biết lý do được không?

- À, lý do khiến tôi gọi ngài là kẻ nực cười rất đơn giản. Người di cùng tôi đã kéo áo ra hiệu cho tôi, vì không muốn làm ông ấy phiền lòng nên tôi bỏ ý định.

- Nếu ngài có ý định nói tôi như vậy, liệu tôi có thể thấy nó được thực hiện hay không.

- Nếu điều đó khiến ngài thoải mái.

- Tôi thấy thoải mái khi có cơ hội làm ngài vui lòng.

- Thưa ngài - Roland nói - chúng tôi đang rất vội như ngài thấy đấy nhưng tôi sẵn lòng đi sau một tiếng nếu ngài cho rằng một giờ đủ để dốc hết bầu bất hoà giữa chúng ta.

- Một giờ là đủ, thưa ngài.

Roland ra hiệu chào rồi chạy lại xe.

- Này, cậu đánh nhau đấy à? - Bonaparte hỏi.

- Tôi không thể làm khác, thưa tướng quân - Roland trả lời - Nhưng địch thủ của tôi có vẻ rất dễ tính, chúng tôi chỉ mất khoảng một tiếng thôi. Tôi sẽ đi ngựa đuổi theo sau khi xong việc, chắc chắn tôi sẽ đuổi kịp ngài trước khi đến Lyon.

Bonaparte nhún vai.

- Thật bướng bỉnh - ông nói rồi chìa tay cho Roland - Chí ít cũng đừng để hắn giết cậu, tôi cần cậu ở Paris.

- Xin tướng quân cứ yên tâm, từ Valene đến Viên, tôi sẽ sớm cho ngài biết tin thôi.

Bonaparte lên đường.

Cách Valence nửa dặm, ông đã nghe tiếng vó ngựa. Ông cho xe dừng lại.

- A, Roland đấy à? Hình như mọi việc đều tốt đẹp?

- Vâng tốt đẹp - Roland nói và trả ngựa.

- Các cậu đánh nhau chứ?

- Vâng thưa tướng quân.

- Bằng gì?

- Bằng súng lục.

- Và?

- Tôi đã giết anh ta, thưa tướng quân.

Roland lên xe ngồi gần Bonaparte. Chiếc xe lại liếp tục lên đường.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 4
Con trai ông chủ cối xay

Bonaparte cần Roland ở Paris để giúp ông làm cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire. Sau khi cuộc cách mạng hoàn thành, Bonaparte nhớ lại chuyện đã xảy ra trong phòng ăn ở Avignon. Ông quyết định truy diệt đến cùng những kẻ đồng hành cùng Jéhu. Ông giao cho Roland toàn quyền vụ này.

Chúng ta sẽ biết người phụ nữ trả thù và bốn chỉ huy bị rơi vào tay Roland trong trận chiến kinh hoàng ra sao và vì lý do gì họ lại nổi tiếng trong phần sau của cuốn sách này. Còn bây giờ hãy nói đến nhiệm vụ trước mắt Roland. Roland chiến thắng trở về Paris. Nhiệm vụ giờ đây của anh ta không phải đi bắt Cadoudal, người ta biết điều này bất khả thi, mà là hợp tác với ông ta vì nền Cộng hoà.

Roland lại ra đi. Đến Nantes, anh báo tin về. Đi tiếp đường La Roche-Bemard, tại đây, anh báo tin về lần nữa rồi đến làng Muzillac, thủ phủ của Morbihan, cách Vannes 22 km về phía đông, Cadoudal đang ở đó.

Chúng ta hãy thử vào làng trước Roland, lại gần túp lều thứ tư bên phải lối vào, hãy dán mắt qua khe cửa và nhìn thật kỹ.

Trước mặt chúng ta là một người đàn ông mặc quần áo giống như một phú nông ở Morbihan chỉ có điều, nó gắn thêm một dải màu vàng rộng bằng ngón tay thêu hình vòng, nhiều khuy trên áo và chóp mũ. Quần áo làm bằng vải ga màu xám cổ xanh.

Trên ghế có một thanh đòn kiếm, trên bàn có hai khẩu súng.

Cạnh lò sưởi, những khẩu pháo hai, ba nòng hắt ánh lửa đỏ rực.

Ông ta đang ngồi trước cái bàn có hai khẩu súng. Một ngọn đèn soi sáng khuôn mặt và mớ giấy tờ ông đang chăm chú đọc.

Đó là một khuôn mặt của người trạc ba mươi, nét mặt lộ rõ sự thẳng thắn tươi vui, mái tóc vàng bao lấy khuôn mặt, đôi mắt xanh mở to hoạt bát khi ông ta cười, đôi hàm răng trắng muốt lộ ra đều tăm tắp.

Người đàn ông này, giống như Du Guesclin, có cái đầu to và tròn. Chính vì vậy cái. tên *tướng đầu tròn* nổi tiếng hơn là cái tên Georges Cadoudal.

Georges là con trai của một chủ cối xay hạt Kerléano. Vừa tốt nghiệp xuất sắc ở trường Vannes thì những lời hiệu triệu khởi nghĩa vang khắp miền Vendée. Cadoudal hưởng ứng lời kêu gọi, tập hợp bạn bè, vượt qua sông Loire, lần đầu gia nhập đội quân của Stofflet.

Stofflet trước đây làm nghề canh gác vùng cấm săn của ngài Maulevrier và là người rất có định kiến. Ông ta không thích dân quý tộc lại càng ghét tư sản nên trước khi nhận Cadoudal, ông ta muốn phải mắt thấy tai nghe Cadoudal thể hiện.

Ngay hôm sau, Cadoudal vào cuộc. Khi nhìn ông bắn quân Xanh không nao núng, không trượt mục tiêu, Stofflet nói với ông BonChamps cạnh mình:

- Nếu không viên đạn nào mang cái đầu tròn này di thì cái đầu này sẽ tiến xa cho mà xem.

Thế là từ lúc đó biệt hiệu đầu tròn gắn với ông. Georges chiến đấu ở Vendée rồi đến tận cuộc tháo chạy ở Savenay, khi mà một nửa quân sĩ còn trên chiến trận, số còn lại đổ gục như ngả rạ.

Sau ba năm chiến đấu phi thường, nổi tiếng gan dạ, ông trở lại Morbihan. Về đến quê hương, Cadoudal tự xây dựng đội quân của mình. Trở thành tướng quân được quân sĩ yêu mến, tuân lệnh, trung thành. Ông đã chứng minh cho lời tiên đoán của Stofflet, ông kế tiếp các tướng La Roche-Jacquelein, Elbée, BonChamps, Lescure, Charette và ngay cả Stofflet. Ông chiến thắng vinh quang hơn họ, mạnh hơn họ vì ông gần như là người duy nhất còn chống lại chính phủ của ngài Bonaparte, người mới trở thành Tổng tài được hai tháng và đang sẵn sàng đi Marengo.

Cách đây ba ngày, Cadoudal được tin tướng Brune, người thắng trận ở Alkmaar và Castricum, người cứu nước Hà Lan được thăng chức tướng quân. Tổng chỉ huy trưởng quân đội Cộng hoà miền Tây đã về đến Nantes và bằng mọi giá phải hạ ông, và quân Bảo hoàng của ông.

Về phần mình, bằng mọi giá ông cũng phải chứng tỏ mình không sợ hãi và sự gan dạ sẽ là vũ khí cuối cùng sử dụng để chống lại tướng Brune.

Trong lúc đang mải nghĩ xem phản ứng quân Cộng hoà sẽ như thế nào thì ông ngẩng đầu lên: hình như có tiếng ngựa phi nước đại đến. Kỵ sĩ là quân nhà vì anh ta dễ dàng đi qua các trạm gác mọc san sát từ La Roche-Bemard đến Muzillac. Viên kỵ sĩ dừng chân trước lều nơi Georges chờ trước lối vào.

- A! Branche-d Or - Cadoudal hỏi - Cậu từ đâu về thế?

- Từ Nantes, thưa tướng quân.

- Có tin gì không?

- Một sĩ quan tuỳ tùng của tướng Bonaparte đi với tướng Brune được giao nhiệm vụ đặc biệt gặp ngài.

- Gặp tôi?

- Vâng.

- Cậu biết tên anh ta chứ?

Roland de Montrevel.

- Cậu đã thấy anh ta chứ?

- Rõ như tôi thấy ngài vậy.

- Đó là người thế nào.

- Một chàng trai trẻ đẹp khoảng hai sáu hoặc hai bảy tuổi.

- Khi nào anh ta đến?

- Chắc sau tôi một hai tiếng.

- Cậu đã ra lệnh cho lính gác rút lui chưa?

- Rồi, anh ta sẽ đi lại dễ dàng.

- Quân Cộng hoà đang ở đâu?

- Ở La Roche-Bemard.

- Có bao nhiêu?

- Khoảng gần một nghìn.

Đúng lúc đó lại có tiếng vó ngựa vang lên.

- Ồ- Branche-d Or nói - Đã là anh ta ư? Không thể thế được!

- Không đâu, hình như người này đến từ phía Vannes.

Kỵ sĩ thứ hai bước vào như người thứ nhất, Cadoudal nhận ra anh ta.

- Coeur- de-Roi đó ư?

- Vâng, thưa tướng quân.

- Cậu từ đâu đến vậy?

- Từ Vannes nơi tướng quân phái tôi đến để canh chừng quân Xanh.

- Thế à họ sao rồi?

- Họ đang sắp chết đói. Để thu nhiều quân lương hơn, tướng Harty định đêm nay cướp kho Grand-Champ. Đích thân hắn sẽ chỉ huy, đội quân này chỉ có một trăm lính.

- Cậu có mệt không?

- Không bao giờ, thưa tướng quân.

- Còn ngựa của cậu?

- Nó sẽ mệt nhanh nhưng cũng phải bốn dặm nữa, chỉ cần hai tiếng nghỉ ngơi.

- Cho hai tiếng nghỉ và gấp đôi khẩu phần cỏ.

- Sẽ như vậy, thưa tướng quân.

- Trong hai tiếng nữa, anh sẽ xuất phát, hãy truyền lệnh của ta phái người đi cứu Grand-Champ ngay trong ngày.

Cadoudal ngừng lại để nghe ngóng.

- Lần này chắc là hắn. Ta nghe tiếng ngựa từ phía La Roche-Bemard.

- Là anh ta đấy.

- Anh ta là ai?- Coeur-de-Roi hỏi.

- Một người mà tướng quân đang đợi.

- Thôi các bạn, hãy để tôi một mình - Cadoudal nói - Cậu, Coeur-de-Roi, đến Grand-Champ càng nhanh càng tốt. còn cậu Branche-d Or, tập hợp ba mươi người ra sân cùng tôi để sẵn sàng báo tin đến mọi nơi. Nhắc người chuẩn bị đồ ăn tươm tất cho hai người.

- Ngài đi dâu, tướng quân?

- Không, tôi đón một người, nhưng anh ta sắp đến rồi. Nhanh lên đi đi, đừng để anh ta nhìn thấy anh.

Cadoudal vừa bước qua bậc cửa thì kỵ sĩ đã đi vào sân, dừng ngựa và đưa mắt nhìn quanh lưỡng lự.

- Ông ta ở đây, thưa ngài - Georges nói.

- Ngài muốn nói đến ai vậy? - Kỵ sĩ hỏi.

- Người ngài cần tìm.

- Sao ngài đoán là tôi đang tìm một ai đó?

- Chuyện ấy dễ thấy thôi.

- Thế tôi tìm ai?

Georges Cadoudal:

- Không khó đoán đâu.

- Thế sao? - Người đàn ông trẻ ngạc nhiên.

Anh ta nhảy xuống ngựa loay hoay từn chỗ buộc dây cương.

- Cứ quàng dây lên cổ nó - Cadoudal nói - Lúc nào cần, ngài sẽ có nó, đừng lo. Ở Bretagne, không mất cái gì đâu vì ngài đang đứng trên đất của hoàng gia - Rồi chỉ tay vào phía cửa, anh ta nói tiếp - Cho phép tôi có vinh dự đón ngài trong tệ xá thanh đạm này, thưa ngài Roland de Montrevel. Đêm nay, chúng tôi chỉ có điện này để đón ngài thôi.

Khi chủ nhà gọi mình là Roland, vị khách không thể giấu nổi sự ngạc nhiên dù đã rất cố gắng tự chủ. Qua Georges, qua ngọn lửa đèn vừa châm, qua những gì quanh phòng, anh ta cố công vô ích đoán xem làm sao Georges đã được biết chuyện này.

Tuy nhiên, Roland cũng không tò mò quá, anh ngồi xuống ghế mà Cadoudal vừa chỉ.

- Đây là tổng hành dinh của các vị sao? - Roland hỏi.

- Đúng thế, thưa ngài.

- Tôi thấy nó có vẻ được canh gác thật đặc biệt - Roland nói và nhìn quanh.

- Ngài nói thế vì dọc dường từ La Roche-Bemard đến đây, ngài không gặp một ai chứ gì?

- Không một con mèo.

- Điều đó không có nghĩa là tuyến đường không có trạm gác - Georges vừa nói vừa cười.

- Thật lòng vẫn có lũ chim cú canh gác và hình như chúng bay từ cây này

sang cây khác để dõi theo bước tôi.

- Đúng đấy! - Cadoudal đáp - Đó là những thành luỹ của chúng tôi, những thành luỹ rất tinh mắt vì chúng hơn hẳn con người có thể nhìn thấy ngay cả trong đêm.

- Nếu tôi không cẩn thận hỏi đường trước ở La Roche-Bemard, có lẽ tôi chẳng gặp được ai để chỉ lối cho tôi đến đây.

- Bất cứ nơi nào, ngài chỉ cần cất tiếng hỏi to: "Georges Cadoudal ở đâu?" thì sẽ có một giọng nói cất lên: "Thị trấn Muzillac, ngôi nhà thứ tư bên phải". Ngài không gặp một ai nhưng thưa đại tá, đã có hơn một nghìn năm trăm người biết ngài là Roland de Montrevel, sĩ quan tuỳ tùng của ngài Tổng tài thứ nhất.

- Nhưng nếu họ biết tôi là sĩ quan tuỳ tùng của ngài Tổng tài, làm sao hơn một ngàn năm trăm người ấy để tôi đi qua?

- Vì họ được lệnh không chỉ để ngài đi qua mà còn giúp đỡ ngài khi cần.

- Vậy là ngài đã biết tôi sẽ đến?

- Không những vậy, tôi còn biết vì sao ngài đến nữa.

- Vậy thì không cần tôi phải nói ra nữa.

- Có chứ, bởi lẽ điều ngài nói làm tôi rất thích nghe.

- Ngài Tổng tài Bonaparte muốn ngài ký hoà ước, nhưng là hoà bình toàn vẹn không phải nửa vời. Ngài Tổng tài đã ký với Đức cha Bemier, với Autichamp, Châtlllon và Suzannet rồi. Ngài Tổng tài thấy ái ngại cho ngài khi chỉ còn một mình ngài. Trước nay, ngài Tổng tài vẫn coi ngài là đối thủ Bảo hoàng gan dạ và bướng bỉnh. Chính vì thế, ngài Tổng tài phái tôi trực tiếp đến thương lượng. Điều kiện hoà bình của ngài là gì?

- Ồ! Rất đơn giản thôi - Cadoudal cười và nói - Chỉ cần Tổng tài nhường ngai vàng cho đức vua Louis XVIII, chịu làm nguyên soái trung tướng, chỉ huy quân đội, tôi sẽ giải giáp và trở thành lính đầu tiên cho ông ấy.

Roland nhún vai.

- Ngài biết điều đó là không thể. Ngài Tổng tài đã từ chối lời đề nghị này trước đây rồi. Thế thì tôi buộc phải tiếp chiến thôi.

- Bao giờ?

- Đêm nay. Ngài đến đây để dự cảnh này còn gì.

- Nhưng ngài biết rằng tướng Autichamp, Châtillon, Suzannete Và Đức cha Bemier cũng đã giải giáp rồi chứ?

- Họ là người miền Vendée, nhân danh Vendée, họ có thể làm gì mà họ muốn. Còn tôi là người Bretagne và là quân Bảo hoàng nhân danh người Bretagne và phe Bảo hoàng, tôi có thể làm bất cứ điều gì tôi muốn.

- Nhưng cuộc chiến này sẽ kết thúc bằng việc ngài hành hạ xứ sở của mình, phải không tướng quân.

- Đây là một cuộc tử vì dạo, tôi đã kêu gọi người Cơ đốc và người của hoàng gia.

- Tướng Brune đang ở Nantes, với hơn tám ngàn tù binh Pháp do Anh vừa trả về...

- Đó là may mắn của các vị đâu phải của chúng tôi, thưa đại tá. Quân Xanh đã dạy chúng tôi đừng bắt tù nhân. Còn về số lượng chúng tôi không có thói quen sợ đông, đó chỉ là chi tiết mà thôi.

- Nhưng chắc ngài cũng biết rằng nếu tướng Brune có tám nghìn tù binh cộng với hai mươi ngàn lính từ tướng Hédouvllle mà chưa đủ ngài Tổng tài sẽ điều thêm một trăm nghìn binh lính nếu cần để san phẳng các vị.

- Chúng tôi rất biết ơn về sự đánh giá cao mà các vị dành cho - Cadoudal nói - chúng tôi sẽ cố gắng chứng tỏ mình xứng đáng chiến đấu với các ngài.

- Họ sẽ thiêu rụi các thành phố của ngài.

- Chúng tôi sẽ rút về lều.

- Họ cũng sẽ đốt các làng mạc.

- Vậy thì chúng tôi sẽ sống trong rừng.

- Ngài hãy suy nghĩ kỹ, thưa tướng quân.

- Hãy cho tôi hân hạnh được tiếp ngài hai mươi tư tiếng và ngài sẽ biết suy nghĩ của tôi.

- Nếu tôi chấp thuận?

- Nghĩa là ngài đã tử tế với tôi đó, đại tá. Chỉ có điều mong ngài đừng đòi quá những gì tôi có thể phục vụ ngài: đó là một mái rơm che đầu, một con ngựa và một giấy thông hành cho phép ngài ra đi.

- Tôi đồng ý.

- Hãy hứa đừng làm gì trái lệnh tôi đưa ra, đừng can thiệp vào những quyết định bất ngờ của tôi.

- Tôi rất tò mò muốn biết ngài làm điều đó như thế nào. Tôi hứa với ngài, tướng quân ạ.

- Trong con mắt của ngài, điều gì vừa diễn ra vậy? - Cadoudal hỏi nhấn.

- Điều gì ư, tôi từ bỏ vai trò diễn viên để rút xuống làm khán giả. Tôi muốn mình có thể nói với ngài Tổng tài rằng tôi đã thấy.

Cadoudal cười.

- Được rồi, ngài sẽ thấy.

Đúng lúc này, hai nông dân khiêng bàn ăn đến. Từ đó toả khói các món súp cải, thịt thỏ, một bình rượu chát mới lấy ở thùng, sóng sánh tràn giữa hai cái ly. Trên bàn bày hai bộ đồ ăn chứng tỏ có chủ ý mời khách.

- Ngài thấy chưa, ngài Montrevel - Cadoudal nói - Người của tôi muốn tôi hân hạnh dùng bữa cùng ngài đấy.

- Họ thật sáng suốt - Roland trả lời - Vì tôi đang đói mềm đây. Nếu ngài không mời, có lẽ tôi phải buộc ngài mời tôi mất.

Viên đại tá trẻ vui vẻ ngồi đối diện với vị tướng phe Bảo hoàng.

- Xin lỗi vì bữa ăn đạm bạc - Cadoudal nói - Tôi không có sơn hào hải vị như các tướng quân của ngài, thêm nữa chúng tôi còn đang đói khát do các ngài cắt nguồn sống của chúng tôi bằng việc treo cổ những nhân viên thu ngân đáng thương. Tôi có thể tranh cãi với ngài về chuyện nạy song tôi biết ngài không dùng mánh khoé cũng như không nói dối. Mọi việc đều diễn ra một cách trung thực, tôi không có gì phải phàn nàn. Thêm nữa, tôi còn phải cảm ơn ngài về khoản tiền các ngài gửi đến.

- Một trong những điều kiện mà tiểu thư Fargas đưa ra để giao cho các anh em là một khoản tiền gửi đích danh cho ngài.

- Ngài Tổng tài và tôi đã ký kết và chúng tôi giữ lời, có vậy thôi.

Candoudal khẽ nghiêng mình, ông ta thấy việc đó diễn ra hết sức tự nhiên. Rồi ông ta quay sang hai người Bretagne vừa khiêng bàn vào.

- Các anh cho chúng tôi ăn món gì kèm với những thứ này, Brisebleu?

- Thịt gà quay, thưa tướng quân.

- Thực đơn cho bữa tối đấy, đại tá Montrevel.

- Thế là cả bữa tiệc rồi. Tôi chỉ e một điều...

- Gì vậy?

- Đồ ăn thì không sao nhưng khi uống...

- À ngài không thích rượn chát chứ gì - Cadoudal nói - Nhưng thật tiếc chuyện này khó đấy. Tôi phải thú thực là chúng tôi chỉ có rượn chát và nước lã thôi.

- Không phải chuyện đó mà là chúng ta uống vì điều gì vậy?

- À ra vậy - Cadoudal vẫn nhã nhặn nói - Chúng ta uống vì bà mẹ chung của chúng ta. Nước Pháp! Chúng ta phục vụ nó vì chưng tư tưởng khác nhau nhưng tôi hy vọng là cùng một tình yêu như nhau.

- Vì nước Pháp. - Cadoudal nói và nâng ly lên.

- Vì nước Pháp. - Roland đáp rồi chạm ly rượn của Georges và cả hai hả hê ngồi xuống ăn món súp rau cải dù người già nhất trong số họ mới trạc ba mươi tuổi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 5
Giăng bẫy

Thiết nghĩ, chúng ta sẽ không thể thoả mãn với ngần ấy miêu tả về con người Georges Cadoudal nếu như ông ta là một nhân vật chính của tác phẩm và chúng ta sẽ không sợ bị lặp chỉ khi chúng ta đã hiểu rõ con người phi thường ấy cũng như biết sự đánh giá cao mà ngài Bonaparte dành cho ông ta.

Chính vì vậy, chỉ qua thực tế, những khả năng của ông ta đối với một kẻ thù mới bộc lộ đó là khả năng ít ỏi biết đến, ngay cả bạn bè của ông ta.

Từ một nhà thờ vang lên tiếng chuông có giai điệu bản thánh ca Ave Manh cũng là lúc Cadoudal sai người dắt ngựa ra.

- Mười một giờ rồi- Cadoudal nói.

- Ngài biết là tôi vẫn nghe theo lệnh ngài - Roland đáp.

- Chúng ta phải đi một đoạn đường sáu dặm. Ngài cần nghỉ không?

- Tôi ư?

- Nếu có, ngài có thể ngủ thêm một tiếng nữa.

- Cảm ơn, tôi không cần.

- Vậy thì chúng ta sẽ đi khi nào anh muốn.

- Người của ông đâu?

- Người của tôi? Họ sẵn sàng rồi.

- Thế họ đâu? - Roland hỏi.

- Ở khắp nơi.

- Lạy Chúa, tôi muốn thấy họ!

- Ngài sẽ thấy họ.

- Nhưng khi nào?

- Khi ngài thấy dễ chịu. Người của tôi là những binh sĩ bí mật, họ chỉ lộ diện khi tôi ra hiệu.

- Tức là khi tôi rất muốn thấy?

- Ngài chỉ việc nói với tôi, tôi sẽ ra hiệu và họ xuất hiện.

Roland mỉm cười.

- Ngài không tin sao? - Cadoudal hỏi.

- Không hề mảy may... Chỉ có điều... Chúng ta đi thôi, tướng quân.

- Ta đi nào!

Hai con người trẻ tuổi khoác áo choàng và bước ra ngoài.

- Lên ngựa thôi - Cadoudal nói.

- Tôi dùng con ngựa nào đây? - Roland hỏi.

- Tôi chắc ngài sẽ yên tâm khi ngày mai trở về bằng con ngựa của mình sau khi nó được chăm sóc và nghỉ ngơi. Chính vậy, hôm nay tôi chọn hai con để chúng ta đi. Ngài dùng con nào cũng được vì chúng khoẻ như nhau: Mỗi con đều có hai khẩu súng sản xuất từ Anh treo trong túi.

- Đã nạp đạn rồi chứ? - Roland hỏi.

- Rất cẩn thận, đại tá ạ. Đó là công việc tôi không tin tưởng ai và luôn tự làm.

- Vậy thì chúng ta lên ngựa thôi - Roland nói.

Cadoudal và Roland trèo lên yên đi về phía Vannes.

Branche-d Or, tham mưu trưởng quân đội, như cách gọi của Georges, đi sau họ chừng hai chục bước còn đội quân của Cadoudal hoàn toàn vô hình. Con đường thẳng hầu như vắng tanh.

Mới đi được khoảng nửa dặm, Roland sốt ruột hỏi.

- Đội quân quỷ quái của ngài đâu?

- Họ ư? Ở bên phải, bên trái, phía trước, đãng sau... khắp nơi.

- Đùa hay thật đấy? - Roland nói.

- Tôi không đùa đâu, đại tá. Ngài nghĩ tôi lại bất cẩn đi lang thang không đèn đuốc giữa đám người dày dạn kinh nghiệm và cảnh giác như đám lính quân đội Cộng hoà các ngài sao?

Roland in lặng một lát cuối cùng vẫn lắc đầu nghi hoặc.

- Ngài nói thì tôi tin, tướng quân ạ, tuy nhiên phải nói là tôi rất muốn thấy họ.

- Ngài muốn thấy tất cả hay một phần.

- Ngài có bao nhiêu quân đi cùng?

- Ba trăm.

- Vậy tôi muốn thấy một trăm năm mươi quân.

- Dừng lại! - Cadoudal hô.

Rồi đưa hai tay lên miệng, ông ta hú như tiếng mèo hoang, sau đó giả tiếng chim cú. Tiếng mèo hoang phía bên phải, tiếng chim cú phía tay trái.

Tiếng kêu vừa dứt, tức thì hai bên đường có những bóng người xuất hiện, họ vượt qua đường hào giữa con đường và vạt rừng thưa hai bên, đến xếp hàng hai bên Cadoudal.

- Ai chỉ huy cánh hữu? - Cadoudal hỏi.

- Tôi, thưa tướng quân - Một nông dân lại gần báo cáo.

- Anh là ai?

- Moustache.

- Ai chỉ huy cánh tả?

- Tôi, Chante-en-Hiver - Người thứ hai lại gần báo cáo.

- Anh chỉ huy bao nhiêu quân, Moustache?

- Một trăm, thưa tướng quân.

Còn anh, Chante-en-Hiver?

- Năm mươi.

- Vậy tổng cộng là một trăm năm mươi.

- Đúng thế - Cả hai đồng thanh trả lời.

- Đủ số ông yêu cầu chưa, đại tá? - Georges quay sang hỏi Roland.

- Ngài đúng là một phù thuỷ.

- Không phải! Tôi chỉ là một gã Bảo hoàng khốn khổ, một gã Bretagne bất hạnh như những người khác. Tôi chỉ huy một đội quân mà mỗi người trong số họ đều hiểu mình đang làm gì và mỗi trái tim đều đập vì hai lẽ: Tôn giáo và nền quân chủ - Rồi quay sang hai viên chỉ huy hỏi - Ai chỉ huy đội tiên phong?

- Fend-l Air - Cả hai cùng đáp.

- Còn hậu quân?

- La Gibeme.

- Vậy chúng tôi có thể yên tâm đi tiếp được chứ?

- Như ngài đi lễ nhà thờ trong làng, thưa tướng quân - Hai viên chỉ huy đáp..

- Chúng ta đi tiếp thôi - Cadoudal nói với Roland. Rồi quay sang quân sĩ của mình - Các anh có thể lui!

Ngay tức khắc họ nhảy qua đường hào rồi biến mất. Trong vài giây, người ta còn nghe những tiếng lá cây sột soạt, những tiếng bước chân sượt qua bụi rậm sau đó thì không gian lại lặng như tờ.

- Thế nào, - Cadoudal nói - Bây giờ ngài có cho rằng tôi còn sợ đám quân Xanh của ngài nữa chăng?

Roland thở dài. Anh ta thầm đồng tình với Cadoudal.

Họ tiếp tục con đường.

Cách La Trinité một dặm, họ thấy một bóng đen to dần. Đột nhiên bóng đen đứng sững lại.

- Cái gì đấy? - Roland hỏi.

- Đó là một người - Cadoudal nói.

- Tôi biết, nhưng là ai mới được?

- Với dáng vẻ vội vàng thế kìa, chắc ngài cũng đoán được đó là giao liên.

- Sao anh ta dừng lại?

- Vì anh ta nhìn thấy ba người đi ngựa. Anh ta không biết nên tiến hay lùi.

- Anh ta sẽ làm gì?

- Chờ xem sao rồi mới quyết định.

- Chờ cái gì?

- Thì tín hiệu chứ gì nữa.

- Anh ta sẽ đáp lại tín hiệu à?

- Không chỉ đáp lại mà còn tuân lệnh. Ngài muốn anh ta tiến, lùi hay nấp sang bên cạnh?

- Tôi muốn anh ta tiến lên. Tôi muốn biết anh ta truyền tin gì.

Viên tướng Bretagne bắt chước tiếng chim cu giống đến nỗi Roland tưởng tiếng chim thật đưa mắt nhìn quanh.

- Là tôi đấy, đừng tìm nữa - Cadoudal nói.

- Anh lính kia sẽ đến chứ?

- Không phải sẽ mà đã đến rồi.

Quả đúng vậy. Người đưa tin chỉ mất vài giây đã đến gần tướng Cadoudal.

Monte-à-l Assaut đấy ư?

Viên tướng cúi xuống Monte-à-l Assaut nói thầm vài câu vào tai anh.

- Tôi đã được Bénédicité báo rồi. - Georges nói.

Sau vài câu trao đổi với Monte-à-l Assaut, Cadoudal bắt chước tiếng chim cu gáy hai lần và một lần tiếng chim cú. Một lát sau, ba trăm quân đã tập trung quanh ông.

- Chúng ta đang đến gần rồi - ông nói với Roland - Chúng ta phải rời đường lớn.

Họ đi qua cánh đồng phía dưới làng Trédion, sau đó sẽ về phía Treméan để lại vannes phía trái. Nhưng thay vì đi vào làng, họ lại tiến đến bìa cánh rừng nhỏ trải dài từ Grand-Champ đến Larré.

Từ lúc họ rời đường cái, binh sĩ tiến sát Cadoudal hơn. Trước khi đi tiếp, ông có vẻ muốn nghe ngóng tin tức.

Một luồng sáng mờ dọi đến từ phía Treméan và Saint-Nolff.

- Đó là những tia sáng bình minh nhưng làn hơi ẩm bốc từ đất lên quá dầy khiến người ta chỉ nhìn được xa khoảng vài chục bước.

Đột nhiên, một tiếng gà gáy cất lên cách đó khoảng năm trăm bước. Georges vểnh tai nghe, số lính Bảo hoàng vừa cười vừa đưa mắt nhìn nhau. âm thanh lại vang lên lần thứ hai, lần này có vẻ gần hơn.

- Là anh ta đấy, hãy đáp lại đi - Cadoudal nói.

Một tràng tiếng hú giống tiếng chó vang lên cách Roland chỉ ba bước. Tiếng bắt chước hoàn hảo đến mức dù Roland đã biết trước vẫn đưa mắt nhìn quanh xem con vật kêu rợn rợn ấy ở đâu.

Cùng lúc đó, người ta thấy một cái bóng động đậy trong lớp sương mù. Cái bóng tiến nhanh về phía Cadoudal. Cadoudal tiến lên ba bước đưa ngón tay lên môi ra hiệu nói khẽ.

- Thế nào, Fleus-d Epine - Cadoudal hỏi - Chúng ta bắt được chúng chứ?

- Như lũ chuột trong bẫy không tên nào thoát về Vannes được nếu ngài muốn, thưa tướng quân.

- Tôi không mong gì hơn. Chúng có bao nhiêu?

- Một trăm tên, do đích thân tướng Harty chỉ huy.

- Bao nhiêu xe?

- Mười bảy.

- Có xa đây không?

- Gần ba phần tư dặm.

- Họ đi theo đường nào?

- Đoạn từ Grand-Champ đến Vannes.

- Phải thế chứ.

Cadoudal gọi bốn trung uý Branche-d Or, Monte-à-l Assaut, Fend-l Air và Gibeme. Khi họ lại gần, ông giao mỗi người một nhiệm vụ. Họ lần lượt bắt chước tiếng chim cú rồi cùng năm mươi lính xuất phát.

Sương mù ngày càng dày đặc. Những toán lính mới đi được vài mươi bước đã mờ đi như những cái bóng.

Cadoudal còn lại hơn trăm quân cùng Fleur-d Epine.

- Này tướng quân - Roland hỏi khi thấy Cadoudal quay lại - Mọi việc đều diễn ra như ý ngài chứ?

Gần như vậy - Cadoudal đáp - Chỉ nửa giờ nữa. ngài sẽ tự mình chứng kiến.

- Chắc không đâu nếu sương tiếp tục thế này.

Cadoudal nhìn quanh.

- Nửa tiếng nữa, sương sẽ tan hết. Nhân nửa tiếng chờ đợi này ngài ăn chút gì và uống vài ly buổi sáng chứ?

- Thưa tướng quân, kỳ thực phải đi suốt năm, sáu tiếng tôi cũng thấy đói - Roland đáp.

- Còn tôi - Georges nói - Thú thật tôi có thói quen trước khi lâm trận đi xa, tôi phải đánh một bữa thật no nê.

- Ái chà! - Roland kêu lên - Các vị sắp đánh nhau sao?

- Tôi đến đây vì thế mà. Do phải đụng độ quân Cộng hoà của các vị và với đích thân tướng Harty nên tôi chắc họ không thể không kháng cự.

- Người phe Cộng hoà có biết họ sắp đánh nhau với ngài không?

- Họ không biết gì cả.

- Các ông đánh tập kích họ sao?

- Cũng không hẳn vì, như tôi đã nói, trong hai mươi phút nữa sương mù tan,

họ cũng nhìn thấy chúng tôi như chúng tôi thấy họ vậy. Này Brise-bleu, anh có gì cho chúng tôi ăn không?

Viên sĩ quan Bảo hoàng này có lẽ chuyên phụ trách quân nhu nên gật đầu rồi lấy rượu và hai giỏ thức ăn. Chỉ trong giây lát, anh này trải chiếc áo khoác xuống đất bày ra một con gà quay, một ít thịt muối, bánh mỹ, bánh đũa, một chai rượu vang cùng một cái ly.

- Ngài thấy chưa - Cadoudal nói với Roland.

Roland không chờ mời mọc thêm. Anh nhảy xuống ngựa, trao dây cương cho một lính Bảo hoàng. Cadoudal cũng làm tương tự.

- Bây giờ - Cadoudal nói với quân sĩ của mình - Các anh có hai mươi phút để làm như chúng tôi. Ai không ăn xong trước hai mươi phút sẽ phải chiến đấu với cái bụng rỗng.

Phải nói rằng mỗi người linh chỉ chờ có thế để lấy từ túi của mình một mẩu bánh mỳ, một cái bánh đũa, một ít thịt gà quay và thịt muối rồi ăn như tướng quân và vị khách nọ.

Vì có một cái ly, nên hai người uống chung. Trời sáng dần trong khi họ ăn uống bên nhau. Nhìn họ giống như những người bạn đang chuẩn bị một chuyến đi săn tập thể.

Như Cadoudal dự báo, càng lúc, sương mù càng tan nhanh, trên đoạn đường từ Grand-Champ đến Plescop, người ta nhìn rõ một dãy xe lương qua vạt rừng thưa. Chúng đứng bất động và ai cũng hiểu đã có vật cản phía trước.

Quả nhiên cách chiếc xe đầu tiên chừng ba phần tư dặm là hai trăm lính Bảo hoàng của Monte-à-l Assaut, Fend-l Air, Chante-en-Hiver và Gibeme đang chặn đón đầu.

Với quân số ít hơn, chỉ chưa đầy một trăm, đội lính phe Cộng hoà đang đứng sát sạt chỉ chờ sương mù tan hẳn để xem quân địch là ai và có bao nhiêu tên.

Vừa nhìn thấy số quân ít ỏi mang quân phục màu xanh da trời bị bao vây bởi lực lượng gấp ba lần, Roland dừng bật dậy trong khi Cadoudal vẫn ung dung ngồi ăn nốt khẩu phần của mình.

Roland chẳng cần nhìn lâu cũng biết quân Xanh thua.

Cadoudal quan sát những sắc thái tình cảm lần lượt thay đổi trên mặt anh ta.

- Thế nào - ông ta hỏi Roland sau một lúc im lặng để cho anh này đánh giá tình hình - Ngài có thấy thế thượng phong của chúng tôi chưa, đại tá?

- Tướng quân, ngài vẫn có thể nói ra sự phòng ngừa của mình cơ mà, việc gì phải thế này - Roland nói kèm theo một nụ cười nhạo.

- Chẳng phải ngài Tổng tài cũng vẫn có thói quen giành lấy ưu thế khi có cơ hội là gì?

Roland cắn môi suy nghĩ.

- Thưa tướng quân - Anh ta nói - Tôi có một diều muốn thỉnh cầu ngài và tôi hy vọng ngài sẽ không từ chối.

- Điều gì vậy?

- Đó là cho phép tôi đi chiến đấu cùng đồng đội của mình.

- Tôi cũng lường trước yêu cầu này - Cadoudal đáp.

- Như vậy là ngài đồng ý? - Roland hỏi mắt sáng lên.

- Đúng, nhưng trước tiên tôi có một yêu cầu - Viên chỉ huy quân Bảo hoàng nói tướng giọng hết sức trịnh trọng.

- Ngài hãy nói đi.

Rồi Roland chờ đợi với phong thái không kém phần nghiêm túc và kiêu hãnh so với Cadoudal.

Một nước Pháp già nua và một nước Pháp trẻ tuổi đang tập trung trong hai con người này.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 6
Cuộc chiến một trăm

Roland đứng im nghe.

- Yêu cầu mà tôi muốn là ngài trở thành sứ giả chuyển lời của tôi đến tướng Harty.

- Với mục đích gì?

- Tôi muốn đề nghị một số điều với ông ta trước khi bắt đầu cuộc chiến.

- Tôi dám hỏi - Roland nói - là trong số những đề nghị mà ngài định nhờ tôi không có đề nghị nào yêu cầu ông ta hạ vũ khí chứ?

- Ngược lại, thưa đại tá. Ngài cũng hiểu tình thế bây giờ rồi đấy.

- Tướng Harty sẽ từ chối - Roland nói và nắm chặt tay lại.

- Có thể - Cadoudal bình thản trả lời.

- Vậy thì sao?

- Thì tôi sẽ cho ông ta lựa chọn hai cách khác để ông ta thoải mái đồng thuận mà không ảnh hưởng đến danh dự và phương hại đến tiếng tăm của mình.

- Tôi có thể biết cách ấy là gì không? - Roland hỏi.

- Ngài sẽ lần lượt biết. Hãy chuyển thật tốt thông điệp đầu tiên đi đã.

- Đó là gì?

- Tướng Harty và một trăm quân của ông ta đang bị bao vây bằng lực lượng đông gấp ba lần, chính ngài cũng biết và có thể nói cho ông ta biết. Tôi sẽ dành cho họ con đường sống nhưng họ phải hạ vũ khí và thề không chống lại miền Vendée hay Bretagne trong vòng 5 năm.

- Thông điệp vô ích - Roland nói.

- Như thế còn hơn bị hạ, cả ông ta và quân của mình.

- Được thôi, nhưng ông ta vẫn thích bị hạ và hạ những người khác cùng với mình hơn.

- Trước tiên, sẽ tốt hơn nếu ngài chuyển lời cho.

- Được thôi, ngựa của tôi đâu?

Người ta dắt ngựa ra Roland lên ngựa phi nhanh về phía đoàn quân bị chặn.

Tướng Harty vô cùng ngạc nhiên khi thấy một sĩ quan mặc quân phục phe Cộng hoà mang lon đại tá đang phi ngựa đến.

Roland đến trước mặt tướng Harty, anh kể vì sao mình lại có mặt trong đám quân Trắng và cuối cùng chuyển lời đề nghị của Cadoudal.

Như Roland tiên đoán, viên tướng từ chối.

Roland lại phi nước đại về phía Cadoudal.

- Ông ấy từ chối - Anh kêu to để Cadoudal nghe được từ xa.

- Nếu thế hãy chuyển lời đề nghị thứ hai của tôi: tướng Harty sẽ cưỡi ngựa ra gặp tôi ở chỗ giữa hai đạo quân. Ông ta có thể mang gươm và súng. Sau đó chuyện sẽ được hai chúng tôi quyết định. Nếu tôi hạ ông ta, quân của ông ta sẽ phải rút lui và năm năm tới không được chống lại chúng tôi, tôi không muốn bắt ai làm tù binh, ngài biết đấy. Còn nếu ông ta hạ tôi, đội quân của ông ta sẽ được mang quân lương cướp được ra đi. Tôi hy vọng với lời đề nghị này, ngài sẽ chấp nhận chứ, đại tá?

- Không cần bàn nữa, tôi chấp nhận - Roland nói.

- Phải rồi, nhưng ngài không phải là tướng Harty. Hãy đảm nhiệm vai trò sứ giả của mình đi. Còn nếu đề nghị này vẫn chưa làm ông ta hứng thú - Nếu tôi ở vị trí của ông ta tôi sẽ không bỏ lỡ đâu - thì ngài hãy quay lại đây, vì tôi là người hào hiệp, tôi sẽ có lời đề nghị thứ ba.

Roland lại phóng ngựa đi. Tướng Halty và đội quân Xanh đang sốt ruột chờ anh quay lại.

- Đại tá - Viên tướng nói - tôi là người chịu trách nhiệm trước ngài Tổng tài, còn ngài là sĩ quan tuỳ tùng của ông ấy. Tôi phiền ngài làm chứng cho tôi khi ngài về Paris. Ở vị trí của tôi, ngài sẽ làm gì? Ý ngài thế nào, tôi theo thế ấy.

Roland khẽ rùng mình. Một biểu hiện nghiêm túc xuất hiện trên gương mặt anh. Anh đang suy nghĩ. Một lát sau, anh nói:

- Thưa tướng quân, tôi từ chối.

- Nói cho tôi biết tại sao. Để tôi xem có trùng với suy nghĩ của tôi không.

- Bởi vì cơ may cho việc đấu súng là năm mươi - năm mươi. Ngài không thể đặt tính mạng của một trăm con người này vào cơ may ấy. Trong trường hợp như thế này, chỉ có chiến đấu hết mình, mọi người đều hết sức để tự cứu mới là thượng sách.

- Đó là ý của anh ư, đại tá?

- Vâng, trên danh dự của tôi.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Hãy mang câu trả lời của tôi đến viên tướng Bảo hoàng đi.

Roland lại nhanh nhẹn trở về phía Cadoudal như lúc trước.

Ông này mỉm cười khi biết câu trả lời của viên tướng phe Cộng hoà.

- Tôi biết mà... - ông ta nói.

- Làm sao ông biết được khi đó là ý của tôi khuyên ông ấy?

- Tuy nhiên ngài cũng đổi ý nhanh đấy chứ, đại tá?

- Đúng vậy. Ngài quả có lý khi nói tôi không phải là tướng Harty. Vậy đề nghị thứ ba là gì? - Roland rốt ruột nói khi nhận ra từ lúc đầu thương lượng

đến giờ, Cadoudal luôn chiếm thế chủ động.

- Đó là lệnh của tôi cho rút bớt quân của mình. Tướng Harty có một trăm quân, tôi cũng chỉ giữ lại một trăm. Các nhà quý tộc, những người Bretagne từ cuộc chiến ba mươi năm đến nay luôn quen đấu một chọi một hoặc một chọi bốn chứ không bốn đánh một. Nếu tướng Harty chiến thắng, ông ta sẽ bước qua xác quân đội về Vannes mà không phải lo số quân còn lại nhảy vào ứng chiến. Còn nếu ông ta thua, ông ta không thể nói chúng tôi ỷ thế đông. Ngài Montrevel, hãy đi đi và ở bên những người bạn của mình. Tôi cho ngài ưu thế hơn chúng tôi về số quân vì chỉ mình ngài cũng bằng mười người của chúng tôi.

Roland ngả mũ.

- Ngài muốn nói điều gì ư? - Cadoudal hỏi.

- Tôi có thói quen chào những ai mà mình cho là vĩ đại, và tôi muốn chào ngài.

- Đại tá - Cadoudal nói - Một ly cuối cùng nhé. Mỗi người trong chúng ta sẽ uống vì điều mình thích, điều mình phải từ giã trên cõi đời này và những gì ta hy vọng tìm lại được trên đời.

Ông cầm chiếc ly duy nhất, rót nửa ly rồi đưa cho Roland.

- Chúng ta chỉ có một chiếc ly. Ngài uống trước đi.

- Tại sao?

- Trước tiên vì ngài là khách của tôi. Sau nữa có một câu châm ngôn nói rằng ai uống sau sẽ đọc được ý nghĩa của người uống trước. Tôi muốn biết ngài nghĩ gì.

Roland uống cạn một hơi rồi trả lại ly cho Cadoudal. Người này cũng uống cạn nửa ly do mình tự rót:

- Thế nào, bây giờ ngài biết tôi nghĩ gì chưa? - Roland hỏi.

- Hãy giúp tôi đi? - Cadoudal vừa nói vừa cười.

- Nếu vậy, suy nghĩ của tôi là ngài là một người can đảm, rộng lượng. Tôi sẽ rất vinh dự nếu trong lúc chiến đấu, ngài chìa tay cho tôi.

Quả thật hai người đang bắt tay nhau, họ như những người bạn sắp chia tay chứ không phải hai kẻ thù sắp lao vào cuộc quyết tử. Những gì vừa diễn ra là một sự vĩ đại giản đơn nhưng cũng đầy chất tráng ca. Sau đó họ chào nhau theo kiểu nhà binh.

- Chúc may mắn! - Roland nói với Cadoudal - Nhưng cho phép tôi được tiết lộ, điều tôi vừa nói là câu nói đầu môi không phải xuất phát từ đáy lòng đâu.

- Chúa phù hộ cho ngài, ngài Montrevel - Cadoudal nói - và tôi cũng hy vọng điều may mắn ngài vừa chúc tôi sẽ trở thành hiện thực vì tôi hoàn toàn nghĩ như vậy.

- Khi nào chúng tôi biết các vị đã sẵn sàng? - Roland hỏi.

- Khi có một phát đạn bắn lên.

- Được rồi.

Roland đáp rồi phi ngựa lần thứ ba về phía khoảng không gian giữa quân Bảo hoàng và quân cách mạng. Trong lúc đó, Cadoudal chỉ tay về phía anh.

- Hãy nhớ kỹ người thanh niên kia. - ông ta nói với quân của mình.

- Vâng thưa tướng quân.

- Hãy thề trên linh hồn cha mẹ các anh rằng mạng sống của anh ta phải được đảm bảo. Các anh có thể bắt anh ta nhưng phải còn sống không để mất sợi tóc nào đấy.

- Tuân lệnh, thưa tướng quân - Người Bretagne đáp gọn.

- Còn bây giờ, hỡi các anh em chiến hữu? - ông cất cao giọng - Hãy nhớ các người là con trai của ba mươi anh hùng đánh gục ba mươi quân Anh các đây chỉ mười dặm! Cha ông ta đã trở thành bất tử với trận chiến Ba mươi, giờ đây chúng ta noi gương họ với trận đấu Một trăm này.

- Bất hạnh thay - ông hạ giọng nói thêm - Lần này không phải chúng ta đánh

nhau với quân Anh mà đánh với những người anh em của mình.

Sương mù đã tan, những tia nắng mặt trời đầu tiền khoác lên miền đồng bằng Plescơp bộ mặt vàng nhạt. Bây giờ người ta có thể quan sát nhất cử nhất động của hai đội quân.

Khi Roland quay về phe Cộng hoà cũng là lúc Branche-d Or phi nước dại tiến lên và chỉ để lại trước mặt tướng Harty và quân Xanh viên chỉ huy Cadoudal cùng một trăm quân Trắng.

Hai toán quân thừa rút về phía Plumergat và Saint-Avé. Con đường trở nên thông thoáng xong việc, Branche-d Or tiến về phía Cadoudal.

- Xin chờ lệnh tướng quân.

- Hãy lấy tám người và theo tôi. Khi anh thấy người thanh niên ban nãy ngã ngựa, các anh hãy xông vào bắt anh ta trước khi anh ta kịp thoát.

- Xin tuân lệnh.

- Chắc các anh biết tôi muốn anh ta bình yên vô sự chứ?

- Vâng, thưa tướng quân.

- Hãy chọn người đi và tuỳ nghi hành động.

- Thế nếu anh ta không chịu im một chỗ?

- Hãy làm sao đừng để anh ta thoát, giữ anh ta đến cuối trận.

Branche-d Or thở dài:

- Như thế thì buồn quá khi phải ngồi một chỗ trong lúc mọi người đang chiến đấu.

- Chúa lòng lành - Cadoudal nói - Hãy đi đi, ai cũng có việc của mình. Nhìn kìa, quân Cộng hoà đã dàn trận rồi. Đưa súng đây!

Cadoudal cầm súng và siết cò từ phía quân Cộng hoà vang lên tiếng trống trận. Cadoudal đứng hẳn trên yên cương nói to:

- Hỡi anh em binh sĩ, tất cả mọi người đã cầu nguyện buổi sáng chưa?

Hầu như mọi người đều đáp "Rồi, rồi!"

- Nếu ai chưa kịp hoặc quên thì hãy cầu nguyện đi.

Năm sáu lính quỳ gối xuống và cầu nguyện.

Tiếng trống càng lúc càng đến gần.

- Tướng quân! Tướng quân! - Nhiều giọng nói sốt ruột vang lên - Chúng đến gần rồi!

Viên tướng dang tay chỉ vào những người linh Bảo hoàng đang quỳ.

- Sắp đến rồi - Những người sốt suốt lại nhắc.

Số lính cầu nguyện lần lượt đứng dậy. Quân Cộng hoà đi được một phần ba khoảng cách giữa hai đạo quân thì người cuối cùng đứng lại. Họ dàn thành ba hàng, mỗi hàng khoảng ba mươi người các sĩ quan đi hậu quân. Roland đi đầu hàng thứ nhất.

Tướng Harty đi giữa hàng quân thứ nhất và thứ hai và chỉ mình ông ta cưỡi ngựa.

Bên phe Bảo hoàng cũng chỉ Cadoudal cưỡi ngựa.

Branche-d Or đã buộc ngựa của mình vào gốc cây để cùng tám người lính thực hiện nhiệm vụ bắt sống Roland.

- Thưa tướng quân: Branche-d Or nói - Mọi người đã cầu nguyện xong cả rồi.

Cadoudal nhìn lại xem đúng không, sau đó ông hô to:

- Tiến lên, dàn quân ra!

Khẩu lệnh vừa dứt, đội quân Bảo hoàng toả ra kèm theo những tiếng hô vang "Đức vua vạn tuế!" Họ dùng một tay vẫy mũ, tay kia lắc súng trường.

Chỉ có điều thay vì đứng sát nhau như quân Cộng hoà, họ toả rộng ra các phía xung quanh Georges, để ông ở trung tâm..

Chờ quân Cộng hoà đến gần hơn, những loạt đạn bắt đầu vãi ra. Hầu như tất cả lính của Cadoudal đều là thợ săn trộm, tức là những tay bắn tỉa thiện xạ. Thêm vào đó, họ được trang bị những khẩu cạc bin của Anh có phần trữ đạn dài gấp đôi loại súng trường thông thường.

Dù quân Bảo hoàng, người nổ súng trước có vẻ xa ngoài tầm dạn nhưng vẫn có vài người ngã xuống, quân Cộng hoà cũng vậy.

- Tiến lên - Tướng Harty hét to.

Lính của ông ta tiếp tục tiến lên thành hàng nhưng vài giây sau, họ không thấy ai trước mặt nữa.

Một trăm lính của Cadoudal đã biến mất. Họ tản ra hai cánh thành những vị trí bắn tỉa. Tướng Harty cứ mải ra lệnh quay phải, quay trái sau đó người ta chỉ thấy ông hô gọn:

- Bắn.

Nhưng không kết quả. Quân Cộng hoà bắn vào những người riêng lẻ trong khi quân Bảo hoàng bắn vào một khối người tập trung.

Roland nhận ngay ra thế bất lợi. Anh nhìn quanh, giữa làn khói anh phát hiện ra Cadoudal đứng im bất động như một pho tượng. Người chỉ huy phe Bảo hoàng đang chờ anh. Roland hét lên rồi lao thẳng về phía Cadoudal.

Về phần mình, để tiết kiệm đoạn đường, Cadoudal phi ngựa đón đầu, song cách Roland năm chục bước, ông ta dừng lại.

- Chú ý đấy! Ông ta nói với Branche-d Or và toán lính.

- Xin tướng quân yên tâm. Chúng tôi đang ở đây - Branche-d Or đáp.

Cadoudal rút súng lục từ hai bên sườn ra nạp đạn còn Roland đưa gươm lên cặp vào nách, cúi thấp người xuống nạp đạn. Khi chỉ còn cách Roland hai chục bước, Cadoudal chầm chậm giang tay chĩa súng về phía anh ta.

Còn chục bước, ông nổ súng.

Con ngựa mà Roland mới trèo lên bị viên đạn găm vào giữa trán. Nó đổ sụp xuống cùng người kỵ sĩ lăn tròn dưới chân Cadoudal. Anh ôm chặt thân ngựa của mình nhảy vượt qua chướng ngại vừa đổ. Branche-d Or và đám lính đã sẵn sàng. Họ chồm lên như bầy báo gấm xông về phía Roland. Roland chưa kịp thả gươm để rút súng thì hai người đàn ông đã ghì chặt tay, người khác kéo chân anh ra khỏi bàn đạp yên cương ngựa. Mọi việc diễn ra nhịp nhàng cứ như đã tập sẵn từ trước.

Roland gào lên giận dữ, Branche-d Or lại gần ngả mũ xuống tay.

- Ta không đầu hàng đâu - Roland kêu to.

- Ngài đầu hàng cũng vô ích, thưa ngài Montrevel - Branche-d Or lịch sự đáp.

- Tại sao? - Roland hỏi lại, mệt mỏi, kiệt sức trong cơn chống trả vô vọng.

- Vì ngài đã bị bắt. Sự thật hiển nhiên không còn gì để nói.

- Thế thì giết ta đi! - Roland kêu lên.

- Chúng tôi không muốn giết ngài.

- Thế các người muốn gì?

- Muốn ngài hứa không tham gia vào cuộc chiến này, như thế chúng tôi sẽ thả ngài ra và ngài được tự do.

- Không đời nào? - Roland cương quyết.

- Xin thứ lỗi thưa ngài Montrevel, Branche-d Or nói - Điều ngài vừa làm là không hợp lẽ.

- Không hợp lẽ! Đồ khốn! Mày chửi tao vì mày biết tao không thể tự vệ cũng không thể trừng trị mày chứ gì?

- Tôi không phải là đồ khốn và tôi cũng không chơi ngài. Chỉ có điều chỉ cần

ngài hứa không tham gia trận này, chúng tôi sẽ không phải mất chục người ngồi cạnh ngài trong khi chúng tôi có thể có ích ngoài kia. Đó không phải cách tướng *Đầu tròn* cư xử với ngài. Ông ấy có ba trăm người hơn các vị nhưng đã cho rút bớt. Bây giờ chúng tôi lại chỉ còn chín mươi mốt chọi một trăm.

Một ngọn lửa bừng bừng trên khuôn mặt Roland nhưng sắc mặt đỏ ấy chuyển ngay sang tái mét.

- Có lý. Dù thế này hay thế khác, tôi đành chịu theo. Hãy đi chiến đấu với bạn của các người đi.

Đám lính Bảo hoàng kêu lên vui sướng thả vội Roland rồi chạy ra đám đông vừa vẫy mũ và súng vừa hô to "Đức vua vạn tuế!"

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 7
Quân Trắng và quân Xanh

Roland được thả ra, anh dừng một lúc, tự do nhưng bị tước hết vũ khí: Khí giới bị mất lúc ngã, tinh thần bị lời hứa kìm hãm. Anh đành ngồi xuống gò đất nhỏ vẫn còn trải chiếc áo choàng khi ăn lúc nãy. Từ đây, anh có thể quan sát toàn bộ diễn biến trận chiến. Nếu như đôi mắt anh không cay xè vì uất ức thì có lẽ anh không để mất một chi tiết nào.

Cadoudal vẫn trên lưng ngựa, giữa một vùng lửa khói, giống như một bóng ma, không thể bị thương, kiên trì dai dẳng.

Dần dần, Roland đã nhìn rõ hơn: Ngọn lửa tức giận đã xua tan nước mắt hổ thẹn. Giữa đám lúa mì xanh non mới nhú, anh thấy hơn chục xác lính Bảo hoàng nằm lăn lóc Những quân Cộng hoà đang dồn lại thành khối trên đường còn thiệt hại gấp đôi. Những người bị thương lảo đảo trong không gian trống rỗng lại vùng lên như con rắn bị nghiến. tiếp tục chiến đấu. Lính Cộng hoà dùng lê, quân Bảo hoàng lại dùng dao.

Những kẻ bị thương nặng không đủ sức đánh giáp mặt thì quỳ xuống nạp đạn, siết cò rồi đổ vật xuống.

Từ hai phía, sự chống trả đều quyết liệt, dai dẳng. Người ta cảm nhận rằng cuộc nội chiến tức là thứ nhẫn tâm, vô ơn, vô cảm - đang xới dậy lòng căm thù trên khắp chiến trường.

Cách đó hai chục bộ, Cadoudal xoay người rất lẹ trên lưng ngựa bằng sự linh cảm tài tình và đang nhả đạn. Lúc ông ta dùng súng lục, khi lại bắn hai phát súng trường. Hết đạn, ông quẳng súng cho một quân lính Bảo hoàng để nạp đạn rồi lại tiếp tục.

Mỗi phát đạn lại có một người đổ xuống, lần thứ ba, người lãnh đạn là tướng Harty ông này biến mất trong đám lửa và khói. Người ta thấy ông và con ngựa đổ xuống như thể cả hai đều bị sét đánh. Hơn chục lính Cộng hoà nhào đến nhưng cũng có ngần ấy lính Bảo hoàng chặn đánh.

- Đó là một cuộc chiến kinh hoàng, mặt đối mặt, một chọi một và cuối cùng đám lính Bảo hoàng dùng dao có phần chiếm ưu thế.

Đột nhiên Cadoudal đứng thẳng dậy, mỗi tay cầm một súng lục sẽ có hai mạng người và hai người đổ xuống. Khoảng ba chục lính Bảo hoàng bám theo ông ta tạo thành một góc nhọn mà ông ta ở đỉnh góc. Cadoudal nhận một cây súng trường và sử dụng nó như một cái chuỳ.

Cứ mỗi phát đạn Cadoudal lại hạ một người. Ông ta đã chọc thủng trán dẫn đầu. Rồi sau đó, giống như một con lợn rừng lao vào kẻ thợ săn đã bị ngã nhào, dùng răng nanh của nó chọc thủng một vết thương rồi khiến nó toác ra.

Tướng Harty tập hợp khoảng hai chục quân dùng lưỡi lê chọc thủng một đoạn vây, chạy bộ dẫn đầu tốp lính với bộ quần áo tả tơi máu từ hai vết thương chảy mãi, con ngựa của ông ta cũng bị đâm chết Khoảng mười người trong số họ đã ngã trước khi phá được vòng vây, nhưng những Cadoudal đã kêu to như sấm.

Lẽ ra không để hắn thoát vây, nhưng đã qua được rồi thì để cho hắn qua.

Quân Bảo hoàng tuân theo lệnh chỉ huy của mình, không ai đuổi theo nữa.

- Tất cả dừng bắn - Cadoudal kêu to - Không giết ai, không bắt tù binh! Lập tức cuộc giao tranh chấm dứt.

Quân Bảo hoàng tập hợp lại đi khiêng những người đã chết, một vài người bị thương nằm cạnh những thây ma của cả hai bên.

Thông thường, trong những cuộc đụng độ khủng khiếp thế này, đầu hàng vẫn chưa phải kết thúc. Người ta vẫn giết tiếp những tù binh. Về phía quân Xanh, họ coi quân Bảo hoàng là bọn cướp bóc vô lại nên giết không tha tù binh, còn về phía quân Trắng, họ không biết phải làm gì với quân Cộng hoà nên cũng đành nổ súng vào tù binh.

Nhưng quân Cộng hoà đầu hàng ném súng ra xa. Khi địch thủ lại gần họ giơ túi đạn lên: Mọi túi đạn đều trống rỗng.

Cadoudal tiến về phía Roland.

Trong suốt cuộc giao tranh đẫm máu, chàng trai này vẫn ngồi im một chỗ, mắt nhìn trân trân vào trận chiến, tóc bết mồ hôi, ngực nghẹn ngào chờ đợi. Rồi anh đã thấy kết cục trái với mong muốn.

Anh đưa tay ôm đầu gục xuống đất.

Cadoudal lại gần nhẹ nhàng đến mức Roland không nghe tiếng chân của ông ta. Khi chàng sĩ quan ngẩng đầu lên, hai hàng nước mắt lăn dài trên gò má.

- Tướng quân - Roland nói - Hãy xử tôi đi, tôi là tù binh của ông.

- Được rồi - Cadoudal cười - Chúng tôi không thể bắt làm tù binh đại sứ của ngài Tổng tài, nhưng chúng tôi sẽ nhờ anh ta một việc.

- Việc gì? Ông ra lệnh di!

- Tôi không có thuốc thang để chăm sóc cho thương binh, cũng không có nhà tù để bắt những người kia. Vậy phiền ngài đưa cả thương binh lẫn tù binh phe Cộng hoà về Vannes cho.

- Tại sao lại như vậy? - Roland hỏi.

- Vì tôi tin tưởng ngài - Rất tiếc con ngựa của ngài đã chết, con của tôi cũng vậy. Nhưng vẫn còn ngựa của Branche-d Or. Ngài chấp nhận nhé.

Roland gật đầu.

- Chẳng phải đổi lấy con ngựa của ngài vẫn để ở Muzillac là gì? Cadoudal nói.

Roland hiểu ông ta làm như vậy bởi lẽ đây là một con người cao thượng.

- Tôi sẽ gặp lại tướng quân chứ? - Roland hỏi khi lên ngựa.

- Tôi e hơi khó. Quân của tôi gọi tôi về Port-Louis, còn nhiệm vụ đang đợi ngài ở Luxembourg.

Khi đó, Bonaparte vẫn ở Luxembourg.

- Tôi sẽ nói gì với ngài Tổng tại đây?

- Ngài hãy kể những gì ngài thấy và gửi lời của tôi rằng tôi rất vinh dự về chuyến viếng thăm mà ông ấy đã hứa.

- Sau những gì tôi vừa thấy, tôi cho rằng ngài không bao giờ cần tôi nữa - Roland nói - nhưng dẫu sao, ngài hãy nhớ mình luôn có một người bạn cạnh tướng Bonaparte.

Rồi anh chìa tay cho Cadoudal.

Viên tướng Bảo hoàng nắm chặt tay Roland bằng vẻ thẳng thắn rồi họ chia tay như trước trận đấu lúc nãy.

- Xin từ biệt ngài Montrevel. Tôi không có gì phải trách cứ tướng Harty đúng không? Một trận thua như vậy cũng vẻ vang như một trận thắng.

Roland nhìn khắp chiến trường một lượt, buông tiếng thở dài, nói lời từ biệt với Cadoudal rồi dẫn đám tàn quân về Vannes cho tướng Harty.

Cadoudal đưa cho mỗi người một đồng mười livre. Roland không thể không nghĩ đó là tiền của chính quyền Đốc chính mà Morgan và những người bạn của anh ta mới kiếm được bằng cái đầu của chính họ.

Ngày hôm sau, Roland đến Vannes anh nghỉ lại lối hai hôm sau anh trở về Paris.

Bonaparte vừa được tin anh về đã cho gọi vào phòng làm việc.

- Thế nào - Bonaparte hỏi - Cadoudal là người thế nào? Anh ta có đáng để cậu phải đi chuyến vất vả ấy không?

- Thưa tướng quân - Roland trả lời - Nếu Cadoudal muốn liên minh với chúng ta mà đòi một triệu thì hãy cho ông ta hai triệu, nhưng nếu có ai trả bốn triệu, chúng ta cũng đừng bán ông ta.

Câu trả lời bóng gió đó chưa đủ đối với Bonaparte. Vậy là Roland phải kể lại đầu đuôi sự việc từ lúc gặp Cadoudal, chuyến đi đêm, trận đánh với quân Bảo hoàng và cuối cùng, dù can đảm đến đâu, tướng Harty vẫn bị bại trận.

Bonaparte thấy ghen với một con người như thế. Thỉnh thoảng, ông nói lại

chuyện Cadoudal với Roland và luôn chờ đợi sự thất bại của việc tướng Bretagne này để xoá bỏ phe Bảo hoàng.

Nhưng thời điểm bấy giờ đã đến lúc phải vượt dãy Alpes nên ông quên hoặc ra vẻ tạm quên cuộc nội chiến để đem quân đi ra nước ngoài. Ông đã vượt núi Saint-Bemard ngày 20 và 21 tháng Năm.

Ông đi qua Tessin ở Turbigo ngày 31 cùng tháng. Ông vào thành Milan ngày 2; ông thức suốt đêm ngày 11 tháng Sáu ở Montebello để họp bàn cùng tướng Desaix vừa trở về từ Ai Cập.

Ngày 12, quân đội đã chiếm Scrivia và cuối cùng, ngày 14 ông giao chiến tại Marengo nơi mà Roland quá mệt mỏi cho nổ cả một xe chở đạn và anh đã qua đời ở đó.

Tuy không còn ai để nói về Cadoudal nữa nhưng Bonaparte vẫn luôn nghĩ đến chuyện này. Ngày 28 tháng Sáu, ông trở về Lyon. Phần thời gian còn lại trong năm, ông mải lo đến hiệp định hoà bình Lunéville.

Cuối cùng vào những ngày đầu tháng 2 năm 1801 thì Bonaparte nhận được thư của tướng Brune kèm theo thư của Cadoudal như sau:

"Thưa tướng quân,

Nếu tôi phải chiến đấu với 35.000 quân mà ngài đang có ở Morbihan, tôi sẽ không ngần ngại tiếp tục cuộc chiến giống như tôi vẫn làm từ hơn một năm nay và tôi sẽ không để sót một ai. Nhưng có điều, sau đó lại có dàn quân khác thay thế. Cứ như vậy sẽ là thảm hoạ lớn nhất khiến cho cuộc chiến kéo dài mãi là điều không tránh khỏi.

Hãy lấy danh dự ngài để ấn định cuộc gặp giữa chúng ta. Tôi sẽ không sợ mà đến chỗ ngài. Tôi sẽ thương lượng với ngài, điều rất khó khăn đối với chính người của chúng tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Bonaparte đã viết dưới chữ ký của Georges như sau:

"Hãy ấn định cuộc hẹn, chấp nhận mọi điều kiện để Georges và người của hắn ta hạ vũ khí.

Yêu cầu hắn ta đến gặp tôi ở Paris với giấy thông hành của hắn. Tôi muốn trực tiếp gặp con người này và xem hắn ta là người thế nào".

Tự tay Bonaparte còn viết địa chỉ gửi thư:

"Gửi đến tướng Brune, Tổng chỉ huy tướng quân đội Miền Tây"

Tướng Brune đã hạ trại trên con đường từ Vannes đến Muzillac, với cuộc chiến *Một trăm* đã diễn ra có sự chứng kiến của Roland và tướng Harty đã thua.

Georges đích thân đến gặp tướng Brune mà chỉ có hai sĩ quan tuỳ tùng đi theo. Vì cuộc gặp mặt trang trọng này, hai người ấy không mang bí danh mà chỉ gọi tên thật là Soi de Grisolles và Pierre Guillemot.

Tướng Brune bắt tay họ rồi dẫn vào bàn.

Đúng lúc cuộc trao đổi bắt đầu thì Branche-d Or mang tới một lá thư quan trọng đến mức người ta có cảm giác anh ta phải trao nó cho Cadoudal dù Cadoudal ở bất cứ chỗ nào. Quân Xanh đã cho Branche-d Or vào dưới sự đồng ý của tướng Brune.

Sau khi đọc xong, Cadoudal không để lộ biểu hiện gì, gấp thư lại, cất đi rồi quay sang tướng Brune.

- Tôi xin nghe đây - ông ta nói.

Mười phút sau, tất cả đã được thoả thuận: Quân Bảo hoàng sẽ trở về nhà, cả sĩ quan lẫn binh sĩ không phải lo lắng cho hiện tại và tương lai vì hai bên tướng lĩnh đã cam kết quân họ không sử dụng vũ lực khi chưa được lệnh.

Về phần mình, Cadoudal muốn bán một số đất đai, nhà cửa, cối xay mà anh đang sở hữu mà không đòi thêm khoản bồi thường nào. Ông sẽ sang Anh định cư bằng chính tài sản của mình Về chuyện diện kiến Tổng tài Bonaparte, ông ta coi đó là một vinh hạnh lớn lao và sẵn sàng đến Paris sau khi thoả thuận với một công chứng viên ở Vannes để bán tài sản. Ông cũng yêu cầu cho phép hai tuỳ tùng đến Paris chứng kiến cuốc gặp gỡ Bonaparte. óng chỉ đòi hỏi những điều kiện cơ bản như các binh sĩ Bảo hoàng khác: gác lại quá khứ, được bảo đảm an toàn trong tương lai.

Brune cho mang bút mực ra. Họ thảo tờ hiệp định kê trên một chiếc trống sau đó Cadoudal và hai sĩ quan của mình lần lượt ký tên.

Tướng Brune ký sau cùng, trình trọng tuyên bố sẽ thực hiện đúng cam kết.

Trong lúc người ta thảo bản sao thứ hai thì Cadoudal rút bức thư ban nãy ra đưa cho tướng Brune.

- Ngài hãy đọc đi - ông nói - Ngài sẽ thấy tôi ký hoà ước này không phải vì nhu cầu tài chính.

Quả thật như thế. Đó là lá thư từ Anh thông báo đã chuyển một khoản ba trăm nghìn phăng vào một ngân hàng ở Nantes và sẽ chuyển trực tiếp đến tay Georges Cadoudal.

Khi lấy lại bức thư, Georges Cadoudal viết vào phần sau lá thư ấy như sau:

"Thưa ngài, Hãy trả tiền tại London, tôi vừa ký hoà ước với tướng Brune nên không còn lý do gì để nhận tiền phục vụ chiến tranh nữa.

Georges Cadoudal"

Ba ngày sau việc ký hoà ước, Bonaparte chuyển gấp đôi khoản mà Brune vừa cùng độc giả chứng kiến.

Mười lăm ngày sau, Georges Cadoudal bán tài sản của ông được 60.000 phăng.

Ngày 1 tháng Hai, ông báo cho Brune về chuyến đi Paris.

Ngày 18, tờ *Le Moniteur* thông báo:

"Georges Cadoudal sắp tới Paris để diện kiến chính phủ. Đó là một người ba mươi tuổi, con trai ông chủ cối xay, thích chinh chiến nhưng có giáo dục. Anh ta đã từng cho Brune hay rằng cả nhà anh ta đã bị chặt đầu, rằng anh ta muốn liên kết với chính phủ và xoá bỏ liên minh với quân Anh, đất nước mà ông chỉ dựa vào để chống lại thể chế năm 93 và nhờ đó nền quân chủ suýt chiếm lại cả nước Pháp".(1)

Bonaparte quả có lý khi nói với Boumerine lúc anh này đọc báo cho ông nghe.

- Mất công thôi Bouriienne, họ chỉ nói những gì tôi muốn cho họ nói.

Rất dễ thấy, mẩu tin trên không chỉ xuất phát từ văn phòng làm việc của Bonaparte mà còn được soạn rất khéo. Nó là sự hoà trộn giữa dự báo và hằn học. Trong phần dự báo, Bonaparte muốn phục quyền cho Cadoudal đồng thời áp đặt từ trước cho ông ta ý muốn phục vụ chính phủ, trong phần hằn học, ông buộc tội Cadoudal chống lại thể chế 93.

Vào ngày nói trên, Cadoudal đã lên đường. Ngày 16 tháng Hai, ông ta tới Paris. Ngày 17, sau khi đọc mẩu tin liên quan đến mình trên tờ *Le Moniteus*, trong giây lát ông định ra đi và không muốn gặp Bonaparte nữa. Song ông nghĩ lại, tốt hơn là đến theo lời mời, bày tỏ thực tâm của mình với Tổng tài đồng thời muốn đến Tuileries như một cuộc thách đấu, tức là có hai nhân chứng kèm theo Sol de Grisolles và Pierre Guillemot(2).

Chính vì vậy, ông cho báo tin mình đã tới Paris đến Bộ chiến tranh và ngay hôm sau được vào gặp Bonaparte lúc chín giờ sáng ngày 19 tháng 2 vì cuộc hẹn này mà Tổng tài Bonaparte mới vội vã và tò mò như vậy.

Chú thích:

(1) Tờ Gazette Nationale hay tờ Le Momteur Universel ngày 18 tháng Hai năm 1801 không nói như vậy. Cadoudal đến Paris ngày 4 tháng Ba năm 1800 và được Bonaparte tiếp vào cuối tháng. Tờ Le Moniteur số 163 ngày 4 tháng Ba năm 1800 chỉ viết "Chatillon. Boumlont. d Autichamp: Bernier đã về Paris. Georges đang trên con đường đó".

(2) Dù Dumas không nói bí danh của Sol de Grisolles và P. Guillemot nhưng một trong hai người đó là Branche-d Or: tham mưu trưởng quân đội Bảo hoàng.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 8
Cuộc diện kiến

Ba chỉ huy quân Bảo hoàng ngồi chờ trong đại sảnh. Nơi này, nếu chính thức, người ta gọi là Salon de Louis VIV, còn thân mật là Salon de Cocarde. Cả ba đều mặc quân phục Bảo hoàng, chính Cadoudal đã giao hẹn trước điều kiện này.

Kiểu trang phục nói trên gồm một chiếc mũ có phù hiệu trắng, áo xanh, cổ xanh, một dải dây vàng đối với Cadoudal, bạc đối với các hạ sĩ quan. Cả bọn đều mặc quần kiểu Bretagne, áo gối lê trắng và đeo đoản gươm.

Duroc nhìn thấy ba vị khách mang vũ khí liền níu tay Bonaparte.

- Có chuyện gì thế? - Bonaparte hỏi.

- Họ mang gươm - Duroc nói.

- Họ đâu phải là tù binh. Còn gì nữa không?

- Không có gì - Duroc đáp - Tôi để cửa mở nhé.

- Ồ về điều đó thì tuỳ anh. Họ là kẻ thù nhưng là kẻ thù dừng đắn. Anh không nhớ Roland đã kể về họ như thế nào hay sao?

Rồi ông bước nhanh và dứt khoát vào phòng đồng thời ra lệnh cho Rapp và hai sĩ quan khác, được điều đến vì lý do đặc biệt, ra ngoài..

- À ngài đây rồi! - Bonaparte nói và nhận ra Cadoudal đứng giữa hai tuỳ tùng, dựa vào trang phục của ông ta - Một trong những người bạn của chúng ta, đại tá Roland de Montrevel, đã hi sinh trong trận chiến Marengo, đã nói với tôi những lời tốt đẹp nhất về ngài.

- Điều đó không làm tôi ngạc nhiên - Cadoudal nói - Tôi có hân hạnh được quen biết ngài Roland de Montrevel chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng tôi thừa nhận ông ấy là một trong những người có tinh thần hiệp sĩ nhất. Nhưng

thưa tướng quân, nếu ngài đã biết tôi, xin cho phép tôi giới thiệu hai người đi cùng tôi trong niềm hân hạnh được diện kiến ngài.

Bonaparte khẽ nghiêng đầu như thể muốn nói ông đang lắng nghe. Cadoudal đặt tay lên người nhiều tuổi hơn giới thiệu.

- Được đưa sang nước thuộc địa từ nhỏ, ông Soi de Grisolle đã vượt biển để trở về Pháp. Trong lần đi đó, tàu bị đắm, người ta tìm được anh ấy một mình trên tấm ván giữa mênh mông đại dương. Đã từng là tù nhân trong cuộc Cách mạng, anh ấy đã đào tường vượt ngục. Ngày hôm sau, anh ấy đã đứng trong hàng ngũ của chúng tôi. Lính của ngài đã từng thề giết anh ấy. Trong lúc chờ ký hoà ước, họ bao vây ngôi nhà anh ấy trú ngụ. Chỉ một mình mà anh ấy có thể chống lại 50 quân. Chẳng mấy chốc súng hết đạn, anh ấy chỉ còn hai lựa chọn hoặc dầu hàng, hoặc nhảy xuống đất với độ cao hai mươi bộ. Anh ấy đã không lưỡng lự nhảy qua cửa sổ, rơi vào giữa đội lính Cộng hoà. Vừa nhổm dậy đã giết hai, làm bị thương ba sau đó mới bỏ chạy giữa những làn đạn réo bất lực xung quanh. Còn về người này - Cadoudal chỉ vào Piene Guillemot - Người này cũng rất tuyệt. Cách đây vài ngày, khi ta không kịp cầm gươm thay súng. Anh ta vớ được cái rìu và bổ đứt cổ người đầu tiên xông vào. Quân Cộng hoà lùi lại, thế là anh ấy lao ra khỏi cửa chỉ bị một lưỡi lê sướt nhẹ qua da. Khi chạy ra cánh đồng, gặp một tên gác, anh ấy giết hắn. Một lính xanh đuổi kịp đã bị anh ấy ném rìu trúng ngực. Cuối cùng anh ấy đã thoát và bắt kịp đội quân Bảo hoàng và tôi.

- Còn tôi... - Cadoudal khẽ nhún người khiêm tốn.

- Về phần anh - Bonaparte cắt lời - Tôi biết về anh nhiều hơn anh có thể tự giới thiệu. Anh đã lập kỳ công như cha anh mình bằng cuộc chiến *Một trăm*. Một ngày nào đó, biết đâu người ta sẽ gọi đó là trận đánh của những người khổng lồ - Sau đó Bonaparte tiến lên một bước - Georges, lại đây, tôi có chuyện muốn nói với anh.

Cadoudal hơi lưỡng lự nhưng vẫn đi theo. Hiển nhiên, ông ta muốn hai sĩ quan tháp tùng có thể nghe được tất cả những câu trao đổi của mình với người chỉ huy Cộng hoà Pháp.

- Hãy nghe tôi, Georges. Tôi cần những người có nghị lực để giúp mình hoàn thành sự nghiệp đang dang dở. Tôi đã từng có một người rất tin cậy. Anh cũng biết anh ta. Đó là Roland de Montrevel. Nhưng tôi không hiểu nỗi buồn nào đã đẩy anh ấy tự sát. Anh có chấp nhận là người của tôi không?

Tôi sẽ phong cho anh hàm đại tá, không, anh xứng đáng hơn thế: Tôi sẽ phong anh cấp tướng.

- Tự đáy lòng, tôi chân thành cảm ơn tướng quân - Georges trả lời - Nhưng nếu tôi chấp nhận, ngài sẽ khinh thường tôi.

- Tại sao? - Bonaparte sốt sắng hỏi.

- Vì tôi đã thề dù thế nào vẫn trung thành với triều đình Bourbon.

- Vậy là không có cách nào khiến anh hợp tác với tôi sao?

Cadoudal lắc đầu.

- Người ta vu khống tôi với anh chăng? - Bonaparte hỏi.

- Thưa tướng quân - Viên sĩ quan Bảo hoàng nói - Ngài cho phép tôi nhắc lại những gì họ nói về ngài chứ?

- Tại sao không? Anh cho rằng tôi không đủ sáng suốt để phân biệt cái tốt, cái xấu khi người ta nói về mình hay sao?

- Xin ngài nhớ cho là tôi không khẳng định gì cả. Tôi chỉ nhắc lại những gì người ta nói với tôi mà thôi.

- Hãy nói đi - Tổng tài nở nụ cười hơi lo lắng.

- Người ta nói rằng, nếu ngài bình an trở về từ Ai Cập mà không gặp sự cản trở của quân Anh là do đã có một thoả ước giữa ngài và thiếu tướng hải quân Anh Sidney Smith. Theo thoả ước này, ngài sẽ được tự do trở về để khôi phục ngai vàng tiên triều của chúng tôi.

- Georges này - Bonaparte nói - anh là một trong số những người có đức cao vọng trọng mà tôi rất quan tâm. Chính vì thế tôi không muốn mình bị vu cáo. Từ Ai Cập trở về, tôi đã nhận được hai lá thư của bá tước xứ Provence. Chắc anh cũng cho rằng, nếu bản hoà ước giữa tôi và ngài Sidney Smith tồn tại, vị hoàng thân này thế nào cũng phải đề cập ít nhiều trong lá thư gửi cho tôi chứ? Được rồi, anh sẽ được đọc những lá thư ấy và tự anh sẽ đánh giá xem lời người ta buộc tôi cho tôi có đúng sự thật hay không.

Sau đó, Bonaparte mở cửa nói với hai nhân viên đi qua di lại ngoài cửa.

- Duroc - ông nói - Hãy chuyển lời của tôi yêu cầu Boumerine mang hai bức thư của bá tước miền Provence và lời hồi đáp của tôi đây. Chúng ở ngăn kéo giữa bàn làm việc của tôi trong tập hồ sơ màu đỏ - và trong khi chờ Duroc di thông báo, Bonaparte nói với Cadoudal - Rồi anh sẽ ngạc nhiên tại sao mình lại tôn thờ các vua xưa thế? Giả dụ tôi khôi phục lại ngai vàng, thứ mà tôi không muốn một tí nào, thử hỏi một người như anh, đổ máu cho các ngài ấy sẽ trở thành thế nào? Chẳng có gì bảo đảm cho chức vụ hiện tại đâu. Một đại tá con trai ông chủ cối xay! Anh đã từng thấy trong quân đội hoàng gia có một đại tá nào lại không có nguồn gốc quý tộc không? Anh đã bao giờ có ví dụ nào về một người ở cạnh bọn bạc bẽo ấy mà được thăng cấp vì chính năng lực cống hiến của anh ta chưa? Trong khi phục vụ cho tôi, Georges, anh có thể đạt đến tất cả vì càng lên cao tôi càng đối tốt với những ai kề vai sát cánh bên mình. A đây, thư đây rồi. Duroc, đưa thư cho anh ta.

Duroc đưa ra ba tờ giấy. Lá thư thứ nhất đề ngày 20 tháng Hai năm 1800 và chúng tôi sao từ tài liệu lưu trữ lá thư của bá tước miền Provence không sai một từ.

"Dù cho biểu hiện bên ngoài của họ thế nào, thưa ngài, những người như ngài xin đừng lo lắng. Ngài đã chấp nhận một vị trí cao cả. Tôi rất biết ơn về điều đó. Hơn ai hết, ngài biết rằng phải có sức mạnh và quyền lực mới khiến một quốc gia có hạnh phúc. Hãy cứu nước Pháp khỏi chính cơn giận dữ của nó tức là ngài đã hoàn thành toàn nguyện đầu tiên của tôi. Hãy cho nước Pháp một vị vua và các thế hệ mai sau sẽ tôn vinh ngài. Ngài luôn cần cho một nhà nước để hoàn tất giùm tổ tiên tôi và tôi, món nợ bấy lâu.

LOUIS"

- Anh có thấy dấu vết hoà ước nào trong đó không? - Bonaparte hỏi.

- Tôi thừa nhận là không, thưa tướng quân. Vậy ngài không hồi âm lá thư này ư?

- Phải thừa nhận rằng tôi không thấy phải vội vàng và tôi chờ lá thư thứ hai - trước khi quyết định. Cũng chẳng phải chờ lâu, vài tháng sau tôi nhận được một lá thư không ghi ngày tháng.

"*Thưa tướng quân, từ lâu chắc ngài đã hiểu sự đánh giá cao của tôi dành*

cho ngài. Nếu ngài nghi ngại tôi là người không giữ lời thì hãy đưa ra yêu cầu chức vị của ngài, ấn định số phận các bạn của ngài. Về phần quan điểm của tôi, tôi là người Pháp: sự khoan hồng không chỉ có trong tính cách, tôi sẽ còn thực hiện nó bây giờ cả lý trí.

Không, người chiến thắng Lodi, Castiglione, Arcole, người chinh phục Italia, và Ai Cập không thể coi trọng sự nổi tiếng tầm phào hơn sự vinh quang. Thế mà ngài đang bỏ phí thời gian quý giá. Chúng ta có thể đảm bảo cho vinh quang của nước Pháp; tôi nói chúng ta bởi lẽ tôi cần Bonaparte vì điều ấy và ông ta cũng không có được điều ấy mà không có tôi.

Thưa tướng quân, cả châu Âu đang quan sát ngài, vinh quang đang chờ đợi ngài còn tôi vô cùng sốt ruột muốn mang lại hoà bình cho dân tộc của tôi.

Louis"

- Anh thấy chưa, trong lá thư thứ hai cũng không hề nhắc đến thoả ước nào cả.

- Dám xin hỏi ngài có hồi âm lá thư này không thưa tướng quân?

- Tôi định cho Boumerine trả lời và ký nhưng thấy bá tước đã tự tay viết cho tôi nên sẽ phù hợp hơn khi tôi cũng tự tay viết cho ông ấy dù chữ của tôi có xấu đến mức nào đi nữa. Vì đây là chuyện hệ trọng nên tôi cố gắng viết dễ dọc, còn đây là bản sao.

Rồi Bonaparte đưa cho Georges Cadoudal một lá thư gửi bá tước xứ Provence do Boumerine chép lại. Đó là lá thư từ chối.

"Thưa ngài, tôi đã nhận thư của ngài, xin cảm ơn về những điều ngài bắt phải buộc phải nói với tôi.

Ngài đừng mong trở lại Pháp. Nếu không ngài phải bước qua xác một trăm nghìn quân.

Hãy hy sinh lợi ích của ngài cho sự nghỉ ngơi và hạnh phúc của nước Pháp, lịch sử sẽ ghi nhận và biết ơn ngài.

Tôi không vô cảm trước những bất hạnh của gia đình ngài và tôi sẽ rất vui khi ngài được tận hưởng tất cả bình yên trong sự nghỉ ngơi.

BONAPARTE"

- Vậy đây có phải là câu trả lời cuối cùng của ngài không?

- Câu trả lời cuối cùng của tôi đấy!

- Tuy nhiên trong lịch sử đã có một tiền sử rằng...

- Đó là lịch sử nước Anh, không phải nước ta - Bonaparte ngắt lời - Tôi đóng vai Monck ư? Ồ không! Nếu được chọn tôi muốn bắt chước khi đó cơ, tôi thích vai Washington hơn, Monck đã sống trong một thế kỷ mà những định kiến đã bị chúng ta bác bỏ từ năm 1789 còn đủ mạnh, Monck đã muốn tự xưng vua những hắn ta đã không thể: một kẻ độc tài, không hơn, hắn ta cần thần đồng Cromwell cho chuyện ấy - Richard, con trai hắn ta, cũng không cự nổi, hắn quả là đứa con đích thực của vĩ nhân: Một thằng ngốc.

Rồi một kết cục hay ho cho việc khôi phục Charles Đệ nhị chứ! Sự thay thế từ một triều đình sùng đạo sang một triều đình vô thần! Bắt chước vết xe đổ của cha mình, hắn cũng giải tán ba bốn nghị viện, muốn lãnh đạo một mình, tự thành lập một bộ máy tay sai dùng để thoả mãn truỵ lạc bê tha hơn là dành cho công việc Hắn lúc nào cũng ham vui, mọi cơ hội đều để kiếm tiền.

Hắn đã bán cho vua Louis XIV vùng Dunkerque, một chìa khoá quan trọng mở cửa vào Pháp đối với nước Anh. Viện cớ một cuộc mưu phản không có thật để xử tử Algemon Sidney người đã từng là thành viên trong hội đồng xử vua Charles Đệ nhất trong khi đó Cromwell chết năm 1658, tức là ở độ tuổi năm mươi. Trong mười năm cầm quyền, ông đã có thời gian thực hiện nhiều nhưng hoàn tất chẳng được bao nhiên. Bản thân ông ta kể ra cũng là cuộc cải cách hoàn toàn, cải cách chính trị bằng việc thay thế một chính phủ Cộng hoà sang chính phủ quân chủ, cải cách tôn giáo bằng việc chuyển đạo Cơ đốc sang đạo Tin lành. Nếu cho tôi sống lâu bằng Cromwell, năm mươi chín tuổi, cũng không nhiều lắm đúng không, tôi vẫn còn ba mươi năm nữa, gấp ba lần số năm nắm quyền của Cromwell và hãy nhớ cho, tôi không thay đổi gì cả, chỉ có đi tiếp không bị lật nhào, tôi tiến lên.

- Hay lắm - Cadoudal cười - Thế còn chế độ Đốc chính?

- Chế độ Đốc chính không phải là một chính phủ - Bonaparte nói - Liệu có hay không một quyền lực dựa trên cơ sở mục ruỗng như cơ sở của chế độ

Đốc chính? Nếu tôi không từ Ai Cập về thì bản thân nó cũng tự sụp đổ. Tôi chỉ là lực thúc đẩy thôi. Nước Pháp đã không ưa nói nữa rồi. Bằng chứng ư? Đó là cách nước Pháp đón tôi trở về. Họ đã làm gì với nước Pháp rực rỡ do tôi để lại Một đất nước nghèo nàn, tứ bề bị đe doạ xâm chiếm bởi những quân thù đã đặt chân lên ba phần biên giới. Ra đi tôi để lại một nước Pháp hoà bình, khi trở về, tôi thấy chiến tranh. Tôi để lại chiến thắng, khi trở về lại thấy nó thất bại. Tôi đã để hàng triệu tiền từ cuộc chiến Italia để rồi thấy khắp nơi những đạo luật cưỡng đoạt và khốn khó. Hàng triệu lính của tôi, những người bạn trong vinh quang tôi gọi được tên tất thảy đều trở thành như thế nào? Họ đã chết trong khi tôi chiếm được Malte, Alexandrie, Caire, dùng lưỡi lê, khắc tên nước Pháp trên những cột tháp thành Thebes, trên Camac. Trong khi tôi sắp trả thù sự thất bại của vua cuối cùng ở Jerusalem dưới chân núi Thabor thì họ làm gì với những tướng tài giỏi nhất của tôi? Họ đẩy Humbert đi Ai Len, họ bắt giữ và cố nhục mạ Championnet ở Naples. Scherer đã xoá những đường cày vinh quàng mà tôi in dấu trên đất Italia. Họ cho phép người Anh tràn vào từ phía Hà Lan. Họ khiến Raimbault phải thiệt mạng ở Trần, David ở Alkmaar, Joubert ở Novi. Và khi tôi đòi họ tăng chi viện để có thể giữ được Ai Cập, súng đạn để bảo vệ nó, lúa mì để có thể giúp nó sinh sôi thì họ lại gửi những lá thư khen ngợi và tuyên bố rằng quân đội phương Đông rất xứng đáng với Tổ quốc.

- Họ tưởng ngài sẽ tìm thấy tất cả những thứ trên ở Saint-jean-d Acre, thưa tướng quân.

- Đó là thất bại duy nhất của tôi, Georges ạ - Bonaparte nói - và giá tôi thành công, tôi thề sẽ làm cả châu Âu kinh ngạc! Giá mà tôi thành công tôi sẽ nói cho anh hay mình sẽ làm gì. Tôi sẽ thấy trong thành phố lương thực và súng đạn cho ba trăm ngàn quân. Tôi sẽ trang bị vũ khí cho toàn bộ đất Syrie cho xứng với sự tàn bạo của Djazzar, tôi sẽ bước trên Damas và Alep, tôi sẽ phát triển đội quân của mình, tiến vào bất cứ miền đất chống đối nào.

- Tôi sẽ tuyên bố bãi bỏ những chính quyền của các Tổng trấn chuyên chế. Tôi sẽ đến Constantinople cùng dạo quân hùng hậu, lật đổ đế chế Thổ Nhĩ Kỳ, lập tại Đông phương một để chế mới và hùng mạnh. Nó khẳng định vị thế của tôi cho hậu thế và tôi sẽ qua Andrinople hay Vienne để về Paris sau khi đè bẹp nước Áo.

- Chắc đó là dự định của César khi phát động cuộc chiến Parthes - Cadoudal lạnh lùng đáp.

- Ồ tôi biết chứ - Bonaparte cười hàm ráng nghiến chặt - Rồi chúng ta sẽ trở lại thời César. Tốt thôi! Tôi chấp nhận tranh luận đến cùng về chủ đề này. Giả sử ở tuổi hai mươi chín, tức là tuổi tôi bây giờ, César, thay vì là kẻ truỵ lạc nhất thành Rome, một nhà quý tộc nợ nần nhất thời dại, giả sử ông ta đã là người công dân đầu tiên, giả sử cuộc chinh phạt xứ Gaules hoàn thành, cuộc chinh chiến tại Ai Cập kết thúc thắng lợi, cuộc hành quân sang Tây Ban Nha tốt đẹp, giả sử, tôi xin nhắc lại, khi đó ông ta mới chỉ hai mươi chín tuổi thay vì năm mươi tuổi; lứa tuổi mà thần chiến thắng đã bỏ rơi vì thần chỉ thích những người trẻ, thử hỏi chẳng phải ông ấy sẽ vừa là César vừa là Auguste rồi hay sao?

- Đúng thế - Cadoudal hồ hởi đáp - Chẳng phải ông ta cũng lãnh đủ những cú đấm của Brutus, Cassius và Casca đó sao, thưa tướng quân!

- Vì thế - Bonaparte buồn bã nói - Đó là một vụ mưu sát mà kẻ thù chúng tôi luôn định làm! Trong trường hợp này, mọi chuyện với chúng sẽ đơn giản lắm và anh có thể là người dầu tiên vì anh là kẻ thù của tôi. Lúc này có ai ngăn anh nếu anh đủ can đảm như Brutus đánh tôi như đã đánh César? Tôi dang ở một mình với anh, cửa đóng kín. Anh chỉ có một chút thời gian thôi trước khi người ta làm thế với anh.

- Không - Georges nói - Không, chúng tôi không định thực hiện một vụ ám sát. Tôi nghĩ phải có tình hình đặc biệt nghiêm trọng người của chúng tôi mới tiến hành mưu sát. Nhưng cơ may trong chiến tranh còn đó. Chỉ một mũi tên cũng đủ xoá hết vinh quang của ngài, một quả pháo cũng có thể lấy đầu ngài giống như Berwick, một hòn đạn lạc cũng khiến ngài như Joubert hay Desaix. Khi đó nước Pháp sẽ như thế nào nhỉ? Ông chẳng có con cái, các anh em của ngài thì...

Bonaparte nhìn Cadoudal chằm chằm. Ông này vừa kết thúc dòng suy nghĩ của mình bằng cái nhún vai. Bonaparte nắm chặt tay lại, Georges đã đánh trúng điểm yếu của ông.

- Phải thừa nhận - Bonaparte nói - về điểm này anh nói đúng. Ngày nào, mạng sống của tôi cũng gặp nguy hiểm và tôi có thể bị hại bất cứ khi nào, nhưng nếu anh không tin vào số mạng thì tôi tin. Tôi tin thượng đế không làm gì chỉ vì ngẫu nhiên. Tôi tin rằng nếu số mạng đã cho ra đời một cậu bé ở Ajaccio ngày 13 tháng 8 năm 1769, một năm sau khi vua Louis XV ra chiếu hợp nhất đảo Corse vào lãnh thổ nước Pháp, một đứa bé làm hai cuộc cách mạng ngày 13 Vendémiaire và ngày 18 Brumaire thì chắc hẳn cũng cho

nó tầm nhìn cực rộng và những dự định siêu phàm. Đứa trẻ ấy chính là tôi, sẽ được thần hộ mạng che trở khỏi mọi nguy hiểm nếu tôi có một sứ mệnh tôi không sợ gì hết. Tôi sẵn sàng dùng tính mạng của mình cho sứ mệnh ấy. Còn nếu tôi không có sứ mệnh nào cả nếu tôi nhầm lẫn, nếu thay vì sống thêm ba mươi năm nữa để hoàn tất sự nghiệp của mình mà tôi lại bị đâm hai mươi hai nhát dao như César, hay tôi bị bay đầu như Berwick, nếu tôi bị đạn găm vào ngực như Joubert hay Desaix thì có nghĩa đó là số mệnh có lý do để làm như thế và vì điều đó có lợi cho nước Pháp. Số mệnh. Hãy tin tôi Georges, số mệnh luôn gắn liền với những cường quốc. Vừa rồi chúng ta có nhắc đến César, anh chỉ cho tôi cảnh ông ta lăn dưới chân tượng Pompée khi bị Brutus, Cassius và Casca đâm chết. Trong lúc cả thành Ro me để tang nhà độc tài của họ, cả dân tộc đốt nhà những kẻ sát hại César, trong khi Thành Bất tử run rẩy trong cái nhìn say mềm của Antoine hay kẻ đạo đức giả Lépide, tìm khắp nơi xem ở đâu có được một thiên tài có thể chấm dứt cuộc nội chiến thì mấy ai để ý đến cậu học sinh ở Apollonie, cháu của César. Ai nghĩ đến đứa con trai của ông chủ nhà băng ở Velletri ấy ai đoán một đứa trẻ trắng bệch như phủ đầy bột, yếu ớt, sợ hãi tất cả, sợ nóng, sợ lạnh sợ sấm ấy lại là chủ nhân của thế giới. Ai đoán được một đứa trẻ tập tễnh, xanh xao mắt hấp háy như con chim non trong đêm kia lại có thể khôi phục đội quân như của César? Ngay cả nhà tiên tri Ciceron cũng không đoán được. Ông ta nói gì? *Ornandum, ét tollendum(1)*.

- Georges, đừng chống lại thiên mệnh đang ủng hộ tôi, nếu không chính anh sẽ mất mạng.

- Được thôi? - Georges vừa trả lời vừa khẽ nhún người - Ít ra tôi cũng được mất mạng cho con đường và sự sùng bái của cha mẹ mình và có lẽ Chúa sẽ tha thứ cho sự lầm lạc của tôi khi trót là con chiên ngoan đạo và là đứa con hiếu nghĩa.

Bonaparte đặt tay lên vai người chỉ huy trẻ buổi.

- Thôi được! Ông nói - Nhưng ít ra anh cũng nên trung lập.

- Hãy để tự mọi việc diễn ra theo tự nhiên, cứ để cái ngai vàng lung lay, hãy để các vương miện tự rơi xuống. Thông thường, khán giả mới phải trả tiền cho các vở kịch nhưng tôi, tôi sẽ trả tiền cho anh xem tôi hành sự.

- Ngài định trả cho tôi bao nhiêu về điều ấy thưa công dân Tổng tài thứ nhất? - Cadoudal hỏi.

- Một trăm nghìn phăng mỗi năạm - Bonaparte trả lời.

- Nếu ngài trả một trăm nghìn cho một tướng quân như tôi thì ngài sẽ cho các vương tử bao nhiêu?

- Không gì hết - Bonaparte khinh miệt đáp - Tôi trả cho anh vì lòng cam đảm chứ không phải vì quan điểm anh hành động. Tôi muốn chứng minh cho anh thấy rằng với tôi, con người của sự nghiệp thì người ta chỉ tồn tại bằng chiến công của họ. Chấp nhận đi Georges.

- Thế nếu tôi từ chối? - Georges hỏi.

- Anh sẽ mắc sai lầm đấy.

- Tôi luôn được tự do đến đâu mình muốn chứ?

Bonaparte mở cửa phòng gọi Duroc đến.

- Hãy sắp xếp để ông Cadoudal và hai người bạn của ông ta được tự do đi lại ở Paris cũng như ở Muzillac còn nếu họ muốn ra nước ngoài, Fouché phát giấy thông hành cho họ.

- Chỉ lời của ngài là đủ thưa công dân Tổng tài - Cadoudal nói - Tối nay tôi sẽ đi.

- Tôi có thể biết anh đi đâu không?

- Đến London, thưa tướng quân.

- Càng tốt.

- Tại sao càng tốt?

- Vì ở đó anh sẽ gặp những người mình đã chiến đấu vì họ.

- Thế thì sao?

- Thì khi gặp họ.

- Thì…

- Thì anh sẽ so sánh họ với những người ở phe đối đầu. Chỉ có điều một khi đã ra khỏi nước Pháp...

Bonaparte dừng lại.

- Tôi vẫn nghe - Cadoudal nói.

- Thì anh chỉ trở về khi báo trước cho tôi nếu không anh sẽ bị coi là kẻ thù và bị đối đãi như một kẻ thù.

- Đó là vinh hạnh cho tôi thưa tướng quân vì ông đối xử với tôi như kẻ thù nghĩa là tôi là một người đáng sợ.

Georges chào Bonaparte rồi ra về.

Ngày hôm sau, trên các báo đều đưa tin.

"Sau cuộc diện kiến ngài Tổng tài, Georges Cadoudal đã xin phép được tự do sang Anh.

Sự cho phép trên kèm theo một điều kiện ông ta chỉ trở về Pháp khi được chính phủ chấp nhận.

Georges Cadoudal đã cam kết xoá giải lời thề cho các chỉ huy quân nổi dậy(2).

Thực tế là ngay buổi tối hôm gặp Bonaparte. Georges đã viết cho quân lính của mình:

"Một cuộc chiến lâu dài hơn với tôi, sẽ là bất hạnh cho nước Pháp và xứ sở quê tôi. Tôi tuyên bố xoá giải lời thề mà các anh em đã tuyên thệ và sẽ chỉ lấy lại lời thề ấy khi chính phủ Pháp nuốt lời.

Nếu có sự phản trắc ẩn giấu sau hiệp định hoà bình giả tạo này, tôi sẽ lại kêu gọi lòng trung thành của các anh một lần nữa và tôi chắc chắn lòng thành ấy sẽ đáp lại tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Chính tự tay Cadoudal đã viết tên những người mình cần gửi thư.

Chú thích:

(1) Chính xác hơn là "Omandlun Tollendumqne" (phủ đầy hoa và bay lên trời)

(2) Có thể đây là một chi tiết hư cấu của A. Dumas

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 9
Hai người bạn chiến đấu

Trong lúc cuộc hội kiến đáng nhớ đang diễn ra tại Salon de Louis XIV, Joséphine, biết chắc Boumerine đang ở một mình, liền thay đồ lau nước mắt trang điểm nhẹ, xỏ chân vào đôi hài Thổ Nhĩ Kỳ bằng nhung màu xanh da trời thêu vàng rồi nhanh nhẹn trèo lên cầu thang dẫn đến phòng nguyên là của Manh de Médicis.

Vừa đến cửa phòng làm việc, bà dừng lại, đưa hai tay ôm ngực rồi liếc đôi mắt điệu đà ra khắp phía và thấy Boumerine đúng là chỉ có một mình mới rón rén vào phòng đặt tay lên vai anh ta.

Boumerine mỉm cười quay lại vì với sự nhẹ nhàng của đôi tay, anh ta cũng nhận ra ai đã đến.

- Thế nào? - Joséphine hỏi - Anh ấy nổi giận chứ?

- Giông tố đùng đùng - Boumerine nói - chỉ thiếu mưa nữa thôi. Có cả sấm chớp.

- Rốt cục - Joséphine hỏi điều khiển nàng quan tâm nhất - Anh ấy có trả tiền không?

- Có - Anh đã có sáu trăm nghìn phăng chứ?

- Có rồi! - Boumerine đáp.

Joséphine vỗ tay như thể một đứa trẻ được gỡ bỏ hình phạt.

- Nhưng - Boumerine nói thêm - vì Chúa, đừng nợ nần nữa hoặc nợ hợp lý vào.

- Anh gọi nợ hợp lý là thế nào, Boumerine? - Joséphine hỏi.

- Phu nhân còn muốn tôi nói gì nữa đây? Tốt nhất đừng nợ nữa.

- Anh biết điều ấy là không thể - Joséphine trả lời thành thực.

- Thế thì nợ nần mười thay vì một trăm nghìn.

- Nhưng Boumerine, khi khoản này đã được thanh toán và anh cố gắng trả nốt sáu trăm nghìn kia..

- Thì sao?

- Thì những nhà cung cấp sẽ không từ chối tiếp tục viết phiếu cho tôi.

- Nhưng còn ngài Tổng tài.

- Anh ấy thì sao?

- Ngài Tổng tài đã thề đây là khoản nợ cuối cùng ông chịu trả.

- Năm ngoái anh ấy cũng nói như thế, Boumerine ạ - Joséphine nói và nở một nụ cười duyên dáng.

Boumerine nhìn Joséphine kinh ngạc.

- Phu nhân khiến tôi nghẹn thở đấy. Thế là đôi ba năm hoà bình với vài triệu mang về từ Italia đã lọt qua tầm tay. Trong khi chờ đợi, nếu được phép khuyên, tôi mong phu nhân chờ cho cơn thịnh nộ của ngài Tổng tài dịu bớt hãy đến gặp ngài.

- Ôi! Lạy Chúa! Nhưng sáng nay tôi lại có hẹn với người bạn tử miền thuộc địa, nữ bá tước Sourdis và con gái bà ấy, họ là chỗ thân thiết nên tôi không mong gì hơn trong lần gặp đầu tiên tại điện Tuileries, anh ấy dịu dàng môi chút.

- Vậy hay tôi giữ anh ấy ăn trưa ở đấy và chỉ để anh ấy xuống vào bữa tối?

- Anh muốn sao cũng được, Boumerine ạ.

- Bây giờ phu nhân hãy ký giấy bút và tự tay viết những dòng chữ thanh thoát.

- Cái gì?

- Hãy viết đi!

Joséphine lướt bút lông trên giấy:

"Tôi uỷ quyền cho Boumerine thanh toán mọi hoá đơn năm 1800 và anh ta sẽ trả một nửa hay hai phần ba nếu anh ta cho là thích hợp".

- Xong rồi.

- Phu nhân hãy ký đi và ghi ngày vào nữa.

- *19/1/1800, Joséphine Bonaparte*, đã hợp lệ chưa?

- Hoàn toàn hợp lệ. Còn bây giờ, phu nhân hãy xuống nhà, thay quần áo để tiếp bạn mình. Phu nhân cũng đừng lo bị ngài Tổng tài quấy rầy.

- Tất nhiên rồi, Boumerine, anh thật tốt quá!

Rồi Joséphine, chìa đầu ngón tay ra Boumerine kính cẩn hôn lên đó rồi rung chuông gọi người phục vụ. Khi Landoire xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng làm việc, Boumerine nói:

- Landoire, hãy đi báo quản gia rằng ngài Tổng tài sẽ ăn trưa tại phòng làm việc. Vì vậy, nói ông ta cho chuẩn bị bàn một chân và hai bộ đồ ăn, khi nào cần, tôi sê báo.

- Ai sẽ ăn cùng ngài Tổng tài, Boumerine?

- Có quan trọng gì đâu, miễn là người đó làm ông ấy vui.

- Nhưng rốt cục, đó là ai?

- Phu nhân muốn ông ấy ăn cùng mình sao?

- Không, không, Boumerine - Joséphine kêu lên - Anh ấy muốn ăn với ai thì tuỳ chỉ cần anh ấy xuống ăn tối với tôi thôi.

Rồi Joséphine đi ra nhẹ nhàng như một làn hơi sương.

Boumerine chỉ còn lại một mình.

Mười phút sau, cửa phòng khách mở ra và Bonaparte trở về phòng làm việc. Ông tiến thẳng đến chỗ viên thư ký của mình.

- Boumerine này, tôi vừa gặp tay Georges lừng danh đấy.

- Ngài thấy ông ta thế nào?

- Đó là một tay gã Bretagne chính gốc, cứng đầu như tổ tiên của gã. Hoặc tôi nhầm hoặc tôi vẫn chưa kết thúc với người này.

- Đó là một kẻ không sợ gì cũng không ham muốn gì. Những người như vậy rất đáng sợ, Boumerine ạ.

- Thật may là họ rất hiếm, - Boumerine vừa nói vừa cười - Ngài hiểu điều đó hơn ai hết, ngài đã từng gặp không ít cây sậy được sơn bằng sắt còn gì.

- Nhân nói đến sậy và đám sậy mềm mại ngả theo gió, cậu có gặp Joséphine không?

- Phu nhân vừa rời khỏi đây xong.

- Nàng hài lòng chứ?

- Phu nhân như trút được cả quả đồi Montmatre khỏi ngựa.

- Tại sao nàng không chờ tôi?

- Phu nhân sợ bị mắng.

- Đúng rồi! Nàng thừa biết là không thể tránh khỏi điều đó.

- Vậy nhưng tạm lánh ngài có thể là tận dụng rất tốt thời gian, vả lại sáng nay phu nhân có hẹn một trong số bạn của mình.

- Ai vậy?

- Một chủ đồn điền ở Martinique.

- Tên là gì?

- Nữ bá tước de Sourdis.

- Người nhà Sourdis là thế nào? Có nổi tiếng không?

- Ngài hỏi tôi điều ấy ư?

- Chứ sao, chẳng phải cậu biết đám quý tộc như trong lòng bàn tay còn gì.

- Đó là một gia tộc vừa sùng đạo vừa giỏi kiếm nổi tiếng từ thế kỷ XIV. Theo như tôi còn nhớ, trong chuyến viễn chinh từ Pháp đến Naples, một bá tước dòng họ Sourdis đã lập kì công trong trận Garigliano.

- Khiến hiệp sĩ Bayard phải chịu thua thê thảm.

- Ngài nghĩ sao về hiệp sĩ không sợ gì và không oán trách ai?

- Họ xứng đáng với tên tuổi của mình và hy sinh như một người lính sẵn sàng chết. Song tôi không hoan nghênh những cuộc đấu kiếm. Đó là những tướng binh đáng thương. François Đệ nhất đã thật ngốc trước Pavie nhưng hãy trở lại với chuyện nhà Sourdis đã.

- Có một nữ tu nhà Sourdis dưới triều vua Henri Đệ tứ đã ôm Gabrielle chết trong vòng tay, bà được kết thân cùng dòng tộc Estrées. Có một bá tước nhà Sourdis khác từng làm trung đoàn trưởng dưới triều vua Loruis XV và rất anh dũng chiến đấu với giới hiệp sĩ Fontenoy. Từ đó, họ vắng bóng trên đất Pháp, có thể họ sang châu Mỹ. Họ để lại một lâu đài ở Paris mang tên Sourdis, nằm trên đại lộ Saint-Germain-l Auxerrois, có một con phố mang tên Sourdis đi từ phố Orléan đến phố Anjou au Marais và một hẻm Sourdis nằm trên đường Fossés-Saint-Gabrielle-l Auxerrois. Nếu tôi không nhầm thì nữ bá tước Sourdis này rất giàu, bà ta vừa mua và sống ở một lâu đài rất đẹp trên ga Voltaire có lối vào trên phố Bourbon và cửa sổ quay ra khu Marsan.

- Tôi cảm thấy nhà Sourdis này bốc mùi thượng lưu từ khu phố Saint-Germain Cũng phòng hẳn như vậy, họ là bà con gần của giáo su Cabanis người như ngài biết đấy, rất ủng hộ chinh sách của chúng ta. Ông ta còn là cha đỡ đầu của con gái họ.

Chuyện ấy chẳng liên quan mấy. Tất cả đám nữ lưu khu Saint-Germain đều có ảnh hưởng không hay đến Joséphine.

Ngay lúc đó, ông quay sang và nhìn thấy bàn ăn.

- Tôi có nói là mình ăn trưa ở đây không nhỉ?

- Không - Boumerine đáp - nhưng hôm nay, tốt nhất ngài nên ăn trưa trong phòng làm việc.

- Tôi có hân hạnh dùng bữa với ai đây?

- Với một người tôi đã mời.

- Với tâm trạng của tôi bây giờ, tốt hơn hết hãy tìm một người thú vị nhé.

- Chắc chắn như vậy.

- Người này là ai vậy?

- Anh ta đến từ rất xa và vừa tới nơi khi tướng quân đang nói chuyện với Georges.

- Tôi không cho mời ai ngoài Georges.

- Người này không được triệu kiến.

- Anh biết tôi không gặp ai mà không viết thư mời.

- Ngài sẽ tiếp người này.

Rồi Boumerine đứng dậy sang phòng bên nói:

- Ngài Tổng tài về rồi.

Tức thì một thanh niên vội đi sang phòng Bonaparte. Dù người này mới hai mươi lăm hoặc hai mươi sáu tuổi nhưng đã mặc quân phục cấp tướng.

- Junot? - Bonaparte kêu lên sung sướng - Ôi, lạy Chúa! Cậu nói đúng người này thì tôi không cần phải thư mời! Lại đây Junot, lại đây!

Viên tướng trẻ định hôn tay Bonaparte nhưng ngài đã choàng hai tay ôm anh ta vào ngực.

Trong số những sĩ quan phục vụ, Junot là một trong số người được Bonaparte yêu mến nhất. Họ quen nhau trong cuộc vây hãm Toulon.

Hồi đó, Bonaparte chỉ huy pháo binh. Ông cần một người viết chữ đẹp và Junot đã bước ra khỏi hàng.

- Hãy đứng đây - Bonaparte nói và chỉ vào ụ súng - và viết theo lời tôi đọc.

Junot làm theo. Đúng lúc viết xong lá thư, một quả đạn từ phía quân Anh nổ cách họ chừng mười mét khiến cả hai phủ đầy đất.

- Hay quá! - Junot vừa nói vừa cười - Rơi thật đúng chỗ, chúng ta đang không có cát thấm cho mực khô.

Lời nói ấy đã mang lại may mắn cho anh ta.

- Cậu muốn ở bên tôi không? - Bonaparte hỏi - Tôi sẽ giữ cậu lại.

- Rất sẵn lòng - Junot đáp.

Cả hai người rất ăn ý với nhau khi Bonaparte được phong cấp tướng, Junot trở thành sĩ quan tuỳ tùng. Khi Bonaparte gặp khó khăn họ cùng chia sẻ ba trăm phăng. khoản tiền mà gia đình Junot gửi cho mỗi tháng.

Sau cuộc cách mạng ngày 13 Lendémieire, Bonaparte có thêm hai sĩ quan tuỳ tùng khác là Muiron và Marmont, nhưng Junot vẫn là người được ưu ái.

Junot tham gia cuộc viễn chinh trên đất Ai Cập và được phong tướng tại đó. Dù rất tiếc nhưng Bonaparte vẫn phải chia tay Junot, người này đã chứng tỏ lòng can đảm bằng cách bắn chết tướng chỉ huy địch. Khi rời Ai Cập, Bonaparte viết:

"Tôi rời Ai Cập, Junot thân mến ạ. Cậu ở cách bên xuất phát xa quá nên tôi không thể mang cậu đi theo. Nhưng tôi đã ra lệnh cho Kléber cho phép cậu đi trong tháng Mười. Cuối cùng, dù đâu dù ở bất cương vị nào, tôi luôn là bạn hữu của cậu.

Tạm biệt và thân ái!

Bonaparte"

Trên đường trở về, Junot đã bị rơi vào tay quân Anh. Từ đó Bonaparte không nhận được tin gì về người này. Chính vì vậy ông mới vui mừng đến thế khi bất ngờ gặp Junot.

- Ôi chao! Cuối cùng cậu đây rồi! Bonaparte kêu to - Cậu thật ngốc khi để rơi vào tay quân Anh đúng không? Nhưng sao cậu lại chậm khởi hành đến sáu tháng khi tôi viết thư bảo cậu đi càng sớm càng tốt.

- Lạy Chúa! Kléber đã giữ tôi lại. Ngài không hình dung hết, ông ta khiến tôi khốn khổ thế nào đâu - Bề ngoài, ông ta sợ tôi có quá nhiều bạn bên mình. Tôi biết ông ta không ưa tôi, nhưng tôi không tin ông là có thể nhỏ mọn đến thế. Còn lá thư cho chính quyền Đốc chính nữa chứ, ngài có biết không?

- Nhưng cuối cùng - Bonaparte nói và ngước mắt lên trời - kết cục bi thảm của ông ấy cũng khiến chúng ta được an ủi phần nào. Chúng tôi, tôi và nước Pháp đã thiệt hại lớn, nhưng một mất mát không lấy lại được lại là Desaix. Ôi Desaix! Đó là bất hạnh lớn lao cho tổ quốc!

Bonaparte đi đi lại lại một lát trong im lặng như thể hoàn toàn chìm trong nỗi đau, sau đó ông đột ngột dừng lại trước Junot:

- Cậu muốn làm gì bây giờ? Tôi đã nói luôn là bạn hữu và chứng tỏ điều đó trong khả năng có thể. Dự định của cậu là gì? Cậu muốn làm tiếp chứ

Rồi nhìn Junot từ dưới lên và vui vẻ hỏi:

- Cậu muốn tôi gửi cậu đến quânđội bên sông Rhin chứ?

Mặt Junot đỏ bừng.

- Ngài đã muốn vứt bỏ tôi sao? - Ngừng lại một lát, anh ta nói tiếp - Tuy nhiên, nếu ngài ra lệnh như vậy, tôi sẽ đi gặp tướng Moreau để chứng tỏ các sĩ quan từ quân đội Italia không quên nhiệm vụ lên Ai Cập.

- Được rồi - Tổng tài vừa nói vừa cười - Bình tĩnh đi nào anh bạn! Không

Junot, anh sẽ không xa tôi, tuy tôi yêu quý tướng Moreau nhưng chưa đến mức tặng cho ông ta món quà là người bạn tốt nhất của tôi.

Rồi ông nghiêm giọng, lông mày nhíu lại:

- Junot này, tôi sẽ bổ nhiệm cậu làm chỉ huy quân ở Paris. Đây là một vị trí thân tín nhất là trong lúc này, tôi không thể chọn ai tốt hơn. - Nhưng ông nhìn quanh như thể bị nghe trộm - Nhưng cần phải suy nghĩ kỹ trước khi nhận lời. Cậu phải già đi chục tuổi, bởi lẽ chỉ huy quân ở Paris phải là người gắn bó với tôi, đồng thời phải hết sức thận trọng, luôn chú ý đến việc bảo đảm an ninh cho tôi.

- Thưa tướng quân - Junot nói to - Dưới quan hệ...

- Khẽ chứ - Bonaparte nói - Đúng, phải chú ý đến sự an toàn của tôi. Tôi đang có nhiều nguy hiểm. Giá như tôi chỉ là tướng Bonaparte thông thường hoặc ngay cả trước cuộc cách mạng 13 Vendémiaire thì không cần làm gì bởi lẽ lúc đó cuộc sống của tôi chỉ là của tôi, tôi biết nó chưa có tầm vóc gì, còn giờ đây, tôi không thuộc về mình nữa. Tôi không chỉ nói điều này với một người bạn, Junot ạ, sứ mạng của tôi đã khác, nó gắn với sứ mạng của cả cường quốc. Chính vì thế mà nó bị đe doạ. Những thế lực khác hy vọng xâm chiếm và xâu xé nước Pháp không muốn có tôi trên con đường của chúng..

Bonaparte nghĩ ngợi một lát, đưa tay lên trán như thể săn đuổi một ý nghĩ nào đó. Rồi đột nhiên, ông ngẩng phắt lên như thể có vài chục việc khác nhau cùng ùa vào bộ óc ấy cùng lúc.

- Như thế này, tôi sẽ bổ nhiệm cậu làm thị trưởng Paris, nhưng cậu phải cưới vợ, chuyện này không chỉ phù hợp với vị trí cậu sắp đảm nhiệm mà còn vì lợi ích của cậu. Nhân đây hãy chú ý chỉ lấy một phụ nữ thật giàu có thôi đấy.

- Được rồi, nhưng tôi muốn cô ấy phải làm tôi thích. Làm sao bây giờ, đám người hưởng thừa kế đều xấu tệ hại.

- Thôi nào, hãy bắt tay vào việc ngay từ hôm nay vì ngay hôm nay cậu đã được phong chức chỉ huy Paris. Hãy tìm một ngôi nhà phù hợp không quá xa Tuileries để tôi có thể cho gọi cậu mỗi khi cần. Sau đó, hãy xem và chọn trong số ai quanh Joséphine hay Hortense. Tôi muốn đề cử Hortense nhưng tôi nghĩ cô ta yêu Duroc mà tôi lại không muốn ép duyên.

- Xin mời ngài dùng bữa - Người quản lý lâu đài mang khay lại.

- Hãy vào bàn nào - Bonaparte nói - trong tám ngày, cậu phải xong chuyện nhà cửa và chọn xong vợ.

- Thưa tướng quân - Junot nói - Tôi đồng ý tám ngày cho ngôi nhà còn lấy vợ, tôi muốn có mười lăm ngày được không?

- Đồng ý - Bonaparte nói.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 10
Tâm tư hai thiếu nữ

Khi hai người bạn chiến đấu bắt đầu ngồi vào bàn cũng là lúc người ta thông báo cho phu nhân Bonaparte có bá tước phu nhân và tiểu thư Claire de Sourdis vào gặp.

Những người phụ nữ ôm hôn nhau, trong giây lát họ tạo thành một nhóm điệu đà duyên dáng và theo thông lệ họ hỏi nhau về sức khoẻ thời tiết, hàng ngàn câu quen thuộc như giới quý tộc vẫn làm sau đó phu nhân Bonaparte mời nữ bá tước ngồi xuống ghế trường kỷ còn Hortense dẫn Claire, một cô gái trạc tuổi Hortense, đi thăm cung điện nơi lần đầu cô đặt chân đến.

Hai cô thiếu nữ tạo thành sự đối lập rất duyên dáng: Hortense có mái tóc vàng, tươi nói như một bông hoa, mơn mởn như trái đào. Mỗi khi cô thả tóc, một suối vàng suôn mượt chảy xuống tận đầu gối, hai cánh tay và đôi bàn tay cô hơi gầy. Giống như các thiếu nữ đang chờ trở thành đàn bà sau cú nháy mắt của tạo hoá; cô hội tụ trong tư thế yểu điệu kia sự mãnh liệt của người Pháp và hoàn toàn *Morbidezza(1)* của người da trắng. Cuối cùng, để hoàn thiện cho vẻ quyến rũ ấy là đôi mắt xanh lơ dịu hiền vô tận.

Người đi cùng cô cũng có vẻ đẹp và duyên dáng không kém chỉ có điều đó là vẻ đẹp hoàn toàn khác. Claire cao hơn bạn mình, cô có nước da bánh mật mà thiên nhiên ban tặng cho cô gái miền nam, đôi mắt xanh màu ngọc saphir, mái tóc đen như gỗ mun, chân tay mềm và xinh như tay trẻ con.

Cả hai thiếu nữ đều được học hành tử tế. Hortense, sau khi phải đi học nghề và sau khi Joséphine, mẹ cô được ra tù, cô đã được tiếp tục học với sự thông minh và chịu khó không ai sánh kịp. Cô vẽ đẹp, chơi nhạc giỏi và sáng tác những vần thơ lãng mạn, một vài tác phẩm vẫn còn đến ngày nay. Chúng không tồn tại vì vị thế của tóc giả mà bằng chính giá trị hiện thực của mình.

Cả hai đều là hoạ sĩ, nhạc sĩ và nói được vài ba ngoại ngữ. Hortense chỉ cho Claire thấy phòng tranh, phòng chơi nhạc và chuồng nuôi chim của mình.

Sau đó, họ ngồi xuống chiếc ghế do Redouté trang trí cạnh chuồng chim, câu

chuyện xoay quanh những buổi vũ hội, như đang thịnh hành hơn bao giờ hết, về những điệu nhảy, những người nhảy đẹp về ngài Trénis, ngài Laffitte, ngài Alvimar, hai anh em nhà Caulaincourt. Các cô phàn nàn về việc cứ phải nhảy điệu *gavone* hay *menuet*. Cuối cùng là những cân hỏi xưa như trái đất.

Hortense hỏi:

- Bạn có biết công dân Duroc, sĩ quan tuỳ tùng của cha dượng tôi không?

Claire hỏi:

- Bạn có bao giờ gặp công dân Hectorde Sainte-Hermine chưa?

Claire không biết Duroc.

Hortense cũng không biết Hector.

Hortense hầu như thừa nhận rằng mình yêu Duroc, cha dượng cô rất mến Duroc nên đã cho phép mối tình ấy.

Trên thực tế Duroc cũng là một trong những tướng triển vọng trong điện Tuileries. Chưa đến tuổi hai mươi tám, cách cư xử hơn người, đôi mắt to, tóc đẹp, cao dong dỏng và rất lịch thiệp.

Tuy nhiên, có một bóng đen bao trùm lên tình yêu ấy.

Bonaparte đồng ý nhưng Joséphine lại thích một đám khác.

Joséphine muốn gả Hortense cho người em thứ của Napoléon, đó là Louis.

Joséphine còn có hai kẻ địch khác trong gia đình chồng: Joseph và Lucien. Họ dò xét hành vi của Joséphine ra mặt, chính họ khuyên Bonaparte sau chuyến viễn chinh từ Ai Cập về không nên đến gặp Joséphine. Chính họ thúc Bonaparte ly dị với lý do Bonaparte cần con trai để xứng với những dự định đầy tham vọng của ông; họ còn tiếp tục như vậy vì chính quyền lợi của mình.

Joseph và Lucien đã lập gia đình. Theo ý nguyện, Joseph đã lấy con gái ông Clary, một nhà thương thuyết giàu có ở Marseille và trở thành anh rể của Bemadotte. Nhà ông này còn có cô em thứ ba xinh hơn hai cô chị: Bonaparte

đã từng hỏi cưới nhưng ông bố đã từ chối thẳng:

- Không được, tôi có một con rể Bonaparte trong nhà là đã đủ lắm rồi.

Giá ông đồng ý thì có lẽ ông già thương thuyết ở Marseille đã trở thành bố vợ của hoàn g đế và hai vị vua rồi.

Còn Lucien, anh này lấy vợ theo cách gọi hồi đó là không môn đăng hộ đối.

Năm 1794 hay 1795, khi Bonaparte mới chỉ nổi danh qua việc chiếm Toulon, Lucien đã giữ chức trưởng kho cho một làng nhỏ Saint-Maximin. Lucien là một thành viên phái Cộng hoà, được đặt tên thánh là Brutus, nên không thể cho phép có một vị thánh nào khác nơi mình sống. Do vậy, anh ta cho đổi tên làng Saint-Maximin thành làng Marathon.

Lucien Brutus sống tại lâu đài duy nhất có ở Saint-Maximin hay còn gọi là Marathon. Nơi này có một người quản gia không bận tâm đến việc thay tên đổi họ, vẫn được gọi là Constant Boyer.

Ông này có cô con gái Chistine xinh đẹp như hoa. Tạo hoá đôi khi lại để đoá hoa đẹp nở trong đám cỏ dại, ngọc sáng trong đá

Ngày đó ở làng Saint-Maximin-Marathon không có trò tiêu khiển hay hoạt động xã hội nào nhưng Lucien cũng chẳng bận tâm. Christine Boyer là quá đủ với anh ta.

Tuy nhiên, Christine Boyer không những xinh đẹp mà còn khôn ngoan, cô đâu chịu làm cảnh người tình; trong một lúc quá yêu và cũng chán nản, Lucien đã cưới cô làm vợ và Christine Boyer trở thành Christine Bonaparte.

Vị tướng của cuộc cách mạng 13 Vendémiaire đang phất lên như điều gặp gió hay tin em mình cưới liền nổi giận đùng đùng. Ông thề không bao giờ nhìn mặt em trai cũng không bao giờ nhận em dâu và chỉ cho hai người một vị trí nhỏ ở Đức.

Sau này, khi đã nguôi giận, ông đã gặp em dâu và tha thứ cho em trai Lucien Brutus lúc này đã tới thành Lucien Antoine, đó là ngày 18 Brumaire.

Lucien và Joseph là nỗi kinh hoàng của Joséphine Bonaparte chính vì vậy, bà muốn gả con gái riêng của mình cho Louis vừa đảm bảo gia sản vừa tạo

thế dựa đối trọng chống lại Lucien và Joseph.

Hortense cực lực phản đối, không phải vì Louis ngày ấy không đẹp trai, anh này có cái nhìn đắm thắm, nụ cười cởi mở mà vì anh chàng này giống như cô em Caroline của cô vừa lấy Murat, vẫn còn trẻ con. Mới hai mươi tuổi, Louis không yêu Hortense nhưng cũng không ghét cô, anh để mặc mọi chuyện diễn ra.

Còn về Hortense, cô không ghét Louis nhưng vấn đề là cô yêu Duroc, cô tin tưởng Claire de Sourdis nên thổ lộ hết với bạn.

Claire cũng tâm sự chuyện của mình nhưng bất hạnh cho cô là cô không có gì nhiều để kể.

Cô đang yêu, nếu có thể gọi như thế là yêu, có lẽ cô mới nhận ra thì đúng hơn, cô nhận ra một thanh niên đẹp trai khoảng hai mươi tư tuổi. Chàng trai ấy có mái tóc vàng, đôi mắt đen rất đẹp, nhưng được nét rất đàn ông, tuy nhiên tay chân lại mềm như phụ nữ. Thật kỳ lạ là những thứ đó lại tạo thành sự hài hoà hoàn hảo.

Người ta có thể hiểu lớp vỏ bên ngoài mềm yếu kia đang chứa đựng sức mạnh của Héc-quyn bên trong, văn học giai đoạn trước cũng đã từng tạo nên những hình mẫu tương tự với René và Manfred. Anh ta có vầng trán hơi tái chứng tỏ có rủi ro ập đến.

Đó cũng là thứ từng xảy ra với gia đình anh và trong gia đình có những truyền thuyết khủng khiếp ít ai biết rõ. Nhưng những dấu hiệu ấy ẩn hiện phía sau con người này. Không bao giờ người ta thấy anh để tang cho mẹ vốn là nạn nhân của nền Cộng hoà, không bao giờ anh biểu hiện nỗi đau trong các buổi vũ hội hay những buổi gặp gỡ nhằm xua đi bóng den u ám. Những người bạn của anh, không phải đám ăn chơi mà là những người bạn săn hay đi du lịch cùng, cũng ít khi rủ anh đến chỗ không đứng đắn.

Trước kia, hai nhà Sainte-Hermine và Sourdis đã từng có quan hệ đi lại theo truyền thống của những gia tộc lớn, mối quan hệ ấy rất quý với cả hai nhà. Chính vì vậy mà từ khi phu nhân Sourdis từ miền thuộc địa trở về, chàng trai trẻ Sainte-Hermine tình cờ về Paris, đã đến thăm rất thân tình.

Cũng từ vài tháng qua, hai con người trẻ tuổi ấy đã gặp nhau. Nhưng ngoài câu chào hỏi thông thường họ ít nói chuyện, chủ yếu chỉ có chàng trai ấp

úng vài lời. Tuy nhiên, nếu miệng không cất thành lời thì đôi mắt lại nói thay họ. Hector có ánh mắt nhìn cũng mãnh liệt như lời muốn nói. Mỗi khi gặp Claire, cái nhìn của anh muốn nói với cô rằng chúng thấy cô đẹp biết bao. Trái tim anh đang thổn thức biết chừng nào.

Ngay lần gặp đầu tiên, Claire đã rung động trước ánh mắt khẩn nài của anh. Với cô, Sainte-Hermine là một hiệp sĩ hoàn hảo ở mọi mặt cho nên cô cũng để mình nhìn lại chàng. Cô hy vọng một ngày trong vũ điệu đầu tiên của hai người, chỉ một lời hay một cái xiết tay sẽ là cứu cánh cho ánh mắt đắm đuối kia. Nhưng có một điều kỳ lạ ở thời điểm đó Sainte-Hermine, một hiệp sĩ hào hoa đã gác súng như nhà Junot hay Fourmier, không hề khiêu vũ lần nào.

Cũng là điểm mới đối với những người trong các cuộc vũ hội mà mình tham gia, việc Sainte-Hermine chỉ đứng im, lạnh lùng, ẩn vào cạnh cửa sổ hay một góc nào trong phòng trở thành chủ dề bàn tán của nhiều cô gái. Họ tự hỏi vì sao một người hào hoa như vậy lại không tham gia.

Còn Claire, cô ngạc nhiên về sự thu mình bướng bỉnh của bá tước Sainte-Hermine đối với mình cũng như sự ngạc nhiên về thái độ của mẹ, dù tỏ ra quý mến chàng trai trẻ nhưng bà lại nói nhiều về gia đình bị cách mạng tàn phá của anh. Rào cản hai người cũng không thể là vấn đề tiền bạc, cả hai đều là con một của gia tộc giàu có nên được thừa hưởng tài sản cũng tương đương nhau.

Những băn khoăn trong lòng cô là những cảm xúc hỗn độn về phẩm chất đạo đức cũng như dáng vẻ bề ngoài chàng vẻ bí hiểm khiến cô càng thêm rối bời chỉ chờ có dịp được tháo bỏ.

- Nếu như Hortense có thể thẳng thắn nói lên mong muốn của mình là cưới Duroc người cô yêu thương và không lấy Louis Bonaparte thì Claire không thể nói rõ niềm đam mê trong cô. Cô chỉ có thể vẽ từng nét về Hector, chỉ có thể mô tả phần nào màn đêm đang vây quanh cô. Và khi mẹ gọi hai lần, khi đứng dậy ôm hôn Hortense, cô chợt nhớ ra một điều quan trọng.

- Nhân đây - Cô nói - Hortense thân mến, tôi quên hỏi bạn một chuyện.

- Chuyện gì vậy?

- Hình như phu nhân Permon mở một đại vũ hội phải không?

- Đúng vậy, Loulou mới cùng mẹ đến thăm tôi và đích thân mời chúng tôi.

- Bạn sẽ đi chứ?

- Tất nhiên.

- Hortense thân mến - Claire dịu giọng - Tôi có việc muốn nhờ bạn.

- Việc gì vậy.

- Hãy giúp chúng tôi, cho mẹ và tôi cùng được mời có được không?

- Tôi hy vọng là có thể.

Claire nhảy lên vui sướng.

- Ồ cảm ơn bạn. Bạn định làm thế nào?

- Trước tiên, tôi có thể lấy một thiệp mời của Loulou nhưng tôi thích nhờ Eugène hơn. Eugène rất thân với con trai của phu nhân Permon. Cậu ấy sẽ hỏi được điều mà bạn muốn.

- Và tôi sẽ được dự vũ hội nhà phu nhân de Permon phải không?- Claire kêu lên thích thú.

- Đúng vậy - Hortense đáp rồi nhìn thẳng vào mặt bạn mình - Anh ấy cũng đến đó à?

Claire đỏ bừng mặt khẽ cúi xuống.

- Tôi mong như thế.

- Bạn sẽ chỉ anh ấy cho tôi chứ?

- Ồ bạn sẽ nhận ra anh ấy mà không cần tôi chỉ, Hortense thân mến ạ. Tôi chẳng nói với bạn rằng anh ấy không thể lẫn vào đâu dù có cả nghìn người hay sao?

- Tôi thật tiếc là anh ấy không khiêu vũ! - Hortense nói.

- Chính tôi cũng vậy - Claire thở dài.

Hai thiếu nữ tạm biệt nhau Claire còn nhắc Hortense đừng quên thiếp mời.

Ba ngày sau, Claire de Sourdis đã nhận được tấm thiệp ấy.

Chú thích:

(1) Dịu dàng (tiếng Ý)

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 11
Vũ hội nhà phu nhân Permon

Buổi dạ hội mà cô bạn gái của tiểu thư Hortense de Beauhamais(1) muốn có thiếp mời đã thành tin nóng hổi cho cả Paris hào hoa thời đó. Phu nhân Permon lẽ ra phải có ngôi nhà rộng gấp bốn lần ngôi nhà bà hiện ở bây giờ mới đủ chỗ cho những ai muốn tham dự buổi vũ hội ấy. Bà đã tránh không mời hơn một trăm năm mươi quý ông quý bà nhưng vốn sinh ra tại đảo Corse, từ thơ ấu, bà đã có gắn bó với gia đình Bonaparte cho nên bà mới nể Eugène Beauhamais và dành hai thiếp mời cho mẹ con phu nhân Sourdis. Phu nhân Permon lựa chọn khách mời rất kỹ lưỡng. Dù tên của bà mới nghe có vẻ không cao quý nhưng bà là một trong số những Phụ nữ danh giá nhất thế giới. Vốn tổ tiên là dòng họ Comnène đã từng có sáu người làm vua ở Constantinople, một ở Heraclée và mười người ở Trébizonde.

Tổ tiên của bà, Constantin Comnène, trong lúc chạy trốn những kẻ theo đạo Hồi, ban đầu trú ẩn trong dãy núi Taygète, sau đó đến những dải núi trên đảo Corse đã tập hợp được ba nghìn đồng bào rồi lập nên nhà nước sau khi mua lại từ chính quyền Gênes các vùng đất đai của Paomia, Salogna và Revinda.

Tuy gốc gác đế vương nhưng tiểu thư Comnène lại theo tiếng gọi của tình yêu kết hôn với một chàng trai bình thường là ngài Permon. Ông Permon đã chết cách đây hai năm để lại bà vợ goá, một cậu con trai 28 tuổi và cô con gái 14 tuổi cùng 25 nghìn livre tiền tô tức Mối giao thiệp rộng rãi của phu nhân Permon cộng với quan hệ bình dân đằng chồng đã khiến cho phòng tiếp quý tộc mở ra cho cả giới chính khách nền dân chủ, những sĩ quan, các nhà nghệ thuật, khoa học gia... trong đó có những cái tên có thể sánh với những gương mặt tiêu biểu thời quân chủ.

Trong phòng khách, người ta có thể thấy quý ông Mouchy, Montcalm, hoàng tử Chalais, hai anh em nhà Laigle, Charìes, Just de Noailles, nhà Montaigu, ba người nhà Rasdignac, bá tước de Caulaincourt và hai con trai, Amland và Auguste, nhà Albelt ớ Orsay, nhà Montbreton. Nhà Sainte-Aulaire và Talleyrand kề vai cùng nhà Hoche, Rapp, Duroc, Trénis, Laffitte, Dupaty, Junot, Amsson và Laborde.

Với 25 nghìn livres tiền tô tức, phu nhân Permon sở hữu một trong những ngôi nhà sang trọng và quý phái nhất Paris. Quả thực 25 nghìn livres bấy giờ tương đương với 50 nghìn bây giờ. Ngôi nhà đâu đâu cũng là hoa và cây cảnh. Ngôi nhà như một toà kính: tiền sảnh trang trí bằng cây cảnh và hoa khiến người ta không thể thấy tường nhà, đồng thời những ngọn đèn màu lung linh đủ màu sắc khiến ta như đang lạc vào cõi bồng lai.

Thời đó người ta tụ hội chủ yếu để khiêu vũ và khiêu vũ thực sự cho nên các buổi vũ hội thường bắt đầu sớm. Chín giờ, các phòng khách của phu nhân Permon đã rực rỡ ánh đèn. Bà cùng con trai, con gái đang chờ khách đến.

Phu nhân Permon vẫn còn rất khả ái. Hôm nay, bà mặc chiếc váy dạ hội màu trắng, điểm những lon vải kết hình hoa thuỷ tiên kép. Kiểu dáng váy từ Hy lạp, nó nâng ngực lên và đính hai dải kim cương trên bờ vai chiến váy này cho nhà tạo mốt Leroy trên phố Petits-Champs, thiết kế, kèm theo váy là chiếc mũ không vành, gắn mạng trắng có đính lon vải hình hoa thuỷ tiên như trên váy, được đặt lên mái tóc đen như mun. Trước mặt bà ta là những bó hoa thuỷ tiên và violet rất lớn. Và để hoàn tất trang phục, bà đeo hai bông tai bằng kim cương trì giá mỗi bên là 15 nghìn phăng.

Tiểu thư Permon trang điểm đơn giản hơn. Mẹ nàng cho rằng tuổi mười sáu, không cần quá chú trọng trang điểm mà vẻ đẹp tự nhiên là điều quan trọng hơn. Cô mặc một chiếc váy lụa hồng kiểu giống mẹ, một vành hoa thuỷ tiên trắng trên đầu, một vành hoa vải tương tự dưới chân váy, những khuy móc và bông tai đều bằng ngọc Nhưng người chú trọng sắc đẹp nhất buổi dạ hội đến mức không còn để ý đến sự xuất hiện của gia đình Bonaparte là phu nhân Leclerc(2) bạn thân thiết của phu nhân Laetitia và là cô em gái cưng của Bonaparte. Để không bị ảnh hưởng đến vẻ lộng lẫy của mình, nàng đã nhờ phu nhân Permon cho mình thay trang phục tại đây. Nàng may váy tại nhà phu nhân Germon, cho gọi những tay trang điểm hàng đầu để sẵn sàng có mặt đúng lúc phòng khách đến đông nhưng chưa đủ. Đây là thời điểm thu hút được sự chú ý nhiều nhất.

Một số phụ nữ đẹp nhất như phu nhân Méchin, phu nhân de Pengord, phu nhân Récamier đến lúc chín giờ ba mươi. Ngay lúc đó người ta thông báo phu nhân Bonaparte cùng con trai và con gái tới.

Lập tức phu nhân Permon đứng dậy đi ra tận nửa phòng ăn để đón. Bà không hề ra xa như vậy để đón ai.

Joséphine đội một vành cây mỹ nhân tết bằng vải đính cườm vàng, chiếc váy lụa trắng cũng trang trí như vậy. Hortense mặc váy trắng giống mẹ nhưng trang trí đơn giản bằng cành hoa tím.

Cũng lúc đó nữ bá tước Sourdis và con gái cùng vào. Bà mẹ mặc váy dài gắn những hạt vàng hình hoa păng xê, cô con gái chải tóc kiểu Hy Lạp, mặc váy dài trắng thêu vàng và đỏ tía.

Phải nói Claire rất hợp với trang phục ấy, những dải thêu vàng và đỏ tía càng tôn thêm mái tóc đen của cô.

Vừa nhận ra Claire, và được em gái ra hiệu, Eugène Beauhamais tiến ra chỗ những người mới đến, dắt tay phu nhân Sourdis và đưa bà lại gần phu nhân Permon.

Phu nhân Permon mời bà ngồi phía bên trái, Joséphine ngồi bên phải, Hortense dắt Claire ngồi cách mẹ vài người.

- Thế nào? - Hortense tò mò hỏi.

- Anh ấy kia - Claire vừa nói vừa run rẩy.

- Đâu? - Hortense càng tò mò hơn.

- Kìa, kìa, trong nhóm kia, người mặc đồ nhung màu hồng lựu quần ống chẽn, giày đính kim cương, trên mũ cũng gắn kim cương ấy.

Đôi mắt Hortense dõi theo hướng Claire chỉ.

- Bạn nói đúng - Hortense nói - Chàng trai ấy đẹp như Antinous. Nhưng tôi thấy chàng đâu có buồn như bạn kể. Thậm chí thiên thần của bạn còn khẽ cười với chúng ta kìa.

Quả đúng là bá tước Sainte-Hermine không rời mắt khỏi tiểu thư Sourdis từ khi cô bước vào phòng nét mặt anh ta lộ rõ một niềm vui kín đáo. Khi bắt gặp cái nhìn của Claire và bạn cô, anh tiến lại chào hai người.

- Mong tiểu thư dành cho tôi bản *Réelle* hay điệu Anh đầu tiên được chăng? - Anh hỏi Claire.

- Bản *Réelle* đầu tiên, vâng được, thưa ngài - Gaire ấp úng và trở nên tái mét khi thấy bá tước bước quay sang bạn mình, cô này cũng đỏ bừng đôi má.

- Còn tiểu thư Beauhamais - Hector nói và cúi mình trước Hortense - Tôi xin chờ từ miệng tiểu thư mệnh lệnh được xếp hàng sau những người ngưỡng mộ tiểu thư.

- Bản Gavotte đầu tiên nếu ngài muốn - Hortense đáp.

Cô biết Duroc, dù là người khiêu vũ giỏi cũng không nhảy điệu *gavotte*.

Bá tước Hector cúi chào cảm ơn rồi dửng dưng đi qua những lời tán dương dành cho phu nhân Contades vừa đến.

Cùng lúc đó, những tiếng xì xào ngưỡng mộ rộ lên về những kiểu mốt mới. Cuộc tranh luận cứ tiếp tục mãi và buổi vũ hội chỉ khai mạc khi có sự hiện diện của ngài Tổng tài Bonaparte.

Sự ganh tị giữa các quý bà ngày càng quyết liệt khi có sự xuất hiện của Pauline Bonaparte. Những người thân vẫn gọi bà là Paulette, bà đã lấy tướng Leclerc, người đã giúp Bonaparte rất nhiều trong cuộc cách mạng ngày 18 Brumaire.

Phu nhân Leclerc bước ra khỏi phòng nơi bà vừa thay đồ với vẻ yểu điệu thướt tha hiếm thấy, bà chỉ rút găng tay khi đã vào phòng, để lộ làn da trắng, cổ tay tròn như ngà voi đeo đầy vòng vàng và đá quý chạm nổi. Hôm đó, phu nhân Leclerc chải tóc và kết với những dải da đốm mịn như da báo gấm, trên đó có đính những chùm nho bằng vàng. Đây là kiểu bắt chước hoạ tiết trong chiếc vòng đá màu bà đang đeo. Những đường nét cơ thể thanh thoát của bà sánh với vẻ đẹp cổ đại Một chiếc váy bằng vải *mousseline* Ấn Độ vô cùng mềm mại, nó như dệt từ không khí nói như cách nói của Juvénal. Thân váy dưới có đường thêu màu vàng uốn lượn đan xen màu đỏ tía. Chiếc váy dài trùm lên bờ vai có đính đá màu lấp lánh, tay áo ngắn, hơi gấp nếp và đính nhiều đá màu. Một chiếc thắt lưng ôm sát ngay dưới ngực như trong các bức tượng cổ, làm bằng lụa đính vàng và đá khắc.

Tất cả đều vô cùng hài hoà đến nỗi một giọng tán dương vang lên ngay khi phu nhân Leclerc vừa xuất hiện trong phòng mà không sợ làm những phụ nữ khác mếch lòng.

- *Incessu patuit dea* - Dupaty nói khi bà đi ngang qua.

- Ngài định nhạo báng tôi bằng thứ ngôn ngữ tôi không hiểu hay sao, công dân nhà thơ? - Phu nhân Leclerc nở nụ cười.

- Sao cơ, phu nhân là người La mã mà không hiểu tiếng La tinh sao?

- Tôi đã quên rồi.

- Đó là một nửa câu thơ của Virgile khi Vénus xuất hiện ở Enée. Đức cha Delille đã dịch như sau:

"Nàng bước đi, dáng điệu thanh thoát như một nữ thần"

- Hãy đưa tay cho tôi hỡi quý ngài nịnh hót và hãy nhảy điệu *Réelle* đầu tiên với tôi, đó sẽ là hình phạt của ngài.

Dupaty chẳng đợi phải nói lần thứ hai, ông ta vòng tay để mặc phu nhân Leclerc dẫn vào một phòng khách. Bà bước vào đây viện cớ phòng tiếp quá rộng nhưng thực chất phòng này có thảm rộng cho phép vị nữ thần điệu đã phô bày đồ trang sức và tuỳ thích thể hiện.

Phu nhân Leclerc liếc ánh mắt thách thức sang phu nhân Contades, người đẹp nhất hay nói đúng hơn là người duyên dáng nhất từ trước Phu nhân Leclerc mãn nguyện khi thấy tất cả đàn ông ngồi quanh ghế bành trước khi mình đến bây giờ đã rời bỏ địch thủ để ngồi quanh ghế trường kỷ của bà.

Phu nhân Contades cắn môi đến bật máu. Nhưng chắc chắn trong những trường hợp thế này, bà đã tìm được cách trả thù nanh nọc và bà gọi quý ông Noailles.

- Charles - Bà nói - Hãy dẫn tôi sang xem kỹ viên ngọc lụa là vừa cuốn hết bầy bướm theo mình nào.

- A? Chàng trai trẻ đáp - Phu nhân sẽ cho bà ấy cảm thấy trong đám bướm kia có một con ong. Hãy đốt đi! Đốt đi hỡi nữ bá tước? Tất cả người nhà Bonaparte cao quý đến mức đôi khi người ta không cho họ hay rằng thật sai lầm khi khiêu khích quá khứ Hãy tháo bỏ lớp vỏ bên ngoài họ, phu nhân sẽ thấy vết tích nguồn gốc tầm thường của nó.

Rồi chàng trai đưa phu nhân Contades đến nơi. Phu nhân Contades đến chỗ nhóm người đang tán dương phu nhân Leclerc xinh đẹp, vượt qua họ rồi đến thẳng trước mặt phu nhân Leclerc.

Phu nhân Leclerc mỉm cười khi nhận ra quý bà Contades, bà cũng nghĩ rằng địch thủ của mình cuối cùng cũng phải chịu đến chào hỏi. Quả nhiên, ban đầu phu nhân Contades cùng hoà vào dòng tán dương ngưỡng mộ nhưng đột nhiên bà ta la lên thất thanh như thể vừa khám phá ra điều gì khủng khiếp.

- Ôi lạy Chúa! Thật bất hạnh! Làm sao lại có hình dạng dị kỳ như vậy để phá huỷ kiệt tác của thiên nhiên cơ chứ! Đúng là trên đời kể không có gì hoàn hảo nữa. Lạy Chúa. Thật đáng buồn biết chừng nào.

Mọi ánh mắt đều đổ dồn vào phu nhân Contades trước lời than vãn kỳ lạ như vậy, sau đó họ ngạc nhiên nhìn hai người không hiểu chuyện gì trong khi phu nhân Contades ra vẻ tiếc mối mãi không thôi.

- Nhưng phu nhân đã nhìn thấy gì? - Hiệp sĩ của bà ta hỏi.

- Thứ tôi nhìn thấy ư? Chẳng lẽ ngài cũng không thấy đôi tai to trên cái đầu xinh đẹp kia sao? Nếu tôi có chúng, ít ra tôi phải uốn vài vòng, như thế sẽ dễ hơn là không có vòng nào.

Phu nhân Contades chưa dứt lời, lập tức mọi người đã quay sang ngắm nghía cái đầu của phu nhân Leclerc, lần này không phải để chiêm ngưỡng mà xem đôi tai kỳ lạ. Đôi tai ấy quả thật kỳ lạ. Chúng không có vành mà thẳng như mai sò. Đúng như phu nhân Contades nhận xét, tạo hoá đã quên tạo nếp cho chúng.

Phu nhân Leclerc thậm chí không chống trả sự tố cáo ấy bà hét lên một tiếng rồi thấy khó ở.

Đúng lúc đó, tiếng vó ngựa chậm dần ngoài sân và có tiếng báo "Ngài Tổng tài đến!" vang lên khiến tất cả cảnh tượng vừa diễn ra vội vàng được khép lại.

Trong lúc phu nhân Leclerc nước mắt lã chã rút vào căn phòng mình vừa thay đồ thì phu nhân Contades, cảm thấy chiến thắng của mình có phần tàn nhẫn nên cũng đi ra cửa khác chứ không ở lại nếm thành quả ấy.

Chú thích:

(1) Con riêng của Joséphine

(2) Phu nhân Leclerc tên thật là Marie Pauline Bonaparte em gái Napoléon Bonaparte.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 12
Điệu nhảy menuet nữ hoàng

Phu nhân Pennon tiến đến trước Tổng tài Bonaparte, cúi chào cung kính. Nhưng Bonaparte đã kịp cầm tay bà và hôn lên đó hết sức lịch thiệp.

- Người ta nói với tôi rằng phu nhân không chịu khai mạc vũ hội khi tôi chưa đến - Bonaparte nói - Nếu nhỡ tôi không đến được trước một giờ sáng thì đám nam thanh nữ tú đẹp kia vẫn phải chờ tôi sao?

Ông đưa mắt lướt khắp phòng tiếp và nhận ra một vài quý bà khu Saint-Germain không đứng dậy khi mình bước vào. Ông khẽ nhíu mày song không để lộ vẻ không hài lòng.

- Thôi nào, thôi nào, phu nhân Permon, hãy cho khai mạc vũ hội đi thanh niên cần được vui vẻ đúng không, khiêu vũ là thứ chúng thích nhất. Đã có ai nói với tôi là Loulou nhảy đẹp như tiểu thư Chameroi nhỉ? A đúng là con Eugène, đúng không?

Eugène dỏ bừng mặt. Chàng trai này là người tình của tiểu thư Laure de Permon.

Bonaparte tiếp tục:

- Nếu phu nhân muốn, thưa phu nhân Permon, chúng ta sẽ cùng nhảy bản *Monaco*, đó là điệu duy nhất tôi biết đấy.

- Ngài đùa đó ư? - Phu nhân Permon đáp - Tôi đã không khiêu vũ từ ba mươi năm nay rồi.

- Kìa, phu nhân hãy tươi cười lên, nhìn phu nhân tối nay chỉ như chị gái của Loulou thôi.

Đang nói, ông nhận ra nhận ra quý ông Talleyrand, ông liền gọi:

- Là ngài ư, Talleyrand, tôi có chuyện muốn nói với ngài.

Rồi Bonaparte cùng ông này sang phòng nhỏ cạnh đó, nơi phu nhân Leclerc vừa giải phiền muộn với ngài Bộ trưởng ngoại giao.

Lập tức dàn nhạc nổi lên, các vũ công nam tìm đến bạn nhảy của mình, buổi vũ hội bắt đầu.

Tiểu thư Beauhamais, nhảy với Duroc. Cô dẫn Duroc tiến đến gần Claire và bá tước Sainte-Hermine. Những gì bạn trai của cô nói khiến Hortense càng thêm chú ý đến con người này.

Điệu *Réelle* (ngày nay gọi là điệu nhảy đối) bao gồm bốn phần giống bây giờ, chỉ có điều phần cuối đã được ngài vũ công tài ba là Trénis thay bằng kiểu mới. Phần cuối ngày nay được gọi là *trénis* mang tên ông.

Lại nói đến bá tước Sainte-Hermine, xét về vũ đạo anh không kém tài bất cứ ai, là học trờ của Vestris Đệ nhị, tức là con trai của bậc thánh khiêu vũ và vũ sư của anh cũng rất tự hào về anh.

Những ai được thấy số lượng ít ỏi những nhã khiêu vũ tài hoa còn sót lại cuối thế kỷ này có lẽ sẽ nghĩ đến tầm quan trọng của việc một thanh niên hợp mốt cần hoàn thiện môn nghệ thuật đó.

- Tôi còn nhớ những quý ông Montbreton đã từng khiêu vũ tại nhà phu nhân Permon trong buổi tối hôm ấy, đến năm 1812 hay 1813, họ đã bốn mươi tuổi. Hồi đó là buổi lễ hội tại Villers-Cotterêts.

Người ta mở đại nhạc vũ hội tập trung toàn bộ giới quý tộc cũ và mới với vô số các anh hào tài tử. Quý ông Montbreton đến từ lâu đài Corcy, quý ông Laigle đến từ Compiègne, một số cách xa ba dặm, số khác cách bảy dặm. Các bạn đoán xem họ đến bằng cách nào? - Bằng xe độc mã. Có những vũ công sống trong xe và coi đó như nhà của mình; xỏ chân vào đôi giầy rong ruổi khắp nơi để biểu diễn nhiều lần nhưng bước nhảy phức tạp nhất, uyên bác nhất.

Trở lại với vũ hội nhà phu nhân Permon. Tiểu thư Beauhamais vui sướng còn tiểu thư Sourdis hãnh diện khi thấy bá tước Sainte-Hermine có thể vượt trội cả về kỹ thuật khiêu vũ cũng như vẻ duyên dáng với những quý ông đang nhảy đầu tiên.

Tuy nhiên, yên tâm về mặt này, lại có thứ khác làm cô gái trẻ phấp phỏng, đó là sự tò mò. Chàng trai kia đã nói gì với Claire?

Có phải anh ta đã giải thích vì sao anh ta buồn lâu như vậy? Về quá khứ câm lặng và niềm vui hiện tại? Cô chạy lại bên bạn kéo tay ra gần một cửa sổ.

- Thế nào, anh ấy đã nói gì với cậu? - Hortense hỏi.

- Một chuyện quan trọng.

- Bạn có thể kể cho tớ nghe không?

- Tất nhiên rồi.

Sự tò mò cao đến mức tiểu thư Beauhamais xưng hô thân mật, điều mà cô không có thói quen làm.

- Chàng nói có bí mật gia đình muốn kể cho tớ nghe.

- Cho bạn?

- Chỉ mình tớ thôi vì vậy anh chàng muốn tớ xin phép mẹ cho phép tớ nói chuyện với chàng một tiếng, vẫn dưới sự kiểm soát của bà nhưng bà sẽ không nghe thấy gì.

- Mẹ bạn sẽ đồng ý chứ?

- Tớ hy vọng như vậy. Mẹ rất yêu tớ, tớ đã hứa xin phép mẹ ngay tối nay và trả lời chàng vào cuối buổi vũ hội.

Bây giờ bạn biết bá tước của bạn rất tuyệt đúng không, anh ấy nhảy như Gardel vậy.

Tiếng nhạc nổi lên báo hiệu chuẩn bị phần nhảy đối thứ hai, các cặp nam nữ lại vào vị trí, buổi khiêu vũ trở nên sôi nổi hơn bao giờ hết.

Cả hai thiếu nữ đều rất hài lòng về Sainte-Hermine, nhưng điệu *Réelle* mới chỉ là điệu nhảy thông thường. Hai điệu thở thách nhất thời đó là *gavotte* và *menuet*. Tiểu thư Beanhamais và Claire đang chờ chàng bá tước trẻ thể hiện điệu *gavotte* mà chàng ta đã xin lệnh của tiểu thư Beauhamais.

Điệu *gavotte* mà ngày nay chúng ta chỉ biết trên sân khấu và coi nó thật kỳ cục thì lại rất quan trọng dưới chế độ Đốc chính, Tổng tài và ngay cả dưới nền Đế chế. Điệu nhảy như những đoạn rắn uốn lượn rất lâu sau khi đã bị cắt đứt. Nó thích hợp biểu diễn trên sân khấu hơn là trong các buổi vũ hội tại nhà với những nhịp và bước phức tạp, những cú xoay rất khó. Người ta phải có sân nhảy thật rộng mới đủ chỗ cho một cặp nhảy và ngay cả những salon lớn, người ta cũng khó thực hiện được bốn cặp liền lúc.

Trong bốn cặp nhảy điệu *gavotte* trong đại sảnh nhà phu nhân Permon, cặp thu hút được sự chú ý và được cổ vũ nhiều nhất là bá tước Sainte-Hermine và Tiểu thư Beauhamais

Những tràng pháo tay rộn rã đến mức kéo được Bonaparte khỏi câu chuyện với quý ôngTalleyrand và ra khỏi phòng khách.

Ông xuất hiện trên ngưỡng cửa đúng lúc cặp nhảy đang bước những nhịp cuối và chứng kiến thành công rực rỡ của tiểu thư Beauhamais và bạn nhảy.

Điệu *gavotte* kết thúc, Bonaparte ra hiệu cho cô con riêng của vợ lại gần, hôn lên trán cô rồi nói:

- Xin chúc mừng tiểu thư, chúng ta đều thấy con có một người thầy giỏi và học rất thuộc bài nhưng quý ông đẹp trai nhảy cùng con ấy là ai thế?

- Con không quen anh ta, thưa tướng quân - Hortense nói - Con gặp anh ta tối nay là lần đầu tiên. Anh ta đã mời con lúc đến mời tiểu thư Sourdis khi chúng con đang nói chuyện. Đúng ra anh ta không mời con mà chờ con ra lệnh thế là con nói muốn nhảy điệu *gavotte*.

- Ít ra con cũng phải biết tên anh ta chứ?

- Anh ta tên là bá tước Sainte-Hermine.

- Được rồi! - Bonaparte tỏ vẻ không vui, lại dân thượng lưu Saint-Germain. Mụ Permon này lôi vào nhà bà ta toàn kẻ thù của mình. Vừa vào đây mình đã thấy phu nhân Contades lẩn đi, một loại điên khùng không đáng với tên thiếu uý hạng bét trong đội quân của mình. Thế mà khi nghe nói đến những vinh quang của mình từ Italia và từ Ai Cập mụ lại nói *"Tôi dùng ánh mắt cũng làm được như ông ta dùng gươm"* thật bực mình. Bonaparte quay sang

nhìn người vừa khiêu vũ cùng Hortense.

Sau khi đưa cô gái ra chỗ mẹ ông quay lại hỏi:

- Ngài Talleyrand, ngài là người hiểu biết, ngài có biết gì về gia đình Sainte-Hermine không?

- Để xem nào - ông Talleyrand vừa đưa tay lên cằm vừa xoay đầu ra sau, đó là cách ông ta suy nghĩ - Họ nhà Sainte-Hermine ở Jura gần Besaneon. Đúng rồi, tôi có biết ông bố, một người rất ưu tú, đã bị hành quyết vào năm 1793, để lại 3 người con trai. Họ trở thành như thế nào tôi cũng không rõ. Anh chàng kia có thể là con trai hay cháu nội, tôi không biết anh em của anh ta. Ngài có muốn tôi hỏi thăm không?

- Ồ, không cần đâu.

- Chuyện này dễ thôi mà. Tôi thấy anh ta qua lại và vừa nãy còn nói chuyện với tiểu thư Sourdis, không gì dễ hơn khi hỏi mẹ cô ấy.

- Không! Chẳng ích gì! Cảm ơn?! Thế họ nhà Sourdis, họ là ai?

- Những người cực kỳ quý tộc.

- Tôi không có ý hỏi điều đó. Thân thế hiện nay của bà ta cơ.

- Tôi nghĩ họ có hai mẹ con. Cách đây vài ngày Cabanis có nói với tôi về họ. Cô con gái đến tuổi cặp kê và tôi nghĩ phải có tiền triệu của hồi môn. Đó phải chàng cũng là mục tiêu của một sĩ quan tuỳ tùng của ngài?

- Vậy ngài cũng đồng ý là phu nhân Bonaparte có thể đến gặp họ?

- Tôi hoàn toàn đồng ý.

- Boumerine cũng đã từng nói chuyện đó với tôi, xin cảm ơn. Nhưng kìa, Loulou làm sao mà sắp khóc thế kia. Thưa phu nhân Permon đáng kính, bà đã làm gì để cô tiểu thư nhà ta lại buồn đến vậy trong một ngày như hôm nay?

- Tôi muốn cháu nhảy bản *menuet* nữ hoàng nhưng cháu nó không muốn.

Bonaparte mỉm cười:

- Tại sao tiểu thư lại không muốn?

- Tôi cũng không rõ. Chắc đó là một kiểu đỏng dành.

- Loulou, con không ngoan rồi.

- Nhưng thưa mẹ! - Tiểu thư Pennon trả lời - Nhưng con chỉ dám nhảy cùng ngài Trénis, con đã hứa với ông ấy.

- Thế thì tại sao bây giờ ông ta vẫn chưa đến đây, đã quá nửa đêm rồi? - Phu nhân Permon hỏi.

- Ông ấy đã báo trước là sẽ đến rất muộn, ông ấy còn hai vũ hội trước nhà ta.

- Chà chà! - Bonaparte nói - Tôi rất lấy làm thích thú khi biết rằng ở nước Pháp lại có người bận rộn hơn cả tôi - Nhưng đó không phải là lý do thưa tiểu thư Loulou, chẳng lẽ vì ngài Trénis không giữ lời mà chúng ta không được xem tiểu thư nhảy điệu *menuet nữ hoàng* sao. Ông ta không có ở đây, đó đâu phải lỗi của tiểu thư, hãy chọn một người khác cũng được.

- Con hãy chọn Gardel - Phu nhân Permon nói.

- Ồ thầy dạy của con ấy à? - Loulou nói.

- Thế thì Laffitte vậy. Sau Trénis, đó là người khiêu vũ giỏi nhất Paris.

Laffitte bước vào phòng, phu nhân Rermon gọi to:

- Ngài Laffltte! Ngài Laffltte! Hãy lại đây!

Laffitte lịch lãm tiến lại. Người này vô cùng duyên dáng và có ngoại hình đẹp.

- Thưa ngài Laffltte - Phu nhân Permon nói - Mong ngài vui lòng nhảy điệu *menuel nữ hoàng* với con gái tôi.

- Sao lại thế thưa phu nhân! - Laffitte kêu lên - Xin lấy danh dự mà thề rằng, phu nhân đã quá ưu ái tôi. Đây sẽ là cuộc thách đấu với ngài Trénis - ông ta

vừa nói vừa cười - Nhưng tôi xin sẵn lòng mạo hiểm? Chỉ có điều tôi không biết mình có vinh hạnh này nên không chuẩn bị mũ.

Để độc giả có thể hiểu phần cuối câu nói của ông Laffltte, tôi xin giải thích rằng trong kiểu chào điệu *menuel* phải có một chếc mũ kiểu vua Louis XV và nếu dùng mũ khác thì không có giá trì gì.

Người ta bắt đầu đi tìm mũ và lát sau chiếc mũ đã có. Điệu nhảy vô cùng thành công. Trong khi ông Laffitte dẫn tiểu thư Permon trở về chỗ thì gặp quý ông Trénis vội vã chạy đến để kịp giữ lời với tiểu thư.

Ông Trénis mệt đứt hơi đứng trước hai người, ông tỏ vẻ ngạc nhiên hơn là giận dữ. Bản *menuet* mà ông phải nhảy, tất cả mọi người đều biết ông sẽ biểu diễn nó thật sự thành công, thế mà người ta đã thực hiện nó không có ông à!

- Ngài đây rồi - Tiểu thư Pemon bối rối nói - Tôi đã chờ ngài đến quá nửa đêm, ngài hãy nhìn đồng hồ đi, trong khi bản này được thông báo sẽ nhảy lúc mười một giờ. Mẹ tôi yêu cầu tôi nhảy cùng ông Laffitte và... - Cô vừa nói vừa cười - Ngài Tổng tài cũng đã ra lệnh.

- Thưa tiểu thư - Trénis nghiêm nghị nói - Phu nhân Permon đã yêu cầu nàng phải hy sinh như vậy, vì bà ấy là chủ nhà nên bà ấy có quyền, thật tiếc là tôi đã đến muộn. Nhưng với ngài Tổng tài ông Trénis cao hơn Bonaparte năm tấc nên đứng trội hơn hẳn - ông ấy lại ra lệnh cô làm việc này khi không có người nhảy giỏi hơn tôi thì ông ấy đã vượt quyền và mắc sai lầm. Tôi không nhúng tay vào những trận chiến của ông ấy thì ông ấy cũng để các phòng nhảy cho tôi. Tôi không hái vòng nguyệt quế của ông ấy thì cũng mong ông ấy đừng động chạm đến cành nguyệt quế của tôi - Rồi ông ta kiêu hãnh đến ngồi gần phu nhân Permon và nói tiếp - Tất nhiên tôi đủ khả năng để tự an ủi mình khi không được nhảy bản này cùng tiểu thư khi lỗi thuộc về tôi. Là kẻ đến muộn, tôi không thể nổi giận trước lời trách cứ của tiểu thư, tuy vậy, bản *menuet nữ hoàng* này đã có vương miện bị đem đi rồi. Tôi vốn nhảy điệu này rất trang trọng, nghiêm túc nhưng không hề ảm đạm như ngài Laffitte đã làm ít ra điều đó cũng làm tôi khá hơn. Ôi! Xem cái tôi đã xem, không bao giờ tôi quên được cảnh đó.

Quanh quý ông Trénis là cả một đám đông đang lắng nghe nỗi đau của ông. Trong số đó có ngài Tổng tài Bonaparte, với những lời lẽ như thế, ông nghĩ mình đang gặp một kẻ khùng.

- Ngài Trénis, - Tiểu thư Pennon nói - Ngài làm tôi lo lắng quá. Tôi đã làm gì vậy?

Tiểu thư đã làm gì ư? Làm sao tiểu thư khiêu vũ bản nhạc mà tôi rất vinh hạnh được khiêu vũ cùng quý cô thế mà tiểu thư đã khiêu vũ cùng Gardel. Ồ! Điều đó không biết gọi là gì. Tiểu thư sẽ khiêu vũ cùng một người, dù có nhảy giỏi nhưng chỉ nhảy đối thôi, tôi nhắc lại là chỉ nhảy đối, anh ta không bao giờ biết cách ngả mũ cúi chào. Tôi có thể khẳng định là anh ta không bao giờ biết.

Vì ông Trénis nhận ra vài người đang cười nên ông nói tiếp.

- Sao, các ngài thấy lạ ư! Được rồi, tôi sẽ cho các vị thấy tại sảo tôi nói anh ta không biết cúi chào, điều này dùng để đánh giá một vũ công nhảy điệu *menuet* đấy. Đó là anh ta không biết đặt mũ vào đâu, thưa các quý ngài. Xin hãy hỏi các quý bà ở đây xem ai thiết kế mũ cho họ: ngài Leroy, nhưng ai đội mũ và tạo kiểu tóc? Ngài Charbonnier! Hãy hỏi ngài Gardel xem cách đội mũ phải thế nào xem ông ấy giải thích ra sao. Tất cả ai cũng biết! Là đội mũ lên đầu, dù xấu hay đẹp, ai cũng làm thế. Nhưng sự trang nghiêm thế nào, luật đặt ngón tay và cánh tay ra sao... Ngài cho phép chứ?

Rồi ông ta cầm chiếc mũ tam giác từ tay một người gần đấy tiến ra trước gương, một nửa khách mời đều đi theo ông. Ông Trenis cúi chào với vẻ duyên dáng hoàn hảo cộng với sự trang nghiêm tột đỉnh rồi đặt mũ lên đầu vẫn bằng dáng điệu ấy.

Bonaparte cũng theo Trénis, tựa vào Talleyrand, ông nói:

- Thế thử hỏi ông ta xem ông ta đối với ngài Laffitte là thế nào. Sau những gì ông ta vừa công kích tôi - Bonaparte vào cười vừa nói thêm - Tôi không dám hỏi ông ta nữa.

Talleyrand đặt câu hỏi theo ý của vị Tổng tài bằng giọng trịnh trọng không kém gì khi ông ta hỏi cuộc chiến giữa nước Anh và Mỹ như thế nào.

- Cái đó - Trénis đáp - cũng như hai người tài năng như chúng tôi có thể ở cạnh nhau với sự ngang bằng nhạy cảm thông kém. Tuy nhiên tôi phải thú thật, trong cuộc cạnh tranh, ông ấy là người đứng đắn, không bao giờ ghen với thành công của tôi. Quả thực, những thành công của ông ấy khiến ông ấy

thêm khoan dung. Bước nhảy của ông ấy linh hoạt và mạnh mẽ. Ông ấy có ưu thế hơn tôi trong tám nhịp đầu của bản *gavotte* của Panurge. Điều đó thì không cần phải bàn cãi. Nhưng phần sau thì tôi lại trội hơn. Tôi thua ông ấy phần khoẻ khoắn còn ông ấy lại kém tôi phần uyển chuyển.

Bonaparte nghe, nhìn và hết sức ngạc nhiên.

- Thế nào! - Talleyrand nói với ông - Bây giờ ngài yên tâm rồi chứ? Không có cuộc chiến nào giữa ngài Trénis và ngài Laffitte. Tôi cũng mong có thể nói như vậy giữa nước Pháp và nước Anh.

Trong lúc buổi vũ hội đang tạm ngừng để ngài Trénis thuyết giảng về kỹ thuật đặt mũ, Claire đang bàn với mẹ một chuyện mà cô cho là quan trọng như ngài Talleyrand và Tổng tài Bonaparte quan tâm về giữ hoà bình giữa hai vũ công hàng đầu Paris cũng như hoà bình trên thế giới. Chàng bá tước luôn theo dõi Claire thấy khuôn mặt cô rạng rỡ nên đoán có thể đã đạt được điều mình muốn.

Anh ta đã không nhầm.

Lấy cớ đi sang phòng khác cho thoáng, tiểu thư Sourdis khoác tay tiểu thư Beauhamais và lúc đi ngang qua bá tước Sainte-Hermine, cô nói:

- Mẹ em đã cho phép ba giờ chiều mai chàng có mặt ở lâu đài.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 13
Ba hiệp sĩ Sainte-Hermine người cha

Ngày hôm sau, khi đồng hồ điểm ba giờ, Hector de Sainte-Hermine gõ cửa lâu đài phu nhân Sourdis. Bên ngoài toà nhà có một khoảng trống khá rộng trồng cây cảnh và trúc đào. Cánh cửa toà nhà mở ra phố Beaune. Nhưng đó là cửa lớn, còn một cánh cửa nhỏ khác hầu như không lộ rõ được sơn màu tường quay ra hướng nhà ga.

Cửa mở, một người Thuỵ Sĩ hỏi tên khách rồi cho anh vào, một người hầu, chắc do tiểu thư Sourdis sai đã đợi sẵn trong phòng chờ.

- Phu nhân không thể tiếp ngài còn tiểu thư đang chờ ngài ngoài vườn và mong ngài thứ lỗi cho phu nhân mẹ nàng - Người hầu đó nói.

Rồi anh ta đi trước dẫn đường cho chàng trai trẻ đến cửa khu vườn.

- Mời ngài đi lối này - Tên hầu nhanh nhảu - Tiểu thư đang ở trong đó.

- Đúng như vậy, dưới ánh nắng của một ngày đẹp trời tháng ba, Claire quấn quanh mình một chiếc khăn lông chồn khiến cô rực rỡ như loài hoa điểm tuyết, một trong những loài hoa đầu xuân. Một tấm thảm Smyme dày trải dưới chân để ngăn vị đất tươi nồng xộc vào đôi giày nhung màu xanh da trời cô đang đi.

Vừa nhìn thấy Saint-Hermine, dù cô đang đợi chàng thậm chí cô còn nghe tiếng chuông đồng hồ điểm giờ, nhưng một làn mây hồng vẫn phủ trên đôi má bánh mật.

Cô gái đứng dậy mỉm cười.

Còn chàng trai rảo bước thật nhanh. Khi đã đến gần, Claire đưa tay chỉ về phía cửa sổ: mẹ nàng đang ngồi ở trong phòng có. cửa sổ quay ra vườn, từ đây bà có thể quan sát hai người nhưng không nghe được gì.

Sainte-Hermine trang trọng cúi chào, điều đó vừa thể hiện sự biết ơn và kính

trọng của anh. Claire chỉ ghế cho Sainte-Hermine ngồi.

- Thưa tiểu thư - Sainte-Hermine nói - Tôi biết tả thế nào cho nàng hiểu được niềm hạnh phúc của mình khi có thể trò chuyện một mình với nàng. Đây là khoảnh khắc mà trời rủ lòng thương dành cho tôi và nó cũng quyết định hạnh phúc hay bất hạnh cả cuộc đời tôi tôi đã chờ đợi một năm nhưng hy vọng chỉ có ba ngày. Nàng thật tốt bụng khi ở vũ hội đã cho tôi biết nàng quan tâm đến sự lo lắng của tôi. Gặp nàng, tôi vừa hạnh phúc lại vừa đau khổ, nàng cũng thấy nỗi đau và niềm vui giằng xé tôi khiến tôi luôn âu lo đúng không. Tôi sẽ nói cho nàng biết tại sao, có thể đây là câu chuyện dài nhưng chỉ có như vậy nàng mới hiểu về con người tôi.

- Xin chàng cứ nói mọi điều chàng cho là cần. Em luôn lắng nghe.

- Chúng tôi, hay đúng ra là tôi vì tôi là người cuối cùng trong nhà, xuất thân từ một gia đình có thế lực ở Jura. Cha tôi là võ tướng dưới triều vua Louis XVI, ông là một trong số những người bảo vệ đức vua trong cuộc nổi dậy 10 tháng Tám, chỉ có điều cha tôi không trốn đi như những quý tộc khác mà ở lại Pháp. Đức vua chết nhưng mọi hy vọng vẫn chưa tắt, ông nghĩ bằng cách nào đó có thể cứu được Hoàng hậu từ nhà ngục Temple. Ông dồn một số tiền lớn cho dò la và được biết một trong số vệ binh thành phố có. một chàng trai người miền nam tên là Toulan. Người này rất yêu hoàng hậu, sẵn sàng hy sinh vì bà. Cha tôi quyết định liên kết với người này hay đúng ra là lợi dụng vị trí của anh ta ở Temple để cứu hoàng hậu.

Sau đó, anh trai cả Léon de Sainte-Hermine của tôi vì mệt mỏi khi thấy mình không làm được gì nên xin phép cha tôi rời Pháp sang phục vụ cho quân đội của Condé. Sau khi cha tôi đồng ý anh ấy ngay lập tức sang với hoàng thân. Câu chuyện ở nhà tiếp diễn như sau: Vẫn còn một bộ phận lớn người hiếu kỳ, trong số đó có số ít người phục vụ trung thành đòi phải được gặp hoàng hậu. Vậy là chính quyền xếp đặt cho những người này đứng dọc đoạn đường hoàng hậu đi ra vườn hai lần mỗi ngày. Nhân lúc quân lính gác không chú ý, người ta có thể nói vài lời với hoàng hậu hoặc đưa giấy tờ cho bà.

Toulan vốn có ân tình cũ với cha tôi, lòng biết ơn và tình yêu đã thúc đẩy anh ta làm việc như sau: Cha mẹ tôi lấy cớ thăm hoàng hậu, ăn mặc giống như những phú hộ ở Jura, nói giọng Besançon đến nhờ Toulan. Anh ta sắp xếp cho cha mẹ tôi đứng dọc lối đi của hoàng hậu.

Giữa những tù nhân của nhà ngục Temple và các nhà quý tộc có một số ký

liệu riêng giúp cho họ hiểu nhau như những con tàu trên biển. Hôm qua cha mẹ tôi đến thăm hoàng hậu, vừa bước ra khỏi phòng, hoàng hậu đã thấy một cọng rơm dựng trên tường. Điều này có nghĩa*: "Hãy chú ý, chúng tôi lo cho lệnh bà"*. Thực ra, lúc đầu hoàng hậu không chú ý nhưng phu nhân Elisabeth nhìn thấy đã ra hiệu cho chị dâu. Hai nữ tù nhân nhận ra hôm đó Toulan đến trực. Toulan còn rất yêu hoàng hậu.

Hoàng hậu cũng biết tình cảm của chàng trai đáng thương này nên cảm thấy ngày anh ta trực đến gần, bà viết sẵn một mẩu giấy *"ama po co chetemela morte!"* (Hãy yêu ít thôi hỡi kẻ sợ chết) rồi giấu sẵn bên người. Vừa nhìn thấy Toulan, bà đưa luôn mẩu giấy cho anh ta.

Chưa cần biết trong giấy viết gì Toulan đã nhảy lên sung sướng. Ngay từ hôm đó, anh ta sẽ chứng tỏ cho hoàng hậu thấy là mình không sợ chết. Toulan sắp đặt cho cha mẹ tôi đứng trong cầu thang của toà tháp để hoàng hậu được tiếp xúc với họ. Mẹ tôi cầm một bó hoa cẩm chướng tuyệt đẹp. Thấy thế, hoàng hậu thốt lên: "Ôi những bông hoa mới đẹp làm sao, chúng thơm quá!". Mẹ tôi rút bông hoa đẹp nhất đưa cho hoàng hậu. Bà liếc nhìn Toulan xem có nên nhận hay không. Toulan gật đầu.

Trong hoàn cảnh thông thường, chuyện đó không có gì đặc biệt, nhưng trong ngày hôm ấy, họ đã nghẹn thở, những con tim phải gắng mới đập nổi. Ngay lập tức hoàng hậu nhận ra trong đài hoa có kẹp một mảnh giấy nhỏ bèn vội vàng giấu vào trong áo.

Cha tôi đã nhiều lần kể lại rằng mẹ tôi, nữ bá tước Sainte-Hermine hôm đó quá căng thẳng khiến sắc mặt bà nhợt nhạt và khủng khiếp nhưng may là không ai chú ý.

Hoàng hậu rất bình tĩnh, không vội rút ngắn thời gian đi dạo mọi ngày. Bà lên gác theo đúng giờ, chỉ có điều khi còn một mình với em gái và con gái, bà mới xé bông hoa giấu trong áo.

Trong đó có một mảnh giấy lụa ghi nét chữ ly ti nhưng vẫn đọc được. Nó có nội dung như sau:

Thứ tư, ngày kia, hãy yêu cầu được xuống vườn như mọi lần hoàng hậu yêu cầu. Sau khi dạo ba, bốn vòng, hãy giả bị mệt và lại gần quầy ăn giữa vườn, sau đó yêu cầu chị Plumeau cho phép ngồi nghỉ tại đó. Điều quan trọng là lệnh bà phải nghỉ ở đó đúng 11 giờ trưa để những người giải thoát cho lệnh

bà phối hợp ăn ý.

Ở đó một lát, lệnh bà giả vờ khó chịu và ngất đi. Người ta sẽ cho đóng cửa để cấp cứu. Hoàng hậu sẽ ở cùng phu nhân Elisabeth và phu nhân Royale. Nắp hầm sẽ mở ra. Hãy nhanh chóng chui xuống đó, cả ba người sẽ được cứu".

Cả ba chi tiết đáng tin cậy đã xuất hiện. Sự xuất hiện của Toulan, cọng rơm trên tường và mảnh giấy này khiến những nữ phạm nhân khá yên tâm, vả lại, họ còn gì dể mất? Vấn đề là làm sao thực hiện được đúng chỉ dẫn trên.

Chín giờ sáng thứ tư, hoàng hậu dọc lại mảnh giấy rồi sang phòng Royale. Nhưng ngay lập tức, bà chạy ra gọi lính gác.

Họ đang ăn trưa nên hoàng hậu phải gọi vài lần. Mãi sau mới có một người lính xuất hiện.

- Công dân cần gì? - Anh ta hỏi.

- Marie-Antoinette giải thích Royale đang bị ốm và cần đi tắm nắng, nhưng người ta chỉ cho họ đi dạo vào giữa trưa, khoảng thời gian nắng chói chang nên bà xin phép hôm đó Royale được đi dạo sớm hơn từ mười giờ đến mười hai giờ thay vì từ mười hai giờ đến hai giờ chiều như mọi khi. Hoàng hậu xin anh ta đi báo cho tướng Santerre, người có quyền quyết định. Bà còn nói thêm là sẽ biết ơn sâu sắc khiến anh này phải ngả mũ:

- Thưa bà - Anh ta nói - tướng quân sẽ ở đây trong nửa tiếng nữa và khi ông đến chúng tôi sẽ chuyển yêu cầu của bà - Rồi vừa rút lui vừa tự nhủ mình không sai khi giúp phạm nhân, anh ta lẩm bẩm: Đúng vậy! Đúng vậy!

- Cái gì đúng? - Một người lính khác hỏi.

- Cho bà ấy dẫn cô con gái ốm yếu đi dạo.

- Phải rồi - Người kia nói - Cho bà ta dẫn cô con gái từ Temple đến quảng trường cách mạng, nơi xử các tội phạm. Trước sau gì người ta chẳng dẫn họ ra đó.

Hoàng hậu nghe câu trả lời của người lính mà rùng mình nhưng bà chỉ tập trung đến việc làm sao thực hiện đúng chỉ dẫn.

Chín giờ ba mươi, Santerre đến.

Thật xuất sắc thay một con người như Santerre, một chút thô bạo, một chút tàn nhẫn, người bị buộc tội oan là cho đánh trống cắt lời vua trên giá treo cổ và ông ta chẳng bao giờ khuây khoả vì chuyện đó chỉ có điều ông tỏ ra khó chịu với cả quốc hội lẫn công xã đến nỗi suýt mất đầu ở đó.

Ông ta chấp thuận yêu cầu của hoàng hậu.

Một trong số lính gác đến báo tin cho bà biết tướng Santerre đã đồng ý.

- Cảm ơn ông - Bà nói kèm theo một nụ cười duyên đã từng làm Bamave và Mirabeau thất điên bát đảo, sau đó quay lại con chó nhỏ phía sau:

- Black, mày cũng nên vui vì được đi dạo cùng ta - Sau đó lại quay lại người lính - Chúng tôi có thể đi lúc mấy giờ

- Vào lúc mười giờ như bà đã ấn định.

Hoàng hậu nhún mình và người lính ấy lui bước.

Còn lại ba người phụ nữ nhìn nhau vừa lo âu xen lẫn hy vọng và vui mừng. Royale xà vào lòng mẹ, phu nhân Elisabeth lại gần nắm lấy tay Marie-Antoinette.

- Chúng ta hãy cùng cầu nguyện - Hoàng hậu nói, nhưng chỉ cầu nguyện trong thâm tâm thôi để không ai biết chúng ta đang cầu nguyện.

Mười giờ, một tiếng súng vang đến tận tai hoàng hậu.

- Các lính canh thay phiên đấy - Phu nhân Elisabeth nói.

- Thế thì họ sắp tìm chúng ta rồi - Royale nói.

Thấy hai người tái mét, hoàng hậu khuyên:

- Can đảm lên! - Nhưng chính bà cũng tái người đi.

- Mười giờ rồi, cho phạm nhân xuống - Tiếng từ dưới vọng lên.

- Chúng tôi đây rồi - Hoàng hậu đáp lại.

Lớp chắn đầu tiên mở, dẫn ra một hành lang tối mờ. Chính nhờ bóng tối ấy mà họ giấu được cảm xúc của mình, con chó nhỏ mừng rỡ chạy phía trước. Nhưng đến một cánh cửa, nó sững lại hít phía dưới rồi sủa lên những tiếng rền rĩ, nghe tiếng rên ri tru tréo đau đớn như thể nó đang kêu trước lúc chết.

Hoàng hậu đi qua nhanh nhưng chỉ được vài bước bà phải dừng lại vịn vào tường, hai người phụ nữ lại gần và trở nên bất động.

- Con chó nhỏ Black đuổi theo họ.

- Thế nào?- Một giọng kêu to - Bà ta có xuống hay không?

- Chúng tôi đây rồi - Lính dẫn đường đáp.

- Đi thôi! Hoàng hậu gắng gượng nói.

Khi bà xuống chân cầu thang, tiếng trống gọi lính gác vang lên không phải để xếp hàng danh dự mà báo hiệu canh phòng cẩn mật và cũng để chứng tỏ sự cẩn trọng, bà sẽ không thể trốn được.

Cánh cửa lớn nặng nề mở ra. Ba phạm nhân bước ra sân. Họ đi nhanh ra vườn tường bao của khu sân vẫn còn đầy những lời tục tĩu và những bức tranh thô lỗ do đám lính nô nghịch vẽ về họ.

Thời tiết hôm ấy rất đẹp, ánh nắng mặt trời còn dịu dàng dễ chịu. Hoàng hậu đi dạo khoảng bốn mươi lăm phút. Mười một giờ kém mười lăm, bà lại gần nhà ăn nơi có một người phụ nữ tên là Plumeau bán thịt lợn, rượu vang và nước cho binh lính.

Hoàng hậu bước đến ngưỡng cửa, chuẩn bị vào ngồi nhờ thì nhận ra tên bán giày Simon đang ngồi ăn trưa. Hắn là một trong số những kẻ thù thô thiển nhất của bà. Hoàng hậu lùi lại một bước, bà gọi con chó nhỏ đã nhảy vào trước để quay ra.

Nhưng Black đã tiến thẳng đến chỗ nắp đậy hầm nơi chị goá Plumeau đựng thức ăn và dỗ uống. Nó dán mũi vào cạnh nắp.

Hoàng hậu run lên, bà đoán được điều gì thu hút nó vào đấy. Bà gọi nó giật giọng nhưng Black như không hề nghe hoặc vờ không nghe. Đột nhiên nó càu nhàu rồi sủa rất giận dữ. Một ý nghĩ loé lên trong đầu tên bán giày khi thấy con chó nhất định không tuân lệnh chủ. Hắn chạy ra cửa và gào to:

- Lính đâu! Tạo phản! Lính đâu?

- Black! Black? - Hoàng hậu tuyệt vọng kêu lên và tiến vài bước vào nhà ăn.

Nhưng con chó không nghe mà càng sủa to.

- Lính đâu! - Simon tiếp tục kêu to - Lấy vũ khí! Có bọn quý tộc trong hầm nhà công dân Plumeau. Chúng đến để cứu hoàng hậu! Quân tạo phản! Có kẻ phản nghịch!

- Cầm vũ khí! - Đám lính hô to.

Một vài lính gác mang súng chạy lại chỗ hoàng hậu bao vây ba người và dân họ về toà nhà. Mặc dù chủ đã đi xa nhưng con chó nhỏ vẫn ở đó, nó tưởng có nguy hiểm nhưng lần này bản năng của nó đã nhầm.

Hơn chục lính xông vào nhà ăn. Simon mắt nảy lửa chỉ vào nắp hầm nơi con chó Black vẫn đang sủa.

- Ở đấy kia, dưới nắp hầm! - Simon hô hoán - Tôi đã thấy cái nắp động đậy. Tôi chắc chắn như vậy.

- Lên đạn! - Đám vệ binh bảo nhau.

Người ta nghe tiếng đạn nạp vào súng lách cách.

- Đấy! Đấy! Vẫn tiếng Simon gào to.

Một sĩ quan, nhấc nắp lên, hai người khác nhảy vào giúp anh ta nhưng cái nắp vẫn không nhúc nhích.

- Chúng giữ phía dưới đấy - Simon kêu lên - Bắn qua nắp đi!

- Thế còn rượu của tôi! - Công dân Plumeau kêu lên - Các ông sẽ làm bể hết!

Simon vẫn tiếp tục hét:

- Bắn!

- Thôi im đi! - Một sĩ quan mắng hắn - Còn các anh, mang rìu lại đây bổ cái nắp này ra.

Đám lính tuân lệnh.

- Bây giờ - Viên sĩ quan nói - Tất cả hãy sẵn sàng bắn vào trong khi đã mở nắp.

Người ta lấy rìu bổ vào nắp hầm ngay khi có một lỗ thủng, hai chục viên đạn xả liên tiếp vào đó khiến lỗ thủng ngoác ra nhanh chóng. Nhưng dưới đó không có ai.

Viên sĩ quan lấy một cây đuốc và nhảy xuống dưới hầm trống rỗng.

- Theo tôi! - Anh ta ra lệnh rồi vội vã chạy xuống bậc thang.

- Tiến lên! - Đám vệ binh hô hét rồi cùng chạy theo chỉ huy của họ.

- Ái chà! Chị Plumeau! - Simon kêu to và chỉ tay vào chị - Chị cho bọn quý tộc mượn hầm để giải thoát hoàng hậu đúng không?

Nhưng Simon đã đổ oan cho chị. Tường hầm nhà chị ta bị đục thủng dẫn đến một đường hầm khác rộng ba bộ, cao năm bộ dẫn đến phố Corderie.

Viên sĩ quan chạy theo hướng đó nhưng gặp một hàng rào sắt chắn lại.

- Chú ý! - Viên sĩ quan nói với cấp dưới - Chúng không chạy xa được đâu! Bốn người ở lại đây giết hết không để sót một ai. Tôi sẽ đi báo cáo. Quan quý tộc muốn giải thoát hoàng hậu.

Cuộc giải cứu ấy còn có tên là cuộc giải cứu *Hoa cẩm chướng* mà ba nhân vật chính là cha tôi, hiệp sĩ Maison-Rouge và Toulan trong đó cha tôi và Toulan bị đưa ra pháp trường còn hiệp sĩ Maison-Rouge ẩn được trong nhà người thợ thuộc da phố Saint-Victor nên thoát chết.

Tuy nhiên, trước khi chết, cha tôi vẫn ra lệnh cho anh trai tôi theo gương ông

và sẵn sàng hy sinh vì nền quân chủ.

Còn anh trai của chàng - Claire không nén nổi xúc động trước câu chuyện thì thầm hỏi -Anh ấy có tuân theo lệnh cha không"

- Nàng sẽ biết - Hector trả lời - nếu nàng cho phép tôi tiếp tục kể.

- Vâng! Hãy kể đi! Em xin lắng nghe bằng cả trái tim đây! - Claire kêu lên.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 14
Léon de Sainte-Hermine

Ít lâu sau khi cha bị hành quyết, mẹ tôi ngã bệnh và qua đời, tôi không thể báo tin đau đớn này cho anh Léon của tôi.

Từ khi cuộc chiến ở Berchem nổ ra, chúng tôi không biết anh ấy ra sao. Tuy vậy, tôi viết cho anh Charles đang ở Avignon và anh ấy lập tức về Besançon. Sau này chúng tôi mới biết về trận Berchem và số phận của Léon. Tin này từ chính thái tử Condé sai người về viếng mẹ tôi cùng thời điểm anh Charles từ Avignon về.

Ngày mùng bốn tháng Mười hai năm 1793, hoàng tử Condé đã bị chiếm tổng hành dinh ở Berchem. Hai lần Pichegru phản kích nhưng không lấy lại được. Để chiếm lại một làng, Léon dũng cảm đi đầu và mất tích trong đó. Dù anh ấy có đồng đội đi cùng nhưng những người này không có tin tức gì. Người ta lục tìm anh trong số các xác chết những không có. Mọi người cho rằng do quá mải săn đuổi quân Cộng hoà nên anh ấy đã bị bắt. Bị bắt cũng có nghĩ là chết vì bất kể ai rơi vào tay họ đều phải ra toà án binh và đều bị xử bắn. Tin tức dù chưa chính thức ấy đã làm chúng tôi đau đớn, cùng lúc có người báo một lính trẻ Besançon đến từ quân đội sông Rhin muốn gặp chúng tôi. Đó là một thanh niên còn rất trẻ, chỉ khoảng mười bốn tuổi, cậu talàcon trai của bạn cũ của bố tôi. Cậu ta ít hơn tôi một tuổi và chúng tôi đã lớn lên cùng nhau. Cậu ấy tên là Charles N. Tôi chạy ra đón cậu ấy trước tên. Tôi biết từ ba tháng qua cậu ấy ở bên cạnh tướng Pichegru. Tôi chạy đến và khóc.

- Charles đấy ư? Cậu mang tin của anh tôi phải không?

- Tiếc thay là như vậy. Anh Charles của cậu có ở đây không?

- Có - Hãy cho người gọi anh ấy. Điều tôi nói với cậu cần có sự chứng kiến của anh ấy.

- Tôi gọi anh trai xuống.

- Anh Charìes, cậu ấy mang tin của Léon.

- Tin xấu đúng không?

- Em e là như vậy vì nếu không cậu ấy đã nói rồi.

Người bạn của tôi không nói gì, chỉ cười buồn rồi lẳng lặng lấy một chiếc mũ lính từ trong áo đưa cho anh tôi.

- Bây giờ anh là chủ gia đình, vật này thuộc về anh.

- Cái gì vậy? - Anh tôi hỏi.

- Chiếc mũ mà anh ấy đội khi bị bắn - Charles trả lời.

- Như vậy thôi sao? Thế là hết ư? - Anh tôi hỏi lại, mắt ráo hoảnh trong khi nước mắt tôi đã trào khỏi mi.

- Vâng.

- Anh ấy mất thật rồi ư?

- Như một anh hùng.

- Cầu Chúa phù hộ! Cầu cho danh dự anh ấy được bảo toàn!

- Chắc phải có gì trong này chứ?

- Một lá thư.

Anh tôi lật ngược cái mũ lấy dao rạch đường chỉ và rút ra một lá thư, bên ngoài có ghi: "*Gửi em Charles của anh, Trước tiên và trước tiên nhất, em hãy giấu mẹ càng lâu càng tốt về cái chết của anh"*.

- Vậy là anh ấy mất mà không biết mẹ đã đi trước mình? - Anh tôi hỏi.

- Không phải - Charles đáp- Em đã nói cho anh ấy biết.

Anh tôi giở lá thư và đọc:

"Anh bị bắt ở Berchem: ngựa của anh trúng đạn ngã gục khiến anh không tự vệ được. Kiếm của anh bị văng ra xa, thế là bốn tên lính Cộng hoà xông vào.

Chúng dẫn anh ra lâu đài Auenhein để xử bắn anh, trừ có phép màu nếu không anh không thể thoát. Cha đã trao gửi lời thề với đức vua và hy sinh vì nó. Anh đã thề với cha vì mục đích tương tự và sẽ ra đi. Đến lượt em, em hãy tiếp tục lời thề ấy. Nếu em chết, Hector sẽ trả thù cho chúng ta. Hãy cho anh gửi lời cầu nguyện trên bia mộ mẹ và gửi nụ hôn vĩnh hằng đến Hector.

Vĩnh biệt.

Léon de Sainte-Hermine"

Tái bút: Anh không biết làm thế nào để gửi lá thư này đi, chỉ cầu Chúa phù hộ cho nó"

Anh tôi hôn lá thư, đưa cho tôi hôn nó rồi anh ấp lá thư vào lòng.

- Cậu chứng kiến cái chết của anh tôi chứ? - Charles hỏi.

- Vâng - Bạn tôi đáp.

- Vậy thì hãy kể tường tận, đừng bỏ sót một chi tiết nào.

- Được ạ. Hôm đó, em đang trên đường từ Strasbourg đến tổng hành dinh của tướng Pichegru ở Auenheim thì gặp một toán lính bộ binh khoảng hai chục người do một đại uý dẫn đầu đi đến gần Sessenheim. Toán người ấy đi hàng hai. Ở giữa có một người tập tễnh đi mà nhìn qua em cũng biết đó là một kỵ binh. Anh ấy choàng một chiếc áo trắng xuống tận chân chỉ hở cái đầu. Đó là một thanh niên còn trẻ, thông minh và nhìn quen quen. Anh đội một chiếc mũ quân đội kiểu quân Pháp. Em lại gần anh ấy và chắc thấy em còn trẻ anh hỏi.

- Em đi đâu thế, công dân?

- Đến thủ phủ của tướng Pichegru, từ đây đến đấy còn bao xa?

- Khoảng hai trăm bộ nữa thôi. Cuối con đường này, ngôi nhà đầu tiên là

làng Auenheim.

Em hơi ngạc nhiên khi anh chỉ đường bằng cái hất cằm chứ không đưa tay ra.

- Cảm ơn!

Em nói rồi rảo bước đi nhanh vì thấy người đi cùng không hài lòng về anh ấy. Nhưng anh ấy gọi em lại.

- Này, nếu em không vội, em hãy đi chậm cùng chúng tôi để tôi hỏi tin nhà được không.

- Tin nhà nào? - Em hỏi lại.

- Thế chẳng phải cậu là người Besançon hay ít ra là người miền France-Conté đó sao?

Em ngạc nhiên nhìn anh ấy; giọng nói, khuôn mặt, quần áo đều gợi cho em ký ức tuổi thơ. Chắc chắn ngày xưa em có quen chàng trai đẹp đẽ này.

- Sau đó, cậu có thể tiếp tục cuộc vi hành của mình. - Anh ấy nói và cười.

- Không đâu - Em trả lời - Tôi chỉ nhớ xưa có vị học giả lấy biệt hiệu Tyrtame sau đó người Athens đạt tên Beau Parleur và sau năm mươi năm sống Athens đã được coi luôn là người Lesbot.

- Ái chà, cậu là học giả cơ đấy. Thời này, điều ấy là xa xỉ đấy - Anh ấy nói.

- Không đâu. Tôi đi gặp tướng Pichegru, ông ấy cũng rất có học thức. Tôi hy vọng với hiểu biết của tôi, ông sẽ đồng ý nhận tôi làm thư ký. Còn anh, tôi tò mò muốn biết liệu anh có phải ra nhập quân đội không?

Không đâu - Anh ấy nói và cười.

- Thế thì anh bị bắt buộc à?

- Bị bắt - Anh ấy lại cười và nói - Phải rồi, cậu tìm đúng từ rồi đấy chỉ có điều tôi không bị họ bắt buộc mà tự tôi đi, thưa quý ngài đáng kính.

- Này, anh nói từ "quý ngài" to thế mà không sợ bị mất chỗ à?

- Này đại uý - anh ấy nói với viên sĩ quan và cười - Anh chàng này sợ tôi bị mất chỗ vì tôi nói chữ "Quý ngài". Ngài có biết ai sẽ thích tôi không? Để tôi còn viếng anh ta.

- Đồ quỷ đáng thương! - Viên đại uý lẩm bẩm và nhún vai.

- Này chàng trai trẻ, có đúng cậu là người Besançon không?

- Tôi gật đầu.

- Chắc cậu phải biết gia đình Sainte-Hermine chứ?

- Có một bà goá và ba con trai.

- Ba con trai, đúng rồi - anh ấy nói kèm theo tiếng thở dài - Bây giờ thì còn ba. Cảm ơn. Cậu rời Besançon bao lâu rồi?

- Bảy ngày.

- Vậy cậu có tin gì mới không?

- Có nhưng buồn lắm.

- Cứ nói đi.

- Trước hôm tôi đi, hai cha con tôi đã dự đám tang của bá tước phu nhân.

- Trời ơi! Anh ấy nói và ngửa mặt lên trời - Bá tước phu nhân đã chết!

- Vâng.

- Càng tốt!

- Sao lại càng tốt! - Em kêu lên - Bà ấy là một bậc thánh nhân!

- Vì như thế là khỏi phải đau lòng khi nghe tin đứa con trai bị xử bắn.

- Cái gì cơ! Bá tước Sainte-Hermine đã bị bắn ư?

- Chưa nhưng sắp rồi.

- Khi nào?

- Khi chúng ta đến lâu đài Auenheim.

- Bá tước đang ở đó ư?

- Chưa người ta đang dẫn anh ta đến.

- Và người ta sẽ bắn anh ấy?

- Ngay khi tôi đến nơi.

- Anh là người hành quyết sao?

- Không, tôi là người chịu hứng đạn.

- Ôi lạy Chúa! Có phải anh là...

Anh ấy phá lên cười:

- Chính vì thế nên tôi mới cười khi cậu bảo tôi ăn nói thận trọng, tại sao tôi muốn có người thay chỗ mình đúng như cậu nói: tôi bị bắt buộc!

Rồi anh ấy lắc áo choàng để lộ la hai tay bị trói.

- Anh đúng là…

- Bá tước Sainte-Hermine, chàng trai ạ. Cậu đã thấy tôi nói đúng khi mẹ tôi nên chết trước chưa.

- Ôi lạy Chúa! - Em kêu lên.

- Thật may là các em tôi vẫn còn sống.

- Đúng thế, chúng tôi đã đồng lòng sẽ trả thù cho anh ấy - Hector Sainte-Hermine nói.

***

- Như vậy là anh trai chàng bị xử bắn? - Tiểu thư Sourdis hỏi.

- Vâng - Hector đáp - Nàng có muốn nghe chi tiết không? Mỗi chi tiết đều làm chúng tôi nghẹn ngào nhưng với nàng có thể chúng bình thường vì nàng chưa biết anh ấy.

- Ngược lại! - Tiểu thư Sourdis thốt lên - Đừng nói như vậy. Dù bá tước Sainte-Hermine không là người thân của em nhưng không lẽ vì thế mà em không có quyền được nghe kể cái chết của anh ấy hay sao?

- Vậy tôi xin kể lại lời Charles đã thuật lại cho chúng tôi nghe.

"… Các anh có thể hình dung em bàng hoàng thế nào khi nhận ra chàng trai ấy là Sainte-Hermine, một người yêu nước, thủ lĩnh các gia tộc quân chủ chúng ta. Em lại gần anh ấy và hỏi:

- Không có cách nào cứu anh nữa ư?

- Phải thú thật với cậu là tôi chưa nghĩ ra, nếu có tôi đã thực hiện không để lỡ một giây nào rồi. Tuy nhiên tôi có việc muốn nhờ cậy.

- Anh nói đi.

- Có thể điều này hơi nguy hiểm và anh sợ cậu sẽ phải hoảng hốt.

- Em sẵng sàng làm cho anh bất cứ việc gì.

- Anh muốn em chuyển tin cho em trai của anh.

- Em đồng ý.

- Nhưng đó là một lá thư.

- Em sẽ chuyển.

- Nếu vậy em hãy nghe đây.

Em tiến sát anh ấy.

Thư đã viết rồi và được giấu trong mũ của anh.

- Vâng.

- Em hãy xin viên đại uý cho phép em tham dự buổi hành quyết.

- Em ư - Em đáp mà mồ hôi lạnh toát chân tóc.

- Đừng sợ, hành quyết luôn gây hiếu kỳ. Nhiều người vẫn đến xem cho vui đó thôi.

- Em không bao giờ dám.

- Thôi nào, chuyện đó xảy ra nhanh thôi.

- Ồ không bao giờ! Không bao giờ!

- Đừng nói nữa. Sau này, nếu có cơ hội gặp các em tôi, hãy nói rằng cậu gặp tôi trên đường đưa tôi đi xử bắn:

Rồi anh ấy huýt sáo bài *Đức vua Henry Đệ tứ vạn tuế*. Em vội lại gần anh ấy và nói:

- Em xin lỗi, em sẽ làm như anh muốn.

- Thấy chưa, cậu là chàng trai tốt! Cảm ơn em!

- Chỉ có điều…

- Gì vậy?

- Anh nói với tên đại uý cho em được… Không bao giờ em tự tha thứ cho mình khi để người khác nghĩ rằng em xem xử tử cho vui.

- Được thôi, để anh nói. Anh sẽ yêu cầu để em giữ lại chiếc mũ của anh chuyện này cũng bình thường thôi, vẫn diễn ra thường ngày mà. Một chiếc mũ thì không có gì đáng nghi cả.

- Vâng ạ.

- Lúc chuẩn bị bắn, anh sẽ ném nó ra cạnh. Đừng vội nhặt, chờ anh đi hẳn đã…

- Ôi trời ơi! - Em đã run lẩy bẩy và tái người đi.

- Có ai còn rượu cho cậu em tôi một ngụm không? Cậu ấy bị lạnh.

- Lại đây cậu bé - Viên đại uý gọi và chìa bi đông ra.

Tôi đón lấy và uống một ngụm rồi quay lại phía anh ấy.

- Khi anh chết - Léon nói - Hãy nhặt cái mũ nhưng đừng làm ra vẻ quan trọng quá, kỳ thực nó là tâm nguyện cuối cùng của anh đấy, tâm nguyện của một người sắp ra đi. Nó là một vật thiêng liêng. Em phải trao tận tay em trai anh lá thư ấy. Nếu cái mũ vương víu, em có thể vứt nó đi nhưng hãy giữ lại lá thư, đừng để mất nó nghe không?

- Vâng ạ - Em nói và cố gắng ngăn hai hàng nước mắt chực ứa ra.

- Em sẽ không làm mất đúng không?

- Không! Không đâu! Anh cứ yên tâm.

- Và em sẽ trao tận tay em trai của anh?

- Vâng, tự em sẽ làm.

- Hãy đưa cho em Charles của anh. Tên cậu ấy cũng giống tên em rất dễ nhớ.

- Cho anh Charles, không ai khác. Em hãy nhớ lấy và khi họ hỏi, em hãy kể anh chết như thế nào, cậu Charles em anh sẽ nói *"Phải rồi, tôi có một người anh rất dũng cảm"* rồi khi đến lượt cậu ấy, cậu ấy sẽ ra đi như anh.

Chúng em đến đoạn hai đường giao nhau: một dẫn đến tổng hành dinh của tướng Pichegru, một dẫn đến lâu đài. Em muốn nói điều gì đó mà không cất lên lời. Em nhìn anh Léon với vẻ van nài nhưng anh ấy đã cười.

- Đại uý - anh ấy gọi - cho tôi một ân huệ.

- Nếu nó thuộc quyền hạn của tôi…

- Có thể đó là một sự yếu mềm nhưng chỉ chúng ta biết với nhau thôi được không? Khi chết tôi muốn được ôm hôn một người đồng hương. Chúng tôi đều là con của miền Jura, chúng tôi sinh ra và lớn lên trên đất. Một ngày nào đó, nếu tình cờ cậu ấy gặp gia đình tôi, cậu ấy sẽ kể rằng cậu ấy đã ở bên tôi đến lúc tôi trút hơi thở cuối cùng như thế nào.

Viên đại uý nhìn em đang khóc.

- Thôi được nếu điều đó làm hai anh vui lòng.

- Tôi không nghĩ chuyện đó làm em tôi vui lòng - Anh Léon vừa nói vừa cười - Nhưng tôi thì rất vui. Ngài chấp thuận chứ?

- Tôi đồng ý - Viên đại uý nói.

Em lại gần anh ấy. Anh nhìn em cười và nói.

- Cậu thấy chưa, cho đến giờ mọi chuyện đều ổn thoả.

Chúng em tiến lên một quả đồi và nhanh chóng đi qua một chiếc cầu treo. Chúng em đợi một lúc trong sân chờ lệnh hành quyết từ một đại tá, một lát sau, viên đại uý xuất hiện.

- Anh sẵn sàng chưa?

- Bất cứ lúc nào.

- Anh còn muốn nói gì không?

- Không, nhưng tôi muốn nhờ ngài một số điều.

- Tôi sẽ chấp nhận nếu thuộc thẩm quyền của tôi.

- Cảm ơn đại uý.

Viên đại uý lại gần anh trai Léon của các anh.

- Chúng ta có thể phục vụ dưới hai lá cờ - Anh ta nói - Nhưng chúng ta vẫn là người Pháp và những người anh hùng đều hiểu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên, anh muốn gì?

- Trước tiên, tôi muốn tháo sợi dây trói này ra, nó khiến tôi giống như một tên trộm.

- Được rồi, cởi trói cho anh ta! - Viên đại uý ra lệnh.

Em xông vào tháo dây cho bá tước trước khi bất cứ ai lại gần anh ấy.

- Tự do thật là dễ chịu - Anh Léon vươn tay khỏi áo choàng và nói.

- Anh còn muốn gì nữa không?

- Tôi muốn là người ra lệnh khai hoả.

- Anh sẽ được ra lệnh.

- Tôi muốn gửi một món đồ kỷ niệm cho gia đình.

- Anh biết là mọi thứ liên quan đến chính trị đều bị cấm, ngoài ra thì không vấn đề gì.

- Ồ tôi không muốn khiến ngài lo lắng. Đây là người đồng hương Charles của tôi đã được ngài cho phép tham gia vụ hành quyết Tôi nhờ cậu ấy mang về không phải thư từ gì cả mà chỉ một đồ vật của tôi như cái mũ chẳng hạn.

- Có thế thôi ư? - Viên đại uý hỏi.

- Chỉ thế thôi. Đã đến giờ rồi. Tôi bắt đầu thấy lạnh chân, lạnh chân là điều tôi ghét nhất trên đời. Chúng ta đi thôi, tôi nghĩ ngài sẽ đi cùng tôi chứ?

- Đó là nhiệm vụ của tôi.

Bá tước Léon de Sainte-Hermine chào em, bắt tay và cười như một người vui sướng vì đã thành công.

- Đến chỗ nào? - Anh ấy hỏi.

- Vào kia - Viên đại uý nói vàchỉ vào cây cột phía xa xa.

Mọi người đi theo ông ta qua một công sự, qua một chiếc sân rồi đến chân tường thành. Phía đó có dựng một bức tường cao bằng đầu người dính các vết đạn chi chít.

- Đây rồi! - Tù nhân nói.

Và anh ấy tự đi về phía bức tường. Đến nơi anh dừng lại, một tên sĩ quan đọc bản án. Anh Léon gật đầu như thể chấp nhận rồi nói:

- Xin lỗi đại uý. Tôi muốn nói thầm với mình vài câu.

Mọi người đều hiểu anh muốn cầu nguyện nên lùi ra xa. Còn lại một mình, anh Léon đứng bất động, môi lẩm bẩm những điều không ai nghe thấy, rồi anh ngẩng đầu lên, khuôn mặt rạng rỡ như đang cười. Anh vừa ôm hôn em vừa nói nhỏ như vua Charles Đệ nhất đã từng nói:

- Hãy nhớ lấy.

Em gật đầu và bật khóc, còn anh ra lệnh chắc nịch:

- Chuẩn bị!

Đám lính đứng xếp hàng lại. Vì anh Léon muốn là người ra lệnh bắn nên anh chủ động ném chiếc mũ về phía chân em.

- Sẵn sàng chưa? - Anh hỏi lại.

Rồi! - Đám lính đồng thanh nói.

- Chuẩn bị, sẵn sàng, bắn! Đức vua vạn…

- Anh chưa kịp dứt lời một tiếng súng đã vang lên, bảy viên đạn xuyên qua ngực.

Anh ấy ngã xuống. Còn em quỳ xuống đất, khóc nức nở như bây giờ.

Quả thực cậu bé đang kể lại cái chết của anh tôi nấc lên.

***

Và chúng tôi cũng vậy, thưa tiểu thư, chúng tôi đều bật khóc vì đau xót - Hector nói.

- Ôi! Câu chuyện về gia đình chàng thật bi thảm - Claire nói và chấm nước mắt.

- Tôi tiếp tục chứ! Hector hỏi.

- Vâng ạ, chưa bao giờ em được nghe câu chuyện nào vừa lôi cuốn lại vừa đau đớn đến vậy.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 15
Chales de Sainte-Hermine

Hector de Sainte-Hermine chờ một lát cho tiểu thư Sourdis bình tâm rồi mới tiếp tục kể:

"Tiểu thư thấy câu chuyện này về gia đình tôi thật bi thảm nhưng nó còn bi thảm hơn nữa kia.

Tám ngày sau khi người bạn tôi mang thư của anh Léon đến thì Charles của tôi biến mất. Anh ấy để lại cho tôi một lá thư:

"Anh không cần phải nói cho em biết anh đi đâu và làm gì vì chắc em cũng rõ anh tiếp tục xứ mệnh trả thù và thực hiện lời thề của mình. Vậy là em chỉ còn lại một mình. Chỉ mười sáu tuổi em đã bất hạnh trở thành chủ nhà. Nhưng trong hoàn cảnh này, người ta sẽ mau chóng trưởng thành thôi.

Hãy nghe anh nói như những người đàn ông. Đàn ông, đó là một cây sồi tráng kiện có bộ rễ mọc trong thời cổ đại còn ngọn cây vươn tới tương lai. Nó chống chọi được tất thảy; nóng, mưa, bão, gió, nóng. Lạnh thậm chí cả sắt và cả vàng.

Hãy để cả thể xác và tinh thần em làm việc cật lực. Hãy trở nên khéo léo với những tập luyện cơ bắp. Em không thiếu thầy giỏi cũng như tiền bạc.

Ở tỉnh, em có thể tiêu mười hai nghìn phăng một năm cho ngựa, súng ống, thuật đua ngựa và kiếm thuật. Khi lên Paris, em có thể tiêu gấp hai nhưng chỉ trong mục đích duy nhất: Trưởng thành, thành một người đàn ông thực thụ.

Luôn chuẩn bị sẵn một khoảng mười ngàn phăng bằng vàng để đưa cho một người lạ mặt mong thư có hình con dao găm đến, nhân danh và chữ ký Morgan. Khi Morgan có vấn đề thì duy nhất em biết là anh có vấn đề.

Hãy làm theo lời anh dặn và coi đó là mệnh lệnh. Ít nhất, em hãy đọc lá thư này một tháng một lần.

Hãy luôn sẵn sàng tiếp bước đinh, trả thù cho anh và sẵn sàng hy sinh.

Anh trai của em

CHARLES"

- Bây giờ có lẽ tiểu thư cũng biết Hector de Sainte-Hermine và Morgan chỉ là một - Hector nòi - Tôi không cần phải theo anh ấy từng bước và có lẽ cũng không cần kể anh ấy đã thế nào.

Tiếng tăm của người thủ lĩnh *đồng đảng Jéhu* lan khắp nước Pháp và thậm chí còn sang cả nước ngoài. Trong vòng hai năm từ Marseille đến Nantua, nước Pháp đã thành vương quốc của anh ấy. Tôi như nhận được thư của anh ấy đôi lần với ký hiệu và chữ ký như anh đã dặn và mỗi lần, tôi đều gửi tiền cho anh.

Cái tên Morgan đã trở thành vừa là nỗi kinh hoàng vừa là tình yêu cho người dân Miền Nam. Toàn thể phe Bảo hoàng coi đồng đảng Jéhu là những hiệp sĩ chân chính, các từ kẻ cướp, vô lại mà người ta cố gắn cho họ không làm mất đi uy danh của họ.

Nhiều lần, thủ lĩnh Morgan đã chứng tỏ sức mạnh, lòng can đảm và độ lượng trong các cuộc giao tranh chống lại chính phủ, dân miền Nam có thể tự hào rằng đồng đảng Jéhu không sợ bất cứ chính quyền địa phương nào. Dưới chế độ Đốc chính, mọi chuyện đều êm đẹp. Chính phủ quá ươn hèn trước ngoại xâm càng khiến nội chiến có lý do bùng phát.

Nhưng Bonaparte đã trở về từ Ai Cập. Tình cờ, ông ấy chứng kiến sức mạnh của đồng đảng Jéhu và đạo đức của họ. Trong số tiền lấy của chính phủ có hai trăm đồng *louis* của một thương nhân buôn rượu vang Bordeaux. Ông ấy phàn nàn trong phòng ăn và ngay lập tức được người trang bị vũ khí và che mặt mạng trả khoản tiền lấy nhầm. Bonaparte và sĩ quan tuỳ tùng Roland de Montrevel ăn tối tại đó và chứng kiến cảnh trên, Roland đã xích mích với ông Barjols nên ở lại hạ đối thủ rồi mới lên Paris theo Bonaparte.

Qua sự việc trên, Bonaparte hiểu rằng mình phải đối đầu với những người như thế nào. Chính họ sẽ khôi phục nền quân chủ chứ không phải quân Anh.

Do vậy, ông ta quyết định diệt trừ họ và phái Roland toàn quyền về miền Nam.

Nhưng Roland không tìm được người phản bội họ: con người, hang động rừng núi… tất cả đều giúp đỡ, ủng hộ những con người bảo vệ đức vua.

Nhưng rồi điều không mong đợi đã đến khiến cho những người ấy bị thất bại vào tay một người phụ nữ. Chắc tiểu thư còn nhớ cuộc đụng độ chính trị khiến thành phố Avignon chao đảo như một cuộc động đất.

Nó diễn ra trong một nơi mà người ta giết hại nhau không thương tiếc, sẵn sàng đâm bổ vào kẻ thù chừng nào người ta còn sống, còn một chút hơi thở, đánh cho đến lúc không kêu được, không thở được có một nạn nhân trong số đó là bá tước Fargas.

Ông ấy bị giết, bị thiêu cháy, bị quân địch ăn thịt. Ông có hai con, một trai một gái chạy thoát khỏi cuộc tàn sát, tạo hoá đã ban nhầm tính cách cho họ, người anh thì mềm yếu như phụ nữ còn cô em lại gan góc hơn đàn ông. Hai anh em, Lucien và Diana đều thề sẽ trả thù cho cha nên Lucien gia nhập đội quân của Jéhu hay còn gọi là quân đội miền Nam.

Lucien bị bắt, không chịu nổi tra tấn khi bị giam vào ngục tối nên đã khai các anh em của mình. Nhưng sau đó, để tránh bị đội quân của Jéhu trả thù, người ta đưa anh ta đến từ nhà tù Avignon đến Nantua. Tám ngày sau, nhà tù tại Nantua bị tấn công, tù nhân bị bắt đem đến Seillon.

Ngày hôm sau, xác của Lucien de Fargas phơi trước sân tỉnh trưởng đối diện khách sạn Grottes de Ceyzériat nơi Diana đang thuê ở. Xác chết bị lột sạch quần áo, một con dao găm quen thuộc của đội quân Jéhu cắm giữa ngực. Một mảnh giấy treo lủng lẳng trên dao có ghi:

"Tôi chết vì đã phản bội lời thề thiêng liêng và tôi xứng đáng phải chết. Con dao găm trên ngực tôi có nghĩa là tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát hèn hạ mà nó chứng tó một sự báo thù chính nghĩa"

Mới tờ mờ sáng Diana đã bị tiếng ồn ào đánh thức. Người ta cho cô biết âm thanh ấy mang một niềm bất hạnh sắp đổ xuống, cô vội khoác áo choàng, không kịp buộc tóc chạy vội ra cửa sổ cúi xuống. Vừa nhìn xuống phố, cô đã

thét lên kinh hoàng, lảo đảo lùi lại người mê man, tái mét chạy vội xuống gần cái xác và kêu lên:

- Anh tôi! Anh tôi!

Trong đám người chứng kiến cảnh tượng ấy có một người lạ. Đó là một phái viên của tướng Cadoudal. Anh ta mang nhiều mật lệnh trong đó có một lá thư liên quan đến gia đình tôi. Tôi đã chép lại lá thư đó.

"Morgan yêu quý,

- Chắc tiểu thư còn nhớ đó là tên anh trai tôi - Hector ngừng lại một lát rồi tiếp tục.

"*Morgan yêu quý, chắc hẳn ngài còn nhớ trong cuộc họp ở phố Postes, ngài đã hứa, trong trường hợp tôi tiếp tục cuộc chiến dù không có viện trợ trong nước và nước ngoài thì ngài sẵn sàng là người đầu tiên lo tài chính cho tôi. Các đồng minh của chúng ta hoặc đã bị hy sinh trên chiến trường hoặc bị xử bắn.*

Autichamps đã đầu hàng quân Cộng hoà, chỉ còn mình tôi vẫn giữ nguyên đường lối và trụ vững ở Morbihan.

Một đội quân hai, ba nghm người với tôi là đủ để tiếp tục cuộc chiến này, nhưng đội quân ấy cần quân lương, nhu yếu phẩm, súng ống, đạn dược. Từ vụ Quiberon, người Anh không viện trợ gì sang nữa. Hãy gửi cho chúng tôi tiền, chúng tôi không tiếc gì xương máu. Nói như vậy không có nghĩa là chúng tôi đánh đồng mọi chuyện - có Chúa chứng giám - sự hy sinh của người vĩ đại hơn tật thảy và so với nó, sự tận tuỵ của chúng tôi chưa là gì.

Khi bị bắt, chúng tôi sẽ bị bắn còn các ngài, các ngài phải hy sinh trên đoạn đầu đài. Ngài viết cho tôi rằng có những khoản thu nên tôi muốn chắc chắn mỗi tháng có từ 35 - 40 nghìn phăng.

Tôi phái người bạn hữu của chúng ta, Coster de Saint-Victor, đây là người mà chỉ nghe tên ngài cũng có thể hoàn toàn tin tưởng. Tôi nói cho anh ta một số ám hiệu qua đó có thể tìm đến ngài. Hãy giao bốn mươi nghìn phăng đầu tiên nếu ngài có đủ và giữ giùm tôi phần còn lại. Nếu chỗ ngài không an toàn, hãy đến gặp tôi.

Dù ở xa hay ở gần, tôi luôn quý trọng và cảm ơn ngài.

GEORGE CADOUDAL

Tổng tư lệnh quân đội Bretagne

Tái bút - Tôi được biết, thưa ngài Morgan, rằng ngài có mặt em trai khoảng hai mươi tuổi. Nếu ngài không chê tôi không xứng, hãy gửi cậu ấy đến chỗ tôi cho quen chiến trận. Cậu ấy sẽ trở thành sĩ quan tuỳ tùng của tôi".

Sau khi bàn bạc với các bạn của mình, anh trai tôi hồi âm như sau:

"Kính thưa tướng quân,

Chúng tôi đã nhận được lá thư từ tay tín viên gan dạ của ngài. Chúng tôi đang có gần 150.000 phăng, do đó chúng tôi có thể đáp ứng yêu cầu của ngài. Với đội ngũ do tôi toàn quyền, tôi nhờ Alcibiade mang bốn mươi nghìn đầu tiên đến chỗ ngài. Hàng tháng, ngài có thể nhận được khoản tương đương tại nhà băng. Trong trường hợp tôi hy sinh, tiền sẽ được chôn ở những địa điểm khác nhau với cũng khoản như trên.

Dưới đây là danh sách những người biết tiền ở vị trí nào. Người anh em Alcibiade cũng vừa chứng kiên một vụ thanh trừng và biết hình phạt cho kẻ phản bội là gì.

Tôi xin đa tạ tướng quân về ưu ái ngài dành cho em trai tôi. Nhưng nghĩa vụ của tôi là phải tránh mọi nguy hiểm cho cậu ấy để cậu ấy còn thay thế tôi. Cha tôi bị xử trảm, trước khi chém, ông đã di nguyện lời thề cho anh trai của tôi. Anh cả của tôi hy sinh truyền mối phục thù ấy cho tôi. Có thể tôi sẽ chết, như ngài nói là trên đoạn đầu đài, khi ấy, em út của tôi sẽ đi tiếp con đường chúng tôi đã đi sẽ cống hiến như chúng tôi từng cống hiến, cho vinh quang của mục đích cao cả hoặc sẽ hy sinh như chúng tôi hy sinh.

Chính vì động cơ đó nên xin phép tướng quân dành quyền quản lý em Hector cho tôi.

Khi nào ngài có thể, hãy gửi lại người anh em Alcibiade cho chúng tôi. Niềm vui sẽ nhân đôi khi tin tức lại được anh ấy tiếp tục gửi tới ngài.

MORGAN"

Đúng như anh tôi đã nói, Coster de Saint-Victor đã tham dự cuộc trừng phạt. Lucien bị tuyên án và hành quyết ngay trước mặt Coster. Sau đó nửa đêm, hai hiệp sĩ ra khỏi tu viện dòng thánh Bruno ở Seillon.

Một người là Coster de Saint-Victor đang mang bốn mươi nghìn phăng của Morgan đến chỗ tướng Cadoudal ở Bretagne.

Người kia là bá tước Ribier mang thi thể của Lucien de Fargas trên lưng ngựa để đặt tại sân tỉnh phủ.

Hector ngừng lại một giây.

- Xin thứ lỗi - Anh nói - nếu câu chuyện của tôi bắt đầu phức tạp như một tiểu thuyết, nhưng tôi buộc phải nói rõ những sự kiện. Để tiểu thư không phải nghe những điều khủng khiếp, tôi xin lược bộ một số điều tôi đã làm để nàng không thấy rối.

- Ngược lại, xin bá tước đừng lược gì cả - Tiểu thư Sourdis nói - Mọi vắn tắt đều phụ thuộc vào chú ý của người nghe. Đằng này tôi luôn quan tâm đến mọi nhân vật của chàng và nhất là tiểu thư Fargas.

- Nếu vậy, tôi xin kể ngay về cô ta.

Ba ngày sau khi thi thể đặt trước dinh Bourg-en-Bresse được xác nhận là của Lucien de Fargas, một phụ nữ còn trẻ đã đến Luxembourg yêu cầu được gặp công dân đốc chính Barras.

Công dân Barras đang bận họp. Viên cận vệ của ông thấy cô gái còn trẻ lại xinh xắn nên mời vào phòng màu hồng, căn phòng tiếp phụ nữ xa hoa của công dân đốc chính.

Khoảng mười lăm phút sau, vẫn người cận vệ ban nãy thông báo công dân đốc chính Barras đã đến. Ông này vào phòng, đặt mũ lên bàn, lại gần vị khách và nói:

- Cô muốn gặp tôi, vậy tôi đây!

Người phụ nữ đứng im chờ Barras lại gần và vén mạng che mặt để lộ một vẻ đẹp kiều diễm hiếm thấy.

Barras sững sờ cầm tay cô rồi mời ngồi nhưng cô vẫn đứng im.

- Xin lỗi ngài, tôi xin phép đứng vì tôi có chuyện cầu xin ngài.

- Cầu xin ư! - Barras nói - Một phụ nữ như cô sẽ không cần phải cầu xin mà ra lệnh hoặc ít ra cũng là yêu cầu.

- Vậy thì đúng như thế, nhân danh mảnh đất đã cho hai chúng tôi sinh ra, nhân danh người cha của tôi là đồng niên với cha ngài, nhân danh lòng bác ái bị lãng nhục, nhân danh công lý bị vùi lấp, tôi đến để yêu cầu được trả thù.

- Trả thù ư?

- Trả thù - Diana nhắc lại

- Từ này nghe nặng quá! - Barras nói - nhất là lại được phát ra từ một cô gái trẻ trung và xinh đẹp nhường kia.

- Thưa ngài tôi là con gái của bá tước Fargas đã bị quân Cộng hoà sát hại ở Avignon, và là em của tử tước Fargas, người mới bị ám sát ở Bourg-en-Bresse do đồng đảng của Jéhu ra tay.

- Cô có chắc thế không?

Cô gái trẻ chìa cho Barras một con dao găm và một mảnh giấy.

- Đây là con dao quá quen thuộc của bọn chúng - Cô ta nói và đưa một mảnh giấy chứng tỏ đích danh chủ mưu và động cơ vụ sát hại.

Barras xem xét kỹ con dao.

- Thế con dao này? - ông ta hỏi.

- Nó được cắm trên ngực anh trai tôi.

- Nếu chỉ dựa vào con dao này thì chưa chắc chắn - Barras nói - Nó có thể bị bắt chước để đánh lạc hướng.

Nhưng còn tờ giấy được viết từ chính tay anh trai tôi, còn cả chữ ký mà Barras đọc:

"Tôi chết vì đã phản bội lời thề thiêng liêng và tôi xứng đáng phải chết. Con dao găm trên ngực tôi có nghĩa là tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát hèn hạ mà chứng tỏ một sự báo thù chinh nghĩa.

LUCIEN DE FARGAS"

- Có đúng đây là nét chữ của anh trai cò không? - Barras hỏi.

- Đúng vậy.

Câu "*tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát hèn hạ mà chứng tỏ một sự báo thù chinh nghĩa"* là gì?

Khi bị người của các ông bắt, tra tấn, anh ấy không giữ lời thề, đã khai các đồng phạm. Lẽ ra phải tôi thay anh ấy mới đúng.

- Sao lại có chuyện ấy. Thế mà tôi không biết gìcả- Barras nói.

- Đó là nhờ đám cảnh binh của ngài đấy - Diana vừa nói vừa cười những kẻ sát hại anh cô, và một khi bị bắt chúng đừng hòng kêu xin.

- Giá mà tôi biết tên chúng - Diana nói - thì tôi đã không đến gặp ông mà đã đâm chết chúng rồi.

- Nếu thế, cô hãy điều tra theo hướng của cô, chúng tôi sẽ điều tra theo hướng của chúng tôi.

- Tôi ư? Tôi điều tra cái gì? Đó là phận sự của tôi à, có phải tôi là chính phủ, có phải tôi là cảnh sát, nhiệm vụ của tôi là chăm lo cho các công dân đấy chắc. Các ông bắt anh tôi, giam giữ anh ấy trong nhà ngục. Nhà tù là nhà của chính phủ và phải trả anh cho tôi, nhà tù mở ra nhưng không giữ nổi mạng

của họ; như vậy chính phủ phải thanh toán món nợ này. Vì ông là người đứng đầu chính phủ, tôi đến và yêu cầu ông hãy trả anh cho tôi.

- Cô rất yêu quý anh trai của mình?

- Rất, rất yêu.

- Cô có muốn trả thù cho anh ấy?

- Tôi sẵn sàng hy sinh cả mạng sống của mình để giết chết bọn sát nhân.

- Thế nếu tôi cho cô một cách để biết tên chúng, cô có chấp nhận không.

Diana lưỡng lự một lát rồi quả quyết.

- Bằng giá nào tôi cũng chấp nhận.

- Nếu thế, hãy giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp cô.

- Tôi phải làm gì?

- Cô đẹp lắm, thậm chí rất rất đẹp.

- Việc này có liên quan gì đến sắc đẹp của tôi? - Diana nói và cụp mắt xuống.

- Ngược lại - Barras nói - Nó đặc biệt liên quan là đằng khác. Trong cuộc chiến sinh tử này, cái đẹp dành cho phụ nữ không chỉ là món quà đơn thuần của tạo hoá dùng để thoả mãn đôi mắt của tình lang hay các ông chồng mà là một phương tiện tấn công và phòng thủ đấy.

- Vậy ông nói đi.

- Tướng Cadoudal không lạ gì đồng đảng của Jéhu. Hắn ta mới là thủ lĩnh đích thực của họ. Họ làm việc vì hắn nên hắn biết hết tên bọn chúng.

- Thế thì sao?

- Sao ư? Rất đơn giản. Cô hãy đến Bretagne, hãy gặp Cadoudal với tư cách là nạn nhân của lòng tận trung với hoàng gia. Dần dần, chiếm lấy lòng tin

của hắn, mọi chuyện với cô sẽ rất đơn giản. Cadoudal không thể không yêu cô, một ngày cô sẽ biết tên thật của những kẻ mà chúng tôi có cố công cũng không thể tìm được. Chỉ cần biết tên chúng mối thù của cô sẽ được báo. Bấy giờ, nếu ảnh hưởng của cô đủ để khiến viên tướng cứng đầu chịu khuất phục như những người khác thì không cần phải nói, chính phủ sẽ…

Diana giơ tay ngăn lại:

- Hãy cẩn thận, công dân Đốc chính, thêm một câu nữa là ông thoá mạ tôi đấy.

Rồi cô trầm ngâm một lát:

- Tôi cần hai mươi tư giờ để suy nghĩ.

- Hãy quyết định sớm thưa cô, tôi luôn sẵn sàng chờ lệnh.

- Hẹn ông chín giờ tối mai tại đây.

Nói rồi tiểu thư Fargas lấy lại con dao và lá thư trên bàn cho vào túi chào Barras và đi ra.

Ngày hôm sau, đúng giờ hẹn, người ta thông báo cho đốc chính rằng tiểu thư Diana đã đến. Ông ta chạy đến phòng tiếp.

- Thế nào hỡi người đẹp Némésis của tôi?

- Tôi đã quyết định sẽ làm như vậy; chỉ có điều tôi cần một giấy thông hành qua được mọi canh gác của quân Cộng hoà. Trong đoạn đường sau này có thể tôi sẽ bị bắt khi đụng độ quân của các ông, các ông bắn sát hại phụ nữ, trẻ em đó là một cuộc clúến huỷ diệt… nhưng đó là chuyện của ông với Chúa. Tôi có thể bị bắt và tôi không muốn mình bị bắn trước khi rửa mối hận này.

- Tôi đã lường trước chuyện này và để chuyến đi của cô không chậm trễ, tôi đã cho chuẩn bị mọi giấy tờ cần thiết. Bây giờ cô có thể đi đến tận cùng Bretagne và Vendée.

- Vậy thì tốt quá! Xin cảm ơn ông.

- Tôi mạo muội hỏi khi nào cô định khởi hành?

- Tối nay, xe của tôi đang chờ ngoài hàng rào điện Luxembourg.

- Cho phép tôi hỏi một câu hỏi tế nhị nhưng thuộc chức trách của tôi được không?

- Ông cứ hỏi.

- Cô có tiền chưa?

- Tôi có sáu nghìn đồng vàng tương đương với sáu mươi nghìn phăng tiền Cộng hoà của các ông. Ông nghĩ thế đã đủ chưa?

Barras chìa tay ra cho cô gái nhưng cô không để ý đến phép lịch sự ấy mà cúi chào theo cung cách quý tộc rồi đi ra.

- Đúng là một con rắn duyên dáng - Barras nói - Mình không muốn là người thiêu cháy cô ta chút nào.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 16
Tiểu thư Fargas.

Số phận run rủi cho tiểu thư Fargas và Coster Saint-Victor gặp nhau gần làng La Guerche, cách chỗ tướng Cadoudal hạ trại khoảng ba dặm.

Coster Saint-Victor là một trong số những người lịch lãm nhất thời bấy giờ. Người này từng là địch thủ của Tổng tài Bonaparte trong việc tiếp cận một trong số những nghệ sĩ khả ái nhất hồi đó. Nhìn thấy một phụ nữ xinh đẹp trên xe thư có mui, nhân đoạn đường lên dốc, xe đi chậm, anh ta thúc ngựa bắt kịp.

Ban đầu Diana tỏ ra lạnh lùng nhưng thấy anh chàng này tỏ ra quý phái trong từng lời chào hay câu khen ngợi khiến cô không thể thờ ơ với anh như những người qua đường. Vả lại, cô gái đang trên miền đất hoàn toàn xa lạ, nơi mỗi bước cô ta qua đều có hiểm nguy rình rập. Người đồng hành đang cố gắng làm quen với cô lại có vẻ biết rất rõ nơi đây cho nên cô có thể nhờ anh ta tìm Cadoudal.

Cả hai đều nói dối về mình. Coster Saint-Victor nói rằng mình tên là Argentan là nhân viên trưng thu ở Dinan; còn Diana xưng tên là tiểu thư Rotrou, chủ trạm ngựa ở Vitre. Từ nói dối này đến nói dối khác cuối cùng cả hai cũng lộ ý định thật của mình là cùng đi gặp Cadoudal.

- Biết ông ấy chứ? - Argentan hỏi.

- Tôi chưa gặp ông ấy bao giờ - Diana trả lời.

- Vậy thì thưa cô, tôi rất vui lòng được giúp cô - Argentan giả nói - Cadoudal là người bạn thân của tôi, chúng ta đang đến rất gần chỗ ông ấy. Nhân đây tôi cũng xin thú thực, tôi không phải là nhân viên trưng thu của chính phủ mà là người của ông ấy. Nếu cô có yêu cầu gì, thưa tiểu thư, tôi niềm sung sướng của tôi sẽ nhân lên gấp đôi khi tình cờ. Chỉ có thể gọi là số trời đã cho tôi gặp cô.

- Ngài nói thật, tôi cũng không dám giấu - Diana nói - Tôi không phải là chủ

trạm ngựa ở Vitré mà là người cuối cùng sống sót trong một gia tộc quân chủ đang nhờ ông ấy giúp báo thù bằng cách thu nhận tôi vào đội quân của ông ấy.

- Ở mức độ nào?

- Từ lòng tự nguyện của tôi.

Coster ngạc nhiên nhìn cô gái rồi nói:

- Rốt cục điều này cũng có thể lắm chứ, Dumouriez chẳng phải cũng có hai tuỳ tùng là phụ nữ, hai chị em Femig đó sao. Chúng ta đang sống trong thời kỳ thật lạ lùng, phải thích nghi với mọi chuyện dù có những chuyện không thể tin nổi.

Diana không nói gì thêm. Đến La Guerche, họ vượt qua một toán lính Cộng hoà đi ngược về Vitré. Phía dưới La Guerche, họ gặp một thân cây ngáng đường đi.

- Lạy Chúa! - Coster nói - Cadoudal ở sau các ụ công sự này tôi cũng không ngạc nhiên.

- Anh ta dừng lại và ra hiệu cho xe của Diana cũng dừng theo rồi bắt chước tiếng mèo hoang hai lần, một lần tiếng cú mào.

Tiếng đáp lại là tiếng quạ.

- Họ nhận ra chúng ta rồi. Hãy ở đây, tôi sẽ quayl ại ngay.

Hai người đàn ông xuất hiện, nhảy qua các ụ chắn và Diana nhìn thấy người vừa đi cùng mình lao vào vòng tay của một người khác Cô biết đó là Cadoudal.

Cadoudal nhanh chóng vượt qua ụ chắn đến trước mặt cô ngả mũ nói:

- Thưa tiểu thư dù cô vừa đi một chặng đường dài, dù rất muốn được tỏ lòng hiếu khách nhưng mong cô hãy đi nhanh cho, gần một tiếng nữa quân Cộng hoà sẽ kéo đến đấy. Tiểu thư thấy đấy chúng tôi đang sẵn sàng tiếp chúng.

Ông ta chỉ vào những ụ đất xung quanh:

- Chúng tôi có hơn một nghìn năm trăm quân rải rác khắp trong vạt cây đậu kim, họ sẽ chơi loại nhạc mà tiểu thư chưa từng nghe bao giờ.

- Thưa ngài - Diana nói - Tôi xin đa tạ lòng hiếu khách và ơn trời cho tôi được thấy một trận chiến mà tôi hằng ao ước được tham gia.

Cadoudal ra hiệu cho binh sĩ của mình nâng thanh chắn cho xe của Diana qua. Cô nhìn ra xung quanh, ngoài một nghìn năm trăm quân nấp trong vạt đậu kim mà Cadoudal vừa nói còn có một nghìn lính khác đang nằm dưới đất đặt súng cạc bin bên cạnh, khoảng năm mươi ky binh nấp sau vạt cây bụi.

- Thưa cô - Cadoudal nói với Diana - trong lúc này mong cô đừng bực bội khi tôi phải thực hiện công việc chỉ huy của mình: tôi phải quá lại giữa nhiều toán quân.

- Các vị cứ đi đi và đừng bận tâm về tôi giá các vị có ngựa…

- Tôi có hai con - Argentan nói - Tôi dành cơn nhỏ cho cô. Chỉ có điều nó vẫn quen đánh trận và quen được đàn ông điều khiển.

- Đúng là thứ tôi cần đấy - Diana nói và khi thấy chàng trai trẻ dắt ngựa lại cô kêu to:

- Cảm ơn ngài trưng thu!

Rồi đóng cửa xe ngựa của mình lại.

Mười phút sau, có những tiếng súng trường vang lên từ phía trên cách ụ chắn chừng một phần tư dặm: cuộc chiến bắt đầu.

Đúng lúc ấy cửa xe ngựa mở ra, một chàng trai mặc đồ Bảo hoàng, áo nhung, thắt lưng tráng có dát hai khẩu súng ngắn. Người này đội một chiếc mũ phớt cài một túm lông trắng bay bay, dắt một thanh ươm bên cạnh sườn. Đo là Diana.

Anh ta lên ngựa rất nhẹ nhàng chứng tỏ đó là một kỵ sĩ thiện nghệ sau đó đến nhập đội kỵ binh dưới sự chỉ huy của viên tướng Cadoudal.

- Tôi sẽ không kể cho nàng về trận đánh - Hector nói tiếp - mà chỉ nói kết quả là quân Xanh thua thê thảm. Tướng Hulot đành thu quân về làng La Guerche.

Ngày hôm đó chưa phải là thắng lợi lớn với Cadoudal về mặt vật chất nhưng chiến thắng tinh thần thì thật to lớn. Với hai nghìn quân, Cadoudal không chỉ vượt mặt bốn, năm nghìn quân thiện chiến đã tham gia ít nhất năm năm trận mạc mà còn đánh bật chúng khỏi miền nông thôn, đẩy chúng về thành phố sau khi đã hạ bốn hoặc năm mươi tên. Đó là một sự nổi dậy, sự nổi danh của người Bretagne, tiếp nối sự nổi dậy của miền Vendée và đã giành thắng lợi.

Diana đã chiến đấu ở hàng đầu tiên không ngừng nhả đạn, bên cạnh đó, Coster Saint-Victor đang quay lại, chiếc áo Bảo hoàng vắt qua bên vai, cánh tay anh ta bị đâm một nhát lưỡi lê.

- Thưa ngài! - Cô gái trẻ nói với Cadoudal - Ngài đã cho tôi tham gia trận đánh để tôi bộc lộ chính bản thân mình vì sao tôi lại đến gặp ngài và mong muốn ở ngài điều gì. Trận đánh đã kết thúc, tôi muốn được gia nhập đội quân của ngài.

- Với danh nghĩa gì, thưa cô?

- Là một người tự nguyện chứ sao. Tôi vừa chứng tỏ cho ông thấy khói đạn không hề làm tôi run sợ.

Cadoudal nhíu mày, khuôn mặt tỏ ra hết sức nghiêm túc.

- Thưa cô - ông nói - Lời đề nghị này quan trọng hơn lời đề nghị tham chiến lúc nãy nhiều. Tôi phải nói một điều kỳ cục rằng: Trước hết là một người theo đạo, tôi luôn rộng lòng đón nhận tất cả những ai muốn gia nhập quân của tôi. Bản thân cô, tôi không nghi ngờ gì cả, sẽ là một sĩ quan tuỳ tùng tài giỏi, một người dũng cảm, can trường. Tôi luôn nghĩ phụ nữ cũng giỏi giang không kém đàn ông. Từ Epichans, người sẵn sàng cắn đứt lưỡi để không phải khai đồng đội của mình đến Charloue Corday, người đã trừ khử một con quái vật khiến nhiều đàn ông trên đời phải run sợ trước hắn. Từ thế kỷ này nối tiếp thế kỷ khác, chúng ta đều có những minh chứng cho lòng dũng cảm của họ. Nhưng trong tôn giáo của chúng tôi, nhất là ở miền Bretngne cổ kính này, luôn có những thành kiến khiến Charette cũng phải lu mờ. Những thành kiến ấy đôi khi cản trở rất nhiều mong muốn phục vụ tận tuỵ Một số anh em chiến hữu của tôi cũng nhận chị em nhưng họ có người thân hoàng

gia bị ám sát, với những người ấy chúng tôi phải giúp đỡ và bảo vệ khi họ muốn.

- Thưa ngài, ai nói với ngài tôi không phải là con gái hay con gái có cha, anh bị ám sát và không có quyền được như những người phụ nữ mà ngài nói ở trên?

- Trong trường hợp đó, làm sao cô có một giấy thông hành của Barras và mang danh một chủ trạm ngựa ở Vitré - Argentan vừa nói vừa cười.

- Vậy ngài có vui lòng cho tôi xem giấy của ngài không? - Diana hỏi Argentan giả.

- Hỏi hay lắm - Cadoudal nói khi thấy vẻ lạnh lùng của Diana làm ông quan tâm.

- Ngài thử giải thích xem, làm sao ngài, một người bạn, một cánh tay phải đắc lực của tướng quân Cadoudal lại có quyền tự do đi lại trên đất quân Cộng hoà với giấy chứng thực là người trưng thu ở Dinan?

- Cậu hãy giải thích cho quý cô đây tại sao cậu là người trưng thu ở Dinan, sau đó cô ấy sẽ giải thích danh phận của mình.

- Điều này là một bí mật mà tôi không dám để lộ cho Cadoudal biết. Tuy nhiên, nếu cô ép tôi sẽ nói dù điều đó có thể làm ông ấy không thoải mái. Ở phố Colonnes, Paris gần nhà hát kịch Feydeau có một quý cô Aurélie de Saint-Amour rất được Barras yêu quý và không từ chối điều gì, còn cô ấy cũng không nỡ từ chối lời đề nghị của tôi.

- Do đó cái tên Argentan trên giấy thông hành của bạn tôi - Cadoudal nói - còn chứa đựng một cái tên cho phép anh ta đến mọi nơi thuộc nhóm Bảo hoàng miền Bretagne, Vendée, những hoàng thân quốc thích mang lá cờ trắng ở Pháp cũng như nước ngoài. Người bạn đồng hành của quý cô đã nói rõ mọi điều và cũng không cần phải sợ mà giấu giếm. Anh ấy chính là trung gian giữa tướng Đầu tròn và đồng đảng của Jéhu.

Diana chột dạ khi nghe đến những từ đó.

- Và tôi phải nói thêm - Argentan tiếp lời Cadoudal - rằng tôi mới tham dự vào một cuộc hành quyết khủng khiếp, tử tước Fargas phản bội đã bị đâm

chết ngay trước mắt tôi.

Diana cảm giác như máu đang dồn lên mặt. Nếu cô nói thật tên của mình, mục đích của chuyến đi này sẽ bị lộ. Với cô em gái của bá tước Fargas, cô đành im lặng giả đò như chờ nghe phần kết lời nói của Argentan.

Cadoudal hiểu sự im lặng ấy nên nói tiếp:

- Anh ấy không phải là Argentan mà là Coster Saint-Victor, chẳng phải bằng chứng là chính vết thương anh ấy sẵn sàng chịu vì sự nghiệp thần thánh của chúng tôi.

- Nếu chỉ một vết thương cũng đủ để chứng tỏ lòng tận trung thì thật đơn giản - Diana lạnh lùng đáp.

- Sao thế? - Cadoudal hỏi.

- Hãy xem đây!

Diana rút con dao đã từng giết anh trai mình đâm mạnh xuyên thủng cánh tay giống vị trí bị thương của Coster rồi chìa cho Cadoudal xem.

- Ngài muốn biết có phải tôi là người xuất thân cao quý không chứ gì? Ngài hãy nhìn đi! Tôi hy vọng máu của tôi không nhạt hơn ngài Coster Saint-Victor. Ngài muốn biết tôi có đáng tin không chứ gì? Con dao này sẽ cho ngài tin tôi là người đã gia nhập đội quân Jéhu. Ngài muốn biết tên tôi chứ gì? Tôi là con cháu dòng La mã? Người đã trấn an chồng và sẵn sàng tự đâm một nhát dao. Tôi tên là Porcia!

Coster Saint-Victor rùng mình, còn Cadoudal ngưỡng mộ nhìn nữ thần báo thù.

- Tôi thừa nhận con dao kia đúng là con dao của đội quân Jéhu, bằng chứng là nó giống với con dao do thủ lĩnh phát hôm gia nhập.

Nói rồi anh ta rút một con dao găm giống hệt con dao vừa xuyên qua cánh ta tiểu thư Fargas.

Cadoudal chìa tay cho Diana.

- Kể từ giây phút này, nếu cô không còn cha, tôi sẽ là cha cô, nếu cô không còn anh, cô sẽ là em gái tôi. Vì chúng ta đang sống trong một thời đại mà mỗi người đều phải giấu tên thật của mình bằng một cái tên khác, cô xứng đáng là người La mã, cô sẽ mang tên Porcia. Từ nay, cô là người của chúng tôi và là cấp chỉ huy.

Khi thầy thuốc xử lý vết thương xong, cô sẽ tham dự một cuộc họp do tôi chủ trì.

- Xin đa tạ tướng quân - Diana nói - Còn về thầy thuốc, xin hãy để họ chăm sóc vết thương cho ngài Coster đã vết thương của ông ấy nặng hơn của tôi nhiều.

Nói xong cô rút mạnh con dao ra, xé toạc tay áo để lộ một cánh tay rất đẹp rồi quay sang Coster Saint-Victor.

- Chiến hữu, làm ơn cho tôi mượn ca vát của anh.

Diana de Fargas ở hai năm trong quân đội Bretagne gần tướng Cadoudal mà không ai biết tên nào khác của cô ta ngoài cái tên Porcia.

Trong hai năm, cô ta tham dự vào tất cả các trận đánh, chia sẽ mọi hiểm nguy gian khổ với thủ lĩnh người mà cô ta tỏ ra trung thành. Cũng trong hai năm, cô ả nén nỗi thù hận đồng đảng Jéhu vào tận tâm khảm vờ ngợi khen những chiến công của họ, tán dương những cái tên Morgan, Assas Adler và Montbar.

Trong hai năm, quý ông đẹp trai Coster Saint-Victor, người chưa bao giờ gặp cô gái nào từ chối mình, đành ngậm ngùi khi những lời bóng gió yêu thương của mình đều bị cự tuyệt và cuối cùng, sau khoảng thời gian ấy, Diana cũng đạt được mục đích.

Cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire đột ngột rung chuyển nước Pháp. Tâm điểm được độc tài mới chú ý là miền Vendée và Bretagne. Cadoudal hiểu rằng cuộc chiến thực sự đã bắt đầu. Để nuôi cuộc chiến ấy, ông ta cần tiền, và chỉ đội quân Jéhu mới có thể đảm nhiệm được việc này.

Nhưng Coster Saint-Victor vừa bị thương ở đùi. Anh ta không thể thực hiện chuyến đi để hoàn thành vai trò người trưng thu được Cadoudal quay sang Diana, người bấy lâu vẫn đội lốt Porcia cô ta đã chứng tỏ lòng tận trung và

can đảm đến nỗi ngoài Coster Saint-Victor chỉ thấy cô là người thích hợp cho nhiệm vụ đặc biệt này. Với trang phục phụ nữ cô có thể đi dọc nước Pháp mà không lo ngại gì, vả lại đi bằng xe sẽ chỉ được nhiều tiền hơn, ông tham khảo ý kiến của thương binh Coster và dĩ nhiên anh này đồng ý.

Diana được gọi đến bên giường bệnh, ở đó Cadoudal giải thích ông cần gì ở cô ta.

Diana sẽ đi liên lạc với quân Jéhu bằng hai lá thư, một của Cadoudal một của Coster Saint-Victor sau đó mang tiền về trong khi cuộc chiến gấp gáp hơn bao giờ hết.

Diana lặng người vì sung sướng nhưng khuôn mặt vẫn không để lộ những gì đang diễn ra trong lòng.

- Dù nhiệm vụ này rất nặng nề - Cô ta nói - Tôi không mong gì hơn là hoàn thành nó, nhưng ngoài hai lá thư, tôi cần biết những mật hiệu để đến tận chỉ huy của tổ chức này.

Coster Saint-Victor nói cho Diana, cô ta ra đi với nụ cười trên môi và niềm căm hận sục sôi trong lòng.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 17
Động Ceyzenat

Vừa đến Paris, Diana đã xin gặp Tổng tài Bonaparte, khi đó Roland mới xong nhiệm vụ gặp Cadoudal trở về được vài ngày. Mọi người đều biết Roland ít khi chú ý đến phụ nữ.

Anh nhìn thấy Porcia nhưng lướt qua không hề để tâm. Cũng có thể anh không còn nghĩ Diana là một phụ nữ mà là một quân Bảo hoàng. Barras chẳng còn quyền lực gì, cô ta đến nhờ xin gặp Bonaparte với lý do là mình biết cách bắt đồng đảng Jéhu nhưng với điều kiện phải đích thân trao đổi với ngài Tổng tài.

Bonaparte vốn không ưa phụ nữ tham gia vào chính trị, sợ phải rắc rối, ông gửi giấy cho Fouché đích thân đi tiếp Diana de Fargas.

- Nàng có biết Fouché không, thưa tiểu thư - Hector đột ngột dừng lại hỏi.

- Không thưa ngài - Claire đáp.

- Đó là kẻ xấu ma chê quỷ hờn. Hai con mắt gã như bằng sành, mái tóc vàng quạch và cứng đơ, nước da mai mái, cái mũi tẹt môi bóng để lộ hàm răng nanh nọc, cái cằm nhọn hoắt cộng với bộ râu hung hung càng làm khuôn mặt như bị nhọ. Fouché là thế đấy! Mà thường thường cái đẹp lại ghê sợ cái xấu.

Vừa nhìn thấy Fouché bước vào với dáng vẻ nửa ti tiện nửa ngạo đời, Diana ra đón. Nhưng khi thấy con người đáng sợ ấy, theo bản năng, cô ta đã phải lùi lại mà quên không chỉ ghế cho Fouché ngồi.

Ông này tự ngồi xuống. Diana gắng không để lộ cái nhìn ghê sợ biểu hiện ra ngoài.

- Thế nào - Fouché nói - Cô em, chúng ta có gì để khai với cảnh sát nào? Nghe nói cô em muốn mua bán gì đúng không?

Diananhìn quanh đầy ngạc nhiên khiến Fouché phải hỏi:

- Cô tìm gì đấy?

- Tôi tìm xem ông vừa nói chuyện với ai, thưa ông?

- Thì với cô chứ ai - Fouché ngạo mạo nói.

- Vậy thì ông nhầm. Tôi không phải là cô em, tôi là đại tiểu thư con gái của bá tước Fargas đã bị ám hại ở Avignon, em gái của tử tước Fargas bị sát hại ở Bourg. Tôi đến không phải để khai báo với cảnh sát cũng như không mua bán gì. Tôi dành cái đó cho kẻ nào bất hạnh đứng đầu cả quan ấy và đám nhân viên của ông ta. Tôi đến để đòi công lý và nếu tôi không nhầm - Diana vừa nói vừa đứng dậy - Thì ông chẳng làm gì được cho cuộc truy tìm thần thánh ấy. Tôi buộc lòng phải nói với ông rằng ông đến nhà tôi là gõ nhầm cửa rồi.

Khi thấy Fouché, hoặc vì kinh ngạc hoặc vì cao ngạo, vẫn không nhúc nhích khỏi ghế, Diana rời phòng khách và đóng cửa lại.

Hai giờ sau, Roland de Montrevel đến tìm cô theo lệnh của Tổng tài. Roland dẫn cô ta đến phòng chờ bằng tất cả những gì cần phải đối xử với phụ nữ theo phép lịch sự mà mẹ đã dạy anh, sau đó đi báo cho Bonaparte. Chỉ vài phút sau ông đã xuất hiện trong phòng.

- Hình như ông Fouché đã cư xử không phải với cô, hãy thứ lỗi cho ông ấy. Cô có thể mong đợi được gì từ một người như tôi.

- Lẽ ra tôi không nên đòi hỏi, thưa ngài Tổng tài, nhưng tôi đành phải mượn ngài một sứ giả khá hơn.

- Cô nói đúng - Bonaparte đáp - cô đã được hai bài học hay liền lúc đấy. Những tôi đây rồi đúng không? Hình như cô có chuyện quan trọng muốn nói, vậy cô hãy nói đi.

- Ngài không biết ngồi khi nghe tôi nói, trong khi tôi lại cần ngài nghe mình, tại sao chúng ta không vừa đi dạo vừa nói chuyện.

- Vậy chúng ta đi, thông thường khi tiếp phụ nữ tôi không đi như thế này đâu vì họ không thích.

- Được rồi. Nhưng với hai năm làm sĩ quan kề cận tướng Cadoudal thì tôi đi nhiều đấy.

- Cô đã có hai năm là sĩ quan của Cadoudal?

- Vâng.

- Vậy tại sao Roland không biết cô, chưa từng gặp cũng không hề biết tên?

- Vì một lý do mà ở Bretagne, người ta chỉ biết tên tôi là Porcia. Trong lúc Roland ở gần Cadoudal, tôi vẫn phải giả là Porcia.

- À có phải chính cô là người đâm con dao vào tay khi xin nhập đội quân Bảo hoàng không?

- Vết sẹo ấy đây! - Diana nói và vén tay áo lên.

- Một vết thương lạ lùng.

- Nhưng con dao gây ra vết thương ấy còn kỳ lạ hơn nó đấy.

Diana nói xong, rút con dao găm đưa cho vị Tổng tài.

Bonaparte xem xét cẩn thận vũ khí, như thể nó mang trong mình một điều rất tồi tệ.

- Con dao này từ đâu đến? - Bonaparte hỏi.

- Từ chính giữa ngực anh trai tôi!

- Xin cô hãy kể vắn tắt, thời gian với tôi làrất quý báu.

- Không quý hơn thời gian của người phụ nữ mà hai năm qua luôn mong mỏi được báo thù đâu.

- Cô là người đảo Corse?

- Không, nhưng tôi đang nhờ một người từ đảo này, ông ấy sẽ hiểu tôi.

- Cô muốn gì?

- Muốn mạng sống của những kẻ đã lấy đi mạng sống của anh tôi.

- Họ là ai?

- Tôi đã nói với ngài trong thư rồi đó, những đồng đảng Jéhu.

- Trong thư cô nói có cách để bắt họ.

- Tôi có các mật hiệu và hai lá thư, một của Cadoudal, một của Coster Saint-Victor cho thủ lĩnh Morgan.

- Cô chắc chắn sẽ bắt được họ chứ?

- Tôi chắc, miễn là ông cho một người tài giỏi thông minh như ngài Roland de Montrevel chẳng hạn và một sĩ quan tương đối.

- Điều kiện của cô là gì?

- Trước tiên, bọn họ sẽ không được đặc xá.

- Tôi không đặc xá cho bọn kẻ cắp và giết người.

- Tiếp đến, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ mà người ta phái tôi đến gặp họ.

- Nhiệm vụ gì?

- Tôi phải có số tiền mà Cadoudal cần.

- Cô muốn tự do sở hữu số tiền đó sao?

- Thưa công dân Tổng tài, đây là một câu nói sẽ mãi phá đi ấn tượng tốt của tôi về cuộc gặp gỡ này.

- Nhưng cô cần số tiền quỷ quái đó làm gì?

- Tôi muốn chúng được gửi đến đúng địa chỉ.

- Tức là cô muốn tôi cho phép chuyển tiền đến cho kẻ đang chiến đấu chống lại tôi sao? Không bao giờ!

- Nếu vậy, thưa tướng quân, xin phép ngài tôi về, giữa chúng ta không có gì phải bàn nữa.

- Thật bướng bỉnh! Thật ấu trĩ! - Bonaparte kêu lên.

- Ngài phải khen là thật hào hiệp, tướng quân ạ.

- Thế nghĩa là gì?

- Nghĩa là không phải sự bướng bỉnh dẫn đến lời đề nghị ông mà chính lòng hào hiệp thúc đẩy nó đấy.

- Tuy vậy tôi không thể nối giáo cho giặc được.

- Thế ngài có tin Roland de Montrevel không?

- Có.

- Ngài cũng biết anh ta sẽ không làm gì tổn hại đến thanh danh của ngài cũng như thương hại đến lợi ích quốc gia chứ?

- Tôi chắc chắn như vậy.

- Được rồi, vậy thì ngài nên giao cho anh ta việc này. Tôi sẽ phối hợp với anh ta và làm thành công sau đó lấy phần của mình.

- Đồng ý - Bonaparte nói.

Giống như mọi lần quyết định nhanh chóng Bonaparte đi ra cửa.

- Roland, lại đây!

Khi Roland vào phòng, ông nói:

- Cậu cô toàn quyền phối hợp với cô đây, bằng mọi giá phải đem các quý ông kia về bằng đường cái quan, những kẻ đi cướp mà lại tự cho mình là các đức ông vĩ đại.

Sau đó, Bonaparte khẽ chào Diana de Fargas:

- Nếu cô thắng lợi, xin đừng quên đến gặp tôi.

- Còn nếu tôi thất bại?

- Tôi không quen những người thất bại.

Nói xong, Bonaparte đi ra để lại Roland và Diana trong phòng. Mặc dù không thích thú gì khi một phụ nữ phải rơi vào hoàn cảnh ấy, nhưng Diana đã quên ngay sự thẹn thùng về cách biệt giới tính khi Roland ngay từ đầu đã đối xử với cô ta như một người đồng chí tốt, sự thân thiện của Roland, khiến cô ta càng ghét Fouché bao nhiêu thì càng mến Roland bấy nhiêu. Trong một tiếng, họ đã thoả thuận xong mọi việc. Ngay đêm hôm đó họ sẽ đi bằng hai con đường khác nhau những cùng đến Bourg-en-Bresse, tổng hành dinh của đội quân Jéhu.

Thật dễ hiểu khi với đầy đủ thông tin, các mật hiệu và hai lá thư Diana de Fargas đến thẳng Seillon nơi bốn thủ lĩnh tụ họp không khó khăn gì không một ai nghi ngờ người phụ nữ này lại là tiểu thư Fargas, em gái của người bị họ xử tử do phản bội.

Vì khoản tiền Cadoudal cần là một trăm nghìn phăng không tập trung đủ tại tu viện Seillon nên họ hẹn Diana nửa đêm hôm sau đến động Ceyzeriat để lấy nốt bốn mươi nghìn phăng còn lại.

Ngay khi được tin của Diana, Roland cho gọi đại tá quân cảnh và đại uý đội ky binh thành phố đến. Viên đại uý rất thụ động sẵn sàng cùng số quân cần thiết chỉ đâu đánh đấy nhưng viên đại tá quân cảnh thì ngược lại. Đó là một chỉ huy lão luyện đầy thù hận quân Jéhu, từ ba năm qua, nói theo cách của ông là "không để ông yên". Hơn chục lần ông ta phát hiện ra họ, truy đuổi và lần nào cũng thế, dù điều khiển ngựa cừ khôi, khôn ngoan và có chiến thuật nhưng vẫn để họ thoát. Một lần, tình cờ phát hiện quân Jéhu trong rừng Seillon, họ chấp nhận giao đấu và đã hạ của ông ba người, bắt theo hai tù binh, chính vì thế ông trở nên chán nản, tuyệt vọng và chỉ mong một điều không bao giờ bị chính phủ ép đi đánh quân Jéhu. Lúc Roland tìm đến ông ta là khi ông đang nghỉ tĩnh dưỡng hay nói đúng hơn là chìm trong thất vọng.

Nhưng khi nghe Roland nói rõ địa điểm là động Ceyzeriat thì vị sĩ quan già trở nên trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi nháy mắt.

- Khoan đã thế thì khoan đã! Động Ceyzeriat, động Ceyzeriat… chúng ta bắt chúng nào!

Một nụ cười thoáng hiện trên môi viên đại uý.

- Ông ấy sẽ bắt được chúng - Anh ta nói.

Roland và Diana ngờ vực nhìn nhau, họ không tin tưởng viên đại tá như đại uý nọ.

Để xem - Roland ậm ừ.

- Bọn mị dân muốn phá nhà thờ Brou - Đại tá già nói - Tôi có một cách.

- Tôi chẳng lạ - Roland nói.

- Như thế không chỉ cứu nhà thờ của chúng ta mà còn cứu được cả những lăng mộ tuyệt đẹp.

- Bằng cách nào? - Roland hỏi.

- Gần nhà thờ có một cửa hàng bán cỏ khô cho ngựa.

- Tôi hiểu rồi - Roland nói - cỏ sẽ bảo vệ lớp đá.

- Tôi là người đến nhận tiền ở nhà thờ. Tôi muốn đi xem các chỗ.

- Chúng tôi nghe ngài đây, ngài đại tá.

- Thế này nhé, ở đầu kia hầm mộ có một cửa nhỏ thông vào đường hầm đi một đoạn khoảng một phần tư dặm, đường đó bị một hàng rào sắt chặn lại, nhưng lại có một ngảrẽ sang động Ceyzeriat.

- À tôi bắt đầu hiểu rồi - Roland nói.

- Tôi chẳng hiểu gì cả - Viên đại uý đội kỵ binh nói.

- Rất dễ thôi mà - Tiểu thư Fargas gật gù.

- Diana, cô hãy giải thích cho ngài đại uý đây biết đi, để xem hai năm là sĩ quan của Cadoudal có uổng phí không nào?

- Vâng, hãy giải thích cho tôi - Viên đại uý nói và giang chân chống hai tay lên cạnh sườn mở to mắt lãng nghe.

- Được thôi - Diana nói - Đại tá sẽ đem theo hơn chục người vào nhà thờ Brou, cạnh đường hầm, chúng ta sẽ cùng hai mươi người tấn công trực diện phía trên. Đội quân Jéhu sẽ rút chạy qua đường hầm, như vậy chúng sẽ bị kẹt ở giữa hai làn đạn.

- Đúng rồi đấy? - Viên đại tá gật gù ngưỡng mộ cô gái đã đoán đúng kế hoạch của ông.

- Tôi thật ngốc? Có vậy mà không nghĩ ra - Viên đại uý vỗ tay lên trán.

Roland khẽ phướn mày ra vẻ đồng tình, rồi quay sang phía đại tá:

- Thưa đại tá chỉ có điều ngài phải vào nhà thờ sớm hơn chúng. Quân Jéhu sẽ vào đó lúc nửa đêm bằng cửa phụ. Tôi sẽ đi cùng tiểu thư Fargas, chúng tôi sẽ cải trang thành quân Bảo hoàng sau khi lấy được bốn mươi phăng, chúng tôi sẽ quay ra cất một chỗ và cho một cảnh sát canh giữ, sau đó, chúng tôi quay lại tấn công dồn chúng vào động rồi chúng sẽ phải đầu hàng hoặc bị giết từng tên một.

- Sáng nay tôi sẽ về sở chuẩn bị lương thực cho cả ngày, đêm nay trận chiến sẽ bắt đầu - Viên đại tá nói rồi rút gươm ra lướt nhẹ lên tường rồi lại tra vào bao.

Roland để cho hành động quá khích ấy dịu xuống mới vỗ vai ông già.

- Sẽ không thay đổi gì trong kế hoạch. Đúng nửa đêm chúng tôi vào động lấy tiền, mười lăm phút sau sẽ có tiếng súng nổ, nói như ngài là trận chiến đã bắt đầu.

- Trận chiến bắt đầu - Viên đại uý lặp lại như một câu vọng.

Roland dặn dò lại một lần nữa những điều cần làm, mọi người cần chuẩn bị sẵn sàng rồi mới ra về.

Tất cả thực hiện đúng như anh tiên liệu.

Diana de Fargas và Roland giả trang thành Bruyère và Branche-d Or, tiến vào động Ceyzeriat, sau khi đã nói mật hiệu với hai lính canh bên ngoài, một dưới chân núi và một ở lối vào động.

Nhưng họ gặp khó khăn đầu tiên: Morgan không có mặt vì bận. Monbart và hai thủ lĩnh khác, Assas và Adler, thay mặt thực hiện. Họ không nghi ngờ giao đủ bốn mươi nghìn phăng cho Diana và Roland.

- Ai cũng nhận thấy sau khi giao tiền, đội quân Jéhu sẽ nghỉ qua đêm trong động nhưng vị đại thủ lĩnh vẫn chưa có mặt.

Liệu Roland và Diana có được coi là thành công khi không bắt được Morgan cùng những người khác? Morgan có thể sẽ trở về nhưng ai biết vào lúc nào? Mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng, thà bắt ba chỉ huy còn hơn là để cả bọn thoát. Vả lại, khi đã tóm gọn băng còn một người còn lại sẽ dễ đối phó hơn. Biết đâu khi ba người kia bị bắt, anh ta sẽ ra đầu hàng thì sao?

Ánh mắt của Roland và Diana nhìn nhau đủ để họ quyết định vẫn tiếp tục hành động như kế hoạch.

Roland lại gần một lính canh và nói mật hiệu, chưa dứt câu thứ ba, hắn đã ngã gục xuống đất.

Roland đã đâm chết hắn.

Người thứ hai đổ vật xuống giống như người thứ nhất không kêu được tiếng nào.

Roland ra hiệu cho viên đại uý dẫn quân đến. Tuy không phải là người thông minh những viên đại uý lại là một người thiện chiến. Anh ta rút gươm xông lên dẫn đầu đội quân, Diana và Roland ở hai cánh hai bên.

Họ chưa tiến được chục bước thì hai phát súng vang lên, đó là một trong số quân của Montbar đụng phải đội kỵ binh của Roland.

Một viên đạn trượt, viên kia trúng tay một người. Sau đó là tiếng kêu "Cầm lấy vũ khí!" vang dội trong hang.

Lập tức trong ánh đuốc dọc hang, một người đàn ông chạy thục mạng, tay cầm khẩu súng trường còn bốc khói.

- Cầm lấy vũ khí! - Anh ta hô hoán - Cầm lấy vũ khí! Quân kỵ binh!

- Hãy nghe ta là chỉ huy! - Montbar kêu to - Hãy tắt đuốc, rút xuống dưới nhà thờ!

Như thể nhận ra nguy hiểm, mệnh lệnh của Montbar được thực hiện ngay lập tức. Tất cả theo Montbar xuống sâu dưới động.

Đột nhiên, anh ta nghe thấy tiếng động phía trước rất gần, tiếng thì thào rồi cuối cùng là tiếng nạp đạn lách cách.

- Khoan đã! - Montbar nói và giang tay ra.

- Bắn! - Một giọng nói cất lên.

- Nằm xuống! - Montbar gào lên.

Mệnh lệnh này chưa dứt một loạt đạn nhức óc đã vang lên.

Tất cả những ai kịp nằm xuống đều nghe thấy tiếng đạn rít bên tai, tổng số những ai chưa kịp tuân lệnh hay chưa định hình chuyện gì có ba người ngã gục.

Qua ánh sáng loé lên, Montbar kịp nhận ra quân phía trước là đội hiến binh.

- Bắn! - Lần này đến lượt Montbar ra lệnh.

Hơn chục nòng súng nhả đạn. Đường hầm đang tối đen lại bừng sáng trong chốc lát lại thêm ba lính Jéhu ngã xuống.

- Đường lui bị chặn rồi - Montbar nói - Quay lại thôi, nếu may mắn chúng ta sẽ thoát vào rừng.

Montbar dẫn đầu đội quân quay trở lại. Tiếp một loạt đạn nữa của quân hiến binh dội đến, một vài tiếng kêu, tiếng người ngã xuống đất vang lên.

- Tiến lên các bạn! - Montbar hô to - Chúng ta có thể hy sinh nhưng hãy hy

sinh một cách xứng đáng nhất.

- Tiến lên! - Quân Jéhu đồng thanh lặp lại.

Nhưng càng tiến lên, Montbart ngời thấy mùi khói khiến anh lo lắng.

- Hình như bọn bất lương ấy đang hun chúng ta.

- Tôi sợ chuyện đó lắm! - Adler nói.

- Chúng tưởng đang bẫy cáo chắc.

- Chúng sẽ biết móng vuốt của chúng ta bởi lẽ chúng ta là sư tử.

Càng đi khói càng dày, quầng sáng càng to ra chỉ cách lối lên chừng năm chục bước, một ngọn đuốc được đốt lên, không phải để xông khói mà để chiếu sáng.

Qua ánh sáng từ ngọn đuốc, ai cũng nhìn thấy những nòng súng trường và lưới gươm sáng loá của đội kỵ binh.

- Bây giờ, chúng ta sẽ chết nhưng trước khi chết, hãy giết chúng đi! - Montbar hô to rồi lao đầu tiến vào quầng sáng bắn hai phát đạn vào quân địch sau đó quẳng khẩu súng trường hết đạn xuống đất, rút súng lục tiếp tục trận chiến.

***

- Tôi sẽ không cố kể hết những gì xảy ra - Bá tước nói - Đó là một cuộc hỗn chiến kinh hoàng nằm trong lòng cơn bão thịnh nộ.

Tiếng chửi rủa vang lên, những cây súng lúc càng lên những đường khói và ánh sáng, khi súng hết đạn là đến lượt gươm vào dao găm vào cuộc.

Quân hiến binh ở đầu kia đường hầm cũng chạy đến nhập vào đám hỗn độn đó, đánh trả trong một không gian đỏ bèm và khói mù mịt ngã xuống đứng dậy lại ngã xuống. Người ta nghe đâu đó tiếng hú lên man dại, tiếng kêu đau đớn. Đó là những hơi thở cuối cùng của con người.

Cuộc hỗn chiến ấy kéo dài khoảng hai mươi phút. Sau đó, người ta đếm được khoảng hai mươi hai cái xác nằm trong đất động Ceyzeriat, trong đó mười ba người của quân cảnh, chín người của đội Jéhu. Năm trong số quân Jéhu vẫn chưa chết nhưng đầy thương tích và bị Diana bắt sống. Cô ta nhìn họ với con mắt của Némésis thời cổ đại.

Đám quân cảnh còn lại tay vẫn cầm gươm. Viên đại uý già bị thương vào tay, đại uý bị phát đạn vào đùi. Roland máu me quân địch đầy mình nhưng anh không bị thương.

Hai tù binh phải chuyển bằng cáng vì họ không đi được.

Người ta đốt đuốc và chuẩn bị về thành phố thì có tiếng ngựa phi đến. Roland dừng lại nói:

Mọi người cữ đi trước, tôi sẽ xem đó là ai.

- Ai đó? - Roland hỏi to khi kỵ sĩ còn cách hơn hai chục bước.

- Thêm một tù nhân nữa đây - Kỵ sĩ đáp - Tôi không thể có mặt trong trận đấu nhưng tôi muốn có mặt trên giá treo cổ! Những người bạn của tôi đâu?

- Họ kia - Roland đáp.

- Xin lỗi - Morgan nói - Tôi muốn một chỗ trong số ba người bạn của tôi, tử tước Jahiat, bá tước Valensolles và hầu tước Ribier. Còn tôi là bá tước Charles de Sainte-Hermine.

Ba tù binh thốt lên ngưỡng mộ trong khi Diana đáp lại bằng tiếng reo sung sướng. Thế là cô ta đã bắt gọn cả bốn thủ lĩnh.

Ngay đêm hôm đó, như đã hứa, khoản tiền một trăm nghìn phăng của quân Jéhu được chuyển đến Bretagne. Đội quân Jéhu bị chuyển sang toà án, nhiệm vụ của Roland đã hoàn tất.

Anh trở về với Bonaparte, sau đó Bretagne để thuyết phục Cadoudal liên minh với nền Cộng hoà nhưng vô ích. Sau cuộc chiến *Một trăm*, anh trở về Paris, lại cùng Tổng tài dong duổi các cuộc chinh chiến tại Italy và qua đời tại Marengo.

Còn về phần Diana de Fargas, đó là một tâm hồn sa quá sâu vào hận thù đến độ không thể thoả mãn khi chưa đạt đến mục đích cuối cùng là chứng kiến việc xử tử của bốn lãnh tụ quân Jéhu.

Ở Besançon, được tin anh trai bị bắt, tôi vội đến Bourg-en-Bress nơi phiên toà xét xử anh tôi diễn ra.

Việc dự thẩm bắt đầu. Phạm nhân có sáu người, năm người bị bắt trong động còn một người là anh trai tôi sẵn sàng sống chết có nhau với họ. Hai người do bị thương nặng nên sau tám ngày bị bắt đã chết.

Trước tiên, họ lẽ ra phải bị đưa ra toà án binh và xử bắn, nhưng toà dân sự, theo luật vẫn có quyền xét xử các vụ án chính trị. Bản án của toà dân sự là tử hình; xử trảm là một điều lăng nhục còn xử bắn cũng thì có vẻ nhẹ nhàng hơn.

Trước toà án binh họ nhận hết nhưng trước toà dân sự họ chối không thừa nhận những cái tên Assas, Adler và Morgan mà khai tên tuổi như sau:

Louis-andré de Jahiat, sinh tại Bâgé-le-Châtel, tỉnh Ain, hai mươi bẩy tuổi.

Raoul-frédenc-Auguste de Valensolles, sinh tại Sainte-Colombe, tỉnh Rhôn, hai mươi chín tuổi.

Pierre-Auguste de Ribier, sinh tại Bellène, tỉnh Vaucluse, hai mươi sáu tuổi và Charles de Sainte-Hermine, sinh tại Besançon, tỉnh Doubs, hai mươi tư tuổi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 18
Charles de Sainte-Hermine.

Các phạm nhân thú nhận đã tham gia việc tập hợp để chuẩn bị gia nhập quân của Teyssonnet, người này có một đội quân trong núi Auvergne, nhưng họ chối thẳng thừng việc có đi lại với những kẻ chặn cướp có tên là Assas, Adler, Montbar và Morgan. Lẽ ra họ đã có thể thừa cơ hội đó để được thoát tội vì những người chưa lấy tiền thuế đều bịt mặt nhưng đã có một người đã bị nhìn thấy, đó là Morgan.

Lần ấy là khi họ chặn xe thuế giữa Léon và Vienne. Trên xe có một cậu bé khoảng mười hai tuổi ngồi trong buồng đánh xe, lấy súng để bắn vào quân Jéhu. Nhưng ông bố đoán trước ý định đó đã tháo hết đạn ra. Bà mẹ không biết chuyện, tưởng con mình bắn chết người nên lăn ra bất tỉnh. Anh trai tôi vội lại gần, cho bà ấy ngửi muối và cố ngăn cơn hoảng loạn. Nhưng trong khi vùng vẫy, bà ta làm rơi tấm che mặt và nhìn thấy Sainte-Hermine. Nhưng cảm kích trước sự tử tế của bị cáo, nhân chứng, tức là người phụ nữ kia không chỉ ai là Morgan cả.

Những người bị chặn khác lại không hoàn toàn nhận được mặt ai. Họ sắp được trắng án thì đột nhiên viên chủ toạ quay sang hỏi người phụ nữ bị ngất.

- Thưa bà, liệu bà có vui lòng cho tôi biết ngài nào đã thật hào hiệp chăm lo cho bà vào lúc đó không?

Người phụ nữ sửng sốt tưởng là trong lúc bà không có mặt những can phạm đã thú tội nên cách tốt nhất là giúp họ trả lời thành khẩn liền chỉ vào anh trai tôi và nói:

- Thưa quý toà đó là ngài bá tước Sainte-Hermine.

Lập tức câu nói đó đã trói buộc cả bốn bị cáo vào một và họ đã rơi vào tay đao phủ.

- Ôi lạy Chúa! - Jahiat nói - Bây giờ thì anh hiểu người dạy cho anh lịch sự là ai.

Trong khi đó, Diana reo lên vì sung sướng giữa phiên toà. Cô ta lại là kẻ chiến thắng.

- Thưa bà - Anh trai tôi nói với người phụ nữ vừa nhận ra mình vừa chào bà ta - Bà vừa nói một câu mà khiến cả bốn cái đầu phải rời đấy.

Nhận ra mình vừa phạm sai lầm, người phụ nữ vội quỳ xuống xin tha thứ nhưng tất cả đã quá muộn!

Tôi đang tham dự phiên toà ấy mà chỉ chực ngất xỉu. Nhưng tình cảm với anh tôi cứ trào lên. Ngay hôm đó, những án phạm lấy lại vẻ vui tươi không phản đối nữa và bị kết án tử hình. Ba người từ chối kháng án trong khi người thứ tư, Jahiat, lại cương quyết, kháng án và nói rằng anh có cách. Vì nếu có sự đồng kháng án của cả bốn người, thời hạn sẽ được kéo dài, Jahiat nói mình đang tán tỉnh cô con gái người cai ngục và trong thời hạn sáu tuần hay hai tháng kháng cáo, anh ta hy vọng có cách vượt qua.

Với tia hy vọng có thể thoát, mỗi người lại thấy yêu cuộc sống hơn. Họ vốn không sợ cái chết, nhưng hình ảnh chết trên giá treo cổ thì chẳng hấp dẫn gì. Ba người để cho Jahiat thoả thê trong công cuộc chinh phục của mình, còn họ cố hưởng thụ những giờ phút vui vẻ của cuộc sống ngắn ngủi.

Thế nhưng việc kháng cáo chỉ đưa luôn đến toà đại hình, không còn hy vọng nào hết. Đích thân Tổng tài tuyên bố, bằng mọi giá cũng phải quét sạch các băng đảng như thế. Vốn rất cảm tình với quân Jéhu, cả thành phố chìm trong thất vọng vì những anh hùng sắp phải chết. Tôi chạy vạy khắp nơi, van nài không biết bao chỗ để xin cho anh trai mà không được.

Các tội phạm quả có nhiều điểm xứng đáng với niềm yêu mến trẻ trung, ngoại hình vô cùng hoàn hảo, rất hợp mốt, luôn nhã nhặn, tươi cười ngay cả với bồi thẩm xử án, dù hơi cao ngạo nhưng nhưng phản biện của họ vẫn rất có phong cách. Chưa kể họ xuất thân trong những gia tộc hàng đầu ở miền quê.

Bốn phạm nhân, người nhiều tuổi nhất cũng chưa quá ba mươi đều phản đối việc xử trảm nhưng chấp thuận bị xử bắn.

Họ muốn được chết như những chiến sĩ càng chứng tỏ họ là một nhóm đầy sức xuân, dũng cảm và vị tha.

Chính quyền nghi ngại việc kháng án có âm mưu nên bác bỏ.

Jahiat đã được Charlotte, cô con gái quản ngục yêu thương nhưng ảnh hưởng của cô con gái đến người cha không đủ để ông giúp cho vượt ngục.

Không phải viên quản ngục không động lòng. Đó là một con người tử tế có tên là Comtois - sùng bái nền quân chủ những nhân cách với ông là điều quan trọng nhất. Ông sẵn sàng đối tốt với bốn thanh niên trong ngục nhưng từ chối thẳng thừng khoản sáu mươi phăng để giúp họ trốn thoát.

Ba phát súng vang lên trong khu nhà giam thông báo cho các tử tù biết đã đến giờ hành quyết.

Ngay đêm hôm trước, cô nàng Charlotte đáng thương cố gắng dùng mọi cách để đưa vào cho mỗi phạm nhân hai khẩu súng ngắn đã nạp đạn và một con dao găm.

Ba phát súng vang lên cũng là khi tù nhân hiểu rằng bản kháng án đã bị bác bỏ. Viên cảnh sát trưởng lo ngại nên cho tập trung toàn bộ lực lượng ông ta có. Sáu giờ sáng, thay vì người tập trung ở giá treo cổ trên quảng trường Bastion, sáu mươi kỵ binh đã tập hợp tại sân nhà lao. Hơn một nghìn người đứng sau hàng rào kỵ binh chật ních cả quãng đường. Giờ hành quyết được ấn định là bảy giờ.

Sáu giờ, cai ngục vào phòng giam, nhưng tù nhân lúc này đều được cởi trói và được trang bị vũ khí. Họ vốn mạnh khoẻ nên sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc chiến.

Họ để trần, hai dải quần bắt chéo qua ngực. Dây lưng to bản, bên trong có giấu vũ khí, bó sát cơ thể. Đúng lúc không ai chờ đợi nhất thì tiếng đụng độ vang lên rồi người ta thấy bốn tử tù xông ra ngoài.

Trong đám đông có một tiếng thét lên rồi tất cả im bặt, mọi người đều cảm giác có điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra. Nhìn họ như những đấu sĩ sắp lao vào trận.

Tôi cố len lên hàng đầu tiên. Trong sân có một hàng rào sắt to chặn ngang. Phía bên kia hàng rào là đường phố. Có một đội hiến binh bất động, súng cạc bin đặt trên gối tạo thành một đường thẳng không thể lay chuyển.

Bốn tử tù dừng lại, đứng sát lại nhau như thể định hình không gian. Sau đó, Valensolles, người lớn tuổi nhất, tiến lại phía hàng rào và nở một nụ cười vô cùng độ lượng, cúi chào rất quý tộc.

- Các quý ông hiến binh, rất tốt!

Nói rồi anh quay lại phía ba người đồng đội nói:

- Vĩnh biệt các bạn!

Và rút súng bắn vào đầu. Cơ thể anh quay ba vòng rồi đổ vật xuống đất.

Đến lượt Jahiat tách khỏi nhóm, tiến lại hàng rào rút hai khẩu súng chĩa vào quân hiến binh. Anh không bắn nhưng đám quân cảnh tưởng bị tấn công liền giương súng khai hoả. Jahiat bị trúng hai phát đạn.

- Cảm ơn các người - Anh nói - Nhờ các vị mà tôi chết như một chiến sĩ, rồi anh đổ xuống cạnh thi thể Valensolles.

Trong khi đó, Ribber như đang nghĩ xem mình sẽ chọn cách chết như thế nào. Cuối cùng, anh đã quyết định. Gần đó có một cây cột đỡ vòm hiên. Ribbiel đi thẳng đến cây cột, rút dao ra đặt mũi dao vào phía ngực trái, tỳ chuôi dao vào cột, dang hai tay ôm lấy cây cột. Anh chào mọi người lần cuối rồi siết chặt vòng tay vào cột cho đến khi lưỡi dao ngập hoàn toàn vào cơ thể anh.

Ribbier còn đứng im một lát, nhưng ngay sau đó, một làn da tái mét phủ lên khuôn mặt anh, đôi tay anh buông thõng, đầu gối khuỵu xuống và chết dưới chân cột.

Đám đông đứng câm lặng như bị hoá đá vì kinh sợ. Sau đó niềm ngưỡng mộ bao trùm khắp những người tham dự. Họ hiểu những kẻ cướp anh hùng này muốn chết nhưng chết theo cách họ muốn và nhất là rất giống các đấu sĩ thời cổ đại chết nhưng vẫn có lòng bao dung.

Còn lại một mình anh trai của tôi. Anh đứng đó trên bậc tam cấp và chắc chắn chỉ mình anh nhận ra tôi trong đám đông. Anh đặt một ngón tay lên miệng và nhìn tôi. Tôi hiểu anh muốn tôi im lặng. Tôi vâng lời anh nhưng dù cố gắng kìm chế, nước mắt cứ lăn dài trên gò má. Anh tôi ra hiệu muốn nói.

Tất cả mọi người đều im lặng, chỉ mình Chúa mới biết tôi sợ hãi như thế nào khi nghe anh nói.

Khi người ta chứng kiến cảnh tượng tự như thế, người ta háo hức được thấy mọi lời nói cũng như hành động, nhất là khi lời nói giải thích cho hành động và ngược lại. Vả lại, đám đông này còn có gì để đòi hỏi? Họ biết chắc sẽ có bốn người chết, nhưng chết giống nhau thì thật đơn điệu. Nhưng thực tế đã không như thế bốn cái chết không hề giống nhau, bốn cơn hấp hối vừa mỹ lệ vừa đau thương và đầy bất ngờ. Đám đông cũng không nghi ngờ sẽ được chứng kiến một cảnh độc đáo khác.

Anh Charles không rút súng hay dao ra. Chúng vẫn nằm im trong đai quần. Anh bế thi thể của Valensolles đến đặt cạnh Jahiat và Ribier. Sau đó, giống như một nghệ sĩ trước công chúng, anh cúi chào và mỉm cười với khán giả đám đông vừa cười vừa vỗ tay.

Công chúng háo hức muốn xem và tôi dám nói rằng không ai trong số họ đủ can đảm để hy sinh thân mình cứu mạng một thủ lĩnh quân Jéhu.

- Thưa các vị - Anh Charles nói - các vị đến đây để xem chúng tôi chết và các vị đã được chứng kiến ba cái chết của bạn tôi. Bây giờ đến lượt tôi. Tôi không mong gì hơn là làm các vị thoả mãn tính hiếu kỳ nhưng tôi muốn một đề nghị nhỏ.

- Nói đi! Nói đi! Điều anh đề nghị sẽ được đáp ứng - Tiếng kêu vang lên từ tứ phía.

- Ngoại trừ mạng sống!- Một giọng phụ nữ hét lên. Người ta nhận rõ cô ta đã từng reo lên sung sướng khi bản án thi hành.

- Tất nhiên là ngoại trừ mạng sống - Anh trai tôi nhắc lại.

- Các vị đã thấy anh bạn Valensolles tự bắn vào đầu, các vị đã có anh Jahiat bị bắn còn anh Rihier tự đâm, chắc các vị sẽ rất muốn tôi bị chặt đầu chứ? Tôi hiểu.

Anh ấy nói lạnh lùng khiến đám đông như bị rùng mình.

- Thế này - Anh Charles tiếp tục - Tôi là người dễ tính, tôi cũng muốn chết sao cho các vị và tôi cùng thấy thoả mãn. Tôi sẵn sàng để bị chặt đầu nhưng

tôi muốn tự đi đến đoạn đầu, giống như khi tôi đi ăn tiệc hay tham dự vũ hội nhưng với một điều kiện không ai được chạm vào người tôi. Nếu ai lại gần, anh chỉ vào hai báng súng - tôi sẽ bắn, ngoại trừ ông - Charles nói và chỉ vào kẻ thực thi bản án.

Điều kiện ấy có lẽ làm đám đông hài lòng nên những tiếng "Đồng ý! Đồng ý!" vang khắp nơi vang lên.

- Ông nghe rõ chứ, hãy thả dây nhanh vào, mọi việc sẽ tốt đẹp thôi.

- Nếu tôi tháo xích tay, chân, anh hứa sẽ không chạy trốn chứ?

- Tôi xin thề danh dự.

- Được rồi! - Viên sĩ quan nói - Tránh ra để chúng tôi gom xác đồng bọn của ạnh.

- Được thôi, thế là phải - Charles nói rồi quay về phía đám đông - Các vị thấy đấy, việc thi hành án với tôi chậm không phải lỗi của tôi mà là của các ông đây đấy nhé?

Ribier vẫn chưa chết hẳn. Anh mở mắt hình như muốn tìm ai.

Charles nắm lấy tay anh.

- Em đây, hãy yên tâm, em sẽ như thế!

Ribier nhắm mắt lại, môi mấp máy nhưng không nói được câu nào. Một dòng máu trào ra khỏi miệng vết thương.

Ông Sainte-Hermine - Một hạ sĩ nói khi ba cái xác được mang đi, ông sẵn sàng chứ?

- Tôi chờ các anh đây.

- Nếu vậy, ông hãy lại đây.

Charles tiến lại đám quân cảnh.

- Ông muốn đi xe ra đoạn đầu đài chứ?

- Tôi muốn đi bộ. Tôi thích mọi người biết rằng việc tôi đi bộ ra đó thật là độc đáo. Nếu tôi đi xe, mọi người sẽ nghĩ tôi sợ chết đến nỗi không bước nổi.

Đoạn đầu đài đã được dựng lên trên quảng trường Bastion.

Mọi người diễu qua quảng trường Lices, đi dọc tường khu vườn lâu đài Monbazon. Đi đầu là một chiếc xe ngựa không mui, tiếp đến là một tá kỵ binh, kẻ tử tội đi sau họ thỉnh thoảng liếc nhìn tôi. Cách anh một khoảng là viên đại tá và quân của ông ta. Đến hết bức tường, đoàn người rẽ trái, lập tức đoạn đường đó mở ra một khoảng không gian và cách đó không xa là đoạn đầu đài.

Đôi chân tôi như muốn khuỵu xuống khi thấy nó.

- Ối trời! - Anh nói - Tôi chưa bao giờ thấy máy chém, tôi không biết nó lại xấu xí đến thế kia.

Rồi bằng một động tác rất nhanh anh rút dao găm đâm phập vào ngực.

Viên đại tá thúc ngựa và chìa tay để ngăn anh nhưng Charles đã rút súng ra.

- Dừng lại, đã thoả thuận là không ai chạm vào tôi. Tôi sẽ chết một mình hay chết cả ba, tuỳ ông chọn.

Viên đại tá dừng lại rồi lùi xuống.

- Chúng ta đi tiếp - Anh tôi nói.

Quả nhiên anh vẫn bước tiếp. Mắt tôi, tai tôi dán vào con người vô cùng yêu mến ấy. Tôi không quên một từ nào, một cơ động nào của anh. Tôi nhớ lại những gì Charles đã viết cho Cadoudal khi anh từ chối để tôi đến chỗ ông ấy vì anh sẽ dành tôi cho việc thay thế anh ấy và báo thù cho anh.

- Tôi thầm thề nguyện sẽ làm tất cả những gì mong đợi tôi.

Thỉnh thoảng một ánh mắt lại hướng về tôi như muốn nhắc nhở điều đó. Anh Charles vẫn bước đi, máu rịn ra từ vết thương loang lổ.

Đến chân máy chém, Charles rút dao ra rồi đâm tiếp lần thứ hai. Nhưng anh vẫn đứng được.

- Sự thật - Anh kêu lên man dại -Tôi phải chịu thể hình như thế.

Đám lính kéo ba cái xác Valensolles, Jahiat và Ribier xuống xe. Hai người đầu đã chết hẳn, hai cái đầu nghẹo xuống không còn chảy giọt máu nào nhưng Ribier vẫn còn rên. Anh ấy còn sống.

Khi đầu Ribier bị chặt, máu chảy ộc ra khiến toàn thể đám đông đều rùng mình.

Đến lượt anh trai đáng thương của tôi. Lúc này, hầu như anh chỉ còn nhìn tôi. Mấy người định đỡ anh lên máy chém nhưng anh nói:

- Ồ đã thoả thuận là không ai chạm vào tôi cơ mà.

Nói rồi anh bước lên sáu bậc mà không hề lảo đảo. Lên đến sàn kê máy chém, anh rút con dao đang cắm trong ngực ra và đâm nhát thứ ba.

Một tiếng cười đáng sợ cất lên làm máu từ ba vết thương trào ra.

- Nói thật. - Anh nói với đao phủ. - Thế là đủ. Hãy ra tay tuỳ ý mi.

Sau đó anh quay sang tôi:

- Em nhớ chứ Hector?

- Vâng thưa anh.

Tự anh đặt đầu vào bệ.

- Thế đã được chưa? - Anh hỏi đao phủ.

Chỉ có tiếng lưỡi dao phập xuống đáp lời anh. Như thể bù đắp cho sự sống còn đau đầu không thể tự mình quyết định, cái đầu thay vì rơi vào giỏ lại nhảy ra ngoài lăn khỏi bục kê máy chém và rơi xuống đất.

- Tôi xô đổ hàng lính chắn ngăn mọi người lại gần máy chém, chạy vội về phía ấy, tôi bưng đầu anh trong tay và hôn nó. Đôi mắt anh từ từ mở ra và

đôi môi anh run lên trong môi tôi.

- Tôi xin thề có Chúa là nó nhận ra tôi.

- Vâng, vâng, vâng… - Tôi nói - Xin anh cứ yên lòng, em sẽ vâng lời anh.

Đám lính định bắt tôi nhưng vài giọng nói đã vang lên:

- Đó là em trai anh ấy!

Lập tức không ai nhúc nhích nữa.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 19
Phần kết câu chuyện của Hector

Câu chuyện của Hector đã kéo dài hai tiếng Claire khóc nhiều đến nỗi Hector phải dừng lại không biết có nên tiếp tục hay không.

- Xin cứ tiếp tục xin cứ tiếp tục ạ! - Claire nói.

- Mong tiểu thư thứ lỗi vì tôi vẫn chưa kể gì về mình.

Claire chìa tay nắm lấy tay Hector.

- Chàng đã phải chịu nhiều đau khổ quá - Cô thì thầm.

- Xin hãy khoan, và tiểu thư sẽ thấy chỉ mình nàng làm tôi quên hết phiền muộn trong đời.

- Tôi vốn không thân quen Valensolles, Jahiat và Rihier nhưng qua anh trai tôi, qua việc chứng kiến họ sống chết có nhau, tôi như đã là bạn của họ. Tôi yêu cầu trả mọi chi phí mai táng cho họ rồi mới về Besançon. Tôi sắp xếp lại mọi việc trong nhà và chờ đợi. Tôi chờ gì đây? Tôi cũng không biết nữa. Điều gì sẽ xảy ra? Đành tuỳ số phận của tôi. Tôi không nghĩ mình buộc phải tìm nó mà đành chịu chờ nó đến. Tôi đã sẵn sàng chấp nhận tất cả.

Một buổi sáng, người nhà báo tin có hiệp sĩ Mahalin đến.

Tôi không biết cái tên này, tuy nhiên nó vẫn làm rung lên sợi dây đau đớn trong tim tôi như thể tôi đã biết nó.

Đó là một thanh niên khoảng hai mươi sáu tuổi, trang phục hoàn hảo, phong cách quý tộc không chê vào đâu được.

- Thưa bá tước - Anh ta nói với tôi - Ngài cũng biết đồng đảng Jéhu đã bị thiệt hại nặng nề khi mất đi bốn thủ lĩnh trong đó có anh trai của ngài, bây giờ đang củng cố lại. Thủ lĩnh mới là Laurent lừng danh. Người này vốn là một trong những đại quý tộc nhất vùng Midi. Tôi đến nhân danh chủ tướng

để thông báo chúng tôi dành cho ngài một vị trí trang trọng, nếu ngài muốn, như ý nguyện của anh trai ngài.

- Thưa hiệp sĩ - Tôi nói - Sẽ là nói dối nếu tôi tỏ ra nồng nhiệt chào đón một cuộc sống hiệp sĩ nay đây mai đó, nhưng tôi đã thề với anh tôi nên tôi rất sẵn sàng.

- Tôi chỉ cần nói địa chỉ tập hợp hay ngài đi cùng tôi?

- Tôi sẽ đi cùng ngài.

Trong nhà, tôi có một quản gia tin cẩn là Saint-Bris, người này đã từng phục vụ anh tôi. Tôi giao mọi việc trong nhà cho anh ta rồi cầm vũ khí lên đường.

Cuộc hẹn gấp diễn ra ở giữa Vizille và Grenoble. Hai ngày sau, chúng tôi đã đến nơi.

Thủ lĩnh Laurent của chúng tôi quả danh bất hư truyền. Đó là một trong những người may mắn trong lễ rửa tội có các bà tiên đến dự và mỗi người ban cho anh ta một phẩm chất chỉ trừ một người quên không sửa một đức tính khiến nó chống lại toàn bộ ưu điểm. Ngoại hình của anh ta đẹp theo kiểu người miền Nam và rất nam tính. Vẻ đẹp ấy là sự tổng hoà các nét đẹp của đôi mắt, mái tóc, bộ râu đen cộng với vẻ duyên dáng cởi mở. Là người tuổi xuân đang rộ, anh ta thiếu kinh nghiệm song lại có sự thoải mái, vẻ cao quý của một đức ông mà không gì thay thế được.

- Người ta bị anh cuốn hút mà không lý giải nổi tại sao.

Tuy vậy, đó là một người hay nổi giận. Bình thường trong mọi biểu hiện, anh ta luôn tỏ rõ cung cách của một quý ông đầy giáo dục nhưng đột nhiên Laurent nổi giận lôi đình thì nó không phải tính cách của con người nữa. Thế là tiếng đồn lan trong thành phố rằng "Laurent nổi giận, có người phải chết".

Chính quyền dành sự quan tâm cho băng đảng Laurent giống như họ để mắt đến băng Sainte-Hermine. Những lực lượng khổng lồ được huy động vây bắt Laurent và bảy mươi mốt quân bị bắt và bị chuyển đến Yssingeaux để giải thích về mọi hành động của họ trước một toà án đặc biệt, triệu tập khẩn cấp để xử tại tỉnh Haute-Loire.

Nhưng khi đó Bonaparte vẫn còn ở Ai Cập, quyền lực rơi vào tay những kẻ

đớn hèn. Việc xét xử rất dè dặt, nhân chứng lo sợ, phản biện tha hồ, thế là Laurent nhận tất về mình. Bảy mươi mốt quân của anh được trắng án còn một mình Laurent bị kết án tử hình.

Laurent vào nhà giam trong trạng thái vô lo vô nghĩ, thoải mái như thể đang ở ngoài. Vẻ đẹp trời phú như Montaigne gọi là đòi hỏi thể xác, đã có tác dụng đặc biệt: Cô con gái người cai ngục vào hai giờ sáng lén đến phòng giam của Laurent và mở cửa như những cánh cửa đã mở với Piene de Médicis, rồi dịu dàng nói: *Non tem nulla, bentivoglio*! (Đừng sợ, em yêu chàng!)

Dù chưa thấy mặt ân nhân cứu mạng vì những thanh sắt che mắt nhưng Laurent đã hành động theo tiếng gọi của con tim đang hoà với tiếng gọi hấp dẫn của tự nhiên. Vài lời trao gửi kèm theo nhẫn xong, Laurent thoát ra ngoài. Một con ngựa đang chờ anh ở làng bên và người vừa đính ước cũng sẽ đến cùng anh.

Trời đang dần sáng. Vừa trốn, Laurent đã có thể nhìn thấy đao phủ và đám lâu la đang dựng máy chém. Mười giờ sáng Laurent sẽ bị xử. Hôm đó đúng vào phiên chợ. Chúng muốn xử tử anh ngay trước toàn dân thiên hạ và cả những người làng bên.

Quả nhiên, khi tia nắng đầu tiên chiếu xuống, cái máy giết người đã dựng xong, mọi người không nghĩ đến đi chợ nữa mà xúm vào xem xử trảm.

Laurent bắt đầu lo lắng, không phải cho số phận của mình mà cho người phụ nữ đã cứu anh ta. Chờ mãi ở làng bên nhưng không hiểu có chuyện gì mà cô gái không đến. Laurent sốt ruột phi ngựa quay trở lại Yssingeaux nhưng càng tìm càng mất hút. Cuối cùng anh trở nên mất trí cho rằng người anh chờ đã bị bắt trong lúc chạy trốn và biết đâu bị coi là tòng phạm và đem xử trảm cũng nên. Anh phi ngựa nước đại vào thành, xuyên qua đám những tiếng la hét, kinh ngạc của mọi người khi thấy một tử tù đang thoải mái trên ngựa. Anh phi qua cả đám hiến binh đang sục tìm anh để đưa lên máy chém. Nhận ra cô gái, anh lao tới ôm cô lên ngựa rồi phóng đi trong tiếng reo hò cổ vũ của cả thành phố.

Đó là chân dung thủ lĩnh mới của chúng tôi, người kế tục anh trai tôi và đó cũng là người chỉ huy tôi tham gia chiến trận lần đầu. Suốt ba năm, tôi đã

sống một cuộc sống đầy sương gió, manh áo làm chăn, súng dài trên tay, súng ngắn thắt lưng. Sau đó, tiếng đồn về cuộc đình chiến lan ra khắp nơi, tôi về Paris với lời hứa sẽ quay lại đội ngũ khi họ gọi. Và ở Paris, tôi đã gặp nàng và tôi thấy. Xin thứ lỗi cho tôi nói thẳng, tôi cần gặp lại tiểu thư. Tôi đã được gặp lại và thật tình cờ, đôi mắt nàng nhìn tôi, nàng đã thấy nỗi buồn sâu thẳm trong tôi, sự lo lắng hiện hữu, phải thú thật khi đó tôi chẳng thiết gì đến các lạc thú trên đời.

Trong hoàn cảnh bấp bênh của tôi, tôi không tự quyết định được số mệnh của mình, số phận tôi chịu một quyền lực định mệnh, tuyệt đối và không bàn cãi. Tôi có thể bị giết, bị thương trong một cuộc cướp tiền thậm chí tệ hơn có thể bị bắt. Với hoàn cảnh ấy làm sao tôi dám nói gì với một cô gái lặng lẽ và dịu dàng, một bông hoa đương độ, một người sống đúng quy tắc, làm sao tôi dám thổ lộ: *"Tôi yêu em, nàng có muốn một người chồng sóng ngoài vòng pháp luật và hạnh phúc lớn nhất của anh ta là có thể bị giết bằng một viên đạn?"*

Không thể tôi đành ngậm ngùi bằng lòng với việc nhìn nàng say đắm trong đôi mắt nàng và cố gắng đến bất cứ chỗ nào có mặt nàng lòng thầm cầu Chúa ban cho phép lạ biến cuộc đình chiến thành hoà bình.

Và cuối cùng, cách đây bốn năm ngày, báo chí thông báo việc tướng Cadoudal đến Paris và diện kiến Tổng tài, ngay tới hôm đó, cũng chính báo chí đưa tin tướng Cadoudal đã cam kết không làm gì chống lại nước Pháp nếu ngài Tổng tài cũng không làm gì phương hại đến mảnh đất Bretagne và chống lại ông ta.

Hector rút một tờ giấy trong túi ra.

Ngày hôm sau, tôi nhận được thông báo từ chính tay Cadoudal viết:

"Một cuộc chiến lâu dài hơn, với tôi, sẽ là bất hạnh cho nước Pháp và đem cảnh lụi tàn cho xứ sở quê tôi. Tôi tuyên bố xoá giải lời thề mà các anh đã tuyên thệ và sẽ chỉ lấy lại lời thề ấy khi chính phủ Pháp nuốt lời.

Nếu có sự phản trắc ẩn giấu sau hiệp định giả tạo này, tôi sẽ lại kêu gọi lòng trung thành của các anh một lần nữa và tôi chắc chắn lòng trung thành ấy sẽ đáp lại tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Tôi rất sung sướng khi được giải ngũ. Tôi trở về được sở hữu chính bản thân mình. Cha tôi và hai anh trai đã thề trung thành cho một triều đình mà tôi chỉ biết đến bằng lòng tận trung của cả gia đình, bằng những bất hạnh liên tiếp dội xuống mái ấm của chúng tôi. Bây giờ tôi hai mươi ba tuổi, có một trăm livre tiền tô tức, tôi đang yêu và giả dụ cũng được yêu thì cánh cửa thiên đường coi như đã mở ra với tôi. Ôi Claire! Claire, đó là lý do tại sao nàng thấy tôi vui sướng đến thế trong vũ hội nhà phu nhân Pennon. Tôi đã có thể xin phép gặp nàng và có thể nói với nàng rằng tôi yêu nàng.

Claire cúi đầu không nói gì. Hành động ấy cũng gần như đồng ý.

- Bây giờ - Hector nói tiếp - tất cả những gì tôi vừa kể với nàng đều đóng khung trong phạm vi ở quê và trên Paris không ai biết. Tôi có thể giấu nàng nhưng tôi không muốn. Tôi muốn cho nàng biết về toàn bộ cuộc đời tôi, muốn cho nàng hay định mệnh đã xúi khiến tôi là một tội đồ đến xưng tội với nàng và mong được xá tội từ chính miệng nàng.

- Ôi Hector yêu quý! - Claire thốt lên - Ồ vâng, em tha thứ, em xá tội cho chàng - và như quên mất mình đang bị sự kiểm soát của mẹ, cô nói - Em yêu chàng!

Rồi vòng tay ôm cổ Hector.

- Claire! - Phu nhân Sourdis kêu lên bằng giọng ngạc nhiên hơn là tức giận.

- Mẹ em đấy - Claire nói và đỏ bừng đôi má, định gỡ tay ra.

- Claire! - Hector vừa nói vừa cầm tay cô - Nàng đừng quên những gì tôi vừa kể chỉ cho một mình nàng biết. Đó là bí mật của riêng hai ta. Vì cần nàng, chỉ yêu mình nàng nên tôi không muốn ai khác tha thứ cho mình. Đừng quên điều đó và nhất là đừng quên rằng tôi chỉ thực sự được sống khi nhận lời đồng ý của mẹ nàng. Claire, nàng nói rằng nàng yêu tôi vậy tôi xin đặt trọn hạnh phúc của chúng ta vào tình yêu ấy.

Nói xong, Hector xin phép ra về, thư thái và vui sướng như một tù nhân mới được ân xá thả tự do.

Phu nhân Sourdis sốt ruột chờ con gái mình. Hành động nông nổi ban nãy chí ít cũng làm bà ngạc nhiên. Bà muốn được nghe lời giải thích.

Lời giải thích đến rất rõ ràng và nhanh chóng. Cô con gái vừa đến gần mẹ đã quỳ xuống và nói:

- Con yêu chàng!

Người mẹ đỡ cô dạy, kéo cô ngồi cạnh mình và hỏi han nhưng cô chỉ nói:

- Thưa mẹ yêu quý, Hector đã nói cho con nghe một bí mật về gia đình mà chàng không muốn cho bất cữ ai biết trừ người con gái chàng muốn cưới làm vợ, đó là con. Chàng mong được đến nhà mình xin phép mẹ tác thành cho hạnh phúc của cả hai chúng con. Anh ấy là người tự do, có một trăm livre tiền tô tức, chúng con yêu nhau, xin mẹ hãy suy nghĩ nhưng nếu mẹ từ chối tức là mẹ đã khiến cả hai chúng con cùng đau khổ.

Claire nói những lời trên bằng giọng vừa lễ phép vừa cương quyết rồi chào mẹ, lùi lại một bước để lui gót.

- Nhưng nếu mẹ đồng ý thì sao? - Phu nhân Sourdin nói.

- Ôi! Mẹ của con! - Claire reo lên rồi sà vào vòng tay bà - Mẹ thật tốt và yêu con biết bao.

- Bây giờ mẹ muốn con yên tâm. Hãy ngồi xuống đây và chúng ta sẽ nói lý do nhé.

- Con xin nghe mẹ đây - Claire vừa nói vừa cười.

- Trong thời buổi bây giờ, người là buộc phải theo một phe nào đó. Mẹ nghĩ Hector de Sainte-Hermine theo phe Bảo hoàng. Nhưng hôm qua, khi nói chuyện với cha đỡ đầu của con bác sĩ Cabanis, ông ta không chỉ là một nhà khoa học thuần tuý mà còn là một chính trị gia. Ông ấy hoan nghênh mẹ quan hệ với phu nhân Bonaparte và khuyên con cũng nên làm thân với con gái của bà ta. Theo ông ấy, tương lai nằm ở đó. Cabanis là bác sĩ của Tổng tài, ông ấy cho rằng Bonaparte là một đại thiên tài, ông ta sẽ chưa dừng lại ở đó. Cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire không chỉ để kiếm một ghế Tổng tài mà còn dành cho một ngai vàng nữa kia. Trước khi mây mù tan hẳn, những ai đứng về phía ông ta sẽ cùng nằm trong vòng quay số phận với ông ta và sẽ

thành công. Ông ta thích giao du với những dại gia tộc, những nhà thật giàu có. Điều kiện của Sainte-Hermine cũng được lắm. Cậu ấy có một trăm livre tiền tô tức và còn tăng nữa, gia đình đều hy sinh vì công cuộc khôi phục triều đình nhưng cậu ấy ít tuổi nên chưa phải tham gia vào những sự kiện chính trị. Bố và hai anh trai của cậu ấy đã chết vì nước Pháp cũ, bây giờ cậu ấy chấp nhận một vị trí cạnh Tổng tài tức là sống cho một nước Pháp mới. Con nên nhớ rằng đây không phải là điều kiện để mẹ gả con cho cậu ấy nhưng mẹ sẽ rất vui lòng khi thấy Hector đồng ý liên minh. Còn nếu cậu ấy từ chối tức là thâm tâm cậu ấy mách bảo cần phải từ chối và chỉ mình. Chúa mới có quyền phán xử suy nghĩ của con người. Không phải vì anh ta từ chối mà mẹ ghét bỏ cậu ấy, cậu ấy vẫn sẽ là con rể yêu của mẹ.

- Khi nào con có thể báo tin cho anh ấy?

- Bất cứ lúc nào con muốn, con gái ạ.

Claire viết thư ngay tối hôm đó và trước mười hai giờ trưa ngày hôm sau, tức là lúc gặp mặt thích hợp nhất Hector gõ cửa nhà phu nhân Sourdis. Lần này anh được dẫn thẳng đến phòng phu nhân, bà ra mở cửa và đón chào như một người mẹ đón đứa con trai. Claire mở cửa và thấy mẹ đang ôm Hector vào lòng liền thốt lên:

- Ôi con thật sung sướng biết bao!

Phu nhân Sourdis giang tay và ôm cả hai con vào lòng.

Chuyện cưới hỏi có lẽ không cần bàn đến mà họ thảo luận về việc có nên phục vụ cho chính quyền của Tổng tài hay không. Cả ba ngồi trên tấm thảm, Hector vừa nắm tay mẹ và người yêu vừa lắng nghe Claire thuật lại ý kiến của Cabanis về Bonaparte và lời đề nghị của phu nhân Sourdis.

Hector chăm chú nhìn cô gái trong lúc cô lặp lại những lời mẹ nói hôm trước khi Claire nói xong, anh cúi đầu trước phu nhân Sourdis và vẫn nhìn Claire chăm chú như ban nãy.

- Claire - Anh nói - Theo những gì tôi đã thổ lộ cho nàng hôm trước, xin nàng hãy toàn quyền định đoạt và thay tôi trả lời mẹ. Nàng nói sao tôi sẽ làm như vậy.

Cô gái nghĩ một lát rồi sà vào lòng mẹ:

- Mẹ ơi, chàng không thể đâu. Máu của các anh chàng đã đổ xuống do họ.

Phu nhân Sourdis cúi đầu, rõ ràng bà đang vô cùng thất vọng. Bà đã mơ đến chàng rể có được phẩm hàm cao trong quân đội còn con gái sẽ có vị trí nổi trội trong giới.

- Thưa phu nhân - Hector nói - xin bác đừng nghĩ con là một trong những kẻ ra sức ngợi ca chế độ cũ mà dửng dưng với chế độ mới, hay là kẻ mù quáng không nhìn ra phẩm cách vĩ đại của ngài Tổng tài. Hôm con gặp ông ấy lần đầu là buổi vũ hội nhà phu nhân Permon, thay vì có cảm giác ghê tởm, con lại rất bị thu hút. Con ngưỡng mộ các chiến dịch năm 1796, 1797, đó là kiệt tác về chiến thuật hiện đại của một thiên tài quân sự. Phải thú thực là con không hào hứng mấy với cuộc viễn chinh Ai Cập vì nó không mang lại kết quả tốt đẹp nào mà chỉ là cái mặt nạ che giấu một tham vọng được nổi danh. Bonaparte đã chiến đấu và giành thắng lợi ở mức mà Manus và Pompée đã làm, song ông ta còn muốn khơi dậy tiếng vang mà không ai làm được sau Alexandre và César. Điều đó thật tham vọng nhưng là sự ngông cuồng đắt giá khiến tổ quốc phải tốn hàng trăm triệu và mất ba mươi nghìn người. Về chiến dịch Marengo, đó là cuộc chiến cho thoả tham vọng cá nhân, nó diễn ra để hỗ trợ cho cuộc đảo chính 18 Brumaire và buộc các nước khác phải thừa nhận chính phủ Pháp: Tuy nhiên, tất cả mọi người đều biết, ở Marengo, Bonaparte đã không chứng tỏ là tướng tài. Ông ấy đã gặp may nhờ hai con át chủ bài, đó là Kellermann và Desaix! Còn về cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, đó là một âm mưu mà thành công của nó chỉ chứng minh sự thành công của tác giả về mặt vật chất.

Giả sử bị thất bại, âm mưu lật đổ chính phủ sẽ trở thành cuộc nổi loạn một cuộc phản nghịch và ít nhất ba cái đầu nhà Bonaparte sẽ rơi. Ngẫu nhiên đã cho ông ta trở về an toàn từ Alexandrie, may mắn giúp ông ta ở Marengo và sự táo bạo đã cứu thoát ông ta ở Saint-Cloud. Tuy nhiên, một người bình thường, không có đam mê thì không coi ba tia chớp trong cơn giông, dù chói lọi đến mấy, để làm bình minh. Nếu con không bị ràng buộc bởi gia đình, nếu nhà con không từng đặt chân vào triều đình thì con sẽ không e dè mà phụ giúp ông ấy dù con chỉ thấy con người này là một kẻ mạo hiểm, chỉ duy nhất một lần gây chiến tranh vì nước Pháp còn hai lần kia là cho chính bản thân ông ta.

Bây giờ, để chứng tỏ con không phải là kẻ mưu mô, con xin hứa sẽ làm một điều lớn lao thật sự cho nước Pháp. Con sẽ một lòng một dạ phục vụ ông ấy

dù ngay cả bản thân con cũng thấy ngạc nhiên, dù ông ấy còn nợ con một mạng. Con ngưỡng mộ con người này mặc các nhược điểm của ông ta và tình yêu ấy là bất khả kháng. Đó là ảnh hưởng của cái vĩ đại tới xung quanh và con là người chịu ảnh hưởng đó.

- Ta hiểu, - phu nhân Sourdis nói - nhưng ít ra cho phép ta làm một điều chứ.

- Xin đừng nói là con cho phép, bác cứ ra lệnh đi ạ.

- Cho phép ta nhờ ngài Tổng tài và phu nhân Bonaparte đứng ra tác thành hạnh phúc cho hai con. Là người có mối thâm giao với phu nhân Bonaparte, ta không thể làm khác, đó cũng là một phép lịch sự.

- Vâng, nhưng với điều kiện, nếu họ từ chối, chúng con vẫn kết hôn.

- Nếu họ từ chối, con hãy mang Claire đi, ta sẽ không trách con nhưng con cứ yên tâm họ không từ chối đâu.

Mọi điều kiện đều đã đủ để cho phép nữ bá tước Sourdis đến nhờ vợ chồng Bonaparte đứng ra chủ trì đám cưới cho tiểu thư Claire de Sourdis với bá tước Hector de Sainte-Hermine.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 20
Fouché

Có một người mà Bonaparte vừa ghét vừa kiềng nể lại vừa phải chịu đựng. Đó là người đã từng xuất hiện một lát tại nhà tiểu thư Fargas khi cô này đưa ra điều kiện bắt quân Jéhu.

Bonaparte vẫn tự nhủ rằng loài súc sinh lúc nào cũng có những điểm gây hại. Joseph Fouché, bộ trưởng cảnh sát. Thực ra, ông ta vừa xấu người lại xấu nết hay nói đúng hơn là sự bất lương ngang bằng với ngoại hình xấu xí của gã.

Bonaparte chỉ nhìn con người theo hai khía cạnh, hoặc là phương tiện hoặc là vật cản. Đối với tướng quân Bonaparte trong cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire thì Fouché là một phương tiện.

Nhưng với Bonaparte Tổng tài thì Fouché lại là một vật cản, kẻ nào từng lật đổ chế độ Đốc chính thì cũng có thể lật đổ chế độ.

Tổng tài vì một chính phủ khác. Fouché là một kẻ lẽ ra phải hạ ngay sau khi giúp ta đạt được mục đích, song điều đó lại không dễ dàng. Ông ta thuộc vào tốp người, để ngoi lên, sẵn sàng tung tua móc bám vào mọi ngóc ngách, mọi góc cạnh và luôn tận dụng đó làm chỗ dựa mà một khi có chuyện thì nhờ đó để tồn tại.

Trên thực tế, Fouché đã tham gia vào nền Cộng hoà bằng cái chết của đức vua mà chính hắn đã tôn vinh, hắn đã tham gia vào thời kỳ kinh hoàng với nhiệm vụ chết chóc ở Léon và Nevers: vào phong trào Thermidor với việc tham gia lật đổ Robespiene, vào sự nghiệp của Bonaparte bằng cuộc đảo chính 18 Brumaire, lân la với Joséphine bằng nỗi sợ của bà về Joseph và Lucien cũng là kẻ thù của Fouché, vào quân Bảo hoàng bằng những giúp đỡ cá nhân khi còn là bộ trưởng cảnh sát, là người của ngôn luận, hắn khôn khéo lái dòng chảy theo mình và lực lượng cảnh sát, thay vì là cảnh sát của chính phủ, của Tổng tài, của nhân dân lại trở thành cảnh sát của Fouché.

Khắp Paris, khắp nước Pháp, hắn có những nhân viên nịnh hót về mình đủ kiểu, về mọi khéo léo, khôn ngoan ở hắn và đạc điểm nổi nhất trong đó là làm cho người khác tưởng Fouché là người nổi tiếng.

Fouché làm bộ trưởng cảnh sát từ cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire. Không ai có ảnh hưởng đến Bonaparte như hắn. Ảnh hưởng này làm Bonaparte tức điên. Ngay khi Fouché không ở đó, khi dòng từ trường kỳ lạ mất tác dụng, toàn bộ con người Bonaparte nổi dậy phá bỏ sự ngự trị của Fouché, những lời lẽ của ông khi nói về hắn đều gay gắt nộ nạt, mất bình tĩnh. Nhưng khi Fouché có mặt thì con sư tử sẽ ngủ hoặc dịu dàng hơn. Một điều đặc biệt khiến Bonaparte không ưa hắn đó là hắn không chấp nhận kế hoạch đế vương trong tương lai của ông.

Trong khi Joseph và Lucien không những không phản đối mà còn thúc giục ông tiến hành. Có lần, hắn đã nói thẳng với Bonaparte:

- Ngài hãy cẩn thận, nếu ngài muốn tái thiết lập ngai vàng, ngài sẽ phải đối mặt với triều đình Bourbon, một ngày nào đó, họ sẽ nổi dậy để giành lại ngai vàng do chính ngài dựng lên. Không ai có thể phồn thịnh, có những chuỗi may mắn được mãi hoặc biết trước mình sẽ thành công ở việc gì gặp tai ương ở đâu, nhưng chỉ cần người thông minh sẽ đoán được vận may ấy sẽ kéo dài với ngài bao lâu. Lập lại chế độ cũ ư? Việc chiếm lại ngai vâng sẽ không còn là vấn đề chính phủ mà là chuyện gia đình. Nếu nước Pháp từ bỏ tự do mà nó giành được để trở lại nên quân chủ thì cớ gì nó lại không thích con cháu của các vị hoàng đế Henri Đệ tứ hay Louis XIV mà lại phải trao quyền cho ngài, một người chỉ cho nó một chủ nghĩa chuyên chế với gươm đạo?

Bonaparte cắn môi lắng nghe nhưng dẫu sao ông đã nghe chỉ có điều kể từ lúc đó, ông quyết định sẽ huỷ bộ chức bộ trưởng cảnh sát. Ngay hôm ấy, ông đến Mortefontaine; qua nhà Joseph vào thứ hai. Với sự nài nỉ của hai người anh em, ông đã ký sắc lệnh huỷ bỏ cho vào túi và hôm sau quay lại Paris trong lòng vui sướng về quyết định của mình. Tuy vậy, ông cũng hiểu Joséphine sẽ bị sốc thế nào. Ông đã tỏ ra dễ thương nhưng với con người lúc đang vui cực độ lại quay sang buồn bực như bà thì chỉ có nước ly dị.

Đang ngồi một mình trong phòng Joséphine do Boumerine đang thực hiện một số việc thì Joséphine nhẹ nhàng lại gần ông, ngồi vào lòng, đưa tay luồn vào mái tóc rồi lướt nhẹ lên đôi môi khiến ông thấy hừng hực trước cái hôn do vợ mời gởi.

- Tại sao anh không cho em đi cùng anh hôm qua?

- Đi đâu? - Bonaparte hỏi.

- Thì chỗ anh tới chứ đâu.

- Anh đã đến Mortefontaine, vì anh biết giữa em và Joseph có xích mích nên…

- Ồ anh có thể thêm vào cả Lucien và em nữa. anh họ xích mích với em chứ còn em, em chẳng xích mích với ai cả. Em còn mong gì hơn là yêu quý anh em chồng nhưng là họ ghét em đấy chứ.

- Chính thế anh nên hiểu em lo như thế nào khi anh ở gần họ. Em yên tâm đi, hôm qua bọn anh chỉ nói chuyện chính trị thôi.

- Vâng, lại chuyện chính trị, như César và Antoine chứ gì, họ chỉ giỏi khuyên anh mặc long bào thôi.

- Ái chà? Em cũng tinh thông lịch sử La mã cơ đấy.

- Trong tất cả lịch sử La mã, em chỉ đọc về César và lần nào em cũng run lên vì sợ.

Joséphine ngừng lại một lát vì thấy Bonaparte nhíu mày nhưng vì đã khơi chuyện bà không muốn dừng lại.

- Em xin anh, Bonaparte. Em cầu xin anh đừng xưng vua.

- Lại Lucien láu cá khuyên anh phải không. Đừng nghe chú ấy nếu không chúng ta sẽ trắng tay.

Boumerine, người đã từng khuyên Bonaparte như thế, nếu dám nói như vậy chắc anh ta phải run lên vì sợ Bonaparte nổi giận. Nhưng với Joséphine thì ngược lại, ông phá lên cười và nói:

- Em điên rồi, Joséphine tội nghiệp của tôi, chắc lại những kẻ ngồi lê đôi mách ở Saint-Germain hay lại cô ả La Rochefoucauld của em dựng chuyện chứ gì. Em làm tôi thấy chán, hãy để tôi yên nào?

Đúng lúc đó có người báo cho Joséphine có bộ trưởng cảnh sát đến.

- Em có chuyện gì với hắn à? - Bonaparte hỏi.

- Không. Chắc ông ta đến chỗ anh, tiện đường rẽ vào chào em thôi.

Khi xong nhớ bảo ông ta sang chỗ anh.

Nói rồi Bonaparte đứng dậy gọi:

- Boumerine, lại đây.

- Nếu các anh không có chuyện gì bí mật, thì nói chuyện ngay phòng này cũng được. Em càng được ở bên anh thêm chút nữa.

- Anh quên mất là Fouché cũng là một trong những bạn của em.

- Bạn của em ư? Em không cho phép mình có bạn là những bộ trưởng của anh.

- Ồ! Bonaparte nói - ông ta sẽ không còn là bộ trưởng lâu nữa đâu. Không, anh không có gì bí mật cả - cho mời ngài bộ trưởng cảnh sát vào đây - Bonaparte nói với Constant người vừa đến báo tin.

Fouché bước vào tỏ ra ngạc nhiên khi thấy Bonaparte trong phòng vợ:

- Thưa phu nhân - Fouché nơi - sáng nay tôi không phải có chuyện cần bàn với ngài Tổng tài mà với chính phu nhân.

- Với riêng tôi? - Joséphine ngạc nhiên nói trong lòng hơi lo lắng.

- À! à! Bonaparte nói - Chúng ta sẽ nói về chuyện này.

Rồi vừa cười vừa kéo tai vợ, một hành động chứng tỏ ông đã vui vẻ trở lại. Mắt Joséphine ngấn nước vì không hiểu tại sao, cử chỉ thân ái mà Bonaparte luôn làm, dù có thể không cố ý, luôn khiến Joséphine rất đau.

Nhưng bà tươi cười trở lại ngay:

- Hôm qua, bác sĩ Cabanis đã đến thăm tôi - Fouché nói.

- Lạy Chúa lòng lành! Nhà triết học ấy đến làm gì trong hang của ngài thế? - Bonaparte hỏi.

- Ông ta đến hỏi tôi liệu tôi có cho rằng, trước khi cuộc thăm viếng chính thức hoàn tất, có một cuộc hôn nhân sẽ được phu nhân đứng ra tác thành và liệu phu nhân có đề đạt nó lên ngài Tổng tài được chăng?

- Hay lắm! Em thấy chưa, Joséphine - Bonaparte mỉm cười nói - người ta đã đối đãi với em như với một hoàng hậu rồi đấy.

Nhưng Joséphine gượng cười:

- Vậy có hơn ba mươi triệu người dân Pháp quốc có thể cử hành hôn sự mà đâu cần em có vui hay không, ai mà lại cẩn thận quá thế?

- Bá tước phu nhân Sourdis, người đã có hân hạnh thỉnh thoảng được gặp bà. Bà ấy muốn lấy chồng cho cô con gái Claire của mình.

- Lấy ai?

- Bá tước trẻ tuổi, Sainte-Hermine.

- Ông nói với Cabanis - Joséphine trả lời - rằng về phần mình tôi nhiệt liệt ủng hộ đám cưới của họ, trừ khi Bonaparte có lý do đặc biệt không chấp thuận…

Bonaparte nghĩ ngợi một lát rồi quay sang Fouché:

- Ông lên chỗ tôi.

Rồi ông gọi Boumerine:

- Đi thôi Boumerine.

Sau đó ông leo lên cầu thang nhỏ như chúng ta đã biết.

Bonaparte và Boumerine vừa đi khuất, Joséphine đã đặt tay lên cánh tay Fouché.

- Hôm qua, anh ấy đã đến Mortefontaine.

- Tôi biết rồi - Fouché đáp.

- Ông có biết anh em họ bàn gì với nhau không?

- Có.

- Có liên quan đến tôi không? Anh ấy có nói đến việc ly dị không?

- Không về điểm nay xin phu nhân cứ yên tâm, họ bàn về chuyện khác cơ.

- Về chuyện lên ngôi à?

- Không.

Joséphine thở phào.

- Thế thì chuyện gì cũng không làm tôi bận tâm!

Fouché cười, một nụ cười ranh mãnh vốn rất quen thuộc của ông ta. này nhiên, vì phu nhân sắp mất một người bạn…

- Tôi ư?

- Vâng.

- ...

Và hiển nhiên, những lợi ích của người này cũng là lợi ích của bà.

- Ai vậy nhỉ?

- Tôi không thể nói tên ông ta được, sự thất bại của ông ta vẫn còn nằm trong bí mật. Tôi đến để báo trước bà sắp có một người khác.

- Ông muốn tô kiếm người ấy ở đâu?

Ngay trong gia đình ngài Tổng tài thôi: bà có hai người anh em đằng chồng

chống lại mình nhưng người thứ ba sẽ ủng hộ bà.

- Louis?

- Đúng vậy.

- Nhưng Bonaparte lại muốn gả con gái tôi cho Duroc.

- Vâng, nhưng Duroc lại chẳng mặn mà với đám cưới như anh ta phải làm, sự dửng dưng ấy khiến ngài Tổng tài bị tổn thương. Lần nào nói đến chuyện này Hortense cũng nước mắt ngắn nước mắt dài. Tôi không muốn đem con bé ra làm vật hy sinh, nó nói trái tim nó không thuộc về nó nữa.

- Phải thôi! - Fouché nói - Ai có tim bây giờ nữa?

- Tôi chứ ai - Joséphine nói - và tôi tự hào về điều đó.

- Bà ư? - Fouché nói và cười bằng nụ cười nham nhở của ông ta - Bà không có đâu, bà có…

- Hãy cẩn thận! Ông sắp thốt ra một điều bất nhã đấy.

- Tôi im ngay đây, im như một bộ trưởng cảnh sát, người ta nói rằng tôi giống như cha xứ được nghe mọi bí mật xưng tội đấy. Lúc này, tôi không còn gì để nói với phu nhân nữa, xin phép cho tôi đi gặp thông báo với ngài Tổng tài một tin mà ông ấy không nghĩ sẽ nghe từ miệng tôi.

- Tin gì thế?

- Ông ấy đã ký cho tôi từ chức.

- Vậy tôi là người thua thiệt?- Joséphine hỏi.

- Tôi chứ! - Fouché nói.

Joséphine cảm thấy mình mất mát thật sự liền thở dài và đưa tay lên mắt.

- Ồ xin phu nhân cứ yên tâm - Fouché lại gần bà - chuyện này sẽ không kéo dài lâu đâu.

Để không tỏ ra quá thân thiết, Fouché đi ra cửa qua sảnh Horloge rồi lên phòng Bonaparte. Tổng tài đang làm việc với Boumerine. Vừa nhìn thấy Fouché, ông nói:

- À ông sẽ nói cho tôi điều đó.

- Điều gì thưa ngài?

- Thì chuyện Sainte-Hermine nhờ ta giúp chuyện hôn nhân với tiểu thư Sourdis.

- Khoan đã thưa công dân Tổng tài, không phải Sainte-Hermine nhờ mà là là tiểu thư Sourdis mong ngài chấp nhận cho cưới quý ông Sainte-Hermine.

- Như thế có khác gì nhau.

- Không hẳn vậy. Nhà Sourdis là một đại quý tộc đã thuần phục còn nhà Sainte-Hermine thì lại là nhà đại quý tộc cần thuần phục.

- Họ hờn dỗi gì tôi chứ.

- Hơn thế nữa, họ còn chống lại ngài.

- Họ theo phe Cộng hoà hay theo quân Bảo hoàng?

- Quân Bảo hoàng, ông bố bị xử trảm năm 1793, con trưởng bị xử bắn, con trai thứ hai, người ngài cũng biết đấy, đã bị xử tử ở Bourg-en-Bresse.

- Tôi biết anh ta ư?

- Ngài còn nhớ một người đàn ông bịt mặt đến trả hai trăm đồng *louis* lấy nhầm của nhà buôn rượu vang Bordeaux hồi ngài ăn tối tại Avignon không?

- À nhớ rất rõ. Ông Fouché này, đó là những người tôi cần đấy.

- Họ không tận tuỵ cho triều đại đầu tiên của ngài đâu. Họ chỉ lợi dụng thôi.

- Ông có lý, Fouché. Ôi, giá như tôi là cháu của mình! Thế còn người con thứ ba?

- Người đó sẽ là bạn của ngài nếu ngài muốn.

- Sao lại thế?

- Vì lẽ dĩ nhiên phu nhân Sourdis đã cho phép đôi trẻ bà ta mới xin ngài chúc phúc cho đám cưới của con gái như một vị hoàng đế. Nếu ngài đồng ý, thưa đức ngài, dù là kẻ thù, Hector de Sainte-Hermine không thể làm gì khác được nữa ngoài việc trở thành bạn của ngài.

- Được rồi tôi sẽ nghĩ đến chuyện đó - Bonaparte nói và xoa xoa tay đang trong lòng thầm nghĩ vừa hoàn tất một cách coi kẻ này còn có ích đôi chút - Thế nào, Fouché, có tin gì mới không?

- Có một tin khá quan trọng, nhất là với tôi.

- Tin gì thế?

- Chẳng là hôm qua, trong nhà khách ở Mortefontaine, bộ trưởng bộ Nội vụ Lucien đã thảo một văn bản do chính ngài đọc và ký về việc cách chức tôi và quyết định cho tôi một chân ở Thượng viện.

Bonaparte làm một động tác quen thuộc với người ở đảo Corse, động tác gồm hai cử động của ngón tay lên ngực có hình thánh giá và nói.

- Ai kể cho ông nghe câu chuyện hay ho đó, Fouché?

- Là một trong số nhân viên của tôi.

- Anh ta lừa ông rồi.

- Anh ta không lừa tôi, định mệnh của tôi đang ở kìa, trên cái ghế kia trong túi cạnh bộ redingote xám.

- Fouché này - Bonaparte nói - Giá mà ông tập tễnh như Talleyrand thì tôi đã gọi ông là quỷ rồi.

- Ngài không chối nữa chứ gì.

- Nói thật là không. Vả lại, việc thuyên chuyển ông được thể hiện rất long trọng.

- Tôi hiểu, trong đó ghi rằng trong suốt thời gian phục vụ ngài, ngài chưa bao giờ thấy tôi nợ tiền ngài.

- Vấn đề là nước Pháp đã hoà bình và bộ Cảnh sát không còn tác dụng nữa. Tôi nhập bộ này vào nghị viện để khi cần thì lại nhấc ra. Nếu bộ này không bao giờ được lập lại, tôi biết ở thượng viện, ông Fouché thân mến, ông không còn cơ hội kiếm chác nhưng ông đã có cơ sản kếch xù mà không biết dùng làm gì, còn mảnh đất Pontcarré, mảnh đất mà ông cứ lân mốc giới ra mãi, cũng khá lớn cho ông rồi.

- Liệu tôi có thể có được lời hứa của ngài, nếu bộ này được tái lập thì không ai ngoài tôi sẽ trở về chứ?

- Ông có nó rồi - Bonaparte nói.

- Cảm ơn. Bây giờ tôi có thể thông báo cho Cabanis rằng tiểu thư Sourdis đã được chấp thuận gả cho bá tước Sainte-Hermine chứ?

- Ông có thể.

Bonaparte khẽ cúi đầu chào trong khi Fouché đáp lại bằng sự kính cẩn hết mức rồi đi ra.

Tổng tài đi đi lại lại một lúc, im lặng, tay chắp sau lưng, mãi sau ông dừng lại sau ghế của Boumerine.

- Anh có nghe ông ta nói gì không?

- Gì ạ, thưa tướng quân?

- Điều mà con quỷ Fouché nói với tôi ấy.

- Tôi không bao giờ nghe trừ khi ngài ra lệnh tôi phải nghe.

- Hắn biết tôi truất quyền hắn, biết việc ở Mortegontaine và lệnh nằm trong túi áo của tôi.

- A Boumerine nói - Chuyện đó thì khó gì, hắn chỉ việc trả ít tiền cho cận vệ của em ngài là xong.

Bonaparte lắc đầu.

- Thế là hoà, tay Fouché quả là một kẻ nguy hiểm.

- Đúng vậy - Boumerine nói - nhưng phải thừa nhận một con người khiến ngài ngạc nhiên. Sự khôn ngoan của hắn vẫn là người có ích, nhất là trong thời buổi này.

Bonaparte ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi đã hứa với hắn nếu có biến, tôi sẽ lại gọi hắn và có thể tôi sẽ giữ lời.

Ông nhấn chuông, cận vệ Landoire xuất hiện.

- Landoire - Bonaparte nói - Hãy nhìn qua cửa sổ xem dưới đó có xe chưa.

- Có rồi, thưa tướng quân.

Tổng tài mặc áo đội mũ rồi nói:

- Tôi đến chỗ Hội đồng nhà nước đây.

Vừa bước được vài bước ra cửa, ông quay lại.

- Nhân đây, cậu hãy xuống chỗ Joséphine và nói rằng, tôi không chỉ chấp thuận cho đám cưới của tiểu thư Sourdis mà phu nhân Bonaparte và tôi còn ký vào giấy hôn thú cho họ nữa kia.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 21
Fouché làm gì trở lại bộ cảnh sát

Fouché giận dữ trở về. Đó là tính khí của ông ta nhưng lần này thì vượt ngoài kiểm soát. Ngoài ngành cảnh sát, Fouché chẳng còn mảy may giá trị.

Một cảm giác lẫn lộn giữa tức giận và lo lắng cùng ùa đến. Có lẽ tạo hoá đã cho ông ta cặp mắt lé để có thể nhìn hai phía cùng lúc và đôi tai to để có thể nghe ngóng từ mọi phía.

Bonaparte đã đánh trúng điểm yếu của hắn, mất chân cảnh sát hắn mất một món hời to, hơn hai trăm ngàn phăng mỗi năm.

Dù đã là người vô cùng giàu có, Fouché vẫn chỉ nghĩ đến chuyện kiếm nhiều hơn nữa mặc cho chẳng biết dùng để làm gì. Hắn còn tham vọng mở rộng mảnh đất Pontcarré giống như Bonaparte muốn nới rộng mãi bờ cõi nước Pháp vậy.

Fouché trở về nhà, lên phòng làm việc và thả mình vào chiếc ghế bành, không nói với ai một câu nào. Các cơ mặt của ông ta run lên như thể mặt biểu trong một cơn bão tố. Một lúc sau, chúng dịu xuống. Fouché đã tìm ra thứ mình cần, một nụ cười xám ngoét hé dần trên môi chứng tỏ chưa phải trời đẹp thì ít ra cũng là sự lặng gió tương đối.

Ông ta giật dây chuông treo trong phòng bằng cử động còn dữ dằn lắm. Người phục vụ chạy đến.

- Ông Dubois! - Fouché gào lên.

Người phục vụ quay một vòng rồi chạy biến đi. Một lát sau, cửa mở, ông Dubois bước vào.

Đó là một người đàn ông có khuôn mặt hiền lành và bình thản, một nụ cười thân thiện, quần áo không cầu kỳ nhưng gọn gàng, sạch sẽ. Ông ta đeo một chiếc cà vạt trắng, ống tay chùm đến cổ tay. Ông nhẹ nhàng lướt đến giống như một đại vũ sư đang lướt giầy trên thảm.

- Ông Dubois - Fouché nói và lại trở lại ngồi vào chiếc ghế - Hôm nay, tôi cần hết trì tuệ và sự khéo léo của ông.

- Tôi chỉ có thể trả lời bộ trưởng rằng sự khéo léo cũng như trí tuệ của tôi chỉ có thể do chính chúng điều khiển mà thôi.

- Được rồi, được rồi, ông Dubois - Fouché sốt ruột nói - Đừng vòng vo nữa. Trong các bộ phận của ông có ai đáng tin tưởng được không?

- Nhưng trước hết tôi phải xem dùng anh ta vào việc gì đã.

- À phải. Anh ta sẽ đi Bretagne và tổ chức ba băng cướp, một quan trọng nhất là trên đoạn đường Vannes đến Muzillac, hai băng khác thì ở đâu cũng được.

- Tôi vẫn nghe - Dubois nói khi thấy Fouché dừng lại.

- Ba băng này sẽ tên là băng Cadoudal và do chính các thủ lĩnh sắm vai Cadoudal luôn.

- Theo những gì ngài Bộ trưởng nói với tôi thì…

- Lần này tôi để ông gọi như vậy, - Fouché nở nụ cười - ông không còn gọi tôi như thế được lâu nữa đâu.

Dubois khẽ nhún người và được Fouché khích lệ, ông tiếp:

- Theo những gì ngài Bộ trưởng nói với tôi thì cần phải có một người khốn cùng biết nổ súng.

- Ai khốn cùng cũng làm tất mọi việc.

Ông Dubois suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu.

- Tôi không có ai như vậytrong tám nhân viên của mình.

Nhưng thấy Fouché tỏ ra bất nhân, ông nói tiếp:

- Nhưng khoan, khoan đã. Hôm qua có một hiệp sĩ Mahalin nào đó đã đến

gặp tôi, gã này trước đã từng là đồng đảng Jéhu. Anh ta hỏi tôi có việc gì nguy hiểm nhưng được trả cao hay không. Gã này nhìn khoẻ lắm, sẵn sàng mạo hiểm mạng sống. Đó đúng là người chúng ta cần.

- Ông có địa chỉ của anh ta không?

- Không, nhưng hôm nay anh ta sẽ đến chỗ tôi khoảng một hay hai giờ, chắc là một giờ. Bây giờ, có lẽ anh ta đến rồi cũng nên.

- Vậy thì đi đi và dẫn anh ta đến đây cho tôi.

Dubois đi ra, Fouché đứng dậy, tự đi lấy một hộp các tông, rút ra một tập hồ sơ đặt lên bàn. Đó là hồ sơ của Pichegru.

Fouché chăm chú đọc đến tận khi Dubois dẫn người đàn ông mà ông ta vừa kể.

Đó chính là người đã đến nhắc Hector de Sainte-Hermine lời hứa với anh trai và đã dẫn Hector tham gia vào băng Laurent. Nhận thấy hiện tại không có gì để làm, anh ta quay sang tìm việc khác.

Người này khoảng từ hai lăm đến ba mươi tuổi, khá đẹp trai và có nụ cười đáng mến và người ta có thể cho anh ta là tử tế nếu như trong đôi mắt của anh ta không có chút bối rối và nghi ngại khiến những người đối diện cũng hơi dè chừng. Ngoài ra, anh ăn mặc rất hợp mốt và lịch lãm.

Fouché nhìn từ đầu đến chân con người này bằng ánh mắt xoi mói như thế muốn đọc thấu tâm can anh ta. Hắn nhận thấy trong con người này có niềm đam mê tiềm bạc, có lòng dũng cảm khi phòng vệ cũng như phản công, có ý muốn thành đạt trong sự nghiệp và đó là người Fouché cần.

- Người ta nói với tôi rằng anh muốn phục vụ cho chính phủ đúng không?

- Đó là mong muốn lớn nhất của tôi.

- Mức độ thế nào?

- Thế nào cũng được, miễn là kiếm được tiền dù phải bắn giết.

- Anh có thông thạo miền Bretagne và Vandée không?

- Rất thạo. Tôi đã từng được cử đi gặp tướng Cadoudal vài lần.

- Anh có từng quen biết vài tướng tá của ông ta?

- Có vài người, đặc biệt là một trong những trung uý của Cadoudal mà người ta quen gọi là Georges II vì hình dáng rất giống Cadoudal.

- Tuyệt thật? Người này có thể rất có lợi đấy. Anh có thể lập được ba băng nhóm, mỗi nhóm khoảng hai chục người không?

- Trên mảnh đất còn nóng hổi không khí nội chiến thì việc đó lúc nào cũng làm được. Nếu vì mục đích quang minh, người la có thể cho ngài cả sáu chục người miễn là ngài ra mặt và hứa danh dự. Còn nếu ngài có mục đích mờ ám, họ sẽ nghi ngại và ngài phải trả giá cao.

Fouché liếc nhìn Dubois như muốn nói: ông bạn, ông đã làm tốt đấy, rồi quay sang hiệp sĩ:

- Tôi cần ba băng cướp, hai băng ở Morbihan, một ở Vendée. Cả ba đều mang tên Cadoudal, trong đó có một người bịt mặt tự xưng là ông ta và làm mọi điều để chứng tỏ cho người khác thấy đó là ông ta.

- Việc này dễ thôi, nhưng tốn kém lắm.

- 50.000 phăng (francs) có đủ không?

- Ồ đủ! Rất đủ.

- Vậy chúng ta thoả thuận như thế nhé và sau khi ba băng này thành lập xong, anh có thể sang Anh không?

- Không gì đơn giản hơn thế vì tôi là người gốc Anh, tôi nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ.

- Anh có biết Pichegru không?

- Có nghe tên thôi.

- Anh có cách nào gặp anh ta không?

- Có.

- Nói cho tôi biết được không?

- Tôi sẽ không nói đâu. Tôi cũng phải có bí mật cho mình chứ, nếu không tôi làm gì còn giá trị nữa.

- Anh nói đúng đấy. Anh sẽ sang nước Anh, tìm cách gặp tướng Pichegru nếu người này muốn về Paris hay thiếu tiền, hãy giúp anh ta nhân danh Fauche-Borel, hãy nhớ kỹ cái tên đó.

- Đó là tay bán sách người Thuỵ Sĩ đã từng đề nghị Pichegru nhân danh hoàng tử Condé, tôi biết anh ta. Nếu Pichegru thiếu tiền hay muốn về Paris, tôi phải liên lạc cho ai?

- Cho ngài Fouché, trên mảnh đất Pontcarré của tôi. Anh nhớ đấy, không phải ở bộ Cảnh sát đâu, việc này rất quan trọng.

- Sau đó thì sao?

Sau đó, anh trở lại Paris nhận lệnh mới. Ông Dubois, ông đưa 50.000 phăng cho hiệp sĩ đây. Nhân tiện tôi có chuyện nhờ hiệp sĩ.

Hiệp sĩ quay lại.

- Nếu anh gặp Coster Saint-Victor, hãy khuyên anh ta trở lại Paris nhé.

- Không phải để chịu bị bắt chứ?

- Không đâu, mọi tội lỗi đã được xoá, tôi có thể khẳng định điều này.

- Tôi phải nói gì cho anh ta trở về?

- Rằng tất cả phụ nữ Paris đàng nuối tiếc anh ta và đặc biệt là cô Auréhe de Saint-Amour. Nói thêm rằng sau khi đã từng là tình địch của Barras, anh ta thật phí thời trai trẻ khi không tiếp tục là tình địch của Bonaparte, như thế cũng đủ cho anh ta quyết định trở về nếu không, anh ta đã có mối khăng khít với London rồi.

Khi cánh cửa khép lại, Fouché vội vã gọi người mang lá thư sau đến bác sĩ Cabanis.

"Bác sĩ thân mến,

Tôi đã gặp ngài Tổng tài ở chỗ phu nhân Bonaparte, ông ấy rất vui về chuyện đám cưới con gái phu nhân Sourdis.

Do đó, phu nhân Sourdis có thể tới thăm phu nhân Bonaparte về chuyện này càng sớm càng tốt.

Hãy tin tôi một người bạn chân thành của ngài.

J. FOUCHÉ*".*

Ngày hôm sau, bá tước phu nhân Sourdis có mặt tại điện Tuleries với mục đích như chúng ta đã biết. Bà gặp Joséphine và Joséphine hết sức phấn khởi, trong khi cô con gái Hortense khóc nức nở. Đám cưới của Hortense với Louis Bonaparte hầu như đã được quyết định. Chính vì thế mà Joséphine mới vui vẻ còn Hortense lại đau khổ như vậy.

Chuyện như sau:

Qua câu nói của Bonaparte, Joséphine hiểu chồng mình phải có bí mật nào đó mới trở nên vui như thế nên bà nài ông sau khi đến Hội đồng nhà nước về thì xuống chỗ bà.

Nhưng lúc về, Tổng tài lại gặp Cambacères đến để giải thích một số điều luật mà đối với Bonaparte là vẫn chưa thấu đáo.

Bonaparte làm việc với người này rất muộn, sau đó Junot lại đến để thông báo mình sẽ lấy tiểu thư Permon.

Đám cưới này không khiến Bonaparte hài lòng như với đám cưới của tiểu thư Sourdis. Trước hết vì trước đây, Bonaparte từng yêu phu nhân Permon. Trước khi lấy Joséphine, ông đã muốn cưới bà nhưng bà từ chối vì thế mà ông vẫn còn ấm ức. Thứ nữa, Bonaparte yêu cầu Junot lấy con một gia đình khá giả nhưng ngược lại, Junot lại lấy con gái của một gia đình đang lụi bại.

Vợ của anh ta, về đằng ngoại thì quả là con cháu dòng dõi đế vương miền Đông nhưng chỉ có hai mươi lăm ngàn phăng tiền hồi môn.

Bonaparte đã hứa sẽ cho Junot một khoản một trăm ngàn phăng. Vả lại, với tư cách là thị trưởng Paris, anh ta sẽ được 500.000 phăng tiền lương.

Joséphine sốt ruột chờ Bonaparte suốt cả buổi tối nhưng ông lại ăn tối và đi dạo với Junot, nửa đêm bà mới thấy ông xuất hiện trong bộ đồ ngủ và chiếc khăn chùm đầu, điều đó chứng tỏ ông sẽ ở lại qua đêm cùng vợ. Vậy là Joséphine sung sướng vì rốt cục bà cũng được trả công xứng đáng cho sự chờ đợi đằng đẵng.

Trong những lần ở qua đêm, Joséphine luôn là người có quyền uy với Bonaparte chưa bao giờ bà kiên quyết về hôn nhân giữa Hortense và Louis Bonaparte như lần này.

Khi rời Joséphine để trở về phòng mình, Bonaparte gần như đã đồng ý. Joséphine giữ phu nhân Sourdis lại để tỏ bày niềm vui sướng và cử Claire đi an ủi Hortense. Nhưng Claire cũng không cố gắng làm điều đó. Cô hiểu nếu mình phải bỏ Hector thì cô cũng đau khổ không kém.

Cô khóc cùng Hortense và khuyên Hortense đi cầu cứu ngài Tổng tài, người rất yêu quý cô sẽ không để cô phải đau khổ.

Đột nhiên, một ý nghĩ kỳ lạ nảy trong đầu Hortense và cô nói với bạn mình. Đó là xin phép hai bà mẹ đi xem bói ở nhà chị Lenormand. Joséphine đã từng xem và ta nhớ lại lời phán: *Bà đang ở trên con đường của giấc mơ không tưởng lại đang từng ngày trở thành hiện thực.*

Tiểu thư Soudis chịu trách nhiệm đi xin phép. Việc thương lượng diễn ra rất lâu, Hortense vừa đứng nghe ngoài cửa vừa nén những cơn nấc. Lát sau, Claire vui vẻ quay ra. Họ được đi nhưng với điều kiện Louise sẽ không rời họ nửa bước.

Louise là người hầu phòng tin cần của phu nhân Bonaparte.

Họ cho gọi Louise đến, giao nhiệm vụ nghiêm ngặt, cô này hứa sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ, sau đó họ buông mạng che mặt, lên xe của phu nhân Sourdis

đến thẳng số 6 phố Toumon.

Louise bước xuống trước, cô này biết địa chỉ, nhà chị Lenomland ở cuối sân phố bên trái. Họ phải trèo ba bậc và gõ cửa bên tay phải. Có người ra mở cửa, với sự yêu cầu của Louise, ba người được đưa vào một phòng riêng không dành cho công chúng.

Hai cô gái phải vào lần lượt, chị Lenormand không bao giờ xem cho hai người liền lúc và gọi theo họ của mỗi người. Do vậy mà Hortense Bonaparte được vào trước.

Louise trở nên bối rối, cô không thể ở cùng hai cô gái một lúc nếu ở bên Claire, cô không để mắt tới Hortense được và ngược lại. Cuối cùng phải nhờ chị Lenormand dàn xếp: Louise sẽ ở với Claire những để cửa phòng hé mở như thế cô vừa quan sát được Hortense lại ở đủ xa để không nghe lời phán thì thầm của chị Lenormand.

Lẽ dĩ nhiên, chị chọn bộ bài lớn. Những gì chị Lenormand thấy trên các quân bài khiến chị rất ấn tượng, cử chỉ và biểu hiện khuôn mặt chứng tỏ chị rất ngạc nhiên.

Cuối cùng, sau khi đã lật hết các quân bài và nhìn kỹ bàn tay của cô gái trẻ, chị đứng dậy nói một câu bằng giọng bà đồng khiến cô gái tỏ rõ sự hoài nghi.

Sau đó, mặc cho Hortense gặng hỏi, chị ta vẫn im lặng và chỉ nói:

- Lời phán đã rõ, hãy tin nó!

Rồi chị ra hiệu đã xem xong cho Hortense, đến lượt bạn của cô Claire đi vội vào phòng xem, chỉ có điều cô không nghĩ số phận của mình cũng khiến chị Lenormand ngạc nhiên như số phận của tiểu thư Beauhamais.

Chị Lenomland, dù rất tự tin vẫn lưỡng lự khi phán điều không hay, liền xem lại ba lần, hết nhìn bàn tay phải lại bàn tay trái, thấy hai bên đều có đường tình duyên bị cắt ngang, đường may mắn kéo dài lên đến đường tình duyên rồi rẽ ngang ở gò thổ tinh. Bằng giọng trịnh trọng, chị phán tương lai của tiểu thư Sourdis khiến cô ra gặp Louise và Hortense với khuôn mặt nhợt nhạt và mắt ngấn lệ.

Các cô gái không nói câu nào cũng không hỏi gì, khi còn ở nhà chị Lenormand như thể họ sợ chỉ thốt một từ thôi cũng làm cả mái nhà đổ sụp xuống đầu họ.

Nhưng vừa lên xe, người đánh xe vừa cho ngựa lao đi, những ánh mắt đã tìm nhau.

- Chị ấy nói gì với bạn?

Hortense bị hỏi liền đáp:

- Chị ta nói: "Là vợ vua, mẹ hoàng đế, cô sẽ chết trong lưu đầy". Còn bạn, chị ấy nói gì? - Hortense mò hỏi.

- Chị ấy nói "Cô sẽ là quả phụ của người sống trong mười bốn năm, phần đời còn lại là vợ của kẻ đã chết".

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 22

Tiểu thư Beauharnais trở thành vợ một ông vua không ngai và tiểu thư Sourdis thành quả phụ một ông chồng còn sống

Sáu tuần đã trôi qua kể từ khi hai cô gái đến xem bói ở Phố Toumon. Dù khóc hết nước mắt, tiểu thư Beauhamais vẫn phải lấy Louis Bonaparte (Ngày 4 tháng Giêng năm 1802 tại Tuilenes). Tiểu thư Sourdis, ngay tối hôm đó đã ký vào giấy hôn thú với bá tước Sainte-Hermine.
Tiểu thư Beauhamais ghê tởm sự việc này đến nỗi cô cũng thấy ghét luôn em trai của cha dượng dù con người đó không đáng bị khinh. Nhưng vấn đề ở chỗ cô yêu Duroc. Con tim yêu vốn là con tim mù quáng.
Louis Bonaparte vào thời điểm đó, khoảng hai mươi ba hay hai mươi tư tuổi. Đó là một thanh niên đẹp trai, diện mạo hơi lạnh lùng, hình dáng khá giống với chị gái Caroline, rất có học thức và có năng khiếu về văn học, rất thẳng thắn, tốt bụng trung thực và nhất là không bao giờ tin rằng tước vị vua chúa có thể thay đổi luật lệ và nghĩa vụ trong nhận chức con người. Anh cho rằng ông hoàng duy nhất nếu có thể là người để lại trong lòng dân tộc này lòng biết ơn và tình yêu, giống như Desaix đã để lại miền thượng Ai Cập. Đó là ông hoàng công lý.
Trước khi chúng ta nói đến con người này, hãy cùng xem tại sao đám cưới lại diễn ra chóng vánh như vậy. Hẳn ai cũng biết, không có lý do nào khác ngoài những hối thúc dứt khoát của Joséphine. Chúng ta cũng biết tại sao Joséphine lại phản đối đám cưới của con gái mình với Duroc.
- Ở Duroc - Bà nói với Boumerine - Tôi không tìm được chỗ dựa nào cả. Cậu ta chỉ là bạn của Bonaparte và sẽ không dám chống lại anh em của người bảo vệ cậu ta. Ngược lại, Bonaparte lại rất yêu quý Louis, người không có và sẽ không bao giờ có mảy may tham vọng. Louis sẽ là đối trọng cho tôi chống lại Joseph và Lucien.
Về phần mình, Bonaparte nói:
- Duroc và Hortense yêu nhau. Vợ tôi làm gì cũng vô ích, chúng hợp nhau và sẽ lấy nhau. Về phía tôi, tôi yêu quý Duroc. Tôi đã rất đúng đắn khi gả Caroline cho Murat, Pauline cho Leclerc, tòi có thể tiếp tục đúng khi gả Hortense cho Duroc. Đó là người tốt và vượt trội nhiều người. Đó là một thiếu tướng, chẳng có lý do gì chống lại đám cưới ấy cả, vả lại, tôi còn có dự định khác cho Louis.
Ngay tối hôm hai cô gái đi xem bói về, do hối thúc của bạn, Hortense quyết

định mở vận động cha dượng một lần nữa. Sau bữa tối, cô gặp riêng Bonaparte, quỳ dưới chân ông và dùng mọi phương pháp có ảnh hưởng đến Tổng tài nhất mà thưa rằng đám cưới ấy sẽ là bất hạnh vĩnh viễn cho cô, rằng hãy trả công bằng cho Louis, rằng cô chỉ yêu Duroc và cũng chỉ Duroc mới mang lại hạnh phúc cho cô.
Cuối cùng Bonaparte quyết định:
- Thôi được nếu con nhất quyết muốn lấy cậu ta, con sẽ lấy cậu ta, nhưng cha báo trước là cha có điều kiện. Nếu Duroc chấp nhận điều kiện ấy, mọi việc sẽ ổn, còn nếu cậu ta từ chối, đó sẽ là lần cuối cùng cha chống lại mẹ con về chuyện này và con sẽ là vợ Louis.
Nói rồi ông lên phòng làm việc với thái độ dứt khoát dù quyết định đó khiến ông vui lắm. Ông đi tìm Duroc. Nhưng như tôi đã nói, Duroc lang thang, hiếm khi ở văn phòng.
- Duroc đâu? - ông hỏi bằng giọng bất bình.
- Cậu ấy đi ra ngoài rồi.
- Anh nghĩ cậu ta đi đâu?
- Đến nhà hát kịch.
- Khi nào về, anh bảo cậu ta rằng tôi đã hứa với Hortense cho cậu ta lấy nó nhưng tôi muốn đám cưới diễn ra chậm nhất là 2 ngày. Tôi cho cậu ta năm trăm phăng. Tôi bổ nhiệm cậu ta làm chỉ huy quân đoàn 8. Ngay sau khi cưới, cậu ta sẽ đi Toulon với vợ và chúng tôi sẽ sống riêng. Tôi không muốn có con rể trong nhà. Tôi muốn chuyện này sớm chấm dứt nên nếu cậu ta có ưng thuận thì cưới ngay trong tối nay cũng được.
- Tôi không nghĩ cậu ấy đồng ý đâu - Boumerine nói.
- Tốt thôi, thế thì con bé sẽ lấy Louis.
- Cô ấy có muốn không?
- Không muốn cũng phải muốn.
Mười giờ Duroc mới về, Boumerine chuyển lại lời Tổng tài, nhưng anh lắc đầu.
- Ngài Tổng tài đã dành cho tôi niềm vinh dự lớn, nhưng tôi sẽ không bao giờ lấy vợ trong điều kiện ấy. Tôi thích đi dạo một vòng ở Palais-Royal hơn.
Nói xong, anh đội mũ và đi ra bằng một vẻ dửng dưng mà Boumerine không sao giải thích nổi. Nó chỉ có thể cho thấy Hortense đã nhầm về mức độ tình cảm mà cận vệ của ngài Tổng tài dành cho cô hoặc giả vờ dành cho cô.

Đám cưới của tiểu thư Beauhamais với Louis Bonaparte diễn ra trong một toà nhà nhỏ trên phố Chantereine. Một vị linh mục đến chúc phúc giống Bonaparte từng làm cho đám cưới của phu nhân Murat.
Không giống như hôn lễ chìm trong buồn bã và nước mắt của Hortense mới đây, đám cưới của tiểu thư Sourdis hứa sẽ ngập tràn trong ánh sáng và vui vẻ

đôi uyên ương không rời nhau từ mười một giờ đêm đến hai giờ chiều để trù bị mọi việc: mua đồ đắt tiền nhất, vòng vàng nữ trang hợp mốt nhất Paris đã được mang đến để Hector bỏ vào làm cưới cho xứng với vị hôn thê của mình. Người ta nói trong giới Paris, điều ấy như một phép màu và phu nhân Sourdis thậm chí còn nhận được vài lá thư đích thân muốn đến dự đám cưới. Phu nhân Sourdis, người chỉ mong một điều đơn giản là Tổng tài và phu nhân Bonaparte đồng ý đám cưới, đã lặng người về ân sủng của ông khi ông muốn tự tay ký vào giấy chứng nhận kết hôn. Đây là việc ông chỉ dành cho những người thân thiết nhất bởi lẽ kèm theo chữ ký sẽ là một khoản tiền hay quà không nhỏ. Tuy không hà tiện nhưng Tổng tài cũng khá tiết kiệm, ông không hề ném tiền qua cửa sổ.
Người duy nhất không đón nhận ơn huệ này bằng ánh mắt tự hào và tươi rói là Hector de Sainte-Hermine. Tình cảm của Bonaparte tôn vinh gia đình thông gia khiến anh nghi ngại. Dù chưa dám thân nhiều như các anh trai vào công cuộc của triều đình vì còn trẻ, dù rất ngưỡng mộ thiên tài Bonaparte song vẫn chưa đủ đến mức anh yêu quý ông ta. Anh không thể quên được cái chết đau đớn mà anh trai mình phải chịu diễn ra ngay trước mắt cùng với những chi tiết. Xét cho cùng, cái chết ấy vẫn là do ông ta gây ra, và mặc dù những đề nghị rất nồng nhiệt, anh không muốn nhận chút ơn huệ bổng lộc nào. Do đó, mỗi lần gặp ông ta, anh cảm thấy như có một luồng mồ hôi lạnh túa ra trên mặt, đầu gối run rẩy và dù không muốn, anh vẫn liếc mắt nhìn chỗ khác. Anh chỉ sợ một điều, dù mình có giàu có sang trọng một ngày nào đó vẫn phải hoặc phục vụ trong quân đội hoặc bị đi lưu đầy.
Do đó anh đã báo trước cho Claire rằng mình thà rời nước Pháp còn hơn phải chấp nhận mang hàm quân đội hay bất cứ trách nhiệm dân sự nào. Claire đã đồng ý tuỳ anh định liệu, cô chỉ xin anh hứa một điều dù đi đâu cũng phải mang cô đi theo đó là những gì cần cho con tim dịu dàng và say đắm ấy.
Claude-Antoine Régnier được bổ nhiệm làm thẩm phán Toà tối cao kiêm luôn ngành cảnh sát mà Fouché vừa chia tay. Một tuần hai lần, ông ta làm việc với Bonaparte. Bonaparte rất chú trọng công việc này, ông đã có cảnh sát bảo vệ là Junot đang điều hành Paris. Duroc là sĩ quan tuỳ tùng và Régnier là cảnh sát trưởng.
Ngay hôm ký bản kết hôn của tiểu thư Sourdis, ông đã làm việc một tiếng với Régnier. Tin tức mang đến khá lo ngại, miền Vendée, mà do những băng đảng cướp phá đến hết lâu đài này đến trang trại khác để bắt ép chủ cung cấp tiền bạc cho chúng bằng các hình thức tàn bạo rợn người. Báo chí đã bắt đầu nói đến những thảm cảnh như đốt chân, đốt tay cháy sém đến tận xương. Bonaparte đã lệnh cho Régnier mang toàn bộ hồ sơ liên quan đến các vụ cướp đó đến gặp ông. Trong tám ngày vừa qua, đã có năm vụ được phát hiện

vụ đầu tiên ở Berric, đầu nguồn con sông Sulé nhỏ, vụ thứ hai ở Plescop vụ thứ ba ở Muzillac, vụ thứ tư Saint-Nolff và vụ thứ năm diễn ra tại Saint-Jean-de-Brévelay.
Nhìn bề ngoài có ba thủ lĩnh đứng đầu ba băng nhưng đằng sau phải có một nhân vật khác chỉ huy họ. Theo cảnh sát, nhân vật này là Cadoudal, kẻ không giữ lời hứa với Bonaparte. Thay vì rút về sống ở Anh lại trở lại Bretagne và chuẩn bị cuộc nổi dậy mới.
Vốn là người có dự tính và biết người, Bonaparte lắc đầu khi đại phán quan cố gắng đổ cho Cadoudal là thủ phạm của các vụ trên. Làm sao như vậy được? Một người cực kỳ thông minh đã tranh luận với ông về lợi ích của dân tộc và của các quân vương, không hề chịu lui một bước, người sẵn sàng sang nước Anh sinh sống chỉ bằng tài sản của chính mình, một tâm hồn không tham vọng đó từng khuất phục được một sĩ quan tuỳ tùng của vị tướng đứng đầu châu Âu, một con người không vụ lợi sản sàng từ chối khoản tiền một trăm ngàn phăng mỗi năm lại nhìn người khác xâu xé, hạ mình làm đạo tặc, kẻ hèn hạ nhất trong các trò lưu manh hay sao?
Không thể như thế được.
Và Bonaparte đã cực lực bác bỏ quan điểm của viên cảnh sát trưởng. Sau đó, ông ra lệnh phái những nhân viên ưu tú nhất, trao quyền thật lớn để đi truy quét những băng đảng ti tiện đó.
Régnier hứa sẽ đi Bretagne ngay trong ngày.
Xong việc, vì đã gần mười giờ tối, ông báo cho Joséphine sẵn sàng đi cùng bà đến dự đám cưới nhà phu nhân Sourdis.
Lâu đài tráng lệ nơi nữ bá tước sống đã ngập tràn trong ánh sáng như thể giữa ban ngày với ánh mặt trời dìu dịu, những đoá hoa như vừa thoát khỏi tù ngục đen tối vươn lên. Những làn gió xuân dịu dàng nô giỡn trên những lớp học định xổ từ cửa sổ xuống thềm hiên, dưới những mái vòm kỳ lạ và thơm ngát ấy là những ngọn đèn màu rực rỡ, những luồng hoà âm và hương thơm toả ra ngoài khung cửa sổ hé mở để lộ những bóng người đi đi lại lại sau bức rèm.
Đó là những vị khách mời sang trọng nhất Paris, các quan chức chính phủ, các tham mưu tài danh của các viên tướng trẻ tuổi người nhiều tuổi nhất mới ba mươi như Murat, Mannont, Junot, Duroc, Lannes, Moncey, Davout, những anh hùng mà ở tuổi của họ người ta mới chỉ làm đến chức đại uý; cái nhà thơ như Lemercier còn đang ngây ngất sau thành công của Agmemnon; Legouvé vừa công diễn vở Etéocle và Kẻ xứng đáng với phụ nữ; Chenier, người từ sau vở Timoléon đã tuyên bố từ bỏ kịch trường để quay sang làm chính trị; Chateaubnand, người vừa tìm được Chúa trong thác Niagara và dưới mái vòm của những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ; các vũ công mốt nhất trong đó phải kể đến Trénis, Laffitte, Dupaty, Garat, Vestris, những tinh

tú lộng lẫy xuất hiện thời đẹp nhất của họ như phu nhân Récamier, phu nhân Méchin, phu nhân Contades, phu nhân Regnault de Saint-jean-d Angély và cuối cùng là toàn bộ giới trẻ thời đó. Anh em nhà Caulaincourt, Narbonne, Longchanp, Matthieu de Mont-Morency, Eugène de Beauhamais, Philippe de Ségur, và còn những ai nữa?
Khi người ta biết có Tổng tài và phu nhân Bonaparte không chỉ ký giấy hôn thú mà còn đến dự thì tất cả mọi người đều muốn được mời. Toà nhà đồ sộ nhà phu nhân Sourdis, khi tầng trệt và lầu một bắt đầu mở cửa, một lượng khách lớn buộc phải tràn ra ngoài thềm để hóng không khí mát mẻ thì các phòng khách còn đông hơn nữa.
Mười một giờ kém mười lăm, một đoàn xe ngựa từ Tuileries đi ra, mỗi người đều mang một ngọn đuốc vì phải đi qua cầu.
Chiếc xe phóng rất nhanh lại có đuốc sáng bao quanh khiến nó như một cơn lốc uốn theo tiếng ồn và ánh sáng đến dừng trong sân lâu đài.
Đúng lúc đó, giữa đám đông chặt như nêm tưởng không ai có thể len vào nữa mở ra một lối cho hai mẹ con phu nhân Sourdis ra đón ngài Tổng tài và Joséphine. Hector de Sainte-Hermine đi sau cũng vừa nhìn thấy Bonaparte mặt anh tái đi trông thấy song vẫn bước tiếp.
Phu nhân Bonaparte vừa ôm hôn tiểu thư Sourdis vừa đeo một chuỗi vòng ngọc trị giá năm trăm ngàn phăng vào cổ cô. Ngài Bonaparte chào hai mẹ con rồi tiến thẳng đến Hector.
Hector không nghĩ Bonaparte đến gặp mình nên rẽ sang một bên nhưng ông đã đứng ngay trước mặt anh.
- Chào cậu - ông nói - Tôi cũng mang quà đến, đó là một bằng đanh dự trong đội cận vệ Tổng tài, nhưng tôi hiểu có những vết thương cần thời gian mới lành…
- Không gì khéo léo hơn đôi bàn tay ngài trong việc chăm sóc vết thương ấy, thưa tướng quân… tuy vậy…
Hector thở dài rồi đưa khăn lau mắt.
- Cho tôi xin lỗi, thưa tướng quản - Chàng trai nói sau vài giây im lặng - Tôi ước mình xứng với lòng tốt của ngài.
- Đó đã là một trái tim vĩ đại rồi, chàng trai ạ. - Bonaparte nói - và người ta luôn bị thương từ trong tim.
Sau đó, ông quay lại chỗ phu nhân Sourdis, nói vài câu, khen tặng Claire vài lời. Khi nhận ra chàng thanh niên Vestris, ông nói:
- A, đây là Vestris con, người mới đây đã chiều lòng tôi, mang lại cho tôi niềm vui khôn tả. Sau khi bị ốm, cậu ấy đã trở về Opera vào đúng ngày đón tiếp tại Tuileries, và cậu ấy đã đổi sang ngày khác để không ảnh hưởng đến ngày trọng đại đó của tôi. Thế nào, Vestris, hãy sử dụng hết phép lịch sự để mời hai người phụ nữ này nhảy cùng chúng ta một điệu gavotte chứ.

- Thưa công dân Tổng tài - Con trai của bậc thánh khiêu vũ nói bằng giọng người Italia không thể sửa được - Chúng ta đã chứng thực có bản gavotte do tôi sáng tác dành cho tiểu thư Coigny. Phu nhân Récamier và tiểu thư Sourdis nhảy đẹp như hai thiên thần, chúng ta chỉ cần một chiếc đàn hạc và một chiếc tù và với điều kiện tiểu thư Sourdis vừa nhảy vừa gõ trống còn phu nhân Récamier, ngài cũng biết là bà ấy nhảy điệu chale thì không ai bắt chước được.
- Vậy thì thưa các quý bà - Ngài Tổng tài nói - chắc các vị sẽ không từ chối lời thuật cầu mà Vestris vừa đưa ra mà tôi cũng dùng quyền của mình để ủng hộ chứ?
Tiểu thư Sourdis muốn tránh lời mời ấy nhưng do thấy Vestris chỉ đích danh cô với lời thỉnh mời của ngài Tổng tài nên cô thậm chí không dám cất lời chối. Phục trang của cô hôm nay rất thích hợp cho điệu nhảy đó.
Cô gái da bánh mật trong bộ váy trắng, mái tóc cài cành nho có hai trái nho rủ xuống vai, một lớn lá màu vàng nhạt của mùa thu ôm lấy thân váy.
Phu nhân Récamier cũng mặc trang phục trắng như mọi khi bằng vải cachemire của người Ấn Độ. Chính bà đã sáng tác ra điệu nhảy chale trong các salon và gặt hái rất nhiều thành công khiến nó được đưa lên sân khấu. Thành công của phu nhân Récamier trong vũ điệu này còn lưu lại đến ngày nay. Chúng ta biết là theo thông lệ, không bao giờ vũ nữ lại bỏ qua động tác nửa như hờ hững nửa e thẹn khiến họ trở nên duyên dáng thêm, nhờ những sóng vải mềm mại để lộ ra những nét điệu đà trong ý định giấu nó đi. Vũ điệu đó kéo dài chừng mười lăm phút và thành công trong tiếng vỗ tay vang dội trong đó có phần của Bonaparte. Ông ra hiệu và tất cả phòng nổ những tràng pháo tay ròn rã và vị thánh vũ công bằng những động tác mềm dẻo dựng người lên trên sàn nhà như thể đang bay.
Điệu gavotte kết thúc, một gia nô đến nói thầm vài câu vào tai nữ bá tước Sourdis và bà này đáp lại bằng câu:
- Hãy mở phòng ký giấy!
Hai cánh cửa được kéo sang hai bên và người ta thảy trong phòng toát lên sự sang trọng tuyệt đỉnh. Trong ánh đèn sáng trưng, hai luật gia đang ngồi sẵn trước bàn đặt cây đèn cầy, ở giữa là bản hôn ước đang chờ chữ ký chỉ hơn hai mươi người có quyền được vào phòng này. Đó là những ai phải ký vào văn bản và ai muốn nghe nội dung của nó phải lắng tai mới nghe được.
Trong khi người ta đọc nội dung bản hôn ước, một đầy tớ kín đáo lẻn vào đám đông, nhẹ nhàng đến bên bá tước Sainte-Hermine và nói nhỏ:
- Hiệp sĩ Mahalin muốn nói chuyện với ngài ngay bây giờ.
- Bảo ông ấy chờ trong phòng nhỏ cạnh đại sảnh - Sainte-Hermine nói.
- Thưa bá tước, ông ấy nói phải gặp ngài ngay lập tức. Nếu ngài đang cầm bút rồi ông ấy xin ngài hãy đặt nó lên bàn và đến gặp ông ấy trước khi ngài

ký… Ông ấy đứng ở ngoài cửa.
Bá tước gục đầu xuống đầy đau khổ, nó giống như cơ chỉ thất vọng và đi theo tên gia nhân.
Rất ít người nhận ra sự việc vừa diễn ra còn những ai nhìn thấy lại không để tâm lắm.
Công việc đọc văn bản đã xong. Bonaparte người vốn vội vã kết thúc những gì ông đã bắt đầu, chẳng hạn như vội ra khỏi điện Tuileries rồi vội vã trở về đó… óng cầm bút ngay mà không để ý mình là người ký đầu tiên và cũng vội vã như bốn năm sau, khi đặt vương miện lên đầu Joséphine và kéo tay bà ra khỏi tay linh mục, liền đưa bút cho vợ.
Joséphine ký tên mình.
Cây bút lông ngỗng lần lượt truyền đến tay tiểu thư Sourdis, cô lo lắng nhìn quanh tìm bá tước Sainte-Hermine mà không thấy, cô bỗng bị nỗi sợ hãi xâm chiếm đành ký tên để lấp đi những tiếng xôn xao quanh mình. Sau cô là đến lượt bá tước, mọi người nhìn quanh và gọi nhưng không thấy tiếng trả lời của chàng.
Tất cả khách khứa im bặt nhìn nhau trong lòng tự hỏi tại sao lại có sự biến mất đúng lúc cần có mặt nhất.
Cuối cùng, một người nào đó nói rằng đã thấy trong lúc đọc bản đăng ký, một thanh niên lạ mặt vào nói nhỏ rồi dẫn bá tước đi như một kẻ tội đồ theo kẻ phán xử hơn là một người bạn theo một người bạn.
Nhưng có lẽ bá tước chỉ ra khỏi phòng ký thôi chứ chưa ra khỏi nhà Nghĩ vậy, phu nhân Sourdis gọi một gia nhân đến ra lệnh cùng những người khác đi tìm bá tước.
Anh ta vâng lệnh, vài phút sau, hoà với tiếng đập nghẹn thở vì ngạc nhiên của hơn sáu trăm con tim là những tiếng kêu của gia đình đáp lời nhau từ phòng này đến phòng khác.
Cuối cùng một người nghĩ ra ý định chạy ra bãi để xe ngựa ngoài sân. Nhiều người đã thấy hai thanh niên, dù trời mưa vẫn để đầu trần vội vã nhảy lên xe và nói:
- Đến trạm ngựa.
Và cỗ xe lao đi, một trong hai người đầu trần đó là bá tước Sainte-Hermine.
Tất cả quan khách sững sờ nhìn nhau và giữa lúc im lặng, một giọng nói cất lên:
- Chuẩn bị xe cho ngài Tổng tài.
Người ta kính cẩn nhường lối cho ông bà Bonaparte đi qua.
Nhưng khi họ vừa rời phòng, lập tức một sự hỗn độn đã diễn ra.
Người ta vội vã rời khỏi nơi đầy như thể sắp có hoả hoạn. Cả phu nhân Sourdis và Claire không dám giữ ai ở lại và chỉ mươi phút sau, họ chỉ còn lại một mình.

Phu nhân Sourdis kêu lên đau đớn nhào đến chỗ Claire run rẩy như sắp ngất. - Ôi mẹ ơi! Mẹ ơi! - Cô nấc lên rồi để mình lịm dần trong vòng tay của nữ bá tước - vậy là lời tiên đoản của thầy bói đã đúng và quãng đời goá bụa của con bắt đầu rồi!

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 23
Những kẻ cướp phá

Tôi sẽ giải thích cho quý vị độc giả việc biến mất khó hiểu của vị hôn phu của tiểu thư Sourdis đúng thời điểm ký giấy kết hôn, điều đã khiến tất cả khách khứa ngạc nhiên và đặt ra mọi dị nghị không tưởng về bá tước và những giọt nước mắt chảy mãi của cô dâu.

Chúng ta đã thấy Fouché cho gọi hiệp sĩ Mahalin đến mấy hôm trước để thoả thuận lập ra ba băng cướp ở miền Tây. Các băng đảng này không những hoạt động muộn mà phải bắt đầu ngay, và sau hơn chục ngày kể từ khi hiệp sĩ nọ rời Paris, người ta đã nghe nói tới hai chủ lâu đài bị đốt phá: một là Buré và người kia là Saulnaye.

Nỗi kinh hoàng ngày càng lan rộng khắp Morbihan. Suốt năm năm nội chiến đã biến vùng đất này kiệt quệ, nhưng trong tất cả những cuộc đấu kinh hoàng diễn ra, không bao giờ ở đây có tệ nạn cướp bóc. Muốn tin dấu vết hành động như thế phải trở lại những ngày đen tối của vua Louis XV và những tác động luật giáo hội thời vua Louis XIV.

Những băng cướp gồm mười, mười lăm, hai mươi người như thể chui từ đất lên, đi lại như những cái bóng, lẩn khuất trong thung lũng, băng qua bờ rào, nấp sau thân cây, sẵn sàng hạ những nông dân đi làm về muộn bất chợt nhìn thấy chúng. Rồi chỉ chờ một cửa sổ để hé, một cánh cửa khép hờ là chúng lẻn vào trang trại hay lâu đài đánh lén hoặc siết cổ đám gia nhân, đốt một đống lửa lớn giữa bếp, dẫn ông bà chủ nhà ra đó, để họ nằm sấp xuống sàn nhà rồi lấy lửa đốt chân họ cho đến khi họ đau đớn khai ra chỗ giấu tiền mới thôi, cũng có khi chúng tha cho họ nhưng những lần khai, sau khi mới khai xong, sợ bị lộ mặt, chúng đâm chết, treo cổ hay đánh bất tỉnh những người vừa mất tiền.

Khi nhà chức trách phát hiện các vụ thứ ba hay thứ tư có hậu quả là đốt phá

và giết người thì những tin đồn bắt đầu lan ra, mới đầu còn dè dặt sau đó thì không úp mở nữa mà cho rằng chính Cadoudal cầm đầu bọn đạo tặc đó. Dù thủ lĩnh và bọn cướp đều bịt mặt nhưng những ai từng nhìn thấy đều nhận rõ một người chỉ huy có vóc dáng và đặc biệt là cái đầu to, tròn giống hệt Georges Cadoudal.

Lúc đầu người ta không tin phán đoán ấy, ai cũng biết phẩm chất hiệp sĩ ở Georges và ai mà tin được ông đột nhiên biến thành thủ lĩnh của bọn cướp vô lại bất lương vô liêm sỉ ấy.

Tuy nhiên, tiếng đồn vẫn lan xa nhiều người thừa nhận đã nhận ra Georges và ngay lập tức tờ *Thời báo Paris* đưa tin chính thức rằng, mặc dù hứa không tập hợp quân lính nhưng Cadoudal vẫn tổ chức gần năm chục tên cướp hoành hành miền nông thôn, chặn đường và tấn công trang trại.

Tờ *Thời báo Paris* được gửi sang London có thể không tới tay Cadoudal nhưng một người bạn đã cho ông xem. Cadoudal thấy trong đó có lời buộc tội chống lại ông và lời lẽ ấy đá động đến danh dự cũng như lòng ngay thẳng của mình.

- Được lắm! - ông nói - buộc tội tôi tức là họ đã phá bỏ hiệp ước đã có giữa chúng tôi, không giết được tôi bằng gươm bằng súng, chúng quay sang hạ tôi bằng cách đơm đặt. Chúng muốn chiến tranh, chúng sẽ có chiến tranh.

Ngay tối hôm ấy, Cadoudal lên một chiếc tàu đánh cá và năm ngày sau ông đã cập bến giữa Port-Louis và bán đảo Quiberon. Đồng thời, có hai người đàn ông tên là Saint-Régeant và Limoelan cùng rời London về Paris những bằng lối vách đá Biville và đường Normandie. Trước lúc khởi hành, họ đã gặp Georges trong một giờ đồng hồ và nhận chỉ dẫn của ông Limoelan đã từng cắt đứt mọi vấn về cuộc nội chiến, còn Saint-Régeant vốn là cựu sĩ quan hải quân sau đó trở thành cướp biển rồi thành cướp cạn.

Cadoudal dùng những người này cho dự định mới của mình chứ không đá động đến Gtüllemot và anh em Soi de Grisolles.

Rõ ràng họ sẽ trù tính kế hoạch và có những phương tiện chắc chắn để liên lạc với nhau nhưng hiển nhiên họ ra đi cũng vì một mục đích duy nhất, chuyện xảy ra như sau:

Khoảng cuối tháng Tư năm 1804, khoảng năm giờ chiều có một người đàn ông khoác áo măng tô cưỡi ngựa phi nước kiệu vào sân trang trại Plescop do ông chủ giàu có Jacques Doley đứng đầu.

Jacques Doley có bà mẹ vợ sáu mươi tuổi, cô vợ mới ba mươi, hai đứa con của họ một cậu bé mười tuổi và cô con gái bảy tuổi. Trong nhà còn có hơn chục gia nhân, tì nữ giúp họ khai thác điền sản.

Người đàn ông ấy yêu cầu gặp chủ nhà, bàn chuyện riêng khoảng nửa tiếng nhưng không thấy xuất hiện trở lại, chỉ thấy Jacques Doley trở ra một mình.

Trong bữa tối hôm ấy, người ta nhận thấy ông chủ trở nên im lặng và mải suy tính. Nhiều lần vợ ông nói nhưng ông không trả lời. Sau bữa tối, hai đứa con muốn chơi cùng bố nhưng ông nhẹ nhàng đẩy chúng ra.

Như mọi người đều biết ở Bretagne, người làm ăn cùng bàn với chủ. Hôm đó cũng giống như mọi ngày, người ta cùng ăn song ai cũng nhận ra vẻ buồn bã ấy, họ rất ngạc nhiên vì thường ngày ông chủ là người vui tính.

Vì mấy hôm trước, đài Buré bị đốt nên đám người làm thì thầm bàn tán về sự kiện ấy. Doley cũng nghe họ, nhiều lần ông ngẩng đầu lên định hỏi nhưng cuối cùng lại thôi không nói gì để họ tiếp tục kể. Bà mẹ già thỉnh thoảng lại đưa tay làm dấu thánh giá và đến phần cuối câu chuyện, bà Doley không kìm chế được sự sợ hãi, đến ngồi cạnh chồng.

Tám giờ tôi, màn đêm đã hoàn toàn buông xuống, đó là lúc đám gia nhân rút về đi nghỉ, người vào nhà kho, người ra tàu ngựa. Doley như không muốn họ tản đi nên ra lệnh không được ra ngoài. Sau đó thỉnh thoảng, ông lại liếc nhìn mấy khẩu súng treo cạnh lò sưởi với ánh mắt của người cần sử dụng hơn là ngắm nó treo trên tường.

Tuy nhiên, mọi người ai nấy đều vẫn tán ra. Bà lão đưa bọn trẻ đi ngủ trong giường của chúng, kê giữa giường bố mẹ và bức tường, ôm hôn cháu rồi cũng đi nghỉ trong một phòng cạnh bếp.

Doley và vợ rời bếp sang phòng ngủ cạnh đó, phòng này cách bếp bằng một khung cửa kính và quay ra vườn bằng hai cửa sổ có thanh chắn bằng gỗ sồi và hai cánh cửa rất chắc chắn, khi cửa đóng chỉ có hai ô thoáng đủ lớn cho vài khe sáng lọt qua.

Bà Doley thay quần áo rồi lên giường. Trong những trang trại, người tá dậy rất sớm nên đi ngủ cũng sớm, nhưng tối ấy, linh tính báo cho họ điều đó gì khiến họ thấy bất an đến nỗi bà Doley không tự đi thay áo mà khuyên chồng kiểm tra lại tất cả các cánh cửa xem đã chốt chặt chưa rồi mới thay quần áo ngủ.

Ông chủ trang trại nhún vai ra vẻ những đề phòng ấy vô ích rồi mới đi xem từng cửa một: cánh cửa đầu tiên là cửa thông sang phòng ăn. Nhưng vì cửa này không tiếp xúc ra bên ngoài nên bà chủ không nài nỉ thêm khi chồng nói.

- Chúng ta phải vào bằng lối cửa bếp và không đi lối khác sau chiều mai.

Cửa ngoài sân đã được kiểm tra, nó được chặn thanh ngang bằng sắt cẩn thận và có hai ổ khoá. Cửa sổ cũng vậy, cửa phòng làm bánh chỉ có một ổ khoá nhưng cánh cửa bằng gỗ sồi và loại khoá khá tốt chỉ còn cánh cửa ngoài vườn nhưng để vào được lối ấy phải nhảy qua bờ tường cao chục bộ.

Bà Doley trở vào, trong lòng đã yên tâm hơn chút ít nhưng vẫn còn căng thẳng, cuối cùng không kừn chế được, bà run lên lẩy bẩy.

Ông Doley đang ngồi cùng viên thư lại giúp việc, giả vờ xem xét giấy tờ nhưng dù có mạnh mẽ ông còn thể giấu được sự lo lắng đang lấn tới bằng những đợt run rẩy ngoài ý muốn và sự chăm chỉ vào từng tiếng động nhỏ nhất.

Thời điểm hiện tại sự lo lắng về nguy hiểm luôn rình rập ấy không phải là không có cơ sở.

Lúc một giờ, gần làng Plescop, từ trong rừng Meucon có một toán người khoảng hai mươi tên chui ra và đi vào đất trang trại, bốn tên cưỡi ngựa đi đầu như một đội nhóm tiên phong mặc đồng phục cảnh sát, những tên còn lại đi bộ, không mặc đồng phục nhưng khoác súng và đinh ba. Toán người này khéo léo hết mức để không bị phát hiện. Chúng men theo bờ rào, đi xuống dòng nước, men theo quả đồi và lúc nào cũng thẳng đến trang trại,

chẳng mấy chốc, chúng chỉ còn cách toà nhà độ trăm bước. Đến đó, cả toán dừng lại, một tên tách ra đi một vòng quanh đó Những tên còn lại đứng tại chỗ chờ đợi. Ánh sáng xuất hiện trở lại. Tên kia vừa đi một vòng quanh trang trại nhưng không có lối nào vào được: chúng bàn bạc rồi quyết định, không vào được bằng mưu chúng sẽ vào bằng lực. Cả nhóm lại đi tiếp đến chân tường.

Từ lúc trước đã có tiếng chó sủa nhưng chúng không biết đó là tiếng chó trong trang trại hay bên hàng xóm. Đến chân tường, đám ăn đêm mới biết là chó trong vườn. Chúng tiến vài bước về phía cửa, con chó cũng đi theo và sủa hết sức giận dữ. Không còn hy vọng đột nhập được nữa, bọn chúng đã bị lộ. Do đó, bốn tên mặc đồng phục tiến ra trước cửa, còn lại chúng nép mình sát tường. Con chó áp sát cái mũi vào cửa sủa inh ỏi hơn bao giờ hết.

Một giọng đàn ông cất lên:

- Có gì thế Blaireau? Chuyện gì vậy, chó ngoan?

- Con chó quay lại phía tiếng nói rồi rên lên ư ừ. Một giọng phụ nữ khác ở xa vọng lại:

- Hy vọng là anh sẽ không mở cửa chứ?

- Tại sao không?

- Vì chúng có thể là bọn cướp, anh ngốc ạ?

Hai người trở nên im bặt.

- Nhân danh pháp luật, hãy mở cửa ra! - Giọng nói từ phía kia cánh cửa vang lên.

- Ông là ai mà đòi nhân danh pháp luật! - Người đàn ông hỏi.

- Cảnh sát Vannes đây, chúng tôi đến kiểm tra trang trại của ông chủ Doley do bị buộc tội là nơi chứa chấp quân Bảo hoàng.

- Đừng nghe chúng, Jean - Người vợ nói - Chúng lừa đấy, chúng bảo anh thế cốt để anh mở cửa thôi, anh hiểu không.

Jean có vẻ đồng tình với vợ vì ông khẽ lấy một cái thang bắc lên tường cao rồi khẽ kháng leo lên nhìn qua. Ông thấy bốn người đi ngựa cùng một toán đang đứng sát tường.

Khi đó, đám người mặc đồng phục lấy báng súng phang vào cửa rầm rầm như muốn de doạ phá nó nếu không mở ra. Những tiếng động ấy vang đến tận phòng ngủ của ông chủ trang trại, khiến bà Doley vô cùng hoảng sợ. Thấy vợ như vậy ông Doley lưỡng lự định mở cửa thì người lạ mặt đi ra, nắm tay ông và nói.

- Sao ông còn lưỡng lự? Chẳng phải tôi đã nói là sẽ đảm bảo hết mọi chuyện còn gì.

- Anh nói chuyện với ai đấy? - Bà Doley kêu lên.

- Chẳng ai cả - ông Doley đáp rồi chạy ra vườn.

Cánh cửa trong nhà vừa mở ra thì ông nghe thấy rõ cuộc trao đổi của người làm vườn và vợ ông ta về bọn cướp.

- Này Jean - ông Doley nói - Sao anh cứng đầu không chịu mở cửa cho các nhà luật pháp thế. Anh có biết chúng ta sẽ bị tình nghi khi chống lại họ không. Xin các ông tha thứ cho người đàn ông này, anh ta không nghe lệnh của tôi đâu.

Jean nhận ra ông chủ Doley liền chạy ra chặn ông.

- Ôi ông chủ Doley - Anh ta nói - Tôi không nhầm đâu, ông mới bị nhầm, họ không phải là cảnh sát thật đâu, họ là bọn cướp cải trang đấy. Vì Chúa, đừng mở cửa.

- Tôi biết điều đó và cả điều tôi phải làm - Jacques Doley nói - Hãy về phòng anh và đóng cửa lại, nếu sợ thì cứ nấp với vợ của anh ở vườn liễu ấy, chúng không ra tận đó tìm anh đâu.

- Nhưng ông... Nhưng ông... Nhưng ông...

- Tôi đã có người hứa bảo vệ tôi ở trong nhà rồi.

- Thế nào, các người mở cổng hay tôi phải phá nó đấy? - Tên thủ lĩnh kêu to

như sấm rồi lập tức có bốn phát báng súng phang vào bản lề.

- Tôi đã nói là tôi mở mà - Jacques Doley kêu lên và ông ta ra mở thật.

Bọn cướp xông vào Jacques Doley và túm cổ áo ông.

- Này các vị - ông Doley nói - Các vị đừng quên tôi đã tự nguyện mở cửa cho các vị đấy nhé. Các vị nên nhớ tôi cũng có hơn chục gia đình trong nhà và tôi hoàn toàn có thể trang bị vũ khí cho họ, để họ nấp sau tường bảo vệ tôi và các vị sẽ khó mà vào dễ dàng được.

- Mày tưởng có chuyện cảnh sát chứ đâu phải với bọn tao.

Jacques chỉ chiếc thang cạnh tường cao.

- Phải, nếu như từ trên kia Jean không thấy các vị.

- Thế mày mở cửa cho bọn tao làm gì?

- Để hy vọng các ông nương tay cho tôi. Nếu tôi không mở, các ông có thể tức giận và đốt trang trại của tôi thì sao?

- Ai bảo mày bọn tao sẽ không đốt trang trại của mày khi vui vẻ?

- Điều độc ác ấy thật vô nghĩa. Các ông muốn tiền của tôi thế là xong. Chắc các ông cũng không muốn tôi phá sản chứ?

- Thôi được ít ra mày cũng là một kẻ biết điều, thế mày có nhiều tiền không?

- Không, vì tôi mới trả nợ cách đây tám ngày.

- Đồ quỷ? Đó là những lời lẽ xấu xa từ miệng người.

- Nó có thể không hay nhưng là sự thật.

- Chẳng lẽ bọn tao được báo sai ư, người ta nói nhà mi có khoản kếch xù đấy.

- Họ nói dối các ông rồi.

- Họ không nói dối Georges Cadoudal đâu.

Nói xong, bọn chúng tiến vào nhà, đẩy Jacques Doley vào bếp.

Bọn cướp ngạc nhiên hết mức khi chưa thấy ai lạnh lùng như vậy.

- Ôi thưa các ông, - Bà Doley đã kịp mặc quần áo chạy ra nói - Chúng tôi sẽ đưa tất cả những gì chúng tôi có nhưng xin các ông đừng làm hại chúng tôi.

- Được rồi - Một tên trong số bọn cướp nói - Mụ giống như cá Auray ấy, chưa đập đã giãy.

- Nói chuyện thế đủ rồi - Tên thủ lĩnh nói - Tiền đâu?

- Này bà xã, Doley nói - Hãy đưa chìa khoá cho họ. Các ông đây sẽ tự đi lấy nếu không họ lại bảo chúng ta đánh lừa.

Bà vợ ngạc nhiên nhìn chồng chưa vội nghe theo ông.

- Kìa, đưa đi - ông nói - Tôi bảo đưa mà, đưa đi.

Bà vợ đáng thương không hiểu tại sao chồng mình lại cam chịu đến thế, bà đưa chìa khoá và kinh hãi nhìn tên chỉ huy tiến lại một trong số những chiếc tủ lớn theo thói quen các chủ điền nơi cất tài sản quý giá nhất.

Tên cướp dùng cả hai tay nhấc ngăn kéo ra quẳng ra giữa phòng bếp thay vì có tám bộ đồ ăn bằng bạc, chỉ có sáu bộ ăn văng ra. Ngăn tiếp theo đựng một túi tiền và một túi vàng tổng cộng có khoảng mười lăm nghìn phăng, nhưng tên thủ lĩnh khua khoắng mãi mới chỉ lôi ra được một túi tiền trong sự ngạc nhiên càng tăng lên của bà vợ.

Bà đưa mắt nhìn chồng hay đúng ra là tìm ánh mắt chồng nhưng không được, ông đã quay đi chỗ khác.

Một tên cướp bắt gặp ánh mắt ấy.

- Con mẹ này, có đúng chồng mụ cố tình thế không?

- Ồ không, thưa các ngài, tôi thề.

- Nếu không thì mụ hẳn biết nhiều hơn chồng, được rồi, đã thế, hãy bắt đầu bằng mụ.

Bọn cướp xông vào lục tủ nhưng không thấy gì cả, chúng mở tủ khác song tủ này cũng rỗng không, chỉ có vài đồng *louis*, năm sáu đồng êcu, sáu livre và vài đồng tiền lẻ giấu trong chiếc bát gỗ.

- Tao nghĩ mày nói đúng - Tên thủ lĩnh nói với tên cướp vừa buộc tội bà chủ trang trại.

- Chắc hẳn được báo trước chúng ta sẽ đến nên đem tiền đi chôn rồi.

- Hởi trời đất và sấm sét! - Tên cầm đầu nói - Bọn tao có cách làm cho người chết còn chịu lên khỏi đất cơ huống hồ là tiền.

- Hãy đi mang củi và một bó rơm lại đây.

- Để làm gì? - Người phụ nữ tức tưởi gào lên.

- Mày chưa bao giờ thấy cách quay lợn à?

- Jacques! Jacques! Anh thấy chúng nói gì chưa?

- Chắc chắn là rồi, nhưng em muốn gì đây, họ là chủ phải để họ làm thôi.

- Ôi lạy Chúa! - Người vợ tuyệt vọng kêu lên khi thấy hai tên cướp mang rơm và củi vào - Anh thật là kẻ cam chịu.

- Anh cầu mong Chúa sẽ không để một vụ ám hại ti tiện như việc giết hai sinh linh, hai con người là không mắc tội lỗi nào nhưng chưa hề giết hại ai, xảy ra.

- Làm thế nào thế" - Tên thủ lĩnh hỏi - ông ta sẽ phái một thiên thần xuống đánh lại bọn tao chắc?

- Đây sẽ không phải lần đầu tiên có phép màu đâu.

- Được lắm, thế thì chúng ta sẽ cùng xem và để cho ông ta cơ hội giúp cả hai, bọn ta sẽ thiêu sống hắn và con lợn cái này.

Nhưng tiếng cười phá lên trước câu nhạo báng khiến chúng còn trở lên tục tĩu hơn. Bọn cướp xông vào Jacques Doley, lột giày, tất, quần dài, với bà vợ chúng cũng làm như vậy rồi trói tay họ ra sau đẩy ra hai phía của đống lửa, khi lửa bén chạy bùng lên, chúng đẩy họ chân trần sáp lại đống lửa, chỉ cách vài bước.

Cả hai cùng thét lên đau đớn.

- Khoan đã! - Một tên cướp hét to - Tao vừa tìm được lũ thỏ con cho chúng vào nấu cùng bố mẹ chúng này.

Rồi hắn bước vào, mỗi tay túm một đứa trẻ đang run rẩy khóc nức nở. Đến đây thi Jacques Doley không chịu nổi nữa kêu to:

- Nếu ông là người, đã đến lúc ông phải giữ lời hứa với tôi rồi chứ!

Lập tức cánh cửa bật mở, một người đàn ông từ thông phòng để sữa đi ra, hai tay buông thõng nhưng mỗi bên cầm một khẩu súng ngắn hai viên.

- Ai trong số các người được gọi là Georges Cadoudal? - Người lạ hỏi.

- Tao đây - Người bịt mặt cao lớn vừa nói vừa đứng dậy.

Mày nói láo - Người lạ nói rồi đưa súng lên bắn thẳng vào giữa ngực hắn - Tao mới là Cadoudal.

Gã cao lớn đổ vật xuống.

Cả băng cướp lùi lại hai bước, chúng vừa nhận ra Cadoudal thật sự, con người mà chúng tưởng lúc này đang ở nước Anh.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 24
Mệnh lệnh mới

Với Cadoudal thật, không một người nào trong vùng Morbihan dám đưa tay lên đụng vào ông hay không dám tuân lệnh ông.

Tên phó thủ lĩnh cũng nằm trong số đó, hắn đặt hai đứa trẻ xuống đất, lại gần Cadoudal và nói:

- Thưa tướng quân, xin ngài ra lệnh.

- Trước tiên, hãy thả những người bất hạnh kia ra.

Bọn cướp vội chạy lại chỗ ông bà chủ trang trại, lát sao họ đã được cởi trói. Người vợ ngồi phịch xuống ghế, dang tay ôm hai đứa con vào lòng còn người chồng đứng dậy ra bắt tay ông Georges Cadoudal.

- Còn bây giờ - Tên phó thủ lĩnh hỏi.

- Bây giờ hả? Người ta nói các anh có ba băng đúng không?

- Vâng, thưa tướng quân.

- Ai cả gan dám tập hợp các anh để làm cái nghề này?

- Có một người từ Paris đến khẳng định rằng cách đây một tháng ngài đã về gặp chúng tôi và đã ra lệnh tập hợp đội quân mang tên ngài

- Để phục vụ cho triều đình thì ta còn hiểu được nhưng để đi ăn cướp thì thật là quấy quá! Liệu ta có phải là một tên đạo tặc không?

- Người ta còn chọn một trong số chúng tôi, đó là Georges II vì anh ta giống ngài, để làm thủ lĩnh. Bây giờ chúng tôi phải làm gì để sửa chữa sai lầm này?

- Sai lầm của các anh là đã nghĩ ta có thể trở thành thủ lĩnh một băng đạo

chích như các anh. Điều đó là không thể tha thứ.

- Hãy truyền lệnh của ta đến các nhóm khác là phải giải tán và ngừng ngay tức khắc cái nghề ti tiện này. Sau đó, hãy báo cho tất cả các cựu chỉ huy, đặc biệt là Soi de Grisolles và Guillemot cầm vũ khí và sẵn sàng theo chỉ thị của ta chuẩn bị chiến dịch. Nhưng chưa có lệnh của ta, không ai được manh động hay dùng cờ trắng.

Bọn cướp không nói một lời, không có phản ứng gì khác và rút ra ngoài. Ông bà chủ trang trại đi dọn dẹp lại bãi chiến trường, sắp xếp lại đồ đạc vào từng ngăn tủ, cho tiền vào khay. Nửa giờ sau, tất cả lại như cũ.

Bà Doley đã không nhầm, chồng bà hôm ấy đã có đề phòng.

Ông cất phần lớn số tiền và cái túi vàng tổng cộng khoảng mười hai nghìn phăng đi. Người dân Bretagne cũng như các nông dân khác đều là những người cẩn thận thậm chí còn biết tiền liệu trước. Mặc dù đã có lời hứa của Cadoudal, ông Doley vẫn nghi có thể mọi việc sẽ xấu đi và ít ra trong trường hợp như thế, ông có thể giữ được phần lớn của cải của mình. Nghĩ sao làm vậy, ông đã cất chỗ tài sản đó.

Người ta gọi Jean và vợ ông ta về, đóng cửa lại sau khi cho xác Georges II ra ngoài. Chưa ăn gì từ sáng, Cadoudal bình thản ngồi ăn súp như thể chưa có chuyện gì xảy ra, sau đó từ chối ngủ trên giường của chủ nhà và đi ngủ trên một ổ rơm mới trong nhà kho.

Ngày hôm sau, vừa thức dậy ông đã tiếp Sol de Grisolles, người sĩ quan tuỳ tùng cũ của mình.

Anh này đang sống ở Auray, tức là cách trang trại Plescop hai dặm rưỡi. Một trong số những tên cướp nghĩ rằng mình là người tử tế với Cadoudal nên vội vã báo cho hàng xóm của mình. Thực tế là Sol de Grisolles đã chạy đến. Anh ta cũng hết sức ngạc nhiên vì giống như mọi người, anh ta nghĩ Georges Cadoudal đang ở London.

Cadoudal kể lại toàn bộ sự việc: Vết cháy và máu vẫn còn trên nền nhà. Đây

hoàn toàn là sự vu khống của cảnh sát để biến hiệp ước thành vô liệu và rồi, người ta sẽ đổ cho Cadoudal là người phá vỡ hiệp ước đó. Trong trường hợp đó, mọi tự do của Cadoudal trở thành hành động ngông cuồng của ông. Chính vì thế, ông mới cần gặp Sol de Grisolles.

Trước hết, ông có ý định viết trực tiếp cho Bonaparte để thông báo rằng với những gì vừa xảy ra, ông quyết định rút lại lời đã tuyên bố và sau khi đã xử lý không chê trách vào đâu được những băng miền Tây, kẻ huỷ hoại thanh danh của ông, ông tuyên chiến với Bonaparte, không phải cuộc chiến giữa hai chế độ vì ông không thể ủng hộ nó nữa mà là cuộc trả thù kiểu của người đảo Corse.

Sol de Grisolles sẽ chịu trách nhiệm thông báo món nợ ấy. Anh ta chấp nhận ngay không chút băn khoăn, đó là một trong những người không bao giờ chùn bước, nhất là khi đó là nhiệm vụ.

Tiếp theo, Sol de Grisolles sẽ đi gặp Laurent dù anh ta ở bất cứ đâu để thông báo sẽ tập hợp lại đội quân Jéhu vào việc ngay lập tức. Georges sang London sau đó sẽ về Paris để hành sự.

Quả nhiên, sau khi ra lệnh cho Sol de Grisolles, Cadoudal cáo từ chủ nhà, tỏ lời xin lỗi vì đã mượn nhà ông để diễn vở kịch khủng khiếp đó. Hai người lên ngựa, Sol de Grisolles, đi về Vannes còn ông hướng về phía bãi biển Erdeven và Camac nơi một con tàu giả tàu đánh cá đang chờ tàu nhổ neo cũng thuận chèo mát mái như khi cập bến.

Ba ngày sau, Sol de Grigolles đã đến Paris và xin phép gặp Bonaparte vì một chuyện tối quan trọng.

Tổng tài cử Duroc đến khách sạn nơi Sol tạm nghỉ. Nhưng Sol de Grisolles lịch sự từ chối và yêu cầu đích thân được gặp Bonaparte để chuyển lời của Cadoudal. Duroc đành trở về và sau đó tới đón Sol de Grisolles. Anh gặp Bonaparte trong thái độ cực lực phản đối Cadoudal, chưa để cho Sol de Grisolles cất lời ông đã nói:

- Tướng quân của anh biết giữ lời. Ông ta giả vờ đi London, thực ra lại ở lại Morbihan, lập ra những băng đảng hành nghề đạo tặc, đạo chích khắp nơi, nhưng tôi đã ra lệnh cho tất cả chính quyền và nếu ông ta bị bắt, ông ta sẽ bị

xử bắn không cần bản án nào như một tên cướp. Đừng nói chuyện này không đúng.

Các thời báo Paris cũng đưa tin, báo đồng tình với những bản báo cáo bên cảnh sát, vả lại người ta cũng đã nhận ra ông ta.

- Liệu ngài Tổng tài có cho phép tôi trả lời thay ông ấy, chứng minh cho sự vô tội của bạn tôi chỉ bằng hai từ thôi hay không?

Bonaparte nhún vai.

- Thế nếu trong năm phút nữa ngài phải thừa nhận báo chí và cảnh sát của ngài sai còn tôi đúng thì sao?

- Thì thì tôi sẽ nói rằng Régnier là đồ ngốc, thế thôi.

- Vậy thì thưa tướng quân, số báo của tờ thời báo Paris có đăng tin Cadoudal không rời Pháp và thành lập ba băng đảng ở Morbihan đã đến tay ông ấy ở London. Lập tức ông ấy lên tàu đánh cá về Pháp và cập bến tại bán đảo Quiberon. Nấp trong một trang trại bị đánh cướp đêm ấy, ông đã bước ra đúng lúc tên đầu sỏ giả danh ông ấy chuẩn bị tra tấn chủ trại. Ông chủ trang trại tên là Jacques Doley. Trang trại tên là Plescop. Ông ấy đã tiến thẳng đến kẻ giả danh, bắn vỡ sọ hắn và nói: *"Mày nói láo, tao mới là Cadoudar"*. Sau đó, ông ấy giao trọng trách cho tôi đến nói với ngài rằng chính tướng quân hoặc cảnh sát của các vị đã bôi nhọ thanh danh của ông ấy bằng cách gán cho ông ấy tội danh cầm đầu băng cướp và dựng một kẻ có dáng dấp giống ông ấy lên. Ông ấy đã trả thù kẻ này bằng cách giết hắn và đuổi quân ô hợp ấy đi dù chúng có hai mươi tên còn ông chỉ có một.

- Làm sao tôi tin điều anh nói được.

- Tôi đã thấy cái xác, còn đây là chứng nhận của chủ trang trại.

Sol de Grisolles đưa ra bản tường trình sự việc cho ngài Tổng tài có chữ ký của ông bà Doley.

Và Sol nói tiếp:

- Kể từ khi đó, ông ấy không giữ cam kết với ngài nữa cũng như không chấp nhận cam kết của ngài và chỉ có thể tuyên chiến với ngài vì ngài đã lấy đi

mọi phương cách tự vệ của ông ấy. Ông ấy tuyên bố sẽ có một cuộc trả thù theo phong thức đảo Corse của ngài: ăn miếng trả miếng!

- Này, anh kia - Duroc kêu to - Anh có biết mình đang nói chuyện với ai không?

- Tôi đang nói với một người đã cam kết như chúng tôi đã cam kết và giống như chúng tôi bây giờ, ông ấy không có quyền để giữ lời nữa.

- Anh ta nói có lý đấy, Duroc - Bonaparte nói - để xem anh ta nói đúng không.

- Thưa tướng quân; một khi người Bretagne đã nói? - Sol de Grisolles kêu lên.

- Một người Bretagne cũng có thể nhầm hoặc bị lừa chứ. Duroc, hãy đi tìm Fouché đến đây.

Mười phút sau, Fouché đã có mặt trong phòng Tổng tài. Từ xa, Bonaparte đã nhận ra viên cựu Bộ trưởng cảnh sát.

- Ông Fouché, Cadoudal ở đâu?

Fouché bật cười.

- Tôi không thể trả lời được vì tôi không biết.

- Tại sao như thế?

- Vì tôi không ở bộ Cảnh sát nữa.

- Ồ, ông biết là ông vẫn ở đó cơ mà.

- Chỉ ở dạng sát nhập thôi.

- Đừng đùa nữa, thực ra thì đúng! Ông sát nhập vai đó. Tôi liếp tục công việc cho ông, ông sẽ có cơ quan tương tự và ông sẽ báo cho tôi tất cả như thể ông vẫn ở bộ mang tên đó. Tôi hỏi Cadoudal đang ở đâu?

- Giờ này chắc ông ta đã trở lại London. Như vậy là ông ta đã rời nước Anh?

- Đúng thế.

- Để làm gì?

- Để đi bắn vỡ sọ một tên cầm đầu băng đảng giả danh ông ta.

- Và giết chết hắn chứ?

- Ngay giữa hai mươi người tại trang trại Plescop, nhưng ông đây - Fouché nói và chỉ vào Sol de Grisolles - có thể nói hết cho ngài biết bởi lẽ ông ta hầu như chứng kiến, Plescop, tôi nghĩ chỉ cách Auay hai dặm rưỡi thôi.

- Thế ư! Ông biết tất cả chuyện đó mà không báo cho tôi ư?

- Thì ông Régnier đang là cảnh sát trưởng, ông ta có trách nhiệm báo cho ngài, còn tôi chỉ là một kẻ kỳ cục, một thượng nghị sĩ thôi.

- Thế đấy những người bình thường thì chẳng bao giờ làm được cái nghề đó - Bonaparte thốt lên.

- Cảm ơn tướng quân - Fouché nói.

- Thôi được rồi! Anh chỉ thiếu một thanh xà nữa là sang bến của người chính trực. Ở vị trí của anh, tôi sẽ phải rất thận trọng. Anh được tự do, anh Grisolles. Tôi chấp nhận việc trả nợ như ngài Cadoudal tuyên bố. Cứ bảo ông ta cẩn thận, về phần mình, tôi cũng sẽ phòng vệ, nhưng một khi bị bắt, ông ta đừng mơ được ân xá.

- Đó cũng là điều ông ấy muốn - Anh chàng Bretagne nói và cúi mình chào, sau đó ra khỏi phòng làm việc của ngài Tổng tài để ông ở lại với Fouché.

- Ông nghe rõ chưa Fouché, cuộc trả thù bắt đầu rồi và ông sẽ là người bảo vệ tôi!

- Hãy khôi phục cho tôi Bộ cảnh sát, tôi sẽ bảo vệ ngài.

- Ông là một kẻ ngốc vĩ đại, ông Fouché. Một cơn người tài trí như ông thì cần gì phải có bộ này ông mới bảo vệ được tôi. Vả lại như thế còn dễ dàng hơn cho ông vì sẽ không ai nghi ngại ông cả. Hơn nữa, tôi mới huỷ bộ này

hai tháng, tôi không thể thiết lập nó lại ngay như vậy. Hãy giúp tôi loại trừ mối nguy hiểm này rồi tôi sẽ lập lại nó. Trong khi chờ đợi, tôi mở cho ông một tài khoản năm trăm ngàn phăng từ nguồn bí mật. Hãy ngoạm cho đẹp vào, khi nào cạn vốn hãy báo cho tôi. Nhưng trước nhất tôi muốn Cadoudal phải được lành lặn và còn sống.

- Tôi sẽ lo chuyện đó, nhưng muốn vậy thì cũng phải xem ông ta có về Pháp không.

- Ồ yên tâm đi, hắn ta sẽ về. Tôi chờ tin của ông đấy.

Fouché chào Tổng tài Bonaparte rồi vội vã hết mức chạy ra xe và kêu to:

- Về lâu đài nhanh lên!

Vừa xuống xe, ông ta đã ra lệnh:

- Cho người đi gọi ông Dubois, nếu nó dẫn theo cả Victor, một trong số nhân viên cừ nhất đến đây.

Nửa giờ sau, hai con người được gọi đã có mặt trong phòng làm việc của Fouché.

Dù ông Dubois đã chuyển sang làm việc cho cảnh sát trưởng mới nhưng ông này vẫn rất trung thành với Fouché. Không chỉ vì nguyên tắc đạo đức mà cả vì quyền lợi nữa. Ông hiểu rằng sự thất sủng của Fouché chỉ là tạm thời mà ông ta thì không hay phản bội người mà chỉ phản bội khi không có lợi mà thôi. Do đó, ông ta vẫn dành vài nhân viên lanh lợi nhất chuyên phục vụ cho Fouché. Ngay khi được gọi, ông ta đã chạy đến.

Hai chồng vàng đang đặt cạnh lò sưởi thì Dubois dẫn Victor vào. Nhân viên Victor vẫn mặc đồ dân sự do Dubois kéo đi quá vội vã.

- Chúng tôi không muốn làm mất thời gian - Dubois chống chế - chính vì vậy tôi mang theo một trong số những người tin cẩn nhất trong trang phục đang mặc thế này.

Fouché không đáp tiến về phía chàng trai, giương cặp mắt ngạo nghễ nhìn anh ta.

- Quỷ thật? Chết tiệt! Ông Dubois, đây không phải người chúng ta cần.

- Vậy ngài cần gì thưa, công dân Fouché?

- Tôi cần một thủ lĩnh Bretagne để theo dõi có thể ở Đức nhưng chắc chắn sẽ sang Anh. Tôi cần một người văn võ song toàn có thể theo ông ta vào các quán cà phê, các câu lạc bộ và thậm chí trong những phòng tiếp sang trọng. Tôi cần một quý ông thế mà anh lại mang cho tôi một tay cục mịch như thế này sao?

- Điều này thì đúng đấy - Nhân viên của Dubois nói - Quán cà phê, câu lạc bộ, phòng tiếp sang trọng không quen tôi đâu, nhưng nếu thả tôi vào quán trọ, các sàn nhảy hay quán rượu thì ngài sẽ biết tôi không kiêng đâu.

Dubois ngạc nhiên nhìn nhân viên của mình, anh ta ra hiệu lại cho ông. Dubois đã hiểu.

- Do đó - Fouché nói - ông hãy gởi ngay cho tôi một người tối nay có thể đến nhà nhiếp chính không để chậm một giây nào.

- Tôi sẽ có việc cho anh ta - Sau đó cầm hai đồng vàng trên đống và nói - Này anh bạn, chỗ này cho anh vì đã quấy rầy anh nếu tôi cần ai cho việc giám sát dân chúng tôi sẽ gọi anh. Nhưng hãy ngậm mồm ngậm miệng về chuyến viếng thăm này nhé.

- Ngậm mồm ngậm miệng - Anh chàng nhân viên vui vẻ đáp - Ngài cho gọi tôi nhưng lại không sai bảo gì, cho tôi hai đồng vàng chỉ để tôi ngậm miệng.

- Tốt lắm! Tốt lắm! Cậu bé của ta. Thôi đi đi.

Cả hai người đi ra xe. Fouché sốt ruột nhìn theo sự chậm trễ ấy nhưng hắn hiểu lỗi do mình vì đã không chỉ định tìm người rõ ràng và ông ta chỉ còn nước chờ đợi mà thôi.

Thật ra thì Fouché cũng không phải chờ lâu. Hơn mười lăm phút sau, người ta thông báo có người hắn cần tìm đến gặp.

- Tôi đã bảo là cho vào ngay cơ mà - Fouché mất hết kiên nhẫn kêu lên - Cho vào ngay!

- Tôi đây, tôi đây thưa công dân - Người bước vào hồ hởi giới thiệu, đó là một thanh niên đích thực độ hai mươi sáu tuổi, tóc đen, đôi mắt hoạt bát và sáng láng, cách ăn mặc miễn chê.

- Tôi không để lỡ một phút nào và đã có mặt.

Fouché ngắm nghía chàng trai bằng đôi mắt lé của mình.

- Đến sớm đấy! Đúng người cần đây rồi.

Sau một lát im lặng dò xét, Fouché hỏi:

- Anh có biết mình sẽ làm gì không?

- Có, đi theo dõi một người khả nghi, đi cùng anh ta sang Đức cũng nên. Chuyện này không khó khăn gì vì tôi nói tiếng Đức như người Đức và tiếng Anh như người Anh. Tôi sẽ không để kẻ đó lọt khỏi tầm mắt dù chỉ một khoảnh khắc. Chỉ cần chỉ người đó cho tôi hay là tôi đã gặp một lần hoặc nói cho tôi hắn là ai và đang ở đâu.

- Anh ta tên là Soi de Grisolles, vốn là tuỳ tùng của Cadoudal - Anh ta trọ trên phố Loi, khách sạn Unité. Có thể anh ta đã đi rồi, trong trường hợp ấy, anh phải hỏi xem anh ta đi đường nào và nhanh chóng bắt kịp. Tôi muốn biết tất cả những gì anh ta sẽ làm.

- Còn đây - Fouché nói thêm và chỉ vào hai đống vàng cạnh lò sưởi - Đó là thứ giúp anh dò la.

Chàng trai chìa tay đeo găng gạt số tiền vàng vào túi không cần đếm.

- Bây giờ, - Chàng trai lịch lãm nói - Chúng ta có phải trả hai đồng *louis* cho anh chàng Thợ Nề không?

- Cái gì, hai đồng cho Thợ Nề à? - Fouché hỏi.

- Hai đồng mà lúc nãy ngài đưa cho tôi ấy.

- Thế người lúc nãy là anh đấy ư?

- Thế thì - Fouché chỉ vào đống vàng thứ ba - chỗ này cũng là của anh nhưng

đó là tiền thưởng. Thôi, đừng để mất thêm thời gian nữa, tôi muốn có tin tức ngay tối nay.

- Ngài sẽ có.

Chàng trai đi ra hài lòng về Fouché cũng như hắn hài lòng về anh. Ngay tối hôm đó, Fouché đã nhận được tin tức đầu tiên.

"Tôi đã thuê một phòng cạnh phòng công dân Sol de Grisolles trong khách sạn Unité, phố Loi. Qua ban công chung của bơn cửa sổ, tôi có thể biết căn phòng ấy sắp đặt thế nào. Một chiếc bàn kê sát vách phòng của tôi dùng để tiếp khách, tôi đã đục một lỗ cho phép nhìn được tất cả và nghe khá rõ. Công dân Sol de Grisolles đã không gặp được một người mà anh ta đến tận khách sạn Mont-Blanc nên chờ anh này đến tận hai giờ sáng. Anh ta cũng báo trước sẽ đón bạn mình rất muộn. Tôi sẽ là người thứ ba tham dự chuyến viếng thăm ấy mà anh ta không biết.

THỢ NỀ

Tái bút - Sớm ngày mai ngài sẽ có tin thứ hai"

Sớm hôm sau, Fouché bị đánh thức bởi tin thứ hai có nội dung như sau:

"Người bạn mà công dân Sol de Grisolles đợi chính là Laurent lừng danh, hay còn gọi là Laurent bảnh trai, thủ lĩnh quân Jéhu. Sol nhận lệnh từ Cadoudal đến gặp anh này và truyền lệnh kêu gọi những cựu binh tiếp tục lời thề gia nhập chiến dịch của ông ta. Thứ bảy tuần sau, họ phải bắt đầu lại các cuộc chặn xe thu thuế Rouen đến Paris trong rừng Vernon. Những ai không vào vị trí của mình sẽ bị xử tử.

Công dân Sol de Grisolles sẽ đi Đức vào mười giờ sáng. Tôi sẽ đi cùng anh ta, chúng tôi sẽ qua Strasbourg và báo trước anh ta sẽ đến Ettenheim, nơi ở của Công tước Enghien.

Thợ Nề"

Mẩu tin thứ hai này như ánh mặt trời loé lên trên bàn cờ của Fouches. Nhờ nó, viên trưởng Bộ Cảnh sát "sáp nhập" có thể nhìn được nước cờ của Cadoudal. Viên tướng này không hề rung cây doạ khỉ khi đe doạ trả món nợ với Bonaparte. Ông ta đồng thời thiết lập lại các hoạt động của quân Jéhu vừa sai tuỳ tùng đến chỗ ở của công tước Enghien. Chắc chắn ông ta đã mệt mỏi trước những chần chừ do dự của con trai bá tước Artois và thậm chí cả bá tước Artois, những ông hoàng duy nhất Cadoudal còn liên hệ vì họ hứa không chỉ chu cấp nhân lực và tài chính mà còn cả sự bảo lãnh nhân thân hoàng gia. Tuy nhiên chẳng mấy khi họ giữ lời nên Cadoudal đành viện đến hậu duệ cuối cùng của dòng tộc nhà Condé để xem ông này có giúp gì hơn những lời cam kết và an ủi hay không.

Thế là lưới đã buông sẵn, Fouché chỉ còn nằm im chờ đợi giống như một con nhện nằm chờ ở góc mạng do mình giăng ra.

Duy chỉ có quân miền Andelys và Vemon là nhận lệnh phải luôn ở tư thế sẵn sàng.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 25
Công tước Enghien

Như đã nói ở trên, công tước Enghien sống trong một lâu đài nhỏ ở Ettenheim trong miền lãnh địa của thái công Bade, hữu ngạn sông Rhin cách Strasbourg hai mươi ki lô mét.

Đó là cháu trai của hoàng thân Condé. Hoàng thân Condé lại là con trai của hoàng tử Condé hay còn gọi là Borgne, một tước vị rất cao quý dưới thời trị vì của Đức, quận công Orléans. Chỉ duy nhất một cụ nhà Condé là người đã chia cắt nhà Condé với quận công Orléans. Chiến thắng ở Rocroi, làm sáng tỏ cái chết của vua Louis XII thắng trận Thionville hay Nordlingen đã khiến cụ được phong là nhà vĩ đại. Cụ có thể là con trai của vua Henri Đệ nhị triều Bourbon. Mong muốn có được ngai vàng đã khiến Condé trở thành người đầu tiên tố cáo hai con trai của hoàng hậu Anne d Autrice tức vua Louis XIV và quận công Orléans không phải là con trai của Vua Louis XIII, điều này kể cũng có thể là sự thật lắm chứ.

Còn về vua Henri Đệ nhị triều Bourbon mà chúng ta vừa nhắc đến đã có kết hợp với đại tộc Condé khiến tính cách của Condé cụ có lai tạp và trở thành người vừa keo kiệt lại hay tư lự.

Dù chuyện xảy ra từ thời của con trai vua Henri Đệ nhất triều Bourbon nhưng dẫu sao Condé cụ vẫn có một người cha khác. Mẹ của cụ Charlotte de la Trémouille có vụng trộm với một gã giúp việc. Sau bốn tháng vắng mặt, chồng bà đột ngột trở về. Gã kia nhanh chóng bị bắt còn người vợ lăng nhăng gần như trên con đường chết. Bà ta mời chồng tham dự vào một buổi tiệc vương giả.

Dù là mùa đông, bà ta vẫn cho lùng những hoa quả ngon nhất rồi ăn chung với chồng một quả lê. Chỉ có điều bà dùng lưỡi dao bằng vàng có tẩm thuốc độc để bổ nửa quả lê cho chồng.

Đức vua chết ngay trong đêm.

Charles Bourbon tưởng mình là người báo tin này cho Henri Đệ tứ ông ta

nói:

- Thực ra chuyện này giống như việc tiễu trừ giáo hoàng Sixte Đệ ngũ thôi.

- Đúng thế - Henri Đệ tứ đáp.

Bản án rất gay gắt chống lại Charlotte de la Trémeuille nhưng Đức vua Henri Đệ tứ đã tham gia xét xử và quẳng tất cả vào lửa. Khi mọi người hỏi lý do của hành động kỳ quặc đó, ngài trả lời:

- Thà để một thằng con hoang thừa hưởng tước danh Condé hơn là phải thấy tên tuổi danh giá ấy bị tan vào hư vô.

Và một đứa con hoang thừa hưởng tên tuổi Condé đã pha tạp vào tên tuổi ấy vài thói hư tật xấu mà một trong số đó lại là sự nổi loạn vì thế chúng tôi chỉ là những tiểu thuyết gia, nếu tôi đi sâu vào những chi tiết như thế, người ta sẽ cho rằng làm sao chúng tôi thông thái lịch sử bằng các nhà sử học, và nếu tôi cứ đưa ra những chuyện này, người ta sẽ lại nói tôi tầm thường hoá dòng tộc vua chúa.

Trở lại với công tước Enghien đó là một thanh niên ba mươi ba tuổi rất đẹp trai đã đi sống lưu vong cùng cha và bá tước Artois.

Bá tước Artois từng gia nhập đoàn tị nạn năm 1797 và suốt tám năm tuyên chiến chống lại nước Pháp. Sau khi quân đội của hoàng thân Condé bị giải tán, công tước Enghien có thể rút sang Anh như ông nội, cha và các vương tôn công tử khác nhưng vì còn vướng bận tơ lòng nên ông thích ở lại Ettenheim.

Tại đây, ông sống khá thanh đạm bởi lẽ số tài sản kếch xù bao gồm thừa kế của vua Henri Đệ tứ, tài sản của quận công Montmorency và gia sản của Louis le Borgne đã bị cách mạng tịch biên. Những người lưu vong sống quanh Offenbourg thỉnh thoảng vẫn đến thăm hỏi ông. Khi thì có đám thanh niên đến tổ chức buổi đi săn trong rừng Forêt-Noire khi thì chính hoàng thân biến mất trong vài ngày rồi lại đột ngột xuất hiện mà không ai biết ông đi đâu. Sự vắng mặt ấy nhiều lúc cũng tạo ra các tin đồn thị phi, vị thân vương chẳng bận tâm để mặc ai muốn nghĩ gì thì nghĩ chứ không hề đưa ra lời giải thích nào cả.

Một buổi sáng, có một người đàn ông xuất hiện trước nhà công tước và muốn gặp ông. Anh ta đã qua sông Rhin tại Kell, đi theo đường Offenbourg để đến đấy.

Hoàng thân đã đi vắng từ ba hôm. Người thanh niên kiên nhẫn chờ. Ngày thứ năm thì hoàng thân trở về.

Người thanh niên xưng tên và thông báo mình do ai cử đến. Dù anh không nài gặp hoàng thân ngay mà tuỳ ông tiếp lúc nào tiện lợi cũng được, tuy nhiên hoàng tước đã cho vời ngay lập tức.

Người đàn ông lạ ấy chính là Soi de Grisolles.

- Anh đến từ chỗ tướng Cadoudal tài ba đó ư? - Hoàng thân hỏi - Ta vừa đọc một tờ báo Anh đưa tin ông ấy đã rời London, đến Pháp để trả thù một kẻ làm ô danh ông ấy, sau đó ông ấy đã về London rồi.

Viên sĩ quan tuỳ tùng của Cadoudal thuật lại toàn bộ sự việc xảy ra không dám thêm bớt một chi tiết nào sau đó kể cho hoàng thân về nhiệm vụ tới gặp Tổng tài để tuyên chiến, gặp Laurent và ra lệnh tập hợp quân Jéhu chuẩn bị hoạt động trở lại.

- Anh còn điều gì muốn nói với ta phải không? - Hoàng thân trẻ tuổi hỏi.

- Dạ có thưa hoàng thân. Tôi đến để thưa với ngài rằng, mặc dù hoà ước Lunéville đã có nhưng một cuộc chiến khốc liệt chưa từng thấy sắp diễn ra để chống lại Tổng tài, tướng Pichegru đã thoả thuận với phu nhân của ngài bằng tất cả mối căm thù dồn nén bấy lâu để chống lại chính phủ Pháp từ hồi phải đi tị nạn ở Sinnaramry; tướng Moreau đang tức giận vì không được coi trọng khi thắng lợi ở Hchenlinden và mệt mỏi khi phải thấy quân đội và các tướng lĩnh sông Rhin liên tiếp xả thân cho cuộc chiến Italie, nên có thể dựa vào uy tín của ông ta thêm nữa. Chuyện này mới chỉ là tin đồn thôi nhưng tôi cũng chịu trách nhiệm nhắc ngài, thưa hoàng thân.

- Chuyện gì?

- Đó là một tổ chức xã hội bí mật đang tập hợp quân đội.

- Tổ chức những người Philadelphes?

- Ngài cũng biết nó ư?

- Ta đã nghe nói đến.

- Vậy đức ngài có biết ai là thủ lĩnh không?

- Đại tá Oudet.

- Ngài gặp ông ta rồi chứ?

- Một lần ở Strasbourg nhưng không để ông ta biết ta là ai.

- Đức ngài thấy ông ta thế nào?

- Anh ta tạo cho ta cảm giác đó là con người trẻ trung rất có chí khí cho sự nghiệp đồ sộ mà anh ta đang mơ tưởng.

- Vâng, đức ngài quả không nhầm - Soi de Grisolles nói - Oudet sinh ra trong miền núi Jura và có đủ sức mạnh thể chất cũng như tinh thần của người miền núi.

- Anh ta chỉ độ hai mươi lăm tuổi thôi.

- Bonaparte cũng chỉ hai mươi sáu tuổi khi ông ta đánh chiến dịch Italie đấy thôi.

- Anh ta bắt đầu bằng việc đứng về phe chúng ta.

- Vâng, chúng tôi biết ông ta từ hồi ở Vendée.

- Sau đó lại quay sang bọn Cộng hoà.

- Nghĩa là hồi ấy ông ta mệt mỏi khi cảnh người Pháp nồi da nấu thịt lẫn nhau.

Hoàng thân thở dài và nói:

- Ta cũng vậy, ta mệt mỏi lắm rồi.

- Thưa không bao giờ, dù đức ngài cứ tưởng đã đánh giá hết một con người không khoe khoang những thực ra đó là một người chưa có ai từng có đủ các phẩm chất đối lập và tự nhiên như thế. Ông ấy có vẻ ngây thơ của một đứa trẻ và sự dữ dội của một con sư tử vẻ lơi lả của một cô thiếu nữ đồng thời lại có vẻ quyết đoán của một người La Mã lớn tuổi. Đó là người vừa năng động lại vừa trầm tư vừa lười nhác lại mẫn cán hơn hết thảy, tính khí thay đổi rất linh hoạt lúc dịu dàng khi nghiêm khắc, lúc hiền lành khi lại khủng khiếp lúc nhu lúc cương. Tôi chỉ có thể thưa với đức ngài trước danh dự của ông ấy rằng những người như Moreau và Malet đã chấp nhận ông ấy làm thủ lĩnh và chịu sự chỉ huy của ông ấy rồi.

- Kể cả ba thủ lĩnh vừa nói?

- Oudet, Malet và Moreau Philopcemen, Manus và Fabius. Một người nữa sắp gia nhập đó là tướng Pichegru với bí danh Thémistocle.

- Ta thấy trong tổ chức ấy nhiều thành phần quá khác nhau - Hoàng thân nói.

- Nhưng họ rất mạnh. Ban đầu chúng ta sẽ lật đổ Bonaparte đã khi đã có chỗ, ta sẽ tìm được người hoặc nguyên tắc cần thiết để đặt vào vị trí đó.

- Thế các anh định lật đổ Bonaparte bằng cách nào? Ta hy vọng là không bằng một vụ mưu sát chứ?

- Không, những sẽ có trận quyết đấu.

- Anh nghĩ Bonaparte sẽ lại chấp nhận cuộc đấu? Ba mươi người chắc? - Hoàng thân nói và bật cười.

- Không, thưa Hoàng thân, nhưng chúng tôi sẽ buộc ông ta phải chấp nhận. Ít nhất mỗi tuần ông ta sẽ đến La Malmaison ba lần kèm theo một đoàn tuỳ tùng khoảng bốn đến năm mươi người. Cadoudal sẽ tấn công ông ta bằng đội quân đông tương đương và Chúa sẽ phán quyết đâu là lẽ phải.

- Như thế thì quả cũng không phải là cuộc ám sát - Hoàng thân trầm ngâm - đó là một cuộc chiến hẳn hoi.

- Nhưng để kế hoạch này thành công, tâu đức ngài, chúng tôi có sự hậu

thuẫn của một hoàng thân, can đảm và nổi tiếng như ngài đây. Các quận công Beng, Angoulême và cha của họ, bá tước Artois đã hứa hẹn với chúng tôi bao nhiêu lần thì bấy nhiên lần nuốt lời nên chúng tôi không thể trông mong gì ở họ. Chính vì thế tôi lặn lội đến đây thay mặt tất cả mọi người mời ngài về Paris để một khi Bonaparte chết, đất nước quay trở lại triều đình và có một trưởng tộc Bourbon lên ngai ngay đúng theo luật.

Hoàng thân nắm tay Sol de Grisolles mà rằng:

- Thưa ngài, tôi xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những gì các ngài dành cho tôi, tôi xin chứng tỏ, chỉ riêng ngài thôi, bằng chứng về tình cảm ấy bằng cách tiết lộ một bí mật mà không ai biết kể cả cha tôi. Với Cadoudal, Oudet, Moreau, Pichegru và Malet tôi nói rằng: "Chín năm tôi giữ chiến tuyến cũng là chín năm ngoài mạng sống luôn bị đe doạ, tôi không mảy may quan tâm, tôi ngậm đắng nuốt cay trước các thế lực cứ nói là đứng về phe chúng tôi nhưng thực chất chỉ coi chúng tôi là công cụ, là tấm bình phong. Một khi các thế lực này có được hoà bình, chúng lại quên chúng tôi ngay. Cũng chẳng sao, tôi không dai dẳng một mình trong trận chiến hoàng tộc, giống như cụ cố Condé vĩ đại ngày xưa chống lại vua nên huỷ hoại một phần vinh quang của mình. Các ông sẽ nói với tôi rằng cụ Condé chống lại vua còn tôi chống lại nước Pháp cơ mà. Xét về quan điểm mà tôi chiến đấu vì nó, cá nhân tôi, tôi không thể tán thành với nó, biết đâu lỗi của tổ tiên tôi chỉ vì cụ chỉ chống lại có một mình vua của cụ thì sao.

- Tôi đã chống lại nước Pháp, nhưng với tư cách là nhân vật thứ hai, tôi đã không tuyên chiến cũng như không tuyên bố chấm dứt chiến tranh, tôi để mặc các thế lực làm gì cũng được. Tôi đã nói với định mệnh "Ngươi gọi ta thì ta đây", bây giờ, khi hiệp ước hoà bình đã ký, tôi sẽ chẳng đổi những gì đã kết thúc.

- Đó là những lời tôi nói với họ đấy. Còn bây giờ, chỉ cho mình ngài thôi đấy. Hãy hứa với tôi ngài sẽ giữ bí mật này không nói cho bất cứ ai.

- Tôi xin thề, thưa đức ông.

- Được rồi mong ngài thứ lỗi cho sự yếu đuối của tôi nhé, tôi đang yêu.

Sol gật đầu.

- Sự yếu đuối đúng thế - Công tước lặp lại - Nhưng đồng thời đó cũng là

hạnh phúc, sự yếu đuối thôi thúc tôi mạo hiểm cái đầu của mình ba bốn lần một tháng để vượt sông Rhin đi gặp người phụ nữ tôi yêu. Người ta cứ tưởng tôi chịu xa anh em và ngay cả cha mình ở lại Đức vì lý do gì đó. Nhưng không, điều lưu luyến tôi chính là tình yêu nóng bỏng, cao thượng, khó cưỡng khiến tôi phải gắn tình yêu ấy với nghĩa vụ của mình. Người ta cứ bàn tán xem tôi đi đâu, người ta tưởng tôi đang chuẩn bị mưu phản. Than ôi! Than ôi! Tôi chỉ đang yêu, có thế thôi?

- Ôi! Thật vĩ đại và thần thánh thay thứ gọi là tình yêu vì nó đã khiến một thành viên Bourbon quên hết mọi điều kể cả nghĩa vụ của mình - Sol de Grisolles mỉm cười thì thầm - Tâu hoàng thân, xin người cứ yêu đi, yêu đi và chúc ngài hạnh phúc! Hãy tin một điều đó là sứ mệnh thật sự của đàn ông.

Sol de Grisolles đứng dậy để cáo từ.

- Ồ đừng ra đi như thế chứ? - Công tước nói.

- Tôi còn gì để làm bên ngài nữa ư?

- Anh còn phải nghe tôi nữa. Tôi chưa nói với ai về tình yêu của tôi. Ôi chao! Mối tình này làm tôi nghẹn thở mất tôi đã tin tưởng kể cho anh những như thế chưa đủ. Tôi còn phải nói về nó và còn nói nữa. Anh đã bước vào phần đời hạnh phúc và tươi vui của tôi, tôi cần phải kể cô ấy xinh đẹp thông minh và tận tình thế nào. Hãy ở lại ăn tối cùng tôi và sau đó anh có thể đi. Tôi có thể nói ít nhất hai tiếng về cô ấy. Tôi yêu cô ấy ba năm rồi thế mà không thể nói về cô ấy với bất cứ ai.

Grisolles ở lại ăn tối.

Trong suốt hai tiếng, hoàng thân chỉ nói về người đàn bà của ông, kể toàn bộ tỷ mỉ cuộc tình ấy. Ông ta cười, khóc, ôm người bạn mới, rồi mới cho anh ta đi.

Ngay tối hôm đó, sứ giả của Cadoudal sang nước Anh. Thám tử của Fouché cũng kịp gửi nhất cử nhất động của Sol về.

"Xuất phát một tiếng sau Sol de Grisolles.

Theo chân từng trạm, qua cầu Kell, ăn tối cùng phòng tại Offenburg mà không bị nghi ngờ...

Ngủ lại Offenburg.

Tiếp tục khởi hành lúc tám giờ sáng cách xe đi trước nửa tiếng.

Đến khách sạn La Croix, còn S de G đến khách sạn Rhin ét Moselle.

Vì sự hiện diện của tôi có thể gây chú ý nên tôi kím cớ đến gặp đức giáo hoàng cuối cùng của Strasbourg, ngài Rohan-Gueméné, rất nổi tiếng trong vụ Cái vòng cổ. Tôi giả vờ là dân tị nạn qua Ettenheim mà không thể không đến thăm hỏi ông ta. Vì ông ta khá ưa nịnh nên tôi giở đủ ngón tán dương đến nỗi ông phấn khởi mời tôi ở lại dùng bữa tôi. Nhân cơ hội ấy, tôi đã dò la về công tước Enghien. Vị hoàng thân này và ông ta ít khi gặp nhau nhưng trong cái thành phố chỉ có ba nghìn dân này thì ai chẳng biết người khác làm gì.

Hoàng thân là một thanh niên tuấn tú khoảng ba hai hoặc ba mươi ba tuổi, tóc vàng và thưa, rất hào hiệp, dũng cảm và phong nhã. Cuộc đời ông ta khá bí ẩn vì thỉnh thoảng ông lại biến mất mà không ai biết đi đâu. Đức Giáo hoàng đoán ông này không sang Pháp vì hai lần đã gặp trên đường Strasbourg, một lần ở Offenburg, một lần khác ở Benfeld.

Công dân S de G được công tước Enghien tiếp đón nồng hậu, giữ lại dùng bữa tôi, anh này chấp nhận và cuối cùng công tước đưa anh ta ra tận xe và ôm hôn thắm thiết.

Công dân S de G tiếp tục sang London. Anh ta khởi hành lúc mười một giờ đêm thì mười hai giờ tôi cùng bám sát.

Ngài hãy mở cho tôi một tài khoản chừng một trăm louis gửi chỗ đại sứ quán Pháp, trong trường hợp tôi buộc phải ở lại đây thì cũng không ai nghi ngờ tài khoản ấy.

Tái bút - Mong đức ngài nhớ cho rằng ngày mai quân Jéhu bắt đầu chiến dịch và sẽ phải chặn xe thuế từ Rouen trong rừng Vernon".

Nhờ những tình tiết vừa sáng tỏ trước mắt chúng ta, hy vọng các bạn hiểu được lý do gì đã khiến bá tước Sainte-Hermine phải vội vã bỏ trốn trong đám cưới như vậy.

Số là trước đây được giải ngũ được cởi bỏ lời thề do Cadoudal tự tay viết thông báo bá tước Sainte-Hermine ngỡ có thể được hành sự theo ý muốn nêu mới ngỏ lời xin cưới tiểu thư Sourdis, và cô gái đã đồng ý.

Khi Hector chuẩn bị ký vào tờ hôn ước thì hiệp sĩ Mahalin vội vã đến lâu đài, ngăn Hector đúng lúc Hector chuẩn bị cầm bút ký ở trong phòng Mahalin đã đọc lệnh của Cadoudal yêu cầu Laurent tiếp tục cầm vũ khí và lệnh tập hợp tất cả quân Jéhu của Laurent để sẵn sàng hành động.

Hector đã kêu lên đau đớn. Tất cả giàn máy chém như đổ sụp xuống hạnh phúc của anh, những giấc mơ êm ái nhất được nuôi dưỡng, kỳ vọng suốt hai tháng qua giờ đã thành mây khói.

Nếu ký vào giấy kết hôn, anh có thể mạo hiểm, vào một ngày nào đó biến tiểu thư Sourdis thành goá phụ của một người đàn ông có cái đầu lăn lông lốc dưới dàn máy chém như một tên cướp có vũ khí. Tất cả những mặt tốt đẹp về chàng hiệp sĩ sẽ biến mất trong mắt nàng. Nó không được nhìn qua lăng kính màu hồng nữa mà ngược lại qua tấm kính biến dạng khổng lồ. Chỉ chạy trốn mới cứu vãn được tình thế. Hector không lưỡng lự một giây nào nữa, anh như một chiếc ly vỡ vụn chỉ nói được một từ.

- Trốn thôi!

Rồi lao ra khỏi lâu đài cùng hiệp sĩ Mahalin.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 26
Rừng Vernon

Ngày thứ bảy sau đó, khoảng mười một giờ đêm, có hai người đàn ông cưỡi ngựa ra khỏi làng Port-Mort, đi qua Isle và Pressagny, đến con đường chạy từ Andelys đến Vemon, qua những cây cầu gỗ cũ kỹ, qua năm cối xay để đến Vemonnet và cuối cùng rẽ vào đường nôi Paris với Rouen.

Đầu cầu bên kia, chỉ cần ngoảnh mặt sang bên trái sẽ thấy cánh rừng Bizy hiện ra như một cánh cung đen sẫm. Dưới cánh cung ấy có bóng hai kỵ sĩ khác không cách xa nhau quá.
Khi hai người bạn này đi qua Pressagny cũng là lúc hai kỵ sĩ đầu tiên xuống tả ngạn sông Seine, đi từ Rolleboise và rẽ vào rừng nơi hai người kia đã biến mất. Họ như bàn bạc một lát rồi quả quyết đi vào rừng. Nhưng vừa đi được hơn chục bước đã có tiếng kêu lên "Ai đó".
- Vemon! - Hai người mới đến đáp.
- Versailles! - Hai người đến đầu tiên trả lời.
Trên một con đường xuyên cánh rừng nối Thilliers-en-Vexin với Bizy cùng lúc ấy cũng có hai kỵ sĩ nữa đến. Thông qua mật hiệu, họ gia nhập vào bốn người kia.
Sáu người đàn ông nói với nhau vài câu để nhận nhau sau đó tất cả họ đều im lặng chờ đợi.
Mười hai giờ đêm.
Mỗi người trong số họ lần lượt đếm mười hai tiếng chuông đổ xa xa. Kèm theo đó là tiếng bánh xe lăn không rõ lắm. Họ đặt tay lên cánh tay bạn mình và nói.
- Hãy nghe nhé!
- Ừ - Tất cả cùng đáp.
Họ hiểu và tiếng động ấy đã vang lên khá gần. Người ta nghe thấy tiếng nạp đạn lách cách. Đột nhiên từ khúc ngoặt xuất hiện hai ánh đèn dẫn đường cho xe thuế. Người ta không còn nghe thấy chính hơi thở của mình mà chỉ còn nhịp đập con tim rộn ràng gấp gáp như những giọt nước chảy trong động.
Chiếc xe vẫn tiến lên phía trước.
Khi nó chỉ còn cách chục bước, hai kỵ sĩ lao ra chặn đầu xe ngựa còn bốn người áp vào cửa xe và hô to:
- Quân Jéhu đây, đừng chống cự vô ích!
Chiếc xe dừng lại một lát rồi đột nhiên đạn từ hai cánh cửa bắn ra xối xả và một giọng hét lên "Nước đại" khiến cỗ xe từ mà chồm lên.
Hai lính Jéhu đã nằm lăn ra đất. Một người bị đạn xuyên từ thái dương này sang bên kia. Anh ta vô phương cứu chữa. Người thứ hai bị ngã khỏi ngựa đang cố với khẩu súng văng ra xa. Nhưng người khác thì lao vào rừng hay nhảy xuống sông và kêu la.
- Có mai phục, mạnh ai nấy chạy thôi!
Bốn cảnh sát chạy đuổi theo rồi họ xuống ngựa lao vào người vừa với được khẩu súng và sắp bắn vào đầu mình.
Người kia đã chết, chân tuột khỏi bàn đạp khiến con ngựa tự do tha hồ chạy theo toán người. Người thứ hai bị bắn vào đầu nhưng hình như không còn chút sức lực nào, anh ta thở dài rồi ngất đi; từ vết thương trên đầu chảy ra

vũng máu lênh láng. Người ta chuyển anh vào nhà lao Vemon. Khi tỉnh dậy, anh ta ngỡ mình như vừa thoát khỏi một giấc mơ.
Ánh đèn leo lét rọi sáng cho anh ta biết mình đang ở trong phòng giam. Thế là anh chàng nhớ lại tất cả gục đầu vào đôi bàn tay khóc nức nở một hồi lâu. Tiếng khóc ấy khiến cánh cửa bật mở, cai ngục bước vào hỏi anh có cần gì không. Nhưng nước mắt đang đầm mi, anh chỉ lắc đầu và nói:
- Ông có thể đưa tôi một khẩu súng để tôi bắn vỡ sọ mình hay không?
- Công dân ạ, việc đó cùng với việc thả anh là hai điều duy nhất tôi không thể đáp ứng.
- Nếu thế thì tôi chẳng cần gì nữa cả.
Rồi anh ta không nói thêm một câu nào nữa. Chín giờ sáng hôm sau, có người vào phòng giam. Anh chàng đó vẫn ngồi nguyên ở chỗ hôm qua, chỉ có điều máu từ vết thương đã đông lại, đầu ngả vào tường bằng chứng cho cả đêm hôm trước anh ta không cử động một tí nào.
Người vừa đi vào là viên biện lý và thẩm phán dự thẩm nhưng phạm nhân từ chối cung khai.
- Tôi chỉ khai với một mình ngài Fouché - Anh ta nói.
- Anh có bí mật muốn nói riêng với ông ấy?
- Đúng vậy.
- Thề danh dự chứ?
- Tôi thề danh dự.
Tin đồn ta bắt được kẻ cướp xe thuế lan ra rất nhanh và người ta hiểu tầm quan trọng của tù nhân này. Thấy biện lý không chần chừ cho gọi ngay một xe bốn chỗ, cho phạm nhân bị trói lên xe, hai cảnh sát ngồi đối diện, ông ta ngồi cạnh đó và một cảnh sát nữa ngồi gần người đánh xe. Chiếc xe lăn bánh và sau khoảng một tiếng sau, nó dừng lại trước toà nhà của công dân Fouché.
Tù nhân được đưa vào phòng chờ dưới tầng trệt. Công dân Fouché đang ở phòng làm việc. Viên biện lý để tù nhân ở lại với bốn cảnh sát rồi đi báo cho Fouché biết, năm phút sau có người ra đưa tù nhân vào.
- Anh ta được đưa vào phòng làm việc của ông nghị Fouché de Nantes.
Người ngoài vẫn không hay biết ông ta mới thật sự là bộ trưởng Bộ Cảnh sát. Dạo này, ông bắt đầu gắn cả cho mình và cái họ ấy giống như một tước hiệu quý tộc vậy.
Tù nhân chịu đau đớn suốt chặng đường, mặt khác dây trói siết vào tay làm anh ta còn đau đớn hơn nữa. Fouché đã nhận ra điều đó.
- Này công dân - ông ta nói - Nếu anh hứa với ta không tìm cách chạy trốn khi ở đây, ta sẽ cho tháo dây trói đang làm anh đau nhé.
- Đau kinh khủng - Phạm nhân nói.
Fouché rung chuông gọi phục vụ.

- Toutain, hãy cắt hay cởi cái dây kia ra cho anh ta.
- Ngài làm gì thế? - Thầy biện lý hỏi.
- Ông cũng thấy rõ rồi còn gì, tôi cho cởi trói.
- Thế nhỡ hắn tháo chạy thì sao?
- Tôi có lời hứa của anh ta rồi.
- Thế nếu hắn nuốt lời.
- Không, hắn không nuốt lời đâu.
Phạm nhân thở phào hài lòng xoay xoay hai tay bật máu, chiếc dây đã siết quá sâu.
- Bây giờ anh chịu khai chứ?
- Tôi đã nói là chỉ khai với mình ngài. Khi nào có một mình ngài tôi sẽ khai.
- Trước hết mời anh ngồi. Còn ngài, ngài biện lý, ngài nghe thấy rồi đấy, ngài yên tâm biên bản trước sau gì cũng đến tay ngài thôi. Tôi đảm bảo lòng hiếu kỳ của ngài sẽ được thoả.
Nói rồi Fouché chào ông ta. Ông này dù muốn ở lại vẫn đi ra ngay sau đó.
- Bây giờ, thưa ông Fouché…
Những Fouché đã ngắt lời phạm nhân:
- Không cần anh khai cái đó, tôi biết hết rồi.
- Ông ư?
- Anh tên là Hector de Sainte-Hermine; anh xuất thân trong một gia đình quý tộc miền Jura, cha anh bị xử trảm, anh trai cả bị bắn chết tại lâu đài Auenheim; anh trai thứ hai của anh bị chém đầu ở Bourg-en-Bresse. Sau đó, đến lượt anh tham gia đội quân Jéhu. Cadoudal đã giải ngũ cho các anh sau khi ông ta đàm đạo cùng Bonaparte. Nhờ đó anh đã xin cưới quý cô Sourdis, người mà anh yêu thương. Trong lúc ký giấy hôn ước, Tổng tài và phu nhân Bonaparte đã ký, một đồng bọn của anh đã đến truyền lệnh của Cadoudal nên anh biến mất. Người ta cho tìm anh khắp nơi mà không thấy. Hôm qua các anh định tấn công xe thuế từ Rouen đến Paris, anh bị bắt trong tình trạng mê man nằm trên con ngựa đã chết. Anh muốn nói với tôi và xin tôi cho anh chết âm thầm bằng cách bắn vào đầu. Nhưng tiếc thay, tôi không thể giúp anh được.
Hector ngỡ ngàng nhìn Fouché và thấy mình thật ngốc. Sau đó đưa mắt nhìn quanh, anh thấy trên bàn có một con dao dọc giấy nhọn anh định nhảy đến nhưng ông Fouché đã ngăn lại.
- Này, cẩn thật đấy. Anh sắp nuốt lời hứa đấy, nó không xứng đáng với một quý ông.
- Tôi có trốn đâu - Chàng trai trẻ kêu lên và cố gỡ tay Fouché ra.
- Tự sát cũng là một cách trốn.
Sainte-Hermine thả con dao rơi xuống thảm để mặt nó lăn lông lốc vài vòng. Fouché nhìn anh một lát và thấy nỗi đau đớn đạt đến cực điểm trên khuôn

mặt.
- Hãy nghe tôi - Fouché nói - có một người có thể đáp ứng điều anh mong muốn đấy.
Sainte-Hermine đứng phắt dậy.
- Ai vậy?
- Ngài Tổng tài.
- Ôi! Ông hãy xin ông ta ân huệ ấy cho tôi, cho tôi chết sau một bức tượng, không cần đọc bản án, không cần nêu tên tôi, không ai biết tôi là ai.
- Vậy thì hãy hứa chờ tôi ở đây, anh không tìm cách chạy trốn chứ?
- Tôi xin hứa! Tôi xin hứa thưa ông! Nhưng vì Chúa, hãy xin cho tôi được chết.
- Tôi sẽ cố gắng hết sức - Fouché nói kèm theo nụ cười - Anh hứa?
- Tôi thề danh dự! - Sainte-Hermine giơ tay ra thề.
Thầy biện lý vẫn chờ bên ngoài. Thấy Fouché xuất hiện, ông ta hỏi:
- Thế nào?
- Ông có thể về Vemon - Fouché đáp - Chúng tôi không cần ông nữa.
- Nhưng còn phạm nhân của tôi?
- Tôi giữ anh ta lại.
Rồi không giải thích gì thêm với vị quan toà, Fouché xuống cầu thang rất nhanh, lên xe và nói.
- Đến chỗ ngài Tổng tài.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 27
Vụ tấn công

Lũ ngựa chỉ chờ lệnh ấy bèn tung vó lao đi. Đến Tulileries, chúng tự dừng lại vì đây là điểm đỗ quen thuộc.

Bonaparte đang ở cùng phòng Joséphine, Fouché không muốn xuống vì e lại lôi kéo phụ nữ vào vấn đề chính trị. Hắn nhờ Boumerine đi báo Tổng tài lên ngay sau đó.

- Thế nào, ông Fouché. Có chuyện gì không?

- Thưa công dân Tổng tài, có rất nhiều chuyện để nói, tôi e là không làm rầy ngài chứ.

- Ông làm tốt đấy. Xem nào, ông nói đi.

Trước mặt ngài Boumerine ư? - Fouché hỏi thầm.

- Quý ông Boumerine là một người điếc, một kẻ câm, một kẻ mù. Ông cứ nói đi.

- Tôi đã cho một nhân viên lanh lợi nhất theo dõi người của Cadoudal - Fouché bắt đầu kể - Ngay đêm hôm đó, hắn đã gặp Laurent đẹp mã, thủ lĩnh quân Jéhu và ngay lập tức tổ chức này hoạt động trở lại.

- Thế sau đó?

Hắn đi Strasbourg, qua cầu Kell đi thăm công tước Enghlen ở Enenheim.

Fouché, ông không để ý đúng mức đến công tước trẻ đó rồi. Đó là người duy nhất trong gia tộc còn nghị lực để tiếp tục chiến đấu và còn kiên cường lắm; người ta báo cho tôi hắn đã vài lần đến Strasbourg. Cần phải theo dõi hắn.

- Xin ngài yên tâm, chúng ta sẽ không rời mắt khỏi hắn.

- Thế người của ta có biết họ đã làm gì, nói gì không?

- Làm gì ư? Họ ăn tối. Còn nới gì thì rất khó đoán vì họ ăn cùng nhau.

- Họ chia tay khi nào?

Khoảng mười một giờ đêm. Công dân Sol de Grisolles tiếp tục sang nước Anh. Mười hai giờ đêm, người của tôi cũng đi theo.

- Tất cả có thế thôi à?

- Không, tôi còn một chuyện quan trọng nhất muốn nói với ngài.

- Tôi nghe đây.

- Quân Jéhu đã bắt đầu hành động.

- Khi nào?

- Hôm qua. Chúng chặn một xe chở thuế ban đêm.

- Chúng lấy hết chứ?

- Không. Tôi được báo trước nên cài quân lính bên trong nên khi bị chặn trong xe đã bắn ra. Một tên bị chết, một tên khác bị bắt.

- Một kẻ mạt hạng à?

- Không ngược lại.

- Quý tộc?

- Và là quý tộc nhất.

- Hắn cung khai bí mật chứ?

- Không.

- Hắn sẽ khai?

- Tôi không nghĩ vậy.

- Ít ra cũng phải biết tên hắn chứ?

- Tôi biết.

- Hắn tên là gì?

- Hector de Sainte-Hermine.

- Cái gì? Là kẻ tôi đã ký giấy kết hôn nhưng hắn lại biến mất đúng lúc hắn phải ký sao.

Fouché gật đầu.

- Cho xử hắn đi - Bonaparte kêu to.

- Danh tiếng nước Pháp sẽ bị tổn hại.

- Thế thì cho bắn hắn sau một bức tường, một xó hàng rào hay hố nào đấy.

- Đó cũng là điều tôi thay mặt anh ta đến xin ngài.

- Thế hả! Vậy thì mong muốn của anh ta được chấp thuận rồi đấy.

- Cho phép tôi mang tin tốt này về cho anh ta?

- Hắn ở đâu?

- Ở nhà tôi?

- Sao lại ở nhà ông?

- Vâng, anh ta hứa sẽ không trốn.

- Đó là một kẻ trọng nhân phẩm chứ?

- Vâng.

- Tôi gặp hắn được chứ?

- Tuỳ ngài, thưa Tổng tài.

- Ồ không, tôi sẽ mềm lòng và lại tha cho anh ta mất.

- Trong lúc này, đó sẽ là tấm gương xấu nhất đấy ạ.

- Ông có lý. Thôi ông đi đi, ngày mai chuyện này phải kết thúc đấy.

- Đó là quyết định cuối cùng của ngài?

- Đúng thế. Chào ông.

Fouché chào lại rồi đi ra. Năm phút sau, hắn đã về nhà.

- Thế nào rồi? - Hector nắm tay vào nhau hỏi.

- Đồng ý rồi - Fouché đáp.

- Không bản án, không ồn ào?

- Tên anh sẽ không bị nhắc đến, từ lúc đó, anh không còn tồn tại với bất cứ ai.

- Tôi hy vọng điều ấy được thực hiện bằng súng chứ?

- Đúng.

- Khi nào?

- Ngày mai.

Sainte-Hermine cầm tay Fouché và bắt tay ông ta đầy biết ơn.

- Ôi! Xin cảm ơn, cảm ơn ông!

- Bây giờ thì đi thôi.

Sainte-Hermine ngoan ngoãn đi theo như đứa trẻ. Xe vẫn chờ họ ngoài sân. Fouché lên xe sau đó đến lượt Hector.

- Đến Vincennes - Fouché ra lệnh.

Nếu chàng thanh niên còn chưa tin thì từ Vincennes đã khiến anh ta yên tâm. Vincennes là nơi xử các vụ án quân sự.

Cả hai người xuống xe rồi được đưa vào pháo đài. Ông Herel, quản lý, bước đến trước mặt Fouché. Fouché nói thầm vài câu viên tổng quản gật đầu vâng dạ:

- Vĩnh biệt ngài Fouché - Sainte Hermine nói xin ngàn lần đa tạ ngài.

- Tạm biệt.

- Tạm biệt ư? - Sainte-Hermine kêu lên - Ý ông là sao?

- Thì nhờ Chúa! Ai biết cơ chứ?

Trong lúc đó, Saint-Régeant và Limoelan đã đến Paris và ngay ngày đầu đã bắt tay vào việc.

Thợ Nề theo cách gọi của Fouché - đã trở về Paris và thông báo với ông ta rằng Saint-Régeant và Limoelan đã rời London đi Paris. Đây là hai quân bài mà Georges dùng cho kế hoạch của mình nhưng kế hoạch đó vẫn chưa hoàn tất hoặc chỉ thành công khi hai quân bài này ghi điểm.

Nhưng cách thức họ tấn công Tổng tài là gì, không ai biết, thậm chí mọi người còn chưa hay biết gì về sự hiện diện bí mật của họ tại Paris.

Tổng tài không sống khép mình. Buổi tối ông thường đi bộ trên phố Duroc, ban ngày thì đi xe đến La Malmaison hoặc bốn lần trong tuần kèm theo một đoàn tuỳ tùng vài người đến các nơi, như viện Hài kịch hay nhà hát Opera.

Bonaparte không hẳn là người văn chương. Ông đánh giá tổng thể tác phẩm qua các chi tiết, ông yêu thích Corneille không phải vì thơ của ông ta mà vì tư tưởng nằm trong đó. Mỗi khi tình cờ ông đọc vài câu thơ bằng tiếng Pháp, y như rằng chỉ được vài câu. Tuy nhiên ông cũng vẫn yêu văn học lắm.

Về âm nhạc, ông chỉ coi đó là một thứ giải trí với ông, cũng như một người Italie, đó là thú vui như thú vui thể xác.

Ông bị lạc giọng nên không thể hát nổi hai câu thế nhưng ông vẫn đánh giá cao các thiên tài bậc thầy như Gluck, Beethoven, Mozart, Spontini. Tác phẩm mốt nhất thời bấy giờ là bản *La Création* của Haydn sáng tác cách đó ba năm.

Có một truyền thuyết về câu chuyện của nhà soạn nhạc bậc thầy người Hungary này. Ông ta là con trai một người thợ đóng xe bần hàn, vào mỗi chủ nhật, vẫn hành nghề chơi nhạc lưu động với cây đàn hạc cùng người vợ và cậu con sáu tuổi. Dong duổi trên một chiếc xe, họ đi từ làng này sang làng khác. Có ông thầy giáo ở Hainbourg nhận ra cậu bé có thiên bẩm về âm nhạc nên nhận về nhà dạy những kiến thức cơ bản về sáng tác và xin cho cậu một chân trong dàn đồng ca Saint-Etienne, giáo đường Vienne. Trong bảy hay tám năm, đám đông đến đi thính ngưỡng giọng nam cao quãng trên tuyệt đẹp cho đến lúc cậu bị vỡ tiếng. Chàng trai không còn nguồn sống nào khác vì giọng của cậu chỉ nuôi cậu đến đó, đành trở về làng và được một nghệ sĩ đồng thời là thợ làm tóc giả nghèo đói đón chào. Ông sung sướng nhận một người hát hay mà trước đây ông vẫn ngưỡng mộ ở nhà thờ. Để không bị chết đói, Haydn đã phải làm việc cật lực mười sáu giờ một ngày để cho ra tác phẩm Opera đầu tay "*Quỷ thọt*" được công diễn tại Carinthie.

Kể từ lúc đó, ông được cứu sống. Hoàng tử Esterhazy đã cho vời ông vào cung và giữ ông ở lại ba mươi năm. Nhưng khi hoàng tử đến, ông đã nổi tiếng rồi. Các ông hoàng đôi khi cứ muốn hiện diện bên các nhà đại nghệ sĩ song họ lại đến quá muộn.

Những người nghèo sẽ ra sao khi không có những người nghèo khác? Giờ đây, vinh quang đã đến với Haydn và như thể báo ân, ông lấy con gái người làm tóc giả giống như vì biết ơn mà Xanthippe đã thưởng Socrate một ân phúc vậy.

Tác phẩm của Haydn được công diễn ở Pháp và ngài Tổng tài đã tuyên bố trước sẽ tham dự buổi mở màn. Lúc ba giờ chiều, khi đang làm việc với Boumerine, ông nói:

- Này Boumerine, tối nay đừng ăn tối với tôi. Tôi sẽ đến nhà hát lớn cho nên không thể dẫn anh đi. Tôi sẽ đi cùng Lannes, Berthier và Launston nhưng anh cũng có thể đến đó, buổi tối là của anh mà.

Tuy nhiên, lúc ra đi, Bonaparte đã lưỡng lự mãi vì hôm đó ông có quá nhiều

việc. Sự lưỡng lự ấy kéo dài từ tám giờ đến tám giờ mười lăm phút.

Trong mười lăm phút dùng dằng ấy đã có chuyện xảy ra quanh điện Tuileries như sau:

Có hai người đàn ông đi vào phố Saint-Nicaise, một con phố hẹp mà ngày nay không còn nữa. Đó là con phố ngài Tổng tài sẽ phải đi qua. Họ dẫn một con ngựa kéo xe bò chở một thùng thuốc súng. Khi đến giữa phố, một người rút một đồng hai mươi tư xu đưa cho một cô bé để cô giữ ngựa. Người kia chạy về phía điện Tuileries sau đó đứng ở đấy ra hiệu còn người này sẵn sàng châm lửa vào ngòi nổ.

- Đúng tám giờ mười lăm, người đứng phía điện Tuileries hô "Hắn kia!" thì người bên cỗ máy châm lửa rồi chạy biến. Chiếc xe tứ mã của ngài Tổng tài kèm theo tốp lính tinh nhuệ cưỡi ngựa ra khỏi cửa điện Louvre như một cơn lốc xoáy. Vừa vào đầu con phố trên, người đánh ngựa tên là Germain, nhưng Tổng tài đặt biệt danh là César, thấy một con ngựa và một chiếc xe bò chặn ngang anh ta liền kêu lên mà không dừng lại cũng không hãm ngựa:

- Xe kia, sang phải!

Rồi anh lạng sang phía bên trái. Cô bé liền cho xe nép sang phải. Xe của ngài Tổng tài vượt qua, đoàn người cũng vụt qua nhưng mới chỉ hết con phố, sang ngả rẽ đầu tiên, họ đã nghe một tiếng nổ kinh hồn tương đương với mười quả pháo nổ cùng lúc.

- Chúng định cài pháo chúng ta. Dừng lại, César?

Chiếc xe dừng lại. Bonaparte nhảy xuống.

- Xe của vợ tôi đâu? - ông hỏi.

Thật kỳ diệu là thay vì đi thẳng ngay, bà còn lại phía sau để tranh luận với Rapp về màu một chiếc khăn bằng vải Cachemire.

Ngài Tổng tài đưa mắt nhìn xung quanh. Tất cả chỉ còn là đống đổ nát, ba ngôi nhà bị thủng toác, đều sụp xuống hoàn toàn. Quanh đó, những tiếng rên la của người bị thương vang lên, đã có vài cái xác nằm bất động. Tất cả cửa kính của điện Tuileries đều bị vỡ nát, cửa xe của ngài Tổng tài cũng bay tung ra. Phu nhân Murat sợ đến nỗi không bước tiếp được nữa và người ta

phải dìu bà trở lại lâu đài.

Bonaparte biết được không ai trong nhà ông bị thương. Vì vẫn chưa thấy xe của Joséphine xuất hiện nên chắc sẽ không sao. Ông phái hai lính về thông báo ông vẫn bình an vô sự và rằng bà chuẩn bị đến gặp ông tại nhà hát.

Sau đó, ông leo lên xe và ra lệnh:

- Đến nhà hát nhanh lên! Không được để ai nghĩ rằng tôi đã chết.

Tiếng đồn về thảm hoạ đã lan đến nhà hát lớn, người ta kháo nhau rằng quân sát nhân làm nổ một phố ở Paris, rằng ngài Tổng tài bị thương nặng, người khác lại bảo ông đã chết. Những đột nhiên, lô ghế của ông mở cửa và ông lại ngồi lên phía trước, bình tĩnh và thản nhiên như mọi khi.

Vừa thấy ông, hầu hết đều reo lên chân thành trừ những kẻ tư thù. Bonaparte đã trở thành trụ cột của nước Pháp. Tất cả đều dựa vào ông, những chiến thắng vẻ vang, hạnh phúc của cả dân tộc dân chúng ấm no, nước Pháp yên bình và cả hoà bình trên thế giới nữa.

Những tiếng reo còn rộ lên khi đến lượt Joséphine xuất hiện nhưng bà không tìm cách che giấu cảm xúc của mình, tuy tái mét và run rẩy nhưng vẫn bao trùm lên ngài Tổng tài một ánh mắt lo lắng và đầy yêu thương.

Bonaparte chỉ xem hơn mười lăm phút rồi ra lệnh trở về Tuileries hiển nhiên vội vàng muốn xả cơn giận đang phồng lên trong mình, vì hoặc đó sự thật hiển nhiên hoặc cơn thịnh nộ ảnh hưởng, mọi căm thù của ông đều nhắm vào quân Jacobin và cần trút xuống đầu chúng.

Có một điều lạ lùng là các cuộc lật đổ của triều đại này với triều đại khác ở Pháp, nhà Napoléon, nhà Bourbon nhánh cả, nhà Bourbon nhánh út và thậm chí ngay cả chính phủ hiện thời đều do bản năng tàn bạo và huỷ diệt thức đầy, đặc biệt là triều đình hủ bại của vua Louis XVI và phản quốc của Marie-Antoinette. Hình như kẻ thù của hai kẻ bất hạnh, đền tội cho lỗi của vua Louis XIV và Louis XV, đều là kẻ thù từ triều đại mới, dù chúng không liên quan hay là chi nhánh trực tiếp của chế độ cũ. Nếu đó không phải là một trong những lỗi của Bonaparte thì ít nhất sự việc này cũng xuất phát từ một trong những sai lầm của ông.

Vì vụ nổ khủng khiếp ấy đã lan khắp Paris nên phòng tiếp khách dưới tầng

trệt điện Tuileries có hướng quay ra thềm đã đầy ắp người. Người ta đến đó đọc ánh mắt của chủ nhân, vì vụ nổ kia nhằm vào ông, để xem ông sẽ buộc tội cho ai.

Mọi người không phải chờ lâu để biết chính kiến của ngài Tổng tài.

Dù đã họp một ngày dài với Fouché để bàn về bộ máy triều đình nhưng lúc này ông đã quên bẵng hắn. Bonaparte bước vào phòng vừa xúc động vừa hăng hái trái với lúc ở nhà hát lớn.

Trong lúc trở về, những dự định chống lại phải Jacobin tràn lên cổ họng và làm ông nghẹn lại.

- Thưa các quý ngài - ông vừa bước vào vừa nói - Chuyện lần này không phải do bàn tay của các quý tộc, tăng lữ, Bảo hoàng hay dân Vendée. Đó là tác phẩm của phái Jacobin, chỉ những kẻ Jacobin mới muốn ám sát tôi. Tôi biết lần này ai nhằm vào tôi và tôi sẽ không thay đổi. Đó là những kẻ tàn sát Tháng Chín những tên ác ôn vấy bùn, chúng lúc nào cũng muốn nổi loạn gây hấn chống lại xã hội và chống lại chế độ sau chúng. Cách đây chưa đầy một tháng, các vị đã thấy Ceracchi, Aréna, Topino-lebrun, Demerville định ám sát tôi. Thế đấy! Vẫn bài cũ mèm, chúng là những tên uống máu Tháng Chín, quân sát nhân ở Versailles, bọn cướp bóc ngày ba mươi mốt tháng Năm, quân mưu phản Frainal, tác giả của tất cả các vụ sát nhân chống lại chính phủ. Nếu bắt được chúng cần phải đập nát chúng để thanh lọc nước Pháp khỏi những thành phần thối nát như thế. Sẽ không có lòng từ bi cho bọn bất lương ấy. Ông Fouché đâu?

Ông dậm chân sốt ruột và nhắc lại:

- Fouché đâu?

Fouché xuất hiện, quần áo ông ta phủ đầy bụi và vôi nữa.

- Ông chui ra từ đâu thế? - Bonaparte hỏi.

- Từ chỗ tôi có nghĩa vụ phải chui ra: Những đống đổ nát - Fouché đáp.

- Được lắm. Lần này ông còn đổ cho quân triều đình nữa không?

- Thưa ngài Tổng tài, tôi chỉ đổ lỗi khi tôi biết chắc chắn tôi buộc tội ai, và

một khi tôi buộc tội xin ngài yên tâm, tôi sẽ chỉ nêu đích danh thủ phạm chính.

- Không nói, thủ phạm chính không phải là bọn Jacobin?

- Thủ phạm chính là kẻ đã gây ra án mạng. Đó là những kẻ tôi truy tìm.

- Ôi Chúa? Tìm chúng đâu có khó.

- Ngược lại, rất khó là đằng khác.

- Hay lắm! Riêng tôi biết chúng rồi, tôi không dựa vào cảnh sát của ông, tự tôi có cảnh sát của tôi. Tôi biết tác giả, tôi biết bắt chúng ở đâu và dành hình phạt làm gương như thế nào. Hẹn ông ngày mai nhé, ông Fouché, tôi sẽ chờ sự phá án của ông. Hẹn các ngài ngày mai.

Bonaparte lên phòng làm việc. Ông gặp Boumerine ở đó.

- Là anh đó ư! Anh biết chuyện gì xảy ra rồi chứ?

- Tất nhiên, vào giờ này, tất cả Paris đều biết - Boumerine đáp.

- Đúng thế, mà phải cả Paris đều biết ai là thủ phạm.

- Xin ngài cẩn thận: Ngài nêu tên thủ phạm là ai, Paris sẽ buộc tội chúng đấy.

- Ông buộc tội ai ư, lạy Chúa! Tôi chỉ vào quân Jacobin đấy.

- Ông Fouché lại không cho là như vậy. Ông ta đoán đây là vụ nổi loạn chỉ gồm hai hoặc ba. Tổng cộng có năm người là cùng.

- Fouché có lý lẽ của hắn khi không đồng tình với tôi. Fouché có việc của lão; Liệu lão có là một trong số thủ lĩnh của chúng không? Tôi không biết lão làm gì ở Léon và Loe chắc phải rồi!

- Loe và Léon đã giải thích về Fouché cho tôi. Tạm biệt Boumerine.

Rồi Bonaparte bình tĩnh hơn trở về phòng. Ông đã xả được một phần cơn giận dữ.

Trong khi đó, Fouché trở về chỗ của mình, như ông nói, là đống đổ nát. Quanh phố Saint-Nicaise, ông ta cho một đội quân bảo vệ hiện trường trận đánh phá trên bãi chiến trường, ông ta thả Thợ Nề hay còn gọi là *Victor Bốn mặt* (cảnh sát gọi anh ta như vậy vì anh này dễ dàng cải trang thành bốn dạng người khác nhau: dân thường, quý tộc, người Anh và người Đức)

Lần này anh ta không cần phải cải trang mà chỉ cần để nguyên hình dạng, vận dụng mọi khả năng quý giá trời phú để đoán ra những âm mưu bí hiểm nhất, những toan tính bí mật nhất.

Fouché thấy anh ta ngồi trên một mảng tường đổ và đang suy nghĩ.

- Thế nào rồi Thợ Nề? - Fouché hỏi.

- Thưa ngài người tôi nghĩ cần thẩm vấn người mà đánh xe nhìn thấy vì anh ta là người duy nhất có thể nhìn thấy trên phố có gì. César đã bảo tôi, chắc điều đó là sự thật.

- Anh không sợ tay đánh xe lác mắt vì sợ hay bị say chứ?

Thợ Nề lắc đầu.

Cesar là một người dũng cảm. Tên thật của anh ta là Germain nhưng Tổng tài đã đích thân đặt tên cho anh ấy là César đúng hôm ông ấy nhìn thấy một mình anh ấy hạ ba tên A Rập, giết một, bắt làm tù binh một tên khác hồi ở Ai Cập. Có thể ngài Tổng tài, vì không muốn mang ơn ai nên bảo anh ấy say chứ thực ra anh ấy không say.

- Được rồi, anh ta đã thấy gì - Fouché hỏi.

- Anh ấy đã nhìn thấy một người đàn ông chạy trốn sang phố Saint-Honoré sau khi ném sợi dây dẫn đã đốt cháy và một bé gái giữ con ngựa đã đóng vào xe chở thuốc nổ. Chắc chắn cô bé không biết trên xe có gì. Chính vì xe có thuốc nổ nên tên kia sau khi châm ngòi mới chạy như vậy.

- Cần phải tìm ra và thẩm vấn cô bé đó - Fouché nói.

- Cô ấy ư! Ngài nhìn kìa, đó là chân cô ấy đấy.

Thợ Nề nói và chỉ vào một cái chân đã lìa khỏi thân thể, đi giầy và tất màu xanh lơ.

- Còn con ngựa, có còn vài mẩu chứ?

- Chỉ còn cái đầu và khúc đuôi. Giữa trán có một ngôi sao màu trắng, ngoài ra còn vài vết cháy xém trên da, thế cũng tương đối để lần ra đầu mối.

- Còn cái xe?

- Cái xe thì cần phải chờ, tôi đã cho tìm tất cả các thanh sắt ngày mai tôi sẽ xem xét nó.

- Anh bạn, tôi giao cho anh việc này nhé.

- Vâng, nhưng chỉ mình tôi thôi.

- Tôi không dám cam đoan với đám cảnh sát của ngài Tổng tài đâu.

- Không lo, miễn là người của ngài ủng hộ.

- Người của tôi sẽ để yên nếu không có chuyện gì.

- Thế thì mọi việc sẽ ổn thôi.

- Anh khẳng định chứ?

- Khi tôi bắt đầu một việc gì, tôi phải đi đến cùng.

- Tốt lắm, vậy hãy đi tiếp đi, anh sẽ có một nghìn êcu khi chúng ta đến đích.

Fouché tôi về nhà, trong lòng chắc chắn hơn bao giờ hết rằng không phải quân Jacobin động thủ.

Ngày hôm sau, hai trăm người có liên quan đến việc chống đối cách mạng đã bị bắt. Sau khi đổi ý, Bonaparte đã chuyển họ sang Nghị viện để xét xử.

Trước lúc thả, họ lần lượt phải đi qua bốn người. Một lái ngựa, một người bán gạo, một chủ cho thuê xe và một người đóng thùng.

Nhưng không ai nhận ra trong số người tình nghi hai kẻ được coi là tham gia vụ đánh bom. Phiên xử đã diễn ra như vậy đó.

Thợ Nề, bằng trì thông minh tuyệt vời kèm theo nhận dạng của con ngựa đã soạn lại một bản báo cáo. Do đó, ngay hôm sau diễn ra sự kiện, người ta có thể đọc được trên các mặt báo và áp phích dán ở góc phố như sau:

"Cảnh sát thông báo đến tất cả các công dân rằng chiếc xe chở thùng thuốc nổ đã phát nổ lúc tám giờ mười lăm phút tôi qua trên phố Saint-Nicaise đối diện phố Male lúc ngài Tổng tài đi qua do một con ngựa cái kéo có đặc điểm như sau: bộ lông màu hồng, bờm xơ, đuôi hình chổi, mũi cóc, sườn và mông cùng màu, trên đầu có dấu, hai bên lưng có vệt trắng. Phía bên phải dưới bờm có vệt đốm trắng, quá tuổi và kích thước khoảng một mét rưỡi và bốn bộ rưỡi, béo và khoẻ, không có vệt dưới đùi hay ở cổ để chứng tỏ thuộc trạm thuê nào đó.

Những ai biết chủ con ngựa trên hay từng nhìn thấy nó chở xe kéo nào xin hãy cung cấp các thông tin cho nha cảnh sát hoặc trình bày trực tiếp hoặc gửi giấy. Ngài giám đốc nha cảnh sát sẽ có phần thưởng cho ai nhận được chủ nhân con ngựa trên. Vì lý do bảo quản, hãy đến nhận dạng phần còn lại của con ngựa càng sớm càng tốt".

Với lời thông báo trên tất cả các nhà buôn ngựa ở Paris đều đổ xô đến xem. Ngay ngày đầu, một nhà lái ngựa đã nhận ra đó là con ngựa ông ta đã bán. Ông này muốn báo cảnh sát. Người ta dẫn ông đến chỗ Thợ Nề. Ông cung cấp tên và địa chỉ người buôn gạo đã mua con ngựa ấy. Người buôn gạo cũng nhận ra phần còn lại của con ngựa và khai đã bán nó cho hai người buôn chợ phiên.

Ông buôn gạo nhớ họ khá rõ vì đã vài lần làm ăn với họ. Một người tóc nâu, người kia tóc màu hạt dẻ nhạt, một người cao lớn năm bộ bảy tấc, người kia thấp hơn khoảng ba tấc. Một người có dáng vẻ là cựu binh còn người kia giống nhà tư sản.

Ngày hôm sau nữa lại có một người chuyên cho thuê xe đến và nhận ra con ngựa vì đã cho nó ở trong kho ngựa của mình vài ngày. Ông ta miêu tả hai người đàn ông giống y hệt miêu tả trước.

Cuối cùng, có một người buôn thùng gỗ đến khai đã bán thùng và chính ông ta đóng cái đai sắt.

Điều khiến cho công việc của Thợ Nề dễ dàng hơn rất nhiều đó chính là lòng nhiệt tình của dân chúng với ngài Tổng tài mạnh đến mức các nhân chứng tự đến khai báo. Kể cả những ai nghĩ mình, một ngày nào đó chứng kiến sự vụ kinh khủng đó sẽ tự đến và chỉ có thêm tình tiết chứ không bớt.

Tuy nhiên, tất cả những cái đó chỉ đem lại một kết quả ít ỏi. Nó chỉ giúp Fouché khẳng định không ai trong đám Jacobin bị bắt kia có dính dáng đến vụ này vì bốn nhân chứng đã từng tiếp xúc với thủ phạm nói trên không nhận ra ai trong số hơn hai trăm người kia cả.

Dẫu sao sự bất đồng quan điểm giữa Fouché và Bonaparte cũng được giải quyết phần nào, đó là người ta chấp nhận thả hai trăm hai ba mươi người. Nhưng Bonaparte rất cương quyết với một trăm ba mươi người còn lại.

Chính vì thế mà đã xảy ra những điều lạ lùng trong Hội đồng Nhà nước. Một trong số người tham gia vào đó là Uỷ viên Hội đồng Réal, cựu thẩm phán tại Châtelet. Người từng bị Robespierre cách chức vì theo đường lối chủ nghĩa ôn hoà, người sáng lập tờ thời báo đối lập và tờ Đồng bào yêu nước năm 1789, đồng thời cũng là nhà biên sở nền Cộng hoà. Ông đã hợp tác Regnault de Saint-jean-d Angély và Bonaparte. Theo Réal, bọn tấn công Bonaparte là những kẻ tư thù chứ không phải là những người Bonaparte buộc tội.

- Nhưng tôi muốn động đến bọn tàn sát Tháng Chín - Bonaparte kêu to.

- Bọn tàn sát Tháng Chín ư! - Réal đáp trả - Nếu là chúng, chúng đã huỷ diệt không còn một ai. Nhưng nếu vụ này mà do bọn Tháng Chín làm thì Ngài Roederer ngày mai cũng là một kẻ tàn sát Tháng Chín ở phố Saint-Germain, Ngài Saint-Jean-d Angély cũng đánh dân nhập cư để cướp chính quyền được.

- Chẳng lẽ lại không có danh sách bọn người này ư?

- Có chứ, chắc chắn là có - ông Réal đáp - Đứng đầu danh sách là cái tên Baudrais, người này đã trở thành thẩm phán ở Guadeloupe từ năm năm nay. Tôi cũng thấy trong đó có cái tên Pâris, làm lực sự toà Cách mạng và đã chết cách đây sáu tháng.

Bonaparte quay lại phía Roederer hỏi:

- Ai lập danh sách này thế? Ở Paris vẫn còn không ít những phần tử không cải tạo được từ chế độ Babeuf là gì?

- Lạy trời, nếu thế thì tôi cũng ở trong danh sách ấy. Nếu tôi không là uỷ viên Hội đồng: Tôi đã từng bảo vệ cho Babeuf và đồng phạm của ông ta ở Vendôme đấy - Réal nói.

- Tôi thấy ông ấy đã để tình cảm riêng về vấn đề Nhà nước rồi - Bonaparte nói - Ta cần thảo luận vấn đề này một cách công minh chính trực.

Một người khác sẽ không bao giờ tha thứ cho ông Réal vì dám chứng minh ngay giữa Hội đồng Nhà nước rằng Bonaparte sai lầm. Bonaparte, người vẫn tiếp tục theo đuổi những kẻ ông thề sẽ đụng đến, ghi lại tên kẻ nào dám ngáng con đường thù và trả thù của ông.

Sáu tháng sau, Réal bị giáng xuống thành trợ lý cho Tổng bộ Cảnh sát.

- Nhưng Turenne mới thiêu cháy Palatinat cơ mà - Người ta nói với Bonaparte.

- Thế thì quan trọng gì, nếu điều ấy cần thiết cho số mệnh của anh ta.

Và điều cần thiết cho số mệnh của Bonaparte chính là một trăm ba mươi tên Jacobin kia phải được kết án. Ông đâu có quan tâm chúng có thật sự là thủ phạm hay không.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 28
Những thủ phạm thật sự

Như vậy, khi Bonaparte nhân cuộc tấn công này để buộc tội thủ phạm, những kẻ còn giấu mặt tức là ông muốn quy án cho một trăm ba mươi tên Jacobin, khi ông buộc tội oan cho họ vì lòng căm thù tức là ông đã phải nhớ lại cuộc bạo loạn trước đó do Aréna, Topino-Lebrun, Ceracchi và Demerville cầm đầu. Bốn thủ lĩnh này tuy đã bị bắt giam nhưng vẫn chưa được xét xử thì lại xảy ra vụ mưu sát.

Là người muốn công việc của mình phải thông suốt, ông cần thanh toán kẻ từng phạm tội, bản án trước đó phải được thực thi và những thủ phạm của ngày hôm qua phải được xét xử trong dư luận của vụ bạo loạn tiếp tục sau.

Về phần Fouché, khi ông ta đã chắc chắn có trong tay thủ phạm thật sự, nhờ báo cáo của nhân viên, ông ta vẫn đến xin ý kiến bắt giam và chờ xem Bonaparte có chỉ thị gì hay phải lưu ý gì không. Là người nắm giữ luật bắt bớ, là người đại diện của cuộc cách mạng mới diễn ra trên nước Pháp giữa những lời nguyền rủa mù quáng của dân chúng, ngài Tổng tài chỉ đáp gọn:

- Hãy lôi ra cho tôi tất cả những con mụ đàng điếm, những đứa con gái hư hỏng làm ô uế quanh điện Tuileries.

Quả thật, ông đã nhận ra rằng đám đàn bà và các xó xỉnh nhơ nhớp của chúng có mặt không chỉ trong hầu hết các cuộc bạo loạn mà trong tất cả các vụ án mạng. Chỉ có điều qua vài từ ngắn gọn với Fouché, ngài Tổng tài tỏ ý muốn đề cập đến vấn đề làm đẹp Paris hơn là sự an toàn cá nhân ông.

- Nhưng vì Chúa - Fouché thốt lên và sở dụng câu cửa miệng mỗi lần xin ai làm gì. - Ngài hãy nghĩ đến an toàn bản thân hơn nữa chứ?

Công dân Fouché - Bonaparte cười nói - Có phải thỉnh thoảng ông cũng tin vào Chúa không? Ông làm tôi ngạc nhiên đấy.

- Nếu tôi không tin vào Chúa - Fouché sốt sắng nói - Ngài bảo tôi phải tin vào quỷ chắc? Thế thì được thôi! Nhân danh quỷ dữ, vài ngày tới, tôi hy

vọng sẽ gửi linh hồn bọn phiến loạn cho quỷ đói còn ngài, hãy nghĩ đến sự an toàn của mình đi!

Ngài Tổng tài đáp lại bằng giọng vô tư quen thuộc.

- Thế ông nghĩ lấy mạng tôi dễ lắm à? Tôi không có thói quen cố định nào cả, không có giờ giấc vạch trước, mọi hoạt động của tôi đều bất ngờ, tôi đi đâu hay đi về đều rất ngẫu hứng, về ăn uống cũng vậy, không có đồ ăn cố định, khi món này khi lại món khác ở xa ngoài tay với. Không có hệ thống nào hết, tất cả tuỳ vào sở thích của tôi và tôi làm chúng rất ngẫu hứng. Còn bây giờ, hỡi ông bạn thân mến, vì ông là người khôn khéo, vì lần này lại ông là người tìm ra thủ phạm, mười lăm ngày sau dịp chúng bỏ lỡ cơ hội giết tôi, ông hãy chuẩn bị để bảo vệ tôi, đó sẽ là nhiệm vụ của ông.

Vì Fouché không thể tin không có tính toán nào trong việc đó nên Bonaparte nói tiếp:

- Đừng cho rằng vẻ vô tư lự của tôi dựa trên sự cuồng tín mù quáng, càng không phải tôi quá tin vào năng lực cảnh sát các ông. Một âm mưu ám sát sắp được thực hiện, nếu không biết gì về các chi tiết thì cơ may thành công càng ít, không thể đoán mò cách thức thực hiện của chúng được. Vì nó quá mơ hồ cho tính lạc quan tuyệt đối hoá của tôi. Chỉ trong trường hợp khó khăn thật sự tôi mới tìm thấy sự anh minh sáng láng thôi, còn làm sao báo trước một kẻ rình mò nào đấy, một cú đâm trong hành lang Nhà hát lớn, một phát đạn từ cửa sổ nào đó hay một vụ nổ trong góc phố? Cần phải lo tính mọi lúc, mọi nơi, sợ hãi là vô ích? Nghi ngờ tất cả ở khắp nơi là không thể được! Không phải lúc nào tôi cũng cảm thấy nguy hiểm mà chạy cho kịp. Sự nguy hiểm ấy, tôi biết nhưng tôi quên nó đi và khi quên nó tôi tự vượt lên chính mình khỏi phải quay lại nghĩ đến nó nữa. Tôi có quyền có suy nghĩ của mình hoặc ít ra cũng bắt chúng dừng lại theo tình cảm và hành động của tôi; cái gì tôi đã xác định một khi ra khỏi khả năng của mình thì tôi không mảy may quan tâm nữa, tất cả những gì tôi yêu cầu ở ông đó là đừng lấy đi sự bình thản của tôi vì đó là sức mạnh của tôi.

Vì Fouché còn nằn nì yêu cầu ông chấp nhận vài dự phòng, Bonaparte nói:

- Thôi nào, ông hãy về đi, cứ bắt người mà ông cho là thủ phạm ấy, cứ lập cáo trạng, cứ treo cổ, bắn chết hay chặt đầu chúng, không phải vì chúng đã muốn giết tôi mà vì chúng là bọn vụng về, đã không giết được tôi lại còn làm chết mười hai dân thường và khiến sáu mươi người khác bị thương.

Fouché nhận rõ trong tình trạng tâm lý của Bonaparte như vậy hắn có làm gì cũng vô ích nên về nhà và gặp Thợ Nề đang chờ mình.

Chàng trai này, bằng sự nhanh nhạy, tự tin đã tìm được thủ phạm gây nổ, đó chính là ba tên Bảo hoàng đến Paris để ám sát ngài Tổng tài. Ba tên này bị cảnh sát tình nghi vì sau vụ nổ chúng bặt tăm. Nếu không sợ chắc chúng đã lộ diện rồi. Thợ Nề biết tên chúng là Limoelan, Saint-Régeant và Carbon.

Với Limoelan và Saint-Régeant, anh ta không tìm được dấu vết nào nhưng anh đã phát hiện trong khu phố Saint-Marcel có bà chị gái của Carbon đang sống cùng hai cô con gái. Thợ Nề hay là Linousin đến thuê một phòng cùng dãy rồi giam mình trong đó rên la cho đến đêm thứ ba ra vẻ kiệt sức, anh ta lết đến cửa nhà họ rung chuông rồi thả mình khuỵu xuống tường. Một trong số các cô con gái chạy ra và bắt gặp Limousin kiệt sức, gần như không nói nổi, cô hét lên:

- Ối mẹ ơi! Là ông hàng xóm đáng thương đã kêu rên suốt cả ngày.

Bà mẹ chạy ra xốc anh ta vào hỏi xem ba mẹ con họ, dù nghèo khổ có, thể giúp gì được cho anh không.

- Tôi chết đói mất - Limousin trả lời - Ba ngày qua tôi không ăn uống gì cả. Tôi cũng không dám xuống phố vì đầy cảnh sát chúng ở đó để rình bắt tôi, tôi chắc như vậy.

Bà chị Carbon cho anh uống một ly rượu vang, cho anh ăn một mẩu bánh mì. Anh ngấu nghiến như thể suốt ba ngày qua chưa ăn gì vậy. Sau đó, bà chị của Carbon sợ cảnh sát có thể ập đến vì họ là chị và cháu gái của Carbon nên hỏi anh đã làm gì.

Thế là Thợ Nề giả vờ nhượng bộ, giả vờ thú nhận mình do Gerges Cadoudal phái đến Paris để liên lạc với Saint-Régeant và Limoelan. Nhưng vừa đến Paris thì hôm sau xảy ra vụ tấn công trên phố Saint-Nicaise, anh không thể dò hỏi được ai về họ. Điều này thật không hay vì anh đang có cách chắc chắn đưa họ sang Anh.

Ba mẹ con ban đầu chưa tin ngay, nhưng họ vẫn cho anh bánh mì, một chai

rượu vang và hứa sẽ mua cho anh thực phẩm chừng nào anh còn sống ở đấy nhưng với điều kiện anh phải đưa tiền vì họ cũng rất khó khăn.

Ngày thứ hai, anh khai thác được Carbon chính em trai bà chủ và đã náu tại đây đến tận ngày 7 Nivose.

Bà kể có một cô gái tên là Cicé, là người tâm phúc của Limoelan đến tìm Carbon đã dẫn anh vào một giáo đoàn với tư cách là một linh mục vì anh ta không có giấy phép trở về Pháp.

Anh ta đã trú ngụ một cách an toàn tại nhà chị gái. Người chị này lại rất biết ơn ngài Tổng tài về những gì ông vừa làm cho tôn giáo và ngày nào cũng cầu kinh cho ông sống mãi, bài kinh mà Carbon cũng tham dự.

Ngoài ra, người chị này cũng biết rõ cuộc tấn công bằng thuốc nổ. Bà chỉ cho Limousin mười hai hộp thuốc nổ dùng để nhồi vào thùng. Hộp thuốc cuối vẫn còn khoảng mười bốn livre.

Limousin nhận ra đó là loại thuốc của Anh chất lượng hảo hạng, cái hộp khác đã bị đập nát thành củi nhóm lò. Có hôm Limoelan đã bảo:

- Chị lấy nó đốt à, loại củi đắt tiền đấy!

Người phụ nữ còn chỉ cho Limousin hai chiếc áo khoác của Limoelan và Carbon. Không biết chiếc áo của Saint-Régeant ra sao.

Vấn đề chỉ còn tìm xem Carbon đang ở nhà thờ nào. Chính ba mẹ con họ cũng không biết địa chỉ, nhưng anh chàng Bảo hoàng giả mạo nài nỉ rằng anh phải trốn cùng Carbon nên họ mới hứa sẽ cho anh biết địa chỉ vào ngày hôm sau.

Quả thật như vậy, vì người chị quen biết cô Cicé nên đã chạy đến nhà cô ta hỏi mọi thông tin cần thiết.

Vì buổi lễ cầu cho ngài Tổng tài có rất đông người nên Thợ Nề vào nhà thờ cùng hai thày đội. Tại một góc điện thờ, anh thấy một thầy tu và đó chỉ có thể là Carbon Anh chờ cho nhà thờ vắng vẻ mới lại gần Carbon, bắt giữ anh ta lẹ đến mức anh này không thể chống cự, cũng không nghĩ mình bị lộ.

Sau khi bị bắt, Carbon khai hết, đó là hy vọng duy nhất của anh ta. Hắn cũng

khai chỗ ở của Saint-Régeant. Tên này đang ngụ tại một ngôi nhà trên phố Bac. Khi Saint-Régeant bị bắt, biết đồng bọn đã khai, hắn không chống cự nữa mà khai toàn bộ sự thật như sau:

"Tất cả những gì cảnh sát Victor đã nói về việc mua ngựa, thuê xe tại nhà ông bán gạo, mua thùng, siết đai sắt đều là sự thật. Chúng tôi chỉ còn chờ ngày và cuối cùng đã chọn buổi tối ngài Tổng tài đến Nhà hát lớn xem vở La Création.

Chúng tôi biết ông ấy sẽ đi qua phố Saint-Nicaise, một trong những phố hẹp nhất nên đã quyết định đặt thuốc nổ ở đó. Chắc chắn tám giờ mười lăm xe của ông ấy sẽ đi qua do đó tám giờ tôi đã đẩy xe đến nơi, Carbon và Limoelan đứng canh ở hai cổng của điện Louvre để ra hiệu. Năm phút sau vẫn chưa thấy tín hiệu nào, tôi rời khỏi cái xe, thuê một cô bé nông dân giữ ngựa và đưa cho cô bé hai mươi tư xu, sau đó tôi đi ngược con phố lại gần điện Tuileries.

Đột nhiên tôi nghe giọng của Limoelan la lên "Hắn kia!" đồng thời có tiếng đoàn người ngựa đang lao đến. Tôi chạy lại xe vừa tự nhủ: "Lạy Chúa, nếu Bonaparte cần thiết cho sự bình yên của nước Pháp, người hãy chuyển vụ nổ sang đầu con" rồi tôi kêu lên với cô bé: "Chạy đi, chạy đi trốn ngay!". Tôi châm ngòi nối với thùng thuốc.

Đoàn người và ngựa đã đến chỗ tôi. Con ngựa của một người lính hất tôi ngã văng vào một ngôi nhà, tôi bật dậy và chạy về phía điện Louvre nhưng chỉ được vài bước. Điều cuối cùng tôi còn nhớ được là khi quay lại, tôi thấy sợi dây cháy sáng lẹt xẹt và bóng cô bé đứng cạnh cái xe, còn lại tôi không nhìn, không nghe, không cảm thấy gì hết.

Không hiểu tại sao tôi được chở đến cổng Louvre. Tôi bị mê man bao lâu? Tôi không biết, làn gió mát khiến tôi tỉnh dần, bấy giờ tôi nhận ra hết, nhớ lại tất cả nhưng có hai điều khiến tôi rất ngạc nhiên: thứ nhất là tôi vẫn còn sống và thứ hai, còn sống mà vẫn không bị bắt. Máu trào ra từ mũi và miệng, chắc người ta tưởng tôi cũng bị thương như các nạn nhân khác, như những người qua đường vô tội chứ không phải tác giả vụ nổ khủng khiếp ấy. Tôi vội vã chạy ra cầu, ném cái túi đựng áo xuống sông. Tôi không biết đi về đâu bởi lẽ tôi cứ nghĩ mình sẽ tan tác thành trăm mảnh nên thậm chí không tính đến chuyện kiếm chỗ ở trong trường hợp sống sót. Tôi gặp Limoelan ở

nhà (chúng tôi trọ cùng nhau). Vừa thấy tôi tơi tả anh ấy đã vội đi tìm cha xứ và một bác sĩ. Vì cha cố là chủ của anh ấy, ông Picot de Closrivière còn vị bác sĩ còn trẻ là bạn của anh ấy. Chúng tôi biết kế hoạch đã thất bại.

"Tôi đã không muốn dùng dây dẫn mà - Limoelan nói - Giá như anh nhường chỗ ấy cho tôi như tôi yêu cầu thì tôi đã dùng củi đốt nó. Tôi biết mình sẽ tan tành xác pháo, nhưng tôi sẽ giết được Bonaparte".

***

Trên đây là tất cả lời khai của Saint-Régeant và thật ra đó cũng là tất cả những điều người ta cần biết.

Hổ thẹn về sự thất bại của mình bởi lẽ điều kiện dành cho một kẻ mưu sát chính trị là được ăn cả ngã về không nên Limoelan không chỉ không quay về với Georges mà còn không đặt chân về Anh nữa. Kẻ sùng đạo cũng giống như người tự trọng, kẻ sùng đạo thì chỉ thấy ý Chúa trong mỗi hành động của mình còn kẻ tự trọng lại không muốn bị người khác chỉ trích, chính vì vậy mà anh ta lên tàu bỏ đi đảo Saint-Malo.

Người ta chỉ thông báo qua quýt là anh ta đã ra nước ngoài và rút khỏi thế giới, người cùng phe cũng không biết anh ta ra sao.

Nhưng Fouché lại không rời mắt khỏi người này và từ lâu ông ta vẫn chú ý đến một tu viện ở xa. Anh ta chỉ liên lạc với cô em gái, trên mỗi lá thư, vì sợ sẽ rơi vào tay quân Anh nên Limoelan để lại đôi dòng mà Desmarets, cảnh sát trưởng, đọc được như sau:

"Ôi những người Anh. Xin hãy để lá thư này qua… nó là của một người đàn ông phải chịu nhiều cơ cực vì chính mục đích của các vị".

Còn hai quân triều đình khác có dính dáng đến vụ này nhưng không được nhắc đến trong lời khai. Họ là Joyaut và Lahaye Saint-Hilaire. Họ đã trốn như Limoelan khi chính phủ có động thái nhằm vào quân Jacobin và đi thông báo cho Georges Cadoudal ở bên nước Anh rằng một âm mưu nữa lại vừa thất bại.

Saint-Régeant và Carbon bị kết án tử hình. Mặc dù đã thành khẩn khai báo

và giúp cảnh sát bắt tòng phạm nhưng Carbon cũng không được hưởng khoan hồng. Khi người ta trình cáo trạng lên Bonaparte, ông tỏ ra đã hoàn toàn quên chuyện ấy và chỉ nói gọn:

- Vì bản án đã đưa ra rồi thì cứ thực hiện thôi, điều ấy liên quan gì đến tôi.

Ngày 21 tháng Tư, Carbon và Saint-Régeant bị đưa lên máy chém, nơi vẫn chưa khô máu của Aréna và ba tòng phạm của hắn.

Chúng tôi đã gắng công vô ích khi tìm một vài chi tiết về cái chết của hai người này nhưng có lẽ chính phủ muốn rằng không cần phải bận tâm đến cái chết của hai kẻ bất hạnh ấy. Bình luận về cái chết ấy, trên tờ *Le Moniteur* chỉ đăng một dòng. Ngày ấy giờ ấy Carbon và Saint-Régeant đã bị hành quyết.

Ngày hôm sau vụ xử án, Thợ Nề đi London với nhiệm vụ bí mật.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 29
Vua Louis de Parme

Khi sự tồn tại của một con người có ảnh hưởng tột đỉnh đối với quyền lợi, danh dự và số phận của một quốc gia, khi mọi tư tưởng tập trung vào sự thành công hay thất bại của một vận mệnh tối thượng, thì dù là bạn hay thù người ta đều phải đối mặt với nhau để nhận ra những gì mà họ được, mất từ lòng tận trung, từ lòng thù hận mà họ đã dành cho con người đầy thành đạt đó. Đó là thời điểm của những điềm báo, những dự đoán. Ngay cả các giấc mơ cũng có những ảnh hưởng thầm kín và mọi người đều sẵn sàng bước vào một xứ sở tương lai lạ lẫm. Thế là, có người, hoặc do sự nhút nhát bẩm sinh, hoặc do cái nhìn luôn bi quan nên luôn luôn trong tình trạng báo động trong những dự cảm phi lý hoặc lúc nào cũng phấp phỏng về mối hiểm hoạ tưởng tượng: Ngược lại, những người khác lại nhìn thế giới theo quan điểm của mình nghĩa là mọi việc đều dễ dàng, suông sẻ và đầy sự mù quáng của César hay Bonaparte đến mục đích mà họ muốn, không hề bận tâm đến những nguy hiểm ẩn náu trong khi một thế lực khác thế lực đã sụp đổ, giờ lại đang vùng dậy chống lại con người thiên tài này. Chúng xả sự giận dữ qua những lời cầu nguyện ám muội, những bài đả kích đe doạ kèm theo những lời hứa chết chóc.

Giữa những bộn bề lo toan của thời điểm tồi tệ và ngay cả giữa chính những lo lắng ấy đôi khi cũng nảy ra ý định ám muội, những suy nghĩ yếu và tối tăm. Đó là một định mệnh mà có lẽ người ta chỉ thoát khỏi nó bằng cái chết của chính kẻ tạo ra nó.

Tình cảnh đó cũng giống như César khi ông muốn xưng vua, là hoàn cảnh của Henri Đệ tứ khi quyết định theo đuổi vụ Marie de Médicis và Concino Concini và cũng là của Bonaparte sau cuộc bạo động ngày 18 Brumaire, bập bềnh giữa Auguste và Washington.

Và như vậy con người thiên định đó như đã được ngã giá, con người đó tận tuỵ phục vụ cho sự yên ổn của nền Cộng hoà, và chính con người đó sẵn sàng hứng chịu mũi dao của Brutus hay nhát chém của Ravaillac để lật đổ các chướng ngại vật đang ngăn cản tham vọng, hy vọng của ông.

Và kỳ thực tất cả những năm đầu của chế độ Tổng tài chỉ là một chuỗi những mưu toan chống lại ngài Tổng tài. Đó là kẻ thù từ cuộc bạo loạn ngày 13 Vendémiaire, ngày 18 Fructidor, ngày 18 Brumaire, quân triều đình, quân Cộng hoà, đồng đảng Jéhu, dân Vendée và quân Bảo hoàng tấn công ban đêm, trong rừng, trên đường cái quan, trong các quán cà phê, trong các phòng kịch.

Bị kích động sau ngày Saint-Cloud, chuỗi ngày hoạt động chính trị của Bonaparte lúc nào cũng đặt ở tình trạng báo động, báo động do lá thư của Louis XVIII triều đình và quân Cộng hoà tức quân Trắng và quân Xanh là hai đảng phái chính trị thật sự còn tồn tại trên đất Pháp đều rộ lên những tiếng gào thét trả thù và giết chóc.

"Làm sao mà các ông muốn tôi không mưu phản cho được? - Aréna đã nói như thế trước các quan toà - Tất cả mọi người đều mưu phản vào một giờ nào đó. Người ta mưu phản trên các con phố, trong phòng khách, ngã tư hay ngay trên những quảng trường công cộng".

"Không khó săn mùi dao găm!" Chính Fouché cũng nói như vậy để miêu tả những kẻ phiến loạn ấy đồng thời cố gắng kéo Bonaparte đồng tình với mình về tình hình nguy hiểm của ngài Tổng tài.

Tất cả chúng ta đều đã biết các chi tiết trong cuộc chiến tranh kinh hoàng ở miền Vendée và Bretagne, một cuộc phản loạn của miền rừng chống lại thành phố qua đó đã gắn với các tên tuổi như La Roche Jacquelein, nhà Bonchamps, nhà Elbée, nhà Charette và Lescure.

Chúng ta hẳn còn nhớ các chi tiết về cuộc mưu phản của quân Jéhu, tấn công ngay giữa đường cái để rồi Valensolles, Jahiat, Rihier và Sainte-Hermine ngã gục trước mắt chúng ta, đó là chúng tôi còn chưa nói đến các vụ trên phố mà Metge, Veycer và Chevalier đã bị Uỷ ban quân sự kết án và xử bắn.

Tôi cũng đã kể vài dòng về vụ mưu phản Nhà hát do Topino-Lebrun, Demerville, Ceracchi và Aréna cầm đầu.

Sau đó là vụ đặt bom trên phố Saint-Nicaise, cuộc mưu phản do Limoelan, Carbon và Saint-Régeant thực hiện.

Và chúng ta sẽ lại sắp thấy dưới đây mưu đồ phản loạn của Pichegru, Cadoudal và Moreau.

Nhất là khi người ta thấy mọi chuyện bắt đầu được củng cố như hiệp ước hoà bình Lunéville với nước Áo, kéo theo hoà ước Amiens với nước Anh, khi người ta thấy François Đệ nhất, người đại diện cho phản ứng chính trị châu Âu, lại được khôi phục dưới con mắt của dân chúng Italie; khi người ta lại thấy vua Georges Đệ tam nước Anh đành chịu để ba bông huệ nước Pháp trên huy hiệu vua Henri Đệ ngũ; khi người ta lại thấy Ferdinand de Naples đóng cửa cảng với nước Anh; khi người ta thấy Bonaparte nghiêm túc đến Tuileries cùng vợ của mình với danh hiệu chỉ còn dưới tước hiệu nữ hoàng và thậm chí còn vượt xa các công chúa, khi Joséphine có bốn tì nữ đi kèm và bốn cận vệ cung điện, khi người ta thấy bà tiếp khách trong các phòng sang trọng gồm đủ những bộ trưởng, ngoại giao đoàn, các quan khách nước ngoài đức cao vọng trọng; khi trước cả bộ trưởng Bộ ngoại giao bà tiếp các đại sứ từ các quốc gia hùng mạnh nhất châu Âu mà hoà bình kéo họ đến Paris; khi người ta thấy cửa phòng làm việc của ngài Tổng tài mở ra, ông chỉ nhấc mũ trong khi các đại sứ quyền lực nhất đều phải nghiêng mình cúi chào ông; khi người ta thấy buổi lễ kỷ niệm ngày 18 Brumaire trở thành buổi lễ kỷ niệm Hoà bình; khi người ta thấy hai nghị viện đã đặt ngoài can thiệp của Giáo hoàng đại sứ của Chúa, và khi ông đối xử với giáo chủ như với các đại sứ từ các vương triều trên mặt đất khác; khi người ta thấy các nhà thờ lại mở cửa,

lại vang bài Te Deum ở nhà thờ Đức Bà; khi người ta thấy Chateaubriand, người trước đây thấy Chúa bị đi đầy khỏi nước Pháp dưới bóng những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ và trong thác Niagara, lại xuất hiện "Thiên tài của Đạo Cơ đốc" ngay chính ở thủ đô này, nơi mà cách đây năm năm, ông thừa nhận và ăn mừng với Robespierre, thực thể tối cao và ra sắc luật thờ cúng vị thần Lý trí; khi người ta thấy Roma chịu thương lượng với phe Cách mạng và đức Giáo hoàng đưa tay ra ký hiệp ước gạt bỏ mình ra khỏi các tỉnh lỵ; cuối cùng, khi người ta thấy kẻ chiến thắng các trận Montebello, Rivoli, các Kim Tự Tháp, Marengo mang lại lợi ích cho hai viện lập pháp, hoà bình trên mặt đất bằng hiệp ước Lunéville, hoà bình trên biển với hiệp ước Amiens, trên không với Concordat (bãi bỏ tất cả các hành vi bài đạo) một đạo luật tuyệt vời, khi người ta thấy nó thì người ta tiếp nhận chế độ Tổng tài như một vương miện! Khi người ta thấy nước Anh không còn gì để hy vọng người ta lại có thể hy vọng rằng nhà độc tài này sẽ khôn ngoan trong tương lai cũng như đã từng vĩ đại trọng quá khứ, sẽ hội đủ những điểm đối lập mà Chúa không bao giờ tụ hội nhưng đức tính ấy trong một con người, sức mạnh của một thiên tài của các thủ lĩnh vĩ đại, sự nhẫn nại làm nên vận mệnh và vinh quang của các nhà sáng lập đếch, khi người ta có thể hy vọng rằng người đàn ông này, sau khi đưa nước Pháp trở nên hùng mạnh, sau khi lấp đầy vinh quang cho nó, sau khi đưa nó thành quốc gia đồng đầu, ông sẽ chuẩn bị cho nó quyền tự do và thái bình, nước Anh sẽ kinh ngạc nhận ra Pháp sẽ là quốc gia chặn mình trong cuộc chạy đua mới với Washington.

Nhưng trước hết đã có ruột cơ hội bất ngờ giúp ngài Tổng tài mang đến sự kinh ngạc và nghi ngại hơn nữa cho châu Âu. Được vua Tây Ban Nha giúp đỡ trong cuộc chiến chống Bồ Đào Nha, ông đã hứa cho hoàng tử Parme làm quốc vương xứ Etrurie.(Xứ Ý)

Hoà ước Lunéville đã thừa nhận lời hứa đó hoàng tử Parme, được chỉ định trị vì miền Toscane, vừa đến biên giới dải Pyrénées và chờ mệnh lệnh của ngài Tổng tài Bonaparte rất muốn cho họ xem nước Pháp, cho họ qua Paris trước khi họ đến Toscane chiếm lại ngai vàng xứ Florence của họ. Tất cả những người phản đối đều cười nhạo tư tưởng của ngài Tổng tài, họ cho rằng ông bây giờ cứ tưởng mình muốn gì được nấy. Thực ra ông rất thích cảnh ấy vừa cổ xưa lại xứng với những ngày vinh quang ở Rome, một ông vua do nền Cộng hoà phong tước. Ông thích chứng tỏ rằng mình không sợ gì hết ngay cả khi có sự xuất hiện nhà Bourbon trên đất Pháp. Phải thừa nhận rằng vinh quang của ông đã đặt ông lên tầm cao trội hẳn so với tất tả các dòng tộc trước đây, ông không chiếm ngai vàng của họ mà chỉ lấy vị trí của họ mà thôi.

Đây cũng là cơ hội lớn đầu tiên giúp ông chứng minh Paris đã lành khỏi tất cả những vết thương trong giai đoạn cách mạng, một chế độ Tổng tài cũng cho thấy sự giàu sang mà ít vua chúa nào cùng thời có thể sánh kịp. Chiến tranh làm nước Pháp lụi tàn nhưng nó đã lại vực dậy và giàu có.

Bonaparte gọi hai đồng minh đến. Cả ba thảo luận rất lâu về buổi lễ diễn ra trong sự chứng kiến của vua và hoàng hậu Etrurie. Họ đã thoả thuận trước hết họ sẽ giữ bí mật và sẽ đón tiếp ông bà hoàng với tư cách là vợ chồng bá tước Livourne. Với danh hiệu này, họ sẽ được đối xử giống như Sa hoàng Paul nước Nga và Joseph Đệ nhị dưới thời vua Louis XVI. Mệnh lệnh đã được ban ra trên khắp đường phố, đến các chính quyền dân sự và quân sự các tỉnh. Trong khi nước Pháp, tự hào được phong vua và sung sướng hơn nữa vì trong nước mình không ai làm vua, để hai vợ chồng hoàng tộc đi qua và vỗ tay hoan nghênh họ thì cả châu Âu ngỡ ngàng nhìn nước Pháp.

Trong nhà hát kịch Bordeaux, người theo triều đình tận dụng sự có mặt của hai người trẻ tuổi để thử phản ứng công chúng hô to: "Đức vua vạn tuế!" Thì lập tức tiếng la hét ầm ầm từ khắp khán phòng đáp lại "Đả đảo các ông vua!"

Hai hoàng thân trẻ đến Paris vào tháng Sáu, họ sẽ ở lại sáu tuần. Người ta nhận thấy Bonaparte, dù ở cương vị Tổng tài, tức là chỉ một vị quan chấp chính đương thời của nền Cộng hoà nhưng lại đại diện cho cả nước Pháp. Trước một con người đầy uy lực như vậy tất cả những ân sủng dành cho giới Bảo hoàng hầu như không còn nữa. Ngay cả hai vợ chồng hoàng thân trẻ tuổi này cũng chủ động đến thăm ông.

Ông sẽ thăm lại họ vào ngày hôm sau.

Chính nhà hát lớn là nơi ngài Tổng tài giới thiệu khách của mình với công chúng Paris. Nhưng đến ngày ấn định, Bonaparte, hoặc có tính toán hoặc bị mệt thật đã không xuất hiện được. Cambacères thay ông dẫn ông hoàng con đến nới. Bước vào lô dành cho ngài Tổng tài, ông nắm tay Bá tước Livourne và giới thiệu với mọi người trong tiếng nồng nhiệt hoan hô có thể là thật lòng.

Sự vắng mặt của ngài Tổng tài khiến người ta đưa ra không biết cơ man nào là giả thiết và cũng biểu lộ những dự đoán mà bình thường có khi không bao giờ ông được nghe. Những người cùng phe với ông thì cho rằng ông không muốn giới thiệu nhà Bourbon trên đất Pháp, quân triều đình lại khẳng định đó là cách chuẩn bị tư tưởng cho việc khôi phục lại nền quân chủ đã thất thế, số ít quân Cộng hoà còn sót lại sau vụ đẫm máu lại đoán rằng ông muốn nước Pháp quen với sự thiết lập lại nền quân chủ.

Các bộ trưởng ai cũng theo gương ngài Tổng tài, đặc biệt là Talleyrand, người có "gu" quý tộc lớn đến mức muốn lập lại hoàn toàn chế độ cũ mà theo cách nói văn vẻ thì ông là một bản mẫu hoàn hảo. Ông Talleyrand mở một buổi tiệc linh đình tại lâu đài Neuilly để chào đón hoàng tử và tất cả giới thượng lưu Paris đều đổ xô đến. Quả thực, rất nhiều người đã đến nhà vị Bộ trưởng Bộ ngoại giao này chứ không đến điện Tuileries.

Một điều ngạc nhiên đang chờ hai ông bà hoàng vốn còn chưa biết thủ đô tương lai của họ là gì. Giữa ánh sáng lung linh, thành phố Florence hiện ra với những nét đặc trưng nhất như bãi biển Vecchio. Tất cả các nhân vật đều mặc quần áo kiểu Italie, nhảy múa, hát ca trên bãi biển ấy, một đoàn thiếu nữ xinh đẹp đại diện cho các cô gái trẻ đến trao hoa cho tân quốc vương và trao vương miện chiến thắng cho ngài Tổng tài.

Nghe nói buổi lễ tốn mất một triệu của ông Talleyrand, nhưng đó là điều mà không ai ngoài ông có thể làm và nó đã nối được chính phủ với những người đồng thuận với chế độ cũ chỉ bằng một buổi dạ hội mà ông đã có dự định từ hai năm, bởi vì có rất nhiều người vẫn luyến tiếc chế độ cũ ấy vì những thứ họ đã mất, họ hy vọng có thể lấy lại trong nền quân chủ mới.

Cuối cùng, hai vợ chồng bá tước Livourne được bá tước Azara, đại sứ Tây Ban Nha, đưa đến La Malmaison Ngài Tổng tài tiếp ông vua con trong ngôi nhà quân cơ của mình, nhưng ông hoàng này chưa thấy buổi lễ nào như thế, chưa từng thấy các dải thêu và cầu vai nào như thế, nên sung sướng lao vào vòng tay của Tổng tài.

Đến đây thì cũng cần phải nói rằng ông hoàng con đáng thương là một kẻ ngốc hay cũng gần như vậy. Tạo hoá ban cho anh ta một trái tim hoàn hảo nhưng lại từ chối ban cho một bộ óc thông minh.

Thực ra thì nền giáo dục các tu sĩ mà anh ta được hưởng bằng cách nâng cao vai trò của con tim, chỉ càng có tác dụng phá huỷ chút loé sáng của trí tuệ mà thôi.

Louis de Parme để dành toàn bộ thời gian anh ta lưu lại Pháp ở lại La Malmaison. Phu nhân Bonaparte dẫn hoàng hậu trẻ đi xem tất cả các phòng và vì ngài Tổng tài chỉ ra khỏi phòng làm việc vào bữa tối nên các sĩ quan tuỳ tùng của ông buộc phải tháp tùng ông vua, vui chơi cùng anh ta.

"Thực ra - Công tước Rovigo, một trong số những tuỳ tùng của ngài Tổng tài cho biết - phải rất kiên nhẫn mới nghe hết những thứ trẻ con nằm trong đầu anh chàng đó. Nhưng vì chúng tôi biết cách nên đã chọn được những đồ chơi thích hợp mà thông thường người ta vẫn đặt vào tay trẻ con. Từ đó, ông ta không chán nữa.

Chúng tôi khó hiểu trước sự vô dụng của ông ta, chúng tôi phát chán khi thấy một chàng trai cao lớn, đẹp đẽ, người mang sứ mệnh điều khiển người khác lại run lên khi thấy một con ngựa và không dám trèo lên cưỡi. Suốt ngày giết thời gian với trò trốn tìm, nhảy lên vai chúng tôi và tất cả những gì ông ta biết là những bài cầu nguyện, đọc lời ban phước trước món canh hay ban ân trước tách cà phê.

Thế mà đó lại là bàn tay sẽ được giao phó vận mệnh cả một dân tộc khi ông ta đi nhậm chức ở quốc gia của mình, ngài Tổng tài đã nói với chúng tôi sau buổi tiệc tiễn đưa: "Rome có thể được yên ổn, người này sẽ không vượt được Rubicon đâu.

Chúa đã ban ơn cho con dân của Người khi gọi ông vua đó về bên mình chỉ sau một năm cai trị.

Nhưng châu Âu lại không thấy sự vô dụng của ông hoàng con đó họ chỉ thấy việc thành lập một vương triều mới mà thôi.

Và cả châu Âu đã tự hỏi sao lại có dân tộc nào kỳ lạ như dân tộc Pháp, họ chặt đầu các ông vua của họ nhưng lại phong vương cho các dân tộc khác.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 30
Nổi giận

Có lẽ đến đây độc giả cũng thấy được vì sao tôi lại để các nhân vật lịch sử chiếm một vị trí trong cuốn tiểu thuyết này ngoài các phe phái đã nêu. Như vậy, tự họ sẽ xuất hiện vào truyện một cách vô tư, không thiên vị. Tôi không hề để mình bị ảnh hưởng bởi các kỷ niệm cá nhân về những bất hạnh của gia đình, về chiến trận ở Ai Cập mà cha tôi tham gia, cũng như bởi những lời tung hô của những kẻ ngưỡng vọng lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ngợi ca, cũng không bởi "mốt" bây giờ là quay lại phản đối Napoléon Đệ tam, gièm pha quá khứ để nặn nên những nền tảng mà vương triều lung lay dựa trên đó. Không, không ai hiểu tại sao nhưng tôi đã rất chân thành và sự chân thành ấy, tôi chắc chắn mọi người sẽ công minh soi xét vào thời điểm thích hợp. Do đó niềm tin của tôi ở thời điểm chúng ta đang nhắc tới, ngài Tổng tài chắc cũng chờ đợi, là đi đến phản kết vận mệnh tối cao, hoà bình và chiến tranh trong đó hoà bình là điều được mong đợi hết sức nghiêm túc. Chúng ta sẽ không khẳng định được với tay chơi gặp may trước trò chơi để náu trên chiến trường, rằng (ông biết rõ và tin chắc) thỉnh thoảng giấc mơ của ông không bị những cái bóng của Arcole và Rivoli ám ảnh; chúng ta cũng không khẳng định được thỉnh thoảng quá khứ của ông lại không bị quấy đảo bởi cái nhìn mềm mại của những cành cọ trên sông Nil hay cái Kim Tự tháp vững trãi Gizeh. Chúng ta cũng không biết ông đã thoát khỏi các giấc mơ đen tối với tuyết ngập tràn ở Saint-Bernard hay khói mù mịt ở trận Marengo hay chưa. Nhmng chúng ta chắc chắn ông đã thấy những quả vàng sáng lên, những vòng cây sồi tượng trưng cho hoà bình trước những ưu đãi của số phận ấy đã đóng cánh cửa đền thờ Janus.

Tuy nhiên, với những gì Bonaparte vừa làm được ở tuổi ba mươi mốt thì cả Manus, Sylla và César đều không thể làm được trong cả cuộc đời họ.

Nhưng liệu ông có còn là chủ nhân giữ được sự bình yên đắt giá ấy không? Và liệu nước Anh, với ba con báo ông vừa nhổ nanh vuốt kia có để cho César đủ thời gian trở thành Auguste?

Tuy vậy, hoà bình lại là điều rất cần thiết cho Bonaparte để chinh phục ngai vàng nước Pháp, cũng giống như chiến tranh là điều tối cần cho ông mở

mang nền tảng trước các ngai vàng khác ở châu Âu. Vả lại, Bonaparte không hề ảo tưởng trước dự định của kẻ thù truyền kiếp là nước Anh. Ông thừa biết rằng họ ký hoà ước chỉ vì họ không thể tiếp tục cuộc chiến do bị chia cắt khỏi các đồng minh của họ. Họ sẽ không để nước Pháp có thời gian tái thiết vùng biển, cuộc tái thiết phải mất tới bốn hoặc năm năm.

Bonaparte không lạ các dự định từ văn phòng của Saint-James, nếu ông bàn bạc với ông ta về nhu cầu của dân chúng, về lợi ích của hoà bình, về tiềm lực trong nước, về nghệ thuật, thương mại, công nghiệp hay bất cứ ngành nào đang phác lên sự trù phú của nền Cộng hoà, thì theo cách nhìn của ông ta, ông sẽ không chối gì hết nhưng ông ta sẽ nói rằng tất cả những thứ đó chỉ có thể có được trong sự hợp tác với nước Anh. Có điều, ông ta sẽ không ký hoà bình cho hai bên trong vòng hai năm mà không đả động đến vùng biển của mình trong cán cân thế giới và dùng vàng của mình tác động đến tất cả các quốc gia khác ở châu Âu. Thế là suy nghĩ của Bonaparte tuôn trào giống như một con sông xô đổ đập chắn của nó và ngay cả nếu ông đang họp bàn với người Anh, ông vẫn cảm thấy hoà bình mới ký đang vụt khỏi tầm tay.

Hoà bình chắc chắn sẽ bị huỷ bỏ - ông kêu lên - chắc chắn Anh quốc sẽ huỷ nó, thế thì tại sao không cẩn thận mà lường trước để chẳng phải sẽ tốt hơn khi không để cho chúng có thời gian lấy lại ưu thế và rồi giáng lại cho chúng ta đòn chí tử khiến cả thế giới phải kinh ngạc ư? điều này khiến ông chìm sâu vào những suy ngẫm sâu xa trong đó nước Pháp thì chờ đợi còn châu Âu lại giương cổ ngắm nhìn.

Quả nhiên, động thái của nước Anh càng chứng tỏ cho những nghi ngờ của Bonaparte là thật hay nói cách khác, giả sử Bonaparte muốn gây chiến thì Anh quốc sẵn lòng chiều theo ý muốn ấy và nếu có trách thì chỉ trách nó đi quá nhanh, điều mà chính Bonaparte cũng không muốn mà thôi.

Vua nước Anh đã chuyển thông điệp đến nghị viện của mình trong đó ông ta phàn nàn về lực lượng vũ trang trên các cảng của Pháp, yêu cầu ngũ viện có các biện pháp phòng bị để chống lại những tấn công mà kẻ khác đang mưu đồ. Ý đồ xấu xa này khiến ngài Tổng tài căm tức cực độ, ông cảm thấy rằng nhờ hoà ước này mà sự hợp lòng dân của ông ta mới tăng gấp đôi ấy thế mà mới ký với Pháp xong, Bonaparte đã thấy nó sắp bị huỷ bỏ.

Trên thực tế. Theo hiệp ước Amiens, Anh quốc phải trả lại đảo Malte nhưng

họ đã không trả. Nước Anh phải trả Ai Cập nhưng nó vẫn đó, họ phải trả mũi Hảo Vọng thế nhưng họ vẫn giữ nó.

Cuối cùng, nhận thấy cần phải thoát ra khỏi tình hình khó khăn, không thể dung thứ và tệ hơn chiến tranh này, Bonaparte quyết định đàm phán với đại sứ Anh quốc một cách thẳng thắn nhằm thuyết phục phe của ông ta chấp nhận hai điểm: Trả lại Malte và Ai Cập. Điểm mới mà ông muốn thử là giải thích rõ ràng với kẻ thù và nói cho họ biết điều họ chưa bao giờ làm với nhau, sự thật về vị thế của ông.

Tối ngày 18 tháng Hai năm 1803, ông mời Lord Whitworth đến điện Tuileries, Bonaparte tiếp ông ta trong phòng làm việc, mời ông ta ngồi một đầu bàn lớn đối diện với ông.

- Thưa ngài, - ông nói - tôi muốn gặp riêng ngài để trực tiếp bày tỏ những dự định của tôi mà có lẽ không vị bộ trưởng nào có thể nói rõ bằng tôi.

Thế là ông nhắc lại những quan hệ của mình với nước Anh kể từ khi ông giữ chức Tổng tài, sự quan tâm của ông trong việc gửi điện báo việc nhậm chức của mình đến chính phủ Anh, việc từ chối vô lối từ phía ông Pit rồi ông ta vội vã nhượng bộ liên tiếp để ngồi vào bàn đàm phán và ký hoà ước Amiens. Ông tỏ ra, với vẻ đau đớn hơn là giận dữ, nỗi niềm phiền muộn khi cứ cố gắng mãi mà vẫn không đạt đến việc sống hoà thuận cùng Anh quốc.

Ông nhắc lại cho viên đại sứ nghe những mánh khoé mà ông phải nhường nhịn kể từ sau hiệp ước hoà bình. Ông tham phiền về những bài báo Anh chống lại ông, những lời thoá mạ được đăng tải trên phương tiện truyền thông của đám người tị nạn, về việc đón tiếp các hoàng thân quốc thích Pháp sang Anh những người vẫn chưa chấp nhận thất bại và cuối cùng, ông chỉ ra bàn tay nước Anh nhúng vào các lần mưu phản nhằm vào ông.

- Mỗi lần gió thổi từ Anh quốc đều mang đến cho tôi sự xúc phạm nào đó - ông nói thêm - và bây giờ, ông thấy đấy, chúng ta đang ở tình trạng cần phải thoát ra, đó là các vị có muốn thực hiện hiệp ước Amiens hay không? Về phần mình, tôi đã nghiêm chỉnh thực lên nó. Hoà ước ấy buộc tôi phải rút quân khỏi Naples, Tarente, các nhà nước La Mã trong vòng ba tháng thế mà trong hai tháng, quân Pháp đã không còn ở những nơi nói trên. Cách đây mười tháng, những phê chuẩn đều đã trao đổi thế mà bây giờ quân đội Anh vẫn còn ở Malte và Alexandrie.

Các vị muốn hoà bình? Hay các vị muốn chiến tranh? Mà nếu các vị muốn chiến tranh thì lạy Chúa, các vị chỉ cần nói ra. Còn nếu các vị muốn hoà bình, hãy rút quân của các vị khỏi Malte và Alexandrie. Vì nếu Malte, nơi tập trung nhiều lực lượng quân sự, chiếm một vị trí quan trọng với biển với tôi, nó còn mang ý nghĩa lớn hơn nhiều, đó là danh dự nước Pháp. Thế giới sẽ nghĩ thế nào khi chúng tôi để hiệp ước ấy bị vi phạm? Họ sẽ nghi ngờ sức mạnh của chúng tôi. Về phần mình tôi đã quyết rồi, tôi đã thấy các vị đặt chân lên đồi Montmartre và Chaumont hơn là Malte.

Whitworth đến nước này đành ngồi im bặt. Ông ta không có chỉ thị gì từ chính phủ về vấn đề đó nên chỉ đáp lại cơn xuất thần của ngài Tổng tài bằng vài lời qua quýt.

- Ngài làm sao mà xoa dịu được mối hằn thù của cuộc chiến tranh hai trăm mười lăm hay hai trăm mười tám năm giữa hai dân tộc chỉ trong vài tháng? Ngài cũng biết luật pháp nước tôi là vô hiệu với báo chí nên chúng tôi không có cách gì ngăn được họ thậm chí ngày nào họ cũng đả phá chính chúng tôi đây. Còn về phần tài trợ cho quân Bảo hoàng thì đó là khoản tiền thưởng cho phục vụ của họ trong quá khứ chứ không phải trong tương lai. Về việc tiếp đón các quan quân triều đình thì đó chỉ là truyền thống hiếu khách của quốc gia chúng tôi mà thôi.

Bonaparte bật cười:

- Đó không phải là con người của ông rồi. Tôi sẽ gắng chứng tỏ điểm yếu của các lý lẽ ấy. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại vấn đề Malte đã.

- Thì đấy - Whitworth ngắt lời - Tôi có thể hứa với ngài rằng giờ này quân của chúng tôi đã rút khỏi Alexandrie, còn về Malte, lẽ ra mọi việc cũng đâu vào đấy nếu như không có các thay đổi chính sách của ngài đối với châu Âu.

- Ông muốn nói đến thay đổi nào thế? - Bonaparte kêu lên.

- Thì chẳng phải chính ngài đã "bổ nhiệm" tổng thống Cộng hoà Italie là gì?

- Vậy thì chính ngài đã nhầm lần lớn về ngày tháng rồi ngài Whitworth - Bonaparte cười nói - Chẳng phải việc bổ nhiệm ấy đã ấn định từ trước khi có hiệp ước Amiens sao?

- Nhưng các triều đình Etrurie mà ngài vừa sáng lập đó, ngài không hề hỏi ý nước Anh tí nào cả.

- Ông nhầm rồi Whitworth. Nước Anh được tham khảo nhiều đến nỗi dù hình thức ấy chẳng để làm gì, nó mong được vương quốc này biết ơn về sau cơ đấy.

- Nước Anh - Whitworth nói - đã yêu cầu ngài đồng ý cho việc lập vua Saldaigne nhưng vẫn phải nhà nước của mình.

- Tôi đã trả lời nước Áo, nước Nga và với ông rằng tôi không chỉ không bao giờ làm chuyện nó mà sẽ không cho nó đặc quyền nào hết. Chắc ông cũng không lạ gì tôi luôn có dự định sát nhập Piémont vào lãnh thổ nước Pháp. Việc thống nhất ấy là cần thiết cho quyền lực của tôi đối với Italie, quyền lực tuyệt đối bất di bất dịch. Bây giờ ông hãy xem bản đồ châu Âu đi, đây, chỉ hai chúng ta thôi. Hãy tìm đi, liệu có xó xỉnh nào, dù rất bé nhỏ, có bóng quân đội của tôi khi họ không có nghĩa vụ ở đấy hay không? Có đất nước nào bị tôi đe doạ hay muốn xâm lăng không? Không hề, ông thấy chưa, ít ra là cho đến khi hoà ước còn được tôn trọng.

- Thưa ngài Tổng tài, nếu là người thẳng thắn ngài đã thừa nhận ngài lúc nào cũng nghĩ đến Ai Cập rồi.

Dĩ nhiên là tôi đã nghĩ đến Ai Cập, đang nghĩ đến nó và sẽ nghĩ đến nó và tôi còn nghĩ khác nữa kia nếu các vị buộc tôi phải tái chiến. Nhưng ơn Chúa bảo vệ tôi không làm tổn hại đến hoà bình vì một vấn đề niên đại đế chế Thổ Nhĩ Kỳ đang lung lay, nó có nguy cơ bị huỷ diệt, vị trí của nó không phải ở châu Âu mà là ở châu Á. Tôi sẽ góp phần cho nó kéo dài càng lâu càng tốt nhưng nếu nó sụp đổ, tôi muốn nước Pháp sẽ thế chỗ ấy. Phải công nhận rằng nếu muốn với tướng quân hùng hậu tiến về Saint-Domingue, thì không gì với tôi dễ hơn việc tiến thẳng tới Alexandrie. Các ông có bốn nghìn quân ở đó, số quân lẽ ra phải rút khỏi Ai Cập từ mười tháng trước, còn xa số đó mới cản nổi tôi. Tôi có thể chiếm Ai Cập chỉ trong hai mươi bốn tiếng và lần này các ông không chiếm lại nó được đâu. Các ông cứ cho rằng quyền lực làm tôi mờ mắt tôi tác động đến chính kiến của nước Pháp và của châu Âu. Vậy thì tôi nói cho ông hay quyền lực ấy còn chưa đủ để cho tôi gây chiến một cách vô cớ. Nếu tôi điên khùng vô duyên vô cớ tấn công nước Anh thì uy tín chính trị của tôi uy tín đạo đức hơn là ảnh hưởng vật chất, sẽ ngay lập tức bị mất đi dưới con mắt cả châu Âu. Đối với nước Pháp, tôi cần uy tín ấy

để chứng tỏ rằng người ta gây chiến với tôi không phải do tôi khơi mào, xúi giục tạo đà để đạt được mục đích. Nếu các ông buộc tôi chiến đấu thì các ông đã nhầm còn tôi, không hề! Giờ đây nếu ông còn nghi ngờ mong muốn gìn giữ hoà bình thì hãy lắng nghe và suy sét tôi chân thành đến mức nào.

Tôi đã ba mươi hai tuổi. Ở tuổi ba mươi hai, tôi đã đạt đến sức mạnh và danh tiếng khó mà hơn được nữa. Sức mạnh ấy, danh tiếng ấy, ngài có thật lòng cho rằng tôi lại mạo hiểm chúng cho một cuộc chiến vô vọng không? Không, phải ở trường hợp bất đắc dĩ mới quyết định như thế. Nhưng ngài hãy nghe rõ điều tôi muốn làm. Nếu xảy ra chiến tranh, sẽ không phải là cuộc đụng độ xoàng đâu, cũng không phải là một vài tàu chiến bốc cháy đầy đồ trên đại dương đâu mà cả đại dương sẽ nhuốm lửa. Tôi sẽ tập hợp hai mươi vạn quân, sẽ huy động hạm đội khổng lồ để vượt eo biển. Cũng có thể giống như Xerces, tôi sẽ dìm vinh quang và của cải của mình xuống đáy đại dương! Thậm chí cả mạng sống của mình nữa! Bởi lẽ đó là cuộc chiến một mất một còn, hoặc thành công hoặc bỏ mạng! - Vì thấy Whitworth nhìn ông ngỡ ngàng, Boraparte nói tiếp - Đó là sự liều lĩnh đúng không, thưa ngài, một cuộc đổ bộ vào đất Anh! Nhưng biết làm sao, đó là nơi César đã thành công tại sao tôi lại không chiến thắng nơi Guillaume, kẻ chinh phục, đã chiến thắng? Sự liều lĩnh này thật táo tợn, nhưng nếu bị ép buộc, tôi quyết định sẽ làm. Tôi sẽ dàn quân của mình. Tôi đã từng vượt qua dãy Alpes vào giữa mùa đông giá và tôi biết biến điều không thể thành có thể. Chỉ có điều nếu tôi thành công, hậu duệ của các vị sẽ khóc ròng trong máu lửa vì quyết định do chính các vị ép tôi. Tôi không thể chứng tỏ khác được sự chân thành khi tôi nói: " Tôi muốn hoà bình". Và tốt nhất cho hai bên là chúng ta tôn trọng hiệp ước, hãy rút quân khỏi Malte, hãy rút quân khỏi Ai Cập, hãy cho báo chí ngậm miệng, đuổi bọn ám sát ra khỏi lãnh thổ của các vị, hãy cư xử hoà hảo với tôi, tôi xin hứa sẽ đối đáp tử tế, hai nước chúng ta hãy cùng xích lại và cùng cai quản thế giới theo cách mà không nước Pháp hay nước Anh riêng lẻ có thể làm được. Các vị sẽ có biển và sử dụng mọi nguồn lực còn tôi có năm mươi vạn quân có thể sẵn sàng tuân lệnh tôi đi bất cứ nơi đâu tôi muốn. Nếu các vị là chủ miền biển, tôi sẽ là chủ mặt đất, hãy nghĩ xem, chúng ta nên hoà bình hơn là xâu xé nhau và chúng ta cùng thoả thuận chia xẻ phần thế giới còn lại!

Whitworth đã thông báo lại cuộc gặp của mình với Bonaparte với chính phủ Anh. Thật không may, một con người cao quý một nhân vật của toàn thế giới lại có bộ óc tầm thường.

Vua Anh đã không thể theo kịp người của Bonaparte. Với bài diễn thuyết dài và xuất thần ấy, vua Anh chỉ đáp lại bằng thông điệp sau đến Nghị viện:

"Ta thấy cần thiết thông báo đến hạ viện rằng, với những chuẩn bị quân sự đáng kể trên các hải cảng của Pháp và Hoà Lan, ta cho rằng nên có những hình thức đề phòng mới vì nền an ninh quốc gia. Dù các chuẩn bị ấy bề ngoài là dành cho các cuộc thôn tính thuộc địa nhưng hiện nay giữa ta và chính phủ Pháp đang có thương thảo quan trọng mà kết quả còn rất mơ hồ, cho nên ta quyết định cho thông báo nên các tổ chức trung thành của mình dù mọi mặt của cơ quan vẫn tiếp tục nhiệm vụ nặng nề và không mệt mỏi là gắng gỏi giữ hoà ước, mặt khác từ nay ta có thể hoàn toàn tin tưởng và trông mong các cơ quan ấy có thể sử dụng tất cả các biện pháp tình thế cần thiết vì vương triều cũng như vì lợi ích căn bản của dân tộc".

Bonaparte biết được nội dung thông điệp trên qua Talleyrand.

Ông nổi giận đùng đùng giống như Alexandre vậy, tuy nhiên bằng sức mạnh thuyết phục của mình, ông Talleyrand đã cũng khuyên được Bonaparte kiềm chế và sẽ để cho nước Anh mắc sai lầm nếu có hành động khiêu khích.

Thật không may, ngày hôm sau lại là chủ nhật, ngày tiếp đón ngoại giao tại điện Tuileries. Tất cả các đại sứ đều đến đó vì tò mò nữa. Người ta muốn xem Bonaparte chịu đựng lời thoá mạ thế nào và ông sẽ đón tiếp đại sứ nước Anh ra sao.

Ngài Tổng tài đợi trong phòng phu nhân Bonaparte đang chơi cùng đứa con đầu lòng của vua Louis và hoàng hậu Hortense thì có thông báo cuộc họp các đại sứ đã chuẩn bị xong. Ông Rémusat, quản lý lâu đài đến thông báo tất cả đã đến dự.

- Ngài Whitworth đến chưa? - Bonaparte sốt sắng hỏi.

- Rồi ạ, thưa ngài - Rémusat đáp.

Bonaparte đang nằm trên thảm vội đặt cháu xuống, nhổm ngay dậy nắm tay phu nhân Bonaparte rồi đi qua cánh cửa thông với phòng tiếp khách, bước qua chỗ các vị đại sứ mà không đáp lại lời chào của họ, không nhìn họ mà

thẳng tiến đến chỗ đại diện của liên hiệp Anh.

- Ngài đã có tin tức gì từ nước Anh chưa? - ông nói.

Rồi không để ông này kịp trả lời, Bonaparte tiếp:

- Vậy là các ông muốn chiến tranh chứ gì?

- Không, thưa tướng quân - Vị đại sứ nhún mình đáp - Chúng tôi thấy hoà bình mang lại nhiều lợi ích cho tất cả chúng ta.

- Vậy là các ông muốn chiến tranh - Tổng tài vẫn cao giọng vì nếu ông này không nghe, ông muốn tất cả đều nghe thấy - Chúng ta đã đánh nhau suốt mười năm, các ông lại muốn chiến tranh thêm mười năm nữa? Làm sao người ta dám nói chúng tôi chuẩn bị khí giới? Người ta đã nói dối châu Âu, áp đặt thế giới!

Không hề có chiến hạm nào trên cảng của chúng tôi, tất cả các chiến hạm dùng được đều đã đi Saint-Dominique, chỉ có một ở cảng Hà Lan. Người ta bảo giữa nước Pháp và Anh có mối tranh chấp. Tôi chẳng thấy tranh chấp gì cả, tôi chỉ biết rằng đảo Malte đã không được rút quân theo đúng hạn định, tôi không nghĩ các bộ của các ông lại nuốt lời thì không thực hiện một hiệp định trang trọng như thế. Tôi cũng không nghĩ rằng bằng vũ khí của các ông, các ông muốn dân tộc Pháp sợ hãi bị giết thì có thể, còn sợ thì không bao giờ!

- Thưa tướng quân - Viên đại sứ điếng người về sự cáu kỉnh ấy đáp Chúng tôi chỉ yêu cầu một điều, đó là sự thông minh bên nước Pháp mà thôi.

- Thế thì trước hết cần phải tuân thủ các hiệp định? - Tổng tài kêu to - Bất hạnh cho kẻ nào không tôn trọng hiệp định! Bất hạnh cho dân tộc nào lấy màn đen che phủ hiệp định!

Rồi ông dịu giọng và thay đổi nét mặt như thể mấy câu chơi trên không phải do một mình ông mà cả dân tộc ông nói:

- Cho phép tôi gửi lời đến bá tước phu nhân Dorset, vợ của ông. Sau khi trải qua một mùa thời tiết xấu ở Pháp, hy vọng bà sẽ khá hơn. Còn lại, tất cả không phụ thuộc vào tôi mà là nước Anh, nếu chúng tôi buộc phải cầm súng thì toàn bộ trách nhiệm cũng thuộc về họ có Chúa và mọi người chứng giám,

vì họ không giữ lời cam kết của mình.

Rồi vừa chào Whitworth và các đại sứ khác, ông bước thẳng ra ngoài không nói với ai một lời nào nữa. Ông khiến cho toàn bộ các phái ngoại giao đáng kính sự sững sờ sâu sắc điều mà từ lâu họ cũng đã thấy.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 31
Chiến tranh

Gương đã vỡ, cơn giận dữ của Bonaparte với Whitworth tương đương với một lời tuyên chiến.

Và quả nhiên kể từ lúc đó, nước Anh dù đã cam kết trả Malte, lại quyết giữ lại. Thật bất hạnh là thời đó nước Anh lại có một trong những Bộ trung gian áp đặt những động thái quan trọng nhất không phải vì lợi ích quốc gia mà đại diện cho ý kiến đa số.

Đó là Bộ của Addington và Hawkesbury. Vua Georges Đệ tam nước Anh là một vị trí đặc biệt giữa bộ của ngài Pitte và bộ của ngài Fox. Đức vua thường có chung quan điểm với ngài Pitte nhưng lại không hợp tính ông ta. Ngược lại, đức vua hợp tính ngài Fox nhưng lại bất đồng quan điểm chính trị, chính vì lẽ đó, đức vua không ngả về bên nào trong hai phe đối địch ấy mà giữ lại bộ Addington bên mình.

Ngày 11 tháng Năm, đại sứ Anh quốc đến xin rút về nước.

Chưa từng có cuộc ra đi nào lại gây ấn tượng như sự ra đi của Whitworth. Từ lúc người ta biết tin ông xin lại hộ chiếu, đã có vài trăm người đến đại sứ quán từ sáng tới tối.

Cuối cùng, người ta cũng thấy xe của ông đi ra. Vì ai cũng biết ông đã làm tất cả những gì có thể để như kéo nền hoà bình nên chuyến ra đi ấy được dành những tình cảm nồng hậu.

Về phần Bonaparte, cũng giống như tất cả những con người thiên tài khác, một khi đã quyết định giữ hoà bình tức là ông đã lường trước tất cả những ích lợi mà nước Pháp được hưởng.

Giờ đây, khi đột ngột xoay sang con đường ngược lại, ông tự nhủ rằng, dù không là người làm được điều tốt đẹp cho nước Pháp và thế giới, thì cũng phải làm nên một bất ngờ. Mối ác cảm thường trực với nước Anh giờ đây biến thành cơn giận dữ vượt ngưỡng và đầy dự định lớn lao. Ông tính

khoảng cách từ Calais đến Douvres, đó chỉ ít cũng là khoảng cách phải vượt qua khi đi ngang Saint-Bernard và ông tự nhủ nếu giữa mùa đông thì không đi nhanh, mặt nước đóng băng còn những núi tuyết không vượt qua nổi nữa, tất cả chỉ là vấn đề giao thông và nếu ông có nhiều tàu để dẫn qua nước kia eo biển một đội quân khoảng mười lăm vạn quân thì việc chinh phục nước Anh cũng không khó hơn việc chinh phục Italie. Ông đưa mắt ra xung quanh để xem hiện tại, ông có thể trông cậy vào ai và lo ngại ai. Tổ chức Philadelphes còn nằm trong bí mật. Song Concordat đang khơi lên mối thù hằn của những tướng lĩnh Cộng hoà. Tất cả những tông đồ lý tính mà người ta quen gọi là Dupuis, Mong và Berthollet vẫn chưa sẵn sàng, họ đã bắt đầu nhận ra thiên chất của Chúa, và một nửa thiên chúa của Giáo hoàng. Với phẩm chất của người Italie, Bonaparte dù không sùng đạo những cũng khá mê tín. Ông tin vào các điềm báo, các linh cảm. Ông thường nói đến tôn giáo khi ở phòng Joséphine bởi đôi khi ông sợ có người nghe theo lý thuyết thái quá của mình.

Một buổi tối, Monge bảo ông:

- Thưa ngài Tổng tài, tuy vậy cần phải hy vọng rằng chúng ta sẽ không trở lại với những phiếu xưng tội chứ.

- Chẳng cần phải quy kết gì hết - Bonaparte lạnh lùng trả lời.

Và trên thực tế, nếu hiệp ước Concordat đã giúp Bonaparte xích lại với giáo hội thì ông lại có vấn đề khác với một bộ phận quân đội. Ông mang đến cho tổ chức Philadelphes một hy vọng trong khi họ lại tưởng thời điểm hành động đã đến. Do đó mà một cuộc mưu phản được tổ chức chống lại Tổng tài.

Đó là khi ông có khoảng sáu mươi tướng tả bất mãn, họ muốn hất ông xuống ngựa và cho ngựa đạp lên. Hai thủ lĩnh rõ nhất trong dự định này là Benatte, chỉ huy quân đội miền Tây, hiện đang ở Paris và Moreau, người không được thưởng hậu hĩnh sau trận thắng Hohenlinden dẫn đến chấm dứt chiến tranh với nước Áo, đang hờn dỗi ở Grosbois.

Thế là có ba bài đả kích dưới dạng thư nguyện của quân đội Pháp gửi đến Paris, chúng xuất phát từ tổng hành dinh Rennes, tức là từ tướng Bemadotte. Trong những bài đả kích ấy có những lời lẽ lăng lục nhằm vào "tên bạo chúa đảo Corse", "kẻ tiếm quyền", "kẻ đảo ngũ sát hại Kléber" vì tin tức về cái chết của Kléber đã về Paris, người ta quy tội giết người ấy cho người vừa làm điều tốt đẹp cho nước Pháp lại vừa gây ra các tiếng xấu.

Từ sự lo ngại đổ máu, chúng chuyển sang dùng lời lẽ cay độc chống lại luận điệu "dạy đời" của Bonaparte sau đó kêu gọi một âm mưu hòng diệt từ tận gốc cái giống đến từ đảo Corse này.

Việc vận chuyển bài đả kích được bưu điện gửi tới tất cả các tướng, tất cả các chỉ huy quân đoàn, các uỷ viên thời chiến, tất cả đều bị cảnh sát của Fouché giữ lại trừ bản đầu tiên được đặt trong giỏ đựng bơ của xe thuế Rennes đến Rapatel, tuỳ tùng của tướng Moreau ở Paris.

Đúng hôm Bonaparte cho gọi Fouché đến để tổng kết với ông xem ai là bạn, ai là thù thì Fouché cũng mang theo những chứng cứ về vụ bạo loạn quân đội này.

Bonaparte vừa nhắc đến chủ đề này, Fouché hiểu ngay là đã đến lúc, ông ta đã có trong tay ba bản sao của ba lời xúi giục.

Fouché cũng biết chuyện gửi lời kêu gọi đến Rapatel. Như vậy không còn nghi ngờ gì nữa, nếu Moreau không phải là chủ mưu, ít nhất hắn cũng phải là đồng loã trong vụ việc nguy hiểm rộng khắp giới quân sự ấy.

Đó là thời điểm vinh danh bằng gươm và súng danh dự và Bonaparte đã nghĩ ra danh hiệu Bắc đẩu bội tinh.

Do có sự tác động của vợ và bà mẹ vợ vốn có xích mích và thù ghét Joséphine, Moreau đã có hành động giễu cợt danh hiệu ấy. Fouché kể lại sau một bữa tối thịnh soạn ở nhà Moreau, một chiếc xoong bội tinh đã được trao cho anh đầu bếp và sau một buổi đi săn lợn lòi, một con chó dũng cảm bị ba vết thương cũng được trao vòng cổ bội tinh.

Bonaparte cực kỳ nhạy cảm trước kiểu cạnh khoé ấy. Ông ra lệnh cho Fouché đến ngay nhà Moreau và yêu cầu ông này giải thích. Nhưng Moreau chỉ cười vào mệnh lệnh đó và trả lời rằng vì Bonaparte, người đứng đầu nhà nước có thể ban gươm và súng danh dự thì trong nhà ông ta, là chủ nhà, ông cũng có thể ban xoong và vòng cổ danh dự được.

Fouché bẽ mặt ra về dù cho ông ta ít khi bị như thế. Trong khi chờ đợi trở về bộ của mình, (Fouché vẫn chỉ là Bộ trưởng Bộ cảnh sát một mình)

Bonaparte đã cho ông ta toàn quyền xả giận.

- Sau tôi, Moreau là người duy nhất có giá trị thật không. Công bằng khi nước Pháp phải chịu đựng, giằng co giữa hai chúng tôi. Nếu tôi ở vị trí của ông ta còn ông ta ở vị trí của tôi thì tôi đã sẵn sàng làm sĩ quan tuỳ tùng cho ông ta rồi. Giá ông ta ở vị trí điều hành! Thật tội nghiệp cho nước Pháp! Thôi được rồi! Ngày mai, lúc bốn giờ sáng bảo ông ta đến rừng Boulogne, hoặc gươm của ông ta hoặc của tôi sẽ quyết định chuyện đó. Tôi sẽ chờ ông ta hãy đi thực hiện lệnh của tôi đi, Fouché, nói y nguyên không thêm bớt gì hết.

Bonaparte chờ đến nửa đêm, Fouché mới trở về, lần này ông đã thấy Moreau dễ xử lý hơn. Moreau hứa sớm hôm sau sẽ đến Tuileries, nơi mà từ lâu rồi ông ta không hề hiện diện.

Bonaparte tiếp đón ông ta rất tử tế, mời ăn trưa và trước khi chia tay còn tặng ông ta một cặp súng lục chạm kim cương và nói:

- Tôi những muốn gắn những vinh quang của ông lên hai vũ khí này, tướng quân, nhưng tiếc là không còn chỗ nữa.

Họ bắt tay nhau khi chia tay nhưng con tim thì lạnh nhạt, xa cách.

Về vụ việc này, dù nó chưa yên hoàn toàn nhưng ít ra cũng dịu lại, Bonaparte đã có thể tập trung vào dự định lớn lao của mình: ông đi thăm các cảng ở Phần Lan và Hà Lan để xem xét tình hình, địa thế, dân cư và vật lực. Đại tá Lacuée chịu trách nhiệm về công việc này đã phải trưng dụng tất cả các toà nhà ven bờ cảng và nhà đánh cá từ Le Havre đến tận Texel. Các sĩ quan được cử đến Saint-Malo, Granville, Brest để nhận quân. Các kỹ sư hàng hải trình bày các tàu dẹt có khả năng mang được pháo lớn. Tất cả các cánh rừng ven eo biển Manche được thăm dò chất gỗ tốt nhất để đóng tàu chiến. Được biết người Anh buôn gỗ trong các quốc gia La Mã, ông cử người mang tiền đi mua số gỗ cần thiết ấy.

Ác cảm dấy lên khi quân Anh tạm chiến Bồ Đào Nha và vịnh Tarente. Ý đồ xấu của nước Anh đã quá rõ ràng đến mức không một ai, dù là kẻ thù Bonaparte buộc tội ông về sự cắt đứt ấy. Nước Pháp thấy chấn động mạnh nhưng họ cũng tin tưởng rằng nếu có đủ thời gian và tiền bạc sẽ đóng được

những tàu tốt và sẽ đạt được việc đánh trên bộ, như thế quân Anh sẽ thua.

Ngay khi biết được giá của các con tàu dẹt, Loiret là tỉnh đầu tiên dành ra một khoản ba trăm nghìn phăng. Với ba trăm nghìn phăng người ta có thể xây dựng và trang bị vũ khí cho một tàu chiến ba cột buồm mang được ba mươi khẩu đại bác. Tiếp đến các nơi khác cũng theo gương như Coutance, Be may, Louviers, Valognes, Foix, Verdun và Moissac đóng các con tàu dẹt tốt từ tám nghìn đến hai mươi nghìn phăng.

Paris ủng hộ tàu chiến, trang bị một tàu có một trăm hai mươi đại bác; Léon một trăm; Bordeaux hai mươi tư Marseille, bảy mươi tư tỉnh Gironde đành một khoản một triệu sáu trăm nghìn phăng.

Cuối cùng, nước Cộng hoà Italie góp cho ngài Tổng tài bốn triệu để xây dựng hai hạm đội, một mang tên *Tổng thống* và một mang tên *Cộng hoà Italie.*

Với sự chuẩn bị ấy, Bonaparte đã dồn toàn bộ tâm sức mà quên tình hình trong nước. Savary nhận được một lá thư của cựu thủ lĩnh phái Vendée mà trước kia anh từng vài lần phục vụ. Ông này sau khi giải giáp chỉ mong được sống bình yên trên mảnh đất của mình. Ông ta báo cho Savary rằng ông vừa được gặp một nhóm người có vũ trang muốn liên lạc với đám quân mà ông đã từ bỏ sau cuộc đảo chính 18 Brumaire. Ông ta nói thêm rằng, để chứng tỏ những gì đã hứa với chính phủ, ông muốn tự mình xem đằng sau cuộc gặp ấy là gì rồi mới lên Paris nói tường tận trước khi sự việc nổ ra.

Savary biết ngài Tổng tài rất muốn được thông báo tất cả mọi chuyện. Trì tuệ của ông mẫn tiệp và sáng suốt đến nỗi có thể nhìn ra trong từng sự việc nhỏ nhất những mưu tính bí mật nhất. Lá thư ấy khiến ông suy nghĩ một lát, chừng mười lăm phút sau ông nói với Savary.

- Anh sẽ đi một chuyến, hãy lưu lại vài ngày tại nhà chỉ huy của anh. Anh sẽ nghiên cứu miền Vendée và thăm dò xem mọi sự thế nào.

Savary bí mật đi ngay hôm đó.

Đến nhà bạn mình, anh đánh giá tình hình trầm trọng đến nỗi anh cải trang thành nông dân và bắt chủ nhà cũng làm tương tự để theo dõi băng nhóm mà

người bạn đã nói trong thư.

Ngày thứ ba, họ gặp vài nhân vật mới tách khỏi nhóm hôm trước. Họ đã thu thập được tất cả những chi tiết muốn biết. Savary trở về Paris khẳng định rằng chỉ cần một mồi lửa cũng đủ đốt cháy cả miền Vendée và Morbihan.

Bonaparte ngạc nhiên nghe anh nói. Ông cứ tưởng mọi chuyện ở đó đã êm đẹp, ông biết Georges đã một lần nữa tuyên chiến nhưng ông tưởng Georges đang ở London, cảnh sát của ông Régnier chắc chắn sẽ để mắt đến Georges nên ông không lo ngại gì cả.

Hồi đó, có rất nhiều tù nhân đang bị giam trong các nhà ngục ở Paris vì lý do chính trị, họ là những can phạm tình báo mà người ta không muốn xử vì ngay bản thân Bonaparte cũng nói đó là thời điểm không cần coi trọng đến những tội phạm như thế, vậy là ngay lập tức người ta gạt những kẻ bất hạnh đó sang một bên.

Lần này, không tham khảo ý kiến của Fouché, Bonaparte sai Savary mang danh sách những người bị bắt, kèm theo ngày tháng bắt và các lý do bắt giữ khác nhau đến.

Trong số đó có các tên như Picot và Lebourgeois, họ bị bắt cách đó một năm vào thời điểm đặt thuốc nổ, khi vừa đặt chân từ Anh về Pont-Audemer, biên bản bắt giữ có ghi: *"Đến để ám sát ngài Tổng tài"*.

Không ai biết vì sao những cái tên này lại đập vào mắt Bonaparte chứ không phải những người khác. Chỉ cần ngài Tổng tài chỉ định, họ cùng ba người khác lập tức được chuyển cho một uỷ ban xét xử.

Dù các chứng cứ đều chống lại họ nhưng Picot và Lebourgeois phản bác lại lời cáo trạng với vẻ lạnh lùng đáng ngưỡng mộ. Tuy vậy, việc đồng loã với Saint-Régeant và Carbon là hiển nhiên cho nên họ bị kết án tử hình. Họ bị xử bắn mà không hề thú tội. Thậm chí họ còn có vẻ muốn thách thức chính quyền khi thông báo rằng chẳng mấy nữa đất nước sẽ lâm vào chiến tranh và Bonaparte sẽ phải nhảy vào đó.

Trong số ba can phạm khác hai người được xử trắng án còn một người bị kết luận có tội. Người bị kết án là Querelle. Đó là một người miền hạ Bretagne

đã từng phục vụ trong quân đội Vendée dưới sự chỉ huy của Georges Cadoudal.

Người này bị bắt do sự tố giác của một chủ nợ mà anh ta không may vay tiền mà phải trả góp, không thể thanh toán toàn bộ, chủ nợ đã tố cáo anh ta tội phản loạn.

Việc xét xử Picot và Lebourgeois cách vụ của Querelle khá lâu. Kết quả là họ không bị hành quyết cùng nhau. Lúc chia tay người chiến hào hai tử tù trước khi chết đã nói:

- Hãy theo gương chúng tôi, chúng tôi có trái tim trung thành và tinh thần cao thượng, chúng ta chiến đấu cho ngai vàng và điện thờ Chúa, chúng ta sẽ chết vì một mục đích và mục đích ấy sẽ mở cánh cửa cho chúng ta lên thiên đàng, hãy chết như chúng tôi đừng khai gì cả khi anh bị kết tội. Chúa sẽ xếp anh vào số những người tử vì đạo và anh sẽ được tận hưởng cực lạc trên thiên đàng.

Quả nhiên, như hai người bạn tù của mình dự đoán, Querelle đã bị kết án khoảng chín giờ tối, quan toà gửi bản án đến tham mưu trưởng để ông ta ra lệnh hành quyết tù nhân vào sáng sớm hôm sau như thông lệ.

Viên tham mưu trưởng đang vũ hội, mãi ba giờ sáng ông ta mới về mở tờ lệnh ra luồn xuống gối và ngủ gục lên trên.

Giá như mệnh lệnh được thực thi theo đúng thời hạn thì Querelle cùng bước với các chiến hữu của mình trên một con đường có lẽ bằng sự dũng cảm, bằng sự tự ái, anh ta cũng sẽ chết như họ và sẽ mang bí mật xuống mồ giống họ. Nhưng lại có sự chậm trễ bất ngờ kia, một ngày lê thê trong đơn độc đối diện với cái chết, thời gian định mệnh lò dò khiến đầu óc anh ta không chịu nổi, khoảng bảy giờ tối, anh ta bị cơn co giật mạnh đến nỗi người ta cứ tưởng anh này uống thuốc độc. Bác sĩ nhà ngục được gọi đến. Ông hỏi phạm nhân vì sao lại có hành động như vậy, liệu có phải do thuốc độc và đó là loại thuốc gì?

Nhưng Querelle đã vòng tay qua cổ bác sĩ, áp vào tai ông nói thầm.

- Tôi không bị đầu độc đâu. Tôi sợ đấy!

Thế là nhân cơ hội ấy, ông bác sĩ ép kẻ bất hạnh khai báo.

- Anh là người mang một bí mật mà cảnh sát rất muốn biết, hãy nói ra biết đâu anh lại được hưởng khoan hồng thì sao?

- Ồ! Không bao giờ! Không bao giờ! Đã quá muộn rồi.

Cuối cùng, do sự thúc ép của bác sĩ, Querelle đã xin một cây bút lông ngỗng và giấy để viết tới nhà lãnh đạo Paris rằng anh ta muốn khai báo.

Nhà lãnh đạo Paris lúc ấy không còn là Junot nữa mà là Murat. Theo Bonaparte, Junot quá dễ dãi nên ông bổ nhiệm Murat thế chỗ của anh.

Khoảng mười một giờ đêm, khi ngài Tổng tài đang lo lắng bàn bạc với Réal trong phòng làm việc của mình thì cửa phòng bật mở. Sarary thông báo người đứng đầu Paris đến và Murat bước vào.

- À là chú đó ư, Murat - Bonaparte nói và bước lại gần em rể - Chắc phải có tin gì mới nên chú mới đến gặp tôi vào giờ này.

- Vâng, thưa tướng quân, tôi vừa nhận được một lá thư của một tử tù khốn khổ sẽ phải chịu hình án vào sáng mai. Anh ta yêu cầu được khai báo.

- Tốt lắm! - Bonaparte vô tư nói - Hãy gửi thư đó đến toà đã xét xử hắn, họ sẽ xem phải làm gì.

- Lúc đầu tôi cũng nghĩ nên làm như thế - Murat nói - Nhận lời lẽ trong thư rất thẳng thắn và thật thà khiến tôi rất quan tâm. Anh tự đọc đi.

Bonaparte đọc lá thư đã mở sẵn mà Murat đưa cho.

- Đồ quỷ đáng thương! Hắn muốn kéo dài mạng sống thêm một tiếng nữa, có thể thôi. Cứ làm như tôi nói đi.

Rồi ông trả lại lá thư.

- Nhưng thưa tướng quân - Murat nài nỉ - anh không thấy là người này muốn khai điều quan trọng ư?

- Có chứ, tôi đọc rồi, nhưng tôi lạ gì kiểu người này, chính vì thế mà tôi nhắv lại rằng điều phạm nhân nói không đáng bận tâm.

- Ai mà biết được? - Murat nói - hãy để chúng tôi, tôi và ngài Réal theo vụ này.

- Vì chú cứ nhất quyết như vậy - Bonaparte nói - nên tôi không phản đối nữa. Réal, ông cũng đi thẩm vấn hắn đi, Murat, hãy đi cùng vị chánh án này nếu chú cần, nhưng không có án treo đâu nhé tôi không muốn án treo nào hết.

Réal và Murat lui ra Bonaparte mới đi về phòng ngủ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 32
Cảnh sát của Régnier và cảnh sát của Fouché

Khi Réal và Murat rời khỏi nhà ngài Tổng tài, lúc đó đã quá nửa đêm. Chỉ bảy giờ sáng hôm sau, phạm nhân sẽ bị xử bắn. Để đến gặp anh ta, Murat buộc phải hy sinh buổi tối để xin ngài Tổng tài ra lệnh. Murat để cho Réal đến thăm tù nhân vì nhiệm vụ của ông đã xong, ông đã đến gặp Bonaparte và ngài Tổng tài đã trao quyền thẩm phán cho Réal.

Réal tính sẽ đi gặp phạm nhân hai tiếng trước giờ hành hình.

- Nếu lời khai có giá trị, ông còn đủ thời gian ngồi nghe, còn nếu không thì án sẽ thi hành sau đó.

Vả lại vốn quen với việc xử lý tâm lý con người, ông cho rằng khi nhìn thấy vũ khí quanh nhà tù, tức là nhưng tia sáng ban ngày đầu tiên đó cũng là đòn cuối cùng đánh vào lòng can đảm của tù nhân khiến hắn chỉ còn nước khai sạch sành sanh.

Lúc ta thấy kẻ phiến loạn bất hạnh nhờ bác sĩ gởi yêu cầu được khai báo cho Murat, ta cũng hiểu rằng nếu không có hồi âm, không có tin tức gì từ người đứng đầu Paris tức nghĩa là tình trạng ấy chỉ thêm tồi tệ.

Đến lúc nản nhất của kẻ bất hạnh, anh ta chỉ còn là sinh vật bất động giống như một đứa trẻ, không còn sức để chờ cái chết giữa những nỗi kinh hoàng và mê man tăm tối. Đôi mắt anh ta nhìn trân trân ra ô cửa sổ hướng xuống phố. Anh ta rùng mình khi thấy tia sáng ban ngày đầu tiên rọi vào.

Khoảng năm giờ sáng, anh tưởng mình khi nghe tiếng bánh xe lăn lạo xạo rồi dừng trước cửa nhà tù không một tiếng động nào thoát khỏi sự chú ý của anh ta. Tiếng cửa lớn mở ra rồi khép lại tiếng những bước chân nặng nề ngoài hành lang, đó là tiếng bước chân của hai hoặc ba người dừng lại trước cửa buồng giam anh ta, tiếng chìa tra vào ổ khoá lạch xạch. Cánh cửa đã mở ra, một tia hy vọng cuối cùng dồn lên đôi mắt nhìn vào người bước vào anh

ta hy vọng nhìn thấy bộ trang phục lộng lẫy của Murat đính đầy đường thêu và lông chim anh ta lại thấy một người đàn ông mặc đồ đen, dù khuôn mặt dịu dàng và đường nét phúc hậu nhưng anh ta vẫn chết khiếp.

Người ta châm nến trên chiếc đèn gắn vào tường. Réal liếc mắt nhìn xung quanh và thấy mình không ở trong một xà lim.

Vì tù nhân sắp bị hành quyết nên người ta đưa anh này vào buồng lục sự, Réal thấy một chiếc giường trên đó, phạm nhân để nguyên quần áo nằm sõng soài, sau đó ông nhìn vào kẻ bất hạnh đang giơ tay về phía ông.

Réal đưa tay ra hiệu, người ta để ông lại một mình với kẻ ông sắp thẩm vấn.

- Tôi, chánh án Réal - ông nói - Anh đã thông báo muốn khai rõ sự thật tôi đến để nghe anh đây.

Con người ấy run lên cầm cập đến nỗi không trả lời được, hai hàm răng va vào nhau còn khuôn mặt thì co dúm lại vì những cơn co giật.

- Cứ bình tĩnh - ông uỷ viên Hội đồng nhà nước nói, dù đã quen với cảnh người sắp chết nhưng chưa bao giờ thấy ai đón nhận nó một cách hãi hùng như thế - Tôi đến trong ý định làm điều tốt cho anh. Bây giờ anh nghĩ đã có thể trả lời tôi được chưa?

- Tôi sẽ cố, nhưng để làm gì cơ chứ? Hai tiếng nữa thôi, chẳng phải tất cả đều kết thúc với tôi hay sao?

- Tôi không thể hứa gì với anh được - Réal đáp - Tuy nhiên, nếu điều anh nói cực kỳ quan trọng như anh báo…

- À hoá ra ông là người xử - Tù nhân kêu lên - Được rồi, vậy ông muốn biết gì? Ông muốn tôi nói gì hãy hỏi đi, tôi mất phương hướng rồi.

- Cứ bình tĩnh trả lời. Trước hết tên anh là gì?

- Querelle.

- Làm gì?

- Sĩ quan quân y.

- Anh sống ở đâu?

- Biville.

- Được rồi, bây giờ hãy kể điều anh muốn nói.

- Nhân danh đức Chúa mà tôi sắp xuất hiện trước ngài, tôi sẽ nói sự thật nhưng ông sẽ không tin tôi.

- Trước hết tôi phải nghe đã – Réal nói -Anh vô tội, đúng không?

- Vâng, tôi xin thề.

Réal gật đầu.

- Ít ra cũng vô tội về những gì người ta buộc cho tôi - Phạm nhân nói tiếp, - và lẽ ra tôi đã có thể chứng minh sự vô tội của mình.

- Thế tại sao anh không làm?

- Vì nếu thế tôi lại rơi vào tội khác.

- Dù sao anh cũng vẫn mưu phản?

- Vâng, nhưng không phải với Picot và Lebourgeois. Tôi không liên quan đến vụ đặt thuốc nổ, tôi thề đấy. Vào lúc đó, tôi còn đang ở Anh cùng Georges Cadoudal.

- Thế anh về Pháp khi nào?

- Từ hai tháng nay.

- Thế là anh đã rời Georges Cadoudal hai tháng?

- Tôi không rời ông ấy.

- Sao lại thế? Vì anh ở Paris còn ông ta ở Anh, như vậy anh phải chia tay ông ta, tôi không nhầm chứ?

- Georges không còn ở Anh nữa.

- Thế ông ta ở đâu.

- Ở Paris.

Réal nhảy dựng lên.

- Ở Paris ư? Không thể được!

- Thế mà ông ấy đang đây vì chúng tôi về cùng nhau và trước hôm tôi bị bắt, tôi còn nói chuyện với ông ấy.

- Vậy là Georges đã ở Paris từ hai tháng! Vậy là lời khai này không những quan trọng mà còn trên mức người ta có thể tưởng tượng được.

- Thế các anh về Pháp như thế nào? - Réal hỏi.

- Qua vịnh Biville. Đó là chủ nhật, chúng tôi đi bằng thuyền nhỏ suýt nữa chúng tôi đã bị chết đuối vì hôm đó thời tiết rất xấu.

- Được rồi - Réal nói - Tất cả những điều này nghiêm trọng hơn tôi tưởng anh bạn ạ, tôi chưa thể hứa gì cả, nhưng… cứ tiếp tục đã các anh có bao nhiêu người?

- Chuyến đầu tiên, chúng tôi có chín người.

- Từ đó đã có bao nhiêu chuyến?

- Ba.

- Lên bờ, ai ra đón các anh?

- Đó là con trai của người chữa đồng hồ, anh ta dẫn chúng tôi đến một trang trại mà tôi không biết tên. Chúng tôi ở đó ba ngày, sau đó từ trang trại này đến trang trại khác, chúng tôi tới được Paris. Ở đó, những người bạn của Georges đến gặp chúng tôi.

- Anh có biết tên của họ không?

- Tôi chỉ biết tên hai người: một cựu sĩ quan tuỳ tùng của ông ấy là Sol de Grisolles và một người là Charles d Hozier.

- Anh đã gặp họ bao giờ chưa?

- Rồi, một năm trước ở London.

- Sau đó chuyện gì đã xảy ra.

- Hai ngài ấy đưa Georges vào trong một chiếc xe độc mã còn chúng tôi đi bộ và vào Paris qua những trạm khác nhau.

Suốt hai tháng tôi chỉ gặp Georges ba lần chỉ khi nào ông ấy cho gọi. Có hai lần tôi gặp ông ấy ở cùng địa điểm.

- Thế lần gặp cuối cùng ở đâu?

- Ở nhà một thương nhân rượu vang có cửa hàng ở góc giữa phố Bac và phố Varenne. Tôi chỉ bước ra phố độ ba chục bước thì bị bắt.

- Từ đó, anh có tức gì không?

- Có ông ấy gửi cho tôi một trăm phăng qua Fauconnier, người gác cổng nhà lao.

- Anh có cho rằng ông ta vẫn còn ở Paris không?

- Tôi chắc chắn, ông ấy chờ những chuyến tàu khác, nhưng dù sao sẽ không có chuyện gì xảy ra mà không có sự hiện diện của một hoàng thân của triều đình quân chủ Pháp tại Paris.

- Hoàng thân triều đình Pháp! - Réal kêu lên - Anh có bao giờ nghe nói tên người này chưa?

- Chưa thưa ngài.

- Được rồi - Réal nói và đứng dậy.

- Thưa ngài - Tù nhân nắm lấy tay Réal kêu lên - Tôi đã khai tất cả những gì tôi biết, tôi là kẻ thù phản bội của các chiến hữu của tôi, một kẻ phản bội,

hèn nhát, hèn hạ.

- Anh cứ yên tâm, anh chưa chết đâu, ít ra là hôm nay. Tôi sẽ xin ngài Tổng tài giùm anh, nhưng anh không được tiết lộ bất cứ điều gì vừa nói với tôi cho bất cứ ai, nếu không, tôi không thể giúp gì anh được. Hãy cầm số tiền này và nhờ mua những thứ anh cần để hồi sức. Ngày mai có thể tôi sẽ trở lại.

- Ồ thưa ngài - Querelle quỳ xuống nói - Ngài chắc là tôi sẽ không chết chứ?

- Tôi không thể hứa được nhưng cứ bình tĩnh và hy vọng đi.

Tuy nhiên mệnh lệnh của ngài Tổng tài: "Không có án treo!" lại mạnh đến nỗi Réal chỉ nói với cai ngục.

- Đi báo cho quản ngục sở tại rằng không được làm gì trước mười giờ sáng.

Sáu giờ sáng, Réal biết mệnh lệnh của Bonaparte: "Chỉ đánh thức tôi khi có tin xấu đừng bao giờ báo tin vui khi tôi đang ngủ".

Ông biết tin tức mình mang đến có lẽ là không vui nên quyết định đi đánh thức Bonaparte. Ông đi thẳng đến điện Tuileries và sai người gọi Constant dậy. Constant đánh thức cận vệ, canh ngoài cửa phòng Bonaparte từ ngày ông ngủ riêng phòng với Joséphine.

Rustan đi đánh thức ngài Tổng tài. Boumerine bắt đầu thất sủng nên không được đặc quyền như trước nữa. Người cận vệ được nhắc hai lần vào báo với ngài Tổng tài rằng có ngài đại phán quan đang chờ và tất nhiên Rustan không thể quên được.

- Châm đèn lên - Bonaparte nói - và mời ông ta vào.

Người ta châm cây đèn, đặt lên góc lò sưởi chiếu đến giường ngủ ngài Tổng tài.

- Thế nào! Là ông đó ư, Réal, nhưng như vậy chắc chuyện nghiêm trọng hơn chúng ta tưởng lúc đầu đúng không?

- Chuyện hệ trọng lắm, thưa tướng quân.

- Thế nào? Ý ông là gì?

- Là tôi vừa biết những chuyện hết sức kỳ lạ.

- Kể cho tôi nghé xem nào - Bonaparte nói và ngả đầu vào tay sẵn sàng lắng nghe.

- Thưa công dân tướng quân, Georges Cadoudal đang ở Paris cùng với băng đảng của hắn.

- Hả? - Ngài Tổng tài lại tưởng mình nghe không rõ.

Réal nhắc lại.

- Thôi nào! - Bonaparte thốt lên kèm theo cái nhún vai, cử chỉ đặc biệt mỗi lần ông tỏ ra nghi ngờ - Không thể thế được?

- Là sự thật một trăm phần trăm, thưa tướng quân.

- Hoá ra là thế mà gã vô lại Fouché đã viết cho tôi hôm qua: *"Xin ngài hãy cẩn thận, không khí sặc mùi dao găm"*. Này, ông cầm lấy thư của lão, tôi đã để nó lên bàn ngủ và không bận tâm đấy.

Ông rung chuông, Constant bước vào.

- Gọi Boumerine đi - ông nói.

Người ta đánh thức Boumerine dậy, Boumerine xuống và làm theo lệnh ngài Tổng tài.

- Hãy viết cho Fouché và Régnier đến điện Tuileries ngay vì việc Cadoudal, bảo họ mang toàn bộ tài liệu liên quan đến vụ này. Anh sẽ truyền lệnh cho mang hai tin nhanh đi ngay. Trong khi chờ đợi, Réal sẽ giải thích rõ sự việc cho tôi.

Ông Réal ở lại cùng Bonaparte và thuật lại từng câu mà Querelle đã nói với ông: Họ đã trở về từ Anh qua vịnh Biville bằng thuyền ra sao, được con ông chữa đồng hồ mà Querelle không biết tên dẫn qua từng trang trại để đến Paris thế nào nên anh này gặp Cadoudal lần cuối tại ngôi nhà góc phố Bac và Varenne nữa. Sau khi thuật lại đầu đuôi sự việc ông Réal xin phép về gặp tên tù nhân đang hoảng sợ tại Abbaye và xin lệnh cho hưởng án treo vì lời

cung khai quan trọng.

Lần này Bonaparte nghe theo Réal và cho phép hắn, nếu không được tha bổng thì cũng bảo toàn được tính mạng. Ông Réal đi ra để lại ngài Tổng tài trong bàn tay của cận vệ để chờ Fouché và Régnier.

Vì Fouché sống trên phố Bac xa nhất nên Régnier là người đến trước. Bonaparte đã vệ sinh buổi sáng xong. Régnier thấy ông đi đi lại lại với cái đầu chúi ra trước, tay chắp sau lưng và vầng trán nhăn lại.

- À Régnier, hôm qua, ông đã nói gì với tôi về Cadoudal nhỉ?

- Thưa ngài Tổng tài, tôi đã nói rằng vừa nhận được thư báo về rằng Cadoudal vẫn đang ở London và cách đấy ba ngày, ông ta còn ăn tối tại nhà thư ký Addington ở Kmgston.

Đúng lúc đó thì Fouché tới.

- Ông Fouché, tôi cho gọi ông đến để phân xử xem giữa ông Régnier và tôi ai đúng, ông Régnier thì cho rằng Cadoudal đang ở London còn tôi lại cho rằng ông ta đang ở Paris. Ai có lý đây?

- Người mà hôm qua tôi đã nói: *"Xin ngài hãy cẩn thận, không khí sặc mùi dao găm!"* có lý.

- Ông nghe thấy chưa Régnier, tôi là người đã nhận thư của ông Fouché, tôi đúng đấy.

Régnier nhún vai.

- Ngài có muốn đưa cho ông Fouché lá thư nhận từ London cho ngài Fouché không?

Bonaparte đưa thư cho Fouché. Sau khi đọc xong, ông ta nói:

- Ngài Tổng tài có cho phép tôi gọi một người đã trở về Paris cùng Cadoudal không?

- Ồ! Lạy Chúa, có chứ! Tôi rất sẵn lòng.

Fouché ra mở cửa phòng chờ và gọi Victor vào. Anh chàng này ăn mặc kiểu quý tộc nhìn giống như một trong số quân triều đình hoặc có chính kiến hoặc theo mốt để đả phá ngài Tổng tài.

Victor kính cẩn cúi chào rồi đứng chờ gần cửa.

- Gì thế này? - Bonaparte hỏi - Nếu anh chàng này thật sự trở về cùng Cadoudal thì làm sao anh ta còn sống sót được?

- Bởi vì - Fouché trả lời - đó là một trong số người của tôi chịu tránh nhiệm theo dõi Cadoudal ở London không rời nửa bước. Chính vì không để rời mắt khỏi ông ta nên đã theo ông ta về tận Paris.

- Chuyện ấy từ bao giờ? - Bonaparte hỏi.

- Cách đấy hai tháng - Fouché trả lời - Nếu ngài Régnier đây muốn tự mình hỏi nhân viên của tôi thì anh ta sẽ vinh hạnh lắm đấy.

Régnier vẫy tay ra hiệu cho chàng trai lại gần trong khi Bonaparte tò mò liếc nhìn anh ta. Anh ta không giống hạng người bông phèng mà ăn mặc vô cùng hợp thời trang. Nhìn anh ta, người ta có thể nói anh vừa đi thăm các phu nhân Rescanier hay Tallies về. Người ta còn cảm thấy anh ta cố gắng nén nụ cười tinh quái vốn quen thuộc của mình.

- Anh làm gì ở London thế anh bạn? - Régnier hỏi.

- Ồ thưa công dân Bộ trưởng, tôi làm như tất cả mọi người, tôi âm mưu chống lại công dân Tổng tài.

- Để làm gì?

- Thì để được các ông hoàng tiến cử với ngài Cadoudal.

- Anh nói về những ông hoàng nào thế?

- Thì những ông hoàng nhà Bourbon chứ ai.

- Anh cũng được giới thiệu với Georges chứ?

- Nhờ Quý ngài công tước Berry, vâng thưa Bộ trưởng, tôi đã được vinh

hạnh ấy. Đến nỗi tướng Georges thề danh dự sẽ đưa tôi vào tốp đầu tiên trở lại nước Pháp, tức là trong số chín người đầu tiên về cùng ông ấy.

- Chín người đó là ai?

Là Coster Saint-Victor, Burban, Rivière, tướng Lajolais, một người có tên là Picot nhưng không phải người vừa bị xử bắn, ông Bouvet de Lozier, Demonville, một người có tên là Querelle chính anh ta đã bị kết án tử hình hôm qua và cuối cùng là Georges Cadoudal.

- Các anh về Pháp bằng cách nào?

- Trên một con tàu do thuyền trưởng Wright chỉ huy.

- À Bonaparte reo lên - Tôi biết anh ta, đó là cựu thư ký của Sidney Smith.

- Chính vậy thưa tướng quân - Fouché nói.

- Thời tiết rất xấu - Chàng trai tiếp tục - Chúng tôi phải vất làm mới nhờ thuỷ triều đưa đến vịnh Biville.

- Chỗ nào ở Biville? - Bonaparte hỏi.

- Gần Diepp thưa tướng quân - Fouché đáp.

Bonaparte nhận thấy người nhân viên không trả lời trực tiếp, ông bằng lòng nghiêng mình trong khi Fouché trả lời thay mình. Vẻ khúm núm ấy khiến ông cảm động.

- Khi tôi hỏi anh có thể trực tiếp trả lời tôi được.

Chàng trai lại nhún mình lần nữa.

- Chúng tôi xuống bãi biển - Anh ta tiếp tục kể - Từ chân vách đá lên đỉnh cao tới bai trăm bộ.

- Thế làm thế nào các anh leo lên được? - Bonaparte hỏi.

- Chúng tôi bám vào sợi dây cáp tàu! Chúng tôi leo lên nhờ lực của dao găm và chống chân vào vách đá. Thỉnh thoảng trên dây có những nút thắt để việc

bám vào dễ dàng hơn, thậm chí còn có bậc gắng gỗ để chúng tôi có thể nghỉ một lát giống như con vẹt trên bục đứng của chúng vậy. Tôi leo lên đầu liên, sau đó là tử tước Rivière, tướng Lajolais, Picot, Burban, Querelle, Bouvet, Demonville, Coster Saint-Victor và Georges Cadoudal đi cuối cùng. Đi được nửa đường, nhiều người bắt đầu kêu mệt.

- Tôi báo trước cho các anh biết là tôi vừa cắt đứt dây cáp rồi - Cadoudal nói.

Và quả nhiên tiếng dây rơi xuống chân vách đã vang đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi lơ lửng giữa trời và đất, không còn cách nào xuống, tất cả chúng tôi đành phải tiếp tục trèo lên đỉnh vách đá. Cuối cùng mọi người đều đến nơi mà không xảy ra tai nạn nào.

Phải thú nhận vừa lên đến đỉnh tôi thực sự tức thở vì độ cao vừa vượt qua. Tôi nằm sấp xuống đất chỉ sợ nếu đứng dậy tôi sẽ ngã nhào ra sau vì chóng mặt.

Rivière là người yếu nhất trong số chúng tôi đã gần như ngất xỉu Coster Saint-Victor đến nơi và huýt sáo săn, còn Cadoudal thở dốc và nói:

- Với một người nặng hai trăm sáu mươi livre thì đoạn đường này quả là khó khăn.

Sau đó, ông ném nốt phần cáp còn lại cho nó móc với nửa kia. Chúng tôi hỏi vì sao ông làm như vậy, ông đáp rằng, thông thường sợi dây ấy dùng cho bọn buôn lậu, nếu để nguyên; kẻ bất hạnh nào cứ thế trèo xuống sẽ không biết nửa kia đã bị cắt và hắn ta phải ở cách mặt đất một trăm bộ.

Xong việc, ông cất tiếng kêu như tiếng quạ lập tức có hai tiếng chùm cú đáp lại và hai người đàn ông xuất hiện. Đó là người dẫn đường của chúng tôi.

- Ông Fouché đã nói Georges đi từ Biville đến Paris qua các trạm nghỉ được chuẩn bị từ trước. Anh có biết các chỗ ấy không?

- Hoàn toàn có, thưa tướng quân. Tôi đã đưa danh sách cho ngài Fouché, nhưng tôi vẫn còn nhớ, nếu có ai chép lại, tôi có thể đọc chính xác như bản kia.

Bonaparte rung chuông.

- Cho gọi Savary đến đây. Đó là cận vệ gần gũi của tôi.

Khi Savary xuống, Bonaparte chỉ vào chiếc bàn bảo anh ta:

- Hãy ngồi ở đó và ghi lại những gì anh chàng này đọc!

Savary ngồi xuống cầm bút lông ngỗng viết lại theo lời đọc của Victor.

"Đầu tiên, cách vách đó một trăm bộ có một ngôi nhà dùng làm nơi trú ẩn cho những người gặp thời tiết xấu, những ai muốn cập bến hay đợi chuyến tàu khác. Từ đó chúng tôi đến trạm nghỉ đầu tiên ở Guilmécourt, tại nhà một thanh niên có tên là Pageot de Pauly, trạm thứ hai ở trang trại Potterie, và Saint-Rémy ở nhà vợ chồng Dénmont, trạm thứ ba ở Preuseville, nhà người có tên là Loizel. Thưa đại tá, đến đây cho phép tôi được lưu ý là từ chỗ này có ba lối khác nhau cùng dẫn đến Paris. Theo lối rẽ trái, trạm thứ tư tại nhà Monnier ở Aumale, trạm thứ năm ở Feuquière, nhà Colliaux, trạm thứ sáu ở Monceau nhà Leclerc, trạm thứ bảy ở Auteuil nhà Rigaud, trạm thứ tám ở Saint-Lubin nhà Massignon, trạm thứ chín ở Saint-Leu-Ta-Verny, nhà Lamotte.

Nếu chúng tôi đi đường ở giữa thì trạm thứ tư ở Gaillefontaine, nhà chị goá Le Seur, trạm thứ năm ở Saint-Clair nhà Sachez, trạm thứ sáu ở Goumay, nhà chị goá Cacqueray, còn nếu rẽ phải trạm thứ tư ở Roncherolles nhà Gam u, trạm thứ năm ở Saint-Crespin, nhà Bertengles, trạm thứ sáu ở Etrépagny nhà Demonville trạm thứ bảy ở Lauréal nhà Bouvet de Lozier và trạm thứ tám ở Eaubonne, nhà một người có tên là Hyvonnet. Tất cả có vậy.

- Savary, hãy giữ danh sách này cẩn thận - Ngài Tổng tài nói - Nó sẽ cớ ích cho chúng ta. Được rồi! Ông Régnier, ông nghĩ sao về chuyện này?

- Thật lòng mà nói, hoặc nhân viên của tôi là lũ ngốc hoặc anh chàng này là một kẻ ranh mãnh khéo léo.

- Thưa ngài Bộ trưởng, về phần ngài - Anh chàng nhân viên vừa nói vừa nghiêng mình xuống - những điều ngài vừa nói đã là một lời khen ngợi, nhưng tôi không phải là một kẻ ranh mãnh, tôi chỉ hơn các đồng nghiệp khác ở điểm là có thể cải trang tốt mà thôi.

- Bây giờ hãy nói cho tôi biết Georges đã làm gì từ khi hắn ở Paris?

- Tôi đã theo ông ta đến ba bốn nhà. Đầu tiên, ông ta đến phố Ferme, tiếp đó là phố Bac nơi ông ta gặp Querelle rồi vừa ra khỏi nhà Georges thì anh này bị bắt, bây giờ ông ta đang ở phố Chaillot dưới cái tên Larive.

- Nhưng ông biết tất cả những chuyện này từ đâu… - Régnier nói với Fouché.

- Từ hai tháng - Fouché ngắt lời.

- … vậy tại sao ông không cho bắt hắn?

Fouché bật cười và nói:

- Ồ xin lỗi ngài Bộ trưởng Tư pháp, chừng nào tôi chưa bị kết án, tôi sẽ không nói ra bí mật của mình đâu. Vả lại, tôi giữ chúng lại cho tướng quân Bonaparte.

- Ông bạn Régnier thân mến. - Ngài Tổng tài nói và nở một nụ cười - Tôi cho rằng sau những gì chúng ta vừa nghe, ngài có thể thong dong mà gọi nhân viên ở London của ngài về được rồi đấy. Còn bây giờ với tư cách là Bộ trưởng Tư pháp, ngài hãy để mắt đến kẻ tử tù khốn khổ bị kết án hôm qua người đó cung khai tất cả sự thật. Tôi biết rõ điều đó vì lời khai ấy trùng với lời kể của anh đây (Bonaparte chỉ vào nhân viên vừa mang đến tin tức mà chúng ta vừa đọc) - không bị hành quyết. Tôi không tha bổng cho anh ta vì tôi muốn anh ta được đưa đến nhà tù. Hãy theo dõi và trong sáu tháng tới ông hãy báo cáo về thái độ của anh ta. Ông Régnier thân mến, còn lại tôi xin được bày tỏ sự hối tiếc khi buộc ông phải dậy sớm như thế bây giờ ông có thể đi. Còn Fouché, ông ở lại.

Ông này lùi xuống cuối phòng rồi đi ra để lại ngài Tổng tài cùng với Bộ trưởng cảnh sát thật sự.

Bấy giờ Bonaparte mới lại gần Fouché.

- Ông đã nói là sẽ cho tôi hay tại sao ông giấu việc có mặt của Cadoudal ở Paris cho đến tận lúc này đúng không?

- Tôi giấu ngài, thưa ngài Tổng tài, trước hết để ngài không biết chuyện ấy.

- Thôi đừng đùa nữa. - Bonaparte cau mày nói.

- Tôi không hề đùa chút nào, thưa công dân tướng quân, và tôi lấy làm tiếc là hôm nay ngài buộc tôi phải nói ra. Niềm vinh hạnh mà ngài dành cho tôi trở thành chỗ thân tín cho phép tôi được quan sát ngài. Xin ngài đừng chau mày! Đó là tình trạng của tôi mới đúng. Thế này, ngài là một người dễ để lộ bí mật trong lúc giận dữ. Chừng nào ngài còn bình tĩnh, mọi chuyện đều êm đẹp, ngài sẽ giấu mình như một chai Champagne nhưng nếu ngài nóng giận, chai Champagne sẽ bật tung và thế là tất cả thành bọt hết.

- Ông Fouché, - Bonaparte nói - tôi xá cho ông tội so sánh đấy.

- Còn tôi, thưa tướng quân, tôi tự xá cho mình việc giữ bí mật cho nên xin phép ngài cho tôi được lui.

- Thôi nào, chúng ta đừng bực mình nữa - Bonaparte nói - Tôi muốn biết tại sao ông đã không bắt Georges.

- Ngài muốn biết ư?

- Tuyệt đối muốn.

- Thế nhỡ vì lỗi của ngài mà trận đánh Rivoli của tôi bị thất bại, ngài không xử tôi tội chứ?

- Không.

- Thế thì được rồi. Tôi muốn để ngài tóm gọn bọn người ngài muốn chỉ trong một mẻ lưới. Tôi muốn chính ngài là người đầu tiên vui mừng trước mẻ cá hoàn hảo. Tôi đã không cho bắt Cadoudal vì chỉ hôm qua Pichegru mới đến Paris.

- Cái gì?

- Pichegru đã đến Paris hôm qua. Hắn đang ở phố Arcade vì hắn chưa kịp gặp Moreau.

- Gặp Moreau! - Bonaparte kêu lên - Ông điên rồi, ông quên họ là kẻ thù không đội trời chung à?

- À vì Moreau đã tố cáo Pichegru ư! Chính ngài là người biết rõ hơn ai hết rằng Pichegru có người anh trai là tu sĩ, và để trả khoản nợ sáu trăm nghìn phăng cho Cayenne mà anh này để lại, Pichegru đã buộc phải bán thanh kiếm và ve áo với dòng thông báo: *"Thanh gươm Marengo và cầu vai của người chiến thắng nước Hà Lan"*. Ngài cũng biết rõ tướng Pichegru đã không nhận được khoảng tiền một triệu từ hoàng thân Condé. Ngài còn biết rõ hơn cả Pichegru, người không vợ không con, nên không thể nhận khoản hai trăm nghìn phăng cho bà vợ goá và một trăm nghìn cho con của anh ta trong bản cam kết với hoàng thân Condé. Đó là mẹo vặt mà các chính phủ sử dụng để chống lại người nào họ muốn vứt bỏ sau khi anh ta phục vụ nhiều đến mức người ta không còn cách trả nào khác ngoài sự bạc bẽo. Thế là Moreau đã nhận ra sai lầm của mình và Pichegru hôm qua đến để tha thứ cho ông ta.

Trước sự kết hợp của hai người mà Bonaparte ngỡ họ là kẻ thù bây giờ lại chĩa vào ông khiến ông không thể không đưa tay làm dấu trên ngực theo tục lệ của người dân đảo Corse.

- Nhưng - ông nói - khi họ gặp nhau, hoà hảo với nhau, khi những con dao nhọn sặc mùi trong không khí chĩa vào tôi thì ông sẽ loại chúng cho tôi chứ? Ông sẽ cho bắt chúng chứ?

- Chưa đâu!

- Thế ông còn chờ gì nữa?

- Tôi chờ khi nào hoàng tử mà họ đang mong đặt chân đến Paris. Họ đang chờ một ông hoàng của chính nhà Bourbon.

- Họ cần một ông hoàng để ám sát tôi à?

- Trước hết, ai nói với ngài rằng họ muốn ám sát ngài? Cadoudal đã tuyên bố nếu vì thù riêng, hắn sẽ không bao giờ ám sát ngài.

- Thế hắn có ý định gì khi đặt thuốc nổ?

- Hắn tưởng Chúa của hắn nằm trong tác phẩm của quỷ ấy.

- Vậy rốt cục hắn muốn gì?

- Muốn chiến đấu với ngài.

- Tôi sẽ đồng ý sao?

- Tại sao không? Hôm trước ngài đã muốn đấu cùng Moreau còn gì.

- Nhưng Moreau là Moreau, tức là một tướng tài, một người thắng trân. Tôi đã gọi anh ta là *Tướng về hưu*, nhưng đó là trước trận Hohenlinden. Họ muốn đấu với tôi thế nào?

- Một buổi tối, khi ngài trở về từ La Malmaison hay Saint-Cloud, ngài chỉ có khoảng ba chục tuỳ tùng thì khoảng ba chục quân Bảo hoàng do Cadoudal cầm đầu tấn công người của ngài. Với số quân tương đương, họ chặn đường ngài, sẽ giao đấu và sẽ giết ngài.

- Thế khi tôi chết rồi, họ sẽ làm gì?

- Ông hoàng kia cũng tham dự trận đấu nhưng dĩ nhiên không trực tiếp, ông ta sẽ tuyên bố lập lại triều đình. Bá tước miền Provence không cần động ngón tay vào tất cả việc này, sẽ nhân danh vua Louis XVIII và ngồi vào ngai vàng của các tiên đế, mọi việc thế là xong. Ngài chỉ còn là một đốm sáng trong lịch sử giống như một tia mặt trời quanh quỹ đạo vàng như Toulon, Montebello, Arcole, Rivali, Louis, Marengo, Pyramides…

- Đừng đùa nữa, ông Fouché. Ông hoàng nào phải đến Pháp để kế vị tôi?

- Về điều này, phải thưa rằng tôi vẫn chữa được rõ. Chúng tôi chờ ở Vedée những ông ta không đến. Chúng tôi lại chờ ở Quiberon ông ta vẫn không đến và có lẽ ông ta cũng không đến Paris như đã không tới Vendée và Quiberon.

- Được rồi, tôi đồng ý - Bonaparte nói - chúng ta hãy chờ hắn, ông đảm bảo tất cả chứ, ông Fouché.

- Tôi bảo đảm tất cả ở Paris miễn là cảnh sát của ngài không can thiệp vào cảnh sát của tôi.

- Được thoả thuận thế nhé. Ông biết là tôi không đề phòng gì hết, chính ông là người bảo vệ tôi. Nhân đây, đừng quên thưởng sáu nghìn phăng cho nhân viên của ông và nếu có thể, bảo anh ta đừng rời mắt khỏi Cadoudal.

- Xin ngài cứ yên tâm, nếu anh ta để mất hắn, chúng tôi còn hai tiêu điểm khác để dò ra hắn.

- Tiêu điểm gì?

- Moreau và Pichegru.

Fouché vừa ra khỏi phòng, Bonaparte đã cho gọi Savery.

- Savery, Bonaparte nói vời sĩ quan tuỳ tùng của mình - Hãy mang cho tôi danh sách những kẻ tình nghi trong các vụ nhận xe thuế hay các trường hợp tương tự đến đây.

Kỳ thực, từ ngày lập lại tình hình trong nước, cảnh sát đã lên danh sách tất cả những ai từng vi phạm tội dân sự hay lập danh sách những phần tử chống đối trong đó có các vụ cướp xe thuế.

Tất cả được chia làm nhiều thành phần như sau:

- Những kẻ kích động.

- Thủ phạm.

- Tòng phạm.

- Chứa chấp và giúp những người này tẩu thoát.

Cần phải tìm ra tên chữa đồng hô mà Querelle và nhân viên của Fouché nhắc tới. Qua nhân viên của Fouché, Bonaparte đã có thể biết tên hắn nhưng ông không muốn quá coi trọng cái tên này vì sợ làm lộ kế hoạch của Fouché.

Thực ra Bonaparte hầu như bị thương tổn trước sự sáng suốt của Fouché cũng như trước sự mù quáng của Régnier, ở giữa mối nguy hiểm mà ông không biết gì, được bảo vệ mà lại không phải tấm chắn của cảnh sát. Là một người thiên tài và có tính cách, Bonaparte muốn tận mắt mình xem xét xung quanh. Chính vì vậy ông mới cho Savary mang danh sách những kẻ tình nghi từ phòng Seine Inférieure đến.

Mới nhìn qua danh sách ở Eu và Tréport, họ thấy tên chữa đồng hồ là Troche. Ông bố đã bị bắt vì tội đồng loã trong vụ này, người ta không lấy

được lời khai của hắn. Những hắn còn một người con trai khoảng mười chín tuổi chắc chắn biết nhiều như bố về các vụ tàu cập bến và những chuyến còn tiếp tục sau đó.

Bonaparte ra lệnh bằng điện tín cho bắt và dẫn ngay đứa con đó lên Paris, nếu đi bằng xe ngựa, ngay sáng hôm sau, cậu ta có thể đến nơi.

Trong thời gian đó, Réal quay trở lại nhà tù. Ông gặp lại tù nhân trong một tình cảnh đáng thương.

Mới sáng sớm, tức là từ sáu giờ đến bảy giờ, lực lượng quân đội người phải dẫn anh ta ra đồng bằng Grenelle để xử bắn, đã xếp vào vị trí. Chiếc xe dẫn tù nhân đậu trước lối ra với cánh cửa mở sẵn và bục bước lên đã hạ.

Kẻ bất hạnh vẫn ở trong nhà giam có cánh cửa sắt hướng ra phố. Qua cửa sổ, anh ta có thể thấy khung cảnh chuẩn bị vụ xử bắn kinh hoàng ấy, dù không khiếp bằng việc chặt đầu nhưng dẫu sao anh ta vẫn thấy tức thở.

Anh ta thấy người ta vội vã đi lấy lệnh hành quyết, còn tay quản ngục đã yên chỗ trên ngựa đang chờ đợi được tham dự buổi hành hình khi lệnh đến. Đám long kỵ binh áp giải cũng đã xếp hàng chờ sẵn, viên sĩ quan chỉ huy đội này cũng đã lên ngựa ngay sát cửa sổ của anh ta. Tù nhân chờ đợi khoảng thời gian khủng khiếp từ sáu rưỡi đến chín giờ.

Cuối cùng chín giờ cũng đã đến, sau khi đếm những tiếng chuông đổ thêm ba mươi phút, mười lăm phút, anh ta đã nghe thấy tiếng xe giống như tiếng lúc xe lúc năm giờ sáng. Thế là anh ta hướng ánh mắt lo lắng ra phía cửa, tai anh ta căng ra để nghe tiếng bước chân trong hành lang, những cảm xúc ban sáng lại rộn ràng trong lồng ngực.

Réal bước vào với nụ cười trên môi.

- Ôi ngài sẽ không cười nếu như tôi bị kết án tử hình! - Kẻ bất hạnh reo lên rồi sụp xuống ôm chân ông vào lòng.

- Tôi không hứa thả anh - Réal nói - Tôi đã hứa có án treo và tôi mang nó đến đây. Tôi đã gắng sức để cứu anh rồi.

- Thế thì được rồi! - Tù nhân kêu to - Nếu ngài không muốn tôi chết vì sợ hãi thì hãy cho giải tán đám long kỵ binh, chiếc xe và binh lính ngoài kia đi.

Họ ở đó vì tôi, và chừng nào họ còn ở đó tôi vẫn chưa tin những gì ngài nói.

Réal cho gọi chỉ huy đội quân đến.

- Việc thi hành án bị bãi bỏ - ông nói - do lệnh của ngài Tổng tài. Hãy giữ người này thật cẩn thận, tối nay sẽ đưa anh ta đến Temple.

Querelle thở phào. Temple là nhà tù dài hạn nhưng ở đó sẽ ít nguy hiểm. Cuối cùng, đó cũng là điều mà ông Réal muốn nói với anh ta. Rồi ngay sau đó, qua cánh cửa, Querelle thấy người ta nhấc bục đi, đóng cửa xe lại, chuyển nó đi. Anh ta còn thấy viên sĩ quan xuống ngựa dẫn đầu đoàn quân của mình rồi anh ta không thấy gì nữa. Trong niềm sung sướng cực độ, anh ta đã ngất xỉu. Bác sĩ được gọi đến. Querelle tỉnh dậy, được đưa vào nhà giam bí mật và theo lệnh, ngay đêm hôm đó được dẫn đến Temple.

Ông Réal ở lại bên cạnh anh ta khi anh này ngất xỉu. Lúc tỉnh dậy, ông đã hứa sẽ xin thêm cho anh ta với ngài Tổng tài.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 33
Rình hụt

Hoàn cảnh đặc biệt đã giúp cảnh sát tìm ra dấu vết của ông Troche. Hai, ba năm trước, một cuộc đụng độ giữa quân Bảo hoàng và dân buôn lậu đã xảy ra nhân một chuyến cập tàu đã có nổ súng và trên một trong số gói hàng cháy dở còn sót lại trên bãi chiến trường, người ta đọc được dòng chữ; *Gửi công dân Troche, thợ đồng hồ ở…*

Lúc ấy ai cũng biết ở Dieppe có công dân Troche, do đó không ai không nghi ngờ công dân Troche có dính líu, và chính lá thư ấy đã khiến ông ta trở thành đối tượng quan tâm của chính phủ.

Khoảng sáu ngày trước, người ta đã bắt công dân Troche và dẫn ông ta từ Dieppe về Paris. Đó là một người miền Normand khoảng bốn mươi lăm đến năm mươi tuổi, người này đã được cho gặp Querelle nhưng hôm ấy thấy Querelle không muốn nhận mình nên ông ta cũng không nhận Querelle. Mặc dù chối tội, người ta vẫn cho ông Troche vào nhà giam.

Nhưng vẫn còn Troche con, một chàng trai cao lớn khoảng mười chín, đôi mươi. Nhìn bề ngoài rất ngây thơ nhưng anh ta còn giỏi buôn lậu hơn chữa đồng hồ. Bị bắt đến Paris, anh ta được đưa đến chỗ Savary, cận vệ của ngài Tổng tài. Sau khi nghe nói cha mình đã thú nhận tất cả. Nicolas Troche tin ngay và cũng nhận tội.

Lời khai của anh này không làm hại anh ta nhiều. Anh ta được tin những người buôn lậu muốn cập bến, anh ta ra hiệu cho họ. Nếu biển lặng, anh ta giúp họ, nếu biển động anh ta chờ "lặng sóng" rồi giúp họ đến khi họ lên đỉnh vách đá ấy. Sau đó, anh ta chỉ gặp một người để lấy tiền là ba phăng cho mỗi lượt người được giúp lên đỉnh vách đá. Đó lâ công việc từ thời xa xưa của nhà Troche, con trai cả trong nhà mới được thừa kế hưởng lợi nhuận ấy và nhà Troche kiếm cả ngàn phăng mà không bao giờ nghĩ họ là ai khác ngoài dân buôn lậu.

Qua một cánh cửa hé mở, tướng Bonaparte đã nghe thấy toàn bộ cuộc hỏi cung. Nó hoàn toàn giống như ông ta dự đoán. Savary hỏi liệu sắp có chuyến

cập bến nào hay không. Cậu con trai Troche trả lời rằng trong lúc Savary dành hân hạnh cho anh ta thì có một chiếc tàu từ Anh đang neo đậu trước vách đá Biville chỉ chờ lặng sóng là cập vào bờ.

Savary đã có kế hoạch do ngài Tổng tài vạch cho. Nếu Nicolas khai thật điều mà anh ta vừa làm. Savary sẽ đi cùng anh ta để chặn chuyến tàu mới đó.

Chàng trai Troche bị theo dõi suốt cả ngày hôm đó.

Dù viên tuỳ tùng của ngài Tổng tài rất nhanh nhẹn nhưng phải bảy giờ tối anh ta mới khởi hành trên một chiếc xe ca khổ to, trong đó có một tá hiến binh ưu tú.

Ban đầu, người ta định chuyển Nicolas Troche vào trại giam để anh ta gặp lại người cha Jéromé Troche của mình, nhưng anh chàng vốn thích không khí thoải mái hơn là nhà tù đã nói rằng nếu trên bờ không có tín hiệu quen thuộc, tàu sẽ không ghé đậu.

Troche là một thợ săn thực thụ, anh ta chỉ cần săn mà bất cần là săn cho ai. Hơn nữa, anh ta bị kích động với ý nghĩ rằng con đường mình đang đi biết đâu dẫn anh ta đến đoạn đầu đài thì sao, tốt nhất là nên nhiệt tình đi giăng bẫy cho kẻ sắp đến cũng giống như từng giúp những người đã đi trước vậy. Savary đến Dieppe sau khi rời Paris hai mươi tư tiếng. Anh được sự uỷ quyền của Bộ chiến tranh có thể tuỳ ý hành động trước mọi tình huống.

Troche ngay lập tức ra hiệu bên bờ biển. Biển vẫn rất xấu và chiếc tàu hai cột buồm còn ở đó.

Thời tiết xấu khiến cho không tàu nào vào bờ được. Savary đưa Troche ra bờ biển ngay từ sớm. Chiếc tàu nọ vẫn ở đó chừng nào lặng gió, nó có thể tiến lại gần chân vách đá. Nhưng Savary không muốn dừng chân ở Dieppe. Anh cải trang thành thương nhân cùng một tá người của mình đi đến Biville. Họ là những người đã được lựa chọn từ những nhân viên giỏi giang thật sự.

Savary gửi ngựa và theo hướng dẫn của Troche, đi vào một ngôi nhà mà những người trên con tàu nước Anh thường lui đến.

Ngôi nhà này hoàn toàn cách biệt và nằm ngoài tầm kiểm soát của các nhà

chức trách, nằm ở tận cùng ngôi làng quay ra biển, nó giúp cho những ai đến đây ẩn náu có lợi là ra vào mà không bị ai phát lủện.

Savary để người của mình ở ngoài vườn rồi bước qua hàng rào tiến về phía ngôi nhà nhỏ. Qua cánh cửa chắn gió hé mở, anh thấy một chiếc bàn chất đầy rượu vang, bánh mì cắt sẵn và những lát bơ.

Savary quay lại phía hàng rào, gọi Troche lại và chỉ cho anh ta sự chuẩn bị ăn uống ấy.

- Đó là bữa ăn nhẹ mà chúng tôi chuẩn bị sẵn cho những ai đến bờ. Điều này chứng tỏ tàu sẽ cập bến vào đêm nay, ngày mai hoặc mấy hôm nữa. Nếu thuỷ triều hạ, họ sẽ có mặt ở đây trong vòng mười lăm phút hoặc không trước ngày mai - Troche đáp.

Savary chờ một cách vô ích, ngày hôm đó và cả những ngày sau vẫn không thấy tàu cập vào bờ. Tuy nhiên, chuyến tàu ấy được chờ đợi một cách nóng lòng nhất. Tin đồn cho rằng vị hoàng tử nọ đang ở trên chuyến tàu ấy.

Ngay từ sớm, Savary đã ra vách đá mặt đất phủ đầy tuyết trắng trên đường đi, anh ngỡ mình đã có kết quả trong giây lát.

Nhưng gió thổi từ bờ biển thổi vào dữ dội, xoáy theo những bông tuyết trắng đến nỗi người ta chỉ nhìn ra xa được vài bộ. Tuy thế, người ta vẫn chờ đợi.

Có tiếng nói vang lên từ đoạn đường gồ ghề ven vách đá, Troche đặt tay lên cánh tay Savary và nói:

- Đó là người của chúng tôi, tôi nghe thấy giọng của Pageot de Pauly.

Pageot de Pauly là một chàng thanh niên trạc tuổi Troche đang thay anh ta làm người dẫn đường trong lúc Troche vắng mặt.

Savary sai người chặn đoạn đường gồ ghề còn mình cùng với Troche và hai người nữa tiến về phía có tiếng nói.

Bốn người bất thình lình hiện ra trên đỉnh vách đá, tiếng kêu "Đứng lại!" vang lên khiến những kẻ đi đêm phải khiếp sợ

Nhưng Pageot đã nhận ra Troche và reo to:

- Đừng sợ, có Troche ở đó!

Hai toán người tiến lại gần nhau, những người đi cùng Pageot chỉ là dân trong làng đến chờ tàu vào bờ.

Lần này, con tàu đã thử nhưng nó không thể vì sóng quá lớn, trên tàu có tiếng vọng đến:

- Hẹn ngày mai!

Gió đã mang câu ấy đến chỗ mấy người dân này. Đây là lần thứ ba con tàu định vào bờ mà không được. Ban ngày, nó thả neo ngoài khơi, đậu tại đó suốt cả ngày, buổi tối, nó sáp vào đất liền và định cập bến.

Savary rình suốt đêm nhưng không chỉ không có gì xảy ra mà sớm ngày hôm sau, người ta đã thấy nó giong buồm rời xa bờ tiến về phía nước Anh.

Savary ở thêm một ngày xem nó có quay lại không. Trong thời gian ấy, anh đi xem sợi dây cáp dùng để leo lên vách đá. Dù là một người không dễ để con tim nao núng, anh vẫn phải thừa nhận thà tham gia vào mười trận chiến còn hơn là phải leo lên vách đá dựng đứng không có mấy chỗ bám với bão tố quay cuồng xung quanh, bóng tối trên đầu và biển dưới chân như vậy.

Ngày nào, anh cũng gửi tin tức về cho Bonaparte. Đến ngày thứ hai mươi tám, anh nhận điện phải trở về Paris. Savary tuân lệnh về Paris vì một số điểm đã rõ nhưng bóng tối còn trùm lên một số điểm khác.

Bonaparte đã nhận được tin chắc chắn rằng con tàu xuất hiện suốt hơn chục ngày do Savary báo không hề có ông hoàng nổi tiếng, người mà nếu không có thì Georges tuyên bố sẽ không hành động.

- Nếu hành động một mình, Georges chỉ là một kẻ phiến loạn tầm thường. Nếu kết hợp với công tước Berry hay bá tước Altois tức là ông ta trở thành đồng minh của hoàng tử.

Một hôm, Bonaparte cho gọi Carnot và Fouché đến bên mình. Chúng ta hãy xem ông tự nói gì về cuộc gặp mặt ấy trong tập bản thảo viết tay do con tàu Le Heron mang về từ đảo Sainte-Helène nơi mà Bonaparte bị lưu đày:

"Tuy nhiên, tôi càng đi lên, phái Jacobin, người không tha thứ cho tôi về việc xử anh em của họ, càng trở nên nguy hiểm. Trong tình hình ấy, tôi cho gọi Carnot và Fouché đến.

- Thưa các ông - Tôi với họ - sau những cơn phong ba bão táp liên miên, tôi những mong nó chứng tỏ cho các vị tin rằng lợi ích của nước Pháp vẫn chưa hoà hợp với các chính phủ khác trong suốt thời kỳ Cách mạng, chưa một ai bằng lòng về vị trí địa lý của nước Pháp, về dân cư và số lượng thuộc địa của nó. Sự bình yên mà nhà nước mang lại hiện nay vẫn còn như trên một núi lửa, phải luôn lường trước một ngày nó sẽ hoạt động với lớp dung nham sôi sục. Cũng giống như bao nhiêu người cao cả khác, tôi thiết nghĩ chỉ có một cách để cứu nước Pháp và bảo đảm cho lợi ích mãi mãi về sau với sự tự do mà nó dành được đó là đặt nó dưới một chế độ quân chủ lập hiến trong đó ngai vàng sẽ được thừa kế.

Carnot và Fouché không hề ngạc nhiên trước đề nghị của tôi; họ đang chờ đợi điều này. Carnot nói thẳng là ông ta thấy rõ tôi đang nhòm nhó ngai vàng.

- Khi điều đó được thực hiện - Tôi trả lời ông ta - thì ông thấy có gì phải tiếc khi mà kết quả sẽ mang lại vinh quang và bình yên cho nước Pháp?

- Tôi tiếc khi chỉ trong một ngày ngài phá huỷ toàn bộ tác phẩm của toàn dân tộc và điều này sẽ có thể làm chính ngài hối hận.

- Tôi thấy rõ mình không còn gì để nói với Carnot nên đã kết thúc buổi nói chuyện tại đó nhưng với Fouché thì khác. Sau vài ngày, tôi lại cho gọi ông ta.

Carnot đã nói toạc bí mật của tôi mà trên thực tế, nó cũng không còn là bí mật nữa, không yêu cầu ông ta im lặng, tôi không cớ gì mà bực mình về sự khiếm nhã của ông ta. Mà dẫu nó cũng phải để mọi người biết kế hoạch của tôi xem phản ứng của họ ra sao.

Các sắc lệnh đều do tôi ban ra, kể từ khi tôi đứng đầu mọi việc Họ có chuẩn bị cho người Pháp thấy một ngày tôi cầm cây vương trượng hay họ có tin sắc lệnh ấy có thể mang cho dân chúng bình yên và hạnh phúc. Đó là điều tôi không biết như có một điều luôn đúng là mọi việc sẽ êm đẹp khi có bàn tay của quỷ, đó là Fouché. Nếu ông ta truyền tin thiện chí, ông ta sẽ có ít lỗi, nếu ông ta gây cho tôi bối rối, đó là một con quái vật.

Vừa có tin tôi chuẩn bị lên ngôi, Fouché, nhờ các tay chân của mình bề ngoài thì không phải do ông ta chủ mưu, đã loan tin đến tất cả các chủ chốt của phái Jacobin rằng tôi muốn lập lại ngai vàng chỉ trong mục đích duy nhất là muốn quyền thừa kế vương miện được hợp pháp. Người ta còn thêm thắt rằng bằng hiệp ước bí mật, tôi sẽ áp đặt việc tái thiết vương triều cho tất cả các cường quốc nước ngoài.

Sự bịa đặt thật quỷ quyệt, nó đặt lên lưng tôi tất cả mọi lá thư trong đó lời kêu gọi của nhà Bourbon có thể làm phương hại đến cả sinh mệnh của tôi.

Nhưng hồi đó tôi chưa hiểu rõ Fouché nên không thể nghi ngờ ông ta trong vụ việc đen tối ấy. Những gì tôi nói đều thật thà đến nỗi tôi còn giao cho ông ta đi thăm dò các ý kiến. Ông ta chẳng cần đi đâu vì tất cả ý kiến đều là sản phẩm của ông ta.

- Phái Jacobin - ông ta nói - sẽ dốc giọt máu cuối cùng trước khi để ngài ngồi lên ngai vàng. Không phải họ nghi ngại chế độ quân chủ, tôi còn nghe biết đâu họ cũng thấy đây là cách tốt nhất để kết thúc mọi việc, những tất cả là do chúng muốn đẩy nhà Bourbon đi vì chúng cho rằng chế độ nào cũng đáng sợ.

Đoạn diễn văn này tuý cỏ dự báo trở ngại nhưng không hề khiến tôi nản lòng, tôi không hề nghĩ đến nhà Bourbon. Tôi tỏ thái độ ấy với Fouché và hỏi ông ta làm thế nào để chỉnh lại những tin đồn nhảm và thuyết phục phái Jacobin rằng tôi chỉ làm việc vì mục đích của mình.

Ông ta xin tôi hai ngày để đưa ra câu trả lời.

Hai ngày sau, như Bonaparte nói, Fouché đã đến. Ông ta nói:

- Chiếc tàu mà Savary báo với chúng ta đã biến mất sau ngày thứ mười một. Chiếc tàu ấy chỉ chứa những tay chân phụ tá, cho họ lên bờ biển Bretagne rồi trở lại bằng con đường khác. Ngài còn lạ gì các ông hoàng nhà Bourbon, bá tước Artois và công tước Berry họ lại chịu lộ diện chiến đấu với ngài ở Paris ư. Họ không bao giờ ra mặt (mặc dù trước đây lời kêu gọi khắp nơi) chiến đấu với quân Cộng hoà ở Vendée. Bá tước Artois còn mải dành tình yêu của mình cho các quý cô và quý bà nước Anh xinh đẹp Còn về công tước Barry, ngài cũng biết ông ta đấy, không bao giờ ông ta chứng tỏ lòng can đảm cá nhân trong các cuộc đọ gươm hay đấu súng điều mà các hoàng

tử khác sẽ không bỏ qua cơ hội. Tuy nhiên bên bờ sông Rhin, cạnh nước Pháp khoảng bảy tám dặm có một người đàn ông rất dũng cảm, người đã hai mươi lần chứng tỏ lòng can đảm ấy khi chiến đấu với quân Cộng hoà. Đó là con trai của hoàng thân Condé, công tước Enghien.

Bonaparte rùng mình.

- Cẩn thận đấy ông Fouché - Bonaparte nói - Mặc dù tôi không thẳng thắn nôi dự định trong tương lai của mình đối với ông nhưng dần dần tôi thấy ông đang sợ đấy. Ông sợ một ngày tôi hoà hảo với nhà Bourbon và ngày đó, hỡi con người hay diệt trừ các chế độ, ông sẽ ở trong một tình thế bấp bênh. Còn nếu một người nhà Bourbon chống lại tôi, nếu điều đó hiện ra rõ ràng trước mắt tôi, thì cũng không triều đình hay ý kiến xã hội nào ngăn tôi được. Tôi muốn đi đến cùng vận mệnh của mình, dù nó thế nào, tôi cùng vận mệnh ấy được viết lên cuốn sách định mệnh.

Tất cả chướng ngại trên con đường của tôi, tôi sẽ lật đổ hết, nhưng tôi cần phải có quyền lực và lý trí.

- Thưa ngài - Fouché nói - Không phải vô tình hay vì mục đích cá nhân mà tôi nói với ngài về công tước Enghien vì dạo trước sau khi mang thông điệp của Cadoudal tới ngài, Sol de Grisolles, thay vì đến London gặp lại tướng quân của anh ta, đã sang Đức. Tôi dễ dàng biết anh ta làm gì bên bờ kia sông Rhin. Tôi đã sai nhân viên mà anh ta hân hạnh được gặp ngài hôm nọ đi theo dõi Sol. Đó là một người rất khéo léo, ngài cũng thấy đấy. Anh ta theo Sol đến Strasbourg, cũng vượt sông với anh này, làm quen với Sol dọc đường và cùng đến Ettenheim. Điều đầu tiên cận vệ của Cadoudal làm là đến thăm đức ông Enghien. Ông này còn mời anh ta ở lại ăn tối và giữ anh ta đến tận mười giờ tối.

- Này này - Bonaparte đột ngột nói vì ông đã thấy Fouché muốn đưa ông đi đâu - Nhân viên của ông không ăn tối cùng họ đúng không? Nhưng làm sao anh ta biết họ nói gì và vạch kế hoạch gì?

- Họ nói gì đâu có khó đoán. Những kế hoạch họ đã làm cũng dễ hình dung ra. Nhưng, để không võ đoán chúng ta hãy dừng ở tính xác thực. Thưa ngài, người của tôi vốn làm chủ thời gian nên không thể bỏ lỡ vài tiếng mà không làm gì. Quả vậy! Anh ta đã dùng nó để dò la tin tức, qua đó, anh ta biết công tước Enghien thỉnh thoảng lại rời Ettenheim bảy tám ngày, ngoài ra anh ta còn biết có lần ông ấy qua đêm thậm chí hai đêm ở Strasbourg.

- Chuyện ấy thì có gì lạ - Bonaparte nói - Tôi cũng được báo ông ta đến đó làm gì.

- Ông ta đến đó làm gì vậy? - Fouché hỏi.

- Ông ta đi gặp tình nhân của mình - quận chúa Charlotte de Rohan.

- Bây giờ - Fouché nói - vấn đề là xem việc gặp phu nhân Charlotte de Rohan, người không phải là tình nhân của công tước Enghien mà là vợ ông ta vì ông này đã bí mật cưới bà ấy (lẽ ra bà đã có thể sống cùng chồng ở Ettenheim) có phải là cái cớ để ông ấy đến Strasbourg gặp các đồng loã của mình khi mà Strasbourg chỉ cách Paris hai mươi tiếng.

Bonaparte nhíu mày.

- Chính vì thế mà người ta đã khẳng định với tôi ông ta đến đó để xem kịch. Tôi đã nhún vai mà nói rằng điều ấy không đúng. Dù ông ta đến xem kịch hay không - Fouché nói - tôi cũng mong ngài Tổng tài không nên rời mắt khỏi ông hoàng Enghien.

- Tôi còn làm nhiều hơn thế - Bonaparte nói - Ngày mai, tôi sẽ cử một người tin cẩn sang bên kia sông Rhin. Anh ta sẽ trực tiếp báo cáo cho tôi, ngay khi anh ta trở về, chúng ta sẽ lại đề cập đến vấn đề này.

Nói rồi ông quay lưng lại Fouché, điều đó có nghĩa là ông muốn ở lại một mình.

Fouché đi ra.

Một giờ sau, ngài Tổng tài cho gọi thanh tra sở mật vụ đến văn phòng của mình và hỏi có phải trong cơ quan của anh ta có một người thông minh lanh lợi có thể sang Đức để thực hiện một nhiệm vụ bí mật, kiểm tra lại các tin tức của nhân viên của Fouché.

Người này trả lời rằng ông ta có một người mà ngài Tổng tài cần tên và hỏi xem liệu ngài Tổng tài muốn tự mình giao nhiệm vụ hay chỉ cần ông ta báo lại cho nhân viên ấy.

Bonaparte đáp với một nhiệm vụ quan trọng như vậy, các yêu cầu cần phải

rõ ràng. Do đó, tự tay ông thảo các yêu cầu ngay trong buổi tối và giao cho viên thanh tra chuyển đến sĩ quan nọ.

Các yêu cầu đó là:

"Tìm hiểu xem có phải công tước Enghien thường vắng mặt một cách bí hiểm khỏi Ettenheim.

Tìm hiểu những kẻ lưu vong hay lui tới và thường được long trọng đón tiếp.

Tìm hiểu xem ông ta có quan hệ chính trị với người Anh qua kênh của nước Đức hay không?"

Tám giờ sáng hôm sau, viên sĩ quan đi Strasbourg.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 34
Lời khai của kẻ treo cổ

Trong lúc ngài Tổng tài soạn các yêu cầu cho viên sĩ quan của sở mật vụ thì một cảnh thương tâm xảy ra tại nhà lao Temple nơi mới có thêm vài tù nhân được chuyển đến.

Họ là một gia nhân của Georges có tên là Picot và hai đồng loã bị bắt cùng anh ta tại nhà người buôn rượu vang trên phố Bac cùng ngày mà Thợ Nề thấy Georges đi ra khỏi đây. Người ta tên thấy tấm bản đồ trong phòng của Picot đánh dấu địa chỉ trên phố Saintonge, người ta đến đó và bắt được Roger cùng Demonvine, chỉ thiếu chút nữa Coster de Saint-Victor cũng bị tóm.

Ngay đêm vào Temple, Demonville đã tự treo cổ. Người ta phát hiện ra anh ta vì mới có lệnh cai ngục phải xem xét tù nhân hai lần trong đêm. Thông thường, sau khi tống giam tù nhân vào buổi tối, sớm hôm sau quản ngục mới quay lại.

Có một phạm nhân khác tên là Bouvet de Lozier bị bắt tại nhà bà Saint-Léger nào đó trên phố Saint-Sauveur ngày 12 tháng Hai. Bị dẫn đến nhà lao Temple, người ta bí mật giam hắn vào cạnh phòng sưởi công cộng. Ban đầu hắn bị đối đãi khá tệ bạc và bị hỏi cung gay gắt.

Đó là người đàn ông trạc ba mươi sáu tuổi, là quan triều đình giữ chức thượng tướng trong quân đội của Georges, là một trong số sĩ quan tin cẩn nhất, ông ta lúc nào cũng có mặt trong đanh sách của Savary.

Người này là một trong số sĩ quan năng nổ nhất và đã thuê nhà của bà Saint-Léger. Anh hắn còn thuê một nhà số 6 phố Grande-Rue ở Chaillot nơi Georges đã tới gặp hắn với cái tên Larive.

Khi thấy ngay buổi hỏi cung đầu tiên, hắn đã khai quá nhiều và sợ còn khai nữa ở buổi hỏi tiếp theo nên hắn quyết định tự sát giống như Demonville vừa làm.

Quả nhiên, vào khoảng nửa đêm ngày 14 tháng Hai, hắn lấy một sợi dây cà vạt bằng lụa đen mắc vào goòng cửa cao nhất để treo cổ.

Nhưng đúng lúc hắn không còn biết gì nữa thì Savard, người gác ngục đi kiểm tra. Ông này thấy cửa nặng trịch không mở được vội xô mạnh vào, ông nghe thấy một tiếng rên khẽ, quay lại thì thấy tù nhân treo lủng lẳng trên sợi dây cà vạt. Ông la lên thất thanh, người gác thứ hai tưởng có đụng độ vội chạy vào tay cầm con dao găm.

- Cắt đi Elie, cắt đi - Savard kêu lên và chỉ vào cái cà vạt.

Elie không để lỡ một giây phút nào, cắt ngay khiến Bouvet lăn ra đất bất động. Họ ngỡ hắn đã chết nhưng người quản lý nhà tù ông Fauconnier muốn chắc chắn nên sai người đưa hắn sang phòng lục sự và cho gọi bác sĩ ở Temple, đó là ông Souppé.

Ông bác sĩ thấy phạm nhân còn thở nên tiến hành chích máu, máu chảy ra một lát thì Bouvet de Lozier cũng mở mắt. Sau đó chờ cho hắn tỉnh hẳn, người ta đưa hắn đến chỗ công dân Desmarets, chỉ huy cảnh sát tối cao.

Ở đó hắn gặp ông Réal và hắn không những chịu khai tất cả mà còn tự tay viết văn bản. Bảy giờ sáng ngày hôm sau, đúng lúc sĩ quan mật vụ khởi hành sang Đức thì ông Réal vào gặp ngài Tổng tài. Bonaparte đang được Constant cắt tóc.

- Chào ông Hội đồng, chắc có tin gì mới nên tôi mới được gặp ông sớm như vậy?

- Vâng, thưa tướng quân. Tôi có tin tức tối quan trọng báo chò ngài, nhưng tôi muốn thưa riêng với ngài.

- Ông đừng ngại Constant. Constant không phải là người ngoài.

- Như ngài muốn, thưa tướng quân, chắc ngài cũng biết Pichegru đang ở Paris chứ?

- Tôi biết -Bonaparte trả lời -Fouché đã nói cho tôi nghe.

- Vâng. Nhưng ông ta chưa nói, chắc Fouché chưa biết, là Pichegru và Moreau đã gặp nhau để cùng làm phản.

- Đừng nói gì nữa. - Bonaparte nói.

Rồi ông đưa một ngón tay lên miệng ra hiệu cho Réal im lặng. Ông ra lệnh cho Constant làm nhanh tay rồi dẫn uỷ viên Hội đồng nhà nước vào phòng làm việc của mình.

- Ông nói đúng - Bonaparte nói - nếu những gì ông thông báo với tôi là sự thật thì tin này quả vô cùng quan trọng.

Nói xong, ngài Tổng tài lại làm dấu lên ngực, một cử chỉ mà chúng ta đã thấy đôi lần.

Réal kể lại chuyện xảy ra tại nhà lao Temple.

- Ngài nói là hắn đã tự viết bản lời khai?

- Nó đây - Réal đáp.

Trong cơn vội vã, Bonaparte như giật nó khỏi tay Réal. Thông tin Moreau tham gia vào âm mưu sát hại ông quả là tin động trời. Moreau và Pichegru là hai người duy nhất có thể đặt thế đối trọng với ông trong chiến thuật quân sự. Bị buộc tội chính xác hoặc bị vu oan là kẻ phản bội nước Pháp, Pichegru bị điệu đến Sinnamary sau ngày 18 Fructidor. Mặc dù được cứu thoát nhờ phép màu từ bàn tay của Chúa, con người này cũng không còn đáng sợ đối với Bonaparte nữa.

Nhưng Moreau thì ngược lại, rất nổi tiếng trong trận Hohenlinden bị Bonaparte bạc đãi trong chiến thắng vinh quang và lẫy lừng ấy. Moreau sống một cuộc sống thanh đạm ở Paris nhưng lại có lực lượng ủng hộ rất lớn. Với các cuộc nổi dậy 18 Fructidor và 13 Vendémaire, Bonaparte nhằm vào phái Jacobin, tức là đảng Cộng hoà cựu hữu. Nhưng tất cả đảng Cộng hoà ôn hoà thấy ngài Tổng tài ngày càng thâu tóm quyền hành và bước dần đến nền đế chế nên toàn bộ đảng này tập hợp lại quanh Moreau, dù không về

mặt vật chất, nhưng ít ra là về mặt tinh thần.

Ngoài ra còn có ba bốn tướng khác còn trung thành với các nguyên tắc 89 và thậm chí các nguyên tắc 93 cộng với sự bất mãn ra mặt trong quân đội do Augereau và Bemadotte cảm đầu hay bất mãn dấu mặt như Malet, Oudet và phe Philadelphes, Moreau trở thành một đối thủ tầm cỡ đáng quan ngại. Thế là ngay lập tức, Moreau, một nhà Cộng hoà không chê trách vào đâu được như Fabius lại không chờ thời, cúi đầu tham gia vào một âm mưu của triều đình quân chủ với hai bên là Pichegru cựu quân Condé và Georges, quân Bảo hoàng. Bonaparte chỉ còn nước mỉm cười, ngước mắt lên trời mà rằng:

- Rõ ràng tôi bị sao chiếu mệnh!

Sau đó ông quay sang Réal.

- Lời khai này do tự tay hắn viết à?

- Vâng, thưa tướng quân.

- Và ký chứ.

- Ký rõ ràng.

- Xem nào.

Và ông đọc rất nhanh:

"Đó là một con người vừa bước ra khỏi nắp ván từ nấm mồ của mình và vẫn còn mang hình bóng của cái chết, ông ta đã đòi báo thù những kẻ bạc bẽo đã ném ông ta và dáng phái của ông ta vào lỗ huyệt ấy. Được cử về Pháp để khôi phục triều đình Bourbon, ông ta buộc phải hoặc chiến đấu cho Moreau hoặc từ bỏ mục đích duy nhất trong chuyên đi của mình".

Bonaparte dừng lại hỏi:

- Sao lại thế này, sao lại chiến đấu cho Moreau?

- Xin ngài đọc tiếp sẽ rõ. - Réal đáp.

"Một ông hoàng của nhà Bourbon phải sang Pháp để tham gia với tư cách

đứng đầu phe quân chủ. Moreau đã hứa sẽ tập hợp vì lợi ích của nhà Bourbon nhưng khi các đại diện đến Pháp, Moreau lại thay đổi. Ông ấy đề nghị họ chiến đấu cho ông ấy và sẽ đưa ông ấy vào chiếc ghế độc tài. Sự việc là thế còn ngài đánh giá chúng thế nào là tuỳ.

Một tướng quân từng phục vụ dưới trướng Moreau là Laiolais được cử sang London gặp hoàng tử để trình bày những điểm chính trong kế hoạch đề nghị đưa ra. Ông hoàng đã chuẩn bị khởi hành về Pháp nhưng trong cuộc hội đàm giữ Moreau, Pichegru và Georges ở Paris, Moreau đã tỏ rõ thái độ và tuyên bố chỉ có thể hành động vì một ghế độc tài chứ không cho một ông vua nào hết. Thế là có sự chia rẽ và phe quân chủ thất bại hoàn toàn.

Tôi đã gặp Lajolais ngày 25 tháng giêng tại Paris khi anh ta đến đón Georges và Pichegru trong chiếc xe có tôi ở trong ấy trên đại lộ Madeleine để dẫn họ đến gặp Moreau. Cuộc bàn bạc diễn ra ở Champs - Elysées. Moreau đã tuyên bố không thể lập lại ngôi vua, đề nghị đưa ông ấy đứng đầu chính phủ với chức danh độc tài và chỉ để quân quân chủ là liên minh hoặc là quân của ông ta.

Ông hoàng chỉ phải đến Pháp sau khi biết kết quả cuộc họp giữa ba tướng quân đó, và sau cuộc họp toàn thể đã có một thoả thuận hành động giữa họ.

Georges bác bỏ mọi ý định ám sát hay đặt thuốc nổ. Ngay từ London, ông ấy đã tuyên bố chính thức như vậy, ông ấy chỉ muốn một cuộc tấn công giáp lá cà dù quân của ông có phải bỏ mạng. Mục đích cuộc tấn công ấy là để lấy mạng ngài Tổng tài và chiếm luôn cả chính phủ.

Tôi không rõ lời khẳng định của một người mà hơn một tiếng trước muốn tự sát, người thấy phía trước mình là cái chết của chính phủ đối lập dành cho, có sức mạnh như thế nào đối với các vị, nhưng tôi không thể nén được những cơn tuyệt vọng, không thể không trả đũa con người dẫn tôi đến bước đường ấy vả lại, các vị có thể sẽ thấy sự việc đúng với tất cả những gì tôi khai trong một bản án lớn mà phần nào tôi cũng có hệ luỵ.

ROUVET DE LOZIER"

Bonaparte trở nên câm lặng giây lát sau khi đọc xong lời khai.

Rõ ràng, bằng sự tập trung suy nghĩ cao độ, ông đang tấn ra cách giải quyết vấn đề. Sau đó, ông tự nói với mình:

- Người duy nhất có thể khiến ta lo lắng, người duy nhất có cơ hội chống lại ta lại thất bại một cách vụng về đến vậy! Không thể thế được!

- Ngài có muốn tôi cho bắt Moreau ngay tại trận không? - Réal hỏi.

Ngài Tổng tài lắc đầu.

- Moreau là một người vô cùng quan trọng, ông ta đối đầu với tôi quá trực tiếp tôi lại càng tránh để mình lộ liễu, tránh bị phỏng đoán.

- Nhưng nếu Moreau kết hợp với Pichegru âm mưu làm phản? - Réal bác bẻ lại.

- Phải nói với ông rằng, tôi chỉ biết việc Pichegru xuất hiện ở Paris qua Fouché và qua tên treo cổ của ông. Thế mà tất cả báo giới nước Anh đều nói về hắn như thể hắn còn đang ở London. Tôi biết các báo này chống lại tôi và chống lại chính phủ Pháp.

- Trong mọi trường hợp - Réal nói - Tôi đã cho đóng chặt các trạm kiểm soát và theo dõi gắt gao tất cả những ai muốn nhập cảnh.

- Nhất là những người muốn đi - Bonaparte nói.

- Có phải ngày kia ngài có cuộc duyệt binh lớn không thưa ngài Tổng tài?

- Đúng vậy.

- Ngài hãy huỷ nó đi.

- Sao phải thế!

- Vì chúng ta vẫn còn khoảng sáu chục kẻ mưu phản muốn đào tẩu khỏi Paris khi thấy mọi phương cách rời thủ đô đều chặn lại chứng sẽ có những phản ứng liều mạng.

- Chuyện đó liên quan gì đến tôi? Chẳng phải nghĩa vụ của các ông là bảo vệ tôi hay sao?

- Thưa tướng quân, - Réal đáp - chúng tôi chỉ bảo đảm an ninh cho ngài với điều kiện ngài huỷ buổi duyệt binh.

- Thưa ngài uỷ viên Hội đồng, tôi xin nhắc lại với ông - Bonaparte là bắt đầu mất kiên nhẫn nói - rằng chúng ta mỗi người một việc, nhiệm vụ của ông là bảo vệ tôi để chúng không ám sát tôi trong lúc tôi duyệt binh, nhiệm vụ của tôi là duyệt binh trong nguy cơ bị ám sát.

- Thưa tướng quân, như thế thật bất cẩn.

- Ông Réal, ông nói như một uỷ viên Hội đồng Nhà nước, thứ thận trọng nhất ở Pháp, đó chính là lòng dũng cảm đấy.

Rồi ông quay lưng lại nói với Savary:

- Truyền mã lệnh báo Fouché đến gặp tôi ngay.

Từ Tuileries đến phố Bac, nơi Fouché sống, không xa. Vì vậy, chỉ mười phút sau, xe của ngài Bộ trưởng cảnh sát thật sự đã đậu trước cửa điện Tuileries. Fouché thấy ông đang sải những bước dài và khá kích động.

- Nhanh lên, ông Fouché. Ông có biết Bouvet de Lozier vừa định thắt cổ trong nhà tù không?

Fouché lạnh lùng đáp:

- Tôi còn biết người ta đã kịp cứu anh ta rồi dẫn đến chỗ ông Desmarets, ở đó anh ta được gặp Réal chính anh ta còn viết lời khai khi bị thẩm vấn.

- Trong đó hắn nói Pichegru đang ở Paris.

- Tôi đã báo với ngài trước điều đó rồi còn gì.

- Đúng vậy, nhưng ông đã không nói hắn đến hợp tác làm phản cùng Moreau.

- Tôi chưa rõ điều này, ít ra là chưa chắc chắn, tôi vẫn còn vài nghi ngờ, tôi cũng nói nghi ngờ của mình cho ngài đó thôi.

- Bây giờ ông chắc chắn rồi chứ? - Bonaparte hỏi.

- Ngài là một người đáng sợ. - Fouché nói - Việc gì cũng phải nói trước với ngài để rồi chẳng còn gì để nói nữa. Ngài muốn biết tôi ở đâu trong điều kiện đưa mọi việc kết thúc như tôi mong đợi không?

- Tôi chẳng có điều kiện nào cho ông cả nhưng tôi muốn biết ông có gì rồi?

- Là thế này, chúng ta mỗi người một việc. Réal có Bouvet de Lozier treo cổ tự tử hôm qua thì tôi cũng có Lajolais biết đâu ngày mai cũng tự tử. Tôi đã cho bắt Lajolais và thẩm vấn hắn, ngài có muốn biết cuộc hỏi cung không? Tôi doạ anh ta là sẽ cho gặp ngài nên để không phải gặp ngài, anh ta đã khai cơ bản như sau:

"Qua một người bạn trung gian, cha David, mà tôi được biết Pichegru và Moreau vốn trước kia xích mích bây giờ đã liên kết với nhau. Mùa hè năm ngoài, tôi có gặp Moreau nhiều lần, ông ấy tỏ ý muốn được gặp mặt Pichegru - để có kết quả ấy, tôi đã sang London gặp Pichegru để bày tỏ ý của Moreau.

Pichegru cho biết ông ta cũng có mong muốn tương tự và chỉ chờ cơ hội để rời Anh quốc.

Khoảng mười làm ngày sau thì cơ hội đã đến. Chúng tôi đã tận dụng thời cơ đó. Pichegru đến trú tạm tại phố Arcade. Buổi gặp gỡ được ấn định ở đại lộ Madeleine, đầu phố Basse-du-Rempart. Moreau đã đi xe đến phố Anjòu-Saint-Hororé.

Ông ấy xuống đại lộ Madeleine còn tôi ở lại trên chiếc xe tiếp tục lăn bánh. Hai vị tướng ấy gặp nhau tại vị trí đã định. Họ đi dạo với nhau khoảng mười lăm phút. Tôi không được rõ trong lần gặp đầu tiên họ đã nói gì. Hai lần gặp nhau khác diễn ra ngay tại nhà Moreau. Lần này, tôi đón Pichegru trên phố Chaillot vì ông ấy mới đổi chỗ ở. Ông ấy ra về với thái độ bất bình với Moreau. Vì tôi hỏi đã có chuyện gì khiến ông không vui nên ông đáp: "Anh có biết Moreau, con người vô tư, khắc khổ lại đề nghị chúng tôi điều gì không? Ông ta yêu cầu chúng tôi dựng ông ấy thành nhà chuyên chế. Ông ấy lại thèm chế độ độc tài cơ đấy! Có lẽ gã này có tham vọng và ông ta cũng thế, cũng muốn cai trị. Được thôi tôi chúc ông ta thành công vang dội, nhưng theo tôi, ông ta không thể lãnh đạo nước Pháp nổi ba tháng"

- Ông đồng ý bắt Moreau chứ? - Bonaparte hỏi.

- Tôi không thấy có bất tiện nào - Fouché đáp bằng thái độ như chúng ta thường thấy ở con người này. - Hắn sẽ không có cơ hội ba tháng ấy đâu và phải bắt luôn Pichegru một chỗ để hai tên ấy được bêu đầu đồng thời và dán áp phích cạnh nhau trên các bức tường Paris.

- Ông có biết hiện giờ Pichegru ở đâu không?

- Tôi có biết chỗ hắn trọ, tại nhà một cận vệ cũ có tên là Leblanc, tôi tốn kém tiền nhưng bù lại, tôi biết tất cả những gì mình muốn.

- Vậy ông chịu trách nhiệm bắt Pichegru.

- Tuyệt lắm, ngài có thể giao cho ngài Réal bắt Moreau, như thế vừa dễ dàng lại vừa cho thấy dấu hiệu tin tưởng cho ngài Hội đồng chỉ cần ông ấy nói cho tôi Moreau sẽ bị đưa đến Temple mấy giờ, nửa giờ sau Pichegru sẽ ở đó.

- Bây giờ - Bonaparte nói tiếp - ông cũng biết tôi có buổi duyệt binh vào chủ nhật. Réal khuyên tôi nên huỷ bỏ.

- Ngược lại, ngài cứ cho duyệt binh, nó sẽ có hiệu quả tốt.

- Lạ thật đấy - Bonaparte nói và nhìn Fouché - Tôi không nghĩ ông là người dũng cảm đâu. Thế mà lúc nào ông cũng đưa ra lời khuyên táo bạo nhất.

Fouché đáp lại bằng vẻ vô sỉ quen thuộc:

- Vì khi đưa ra những lời khuyên ấy tôi có không phải là người thực hiện.

Mệnh lệnh bắt giam hai tướng Pichegru và Moreau được ký ngay lúc đó, trên chiếc bàn ấy, bằng chiếc bút lông ngỗng ấy.

Savary mang lệnh bắt Moreau đến cho Réal còn Fouché cầm lệnh bắt Pichegru.

Moncy, một trong những người bạn tốt nhất của Moreau hiện đang làm tổng chỉ huy quân hiến binh, là người cầm lệnh đi bắt Moreau. Tờ lệnh ấy, khi gửi đến ngài chánh án, nó còn kèm theo mệnh lệnh nữa của Bonaparte:

"Ngài Régnier, Trước khi dẫn tướng Moreau đến Temple, nếu hắn muốn nói chuyện với tôi, hãy đưa hắn lên xe và dẫn đến chỗ tôi. Tất cả có thể tự kết thúc giữa hai chúng tôi".

Thế nhưng kèm tờ lệnh của Fouché thì Bonaparte không dặn gì cả dù Pichegru với Bonaparte còn là chỗ quen biết cũ; ông ta từng là giám học ở trường Brienne.

Bonaparte không thích những kỷ niệm thời đi học; ông đã luôn bị xử nhục vì xuất thân thuộc tầng lớp tiểu quý tộc, và ông luôn ở tình trạng thiếu thốn tiền bạc.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 35
Bắt giam

Hôm sau là ngày ấn định cuộc vây bắt Moreau và Pichegru. Bonaparte không khỏi không lo ngại về ảnh hưởng của việc bắt Moreau trên địa bàn Paris. Cũng có thể sự bất công ông dành cho Moreau khiến ông nghĩ như vậy. Do đó, Bonaparte mong nếu có thể, tốt nhất là Moreau bị bắt trên đất Grosbois của ông ta.

Đã mười giờ sáng mà vẫn chưa có tin tức gì trong khi Bonaparte lại nóng lòng muốn biết sự thể. Do đó, ông gọi Constant, ra lệnh cho anh này đi một vòng quanh khu thương mại Saint-Honoré xem xét tình hình. Trong lúc lượn lờ quanh nhà của Moreau nằm trên phố Anjou, anh này có thể sẽ biết chuyện gì đã xảy ra nếu nó đã xảy ra.

Constant tuân lệnh đi ngay, nhưng ở khu Saint-Honoré, trên phố Anjou, anh này chỉ thấy vài nhân viên mà mọi người qua đường không ai biết, riêng Constant thì nhận ra họ vì thỉnh thoảng họ đi tuần quanh điện Tuileries, anh hỏi một người mà thấy quen nhất. Người ta nói có lẽ Moreau đang ở quê vì không thấy ông này trong nhà trên Paris.

Constant chực quay về thì người lính nọ nhận ra cận vệ của ngài Tổng tài nên chạy đuổi theo và thông báo Moreau vừa bị bắt trên cầu Charenton và đã được dẫn đến Temple. Ông ta không hề kháng cự, ra khỏi xe của mình để lên xe độc mã của sở Hiến binh. Khi về đến Temple, ngài chánh án Régnier hỏi ông có muốn gặp Bonaparte không thì ông này đáp rằng mình không có gì mà phải đến gặp ngài Tổng tài.

Trong mối hằn thù của Bonaparte với Moreau có sự bất công còn trong mối thù của Moreau với Bonaparte lại pha chút nhỏ mọn chỉ có điều lòng căm thù của Moreau không xuất phát từ bản thân ông ta mà từ hai người đàn bà: vợ và mẹ vợ của ông. Phu nhân Bonaparte đã tác hợp cho đám cưới của Moreau với tiểu thư Hulot, bạn gái của bà, cũng là dân da trắng trên đảo Martinique. Đó là một thiếu nữ dịu dàng, đáng yêu và được trời phú cho những phẩm chất tốt đẹp để trở thành một người vợ thảo, một người mẹ hiền cực kỳ yêu chồng và hãnh diện trước cái họ vinh quang của chồng mà mình

đang mang. Thật không may, tiểu thư lại có bà mẹ bảo thủ, ham hố và tham lam. Phu nhân Hulot rất tham vọng, lúc nào cũng muốn con rể phải như Bonaparte, bà muốn con gái mình phải có vị thế như Joséphine. Tình mẫu tử của bà đã biến thành những câu than vãn liên miên của người vợ đè lên đầu chồng. Moreau không còn được thanh thản nữa. Ông trở nên khó tính, chua chát, ngôi nhà của ông biến thành điểm đối đầu tất cả những ai bất mãn đều tụ tập đến đó, nhất cử nhất động của ngài Tổng tài đều biến thành chủ đề châm biếm đàm tiếu cay độc. Từ một người mơ mộng, Moreau trở nên rầu rĩ, từ người vô tư biến thành kẻ thù hận, từ không hài lòng biến thành một kẻ phản loạn.

Về phần Bonaparte, ông hy vọng sau khi bị bắt Moreau sẽ nghĩ lại thoát khỏi ảnh hưởng của vợ và mẹ vợ để quay về với ông.
- Thế nào - Bonaparte hỏi Régnier sau khi thấy ông này về sau cuộc vây bắt
- ông dẫn hắn về cho tôi chứ?
- Không, thưa tướng quân, hắn nói không có lý do gì để muốn gặp ngài.

Bonaparte dọi một cái nhìn xuyên thấu viên chánh án rồi nhún vai.

- Làm việc với một kẻ ngốc có kết quả thế đấy.

Chỉ có điều kẻ ngốc là ai? Viên Chánh án cho rằng Bonaparte muốn ám chỉ Moreau. Và chúng tôi, chúng tôi lại nghĩ Bonaparte muốn ám chỉ Régnier.

Pichegru cũng bị bắt nhưng mọi việc với ông ta không thuận buồm xuôi gió như đã xảy ra với Moreau.

Chúng ta nhớ lại rằng Fouché đã nói ông ta biết chỗ ở của Pichegru. Quả thực, nhờ tài lanh lợi của Thợ Nề, từ khi đặt chân đến Paris, anh đã không rời mắt khỏi hắn ta. Từ phố Arcade, anh theo hắn đến phố Chaillot, buộc phải rời phố Chaillót, Coster de Saint-Victor đã giấu hắn tại nhà một cô bạn gái cũ, cô nàng Aurélie de Saint-Amour xinh đẹp, nơi có vẻ an toàn nhất. Nhưng chỗ này không thích hợp với tính khắc khổ của Pichegru nên hắn chấp nhận lời mời của một cận vệ cũ. Có người nói đó là cựu sĩ quan tuỳ tùng (chúng tôi hy vọng đó là một cận vệ) và hắn rời phố Colonnes nơi cô nàng xinh đẹp sống để đến phố Chabanais. Hắn ở lại đó hai ngày. Và đó là quãng thời gian duy nhất Fouché để mất dấu của hắn.

Pichegru ở lại mười lăm ngày tại trú ngụ mới mà không phải băn khoăn gì. Nhưng thật ra từ mười hai ngày trước, Fouché đã lại tìm ra hắn và theo dõi

sát sao.

Trước hôm Moreau bị bắt, một người có tên là Leblanc nài nỉ để được gặp tướng Murat.

Murat là em rể của Bonaparte, người đã giúp ông nhiều trong cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, và như các bạn còn nhớ, Murat đã được bổ nhiệm làm thị trưởng Paris thay chỗ Junot.

Lúc đầu vì quá nhiều việc, Murat từ chối cuộc gặp nhưng khi nghe đến tên Pichegru, mọi cánh cửa đều mở ra đón tiếp hắn.

- Thưa ngài thị trưởng - Người đàn ông trạc năm mươi tuổi nói - Tôi đến để tặng ngài món quà là giao Pichegru cho ngài.

- Giao hắn cho tôi hay là bán cho tôi?

Người đàn ông cúi đầu nín lặng một lát rồi lẩm bẩm:

- Bán hắn cho ngài.

- Bao nhiêu?

- Một trăm nghìn phăng.

- Đồ dịch hạch, đắt quá!

- Thưa tướng quân, - Người đàn ông ấy ngẩng đầu lên - khi người ta làm một điều ô nhục như thế thì cũng phải được giá hời chứ!

- Liệu tối nay tôi có địa chỉ của hắn và có thể bắt hắn khi nào tôi muốn chứ?

- Khi tiền đã trao, ngài là ông chủ, muốn làm gì cũng được, thậm chí có thể bán linh hồn tôi cho quỷ dữ nếu điều đó làm ngài vui lòng.

- Chúng tôi sẽ đưa anh tiền ngay - Murat nói - Pichegru ở đâu?

- Ở nhà tôi số 5 phố Chabanais.

- Hãy tả bên trong căn phòng.

- Đó là phòng thứ tư, một phòng ngủ và một phòng làm việc, hai cửa sổ mở ra ngoài phố, một cửa lớn dẫn sang bếp. Tôi sẽ đưa cho các ngài chìa khoá cánh cửa thông sang bếp. Tôi đã đánh thêm một chìa, sau đó người hầu của tôi sẽ dẫn quân của các ngài. Tôi chỉ cảnh báo các ngài rằng lúc nào Pichegru cũng đi ngủ cùng hai khẩu súng ngắn và một con dao găm dưới gối.

Murat đọc lại lời khai báo, đặt nó trước mặt kẻ phản bội.

- Bây giờ thì hãy ký đi.

Hắn cầm bút và ký "Leblanc".

- Tôi có thể bắt anh trả giá nếu anh giở mánh khoé để lấy một trăm nghìn phăng đấy - Murat nhắc nhở - Anh biết luật chống kẻ lừa đảo thế nào rồi. Làm sao phải đợi Pichegru ở nhà anh mười lăm ngày, anh mới đi tố cáo?

- Tôi không biết ông ấy bị truy nã, ông ấy đến gặp tôi như một người lưu vong muốn tá túc ít bữa. Chỉ mới hôm qua tôi mới biết ông ấy về Paris vì một mục đích khác. Tôi nghĩ phải giúp chính phủ bắt ông ấy, vả lại… - Lần thứ hai kẻ phản bội cụp mặt xuống - Tôi đã nói với ngài là tôi cần tiền.

- Bây giờ anh có nó - Murat nói và đẩy một xấp tiền ra trước mặt hắn. - Cầu mong số tiền này mang đến cho anh hạnh phúc nhưng ta nghi ngờ điều đó.

Leblanc vừa đi khỏi nửa tiếng thì người ta thông báo có Fouché đến. Murat vốn là chỗ thân tín của Bonaparte và ông biết Fouché mới thật sự là Bộ trưởng bộ Cảnh sát.

- Thưa tướng quân - Fouché nói với ông - Ngài vừa ném một trăm nghìn phăng xuống sông vô ích rồi.

- Sao lại thế? - Murat hỏi.

- Thì ngài chẳng vừa đưa cho Leblanc khoản tiền ấy vì hắn tố cáo chỗ ở của Pichegru là gì.

- Thực tình tôi cũng thấy quá đắt vì bí mật đó.

- Đúng là quá đắt vì tôi đã biết chỗ ấy và còn có lệnh bắt ngay hắn nữa.

- Nhưng ngài có biết bên trong căn phòng để không bị mắc sai lầm chưa?

Fouché nhún vai.

- Phòng thứ tư, hai cánh cửa sổ quay ra phố, một cửa lớn thông vào bếp, một cửa khác thông ra ngoài thềm, hai khẩu súng lục và một con dao găm dưới gối. Pichegru ở Temple bất cứ khi nào ngài muốn.

- Chắc là ngày mai. Ngày mai người ta cũng bắt Moreau.

- Được rồi - Fouché nói - Bốn giờ sáng ngày mai, hắn sẽ bị bắt. Chỉ có điều, tôi chịu trách nhiệm việc này với ngài Tổng tài nên tôi muốn mình hoàn tất nó.

- Được thôi! - Murat đáp.

Từ ba giờ đến bốn giờ sáng hôm sau, được cung cấp thông tin đầy đủ cảnh sát trưởng Comninges, hai thanh tra và bốn hiến binh đến số 5 phố Chabanais. Người ta đã chọn những người gan dạ và mạnh mẽ nhất vì người ta biết Pichegru có sức khoẻ phi thường không dễ để bị bắt mà không chống trả quyết liệt.

Người ta đánh thức anh gác cổng thật nhẹ nhàng và cho biết mục đích đến toà nhà, họ muốn nói chuyện với chị nấu bếp nhà ông Leblanc. Chị này, được báo trước từ hôm qua đã mặc quần áo sẵn sàng xuống mở cửa bếp bằng chiếc chìa khoá giả do ông chủ mới đánh dẫn sáu cảnh sát và viên cảnh sát trưởng vào phòng Pichegru.

Pichegru đang ngủ.

Sáu cảnh sát xông vào giường. Vừa bật thức dậy, Pichegru quật đổ hai người và lục tìm súng với dao nhưng chúng đã bị lấy mất từ trước.

Bốn cảnh sát còn lại tiếp tục đồng loạt tấn công, Pichegru đá lại ba người nhưng người thứ tư đã dùng gươm chém vào chân hắn khiến hắn đổ vật xuống. Một cảnh sát gí giầy lên mặt hắn song ngay lập tức anh này hét lên vì Pichegru đã dùng răng cắn xuyên ủng vào một phần chân. Người khác dùng con quay xiết chặt hắn bằng sợi dây chắc chắn.

- Tôi đầu hàng! Thả tôi ra - Pichegru kêu lên.

Người ta lấy chăn trùm lên hắn rồi tống lên xe. Đến trạm gác Sergent, cảnh sát trưởng và hai cảnh sát lên xe với hắn và nhận ra hắn không thở nữa. Họ nới dây trói ra vừa kịp, suýt nữa hắn đã chết mất.

Trong lúc đó, một cảnh sát mang những giấy tờ thu được ở nhà Pichegru đến cho ngài Tổng tài. Còn về hắn, người ta dẫn hắn đến phòng làm việc của ngài Réal.

Ngài Réal cố gắng thẩm vấn hắn. Marco Saint-Hilaire đã giữ lại biên bản hỏi cung đầu tiên ấy. Nó thể hiện rõ tình trạng của Pichegru khi đó.

- Ông tên gì? - Ngài Hội đồng hỏi.

- Nếu ông không biết tên tôi - Pichegru nói - Tôi cũng không phải là người nói nó cho ông.

- Ông có biết Georges Cadoudal không?

- Không.

- Ông từ đâu đến?

- Từ nước Anh.

- Ông rời bến ở đâu?

- Ở nơi tôi có thể.

- Ông đến Paris bằng gì?

- Bằng xe.

- Với ai.

- Với tôi - ông biết Moreau chứ?

- Có, đó là người đã tố cáo tôi lên chính quyền Đốc chính.

- Các ông gặp nhau ở Paris phải không?

- Nếu chúng tôi gặp nhau đó sẽ là một cuộc đọ gươm.

- Còn tôi, ông biết tôi chứ?

- Tất nhiên.

- Tôi thường nghe nói về ông và tôi đánh giá công bằng tài năng quân sự của ông.

- Đó là lời nịnh hót - Pichegru nói.

- Chúng tôi sẽ cho băng bó vết thương của ông.

- Ích gì chứ, hãy mau mau bắn chết tôi đi.

- Ông có bí danh không?

- Người ta đặt cho tôi từ lâu rồi, tôi không nhớ nữa.

- Chẳng phải thỉnh thoảng người ta vẫn gọi ông là Charles hay sao?

- Đó là cái tên ông đặt cho tôi. Thế đủ rồi, tôi sẽ không trả lời những câu hỏi lỗ mãng của ông đâu.

Và quả thật, Pichegru không nói gì nữa. Người ta mang đến văn phòng của ngài Réal quần áo tư trang lấy từ nhà hắn. Một mõ toà chịu trách nhiệm chăm sóc cho hắn.

Khi Pichegru đến Temple, hắn khoác một áo dài màu nâu, một chiếc cà vạt bằng lụa đen, đi đôi ủng ống vểnh, chiếc quần chẽn bó lấy lớp vải băng chân và đùi, một chiếc khăn mùi xoa rớm máu quấn quanh tay.

Sau khi hỏi cung xong, ông Réal chạy vội đến Tuileries như tôi đã nói, người ta đã mang giấy tờ của Pichegru đến chỗ Bonaparte. Ông Réal gặp ngài Tổng tài đang mải đọc, không phải giấy tờ cá nhân mà là một bản ghi chép chi tiết những việc chỉnh đốn đảo thuộc địa Guyane. Hồi còn ở Sinnamary, Pichegru ghi chép lại những đặc điểm khí hậu còn khi ở Anh,

hắn đã soạn thảo lại cuốn hồi ký đó thật xúc tích. Theo Pichegru, phải đổ vào đó từ mười hai đến mười bốn triệu mới thu được kết quả mỹ mãn.

Bản báo cáo ấy khiến ngài Bonaparte thực sự bị chấn động. Ông mơ hồ nghe Réal thuật lại cuộc hỏi cung cũng như việc bắt Pichegru khi đọc xong, ông chìa bản báo cáo vừa đọc cho Réal và nói:

- Ông đọc nó đi.

- Đây là cái gì?

- Đó là công việc của một kẻ vô tội bị vạ lây từ những kẻ phạm tội khác. Đôi khi với những người ở xa nước Pháp, thay vì lập kế hoạch chống lại tổ quốc, họ đã tìm cách khiến nó thêm vinh quang và phồn thịnh.

Réal lượt qua tập tài liệu mà Bonaparte vừa đưa.

- Đây là bản báo cáo về đảo Guyane và những cách thức có thêm thuộc địa.

- Ông có biết nó của ai không?

- Tôi không thấy đề tên - Réal đáp.

- Là của Pichegru đấy. Hãy tỏ ra tử tế với ông ta, hãy nói chuyện với ông ta cho xứng tầm. Thử lấy lòng tin của ông ta rồi nói đến Cayene và Sinnamary, có thể tôi sẽ cử ông ta đến lãnh đạo kèm theo một tài khoản từ mười đến mười hai triệu để thực hiện kế hoạch của ông ta.

Sau đó Bonaparte trở về phòng mình để cho ông Réal sững sờ với kết luận xanh rờn đó thay vì đưa ra phán quyết tử hình.

Trong số hai kẻ thù của mình, dù Pichegru có thể có tội nặng hơn nhưng Bonaparte vẫn ghét ông ta ít hơn bởi lẽ Pichegru không còn danh tiếng nữa còn Moreau thì ngược lại, uy tín của ông ta còn mạnh lắm. Mong muốn của ông, để đánh vào suy nghĩ của dân chúng, ông định ân xá cho Moreau và thưởng cho Pichegru, với hai động tác cao thượng đó, ông có thể cho chặt đầu kẻ còn lại trong hội mà không sợ bị điều tiếng gì.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 36
Georges Cadoudal

Thế là chỉ còn mình Georges Cadoudal.

Liệu có phải người ta giữ nhân vật này đến cuối cùng để hai kẻ khác là Moreau và Pichegru tự hại lẫn nhau hay vì khéo léo hơn, mãnh liệt hơn, được thông tin nhiều hơn và giàu có hơn nên Georges có những cách mà hai người kia không có. Dù thế nào, khi Moreau và Pichegru đã bị bắt thì không còn lý do gì để trì hoãn thêm việc bắt Georges. Cũng chính vì lẽ đó, Fouché bắt đầu tập trung toàn lực để truy lùng người này. Một tay kiến trúc sư khéo léo đã chuẩn bị trước. Trong một tá các ngôi nhà những chỗ ẩn nấp mà người ta không tài nào phát hiện ra trừ khi có sơ đồ. Rất nhiều lần, Fouché tưởng tự mình đã lần ra dấu vết của Georges những rồi ông ta lại thấy người đó trượt khỏi tầm tay.

Lúc nào cũng mang vũ khí bên mình, trang bị đến tận răng, khi đi ngủ mặc sẵn quần áo, túi vàng dắt lưng, Georges có thể, biến mất ngay trước cửa lớn từ ngôi nhà đầu tiên. Vừa thuyết phục, vừa dùng vàng cộng với những lời đe doạ ông ta dễ dàng tìm được chỗ ẩn nấp. Đôi ba lần ông ta biến mất một cách thần kỳ. Một trong những lần trốn thoát kỳ diệu ấy như sau:

Một đêm cuối tháng Hai, bị xua khỏi nơi trú ẩn, lại bị một toán cảnh sát đuổi theo, cộng với tiếng chó sủa dồn dập, Georges lao vào đại lộ khu Saint-Denis. Vừa thấy tấm biển sáng có ghi "Guilbart, nhà phẫu thuật răng" ông ta rung chuông tới tấp, ông ta lọt vào trong khi cổng vừa mở và nói muốn gặp ông Guilbalt.

Đi được một nửa cầu thang ông ta gặp một chị phụ nữ đang đi xuống. Nhìn thấy một người đàn ông chùm áo măng tô đang cố đi lên, chị ta suýt hô hoán

lên là có trộm.

Georges vội rút khăn tay ra áp lên má.

- Ngài bác sĩ còn tiếp khách chứ thưa bà? - Georges hỏi và khẽ rên.

- Không, thưa ông - Người phụ nữ đáp.

- Thế ông ấy ở đâu?

- Ông ấy đã ngủ rồi! Đã nửa đêm, đến giờ ngủ rồi. Chết tiệt thật!

- Nếu là một nhà y đức, ông ấy sẽ dậy vì tôi.

- Y đức thì cũng phải ngủ như người khác chứ.

- Vâng, nhưng họ sẽ dậy khi được đánh thức lương tâm.

- Ông bị đau răng sao?

- Phải nói là tôi đau phát điên lên.

- Ông định nhổ nhiều răng không?

- Nếu cần nhổ cả hàm cũng được.

- À nếu thế thì lải khác, chỉ có điều ngài bác sĩ sẽ không nhổ dưới một đồng *louis* một chiếc răng đâu.

- Nếu cần, hai louis cũng được.

Người phụ nữ quay lên cầu thang đưa Georges vào một phòng, châm hai cây nến rồi đi vào phòng ngủ của ông bác sĩ. Lát sau, chị ta đi ra và nói:

- Mời ngài theo tôi.

Một lát sau, ông bác sĩ bước vào.

- Ôi bác sĩ thân mến? - Georges kêu lên - Tôi chờ bác sĩ sốt ruột quá

- Tôi đây, tôi đây. - ông bác sĩ nói - Hãy nằm xuống cái ghế này…

- Được rồi, bây giờ hãy chỉ cho tôi cái răng đau của ông.

- Đồ quỷ làm tôi đau chứ gì!

- Đúng thế.

- Ông xem đi.

Nói rồi Georges há miệng ra để lộ hàm răng chắc với ba mươi hai hạt ngọc đều tám táp.

- Ối trời? Ông bác sĩ thốt lên - Ít khi tôi thấy hàm răng nào như thế nhưng cái răng đau ở đâu?

- Đó là cái chạm dây thần kinh bác sĩ ạ, ông tìm xem cái nào.

- Phía nào?

- Bên phải.

- Ông đùa đấy à, tôi nhìn mãi mà có thấy răng nào bị lỏng đâu.

- Vậy ông tưởng tôi xin ông nhổ cái răng của tôi cho vui sao? Trò đùa hay thật!

- Nhưng rốt cục tôi phải nhổ cái nào đây?

- Cái này - Georges nói và chỉ vào chiếc răng hàm đầu tiên - ông hãy nhổ cái này.

- Ông chắc chứ?

- Rất chắc, hãy nhanh tay lên.

- Tuy vậy, tôi khẳng định với ông là…

- Nhưng chắc tôi được phép cho nhổ cái răng phiền phức của mình chứ.

Georges nhíu mày định đứng dậy cố ý để lộ ra hai báng súng và cán dao ở thắt lưng.

Ông bác sĩ hiểu không có lý do gì để cự lại một con người vũ khí đầy mình như vậy nên lấy kìm kẹp chiếc răng lại rồi nhổ ra.

Georges không kêu một tí nào. Ông ta cầm một chiếc cốc, rót nước vào, nhỏ vài giọt thuốc mê rồi lịch sự nói:

- Thưa ngài, thật khó có đôi tay nào vừa nhẹ nhàng lại rắn rỏi hơn đôi tay của ngài này. Vậy cũng xin nói thật tôi thích cách nhổ răng của người Anh hơn là cách của người Pháp.

Ông ta xúc miệng và nhổ vào ống nhổ.

- Ngài có được kinh nghiệm ấy từ đâu vậy, thưa ngài?

- Từ cách người Anh dùng kẹp nhổ răng và nhẹ nhàng từ thấp đến cao khiến chiếc răng đứng theo chiều của nó, trong khi người Pháp các vị lại dùng lực vặn mạnh buộc chân răng phải xoay một nửa vòng nên rất đau.

- Nhưng tôi có thấy ngài tỏ ra đau chút nào đâu.

- Đó là vì tôi có sức mạnh phi thường.

- Ngài là người Pháp?

- Không tôi là người Bretagne.

Nói xong, ông đặt hai đồng *louis* lên bục lò sưởi. Georges vẫn chưa nghe thấy ám hiệu an toàn nên còn muốn nấn ná ở lại.

Bên cạnh đó, ông Guilbalt cũng không ngại vị khách đầy vũ khí này, ông ta còn thấy có sự duyên dáng trong những vũ khí ấy nữa.

Cuối cùng có tiếng huýt sáo vang lên. Đó là tín hiệu mà có lẽ Georges đang đợi. Ông ta vội đứng dậy, bắt tay ông bác sĩ rồi nhanh chóng xuống cầu thang.

- Ông bác sĩ còn lại một mình không hiểu chuyện gì vừa xảy ra chỉ ngờ ngợ

mình vừa dính dáng đến một kẻ khùng hay một tên kẻ trộm. Chỉ ngày hôm sau, một nhân viên cảnh sát đến nhà ông này để thông báo có Georges mới mất tích đêm qua quanh khu nhà của ông, ông ta mới nhận ra.

Nhưng trước chi tiết mô tả "Có ba mươi hai răng" thì ông bác sĩ phản đối:

- Nhầm rồi! Ông ta không còn ba mươi hai răng nữa.

- Từ khi nào? - Viên cảnh sát hỏi.

- Từ tối hôm qua. Tôi đã nhổ một chiếc của ông ta.

Hai ngày sau sự việc ấy, sự việc như chúng tôi đã nói ở trên, đã trở thành một chuyện thần kỳ trong ngành cảnh sát, hai kẻ tòng phạm quan trọng khác cũng bị bắt. Chuyện mà các bạn sắp đọc sau đây không phải là truyền thuyết của cảnh sát cũng không phải giai thoại của các lục sự.

Chuyện bắt hai tòng phạm ấy là thế này.

Trên chuyến tàu hơi nước đầu tiên tôi đi từ Gênes đến Marseille, tôi đã gặp hầu tước Rivière. Cách nói chuyện hấp dẫn của ông ta khiến tôi bị cuốn hút. Nhưng đúng đến lúc ông ta kể đến đoạn mình bị bắt ra sao thì tôi lại chóng mặt vì say sóng. Có một điều đặc biệt là giọng nói âm vang của ông ta như thấu vào từng cơn khó chịu của tôi, ăn vào tâm trí của tôi và chỉ chấm dứt khi ông ta nhận thấy, tôi đang cố gắng lắng nghe ông ta để che giấu nỗi khổ sở của mình. Kết quả là những gì ông ta kể cho tôi dường như còn sống mãi trong tôi sau bốn mươi năm và những cơn nôn nao ấy như mới xảy ra hôm qua.

Rivière và Jules de Polignac là chỗ thâm giao, chỉ có cái chết mới chia lìa họ được. Họ cùng nhau âm mưu làm phản, cùng nhau đến Paris và dự tính sẽ chết cùng nhau.

Sau khi Moreau và Pichegru bị bắt, đến lượt họ bị săn đuổi. Không biết phải trốn ở đâu, họ đến nhà bá tước Alexandre de Laborde xin trú nhờ. Đó là một thanh niên trạc tuổi họ vốn là quý tộc nhà băng có liên hệ với chính quyền của ngài Tổng tài.

Ông Laborde có một lâu đài nằm trên phố Artois, quận Chaussée-d Antin.

Vừa đến đại lộ Italiens, hầu tước Rivière dừng lại trước một cột thềm Hanovre và đọc lệnh của cảnh sát sẽ kết tội tử hình những ai chứa chấp tội phạm. Ông này quay ra nói với người bạn Jules de Polignac đang chờ mình dưới đại lộ.

- Bạn của tôi, chúng ta sắp làm một việc xấu, khi xin bá tước Laborde cho ở tức là chúng ta buộc anh ấy và cả gia đình vào tội đồng loã. Chúng ta có tiền, chúng ta sẽ thuê được chỗ chắc chắn như ở nhà anh ấy.

Jules de Polignac cũng là người bộc trực, nhận thấy lý lẽ của bạn mình có lý nên chia tay bạn, đi tìm chỗ ẩn của người ấy.

Ngay tối hôm đó, hầu tước Rivière gặp một cận vệ cũ có tên là Labruyère, người mà ông ta từng từ chối đến ở vì sợ liên luỵ đến họ lần này, người phục vụ nài nỉ nhiều quá cho nên ông ta đành ưng thuận.

Hầu tước Rivière ở lai đó mười tám ngày không xảy ra huyện gì và có lẽ cũng không bị phát hiện nếu không có sự bất cẩn của người bạn Jules của ông ta. Một hôm, Jules chạy đến chỗ ở của ông Rivière thông báo người em trai Amland của ông ta vừa bị bắt. Quá bàng hoàng nên không giấu giếm gì, ông ta kể hết bất hạnh của mình cho ông Rivière nghe. Hầu tước Rivière liền đề nghị từ khi đó ông này nên náu cùng mình.

- Không ai thấy anh vào đây chứ? - Hầu tước Rivière hỏi.

- Không ai kể cả người gác cổng.

- Thế thì anh thoát rồi.

Họ ở cạnh nhau được sáu ngày thì một buổi tối, dù bạn đã hết sức can ngăn, Jules vẫn ra ngoài như ông ta nói là để đến cuộc hẹn rất quan trọng.

Bị một cảnh sát theo dõi và phát hiện ông ta trở về ngôi nhà đó qua đêm tại đây nên cả hầu tước Rivière cũng bị bắt chung.

Người bắt họ chính là cảnh sát trưởng Commiges đã từng bắt tướng Pichegru sáu ngày trước. Việc đầu tiên của anh ta là nói với anh chàng Labruyère đáng thương rằng luật pháp cấm công dân cho người lạ đến ở.

Nhưng Labruyère đã vặn lại rằng ông Rivière không phải là người lạ với anh ta, và còn bạn của ông ấy chắc thấy dao kề cổ nên mới vào đó lánh tạm.

Cuối cùng, cả ba vẫn bị bắt và bị hỏi cung tại dinh của ngài Hội đồng Réal.

- Thưa ngài Hội đồng - Hầu tước là người bắt đầu nói - Tôi xin báo trước là bạn tôi và tôi sẽ không trả lời bất cứ câu hỏi nào của ông trừ khi ông hứa đảm bảo không làm hại gì đến người đã chứa chấp chúng tôi. Anh ta không biết gì về động cơ việc chúng tôi có mặt ở Paris.

Ông Réal hứa hẹn. Hầu tước Rivière ôm người hầu của mình và nói:

- Vĩnh biệt bạn của ta, ta đã xin cho anh được bình yên.

Thứ sáu ngày 9 tháng Ba, vào khoảng sáu giờ tối, một nhân viên tuần tra tên là Caniolle nhận lệnh đi tuần tại cuối đường Montagne Sainte-Geneviève để rình một chiếc xe cho thuê mang số 53 xem nó có đi qua không.

- Đó là chiếc xe đi đón Georges. Ông này vừa đổi chỗ đến ở tại một căn nhà mà bạn ông thuê tám nghìn phăng một tháng.

Chiếc xe đi qua rất nhanh nhưng Caniolle vẫn đuổi theo. Dọc đường có nhiều cảnh sát, Caniolle đã được lệnh báo cho họ thế là họ bám theo chiếc xe. Nó đi chầm chậm đến quảng trường Sainte-Etienne-de-mont, rẽ vào phố Sainte-Geneviève rồi dừng lại đối diện một lối vào một cửa hàng bán hoa quả. Cổng vào để hé mở, chiếc mui xe hạ xuống, người đánh xe đi vào trong cửa hàng và châm đèn măng xông. Đúng lúc người này châm chiếc đèn cuối cùng thì Georges và hai người bạn, Le Ridant và Burban cùng một người thứ tư nhanh nhẹn đi ra. Georges là người đầu tiên lên xe. Ba người bạn của ông ta định lên theo thì Caniolle xông vào giữa và xô họ.

- Chuyện gì thế này? - Burban vừa cằn nhằn vừa đến lượt mình đẩy Caniolle ra - trên đường không còn chỗ hay sao mà anh phải sán lại cửa xe thế?

- Tôi thấy hình như tôi đi đường tôi chẳng hại ai cả - Viên cảnh sát cũng dùng cái giọng ấy để nói lại.

Nhưng Georges thấy lo ngại trước sự việc xảy ra liền kéo Le Ridant lên xe với mình rồi không chờ những người khác, ông ta cho ngựa lao đi. Người ta không muốn bắt Georges trên phố vì sợ khi chống cự sẽ có máu chảy trên

đường. Do đó, mệnh lệnh là các nhân viên chỉ đuổi theo chiếc xe. Trong một lúc ngỡ ngàng, Caniolle đã để họ chạy khá xa, mới vội đuổi theo.

- Theo tôi! - Caniolle kêu to.

Có hai cảnh sát đi theo. Một người tên là Buffet.

Chiếc xe tiếp tục dẫn trước họ trong phố Saint-Syacinthe dù con phố này hơi dốc. Nó đi qua đại quảng trường Saint-Michel và vẫn giữ nguyên khoảng cách. Chiếc xe tiếp tục qua các phố Fosses-Monsieur-le-Prince và phố Uberté khi Georges hạ mui xe. Ông ta thấy có người hổn hển đuổi theo liền nói với Le Ridant đang cầm cương.

- Fouette, chúng ta đang bị bám theo, chúng ta bị bắt mất, hãy thấp người xuống! Thấp xuống!

Chiếc xe lao đi như một cơn lốc. Ra đến ngã tư Odéon thì Caniolle bắt kịp. Anh ta gắng hết sức tung người bám vào giây cương trước cổ ngựa và hét lên:

- Dừng lại! Nhân danh pháp luật hãy dừng lại!

Tiếng ồn ào trong cuộc truy đuổi trên phố khiến mọi người đổ xô ra cửa. Con ngựa bị nắm cương cổ được thêm vài bước thì dừng lại khi Caniolle vẫn trông người phía trước.

Buffet nhảy lên bậc xe, thò đầu vào xem ai ở trong xe nhưng ngay lập tức hai phát súng đã vang lên khiến Buffet ngã nhào ra sau với một viên đạn giữa trán còn Caniolle thấy tay mình khuỵu xuống anh ta vừa bị gãy cánh tay.

Georges và Le Ridant nhảy ra hai bên. Le Ridant vừa chạy được mười bước thì bị bắt, anh ta không hề kháng cự nhưng Georges thì ngược lại, ông ta rút dao gâm lao vào hai nhân viên khác Mũi dao sắp chạm vào một người thì một thanh niên làm mũ tên là Thomas lao vào ông ta, ôm chặt cánh tay. Hai người xem gần đấy, một người là Lamotte bán vé số ở phố Théatre-Frangais, người khác là Vignal cũng xông vào tước được con dao.

Georges bị trói chặt, tống lên xe độc mã đưa về sở cảnh sát quận nơi cảnh sát trưởng Dubois hỏi cung có sự hiện diện của Desmarets. Nhìn thấy Georges bị bắt, hai viên cảnh sát không khỏi ngạc nhiên. Desmarets đã thổ lộ ấn tượng của mình khi gặp lại ông này như sau: *"Từ lần đầu lên tôi gặp Georges đến giờ, ấn tượng của tôi với ông ta luôn là một ông già miền núi không có chút gì là kẻ sát nhân giống bọn ám sát các nhân vật thế lực. Tôi thấy một khuôn mặt đầy đặn, đôi mắt sáng, nước da sáng sủa, cái nhìn vừa nghiêm túc lại rất dịu dàng như giọng nói của ông ta vậy. Dù thân hình bệ vệ nhưng mọi cử động của ông ta đều linh hoạt. Một cắt đầu thật tròn tóc thành lọn ngắn, không có vẻ gì giống thủ lĩnh phản loạn mà trước kia ông từng chỉ huy miền đất Bretagne.*

- Ôi ông là kẻ bất nhân! - Bá tước Dubois kêu lên khi thấy Georges - ông có biết mình vừa làm gì không? Ông vừa giết chết một người cha trong gia đình và làm bị thương một ông bố khác.

Georges bật cười, nói:

- Đó là lỗi của ông chứ!

- Sao lại là lỗi của tôi?

- Tất nhiên rồi, vì lẽ ra ông chỉ nên cho những người độc thân đi bắt tôi thôi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 37
Công tước Enghien

Chúng ta sẽ nói đến lợi lộc của Fouché, khi công tước Enghien chết, vị công tước này bấy lâu vẫn khiến Bonaparte ăn không ngon ngủ không yên với mối hiểm hoạ từ nhà Bourbon cũng như với các ngai vàng khác ở châu Âu.

Trong những lời khai của mình, Georges, Moreau và Pichegru có mơ hồ nói đến điều mà Fouché từng dự đoán, đó là có một hoàng thân triều đình Bourbon sẽ đến Paris để cầm đầu âm mưu phản nghịch.

Chắc các bạn còn nhớ, vì sợ trong mối tị hiềm giữa Fouché với mình, ngài Bonaparte đã bí mật cử một người đi xác minh tin tức của viên Bộ trưởng cảnh sát tạm quyền, một Bộ trưởng không bộ nhưng thực chất lại là Bộ trưởng thực sự. Ông Régnier, Chánh án toà tối cao, ông Réal, Uỷ viên Hội đồng nhà nước, nói cho cùng họ vẫn là những người thụ động và không hay biết gì.

Và viên cảnh sát ấy đã đi, khi anh ta được một quyền lực vô hình ra lệnh thì việc đó là may hay rủi đều phụ thuộc vào ý chí trong con người và thúc đẩy anh ta đến đích đặc trưng của các sự kiện lớn của thời đại, không có ngoại lệ, đó là có ảnh hưởng của những cá nhân làm nên sự kiện ấy. Những nhân vật nổi tiếng mạnh mẽ nhất và khôn khéo nhất sẽ không bị thế lực nào chế ngự hay dắt lối. Họ bị chính các sự kiện cuốn đi. Họ có sức mạnh khi thuận theo xu thế và sẽ bị thất bại nếu chống lại xu thế ấy. Bằng chứng chính là ngôi sao chiếu mệnh của Bonaparte bừng sáng khi ông đại diện cho lợi ích của dân chúng và bị lu mờ trong tán sao chổi năm 1811. Khi liên minh với những César của người La Mã, ông muốn thống nhất tiêu chí của cách mạng với tiêu chí của nền quân chủ lỗi thời, đó là chuyện bất khả thi. Có một triết lý để thấy ở đây đó là sức mạnh nằm trong chính xã hội và trong hành động của nó chứ không phải do đi tin các phương thức lãnh đạo trong đẳng cấp hay thiên tài: Người ta rất có thể nghe theo phương thức ấy vì lợi ích của họ

chứ không phải vì công lao của người thực hiện phương thức đó.

Tạo hoá đã muốn rằng con người ấy, chính là anh chàng cảnh sát, chỉ là một kẻ lặp lại trong mọi hoàn cảnh kia, phải có ý liền giống ông chủ. Rời Paris với lòng tin chắc công tước Enghien là ông hoàng được Georges chờ đợi nên anh chàng cảnh sát cứ tưởng mình là thứ ánh sáng chiếu rọi âm mưu động trời nên từ lúc đó chỉ nhất nhất nhìn nhận mọi việc theo quan điểm của mình.

Trước tiên, anh ta bảo vệ cuộc sống của công tước Enghien quả đúng bí hiểm, ông ta thỉnh thoảng hay đi đâu đó bảy, tám ngày mà săn bắn chỉ là cái cớ còn âm mưu phản loạn mới là thật.

Còn về những lần vắng mặt ấy ngay chính cha của ông ta từ Anh cũng viết cho con trai:

"Từ sáu tháng qua, người ta khẳng định với chúng ta là đứa con yêu quý của cha đã về Paris, người khác lại nói các vị chỉ cần đến Strasbourg. Cho nên, thật phí công khi con phải mạo hiểm mạng sống và tự do của mình. Những đường lối của con sắm sâu trong trái tim của con như trong tim của chúng ta vậy, nên ta rất yên tâm về mặt đó".

Ông hoàng con cũng hồi âm lại như sau:

"Thưa cha yêu quý, có lẽ cha hiểu con quá ít nên mới nói con đặt chân về mảnh đất của phe Cộng hoà, nơi chiến tuyến không phải ông trời cho con sinh vào đó. Con là người quá tự cao để có thể cúi đầu. Ông Tổng tài có thể đạt được mục đích tiêu diệt con nhưng ông ta không làm con hạ mình được đâu".

Tuy nhiên, còn một chuyện khác nghiêm trọng hơn tất cả những điều trên, một trong những điều khủng khiếp của định mệnh. Đó là việc anh chàng mưu sát nọ phát hiện những cái tên thường xuyên lui đến chỗ hoàng thân, những người có vẻ thân thiết nhất đô là hai bộ trưởng nước Anh: Ngài Francis Drake ở Munich và ngài Spencer Smith ở Stuttgart. Hai người này dù ở rất xa nhưng vẫn thường xuyên tới lui Ettenheim, thêm vào đó còn có đại tá Schmidt, cảnh sát trưởng bên nước Anh, và tướng Thumery. Theo lời một người Đức thì cách phát âm Thumenez với Dumouriez chỉ khác hai nét chữ. Trong lúc vội, tên của tướng Dumouriez thường được viết theo tiếng Pháp thay cho tên Thumery. Nếu như thế, tình hình có vẻ rất nghiêm trọng

vì lực lượng phản nghịch có ở Pháp dồn nước Pháp vào giữa các thế lực: Moreau ở Paris, tướng Georges ở trung tâm và Pichegru ở phía tây, Dumouries ở phía đông. Như vậy, nước Pháp chỉ còn nước xâu xé nhau trong cuộc nội chiến với vành đai siết chặt ấy mà thôi.

Còn một chi tiết khác cũng cần nói ở đây. Đó là vào thời ấy, tôi không biết bây giờ có giống như thế nữa hay không, cảnh sát khi đi làm nhiệm vụ bao giờ cũng phải gởi hai bản báo cáo cho thanh tra. Lần này hai bản báo cáo được gởi từ một nơi, một bản đến tướng Moncey, bản kia đến chỗ ngài Réal. Vì ngài Réal còn bận làm việc với Bonaparte nên tướng Moncey nhận được bản báo cáo ấy trước ông lập tức mang nó đến chỗ ngài Bonaparte. Bản báo cáo này có tác động mạnh đến ngài Bonaparte, ông như thấy một tay Bourbon đang lăm le vũ khí ở Strasbourg chỉ chực xông vào đất Pháp để tiến hành vụ ám sát mới. Bất cứ một tham mưu sống lưu vong quanh ông hoàng này cũng có thể sẵn sàng rút gươm ra bảo vệ lợi ích của ngai vàng, Bộ trưởng Anh, cảnh sát Anh và cuối cùng là Dumouriez một kẻ Ăng lê hơn bất cứ người Anh nào. Ông ra lệnh cho tướng Moncey ra về nhưng giữ lại bản báo cáo. Ông tướng này phải đi báo cho ông Fouché, cho hai Tổng tài khác và cho ông Réal đúng bảy giờ phải đến điện Tuileries.

Hôm ấy, lúc bảy giờ ngài Tổng tài thứ nhất đã có hẹn với Chateaubriand. Ông liền sai thư ký là Méneval viết một lá thư gửi đến tác giả cuốn *Thần đồng đạo Cơ đốc* để lui lại buổi hẹn ấy đến chín giờ.

Số phận của hai thiên tài vĩ đại này kể ra cũng thật lạ lùng. Họ cùng sinh năm 1769 nên cùng đến tuổi ba mươi hai. Họ sinh ra cách nhau ba trăm dặm nhưng lại gặp nhau, quen nhau, chia tay rồi lại hội ngộ, trưởng thành không giống nhau. Một người lớn lên trong bóng của bức tường trường quân bị ảm đạm, chịu các kỷ luật quân đội hà khắc đã tạo nên các tướng rinh và chính sách. Người kia lại lang thang bên những bãi biển, đồng hành cùng sóng và gió, không có quyển sách nào ngoài cuốn sách thiên nhiên, không có ông thầy nào ngoài Đức Chúa. Sách và Chúa, hai vị thầy vĩ đại làm nên những người mơ mộng và các nhà thơ.

Một người luôn theo đuổi một mục đích, dù cái đích đó rất cao, người kia chỉ có những dục vọng, dục vọng không bao giờ thành hiện thực, một người muốn làm chủ không gian, người kia lại muốn chinh phục hư vô.

Năm 1791, khi Bonaparte về nhà vài tháng để nghe ngóng tình hình thì cũng là năm Chateaubriand lên tàu từ Saint-Malo để thở khám phá con đường đến

châu Mỹ theo hướng Tây Bắc.

Chúng ta hãy cùng theo chân nhà thơ Chateaubriand rời Saint-Malo ngày 6 tháng Năm vào khoảng sáu giờ sáu. Ông đến đảo Acores sau đó đến Chactas. Những ngọn gió đưa ông đến thềm của miền đất mới. Ông qua eo biển, thả neo ở đảo Saint-Piene, ở lại đó mười lăm ngày, bị lạc giữa sương mù quanh năm bao phủ hòn đảo, lang thang trong những đám mây và các cơn gió mạnh, nghe những tiếng gầm gào của một đại dương vô hình, lạc lõng trên một bãi thạch thảo mềm mại và chết chóc, chỉ có con thuyền độc mộc lướt trên những mỏm đá dẫn đường.

Sau mười lăm ngày buông neo, kẻ lữ thứ rời Saint-Piene mệt lả bên vịnh Maryland. Ở đây sự yên tĩnh choán lấy ông. Đó những buổi đêm mỹ lệ, bình minh rạng rỡ và những buổi hoàng hôn diệu kỳ. Ngồi trên một cây cầu, ông dõi theo khối cầu mặt trời sẵn sàng lao mình xuống các lớp sóng trập trùng hiện ra trước, ông qua các cột buồm giữa không gian vô tận của đại dương. Cuối cùng, vào một ngày người ta nhìn thấy trên đầu ngọn sóng có những vệt xanh như ngọn cây bất động. Đó là châu Mỹ!

Một chủ đề rất rộng để chàng trai hai mươi hai tuổi suy ngẫm. Đây là một thế giới của những loài hoang dã, của những thiên sử chưa từng biết đến mà Colomb đã phát hiện ra, Vespuce đã đặt tên nhưng chưa có ai viết lên lịch sử cho nó.

Đã đến giờ phút hạnh phúc đi thăm nước Mỹ! Một nước Mỹ qua đại dương vừa gửi cho nước Pháp một cuộc Cách mạng do chính nó tạo ra, tự do mà nó có được chính là nhờ những thanh gươm Pháp.

Tham dự vào công cuộc xây dựng một thành phố phồn thịnh nơi mà một trăm năm trước Guillaume Penn đã mua đất của vài người Anh điêng lang thang đây đó thật là một điều kỳ thú. Một cảnh tượng tuyệt vời mở ra khi thấy một đất nước sinh ra trên bãi chiến trường giống như vài chàng Cadmus gieo trồng con người trên những luống cây đạn pháo.

Chateaubriand dừng lại ở Philadelphie không phải để thăm thú thành phố mà để thăm Washington. Washington đã chìa cho ông xem một chiếc chìa khoá của nhà ngục Bastille mà một vài người Paris thắng trận gởi cho ông. Lúc ấy, Chateaubriand chưa có gì để cho ông ta xem, nếu trở lại, ông đã có thể khoe tập *"Thần đồng cơ đốc giáo"* rồi.

Nhà thơ đã giữ lại kỷ niệm chuyến viếng thăm ấy suốt cả cuộc đời trong khi ngay tối hôm đón ông xong, Washington có lẽ quên ông luôn. Washington đang trong hào quang của mình, lãnh đạo một dân tộc do chính ông vừa là tướng quân vừa là người sáng lập. Còn Chateaubriand vẫn còn chìm trong bóng đêm thời trai trẻ, tiếng tăm trong tương lai của ông chưa hề ghé thăm quá khứ mà toả cho quá khứ vài tia lấp lánh. Washington đã chết mà không hề ngờ rằng con người này về sau đã nói về ông và về Napoléon như sau:

"Những ai như tôi đã từng được thấy người chinh phục châu Âu và người lập ra Hiến pháp nước Mỹ, bây giờ quay lại nhìn toàn cảnh thế giới chỉ thấy vài tên hề cười cười khóc khóc chẳng đáng nhìn chút nào?"

Washington là tất cả những gì Chateaubriand thấy tò mò khi qua khắp các thành phố trên đất Mỹ. Ông không muốn gặp con người bởi lẽ đâu đâu họ cũng na ná như nhau, đều là các du khách vượt Đại Tây Dương tìm đến tận thế giới. Chủ yếu ông đi tìm những cánh rừng nguyên sinh, đến bên bờ hồ lớn như những đại dương, xông vào giữa thảo nguyên bao la vô tận, nhtlng sa mạc, tìm một giọng nói vọng lên từ cõi lòng đơn độc.

Chúng ta hãy cùng nghe kẻ lãng du bộc bạch cảm xúc thực của bản thân. Phải nói rằng vào thời đó dù đã được nghe kể và được viết thành những vần thơ, nhưng xứ sở này vẫn còn lạ lẫm lắm. Gabriel Ferry dù đã theo dấu vết ấy cũng không làm được các tác phẩm *"Những người tận vàng"* hay *"Bờ biển những người Anh điêng"*. Gustave Aimard cũng không thấy hết được các truyền thuyết tạo nên cuộc sống từ thẳm sâu những cánh rừng nguyên sinh của mình không, tất cả đều trinh nguyên trong rừng và trên thảo nguyên như chính bản thân chúng vậy. Và chính con người này đã lật bức màn đầu tiên lên khỏi chúng, ông đã thấy sự duyên dáng và thanh thiết như thuở ban sơ của ngày sáng thế.

"Sau khi đi qua Mohawk, thì tôi đặt chân vào những cánh rừng không những chưa bị chặt phá bao giờ mà còn chưa được ai ghé thăm, tôi như chao đảo trong men say, tôi đi từ cây này đến cây khác từ phải sang trái và tự nhủ với mình rằng; ở đây, chẳng phải lựa chọn đường nào, không còn thành phố, không còn những ngôi nhà chật hẹp, chẳng còn tổng thống, chẳng còn nền Cộng hoà, chẳng còn vua chúa… và để thở xem mình có tự lập được quyền tự do của mình không, tôi tha hồ làm hàng nghìn động tác mình thích khiến cho anh chàng người Hà Lan làm hướng dẫn viên phát sợ, chắc anh ta tưởng tôi bị điên".

Ngay lập tức, kẻ lãng du nói lời từ biệt với nền văn minh, không có chỗ trú ẩn nào ngoài rừng xanh, giường là mặt đất, lấy yên ngựa làm gối, lấy áo choàng làm chăn và bầu trời chính là màn che êm ái. Còn về lũ ngựa, chúng tự do đi lại với chiếc chuông nhỏ trên cổ và bằng bản năng giao tiếp kỳ diệu, chúng không bao giờ để quá xa đống lửa do ông chủ đốt lên để xua đuổi con trùng và rắn rết.

Một chuyến du hành theo kiểu Steme đã bắt đầu như thế, chỉ có điều thay vì cày xới nền văn minh, kẻ lữ thứ lại cày xới nỗi lòng cô đơn. Thỉnh thoảng, một làng da đỏ lại đột ngột hiện ra trong tầm mắt, hoặc một bộ tộc du mục xuất hiện. Thế là con người văn minh ra hiệu cho con người hoang sơ những cơ chỉ thân thiện mà khắp nơi ai cũng hiểu được các vị chủ nhà bắt đầu cất giọng hát về người lạ.

"Đây là người xa lạ, người được phái từ Chúa trời"

Sau khúc hát đó, một em bé dắt tay ông và đưa vào lều nói:

- Đây là người mới?

Và tộc trưởng đáp:

- Hãy dẫn người đó vào lều của ta, cậu bé!

Người du khách đi vào dưới sự che trở của đứa bé rồi giống như người Hy Lạp, ngồi xuống lớp than nguội. Người ta đưa một chiếc ống điếu dài, ông hút ba hơi và phụ nữ hát lời hát an ủi rằng:

"Người xa lạ đã thấy mẹ và vợ, mặt trời lại thức và ngủ vì anh ta, như trước đây".

Sau đó người ta rốt nước vào một chiếc cốc, đó là chiếc cốc thánh, khách uống một nửa sau đó đưa lại cho chủ nhà uống hết.

Giữa khung cảnh của cuộc sống hoang sơ này, người ta muốn màn đêm, sự yên tĩnh, đón tiếp hay nỗi buồn man mác? Khách lãng đu đã vẽ lại, chúng ta cùng nhìn xem:

"Những suy nghĩ trong đầu tôi nóng lên, tôi đứng dậy đi ra ngồi xuống một cái rễ cây rượu ra tận bờ suối. Đó là một trong những đêm châu Mỹ mà cây

cọ vẽ của con ngườỉ không bao giờ diễn tả được. Tôi còn nhớ lại những ấn tượng ấy với cả niềm thú vị thích thú".

"Ánh trăng treo lơ lửng trên đỉnh bầu trời, đó đây, qua khoảng không bao la tinh khiết, hàng ngàn những vì tinh tú nhấp nháy. Ngay sau đó vầng trăng ngả mình xuống một đám mây giống như tuyệt ôm ấp quanh năm các đỉnh núi cao vậy. Dần dần, những đám mây tản ra, vấn vít, tạo thành một vùng trong suốt và mềm mại như lụa sa tanh trắng hoặc biến thành những cuộc tròn, những hình thù của vô vàn các con vật đang lang thang trên đồng bằng xanh lơ của nền trời. Có lúc, chúng lại biến thành những lớp sóng đều đặn xô trên một biển. Một luồng gió lại đến xé toang tôm mòn ấy. Thế là chúng vỡ oà thành vô số cuộn bông lấp lánh trắng mịn nhìn mềm mại như ta đang sờ được vào cái êm ái của chúng. Khung cảnh dưới mặt đất cũng hấp dẫn không kém. Thứ ánh sáng bàng bạc tuyệt diệu của chị Hằng tràn lặng lẽ tràn lên khắp ngọn cây, xuyên xuống các khe trông, luồn lách vào lớp bóng tối dày đặc nhất. Con suối nhỏ đang chảy dưới chân tôi, uốn lượn dưới lớp rễ của các cây sồi, cây dương liễu và cây thân ngọt chạy ra mãi xa xa, nhuốm những tia lập loá và bừng lên như một dải ruy băng bằng vải nhiễu dát những hạt kim cương lóng lánh rồi bị một dải đen cắt ngang. Dải đen ấy là một con sông, phía bên kia con sông, trên thảm cỏ thiên nhiên rộng lớn, ánh trăng lặng lẽ nằm ngủ trên những ngọn cỏ. Những cây bulô đứng tản mạn trên các thảo nguyên khi thì điệu đà lả lướt theo ngọn gió lẩn mình vào mặt đất khi lại điểm xuyết trên những tảng đá phấn lững lững, tự tạo ra bóng tối cho mình, chúng giống như những hòn đảo tối om lang thang trên một đại dương ánh sáng bất động. Tất cả đều yên tĩnh tuyệt đối, lặng yên và thư thái chỉ trừ vài tiếng lá rơi, tiếng gió vi vu, tiếng rên rỉ rất hi hữu của loài chim hù. Tuy thế, xa xa đâu đó, người ta vẫn nghe thấy tiếng ầm trang trọng của thác nước Niagara. Trong vẻ tịnh mịch ban đêm, nó vẫn lao từ miền hoang vắng này đến vầng cô quạnh khác và thở hắt qua những cánh rừng xa tít".

"Vẻ hùng vĩ và vẻ tịch liệu của bức tranh này không sao có thể diễn tả hết bằng lời. Những đêm đẹp nhất châu Âu không tài nào sánh nổi. Giữa những cánh đồng cấy trồng của chúng ta, làm sao sức tưởng tượng được thảnh thơi bay bổng đâu đâu, nó cứng vếp phải sự sống của con người. Còn ở nơi đây, giữa xứ sở hoang vắng này, tâm hồn thoả sức tràn ra, mất hút vào một đại dương rừng già bất tử. Tâm hồn thích được đi lang thang dưới ánh sáng của các vì sao, đến bên bờ những hồ nước kẻng lồ, lượn lờ trên miệng vực trong tiếng thác rú gào, rồi buông mình xuống những cơn sóng rào, hay có thể nói là nhập vào, tan ra với tất cả thiên nhiên hoang dã và tuyệt vời này".

"Cuối cùng, kẻ lữ khách cũng đến được thác Niagara mà tiếng ồn của nó biến mất trong hàng ngàn âm thanh buổi bình minh khi thiên nhiên thức giấc nhưng trong đêm thanh thi lại rạo rực hừng hực nghe như rất gần, nghe như muốn lôi kéo người ta đến với nó".

Một hôm, ông đã gặp nó, vẻ tráng lệ này, Chateaubriand đã đi tìm từ nơi rất xa, trên đoạn đường hai lần ông suýt mất mạng, chúng ta sẽ không kể lại nguy hiểm ấy nhưng khi Chateaubriand kể, chúng ta hãy nghe ông nói:

"Đến nơi, tôi tiến lại gần thác, yên cương ngựa được quấn vào cánh tay. Trong lúc tôi cúi xuống nhìn thác thì một con rắn chuông động đậy ở bụi cây gần dấy, con ngựa sợ hãi chạy lên phía trước lôi tôi theo nó. Cánh tay bị vướng, tôi không thể, dừng được cứ phải theo nó đến gần bờ vực. Đột nhiên con ngựa cũng cảm nhận được mối hiểm hoạ mới, nó vội phi ngược lên cách bờ thác chục bộ".

Như thế chưa phải đã hết thoát khỏi nguy hiểm chết người ấy, lãng tử lại tiếp tục một mối nguy hiểm khác. Lần này là hiểm hoạ có báo trước nhưng có một số người vẫn cảm thấy trong thâm tâm họ có thể nhớ lòng khoan dung của Chúa, chúng ta hãy nghe nhà du ngoại kể lại:

"Ngày trước có dây leo xuống thác nhưng nó đã bị đứt. Mặc những lời khuyên can của người dẫn đường, tôi vẫn trèo xuống phía dưới thác bằng các vách đá dựng đứng cao hai trăm bộ. Tôi lao vào cuộc mạo hiểm. Mặc tiếng gào rú của thác nước mặt lỗ xoáy rơi người hun hút phía dưới tôi cứng đâu leo xuống được hơn bốn chục bước thì đá ở đây trở nên trơn và dốc đứng hơn, không có chỗ bám cũng như chỗ cho tôi đặt chân. Tôi bị treo lơ lửng trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan và các ngón tay tôi bắt đầu rã rời trước sức nặng của cơ thể. Tôi thấy cái chết là khó tránh khỏi. Ít người có được hai phút trong đời giống như tôi đã trải qua, lủng lẳng trên miệng vực Niagara. Hai bàn tay tôi oải ra và tôi rơi xuống thật may là tôi rơi ngay xuống một mỏm đá chìa ra, tôi đã tan thành trăm mảnh nhưng tôi không cảm thấy đau mấy. Tôi chỉ cách mép tảng đá chừng nửa tấc, may mà không bị lộn xuống khi nước lạnh bắn vào người, tôi mới nhận ra mình không may như đã tượng. Một cơn đau bên tay trái ùa đến. Tôi đã làm gẫy nó, người dẫn đường của tôi nhìn thấy tôi ra hiệu liền chạy đi tìm được vài người cứu. Họ khó khăn lắm mới kéo tôi lên bằng dây cây bu-Lô và cáng tôi về nhà họ".

Chuyện này xảy ra đúng lúc mà chàng trung uý trẻ tuổi có tên là Napoléon Bonaparte suýt chết đuối khi tắm trên sông Saône.

Lữ khách lại tiếp tục con đường của mình qua những sông hồ lớn. Hồ đầu tiên ông ta tới là Ené. Từ trên bờ, ông bàng hoàng thấy cảnh người Anh điếng mạo hiểm trên những con thuyền gỗ trước mặt nước cuồn cuộn của cơn bão kinh hoàng. Việc trước nhất là họ treo đồ của mình vào đuôi thuyền rồi đưa nó qua những cơn xoáy tuyết, giữa các lớp sóng dâng tràn. Các lớp sóng ấy lao vào mạn thuyền như thể muốn nuốt sống nó. Đám chó săn bám chặt chân xuống sàn kêu lên ư ứ trong khi chủ nhân của chúng rất bình tĩnh, lặng lẽ điều khiển con thuyền chèo theo con sóng. Các thuyền đi theo hàng dọc, ở cuối mỗi thuyền có một người can đảm nhất chỉ huy, động viên vừa khích lệ bằng từ "Oha" với mỗi lần chèo.

Trên chiếc thuyền cuối cùng, một người thủ lĩnh vẫn đứng và lái bằng một cây sào dài. Qua làn sương mù, tuyệt và sóng, người ta chỉ nhận ra họ bởi những túm lông trang trí trên đầu những cái cổ gân lên trong mỗi đợt hú và những cây đuốc trên tay hai tộc trưởng. Họ là người hoa tiêu và người dự đoán".

"Người ta bảo rằng vị thần ẩn trong các lớp nước rất sâu và khó lường ấy".

"Bây giờ, chúng ta cũng chuyển đến xem các mặt hồ và bờ của chúng.

Trong một khoảng không hơn hai mươi dặm tôi thay toàn những cây súng xen nhau trải ra ngút ngát, mùa hè dưới đám lá của chúng chứa toàn rắn. Mỗi lần loài bò sát này chuyển động dưới ánh nắng mặt trời, người ta thấy cuộn lên những vòng vàng, đỏ tía, đen nhánh. Trong các vòng cuộn khiếp người ấy, người ta chỉ nhận ra những đôi mắt lấp lánh, những cái lưỡi thè ra cái nhọn, cái đỏ lòm, những cái đuôi ngó ngoáy trong không trung như những mũi lao. Tiếng phì phì vang lên không ngớt âm thanh ấy giống như tiếng xào xạc của đám lá rụng vang lên từ mặt hồ Cocyte đáng sợ này".

Trong một năm, ông cứ đi lang thang như vậy, xuống các thác nước, qua hồ, vượt rừng và chỉ dừng lại giữa đống đổ nát Ohio để càng thêm nghi ngờ về vực thẳm đen tối trong quá khứ, theo các dòng sông, hoà giọng mình vào giọng của bình minh và chiều tà của thiên nhiên mà Chúa đã tạo ra, mơ màng những vần thơ trong tập "*Natchez*", quên châu Âu mà sống với tự do,

cô liêu và thơ.

Lang thang mãi từ rừng này sang rừng khác, từ hồ này đến hồ khác từ thảo nguyên này đến thảo nguyên khác mà không biết mình sắp đến mảnh đất nước Mỹ phì nhiêu. Một buổi tối, ông đặt chân đến một trang trại nhỏ cạnh con nước. Ông đã xin vào trú nhờ.

Đêm xuống, ngôi nhà sáng lên qua ánh đèn. Ông ngồi vào một góc nhà và trong khi chủ nhà đi nấu súp, ông khoan khoái đọc một tờ báo Anh qua ánh lửa hắt ra từ ngọn đèn vừa liếc nhìn, bốn chữ *"Flight of the King"* (Đức vua chạy trốn) đã đập vào mắt ông. Đó là bài báo nói về cuộc chạy trốn của vua Louis XVI và bị bắt ở Vareune. Bài báo cũng kể đến cuộc sống lưu vong của giới quý tộc và một số quý tộc hợp lại dưới ngọn cờ Bảo hoàng lời kêu gọi *"Hãy cầm vũ khí!"* như một tiếng gọi định mệnh với ông.

Chateaubriand trở lại Philadelphie, vượt biển, gặp cơn bão khiến ông lênh đênh mười tám ngày bên bờ biển nước Pháp.

Tháng Bảy năm 1792, ông cập cảng Havre và kêu vang *"Bệ hạ gọi thần, thần có mặt!"*

Đúng lúc Chateaubriand đặt chân lên tàu về cứu nhà vua một viên thiếu tá pháo binh tựa lưng vào cây trước thềm nhìn vua Louis XVI đội chiếc mũ nồi đỏ xuất hiện bên cửa sổ điện Tuileries. Bằng một giọng miệt thị rõ ràng, ông khẽ nói: *Người này vô dụng rồi*!

"Bởi thế - Nhà thơ bộc bạch - có lẽ điều thay đổi những mục đích ban đầu của tôi và đưa tôi vào biến cố đầu tiên đã đánh dấu sự nghiệp của tôi.

Rõ ràng nhà Bourbon chẳng cần đứa con út ít miền Bretagne vừa từ đáy sâu châu Mỹ trở về để phục vụ họ. Nếu tôi không đọc bài báo đã khiến tôi thay đổi cuộc đời tôi thì có lẽ chẳng ai nhận ra sự vắng mặt của tôi vì có ai biết tôi tồn tại đâu, một sự nhầm lẫn giữa tôi và nhận thức của mình đã cho tôi thấy tấm kịch cuộc đời. Tôi đã có thể làm gì mình muốn vì tôi là nhân chứng duy nhất của trận chiến nhưng trong số tất cả các nhân chứng, đó lại là người sợ phải đổ máu nhiều nhất".

Chateaubriand đã kể trong tập *Atala* và *Natchez* nhưthế.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 38
Chateaubriand

Nước Pháp đã thay đổi rất nhiều kể từ khi kẻ lữ khách rời xa nó, có rất nhiều sự kiện mới và nhất là rất nhiều nhân vật mới. Họ là Bamave, Danton, Robespiene còn cả Marat nữa nhưng kẻ này không phải là người mà là một con thú hung tợn. Mirabeau cũng đã qua đời.

Bất cứ ai, nhà quý tộc của chúng ta cũng đều tiếp tục, ông lần lượt gặp những con người tuy thuộc về các đảng khác nhau nhưng cuối cùng đều thuộc về cùng một cỗ máy chém.

Ông đã đến thăm phái Jacobin, câu lạc bộ quý tộc, câu lạc bộ các nhà văn, nhà nghệ thuật những con người đúng kiểu đều phần lớn ở đó, thậm chí cả các đại quý ông như La Fayette, hai anh em Lameth, Laharpe, Chamfort, Andrieux, Sedaine, Chémer đến đọc thơ tại đó đó là nhưng vần thơ đương thời. Nhưng rốt cuộc, họ cũng chẳng thể cắt nghĩa được mình ở thời nào. David tiến hành một cuộc cách mạng trong hội hoạ, Talma lại làm cách mạng hí kịch: Có một người suốt ngày giam mình trong phòng làm việc cách thức của ông vô cùng hào hiệp nhưng tính khí lại hơi u uất, đó là tác giả của *Những mối quan hệ nguy hiểm*, hiệp sĩ Laclos.

- Tại sao Crébilon con lại chết? Ông ta sẽ là tổng thống hoặc chí ít cũng phải là phó tổng thống. Một con người thuộc về bục diễn thuyết với giọng nói nhẹ nhàng, thân hình gầy guộc, nét mặt buồn bã, mặc đồ đơn giản mất tóc muối tiêu. Đó là Rosbespiene, vào một ngày bất cẩn đã trượt vào vết máu của Danton.

Chateaubriand còn đi thăm câu lạc bộ chính trị Cordeliers được thành lập vào thời cách mạng Pháp năm 1790 tại Paris. Ông ngạc nhiên trước kiểu nhà thờ trở thành câu lạc bộ chính trị ấy!

Saint-Louis (cũng thuộc phe Cordeliers) đã xây dựng nhà thờ sau một cuộc đảo chính. Có một đại đức ông ngài Coucy đã mắc một tội toà án Vincenns

bắt ông ta nộp phạt và khoản tiền này dùng để xây trường học và nhà thờ cho phái ấy.

Khi Đức vua Jean bị tống giam ở Poitiers, tầng lớp quý tộc mất đầu bị đánh bại và bị cầm tù cùng nhà vua. Một con người nhân danh cả dân tộc chiếm quyền từ tay triều đình và đặt tổng hành dinh trong lòng Cordeliers. Đó là Etienne Marcel, thái thú Paris.

"Nếu các đức ông gây chiến - Etienne Marcel nói - những con người của lẽ phải sẽ tấn công lại họ. Dẫu sao các nhà tu phe Cordeliers cũng là những nhà tiền nhiệm xứng đáng với nhau người cách mạng đi sau tiếp quản nhà thờ của họ. Từ lâu, trước Babey, họ đã nói "Tư hữu là tội trước toàn dân". Trước Proudhon, họ nói "Tư hữu là ăn cắp". Họ ủng hộ châm ngôn của mình bởi lẽ họ thà đốt cháy bộ quần áo rách hơn là để nó cứ mãi như vậy không thay đổi gì.

Nếu như phái Jacobin là quý tộc thì những người Cordelies là nhân dân, nhân đần Paris năng nổ, bạo lực, quậy phá, nhân dân được đại diện bởi các nhà văn yêu thích của họ, bởi Marat với xưởng in trong hầm giáo đường, bởi Desmoulins, Fréron, Fabre-d Eglantine, Anacharsis? Goots, bởi các nhà diễn giả Danton và Legendre, hai tay đồ tể mà một trong hai đã biến các nhà ngục Paris thành lò mổ.

Cordeliers là tổ ong và đám ong mật bu đầy xung quanh: Marat ngay đối diện Desmoulins, Fréron trên phố Vieille Commédie, Danton ở cách đó năm chục bước, Cloots trên phố Jacob, Legendre trên phố Boachenes, Saint-Germain.

Chateaubriand nhìn và nghe tất cả những con người này. Họ làm ông thấy sợ ông quyết định đi thăm các nhà quý tộc ở nước ngoài những thật không may lại có hai từ cản trở quyết định ấy: thiếu tiền. Phu nhân Chateaubriand có của hồi môn chỉ là những tín phiếu mà tín phiếu lại đang mất giá trước cả tiền mặt. Cuối cùng ông cũng tìm được một công chứng viên còn tiền. Ông này cho nhà thơ vay mười hai nghìn phăng, quý ngài Chateaubriand cho tiền vào ví rồi nhét vào túi. Mười hai nghìn này là cuộc sống của ông và anh trai ông.

Nhưng hành sự tại nhân, thành sự tại thiên, kẻ chuẩn bị di trú lại gặp một người bạn và khoe mình có mười hai nghìn phăng.

Người bạn này lại là tay bài bạc, thế là ngài Chateaubriand bị rủ vào sòng bạc ở Palais Royal rồi để thua mười nghìn năm trăm phăng trong số mười hai nghìn ấy.

Thật may ông còn nghĩ lại. Ông cho một nghìn rưỡi còn lại vào ví vội vã rời khỏi toà nhà nguyền rủa, trèo lên một chiếc xe đến hẻm Ferou, trở về nhà tìm ví nhưng không thấy đâu. Nó đã rơi ra xe, ông vội vã chạy xuống phố thì chiếc xe đã đi khuất.

Ông chạy đuổi theo đám trẻ nhìn thấy xe đón thêm khách thật may có một cảnh sát giết người đánh xe nên cho ông địa chỉ nhà ông này.

Ngài Chateaubriand chờ ở cửa nhà ông ta đến hai giờ sáng người đánh xe mới về. Người ta tìm trong xe nhưng chiếc ví đã không còn. Từ lúc ngài Chateaubriand xuống xe, ông đánh xe đã đón thêm ba lính và một tu sĩ. Ông ta không biết ba người lính ở đâu nhưng biết chỗ tu sĩ.

Ba giờ sáng, người ta không thể đánh thức con người đáng kính ấy Ngài Chateaubriand đành trở về nhà mệt rã rời.

Ngày hôm sau, vị tu sĩ đánh thức ông dậy và trả chiếc ví cùng một nghìn năm trăm phăng. Ngày hôm sau nữa, ngài Chateaubriand đi Bruxelles với anh trai cả và một lính hầu. Anh chàng hầu này ăn mặc như họ và cư xử với họ như bạn bè.

Tên lính hầu khốn kiếp ấy có ba tật, thứ nhất là quá tôn kính chủ nhân, thứ hai lại quá thô tục và thứ ba là lúc nào cũng tưởng tượng chính vì hay tưởng tượng mà lúc nào hắn cũng sợ bị bắt và lúc nào cũng chỉ muốn nhảy ra khỏi xe. Đêm đầu tiên, hai anh em phải khó nhọc mới giữ nổi hắn. Nhưng đêm thứ hai thì họ mở tung cửa cho tên hầu khốn kiếp nhảy ra, tiếp tục giấc mơ. Khi thức, hắn chạy một mạch ra cánh đồng. Hai anh em Chateaubriand tưởng thoát được hắn nhưng một năm sau, do sự tố cáo của hắn mà người anh cả của Chateaubriand phải mất mạng.

Cuối cùng, hai anh em cũng đến được Bruxelles. Bruxelles là nơi gặp mặt của các nhà vua chúa. Từ Bruxelles đến Paris chỉ mất năm ngày. Người ta vô cùng ngạc nhiên khi thấy hai anh em họ đến đây thay vì đợi ở Paris. Bởi lẽ không cần rời Paris vì người ta cũng sắp tiến về đó: Chính vì thế mà chẳng còn chỗ cho người mới đế, thậm chí với Navane nơi trước kia ông từng làm trung uý.

Các chiến hữu Bretagne, nhưng người Franche ít kênh kiệu hơn ngài Navane. Họ dành cho ông một chỗ trong hàng ngũ của họ. Chúng ta cũng có thể thấy, ngài Chateaubriand không phải dành cho con đường binh nghiệp từng được thăng cấp thiếu tá, được đi xe tứ mã vào cung bây giờ ông lại đi bộ đến Thionville như một anh lính quèn.

Rời Bruxelles, ngài Chateaubriand gặp ngài Montrond. Hai con người này vốn cũng chung cảnh ngộ với nhau.

- Ngài từ đâu đến? - Chàng lính thành thị hỏi.

- Từ Niagara, thưa ngài.

- Ngài đi đến đâu?

- Đến nơi người ta đánh nhau.

Cả hai chào nhau rồi ai đi đường người ấy, đi tiếp được hai dặm, ngài Chateaubriand gặp một người cưỡi ngựa.

- Anh đi đâu? - Kỵ sĩ hỏi.

- Tôi đi đánh nhau. - Kẻ đi bộ đáp.

- Người ta gọi anh là gì?

- Ngài Chateaubriand. Còn ngài?

- Ngài Frédenc-Guillaume.

Người đàn ông cưỡi ngựa chính là vua nước Phổ, ông đi ra xa và nói:

- Tôi nhận ra ngay ai là quý tộc nước Pháp mà.

Ngài Chateaubriand đi đến Thionville như thể ông đi tìm hành lang Tây Bắc, không thấy hành lang, ông không thể đến Thionville, chỉ có điều ngay cuộc đụng độ đầu tiên, ông đã bị gãy tay, lần thứ hai bị thương ở chân do một thanh xà bốc cháy.

Cùng lúc Chateaubriand bị thương ở chân, một chỉ huy tiểu đoàn trẻ tuổi có tên là Napoléon Bonaparte cũng bị một lưỡi lê đâm vào đùi trong trận Toulon.

Một viên đạn cũng có thể đã sát hại nhà quý tộc của chúng ta nhưng nó lại vấp phải tập bản thảo viết tay *Atala* nên bị chặn bớt.

Hoạ vô đơn chí, ngoài các xúi quẩy trên ông còn bị tai hoạ nghiêm trọng hơn là bị lạc đường.

Đến Namur, chàng trai lưu vong đi qua đường trong cơn sốt run lẩy bẩy, một phụ nữ nghèo quàng cho chàng một chiếc chăn thủng lỗ chỗ. Đó là chiếc chăn duy nhất chị ta có. Nhà thờ Saint-Martin bị đại pháo phá hỏng cũng chỉ góp cho Chateaubriand nửa chiếc áo măng tô.

Ra khỏi thành phố Namur, ngài Chateaubriand rơi vào một cái hố. Một toán tháp tùng hoàng tử Ligne đi ngang qua. Người ta thấy cái thi thể còn run rẩy nên thương tình đặt lên xe đưa về Bruxelles.

Người Bỉ rất giỏi phân tích quá khứ nhưng lại không được trời phú cho khả năng bói tương lai. Họ không dự đoán được một ngày việc đọc lại tác phẩm của chàng trai trẻ này cũng khiến khối kẻ giàu có. Người Bỉ đã đóng sập cửa trước một kẻ thương tật khốn cùng ấy. Kiệt sức, ông ngủ ngay ngưỡng cửa một nhà trọ và chờ đợi. Đoàn người của hoàng tử Ligne đã đi qua thì ông chỉ hy vọng vào vận may mà thôi. Hy vọng khi chết cũng tốt chứ sao. Và trời không triệt đường sống của ai, người đã gởi anh trai của ông đến.

Hai anh em nhận ra nhau ngay và ôm chặt lấy nhau, ngài Chateaubriand anh đã giàu có. Ông có một nghìn hai trăm phăng trong người. Ông cho em sáu trăm. Ông muốn mang em đi theo nhưng thật may, nhà thơ của chúng ta quá yếu không theo nổi.

Ông đến một nhà thờ cao ở nhờ cho lại sức còn anh trai của ông lên đường về Pháp nơi cỗ máy chém đang đợi ông.

Sau một thời gian dài chữa trị, Chateaubriand đi Jersey. Từ Jersey, ông định sang Anh. Mệt mỏi với cuộc sống di cư, ông muốn tham gia vào cuộc nổi dậy của miền Vendée ông thuê một chiếc tàu nhỏ, khoảng hai chục người cùng đi cho đỡ tốn kém, gặp sóng lớn, họ phải chui xuống khoang chịu cảnh ngột ngạt đến nghẹn thở. Tàu chao đảo khiến họ lắc lư, người nọ đè vào người kia. Đến Guemesey, khi được thả, ta thấy ông ngất đi, gần như tắt thở.

Họ cho ông xuống, đặt dựa vào bức tường quay về phía mặt trời cho òng trút hơi thở cuối cùng. Vợ một thuỷ thủ đi ngang qua, gọi chồng đến cứu. Nhờ ba bốn người, ông được đặt trên một chiếc giường êm ái. Ngày hôm sau, ông lên tàu đánh cá Ostende.

Đến Jersey, ông ngất ngây sung sướng.

Phải đến mùa xuân năm 1793, bệnh nhân mới thấy mình khoẻ trở lại để tiếp tục con đường của mình. Ông sang nước Anh với hy vọng gia nhập vào một đội cờ trắng nào đó. Nhưng đến nơi, thay vì tiếp tục đánh trận, ngực của ông lại có vấn đề các bác sĩ ra lệnh cho ông phải nghỉ ngơi tuyệt đối và tuyên bố rằng nếu cẩn thận giữ gìn ông cũng không sống qua hai hay ba năm. Chuẩn đoán này giống với chuẩn đoán về tác giả của tập *La Pucelle*. Có lẽ Đức Chúa lại một lần nữa để các bác sĩ nhầm với tác giả của tập *Thần đồng đạo Cơ đốc*.

Bác sĩ cấm Chateaubriand cầm súng thì ông cầm bút. Ông viết tác phẩm *Essais* và bắt đầu phác thảo tập *Thần đồng đạo Cơ đốc.* Sau đó, vì hai kiệt tác này quá đối lập về tư tưởng, dù ông không phải chết đói, song vào những khoảng thời gian rỗi rãi, ông vẫn dịch sách lấy tiền, cuộc chiến đấu ấy kéo dài trong nhưng năm 1794 và 1795.

Thời điểm ấy cũng có một người nằm chờ. Đó là chỉ huy trẻ đã chiếm được Toulon, ngài chủ tịch uỷ ban chiến tranh đã truất quyền chỉ huy đội pháo binh của ông ta về Paris, ông cũng từ chối chỉ huy một đội quân ở Vendée. Và trong lúc Chateaubriand dịch sách, chàng trai cũng cầm bút ghi lại cách thức giúp Thổ Nhĩ Kỳ có thêm sức mạnh chống lại sự xâm lăng của các nền quân chủ châu Âu.

Đầu tháng chín, chàng chỉ huy trẻ tuổi đến đường cùng, quyết định đi trẫm mình xuống dòng sông Seme. Khi đi đến một cây cầu anh chàng đó gặp một người bạn.

- Anh đi đâu vậy? - Người bạn hỏi.

- Tôi đi trẫm mình.

- Tại sao?

- Vì tôi không còn xu nào?

- Tôi có đang hai mươi nghìn phăng. Chúng ta hãy chia đôi nhé.

Và người bạn đưa cho chàng sĩ quan trẻ tuổi mười ngàn khiến anh ta không tự tử nữa. Ngày 4 tháng Mười, chàng sĩ quan đến nhà hát kịch Feydo và được biết quân đội Lepeller đã đẩy lùi quân của Phe quốc ước do tướng Menou chỉ huy, người ta đang tìm một tướng khác để sửa chữa thất bại đó.

Năm giờ sáng hôm sau, tướng Alexandre Dumas nhận lệnh từ chinh quyền Quốc ước đi chỉ huy lực lượng vũ trang đó. Nhưng tướng Alexandre Dumas không có mặt tại Paris nên Marat thay thế ông, nhận lệnh đến thay cựu chỉ huy tiểu đoàn của Bonaparte.

Ngày tháng Mười cũng là cuộ cnổi dậy 13 Vendémiaire.

Napoléon Bonaparte ra khỏi bóng tối bằng một chiến thắng lẫy lừng còn Chateaubriand sắp thoát khỏi bóng đen của ông bằng một kiệt tác. Hẳn là ngày diễn ra cuộc nổi dậy 13 Vendémiaire đã thu hút sự chú ý của nhà văn tới ông tướng. Đến lượt sự xuất hiện tập *Thần đồng đạo Cơ đốc* cũng khiến ông tưởng Bonaparte để mắt đến nhà thơ.

Bonaparte bắt đầu có dự cảm chống lại ngài Chateaubriand. Một hôm thư ký Boumerine ngạc nhiên trước việc một cái tên nổi tiếng và xứng đáng như vậy lại không có trong danh sách đề bạt.

- Anh không phải là người đầu tiên nói với tôi điều này, Boumerine ạ - Bonaparte trả lời - Nhưng tôi đã giải thích khiến họ không cãi vào đâu được. Con người này có những tư tưởng độc lập và tự do không bao giờ đồng điệu

với tư tưởng của tôi. Tôi thà coi ông ta là kẻ thù ra mặt hơn là một người bạn bị ép buộc, vả lại, tôi còn xem xét, ban đầu, tôi sẽ cố dành cho ông ta một vị trí tạm thời nếu ông ta thích hợp, tôi sẽ cất nhắc.

Với những lời lẽ ấy, rõ ràng tướng quân Bonaparte chưa hề nghĩ đến giá trị đích thực của Chateaubriand. Nhưng ngay sau đó, việc xuất bản tập *Atala* khiến tên tuổi của ông nổi đình nổi đám và ngay lập tức khiến ngài Tổng tài thứ nhất phát ghen vì mọi chú ý dồn về ông.

Tập *Thần đồng đạo Cơ đốc* ra đời ngay sau tập *Atala* mà ngài Bonaparte tìm được chỗ dựa lớn. Cuốn sách tạo nhiều cảm giác mạnh đồng thời giá trị cao cả của nó khiến các nhà tư tưởng thêm quan tâm đến các triết lý tôn giáo.

Một hôm, phu nhân Baciocchi đến gặp anh mình và cầm một tập sách nhỏ trên tay.

- Anh đọc cái này đi, anh Napoléon. Em chắc anh sẽ hài lòng.

Tướng quân Bonaparte lơ đễnh liếc nhìn nó. Đó là tập *Atala*.

- Lại một tiểu thuyết toàn chữ "A" đây. Tôi không có nhiều thời gian để đọc những thứ ngớ ngẩn này.

Tuy nhiên, ông vẫn cầm cuốn sách từ tay em gái đặt lên bàn.

Thế là phu nhân Baciocchi yêu cầu ông gạch tên Chateaubriand ra khỏi danh sách những kẻ đảo vong.

- Thì ra *Atala* của ngài Chateaubriand đó sao!

- Vâng, thưa anh.

- Được rồi, tôi sẽ đọc nổ để giết thời gian nếu có - Rồi ông quay sang phía thư ký của mình - Báo cho Fouché gạch tên Chateaubriand ra khỏi danh sách những người đảo vong nhé.

Tôi đã nói là ngài Bonaparte ít văn vẻ và ít quan tâm đến văn chương. Người ta có thể thấy rõ điều đó vì ông không biết chính Chateaubriand là tác giả tập *Atala*.

Ngài Tổng tài thứ nhất đọc cuốn *Atala* và hài lòng. Ít lâu sau, ngài Chateaubriand lại xuất bản tập *Thần đồng đạo Cơ đốc*, khi ấy Bonaparte lại lấy lại toàn bộ ác cảm chống lại nhà thơ.

Lần ngài Bonaparte gặp Chateaubriand đầu tiên là lễ ký hôn ước giữa tiểu thư Sourdis với Hector de Sainte-Hermine. Tối hôm ấy ngài Bonaparte định nói chuyện với ông những buổi tối chấm dứt quá chóng vánh nên ông trở về Tuileries ngay mà chẳng hề nghĩ đến Chateaubriand nữa.

Lần thứ hai là buổi dạ hội tráng lệ nhà ngài Talleyrand đón chào hoàng tử Parne trong chặng đường ông hoàng này đi lấy lại ngai vàng xứ Etruine, chúng ta hãy để tự ngài Chateaubriand cho hay cuộc tiếp xúc đó và cảm giác của ông.

"Tôi đang ở ngoài hành lang thì ngài Napoléon bước vào. Ngài vỗ vào tôi nhẹ nhàng. Tôi đã từng nhìn thấy ông ấy một lần nhưng chưa nói chuyện lần nào. Nụ cười của ông thật dịu dàng và đẹp, mắt ông thật đặc biệt nhất là dưới vầng trán và đôi lông mày ấy không hề có chút giả tạo, đóng kịch trong cái nhìn của ông. Tác phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc đang nổi như cồn vào thời đó cũng có tác động đến ngài Bonaparte. Sức tưởng tượng bay bổng đã làm nền chính trị lạnh lùng như sống động hơn. Tất cả những con người vĩ đại luôn ẩn giấu chứa trong mình hai phần đó là khả năng cảm hứng và khả năng hành động. Một nửa để phôi thai kế hoạch còn nửa kia dùng để hoàn tất kế hoạch ấy".

Ngài Bonaparte nhìn thấy và nhận ra tôi, còn tôi thì chưa biết chuyện gì cả. Khi ông ấy đi về phía tôi, mọi người không biết ông đi tìm ai nên dẹp lối sang hai bên một cách chậm chạp, ai cũng muốn ngài dừng lại với mình, ông có vẻ hơi sốt ruột về sự lề mề ấy. Tôi lẩn vào sau mấy người bạn thì đột nhiên ông cất giọng gọi tôi:

- Ngài Chateaubriand!

Vậy là tôi trở ra, đám đông đã lui hết phía sau nhưng họ cũng nhanh chóng quây lấy chúng tôi. Ngài Bonaparte tiếp tôi một cách bình thường không khen ngợi, không hỏi han tào lao, không vòng vo nói với tôi về các trận chiến ở Ai Cập và A Rập như thể tôi là chỗ thân thiết và nhừ thể ông nói tiếp một câu chuyện còn dang dở giữa chúng tôi vậy.

- Lúc nào tôi cũng bị sốc - ông ấy kể - Khi thấy những đoàn người quỳ gối

xuống giữa sa mạc, quay đầu về phương Đông và đưa cát lên trán. Tôi không hiểu có gì trong hành động lạ lùng ấy khiến cho họ phải quay về phía Đông? Bonaparte dừng lại rồi chuyển sang ý khác không cần câu chuyện tiếp theo.

- Đạo Cơ đốc! Những kẻ không tưởng chẳng phải đã muốn lấy đó lập ra một hệ chiêm tinh đó ư? Nếu làm được, họ nghĩ có thuyết phục tôi cho rằng đạo Cơ đốc là bé nhỏ? Nếu đạo Cơ đốc là minh hoạ cho sự di chuyển của các hành tinh, hình ảnh các vì sao thì các bộ óc tầm cỡ cũng mất công vô ích, dù không muốn nhưng xem ra họ còn phải mất nhiều tâm huyết cho sự bêu riêu ấy.

Ngài Bonaparte rời đi ngay tức khác. Giống như Job, trong màn đêm của mình, một suy nghĩ vụt qua trước mắt tôi, tôi sởn gai ốc rợn người, ông vừa đang ở đó mà tôi không nhận ra khuôn mặt ông nữa, giọng nói của ông cũng như một cơn gió thoảng qua.

Những ngây tháng tiếp theo của tôi là những hình ảnh nối tiếp nhau, địa ngục và bầu trời luân chuyển, hiện hữu trước mỗi bước chân hay ngay trong đầu mà tôi không kịp nhận ra bóng tối và ánh sáng của chúng nữa. Tôi chỉ một lần gặp trên đường ranh giới của hai thế giới, con người của thế kỷ trước và con người của thế kỷ mới, Washington và Napoléon. Tôi chỉ gặp họ trong chốc lát nhưng cả hai đều khiến tôi thấy lạc lõng, người thứ nhất bằng một lời Chúa nhân từ và người thứ hai bằng một tội ác.

Tôi nhận ra trong lúc khuất dần trong đám đông, ngài Bonaparte còn xoáy vào tôi cái nhìn sâu hơn hết thảy những ánh mắt khác nhìn vào tôi. Tôi nhìn theo ông ấy và như Dante đã nói với tôi: *Chi è quel grande, che non per che curi. L incendio?* (Kẻ không sợ lửa ấy là ai?)

Cái nhìn xoáy vào Chateaubriand của Napoléon Bonaparte cũng không có gì lạ vì vào thời điểm ấy chỉ có hai người ấy có tên tuổi đạt đến độ cao tột đỉnh: Chateaubriand với tư cách là thi sĩ, Bonaparte là nhà chính khách.

Người ta đã bước qua không biết cơ man nào là những đống đổ nát song cái bị huỷ hoại nhất, giẫm đạp nhiều nhất, bị nghiền nát thành tro bụi trong số những thứ bị phá huỷ lại là tôn giáo.

Các phong trào cách mạng, trước cho ta cắt dây chuông, hất đổ các điện thờ, đập phá tượng xiết cổ những tu sĩ. Những kẻ vô lại mạo danh thần thánh

mọc lên nhan nhản, những tên dị giáo lan nhanh như đất cỏ khô dưới chân. Người ta biến nhà thờ Saint-Sulpice thành đền Chiến Thắng và nhà thờ Notre Dam thành đền Lý Trí. Ngoài ra, không có điện thờ nào ngoài máy chém, chẳng có bục thờ nào ngoài roi sắt. Ngay cả những nhà tư tưởng lớn cũng phải lắc đầu, chẳng còn tâm hồn lớn nào còn manh nha hy vọng.

Chính vì thế, người ta khao khát phần đầu của tác phẩm *Thần đồng đạo Cơ đốc* như thể khát khao làn gió trong lành đầu tiên thổi đến miền bệnh dịch, như thể hương nồng sự sống xộc đến vùng chướng khí chết chóc.

Thật ra, đó không phải là một thứ an ủi. Trong thời điểm mà một dân tộc đang gào thét trước cánh cửa nhà tù đẫm máu, nhảy múa trên quảng trường cách mạng, quanh cỗ máy chém hoạt động liên tục và hét lên: *"Không còn tôn giáo nữa, không còn chúa nữa!"* thì liệu đó có phải là một điều an ủi được không khi có một người đàn ông lạc giữa đêm thanh khiết giữa những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ, ngủ trên tấm thảm rêu, gối đầu lên thân cây cổ thụ vòng tay lên ngực, mắt hướng về mặt trăng nơi đang chiếu thứ ánh sáng làm cho mặt đất tiếp xúc với bầu trời, mà thì thầm những câu sau:

"Chúa vẫn còn đó! Cỏ cây trong thung lũng và những cây thông hương Liban đang ban phúc cho người, côn trùng ngợi ca người, khi mặt trời thức dậy, voi hổ cúi chào người, chim chóc hát trong lá, gió thì thào trong cánh rừng sấm sét rền vang trước sự hiện diện của người.

Chỉ có con người mới nói: Không còn Chúa nữa!

Vậy là sẽ chẳng còn ai khi gặp bất hạnh của mình ngước mắt nhìn trời ư? Chắc hẳn ánh mắt của họ chưa bao giờ được lang thang trong những miền còn bị che phủ ấy. Với tôi, tôi đã thấyn nhiều, tôi đã thấy mặt trời treo lơ lửng trước cửa buồng ngủ trên tấm thảm đỏ tía loang sắc vàng, thấy ánh trăng ở chân trời đối diện đang nhô lên như một cái đến bạc trên nền trời xanh lơ phương Đông.

Hai tinh tú ấy hoà vào bầu trời trắng chói loà và đỏ như son, và vì thế biển nhuốm màu bằng những cuộn sóng kim cương phía đông và sóng hồng phía tây. Những con sóng yên ả, mềm mại xô nhẹ vào chân tôi sự tĩnh lặng đầu tiên của bóng đêm và tiếng xì xào cuối cùng của ban ngày như đang rượt đuổi nhau trên sườn đồi, bên bờ sông lớn và trong các thung lũng.

Ôi Chúa, người mà con không quen, không biết tên tuổi, một người vô hình

một kiên trúc sư của vũ trụ này, người đã cho con một bản năng để cảm nhận, người đã từ chối lý lẽ để hiểu tất cả.

Liệu người có phải là một nhân vật tưởng tượng? Tâm hồn của con có tan ra cùng phần tro tàn thi thể của con? Nấm mồ chôn con là một vực thẳm không lối thoát hay là cánh cửa mở ra một thế giới khác? Liệu có phải thiên nhiên bằng lòng thương ác độc đã đặt vào tim con nguồn hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn bên cành những kẻ khốn khổ?

Xin Người thứ tha cho con về sự yếu đuối của con. Không, con không hề nghi ngờ sự tồn tại của Người và dù người có ban cho con một số phận bất tử hay còn phải sống rồi thác, con vẫn tôn thờ mệnh lệnh im lặng của Người".

Người ta có thể hiểu dòng văn ấy có ảnh hưởng như thế nào, sau những lời nguyền rủa của Diderot, sau bản diễn văn của La Revellière-Lépeux và những trang viết sùi bọt mép và máu me của Marat.

Chính Bonaparte, người từng cúi nhìn vực thẳm cách mạng, nơi ông chưa dám quay đi, đã dừng lại trước trang viết của thiên thần cứu rỗi ấy, nó như vẽ ra trong đêm hư vô hỗn mang một vệt sáng, và nếu ông đã cho chuyện đức giáo hoàng Fesch đến Rome, ông lại cho vời đại thi hào đến bên người, con đại bàng đã thay thế con chim bồ câu và giống như chim bồ câu, con đại bàng này lãnh trách nhiệm tìm cành ô liu cho Đức Thánh Cha.

Nhưng bổ nhiệm Chateaubriand làm thư ký đại sứ quán thì chưa đủ còn phải chờ xem ông ta có chấp nhận hay không đã.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 39
Đại sứ thành Rome

Ngài Bonaparte rất tán dương buổi gặp Chateaubriand.

Về phần mình, nhà thơ kể lại trong tập *Hồi ký* rằng những câu hỏi của Bonaparte nối tiếp nhau nhanh đến mức ông không kịp trả lời.

Đó là những lần gặp mà ngài Bonaparte thích thú, những cuộc gặp mà chỉ có mình ông chủ trì không cần biết Chateaubriand có đồng ý hay không. Trong nháy mắt, ông xác định ngay địa điểm ở đâu và người này có thể có lợi cho ông ra sao. Ông cho rằng một cái đầu luôn "biết thì không cần phải học".

Thật vĩ đại thay một nhà phát hiện con người như Bonaparte. Nhưng ông muốn tài năng của những con người do ông tìm ra chỉ thuộc về một mình ông mà thôi. Một con ruồi bay không có sự cho phép của ông đi yêu một kẻ khác thì đó là con ruồi phản nghịch.

Nhưng Chateaubriand luôn chỉ tâm niệm trở thành một ai đó và trở thành một người vĩ đại chứ không nghĩ đến việc trở thành cái gì đó nên ông từ chối thẳng thừng.

Đức giám mục Émery có nghe nói đến việc từ chối này. Cha Émery là giám mục bề trên toà thành Saint-Sulpice vốn có tư tưởng thân Bonaparte. Ông đến khuyên Chateaubriand chấp nhận chức bí thư đại sứ quán mà Bonaparte mời vì lợi ích của tôn giáo.

Ban đầu, cha Émery cũng thất bại, nhưng do thuyết phục nhiều, cuối cùng Chateaubriand cũng chấp nhận.

Mọi chuẩn bị của ông đã hoàn tất, Chateaubriand chuẩn bị lên đường đi làm thư ký đại sứ quán tại Rome. Theo thông lệ, những đại sứ thường bắt đầu con đường sự nghiệp của mình, từ những thành phố lâu đời nhưng Chateaubriand lại bắt đầu sự nghiệp của ông từ những rừng già châu Mỹ,

lịch trường cho các nền văn minh tương lai.

Không có gì mỹ lệ hơn chuyến đi được kể lại bằng giọng văn về đạo Cơ đốc mà chỉ tác giả mới có. Một văn phong vừa tráng lệ lẫn lạ lùng tạo thành một trường phái mà sau này Arlincourt là học trò và đã sáng tác nhiều tác phẩm. Song điều làm lên sức mạnh lớn lao của Chateaubriand mà những người bắt chước ông không có được đó chính là sự hoà quyện giữa các đơn giản và cái vĩ đại.

Lần đi qua đồng bằng Lombardie, ông đã tạo nên một nguyên mẫu về phong cách mà không đâu có được ấy. Đó là một bức tranh về những người lính Pháp ở nước ngoài. Người nước ngoài vừa yêu vừa ghét chúng ta khi những người lính này đi qua.

"Quân đội Pháp được dựng lên ở Lombardie như một doanh trại quân sự. Đây đó có vài người lính canh đi lại, những con người này đội một chiếc mũ quân cảnh, lưng đeo gươm có hình như lược hai bên ngoài áo khoác khiến họ có vẻ là những thợ gặt bận rộn và vui vẻ. Họ ném đá, đẩy đại bác, lái xe thồ, nâng các thùng hàng. Những con ngựa nhảy choi choi, lồng lên trong bầy hoặc thủng thẳng như những con chó dụi người vào chủ của chúng. Những người Italie bán hoa quả trên sạp hàng của mình ở chỗ giữa đám lính. Những người lính mang đến tẩu, quẹt lựa làm quà tặng cho họ và nói với người thương của họ giống như những người Barbare đã từng nói: Anh là Fotlad, con trai ông Eupe, dân tộc France, nghiêng mình bên sắc đẹp của em, anh trân trọng trao cho em ngôi nhà anh ở phố Pins.

Quân nhân của chúng ta là những kẻ thù đặc biệt: ban đầu người ta thấy chúng ta hơi cao ngạo rồi hơi vui tính rồi quá vui nhộn. Những người lính năng nổ, thông minh, trí tuệ dần dần trở thành chỗ thân quen nơi dân cư họ sống. Họ múc nước từ giếng lên, đi săn, lùa cừu vào chuồng, bế các em bé hay ru chúng ngủ trong nôi. Tính khí hoà nhã và các công việc thường ngày giúp họ thêm gần gũi, người ta quen dần việc nhìn nhận họ như thành viên trong gia đình. Trống hành quân vang lên ư? Họ lại rời các mái tranh để các thiếu nữ chủ nhà khóc thút thít bên cánh cửa và họ không nghiên các mái nhà ấy cho đến khi họ bước vào Viện Quân Nhân danh dự đến Milan, một thành phố đông dân cư đang thức giấc, nước Italie vừa ra khỏi cơn mê và đang nhớ lại về lãnh tụ thiên tài của mình như một giấc mơ thần thánh. Nước Áo đã từng đến, nó khoác lên người Italie tâm áo chì, buộc họ trở vào

quan tài, thành Rome rơi vào đổ nát còn Venice chìm dưới biển. Venice đã tô điểm bầu trời bằng nụ cười hắt hiu cuối cùng của nó. Nó đã ngủ một giấc êm ái dưới các lớp sóng như một vì tinh tú không bao giờ thức dậy".

Tối ngày 27 tháng Sáu, Chateaubriand đến Rome. Đó là hai hôm trước ngày lễ thánh Saint-Pierre, một trong tứ đại lễ của thành Bất tử.

Ngày 28, ông đi thăm thú khắp cả ngày như mọi du khách khác ném cái nhìn đầu tiên vào Colisée, điện Panthéon, cột Trajane, lâu đài Saint-Ange. Buổi tối, ông Artaut, người tiền nhiệm của ông, đưa người mới đến tới một ngôi nhà gần quảng trường Saint-Pierre. Họ nhìn thấy một đống lửa lớn trước vòm Michel-Ange ở giữa những vòng vây điệu vai, những quầng pháo hoa từ nóc Adnen, lụi tắt ở Saint-Onuphre hay trên lăng mộ Tasse. Sự im lặng, sự quên lãng và bóng đêm đã bị lùi lại.

Ngày hôm sau, ông tham dự buổi lễ thánh Saint-Pierre có Đức Giáo hoàng Pie VII đọc kinh cầu nguyện. Hai ngày sau, ông đến trình diện, giáo hoàng Pie VII mời ông ngồi cạnh. Đây là một vinh hạnh hiếm hoi vì các giáo hoàng thường để khách đứng, chắc chắn cuốn *Thần đồng đạo Cơ đốc* đã được mở trên một chiếc bàn nào đó của giáo hoàng.

Giáo chủ Fesch thuê lâu đài Lancelotti cạnh lâu đài Tibre làm trụ sở. Người ta dành cho chàng trai thư ký đại sứ tầng cao nhất trong lâu dài. Vừa vào đến nơi, một số lượng không ít bọ chét nhảy lên quần, lên chân biến nó thành toàn một màu đen kìn kịt. Ông cho giặt chiếc quần ngay tại phòng ngoại giao và bắt đầu công việc tối quan trọng của mình.

Ngược với tôi, người luôn tự tin với chữ viết của mình, nét chữ của Chateaubriand trở thành thứ cản trở tài năng của ông. Giáo chủ Fesch nhún vai khi nhìn chữ ký ấy và giống như chưa từng đọc *Atala* cũng như *Thần đồng đạo Cơ đốc*, ông ta tự hỏi tại sao một người tài năng lại phải có chữ ký rộng hết một trang như thế.

Hầu như chẳng có việc gì cho cái vị trí thư ký cao quý ấy làm ông đành

ngắm nhìn từ trên cao các mái nhà xung quanh một mái nhà bên cạnh có những người phụ nữ giặt quần áo ra hiệu cho ông, một nữ ca sĩ tương lai cất giọng hát những hợp âm vĩnh hằng ấy cứ đeo đẳng ông mãi, khi nhớ đến cái chết, thật sung sướng thay khi có vài đám tang đi qua khiến ông khuây khoả. Thế là từ trên cao, ông thấy dưới phố cao hun hút có một đám tang một người mẹ trẻ, người ta khiêng chị ta và cả đứa bé mới chào đời đầu đội một vành hoa nằm cạnh mẹ.

Trong những ngày đầu mới đến, Chateaubriand đã mắc một lỗi lớn Cựu hoàng đế Sardaigne đã bị Bonaparte truất ngôi đang ở Rome. Chateaubriand đã đến thăm và bày tỏ lòng tôn kính của mình, những trái tim lớn thường vẫn hay hướng về những thứ đổ nát rất tự nhiên. Nhưng cuộc viếng thăm đó đã biến thành cơn bão ngoại giao nổ ra trong toà Đại sứ. Tất cả các nhà ngoại giao đều tránh ông và họ vừa kéo cúc áo cổ vừa thì thào.

- Hắn thua rồi!

"Không một kẻ ngu ngốc trong ngoại giao đoàn nào lại không cho là hơn tôi - Chateaubriand nói - Người ta rất hy vọng tôi sẽ đổ dù tôi chẳng làm gì cả và cũng không tính toán gì. Mà thế cũng có sao, khi có ai đổ chẳng phải điều ấy rất vui đó ư? Tôi vốn đơn giản, tôi không nghĩ mình phạm tội gì cả. Với tôi, những ông vua, những người mà người ta tưởng tôi đặc biệt quan tâm, chỉ đơn thuần là những người bất hạnh. Thế mà khắp từ Rome đến Paris, người ta viết những câu châm chọc đáng sợ, thật may là tôi làm việc với Bonaparte, người đáng dìm chết tôi đã lại cứu tôi".

Chateaubriand buồn đến chết đi được. Cái vị trí mà người ta cứ tưởng giết chết tài năng và trí tuệ của ông lại khiến bút của ông trở nên sắc sảo qua những lá thư văn học. Cuối cùng, nhiệm vụ quan trọng do ông đảm nhiệm cũng được trao lại cho Borghèse. Chateaubriand đã quyết định rời bỏ công việc nhàm chán và vô vị ấy. Khi trở về, ông được phu nhân Beaumont đón tiếp. Đó là con gái bá tước Montmorin, đại sứ nước Pháp tại Madrid, một tướng Bretagne từng làm trưởng sứ dưới triều vua Louis XVI. Dưới đây là bức chân dung người bạn gái của ông qua ngòi bút của mình:

"Phu nhân Beaumont, có khuôn mặt xấu hơn là đẹp, rất giống với một bức

hoạ của phu nhôn Lebrun. Khuôn mặt bà gầy gò và tái xanh, đôi mắt hạnh đào như một tia sáng dịu lại qua lớp nước pha lê. Tính cách của bà hơi cứng nhắc và nóng nẩy cho thấy sức mạnh tình cảm và nỗi đau nội tâm của bà. Một tâm hồn cao thượng, trí tuệ vĩ đại, bà sinh ra trong một thế giới mà trí tuệ của bà đành rút lui trong sự lựa chọn và bất hạnh. Nhưng khi một giọng nói thân tình vọng lên kêu gọi từ phía bên ngoài trí tuệ đơn độc ấy thì bà đến và sẽ nói vài lời từ chốn cao xanh".

Các bác sĩ khuyên phu nhân Beaumont nên đi nghỉ ở miền nam. Sự có mặt của Chateaubriand ở Rome khiến bà quyết định đến đó. Ngay những ngày đầu, họ đã cảm nhận điều tuyệt vời.

Ngài Chateaubriand lấy xe ngựa đưa bà đi thăm thành Rome mỹ lệ nhưng phải mất cả cuộc đời mới thấy hết, yêu và đam mê nó được. Một hôm, thi sĩ đưa bà đến Colisé. Đó là một ngày tháng Mười chỉ có thể thấy được ở Rome.

Người phụ nữ ngồi lên một tảng đá đối diện với một trong số điện thờ đặt xung quanh công trình. Bà ngước mắt chầm chậm nhìn theo những hàng hiên từng chứng kiến nhiều người và vật chết đi và ngay bản thân chúng cũng chết từ lâu rồi. Đống hoang tàn được trang trí bằng những cây ngấy, cây cỏ bồ câu đẫm sương thu và ánh sáng. Người phụ nữ thở dài đi xuống từng bậc thang đến sân. Bà dừng trước cây thập tự và nói:

- Chúng ta đi thôi, tôi thấy lạnh!

Ngài Chateaubriand đưa bà về nhà, bà đi ngủ và không bao giờ dậy nữa. Dưới đây, tác giả cuốn *Thần đồng đạo Cơ đốc* kể lại cái chết của người phụ nữ ấy:

"Nàng bảo tôi mở cửa sổ ra và nàng thấy khó thở. Một tia nắng mặt trời chiếu đến giường hình như làm nàng rất vui. Nàng nhắc tôi dự định đi nghỉ ở nông thôn mà chúng tôi thỉnh thoảng bàn bạc rồi nàng khóc.

Từ hai đến ba giờ chiều, phu nhân Beaumont đòi chuyển sang giường của ba phục vụ người Tây Ban Nha tận tuỵ là Saint-Germain, nhưng các bác sĩ không đồng ý vì sợ nàng tắt thở trong lúc di chuyển thế là nàng nói với tôi nàng thấy gần đến lúc hấp hối. Đột nhiên, nàng hất chăn ra, nắm lấy tay tôi siết thật chặt, đôi mắt mơ màng. Nàng ra hiệu với một ai đó ở cuối chân giường rồi đặt tay tôi lên ngực và nói:

- Đó! Đó!

Tôi rụng rời, hỏi nàng có nhận ra tôi không: một nụ cười thoáng hiện trên môi giữa lúc mê man, nàng khẽ gật đầu vì nàng không còn nói được nữa. Các cơn co giật kéo dài vài phút. Chúng tôi lôi bác sĩ và bà hầu ôm nàng vào lòng, một tay tôi đặt lên trái tim nàng, nó rung rung thật nhanh như một chiếc đồng hồ tháo tung cuộn dây cót.

Đột nhiên, tôi thấy nó dừng lại. Đầu nàng ngục trên gối, vài lọn tóc xoà ra trán, đôi mắt khép lại, bóng đêm vĩnh hằng đã buông xuống. Bác sĩ đưa gương và ngọn nến lại gần miệng nàng. Gương không bị hơi thở làm xỉn mờ, và ngọn nến vẫn cháy nguyên. Tất cả đã kết thúc.

Trên một bia mộ bằng tiếng Hy Lạp có ghi: Ta sẽ yêu nàng mãi mãi, nhưng nàng ở nhà thần Chết, nàng đang uống nước của nữ thần Léthé, nó sẽ khiến nàng quên tất cả những tình yêu đã có".

Ít lâu sau, ngài Chateaubriand nhận được tin rằng ngài Tổng tài thứ nhất bổ nhiệm cho ông làm đại sứ ở Valais. Bonaparte đã hiểu rằng tác giả của *Thần đồng đạo Cơ đốc* cũng thể hiện tài năng trong chính trường cũng như trên văn đàn.

Chateaubriand trở về Paris, biết ơn ngài Bonaparte về sự đánh giá cao tài năng của mình. Ông viết đề tặng tác phẩm *Thần đồng đạo Cơ đốc* cho ngài. Chúng ta sẽ thấy lời đề tặng đó khá hiếm thấy như sau:

"Kính gửi ngài Đệ Nhất Tổng tài, tướng quân Bonaparte,

Thưa tướng quân, Ngài đã rất muốn đặt ấn phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc dưới sự bảo trợ của ngài. Đó là một minh chứng cho ân huệ ngài dành cho sự nghiệp tôn nghiêm được vinh quang nhờ sức mạnh của ngài. Chúng ta

không thể không nhận ra định mệnh của ngài trong tay Thượng đế, Người đã phái một người để hoàn tất mong muốn phi thường của mình. Cả dân tộc ngắm nhìn ngài, nước Pháp thêm mở mang nhờ những chiến thắng mà Người đặt vào tay ngài từ khi ngài dựa vào giáo lý mà xây dựng đất nước.

Hãy tiếp tục giang tay đến ba mươi triệu con chiên dang cầu nguyện cho ngài dưới chân điện thờ mà ngài trả về cho họ. Từ tận đáy lòng tôi vô cùng kính trọng tướng quân.

Kẻ phục vụ thấp kém và rất tuân lệnh của ngài.

CHATEAUBRIAND"

Đó là buổi ngài Tổng tài đón tiếp tác giả cuốn *Thần đồng đạo Cơ đốc* Buổi gặp gỡ này đã bị lui lại hai tiếng đồng hồ vì ông còn mải làm về công tước Enghien. Trong lần gặp mặt ấy, ngài Bonaparte đã bổ nhiệm cho Chateaubriand làm bộ trưởng ở Valais.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 40
Hội đồng biểu quyết

Trước khi mở ra lời giới thiệu rất dài về tác giả tập *Thần đồng đạo Cơ đốc* này, tôi đã nhắc đến việc ngài Bonaparte ra lệnh để ông yên một mình. Đó là lệnh đưa ra khi cơn giận của ông có thể lên đến đỉnh điểm. Trái với những người khác khi ông một mình im lặng, khi các suy ngẫm dịu xuống thì chỉ còn sức tưởng tượng còn sôi sục, một cơn bão tố đang hình thành trong ông và khi nó bùng phát, sấm sét sẽ phải giáng vào ai đó.

Ông ăn tối một mình, khi ngài Réal đến cùng với bản báo cáo rộng như bản ông nhận được ban sáng nhưng phản ứng của ông rất khác, khi thấy ngài Tổng tài đang dài người trên bàn trước tấm bản đồ rộng. Ông đang nghiên cứu đoạn đường từ Rhin đến Ettenheim, đo khoảng cách, tính thời gian đi lại.

Thấy ông Réal vào, ngài đệ nhất Tổng tài chủ ngón tay xuống bàn và nói:

- Ông Réal, ông chịu trách nhiệm về bộ Cảnh sát của tôi, ngày nào ông cũng đến gặp tôi mà lại quên nói với tôi công tước Enghien cách biên giới của chứng ta có bốn dặm và đang tổ chức một cuộc âm mưu quân sự?

- Tôi đến chính là để báo cho ngài mọi chuyện đây - ông Réal bình tĩnh đáp - Công tước Enghien không cách biên giới của ngài bốn dặm mà đang ở Ettenheim, ông ta không rời khỏi đó, tức là còn cách mười hai dặm.

- Mười hai dặm đã là gì? - Bonaparte hỏi - Chẳng phải Georges còn cách sáu mươi dặm, Pichegru cách tám mươi dặm đó ư? Còn Moreau, hắn ở đâu? Có cách bốn dặm không? Hắn ở ngay phố Anjou-Saint-Hororé, cách điện Tuileries có bốn trăm bước thôi, hắn chỉ cần phẩy tay ra hiệu cho đồng đảng đang ở sát hắn tại Paris thì… giả dụ hắn thành công thì một tên Bourbon đã ở thủ đô lên kế vị tôi rồi. Thế đấy, thế là tôi thành con chó mà người ta có thể tóm ngoài đường trong khi bọn ám sát tôi thành những thánh nhân!

Ngài Talleyrand cùng với ngài đệ tam Tổng tài cùng bước vào.

Bonaparte tiến thẳng đến ngài Bộ trưởng ngoại giao.

- Bộ của ngài làm cái quái gì mà để quân kẻ thù của tôi tập hợp ở Ettenheim thế?

- Tôi không biết gì về chuyện này - ông Talleyrand bình tĩnh như mọi khi đáp -và Massias cũng không báo cáo gì về vấn đề này.

Cách trả lời và cách bao biện ấy càng khiến ngài Bonaparte tức điên:

- Thật may là những tin tức trong tay tôi cũng đủ rồi, tôi biết cách trừng trị âm mưu của chúng, đầu của kẻ phạm tội sẽ là lẽ công bằng.

Nói xong ông sải những bước dài trong phòng khách theo thói quen của mình.

Đệ nhị Tổng tài, ông Cambacères phải cố gắng mới theo kịp òng nhưng khi nghe đến câu "Đầu của kẻ phạm tội sẽ là lẽ công bằng" thì ông này dừng lại.

- Tôi nghĩ giả dụ có nhân vật như vậy thì tình hình cũng không nghiêm trọng đến vậy chứ.

- Ngài nói gì thế thưa ngài? - Bonaparte nhìn ông này từ đầu đến chân - Ngài biết tôi không muốn đụng vào kẻ định ám sát tôi à. Tôi sẽ xử lý việc này theo ý của tôi và không nghe lời khuyên nào hết, nhất là từ ngài. Tôi thấy dường như chính ngài đã dính dáng đến máu nhà Burbon từ khi ngài bỏ phiếu tử hình vua Louis XVI. Nếu tôi không có được trong tay luật pháp cho phép chống lại hung thủ, tôi sẽ dùng luật tự nhiên, dùng quyền tự vệ hợp lẽ của mình.

Hắn và người của hắn không có mục đích nào khác là muốn cái mạng của tôi. Tôi bị tấn công từ mọi phía, khi thì có dao găm, khi thì lửa, bọn chúng còn tạo ra súng gió, thuốc nổ, chúng dồn tồi bằng các cuộc phản loạn. Thế nào ngày lại ngày, xa hay gần bọn chúng sẵn sàng ra tay giết người! Thế mà không lực lượng nào, không toà án nào trên mặt đất này mang công lý đến cho tôi, tôi cũng không được như người bình thường khác là lấy chiến tranh đáp trả chiến tranh hay sao! Ai có thể dửng dưng kết tội tôi đây? Máu phải trả bằng máu đó là phản ứng tự nhiên không thể tránh được kẻ nào gieo gió

ắt phải gặt bão!

Khi ta chịu khuất phục vì sợ có nội chiến và gây xôn xao chính trị thì chỉ có nước làm mồi làm nạn nhân mà thôi! Phải thế nào mới tưởng tượng được một gia đình lưu vong có đặc quyền liên tục tấn công, động đến sự tồn tại của tôi mà tôi lại không có quyền làm ngược lại. Nó chỉ biết biết hạ người khác rồi dùng luật pháp khoác lên mình để bảo vệ mình hay sao, cơ hội phải được chia đều chứ.

Về mặt cá nhân tôi, tôi chưa làm gì động đến một ai nhà Bourbon. Cả dân tộc lớn đã đặt tôi lên lãnh đạo nó, hầu như toàn bộ châu Âu đã nhượng bộ trước lựa chọn này, và sau cùng, máu của tôi đâu phải là bùn, đã đến lúc tôi đặt nó ngang với máu của bọn chúng rồi. Chuyện gì xảy ra nếu tôi thúc đẩy việc trả thù của mình? Tôi có thể làm điều đó! Tôi có hơn một lần cơ hội nắm lấy số mạng của chúng, hơn chục lần có người đề nghị tôi lấy đầu chúng và lần nào tôi cũng từ chối thẳng thừng, không phải tôi thấy bất công trong vị thế mà chúng hại tôi mà tôi thấy mình còn rất mạnh. Tôi cứ tưởng không nguy hiểm gì và coi việc chấp nhận giết chúng như một sự hèn hạ. Châm ngôn của tôi trong chính trường cũng như trong chiến tranh đó là tất cả những cái xấu xa chỉ tha thứ được chừng nào nó tuyệt đối cần thiết ngoài ra chúng là tội ác.

Fouché vẫn chưa nói gì, ngài Bonaparte quay sang phía ông ta và cảm thấy có một chỗ dựa. Để đáp lại câu hỏi im lặng của ngài Đệ nhất Tổng tài, Fouché quay sang hỏi ông Réal:

- Thưa ngài Hội đồng, chẳng phải mọi chuyện sẽ sáng tỏ hơn khi ngài đưa ra lời khai của Le Ridant, người bị bắt cùng thời gian với Georges hay sao? Chắc là ngài uỷ viên Hội đồng nhà nước của chúng ta còn chưa đọc nó vì ngài Dubois mới chuyển cho ngài lúc hai giờ, và từ hai giờ đến lúc này vì quá bận nên ngài không có thời gian đọc nó đúng không?

Ông Réal đỏ mặt đến tận mang tai. Quả thật ông ta có nhận được văn bản mà người ta nói rất quan trọng nhưng ông ta lại không đọc, cũng không cho vào tập hồ sơ của Georges. Trong lòng tự nhủ sẽ liếc mắt đến đầu tiên ngay khi ông có thời gian rỗi. Nhưng ông ta đã không có khoảng thời gian rỗi đó, cho nên ông chỉ biết là biên bản hỏi cung chứ không rõ nội dung là gì.

Không nói được lời nào, ông mở cặp và lục tìm nó trong số các giấy tờ khác. Fouché cúi đầu xuống chỉ vào một tờ giấy và nói:

- Nó đây này.

Ngài Bonaparte hơi lấy làm lạ về con người này. Ông ta biết rõ trong cặp của uỷ viên Hội đồng có gì.

Bản cung khai này rất quan trọng. Le Ridant thú nhận có cuộc âm mưu làm phản, tuyên bố có một hoàng thân cầm đầu, người này đã từng đến Paris và có thể sắp quay trở lại. Hắn còn nói thêm đã từng thấy ở chỗ Georges Cadoudal một thanh niên khoảng ba mươi hai tuổi, rất cao quý, lịch lãm được tất cả đều kính trọng kể cả Pichegru.

Bonaparte ngắt lời ông Réal đang đọc.

- Thôi đủ rồi? - Ông nói - Thế là đủ rồi! Rõ ràng người thanh niên đó, cái kẻ được tôn kính ấy, không ai khác ngoài một hoàng tử đến từ London. Kẻ được chờ bên vách đá Biville suốt một tháng, đó chỉ có thể là công tước Enghien. Hắn vừa mất bốn mươi tám tiếng rời Ettenheim đến Paris và trở về từ Paris đến Ettenheim bằng ấy thời gian, sau một hồi bàn bạc với đồng phạm của hắn. Kế hoạch đã vạch rõ không bàn cãi vào đâu được.

Napoléon nói tiếp:

- Bá tước Altois phải đến Normande với Pichegru, còng tước Enghien tới Alsace cùng Dumounez. Nhà Bourbon muốn trở lại Pháp phải mượn đến hai tướng Cộng hoà giỏi nhất này làm tiền trạm.

Mọi người đều hiểu sau khi nghe ngài Tổng tài bày tỏ ý của mình lên quyết như vậy thì không ai dám phản đối dù là trực tiếp hay gián tiếp dự định của ông nữa.

Lebrun đưa ra vài nhận xét mơ hồ, ông ta sợ một hành động tấn công như thế từ phía Bonaparte sẽ gây ra tác động tới châu Âu.

Tổng tài thứ hai, ông Cambacères mặc dù thường ngày cũng mạnh mồm nhưng giờ đây im bặt chỉ gợi đến lòng khoan hồng, nhưng Bonaparte chỉ

đáp:

- Tôi biết động cơ nào khiến ngài khuyên tôi như vậy. Đó là lòng tận tuỵ của ngài với tôi, tòi xin cảm ơn về điều đó nhưng tôi không thể để mình bị giết mà không tự vệ. Tôi sẽ cho tất cả đám người này phải run lên và dạy cho chúng biết giữ sự yên ổn là gì.

Lúc này, tình cảm bao trùm toàn bộ con người Bonaparte không phải là sợ hãi hay lòng hận thù mà là ý muốn cho toàn nước Pháp biết rằng dòng máu nhà Bourbon vốn là thứ thiêng liêng với đồng bọn của chúng nhưng chẳng có nghĩa lý gì với ông cũng như với nhưng con người của chế độ Cộng hoà.

- Nhưng rốt cuộc, ngài dùng giải pháp gì? - Cambacèrer hỏi.

- Rất đơn giản để bắt sống công tước Enghien và chấm dứt chuyện này.

Mọi người biểu quyết chỉ riêng Cambacèrer còn dám bảo vệ sự phản đối của mình đến cùng. Vậy là quyết định đã được thông qua trong hội đồng và ngài Bonaparte không phải chịu trách nhiệm một mình về chuyện này. Ông cho gọi hai đại tá Ordener và Caulaincourt vào.

Đại tá Ordener sẽ đến bên bờ sông Rhin mang theo ba trăm lính long kỵ binh, nhiều binh sĩ, quân hiến binh và vài lính bắc cầu.

Vì những người này mang lương thực chỉ trong bốn ngày nên họ được mang một khoảng ba mươi nghìn phăng nữa để khi cần thì mua lương thực trong dân. Họ sẽ qua sông Rheinau, tiến thẳng đến Ettenheim, bao vây khu phố và sẽ bắt công tước Enghien cùng tất cả những người sống lưu vong quanh ông ta đặc biệt là Dumoanel. Trong khi đó, một cánh quân khác bao gồm ít quân pháo binh đó, Kerhl ở Offenburg chờ đợi cho đến khi công tước được mang về lãnh thổ Pháp. Ngay khi mọi việc hoàn tất, đại tá Caulaincourt sẽ đến chỗ công tước Badi để trình lời giải thích về hành động họ vừa làm.

Lúc ngài Bonaparte chủ trì phiên họp Hội đồng là tám giờ vì ông sợ mình hối hận mà thay đổi quyết định nên cho hai đại tá đi ngay trong đêm. Chỉ còn lại một mình, cảm giác chiến thắng lộ rõ trên khuôn mặt Bonaparte. Sự kiện này một khi thành công có lẽ sẽ là điều ân hận suốt đời nhưng vào lúc vừa quyết định xong, ông chỉ có cảm giác mãn nguyện, dòng máu của ông

cũng ngang với của các vua chúa và ngay cả một ông vua trên ngai cũng không có quyền buộc nó phải đổ.

Ông liếc nhìn đồng hồ, đã tám giờ mười lăm. Ông Méneval, thư ký mới thay thế cho Boumerine cũng tham dự vào cuộc họp kỳ lạ ấy, vẫn ngồi tại chỗ để chờ xem ngài Tổng tài có ra lệnh gì không.

Bonaparte đi đến bàn, chỉ tay vào bàn đó rồi nói:

- Ông viết đi!

"Ngài Đệ nhất Tổng tài gửi đến Bộ trưởng Chiến tranh

Paris ngày 19 Ventose năm XII (10/3/1804)

Công dân tướng quân, mong ngài ra lệnh cho tướng Ordeler, người mà tôi mới trao cho ngài, lệnh cho anh ta đi đến Strasbourg đêm nay anh ta sẽ mang bí danh khác và đi gặp một sư trưởng.

Nhiệm vụ của anh ta liên quan đến Ettenheim, bao vây thành phố và bắt công tước Enghien, Dumounez, đại tá Anh và tất cả những người khác có liên quan. Sư đoàn trưởng, hạ sĩ quân cảnh cũng như cảnh sát trưởng sẽ cung cấp tất cả các thông tin cần thiết cho anh ta.

Ngài lệnh cho tướng Ordener lấy ba trăm quân long kỵ binh ở đội 26 phải đến Rhemau vào tám giờ tối.

Sư trưởng sẽ cử mười một lính bắc cầu đến Rheinau cũng vào tám giờ tối. Quân pháo binh hạng nhẹ có thể đi xe hoặc ngựa độc lập. Phải chuẩn bị từ bốn hoặc năm chiếc tàu lớn đủ để đưa ba trăm người và ngựa qua sông chỉ trong một chuyến.

Quân số chỉ có bánh mỳ trong vòng bốn ngày và mang đủ đạn dược. Sư trưởng sẽ gặp ở đó một đại uý hay một sĩ quan, một trung uý cảnh sát và ba bốn quân hiến binh. Ngay khi tướng Ordener vượt qua sông Rhin, anh ta sẽ tiến về Ettenheim, đến nhà công tước và nhà Dumouriez. Công việc này hoàn tất, anh ta sẽ trở lại Strasbourg.

Khi qua Lunéville, tướng Ordener sẽ lệnh cho một sĩ quan đi xe đến Strasbonrg trước để chờ lệnh. Đến Strasbourg, tướng Ordenerr sẽ bí mật sai

hai mật vụ đi báo tin. Cùng ngày giờ ấy, ngài lệnh cho hai trăm long kỵ bmh đội 26 dưới sự chỉ huy của tướng Caulamcourt đến bao vây Offemburg và bắt bà nam tước Reich, nếu bà ta không bị bắt ở Strasbourg vì có thể một người anh đang sống ở Strasbourg có thể báo tin trước cho bà ta.

Từ Offemburg, tướng Caulamcourt sẽ chỉ huy quân tiến lại gần Ettenheim, khi anh ta biết tướng Ordener đã đến đó. Họ sẽ chuẩn bị trợ thủ cho nhau đồng thời, sư trưởng cũng sẽ cho ba trăm quân đến Kerlh cùng bốn pháo hạng nhẹ để chiếm một trạm ngựa nhỏ ở Wilstardt để không còn chỗ trung gian giữa hai đường nữa.

Hai tướng Caulamconrt và Ordener phải lưu ý không được để quân lính làm ảnh hưởng đến dân chúng, ngài sẽ cấp cho họ khoảng mười hai nghìn phăng. Nếu họ không thể hoàn thành nhiệm vụ mà muốn lưu lại ba bốn ngày để hoàn tất công việc thì họ được phép. Còn nếu lâu hơn trên lãnh thổ nước ngoài, họ sẽ gặp bất hạnh lớn.

Ngài ra lệnh cho chỉ huy Neufbrissac để một trăm người qua tả ngạn con sông cùng hai đại bác. Trạm ngựa sẽ được giải phóng ngay khi hai cánh quân trở về. Tướng Caulaincourt chỉ đem theo khoảng ba chục quân hiến binh bên mình, còn lại tướng Ordener, sư đoàn trưởng sẽ tuỳ tình hình di chuyển.

Nếu xảy ra trường hợp ở Euenheim không có công tước Enghien, Mourieg và những người khác thì phải gửi mật báo đặc biệt về khi ấy ngài ra lệnh bắt chủ trạm ngựa ở Kerlh và những người khác để có thể có tin tức về chuyện đó.

BONAPARTE".

Lúc ông đang ký tài liệu quý hoá ấy thì có người vào báo công dân Chateaubriand đến.

Như tôi đã nói ở trên, ông Chateaubriand cùng tuổi với ngài Bonapalte tức là vào thời điểm ấy, họ cùng ba mươi lăm tuổi. Cả hai đều có vóc dáng nhỏ nhắn. Tất cả những ai từng có hân hạnh quen biết Chateaubriand đều đồng ý

với tôi là họ chưa từng thấy ai cao ngạo như ông trừ sự kiêu căng của ngài Bonaparte.

Vẻ kiêu căng của tác giả *Thần đồng đạo Cơ đốc* là thứ còn sống sót sau tất thảy, khi tài sản tiêu tan, mất nghiệp chính trị hay khi có thành công trong văn chương. Vào lúc vinh quang này, vẻ kiêu căng ấy còn lớn hơn nữa.

Về phần mình, ngài Bonaparte chỉ cần một bước nữa là bước đến bậc cao tột đỉnh mà con người có thể đạt đến cho nên sự kiêu ngạo của ông không chấp nhận bị đem ra so sánh với bất cứ ai, trong quá khứ cũng như ở hiện tại.

- Chào ngài Chateaubriand - Bonaparte nói và tiến về phía ông - Ngài thấy đấy tôi vẫn chưa hề quên ngài.

- Xin cảm ơn công dân Tổng tài. Cuối cùng ngài đã hiểu là có những người chỉ có giá trị ở vị trí của họ.

- Tôi nhớ lại lời của César: "*Thà là người đứng đầu ở quê còn hơn làm người thứ hai ở Rome"*. Sự thật là lẽ ra ngài không phải giải khuây ở nhà ông chú quý hoá của tôi, giữa những phiền nhiễu vụn vặt của giáo chủ, giữa thói khoác lác của các quý ông giám mục Châlons và những lời dối trá không ngớt của giám mục Maroc trong tương lai.

- Cha Guillon - Chateaubriand nói.

- Ngài cũng biết chuyện của ông ta đó - Bonaparte nói tiếp - Lợi dụng có tên giống nhau, ông ta cho rằng sau khi thoát được một cách kỳ diệu khỏi vụ thảm sát Cannes, ông ta đã rửa tội cho phu nhân Lamballe ở Force. Chẳng câu nào trong chuyện này là sự thật cả… thế ngài đã làm gì ở đó để giải khuây?

- Tôi sống ở mức có thể nhất giữa những kẻ đã chết. Tôi làm tất cả những gì người nước ngoài đến Rome muốn làm, đó là mơ mộng. Chính bản thân Rome cũng là một giấc mơ rồi, phải thấy ánh trạng từ trên cao Trinité-du-Mot, những công trình xa xa như những nét phác thảo của hoạ sĩ hay như những bờ biển chìm hơi sương nhìn từ một mạn tàu. Vầng trăng, cái khối cầu mà người ta ngỡ ở một thế giới đã chết ấy lại toả thứ ánh sáng tái nhợt lên trên thành Rome hoang tàn. Nó chiếu đến các khu phố không dân cư, những quảng trường công viên tịnh không có bóng người, những tu viện và hành lang của nó cũng vắng lặng như hành lang ở Colisée. Tôi tự hỏi chuyện

gì xảy ra nơi đây cách đây mười tám thế kỷ cũng vào giờ này. Những ai ở đây đã xuyên qua bóng tốt những toà tháp này. Không chỉ nước Ý cổ đại đã chết mà nước Ý thời trung cổ cũng không còn. Trong khi tất cả dấu vết của hai nước ấy còn in trong thành phố vĩnh hằng. Nếu thành phố Rome hiện đại trưng ra nhà thờ Saint-Pietre và những kiệt tác của nó thì thành Rome xa xưa chống lại bằng đền thờ Panthéon và những mảnh vụn của nó. Nếu một thành phố dẫn nhưng nhà tài phiệt của mình xuống từ Capitol thì thành phố xưa đưa các giáo chủ từ Vatican đến. Dòng sòng Tibre chia hai vinh quang ngơi nghỉ trong cùng lớp bụi ấy. Rome vô thần ngày càng chìm sâu vào nấm mồ của nó và Rome Cơ đốc cũng lún xuống hầm mộ của mình.

Bonaparte thả mình mơ màng trong cách miêu tả thú vị thành Rome, tai ông lắng nghe nhà thơ nhưng mắt ông lại nhìn xa xăm. Mãi sau, ông nói:

- Thưa ngài nếu như tôi đến Rome, nhất là với cương vị của một tham tán đại sứ Pháp, tôi sẽ thấy trong Rome thứ khác với Rome của César, của Dioclétien và của Grégorie VII, tôi sẽ thấy ở đấy không chỉ di sản sau ngàn năm mà còn thấy bà mẹ của thế giới La Mã tức là từ một đại đế chế chưa từng đâu có; nhất là tôi sẽ thấy bà hoàng Địa Trung Hải với bình lưu tuyệt vời, độc nhất thiên hạ, được các nền văn minh cày xới cộng với sự thống nhất các dân tộc châu Âu. Một tấm gương lần lượt phản chiếu Marseille, Venice, Corinthe, Athenes, Constantinople, Smyrne, Alexandrie, Cyrène, Calthage và Cadix; quanh nó, ba phần của thế giới cũ là châu Âu, châu Phi và châu Á chỉ cách có vài ngày đường.

Nhờ nó, người nào làm chủ Rome và Italie có thể đi đến khắp nơi, theo dòng Rhône, trái tim nước Pháp, theo dòng Eridan, trái tim nước Ý, qua eo Gibraltar đến Senégal, đến mũi Hảo Vọng đến hai miền châu Mỹ, qua eo Dardanelles đến biển Marmara, đến Bosphore, Pont-Euxin tức là Tartare, qua biển Đỏ đến Ấn Độ, Thibet, đến châu Phi, Thái Bình Dương tức là đến miền cực kỳ rộng lớn, qua sông Nil đến đi Ai Cập, đến Thèbes, Memphis, Eléphantine, Ethiopie, đến sa mạc tức là đến miền mới lạ. Để chuẩn bị cho sự nghiệp lớn lao sau này của mình, có thể còn vượt cả César và Charlemagne, thế giới vô thần đã lớn mạnh quanh biển này. Cộng đồng Cơ đốc giáo cũng ôm nó trong tay được ít lâu. Những Alexandre, Anmbal, César đều được sinh ra bên bờ của nổ. Và biết đâu, một ngày người ta lại nói Bonaparte được sinh ra từ trong lòng nó! Thành Milan cũng mang một câu vọng "*Charlemagne*", Tunis cũng hoà theo "thánh Louis". Quân A Rập xâm lăng cũng túa ra bên bờ của nó; các cuộc thập tự chinh lần lượt trèo lên, suốt ba nghìn năm qua, nền văn minh soi sáng nó, từ mười tám thế kỷ qua,

Calvaire ngự trị nó!

Mà nếu số phận đưa ngài quay trở lại Rome, tôi cũng bạo gan mà nói với ngài rằng: *"Ngài Chateaubriand, khá thi sĩ, khá mơ mộng và khá thông thái đã nhìn Rome bằng quan điểm của mình đã đến lúc một con người thực tế, thay vì chìm mình trong những giấc mơ trên chính thành phố hãy lao mình vào chân trời sâu rộng hơn. Chẳng còn gì để làm với thành phố đã hai lần là thủ đô của nhân loại; phải để cánh đồng ấy tự cày lấy thôi".* Nếu một ngày tôi là chủ Tây Ban Nha cũng như đứng đầu Italie, tôi sẽ cho lấp eo biển Gibraltar đến nước Anh, tôi sẽ phải xây chân tường thành trong lòng đại dương. Như vậy, thưa ngài Chateaubriand, Địa Trung Hải không còn là biển nữa mà sẽ là một cái hồ của nước Pháp.

Nếu một con người thiên tài như ngài không báo giờ quay trở lại Rome nữa, điều này có thể lắm, và nếu tôi còn cầm quyền thì tôi sẽ cử ngài đến đó không phải với tư cách một chân thư ký quèn mà là đại sứ thật sự. Tôi sẽ nói với ngài*: "Đừng lưu luyến cái thư viện nữa, hãy để nó cho Paris Ovide, Tacite hay Slléton, ngài hãy chỉ mang một tấm bản đồ thôi, bản đồ Địa Trung Hải, và đừng bao giờ để rời mắt khỏi nó dù là giây lát. Dù ở đâu trên thế giới, hứa với ngài ngày nào tôi cũng sẽ giữ nó".*

Xin từ biệt ngài Chateaubriand.

Chateaubriand cúi đầu đi ra, ông vừa có cảm giác một bàn tay mạnh mẽ đặt lên trán mình làm vỡ vụn ý chí và khiến thói tự cao phải oằn xuống.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 41
Chặng đường đau khổ

Lúc ngài Bonaparte và Chateaubriand chia tay sau khi cân đo cao thấp giống như hai vận động viên điền kinh gặp mặt để thách đấu hơn là một người đến nhận lệnh từ chỉ huy, thì tướng Ordener lên xe đi Strasbourg, vừa đến nơi, anh đến gặp sư trưởng đóng quân ở đây. Sư trưởng đã nhận lệnh đáp ứng mọi yêu cầu không cần hỏi lý do. Ông ta giao cho viên tướng tạm quyền bấy giờ gọi là tướng Frion, ba trăm long kỵ binh của đội số 26, những lính làm cầu kèm theo mọi thứ mà tướng Ordener cần thiết.

Tướng Ordener đến Schelestadt, cử một đội trưởng quân hiến binh cải trang đến Ettenheim dò la xem hoàng thân và tướng Dumounez có ở đó hay không. Người này về báo cả hai đều ở Ettenheim.

Ngày sau đó, tướng quân Ordener đi đến Rheinau. Nhờ phà và năm tàu lớn hợp lại, họ qua sông Rhin chỉ trong một chuyến.

Khoảng năm giờ sáng, lâu đài của hoàng thân đã bị bao vây hoàn toàn. Nghe thấy tiếng ngựa và tiếng mở cửa, hoàng thân nhảy xuống giường vớ lấy khẩu súng trường hai viên, mở cửa sổ và nhìn thấy công dân Charlot, đại đội trưởng, đội hiến binh quốc gia số 38 đang hét với những người mà anh ta nhìn thấy trên cửa sổ lâu đài:

- Nhân danh nhà nước Cộng hoà, hãy mở cửa ra.

Ông hoàng định nổ súng (và nếu thế chắc chắn công dân Charlot cũng nhả đạn) thì đại tá Grunstein ngủ trong phòng cạnh đó vội vã chạy ra cửa sổ đặt tay lên khẩu súng và nói:

- Tâu đức ông, ngài cũng đồng loã trong vụ này ư?

- Không hề mảy may, Grunstein thân mến ạ.

- Nếu vậy - Grunstein nói - mọi kháng cự đều vô ích, chúng ta đã bị bao vây, đức ông cũng thấy đấy, tôi còn thấy nhiều lưỡi lê ách lên. Đối với kẻ khiêu khích, đó là tên cầm đầu, nếu ngài giết chúng thì ngài sẽ thua và chúng tôi cũng vậy.

- Đúng thế! - Hoàng thân ném súng xuống và nói - Cứ để chúng vào nhưng phá cửa mà vào. Tôi không quen bọn Cộng hoà nên không mở cửa cho chúng được.

Trong lúc quân lính phá cửa, hoàng thân vội vã mặc quần áo.

Nhiều tiếng kêu "Đốt lửa lên!" vang lên nhưng nhanh chóng câm bặt. Một người chạy đến nhà thờ để rung chuông bị bắt ngay và kẻ đi báo tin cho tướng Dumounez, bị tóm không kịp kháng cự (chứng ta biết rằng đó không phải là Dumounez mà là Thumery).

Ông hoàng bị dẫn ra khỏi phòng trong lúc người ta lục lọi tất cả giấy tờ của ông. Ông ta được đưa đến một cái cối xay gần điện Tulleries. Phần còn lại, người ta không cần phải phá cửa. Hôm trước một đội trưởng hiến binh Pferdsdorff đã được cử đến để chỉ dẫn tất cả những nơi ông hoàng ở. Pferdsdorff cùng vài hiến binh và hơn chục long kỵ binh trung đoàn hai hai đã vào nhà bằng cách nhảy qua tường bao quanh sân.

Khi tập hợp các tù nhân, người ta không tên thấy Dumounez trong số họ. Khi được hỏi, ông hoàng nói Dumounez chưa bao giờ ở Ettenheim và ông thậm chí chưa từng gặp người này. Những người bị bắt là: Hoàng thân, hầu tước Thumer, nam tước Grunstein, trung uý Schmidt.

Cha Weinbom, cựu sáng tập toà giám mục Strasbourg, cha Michel, thư ký toàn giám mục Strasbourg, Jacques thư ký tin cẩn của công tước Englủen, Simon Fenand, cận vệ và hai người hầu có tên là Pierre Poulain và Joseph Canone.

Ban đầu công tước tỏ ra sợ khi bị dẫn độ về Paris.

- Ông ta bắt được tôi rồi - Công tước nói - ông Đệ nhất Tổng tài sẽ cho giam

giữ tôi. Ta thấy bực khi không bắn vào ông, chỉ huy ạ. Nếu thế người của ông đã bắn ta và thế là bây giờ mọi chuyện đã chấm dứt.

Một chiếc xe bò chở rơm đã sẵn sàng. Người ta tống tù nhân lên xe và dẫn đi giữa hai hàng súng đến tận sông Rhin. Sau đó họ qua sông Rhin, đi đến Plobsheim dừng lại ăn trưa. Sau bữa trưa, công tước lên xe cùng chỉ huy Charlot và đội trưởng hiến binh. Một hiến binh khác lên cạnh đại tá Grunstein.

Họ đến Strasbourg khoảng năm giờ chiều. Mọi người đến lâu đài bản doanh của đại tá Charlot. Nửa giờ sau, công tước bị đưa lên xe ngựa ba bánh để đưa vào thành còn những người khác đi xe bò hoặc cưỡi ngựa của nông dân. Đại tá Charlot cho tập trung tất cả ở phòng khách. Đệm ngủ trải luôn ở đó, bên ngoài cửa có một toán lính và bên trong có hai toán khác liên tục túc trực suốt đêm.

Hoàng thân ngủ không ngon giấc. Ông không thể yên tâm trước cái cách diễn ra mọi việc. Những lời cảnh báo trước đây như sống dậy trong tâm trí của ông và ông tự trách mình đã không cảnh giác.

Thứ sáu ngày 16 tháng Ba, công tước được thông báo sẽ đổi chỗ ở. Tướng quân Leval, chỉ huy trưởng tại Strasbourg và trưởng Friron đến thăm ông. Cuộc viếng thăm lạnh lùng và tẻ ngắt. Công tước được đưa đến phòng cạnh thềm, bên phải ngôi nhà, nối với phòng của quý ông Thumery, Schmidt và Jacques, nhưng ông cũng như người của mình không thể đi qua đi lại gặp nhau.

Dẫu sao, người ta cũng để ông được phép đi dạo trong một khu vườn nhỏ phía sau am. Một tốp lính hơn mười người cùng một sĩ quan canh gác cạnh đó, bá tước Grunstein bị chia cách với ông bằng cách được sắp xếp ở phòng đầu sân bên kia. Công tước rất buồn trước sự chia cắt này. Ông bắt đầu viết cho nữ công tước vợ mình, trao cho tướng Leval và nhờ ông này chuyển giúp nhưng không nhận được lời hồi âm nào, điều này càng khiến ông đau buồn gấp bội. Tất cả mọi giao tiếp đều bị cấm.

Bốn giờ chiều, người ta đến xem xét giấy tờ của ông. Người ta đọc qua loa, phân chia thành từng tập rồi gửi về Paris.

Mười một giờ đêm, công tước lên giường đi ngủ, dù rất mệt mỏi, nhưng ông không sao chợp mắt được. Ông Machine, phụ trách khu này đến thăm ông trên giường, an ủi vài câu gượng ép.

Thứ bảy, ngày 17, công tước Enghien không nhận được hồi âm nào cho lá thư ông viết tới nữ công tước Rohan. Ông đang ở trong tình trạng gần như tuyệt vọng. Người ta đến cho ông ký vào biên bản. Buổi tối, họ thông báo ông được phép đi dạo trong vườn với sĩ quan canh gác và các bạn tù của mình. Sau đó, ông ăn tối và ngủ ngon hơn.

Chủ nhật ngày 18, lúc một giờ rưỡi sáng, người ta đến đưa công tước đi ông chỉ kịp mắc quần áo và ôm hôn các bạn của mình.

Ông đi một mình giữa hai sĩ quan hiến binh và hai hiến binh. Đến quảng trường Eglise, trung uý Petermann và một hiến binh trèo lên xe, ngồi cạnh ông trong khi Blitersdorff và một liến binh khác trèo lên ghế đánh xe.

Chiếc xe dẫn công tước đến quận 20 vào lúc mười một giờ hôm sau, đó cũng là trạm gác. Họ ở lại đó năm tiếng trong khi đó chắc chắn những chi tiết của thảm cảnh hãi hùng đang diễn ra sắp kết thúc. Lúc bốn giờ chiều, chiếc xe đi về phía lâu đài Vincennes và đến nơi vào quãng nửa đêm. Đã đến lúc các nhà Tổng tài của nhà nước Cộng hoà ra lệnh bắt như sau:

"Paris ngày 29 Ventôse năm thứ XII

của nền Cộng hoà Duy nhất và Bậc khả chia cắt

Chính phủ Cộng hoà lệnh bắt:

Công tước Enghien, về tội cầm vũ khí chống lại nhà nước Cộng hoà, cấu kết

với quân Anh tham gia vào vụ phản loạn làm nguy hại đến an ninh nội bộ và an ninh ngoài nước. Công tước sẽ bị đưa ra xét xử tại Uỷ ban Quân sự bao gồm bảy thành viên do chỉ huy trưởng Paris chỉ định và tập hợp tại Vincennes.

Chánh án, ngài Bộ trưởng Chiến tranh, chỉ huy trưởng Paris chịu trách nhiệm về sự có mặt của bị cáo.

BONAPARTE

HUGUES MARET

CHỈ HUY TRƯỞNG PARIS

MURAT"

Chiều theo luật quân sự, sư đoàn trưởng phải thành lập uỷ ban xét xử và ra lệnh xét xử. Murat vừa là chỉ huy trưởng Paris vừa là sư trưởng. Lệnh bắt của các vị Tổng tài nói trên có chữ ký của Murat là vì ông buộc phải ký vào đó. Biết mình lỡ tay, ông thấy vô cùng đau xót. Ông là một người dũng khí, xốc nổi nhưng cũng tốt bụng. Ông có được thông báo hội đồng Tổng tài ra quyết định bắt công tước Enghien, trong lúc sốt ruột thấy anh vợ luôn bị những âm mưu lật đổ mới mọc lên đe doạ, ông đã vỗ tay tán đồng quyết định ấy. Nhưng khi công tước Enghien đã bị bắt, ông lại chịu trách nhiệm giải quyết hậu quả đáng sợ trong cuộc bắt bớ này thì ông chột dạ.

- Chà! - Ông thất vọng ném cái mũ ra xa - Ngài Đệ nhất Tổng tài lại muốn dìm bộ quân phục của mình trong máu đây!

Sau đó ông chạy ra cửa sổ hét to:

- Đóng ngựa vào xe!

Xe vừa chuẩn bị xong, ông lao lên và ra lệnh: "Đến Saint-Clou!"

Ông không muốn nhượng bộ ngay lập tức một mệnh lệnh mà theo ông là một vết nhơ cho Bonaparte và cho bản thân ông. Murat đến gặp anh vợ, giải thích về nỗi lòng của mình, về sự lo lắng và đau xót trước sự việc. Nhưng

Bonaparte đã giấu trong chiếc mặt nạ bằng đồng chính những cảm xúc như thế của ông. Ông tỏ ra mạnh mẽ, không thể lay chuyển, coi đó là sự yếu đuối hèn kém và nói:

- Được rồi, nếu chú sợ, tôi sẽ chỉ định ai sẽ là người ký lệnh xét xử ngay trong ngày.

Chắc hẳn chúng ta còn nhớ chuyện ngài Tổng tài Bonaparte đã ra lệnh cho Savary đến rình bên vách đá Biville hồi họ đợi chuyến tàu của các ông hoàng cập bến. Savary là một trong chúng con người hiếm thấy, khi anh ta hiến dâng là hiến dâng toàn bộ cả thể xác lẫn tâm hồn không hề kêu ca. Anh ta yêu quý Bonaparte, không có quan điểm chính trị nào cả, anh ta chỉ đơn thuần tôn thờ ngài Đệ nhất Tổng tài.

Ngài Tổng tài đã cho thảo lệnh, tự tay ký rồi sai Savary mang chúng đến cho Murat chủ trì việc xét xử. Mệnh lệnh đó rất đầy đủ và rõ ràng. Do vậy Murat bị ngài Tổng tài thúc đẩy mạnh quá trong lòng vừa rủa thầm vừa vò đầu bứt tai, ông tự tay viết mệnh lệnh sau:

"Chinh quyền Paris

Ngày 29 Ventôse, Nhà nước Cộng hoà năm thứ XII

Tổng chỉ huy trưởng Paris

Căn cứ thi hành lệnh của chính phủ, uỷ ban quân sự bảy thành viên sẽ do Tổng chỉ huy trưởng Paris bổ nhiệm và đã bổ nhiệm những người sau:

Tướng quân Hulin, chỉ huy đội Hồng vệ binh bảo vệ các Tổng tài chủ toạ.

Đại tá Guiton, chỉ huy Trung đoàn thiết giáp số 1.

Đại tá Bazancourt, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 4

Đại tá Ravier, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 18

Đại tá Banois, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 96

Đại tá Rabbe, chỉ huy Trung đoàn bảo vệ thủ đô số 2

Công dân Autancourt, tham mưu đội Hiến binh ưu tú giữ nhiệm vụ báo cáo viên uỷ ban này được thành lập ngay tại lâu đài Vincennes để xét xử nghi phạm như chính phủ quy định, mọi văn bản sẽ được trao lại cho chủ toạ.

J. MURAT"

Tù nhân vừa bước vào Vincennes.

Quản lý lâu đài này có tên là Harel. Ông ta được thăng chức điều hành sau vụ Ceracchi và Aréna. Thật trùng hợp khi vợ ông ta lại là chị em cùng vú nuôi với công tước Enghien.

Ông Harel không nhận được mệnh lệnh nào. Người ta hỏi ông có chỗ nào cho tù nhân không, ông đáp là không, chỉ có phòng của chính ông và phòng họp. Lập tức ông Harel được lệnh đi chuẩn bị một chỗ để tù nhân có thể ngủ trong khi chờ phán quyết. Lệnh này kèm theo việc đào trước cái hố trong sân.

Harel đáp điều này rất khó vì sân lát gạch. Người ta tìm chỗ để đào và họ tìm thấy một cái hố có sẵn ở lâu đài.

Bảy giờ tối, công tước bước vào lâu đài. Ông lả đi vì đói và lạnh, không có vẻ buồn nhưng hơi lo lắng. Vì phòng của ông chưa được sưởi ấm nên ông chủ toà lâu đài cho công tước ở phòng của mình. Sau đó, người ta cho tìm đồ ăn trong làng.

Hoàng thân ngồi vào bàn và mời chủ toà lâu đài cùng ăn. Ông Harel từ chối và muốn phục vụ hoàng thân. Thế là ông hoàng đưa ra hàng lố câu hỏi về phòng thủ của toà lâu đài Vincennes và về các sự kiện đã xảy ra. Rồi đột nhiên ông hoàng quay lại hoàn cảnh của mình:

- Này, ông chủ thân mến, ông có biết người ta định làm gì tôi không?

Ông Harel không biết và không thể nói gì về chủ đề này. Nhưng vợ ông nấp sau tấm bình phong che rèm nghe rõ mọi việc đang xảy ra. Khi có lệnh đào hố, bà hình dung ra ngay tương lai thế nào nên khóc nấc lên. Tôi đã nói bà là

chị em cùng vú nuôi với công tước Enghien.

Công tước vội vàng đi ngủ do chuyến đi quá mệt mỏi. Nhưng chưa kịp chợp mắt, trung uý Noirot, trung uý Jacquin, đại uý Autancourt và hiến binh Nerva, Tharsis vào phòng của ông.

Với sự tham dự của công dân Molin, đại uý trung đoàn 18, là lục sự do báo cáo viên chỉ định, tất cả tham dự buổi thẩm vấn:

- Họ, tên, tuổi, phẩm vị của ông là gì? - đại uý Autancourt hỏi.

- Tôi tên là Louis-Antoine-Henri de Bourbon, công tước Enghien, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1772 tại Chantilly - Hoàng thân đáp.

- Ông rời Pháp từ bao giờ?

- Tôi không thể nói chính xác nhưng tôi nghĩ đó là ngày 16 tháng 7 năm 1789, tôi đi cùng Hoàng thân Condé là ông của tôi, cha tôi là công tước Bourbon, bá tước Artois và các con ông ấy.

- Ông sống ở đâu sau khi rời Pháp?

- Khi rời Pháp, tôi luôn đi cùng cha mẹ từ Monge đến Bruxelles. Ở đó, chúng tôi ở nhờ chỗ vua Sardaigne khoảng mười sáu tháng. Tôi đã ở Worn và vùng lân cận đó, bên bờ sông Rhin.

Khi quân đội Condé được thành lập, tôi tham gia chiến đấu. Tôi lập chiến dịch năm 1792 ở Brabant cùng quân của công tước Bourbon và quân đội của công tước Albert.

- Ông sống ở đâu sau khi hoà bình lập lại giữa Cộng hoà Pháp và đế chế Áo?

- Chúng tôi chấm dứt chiến dịch cuối cùng ở gần Gratz. Đến khi đó quân đội được bán cho nước Anh và hội giải ngũ. Tôi ở lại Gratz và khu gần đó khoảng tám, chín tháng vừa để chờ tin của ông nội tôi đang ở bên Anh để đòi khoản trợ cấp cho tôi. Trong khoảng thời gian ấy, tôi được giáo chủ Rohan cho phép đến xứ của ông. Tôi ở lại đó hai năm. Khi Giáo chủ qua đời, tôi chính thức yêu cầu nghị viện Ba de cho tôi tiếp tục chiến đấu tại đó và ông đã đồng ý.

- Ông chưa bao giờ sang Anh và chính quyền này cũng không gửi tiền cho ông chứ?

- Tôi chưa bao giờ sang Anh nhưng tôi vẫn nhận được một khoản và chỉ dựa vào đó để sống.

- Ông có liên lạc với giới quý tộc Pháp sống lưu vong ở London và gặp họ từ bao giờ

Tất nhiên, tôi vẫn liên lạc với ông và cha tôi nhưng từ lâu rồi không gặp họ, từ 1794 hay 95 gì đó.

- Ông giữ chức vụ gì trong quân đội Condé?

- Chỉ huy quân Tiên phong, trước năm 1796, tôi tự nguyện phục vụ tại tổng hành dinh của ông tôi.

- Ông biết tướng Pichegru chứ?

- Tôi cho là mình chưa bao giờ gặp ông ta, tôi không hề có quan hệ gì với người này. Tôi biết ông ta muốn gặp tôi những tôi tảng lờ không biết ông ấy.

- Ông biết tướng Dumouriez chứ? Ông có quan hệ với ông này không?

- Không, tôi chưa bao giờ thấy ông ta.

- Từ ngày hoà bình lập lại, ông chưa bao giờ liên lạc với nội bộ phe Cộng hoà chứ?

- Tôi có viết cho vài người bạn nhưng chỉ là thư thường không ảnh hưởng gì đến chính phủ.

Đại uý Autancourt chấm dứt cuộc hỏi cung, cho công tước Jacquin, trung uý Noirot hai viên hiến binh và chính Autancourt ký vào biên bản. Nhưng khi ký, công tước viết mấy dòng sau:

"Trước khi ký vào biên bản, tôi tha thiết yêu cầu được đặc cách gặp ngài Đệ nhất Tổng tài. Tên tuổi, địa vị cách nghĩ của tôi cũng như tình hình tệ hại của tôi cho tôi hy vọng ông sẽ không từ chối lời đề nghị này.

"LOUIS-A-H-DE BOURBON

Lúc đó Bonaparte đã lui về La Malmaison nơi ông cấm ai đến quấy rầy mình. Đó là địa điểm ẩn náu khi ông tuyệt đối muốn được ở một mình để suy nghĩ.

Phu nhân Bonaparte, hoàng hậu trẻ Hortense và toàn thể phụ nữ trong nhà đều tuyệt vọng. Nhiều lần Joséphine mạnh dạn đi vào phòng và trực tiếp đặt vấn đề. Nhưng ngài Bonaparte đã đáp lại bằng giọng dứt khoát.

- Cô im đi, để tôi yên. Các người là đàn bà thì đừng tham gia vào chính trị.

Về phần mình, tối ngày 20 tháng Ba, ông thư giãn chút ít, bình tĩnh sải bước rộng, hai tay chắp sau lưng và đầu chúi về phía trước như mọi khi. Cuối cùng, ông ngồi xuống một chiếc bàn và thấy có bộ bài liền nói to.

- Xem nào, ai trong số các phu nhân cho tôi chơi bài với?

Phu nhân Rémusat đứng dậy ngồi đối diện với ông nhưng chỉ vài phút, ông đã ném bộ bài xuống, không xin lỗi và đi ra.

Để hoàn toàn thoát khỏi vụ việc này, chúng ta cũng thấy ông rất tuyệt vọng, Bonaparte đã trút toàn bộ nhiệm vụ cho Murat.

Cuộc thẩm vấn kết thúc, hoàng thân mệt đến nỗi đi ngủ ngay lập tức Nhưng chỉ được một tiếng người ta lại vào phòng của ông, đánh thức ông dậy, bắt ông mặc quần áo rồi đưa xuống phòng hội đồng.

Chủ toạ hội đồng xét xử, tướng Hulin, có sự nghiệp may mắn hiếm thấy. Ông là người Thuỵ Sĩ, sinh tại Genève năm 1758. Giống như phần lớn người Genève khác, ông ta làm nghề sửa đồng hồ. Hầu tước Congflans thấy ông cao ráo và đẹp trai đã cho ông đi săn cùng. Khi tiếng súng đầu tiên từ nhà

ngục Bastille vang lên là lúc ông ta đang chạy trong bộ trang phục tuyệt đẹp và thế là được phong làm tướng quân. Ông không hề cải chính sự nhầm lẫn đó, đứng đầu một đoàn người anh dũng nhất xông vào sân nhà tù của triều đình. Sau đó, ông mang quân hàm đại tá mà không ai phản đối cả. Chỉ mới vài tuần trước ông mới được phong hàm tướng quân. Lòng can đảm mà ông chứng tỏ cũng đáng nể lắm. Số là, trận đấu với Launay vừa kết thúc, ông đã chiến đấu rất kiên cường, chỉ dừng lại khi kiệt sức nằm vật xuống đất, tuy vậy vẫn không ngăn được ông hạ một sĩ quan nữa và cho hắn nát như tương.

Có thể vì nhớ lại lòng nhân ái ấy mà ông được bổ nhiệm làm chủ toạ uỷ ban xét xử công tước Enghien. Hoàng thân được xét hỏi lần thứ hai về đủ mọi chuyện. Nhưng trong một hội đồng chiến tranh thì chỉ có một việc phải làm là nếu hoàng thân nhận tội thì cho thi hành bản án. Và bản án đó như sau:

...

"1) Uỷ ban tuyên bố người có tên Louis-Antoine-Henri de Bourbon, tức công tước Enghien, thừa nhận là thủ phạm đã cầm vũ khí chống lại nước cộng hoà Pháp.

2) Thừa nhận là thủ phạm phục vụ cho chính phủ Anh, kẻ thù của dân tộc Pháp.

3) Thừa nhận là thủ phạm đã tiếp nhận lính từ chính phủ Anh, giúp họ mưu mô trên đất Pháp và cùng họ làm phản gây mất an ninh trong và ngoài nước.

4) Thừa nhận là thủ phạm đứng đầu một tổ chức lưu vong và những người khác do nước Anh hậu thuẫn đóng bên biên giới nước Pháp và ở các xứ Fribóurg và Baden.

5) Thừa nhận là thủ phạm liên lạc với người Strasbourg định gây tình hình có lợi cho nước Anh.

6) Thừa nhận là thủ phạm đồng loã trong cuộc mưu phản do người Anh giật dây nhằm vào tính mạng của ngài Đệ nhất Tổng tài và nếu âm mưu này thành công sẽ về Pháp nắm quyền"

Đọc xong phần khép tội trên, chủ toạ đọc nốt phần cuối liên quan đến áp dụng hình phạt. Phần này cũng được rành mạch như phần trên và uỷ ban thống nhất tuyên án tử hình cho người có tên Louis-Antoine-Henri de Bourbon tức công tước Enghien vì tội làm gián điệp, cấu kết với kẻ thù nước cộng hoà, âm mưu làm mất an ninh quốc gia.

Có một điều kỳ lạ khiến chính các thành viên của uỷ ban không nhận ra đó là không ai được báo trước mục đích họ được triệu tập làm gì. Một trong số thành viên uỷ ban còn phải đứng hàng tiếng trong hành lang mà không làm sao cho người ta nhận ra mình. Một người khác, vừa nhận lệnh vội đến thẳng Vincennes cứ tưởng mình bị bắt nên hỏi mãi phải làm gì để vào nhà giam.

Về lời yêu cầu mà công tước xin gặp ngài Bonaparte, một thành viên uỷ ban đề nghị nên chuyển nó đến chính phủ. Cả uỷ ban đều đồng ý nhưng có một tướng quân đứng sau ghế của ngài chủ toạ, người này hình như đại diện cho ngài Tổng tài, tuyên bố lời đề nghị này chưa đúng lúc, uỷ ban nên chuyển sang việc khác và dành việc làm thoả mãn phạm nhân sau.

Khi bản án đã xong, tướng Hulin với cây bút định viết cho ngài Bonaparte mong muốn của công tước Enghien thì người ban nãy bảo yêu cầu chưa phải lúc hỏi:

- Ngài làm gì thế?

- Tôi viết cho ngài Tổng tài - Hulin đáp - Tôi chuyển mong muốn của hội đồng xét xử và của phạm nhân đến ông ấy.

- Công việc của ngài thế là xong rồi - Người đàn ông ấy nói và cất bút đi - Bây giờ chuyện này không liên quan đến tôi nữa.

Sau khi tham dự buổi xét xử, Savary đi ra gặp đội hiến binh ưu tú và đứng ngoài bãi đất gần lâu đài. Viên sĩ quan chỉ huy toán quân nước mắt vòng quanh đến trình bày người ta xin anh ta cái cọc để thi hành bản án của uỷ ban quân sự.

- Đưa nó cho họ. - Savary nói.

- Nhưng tôi biết đặt nó ở đâu bây giờ?

- Ở chỗ nào mà anh không thể làm ai bị thương ấy.

Cái anh chàng đáng thương đi tìm khắp nơi. Sau khi xem xét mãi, anh ta quyết định chọn chỗ cái hố là chắc ăn nhất vì không thể làm ai bị thương được.

Cuộc họp hội đồng đã xong, công tước lại lên phòng mình đi ngủ. Đang ngủ ngon người ta lại đến gọi ông dậy để đọc bản án và thi hành nó. Vì bản án phải được đọc ở chỗ hành quyết nên người ta bắt ông ra khỏi giường và mặc quần áo. Ông hoàng không nghĩ người ta dẫn mình đi bắn đến nỗi khi xuống cầu thang dẫn đến hố của pháo đài ông hỏi:

- Chúng ta đi đâu thế này?

Cảm thấy hai cánh tay bị lạnh, ông xiết tay người quản lý lâu đài đang xách đèn hỏi nhỏ:

- Người ta cho giam tôi vào một xà lim à?

Chỉ một lát sau ông sẽ được giải thích hết nên chẳng ai cần trả lời. Dưới ánh sáng của ngọn đèn từ tay Harel, người ta đọc bản án của ông. Công tước thản nhiên nghe đọc. Sau đó ông rút một lá thư từ trong túi, chắc ông đã phòng sẵn cho tình huống này.

Lá thư có kèm một lọn tóc và một chiếc nhẫn vàng. Ông trao nó cho trung uý Noriot, người ông cảm thấy gần gũi và thân thiện nhất từ khi về Vincennes. Viên chỉ huy chịu trách nhiệm xử bắn hỏi ông:

- Ngài có muốn quỳ không?

- Sao phải làm thế? - ông hoàng hỏi.

- Để đón nhận cái chết.

- Một người Bourbon chỉ quỳ gối trước Chúa mà thôi!

Đám lính lùi lại vài bước. Đúng lúc ấy một con chó nhỏ vốn theo chân công tước từ Ettenheim chạy ra khỏi phòng đến dụi vào chân ông và sủa lên vui

vẻ. Hoàng thân cúi xuống để vuốt ve nó, khi thấy đám lính chuẩn bị vũ khí, ông nói:

- Hãy chăm sóc cho con Fidèle đáng thương của tôi, đó là tất cả những gì tôi yêu cầu các vị - Rồi đứng thẳng dậy, ông nói - Tôi thuộc về các anh, hãy làm đi!

Bốn khẩu lệnh lần lượt: " Chuẩn bị vũ khí!", " Lên đạn!", " Ngắm!", "Bắn!", tiếng nổ chát chúa vang lên và hoàng thân đổ vật xuống. Ông nằm sấp và còn nguyên quần áo trong cái hố đào từ trước. Chỉ một lát sau, thi thể đã bị lấp đầy đất. Đám lính lấy chân dậm đất để cố gắng xoá đi dấu vết họ để lại trên cỏ.

Mới đọc xong bản án, tất cả các thành viên của uỷ ban quân sự đã muốn rời khỏi Vincennes. Ai cũng gọi xe nhưng họ bối rối trước cổng lâu đài vì chẳng có chiếc xe nào của những người vừa tham gia vào cái chết của một ông hoàng bất hạnh trước khi tiếng súng vang báo hiệu mọi việc đã kết thúc cả.

Mãi sau cửa mới mở và người nào người nấy vội lên xe, ra lệnh cho người đánh xe rời khỏi cái lâu đài đáng nguyền rủa này càng nhanh càng tốt. Có thể nói rằng tất cả những con người anh hùng này có thể trên chiến trường, đối diện với cái chết họ sẽ không lùi một bước nhưng bây giờ đang hấp tấp chạy chốn trước một thây ma.

Savary có lẽ là người bị ấn tượng hơn những người khác cũng lên đường về Paris. Đến trạm gác, anh gặp ngài Réal đi đến Vincennes trong bộ quần áo hội đồng. Anh chặn ông lại hỏi:

- Ngài đi đâu đấy?

- Đến Vincennes - ông Réal đáp.

- Ngài đến đó làm gì? - Savary hỏi.

- Thì đến thẩm vấn công tước Enghien theo lệnh của ngài Đệ nhất Tổng tài chứ là gì nữa.

Công tước Enghien đã chết cách đây mười lăm phút rồi - Savary nói.

Ông Réal kêu lên ngạc nhiên gần như khiếp hãi và tái mét người.

- Ôi tại sao lại vội vàng làm hại ông hoàng bất hạnh ấy thế?

"Câu trả lời cho câu hỏi đó, tôi bắt đầu nghi ngờ cái chết của công tước Enghien là tác phẩm của ngài Đệ nhất Tổng tài" - Savary đã nói như vậy trong tập *Hồi ức* của mình.

Ông Réal quay trở lại Paris còn Savary thẳng đến Malmaison để báo cáo cho ngài Đệ nhất Tổng tài biết mình thấy gì. Lúc đó là mười một giờ. Ngài Tổng tài cũng ngạc nhiên như ngài Réal khi nghe thông báo về cái chết này. Làm sao họ lại thẳng thừng với phạm nhân khi ông hoàng muốn gặp ông?

- Theo những gì tôi biết về tính cách của ông ta, tất cả có thể dàn xếp được giữa chúng tôi - Ngài Bonaparte nói rồi lại bước những bước dài - Trong chuyện này có điều gì đó khiến ta không hiểu! Việc uỷ ban đồng ý thỉnh cầu của công tước Enghien thì có gì phức tạp. Mà mong muốn ấy có ngay từ lúc đầu vụ xét xử! Việc tiến hành bản án chỉ diễn ra sau khi ngài Réal thẩm vấn một điểm quan trọng cần làm sáng tỏ cơ mà.

Ông nhắc lại:

- Ở đây có cái gì đó đang xảy ra với tôi? Vụ này chẳng đi đến đâu và chỉ nhằm mục đích khiến tôi trở nên bỉ ổi!

Cũng khoảng mười một giờ, đô đốc Truguet hoàn toàn chưa biết sự kiện định mệnh này xảy ra, đến La Malmaison để báo cáo với ngài Đệ nhất Tổng tài công việc do ông chịu trách nhiệm tổ chức tàu thuyền ở Brest. Không thể vào phòng làm việc của ngài Tổng tài vì ông đang tiếp Savary, viên đô đốc hải quân đành chờ ở phòng khách. Ông ngạc nhiên khi thấy phu nhân Bonaparte nước mắt lã chã và ở tình trạng rất tuyệt vọng. Bà vừa được tin vụ hành quyết hoàng thân, bà không thể dấu được nỗi sợ hãi cho tương lai sau thảm hoạ kinh khủng này.

Chính bản thân đô đốc khi được tin bất ngờ này cũng phải rùng mình và nỗi lo lắng càng tăng lên khi ngài Tổng tài cho gọi ông. Đến phòng làm việc của ngài Bonaparte, ông cố gắng trình bày:

- Thưa công dân Tổng tài, tôi đến báo cáo công việc ngài giao cho tôi về hạm đội Brest.

- Cảm ơn - Bonaparte nói và tiếp tục đi đi lại lại, sau đó ông đột ngột dừng lại - Này Truguet, lại bớt được một tên Bourbon.

- Ái chà! - Truguet nói - Có phải Louis XVIII không may chết rồi không?

- Không. Thế đã tốt! - Bonaparte giận dữ nói - Tôi đã cho bắt công tước Enghien ở Enenheim; tôi cho giải hắn về Paris và sáu giờ sáng nay hắn đã bị bắn ở Vincennes.

- Nhưng mục đích của hành động nghiêm khắc này là gì vậy?

- Thực tình, đã đến lúc phải chấm dứt bọn sát nhân nhắm vào tôi Bây giờ, người ta sẽ không nói tôi muốn sắm vai Monck nữa - Bonaparte đáp.

Hai ngày sau thảm hoạ đó, Boumerine lo ngại trước tình trạng của phu nhân Bonaparte liền gởi thư hỏi xem bà có thể tiếp anh ta không. Lá thư khẩn được chấp nhận, Boumerine chạy vội đến La Malmaison và được đưa ngay vào phòng nơi chỉ có Joséphine, phu nhân Louis Bonaparte và Rémusat. Cả ba đều rất buồn.

- Boumerine đây rồi - Phu nhân Bonaparte kêu lên khi nhìn thấy anh chàng này - Ôi thật là bất hạnh khủng khiếp! Giá ngài biết ông ta từ trước đến giờ! Ông ấy lánh mặt, sợ tiếp xúc với tất cả mọi người, thế mà ai lại đổ cho ông ta có hành động như thế chứ?

Boumerine biết mọi chi tiết về cuộc hành án qua Harel nên kể lại.

- Thật là ác độc! - Joséphine kêu lên. Ít ra người ta cũng không bảo đó là lỗi của tôi vì tôi đã cố gắng ngăn cản dự định thảm thiết này. Ông ấy không nói cho tôi biết nhưng tôi đã đoán được. Ôi giá ngài biết ông đã từ chối lời thỉnh cầu của tôi thế nào? Tôi đến quỳ gối trước ông ấy thế mà ông ấy giận dữ nói "Hãy đi mà lo chuyện của cô. Đây không phải là chuyện của đàn bà, hãy để tôi yên?" Rồi ông ấy đẩy mạnh tôi như lần ông ấy về Ai Cập. Rồi dư luận Paris sẽ thế nào? Tôi chắc là đâu đâu cũng có lời nguyền rủa bởi vì ở đây ngay cả những kẻ nịnh bợ cũng có vẻ e dè trước sự có mặt của ông ấy. Ngài cũng biết khi không hài lòng về mình ông ấy cũng tỏ ra như vậy với tất cả mọi người rồi đấy; không ai dám nói với ông ấy nửa lời. Còn đây là tóc và chiếc nhẫn vàng ông hoàng tội nghiệp xin tới gửi cho một người yêu dấu của

ông ta. Viên đại tá mà ông ấy tin tưởng đã đưa cho Savary và Savary trao lại cho tôi. Savary cũng nước mắt lưng tròng khi kể với tôi về giây phút cuối cùng của công tước đến nỗi chính cậu ta cũng phải xấu hổ. "Ôi, kể ra thì không sao thưa phu nhân - Anh ta vừa nói vừa gạt nước mắt - nhưng người ta không thể nhìn một con người như thế ra đi mà không thấy xót xa".

Ngài Chateaubriand chưa đi đến đại sứ quán Valais, lúc ngang qua vườn Tuileries tình cờ nghe được một nam một nữ đang rao tin chính thức. Những người qua đường vội dừng lại, sững sờ trước những lời sau:

"Bản án của uỷ ban quân sự đặc biệt triệu tập tại Vincennes đã tuyên án tử hình cho người có tên là Louis-Antoine-Henri de Bourbon tức công tước Enghien, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1772 ở Chantilly".

Lời rao ấy giáng xuống ông như tiếng sét nổ ngang tai, trong giây lát, ông cũng sững sờ như những người khác. Sau đó, ông trở về nhà ngồi vào bàn viết đơn xin từ chức rồi ngay ngày hôm đó gửi cho Bonaparte.

Ngài Bonaparte nhận ngay ra nét chữ của Chateaubriand, ông xoay xoay lá thư trong tay mấy lần rồi mới bóc niêm phong và đọc. Đọc xong ông giận giữ ném nó xuống bàn:

- Càng tốt! - Chúng tôi không bao giờ có thể hoà hợp được, ông ta chỉ là quá khứ, tôi mới là tương lai!

Phu nhân Bonaparte quả không nhầm khi lo ngại ảnh hưởng của cái chết của công tước Enghien. Qua những người rao tin, Paris hồi âm lại bằng những lời bàn tán xôn xao, không chỗ nào nói đến từ "xét xử" công tước Enghien mà đâu đâu cũng nói "ám hại" công tước Enghien. Không ai tin công tước là thủ phạm và đã có một cuộc hành hương thật sự kéo đến xem hố chôn ông ta.

Nhưng người ta đã cho lấp cỏ lên đó khiến không ai có thể nhận ra chỗ nào là chỗ chàng trai trẻ bị chôn nếu không có một con chó chỉ cho họ vì lúc nào nó cũng nằm lên chỗ ấy. Đám người nhìn trân trân vào cái hố cho đến khi trước mắt khiến hình ảnh ấy nhào đi, thế là họ thì thầm gọi:

- Fidèle! Fidèle! Fidèle!

Con chó đáng thương đáp lại những tiếng gọi trìu mến ấy bằng những tiếng rên dài và buồn bã.

Một buổi sáng, người ta tìm mãi mà không thấy con Fidèle đâu, chỗ của nó vẫn còn hiển hiện với những ai nhìn thấy bằng tấm lòng, còn Fidèle lo ngại cảnh sát đã biến mất.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 42
Tự sát

Chúng ta trở lại với Pichegru, ban đầu ông ta chối bỏ tất cả mọi việc nhưng một cận vệ của Moreau đã nhận ra ông ta là người bí mật đến nhà ông chủ của hắn thì Pichegru không chối cãi nữa và chịu chung số phận như Georges.

Khi đến nhà ngục Temple, người ta dành cho Pichegru một phòng tầng trệt. Đầu giường của ông quay ra cửa sổ nên chiếc bàn nhỏ bên cạnh giường được ánh sáng từ cửa sổ chiếu vào rất rõ, nhờ đó ông có thể đọc trên giường. Bên ngoài cửa sổ có một nhóm canh gác có thể quan sát nhất cử nhất động của ông ta trong phòng.

Giữa Georges và Pichegru chỉ có một phòng chờ nho nhỏ ngăn cách. Có một cảnh sát bị nhốt vào phòng này, chìa khoá do người gác cổng giữ. Anh ta chỉ có thể báo động bằng cách gọi ngoài cửa sổ, khi đó lính gác ngoài hành lang sẽ chạy đi báo tin cho người gác cổng.

Như vậy Pichegru hầu như có hai cảnh sát kè kè không rời mắt nửa giây, thêm nữa phòng của ông ta chỉ cách có một bức vách với phòng của ngài Bouvet de Lozier, chúng ta chắc còn nhớ ông này đã từng có tự tử bằng dây cà vạt. Cách đó ba bốn bước về phía tiền sảnh phía bên phải là phòng của Georges mở cửa suốt ngày đêm. Có hai cảnh sát hiến binh và một cảnh sát hình sự theo dõi ông ta.

Sau buổi gặp ngài Réal, Pichegru giống như Georges trước đây từng bị hai hiến binh ở trong phòng, đã yêu cầu điều hai lính gác phiền toái này đi. Lời đề nghị được chuyển đến ngài Bonaparte. Ông nhún vai nói:

- Việc gì phải làm hắn ta mệt mỏi một cách vô ích? Đám lính ấy ở trong phòng không phải để ngăn hắn ta chạy trốn mà để ngăn hắn tự tử. Và một

khi ai đó muốn chết thật sự thì thế nào cũng đạt được mục đích.

Người ta để cho Pichegru một lọ mực và cây bút lông ngỗng cho ông ta làm việc. Đó là những dự định liên quan đến việc chỉnh đốn kinh tế đảo Guyane, thứ làm ông rất thích. Rõ ràng với khả năng hoạch định chiến lược gấp đôi ngày thường, là con người giỏi tính toán số liệu cộng với những ký niệm đi săn trên mảnh đất trên biển này ông bắt tay vào việc ngay với niềm hân hoan thích thú.

Việc Bonaparte ám chỉ Pichegru có ý định tự vẫn không phải là vô căn cứ. Hầu tước Rivière đã kể có đôi lần đi lang thang cùng Pichegru ở Paris vì sợ về nhà dễ bị bắt, viên tướng đã đột ngột dừng lại, gí họng súng vào đầu mình và nói:

- Kỳ thực, không cần phải trốn đi đâu nữa, chúng ta dừng lại ở đây thôi!

Ông Rivière đã xông vào gỡ khẩu súng ra. Pichegru ít ra là lúc đó đã nghĩ lại và bỏ ý định tự tử. Sau đó ông dẫn Rivière đến nhà một phụ nữ đồng ý cho họ ẩn nhờ trên phố Noyers. Đến đó, Pichegru đặt con dao găm lên bàn và nói:

- Còn một tối như hôm nay nữa thôi rồi tất cả sẽ chấm hết.

Charles Nodiers, trong những hồi ức về thời kỳ cách mạng đã kể một chuyện khá kỳ lạ, nó giống như một điềm báo cho người mười một năm sau phải vào Temple: *"Giống như tất cả bộ tham mưu, Pichegru thắt cà vạt bằng lụa đen khít quanh cổ. Không như mốt thời đó đeo cà vạt kiểu Saint-Just, anh chàng này chỉ quấn một nút. Theo lệnh của Saint-Just, mọi người đều để nguyên trang phục khi đi ngủ, Pichegru và hai thư ký của mình ngủ cùng một phòng, mỗi người có một tấm nệm trải xuống sàn nhà. Pichegru rất ít ngủ, chỉ ba bốn tiếng gần sáng mà thôi"*.

Một đêm, Nodiers đang chìm trong giấc ngủ nặng nề, ông ta gặp một cơn ác mộng trong đó các thổ dân da đỏ xiết cổ mình thì ông ta cảm thấy có một bàn tay luồn xuống cổ nới nút cà vạt ra. Ông bật thức giấc, mở mắt và nhận ra tướng quân đang quỳ gối cạnh mình.

- Là tướng quân ư?

- Ngài cần tôi sao?

- Không - Pichegru đáp - Ngược lại, chính ông mới cần tôi.

- Ông bị đau và kêu la, tôi nhìn qua cũng biết ngay lí do. Khi đeo cà vạt chặt, cần phải cho chúng nghỉ ngơi khi ta đi ngủ nếu không chỉ cần quên đi là gây ra nghẽn máu và sẽ chết tức thì. Đó là một cách tự tử đấy.

Trong những lần ngài Réal đến thăm và hỏi han về cách thuộc địa hoá đảo Guyane, ông hỏi xem liệu Pichegru có cần gì không.

- Có sách, mang cho tôi sách - Pichegru đã yêu cầu.

- Sách lịch sử ư? - ông Réal hỏi.

- Không! Sách lịch sở ư, tôi đội trên đầu quá nhiều rồi, hãy gửi cho tôi sách của Sénèque: Tôi giống như một con bạc.

- Tướng quân - Ngài Réal vừa nói vừa cười - Một con bạc chỉ đọc Sénèque khi nó đã thất bại hoàn toàn. Ngài đâu đến mức như vậy!

Đồng thời, Pichegru cũng muốn được gửi bức chân đung người ta vẽ ông mà ông gắn bó nhất. Sách của Sénèque được gửi đến và ngài Desmaret đi lấy bức hoạ nhưng thấy nó bị thay đổi nên lại thôi không gửi nữa.

Khi đấy chỉ có mỗi sách, Pichegru hỏi bức hoạ đâu, người ta đưa ra lý do từ chối: nó quá xấu.

- Thế đấy! - Pichegru nói với người gác cổng - Tôi nghĩ ngài Réal đã chế giễu tôi khi ông ấy nói về Cayenne với tôi.

Và ông ta sốt ruột chờ ngài Réal đến thăm lần thứ hai.

Nhưng vào thời điểm ấy, vụ việc của Công tước Enghien xảy ra khiến cho ngài Réal bận tối tăm mặt mũi, không có thời gian đến thăm Pichegru lần nữa. Chính thế mà người này quyết định tự tử. Ban đầu ông ta kêu lạnh nhưng vì trong phòng có một lò sưởi nên người ta cho đốt lửa. Muốn vậy, người ta phải mang đến những thanh củi khô cho dễ cháy.

Ngày hôm sau nữa, khi vào phòng ban sáng, người ta đã thấy ông nằm trên giường thanh thản, bất động. Họ lay gọi.

Ông đã chết!

Một giờ sau khi nhận được tin dữ, tức là khoảng tám giờ sáng, Savary đang gác ở Tuileries thì nhận được một tờ giấy của một hiến binh ưu tú, hôm ấy chỉ huy trạm gác ở Temple. Anh ta báo vài phút trước, tướng Pichegru đã được phát hiện chết trên giường và mọi người đang chờ ai đó đến xem xét sự việc. Ngay lập tức Savary chuyển tờ giấy đến cho ngài Tổng tài thứ nhất. Ông cho gọi anh ta đến, tưởng Savary biết nhiều hơn. Thấy anh này không biết gì, ông bảo:

Nhanh lên, đến đó xem có tin tức gì không. Một cái chết cho kẻ chinh phục Hà Lan mới hay hớm làm sao!

Savary không để lỡ một phút nào vội chạy đến Temple, đúng lúc ngài Réal cũng vừa tới nơi theo chức danh chánh án đến xem xét tình hình. Chưa một ai vào phòng ngoài người gác đã phát hiện tai nạn trước tiên. Ngài Réal và Savary được đưa lại gần chiếc giường của nạn nhân và nhận ra ông ta rất rõ dù khuôn mặt đã trở nên đỏ bầm do hậu quả của chứng ứ máu.

Ông tướng ấy nằm nghiêng bên phải, quanh cổ, chiếc cà vạt bị xoắn như một sợi dây cáp. Hình như ông ta đã quấn nó ở mức chặt nhất có thể, sau đó lấy một đoạn củi dài mười lăm centimet luồn vào rồi vặn cho đến khi sợi dây siết mạnh cho đến lúc không còn tỉnh táo nữa, đổ vật xuống gối, do sức nặng của cái cổ đè xuống, đoạn củi không níu chặt không để đây nới ra. Trong trường hợp này, việc ứ máu chưa thể xảy ra nên tay òng ta còn luồn lên cổ và chạm vào cái tay quay.

Bên cạnh đó là chiếc bàn nhỏ, trên bàn, một quyển sách mở sẵn như ai đó vừa đọc dở dang. Đó là cuốn sách Sénèque mà ngài Réal đã gửi cho ông ta. Nó vừa mở đúng trang mà Sénèque nói: *"Kẻ nào muốn làm phản trước hết phải đừng sợ chết"*.

Rất có thể, đây là đoạn cuối cùng Pichegru đã đọc. Ông ta tưởng, nhất là sau tin đồn về cái chết của công tước Enghien, trước sau viễn cảnh ông cũng không hơn gì ngoài bản án của ngài Tổng tài hoặc phải chết.

Người ta cho thẩm vấn tất cả những ai có thể biết các chi tiết về cái chết bất ngờ và kỳ lạ ấy bởi lẽ, suy nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu Savary là ngài Bonaparte sẽ bị đổ lỗi đầu tiên về cái chết ấy.

Trước tiên, anh thẩm vấn viên hiến binh gác trong phòng chờ ngăn giữa Georges và Pichegru. Suốt đêm, người này không nghe thấy gì ngoài lúc một giờ sáng có tiếng tướng Pichegru ho nhưng ông ta đã nén lại ngay chắc vì sợ làm mọi người xung quanh thức giấc. Tiếp đó, Savary thẩm vấn viên hiến binh gác ngoài cửa sổ, người thấy tất cả mọi việc trong phòng nhưng anh này cũng khẳng định không thấy gì cả. Thế là ngài Réal đâm ra tuyệt vọng.

Dù không có gì chứng tỏ rõ hơn là vụ tự tử nhưng dù nói gì người ta vẫn cho là ông ta bị siết cổ.

Quả nhiên, người ta nói như vậy, nhưng sự thất lại không đúng. Kể ra cũng chẳng có lý do gì để Pichegru phải nghĩ quẩn vì ngài Tổng tài đã giao ông ta một dự án mà ông ta dành cả đời theo đuổi cơ mà, dự án sử dụng đến tiếng tăm của chính ông.

Ngài Bonaparte không chỉ đặc ân cho Pichegru, người thầy cũ của mình ở Brienne mà còn giao cho ông một nhiệm vụ vinh dự ở Cayenne, nhiệm vụ sẽ xoá bớt tiếng xấu của ông dù bản án của Moreau có như thế nào.

Vả lại sau sức ép dư luận về vụ hành quyết công tước Enghien, dại gì ông lại phải nhân lên lời bàn tán xì xào của công chúng chống lại ông bằng cách ám hại Pichegru trong đêm.

Tiếc thay, - Ngài Bonaparte nói với Réal khi thấy ông này quay lại - Chúng ta cứ ngỡ đã giải quyết vấn đề Guyane theo cách của ông ấy chỉ với 6 triệu người da đen và 6 triệu đồng !

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 43
Biên bản hỏi cung

Nếu như cảnh sát dùng mọi biện pháp để bắt Georges thì từ lúc rời London đến Paris và từ ngày đặt chân lên đất Pháp cho đến ngày thứ sáu, mồng 9 tháng Ba; vừa có người không rời mắt nửa bước khỏi ông ta, đó là nhân viên tinh nhuệ nhất trong số quân của công dân Fouché, anh chàng Thợ Nề.

Cũng chính ông Fouché biết rằng Georges là người không thể không dùng vũ khí khi bị tấn công nên ông ta không muốn anh chàng Limousine ra mặt vì nhỡ tay Bretagne nổi giận thì Thợ Nề nguy mất.

Fouché trù tính bắt Georges tại dinh của mình. Mãi chín rưỡi tối nó mới đến chỗ ông ta. Ông ta cho gọi Limousine đang ở phòng bên cạnh.

- Anh cũng nghe rồi đấy - Fouché nói - Bây giờ chúng ta chỉ còn phải bắt Villeneuve và Burban nữa.

- Khi nào cần, chúng ta sẽ bắt họ. Tôi biết họ đang ở đâu.

- Đối với những người này thì chưa vội, chúng ta còn thời gian. Chỉ có điều đừng để mất dấu của họ.

- Thế tôi đã để mất dấu của Georges chưa?

- Chưa. Nhưng ngài lại để sót mất một thứ, chính ngài ấy.

- Tôi?

- Đúng vậy.

- Thứ gì?

Tiền của Georges. Khi chúng tôi rời London, ông ta có hơn một trăm nghìn

phăng bên mình.

- Anh sẽ chịu trách nhiệm tìm thấy số tiền ấy chứ?

- Tôi sẽ gắng hết sức, chỉ có điều không có gì dễ biến mất như tiền.

- Anh sẽ bắt đầu truy lùng nó ngay tối nay.

- Tôi có được nghỉ ngơi đến tối mai không?

- Bằng giờ này ngày mai, tôi có cuộc hẹn với ngài Tổng tài thứ nhất. Tôi sẽ rất vui nếu cổ thể trả lời tất cả các câu hỏi của ông ấy.

Ngày hôm sau, đúng chín rưỡi, Fouché đã có mặt tại Tuileries. Đó là thời điểm trước khi có quyết định bắt công tước Enghien. Khi đến cuộc bắt Georges, là chúng ta vừa lui lại một bước.

Fouché thấy ngài Tổng tài thứ nhất đang bình tĩnh và khá vui vẻ.

- Tại sao ông không đến báo việc bắt Goerges chotôi? - Ngài hỏi.

Bởi vì cũng phải để việc gì đó cho người khác làm chứ - Fouché đáp.

- Ông biết tình tiết vụ bắt đó không?

- Hắn đã giết một cảnh sát có tên là Buffet và làm bị thương Caniolle.

- Hình như cả hai đều đã có vợ.

- Vâng.

- Cần phải dành một khoản cho vợ của hai con người đáng thương đó.

- Tôi đã nghĩ đến rồi: một khoản trợ cấp cho người phụ nữ goá và một khoản tiền thưởng cho vợ người bị thương.

- Lẽ ra nước Anh phải trả khoản này mới đúng.

- Thì chính họ chứ ai.

- Sao lại thế?

- Nếu không cũng là Cadoudal. Nhưng vì tiền cửa Cadoudal cũng là tiền của nước Anh thì tóm lại vẫn là nước Anh thanh toán tiền thôi.

- Nhưng người ta nói với tôi hắn chỉ có một nghìn hay một nghìn hai trăm phăng bên người, khi khám xét chỗ ở của hắn, người ta có thấy gì nữa đâu.

- Hắn rời London với một trăm nghìn phăng. Hắn đã tiêu mất ba mươi nghìn từ khi về Paris. Hắn chỉ còn bảy mươi nghìn, khoản này thừa để trả cho hai người phụ nữ kia.

- Nhưng bảy mươi nghìn ấy ở đâu? - Ngài Bonaparte hỏi.

- Chúng đây - Fouché nói.

Rồi đặt lên bàn một túi vàng nhỏ và cái ngân phiếu.

Bonaparte tò mò dốc xuống bàn. Có bốn mươi nghìn phăng bằng tiền vàng Hà Lan còn lại là ngân phiếu.

- Kỳ lạ! Bây giờ người Hà Lan lại trả tiền cho những kẻ ám sát tôi sao?

- Không, chắc chúng sợ tiền Anh sẽ gây nghi ngờ đó thôi.

- Làm sao ông tìm được khoản này?

- Ngài cũng biết câu tiên đề của giới cảnh sát rồi đấy: "Anh hãy tìm đàn bà là ra tất"

- Tốt lắm! Rồi sao?

- Tôi đã cho tìm phụ nữ và tôi đã thấy.

- Hãy nói rõ xem nào, tôi thấy tò mò quá.

- Được thưa ngài, tôi biết có một nàng Izai nào đó, một người có quan hệ với chúng và thuê một phòng nhà chị bán hoa quả để thỉnh thoảng bọn làm phản tụ tập. Cô ta vừa đến gần đó thì Georges lên xe, hắn đoán đã bị theo dõi nên chỉ kịp ném cái túi nhỏ vào tạp dề của cô ta và kêu "Đến nhà Carob bán

nước hoa!" Chỉ Camolle nghe thấy những lời này và cũng chỉ kịp nói với một nhân viên:

- Bám theo ả!

- Thế có nghĩa là gì? - Bonaparte hỏi.

Nghĩa là đuổi theo và không rời mắt khỏi cô ta.

Georges đã lao xe đi, cô ta đi lang thang trên phố, nhưng khi đến ngã tư Odéon khi đó Georges vừa bị bắt, cô ta thấy có đám đông nên không dám đi qua. Bấy giờ cô ta mới biết Georges đã bị bắt. Không dám về nhà, cô ta trốn tại nhà một cô bạn và nhờ người này giữ hộ cái túi. Tôi đã cho khám xét nhà người bạn của cô ta và tìm thấy cái túi. Chuyện chỉ có thế. Lạy Chúa! Quả không có gì dễ hơn.

- Thế ông không cho bắt Izai sao?

- Có chứ, nhưng chúng tôi không cần cô ta nữa. Đó là một cô bé ngoan đạo đáng được Chúa phù hộ.

- Sao lại thế? - Bonaparte nhíu mày hỏi - Ông biết thừa là tôi không thích những hành động phản nghịch.

- Ngài có biết gì đeo trên cổ cô ta không?

- Sao ông lại muốn tôi biết nó? - Bonaparte hỏi và dù không muốn ông vẫn bị sự tò mò lôi cuốn trong câu chuyện với Fouché, một ưu thế mà Bonaparte không có so với Fouché đó là biết lắng nghe.

- Là vì cô ta có một chiếc phù hiệu có ghi dòng chữ như sau: *"Mảnh vỡ của cây thánh giá chính gộc. Tín đồ sùng đạo ở Sainte-Chapelle Paris và giáo đoàn Saint-Pierre ở Lille"*.

- Thôi được rồi - Bonaparte nói - Một cô nàng Saint-Lazare. Đám trẻ của anh chàng Buffet bất hạnh và Camolle sẽ được nuôi dưỡng bằng ngân sách Nhà nước. Ông mang năm mươi nghìn phăng tiền tìm thấy tại nhà cô bạn Izai cho chị goá Buffet, còn lại cho Caniolle. Tôi thêm vào khoản trợ cấp một nghìn phăng cho chị gái Buffet.

- Chắc ngài muốn cô ta chết vì sung sướng hay sao?

- Tại sao vậy?

- Vì chị ta thấy rằng việc chồng mình chết đã là may mắn lắm rồi.

- Tôi không hiểu - Bonaparte sốt ruột nói.

- Sao ngài không hiểu cơ chứ! Tay chồng là một tên vô lại, ngày nào cũng say xỉn và đánh đập vợ. Kể ra tội đồ Georges của chúng ta ném một viên đá cũng trúng hai đích đấy.

- Bây giờ, khi mọi việc bắt Georges đã hoàn tất, ông hãy chuyển dần các biên bản hỏi cung cho tôi chừng nào chúng đến tay ông. Tôi muốn theo dõi vụ này từng bước và thật cẩn thận.

- Tôi sẽ mang bản đầu tiên ngay đây - Fouché nói - Nguyên bản từ chính miệng Georges và ngài Réal đấy.

- Thỉnh thoảng, các ông cũng thay đổi lời cung của tội phạm chứ?

- Chắc ngài cũng biết các bài diễn văn không bao giờ ở trên báo *Le Moniteur* như ở trên trục đúng không? Việc các lời cung cũng vậy, chúng tôi không thay đổi, chúng tôi chỉ cho chúng chau chuốt hơn thôi.

- Hãy xem bản khẩu cung của Georges nào.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 44
Nhà ngục Temple.

Fouché chuyển một tập giấy cho ngài Tổng tài thứ nhất.

Ông vội vã cầm nó lên, lật qua một số câu hỏi thủ tục, chuyển ngay sang trang thứ tư.

Hỏi: Ông ở Paris từ bao giờ?

Đáp: Cách đây năm, sáu tháng. Tôi không nhớ rõ thời điểm.

Hỏi: Ông đã trọ đâu?

Đáp: Không đâu cả.

Hỏi: Mục đích đến Paris của ông là gì?

Đáp: Tấn công ngài Tổng tài thứ nhất.

Hỏi: Dùng dao găm à?

Đáp: Không, dùng vũ khí như đội cận vệ của hắn.

Hỏi: Ông giải thích xem nào.

Đáp: Tôi dùng sĩ quan của tôi đã đếm kỹ các cận vệ của Bonaparte, họ có ba mươi người. Tôi cùng hai mươi chín người của mình sẽ chiến đấu giáp lá cà với họ sau khi chăng dây cản đường ở Champs-Élysées. Cuối cùng, bằng quyền lợi chính đáng và sức mạnh từ lòng can đảm của chúng tôi, Chúa sẽ phán xét phần còn lại.

Hỏi: Ai là người đến Pháp cùng làm nhiệm vụ này với ông?

Đáp: Các hoàng thân. Một trong số họ lẽ ra phải đến gặp chúng tôi ngay khi tôi thông báo các điều kiện đủ để đạt đến mục đích của mình.

Hỏi: Những người nào thường gặp ông ở Paris?

Đáp: Cho phép tôi không trả lời ông. Tôi không muốn tăng thêm số nạn nhân nữa.

Hỏi: Pichegru có vị trí gì trong kế hoạch tấn công ngài Tổng tài thứ nhất không?

Đáp: Không. Ông ta không khi nào muốn nhắc đến chuyện này.

Hỏi: Nhưng nếu việc tấn công của ông thành công, ông ta có thuận hành động vì lợi ích cái chết của ngài Tổng tài chứ?

Đáp: Đó là bí mật của ông ta chứ không phải là của tôi.

Hỏi: Giả sử vụ tấn công của ông thành công, dự định của ông và của các đồng phạm khác là gì?

Đáp: Đưa nhà Bourbon thay vị trí ông Tổng tài.

Hỏi: Thế người nào nhà Bourbon đã được chỉ định?

Đáp: Louis-Xavier-Starnilas, chúng ta vẫn biết ngài là Louis XVIII.

Hỏi: Như vậy, kế hoạch đã được thoả thuận và được thực thi trong sự đồng thuận với các ông hoàng nước Pháp phải không?

Đáp: Đúng thế, thưa công dân thẩm phán.

Hỏi: Như vậy, ông đã đồng loã với những cựu hoàng tộc?

Đáp: Đúng, thưa công dân thẩm phán.

Hỏi: Ai cung cấp tiền và vũ khí cho các ông?

Đáp: Tôi có tiền để dành từ lâu, còn vũ khí thì chưa có.

Bonaparte giở sang trang khác nhưng không thấy gì. Bản hỏi cung kết thúc ở đấy.

- Dự định của Georges thật là phi lý hết sức - ông nói - Định ám sát tôi bằng số người như đoàn tuỳ tùng của tôi ư?

- Ngài đùa à! - Fouché nói với nụ cười chế nhạo - Người ta đâu có muốn ám sát ngài. Người ta chỉ muốn giết ngài. Đó là trận chiến Ba Mươi, một kiểu đọ gươm thời trung cổ có thêm quân hộ tống.

- Đấu gươm với Georges à?

- Ngài chẳng cũng muốn đấu với Moreau không cần ai chứng kiến đó thôi.

- Moreau là Moreau, ông Fouché ạ. Đó là một đại tướng quân, một người đánh chiếm các thành trì, một kẻ thắng trận với cách làm biên giới nước Pháp rộng ra, việc nghỉ hưu của ông ta được coi như Xénophone. Trận Hohenlinden đã đưa ông ta ngang tầm với những tướng Hoche hay Pichegru, trong khi đó Georges chỉ là thủ lĩnh của bọn kẻ cướp một dạng Spartacus của Bảo hoàng mà thôi, một kẻ mà để chống lại hắn, người ta chỉ cần tự vệ chứ không chiến đấu, đừng quên điều đó, ông Fouché ạ.

Nói xong, ngài Bonaparte đứng dậy để ám chỉ cho Fouché biết công việc của ông ta đã xong.

Hai tin kinh hoàng về việc hành quyết công tước Enghien và vụ tự sát của Pichegru vừa khiến Paris xôn xao cách nhau chỉ vài ngày. Cũng phải nói việc hành quyết tàn bạo một người khiến người ta khó tin người kia tự tử được. Nhất là trong nhà ngục Temple, nơi giam giữ hầu hết các phạm nhân, tin này còn gây ra những ảnh hưởng đáng sợ hơn và lời dự đoán của ngài Réal với Savary lúc Pichegru chết đã trở thành sự thật: "Chúng ta có chứng minh việc tự tử của ông tướng này cũng vô ích, chúng ta không thể ngăn mọi người cho rằng chính chúng ta đã xiết cổ ông ấy".

Tôi đã đưa ra ý kiến của mình, một ý kiến hoàn toàn chủ quan về cái chết của vị tướng đó, bây giờ sẽ chính đáng hơn khi đưa ra ý kiến của những người sống trong cùng nhà tù với kẻ chiến thắng Hà Lan. Họ đã xét ở một góc độ nào đó, tham dự vào một cuộc đời rất đỗi vinh quang nhưng cũng

không ít chông gai của ông ta.

Chúng ta sẽ lần lượt nghe những tù nhân sống gần phạm vi ấy nói về sự việc này. Đó là một người mà chúng ta chưa nhắc đến tên lần nào, một người có ảnh hưởng đen tối lên cuộc đời Pichegru, kẻ bán sách người Thuỵ Sĩ tên là Fauche-Borel, người đã chuyển lời mới đầu tiên từ hoàng thân Condé đến ông và đã bị bắt và đưa vào Temple ngày 1 tháng Bảy năm ngoái.

Nhà tù này lần lượt đón các tội phạm: Moreau, Pichegru, Georges và tất cả tòng phạm trong vụ đại phản loạn như Joyaut, bí danh Villeneuve, Roger tức L'oiseau, và cuối cùng là Coster-Saint-Victor. Coster-Saint-Victor được các cô nàng xinh đẹp lẳng lơ che giấu nên thoát được sự truy lùng của cảnh sát khi mỗi tối đổi một chỗ ở. Khi được hỏi, Fouché đã nói: Các ông hãy cho một người biết mặt hắn theo dõi ngoài cửa tụ điểm vui chơi Frascati và các ông sẽ không mất ba ngày là tóm được hắn ra vào nơi này.

Quả nhiên ngày thứ hai, Coster đã bị bắt.

Vào thời điểm công tước Enghien bị bắt, tại Temple đã có 107 phạm nhân và nhà tù không còn chỗ cho công tước nữa. Từ đó đến trạm gác cách 5 giờ đồng hồ, người ta đành tìm tạm một chỗ để ông chờ cho đến khi có bản án cuối cùng. Tôi đã kể lại cái chết của công tước Enghien. Bây giờ, tôi xin nhắc lại là có không chỉ một người ở Temple, về tinh thần, cho là Pichegru bị ám sát.

Fauche-Borel không những khẳng định Pichegru bị siết cổ mà còn chỉ ra kẻ đã làm chuyện ấy. Ông ta đã viết năm 1807 như sau:

"Tôi khẳng định vụ ám sát do người có tên là Spon, quân nhân đội quân tinh nhuệ, thực hiện cùng hai kẻ gác cửa khác, một đã chết hai tháng sau vụ việc đó, người kia tên là Savard bị nhận diện là một kẻ tàn sát tháng Chín năm 1792".

Các tù nhân khác càng chịu tác động trong niềm tin Pichegru bị sát hại và bị tiêm nhiễm suy nghĩ người ta siết cổ Pichegru khi thấy tướng Savary mặc quân phục đại lễ kèm theo bộ tham mưu đông đảo kéo đến gặp Georges Cadoudal. Trong khi ấy, Georges vừa cạo râu xong, đang nằm trên giường, hai tay bị xích đặt lên bụng. Hai nhân viên hiến binh gác ông ta đã hoàn tất

cái việc tra tấn nho nhỏ mà người ta quy định ấy. Tất cả bộ tham mưu vội vã vào phòng Georges. Nhìn họ đều gấp gáp tận hưởng cái hoàn cảnh ủ dột của viên tướng Bảo hoàng, con người mà về phần mình đang gắng chịu đựng sự hiện diện của họ. Cuối cùng, sau mười phút kiểm tra và thì thào to nhỏ, tất cả lại cuốn gói đi ra y như lúc họ vội vã đi vào vậy.

- Thế cái đám quần áo diêm dúa ấy là gì thế? - Georges hỏi một vệ binh.

- Đó là em của ngài Tổng tài thứ nhất - Một trong số tháp tùng tướng Savary và đám tham mưu của ông ta đáp.

- Hẳn rồi- Georges nói - Các vị còng tay tôi là tốt lắm.

Tuy thế, biên bản cũng dần dần hoàn thiện và việc dự thẩm đang ở những bước cuối cùng. Nội quy trong Temple cũng có phần lơi lỏng hơn. Người ta để cho các phạm nhân được ra khỏi phòng và tụ tập trong vườn. Nhưng như thế không có nghĩa việc vượt ngục là dễ dàng. Savary là người có quyết định cao nhất trong nhà tù Temple, và dù có ghét các phạm nhân điều đó không ngăn việc anh ta thường xuyên đến đây nhiều hơn mức cần thiết.

Một hôm, vừa ra khỏi phòng giam, Moreau giáp mặt anh ta nhưng tự ông ta đã quay lưng và đóng cửa lại.

Với tướng Moreau, không có điều gì lạ và cảm động hơn là các cử chỉ tôn kính sâu sắc của tất cả lực lượng phục vụ trong nhà tù: mọi người đều ngả mũ và chào ông theo kiểu nhà binh. Nếu ông ngồi xuống, mọi người nhanh chóng vây quanh và chờ xem ông muốn với gì, họ yêu cầu ông kể lại những trận đánh khiến ông thành đối thủ của Bonaparte và đặt ông lên trên các tướng lĩnh khác. Mọi người đều biết, chỉ cần ông ra lệnh, họ sẽ mở cửa Temple thay vì đóng chặt. Ông có được một ân huệ trong đời đó là được phép gặp vợ con. Ngày nào người mẹ trẻ cũng đem con đến thăm ông. Thỉnh thoảng, người ta còn mang đến cho Moreau loại rượu vang Clos-Vougeot hảo hạng. Ông chia cho tất cả những người bị ốm thậm chí cả những người khoẻ mạnh. Cũng cần kể thêm rằng những tù nhân chơi bóng, khi đã nóng lên cũng được coi như bệnh nhân, nhận những ly rượu Clos-Vougeot. Điều phân biệt Georges và các phạm nhân khác là vẻ tươi vui và vô tư của họ. Họ chơi hết mình, ầm ĩ như đám học trò trong giờ ra chơi, trong số đó phải kể đến hai thanh niên đẹp trai và hào hoa phong nhã nhất Paris là Coster de Saint-Victor và Roger tức Oiseau.

Một hôm Roger đang nóng khi chơi bóng bỏ chiếc khăn quấn cổ ra, Saint-Victor nói với anh ta:

- Cậu có biết là mình cócái cổ đẹp như Antinous không?

- Thực ra - Roger đáp - Cùng đáng để khen nó lắm, chỉ tám ngày nữa là nó bị chặt rồi.

Chẳng bao lâu, tất cả đã sẵn sàng cho việc đưa phạm nhân ra trước toà trình điều tra đã lên tới năm mười bảy người, họ đã nhận lệnh chuẩn bị để đưa sang Conciergene.

Cả nhà tù đã mang một sắc thái hoàn toàn mới. Phấn khởi khi thoát khỏi thời kỳ cầm tù, đối với một số người sẽ là thoát khỏi phần cuối cuộc sống, tất cả đều hát rống lên khi chuẩn bị cất hòm rương, buộc tay lại, tư trang lại, người thì hát hò, người thì huýt sáo, ai có thể làm ồn thế nào thì ra sức làm thế ấy, nỗi buồn và nghĩ ngợi chỉ dành cho những ai ở lại Temple.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 45
Tòa án

Trước đây Georges Cadoudul là người không chỉ vui nhất mà tôi còn có thể nói là kẻ điên khùng nhất trong số các phạm nhân. Ông đã không chỉ tham gia tất cả các trò chơi mà còn nghĩ ra các trò mới khi các trò cũ đã chán ngắt. Ông đã từng kể những chuyện ngông cuồng nhất, hăng say mỉa mai cay độc đế chế mới dựng lên sau những mảnh vụn của ngai vàng vua Louis XVI đã sung sướng chào từ biệt điệp khúc tan rã của nền Cộng hoà, còn bây giờ ông ta không chơi nữa, không cười nói hát ca nữa khi thấy giờ định mệnh đã điểm, thời khắc ông ta thực sự phải trả giá bằng mạng sống của mình. Ông ngồi ở một góc vườn, gọi các sĩ quan tuỳ tùng đến, bằng giọng vừa chắc nịch vừa thân ái nói:

- Những người bạn anh dũng của tôi, những chàng trai thân yêu tôi đã cố gắng làm gương cho các cậu thấy sự vui vẻ và vô tư đến đây thôi. Hãy để tôi chỉ huy các bạn trước pháp trường với tất cả bình thản, tất cả lạnh lùng, tất cả phẩm chất mà các bạn có thể; các bạn sẽ xuất hiện trước những kẻ cứ

nghĩ chúng có quyền phân phát tự do, danh dự hay bố thí mạng sống cho các bạn. Tôi ra lệnh cho các anh nhất là không bao giờ được trả lời hấp tấp, xun xoe hay xấc xược trước các câu hỏi của thẩm phán, khi các anh thấy không đủ mạnh mẽ, hãy nghĩ tôi vẫn đang ở bên các anh và rằng số phận tôi không khác gì các anh, nếu các anh sống, tôi cũng sống, các anh chết, tôi cũng chết.

Hãy tỏ ra mềm mỏng, nhã chặn và nhân từ với người khác, hãy yêu thương gấp đôi, đừng tự trách mình đã đi đến nguy hiểm này, trong đời ai mà không phải chết, hãy chết sao cho xứng đáng!

Trước khi rời nhà tù này, các anh đã phải chịu cách đối xử khác nhau, có người được ưu ái, có người không, người được gọi là bạn, người bị xem là đồ cướp bóc. Hãy cứ cảm ơn tất cả những người tốt lẫn kẻ ác, hãy ra khỏi đây bằng lòng biết ơn những người này, không căm giận những người kia, hãy nghĩ rằng vị vua nhân từ của chúng ta, vua Louis XVI đã từng chịu khổ như chúng ta, từng bị gọi là kẻ phản bội và bạo chúa; Đức Chúa Jésus-Christ cũng vậy (nhân danh Chúa, tất cả ngả mũ và làm dấu thánh giá).

Đức Chúa Jésus-Christ cũng từng bị đối xử là kẻ phản loạn, bịp bợm bị la ó, xua đuổi, bị đánh bằng gậy vì nhất là khi con người có hành động xấu, họ hay đánh đồng giá trị lời nói và dùng lời chửi rủa để che giấu tội lỗi của mình.

Thế là khi đứng dậy, ông nói "Amen" thật to và làm dấu thánh giá, tất cả những người khác cũng làm như vậy. Ông để từng người đi qua sau khi gọi họ bằng tên thật.

Cũng ngày hôm đó, ngoài năm mươi bảy phạm nhân có dính dáng đến vụ phản loạn Moleau, Cadoudal và Pichegru bị đưa đi, còn các tòng phạm phụ khác lại. Đó là nhưng người cho họ trú trên đường, dẫn đường cho họ vào ban đêm. Khi các thủ phạm chính ra đi những người khác không chỉ được phép đi dạo trong sân và vườn mà còn đi thăm các phòng giam hay xà lim ở Temple.

Trong vài ngày ấy, nhà ngục trở lên rất huyên náo. Cuối cùng, ngày chủ nhật phục sinh, người ta cho phép họ mở vũ hội tại phòng lớn. Họ thu dọn giường

lại, tất cả mọi người, chủ yếu là dân nông thôn đều nhảy múa và hò hát.

Buổi vũ hội đó diễn ra đúng vào hôm các bị cáo bị dẫn ra trước toà điều mà những người khiêu vũ không hề biết. Một trong số họ, người có cái tên Leclire được tin từ một người gác ngực cho hay phiên xử khiến mười hai người chết đã bắt đầu, liền chạy vội vào chỗ các bạn, ra hiệu cho họ im lặng bằng cách giậm mạnh chân xuống sàn. Khi tất cả im bặt, anh ta nói:

- Các người là đồ súc sinh! Có đáng sống như thế giữa cái chốn đáng nguyền rủa này khi mà các người biết những ai sống cùng với chúng ta đang sắp mất mạng không? Đây là lúc cầu nguyện và ca bài thánh ca De Profondis chứ không phải nhảy múa ca hát. Ông này có một cuốn kinh thánh, ông ấy sẽ đọc cho chúng ta vài đoạn nói về cái chết.

Người mà Leclère chỉ là cháu của Fauche-Borel, một chàng thanh niên tên là Vittel, cuốn sách anh ta cầm trong tay là cuốn của Bourdaloue không liên quan đến De Profondis nhưng có nói đến lời cầu cho cái chết. Vittel trèo lên một cái bàn và đọc lời cầu nguyện, tất cả những kẻ yêng hùng đều quỳ gối lắng nghe.

Ở trên, tôi có nhắc đến phiên xử đã bắt đầu. Cho đến khi đó, có lẽ chưa bao giờ, ngay cả vụ đảo chính 18 Brumaise, Bonaparte lại ở tình thế nghiêm trọng như vậy. Ông chưa mất gì về uy tín của thiên tài trên chiến trường song cái chết của công tước Enghien đã giáng một đòn sấm sét đến đạo đức của nhà chính sách, sau đó ông lại trở thành đầu đề bàn tán về vụ tự tử của Pichegru. Ít người chịu chấp nhận về cái chết này như ý kiến của tướng Savary. Chính phủ càng tập hợp những bằng chứng về vụ tự tử và khó nhọc chứng minh nó bao nhiêu thì nghi ngờ đó là vụ tự sát càng tăng lên bấy nhiêu, hầu như ngay cả công tước vụ ám sát bị chối phắt của Pichegru là đến việc buộc tội thiếu thuyết phục đối với Moreau.

Qua lời buộc tội ấy, chẳng có ai bị lừa hết, ai cũng thấy rõ lòng thù hận của ngài Tổng tài thứ nhất đối với đối thủ của ông ta. Ngay cả Bonaparte cũng phải thừa nhận, dù ngồi trong hàng ghế bị cáo, Moreau vẫn giữ được phong thái của mình và khiến người ta phải tranh luận mãi về số lượng lính canh gác, bởi họ chỉ đủ để dẫn giải ông nhưng trong trường hợp đụng độ thì không đủ.

Sự lo lắng của Bonaparte nhiều đến nỗi ông quên cả mối bực tức với Boumerine, cho gọi người này về, chịu trách nhiệm tham dự các phiên xét xử và báo cáo lại mọi việc cho ông vào các tối.

Điều ngài Bonaparte mong muốn nhất đó là sau khi công tước Enghien bị xử bắn, Pichegru bị siết cổ, Moreau cũng bị tuyên là có tội, chịu một hình phạt nào đấy mà ông có thể ân xá.

Do đó, ông thử vài vị thẩm phán mà họ chỉ muốn kết tội Moreau ở mức có thể giảm án được. Nhưng những dự định đó không đi xa hơn khi thẩm phán Clavier hỏi nếu Napoléon ân xá cho Moreau:

- Thế còn chúng ta, ai sẽ ân xá cho chúng ta?

Chính vì thế mà người ta không thể ngăn cản được dòng người đổ xuống những đại lộ Palais de Justice ngay ngày đầu mở phiên xử công khai. Những cư dân thành phố đều cố tìm cách tham dự vào đó việc thay đổi bồi thẩm chứng tỏ kết quả bản án này vô cùng quan trọng đối với người đứng đầu chính phủ. Mười giờ sáng, đám đông đã dràn ra nhường chỗ cho mười hai vị quan toà của toà đại hình trong bộ áo choàng đỏ tiến vào. Phòng lớn của điện Palais được dành cho họ tất cả lặng lẽ ngồi vào ghế của mình. Họ là Himard, chủ toạ; Martineau, phó án; Thuriot, người phe Bảo hoàng gọi là kẻ Giết Vua; Lecourbe; Cavier, người có cậu nói nổi tiếng trên, Bourguignon, Dameu, Laguillaumie, Rigault, Selves, Grangeret-Desmaisons. Công tố viên là Gérard còn lục sự là Frémyn.

Tám mõ toà khác cũng tham dự, bác sĩ Souppé, bác sĩ phẫu thuật của Conciergerie không thể vắng mặt.

Chủ toạ cho dẫn các phạm nhân vào. Họ, từng người một, đi giữa hai cảnh sát áp giải. Bouvet de Lozier cúi đầu bước vào, hắn không dám ngẩng đầu lên nhìn vào mắt những người mà vụ tự tử hụt của hắn đã khiến hắn phản bội họ. Việc áp giải những người khác rất nghiêm túc và bảo đảm.

Moreau ngồi trên ghế trọng tội như những người khác có vẻ bình tĩnh hay đúng ra là đang mơ màng. Ông ta mặc bộ quần áo chẽn màu xanh lơ cắt theo

kiểu nhà binh nhưng không đeo phẩm hàm. Gần ông, chỉ cách lính áp giải, là Lajolais, cựu sĩ quan iuỳ tùng, chàng trai tuấn tú Charles d Hozier, rất chỉn chu trong bộ đồ như đi dự khiêu vũ trong cung đình. Về phần Georges, rất dễ nhận thấy cái đầu lớn bự, đôi vai mạnh mẽ, đôi mắt nhìn thẳng lần lượt dừng lại trước mỗi vị phán quan như thể thách thức sống chết với họ. Bên cạnh ông ta là Burban, người có mặt trong các trận đánh cùng ông ta với cái tên Malabry và Barco. Cuối cùng là Pierre Cadoudal, người từng hạ một con bò bằng cú đấm sấm sét khiến cả vùng Morbihan biết đến với biệt danh Cánh tay thép.

Hai anh em nhà Polignac và hầu tước Rivière ngồi ở hàng thứ hai thu hút mọi ánh mắt bởi vẻ trẻ trung và phong nhã của họ. Tuy nhiên, tất cả đều bị vẻ đẹp trai của Coster-Saint-Victor xoá mờ.

Với Coster Saint-Victor còn có một truyện truyền kỳ liên quan đến phụ nữ. Người ta kháo nhau rằng Bonaparte căm tức anh chàng này, cũng bởi một vụ tranh đua. Không phải tranh chấp trên phương diện quân sự như với Moreau mà là tranh chấp trong phòng tiếp của các quý bà; người ta đồn cả hai đã chạm trán nhau trong phòng ngủ của một trong những nàng nghệ sĩ xinh đẹp và nổi tiếng nhất thời đó, Coster Saint-Victor đã vờ như không nhận ra ngài Tổng tài thứ nhất và không nhường chỗ, anh chàng này đã trở thành bậc thầy không phải trên chiến trường mà là trong tình trường.

Ngay tại đó, Coster Saint-Victor có thể hạ ngài Tổng tài nhưng vì đã hứa với Georges Cadoudal chỉ đánh nhau khi có lực lượng hai bên tương đương nên anh ta đành giữ lời.

Cuối cùng, trên hàng ghế thứ ba là những anh hùng Bảo hoàng bị cuốn vào vụ này bằng lòng tận trung thuần tuý. Trong số bốn mươi sáu bị cáo - Năm mươi bảy người đã được rút xuống còn bốn mươi sáu - có năm phụ nữ. Đó là vợ của Denaud, Dubuisson, Gallois, Momer và cuối cùng là cô nàng Izai.

Cuộc tranh tụng bắt đầu bằng những câu hỏi của ngài chánh án dành cho các nhân chứng, các nhân viên lực lượng Cộng hoà và những người đặc biệt đã tham gia vào wệc bắt Georges. Sau đó, chủ toạ quay sang hỏi Georges:

- Ông Georges, ông có gì để nói không?

- Không. - Georges Cadoudal đáp mà mắt không rời khỏi tờ giấy đang đọc.

- Ông thừa nhận những tội của mình chứ?

- Tôi thừa nhận. - Georges đáp lại vẫn bằng giọng tỉnh bơ như trước.

- Yêu cầu bị cáo Georges không đọc trong khi bị hỏi - Thuriot nói.

- Nhưng cái tôi đọc lại rất hay - Georges đáp - Đó là phiên họp ngày 17 tháng Giêng năm 1793 khi ngài bỏ phiếu đồng ý xử tử nhà vua đấy.

Thuriot cắn môi. Tiếng ồn ào rộ lên khắp nơi. Chủ toạ phiên toà vội cắt đứt âm thanh ấy bằng cách tiếp tục hỏi.

- Ông có thừa nhận đã bị bắt tại nơi mà nhân chứng vừa nêu không?

- Tôi không biết chỗ đó tên là gì.

- Ông đã bắn hai phát súng ngắn đúng không?

- Tôi không nhớ điều đó.

- Ông đã giết một người phải không?

- Thực tình, tôi chẳng biết gì cả.

- Ông có dắt dao găm?

- Có thể.

Còn khẩu súng?

- Điều này cũng có thể.

- Ông ở trong xe với ai?

- Tôi quên người đó rồi.

- Ông trọ ở đâu trên đất Paris?

- Chẳng đâu cả.

Lúc bị bắt, ông không còn ở phố Montagne-Sainte-Gèneviève, tại nhà chị bán hoa quả phải không?

- Lúc bị bắt, tôi trọ trong cái xe.

- Ông ngủ ở đâu trước hôm bị bắt?

- Trước hôm bị bắt, tôi không ngủ.

- Ông làm gì ở Paris?

- Tôi đi dạo.

- Có ai thấy ông không?

- Vô số lũ ruồi bám theo tôi.

- Ngài cũng thấy phạm nhân không muốn trả lời rồi đấy, hay chuyển sang người khác đi - Thuriot nói.

- Cảm ơn ông Thuriot… Cảnh sát, mang cho tôi cốc nước, tôi có thói quen phải xúc miệng khi nhắc đến cái tên này -. Georges nói.

Không ai tham dự buổi dự thẩm đó đều thấy vẻ bất cần của Georges, người ta có cảm giác ông ta sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình. Mọi người đều dành cho ông vẻ tôn trọng như với một người đã chết.

Ai cũng sốt ruột chờ đến phiên tướng Moreau trả lời, nhưng phải đến ngày thứ tư, tức là ngày thứ năm, 31 tháng Năm, thẩm phán Thuriot mới hỏi ông.

Người ta cũng bắt đầu như với Cadoudal! bằng cách hỏi các nhân chứng liên quan. Nhưng trong số đó, không ai nhận ra Moreau. Ông ngạo nghễ cười và nói:

- Các quý ông, không chỉ không nhân chứng chỉ định nào nhận ra tôi mà tất cả các bị cáo ở đây cũng chưa từng thấy tôi trước khi bị tống giam vào Temple.

Bên toà án đọc bản lời của một người tên là Roland, quân của tướng Pichegru, người này đã khai trong lần hỏi cung rằng anh ta đau lòng khi thấy tướng Pichegru giao cho mình thực hiện nhiệm vụ với tướng Moreau.

Moreau đứng dậy nói với chủ toạ:

- Hoặc Roland là cảnh sát hoặc anh ta khai như thế vì sợ. Để tôi nói cho các người hay chuyện giữa quan toà dự thẩm và anh ta đã diễn ra như thế nào. Người ta không hỏi anh ta. Không, người ta chẳng thu được lời khai nào hết. Thế là trong lúc hỏi cung, họ đã nói: *"Anh đang trong hoàn cảnh cực kỳ tồi tệ, anh là tòng phạm của một vụ phản loạn:* nếu anh không khai báo anh sẽ chịu án còn nếu thú nhận anh sẽ được cứu và để được cứu, con người đó đã dựng lên câu chuyện trào phúng mà các người vừa đọc đó. Tôi xin hỏi anh ta thật lòng, tôi làm phản để làm gì?

- Thì để đưa ông lên làm độc tài chứ sao - Hémard nói.

- Tôi ư? Nhà độc tài ư? - Moreau kêu lên - Người của tôi là ai? Là tất cả binh lính nước Pháp vì tôi chỉ huy chín phần mười trong số họ, tôi đã cứu sống năm mươi nghìn người. Đó là những đồng minh của tôi. Người ta đã bắt các sĩ quan tuỳ tùng của tất cả những người tôi biết, tuy thế họ chẳng tìm được chứng cớ nào. Họ nói đến sản nghiệp của tôi; tôi đã bắt đầu từ con số không và đã có thể có năm mươi triệu thế mà cuối cùng, tôi chỉ được mỗi một ngôi nhà ở Paris và phần đất Grosbois. Họ đối xử với tôi như một tổng tư lệnh mà chỉ có bốn mươi nghìn phăng, hy vọng họ phải biết đánh giá những cống hiến của tôi chứ.

Đúng lúc ấy có một chuyện kỳ lạ đã xảy ra, nó như được bàn tính trước giữa viên tướng và tuỳ tùng Lecourbe của ông ta để chứng tỏ sức mạnh của người chiến thắng Hohenlinden.

Lecourbe vào phòng xử án cùng với đứa bé trên tay. Đó là con trai của Moreau. Lecourbe bế đến cho ông ôm hôn con nhưng hàng lính gác không biết đứa trẻ nên nhất định không cho vào thế là Lecourbe nâng bổng đứa bé lên hét to:

- Các anh em binh lính, hãy để con trai tướng quân của các anh vào.

Những lời nói đó vừa dứt, tất cả binh lính trong phòng đều rớm nước mắt còn những người tham dự vỗ tay rào rạt. Nhiều giọng còn hô to:

- Moreau muôn năm!

Nếu trong lúc ấy, chỉ cần Moreau nói một tiếng, sự cuồng nhiệt sẽ lật đổ cả toà án và tù nhân sẽ thắng lợi. Nhưng Moreau im lặng không tham gia vào làn sóng đó.

- Thưa tướng quân - Cadoudal nói thầm với Moreau - chỉ còn một phiên xử như thế này nữa thôi và ngài sẽ lại ngủ ở Tuileries.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 46
Kết án

Tại phiên toà ngày 2 tháng Sáu, có một nhân chứng khiến mọi người đều tò mò khi không ai ngờ đến nhất, thuyền trưởng Wright chỉ huy con tàu đánh cá nhỏ đã đưa các bị cáo đến chân vách đá, Biville xuất hiện.

Anh này bị phục kích ở gần Saint-Malo rồi sau một cuộc giao chiến anh ta bị thương vào cánh tay nên bị bắt.

Việc xuất hiện của con người này khiến cả phòng xử án xôn xao bàn tán. Người ta đứng dậy, kiễng chân để cố nhìn một người đàn ông thấp bé, mặc triều phục Hải quân Anh quốc. Anh ta khai mình ba mươi lăm tuổi, thiếu tá thuỷ quân sống ở London tại nhà bạn mình là thiếu tướng hải quân Sidney Smith. Vì nhân chứng đứng trả lời rất khó nhọc người ta mang đến cho anh này một chiếc ghế. Viên thiếu tá cảm ơn rồi ngồi xuống. Anh ta tái xanh đến độ mọi người tưởng như anh ta sắp ngất đi. Coster Saint-Victor nhanh nhẹn chuyển cho anh ta một lọ dầu. Viên thiếu tá đang ngồi trên ghế, đứng dậy chào mọi người theo phép quý tộc rồi mới quay lại phía toà. Viên chủ toạ muốn tiếp tục hỏi nhưng anh này đã lắc đầu nói:

- Tôi bị bắt trong khi giao chiến nên tôi là tù binh chiến tranh, tôi đòi có quyền đối xử cho đúng với vị thế của mình.

Thế là người ta phải đọc lại bản thẩm vấn của toà ngày 21 tháng Năm từ phiên trước. Chăm chú nghe xong, nhân chứng nói:

- Thưa ngài thẩm phán, xin thứ lỗi cho tôi nhưng tôi không hề thấy ở đây nguy cơ nào để các ngài có thể đưa tôi ra uỷ ban quân sự và xử tử tôi nếu tôi tiết lộ bí mật quốc gia của đất nước tôi.

- Georges, ông có biết nhân chứng này không? - Chủ toạ hỏi.

Georges nhìn thuyền trưởng Wright rồi nhún vai:

- Tôi chưa bao giờ thấy ông ta.

- Còn ông, ông Wright, rốt cuộc, ông có muốn trả lời câu hỏi của tôi không?

- Không - Viên thiếu tá đáp - Tôi là tù binh, tôi đòi hỏi mọi quyền tương xứng và đối xử theo luật nhà binh.

- Muốn đòi gì thì đòi - Chủ toạ nói - Buổi xét xử tiếp tục vào ngày mai.

Lúc đó đã gần mười hai giờ trưa. Mọi người ra về trong lòng thầm nguyền rủa cái tính bất nhẫn của chủ toạ Hémard.

Ngay từ bảy giờ sáng hôm sau, đám đông đã kéo đến chật ních phòng xử án: có tin đồn tướng Moreau sẽ phải trình bày ngay phần mở đầu. Nhưng điều mong đợi đã không xảy ra, bù lại mọi người lại được chứng kiến một cảnh hết sức cảm động. Hai anh em Armand và Jules de Polignac ngồi cạnh nhau và không có cảnh sát xen giữa. Lúc nào họ cũng nắm chặt tay nhau như muốn thách thức toà và sau phiên xử, cái thế đã chia rẽ họ. Hôm ấy, toà đưa ra vài câu hỏi liên quan đến Jules và những câu hỏi đó như buộc tội cho Jules, nên Annand đứng dậy nói:

- Thưa các ông, tôi xin các ông hãy nhìn đứa bé này, nó mới chưa đầy mười chín tuổi, hãy cứu nó. Khi về Pháp là nó đi theo tôi. Chỉ tôi mới là thủ phạm thôi vì mình tôi mới biết nội dung việc mình làm. Tôi biết các ông muốn lấy đầu thế thì hãy lấy cái của tôi, tôi cho các ông đấy những đừng động đến đầu chàng trai trẻ này, trước khi tước đi cuộc sống một cách thô bạo các ông hãy cho nó có thời gian để biết nó mất cái gì đã.

Nhưng Jules đã đứng dậy quàng tay vào cổ Armand.

- Ôi! Các ông đừng nghe anh ấy. Đúng là tôi chỉ mới mười chín tuổi nhưng tôi là kẻ độc thân, tôi không có vợ con, nếu kết án thì kết án tôi đây này. Armand thì ngược lại, anh ấy là trụ cột trong gia đình, anh ấy còn vợ con. Dù còn trẻ nhưng trước khi biết đến đất nước của mình, tôi đã ăn bánh mỳ lưu vong, cuộc đời bên ngoài nước Pháp của tôi chẳng có ích gì cho nước Pháp và cũng là gánh nặng cho tôi. Hãy lấy đầu tôi đây, tôi dâng cho các ông đấy và miễn cho anh tôi.

Đến đó, mọi quan tâm dành cho tướng Georges và Moreau đã quay sang hai chàng trai trẻ đẹp, những đại diện cuối cùng cho lớp người trung thành tận tuỵ cho một chiếc ngai đã đổ. Cả nhóm người trên đây đều là thành phần tiêu biểu không những trong giới quý tộc mà cho toàn bộ Paris. Khán giả nồng nhiệt chào đón họ và sự nồng nhiệt ấy không phải xấu hổ, mỗi lời nói thốt ra từ miệng họ, mỗi sự kiện đều khiến đôi mắt họ đẫm lệ: Chủ toạ Hémald đưa ra trước hầu tước Rivière một bức chân dung của bá tước Artois và hỏi:

- Bị cáo Rivière, ông có nhận ra bức hoạ này không?

- Từ đây, tôi không trông rõ thưa ông chủ toạ, hãy làm ơn mang nó lại gần đây.

Chủ toạ cho người mõ toà mang bức chân dung lại gần bị cáo. Vừa nhìn thấy nó, hầu tước Rivière đã đưa nó lên môi rồi áp vào ngực nghẹn ngào nói.

- Các ông tưởng tôi không biết sao? Tôi những muốn được ôm nó một lần trước lúc nhắm mắt. Bây giờ, các vị bồi thẩm hãy tuyên án đi và tôi sẽ đi thẳng đến đoạn đầu đài trong lúc rửa tội cho các người.

Hai cảnh khác cũng khiến mọi người có cảm xúc sâu sắc:

Chủ toạ hỏi Coster Saint-Victor xem anh ta có thêm gì vào lời tự bào chữa của mình hay không.

- Có chứ - Coster Saint-Victor nói - Tôi cần nói thêm rằng những nhân chứng giúp gỡ tội mà tôi yêu cầu đã không được nhắc đến; tôi còn phải nói thêm rằng tôi vô cùng ngạc nhiên khi người ta đánh lạc hướng dư luận, đổ tiếng xấu và sự hổ thẹn không chủ lên đầu chúng tôi mà còn cả những người bảo vệ chúng tôi. Sáng nay tôi đã đọc nhật báo, thật đau lòng khi thấy nhân bản báo cáo về chúng tôi hoàn toàn bịa đặt.

- Bị cáo - Chủ toạ nói - Những việc này không liên quan đến lý tưởng của các ông.

- Không đâu - Coster nói tiếp - Những gì tôi có hân hạnh tuyên bố trước toà đều vì lý tưởng của tôi và của nhưng người bạn không may của tôi, thế nhưng bản báo cáo lại xuyên tạc lời biện hộ của nhiều trong số người bào

chữa cho chúng tôi, về phần mình, tôi nghĩ mình không được thừa nhận như mức tôi được hưởng do công tố viên chỉ định nhân viên của ông ta ra bào chữa cho tôi. Tôi phản đối những trò sắp đặt của chính phủ và những lời lẽ điên khùng phát ra từ miệng các công dân danh giá ấy, tôi mong được ngài Gautier, luật sư của tôi được hân hạnh đến đây để nhận lòng tin tưởng tôi trao gởi cho ông ấy cho đến giờ phút cuối cùng.

Lời của Coster gây được cảm tình mạnh mẽ, không những thế nó còn nhận được những tràng pháo tay ròn rã. Ngay phía sau Coster Saint-Victor, trên hàng ghế thứ ba là chỗ của bảy người Bretagne và miền Morbihan. Trong số đó người ta có thể nhận ra một gia nhân của Georges có tên là Pícot, người định trả thù binh lính của chúng ta những thật không may việc rửa hận ấy chỉ là cách nhỏ mọn. Người này còn có biệt danh là Bourreau des "Bleus" (*Đao phủ quân Xanh*), đó là một người chân tay ngắn, vai lực lưỡng, mặt rỗ, tóc đen ngắn cắt vuông trước trán. Điều này khiến khuôn mặt hắn khá đặc biệt nhất là lại cộng với đôi mắt ti hí ẩn dưới đôi lông mày hung hung rậm rịt.

Coster Saint-Victor vừa dứt lời thì Picot đứng dậy, không tỏ ra lịch sự theo lối quý tộc nói trên.

- Còn tôi, tôi không phàn nàn mà hơn thế, tôi muốn tố cáo.

- Tố cáo ư? - Chủ toạ hỏi.

- Đúng thế, tôi tố cáo rằng, khi đến sở cảnh sát, đúng hôm bắt tôi, người ta đã bắt đầu bằng cách cho tôi hai trăm đồng *louis* bằng vàng và hứa thả tự do cho tôi nếu tôi khai chỗ ở của ông chủ, tức tướng quân Georges. Tôi đáp là mình không biết vì quả thực tướng quân ẩn hiện rất tài tình. Thế là công dân Bertrand đã bảo lính gác mang súng hoả mai và một cái tô vít đến để siết ngón tay tôi sau đó họ trói tôi lại bẻ gãy ngón tay.

- Đó là cách người ta dạy cho ông một bài học đấy - Chủ toạ Hermard nói - ông đã che giấu sự thật.

- Điều tôi nói là sự thật của Chúa, sự thật hoàn toàn - Picot đáp lại, lính canh có thể làm chứng, tôi đã bị tra tấn bằng lửa và bẻ gẩy các ngón tay.

- Thưa các ngài, - Thuriot nói - Các ngài sẽ nhận thấy đây là lần đầu tiên bị cáo đưa ra điều này.

- Hay lắm - Picot đáp - Chính ông đã biết chuyện này vì tôi đã nói với ông ở Temple. Nhưng khi ấy ông đã bảo: "Im đi, chúng ta sẽ lo mọi chuyện".

- Ông không nói nửa lời về tất cả những thứ đó trong bản lời khai của mình.

- Nếu tôi nói, tôi e là người ta lại tiếp tục làm tôi cụt tay và đốt tôi!

- Bị cáo - Tổng kiểm sát trưởng kêu to - ông có thể nói dối, nhưng lúc nói dối hãy tỏ ra nghiêm túc khi có mặt trước công lý.

- Công lý ư, nó hay lắm, nó muốn tôi phải lịch sự với nó thế mà nó có công minh với tôi đâu.

- Thôi đủ rồi đấy, ông im đi - Hemlard gạt đi rồi quay sang Georges - ông có bào chữa thêm gì không?

Georges trả lời:

- Ngài Tổng tài thứ nhất đã cho tôi cái vinh dự được ra trước buổi xử công khai, chúng tôi thừa nhận có một số điểm theo tôi là hợp lẽ nhưng xét từ phía nhà nước là vi phạm. Tuy nhiên, chính các người đã tổ chức các băng đảng cướp phá ở Vendée và Morbihan mượn danh tôi để thực hiện. Những trò ghê tởm khiến tôi buộc phải rời London, trở về Bretage bắn vỡ sọ một trong số đầu lĩnh các băng đảng ấy, chứng minh ai mới thật sự là Cadoudal. Sau đó, tôi phái trung uý Sol de Grisolles của mình tới gặp ngài Bonaparte và tuyên bố kể từ đó giữa chúng tôi có một món nợ phải trả. Ông ấy là người đảo Corse, ông ấy phải hiểu điều đó có nghĩa là gì và bắt đầu hành động. Chính thế tôi mới quyết định về Pháp. Tôi không biết liệu điều tôi làm có biến những người bạn của tôi trở thành kẻ phiến loạn hay không, các ông biết luật hơn tôi, các ông thử nói xem nào.

Trong số những bị cáo ở đó có cả cha David, người mà tôi đã nhắc đến hai lần, đó là một người bạn của Pichegru và cũng vì tình bạn ông mới ngồi trên hàng ghế bị cáo. Đó cũng là một linh mục điềm đạm, lạnh lùng và không sợ chết. Ông đứng dậy nói bằng giọng chắc nịch:

- Pélison đã không bỏ Tổng giám Fouquet trong lúc khó khăn và hậu vận đã chứng minh lòng trung thành của ông ấy. Tôi hy vọng việc quan hệ với tướng Pichegru trong thời gian ông ấy sống lưu vong không để tôi nhầm lẫn như Pélison với Fouquet trong lúc ông ta ở tù. Ngài Tổng tài thứ nhất cũng

phải có bạn chứ, thậm chí có nhiều là khác. Giả sử trong cuộc đảo chính 18 Brumaire, ông ấy bị thất bại thì có thể ông ấy cùng bị kết án tử hình, nếu không chắc chắc bị lưu đày biệt xứ.

- Điều ông nói không có cơ sở nào cả - Chủ toạ kêu toáng lên.

- Chắc chắn bị lưu đày - Cha xứ David lặp lại.

- Ông im đi - Thuriot cũng hét lên.

- Tôi vẫn tiếp tục, tôi yêu cầu được tiếp tục - Vị linh mục cố nói - các ông định trừng phạt những người bạn của ông ấy vẫn liên hệ và làm cho ông ấy nhớ khi ông ấy đang bị tù đày sao.

Thẩm phán Thuriot không ngừng nhích trên ghế của ông ta giận dữ nói và nhìn vào những đồng nghiệp và hội thẩm khác:

- Thưa các ngài, những lời mà chúng ta vừa nghe xuất phát từ một sự bất mãn…

Nhưng cha David đã xen ngang:

- Thưa các vị quan toà mạng sống của tôi đang nằm trong tay các ông, tôi không sợ chết, tôi biết, khi người ta làm cách mạng người ta muốn trở thành một con người vĩ đại, muốn vậy phải đón nhận tất cả và tự giải quyết tất cả.

Vài lời diễn thuyết của các bị cáo mà tôi vừa nêu thỉnh thoảng lại bị xen ngang bởi những bị cáo khác. Cuối cùng phiên xử khép lại bằng cảnh hai anh em nhà Polignac:

- Thưa các ngài - Jules nói và nghiêng hẳn người về phía các bồi thẩm, hai tay chắp lại - Vì tôi quá xúc động sau lời nói của anh tôi và đã xin một lưu ý tầm thường cho lời biện hộ của tôi, bây giờ tôi đã bình tĩnh hơn, tôi dám hy vọng các ngài đừng để tâm đến những gì Armand nói. Hãy cứu anh ấy, trả anh ấy về bù đắp cho những giọt nước mắt của vợ anh ấy. Còn tôi, tôi không vướng bận vợ con, tôi không sợ cái chết, tôi còn quá trẻ, chưa tận hưởng cuộc sống nên không cần phải tiếc nó làm gì.

- Không, không! - Armand gào lên, kéo em trai lại ôm vào lòng - Không, em sẽ không chết. Anh xin em đấy Jules, hãy để chỗ đó cho anh.

Cảnh đó khiến cả đoàn hội thẩm đều như bị thương tổn.

- Toà tạm nghỉ. - Chủ toạ tuyên bố.

Mọi người lục tục đi ra. Khi đoàn hội thẩm ra khỏi phòng cũng là lúc mười một giờ trưa. Càng ngày, người kéo đến xem xử án càng đông, họ biết sẽ có hai bản án trong một phiên toà, bản án của Moreau và của Bonaparte và dù mọi người biết quyết định cuối cùng sẽ có rất muộn nhưng họ vẫn chờ.

Điều khiến cho sự cân nhắc thêm lâu là do ông Réal lại vừa đến để thông báo quan toà sẽ khép Moreau ở mức hình phạt nào sao cho giảm nhẹ nhất có thể.

Cuối cùng, bốn giờ sáng hôm sau, ngày 10 tháng Sáu, một tiếng chuông rung lên làm tất cả đám người đang ở phòng xử án phải rùng mình, tiếng chuông ấy báo hiệu các vị quan toà chuẩn bị xử tiếp. Những tia nắng đầu tiên của một ngày u ám rọi xuống, xuyên qua các ô cửa sổ quyện với những ánh nến trong phòng; không còn gì buồn bã hơn là cuộc tranh giành ban sáng giữa ngày và đêm ấy.

Giữa nỗi sợ hãi ấy, lực lượng quân đội đột ngột tiến vào phòng. Tiếng chuông thứ hai mạnh hơn tiếng chuông thứ nhất vang lên, cánh cửa bật mở và một mõ toà tuyên bố:

- Thượng toà!

Thế là chủ toạ Hémard, theo sau là đoàn phán quan trịnh trọng đi vào, ngồi lên ghế. Ông ta cầm trong tay một tờ giấy rất dài, đó là quyết định của toà án cấp cao. Tiếp đến là các bị cáo bị dẫn vào.

Chủ toạ sau khi đọc phần dẫn nhập, trùng giọng đọc bản án dài kết tội tử hình các bị cáo: Georges Cadoudal, Bouvet de Loziet, Rugulion, Rochelle, Lajolais, Roger, Coster Saint-Victor, Deville, Armand de Polignac, Charles d Hozier, Louis Ducorps, Picot, Armand Gaillard, Léhan. Pierre Cadoudal, Joyaut, Lemercier, Burban và Ménlle.

Ai cũng hiểu, trong lời đọc chậm rãi, sau mỗi cái tên lại dừng lại một chút kia là nỗi lo lắng cực độ. Ai đến dự đều căng tai, thở đứt quãng, tim đập thình thịch để xem trong số những cái tên ấy có ai là bà con hay bạn bè của

mình không.

Dù số lượng người bị tử hình rất đông và lên đến hai mươi mốt người, phòng xử vẫn thấy được an ủi phần nào khi chủ toạ đọc phần còn lại:

- Xét thấy Jean-Victor Moreau, Jules Polignac, Le Ridant, Roland và cô Izai là đồng phạm bị lôi cuốn vào vụ mưu phản nhưng trong quá trình tranh tụng, dựa vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, toà giảm án cho những người trên còn hai năm tù giam.

Toà tuyên bố vô tội cho những người khác.

Những người bị kết án bình tĩnh lắng nghe lời phán xử không ba hoa hay mai mỉa. Chỉ mình Georges Cadoudal đứng cạnh hầu tước Rivière nghiêng người sang phía ông ta và nói:

- Bây giờ chúng ta đã xong với vua dưới mặt đất, chúng ta còn phải bắt đầu với vua trên trời nữa.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 47
Hành quyết

Tuy vậy, nỗi lo lắng nhất có thể vẫn chưa nằm trong phòng xử án ấy, nơi người ta đang quyết định số phận các phạm nhân. Joséphine, phu nhân Murat, và phu nhân Louis vốn còn rất xúc động trước cái chết của công tước Enghien và vụ tự tử đáng ngờ của tướng Pichegru giờ đây không khỏi não nề trước vụ hành quyết hai mươi mốt con người, số người gợi đến những kẻ xấu số vào ngày đẹp trời thời kỳ Kinh Hoàng.

Một cái lò mổ xử hai mươi mốt mạng người trên đại lộ Grève quả thực là một điều thật khủng khiếp. Câu nói của Fouché: "*Không khí sặc mùi dao găm*" lúc nào cũng ám ảnh Joséphine như lời đe doạ thường trực. Bà nghĩ đến mối thù hận mới lại sắp đẻ ra hai mươi con dao găm của kẻ thù cả mới lẫn cũ rình rập trước ngực chồng. Bà cũng là người bị hướng tới những giọt nước mắt của phu nhân Polignac là những giọt nước mắt đầu tiên rơi trên vạt áo choàng đế chế của bà. Joséphine chạy đến phòng làm việc của ngài Bonaparte để cầu xin lòng độ lượng của con người cao quý trẻ tuổi vốn coi đầu người là thứ rẻ tiền để cứu cái đầu của anh em mình.

Nhưng một khi Bonaparte đã từ chối thì không lời van xin hay nước mắt có thể lay chuyển.

Lúc nào phu nhân cũng quan tâm đến kẻ thù của ta thế? - Bonaparte nghiêm nghị nói - Người Bảo hoàng hay Cộng hoà, họ đều khó thay đổi như nhau, nếu ta tha thứ cho họ, họ lại tiếp tục chống lại, như thế phu nhân sẽ buộc tôi tạo thêm nhiều nạn nhân mới nữa đấy.

Than ôi! Càng ngày cộng với việc can ngăn Bonaparte hướng đến ước vọng đế chế, Jeséphine càng mất dần ảnh hưởng của mình. Bà đành sắp đặt cho phu nhân Polignac chờ trên lối đi của Napoléon. Phu nhân Polignac quỳ xuống xưng tên và xin ân xá cho chồng mình là Armand de Polignac.

- Armand de Polignac ư! - Bonaparte thốt lên - Người bạn học của tôi từ khi từ trường quân bị ư! Có thể là anh ta mưu phản chống lại tôi hay sao? Thưa phu nhân, họ là những thủ phạm cùng hành động với các ông hoàng thì sao giảm nhẹ được.

Phu nhân Polignac ra khỏi điện Tuileries cũng giống như Murat và vợ mình ra về khi đến xin ân xá cho hầu tước Rivière.

Murat là người có trái tim nhân hậu đã vô cùng ân hận về vai trò bất đắc dĩ mà mình đã đảm nhiệm trong vụ công tước Enghien. Ông muốn, như ông nói, là xoá đi vết nhơ mà Bonaparte đã vấy lên bộ quân phục của mình. Ân chuẩn cho hầu tước Rivière là kết quả nối tiếp với ân huệ bản cho ngài Polignac. Chính ngài Réal đích thân đến thông báo cho hầu tước Rivière ân huệ mình được hưởng. Tuy thế Réal không thể lôi kéo con người này đứng về phe của mình.

- Hoàng đánh giá rất cao về lòng trung thành và lòng can đảm nên sẵn sàng mở lượng khoa hồng cho ông. - Ngài Réal nói - Ngoài ra, ngài sẽ rất vui khi thấy ông phục vụ cho ngài và giữ lời hứa. Ông có muốn một trung đoàn không?

- Tôi rất vui sướng và tự hào được cầm quân chỉ huy quân đội Pháp - Hầu tước Rivière đáp - Nhưng tôi không thể chấp nhận phục vụ dưới một lá cờ khác được.

- Ban đầu ông có thể theo ngành ngoại giao cũng được. Ông có vui lòng làm đại sứ tại Đức không?

- Trước đây tôi đã được thay mặt nhà vua đến làm đại sứ tại vài nơi trên đất nước Đức. Khi làm việt đó tôi là kẻ thù của các vị. Giờ đây, các quốc gia ấy sẽ nghĩ gì về tôi khi tôi lại đi thương lượng vì lợi ích trái ngược với lợi ích tôi từng chiến đấu vì nó cho đến giờ phút này? Tôi sẽ mất hết danh dự nên tôi không thể chấp nhận.

- Nếu vậy ông hãy tham gia vào chính quyền? Ông có muốn làm tỉnh trưởng không?

- Tôi là dân binh nghiệp nên sẽ trở thành một tỉnh trưởng tồi.

- Thế ông muốn gì?

- Một điều cực kỳ đơn giản. Tôi đã bị kết án, tôi muốn chịu hình phạt của mình.

- Ông là người chính trực đấy - Ngài Réal cười khi đi ra - nếu tôi giúp được gì hãy nói với tôi nhé.

Sau đó, ngài Réal cho gọi Georges.

- Ông Georges, tôi sẽ xin ân xá cho ông đến hoàng đế. Chắc chắn ngài sẽ chấp nhận và điều này phụ thuộc vào ông, chỉ một lời hứa ông không làm phản nữa. Hãy chấp nhận phục vụ trong quân đội.

Nhưng Georges đã lắc đầu.

- Những người bạn của tôi đã theo tôi về Pháp, bây giờ đến lượt tôi cũng phải theo họ lên đoạn đầu đài chứ.

Tất cả những trái tim vĩ đại đều quan tâm đến tướng Georges, chính vì vậy nên sau khi có được ân huệ cho hầu tước Rivière, Murat lại tiếp tục nài nỉ xin cho Georges.

- Nếu như hệ hạ đã ân chuẩn cho anh em Polignac và những người khác thì tại sao lại không đại xá cho Georges? Ông ta là một con người có tính cách lớn. Nếu bệ hạ muốn ban mạng sống cho ông ta, thần sẽ nhận ông ta làm tuỳ tùng.

- Kỳ thực, ta cũng tin như vậy - Napoléon nói - Nhưng kẻ quỷ quyệt ấy còn muốn ta ân xá cho tất cả chiến hữu của hắn cơ. Điều này không thể được. Trong số đó có những kẻ mắc tội sát nhân ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Còn lại, ông muốn làm gì thì tuỳ. Việc của ông là sẽ làm sẽ phải làm tốt.

Quả nhiên Murat đến ngục giam Georges cùng các chiến hữu của ông ta. Ngày hôm sau sẽ là buổi hành hình. Murat thấy tất cả đang cầu nguyện, không ai quay đầu lại khi ông xuất hiện.

Về phần mình, Murat cũng chờ cho mọi người cầu nguyện xong mới nói riêng với Georges.

- Nhân danh Hoàng đế, tôi đến để dành cho ông một việc trong quân đội.

- Thưa ngài - Georges trả lời - Điều này người ta tặng cho tôi sáng nay và tôi đã từ chối.

- Tôi sẽ thêm vào những gì ngài Réal đã nói là ân xá tương tự cũng sẽ dành cho chiến hữu của ngài, những ai muốn phục vụ cho Hoàng đế sẵn sàng quên mình vì nghiệp lớn.

- Nếu vậy, cho phép tôi bàn bạc với các bạn hữu của mình vì đây không chỉ liên quan đến mình tôi - Georges đáp.

Rồi ông ta quay lại nhắc lại rõ ràng những gì ông Murat vừa thì thầm với mình, sau đó ông ta im lặng chờ đợi, không gắng tác động để họ đồng ý hay phản đối lời đề nghị.

Burban là người đầu tiên đứng dậy, ngả mũ và hô to:

- Đức vua vạn tuế.

Lập tức hơn chục giọng nói đồng thanh hô vang như vậy.

Thế là Georges quay lại nói với Murat:

- Ngài cũng thấy rồi đấy, chúng tôi chỉ có một suy nghĩ chung và một lời tung hô "Đức vua vạn tuế". Làm ơn hãy chuyển ý của chúng tôi đến người đã phái ngài đến đây.

Hôm sau, ngày 25 tháng Sáu năm 1804, chiếc xe đưa các phạm nhân ra pháp trường đã dừng lại dưới chân đoạn đầu đài.

Đã có một ngoại lệ hầu như là duy nhất trọng lịch sở hành quyết đẫm máu của ngành tư pháp, đó là dù Georges là thủ lĩnh cuộc mưu phản này ông ta vẫn bị xử trước tiên. Chắc đây là yêu cầu của ông ta vì sợ rằng nếu sống sót

sau khi các bạn của ông ta đã chết, họ sẽ chết với ý nghĩ người ta dành cho ông ta chết sau cùng để nhờ có chịu ân xá cũng không phải xấu hổ với họ.

Có một sự việc bất ngờ khiến cho cảnh máu chảy đầu rơi trước bàn dân thiên hạ bị kéo dài. Số là Louis Ducorps, người số sáu và Lemercier, tử tội số bảy đến lượt lên máy chém trước Coster Saint-Victor. Nhưng họ nói có điều muốn khai nên được đưa đến chỗ thị trưởng Paris. Trong một tiếng rưỡi, họ khai lan man toàn những điều vô nghĩa và trong một tiếng rưỡi ấy, lưỡi dao của máy chém nằm im. Coster Saint-Victor, cái anh chàng lịch sự liền hỏi liệu có nhân sự chậm trễ này để mời một thợ cạo râu đến hay không "Vì - Anh ta nói với đao phủ - ông cũng thấy cả đám phụ nữ đến đây chỉ vì tôi, tôi biết gần hết họ, bốn ngày trước tôi đã yêu cầu mời thợ cạo đến nhà tù thế mà cả bốn ngày họ đều chối: bây giờ nhìn tôi xấu xí quá".

Lần này nữa, việc mời thợ cạo râu lại bị từ chối khiến quý ông đẹp trai đành ôm thất vọng trong lòng. Cuối cùng Ducorps và Lemener cũng đến, họ không đạt được sự ân xá nào và thế là cỗ máy tàn bạo lần lượt ngốn ngấu đến người cuối cùng.

Chuông đồng hồ trên Toà Thị chánh điểm hai giờ, đó cũng là thời điểm đánh dấu tất cả sức mạnh thật sự của Napoléon. Năm 1799, ông đã vượt qua những phản kháng chính trị bằng các lật đổ chế độ Đốc chính. Năm 1802, ông vượt qua phản kháng dân sự khi bãi bỏ viện dự luật. Năm 1804, ông đã chiến thắng sự kháng cự quân sự trong âm mưu làm phản do quân lưu vong liên kết với giới tướng lĩnh cộng hoà thực hiện, Pichegru, đối thủ duy nhất bị siết cổ, Moreau bị đi đày biệt xứ. Sau mười hai năm chiến đấu khủng bố, âm mưu lật đổ, các đảng phái liên tiếp thay đổi, kế vị lẫn nhau, đã kết thúc phong trào cách mạng: Nó dần dần được thành lập qua con người ông và thực tế trên đồng tiền năm 1804 đã mang dòng chữ: *Nước Cộng hoà Pháp, Hoàng đế Napoléon.*

Cũng chính tối hôm đó, tối ngày 25 tháng Sáu năm 1804, Fouché đến thăm vị tân Hoàng đế. Để thưởng cho những phục vụ tận tuỵ trong vụ việc mới đây, hoàng đế đã khôi phục cho ông ta chức cũ ở Bộ Cảnh sát. Trong buổi

tối hôm ấy, khi nói chuyện với Napoléon bên cửa sổ, nhận thấy đã đến thời điểm thích hợp, Fouché nói:

- Tâu bệ hạ, chúng ta nên làm gì với chàng trai đáng thương đã chờ quyết định của Ngài suốt ba năm trong xà lim Abbaye?

- Chàng trai trẻ đáng thương nào?

- Bá tước Sainte-Hermine.

- Bá tước Sainte-Hermine à? Là ai thế?

- Là người đã cưới tiểu thư Sourdis và mất tích trong đêm ký giấy hôn ước đó.

- Anh chàng cướp xe ngựa chứ gì?

- Vâng.

- Anh ta chưa bị xử bắn sao?

- Chưa!

- Ta đã ra lệnh rồi cơ mà?

- Ngược lại, đây là động thái sai lầm nhất đấy ạ.

- Nếu thế thì…

- Thần cũng chờ giây phút này. Thực ra, ba năm tù cho một lỗi như thế theo thần có lẽ là hơi nặng.

- Được rồi, hãy cho anh ta làm lính bình thường trong quân đội.

- Anh ta được tự do chọn đội nào chứ? - Fouché hỏi.

- Cho hắn chọn - Bonaparte đáp - Nhưng đừng bao giờ mong trở thành sĩ quan.

- Tâu được thưa bệ hạ…Chính anh ta sẽ là cánh tay đắc lực cho ngài.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 48
Sau ba năm tù

Chưa đến một tiếng kể từ lúc diễn ra cuộc gặp giữa ngài Bộ trưởng cảnh sát với hoàng đế thì một tên mõ toà gác cửa của ngài Fouché đã thông báo:

- Phạm nhân đã đến.

Fouché quay đầu lại phía cửa mở và thấy đúng là Sainte-Hermine đi giữa hai cảnh sát. Ngài Bộ trưởng ra hiệu cho Sainte-Hermine lại gần.

Từ hôm bị bắt, từ lúc anh hy vọng Fouché cho xử bắn không cần kết án, ngài Bộ trưởng này không hề quay lại. Tám ngày, mười lăm ngày, thậm chí một tháng trôi đi, mỗi lần tiếng chìa khoá xoay lách cách bên cánh cửa phòng giam mình, Sainte-Hermine đều lao về đó hy vọng người ta mang anh đi hành hình. Rồi lập tức anh hiểu rằng, mình lại phải tiếp tục nhẫn nhục sống. Một nỗi sợ đã từng xâm chiếm lấy anh, đó là người ta sẽ giữ anh để làm chứng cho những vụ xử án tiếp theo thì sao. Anh trải qua hai tháng lo sợ như vậy, rồi nó cũng tan đi như chính hy vọng của anh tan thành mây khói. Với anh, đó là thời điểm mà thời gian như ngừng trôi, quấy đảo anh bằng hai thứ tình cảm khác nhau, nối tiếp nhau trong tâm hồn. Buồn quá, anh yêu cầu sách, người ta đáp ứng cho anh. Anh lại yêu cầu bút chì, giấy vẽ, dụng cụ toán học, người ta cũng đáp ứng đầy đủ. Anh lại đòi mực, giấy viết, bút lông ngỗng tất cả đều được manh đến.

Rồi những đêm đông đằng đẵng đến, khi mà bốn giờ chiều trong khám đã tối đen như mực thì Hector yêu cầu một ngọn đèn.

Dù hơi khó nhưng cuối cùng người ta cũng cho anh. Anh lại xin phép được đi dạo hai tiếng một ngày trong vườn. Cứ như thế cuộc sống của anh đã qua ba năm trong tù.

Trong thời điểm rực rỡ, có những độ tuổi mà bất hạnh chỉ càng tôn thêm cho người ta về đẹp hình thể và phẩm hạnh đạo đức.

Hector đã hơn hai mươi lăm tuổi và có hoàn cảnh đặc biệt. Trong chuỗi ngày

dài bị giam cầm, khuôn mặt anh mất dần vẻ thơ ngây nét tươi hồng trên đôi má nhường chỗ cho nước da bánh mật, vài vết nâu xám, đôi mắt to ra do phải gắng nhìn trong bóng tối râu mọc nhiều và nét đàn ông lộ rõ trên khuôn mặt. Trên đó còn hiện ra ba sắc thái khác nhau khó phân biệt khi chúng hoà tan vào nhau, đó là trầm tư, mơ mộng và đượm buồn.

Với nhu cầu tiêu tán năng lượng thể chất, anh tự giải toả bằng những bài tập thể dục, anh đã xin các quả tạ tập nâng. Anh còn leo dây bằng tay trần. Tóm lại, tất cả những bài tập hiện đại giúp thanh niên hiện đại ngày nay hoàn thiện giáo dục thể chất anh đã phải tự nghĩ ra, không phải để hoàn thiện giáo dục thể chất mà để giải trí.

Như vậy, sau ba năm tù, Sainte-Hermine đã nghiên cứu rất sâu sắc tất cả những gì người ta có thể học được một mình: địa lý, toán học, lịch sử. Thời trẻ đam mê du lịch, anh đã học tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và nói giỏi như tiếng mẹ đẻ. Không được đi đâu, dựa vào sự cho phép gởi sách vở, anh đã đi du lịch trên các bản đồ Ấn Độ nơi vừa trải qua cuộc tranh chấp nảy lửa với những người Anh: Haider - Ali và con trai của mình ngài Tippoo, ngài pháp quan Suffren, Bussy và Dupleix đặc biệt thu hút sự chú ý của anh và trở thành đối tượng nghiên cứu.

Anh đã quen với cuộc sống như vậy cho nên mệnh lệnh đến gặp ngài Bộ trưởng cảnh sát là một sự kiện lớn với anh, và cũng phải nói thật, khi nhận lệnh không khỏi không có nỗi sợ mơ hồ thoáng hiện ra trong lòng anh.

Hector nhận ra ngay Fouché. Ông này không thay đổi gì mấy có chăng cũng chỉ là bộ quần áo thêu thùa cộng với cách gọi Đức ông mà thôi. Nhưng với Sainte-Hermine thì khác, Fouché đã phải nhìn hai lần mới nhận ra anh.

Vừa đứng trước ông Bộ trưởng, mọi kỷ niệm cũ lại ùa về đánh thức Sainte-Hermine.

- A, ngài đây rồi - Anh nói để phá vỡ sự im lặng - Đó là cách ngài giữ lời với tôi đấy!

- Chắc anh trách tôi nhiều lắm vì tôi buộc anh phải sống đúng không? -

Fouché nói.

Sainte-Hermine cười buồn.

- Liệu đó có phải là cuộc sống khi ở trong một phòng mười hai bộ vuông với khung cửa song sắt và hai ổ khoá chăng?

- Dẫu sao người ta vẫn thoải mái trong một phòng mười hai bộ vuông hơn là trong cái quan tài dài sáu bộ, rộng hai bộ.

- Dù cỗ quan tài có chật chội đến đâu người ta vẫn thoải mái hơn trong cái chết.

- Thế hôm nay anh có cố chết như lần trước không?

Sainte-Hermine nhún vai.

- Không. Ngày trước tôi ghét cuộc sống, giờ đây, với tôi nó đã khác vả lại nếu ông muốn chẳng phải đến lượt tôi đó sao?

- Sao lại đến lượt anh? - Fouché hỏi.

- Thì các ông đã xong việc với công tước Enghien, tướng Pichegru, Moreau và Cadoudal và ba năm, bây giờ đến lượt tôi thì phải.

- Anh bạn thân mến của tôi - Fouché đáp - Khi Tar quin muốn Sextus biết mệnh lệnh của mình, ông ta đâu phải lật hết gạch trong vườn nhà mình lên mà chỉ cần những cái đầu quan trọng thôi.

- Tôi phải trả lời cho ngài sao đây thưa ngài? - Hector đỏ mặt nói - Chẳng lẽ cất đầu của tôi chẳng đáng một xu để đốn đi chăng?

- Tôi không có ý làm anh bị tổn thương nhưng ngay bản thân anh cũng tự nhận ra rằng anh chẳng thuộc hàng vương tôn dòng dõi như công tước Enghien, chẳng phải kẻ thắng trận lẫy lừng như tướng Pichegru, không phải đại vĩ nhân thao lược như Moreau hay một tay chân nổi tiếng như Georges.

- Ngài nói đúng - Hector cúi đầu nói - tôi chẳng là gì so với những cái tên ngài vừa kể.

- Tuy nhiên, - Fouché nói tiếp - Ngoại trừ dòng máu hoàng tộc anh có thể trở thành người như tất cả bọn họ.

- Tôi ư?

- Tất nhiên. Anh có bị đối xử trong nhà giam như một người sau khi ra tù phải tìm cái chết không? Người ta có làm trí óc anh bị điêu đứng, dày xéo tâm hồn hay trà đạp tim anh không? Anh có muốn điều gì mà lại không được đáp ứng không? Điều đó không chứng tỏ cho anh thấy mối thiện cảm chúng tôi dành cho anh sao? Ba năm qua của anh hoàn toàn không phải là sự trừng phạt mà là hoàn thiện việc học hành cho anh.

- Nhưng tôi cũng phải chịu hình phạt gì chứ? - Sainte-Hermine sốt ruột kêu lên.

- Bị phạt vào quân đội với tư cách là một lính bình thường.

- Thế thì chẳng có tước hiệu gì.

- Thế khi đi cướp anh có quân hàm gì không?

- Sao cơ?

- Tôi hỏi anh lúc làm đồng đảng Jéhu anh có được phong cấp bậc gì không.

Hector cúi đầu.

- Ông nói đúng, tôi sẽ chỉ là một lính quèn.

- Này, hãy tự hào về điều đó, Marceau, Hoche, Klébet cũng bắt đầu sự nghiệp của mình chỉ là không binh lính thường thế mà họ đã trở thành các đại tướng. Jourdan, Masséna, Lannes, Berthier, Augereau, Brune, Murat, Bessières, Moncey, Mortier, Soult Davout, Bemadotte ngày nay là thống soái trước đây cũng chỉ là lính quèn. Hãy bắt đầu như họ và cũng kết thúc như họ.

- Thế là tôi sẽ bị buộc phải phục vụ cho một nhà nước ác cảm với gia đình tôi và không chấp nhận họ.

- Anh phải thừa nhận rằng lúc anh đi tấn công xe thuế trong rừng Vemon,

anh không có thời gian để có thiện cảm hay ác cảm. Anh chỉ tuân lệnh theo truyền thống của gia đình chứ không theo lý lẽ sai bảo. Từ khi ở tù, từ khi anh để mắt đến không chuyện đã qua và khả năng tương lai sẽ đến anh cũng nhận ra rằng thế giới cũ đã sụp đổ và mọc trên những đống đổ nát là một thế giới mới. Tất cả những gì liên quan, hiện thân hay dính dáng đến thế giới cũ đã chết một cách tàn khốc, dữ dằn và định mệnh. Từ ngai vàng đến hàng lính áp chót, từ những quan niệm hàng đầu đến xã trưởng trong làng, anh đều thấy họ đã thay đổi, cha anh, hai anh trai của anh đều đã lui vào quá khứ còn anh thuộc về thế giới tương lai, tôi chắc trong đầu anh cũng có lý lẽ như tôi vậy.

- Tôi phải thừa nhận với ngài rằng có rất nhiều điều ngài vừa nói là sự thật, ngay cả đức vua Louis XVI và hoàng hậu Marie-Antoinette cũng là đại diện cho thế hệ cũ còn ngài Bonaparte và hoàng hậu Joséphine thuộc thế hệ thứ hai, đại diện cho thời đại mới.

- Quả nhiên tôi đã không nhầm và tôi rất vui về điều đó, anh là một người thông minh như tôi dự đoán.

- Liệu tôi có thể xoá đi vết tích quá khứ và bắt đầu bằng cái tên khác không?

- Được chứ, không chỉ anh có thể mang tên khác mà anh còn có quyền lựa chọn đội quân nào mà anh bị kết án phải phục vụ.

- Xin cảm ơn ông.

- Anh còn muốn gì không?

- Không, trên con đường tôi đi, tôi sẽ là hạt bụi cho gió cuốn.

- Tại sao lại để cuốn theo chiều gió khi mà người ta có thể chống lại nó? Anh có muốn lời khuyên của tôi không, về việc chọn quân đội ấy?

- Xin ông cứ nói.

- Chúng ta sắp có một cuộc chiến nảy lửa với quân Anh, một cuộc chiến trên biển, nếu chọn, hãy chọn làm thuỷ thủ.

- Tôi cũng nghĩ đến điều đó - Hector đáp.

Trong gia đình anh đã có các bậc tiền bối như vậy: năm trong số các ông của anh mang tên như anh từng chỉ huy hạm đội năm 1734 và giữ cấp bậc danh giá. Chú ruột của anh cũng từng là thiếu tá hải quân, anh rõ điều này hơn ai hết vì đến năm 14 tuổi anh còn phục vụ dưới quyền ông ấy như một hoa tiêu nhỏ. Hiểu biết về hàng hải của anh gần như hoàn tất một nửa khi anh trèo lên cầu tàu.

- Ngài biết rõ về quá khứ gia đình tôi từ hơn một thế kỷ nay vậy ngài có thể cho tôi biết hiện giờ chú của tôi ra sao không? Vì ba năm trong tù tôi như bị tách biệt hẳn khỏi thế giới.

- Chú của anh là một người phục vụ trung thành cho nhà vua đã xin từ chức sau cái chết của công tước Enghien, ông đã cùng hai em họ của anh sang sống ở nước Anh.

- Bao giờ thì tôi bắt đầu công việc?

- Anh mất bao nhiêu lâu để về nhà xếp sắp công việc của mình?

- Mọi việc của tôi sẽ nhanh chóng ổn thoả thôi vì tôi đoán chắc tài sản của mình đã bị xung công rồi.

- Tài sản của anh vẫn còn nguyên nếu quản gia nhà anh không lấy trộm. Anh sẽ thấy ba năm tiền tô tức trong ngăn kéo, ba trăm nghìn phăng, một khoản lớn ở nông thôn cho một anh thuỷ thủ đấy.

- Thưa ngài, sau những gì ngài nói, tôi mang ơn ngài rất nhiều. Tuy thế, tôi vẫn chưa nghĩ đến việc cảm ơn ngài. Xin hãy đặt địa vị của ngài vào hoàn cảnh đặc biệt bối rối của tôi đây và đừng cho tôi là kẻ bạc bẽo.

- Tôi không nghĩ anh sẽ là kẻ bạc bẽo khi nghe lời khuyên quý báu mà tôi để đến cuối cùng vì nó cực kỳ quan trọng.

- Xin ngài cứ nói.

- Anh đừng tòng quân vào hải quân Đế chế.

- Thế ngài muốn tôi đầu quân vào đâu?

- Hãy xin vào một tàu chặn đánh trên biển. Luật pháp vừa trưng dụng tất cả

các tàu chặn biển thành tài sản quốc gia, nếu phục vụ như một thuỷ thủ bình thường, anh sẽ không phải theo kỷ luật của chiến hạm. Trên tàu, khoảng cách cấp bậc cũng không rõ ràng lắm, anh có thể nhanh chóng làm thân với thuyền trưởng, tham gia chiến đấu cùng ông ta và nhanh chóng có được cấp bậc.

Khi trở thành bộ phận hải quân không thường trực trong hệ thống hải quân Quốc gia, thâm niên của anh sẽ được tính từ ngày đầu anh phục vụ cho bác của mình.

- Thưa ngài Fouché - Hector ngạc nhiên trước ưu ái lớn từ một con người có bề ngoài không mấy thân thiện này - Tôi phải làm gì cho xứng với sự quan tâm đặc biệt của ngài như vậy?

- Thú thật tôi cũng chẳng hiểu, bản thân tôi cũng không nhận ra mình nữa - Ngài Bộ trưởng cảnh sát đáp - Chỉ có điều tôi hay quan tâm đến những người thực sự thông minh, biết bộc lộ điều đó trong những hoàn cảnh khó khăn. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra với anh nhưng anh sẽ thấy một ngày nào đó, anh sẽ cảm ơn tôi với cương vị cao hơn hôm nay.

- Thưa ngài - Sainte-Hermine cúi mình nói - Ngay từ hôm nay, tôi sẵn sàng phục vụ ngài, ngay cả khi phải dùng mạng sống của tôi.

- Hôm nào tòng quân, đừng quên gửi cho tôi tên con tàu và số hiệu của anh trong thuỷ thủ đoàn, cả bí danh của anh nữa đấy, anh đã nói sẽ phục vụ dưới một cái tên khác, đúng không?

- Vâng, thưa ngài, cái tên Sainte-Hermine đã chết rồi.

- Với tất cả mọi người chứ?

- Với tất cả nhất là với người phải mang nó.

- Cho tận đến khi anh ta phục sinh với tước hiệu Tư lệnh hay Tướng quân, đúng không?

- Nhưng trước khi đến lúc đó, tôi hy vọng con người mà ngài kỳ vọng ấy được sung sướng và quên tôi đi.

- Tuy nhiên nếu con ông ấy hỏi tôi, với cương vị là Bộ trưởng cảnh sát, tôi

phải biết tất cả mọi chuyện, anh đã chết như thế nào thì tôi biết ăn nói sao đây?

- Ngài hãy đáp rằng tôi đã chết bằng tất cả niềm tôn kính mà tôi mang nợ ông ấy và bằng tất cả tình yêu của tôi.

- Anh được tự do - Fouché nói và mở cửa kèm theo hai tiếng vỗ tay.

Đám cảnh binh lui gót còn bá tước Sainte-Hermine cúi chào đi ra.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 49
Thành Saint-Malo

Nằm giữa một trong số những vịnh hằng hà vô số vịnh tô điểm dải bờ biển nước Pháp, từ Calais đến Brest, giữa vùng Normandie và Bretagne, giữa núi La Hague và mũi Tréguier, đối diện với những hòn đảo lâu đời như Jercey, Guemesey và Aungny, nổi lên trên một đảo đá, giống như cái tổ chim trên biển, là thành phố Saint-Malo nhỏ bé.

Ngày xưa, từ thời nguyên thuỷ khi mà Bretagne còn gọi là Armonque, nơi đây bị chia cắt bằng những cánh rừng và thảo nguyên trong đó có các đảo nhỏ bao quanh Saint-Malo và những hòn đảo kể trên cũng có thể thuộc vào số đó. Nhưng một trận địa chấn năm 709 trước công nguyên đã nhấn chìm một phần mũi này, kéo dài đến tận thượng miền mũi La Hague và Tréguier biến Saint-Malo thành một hòn đảo.

Những lần xâm chiếm của đám cướp biển Normand khiến vua Charlemagne phải nhỏ lệ trên linh sàng của mình. Chúng buộc dân cư quanh đó phải đi di trú đến đảo Saint-Malo. Từ năm 1143 đến năm 1152, giáo chủ Jean de Châtillon biến nơi này thành trụ sở giám mục sau khi truất quyền các linh mục từ Mannoutier.

Kể từ thời kỳ đó, một cuộc sống mới được hình thành: cô con gái của biển hoang này đã phát triển nhanh chóng dưới bàn tay của các thuỷ thủ tài ba và dưới sự lãnh đạo của đức giám mục cùng tập đoàn tu sĩ. Tổ chức này ưu tiên nguyên tắc cộng đồng và quyền dân tộc, phát triển dân cư bằng cách biến nơi đây thành miền đất tị nạn. Nó tạo thành một vùng Cộng hoà độc lập giữa miền Bretagne.

Quyền bất khả xâm phạm trên mảnh đất tị nạn đã cứu được mạng sống của bá tước Richemont trẻ tuổi khỏi nhà Lancastre, sau này trở thành vua dưới cái tên Henri VII. Ngoài ra còn có Edouard Đệ tứ vua đầu tiên của nhà York cũng đến cư trú trong nhà thờ Saint-Malo năm 1475.

Có một điều lạ lùng là ban đêm, khi thuỷ triều hạ, các con thuyền được một toán khoảng hai mươi tư con chó nhập từ nước Anh canh giữ.

Tập quán này được hình thành từ năm 1145 theo sự nhất trí của tập đoàn giáo sĩ và cả cộng đồng. Đội quân Anh này phục vụ liên tục đến năm 1770 vào thời điểm này, có một sĩ quan trẻ coi thường đội quân bốn chân vẫn nghênh ngang khi đã có lệnh giới nghiêm nên bị lũ chó xâu xé. Từ đó, hội đồng quyết định đầu độc chúng.

Về tường thành, người đảo Saint-Malo chỉ tin vào sự bảo vệ của chính mình. Đây là một câu chuyện dài đầy vinh quang được truyền tụng trên khắp các con tàu lướt trên sóng trước mũi tàu để vượt qua các chiến hạm Anh, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

Không một quốc gia nào lại có những cuộc chiến oanh liệt như cái dân tộc nhỏ bé mà người ta đi hết tường bao quanh thành chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ này.

Ngay từ năm 1234, người dân đảo Saint-Malo đã cày những lớp sóng bạc trên đại dương. Chính Matthiew Paris đã phải gọi họ là *những đội quân tinh lẹ trên biển.*

Saint Louis tiếp tục mở mang chiến công của những tay đua táo bạo này. Ông tập hợp họ, chiến đấu với tàu chiến Anh do đô đốc Dubourg chỉ huy. Viên Đô đốc Anh quốc bị đánh bại phải kéo quân về cầu cảng quân sự của mình.

Ngày tháng Tư năm 1270, Saint Louis lại tiếp tục cuộc thập tự chinh cuối cùng đội chiến thuyền Saint-Malo trung thành với lời kêu gọi đã đến nơi đúng hẹn ở Aigues-Mortes.

Chiến hạm Saint-Malo được vinh hiển cho đến trận Écluse thì chịu thua trước liên quân Anh và người Flamand. Người Malo thoả thuận với kẻ thù, nhưng khi công tước Jean de Montfort bị đuổi khỏi chính quyền và đi sống lưu vong tại Anh thì đảo Saint-Malo chịu sự cai trị dưới tay vua Charles Đệ ngũ. Thế là công tước Lancastre muốn chiếm toàn bộ Saint-Malo. Ông ta hy vọng có thể dựa vào lực lượng pháo binh của mình nhưng người dân Malo đã tập kích ban đêm hạ thủ những binh lính ẩn dưới hầm. Froissart cho rằng cuộc tấn công này khiến cho Lancastre và toàn bộ quân đội của ông ta phải hổ thẹn.

Công tước Jean, sau khi lấy lại đất phong của mình cũng muốn chinh phạt Saint-Malo. Nhưng người dân Malo đâu dễ để bị chiếm. Giống như đã đồng ý để vua Charles Đệ ngũ cai quản, họ tiếp tục đứng về phía vua Charles VI và bắt đầu dưới sự trị vì mới này bằng việc đưa thuyền tiến sang bờ biển nước Anh.

Ngày 25 tháng Mười năm 1415, giờ định mệnh trận Azincourt đã điểm. Nước Pháp thất bại. Công tước nước Anh chiếm lại Saint-Malo, dân chúng nơi đây đón nhận điều đó bằng việc treo cờ đốm lông chồn và mặc váy trắng.

Nước Anh thắng trận mở rộng việc cai trị trên toàn lãnh thổ Pháp. Cờ hiệu bay phấp phới trên đỉnh nhà thờ Notre-Dame và trên tất cả các pháo đài miền Normand. Chỉ duy nhất trên đỉnh đồi Saint-Michel, lá cờ ba bông huệ còn chống lại sự thất bại của chúng ta. Một con tàu đã cập bến đến nơi anh hùng ấy, giáo chủ Guillame de Montfort đã dội vũ khí lên đội hải quân Anh. Dù ít hơn về số lượng và tầm cỡ, những con tàu cột buồm đảo Saint-Malo vẫn đánh giáp mặt với tàu chiến Anh. Cuộc chiến đấu ấy vô cùng ác liệt và vô vọng. Cuối cùng chiến hạm Anh bị thua, hạm đội bị tiêu diệt. Trước lời reo hò chiến thắng của người Malo, nước Pháp thua cuộc đã phải ngẩng đầu ngạc nhiên và thở phào.

Người ta cứ tưởng tất cả phần lãnh thổ ấy của mình đã bị tuyệt diệt, còn Saint-Michel được cứu trợ nhân lực và thực phẩm kịp thời.

Ngày 6 tháng Tám năm 1425, vua Charles VII tuyên bố tàu thuyền Saint-Malo được miễn mọi áp đặt cữ trong vòng ba năm.

Quyền độc lập này lại được nhân lên gấp đôi nhờ vua François Đệ nhất của

Bretagne.

Năm 1466, với ý định khôi phục lại dân số ở Paris đã bị giảm trong cuộc chiến tranh công ích, vua Louis XI đã lấy mô hình tự do và miễn phạt của thành phố Saint-Malo để áp dụng cho Paris.

Vào năm 1492, cùng thời điểm Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ, người dân Saint-Malo cùng với người Dieppois và Biscaiens đã tìm ra đảo Đất Mới và vài vùng biển hạ lưu Canada.

Năm 1505, công chúa Anne, con gái của vua François Đệ nhị là vị hôn thê của ông hoàng xứ Gall (từng treo cổ chú mình là Gloucester) là người liên tiếp kết hôn với hai ông vua nước Pháp là Charles VIII và Louis XII đã đến Saint-Malo. Bà cho tiếp tục xây lâu đài đang dang dở mặc cho hội đồng linh mục phản đối. Để chứng tỏ ít khi phải chịu sự chống đối như vậy, bà ta cho khắc lên tháp pháo đài hướng vào thành lời thách thức "Bất kỳ ai phàn nàn! Việc sẽ là vậy! Đó là ý thích của ta!"

Cùng năm mà người dân Saint-Malo có được toà thị sảnh trên tức là có quyền tự trị của mình thì Jacques Cartier, tức Christophe Colomb của Canada ra đời. Đó là người đầu tiên mang về cho Saint-Malo loài cá quý hiếm tạo thành một nền thương mại làm giàu cho một phần ba châu Âu.

Kể từ đó, người dân Malo đi thám hiểm khắp nơi, họ theo chân Charles Quint đến châu Phi khi ông sắp lập ngai vàng Moulay Hassan, tức vua Tunis và trang bị vũ khí đi đến Đại Ấn sau người Bồ Đào Nha.

Một người Saint-Malo khác là phó giám mục Ébard đã dám mang gửi trả lại vua Henri VIII bản án ly khai mà Paul Đệ tam đã chống lại ông.

Cuộc chiến Anh - Pháp năm 1512 lại nổ ra rất ác liệt. Người Saint-Malo lại cầm vũ khí chống lại quân Anh đang đổ bộ trên đảo Cézembre, làm tiêu hao một số và buộc số khác phải lên tàu quay về.

Đến đời vua François Đệ nhất, trong cuộc chiến với Tây Ban Nha, ai là người ông kêu gọi giúp cho đô đốc Arinebaut? Chính là người Saint-Malo.

Cuộc thảm sát Saint-Barthélemy diễn ra nhưng người Saint-Malo từ chối tham gia nên không một giáo đồ Calvin nào bị sát hại ở Saint-Malo. Nhưng năm sau, khi xảy ra vụ Bell-Isle họ lại cầm vũ khí, chuẩn bị lực lượng đuổi Montgomery với cái giá sáu mươi mạng người trong số họ.

Người Saint-Malo trở thành liên minh cũng nồng nhiệt như cách họ làm những việc khác. Chẳng hạn khi họ được tin vua Henri Đệ tam bị sát hại và vua nước Pháp hiện tại là Henri Đệ tứ, cả thành phố tiếp nhận cả hai sự kiện bằng sự im lặng ủ ê. Chỉ riêng ngài Fontaine, người đứng đầu là bày tỏ mong muốn được đặt dưới quyền một ông vua thừa kế. Ngay lập tức, người Malo cầm khí giới thề rằng thành phố và nhân dân chỉ chịu sự quản lý khi "Chúa ban cho nước Pháp một ông vua theo đạo Cơ đốc" mà thôi.

Nhưng khi đến vua Henri Đệ tứ sớm bị truất ngôi. Không có tiền, đức vua không thể đến Bretagne đành chịu khuất phục công tước Mercoeur. Được tin, dân Saint-Malo lại giúp cho vua số đại bác, thuốc súng, tiền bạc như ngài yêu cầu. Họ góp 12 nghìn êcu vào khoản đó.

Thế mà cũng chính họ đã giết chết người đứng đầu toà lâu đài ông Fontaine, vì ông này phản bội lại lợi ích của họ, phản bội lại những gì họ dự đoán, ông ta nói rằng nếu vua Henri Đệ tứ muốn vào thành, ông ta sẽ tiếp ngài ở lâu đài. Nhưng như chúng tôi đã nói ở trên, chỉ khi vua Henri Đệ tứ bị truất ngôi, dân Malo lại trở thành người ủng hộ tin cẩn nhất của ngài, sẵn sàng bắt đầu một cuộc chiến chống lại quân đồng minh.

Cũng chính vua Henri Đệ tứ đã viết về họ rằng họ là "Những người trung gian thân cận, thẳng thắn và đứng đắn nhất mà người ta có thể mong đợi" và ngài cũng can thiệp với nữ hoàng Elisabeth chống lại bọn cướp biển Anh.

Khi bắt đầu thế kỷ XVII, Saint-Malo đã trở thành một miền biển phồn thịnh và lớn mạnh. Năm 1601, hai trong số tàu của họ là Le Croissant và Le Corbin đã đáp đến mũi Hảo Vọng. Năm 1603, ba tàu khác khởi hành "đi thông thương và phát hiện ra miền đất Canada và các xứ lân cận". Năm

1607, bá tước Choisy, cháu của công tước Montmorency được giao nhiệm vụ đi thám hiểm hàng hải với một đội gồm năm tàu lớn là L archange, Le Choisy L affection, L espnt và L ange. Ông đã nhắm Saint-Malo và coi những người ở đây là các thuỷ thủ giỏi nhất.

Sau khi vua Henri Đệ tứ bị sát hại, vua Louis XIII lên ngôi đã lập tức khẳng định bảo đảm cho người dân Saint-Malo được hưởng mọi đặc quyền như họ đã được hưởng từ cha mình. Ngài còn bảo vệ tàu của người Saint-Malo trong kỳ đánh bắt đến tận đảo *Đất Mới*.

Ngay cả giáo chủ Richelieu cũng coi trọng Malo trung thành khi ông quyết định đặt trụ sở tại La Rochelle. Lúc ông cần một đội thuỷ quân tương xứng với hạm đội của Buckingham thì ông chỉ có ba mươi tư tàu đánh cá voi. Thế là đảo Malo mang đến cho ông thêm hai mươi hai tàu nữa. Với số dân khoảng tám nghìn người, một thành phố nhỏ bé, một cảng khiêm tốn thế mà cảng Saint-Malo lại được chọn làm trụ sở của Bộ tư lệnh hải quân. Khi Richelieu qua đời, Mazarin lên thay ông ta. Năm 1649, chính quyền đã chọn tàu Saint-Malo để chuyển đến Canada một lượng lớn gái nhà chứa đến miền thuộc địa mới. Đến nơi, cô nào cũng tìm được chồng. Sau mười lăm ngày, không cô nào còn độc thân. Họ mang của hồi môn cho chồng là những con bò, lợn, gà, thịt muối, súng hay mười một đồng êcu.

Giá trị của người Saint-Malo là hiển nhiên đến nỗi các đô đốc có thông lệ chọn thuỷ thủ đoàn cho mình là người Saint-Malo. Ngay cả vua Louis XVL cũng đưa điều đó vào luật.

Lực lượng hàng hải của Saint-Malo bao gồm một trăm năm mươi thuyền buồm, sáu mươi chiếc dưới một trăm tấn, chín mươi chiếc từ một trăm đến bốn trăm tấn. Vào thời điểm đó, các tên tuổi lớn lần lượt xuất hiện. Từ năm 1672 đến 1700 phải kể đến Duffresse des Saudrais, Le Fer de La Bellière, Goin de Beauchesne (người đầu tiên đến mũi Horn), Alain Porée Legoux… Rất nhiều trong số các ngôi sao này đã tắt hoặc mờ đi, chỉ duy nhất còn một vì sao như thần Zeus đó là Duguay-Trouin.

Năm 1704, trong giai đoạn chiến tranh liên miên quá tàn khốc với nước Pháp, Saint-Malo đi chiếm 81 lần trong đó mua đi bán lại kiếm được

2.422.652 livre. Nó mở rộng thông thương đến Moka, chinh phục Rio-Janeiro, chiếm đảo Maurice, khiến đảo này mang tên đảo Pháp, mở mang thành trì, xây dựng tường thành Khi Duguay-Trouin qua đời, Mahé de la Bourdonais tiếp tục quản lý các đảo Pháp.

Trong thời kỳ chiến tranh dưới sự trị vì của vua Louis XV, cuộc chiến kết thúc bằng hiệp ước đáng hổ thẹn năm 1763, Saint-Malo đã chịu tổn thất nặng nề về thương mại. Mặc dù những hy vọng dưới triều vua Louis XVI dành cho nó, sự tăng trưởng luôn đi xuống. Trong cơn bão cách mạng từ 1794 đến 795 thì sự tăng trưởng trở về số không: Cuối năm 1793 nó chỉ còn đôi ba thuyền chở hàng và không có thuyền chặn địch nào.

Cuối tháng Sáu năm 1793, sự ra đi của thái thú Le Carpentier mới khiến Saint-Malo thở phào. Người ta lại có năm tàu chặn nhỏ, từ 1796 đến 1797, con số này đã tăng lên 30. Nhưng nhiều trong số đó chỉ được trang bị súng loe nòng và súng hoả mai. Năm sau, người Saint-Malo đã trang bị được 28 tàu chặn mới. Con số này duy trì đến tận hoà ước năm 1801 với nước Anh.

Nhưng như chúng ta thấy, hoà bình đó chẳng kéo dài được bao lâu. Ngay từ năm 1803, hiềm khích đã bắt đầu gay gắt.

Những anh hùng trong giai đoạn này phải kể đến Le Même, nhà Lejolif, nhà Tréhouart và Surcouf.

Cái tên cuối cùng ấy lại đưa chúng ta về với câu chuyện trong cuốn sách này.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 50
Quán trọ của chị Leroux.

Ngày 8 tháng Bảy năm 1804, khoảng mười một giờ trưa, mặc những đám mây nặng nề u ám kéo xuống rất thấp, gần như sát mái nhà như thể chúng vừa chui từ biển lên chứ không phải đáp từ trời cao xuống, một chàng trai trẻ khoảng 25 hay 26 tuổi ra khỏi làng Saint-Servan với một vẻ mặt dửng dưng trước thời tiết ấy rất rõ. Anh ta vừa đi tới đường Châteauneuf.

Suốt chặng đường ấy anh ta chỉ dừng lại để ăn trưa qua loa rồi lại đi qua những mỏm đá hoa cương tiếp tục con đường Boisouze, con đường ngày này đã biến mất nhường chỗ cho đường cái lớn.

Mưa bắt đầu xối xuống chảy thành dòng trên chiếc mũ da và chiếc áo thuỷ thủ cũng không làm anh chàng này rảo bước đi nhanh hơn. Anh ta đi với dáng vẻ nhẹ nhàng với một chiếc túi trên lưng. Biển hú gào đằng sau và cả phía trước nhưng anh không để ý đến biển; tiếng sấm lồng lộn trên đầu nhưng cũng không làm anh e ngại. Khi đến công trường xây dựng, quang cảnh mở ra trước mặt anh, dù rất đáng sợ, cũng không thu hút sự chú ý của anh.

Anh chàng ấy đã đi đến cuối con đường Sillon giao với trại Rocabey. Sillon chỉ là một con đê chắn sóng hẹp được dựng lên chặn giữa eo Manche và vịnh nội địa, nó nối Saint-Malo với Saint-Servan.

Con đê chắn sóng này cao khoảng ba mươi bộ và rộng gần tám bộ. Mỗi lần những con sóng dồn đến đều va vào nó rất mạnh, những đợt sóng chùm lên nó như một mái vòm để ụp vào bãi biển đằng sau với tiếng động ghê sợ

trong vịnh. Mỗi khi gió và biển quay cuồng trên eo biển Manche rất đỗi nổi loạn này thì hiếm có người nào dám mạo hiểm đi trên con đường hẹp đó. Người ta đã kể không chỉ người mà cả ngựa cả xe ngựa đã từng bị hất vào vịnh. Cho nên tốt nhất, mọi người chờ đến khi trời đẹp mới đi qua Sillon Thế nhưng anh chàng này vẫn đều bước chân trên con đường ấy. Hai lần trước khi anh kịp đi qua, biển như một con quái vật hai đầu há cái miệng rộng như muốn ngốn ngấu anh ta, đập những đợt sóng khổng lồ như muốn nuốt chàng nhưng anh chàng đó vẫn không vội vàng hơn và khi đến lâu đài anh ta mới đi nép vào tường bao, bức tường dù không ngăn được mưa nhưng cũng chắn bớt sóng và gió.

Chỉ khi nước ngập đến đầu gối, kẻ lữ hành của chúng ta mới đến chân cầu cất để đi vào thành phố. Đến nơi, anh ta dừng lại để xác định hướng rồi đột ngột rẽ trái và nhanh chóng đi đến một quảng trường nhỏ nơi ngày nay là quán cà phê Franklin. Đến đây, anh chàng này như thể nhận ra liền rẽ vào phố nối quảng trường Beune với phố Traversière sau đó thì bị lạc trước các phố chằng chịt, phố rộng nhất chỉ hơn hai mét. Nhìn thấy một thuỷ thủ đang trú mưa cạnh một cánh cổng, anh vào hỏi:

- Này anh bạn, anh có thể chỉ cho tôi quán trọ của chị Leroux ở đâu không?

- Quán Chiến thắng chứ gì? - Người thuỷ thủ hỏi.

- Quán Chiến thắng - Kẻ lữ hành đáp.

- Anh có biết in tiền không anh bạn? - Người thuỷ thủ hỏi.

- Chỉ nghe tên thôi.

- Quỷ tha ma bắt? - Người thuỷ thủ nói.

- Có điều gì không chắc sao?

- Ồ có chứ, chỗ đấy thì dễ lắm nhưng để đến đó phải có cái túi đầy!

- Cứ chỉ chỗ cho tôi, nếu anh muốn ăn tối với tôi, chúng ta sẽ cùng uống chai vang hảo hạng ở đó và sẽ ăn món đùi cừu nuôi ở đồng cỏ mặn.

- Sẵn sàng thôi - Người thuỷ thủ nói - Chẳng tội gì phải từ chối một người bạn. Tôi gọi anh ta là ai nhỉ?

- René - kẻ lữ hành đáp.

- Hay lắm. Mấy giờ?

- Bảy đến tám giờ tối nếu anh muốn. Nhưng tôi thấy anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.

- Câu hỏi gì?

- Tôi hỏi anh đường đến quá trọ của chị Leroux.

- Cách đây hai chục bước thôi - Người thuỷ thủ nói - trên phố Traversière anh sẽ thấy biển hiệu, nhưng đừng quên để được chào đón ở quán. Chiến thắng, trước tiên phải dốc túi vàng lên quầy và nói: "mang đồ ăn và đồ uống cho tôi, có tiền trả đàng hoàng".

- Cảm ơn lời khuyên bổ ích - Kẻ lữ hành đáp rồi tiếp tục lên đường.

Lần này nhờ có sự chỉ dẫn, anh chàng của chúng ta đi hai chục bước đã thấy một ngôi nhà rất lớn trên cửa có sẵn một biển hiệu có hình con thuyền ba cột buồm và dòng chữ "*THUYỀN CHIẾN THẮNG"*.

Kẻ lữ hành lưỡng lự một lát mới bước vào, chưa bao giờ có tiếng ồn ào lại làm anh e dè đến thế. Đó là sự hoà quyện của những tiếng la ó, tiếng chửi rủa, mắng nhiếc, bông đùa. Những âm thanh mà chỉ trực tiếp thấy người ta mới có cảm nghĩ được.

Chiếc thuyền chặn thuyền buôn của địch vơ vét được hai thuyền có tên là Niquet, đối thủ của Surcouf, vừa về cách đó vài ngày và mới chia chác cho các thành viên hôm qua. Chưa ai kịp tiêu hết những tất cả số họ đang thực hiện công việc đó với lòng nhiệt tình giống như cả thành Paris xuất hiện trước những ai sắp kiệt sức. Trận mưa gớm ghiếc mới đây càng khiến họ tụ tập đông đủ trong quán. Tất cả các xe ngựa treo ruy băng đi dạo, đàn ca, sáo nhị hay những bữa tiệc phù phiếm bị dang dở đều tập trung vào hết tám khách sạn lớn trong thành phố Saint-Malo. Những ai chưa tìm được chỗ trú mưa sang trọng thì nép tạm ngoài hiên các mái nhà trên phố nhỏ hay trong các quán hạng xoàng nơi thuỷ thủ hay lui tới.

Anh chàng lữ hành thật sai lầm khi lưỡng lự vào quán vì chẳng có ai để ý đến anh. Ai cũng mãi bận rộn với việc riêng của mình chẳng hơi đâu mà nghĩ đến việc của người khác. Kẻ uống người hút, kẻ chơi thò lò, người chơi bài lá. Hai bàn bi a lôi kéo không chỉ hai mươi lăm hay ba mươi người chơi mà còn năm sáu chục khán giả trèo lên ghế, lên bàn, lên quầy để xem. Giữa cái cảnh xô bồ, nơi tiếng bạc loảng xoảng trên mặt bàn đá cẩm thạch ngự trị ấy, người nào cũng mải với suy nghĩ của mình. Những giữa một đám ồn ào như vậy, người ta khó lòng theo đuổi suy nghĩ của mình được đến cùng, nhất là trong tình trạng nửa tỉnh nửa say, họ nói bô bô những gì mình nghĩ cho những người xung quanh dù họ chẳng bận tâm và ngay cả người nói cũng không cố gắng bắt người khác nghe làm gì.

Anh chàng thuỷ thủ của chúng ta len lỏi trong đám sương mù mờ mờ ảo ảo trong các phòng rộng nhà chị Leroux, trong đó có cả lớp khói phả ra từ những lồng ngực quá chén và làn hơi bốc lên từ những bộ quần áo đẫm nước mưa. Anh hỏi nhưng không ai trả lời anh, anh đi tìm chị Leroux mà không có ai chỉ cho anh.

Cuối cùng anh cũng nhận ra và tiến lại phía chị ta. Về phần mình, bà chủ quán cũng thấy một khuôn mặt mới không để lộ nụ cười say ngất ngưởng nên cố gắng len lại phía anh.

Chị Leroux là một phụ nữ thấp béo khoảng ba mươi tuổi. Chị có nụ cười khêu gợi, ngôn từ khá lả lơi và cử chỉ quyến rũ. Nhưng trong trường hợp cần thiết, chị hoàn toàn biết cách cởi bỏ vẻ bề ngoài ấy mà khước từ những ham muốn của khách hàng với chị.

Khi ấy, chị vòng hai cánh tay tròn lẳn, bàn tay chống nạnh vào hai bên hông, chị mở to đôi mắt cất giọng vang như sấm và hai bàn tay vỗ vào nhau nhanh như tia chớp. Tuy thế khỏi cần phải nói, chị tiến đến chỗ vị khách mới bằng vẻ mặt của những ngày đẹp trời.

- Thưa bà, - Chàng lữ khách cất giọng dịu dàng và có cử chỉ lịch lãm như đang đứng trước một quý bà ở Saint-Germain - Cách đây ba ngày, bà có nhận được hai chiếc rương và một két bằng gỗ có địa chỉ của công dân René, thuỷ thủ kèm theo một lá thư đặt trước một phòng không?

- Có có chứ - Chị Leroux đáp - Phòng đã sẵn sàng nếu ngài muốn đi theo tôi, tôi sẽ rất vui sướng được tự mình đưa ngài đi.

René gật đầu đồng ý rồi đi theo chị Leroux lên cầu thang đến phòng số 11. Đến đây, anh nhận ra hai chiếc rương và cái thùng gỗ quen thuộc đang chờ mình. Đối diện lối giao nhau, bà chủ thông lịnh đã chuẩn bị sẵn một cái bàn, giấy và mực. Một người có hai chiếc rương và thùng gỗ loại tốt thế kia hẳn phải viết lách gì đó chứ.

- Công dân sẽ ăn dưới nhà hay cho dọn trong phòng này? - Chị Leroux hỏi.

René nhớ lại lời khuyên của người thuỷ thủ nọ liền thọc tay vào túi lôi ra một nắm đồng *louis* đặt lên bàn.

- Tôi muốn được dọn ăn trên này, và chuẩn bị thật chu đáo - Anh nói.

- Ngài sẽ được như vậy, sẽ như vậy - Chị Leroux ngoác miệng nở nụ cười yêu kiều nhất có thể.

- Tốt hơn, nhân đây hãy đốt cho tôi một đống lửa lớn vì tôi đang lạnh đến tận xương đây. Bữa ăn tối dọn lúc năm giờ, hai bộ đồ ăn, một anh chàng sẽ đến hỏi người có tên là René, đó là tôi, bà hãy chỉ phòng tôi cho anh ta. Nhất là phải chuẩn bị rượu vang ngon đấy!

Năm phút sau, ngọn lửa ấm áp đã cháy bùng trên phòng số 11.

Vừa được ở một mình, René đã trút bộ quần áo sũng nước, lấy trong túi một bộ quần áo giống hệt như cũ rồi làm vệ sinh cẩn thận, nhưng chỉ trong khuôn khổ trang điểm của một anh chàng thuỷ thủ mà thôi.

Một lúc sau, cơn giông đã tan rất nhanh như cơn bão mùa hè. Nền gạch khô nhanh, bầu trời lại lấp ló những mảng xanh lơ.

Ngoài mấy giọt nước còn lã chã rơi từ các mái nhà xuống, cô nàng thiên nhiên lại tươi cười sẵn sàng ve vuốt đám con của mình như một bà mẹ vừa nổi cơn tức giận. Đây đó, người ta lại nghe những tiếng thét lanh lảnh rất khó xác định nguồn gốc. Lúc thì là tiếng rền rĩ đau đớn khi lại là tiếng cười ré lên sung sướng tột độ.

René mở cửa sổ và nhìn thấy một khung cảnh mà anh không thể tưởng tượng. Một thuỷ thủ mới kiếm được hai nghìn đồng bạc cho lần chặn tàu vừa rồi đã đến đây để tiêu xài. Những không biết làm gì với chỗ còn lại, anh ta tìm cách cho các đồng bạc vào chảo đun nóng đỏ lên rồi ném vào đám người hiếu kỳ đứng ngoài cửa.

Họ đổ xô lại nhặt, nhưng những người đầu tiên chạm vào đều giãy nảy, kêu lên đau đớn. Một vài người chờ đồng bạc nguội đi mới đến nhặt cho vào túi nên cười ré lên sung sướng.

Trong đám người hiếu kỳ ấy, René nhận ra người thuỷ thủ ban sáng. Cũng chỉ một tiếng nữa là đến bữa tối. Ban đầu, anh tưởng mình còn thời gian để đến thăm Surcouf ngay trong ngày nhưng sợ không được bình tĩnh nên anh lui chuyến thăm ấy lại đến sáng hôm sau. Vả lại, hà cớ gì anh phải cáu giận khi được một thuỷ thủ thuộc tầng lớp dưới cho anh thông tin về con người dị kỳ anh sắp đến gặp? Thế là anh ra hiệu cho người bạn kia đến gặp mình. Vì người khách còn phải len qua đám đông chật ních dưới nhà nên René kịp rung chuông cho mang xì gà, thuốc lá và một bình rượu lên.

Các đồ vật ấy vừa được đặt lên bàn thì người thuỷ thủ nọ cũng bước vào. René tiến đến, chìa nắm tay ra bắt rồi chỉ cho anh ta chiếc ghế cạnh bàn.

Con người này bắt đầu biết nhìn căn phòng mà anh ta thấy khá sang trọng cho một thuỷ thủ quèn: một chai rượu, xì gà và thuốc ngon đủ khẳng định cho anh ta biết vẫn còn bữa tối nữa đang chờ.

- Chà chà? - Người thuỷ thủ nói - Có vẻ ở quê cũng không tệ lắm nhỉ. Hai bộ đồ thuỷ thủ, sang thật đấy! Tôi ấy à, trong suốt mười năm chạy thuyền, mỗi lần quần áo ướt tôi đều để nó tự khô trên lưng, tôi chưa bao giờ đủ giàu có để mua hai bộ liền.

- À điều khiến anh nhầm lẫn đó là nơi tôi ra khỏi nhà tôi và vùng quê tôi làm việc sẽ là vùng quê đầu tiên của tôi. Chỉ có điều tôi có thành ý muốn học hỏi: tôi không sợ nguy hiểm, tôi sẵn sàng hoặc hy sinh hoặc đi tiếp. Người ta đã nói với tôi có hai, ba tàu trang bị vũ khí chuẩn bị cuộc đua là *Leth, Saint-Aaron và Revenant*. *Leth* có Niquet chỉ huy, *Saint-Aaron* có Angenard còn *Revenant* có Surcouf, anh sẽ chọn tàu nào?

- Lạy Chúa! Mánh hay đấy! Đã chọn rồi.

- À thì đi biển tiếp vậy.

- Tôi ghi tên từ hôm qua.

- Cái nào trong số ba thuyền trên?

- *Revenant*.

- Đó là cái chạy hay nhất chứ?

- Sao mà biết được vì nó còn chưa hạ thuỷ. Với Surcouf, hoặc là thuyền phải chạy hoặc nó phải nói lý do. Xà lan Surcouf cũng cho chạy được nữa là.

- Anh có vẻ tin tưởng Surcouf nhỉ?

- À hẳn rồi. Đây không phải là lần đầu tôi đi biển cùng ông ta. Chúng tôi đã từng cho quân Anh một vố trên chiếc *Confiance*, chúng tôi còn cho tay John Bull vào đó nữa chứ!

- Anh bạn có thể kể cho tôi vài vòng hay ho đó không?

- Nhiều lắm, phải chọn xem cái nào.

- Tôi nghe đây.

- Chờ tôi nhớ lại đã! - Chàng thuỷ thủ nọ nói.

Rồi anh ta hành động cho xứng với sự chú ý cần thiết bằng cách rót một tý rượu vào ly, uống cạn một hơi, ho hai lần rồi mới bắt đầu kể:

Lần ấy, chúng tôi theo đòng ở gần đảo Ceylan. Mùa làm ăn mở đầu không mấy suôn sẻ. Mới đến nhổ neo ở Saint-Anne, một chiếc thuyền độc mộc đã bị lật úp và ba người trèo xuống đó đã bị cá mập nuốt chửng. Ở khu vực ấy, chỉ cần ở lâu dưới nước là thành mồi cho chúng ngay lập tức.

Chúng tôi đang ở phía đông đảo Ceylan. Khi tiến đến vịnh Belgale thì vận may liên tiếp mỉm cười với chúng tôi: Chưa đầy một tháng, chúng tôi chặn được sáu tàu tuyệt vời, chất đầy hàng quan trọng. Với một tàu buồm như *Confiance*, với thuyền trưởng như Surcouf, chúng tôi được phép lại vọng thành công không chỉ dừng lại ở đó.

Thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp những tàu tuần tra lớn của Anh và chúng tôi phải bỏ chạy, điều này cũng ảnh hưởng đến lòng tự ái dân tộc của chúng tôi chút ít. Nhưng buồm căng mạnh và tàu chạy nhanh quá. Ngay cả khi rút chạy chúng tôi vẫn có cảm giác kiêu hãnh khi thoát được bọn Anh một cách dễ dàng. Chúng tôi đi như vậy gần một tuần mà không gặp đối tượng nào nữa, thì vào một buổi sáng đẹp trời, người đứng gác kêu to: "Có tàu!"

- Đâu? - Surcouf nghe thấy từ khoang của mình liền nhảy lên boong. - Nó có to không?

- Khá to, đến độ *Confiance* không thể nuốt ngay nó trong miếng đầu tiên.

- Chẳng sao! Nó đi hướng nào?

- Không thể xác định được vì nó đứng im.

Lập tức tất cả ống nhòm và mọi con mắt đều đổ dồn về phía mục tiêu. Quả nhiên người ta nhìn thấy một hình kim tự tháp hiện lên trắng mờ qua lớp sương mù dày đặc. Sương ở đây rơi từ đêm và cho đến sáng hôm sau vẫn còn ôm ấp các con tàu.

Chiếc tàu kia có thể là một tàu tuần tra. Nếu nó là tàu chiến, không sao, chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi, còn nếu là tàu buôn, chúng tôi sẽ tiếp cận nó.

Chúng tôi chỉ cách nó gần hai dặm. Dù khó xác định tiềm lực của một con tàu với dáng vẻ bề ngoài nhưng dù sao chúng tôi cũng bắt đầu nhận định…

Đúng lúc đó thì nhà trọ báo đã chuẩn bị xong bàn ăn và bữa tối đang đợi hai thực khách. Hai người đồng hành mới rất vui khi được hàn huyên với nhau, nghe nhau kể chuyện. Lời thông báo có hiệu quả thần kỳ và cả hai đứng dậy, lát sau lại tiếp tục câu chuyện.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 51
Những người Anh giả mạo

Gã chủ quán trọ Leroux bị mê hoặc trước nắm tiền vàng lấp lánh giữa những ngón tay của ông khách, vì không muốn quấy rầy anh ta, nên chị ta cho chuẩn bị bữa tối ở phòng bên cạnh. Bàn ăn chất đầy sò huyết, ba loại ly có hình dạng khác nhau được đặt cạnh bò đồ ăn bằng bạc lộng lẫy, kèm theo hai chai rượu vang Chabli. Tất cả đều toát lên vẻ tiện nghi bậc nhất. Anh chàng thủy thủ lâu năm dừng lại trước cửa vừa ngắm nhìn vừa nở nụ cười mãn nguyện trước khung cảnh bày ra trước mắt.

- Ái chà - Anh ta nói - Nếu anh lên thuyền với hy vọng trên boong ngày nào cũng thế này thì anh nhầm to rồi anh bạn trẻ ạ. Dù ở với Surcouf cũng sang lắm nhưng thông thường ở đó người ta chỉ ăn hạt đậu khô nhiều hơn món gà rô ti.

- Có sao đâu, khi có hạt đậu, ta ăn hạt đậu nhưng trong khi chờ đến lúc đó, vì ở đây có sò huyết, ta cứ ăn sò huyết thôi. Mà còn điều này nữa, anh đã biết tên tôi mà tôi lại chưa biết gọi anh là gì. Điều này làm tôi khó xưng hô trong lúc nói chuyện. Anh tên là gì thế?

- Saint-Jean. Trên tàu người tạ gọi tôi là Grand-Hune vì tôi là người lo đài cột buồm. Đó cũng là vị trí chiến đấu của tôi.

- Hay lắm, Saint-Jean. Một ly Chabli chứ?

- Cái này không làm chệch đường đâu, tôi đảm bảo đấy.

Saint-Jean chìa ly ra rồi uống cạn.

- Quỷ tha ma bắt - Anh ta nói sau khi uống xong - Tôi coi loại này chỉ nhẹ như rượu táo thôi. Rót cho tôi ly nữa, anh bạn để tôi tạ lỗi với ly thứ nhất vì không khách sáo với nó.

René không từ chối, anh muốn Saint-Jean nói càng nhiều càng tốt còn mình thì ngược lại. Chuyện này kể ra cũng không khó.

Sau rượu vang Chabli là đến vang Bordeaux, vang Bourgogne và cuối cùng là Champagne. Về phần mình, Saint-Jean tỏ ra thoải mái và tự nhiên, điều đó chứng tỏ anh ta là người bộc trực. Khi đến món tráng miệng, René nói;

- Tôi nghĩ đã đến lúc kể nốt câu chuyện của chúng ta. Làm thế nào mà Surcouf…

- Hồi nãy, trước khi vào bàn ăn, chúng ta đang dừng ở chỗ hai tàu cách nhau chỉ hai dặm. Tôi đứng ở vị trí của mình trên cột buồm, nhìn qua ống nhòm, tôi đoán viên thuyền trưởng của tàu chúng tôi tiếp cận có một dàn pháo ngầm, cánh buồm làm theo kiểu Anh. Vấn đề chỉ là xem thực lực của nó thế nào. Trong lúc tôi và thuyền trưởng đang bàn bạc thì vị trí của *Confiance* thay đổi do gió ban đầu thì thổi nhẹ nhưng chỉ một lát nó đã đẩy thuyền đi đến bốn hải lý một giờ. Để xác định cụ thể đối thủ là ai, chúng tôi hạ cánh buồm nhỏ xuống. Lần này con tàu kia cũng làm theo y như chúng tôi. Giá nó không to hơn tàu của tôi có lẽ có thể coi nó là cái bóng của chúng tôi vậy. Tuy nhiên, vì khoảng cách nên hai tàu không thể đánh giá nhau được. Sau khi chạy được một lát ở vận tốc cũ, *Confiance* dừng ba phần tư mạn trái: chiếc tàu bí hiểm kia cũng lặp lại y hệt hành động ấy. Chúng tôi lại ở vị trí nghiêng, điều khiến chúng tôi hoàn toàn không đoán chắc được gì vì có rất nhiều bao và thùng chắn bệ pháo từ đầu này đến đầu kia.

- Anh bạn có biết không - Saint-Jean nói tiếp - Đã có bà tiên mà người ta quên không mời tới dự lễ rửa tội cho Surcouf, đó là bà tiên Kiên Nhẫn. Vả lại, cả đội ai cũng bực tức như thuyền trưởng. Chiếc tàu lạ kia sẽ gặp bất hạnh nếu nó cùng cỡ như chúng tôi và để chúng tôi áp sát.

Càng đến gần, *Confiance* càng tận dụng được lợi thế chế tạo tuyệt hảo của nó. Tuy nhiên, vì hành động này vô cùng nguy hiểm cho việc mở đầu một cuộc chiến nên cuối cùng chúng tôi vẫn chạy sao cho có thể thoát hiểm trong trường hợp cực kỳ cần thiết.

Surcouf đến ngồi cạnh tôi và nói:

- Nhờ trời chỉ một lát nữa chúng ta sẽ biết liệu con tàu buồm này chơi ngay hay gian. Tối là con sói biển đây, đừng hòng ai dễ dàng qua mặt tôi. Tôi biết mọi mánh khoé gian xảo của lũ cướp tàu buôn. Tôi lại chẳng thấy chúng với

cái mẽ bề ngoài ấy à, cả những thuyền trưởng trong nghề đang cố doạ kẻ nào săn đuổi chúng bằng cách giả vờ cũng muốn tham chiến!

Surcouf mải mê với những suy nghĩ ấy đến mức không hề lưỡng lự cho *Confiance* chạy vượt lẳn lên. Chuyện này chẳng đáng cười tí nào vì nếu nhầm, chúng tôi sẽ có nguy cơ ăn đạn và gặp nguy to.

Surcouf hạ một cột buồm cho vải buồm trượt xuống boong sau đó tiến nhanh về phía thuyền phó.

- Mẹ kiếp - ông ta nói và giậm chân xuống sàn - Tôi vừa mắc sai lầm lớn, lẽ ra tôi phải chờ xem cho rõ sức mạnh và bước đi của bọn Anh đã.

Rồi Surcouf vỗ bồm bộp vào đầu, ném mẩu xì gà ra xa, lát sau ông ta mới bình tĩnh trở lại.

- Đây là một bài học, tôi sẽ tận dụng nó.

Sau đó ông ta với ống nhòm theo dõi con tàu nọ đến năm phút rồi ẩn các ống đồng lại và gọi đoàn thủy thủ.

- Tất cả lên boong nhận lệnh!

- Chúng tôi vội vã quây quanh ông ta.

- Nhờ Chúa? Đến giờ mọi nghi ngờ của tôi đã sáng tỏ. Các anh là những người đàn ông chứ không phải con nít nên việc gì phải nhận dấu phát hiện của tôi? Hãy nhìn rõ cái tàu Anh kia, nó đúng là một thuyền chiến ba cột buồm.

- Một thuyền chiến, quỷ tha ma bắt!

- Các anh có biết thuyền chiến đó là gì không? Đó là thuyền Sibylle, một cái tên thần thánh? Chúng ta phải cố hết sức mới thoát được khỏi ả điệu đà này. Dẫu sao tôi cũng không là một kẻ ngốc tôi chỉ cho *Confiance* áp sát, tôi tò mò muốn biết nó bắt kịp chúng ta như thế nào? Chà chà! - Ông ta nói tiếp tay nắm chặt lại còn hàm răng nghiến vào nhau ken két - Giá mà tôi có thể chia đôi cơ thể của mình, lạy Chúa! Dù điều này chẳng mang lại cho tôi điều gì, tôi vẫn sẽ ngông nghênh nói vài câu chuyện cười trong vài phút với bọn Anh, nhưng còn mọi người trong đoàn, tôi không thể mạo hiểm, như thế sẽ

hy sinh *Confiance* mà không hy vọng lợi lộc gì; tốt nhất là phải lừa bọn Anh. Thấy không, mẹo này có hay không?

Surcouf ngồi lùi lại đuôi tàu, ngả đầu mình vào hai bàn tay, ông ta suy nghĩ mông lung một hồi. Năm phút sau, ông ta đã tìm ra điều mình cần. Lúc này chúng tôi chỉ cách nửa tầm đạn đại bác.

- Mang quân phục Anh ra đây! - ông ra lệnh.

Trong mấy lần cướp gần đây, chúng tôi kiếm được mười hai thùng quân phục người Anh vận chuyển sang Ấn Độ. Linh cảm số đồ này có thể sẽ được dùng đến một lúc nào đó nên Surcouf cho giữ lại.

Vừa nghe Surcouf nói mang quân phục Anh ra, mọi người đã hiểu và nụ cười lần lượt thay thế nỗi lo âu trên tất cả các khuôn mặt. Người ta lôi thùng quần áo ra, năm phút sau trên tàu toàn là người Anh.

Mỗi người mạnh ai nấy mặc, anh chàng người Anh thật sự vốn là thông ngôn cho chúng tôi thì mặc bộ đồ thuyền trưởng, Surcouf chỉ mặc bộ đồ thủy thủ bình thường đứng cạnh anh ta sẵn sàng thì thầm những câu phải dịch.

Một trung uý của chúng tôi, một người rất can đảm tên là Bléas, đội chiếc mũ sĩ quan đứng cạnh Surcouf.

- Tôi xin chờ lệnh thuyền trưởng - Anh ta nói - Tôi hy vọng ngài đồng ý cho tôi vượt cấp một tí.

- Nhìn cậu đẹp trai lắm - Surcouf vừa nói vừa cười - Chỉ có điều giờ không phải lúc đùa. Hãy thật chú ý, Bléas. Vì nhiệm vụ tôi giao cho cậu cực kỳ quan trọng. Có hai lý do để cậu làm việc này, thứ nhất cậu là cháu của chủ tàu *Confiance*, thứ hai cậu nói tiếng Anh thông thạo vả lại tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự gan dạ, trí thông minh và bình tĩnh của cậu.

- Thưa thuyền trưởng, tôi chỉ có thể nhắc lại điều tôi vừa nói, tôi xin chờ lệnh ngài.

- Cảm ơn Bléas. Cậu sẽ lên một chiếc xuồng và bơi lại gần thuyền Sibylle.

Chỉ mười phút ngài sẽ thấy tôi lên boong của nó.

- Ồ chúng ta không lên đó - Surcouf nói - Không đơn giản thế đâu Trong năm phút tôi muốn thấy xuồng của cậu bị thủng đầy nước.

- Tôi cũng muốn thấy nó đầy nước, tôi muốn tôi cùng nó, tôi muốn thấy mình bị cá mập đớp trong lúc tôi đang bơi. Nhưng trước hết tôi muốn biết làm sao tất cả những điều ấy có thể cứu được *Confiance*.

- Cậu tin là tôi không muốn làm hại cậu chứ, Bléas?

- Ồ hoàn toàn tin thưa thuyền trưởng.

- Nếu thế thì đừng yêu cầu tôi giải thích.

- Với tôi thế thì xong nhưng còn những người đi cùng tôi thì sao?

- Cậu cứ yên tâm, họ sẽ đóng vai tốt hơn khi không biết trước gì cả. Sẽ không ai bị nguy hiểm, cả cậu và họ: Đừng sợ bị bắt làm tù binh, tôi sẽ chuộc cậu về bằng cả năm chục tên người Anh. Khi thành công, tôi sẽ thưởng lớn cho cậu và người của cậu.

- Ồ về điều đó thì thưa thuyền trưởng…

- Thôi nào, vàng sẽ mang lại may mắn, cậu hiểu chưa?

- Hoàn toàn hiểu.

- Đừng nhảy xuống nước.

- Nhưng nếu không thì chúng tôi sẽ chết đuối à? - Bléas sững sờ kêu lên.

- Không đâu, nhưng ngay khi nước ngập đến mắt cá, hãy quay về phía tàu Sibylle mà kêu cứu bằng tiếng Anh, thoả thuận thế nhé?

- Vâng, thoả thuận như vậy, thưa thuyền trưởng.

- Nào, bắt tay nào rồi chúng tôi sẽ chuyển ca nô đến.

Sau đó ông quay sang người giữ xuồng.

- Kernoch, cậu tin tôi đúng không?

- Dù sét đánh ngang tai! Tôi tin ngài chứ, tôi biết điều đó mà.

- Tốt lắm, đừng ngại gì cả, hãy uống ly rượu vang này vì sức khoẻ của tôi rồi cầm lấy mũi dao xoắn này, khi đi được nửa đường hãy đâm hai, ba nhát vào đáy xuồng để nó ngập nước vào.

Sau đó Surcouf ghé vào tai Kernoch còn tay luồn vào túi anh ta nói thì thầm vài câu và thả cuộn giấy vào trong túi.

- Không cần đâu - Kernoch nói - Chẳng để làm gì thuyền trưởng ạ!

- Thế cậu không ôm hôn tôi à?

- Sao lại thế, rất vui là đằng khác. - Người thủy thủ ấy đáp.

Rồi anh ta tống vào miệng mình một miếng thuốc nhai to như quả trứng gà, ghé vào hai má Surcouf hôn chùn chụt, kiểu hôn mà người dân quen gọi là nụ hôn vú nuôi.

Một lát sau, chiếc xuồng do Bléas chỉ huy đã được đưa xuống nước. Vì đến gần, *Confiance* hạ tất cả buồm trừ các cánh buồm ngang trên đài sau đó hãm mạn trái lại giả như bị hỏng. Về phần mình tàu Sibylle cũng làm tương tự áp sát lại. Chúng tôi đã phát hiện ra những ổ nòng súng được nguỵ trang rất khéo.

Vừa thấy chúng tôi sáp lại, viên thuyền trưởng tàu Anh hỏi chúng tôi từ đâu đến và tại sao lại sáp lại gần với nhiều buồm như vậy.

Người thông ngôn dịch lại lời thì thào của Surcouf đáp rằng chúng tôi vừa nhận ra Sibylle vì sự cải trang của nó rằng chúng tôi vội vã lại gần như vậy là có tin tốt lành báo cho thuyền trưởng.

- Tin gì thế - Thuyền trưởng tàu Anh cho người hỏi lại.

- Tin này có thể giúp ngài thăng thêm cấp bậc cao hơn - Viên thông ngôn lạnh lùng đáp.

Khi nói câu nói này, Surcouf đã chứng tỏ ông hiểu rõ tâm lý con người. Người nào được báo tin vui hiếm khi nghi ngờ tính xác thực của người thông báo nó. Người ta có thể nhìn thấy vẻ nghi ngờ biến mất trên nét mặt của thuyền trưởng tàu Anh. Tuy thế hắn vẫn lắc đầu.

- Lạ thật, nhìn thuyền của các anh sao giống thuyền cướp biển của Pháp thế.

- Quả là có một chiếc như vậy - Viên thông ngôn nói lại - Một chiếc nổi tiếng nữa là khác - Chúng tôi gặp nó ven Gascogne. Nhưng vì các tàu chặn Bordeaux là những kẻ chạy nhanh nhất thế giới nên chúng tôi đành đuổi theo, nhờ Chúa, hy vọng chúng tôi đuổi được và bắt sống Surcouf.

Trong lúc cuộc nói chuyện giữa người thông ngôn và thuyền trưởng tàu Anh đang diễn ra thì những người trên xuồng bắt đầu kêu cứu rất tuyệt vọng mà quả thực nó đang ngập chìm trong nước.

Lập tức chúng tôi hô hoán, xin chiếc tàu chiến kia gửi người cứu thủy thủ của chúng tôi vì thuyền cứu hộ của chúng tôi bị hỏng nên không thể xuống nước được. Theo luật hàng hải cao nhất, nhiệm vụ đầu tiên của thủy thủ là phải cứu chữa người không may đang gặp nguy hiểm dù là bạn hay thù. Thế là những chiếc ca nô lớn được tàu Sibylle thả xuống để cứu Bléas và thủy thủ của anh ta.

- Hãy chỉ cứu thủy thủ của chúng tôi thôi - Viên thông ngôn hét lên - Về chúng tôi, chúng tôi sẽ lên bộ rồi sẽ quay lại đón họ và cả ca nô.

Để thực hiện lời nói đó, *Confiance* hạ cột buồm mũi, giương cánh buồm vẹt và vượt thẳng lên trước chiếc thuyền chiến.

Surcouf quả là thiên tài. Khi không có gì hại được thuyền của mình nữa ông để cơn vui sướng bộc lộc hả hê.

- Hãy nhìn đám người Anh kia, chúng ta sai lầm làm sao khi không yêu mến họ! Họ đang giúp người của chúng ta lên boong đấy? Kernoch bị chấn động thần kinh còn Bléas thề danh dự là cậu ấy đang ngất đi. Đám cá mập mới

đáng yêu làm sao. Tôi sẽ nhớ đến chúng. Chúng đóng vai cũng hay lắm. Những người bạn của chúng ta đã được cứu và chúng ta cũng vậy. Bây giờ hãy chú ý đến hướng tàu! Giương tất cả buồm lên! Ngắm hướng cho kỹ! Căng dây lên. Còn cậu hãy mang cho tôi một điếu xì gà châm sẵn đến đây.

Gió ngoài khơi nổi lên rất mạnh. Chưa bao giờ *Confiance* lại chạy nhanh như lúc này. Khi thấy nó băng băng, chúng tôi nói chắc nó cũng nhận thức được mối nguy vừa rồi.

Tự hào khi được lên một con tàu như thế, tất cả chúng tôi nhìn nước cuồn cuộn dọc hai bên mạn với lòng ngưỡng mộ lắm.

Chẳng mấy chốc, Sibylle đã nhận ra mánh khoé của chúng tôi khi nó thấy chúng tôi lướt đi. Nó cất ca nô lên rồi hướng theo chúng tôi nhưng chúng tôi đã ra ngoài tầm đạn pháo của nó.

Cuộc rượt đuổi diễn ra ngay lập tức và kéo dài đến tận tối. Màn đêm buông xuống, chúng tôi đánh lạc hướng và thoát khỏi nó.

Trong suốt câu chuyện ấy, René không ngừng rót rượu cho người bạn của mình, khi thì rượu rhum, tafia khi lại cognac cho đến khi những câu cuối cùng thốt ra cũng là lúc cái đầu của người thủy thủ kể chuyện gục hẳn xuống bàn, những tiếng ngáy vang lên chứng tỏ anh ta đã cho những chuyện có thực của ngày trước vào vương quốc giấc ngủ đỏng mất rồi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 52
Thuyền trưởng Surcouf

René đã tìm hiểu và được biết từ tám giờ đến mười giờ sáng là thời điểm Surcouf tuyển người. Chính vì vậy, bảy rưỡi, anh đã mặc lại bộ đồ của ngày hôm trước, bộ đồ trải qua một chặng đường dài đã khô lại trong đêm. Anh nghĩ xuất hiện trước Surcouf với bộ ấy còn hơn bộ đồ thủy thủ mới lấy từ tiệm cắt may. Tám giờ sáng, anh đã đến phố Porcon de la Barbinais, đi tiếp sang phố Bouchène. Cuối phố Dinan là bức tường thành, đối diện với cổng thành cùng tên là nhà Surcouf, một ngôi nhà lớn nằm giữa sân và vườn sau.

Đã có hơn chục thủy thủ đến sớm hơn René đang chờ trong phòng. Họ lần lượt đi vào, để không chen lấn, một thủy thủ ngồi trước cửa phát số thứ tự cho họ. René cũng phải chờ đến lượt mình. Đó là số 6. Trong lúc chờ đợi, anh giải khuây bằng cách ngắm nhìn tường nhà treo đầy các loại vũ khí từ khắp các nước.

Một tấm da báo đen Java tô điểm thêm cho bộ sưu tập, những mũi tên tẩm những chất độc, những lưỡi gươm chết người, nếu nó đâm thì chỉ để một đường rất nét. Một tấm da sư tử Atlas bày dưới bộ sưu tập Tunis, những con dao kiểu Algerie, những khẩu súng lục khảm bạc, những con dao quắm như bánh sừng bò

Một tấm da bò rừng lót cho bộ sưu tập cung tên, dao lột da và giũa. Cuối cùng là tấm da hổ Belgale đệm dưới bố sưu tập gươm lưỡi mạ vàng tay cầm dát ngọc, những con dao găm mạ có cán bằng ngà voi hay mã não đính nhẫn và vàng bạc. Quả nhiên bốn phần thế giới được đại diện bằng những vũ khí treo trên bốn bức tường trong phòng chờ ấy. Trong lúc René xem xét những thứ ấy thì có thêm chục người khác vào lấy số và chờ đợi.

Thỉnh thoảng có tiếng súng vang lên gần đó. Thực ra, Surcouf đang ngồi trên ghế cạnh cửa sổ, trước mặt là khẩu súng lục vài sĩ quan khác đang đùa

bằng cách bắn vào bia trong vườn rộng. Những tấm biển đặt cách xa bị trúng đạn để lại dấu vết lỗ chỗ. Một phòng nữa dùng làm phòng chứa vũ khí. Ba bốn người đang tập đấu kiếm hoặc gươm.

Dù René chỉ mặc bộ đồ thủy thủ bình thường nhưng ngay cái nhìn đầu tiên Surcouf đã để ý đến anh và nhận ra mình đang gặp một người trên mức bề ngoài của bộ đồ. Ông nhìn René từ đầu đến chân và dừng lại ở ánh mắt quyết đoán của chàng trai trẻ. Ông ta ngắm nhìn vóc dáng tuyệt vời, bộ râu đẹp được cắt tỉa tinh tế và nhìn xuống đôi bàn tay để hoàn chỉnh nốt nhận xét của mình, nhưng đôi bàn tay đã đeo găng cẩn thận, đôi găng ấy đã cũ những còn súng sính trong lớp gôm. Qua đó, người ta nhận ra cơn người này dù không thuộc hàng xa hoa thì cũng có khát vọng sống xa hoa.

Do đó, đáp lại cái chào kiểu nhà binh của René, Surcouf đã ngả mũ ra, điều mà ông không quen làm trước các thủy thủ bình thường. Về phần mình, René bao quát toàn bộ Surcouf trong cái nhìn duy nhất. Anh nhận ra trong con người thủy thủ quang vinh một người đàn ông trạc ba mốt tuổi, mái tóc vàng cắt ngắn, râu cắt tròn, một cái cổ khoẻ nối với đôi vai tráng kiện, dù cái cổ hơi bé nhưng có thể thừa đựng sức mạnh của Héc-quyn.

- Anh muốn gì ở tôi? - Surcouf hỏi kèm theo cái hất đầu nhẹ.

- Tôi biết ngài sắp đi biển trở lại, tòi muốn được tuyển để đi cùng ngài.

- Tôi đoán không phải như một thủy thủ chứ? - Surcouf hỏi.

- Chỉ như một thủy thủ bình thường thôi - René nghiêng người đáp lại.

Surcouf nhìn lại anh đầy ngạc nhiên.

- Cho phép tôi nói thẳng - Surcouf nói tiếp - Anh không có dáng làm thủy thủ mà giống một cậu bé đánh giầy hơn.

- Thưa ngài, có lẽ vậy nhưng dù nghề khó nhọc nhường nào cũng không khó khi người ta có ý chí quyết tâm học nó.

- Nhưng cần phải có sức nữa.

- Bù cho sức mạnh, người ta có thể làm nhiều việc khác. Hình như tôi thấy một người canh cánh buồm ngang hay thả dây buồm xuống cũng không cần nhiều sức lắm.

- Trong nghề của chúng tôi có những việc nặng đòi hỏi phải có sức mạnh. Giả sử anh phải nạp đạn, anh có tin mình nâng được quả đạn cỡ bốn mươi tám lên đến miệng nòng đại bác không?

Rồi ông ta lấy chân đẩy quả đạn cỡ bốn muơi tám đến cạnh René.

- Tôi nghĩ chuyện ấy dễ ợt! - René đáp.

- Hãy thử xem nào!

René cúi xuống, nhấc nó chỉ bằng một tay như thể nhấc hòn bóng bi rồi ném qua đầu Surcouf ra vườn. Nó chỉ dừng lại sau khi lăn chừng hai mươi bước. Surcouf đứng lên nhìn theo nó rồi lại ngồi xuống.

- Thế là tôi yên tâm rồi. Trên tàu *Revenant*, cả tôi nữa mới có năm hay sáu người có khả năng làm được như anh. Cho phép tôi xem tay anh được không?

René mỉm cười tháo găng ra chìa đôi tay thon mềm cho Surcouf xem. Ông ta ngắm nghía mãi rồi kêu lên gọi các sĩ quan ở cửa sổ bên cạnh.

- Lạy Chúa! Các anh lại đây mà xem chuyện lạ này.

Các sĩ quan lại gần.

- Đây là bàn tay con gái. - Surcouf nói tiếp - Thế mà nó vừa ném quả đạn cỡ bốn mươi tám qua đầu tôi và xa như các anh thấy đấy.

Bàn tay của René chỉ như bàn tay phụ nữ trong đôi tay vạm vỡ của Surcouf nhưng với anh chàng khổng lồ Kernoch thì chúng chỉ giống như tay trẻ con.

- Thôi nào thuyền trưởng, ngài giễu chúng tôi đấy à? Đây mà gọi là tay sao? - Kernoch nói.

Và kèm theo một hành động coi thường hất mạnh cánh tay ấy ra xa. Surcouf vội ngăn Kernoch lại nhưng chính René lại cản Surcouf.

- Thưa thuyền trưởng, ngài cho phép chứ?

- Làm đi anh bạn, làm đi - Surcouf hồ hởi nói và chờ điều bất ngờ giống như mọi cái đầu bề trên.

Thế là René lấy đà nhảy không những qua cửa sổ lao ra vườn mà còn vượt qua cả thanh ngang. Cách quả tạ René ném vài bước có một quả nữa giống như vậy, chắc là để cho ngài Surcouf tập luyện mà người ta chưa đem vào. René đặt một quả lên lòng bàn tay, quả kia lên phần giữa khuỷu tay và bàn tay, cánh tay của anh gần như duỗi thẳng rồi mang cả hai đi vào đến cửa sổ, anh chia ra mỗi tay một quả, nhảy chụm chân qua cửa sổ, luồn mình dưới thanh chắn ngang rồi vào phòng khách đưa một trái cho Kernoch.

- Một ly rượu táo cho cả đoàn và cho người ném xa nhất - René nói.

Anh vừa thực hiện các động tác nhẹ nhàng và uyển chuyển đến nỗi những người chứng kiến ở đó phải sờ vào hai viên đạn để chắc chắn xem chúng có phải làm bằng gang hay không.

- Này Kernoch, anh bạn của tôi, đây là lời đề nghị mà anh không thể từ chối đâu.

- Tôi cũng có từ chối đâu - Kernoch nói - Miễn là ông chủ Saint-Jacques không bỏ tôi…

- Vì danh dự của ngài - René nói theo kiểu người Bretagne.

Kernoch cúi người tự nhặt quả đạn lên, tập trung toàn bộ sức mạnh vào chân và cánh tay phải, cả hai thứ căng ra như một cây cung, chỉ một động tác quả đạn đã bay qua cửa sổ rơi cách đó mười bước và lăn thêm ba bốn bước nữa thì dừng lại.

- Đó là tất cả những gì con người có thể làm được - Kernoch nói - Chỉ có quỷ mới làm được hơn.

- Tôi không phải là quỷ thưa ngài Kernoch - René nói - Nhưng tôi cho rằng chính ngài sẽ đãi cả đội.

Rồi chỉ cần đung đưa cánh tay, với lần đung đưa thứ ba anh đã ném xa hơn

quả của Kernoch ba bốn bước và nó lăn thêm hơn chục bước nữa. Surcouf kêu to vui sướng còn Kernoch gầm lên vì tức giận. Tất cả những người khác thì im bặt vì sững sờ. Rõ ràng vừa ném xong René tái mét và buộc phải tựa vào thành lò sưởi.

Surcouf lo lắng nhìn anh, chồm về phía cái tủ nhỏ, lấy một bi đông rượu đưa cho René.

- Cảm ơn - René nói - Tôi không bao giờ uống rượu.

Rồi anh đi lại phía bình nước đặt trên khay có một cái ly và đường. Anh rót ít nước vào ly rồi uống cạn. Lát sau, nụ cười đã xuất hiện trên môi còn đôi má anh hồng trở lại.

- Anh muốn phục thù không, Kernoch? - Một trung uý hải quân ở cạnh đó hỏi.

- Thật lòng là không - Kernoch đáp.

- Vậy tôi có thể làm gì cho anh thoải mái không? - René hỏi.

- Có! Kernoch đáp - Hãy làm dấu thánh giá đi.

René mỉm cười và làm dấu thánh giá kèm theo lời cầu nguyện: "Con tin vào Chúa trời, đức cha toàn năng, người tạo ra trời và đất".

- Thưa các ngài - Surcouf nói - Làm ơn hãy để tôi nói chuyện riêng với chàng trai trẻ này.

Tất cả lui ra, Kernoch vẫn còn càu nhàu còn những người khác thì bụm miệng cười.

Khi còn lại một mình với Surcouf, René lại trở lên điềm tĩnh và giản dị như trước. Một người khác có lẽ đã nói vài lời tâng bốc chiến thắng vừa rồi nhưng anh chỉ im lặng chờ Surcouf lên tiếng.

- Anh bạn - Surcouf tươi cười nói - tôi không biết anh còn biết làm gì khác ngoài việc anh vừa làm trước mặt tôi, nhưng một người biết nhảy cao bốn bộ

và ném được quả đạn bằng gang cỡ bốn tám thì luôn là người có ích trong con tàu của tôi. Điều kiện của anh là gì?

- Một chỗ ngủ, đồ ăn trên tàu và quyền được hy sinh vì nước Pháp, đó là tất cả những gì tôi muốn, thưa ngài.

- Anh bạn thân mến - Surcouf nói - tôi có thói quen trả công cho những gì người ta phục vụ.

- Nhưng một thủy thủ chưa đi biển bao giờ, một thủy thủ không biết mình có ích gì không thì ngược lại chính ngài lại là người mất công dạy nghề cho anh ta.

- Một phần ba thủy thủ đoàn là người của tôi. Cậu thích hợp được hưởng điều kiện tốt nhất nhưng ở mức thủy thủ kém nhất, cậu đồng ý chứ?

- Không, thưa thuyền trưởng, vì người của ngài thấy tôi chẳng biết làm gì cả, cái gì cũng phải học, họ sẽ tố cáo tôi lấy cắp tiền của ngài chứ không phải kiếm được. Nếu ngài muốn, sau sáu tháng chúng ta sẽ bàn lại chuyện này, hôm nay thì cứ để nó đấy đã.

- Có chuyện này, anh bạn thân mến, anh không chỉ biết nhảy như Milon de Crotone mà còn có đôi tay khoẻ như Remus. Chẳng hay anh là thợ săn à?

- Săn bắn là một trong những sở thích của thời trẻ của tôi - René đáp.

- Này thợ săn, anh bắn được súng ngắn chứ?

- Như tất cả mọi người.

- Các loại vũ khí khác?

- Đủ để khiến tôi mất mạng.

- Được lắm! Chúng tôi có trên tàu những tay súng rất giỏi và một phòng vũ khí mà ai trong đoàn cũng thích tập gươm hoặc đao hàng giờ. Anh sẽ làm như những người khác và sau ba tháng, anh sẽ có sức mạnh như họ.

- Tôi hy vọng như vậy. - René đáp.

- Như vậy chúng ta chỉ còn vấn đề tiền lương nữa thôi.

- Chúng ta sẽ thoả thuận nó không phải trong sáu tháng nữa mà ngay bữa tối nay vì tôi hy vọng anh vui lòng dùng bữa với tôi chứ?

- Ồ về chuyện này, thưa thuyền trưởng, tôi xin cảm ơn ngài đã dành vinh hạnh ấy cho tôi.

- Trong lúc chờ đợi, anh có muốn xem các tay súng của chúng tôi không?

Kernoch và Bléas đang thi với nhau, họ là hai người ngang tài ngang sức nên mỗi khi tranh lài cao thấp họ khó mà bỏ đi dễ dàng.

Surcouf dẫn René đến cánh cửa khác. Cửa sổ này hướng ra một tấm biển bằng gang đặt cách đó khoảng hai mươi lăm bước.

Một đường kẻ dọc màu trắng ngăn đôi tấm biển dùng làm điểm ngắm. Hai thủy thủ đang tiếp tục cuộc thi tài không để ý đến hai người mới đến. Mỗi phát súng bắn ra, hai bên lại rộ lên những tiếng vỗ tay. Chưa phải tài cao bậc nhất nhưng hai người này quả có sức mạnh đáng nể.

René cũng vỗ tay như những người khác. Kernoch bắn một phát trúng đường kẻ.

- Hoan hô! - René lên tiếng.

Kernoch hằm hằm nhìn không nói gì, lẳng lặng lấy khẩu súng thứ hai từ tay Bléas đưa cho René.

- Ngài muốn tôi làm gì với nó? - René hỏi.

- Vừa nãy anh đã chứng tỏ cho chúng tôi thấy sức mạnh của mình - Kernoch nói - Tôi hy vọng anh không từ chối chứng tỏ sự khéo léo của mình chứ.

- Rất sẵn lòng thưa ngài. Ngài để cho tôi cơ may ít quá khi đã bắn trúng đường kẻ, nhưng chắc có lẽ ngài cũng nhận ra viên đạn của mình hơi lệch phải.

- Thế thì sao? - Kernoch hỏi.

- Thế thì tôi sẽ chỉnh cho nó trúng giữa!

Rồi nhanh như cắt, đến nỗi người ta tưởng anh chàng này chưa kịp ngắm anh đã siết cò. Viên đạn lao đúng vào đường kẻ và người ta ngỡ phải dùng com pa mới đo vết đạn hằn trên tấm bia.

Các thủy thủ sững sờ nhìn nhau còn Surcouf phá lên cười:

- Thế nào Kernoch, cậu nói sao về lần này nhỉ?

- Tôi nói rằng đó chỉ là một lần ăn may, nếu phải bắt đầu lại…

- Được rồi, René nói - Chúng ta sẽ không bắt đầu lại trò trẻ con ấy nữa mà tôi đề nghị ngài một trò khác.

Anh liếc mắt nhìn ra xung quanh và nhận ra trên một cái bàn có những chiếc bánh đóng dấu đỏ. Anh lấy năm chiếc, nhảy vào vườn dính nó lên tấm bia sao cho chúng thành một phần năm hình vuông rồi nhảy qua cửa sổ nhẹ nhàng như trước với lấy súng bắn nát lần lượt năm mẩu bánh không để lại vết nào trên bia. Sau đó quay lại đưa súng cho Kernoch:

- Đến lượt ngài.

Kernoch lắc đầu.

- Cảm ơn, tôi là người Bretagne và là con chiên ngoan đạo, trò này là trò của quỷ, tôi không dây vào.

- Cậu nói có lý đấy Kernoch- Surcouf cất lời - Và để cho quỷ không chơi xấu chúng ta, chúng ta sẽ mang anh ta lên tàu *Revenant*.

Rồi ông mở cửa phòng bên cạnh nơi ông có một vị thầy dạy sử dụng các loại vũ khí đi biển. Surcouf vốn tinh thông các bài luyện cơ thể nên ông muốn mọi thủy thủ cũng như ông nên ông cho mời một người thầy dạy kiếm và đại kiếm:

Tất cả nhảy vào tấn công. Surcouf và René ngắm nhìn một lát sau đó Surcouf hỏi René một cú đâm mà ông thấy khó tránh.

- Nếu là tôi - Chàng trai nói - Tôi sẽ chống lại bằng cú bật góc tư rồi bồi một nhát đâm thẳng.

- Thưa ngài - ông thày dạy kiếm vuốt râu nói - Đó là cách khiến cậu thành ẻo lả như vậy.

- Có thể thưa thầy - René đáp - Chính vì vậy mà tôi rất chậm trong các cú đỡ và ra đòn.

- Anh này đến để xin học à? - ông thầy vừa cười vừa hỏi Surcouf.

- Cẩn thận đấy ông Bras-d Acier thân mến - Surcouf nói - không khéo anh ta đến để dạy ngài cũng nên. Anh ta đã từng hai lần như vậy trước khi đến đây rồi đấy. Tôi nghĩ nếu học sinh của ngài chịu cho anh ta mượn kiếm tập của anh ta, chẳng mấy chốc ngài sẽ là bài học thứ ba.

- Chasse-Boeuf- ông thầy nói - Hãy đưa kiếm tập của anh cho ngài đây, anh ta sẽ cố thực hiện lời khuyên vừa rồi với ngài.

- Ngài sẽ không thấy được điều đó đâu ngài Chasse-Boeuf - René nói - Sẽ là một hành động vô lễ khi chạm vào một người thầy. Tôi chỉ đỡ thôi.

Và vừa nhận thanh kiếm tập từ tay người học trò, René bằng vẻ duyên dáng tuyệt vời thực hiện động tác chào và vào vị trí thủ thế. Vậy là bắt đầu một trận đấu lạ lùng đối với thầy Bras-d Acier.

Mọi đợt tấn công của ông ta đều bị René cản được thậm chí ông ta sử dụng những cú tấn công phức tạp nhất vẫn đều vô ích, mọi lưỡi của ông ta đều bị gạt sang hai bên.

Nhận thấy ông thầy Bras-d Acier không chịu nhượng bộ, các thủ kiếm lại chào rất quý tộc như lúc ban đầu rồi dược.

Surcouf dẫn ra cổng hẹn anh nhớ đến đúng giờ bữa tối tức là lúc năm giờ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 53
Ban tham mưu trên tàu Revenant

Ba giờ chiều hôm ấy, René được đưa vào phòng khách của thuyền trưởng. Chờ anh là phu nhân Surcouf đang chơi cùng đứa con hai tuổi.

- Xin lỗi ngài - Bà nói - Anh Surcouf mắc bận một việc bất ngờ nên không thể ở đây đúng ba giờ để trò chuyện lâu hơn với anh như dự định. Anh ấy giao cho tôi vinh hạnh chờ ngài, mong ngài thứ lỗi cho một kẻ quê kệch như tôi.

- Thưa phu nhân - René đáp - Tôi biết rằng từ ba năm nay ngài Surcouf có được niềm hạnh phúc khi cưới một người vợ duyên dáng. Cho đến giờ phút này tôi vẫn chưa dám chắc được xuất hiện với tư cách là một thủy thủ quèn trước ông ấy và cho đến giờ, tôi vẫn ngưỡng mộ lòng can đảm và tận trung của ông ấy. Không ai trả món nợ của mình cho tổ quốc như ngài Surcouf. Dù trông đợi nhiều ở ông ấy, nước Pháp cũng không thể đòi hỏi ở ông ấy điều gì. Tôi xin nhắc lại, phải xa đứa bé xinh xắn mà tôi xin phép được ôm hôn nó, và nhất là xa người mẹ của bé thì phải có trên cả lòng can đảm, phải có lòng tận trung mới làm được.

- Đúng đấy!

Thuyền trưởng Surcouf nói sau khi nghe được phần cuối câu nói và hãnh diện với tư cách là một người chồng, một người cha khi thấy chàng thủy thủ tương lai chào vợ và ôm hôn con mình.

- Thưa chỉ huy - René nói tiếp - Trước khi được gặp phu nhân và em bé đáng yêu này, tôi nghĩ ngài có thể hy sinh mọi thứ, nhưng từ khi thấy họ trừ khi ngài không khẳng định với tôi, tôi thấy nghi ngờ tình yêu tổ quốc có thể khiến một người có thể tách một phần trái tim của mình.

- Thế nào phu nhân, nàng nói sao? - Surcouf hỏi vợ - Từ khi làm vợ của một thuyền trưởng tàu chặn cướp biển, nàng đã thấy thiều thủy thủ khen ngợi mình như cách chàng mới được tuyển này chưa?

- Ngài đùa gì vậy! - Phu nhân Surcouf thốt lên - Hy vọng ngài không tuyển anh ấy vào làm chân thủy thủ thường chứ?

- Tôi hẹn anh ba giờ đến đây vì tôi muốn anh làm quen dần với những vị khách mời bữa tối đồng thời tất cả là bộ tham mưu trên tàu *Revenant*. Lại đây…

Cánh cửa mở ra.

- Trước hết đây là thuyền phó của chúng ta, ngài Bléas.

- Rất hân hạnh được biết tiếng tăm của ngài - René nói - Đây chính là người đã chịu hy sinh cùng ông chủ Kernoch để lên tàu Sibylle để chúng nhận ra kẻ thù khi đã quá muộn. Sự tận tụy như vậy mang lại tự hào hai lần: cho người hy sinh và người được người khác hy sinh vì mình.

- Thưa chỉ huy - Bras-d Acier nói - Tôi cũng hy vọng được ngài giới thiệu người này, một người mà cho đến lúc này tôi chỉ biết với tư cách là tay bắn súng cự phách nhất tôi từng gặp.

- Than ôi! Thưa ngài - René nói - Tôi không được may mắn có quá khứ oanh liệt như ngài. Đơn giản, tôi chỉ tên là René và đang mong được ngài Surcouf đây nhận mình vào làm thủy thủ trên tàu *Revenant*.

- Không phải xin tôi điều đó - Surcouf cười đáp - mà tôi phải xin ông mới đúng.

Nói xong ông chỉ vào Kernoch đang tiến đến.

- Lại đây Kernoch! Tôi phát bực khi ban nãy cậu không ở đây để nghe ngài René hăng say nói về một ông chủ xuồng trên tàu *Confiance* đã sẵn sàng chịu hy sinh với một chàng trai mà tôi quên mất tên để đánh lừa tàu chiến của Anh và còn giả bộ bị choáng nữa chứ. Trong khi ấy thuyền trưởng tàu *Confiance* đang như con thỏ dưới móng vuốt của con báo lại có thể giong buồm lao vút đi.

- Thực ra - Kernoch chủ vào René nói - Nếu ngài có mặt ở đó thì ngài cũng làm như tôi thôi. Ngài cũng rút một trong những khẩu súng Lepage tốt nhất đưa cho anh ta và nói: "Hãy hạ cái đầu ngốc kia đi". À, sáng nay anh không ở đây, đại uý Blaise, ngài René đây đã dạy cho chúng tôi một bài học bắn

súng. Lúc đó tôi tức lắm nhưng nếu ông ấy là người của chúng ta như chúng ta hy vọng, thì anh còn có cơ hội được xem ngài René sử dụng cái đồ bé nhỏ ấy như thế nào. Còn cách ông ta dùng kiếm thì ông bạn Bras-d Acier sẽ nói cho anh hay mọi chuyện.

- Anh nhầm rồi, Kernoch - ông thầy dạy kiếm nói - ông đây đã tránh mọi đòn của tôi mà không thèm tấn công tôi lấy một lần.

- Đúng thế, quả là ngài đã đoán được điểm yếu của tôi thưa ngài Bras-d Acier - René lên tiếng - Tôi đã tập cách phòng thủ quá nhiều mà ít tập tấn công. Tôi đã có một ông thầy nhiều tuổi người Ý tên là Belloni người thích đánh giá đối thủ bằng cách đỡ ba chiêu liên tiếp hơn là chạm vào kẻ địch một lần. Tuy nhiên, nếu trường hợp tương tự như vừa rồi thì hà cớ gì phải đâm trúng khi người ta có thể đỡ được?

- Bây giờ, - Surcouf cao giọng - Tôi chỉ còn việc giới thiệu cho các vị biết hai người này, theo tôi là hai người căng buồm cừ nhất trên đời, tôi đảm bảo họ không muốn phải chờ bữa tối nữa, họ cũng không phải là người đợi nước đến chân mới nhảy, địch xông vào mới về vị trí: một người giong buồm cột hậu, người kia giương buồm cột chính. Còn bây giờ, anh René, nếu anh muốn đưa tay cho phu nhân Surcouf, chúng ta sẽ vào phòng ăn.

Một chị hầu phòng nghe thấy lời mời ấy của ông chủ liền bế cậu Surcouf con đi sang phòng khác.

Mọi người ai cũng biết bữa tối ở miền này vô cùng thịnh soạn. Surcouf cũng không phải là ông chủ ngoại lệ, bàn ăn nhà ông ta có thể thoả mãn được những anh hùng trong trường ca của Homère, những anh hùng ăn như Diomède, uống như Ajax.

Ngoài ra, cũng phải nói thêm rằng các bữa tối đều rất vui vẻ và ầm ỹ. René chỉ uống nước trắng, điều này khiến anh trở thành chủ đề châm chọc của mọi người nhiều đến nỗi chàng ta phải xin tha, tất cả mọi người đều miễn cho anh, trừ Bras-d Acier. Mệt mỏi trước lời mời dai dẳng ấy, René bèn xin phu nhân Surcouf thứ lỗi cho sự khiếm nhã của mình và xin phép được uống vì sức khoẻ của bà.

- Bây giờ, thưa phu nhân - René nói - Bà có cái cốc nào xứng với một tay uống rượu đích thực không, tức là đựng được hai hoặc ba chai rượu không?

Phu nhân Surcouf ra lệnh cho người nhà mang một chiếc cốc bạc, một loại vũ khí trang trí chế tác theo kiểu Anh đến. René đổ ba chai vang Champagne vào.

- Thưa ngài - Anh bảo ông thầy dạy kiếm - Tôi sẽ rất hân hạnh được uống cạn chỗ này vì sức khoẻ của phu nhân Surcouf. Nên nhớ là chính ngài đã buộc tôi như vậy, ngay từ đầu bữa, tôi đã nói thật là tôi chỉ uống nước nhưng ngài không chịu. Bây giờ, một khi cái cốc này cạn, tôi hy vọng đến lượt ngài sẽ rót đầy và uống cạn như tôi không phải vì sức khoẻ của phu nhân Surcouf nữa là là vì vinh quang của chung bà ấy.

Tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy chào đón bài diễn văn ấy.

Ông thày không nói chẳng rằng chỉ có điều đôi mắt ông ta mở to hết cỡ.

René đứng dậy để kính phu nhân Surcouf rồi lạnh lùng và buồn bã đưa chiếc ly quá khổ lên đôi môi đang khẽ mỉm cười khỉnh miệt cái hành động mình đang làm. Tất cả im bặt, ai cũng dõi theo chàng thủy thủ trẻ tuổi để xem cái mà những tay bợm rượu bậc nhất gọi là trò điên cuồng này sẽ đi đến đâu.

Nhưng René, vẫn bằng vẻ điềm tĩnh và chậm chạp, tiếp tục uống và nâng dần đuôi cốc lên cao. Đôi môi anh bám vào miệng cốc bạc cho đến khi không còn một giọt chất lỏng sủi bọt nào nữa.

Anh dốc ngược chiếc cốc xuống và không thấy chảy ra giọt chất lỏng đượm hương nào rồi ngồi lại vào bàn, đặt chiếc cốc trước mặt ông thầy dạy kiếm.

- Bây giờ đến lượt ngài - René nói.

- Ha ha! Chơi hay lắm - Kernoch trầm trồ - Đến lượt thầy đấy thầy Bras-d Acier.

Ông này thấy mình không đủ sức để tham gia vụ thách đấu định xin lỗi nhưng khi Kernoch đứng dậy tuyên bố nếu ông ta không bằng lòng tự uống

cạn, Kernoch sẽ buộc ông ta bằng sức mạnh thì Bras-d Acier tự tay bóp vỡ miệng một chai Champagne rồi rót vào cốc. Điều ông ta muốn là được uống ba chai nhưng lần lượt từng chai một. Yêu cầu của ông được mọi người chấp nhận. Nhưng sau chai thứ nhất, ông ta cáo không thể uống thêm một ly nào nữa và xin tha, quả nhiên năm phút sau, ông đã đổ sụp xuống ghế.

- Để tôi mang ông thánh Georges đi - Kernoch nói - Khi trở lại để giúp ngài bỏ qua sự lạnh nhạt của chúng tôi trong vụ này tôi sẽ hát một bài.

Đó là thời kỳ mà không một bữa tối nào, ngay cả ở trên tỉnh lại không kết thúc mà khách lại không hát vài bài, đôi khi có cả ông chủ hoặc bà chủ nhà. Lời đề nghị của Kernoch khiến mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Trong lúc anh ta vắng mặt những tiếng kêu "Kernoch! Hát đi! Hát đi!" vang lên, khi quay trở lại, những tiếng la ấy còn nhiều gấp đôi. Kernoch vốn không phải là người phải mời nhiều nên sau khi ra liệu mình sắp bắt đầu, anh ta thoải mái rống lên bài hát bằng chất giọng ồm ồm cùng với toàn bộ sức nhăn của khuôn mặt mình:

Biển lặng gió êm,

Thời tiết ủng hộ

Màn đêm xuống đây

Hãy!

Nếu gió

Lướt qua

Nước

Tích tắc.

Tích tắc

Và xong ngay

Tàu lướt như bay

- Hát đồng thanh đi! - Kernoch hô to.

Quả thật tất cả khách mời, trừ Bras-d Acier đang ngáy bên trong, đều đồng thanh hát vang

Nếu gió

Lướt qua

Nước

Tích tắc.

Tích tắc

Và xong ngay

Bài hát này như một bài thơ của một anh chàng trên mũi tàu đã mang lại thành công lớn cho một bữa tối của thủy thủ thêm nhiều đoạn như thế nữa và tiếng vỗ tay như không ngớt. Điều khiến cho niềm phấn khích thêm lớn là vẻ điềm tĩnh của René, sau khi uống cạn cốc đầy rượu trong lần thách thức với Bras-d Acier, khuôn mặt anh không hề đỏ hay tái, những lời nói của anh vẫn rành mạch như một người mới chỉ uống một cốc nước.

Mọi ánh mắt lại quay sang Surcouf, một bài hát từ ông sẽ tăng thêm giá trị cho lòng hiếu khách của ông. Surcouf hiểu rõ mọi người đang chờ mình làm gì, ông mỉm cười và nói:

- Thôi được rồi, tôi đồng ý! Tôi sẽ hát cho các bạn nghe bài hát thủy thủ của tôi khi tôi dạy các thủy thủ trẻ.

Một tiếng xì xào nổi lên, tập tức những tiếng "Suýt, im lặng?" ngăn nó lại. Surcouf cất giọng:

Cậu bé thủy thủ, dưới chân cột buồm nhặt một sợi dây

Để bắt đầu, hãy thắt nút cho ta

Một, hai! Xông rồi!

Thưa thầy, con không phải là lính cũng không phải con nhà giàu

Con biết thắt nút và cởi nút chỉ một sợi dây, con biết mình là ai.

Surcouf hát hết cả bài và thành công cũng không kém phần vang dội như Kernoch, nhưng rồi những ánh mắt tò mò lại bắt đầu từ bà chủ nhà xinh đẹp, bà muốn biết René lạnh lùng như thế là do tính cách hay anh tự ép mình phải thế. Không nhịn được, bà quay sang hỏi:

- Còn ngài, René, chỉ mình ngài là chưa cho chúng tôi nghe khúc hát miền quê của ngài.

- Than ôi! Thưa phu nhân, tôi chẳng có quê nào cả, tất cả những gì tôi còn nhớ là mình sinh ra trên đất Pháp. Tôi không biết liệu lục lọi trong trí nhớ của mình tôi có thấy một bài hát hẳn hoi nào hay không bởi lẽ tất cả mềm vui thời trẻ, tất cả những đoá hoa thời thơ ấu đều bị ba năm buồn tủi đông tàn bóp nát cả rồi. Tuy nhiên, tôi sẽ tìm trong đầu, nếu có thấy vài bông điểm tuyết, tôi sẽ hái chúng. Xin phu nhân và các vị thứ lội cho tôi vì không thuộc một bài hát xuất xứ từ vinh quang nào, tôi hy vọng là người miền quê không phải là có lỗi. Rồi anh cất giọng trong và tươi trẻ như giọng một thiếu nữ:

Giá tôi là ánh bình minh

Tôi sẽ lấp lánh trong tình đôi ta

Tôi sẽ ôm em bằng ánh sáng diệu kỳ

Rồi tái nhợt dần quanh bờ mi em khép lại.

Giá như tôi được làm một tấm gương may mắn

Được em soi khi em trong lòng

Em sẽ thấy hình em trong tôi đẹp lắm

Trong cả trái tim tôi cũng lấp lánh bóng hình em.

Bốn đoạn tiếp theo cũng thành công như đoạn đầu. Thấy vậy, phu nhân Surcouf nói:

- Thưa các quý ông, khi con hoạ mi cất tiếng hót, có lẽ những con chim khác đều lặng thinh. Chúng ta sang phòng khách thôi bên đó cà phê đang đợi chúng ta.

René đứng dậy, chìa tay cho phu nhân. Surcouf rồi cùng bà sang phòng khách theo đúng cung cách của người bề dưới đối với người bề trên.

- Anh bạn René thân mến - Surcouf nói - Tôi nghĩ đã đến lúc trò đùa này chấm dứt được rồi. Hãy nói anh muốn gì ở tôi, mục đích nào khiến anh đến tìm tôi, anh là người đồng hành quá duyên dáng đến độ tôi không thể không làm anh hài lòng.

- Tôi chưa bao giờ mong muốn gì khác là được tuyển mộ lên thuyền như một thủy thủ bình thường và được tham gia vào thủy thủ đoàn của ngài.

- Nhưng kẻ nào mà gây cho anh ý muốn đỏng đảnh như thế? Anh cố cũng không giấu được xuất thân từ một gia đình dòng dõi của mình đâu, học vấn của anh xứng với một người có khát vọng giữ trọng trách cao của Nhà nước. Anh có hình dung ra anh sẽ phục vụ trong tầng lớp nào và phải làm những việc gì hay không?

- Thưa ngài Surcouf, một kẻ như tôi đây đã lụi tàn mọi kiêu hãnh rồi; không thể tàn được một tầng lớp cho xứng với mình nữa. Về công việc sắp làm, tôi biết sẽ rất cực nhọc nhưng ngài cũng thấy là tôi rất khoẻ lại khéo léo, tôi chỉ uống nước, nhưng nếu buộc phải uống rượu tôi vẫn uống được lượng có thể làm những kẻ khác mất trí. Ngài đã thấy rượu không ảnh hưởng gì được tôi. Về nguy hiểm, đây là tôi nói chứ không phải rượu nói đâu, từ lâu tôi đã mong mỏi cái chết từng ngày mà không sao thân với nó được. Khi lựa chọn phục vụ trong quân đội tức là tôi đã muốn quên thân và xả thân cho ông chủ mà tôi muốn dâng hiến; tôi đã học làm thủy thủ rồi, vì ngài là một trong những sĩ quan gan dạ và chính trực nhất mà tôi biết nên tôi đã chọn ngài làm chỉ huy của mình.

- Tôi phải báo trước cho anh hay rằng một thủy thủ, ngay cả thủy thủ bình thường khi đầu quân vào chỗ chúng tôi đều là lính dự bị, một khi đã cam kết, cam kết sẽ phải thực thi.

- Tôi muốn chia sẻ công việc và mạng sống cùng các chiến hữu của mình. Tôi không xứng được hưởng bất cứ ân huệ nào trong khi làm việc với tư cách là thủy thủ, chỉ có điều duy nhất khiến tôi không thoải mái là không có được một cái võng cho riêng mình.

Yêu cầu này quá đơn giản, tôi còn muốn cho anh nhiều hơn kia, anh có muốn làm thư ký cho tôi không? Như thế, anh không chỉ có cái võng riêng mà còn có một phòng riêng.

- Tôi biết ơn ngài về điều này miễn là vị trí ấy vẫn cho phép tôi tự do làm công việc của một thủy thủ và được giao chiến khi có dịp.

- Tôi sẵn sàng miễn công việc thủy thủ cho anh - Surcouf cười đáp - Nhưng tôi không từ chối sự giúp đỡ của anh khi có đụng độ đâu.

- Tôi có thể xin một đặc ân khác không? Đó là được chiến đấu bằng chính vũ khí của tôi, thứ tôi quen dùng.

Lúc đánh nhau, chúng tôi mang vũ khí lên boong, ai quen dùng loại nào thì dùng loại đó, anh có thể giữ vũ khí ở phòng của mình, đặc ân ấy chẳng có gì to tát cả.

- Một điều cuối cùng này nữa: nếu chúng ta neo đậu lên những bờ biển Coromandel hay Belgale, khi đi săn ngài có thể cho tôi tham dự vào cuộc săn hổ hay báo gấm không? Tôi nghe kể rất nhiều mà chưa được tham gia lần nào, ngay cả khi ngài phái ai đi đâu nhưng lo ảnh hưởng đến tính mạng của các sĩ quan của mình, mong ngài hãy giao nhiệm vụ đó cho tôi. Tôi không phải lo cho người thân nào nên sẽ không làm ai đau đớn tiếc thương.

- Cho phép tôi - Surcouf nói - vào ngày có giao tranh, đối xử với anh như một sĩ quan. Trong cuộc giao đấu, lực lượng được chia như sau: một phần ba do tôi chỉ huy, một phần ba thuộc các sĩ quan và một phần ba thuộc lính chuyên nghiệp.

- Như vậy tôi được phép tham gia ở góc độ mà tôi cho là thích hợp nhất? - René hỏi.

- Quá chính xác - Surcouf đáp.

- Bây giờ, thưa chỉ huy, cho phép tôi hỏi ngài một câu, ngài đã có loại vũ khí phù hợp chưa?

- Dĩ nhiên là có. Tôi có một khẩu cạc bin, một khẩu súng trường hai viên mà tôi đặt tên nó là *Sấm sét* và những khẩu *bắn - chai* mà anh biết đấy.

- Sao lại gọi là bắn - chai?

- Đó là những súng ngắn của tôi. Trên biển, để cho mọi người tập luyện, tôi cho treo những cái chai lên ngoài cội buồm phụ, tất cả các thủy thủ đều có quyền tham gia bài tập. Ai bắn vỡ chai, mặc cho tàu chòng tránh trao đảo đều được một đồng êcu nếu dùng súng dài và năm phăng nếu dùng súng ngắn.

- Tôi sẽ xin được tham gia buổi tập với quyền được thưởng như vậy

- Lúc nào cũng được. Còn bây giờ, mặc dù điều kiện khiêm tốn của anh, tôi khuyên anh, anh bạn René thân mến ạ, hãy xem xét kỹ lại hoàn cảnh mà anh chấp nhận, dù anh chấp nhận nó bằng lòng tự nguyện hoặc do một quyền lực mạnh hơn ý muốn của anh sai khiến. Dù anh không thích nhưng tôi vẫn muốn làm điều gì đó cho anh. Bây giờ mọi thoả thuận của chúng ta đã xong rồi chứ? Anh còn muốn tôi làm gì nữa không?

- Không, thưa chỉ huy, xin cảm ơn ngài.

Kernoch, người anh vừa kết bạn sẽ hướng dẫn cho anh về các công việc, còn tôi, nếu muốn tôi sẽ chịu trách nhiệm dạy những phần khó hơn. Nhìn kìa, đây là phu nhân Surcouf đích thân mang một tay cà phê tay kia là rượu mùi cho anh đấy.

René lại gần phu nhân Surcouf lịch lãm chào:

- Mong phu nhân thứ lỗi nhưng tôi không bao giờ uống cà phê hay rượu mùi.

- Chắc lại rượu vang Champagne chứ gì? - Kernoch buông một câu đùa thô tục giữa phép lịch sự của chàng thủy thủ trẻ - Chắc uống ít anh ta khó chịu đấy mà?

- Tôi rất giận mình đã để phu nhân Surcouf thấy chiến thắng kệch cỡm khi tôi đấu với thầy Bras-d Acier chỉ trong ước muốn chấm dứt lời châm chọc của ông ấy điều đó khiến tôi làm hỏng một bữa tối tuyệt vời mà tôi từng được dự trong đời.

- Vì bây giờ đang ở trong phần tráng miệng nên anh việc gì phải đợi bữa tối của mình bị hỏng nữa - Một giọng nói cất lên.

- À đây rồi, thầy Bras-d Acier - René nhận ra giọng nói đó - Thầy vừa tỉnh xong, hãy để tôi có lời khen ngợi vì tôi tưởng phải đến mai thầy mới tỉnh.

- Trước thanh gươm của thánh Georges, thưa chỉ huy, ngài không thể để một trong những sĩ quan của mình buông lời sỉ nhục như thế mà không phân bua ngay trước ngài và ngay lập tức! Gươm đâu! Gươm đâu!

Rồi vừa chạy vào phòng chứa vũ khí nơi ông ta vừa nằm ngủ, ông thầy dạy kiếm chạy ra ngay tức thì, hai tay lăm lăm hai thanh gươm. Phu nhân Surcouf hét lên, còn đám đàn ông vội vã chặn thầy Bras-d Acíer lại.

- Này này, - Surcouf lớn giọng nói - tôi ra lệnh cho ông quay về nhà ngay tức khắc và ở yên đó cho đến khi chúng tôi lên đường.

- Xin ngài chỉ huy thứ lỗi - René nói - Bây giờ ngài không phải ở trên tàu của mình mà đang ở nhà, với những khách mời của ngài, ít ra ngài cũng phải đối xử công bằng. Nếu ngài đuổi ông ấy ra khỏi cửa tức là vô tình chúng tôi cũng buộc phải như vậy và chỉ một lát sau thôi, ngay trước cột đèn đầu tiên ngoài kia, chúng tôi sẽ giết nhau mất. Ngược lại, nếu ngài cho phép, cái gì bắt đầu bằng hài kịch thì nên kết thúc bằng hài kịch, chúng tôi sẽ dành cho thần hiếu kỳ một cảnh so gươm tử chiến mà trong đó không có ai chết cả.

Nhưng Surcouf vẫn do dự.

- Hãy để tôi làm, thưa chỉ huy - René đáp - Tôi xin hứa danh dự với ngài sẽ không đổ một giọt máu nào cả.

- Thôi được nếu các người muốn, hãy đi mà thực hiện trò ngông cuồng của

mình.

Sau lời cho phép ấy, tất cả mọi người dẹp sang hai bên nhường khoảng trống ở giữa cho họ.

Thầy Bras-d Acier, vốn là người coi cuộc đọ gươm là thiêng liêng nên bắt đầu cởi áo khoác và áo gi lê ra, giương mũi gươm về phía René: René nhận thấy trong lúc vội đi lấy vũ khí, thầy Bras-d Acier tưởng đã lấy hai thanh gươm thật cuối cùng hoá ra lại vớ được một thanh gươm thật và một thanh gươm dùng để tập. Chỉ mình René nhận ra điều đó nên anh rất nhanh thu lấy thanh gươm tập, thấy lưỡi kiếm cùn trong tay chàng trai trẻ, ai cũng phải bật cười.

Thầy Bras-d Acier nhìn quanh xem tại sao mọi người lại cười và ông ta nhanh chóng nhìn thấy mình cầm kiếm thật còn anh chàng kia cầm thanh kiếm cùn.

- Tôi phải nói là ngài vẫn chưa tỉnh hẳn - René nói - Nhưng ngài đã cho tôi thoả nguyện được phòng thủ, làm ơn đừng có nương tay với tôi.

Rồi chàng trai đứng vào thế phòng thủ.

- Nhưng anh không thể phòng thủ bằng thanh kiếm cùn ấy còn thầy lại tấn công bằng thanh gươm thật - Mọi người tham dự đồng loạt kêu lên.

- Tuy nhiên sẽ là như thế hoặc là các vị buộc chúng tôi phải đấu vào ngày mai với vũ khí ngang nhau và để không bị coi là kẻ khoác lác tôi sẽ buộc phải giết ông ta mất, điều này sẽ khiến tôi không bao giờ tha thứ cho mình. Thôi nào, thầy Bras-d Acier, thầy thấy rõ là tôi đang chờ ngài. Để cho mọi người thấy tôi không gian lận và được sự đồng ý của phu nhân tôi cũng làm như ngài.

Nói rồi anh cởi áo khoác thủy thủ và áo gi lê ném xuống ghế. Trên mình, René chỉ còn một chiếc áo sơ mi trắng tinh, màu trắng hoàn toàn tương phản với màu cháo lòng của chiếc áo sơ mi Bras-d Acier đang mặc.

Sau đó, bằng động tác rất nhanh nhẹn, René lại về thủ thế, đầu gươm chúc xuống, tư thế đứng vô cùng lịch lãm khiến khán giả không thể ngưng vỗ tay.

Tiếng vỗ tay ấy như kích thích ông thầy dạy kiếm, ông ta vội vã lao vào đối phương.

Thế là lại một cảnh tương tự buổi sáng diễn ra chỉ có điều buổi sáng các đường gươm vang lên trong nắng còn buổi tối nó lấp loá trong ánh lửa. Thầy Bras-d Acier lại tung ra các đòn tấn công hoặc trực diện hoặc thọc hai bên khe nhưng tất cả đều bị René đỡ được bằng vẻ bình tĩnh lạnh lùng, bình tĩnh và đơn giản vô cùng. Cuối cùng, bằng một cú đánh lừa nhanh hơn đường gươm rất nhiều, tuy không chạm vào da nhưng nó cũng khiến áo của René bật cúc để lộ một mảng ngực. René mỉm cười.

- Hãy đi nhặt gươm của ngài đi - Anh nói với đối thủ.

Đồng thời lưỡi gươm của anh lia một đường vừa khéo léo vừa mạnh đến mức vũ khí của thầy Bras-d Acier văng ra về phía sau chục bước.

Và trong lúc ông thầy đi lượm vũ khí lên, René nhúng mũi gươm cùn của mình vào nghiên mực.

- Bây giờ - Anh nói - Tôi sẽ tấn công ba đường, mỗi đường sẽ tạo thành đỉnh một tam giác trên ngực ngài. Nếu trong một cuộc đọ gươm thật sự, mỗi đường gươm này sẽ là đòn chí mạng. Nhưng khi chúng ta sẽ là bạn tốt, tôi hy vọng điều này sớm đến, tôi sẽ dạy ngài cách đỡ.

Quả như lời anh nói, người ta thấy ba ánh sáng loé lên sau đó René nhảy một bước lui lại phía sau: mũi gươm cùn của anh đã in ba dấu trên ngực của ông thầy dậy kiếm và ba điểm này tạo thành một hình tam giác đều hoàn hảo nếu người ta đo bằng compa.

Sau đó, René đặt thanh gươm cùn lên ghế, mặc lại áo, đội mũ bắt tay đối thủ song ông này không thèm đưa tay ra. Anh siết tay ngài Surcouf, hôn tay vợ ông, xin lỗi bà về hai lần vi phạm vào phép lịch sự lần đầu là uống liền ba chai rượu và lần sau lại đấu kiếm, chào tất cả mọi người trong cái nhìn trìu mến của họ rồi ra về.

Cánh cửa vừa khép lại sau lưng anh thì ông thầy Bras-d Acier lùi vào phòng vũ khí để thay áo, còn những người khác đều tán dương anh chàng mới đầu quân của thuyền trưởng tàu *Revenant*.

- Nhưng sao lại có người như thế mà chỉ xin làm thủy thủ quèn nhỉ? - Ngài Surcouf hỏi rất to.

- Em biết lý do - Phu nhân Surcouf thì thầm vào tai chồng.

- Em biết à?

- Vì thất tình đấy!

- Sao em đoán được điều đó?

Lúc chiếc áo bật cúc, em thấy trên ngực anh ta có một sợi dây chuyền vàng đeo một mề đay có gắn kim cương.

- Có thể em đoán đúng - Surcouf nói khi nghe đến chuyện tình yêu Nhưng người nào mà có thể khiến anh ta tài ba thế mà chịu làm thủy thủ nhỉ?

- Về điều này thì em chẳng biết gì cả - Bà nói.

- Đây đúng là một bí mật - Surcouf gật gù.

Ngày hôm sau, René lại bị Surcouf và thầy Bras-d Acier đánh thức Đêm qua và nhất là do Surcouf khuyên nhủ, thầy Bras-d Acier đã đến xin lỗi René.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 54
Nhổ neo

Tám ngày sau sự việc chúng ta vừa chứng kiến tức là khoảng cuối tháng Bảy, trên tường thành Saint-Malo đầy ắp những khán giả đang háo hức được chứng kiến một cảnh tượng lặp đi lặp lại mỗi ngày trên các hải cảng nhưng không bao giờ khiến họ chán mắt. Tất cả các con thuyền buồm trên cảng đều kéo cờ, tất cả các ngôi nhà quay ra cảng đều treo quốc kỳ. Phía cuối cảng nội địa, một con tàu lớn bốn trăm tấn đang tiến ra sau bốn tàu kéo, mỗi tàu có người hai tay chèo. Tất cả họ đều hát vang tạo thành hoà âm át cả tiếng đám đông:

Tàu cướp hàng của kẻ thù chạy nhanh mải miết

Mang lại vinh quang hay cõi chết

Tiến lên! Nước Pháp muôn năm!

Ngập tràn khắp Saint-Malo

Những con tàu đường trường đạp sóng xô

Tiến lên, thượng lộ bình an!

Hỡi các chàng thủy thủ, ngoài khơi hãy mởto đôi mắt

Tàu tuyệt nhất cũng là tàu lớn nhất.

Hỡi các chàng thủy thủ, ngoài khơi, hay mở to đôi mắt!

Tàu tuyệt nhất cũng là tàu lớn nhất.

Tiến lên tàu của chúng ta!

Tàu của chúng ta sẽ ra khơi

Nhanh hơn đường lao của cá bơi.

Trong lúc các con thuyền kéo chiếc tàu qua eo hẹp chia đảo Saint-Serran và đảo Saint-Malo, người ta có thể thấy bên dưới cột buồm mũi hình một bộ xương tuyệt vời như vừa chui từ quan tài ra.

Đó là chiếc tàu *Revenant* vừa được đóng bằng tiền của thuyền trưởng Surcouf dùng để thám thính đại dương, chốn kịch trường của những chiến công oai hùng của thuyền trưởng anh dũng ấy. Nó sắp xuất hiện trong Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương như một *Kẻ trở về*.

Vừa nhìn thấy nó, dân chúng đứng trên các mỏm đá, ghé qua tường thành hay tụ tập bên những ô cửa sổ đồng thanh hô vang

"*Revenant muôn năm!*

Đoàn thủy thủ muôn năm!"

Những tay chèo đứng dậy và cũng hô vang:

"Surcouf muôn năm! Nước Pháp muôn năm!"

Tất cả cửa sổ trên tàu cướp biển đều có vợ con, anh em và bạn bè của họ. Những người này có vẻ sốt ruột và đã chau mày vì chuyến tàu phải ra khơi đúng mười hai giờ trưa. Mười một giờ đã điểm mà không thấy một người đàn ông nào trong thủy thủ đoàn của Surcouf lên boong. Ông cữ thuyền phó Bléas đi xem người của mình làm gì ở quán nhà chị Leroux hay trên phố Traversière. Lát sau, Bléas trở lại nói nhỏ với ông rằng, giống César chuẩn bị đi Tây Ban Nha và bị chủ nợ chặn lại, đoàn thủy thủ của ông cũng bị người Do Thái cho vay tiền hiện đang chặn lại không cho họ đi chừng nào chưa trả nợ. René đứng cạnh Surcouf nhận thấy có khả năng can thiệp vào việc này nên anh xin phép đi thay ông và xem có cách nào giải quyết êm thấm giữa con nợ và chủ nợ hay không.

Những ai không được thấy con tàu ra khơi trong điều kiện như con tàu của Surcouf có lẽ cũng không hình dung ra quang cảnh đặc biệt và tò mò nhất có thể tưởng tượng.

Khi các khoản tạm ứng mới được phát cho các thủy thủ, tức thì cả những bà vợ và chủ nợ xông vào họ để giành lấy nhiều tiền nhất có thể. Nói chung, trong những hoàn cảnh như thế thì phụ nữ đáng sợ hơn các chủ nợ: những cơn tru tréo, khóc lóc, than vãn của các bà vợ hoà với lời đe nẹt của dân Do Thái như xiết họ tức thở. Tuy thế, phụ nữ bao giờ cũng giành ưu thế. Những con chim mồi đáng thương biết rằng sau lực lượng cộng đồng thậm chí sau các quan toà thì phụ nữ luôn có đủ lý lẽ để chống lại họ. Họ vừa để cho các bà vợ giật từng sợi tóc vừa hiểu rằng chi tiêu trong gia đình phải được ưu tiên. Thế nhưng, khi người phụ nữ cuối cùng cứu được đồng tiền của các ông chồng thì các quý ông này lại phải chịu cơn thịnh nộ khác. Họ đành đưa nốt những đồng bạc cuối cùng cho chủ nợ nhưng nếu các chủ nợ không chấp nhận một nửa khoản họ đòi, nếu con nợ đầu tiên tỏ ra ngoan cố, sẵn sàng nổi đoá lên nếu việc can thiệp bằng vũ lực trở nên cần thiết thì thủy thủ giận dữ với chủ nợ cương quyết sẽ bắt đầu lao vào cuộc đấu khẩu xứng với những lời khiêu khích của các anh hùng trong trường ca của Homère.

Thế mà đó đã là chuyện vừa xảy ra. René đứng giữa một cuộc hỗn loạn thật sự. Vừa nhận ra anh, đám thủy thủ hiểu ngay vị cứu tinh của mình đã đến, những tiếng reo la "Thư ký của chỉ huy!" đón chào anh kèm với những tràng pháo tay ròn rã. Chiếc túi anh cầm trên tay có vẻ đầy vàng phần nào làm yên lòng các chủ nợ. Anh trèo lên bàn và ra hiệu muốn nói. Tất cả lập tức im bặt. Sự im lặng mới tuyệt đối làm sao! Người ta ngỡ như sắp có sấm của Decade.

- Thưa các bạn - René cất giọng - Ngài chỉ huy không muốn ngay lần đầu ông ra quân trên thành phố quê hương mình lại xảy ra xích mích giữa các thủy thủ, dù quê ở đâu, với đồng bào của ông ấy.

Nói đến đây, René nhận ra giữa những cất đầu đang hướng về mình có đầu của Saint-Jean, tức là người thủy thủ đã đến ăn tối theo lời mời của anh và kể mọi chuyện về Surcouf.

- Lại đây anh Saint-Jean - René nói rồi quay sang các thủy thủ và chủ nợ hỏi - Tất cả mọi người đều biết Saint-Jean?

- Chúng tôi biết anh ấy - Cả chủ nợ và các thủy thủ đáp.

- Đó là một người đứng đắn đúng không?

- Đúng! Các thủy thủ đồng thanh đáp - Đúng! Đúng! Đúng!

- Đúng! - Đám người Do Thái đáp không mấy hăng hái.

- Tôi giao nhiệm vụ cho anh ấy trả tiền cho các người. Anh ấy sẽ trả mỗi chủ nợ năm phần trăm khoản lãi dù vay ở thời điểm nào. Những ai vay một tháng, mười lăm ngày hay tám ngày đều nhận lãi từ tiền của mình, như thể cho vay từ một năm.

Đám chủ nợ xì xào.

- Nào, nhận hoặc là không - René nói - Đây là tiền (anh chỉ vào chiếc túi) còn đây là túi của tôi, một khi nó đã vào trong túi tôi thì các vị đừng mong thấy nó và những gì trong túi nữa, một, hai, ba…

- Chúng tôi đồng ý! - Đám chủ nợ ầm lên.

- Saint-Jean, hãy thanh toán nhanh lên, thuyền trưởng đang rất sốt ruột.

Saint-Jean là một người tính toán nhanh nhẹn, chỉ trong vòng mười lăm phút, tất cả đã kết thúc. Khoản tiền ban đầu đám chủ nợ đòi lên đến 52 nghìn phăng đã được thanh toán hết 20 nghìn. Bọn Do Thái cười thầm vừa thú nhận chúng không mong gì hơn tất cả các khoản nợ còn lại cũng được trả như thế.

René nhận từ tay Saint-Jean bản cam kết tập thể đã nhận 20 nghìn phăng đổi lại họ thả con nợ ra. Thế là những cánh cửa mở toang, rào chắn bị dỡ bỏ và các thủy thủ ầm ĩ, nhanh nhẹn như một vòi rồng lao về cổng Dinan, nơi hẹn xuất phát.

Tàu sẽ ra khơi đúng 12 giờ trưa. Người ta chỉ còn mười lăm phút nữa. Trán thuyền trưởng Surcouf dãn ra khi thấy đoàn thủy thủ cùng đến.

- Thật lòng - ông nói với René - Tôi đã biết rõ anh có thể đánh với Héc-quyn, bắn súng như Junot, đấu gươm với Saint-Georges, uống như tướng Bisson, nhưng tôi còn chưa biết anh cũng có tài ngoại giao giỏi như ngài Talayrand đâu đấy, anh làm thế quái nào vậy?

- Tôi đã trả tiền cho họ - René đáp gọn.

- Anh đã trả cho họ ư?

- Đúng thế!

- Anh trả bao nhiêu?

- 20 nghìn phảng, thật quá rẻ. Ban đầu họ đòi 50 nghìn.

- Hai mươi nghìn phăng! - Surcouf nhắc lại.

- Ở đây không có thói quen người mới đến trả khoản "ra mắt" à? - René cười và hỏi.

"Rõ ràng đây là cháu của Sa hoàng Pierre Đại đế muốn, như tổ tiên của mình, học nghề thủy thủ đây - Surcouf nghĩ thầm trong bụng".

Rồi ông quay sang lớn giọng nói với đám thủy thủ:

- Này, hỡi quân chó má các người - ông nói - có thể các người cho rằng nhờ ta mà các người lành lặn thoát khỏi tay bọn chủ nợ thì các người nhầm to: Một khi đã trả trước, ta có thói quen với đội quân của mình là họ đừng mong nhận thêm một xu. Chính người bạn mới René của các ngài đã trả khoản ra mắt đấy. Kể ra hai mươi nghìn phăng cũng hơi đắt, nhưng các anh còn mong gì hơn? Đó là thói hoang của anh ta. Ta hy vọng các anh biết ơn anh ấy về điều này và nếu anh ấy gặp bất cứ nguy hiểm gì cần phải làm sao cho anh ấy thoát khỏi nó, đó là việc các anh phải làm. Còn bây giờ, chúng ta lên đường thôi.

Surcouf đã cho làm một lối đi xuống bến khi thủy triều hạ, nhưng vì lúc đó, thủy triều lên cao nên những con sóng đã xô lên những bước chân đầu tiên.

Tiếng trống gọi lên boong vang lên giục thủy thủ xuống xà lan, mỗi chiếc chở 12 người ra tàu. Một tiếng sau, 140 thủy thủ đã lên đến nơi và René là một trong số đầu tiên, sau khi đã nhận những lời cảm ơn của bạn bè. Tiếp sau là tham mưu lên boong với tiếng trống và tiếng sáo chào đón.

Trong giây lát, ai vào vị trí người đó: thuyền trương trước bệ lái các thủy thủ điều phối trên bực buồm, sĩ quan gần bảng báo hiệu. Thủy thủ đoàn bao gồm tất thảy 145 người, Surcouf còn định mang 180 người trong cảng đầu tiên nơi ông thả neo.

Bras-d Acier là người duy nhất vắng mặt. Ông ta đã nói với Surcouf rằng một khi René ở trên tàu thì ông không cần thêm thầy dạy kiếm nào nữa. Những chiếc thuyền được buộc lên tàu theo hình chiếc nỏ và một phát đạn đại bác vang lên, lá cờ ba màu cũng giương lên trên nóc cột buồm chính báo liệu đã đến giờ xuất phát. Vì gió không vào đến nơi nên các tay chèo phải đưa con tàu ra xa hơn. Các thủy thủ tiếp tục chèo trong khi Surcouf hoa tiêu thuộc nhất thông thổ đó đang chỉ đường cho người lái. Các thủy thủ lại cất giọng hát vang.

Đến Roche-Aux-Anglais, con tàu dừng lại, người ta nghe thấy giọng của Surcouf nói với thủy thủ đoàn của mình nhưng đồng thời cũng cho tất cả khán giả đến từ biệt nghe thấy:

- Trời yên, biển lặng, gió thuận! Chuẩn bị giương buồm ra khơi! Hãy căng buồm, hãy kéo buồm lên!

Cánh buồm xổ xuống dọc theo ba cột rồi phồng lên rất điệu đà con tàu đi sâu vào trong lạch Petite Conchéc chỉ hai giờ sau, tàu *Revenant* chỉ còn là cái chấm trắng nhỏ xa dần cho đến khi không còn nhìn thấy gì nữa.

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 55
Ténériffe

Cách bờ biển Maroc vài dặm, đối diện với dãy núi Atlas, giữa các đảo Acores và đảo Cap-Vert mọc lên hòn đảo Cananes nữ hoàng với đỉnh núi hút vào tầm cao 7500 mét ẩn khuất trong mây quanh năm bao phủ.

Không khí nơi đây thật mát mẻ và trong lành đến độ người ta ngờ đỉnh của nó chỉ cách 30 dặm và từ các đỉnh đồi trên đảo người ta có thể quan sát được một con tàu cách đó 12 dặm trong khi thông thường chỉ 7 dặm là không nhìn thấy được gì.

Tại đây, dưới cái bóng của núi lửa khổng lồ, giữa những hòn đảo mà người xưa gọi là *Đảo May Mắn*, người ta có thể quan sát được eo Gibraltar, đoạn đường hai châu Mỹ sang Tây Ban Nha và con đường từ Ân Độ sang châu Âu và ngược lại. Surcouf đã cho tàu dừng tại đó lấy nước, thực phẩm tươi và mua một trăm chai vang hiệu Madère còn phổ biến ở thời đó nhưng ngày nay đã hoàn toàn biến mất nhường chỗ cho loại rượu nhạt mà người ta gọi là vang Marsala.

Từ Saint-Malo đến Ténériffe, ngoài luồng gió không thể tránh khỏi từ vịnh Gascogne thì thời tiết rất đẹp và đường thông với tàu cướp biển, loại tàu chuyên cướp hàng từ tàu buôn nước ngoài, thì đường thông tức là họ không gặp một tàu tuần tra nào săn đuổi, ngoài ra, để tránh tàu chiến Anh, người ta có thể dựa vào đường chạy xuất thần của tàu *Revenant*, đang áp sát, nó có thể đạt đến tốc độ 12 *nơ* một giờ. Trời đẹp cho phép Surcouf có thể cho tập bắn như thường lệ. Một lượng chai lớn treo lủng lẳng đã bị ông và nhất là René hầu như không bắn trượt cái nào.

Các thủy thủ khác không bao giờ đạt đến trình độ như thuyền trưởng vỗ tay rào rạt cho anh chàng thủy thủ trẻ. Nhưng điều khiến các sĩ quan đặc biệt ngưỡng mộ đó là những khẩu súng đẹp nhờ vào chúng anh thực hiện các kỳ công cực kỳ khéo léo.

Các vũ khí ấy gồm một khẩu súng trường nòng đơn giản dùng để săn các loại động vật nhỏ bằng đạn chì và một khẩu cạc bin cùng cỡ nòng có rãnh dùng để săn thú lớn hay bắn người ở những nơi con người đạt ngang hàng với loài thú hại. Hai hộp nhỏ hơn mỗi hộp đựng một cặp súng ngắn, trong đó, một cặp loại thường dùng đấu tay đôi, cặp kia dùng trong chiến đấu có nòng kép.

Ngoài ra, René còn tự tay làm một lưỡi rìu tấn công cho mình nhìn đơn giản như một mầu sắt nâu không trang trí hoạ tiết nhưng được rèn cẩn thận và rất sắc, nó được tra vào một cái cán nhỏ chỉ bằng ngón tay. Tuy nhiên, vũ khí bất ly thân anh đặc biệt chăm chút luôn đeo trên cổ bằng sợi dây chuyền bạc lại là một con dao găm nhỏ có hình giống dao Thổ Nhĩ Kỳ tức là hơi cong và giống như những người A rập ở Dams vẫn làm, với lưỡi dao đã cất kỹ, nó có

thể chém đứt một chiếc khăn mỏng đang bay.

Thuyền trưởng Surcouf hả lòng hả dạ khi được René lên tàu của mình, nhất là sau khi phong cho anh ta làm thư ký riêng, điều cho phép ông được liên tục nói chuyện với anh. Thuyền trưởng Surcouf là người đăm chiêu và độc đoán vốn ít khi tán chuyện, tuy nhiên để giữ được sự phục tùng của đám quân tứ xứ và từng làm nhiều nghề khác nhau, ông rất quan tâm đến việc vui chơi và giải trí cho họ. Ông cho đựng trên tàu *Revenant* hai phòng tập, một ở đuôi thuyền dành cho các sĩ quan và một ở phía trước mũi dành cho các thủy thủ. Ông cũng dạy họ tập bắn, chỉ có điều các sĩ quan bắt buộc bắn lên mạn phải còn hạ sĩ quan và thủy thủ ở bên mạn trái.

Chỉ thuyền phổ, ngài Bléas mới được vào phòng của ông bất cứ lúc nào vì bất cứ chuyện gì. Nhưng đối với các sĩ quan khác, thậm chí cả trung uý, muốn vào trong ấy phải có lý do nghiêm chỉnh. René được miễn mọi thủ tục đó, nhưng e những chiến hữu khác ghen tị, anh ít khi tận dụng đặc quyền ấy và thay vì đến phòng Surcouf, anh để cho ông ta đến tìm mình.

Căn phòng của viên chỉ huy vô cùng sang trọng theo kiểu nhà binh: hai khẩu đại bác cỡ 24 ly được ngụy trang hoàn toàn, làm bằng đồng nhưng nhìn như bằng vàng chừng nào chúng còn được anh chàng da đen Bambou chăm sóc vì anh này có sở thích đặc biệt là soi mình vào đó. Trướng phủ tường toàn là vải Cachemire mang từ Ấn Độ, các loại vũ khí lấy từ khắp nơi được dùng làm đồ trang trí. Một chiếc võng đơn giản mắc giữa hai khẩu đại bác dùng làm giường. Ngoài ra phía dưới chiếc võng là một tấm thảm nơi Surcouf hay nằm ngủ thay vì nằm võng. Khi chuẩn bị chiến đấu, đồ đạc trong phòng có thể bị xộc xệch do va chạm với những đồ bị lấy đi và phòng này dành chỗ cho các pháo thủ.

Khi Surcouf đi dạo trên boong, ông ít khi nói chuyện với viên phó. Khi ấy mọi người đều vội nép sang một bên nhường lối cho ông. Bản thân ông, để tránh làm phiền họ, ông cũng thích đứng dựa vào một cây cột trên cao.

Cách ông gọi anh chàng da đen Bambou là gõ vào một chiếc trống mà âm

thanh của nó vang dội khắp con tàu. Dựa vào âm lượng to hay nhỏ, người ta có thể đoán được tâm trạng của ông.

Tại chốn địa đàng ấy, từ tám ngày qua ông cho người của mình đổ bộ xuống chân ngọn Ténériffe, thoả chí săn bắn và câu cá. Ngoài ra, Surcouf còn bổ sung thêm trò vui mới là khiêu vũ.

Tất cả các buổi tối, dưới nền trời đính đầy những vì sao chưa từng biết đến ở châu Âu, đến giờ các loại cây thơm toả hương dìu dịu, gió biển thổi vào mát rượi, trên lớp cỏ mềm và mịn như một tấm thảm là các cô thôn nữ trong trang phục tuyệt đẹp lại xuống từ các làng Chasna, Vilafior và Anco. Ngày đầu tiên, họ rất bối rối không biết tìm đâu ra nhạc xứng với các vũ công nam minh hoạ và các vũ nữ xinh đẹp. Nhưng René đã nói:

- Hãy tìm cho tôi một cây đàn ghi ta hay vĩ cầm, để xem tôi còn nhớ nghề cũ không.

Để tìm cây đàn ghi ta ở một làng Tây Ban Nha thì chỉ việc với tay là được. Ngày hôm sau, René chỉ việc chọn trong mười cây vĩ cầm và rất nhiều đàn ghi ta lấy một thứ, anh cầm đại một chiếc và ngay âm thanh đầu tiên, người ta đã nhận ra đôi tay bậc thầy. Ngày hôm sau dàn nhạc đã nổi lên giữa tiếng sáo, trống và tiếng nhạc cụ Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của René.

Đôi khi René bị những kỷ niệm xưa cuốn đi khiến anh quên cả điệu nhảy lẫn các vũ công để chìm vào một nỗi buồn bất thần. Thế là điệu nhảy dừng lại, người ta đặt tay lên môi ra hiệu im lặng tiến lại gần anh. Cơn muộn phiền kéo dài lâu hay chóng và mỗi lần như thế xong, Surcouf lại tự nhủ: Vợ mình nói đúng, quả nhiên có nỗi thất tình lẩn khuất đâu đây.

Một buổi sáng, René bị một cuộc chuẩn bị tấn công đánh thức dậy. Họ nhận ra phía thượng miền đảo Cap-Vert cách đó ba dặm trên biển có một chiếc tàu mà qua hình dạng cánh buồm cho thấy đó là tàu Anh. Khi nghe tiếng kêu "Một thuyền buồm!", lập tức Surcouf chồm lên boong và ra lệnh chuẩn bị tấn công. Mười phút sau, trong lớp vải buồm dày lên, trong tiếng va chạm

chuẩn bị cuộc chiến, con tàu quay ra biển tiến về phía chiếc tàu Anh.

Năm phút sau, đến lượt René lên boong tay sách súng cạc bin, súng ngắn hai viên đeo trên thắt lưng.

- Có lẽ chúng ta sắp vui đùa một chuyến - Surcouf nói.

- Cuối cùng cũng đến lúc - René nói.

- Cậu muốn tham gia không?

- Có chỉ có điều tôi muốn ngài dành cho tôi một chỗ để không ảnh hưởng đến ai.

- Được thôi! Hãy đứng cạnh tôi và hạ bất cứ tên nào chĩa súng về phía chúng ta.

- Bambou đâu? - Surcouf gào lên.

Tên da đen lại gần ông.

- Đi tìm cho ta *Sấm sét* lại đây.

Sấm sét là tên khẩu súng trường của Surcouf, còn một khẩu vừa tên là *Badin*.

- Và mang cả súng cho ngài René nữa - Surcouf nói thêm.

- Không cần đâu - René chen vào - tôi có sinh mạng bốn kẻ trong đai lưng và một tên nữa trên tay đây rồi. Với một kẻ nghiệp dư, tôi nghĩ thế cũng là quá nhiều.

- Quân Anh làm gì thế, Bléas? - Vừa hỏi Surcouf vừa trao súng cho viên thuyền phó, với ống nhòm theo dõi quân Anh.

- Chúng thay neo và tìm cách tránh chúng ta, thưa chỉ huy.

- Chúng ta có theo kịp bọn chúng không?

- Đuổi được tôi thấy điều này rất hiển nhiên.

- Ê này - Surcouf nói to - hãy giương buồm vẹt và buồm phụ lên để trên.

Revenant vừa lượn điệu đà vừa cảm nhận được lệnh tăng tốc của ông chủ. Về phần mình, quân Anh cũng căng hết buồm song như thế chỉ càng tạo thuận lợi cho thuyền của ngài Surcouf.

Thuyền trưởng Surcouf ra lệnh bắn một quả đạn để nhận dạng quốc gia rồi giương cao lá cờ ba màu để chứng tỏ mình thuộc nước nào. Tàu Anh cũng làm như vậy và chẳng mấy chốc hai tàu đã rơi vào tầm đạn của nhau, tàu Anh khai hoả bằng hai phát đại bác trong hy vọng hạ cột buồm tàu cướp biển hay làm hư hỏng chỗ nào đó để bắt nó giảm tốc độ. Nhưng phát đạn đó gây ra ít thiệt hại và chỉ làm bị thương hai người. Quả đạn thứ ba vọt đến trong tiếng hú kinh hãi và không tả được của René, anh chàng này còn chưa quen với sự phá huỷ nên không biết đó là chuyện gì.

- Cái quỷ gì vừa bay qua đầu chúng ta thế? - René hỏi.

- Anh bạn trẻ của tôi - Thái độ của người đáp cũng thản nhiên như người hỏi - Đó là hai quả đạn bay. Cậu biết cuốn tiểu thuyết của ngài Laclos chứ?

- Cuốn nào?

- "*Những mối liên hệ nguy hiểm*".

- Không.

- Đó là kẻ phát minh ra hai quả đạn rỗng vừa bay qua đầu anh đấy. Nó có làm anh khó chịu không?

- Thật tình là không, nhưng khi khiêu vũ, tôi muốn biết tên các nhạc cụ trong dàn nhạc nữa cơ.

Surcouf trèo lên ghế trực và nhận thấy họ chỉ cách nửa tầm đại bác.

- Các anh đã chuẩn bị cỡ 36 chưa?

- Rồi thưa chỉ huy. - Lính pháo binh đáp.

- Các anh phóng thế nào?

- Ba loạt đạn.

- Chuẩn bị châm lửa.

Và khi nhìn thấy bên tàu địch cũng làm tương tự ông hô:

- Bắn!

Quân Anh đổ vật ra boong, con tàu bị hư hại nặng.

Sau đó ông chống tay lên thanh chắn mạn phải nói:

- Cứ để chúng đến gần hơn!

Khi hai bên ở trong tầm súng, Surcouf nhả lại phát đạn từ khẩu *Sấm sét* và đã có hai kẻ đổ từ bục của cột buồm lớn xuống sàn tàu. Nhưng ông đã để rơi súng, René nhìn thấy vội chìa súng của mình ra:

- Súng của ngài, nhanh lên!

Surcouf nhún vai nhanh rồi nhả đạn. Ông vừa nhìn thấy trong buồng thuyền trưởng quân Anh có một tên bắn pháo chuẩn bị châm lửa cho khẩu cỡ 12 dội sang thuyền của ông. Những trước khi châm lửa, hắn đã tử vong. - Bằng hành động ấy, Surcouf đã vừa cứu mạng mình và cả ban tham mưu của ông. Đứng cạnh ông, René hạ một tên pháo binh vừa chạy đến thay cho kẻ bạc mệnh trước đó bằng súng ngắn vì hai tàu đã sát nhau. Rồi anh hạ ba tên khác trên cột buồm lớn và cột phụ. Hai tàu chỉ cách nhau chưa đầy chục bước thì Surcouf hét to:

- Bắn mạn trái!

Một cơn mưa đạn vãi từ tàu *Revenant* lên boong tàu Anh.

Lúc quân Anh chuẩn bị khai hoả giàn pháo bên mạn phải thì nó nhận một cú bồi khủng khiếp nữa từ tàu *Revenant* làm vỡ vụn một bên thành. Cột buồm chính đổ gục khiến các chân gác trên đó vội nhảy xuống biển.

Giữa tiếng động long trời lở đất ấy, người ta nghe rõ giọng của Surcouf ra

lệnh:

- Tấn công lên tàu!

Tiếng hét ấy được 150 giọng nhắc lại rồi họ tràn lên cho đến khi có tiếng hét khác từ trên tàu Anh.

Cờ đầu hàng đã hạ!

Trận chiến kết thúc. Tàu chặn có hai người chết và ba người bị thương trong khi tàu Anh đếm được 12 người thiệt mạng và 20 người khác bị thương.

Thuyền trưởng Surcouf cho dẫn thuyền trưởng tàu Anh đến.

Kẻ này khai con tàu ông vừa chiếm tên là *Ngôi Sao Liverpool* được trang bị mười sáu khẩu pháo cỡ 12 ly. Nhận thấy nó ít giá trị, Surcouf bằng lòng chỉ lấy tiền.

Khoản tiền lấy được là 600 đồng bảng Anh. Surcouf chia toàn bộ cho thủy thủ đoàn làm tiền thưởng để khích lệ tinh thần đã hăng hái của họ còn ông không giữ lại gì cho mình. Nhận thấy con tàu kia có thể gặp một tàu Pháp khác nhỏ hơn và nó sẽ trả thù vì vụ thua vừa rồi nên ông ra lệnh cho Bléas sang tàu bên đó, ném hết pháo và thuốc nổ xuống biển.

Sau đó, tàu *Revenant* lại tiếp tục lên đường đi về phía mũi Hảo Vọng trong mềm tự hào trước trận chiến vừa rồi, với con tim sung sức sau tám ngày nghỉ ngơi ở Ténériffe và sung sướng có được một con người rộng lượng như René, người mà có ngày sẽ trả khoản hạ thủy của con tàu một cách trung thực.

Tuy nhiên, trong khi đến cái ngày hôm ấy, cả thủy đoàn còn việc khác phải làm hơn là dâng cho Hải Vương một cuộc diễu hành vĩ đại trước các vị hải thần.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 56
Tàu chiến

Quả nhiên, trước hôm Surcouf định vượt qua xích đạo, đúng hơn là chính ngày hôm ấy, khoảng ba giờ sáng một sớm bình minh đẹp trời tháng Chín, thủy thủ đứng gác thông báo:

- Có một cánh buồm!

Hầu như Surcouf lao ra khỏi phòng ngay lập tức.

- Nó đi theo đường nào? - ông ta hỏi.

- Nó đến từ phía tây bắc và hình như đi xuống hướng đông nam, điều này có nghĩa là nó đi cùng đường với chúng ta.

Những câu nói trên vừa thốt ra, Surcouf đã leo lên boong đuôi tàu rồi qua bục, leo đến nấc buồm đầu tiên trên cột lớn. Từ "có tàu" đã trở thành từ ma thuật đối với toàn đội, một phần tư trong số họ đã tràn đến các trục ngang dùng để căng buồm để ước lượng sức mạnh của con tàu họ sắp đụng độ: Nó có vẻ đi cùng đường với tàu *Revenant*, chỉ có điều khác là có lẽ nó đến từ vịnh Mehico. Tàu *Revenant* chạy chậm lại và lái tránh tầm đạn của tàu Anh. Thuyền trưởng Surcouf muốn thận trọng trước quyết định tấn công hay bỏ qua của mình. Cả hai con tàu đều dò xét lẫn nhau và vì khoảng cách giữa chúng khá xa nên việc quan sát ấy kéo dài gần hai tiếng. Ngày mới đã đến, nền trời loang ra nhờ ánh sáng trắng cũng là khi người Anh nhận ra thế thượng phong trong nước chạy của tàu *Revenant*. Qua hình dạng cánh buồm và các cột buồm giương cao họ cũng mơ hồ đoán được đây là tàu cướp biển. Tàu Anh nhanh chóng khẳng định mình bằng cách kéo cờ và bắn một phát súng đại bác, màu cờ nước Anh giống như một ngọn lửa thảm hoạ phất phới đậu trên đỉnh cột buồm. Tiếng đạn rít trên mặt biển, lướt trên đầu con sóng phóng lên cao dần rồi lao qua đầu tàu cướp biển rơi xuống màn bên kia làm nước bắn trung toé.

Thuyền trưởng Surcouf khinh miệt để viên đạn bay quanh như thể với ông nó chẳng có nghĩa lý gì. Tuy thế, ông vẫn không cho đây là thuyền buồm

đơn thuần và huýt sáo ra hiệu im lặng rồi ra lệnh:

- Tất cả lui lại phía sau!

Thủy thủ đoàn bao gồm gần một trăm năm mươi người rút lại xung quanh vào phía trên bậc lên xuống cầu thang ướt đẫm vẫn dùng làm bàn chỉ huy trong trường hợp trang trọng. Surcouf muốn tách người của mình ra, không muốn tham khảo ý kiến các sĩ quan về việc tấn công con tàu lạ kia vì họ sẽ khuyên ông từ bỏ dự định quá mạo hiểm. Họ không biết trên tàu có đông thủy thủ và khách hay chỉ biết trên boong có đầy người mặc quân phục.

- Anh em! - Surcouf lên tiếng trong một bài diễn văn ngắn - Dù vẻ bề ngoài của con tàu rất oai vệ nhưng đây không phải là một tàu chiến, tôi xác định đây là một tàu trong Hiệp hội Anh.

- Đúng là chúng ta không đủ mạnh để hạ nó bằng đại bác nhưng chúng ta sẽ tấn công tàu ấy, mọi người đến cầm vũ khí. Vì cuộc chiến sẽ rất khốc liệt, tôi cho mỗi người một tiếng chuẩn bị.

Nghe xong, thủy thủ nào cũng reo lên sung sướng và trở về vị trí lấy vũ khí dưới chân mũi. Chỉ huy phát vũ khí cho mọi người: gươm, rìu, súng, dao găm dùng trong trường hợp đánh giáp lá cà nguy hiểm. Những thủy thủ phụ trách dây rợ trang bị cho mình súng hai lòng, các thùng đạn trong khi các hạ sĩ lại chuẩn bị những cái móc rất đáng sợ. Hai bác sĩ phẫu thuật trên tàu cùng các y tá chuẩn bị một phòng để đón các thương binh, những khay đựng cồn, thuốc bày la liệt.

Một tiếng còi rít lên ra hiệu cho mọi người về vị trí chuẩn bị chiến đấu. Thuyền trưởng tàu Anh tin tưởng vào sức mạnh của mình, cho đổi hướng tàu để sẵn sàng nghênh chiến, đồng thời cử một sĩ quan đại diện mình đi mời các hành khách kể cả các quý bà. Họ vẫn chưa đứng dậy lên khoang thượng ở đuôi tàu để chứng kiến cảnh bắt sống hay nhấn chìm một tàu cướp biển của Pháp.

Thuyền trưởng Surcouf nhận ra cơ động của đối phương cũng cho chuyển hướng tàu ra nghênh địch, như vậy tàu của ông sẽ tấn công từ mạn trái còn

tàu Anh từ mạn phải. Hai bên đã giáp lại gần nhau đến độ ông có thể đọc được tàu địch mang tên *Standard*. Nó đã giương tất cả các cánh buồm còn Surcouf thì không thèm trả miếng. Khi Surcouf nhìn thấy trên boong tàu địch lố nhố quân, ông phát cho chục thủy thủ hai giáo dài, cho họ xếp hàng ở giữa boong và tấn công bất kể là quân ta hay quân địch.

Các đài cánh buồm cũng đã có người gác, đạn được trang bị nhiều các khẩu đại bác bằng đồng ánh lên dưới nắng mặt trời.

Cuối cùng các tay súng giỏi nhất tàu *Revenant* phục kích ở các bè gỗ hay xà lan để từ đó bất ngờ nhắm bắn sĩ quan Anh.

Trên khoang thượng của đuôi tàu đối phương, các quý bà xinh đẹp và các quý ông sang trọng đang lơ đễnh ngắm nghía, kẻ bằng mắt thường, người dùng ống ngắm. Bléas nói với Surcouf.

- Ngài có thấy rõ tất cả đám váy áo và các công tử bột trên khoang thượng kia đang có vẻ như chế giễu chúng ta không? Chúng vẫy tay chào và ra hiệu như muốn nói: Chúc lên đường may mắn, bọn ta sẽ cho các người chìm nghỉm, đừng quá buồn ở dưới đáy đại dương nhé?

- Đó là trò trẻ con! - Surcouf đáp - Đừng bực mình về mấy con rối xinh đẹp ấy làm gì, chưa đầy một tiếng nữa anh sẽ thấy chúng phải khom lưng cúi đầu trước cái nhìn của chúng ta, nhất là hãy nhìn tên bắn pháo bất cẩn kia.

Đó là một thanh niên trẻ đẹp, đầu trần, tóc vàng bay lơ phơ trong gió. Hắn vừa rời thành tàu để nạp đạn vào cỗ pháo. Surcouf nhả đạn viên đạn sượt qua tóc hắn nhưng chưa chạm vào người, hắn giơ tay vẫy vẫy và làm động tác giễu cợt, hắn tưởng còn thời gian rút vào trong trước khi Surcouf kịp nạp đạn nhưng hắn đâu biết khẩu *Sấm sét* của ông là khẩu hai viên, ông bắn tiếp và lần này kẻ đẹp trai gục xuống như một cái cây đổ, hai tay ôm lấy khẩu pháo, chân thõng ra, tay còn bám vào nòng pháo nhưng chỉ lát sau hai tay oải dần rồi cả người rơi tõm xuống biển mất tăm.

Không một chi tiết nào của cái chết vừa rồi lọt qua tầm nhìn của Surcouf và nó để lại cho ông một cảm xúc rất sâu sắc.

- Tất cả nằm xuống chờ lệnh mới! - ông ra lệnh sau khi im lặng một lát chờ cho cơn xúc động của mình dịu xuống.

Ông vừa dứt lời, tàu Anh vãi đạn ra từ tứ phía, nhưng đó là ngày may mắn của thuyền trưởng Surcouf. Nhờ lệnh vừa đưa ra, không một người nào của ông bị trúng đạn. Ngay khi Surcouf bị lộ ông cho tàu quay ra sau địch tiếp cận mạn trái. Để tránh cú áp sát đó tàu *Standard* giống như một chú bò mộng cũng không ngừng quay để chìa cái trán có cặp sừng đối hướng buộc tàu *Revenant* đột ngột trở lại mạn tàu có gió bên trái để vượt lên đối thủ lần thứ ba.

Trước thái độ cương quyết của địch, người Anh hiểu rằng họ phải giải quyết bằng cuộc đấu giáp mặt. Thuyền trưởng tàu Anh quay cần bánh lái để rẽ. Tàu *Standard*, có ưu thế hơn về kích thước cánh buồm nhưng giờ đã hạ bớt để khai hoả nên không thể vượt lên, nó chậm hơn và lùi dần ngang hàng với *Revenant*. Trong nỗi sợ bị nó vượt và mong muốn bắt tàu địch giảm tốc độ, Surcouf hét: "Bắn!" và vừa cho tàu ghé sát vào vừa ra hiệu bắn hai quả đạn đại bác kèm các loạt đạn. Đúng lúc hai con tàu va vào nhau, một tiếng va chạm ghê gớm vang lên, hai cột buồm quấn sát vào nhau. Chúng sát nhau đến nỗi các nòng đại bác có thể chạm nhau được.

Cả hai bên cùng ra lệnh "Bắn!" và cả hai cái họng đều nhả đạn chỉ có điều các ụ pháo của tàu *Revenant* ở dưới dàn pháo của *Standard* và trong khi đạn của tàu *Revenant* bắn thủng thành tàu cách boong một bộ về phía trên và phá mọi thứ nó gặp phải thì cũng là lúc tàu Anh hỗn loạn thật sự. Surcouf đã tấn công ác liệt đến nỗi quân địch chưa kịp hoàn hồn xem chuyện gì vừa xảy ra.

Người trên tàu thì cứ nghĩ sau loạt đạn vừa rồi, tàu cướp với lực lượng kém hơn ba lần, thì không đời nào Surcouf dám cho áp sát.

Thế là họ túng tụm lên thành để tận hưởng sự thất bại của *Revenant*. Nhưng họ đã ngạc nhiên và phải nói là kinh hoàng khi thấy các móc tung ra níu lấy *Standard* từ tứ phía rồi mỏ neo nặng bên mạn phải của tàu cướp thả xuống khiến nó đứng im tạo thành cây cầu chắc chắn nối hai con tàu với nhau. Rồi kinh hãi của người Anh không thể tả nổi khi thấy mưa đạn xối đến xuyên qua *Standard*, khiến hai mươi đến hai mươi lăm người bị thương hoặc bị chết nằm trong vũng máu loang.

- Đến lượt cậu tràn sang, Bléas! - Surcouf hét lên bằng một giọng gần như là gào thét.

- Tấn công! - Cả đoàn đồng thanh reo lên và lao sang tàu địch với đà dũng mãnh.

Surcouf ra lệnh cho hai tay trống đứng gần mình đánh liên hồi. Được tiếng trống thúc giục, những thủy thủ từ tàu cướp biển trong tay cầm rìu, gươm, dao găm, môi mím chặt giận dữ, mắt đỏ vằn, dùng mọi thứ có thể để leo sang mạn tàu thủng của địch.

Trong khi đó, trên các cánh buồm của tàu *Revenant*, Guide và Avriot cũng vãi đạn sang boong tàu địch để yểm trợ. Một lát sau, khi thấy họ có vẻ dừng lại, Surcouf ra lệnh:

- Nào, Avriot! Bắn đi, Guide! Bắn đi, bắn liên tục vào!

- Chờ đã, thưa thuyền trưởng - Chàng thủy thủ chịu trách nhiệm chăng dây tên là Guide từ trên xà ngang cánh buồm nói - Có hai người ném đạn dưới trục vừa bị giết.

- Thế thì hãy ném hai cái xác ấy sang quân Anh. Họ có vinh dự, dù đã chết, vẫn là người đầu tiên đặt chân lên tàu địch!

Ngay lập tức, hai cái xác được tung mạnh từ những cánh tay rắn rỏi, tạo thành một đường vòng cung và rơi vào giữa đám sĩ quan. Một dàn trống vội giãn ra quanh xác họ.

- Tiến lên các bạn! - Bléas hô to - Chúng ta hãy tận dụng lúc chúng lùi xuống đi nào?

Tất cả nhóm leo lên cây cầu nối hai mạn tàu, ba người đi đầu là anh chàng da đen Bambou, anh này cá cược khi cập mạn anh ta sẽ là người đầu tiên lên boong tàu Anh, hai người khác là René và Bléas. Bambou cầm một cây lao và sử dụng vô cùng linh hoạt, mỗi nhát phi lại giết chết một tên Anh. Chiếc rìu của René cũng vung lên đôi ba lần, kẻ nào bị nó đón đều nằm gục ngay.

Nhưng bỗng nhiên René sững lại, đứng im ngạc nhiên nhìn trân trân trước cảnh hãi hùng diễn ra khi thấy một hành khách bị thương giữa ngực đang

được đưa đi. Hai cô con gái đi sát qua anh và xông vào giữa cảnh tàn sát chết chóc ấy mà không nghĩ đến nguy hiểm có thể xảy ra với mình: Một cô đỡ đầu, người kia hôn tay. Cho đến khi nhóm người ấy chạy khuất vào cửa boong, René vẫn chưa thể rời mắt khỏi khuôn mặt tái nhợt của kẻ bị thương nơi đang diễn ra những đợt co giật cuối cùng trong cơn hấp hối.

Đoàn người đã khuất hẳn, René vẫn nhìn theo. Phải đến khi Bléas đẩy mạnh anh sang bên và bắn chết một tên Anh đang bổ rìu xuống đầu anh, bấy giờ René mới tỉnh hẳn và lao vào giữa quân Anh.

Thuyền trưởng Surcouf lên mạn tàu *Standard* và lướt mắt nhìn toàn bộ quang cảnh trên boong chứa đầy trang phục màu đỏ những ông ta ngạc nhiên khi thấy các chỗ trống không thể ngờ lại được lấp đầy nhanh đến vậy dù người của ông vô cùng anh dũng.

Kernoch tay cầm que thông nòng trong tay và sử dụng nó như một cái chuỳ. Mỗi cú đánh của anh chàng Héc-quyn xứ Bretagne lại lấy một mạng, nhưng dù can đảm đến mấy các thủy thủy tàu của Surcouf vẫn chưa đến được chân cột buồm lớn.

Thuyền trưởng Surcouf nhìn bao quát trận chiến đẫm máu dự định cho bắn hai quả đạn cỡ mời sáu xuống đuổi tàu nhằm đánh lạc hướng để người của mình chuyển đạn nhỏ sang tàu địch.

- Hãy xếp hàng bên cầu tàu! - Surcouf ra lệnh.

Những ai đoán được ý định của ông đều nhanh chóng xếp hàng lên mạn để thùng đạn sắt qua dễ dàng. Cùng lúc đó, một tiếng nổ rền rĩ vang lên hai khẩu đại bác khạc đạn của chúng lên khoang thượng của tàu *Standard*. Thảm cảnh đó đã tưởng như triệt tiêu lòng can đảm của quân Anh thì lại năm mươi người mới lao ra. Nhưng thật bất hạnh cho *Standard*, Avriot và Guide vừa chuyển hai hòm đựng đầy đạn sang và đang xả đạn trên boong, một viên nổ ngay dưới chân bục chỉ huy và viên thuyền trưởng đổ soài ra đất.

- Chỉ huy đã chết! - Surcouf reo lên - Chỉ huy đã chết rồi.

- Nói bằng tiếng Anh đi, ai biết tiếng Anh thì nói đi.

René nhảy hai bước lên phía trước, giơ mũi rìu be bét máu và kêu to:

- The capitain of the *Standard* is dead, lower the flag!

(Thuyền trưởng tàu *Standard* đã chết, hạ cờ xuống!)

Mệnh lệnh bằng tiếng Anh này chuẩn đến nỗi kẻ giữ cờ cứ ngỡ thuyền trưởng đã chết và thuyền phó của *Standard* ra lệnh hạ cờ liền tuân theo tức thì. Tuy nhiên, trận chiến trên boong vẫn tiếp diễn, viên thuyền phó tàu *Standard* thấy chỉ huy không còn nữa bèn lao ra boong để chỉ huy và kêu gọi những quân Anh còn lành lặn. Mặc dù cái lò mổ khủng khiếp diễn ra trên tàu *Standard* những vì con tàu này chỉ quen đi Calcutta nên nó còn nhiều người có khả năng cầm vũ khí hơn là quân của Surcouf. Thật may là trên boong đã thuộc quyền kiểm soát của tàu tấn công. Họ dồn thuyền trưởng mới và vài tên khác vào boong và khép chặt cửa. Viên thuyền trưởng mới vẫn ngoan cố, ra lệnh bắn hai quả đại bác cỡ mười tám ở giàn pháo lộ thiên nhằm phá thủng cánh buồm và chôn vùi Surcouf cùng ban tham mưu của ông dưới các mảnh vụn.

Vừa nghe lệnh bắn đại bác, Surcouf vội mở cánh cửa lao vào giàn pháo. Tại đây, suýt nữa Surcouf đã bị mất mạng khi định cứu một chuẩn uý hải quân Anh trẻ tuổi, người này đã kháng cự rất anh dũng nhưng đã bị nhiều vết thương và máu chảy nhiều.

Surcouf vội lao về phía anh ta để lấy thân mình che cho anh ta, song kẻ này không hiểu ý định nhân từ của vị chỉ huy người Bretagne liền lao lên gắng sức đâm dao găm vào ông. Anh chàng da đen Bambou nhận ra mạng sống của ông chủ mình bị đe doạ liền phóng mũi lao vào tên chuẩn uý bất hạnh khiến hắn chết ngay tức thì. Surcouf sẽ chết nếu không có mũi lao ấy. Lần này, đám người trong giàn pháo cũng lại đầu hàng như quân trên boong.

- Không chém giết nữa! - Surcouf ra lệnh - Tàu *Standard* đã thuộc về chúng

ta, nước Pháp muôn năm! Tổ quốc muôn năm!

Tiếng hò reo vang vội vã cuộc tương tàn chấm dứt, một tiếng hét lớn khác vang lên:

- Hai tiếng quỷ tha ma bắt!

- Tôi đã hứa thì tôi phải giữ lời chứ - Surcouf nói và quay sang René - nhưng chúng ta chớ quên hành khách được miễn khỏi vụ cướp. Tôi sẽ để ý để bảo đảm quyền lợi của họ. René, hãy nhân danh tôi đi che chở danh dự cho phụ nữ đi.

- Cảm ơn ngài Surcouf - René nói và vội vàng chạy vào các phòng hành khách dọc đường đi, anh ta gặp một bác sĩ trên tàu.

- Thưa ngài - Anh chặn ông ta lại hỏi - Có một hành khách bị thương rất nặng, ngài có thể chỉ phòng ông ta cho tôi không?

- Người ta đã đưa ông ấy sang phòng các con gái của ông ấy.

- Thế phòng đó ở đâu?

- Đi vài bước nữa anh sẽ nghe thấy tiếng khóc nức nở của những đứa trẻ tội nghiệp.

- Không còn hy vọng cứu ông ấy nữa à?

- Ông ấy vừa mới tắt thở.

René dựa người vào cửa cabin, đưa tay lên mặt và thở dài.

Đúng lúc đó, một toán người đang ngất ngây trong rượu và máu toả lên boong vừa hú gào vừa hát hò, họ đụng vào mọi thứ, hắt đổ tất cả. Các cánh cửa cabin bị họ đập tung khiến René chợt nhớ đến hai cô gái xinh đẹp đang khóc. Hình như có một tiếng hét tuyệt vọng thốt ra từ miệng phụ nữ vọng đến. René lao lại phía cánh cửa, lần này anh nghe rõ tiếng kêu bị tắc lại và còn những tiếng kêu cứu to. Cánh cửa đã bị khoá, song René, tay vẫn cầm rìu bổ tan nó ra. Đây đúng là phòng của kẻ bị thương hay đúng hơn là kẻ đã

chết.

Một tên thủy thủ đang ôm một trong hai cô gái trong tay và muốn cưỡng đoạt. Một cô gái khác đang quỳ bên thi thể người cha, giơ hai tay lên trời cầu xin Chúa, người vừa biến họ thành trẻ mồ côi, đừng bỏ rơi họ trong cơn nhơ nhuốc sau khi để họ phải chịu bất hạnh.

Tên thủy thủ đã nghe tiếng phá cửa liền quay lại.

- Tên khốn kiếp! - René mắng hắn - Nhân danh chỉ huy, hãy thả ngay cô gái đó ra.

- Thả con này sao? Đây là một phần chiến lợi phẩm, tôi giữ nó lại, nó là của tôi.

René tái người hơn cả người chết nằm trên giường.

- Phụ nữ không thuộc vào chiến lợi phẩm. Đừng ép tôi một lần nữa phải nhắc lại là thả cô ấy ra.

- Yên chí - Tên thủy thủ nghiến răng nói và rút súng ngắn từ thắt lưng ra và bóp cò.

Nhưng cánh tay trái của René đã vung lên nhanh như cắt, người ta thấy lửa toé ra bay lên trời còn tên thủy thủ ngã vật xuống đất chết thẳng cẳng. René vừa phi lưỡi dao anh vẫn đeo bên cổ, cắm giữa tim hắn. Trước khi hai cô gái kịp hoàn hồn, để họ khỏi sợ khi nhìn thấy máu, anh đẩy tên thủy thủ ra ngoài. Sau đó quay lại dịu dàng như một phụ nữ anh nói với họ:

- Các cô yên tâm, không ai vào đây nữa đâu.

Hai cô gái chạy lại ôm chặt lấy nhau. Cô chỉ nói:

- Thưa ông, tiếc là cha tôi không còn để cảm ơn ông!

- Không cần cảm ơn, thưa cô - René đáp - Tôi chỉ làm cái việc vừa là nghĩa vụ vừa theo con tim mách bảo thôi.

- Ông đã tuyên bố là người bảo vệ chúng tôi, tôi mong ông sẽ làm như thế cho đến cùng.

- Than ôi! - Thưa quý cô René đáp - Tôi chỉ là một thủy thủ tầm thường giống như cái kẻ vừa thoá mạ các cô mà thôi, mọi quyền lực cao hơn đều vượt quá giới hạn khả năng của tôi. Tuy nhiên, - René nói thêm và cúi người - nếu các cô muốn được sự che chở của chỉ huy của chúng tôi, tôi hứa sẽ không có gì làm tổn hại đến con người và tài sản của các cô.

- Vậy ông hãy chỉ cho chúng tôi bằng cách nào và bao giờ chúng tôi phải gặp ông ta.

Đúng lúc đó có giọng Surcouf vang lên.

- Ông ta đấy- René nói.

- Các anh khẳng định người này là do René giết chết - Giọng Surcouf vẫn oang oang bên ngoài.

- Đúng thế thưa chỉ huy, là tôi làm - René đẩy cánh cửa vỡ toang đi ra và đáp.

- Hắn đã làm gì để anh phải hành động như thế?

- Hãy nhìn tình cảnh của cô gái kia - René chỉ vào chỗ quần áo rách tả tơi của cô em.

- Ôi thưa ngài - Cô em kêu lên và quỳ xuống chân Surcouf - ông đây đã cứu danh dự cho chúng tôi và còn hơn thế nữa!

Surcouf chìa tay cho René, anh này lùi lại sau một bước.

- Cô là người Pháp à? - Surcouf hỏi.

- Vâng, thưa chỉ huy - Đây là chị tôi… và… - Giọng cô nấc lên - đây là người cha đã mất của chúng tôi.

- Làm sao mà cha cô lại chết? Ông ta đánh lại chúng tôi à?

- Ôi lạy Chúa vĩ đại? Cha tôi sao lại chiến đấu chống lại người Pháp!

- Nhưng sao lại thế, bất hạnh ấy xảy ra thế nào?

- Chúng tôi lên tàu này từ Portsmouth, chúng tôi đến Rangoon ở Ấn Độ. Tại đó chúng tôi có một ngôi nhà. Chỉ huy tàu *Standard* đã mời chúng tôi lên boong để xem cảnh tàu cướp biển bị ông ta đánh chìm, ông ta bảo thế. Một viên đạn lạc trúng vào cha tôi và khiến ông qua đời dù ông chỉ là khán giả bình thường.

- Xin lỗi cô - Surcouf nói - vì đã hỏi dồn dập như vậy. Không phải vì tôi tò mò mà tôi muốn giúp đỡ cô. Nếu cha cô còn sống chắc tôi cũng không cho phép mình bước vào phòng của cô đâu.

Hai thiếu nữ nhìn nhau, chẳng lẽ đây là những tên hải tặc khốn kiếp mà thuyền trưởng Revigston hứa sẽ treo cổ để cho hành khách giải trí sao. Hai cô gái không hiểu gì cả. Chưa bao giờ họ lại gặp ai hào hiệp hơn hai con người đi cướp này. Surcouf có con mắt quá tinh tường và bộ óc cực kỳ nhạy cảm nên hiểu ngay nguyên do vì sao hai chị em đồng bào của ông lại ngạc nhiên đến thế.

- Thưa các cô ông nói - Lúc này không phải lúc để đặt ra các câu hỏi cho các cô, nhưng tôi hứa sẽ nhanh chóng đảm bảo an toàn cho các cô với tư cách là người chiến thắng buộc các vị chấp nhận sự bảo vệ này.

- Thưa ngài - Cô chị nói - chính chúng tôi đã mắc sai lầm khi không trả lời các ông ngay. Bây giờ, chúng tôi tha thiết mong được hỏi chừng nào các ông thấy đủ.

- Thưa tiểu thư một lời của các cô đã khiến chúng tôi thấy xa lạ, nhưng một lời vừa rồi sẽ kéo chúng tôi xích lại gần. Các cô nói mình đi đến Rangoon, tôi không thể đưa các cô đến đó, nhưng tôi đảm bảo sẽ đưa hai chị em cô lên đảo Pháp nơi đó, các cô có nhiều cơ hội đến vương quốc Miến Điện. Nếu các cô gặp khó khăn về tiền bạc, tôi hy vọng các cô cho tôi vinh dự được các cô nhờ đến.

- Cảm ơn ông, nhưng cha tôi đã chuẩn bị một khoản khá chu đáo rồi.

- Liệu các cô có thể cho chúng tôi biết tên của ông ấy không, nếu như đó không phải là bí mật?

- Tử tước Sainte-Hermine.

- Có phải đó là người đã phục vụ cho triều đình Pháp đến năm 1792 rồi xin từ chức không?

- Đúng vậy, thưa ngài. Ông không muốn phục vụ tiếp cho chính phủ cộng hoà.

- Ông ấy còn một người anh là bá tước Sainte-Hermine, ông này là chủ một gia đình nhưng đã bị xử trảm năm 1793 và hai người con trai cùng chết vì lý tưởng quân chủ, đúng không.

- Ngài biết chuyện nhà tôi rõ như chúng tôi, vậy ngài có thể cho tôi biết người con trai thứ ba của bác ấy ra sao hay không?

- Ông ấy còn con thứ ba sao? - Surcouf hỏi.

- Vâng, nhưng anh ấy đã biến mất một cách kỳ lạ. Ngay tối hôm ký giấy hôn thú của anh ấy với tiểu thư Claire de Sourdis, đúng lúc vào ký thì không tìm thấy anh ấy đâu. Từ đó, không ai gặp hay nghe nói đến anh ấy nữa.

- Quả là tôi hoàn toàn không biết người này.

- Chúng tôi được nuôi lớn bên nhau đến tám tuổi. Đúng tám tuổi anh ấy lên tàu cùng cha tôi đến năm 1792. Sau đó gia đình anh ấy gọi về và anh ấy chia tay chúng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ gặp lại nhau. Nếu không có cuộc cách mạng chắc anh ấy đã thành thủy thủ như cha chúng tôi.

Cô gái trẻ cố gắng dằn cơn nấc nghẹn ngào tràn đến.

- Hãy cứ khóc cho thoả đi, thưa cô - Thuyền trưởng Surcouf nói - tôi lấy làm tiếc khi xen vào giữa các cô với nỗi đau của mình. Tôi lái *Standard* hay đúng ra sẽ cử một thuyền trưởng đưa tàu *Standard* đến đảo Pháp. Đến đó, nó sẽ bị bán nhưng từ đảo Pháp đến Rangoon, các cô sẽ có nghìn cơ hội thực hiện nết chuyến đi.

Surcouf cúi chào với tất cả lòng tôn trọng sâu sắc rồi đi ra.

René cũng đi theo nhưng lúc đi qua cửa hình như cô em gái nhìn anh như thể muốn nói với anh điều gì đó. René dừng lại chìa tay về phía cô bằng một cử

chỉ không suy nghĩ, cô gái trẻ cầm lấy bàn tay ấy đưa lên môi rồi nói:

- Ôi thưa ngài, vì Chúa, hãy hỏi ông chỉ huy và xin ông ấy đừng ném thi thể của cha chúng tôi xuống biển được không.

- Tôi sẽ hỏi, thưa cô - René đáp - Nhưng xin hãy cho tôi một ân huệ.

- Ân huệ gì, ngài hãy nói đi, nói đi. - Cả hai cùng thốt lên.

- Cha của các cô giống như một trong số người thân của tôi mà tôi vô cùng yêu mến nhưng không bao giờ gặp lại nữa. Hãy cho phép tôi được hôn ông ấy.

- Ôi từ tận đáy lòng, chúng tôi cho phép anh. - Hai cô gái nói.

René lại gần cái xác, quỳ một chân xuống đất, cúi đầu xuống trang trọng hôn lên trán rồi vội ra đi cố nén tiếng nấc. Hai cô gái ngạc nhiên nhìn theo anh. Lời từ biệt của con trai với cha mình cũng không tha thiết và tôn kính như lời từ biệt của René đối với tử tước Sainte-Hermine.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 57
Tàu buôn nô lệ da đen

Dù Surcouf và René lên boong, dấu vết của trận chiến hầu như đã được xoá sạch. Những thương binh được đưa xuống phòng cấp cứu, các xác chết đã bị ném xuống biển, vết máu cũng được lau sạch.

René truyền đạt lại sự mong muốn của hai cô gái muốn thi thể cha mình không bị ném xuống biển mà được chôn cất ngay bên mảnh đất đầu tiên họ gặp. Điều này trái với mọi quy định hàng hải, tuy nhiên trong một số trường hợp, ưu tiên như vậy vẫn được áp dụng, chẳng hạn như trường hợp của phu nhân Leclerc tức Pauline Bonaparte đã mang thi thể chồng mình từ đảo Saint-Domingue trở về.

- Được rồi, Surcouf đáp - vì thuyền trưởng tàu *Standard* đã chết, Bléas sẽ chỉ huy nó và ở phòng của ông ta. Nếu còn một phòng sĩ quan nào trống thì cho hai chị em tiểu thư Sainte-Hermine ở đó cùng thi thể của cha mình nhưng phải để thi thể ấy kín trong quan tài bằng gỗ sồi.

René báo lại quyết định ấy cho hai cô gái trẻ, lập tức hai chị em muốn đến cảm ơn thuyền trưởng Surcouf. Họ xưng tên, cô chị là Hélène và cô út là Jane. Hélène hai mươi tuổi còn Jane mười bảy tuổi. Cả hai cùng đẹp nhưng mỗi người một vẻ.

Hélène là một cô gái trẻ có làn da trắng chỉ có thể so sánh với màu trắng của một loại hoa được Camelli mang về từ Nhật Bản từ ba năm nay và đang phát triển mạnh trong những nhà kính dưới cái tên hoa trà mi. Nàng có mái tóc vàng óng ả, mỗi khi mặt trời định khiến nó nhạt đi thì nó lại rực rỡ tạo thành một vành hào quang ôm lấy trán như thể mùi hương bao lấy bông hoa vậy. Đôi bàn tay nàng trắng trẻo, mũm mĩn, các móng tay hồng tươi, dáng nàng như một nữ thần còn đôi chân nàng thì như chân trẻ em.

Có thể Jane không quốc sắc thiên hương như chị mình song lại có nét quyết rũ hơn: miệng nàng chúm chím tươi như một bông hồng mới hé, chiếc mũi với hai cánh phập phồng không Hy Lạp cũng chẳng La Mã mà đặc người Pháp; đôi mắt sáng như những vì sao màu ngọc saphie, làn da không nâu mà giống như đá cẩm thạch phơi lâu dưới nắng mặt trời Ten.

Hai chị em đều nhận ra mối quan tâm đặc biệt mà thuyền trưởng Surcouf dành cho họ và đặc biệt là cảm xúc của René khi thấy thi thể cha họ, cả những giọt nước mắt của chàng thanh niên khi anh hôn lên trán cái xác cũng không qua được mắt họ. Hai cô nói với thuyền trưởng Surcouf rằng trong hoàn cảnh của mình, các cô không có quyền đưa ra ý muốn mà tuỳ ông làm điều mà ông cho là tốt nhất.

Thuyền trưởng Surcouf đã cho lau dọn phòng của thuyền phó tàu *Standard*, mời hai cô gái vào vĩnh biệt cha. Dưới thời tiết ấy việc đưa thi thể vào quan tài vĩnh viễn là điều rất cần thiết.

Quan tài sẽ đặt trong phòng nơi có cái xác còn hai cô sẽ sang ở trong phòng thuyền phó. René được Surcouf giao việc đưa hai chị em và phục vụ bất cứ những gì trong quyền hạn của anh.

Hélènevà Jane đi vào phòng nơi cha họ nằm, René đứng ngoài, anh không muốn quấy rầy họ trong giờ phút đau đớn ấy.

Một tiếng sau, hai cô gái đi ra, ngực cuộn lên các cơn nấc nức nở, nước mắt đầm đìa. Jane không thể bước tiếp được, cô phải vịn vào tay René, chị của cô bé mạnh mẽ hơn, tay cầm hộp nữ trang và chiếc ví của cha. Cả hai đều hiểu sự tế nhị của René khi anh để hai cô một mình không quấy rầy họ trong cơn đau dâng trào ấy. Nhưng chỉ mình Hélène còn có thể nói lời biết ơn anh, những cơn thổn thức không để Jane thốt được lời nào.

René đưa hai chị em vào phòng dành cho họ rồi để họ một mình, anh muốn tự tay chăm sóc những phần việc cuối cho cha họ. Hai tiếng sau, người thợ mộc đã đóng xong cỗ quan tài bằng gỗ sồi, họ cho thi thể tử tước Sainte-Hermine vào trong.

Khi nghe những tiếng búa đầu tiên vang lên các cô gái muốn chạy sang phòng cũ để nhìn mặt cha lần cuối nhưng René đã ở ngưỡng cửa ngăn họ lại, anh đã lường trước nỗi đau thương ấy và muốn tránh cho họ cảm xúc đó. Họ ôm lấy nhau khóc nức nở trên thảm. René cầm lấy tay Jane và Hélène trân trọng đưa lên môi rồi đi ra.

Trong mọi cử chỉ của hai cô gái đều toát lên vẻ trong sáng và lòng biết ơn. Hoàn cảnh khủng khiếp ấy khiến Hélène, Jane và René đều không nhận ra giữa họ đã nhanh chóng nảy sinh tình cảm thân thiết gắn bó như anh em.

Ngày hôm sau, hai con tàu lại cưỡi sóng tiến về đảo Pháp. Bốn mươi thủy thủ tàu *Revenant* đã sang tàu *Standard*. Bléas nhận lệnh của thuyền trưởng Surcouf chỉ huy con tàu vừa chiếm được ông cho rằng sự hiện diện của một người bạn hay ít ra là một người có trái tim nhân hậu rất cần thiết cho hai thiếu nữ nên ông ra lệnh René được phép theo Bléas.

Ngày hôm sau nữa, tàu *Revenant* phát hiện một tàu *Slúp* một cột buồm và lập tức họ đuổi theo. Ban đầu, chiếc tàu đó định chạy trốn nhưng khi có tiếng hét "Hãy đầu hàng tàu *Revenant"* kèm theo một phát đại bác thì tàu *Slúp* dừng lại.

Vừa áp tàu đó vào mạn trái, René đứng cùng hai chị em trên khoang thượng đã chứng kiến vào một cảnh hãi hùng: Hai kẻ xấu số đang mê man gần như sắp chết mặc dù có một anh chàng da đen đang cho họ uống một thứ thuốc do mấy phù thủy da đen làm ra. Cách đó một chút là năm phụ nữ da đen gần như mình trần đang phơi dưới cái nắng như thêu như đốt có thể giết chết người phụ nữ châu Âu còn họ lại rất khoan khoái đón nhận. Một trong số họ gắng sức chìa bầu vú cạn sữa cho đứa con trên tay và đứa bé ra sức mút vô ích vào chiếc vú quắt queo ấy.

Vừa nhìn thấy các thủy thủ tàu *Revenant* nhảy lên, bốn trong số năm phụ nữ vội đứng dậy chạy trốn, người thứ năm cũng muốn làm như vậy nhưng không đủ sức nằm vật xuống ngất xỉu trên boong, hai tay rời đứa bé ra. Một sĩ quan bế nó đưa lại gần mẹ. Anh ta đi tìm thuyền trưởng của con tàu này. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhất là qua cột buồm của nó, anh ta đoán ngay đây là tàu buôn nô lệ da đen.

Quả nhiên, dưới khoang, người ta phát hiện ra hai mươi tư kẻ bất hạnh da đen bị xích lại với nhau nằm trong một tư thế hầu như không thể. Qua tấm nắp đậy, từ dưới xộc lên một mùi khó chịu muốn ói, khi chiếc ca nô rời con tàu có lá cờ chứng tỏ nó là tàu Mỹ, Surcouf từ trên boong tàu *Revenant* ra hiệu cho Bléas và René lên đó. Hai cô gái lo lắng hỏi dấu hiệu đó là gì và tại sao phải gọi như thế, René giải thích thuyền trưởng Surcouf muốn xử lý kẻ buôn người da đen ông không muốn có quyết định riêng nên sẽ mở một hội đồng xét xử trên tàu *Revenant*.

- Thế nếu bắt được thủ phạm - Jane run run hỏi - anh ta sẽ chịu hình phạt gì?

- Hắn sẽ có nguy cơ bị treo cổ.

Jane kêu lên kinh hãi nhưng vì chiếc ca nô chờ Bléas và René đã ở dưới và Bléas đã leo xuống nên René cũng chỉ kịp vịn vào lan can đi theo các sĩ quan đã tụ tập đủ trong phòng vuông khi Bléas và René bước vào. Họ dẫn tên thuyền trưởng Mỹ vào phòng: đó là một người đàn ông cao lớn, có sức khoẻ vô địch và chỉ nói được tiếng Anh. Có lẽ vì lý do này mà Surcouf cho gọi René vào làm phiên dịch. Với câu nói *"Thuyền trưởng đã chết, hãy hạ cờ xuống bằng tiếng Anh"* thì ông ta đã biết René có thể nói tiếng Anh thành thạo như tiếng mẹ đẻ.

Việc thuyền trưởng người Mỹ mang theo giấy tờ chứng nhận ông ta là người Mỹ và là thương nhân, nhưng khi hỏi giấy cho phép hành nghề đưa người vượt biển sang châu Âu, một trong tám con tàu nước Mỹ được châu Âu cho phép, thì ông ta lại không có. Mãi sau ông ta mới thừa nhận mình không được cấp loại giấy đó. Thế là họ buộc ông ta nhận tội. Khi nhận tội xong, ông ta bị kết án tử hình.

Cái chết dành cho kẻ buôn nô lệ da đen vừa tàn bạo vừa ô nhục. Họ bị treo lên lên xà buồm trên tàu của mình hoặc tàu chiếm. Bản án đã tuyên. Họ dành cho thuyền trưởng Mỹ một tiếng để chuẩn bị cho cái chết. Ông ta nghe hình phạt mà không mảy may xúc động. Người ta cho ông ở phòng bốn cửa, mỗi

cửa đều chẹn chặt vì sợ phải chịu hành phạt ô danh ông ta sẽ lao xuống biển.

Ông ta xin giấy, bút lông ngỗng và mực để viết thư cho vợ con Trong mười dòng đầu tiên, khuôn mặt ông ta vẫn bình thản nhưng dần dần vẻ bối rối hiện lên, nó như một đám mây mù cho đi các đường nét rồi ông ta cắm cúi viết, vài giọt nước mắt nhỏ lã chã xuống lá thư vĩnh biệt. Sau đó, ông ta xin được gặp thuyền trưởng Surcouf.

Thuyền trưởng Surcouf vội vã đến cùng René, người làm nhiệm vụ thông ngôn cho ông.

- Thưa ngài, tôi vừa định viết thư cho vợ và con tôi để nói lời từ biệt nhưng vì họ không biết công việc xấu hổ tôi đang làm vì tình yêu với họ nên tôi đã viết lá thư khác kể về cái chết của tôi và nhất là nguyên nhân dẫn đến cái chết ấy, giúp họ đỡ đau buồn.

- Tôi cầu xin ngài một điều. Ngài sẽ thấy trong phòng tôi một khoản năm nghìn phăng bằng vàng. Tôi hy vọng bán được những nô lệ kia với giá năm mươi nghìn nữa. Đó là một khoản đủ để bắt đầu ở đó một cơ nghiệp cho một người lương thiện giúp tôi quên đi vết nhơ do chính bản thân vấy lên cuộc đời mình. Chúa đã không muốn điều ấy trở thành sự thật. Giờ đây cả con tàu và nô lệ của tôi thuộc về ngài nhưng năm nghìn kia là của tôi. Tôi van xin ngài hãy chuyển số tiền ấy cho vợ và con tôi theo địa chỉ ghi trên thư này với vài chữ *"Gửi từ thuyền trưởng Harding, chết vì tai nạn trên biển"*. Hy vọng cách ứng xử này của tôi sẽ là lời xin tha thứ đến những con tim đồng cảm vì hành động đó chỉ xuất phát từ ý muốn cứu một gia đình đông con rất đáng yêu. Ít ra từ nay tôi sẽ không thấy nó phải chịu đựng nữa. Chưa bao giờ tôi có ý định nộp mình cho cái chết nhưng vì người ta ban cái chết cho tôi tôi sẽ chấp nhận nó không phải như một hình phạt mà như một ân huệ.

- Ông sẵn sàng chưa?

- Tôi sẵn sàng rồi.

- Ông ta đứng dậy lắc lắc đầu cho những giọt nước mắt cuối cùng rứt khỏi mi và ghi địa chỉ của vợ: "Bà Harding ở Charlestoron" rồi trao lại lá thư đó cho thuyền trưởng Surcouf.

- Tôi muốn được nghe lời hứa của ngài, liệu ngài có thể hứa với tôi không.

- Tôi xin hứa trước danh dự của một thủy thủ - Surcouf đáp - điều ông muốn sẽ được thực hiện.

Surcouf vẫy tay ra hiệu: một hồi trống vang lên, giờ hành quyết đã điểm, đối diện với cái chết, viên thuyền trưởng Mỹ lại lấy lại vẻ bình tĩnh. Không để lộ cảm xúc nào, ông ta cởi cà vạt, thả ống tay áo xuống rồi vững vàng bước ra hành quyết.

Một sự im lặng chế ngự khắp boong tàu, không khí chuẩn bị cho cái chết đè nặng lên khắp các thủy thủ ngay cả với các thủy thủ tàu cướp biển: Một sợi dây thắt thòng lọng lủng lẳng, đầu lúa có bốn người nắm giữ, đang chờ ở xà buồm và không chỉ tất cả thủy thủ đoàn của tàn *Revenant* đã lên boong mà cả hai con tàu khác cũng neo lại, trên boong, khoang thượng hay các xà buồm đều đầy người.

Viên thuyền trưởng Mỹ tự chui đầu qua nút thòng lọng rồi quay sang phía Surcouf nói:

- Đừng bắt tôi phải chờ thưa ngài, với tôi chờ đợi là sự tra tấn.

Surcouf đi lại phía ông ta, tháo đầu dây thòng lọng ra khỏi đầu:

- Ông đã thật sự ăn năn. - Surcouf nói - Đó là điều tôi muốn, hãy bình tĩnh lại đi, ông đã chịu đủ hình phạt rồi.

Viên thuyền trưởng Mỹ đặt bàn tay run rẩy lên vai Surcouf, ngước cặp mắt dại đi nhìn ông rồi gần như ngất xỉu. Cái điều đôi khi xảy ra với những con người kiên cường đã xảy ra với ông ta: mạnh mẽ trước nỗi buồn ông lại trở nên yếu đuối trước mềm vùi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 58

Viên thuyền trưởng Mỹ làm thế nào để có 45 nghìn phăng thay vì 5 nghìn phăng như ông ta yêu cầu

Cơn mê man của thuyền trưởng Mỹ không kéo dài lâu. Chưa bao giờ thuyền trưởng Surcouf có ý định tha thứ bản án tử hình cả. Nhận ra trong con người này cũng có phẩm chất cao thượng mà những quân nhân rất coi trọng, ông đã muốn để lại ấn tượng mạnh mẽ trong tâm trí người da đen và ông ta đã hiển nhiên đã đạt được mục đích. Lập tức ông quyết định không chỉ cứu mạng sống của kẻ đó mà còn không muốn để ông ta khuynh gia bại sản hoàn toàn. Chính vì lẽ đó, thuyền trưởng Surcouf ra lệnh cập bến mũi gần Rio-Janeno góc tám mươi hay chín mươi dặm về hướng Tây Nam.

Rio-Janeiro vốn là một chợ nô lệ tiếng tăm nhất nền Nam Mỹ. Chắc chắn thuyền trưởng Harding phải biết vài thương lái buôn người da đen ở đó. Surcouf vừa cho hạ neo xuống vịnh đã cho mời ông ta đến.

- Thưa ông, trong lúc gần mất mạng, ông chỉ xin một ân huệ là chuyển cho người vợ goá năm nghìn phăng trong tủ của ông, hôm nay tôi muốn làm nhiều hơn thế nữa cho ông. Ông đang ở một cảng nơi có thể bán được giá hai tư nô lệ còn lại của mình.

- Tôi cho phép ông bán họ và giữ tiền lại.

Harding ngạc nhiên nhìn ông.

- Ông cứ bình tĩnh - Thuyền trưởng Surcouf nói tiếp - Đổi lại tôi còn yêu cầu ông một chuyện. Một người của tôi, cậu thư ký đúng ra là một người bạn, tôi không hiểu vì sao cậu ấy lại muốn mua lại chiếc tàu nhỏ của ông.

- Ngài có thể giao nó cho cậu ấy - Harding trả lời - vì nó thuộc về ngài giống như mọi thứ tôi từng có.

- Đúng thế, nhưng René là một chàng trai rất có lòng tự trọng, anh ta không

muốn nhận không từ tôi cũng như từ ông bất cứ cái gì. Cậu ấy muốn mua lại con tàu của ông. Ông sẽ phải chú ý đến những gì ông vừa nói lúc nãy, đó là con tàu này không thuộc về ông nữa. Tuy nhiên, ông nên đưa giá hợp lý cho một người, lẽ ra được lấy nó, nhưng lại muốn mua nó.

- Thưa ngài - Harding đáp - ý của ngài sẽ là mệnh lệnh với tôi: Ngài cứ định giá và tôi sẽ bán cho anh ấy một nửa giá ngài đưa ra.

- Tàu của ông đáng hai tám đến ba mươi nghìn phăng, René sẽ trả ông mười lăm nghìn phăng ông phải chuyển tất cả giấy tờ chứng nhận quốc tịch con tàu của ông ở Mỹ và giấy thông hành dưới màu cờ Mỹ cho anh ấy.

- Nhưng việc nhận ra chủ tàu là người Pháp đâu có phải là chuyện khó khăn, thưa ông.

- Nhưng ai sẽ nhận ra điều đó? - René hỏi, anh vẫn đang là thông ngôn cho Surcouf.

- Thật khó có thể nói tiếng Anh thông thạo để người ta không nhận ra nhất là khi một người Pháp nói tiếng nước ngoài. Tôi chỉ gặp người này - ông Harding chỉ vào René - là có thể làm được điều đó mà thôi.

- Thưa ngài, - bấy giờ René mới nói thật - chính tôi là người muốn mua con tàu. Ngài cũng thấy là không còn gì cản trở mong muốn của tôi nữa nên ngài hãy cho viên thẩm vấn chuẩn bị khế ước bán tàu, sau đó ngài cho mang tiền và đồ đạc của mình lên bờ.

Đây là ngân phiếu trị giá mười lăm nghìn phăng rút được từ nhà ông David và con trai trong thành phố mới. Hãy mang hoá đơn về cho tôi.

- Nhưng ngài đưa nó cho tôi khi ký giấy bán cũng được mà - ông Harding nói.

- Ngài cần thời gian để yên tâm rằng hợp đồng được trả khi xuất trình giấy rút tiền. Ngài Surcouf và tôi muốn khởi hành đi ngay tối nay, chậm nhất là sáng mai.

- Vậy tên người chủ sở hữu tàu sẽ là gì? - Harding hỏi.

- Ngài muốn ghi là gì cũng được - René cười đáp - Fielding du Kentucky

nếu điều đó làm ngài thoải mái.

Harding đứng dậy hỏi René rỗi lúc mấy giờ.

- Ngài cứ nói giờ nào ngài cho là tôi thích hợp có mặt tại chỗ chưởng khế của ngài, tôi sẽ đến đó.

Surcouf thông báo họ sẽ rời vịnh vào sớm hôm sau do đó cuộc hẹn ấn định vào lúc bốn giờ chiều. Vào lúc năm giờ, con tàu *Tay đua New York* đã được bán cho chủ sở hữu mang cái tên John Fielding du Kentucky. Sáu giờ chiều thuyền trưởng Harding đã lấy đủ mười lăm nghìn phăng và đến bảy giờ chiều, hai trăm thủy thủ và binh lính hải quân Anh thích ở lại Rio-Janeiro đã được trao cho lãnh sự Anh để cùng lời hứa sẽ đổi lấy số tù binh Pháp tương tự.

Ngày hôm sau, ngay từ sớm ba con tàu mang quốc kỳ riêng lại cởi sóng thẳng tiến về mũi Hảo Vọng.

Nhưng thuyền trưởng Surcouf đã quyết định, để hai cô gái có một người bảo vệ, các cô đã chuyển từ tàu *Revenant* sang tàu *Standard* hai cô đều vui vẻ lên đó. Trong tình trạng bị bỏ rơi, các cô chưa biết làm sao đến được Rangoon nơi các cô có một ngôi nhà bên dòng sông Pégou. Không ai trong hai cô biết về Ấn Độ nhưng cô chị Hélène đã từng gặp ở London một sĩ quan quân đội đóng ở Calcutta. Trước lúc họ khởi hành sang Ấn Độ, họ đã thoả thuận đám cưới giữa Hélène de Sainte-Hermine và ngài James Asplay sẽ diễn ra tại đó. Jane và cha mình sẽ tiếp tục sống trong nhà của họ cho đến khi Jane kết hôn. Đến đó, tuỳ tình hình các chàng rể trẻ muốn sống cùng cha vợ hay không, hoặc ông sẽ sống ở nhà mỗi cô sáu tháng hoặc họ vẫn giữ lại ngôi nhà Rangoon.

Toàn bộ kế hoạch của gia đình đã tan vỡ sau cái chết của tử tước Sainte-Hermine. Họ đành phải chấp nhận một kế hoạch khác.

Cả hai đang vô cùng đau khổ trước biến cố bất ngờ vừa xảy đến nên họ

không thể quyết định phải thực hiện dự định nào. Chính vì lẽ đó họ thấy hạnh phúc khi gặp được một chàng trai trẻ mang đến cho họ thứ tình cảm anh em đúng lúc họ thiếu tình cảm của người cha.

Nhờ thời tiết thuận lợi, nên tàu của thuyền trưởng Surcouf đi từ Rio -Janeiro đến Mũi Hảo Vọng, một chặng đường vượt đại dương từ châu lục này sang châu lục khác có lẽ chỉ như một chuyến đi dạo. Dần dần, một tình cảm thân thiết đã hình thành giữa ba con người trẻ tuổi trong sự mãn nguyện của Hélène. Cô thấy René thật duyên dáng, cô hy vọng sau khi hội ngộ cùng vị hôn phu của mình, Jane sẽ nhanh chóng tìm được ý trung nhân của cô.

Cả hai chị em đều giỏi âm nhạc nhưng từ lúc cha họ qua đời, không ai dám động đến phần dương cầm. Các cô thường nghe những khúc hát của các thủy thủ cất lên lan toả trên tàu và dường như nhờ cánh gió để đưa đến một cái đích nào đó.

Một đêm, không phải là một đêm như Chateaubriand đã tả về bóng tối mịt mùng mà chỉ là một đêm thiếu vắng ánh sáng, một giọng hát tươi rói cất lên từ khoang đuôi hát một bài hát miền Bretagne rất bi ai. Ngay khi thanh âm đầu tiên cất lên, Hélène đã đặt tay mình lên cánh tay René ra hiệu cho anh im lặng đó là câu chuyện về một thiếu nữ, dưới thời kỳ kinh hoàng, đã cứu một đức ông trong làng bằng cách dẫn anh ta lên tàu Anh, nhưng cô chưa kịp nói "hãy trốn đi…" thì quân lính đã đuổi kịp. Cô bị trúng một phát đạn rồi chết ngay trên tay người yêu khi bản tình ca buồn bã ấy kết thúc, hai cô gái nước mắt lưng tròng xin René đi hỏi xem người nào vừa hát. Nhưng chàng trai đáp không cần. Anh cho là đã biết lời, và phần nhạc anh chỉ cần một cây dương cầm, một tờ giấy có dòng kẻ và một cây bút là có thể chép lại Thế là họ đi vào phòng Hélène. René ôm đầu trong hai bàn tay nhớ lại những kỷ niệm của mình giây lát và bắt đầu viết. Rất nhanh, anh ghi lại bài hát từ đầu đến cuối rồi đặt nó lên bục đàn dương cầm và bắt đầu cất giọng biểu cảm hơn người thủy thủ nọ và ca từ còn có hiệu quả hay hơn nữa.

Trong phần điệp khúc đoạn đầu tiên, René đã rất tâm trạng thể hiện câu:

Tôi yêu nàng!

Tôi yêu nàng!

Dẫu sao tôi vẫn yêu nàng

khiến người ta có cảm giác như anh đang nói về câu chuyện của chính mình và vẻ đượm buồn quen thuộc lại xuất hiện như thế chính người tình của anh đã rất hay không bao giờ gặp lại nữa.

Giọng anh đau đớn vang lên làm rung động con tim hai thiếu nữ, đánh thức những sợi dây tình cảm dịu dàng nhất, sâu sắc nhất nối họ với cảm xúc của anh.

Đồng hồ trên tàu chỉ hai giờ đêm, René mới trở về phòng.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 59

Đảo Pháp

Năm giờ sáng hôm đó, thủy thủ đứng gác thông báo: "Đất liền!" Người ta đã nhìn thấy đỉnh núi Table.

Suốt ngày hôm đó, gió thuận khiến các con tàu chạy với vận tốc mười hai mười ba dặm một giờ. Người ta vượt qua mũi Hải Vọng. Đến mũi Anguilles đuôi tàu bị một cơn gió mạnh đẩy nhanh đến về phía đông và ngay hôm đó, họ đã nhận ra đỉnh núi tuyết.

Đảo Maurice, thời đó vẫn mang tên là đảo Pháp là nơi duy nhất các tàu Pháp có thể lưu trú trên Ấn Độ Dương.

Vào năm 1505, Emmanuel, vua Bồ Đào Nha quyết định lập một phó vương quản lý vùng bở biển Ấn Độ. Vị trí này về sau giao cho François d Almeida, người này bị sát hại năm năm sau gần mũi Hảo Vọng do bàn tay của những người Hottentots lúc ông muốn qua châu Âu.

Ngay những năm đầu cai trị của Almeida, khi Pedro Mascarenhas phát hiện ra đảo Pháp và đảo Bourbon (Đảo Réunion), người ta không nhớ ra rằng người Bồ Đào Nha không hề đặt cơ sở nào trên các đảo này. Trong suốt thời kỳ họ làm chủ, tức là trong suốt thế kỷ XVI nguồn lợi duy nhất thiên nhiên ban tặng cho đảo thu hút các khách lạ đến thăm là vài bầy dê, khỉ và lợn mà những người này thả trên đảo. Đến năm 1598, hòn đảo bị bỏ hoang rơi vào tay người Hà Lan.

Nước Bồ Đào Nha chuyển sang thời trị vì của vua Philippe Đệ nhị, những người Bồ Đào Nha sống lưu vong ồ ạt di cư sang Ấn Độ. Bị coi như bị tước mất tổ quốc mẹ hiền, một số trở thành người tự do, số khác làm nghề cướp biển và không có liên hệ hay phục vụ gì cho triều đình.

Hồi năm 1595, Comélius Houtman đã từng đặt nền móng cho sự phát triển nơi đây. Dần dần, người Hà Lan tiến hành chinh phục các khu đảo trên Ấn Độ Dương trong đó có đảo Cerné và Mascaret.

Đô đốc Van Nock là người đầu tiên đến đảo Cerné năm 1598, khi đó nơi này vẫn chưa có dân cư sinh sống. Chuyến tàu buồm cũng đã rời Texel ngày 1 tháng Năm năm 1600 dưới sự chỉ huy của đô đốc hải quân Jacques-Comélius và kỳ hạn đó mang tên ông. Đô đốc còn được gọi là Maurice và sau này ông đặt tên đó cho đảo Cerné. Người Hà Lan chỉ biết tên đảo chứ chưa đến. Sau đó, họ hạ hai xà lan vào bờ để xem xét. Một chiếc vào rất sâu và phát hiện được một cảng lớn có độ sâu tuyệt vời, nó có thể chứa năm mươi kỳ hạm. Buổi tối, các thủy thủ trở lại tàu độ đốc mang về rất nhiều chìm lớn và vô số chim nhỏ. Ngoài ra họ còn phát hiện một dòng sông chứa nước ngọt chảy từ đỉnh núi xuống.

Tuy thế, đô đốc còn không biết đảo này có người sinh sống hay chưa, mặt

khác, ông cũng không có thời gian đi thám thính bởi lẽ trên tàu đang có rất nhiều bệnh nhân. Ông đành cho tàu cập vào một vị trí thuận lợi để tránh bị tấn công bất ngờ.

Trong nhiều ngày liên tiếp, ông cho các xà lan vào thăm dò các phần khác nhau trên đảo và xem trên đó có ai sống hay không, những các tốp người đi về đều kể lại chỉ gặp những con thú tứ chi chạy trốn trước họ, những con chim vốn biết quá ít nguy hiểm nên đứng in chẳng sợ bị bắt. Tuy nhiên, có một mảnh ván cầu, một cột buồm phụ trên đó minh chứng cho vài thảm hoạ thiên nhiên đã ập xuống khu vực quanh đảo Cerné.

Điều khiến hòn đảo này trở thành một trong những nơi kỳ thú đẹp đẽ nhất mà người ta có thể thấy là sự hiện diện các đỉnh núi quanh tất cả các bờ biển. Núi nào cũng dày đặc các loại cây xanh chằng chịt, có cây tuyết phủ quanh năm trên các cành. Mặt đất sỏi đá cũng phủ lớp rừng rậm đến độ không tạo được đường đi. Người ta nhận ra ở đó có nhiều loại cây đen giống như các cây gỗ mun đẹp nhất, nhiều loại cây có màu đỏ sặc sỡ, nhiều loại có màu vàng sậm như màu xi, những cây cọ nhiều vô kể đang xoè bóng mát gọi mời, lõi của nó ăn ngon như củ cải và có thể ăn cùng với nước sốt mà người ta ăn với loại rau đó. Chất gỗ mọc trên đảo cũng rất tốt nên các thủy thủ có thể dựng lều thuận tiện cộng với không khí trong lành đã khiến các bệnh nhân mau khoẻ trở lại. Mặt khác, biển ở đây có rất nhiều cá. Chỉ một mẻ lưới người ta có thể thu về hàng ngàn con. Một hôm, người ta bắt được con cá đuối lớn đến mức có thể làm thức ăn cho cả thủy thủ đoàn.

Những con rùa ở đây to đến độ, vào một ngày giông, người ta tìm được sáu người đàn ông nấp dưới một cái mai.

Chỉ huy tàu ra lệnh đóng một tấm ván lên trên một cái cây, trên đó ông cho khắc tên quân đội Hà Lan, Zélande và Amsterdam, kèm dòng chữ bằng tiếng Bồ Đào Nha Christianos Refomlados. Sau đó, ông còn cho dựng một hàng rào, cho trồng các loại rau khác nhau để thử đất cũng để lại đó một số gia cầm để các tàu dừng chân trên hòn đảo xinh đẹp này về sau có được những thực phẩm phong phú ngài nguồn thực phẩm bản địa.

Ngày 12 tháng Tám năm 1601, Hermansen cho người lên đảo Maurice để lấy nước và thực phẩm đang thiếu trên tàu.

Có lẽ vào năm 1606, người Hà Lan đã đến thăm đảo Pháp nhưng trước năm 1644, họ chưa xây dựng gì ở đây. Thật khó xác định ai là người đặt cơ sở đầu tiên trên đảo, có lẽ đó là những cướp biển hoành hành trên Ấn Độ Dương vào thế kỷ thứ XVI.

Tất cả những gì chúng ta biết, đó là vào năm 1648, Van der Master trở thành đảo trưởng đảo Maurice. Tiếp đó là Leguat và ngài Lameocius trở thành chúa đảo khi ông Leguat đến đảo Rodngues. Cuối cùng vào năm 1690, Rodolphe Déodoti từ Genève chiếm vị trí này nhân chuyến trở về từ đảo Rodngues

Từ năm 1693 đến năm 1696, một vài người Pháp mệt mỏi với không khí Madagascar đã dẫn vợ là người da vàng và da đen đến Mascarenhas. Flacourt đã chiếm hòn đảo này nhân danh đức vua và treo cờ Pháp lên đúng vị trí lá cờ Bồ Đào Nha từng bay trước đó. Flacourt đặt tên cho đảo là đảo Bourbon mà nó còn giữ đến ngày nay. Ông ta để trên chốn đất mới này vài cặp vợ chồng và tiếp tục chỉ huy họ dưới cái tên Payen. Những cư dân mới tìm thấy ở đây một mảnh đất màu mỡ và họ cấy trồng rất hăng say.

Ban đầu họ sống bằng cá, gạo, rùa, các loại rau nhưng về sau biết nuôi các loại gia súc gia cầm nên cuộc sống của họ bình yên và địu ngọt như trên mảnh thiên đàng rớt xuống trái đất.

Có bốn gã cướp biển người Anh là Avery, England, Condon và Patisson, sau khi kiếm được vô số tài sản trên biển đó, bờ biển A Rập và Ba Tư, họ lập tại đây một phần đoàn thủy thủ của mình.

Vua Pháp không kết tội họ và một trong số những kẻ thám hiểm đó còn sống đến năm 1763 trong khi triều đình Bourbon hãnh diện về lần đặt tên mới cho đảo Bourbon đã thúc đẩy nó phát triển thì Maurice trong tay người Hà Lan lại dậm chân tại chỗ.

Ngày 15 tháng Giêng năm 1715, thuyền trưởng tàu Dufresne nhân lúc người Hà Lan sẵn sàng bỏ một đảo Maurice, đã cho khoảng ba mươi người Pháp lên đây và đặt lại tên cho đảo này là đảo Pháp. Trước vẻ thịnh vượng của hai hòn đảo, sự tiện lợi của cảng biển, đất đai phì nhiêu, không khí trong lành đã nảy ra trong ông ý tưởng biến nơi này thành thuộc địa thật sự. Ngài Bauvillier, vào năm 1721 đã có hiệp sĩ Gamier de Fougeray, tức thuyền trưởng tàu Triton đến đó, người này lãnh đạo nó từ ngày 23 tháng Chín nhân danh Vua nước Pháp và cho chôn một cột buồm cao bốn mươi dặm trên đó treo một lá cờ trắng cùng dòng chữ la tinh.

Ngày 28 tháng Tám năm 1726 ông Dumas đang sống trên đảo Bourbon được bổ nhiệm quản lý cả hai đảo. Sau này, việc quản lý lại bị chia cắt và ông Maupin được giao quản lý đảo Pháp.

Nhưng người thành lập và thực thi luật trên đảo lại là ngài Mahé de La Bourdonnais. Vừa đến miền đất mới, ông nhận ra toà án bên đảo Pháp phụ thuộc vào đảo Bourbon, ông bèn gửi chứng thư tuyên bố quyền tương đương trên đảo Pháp với đảo lân cận về tất cả những gì liên quan đến luật tội phạm.

Dẫu vậy trong suốt mời một năm cầm quyền của ngài Bourdonnais, cái quyền bình đẳng ấy chẳng được sử dụng đến bởi lẽ trên đảo Pháp chẳng hề có vụ án nào. Thảm hoạ duy nhất làm Maurice tổn thất là việc ra đi của người lai da đen vàng. Ngài Bourdonnais cho thành lập một đội quản hạt bao gồm những người da đen thực thi những gì áp đặt đối với những người da đen bướng bỉnh. Ông cho trồng mía trên đảo Pháp và thành lập tại đây những xưởng bông và công việc sản xuất này có đầu tiêu thụ là Surate, Moka, Ba Tư và châu Âu.

Những cơ sở sản xuất đường do ngài Bourdonnais thành lập khoảng năm 1735, sau mười lăm năm đã tạo ra một khoản sáu nghìn phăng mỗi năm. Ông cho nhập cây sắn từ Braxin và Santiago về nhưng người dân nơi đây tỏ ra có ác cảm với loại sản phẩm mới này. Thế là ông buộc phải ra đạo luật

buộc mỗi người dân, mỗi nô lệ đều phải trồng sắn trong ba trăm bộ vuông. Ngài Bourdonnais đã bắt đầu tất cả ở đảo Pháp, chính ông là người xây dựng những con đường giao thông, cho chở đá trải đến tận cảng, cho xây dựng nhà cửa ven cảng, chính ông cho xây các xưởng chế tạo vũ khí, các ụ pháo, lâu đài, cối xay, nhà ga, văn phòng, cửa hàng và một chiếc cầu máng dài ba trăm toa dẫn nước ngọt đến cảng đến những bệnh viện bên bờ biển. Trước khi có ông, dân chúng đảo Pháp hoàn toàn không biết gì về đóng tàu đến nỗi có vài kẻ giàu có đến đảo bằng tàu đánh cá, đều bị buộc để lại trên cảng. Ông đã khuyến khích người dân giúp mình tạo ra một ngành hàng hải trong đó, đảo sẽ cung cấp gỗ. Người ta cho chặt một lượng gỗ lớn trong rừng, đẽo gọt thành hình cần thiết, ngay tại chỗ. Trong vòng hai năm, người ta đã có một lượng gỗ đáng kể chuẩn bị bắt đầu công việc.

Vào năm 1737, ngài Bourdonnais đã cho người thực hiện việc đóng tàu ông cho làm những ca nô và xà lan lớn để vận chuyển vật liệu. Cuối cùng, ông đã dựng được một tàu đánh cá lớn rất tuyệt vời. Năm sau, ông cho đóng hai con tàu khác và thực hiện trong xưởng một con tàu 500 tấn.

Những việc ông làm thuận lợi đến nỗi những kẻ ghen ghét không để ông yên. Thế là ông trở về Paris với dự định tự bào chữa.

Sự việc trở nên thật dễ dàng, ông đã xua tan bóng mây đen đè lên tiếng tăm của mình. Vì đã chuẩn bị tinh thần cắt đứt với người Anh và Hà Lan trong tương lai, ông lập kế hoạch trang bị vũ khí cho lượng tàu nhất định để tấn công việc buôn bán của hai kẻ thù hùng mạnh này. Tuy nhiên, dù đã được chuẩn y nhưng kế hoạch đó không được thực hiện và ông phải trở về Paris năm 1741 với một nhiệm vụ đặc biệt để chỉ huy chiến hạm *Mars*, một chiến hạm của nhà vua.

Hoà bình lập lại năm 1742, ngài Bourdonnais tiếp tục trở về đảo Pháp một lần nữa, những lời tố cáo buộc ông quay về Paris.

Lần này ông gặp ngài Poivre ở Pondichery. Con người này đã mang về Pháp hạt tiêu, quế và nhiều loại cây gỗ có vân. Chính ngài Poivre này vào năm 1766 đã được công tước Choiseul bổ nhiệm quản lý cả hai đảo đảo Pháp và đảo Bourbon. Ông cho trồng tại đây cây *rima* hay còn gọi là cây bánh mỳ

trên đảo Société ông còn thành công trong việc đưa vào trồng tại hai đảo các loại cây quế hạt tiêu và cây đinh hương. Ngày nay, đảo Bourbon còn thu hoạch bốn trăm nghìn đinh hương được châu Á thừa nhận có chất lượng hơn ở Moluques.

Sau những chuỗi thành công của các quản hạt người đã đặt tảng đá xây dựng nền móng chốn thuộc địa mỹ lệ này, đến lượt tướng Decaen đã tiếp nhận hòn đảo từ tay ngài Magallon-Lamorìère trong thời kỳ đảo đang mức hưng thịnh nhất.

Chỉ có điều song song với việc nhận hòn đảo ấy, cuộc chiến với nước Anh lại bùng nổ. Từ khi cuộc chiến bắt đầu, như chúng tôi đã nói ở trên, đảo Réunion và đảo Pháp là nơi cư trú duy nhất cho các tàu Pháp trong Ấn Độ Dương. Đó cũng là nơi các thuyền trưởng Surcouf, nhà Hermitte, Dutertre đến bán chiếm lợi phẩm hay sửa chữa tàu thuyền. Do đó, hiếm khi người ta không thấy vài tàu Anh đi ngang qua đây chờ tàu cướp biển để lấy lại tài sản của họ.

Thuyền trưởng Surcouf ngạc nhiên chạy lên boong tàu *Revenant* khi nghe tiếng hô "Đất liền" ông leo hẳn lên thanh buồm vẹt và thấy mặt biển thông từ cảng Savanne đến mũi Quatre-Cocos.

Chỉ có điều ông không biết liệu có tàu Anh nào nấp trong đất liền lao ra từ bờ vịnh Tortue và vịnh Tamarin hay không.

Thuyền trưởng Surcouf đã từng đặt chân đến Địa đàng Ấn Độ này, nói theo cách của pháp quan Suffren, đã nhận ra đảo Pháp ngay qua làn hơi nước bao phủ quanh năm trên hòn đảo xanh tươi, rặng núi Créoles (*Créole là tên của những người sanh trưởng ở tại các quần đảo Maurice hay đảo Réunion*) và chúng con kênh từ cảng lớn kéo đến dãy núi Bambous.

Khi người ta đến đảo Pháp chỉ để neo đậu, lấy lương thực, nước ngọt đôi khi

người ta lưỡng lự không biết chọn cảng Lớn hay cảng Louis. Còn nếu người ta đến đây với mục đích như Surcouf tức là sửa chữa tàu hay bán chiến lợi phẩm thì không cần phải băn khoăn. Lối vào cảng lớn rất dễ dàng do có luồng gió mạch uốn cong các cây trên đảo, từ đông sang tây giống như gió mùa Mistral (*Ở các đảo này thường hay bị bảo Mistral tàn phá hằng năm*) bẻ cây cối của chúng ta ở miền nam. Loại gió này ngự trị suốt chín tháng trong năm và các tàu thuyền vào cảng thì dễ còn khi đi ra nếu có gió thì không thể ra được.

Thuyền trưởng Surcouf sau khi nhận thấy biển thông thoáng, ông định hướng mũi Pointe-Du-Diable, quay đầu lên đông bắc để tránh bãi ngầm, bỏ lại sau lưng những đồng cỏ xa van, bên trái là dãy núi Blanches, mỏm núi Faience và toàn bộ tảng Flacq.

Các con tàu đều buông neo tại Pavillon để nhận sự chào đón và kiểm tra y tế theo tín hiệu. Việc cho phép vào cảng được chuẩn bị theo thủ tục tự do, thông thường sẽ có nhiều thuyền nhỏ mang hoa quả và đủ loại sản phẩm tươi. Sau các thủ tục, Surcouf được chào đón, cho phép đi tiếp để buông neo ở Chien-Au-Plomb, nhưng trước khi đến đó, tên của ông được những người chèo thuyền truyền từ thuyền này sang thuyền khác, nó đánh thức trong họ những hồi ức đẹp nhất về tổ quốc, thế là những tiếng hò reo vui sướng và những tràng pháo tay rộ lên chào đón tàu *Standard*, *Revenant* và *Tay đua New York*.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 60
Những ngày trên đảo

Việc neo đậu trở nên rất dễ dàng trên đảo Pháp. Phía cuối cảng sâu một dặm, người ta có thể cho tàu vào, dễ như bước trên một dòng nước nhỏ, bãi đậu Chien-Australia-Plomb bên bờ, đi được chục bước, người ta sẽ gặp quảng trường Gouvemement. Qua những cánh cửa cung điện, bỏ lại phía bên phải toà nhà Quản lý cùng những hàng cây tuyệt đẹp, duy nhất có trên đảo là ta đang tiến về phía phố Champs de Mars, con phố chính, trước khi đến nhà thờ, đối diện với nhà hát, người ta sẽ gặp khách sạn dành cho người nước ngoài.

Đoàn người đứng trước cửa khách sạn bao gồm thuyền trưởng Surcouf khoác tay tiểu thư Hélène de Sainte-Hermine, René đi tiếp sau khoác tay Jane và cuối cùng là Bléas và vài sĩ quan: Phân hạng nhất trong khách sạn được chọn cho hai cô gái, sau đó hai cô đến một tiệm may để cắt trang phục. Cảm giác mất mát trong hai cô luôn hiện hữu. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại sự hiện diện của anh chàng René đáng mến, câu chuyện rất bổ ích và lý thú của anh khiến vết thương lòng của các cô dù không khỏi được nhưng cũng bớt phần đau đớn.

Khi René hỏi họ định sẽ làm gì các cô gái trả lời họ sẽ không đi đâu trong tang phục. Chừng nào còn ở trên tàu, việc để tang đối với họ không hẳn là tối cần thiết nhưng trong một thành phố, họ thấy xấu hổ khi ra ngoài trong bộ quần áo không thể diễn tả được sự tiếc thương và đau buồn của họ. Tuy thế, các cô vẫn tuyên bố cuộc đi chơi đầu tiên của họ sẽ là Pamplemousses.

Có lẽ khi nghe đến cái tên Pamplemousses, người ta cũng đoán được đó là chuyến hành hương đến những túp lều của *Paul và Virginie*. Cuốn tiểu thuyết của Bemardin de Saint - Pierre, mối diễm tình thi vị giống như trong

Daphnis và Chloé dịch sang tiếng Hy Lạp, dù vào thời đó nó đã được xuất bản từ mười lăm năm song vẫn còn in đậm trong tâm trí hai cô gái trẻ.

Đó là một tác phẩm để lại dấu ấn trong toàn xã hội. Người yêu mê cuồng, kẻ ghét thậm tệ. Đó là một trong những vấn đề tình cảm khiến người ta sẵn sàng tranh cãi cũng giống như một vấn đề về quyền lợi. Như ta biết, sau ấn tượng của tác phẩm *Paul và Virginie* để lại trong phòng tiếp của phu nhân Necker, Bemardin de Saint-Pierre đã nghi ngờ chính tài năng của mình đến độ ông không cho in cuốn sách của ông. Ngài Buffon thấy tẻ ngắt, ngài Necker ngáp dài còn ngài Thomas thì thiu thiu ngủ khi đọc nó.

Vậy là ông quyết định không cho in cuốn *Paul và Virginie* nữa. Hai đứa con tinh thần của mình bị bỏ rơi là điều rất đau khổ với ông nhưng vào một ngày ông đã quyết định đốt cuốn bản thảo viết tay mà sự hiện diện của nó chỉ gợi lên nỗi thất vọng cay đắng nhấn chìm ông một cách tàn bạo nhất.

Đang lưỡng lự khi đưa bản thảo bị kết án bởi những bộ óc siêu phàm thời kỳ ấy thì Joseph Vernet, một hoạ sĩ chuyên vẽ biển đến thăm ông, thấy ông có vẻ ủ ê mới hỏi căn nguyên nỗi buồn là gì.

Bemardin kể lại chuyện cho bạn nghe và trước lời nài nỉ của bạn, ông quyết định đọc một lần cuối cho bạn nghe.

Vernet chăm chú lắng nghe không biểu lộ sự đồng tình hay phản đối. Ông giữ sự im lặng đáng lo ngại ấy đến phút cuối. Về phần mình, càng đọc, Bemardin càng thấy trái tim xốn xang, giọng nói run lên. Sau lời cuối cùng, ông ngước mắt lên nhìn vị phán quan chờ đợi.

- Thế nào? Bemardin hỏi.

- Thế đấy bạn của tôi - Vernet ôm ông vào lòng - Đơn giản là bạn đã tạo nên một kiệt tác!

Vernet đã đánh giá tác phẩm không phải bằng các kỹ thuật viết lách, bằng tầm suy nghĩ mà cảm nhận bằng trái tim. Ông đã đoán đúng và đồng ý với phần kết thúc.

Từ đó có hai tiểu thuyết khác, với phong cách loè loẹt hơn, và bằng trường phái ồn ào hơn muốn lấn lướt thành công lớn lao của *Paul và Virginie* đó là một tài năng khác nhưng đó là thứ tài năng khác với tác phẩm của Bemardin, đó là *René* và *Atala*.

René và *Atala* cũng tạo được chỗ đứng nhưng chỗ đứng của *Paul và Virginie* thì không hề bị đánh đổ.

Thế đó! Chính mảnh đất diễn ra câu chuyện đơn giản ấy lại là nơi các tiểu thư Sainte-Hermine muốn đi thăm đầu tiên. Chị thợ may hứa đồ tang sẽ xong vào ngày mai nên ngày kia có lẽ hai chị em mới hoàn thành chuyến hành hương thiêng liêng ấy được.

Anh chàng René dùng mọi cách mời hai thiếu nữ tham gia vào một chuyến dã ngoại ở nông thôn, nó không khác gì những chuyến đi dạo thanh lãm nhất ở rừng Fontainebleau hay ở Marly.

René mua cho mình một con ngựa, thuê cho Bléas và Surcouf hai con đẹp nhất, sau đó, anh nhờ ông chủ khách sạn thuê hai mươi nô lệ da đen, tám người chèo thuyền, mười hai người mang thực phẩm họ phải ăn tối bên bờ sông Latanlers và ngay từ hôm trước, René đã cho chuẩn bị bàn, đồ vải và ghế.

Một chiếc thuyền đánh cá rất đẹp dùng để chuyên chở tất cả vật dụng sẽ chở những ai thích đi câu hơn đi săn. Về phần René, vì anh chưa biết mình sẽ tham gia hoạt động nào nên chỉ mang một cây súng vắt chéo qua vai và chờ xem hai thiếu nữ làm gì mình sẽ làm theo.

Ngày đi dạo đã đến, hôm ấy trời đẹp như mọi ngày, sáu giờ sáng để không bị nắng, mọi người đã tập trung tại phòng dưới của khách sạn *Khách sạn cho người nước ngoài*.

Kiệu và phu khuân vác đã chờ sẵn họ dưới phố, cạnh đó còn có ba con ngựa, bốn người da đen đội những chiến giỏ lớn đựng đầy thực phẩm, tám người khác sẵn sàng thay phiên họ. René để cho ngài Surcouf và Bléas chọn ngựa. Vốn là những ky sĩ tầm thường giống như phần lớn các thủy thủ, họ chỉ chú ý chọn con nào thuần mà thôi. Bléas vốn cũng khá về đua ngựa muốn trả thù René về vẻ vượt trội của anh trên mọi phương diện nhưng con ngựa của René, một khi đã để ông chủ trèo lên yên, nó đâu dễ để ai qua mặt.

Những chuyến đi dạo như vậy, vốn thường thấy trên đảo Pháp, nhưng lần này nó có vẻ rất đặc biệt vì thời đó, đường rất khó đi nên phụ nữ luôn ngồi trên kiệu và đàn ông đi ngựa. Về những người da đen, họ hầu như ở trần, với những ngày đại lễ, họ mặc một thứ dạng áo dài xanh lơ giống như chiếc quần tắm trùm xuống tận đầu gối. Tám người khiêng kiệu bằng những đòn vai, tay cầm một chiếc gậy lớn để giữ thăng bằng. Bốn người vừa mang thực phẩm bước theo sau vừa ngâm nga nhịp một bài hát của người da trắng có giai điệu buồn buồn hơn là vui.

Hai bên đường, khung cảnh rất đẹp. Bên phải là dãy núi Polt chạy theo hướng đông bắc và giảm dần độ cao, ban đầu là đỉnh Pouce mà không ai dám leo lên, rồi đến đỉnh Pretres với quang cảnh đẹp như một cao nguyên gồ ghề treo lơ lửng trong không trung Vẻ xanh ngút ngàn nhìn mát mắt lắm. Suốt dọc đường đi, người ta gặp những người da màu. Qua sông Lataniers là đến miền đất đỏ. Đâu đâu cũng có những bụi tre rậm rịt, những dải rừng đen kịt và những cây lý thơm.

Mộ của *Paul và Virginie* do một tu sĩ già trông coi, ông đã biến nó thành một thiên đường của hoa và cây xanh.

Chỗ nào trên đường cũng có những đàn vẹt màu sác sặc sỡ, những con khỉ

đu từ cành này sang cành khác, những con thỏ rừng nhiều vô kể trên đảo mà muốn bắt người ta chỉ cần lấy một cây gậy kều xuống là được, những con chim ngói bay lượn và những mảnh sò bé tí xíu.

Cuối cùng, mọi người cũng đến được mảnh đất có bàn tay người cấy trồng ngày xưa, nơi còn có hai túp lều nhỏ tí lụp xụp.

Giữa cánh đồng lúa mì, ngô, khoai lang mà người ta trồng trước đây giờ chỉ thấy một thảm hoa rộng lớn, thỉnh thoảng có những gò nhỏ nhô lên đội những mảng hoa màu sắc rực rỡ giống như những hương án và những điện thờ.

Chỉ một lối mở lên hướng bắc cho thấy bên trái là đỉnh núi Découverte, từ đó người ta báo hiệu cho các tàu cập vào đảo. Nhà thờ Pamplemousse có gác chuông thấp thoáng giữa những răng tre mọc so le một cách tuyệt đẹp ở giữa một cánh đồng lớn. Xa xa là một cánh rừng trải rộng đến đầu kia của đảo. Trước mặt trên bờ biển, người ta cũng nhận ra vịnh Hầm Mộ, chếch một chút về bên phải là mũi Bất Hạnh. Từ chỗ đó ra giữa biển thỉnh thoảng có một vài đảo nhỏ không có người sống. Mũi Ngắm nhô lên như một thành trì nằm giữa quần đảo nhỏ. Nơi đầu tiên khiến mọi người vội vã đi thăm là tảng đá nằm trên mộ *Paul và Virginie*. Mỗi người thầm cầu nguyện một điều trước bức điêu khắc ấy, riêng hai cô gái cứ lưu luyến mãi không quyết định rời đi được. Những người đàn ông ít sùng bái những ký ức thi vị hơn lại chú ý đến lượm những con mồi trên đảo và chuẩn bị đi săn. Một vài người khuân vác làm nhiệm vụ dẫn đường cho họ và cũng thoả thuận sau một giờ tất cả sẽ tập trung về gần sông Lataniers để ăn trưa.

Riêng René ở lại để chăm sóc hai thiếu nữ. Jane đã mang cuốn sách của Bemardin de Saint -Pierre và trên chính nấm mộ nhân vật René đã đọc ba bốn chương trong quyển sách đó.

Mặt trời bắt đầu toả sức nóng buộc hai thiếu nữ và kỵ sĩ của họ rời vịnh, không có bóng cây nào giúp họ thấy mát cả.

Do quá bận tâm về mục đích của chuyến đi nên khi đến các du khách của chúng ta ít chú ý đến việc ngắm nhìn cảnh trí. Một người từng chu du đó đây

ở Arménie, đột nhiên nhận ra thiên đường đánh mất cũng không ngạc nhiên một cách ngọt ngào như việc lần đầu lang thang trong chốn tuyệt diệu của Pamplemousse. Tất cả đều gợi lên niềm hứng khởi cho ba con người trẻ tuổi. Lần đầu tiên họ được thấy những cánh đồng mía với những thân cây nhiều đốt cao đến chức mười bộ, những chiếc lá dài hẹp khua trong gió.

Gần những cánh đồng mía là những cánh đồng cà phê mà hạt của chúng, theo phu nhân Sévigné, như những tác phẩm của Racine, thứ đã từng làm nên từ một trăm bảy mươi hai năm cái vị thèm muốn cho châu Âu, như từ hai trăm năm trước Racine làm nên cái vị trí tuệ cho tất cả các tài tử thi ca vậy. Điều khiến ba người ngưỡng mộ nhất có lẽ là món quà thiên nhiên ban tặng treo lơ lửng trên các cây ăn quả. Quả thật, họ chỉ cần với tay là hái được những trái hạnh, lê và roi. Từ xa, họ đã thấy một toán người bên bờ sông Lataniers, đó là những người đang bày đồ ăn. Chưa bao giờ đồ uống lại ngon như ba ly nước múc từ dòng sông Lataniers.

Các thợ săn vẫn chưa trở lại, nhưng mười phút sau, mấy tiếng súng vang lên gần đó báo hiệu họ đang trở về. Dù vẫn chưa đến mười giờ sáng nhưng trong không khí mát mẻ và trong lành ấy, các du khách của chúng ta đã ai nấy đều đói.

Bàn ăn được bày ra vô cùng hấp dẫn. Các thủy thủ trên tàu đã lặn xuống biển và bắt được rất nhiều loại có mai trong đó có loại sò huyết bày biện rất bắt mắt. Những cành cây trìu quả cũng được xếp bên cạnh bàn ăn.

Ông chủ khách sạn dành cho người nước ngoài chịu trách nhiệm chuẩn bị bữa ăn tối đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thiêng liêng của mình. Ông ta cho mang đến một nửa con cừu, một phần tư con nai con… những con tôm hùm tươi rói.

Nhưng chai rượu vang hảo hạng nhất trên đảo tươi mát như lấy từ hố sâu nhất trong dòng sông Lataniers vậy.

Những tay thợ săn trở về mang theo một con hơn non, đôi ba con thỏ rừng

và gà lôi cùng những con chim cực ngon. Đám đầu bếp để dành chỗ thực phẩm tươi đó cho bữa tối vì tất cả du khách thấy ở đây thoải mái quá nên đã đồng thanh bảo nhau Chúng ta hãy ở lại đây cả ngày thôi! "

Lời đề nghị ấy không vấp phải sự phản đối nào, họ đã quyết định nghỉ ngơi dưới bóng mát của cây cối và bên dòng sông đến hai giờ sau đó sẽ lên ngựa đi thăm bờ biển nơi Saint-Geran đã từng lẩn trốn. Như vậy, chuyến hành hương của họ đã trọn vẹn. Họ đã thăm một nơi ra đời, một nơi lẩn trốn và một nơi yên nghỉ. Chưa bao giờ René và những người bạn đồng hành lại được nếm các loại trái cây vừa nhiều vừa đa dạng mà ở châu Âu chưa từng có như vậy. Sự tò mò cộng với sự ngon miệng đã níu họ ở lại bên bàn ăn đến tận hai giờ chiều.

Vì họ để những người da đen cùng ăn thoả thê nên những người này hy vọng trong sự rộng rãi ấy sẽ được thưởng hậu vào buổi tối nên ai nấy đều có mặt đúng giờ để tiếp tục công việc của mình.

Tất cả lên đường để lại đằng sau mô đất và những cây đu đủ. Khi đi qua khu rừng rậm nhỏ, ở một số chỗ, những người da đen phải lấy rìu để dọn một lối đi.

Những người đội hàng bước đi rất chuyển theo nhịp, trên con đường xấu như vậy mà kiệu hai cô gái không hề lắc lư. Gần ba giờ chiều, họ đến vùng đối diện với đảo Long Diên Hương, hay đúng hơn là đối diện với lối mà Saint-Geran vào ẩn nấu trên đảo.

Mặc dù không có gì chứng tỏ có vụ thảm hoạ như Bemardin de Saint-Pierre dùng để cởi nút cao trào tác phẩm nhưng sự xúc động vẫn trào lên trong các du khách y như lúc họ ở gần ngôi mộ.

Ai cũng đang nhìn chăm chú, tim đập rộn ràng như muốn hỏi các sĩ quan hải quân bằng cách nào đã thực hiện được nhiệm vụ thì đột nhiên con tàu biến

mất ở vị trí đó thì người ta nghe tiếng động lớn mặt biển bỗng rung động rất kỳ lạ.

Chỉ một lát sau, mọi chuyện đã được giải thích. Có hai con vật khổng lồ đang đánh nhau giữa muôn trùng sóng. Đó là một con cá voi vừa chiến đấu với kẻ thù chết người của nó là con cá kiếm. Có thể nói hai đấu sĩ khổng lồ này đã đợi đúng thời điểm đoàn người đến để xung trận.

Cuộc đấu kéo dài, ngoan cường và ác liệt từ cả hai phía. Con thủy quất to lớn như lao bổng người lên tạo thành một khối giống như một quả chuông đâm xuống. Nó phụt từ hai lỗ mũi hai cột nước rất cao nhưng dần dần nó phun nước yếu hơn và vắt lên với một quầng máu loang. Hai cột nước biến thành màu hồng chứng tỏ chiến thắng sắp đến với con nhỏ hơn. Với lợi thế gọn nhẹ, con cá kiếm liên tiếp tấn công xung quanh con cá voi, chọc cái lưỡi kiếm vào hai bên sườn và không để đối thủ nghỉ ngơi tí nào. Cuối cùng, bằng một nỗ lực dốc toàn sức, con cá voi lao lên và thả mình rơi mạnh vào địch thủ, có lẽ nó làm con cá kiếm chết bẹp vì không thấy con này đâu nữa. Về phần con cá voi, sau vài cơn co giật nó dần cứng đờ và thở hắt ra kèm theo một tiếng kêu giống như tiếng kêu của người.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 61
Trở về

Có một người tên là Leconte de Lisle mà nghe nói Viện Hàn Lâm cũng không biết ông sống ở đảo Bourbon, đảo Pháp hay ở Ấn Độ, đã vẽ trong những vần thơ chuyến đi dài của một thiếu phụ trong kiệu dưới nhan đề "La Manchi" như sau:

Nàng đi như thế trong buổi sáng rất dịu,

Từ miền sơn cước đến buổi đại lễ.

Trong dáng điệu ngây thơ và tươi xuân hồng của nàng.

Có bước chân đánh nhịp của những người Hindu.

Cho dù độc giả tin những câu hát cùng bước chân đánh nhịp của phu kiệu này có liên quan đến những vần thơ của ngài Leconte de Lisle thì vẫn không gì chán bằng những khúc hát dân dã ấy, không gì kém êm ái hơn không khí họ đang tận hưởng.

Trong khung cảnh như ở thời nguyên thủy khi con người tập trung chỉ vào vài từ và thấy trong những từ ấy có vần điệu là họ nhắc đi nhắc lại mãi. Nó thoả mãn nhu cầu của trì não và nhu cầu của cơ quan cảm thụ âm nhạc. Chính vì lẽ đó, các phu kiệu của Hélène và Jane thay vì sáng tác những câu ca ngợi vẻ đẹp của các cô gái trẻ nước ngoài, thay vì khen mắt và mái tóc đen của Hélène, tóc vàng, mắt xanh của Jane lại chỉ hát khúc hát trên và kết thúc bằng một lời than vãn giống như tiếng rên rỉ thốt ra từ kẻ làm bánh mỳ phải bóp nát chiếc bánh của mình. Khi đoạn đường sắp lên dốc họ hát:

Người tình đã đến

Khi lên dốc… ha!!!

Còn nếu sắp xuống dốc, họ chỉ cần thay đổi lời điệp khúc:

Người tình đã đến

Khi xuống dốc… ha!!!

Thỉnh thoảng, bốn phu kiệu khác lại thay thế cho những người đã mệt những người này lại hát bài hát đơn điệu và não ruột ấy cho đến khi họ đến nơi.

Đôi khi có vài thi sĩ thất tình phải chia xa người yêu dấu của minh đã gắng vượt qua ngưỡng thông thường của bài hát. Anh ta thêm vài bốn câu đầu bốn câu thơ khác nữa. Một thi sĩ khác vẫn ở tình trạng thất tình như vậy lại nghĩ ra đoạn thơ thứ ba rồi thứ tư.

Cứ như thế khúc rền rĩ của kẻ đang yêu đầu tiên trở thành sản phẩm chung mà mọi người đều có thể thêm vào như thường ca của Homère. Thế là bài thơ ấy thay đổi trước đoạn, khi vui khi buồn, nó trở thành một bài hát để nhảy và nhất nhất đều quay về điệu Bamboula, một vũ điệu can can của người da đen.

Thông thường khi chủ ăn thì đám nô lệ đến nhảy quanh bàn, thường thì bàn ăn có những thiếu nữ tuổi từ mười hai đến mười lăm, lứa tuổi này ở xứ thuộc

địa tương đương với tuổi mười tám, đôi mươi ở châu Âu. Những cô gái thích thú các điệu nhảy ấy: chúng hiện ra trước mắt như trước trái tim các cô nhưng không khẩy động gì trong trí tưởng tượng của các cô cả.

Đó cũng là điều xảy ra cho đoàn người của chúng ta khi họ trở lại bờ sông Lataniers để ăn tối, một dàn nhạc, một vòng tròn vây quanh bàn ăn, mỗi người da đen trở thành một cây đàn với cành dây leo rậm rạp, gần giống như cây nho, chúng cháy càng mạnh khi còn tươi, chiếu sáng một quầng rộng ba mươi bộ đủ chỗ cho việc hát hò và nhảy múa. Sau đó, một phụ nữ da đen tiến vào giữa khoảng không trống rỗng và bắt đầu hát rất ngây thơ, thậm chí quá ngây thơ bài hát:

Nhảy điệu Callada

Zizim boum boum

Nhảy điệu Bamboula

Luôn luôn như thế a!

Tất cả đàn ông, phụ nữ da đen đều đồng thanh vừa hát vừa nhảy theo lời người đồng hành của họ vùa hát đơn ca khi chị ta ra hiệu, mọi người im lặng, chị ta lại hát một mình tiếp đến đoạn điệp khúc thì tất cả lại đồng thanh:

Nhảy điệu Callada

Zizim boum boum

Nhảy điệu Bamboula

Luôn luôn như thế a!

Rồi họ vào khoảng ông hoà lẫn vào nhau trong điệu nhảy.

Đám đông trở nên nhốn nháo đến nỗi người ta phải giơ tay ra hiệu dừng lại thế là ai về vị trí người nấy, còn Bambou, người phục vụ của Surcouf tiếp tục hát bằng giọng của người đảo Martinique của anh ta:

Zizim, trala la la la

Zizim, trala la la

Zizim, trala la la

Bạn ơi, hãy đến nhảy điệu Bamboula

Chúng cần làm việc

Chẳng cần cuốc đất

Chẳng cần đóng cọc

Vì chồng bạn đâu nhìn được xa thế?

Dù các đoạn lời do Bambou hát có người đặc ngữ Martinique thì dân da đen ở đảo Pháp cũng không cần hiểu. Họ chỉ càng thêm hưng phấn, nhảy và hát nhiệt tình gấp đôi. Vài lần, René hiểu những lời đó và các cơ chỉ của họ, đã hỏi hai cô gái xem họ có muốn đi nghỉ hay không, nhưng các cô thấy cảnh vui vẻ và lạ mắt nên muốn ở lại. Tuy nhiên, màn đêm đã buông nên René ra liệu cho người dắt ngựa và khiêng kiệu lại. Phụ nữ lên kiệu còn đàn ông lên ngựa trở về.

Thế là một cảnh tượng không ai ngờ đến đã xảy ra kết thúc cho một ngày tuyệt vời. Có hai, ba trăm người da đen cả đàn ông lẫn đàn bà, sau khi được thưởng con mồi do các tay thợ săn mang về để tỏ lòng biết ơn, họ đồng ý

dẫn đường cho đoàn người. Họ chất những đoạn cây cháy đi quanh đoàn người trở về cảng Louis.

Không còn gì tráng lệ hơn cái cảnh rừng rực chuyển động ấy, nó càng tiến lên càng chiếu rọi những mảng khung cảnh đẹp nhất trên đời. Những khung cảnh ấy thay đổi liên tục. Lúc là một vùng đồng bằng điểm các lùm cây, khi lại là một dãy núi che khuất tầm mắt, khi thì núi và rừng đột ngột giãn ra những chỗ cho mặt biển trải rộng vô tận, tĩnh lặng như một tấm gương soi hắt lên ánh trăng bạc. Trước mặt những người cầm đuốc, đủ loại con mồi xuất hiện như lươn, heo rừng, thỏ rừng,… thế là những tiếng hò reo vui sướng vang lên, những ánh đuốc tán ra quây lấy con vật nhưng con vật gấp gáp chạy luồn đi khiến các ánh đuốc nối nhau chạy theo như một dòng suối lửa nhấp nhô. Khi con vật chạy mất hút thì các đốm lửa tập hợp lại trở về vị trí dân đầu đoàn người.

Điều đáng tò mò nhất có lẽ là khi họ đi ngang qua khu cấm trại Malabar. Đảo Pháp là nơi hẹn gặp của tất cả các chủng người Ấn Độ nên không thể thiếu người Malabar. Những cư dân sống lưu vong bên bờ biển Ấn Độ nằm trên vùng biển Oman tụ tập lại thành một khu độc lập, sinh ra và chết đi ở đây chỉ có họ mà thôi, Một vài ngôi nhà của họ còn sáng ánh đèn nhưng tất cả các cửa lớn và cửa sổ đều mở toang, những khuôn mặt tựa màu ô liu rất đẹp của những người phụ nữ thấp thoáng hiện ra bên ô cửa sổ. Tất cả họ đều mặc áo dài bằng lụa hay vải phin lanh, tay đeo vòng vàng hay bạc, ngón chân đeo nhẫn họ có dáng vẻ gợi đến những người phụ nữ La Mã và Hy Lạp với đường nét hài hoà trên khuôn mặt và chiếc áo dài trắng.

Từ trại Malabar, người ta vào phố Paris từ phố Paris có thể thông sang phố Gouvemement nơi ông chủ khách sạn đang kính cẩn chào đón các vị khách của mình từ ngoài cửa.

Hai thiếu nữ đang rất cần đi nghỉ, dù nhìn dáng điệu của kiệu rất nhẹ nhàng nhưng với ai không quen vẫn bị mệt. Hélène và Jane vội cáo từ René và cảm

ơn anh về một ngày tuyệt vời anh dành cho họ khi đã lên phòng, nét mặt của Hélène lại đượm buồn như cũ và quay sang Jane, cô nói với giọng buồn hơn là trách.

- Jane này, chị nghĩ đã đến lúc cầu nguyện cho cha rồi.

Nước mắt lại lăn xuống gò má Jane, cô lao vào vòng tay của chị rồi quỳ xuống cạnh giường, làm dấu thánh giá và thì thầm.

- Ôi cha ơi, hãy tha thứ cho con!

- Tại sao cô lại làm như vậy?

Chắc chắn vì có một tình cảm mới lạ vừa nảy sinh trong tim cô đã khiến cô tạm không nghĩ đến cha mình.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 62
Con tàu "Tay đua New York"

Hôm sau, khi trời vừa sáng René đã vào phòng thuyền trưởng Surcouf, khi ông này tuy đã thức những còn nằm trên giường.

- Này anh bạn René thân mến của tôi - ông nói khi nhận ra anh - Anh đã mời chúng tôi bữa ăn trên thảm cỏ và đó thật sự là một bữa tiệc. Tôi đã nhận lời mời tham dự bữa tiệc đó nhưng chúng tôi, tôi và Bléas đã quyết định sẽ cùng chia sẻ khoản chi phí với anh về chuyện đi dạo đó.

- Thưa chỉ huy đáng mến - René đáp - Vừa hay tôi đến để xin ngài một chuyện đây.

- Nói đi René thân mến, trừ khi chuyện này ngoài khả năng của tôi nếu không tôi sẽ đồng ý trước cho cậu.

- Vì lý do đặc biệt, tôi xin ngài cho phép tôi đi thám hiểm bờ biển Pégou. Ngài còn ở lại đảo Pháp nhiều tháng nên cho phép tôi nghỉ phép sáu tuần sau đó, tôi sẽ bắt kịp ngài dù ngài ở bất cứ nơi đâu.

- Tôi hiểu rồi - Surcouf nói và cười - Tôi cho anh làm người bảo trợ cho hai cô gái xinh đẹp mà chúng ta đã chẳng may sát hại cha của họ, cậu muốn hoàn thành nhiệm vụ bảo trợ ấy đến cùng chứ gì.

- Những điều ngài nói không phải không đúng, chỉ có điều, tôi đọc được ý nghĩ của ngài đã đi xa quá. Thưa ngài, thứ tình cảm tôi dành cho họ hoàn toàn không phải là tình yêu dẫn tôi thực hiện chuyến đi này. Thưa chỉ huy, tôi đã quyết định việc ấy khi tôi mua con tàu kia. Tôi cũng không biết chuyện gì sẽ xảy ra với tôi. Tôi không muốn đến gần bờ biển Ấn Độ đến thế mà không làm một chuyện đi săn hổ hay voi thứ khiến con người ta có cảm giác tối cao trong đợi vì phải đối diện với cái chết: Tương tự như thế tôi đưa hai kẻ mồ côi về nhà của họ, tôi quan tâm đến họ mà sẽ không ai hiểu lý do. Ngài nói đến tình yêu thưa chỉ huy đáng mến, tuy tôi chưa đầy hai mươi sáu tuổi nhưng con tim tôi đã chết như thể tôi đã tám mươi tư tuổi rồi. Tôi bị kết tội phải giết chết thời gian, thuyền trưởng Surcouf ạ. Cho nên tôi muốn ít ra

cũng phải giết thời gian cho những chuyện ra hồn. Con tim tôi đã chết trong tình yêu, tôi muốn nó sống trong cảm xúc khác. Hãy để tôi đi tìm cảm giác ấy và hãy giúp tôi tìm thấy nó khi cho tôi nghỉ phép khoảng sáu tuần đến hai tháng.

- Nhưng anh đi bằng gì? Bằng cái vỏ dừa của anh à?

- Phải đó - René đáp - Ngài cũng thấy tôi mua tàu với tư cách là một người Mỹ, tôi có giấy tờ đăng ký xuất xứ cho tàu, tôi nói tiếng Anh giỏi đến nỗi không người Anh và người Mỹ nào không nghĩ tôi ở London hay New York, người Mỹ thì giữ hoà bình với cả thế giới. Tôi đi dưới lá cờ Mỹ, người ta sẽ để tôi qua, hoặc nếu bị giữ lại, tôi chứng minh được thì sẽ lại đi tiếp. Ngài nghĩ sao?

- Nhưng anh không định đưa hai hành khách xinh đẹp của anh lên con tàu từng chở nô lệ da đen chứ?

- Thưa chỉ huy, trong mười lăm ngày nữa, ngài sẽ không nhận ra *Tay đua New York* bên ngoài thì không thay đổi gì, nó chỉ thêm một lớp sơn tốt. Nhưng bên trong, nhờ chất gỗ và loại vải tuyệt hảo mà tôi gặp hôm qua thì, nội thất sẽ tuyệt vời nếu ngài chấp thuận cho tôi nghỉ.

- Lời đề nghị của anh được chấp nhận ngay từ đầu đó thôi - Surcouf đáp.

- Nếu vậy, bây giờ chỉ xin ngài chỉ cho tôi ai là người tân trang tàu giỏi nhất mà ngài biết ở cảng Louis nữa thôi.

- Việc của anh cũng là việc của tôi anh bạn trẻ ạ - Surcouf nói - nếu khoản chi phí cao hơn anh tưởng thì anh có thể sở dụng khoản tín dụng vô hạn của tôi.

- Xin cảm ơn ý định tốt của ngài. Thưa chỉ huy, nếu ngài chỉ địa chỉ cho tôi, tôi sẽ dùng tiền của tôi cho tài khoản của ngài đầy tràn.

- Ái chà, chắc anh là triệu phú - Surcouf thốt lên không thể cưỡng lại được sự tò mò.

- Hơn thế một chút - René thủng thẳng đáp - còn bây giờ, nếu ngài nói khi nào ngài rảnh rỗi - René nói thêm và đứng dậy - Ngài muốn xem khoản tiền của tôi thì…

- Tôi muốn chứ, khẳng định với anh đấy, để xem nó nhiều đến chừng nào.

- Vậy lúc nào thì ngài đi được?

- Ngay bây giờ nếu anh muốn - Surcouf nói và nhảy xuống giường.

Mười phút sau, hai người đã xuống phố lớn theo đường Chien & Plomb và vào nhà đóng tàu đầu tiên trên cảng Louis. Thuyền trường Surcouf thuộc cảng Louis cũng gần như ở Saint-Malo.

- Ngài Surcouf thân mến đây mà! - Người đóng tàu reo lên.

- Đúng thế ông Raimbaut ạ, tôi nghĩ tôi còn mang đến cho ông một tin hữu dụng nữa kia.

Nói rồi ngài Surcouf chỉ cho người đóng tàu chiếc tàu của René đang đung đưa đối diện với Trou- Fanfaron.

- Ông nhìn kìa, đó là một chiếc tàu nhỏ của một người bạn của tôi. Anh ta muốn tân trang lại nó, bên ngoài sơn lại cho mới còn bên trong sửa lại thật đẹp, tôi đã nghĩ đến ông và đưa cậu ấy đến cho ông.

Người đóng tàu cảm ơn thuyền trưởng Surcouf, đi ra đưa tay che mắt ngắm con tàu.

- Phải đến xem tận nơi mới rõ - ông ta nói.

- Chuyện ấy không gì đơn giản hơn - René trả lời, rồi anh vẫy một thủy thủ trên boong.

- Này, mang ca nô lại đây Chiếc ca nô được thả xuống, hai thủy thủ tụt xuống theo và bơi đến chân Surcouf. Chỉ một lát sau ba người đã lên chiếc ca nô ấy đi đến chỗ con tàu. Như thể đang ở tàu của mình, ngài Surcouf leo lên đầu tiên, sau ông là René và cuối cùng là ông Raimbaut, người đóng tàu.

Ông Raimbaut xem xét cẩn thận, đo các chiều và hỏi René muốn thay đổi phần nào. Anh không muốn thay đổi gì chỉ muốn sửa sang cho đẹp hơn, chia

phòng của mình thành hai phòng nhỏ hơn ở phía trước, gần cửa boong nơi lên xuống tiếp đến là một phòng ăn cuối cùng là một phòng ngủ rộng có hai giường có thể dùng rèm che ở giữa hai giường ấy.

- Ông Raimbaut này - René nói - phải ốp hai phòng này bằng gỗ tếch hai phòng phía trước bằng gỗ xà cừ cũng được. Tôi muốn phòng ăn bằng gỗ mun chỉ vàng, tất cả trang trí bằng đồng không mạ vàng để ngày nào cũng được lau chùi. Ông cứ nghĩ đi rồi thoả thuận giá cả với ngài Surcouf. Tôi muốn tàu này sẵn sàng ra khơi trong vòng mười lăm ngày nữa, trả trước hôm nay một nửa, khi nào bàn giao tôi sẽ trả nốt.

- Tôi hy vọng nói như thế là đủ, bố Raimbaut nhỉ - Surcouf nói.

- Thế là quá đủ ông Raimbaut đáp - chỉ có điều việc này phải mất một tháng.

- Chuyện đó không liên quan đến tôi - René nói - tôi muốn tàu của mình trong mười lăm ngày nữa. Về giá cả, ông cứ tính toán đi, chúng ta lên boong nào.

Họ vừa lên boong con tàu nhỏ thì thấy một chiếc xe ngựa dừng lại đối diện chỗ tàu *Standard*, hai thiếu nữ ra khỏi xe gọi ca nô đưa họ lên tàu của Surcouf.

- Chà chà, hai bà nào mà lại đến thăm chúng ta sớm thế nhỉ? - Surcouf hỏi.

- Ngài không nhận ra họ sao? - René hỏi ông.

- Không.

- Đó là hai tiểu thư Sainte-Hermine đến cầu nguyện cạnh quan tài của cha họ. Chúng ta đừng quấy rầy họ trong nghĩa vụ thiêng liêng ấy khi nào họ lên boong, chúng ta sẽ đến chào.

Họ chờ vài phút vì cầu cảng sát con tàu của René nên họ nhảy khẽ là sang được con đê chắn sóng. Họ ra hiệu cho người vừa đưa hai cô gái lên tàu lại gần đón họ và lên cầu thang mạn trái.

- Đúng lúc mọi người lên đến boong thì một thủy thủ đang bơi thét lên:

- Cứu tôi với anh em ơi? Một con cá mập!

Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía đó. Người thủy thủ đang bơi lại tàu phía sau anh ta người ta thấy một luồng nước rẽ ra và cái lưng của con cá mập. Những tiếng hô "Cố lên, cứ chờ đấy? Chúng tôi đến đây!" vang lên nhưng bằng cớ chỉ quả quyết, René hét to:

- Không ai được động đậy, để tôi!

Lúc đó, hai tiểu thư Sainte-Hermine nghe tiếng hò hét vội trèo lên boong. Các cô thấy René đưa tay lên ngực để kiểm tra con dao găm còn ở đó không rồi ném áo khoác và áo gối lê xuống, nhảy lên bờ thành tàu và nhảy xuống biển kêu to:

- Can đảm lên anh bạn, cứ bơi mạnh vào!

Jane thét lên rồi tái mét người. Hélène dìu cô lên khoang thượng nơi có Surcouf giúp cô một tay. Các cô vừa kịp đến nơi để thấy René nhô lên mặt nước, răng cắn con dao găm. Anh lặn xuống lần thứ hai rồi lại nhô lên ở khoảng cách giữa người thủy thủ và con cá mập, chỉ cách con quái vật ba mét. Cuối cùng, anh lại lặn xuống lần thứ ba lao về hướng con vật. Đột nhiên, con cá quẫy mạnh, cái đuôi đập mạnh xuống nước như thể nó bị đau khủng khiếp, quanh nó, máu đỏ loang ra. Tiếng kêu vui sướng rộ lên trong khắp thủy thủ đoàn. René xuất hiện cách con cá mập một mét nhưng lần này anh ngoi lên chỉ để lấy hơi rồi vừa lặn xuống con cá mập lại quẫy mạnh đuôi một lần nữa, quận mình trong cơn đau đớn co giật rồi phơi cái bụng trắng hếu dài đến một mét.

Trong khi đó, các thủy thủ không chờ lệnh hay ý kiến của thuyền trưởng đã thả ca nô xuống biển chèo mạnh tay về phía René đang tra con dao vào vỏ để mặc con cá mập trong cơn đau đớn của nó và bơi về phía tàu. Trên đường bơi, anh gặp ca nô, hai thủy thủ chìa tay kéo anh lên rồi ôm chầm lấy anh huơ huơ mũ của họ mà reo lên "René muôn năm!"

Lập tức tiếng reo ấy lan toả khắp nơi, những thủy thủ của tàu *Standard* và cả hai cô gái trẻ đang vẫy vẫy khăn tay.

Còn về anh chàng thủy thủ bất cẩn cứ xuống tắm mặc lời khuyên của các bạn cũng lên được tàu nhờ bám vào sợi dây người ta ném xuống. René lên tàu *Standard* trong tiếng hô reo chiến thắng.

Cho đến trước thời điểm đó vẫn còn không ít người tỏ ra ghen tị với anh chàng giàu có đẹp trai, có học thức mà sự nội trội vượt lên ở mọi mặt và ở mọi nơi. Thế nhưng khi họ thấy anh sẵn sàng mạo hiểm mạng sống của mình cho một kẻ đáng thương như họ thì lòng nhiệt thành không còn giới hạn nữa và sự ghen tuông nhường chỗ cho lòng thán phục và biết ơn.

Về phần mình, René nhanh chóng chia tay việc tán tụng vội leo lên khoang thượng nơi anh thấy Hélène nước mắt ngấn mi đang cho Jane ngửi muối vì cô suýt ngất còn Surcouf thì vỗ tay hoan nghênh anh.

Thấy anh lại gần, Jane cầm tay anh, đưa lên môi và reo lên áp mặt vào ngực chị gái.

- Ái chà! - Surcouf nói với anh - Chắc phải có con quỷ trong người cậu nếu không thì cậu chán sống rồi nên lúc nào cũng làm những chuyện như vậy!

- Thưa ngài chỉ huy đáng mến - René trả lời ông - Tôi đã được nghe kể rằng những người da đen ở Gondar khi bị cá mập tấn công đã lặn sâu xuống phía dưới nó dùng dao găm rạch bụng nó ra. Tôi muốn xem chuyện đó có thật không thôi mà.

Khi đó ông Raimbaut sau khi đã tính toán xong xuôi, ông này là một tay buôn bán có hạng nhưng không được chứng kiến cảnh vừa rồi trèo lên khoang thượng đưa một mảnh giấy cho René.

Tổng số khoản tiền là tám ngàn năm trăm phăng. Ông René đưa giấy cho ngài Surcouf trong lúc hai cô gái, đặc biệt là Jane ngạc nhiên không hiểu chuyện gì thì ngài Surcouf sau khi nghiên cứu mảnh giấy trao lại cho René.

- Bớt năm trăm phăng thì hợp lý hơn. Nhưng con tàu sẽ sẵn sàng trong mười lăm ngày nữa chứ? - René hỏi.

- Tôi đảm bảo như vậy - ông Raimbaut đáp.

- Vậy thì cho tôi mượn cây bút chì của ngài.

Ông Raimbaut đưa bút cho anh, René viết thêm vào sau hoá đơn.

"Trước mắt ông Surcouf sẽ trả cho ngài Raimbaut khoản tiền bốn ngàn phăng, mười lăm ngày sau tính từ ngày này, nếu con tàu hoàn thiện, bốn ngàn năm trăm phăng còn lại sẽ được trả nốt".

Ngài Surcouf giang tay ngăn anh nhưng René không để ý viết tiếp:

"Năm trăm phăng sẽ trao cho anh em thợ như một khoản tiền thưởng

René

Thủy thủ tàu Standard "

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 63
Người giám hộ

Chiếc xe ngựa đưa thuyền trưởng Surcouf, thủy thủ René và hai chị em trở lại khách sạn "*Khách sạn cho người nước ngoài*". Hai tiếng sau, người phục vụ khách sạn đến hỏi René xem anh có đồng ý tiếp hai chị em tiểu thư Sainte-Hermine hay anh lên phòng gặp họ.

René cho rằng mình lên phòng hai cô gái có lẽ thích hợp hơn là để họ xuống. Người phục vụ lên thông báo ngài René đã đến.

Hai chị em đón tiếp anh với vẻ bối rối hiện rõ.

- Tôi nghĩ với tư cách là chị gái, tôi nói sẽ thích hợp hơn.

- Cho phép tôi bày tỏ sự ngạc nhiên về sự bắt đầu trịnh trọng nay được chăng.

- Lẽ ra ngài phải nói là sự đau khổ hơn là trịnh trọng, với tình cảnh của hai đứa con côi cút cách nhà ba ngàn dặm, dong duỗi với thi thể của cha mình và còn phải đi một nghìn đến một nghìn hai trăm dặm nữa thì chắc ngài cũng đồng ý rằng chẳng có gì để vui vẻ cả.

- Đúng là các cô là những đứa con mồ côi - René nói - các cô còn phải đi hơn một ngàn dặm nữa, điều này lại đúng, nhưng các cô còn có một người anh em trung thành và đáng kính đã hứa quan tâm chăm sóc cho các cô và nhất định sẽ giữ lời. Tôi nghĩ như thế các cô không cần lo lắng gì cả và chỉ cần để tôi lo mọi an toàn cho hai chị em.

- Cho đến lúc này, đó là điều ngài vẫn làm - Hélène nói - nhưng chúng tôi không thể lạm dụng lòng tốt mà ngài dành cho chúng tôi từ trước đến giờ nữa.

- Tôi thiết tưởng đã có niềm may mắn được chăm lo đến các cô đến tận

Rangoon, tức là cho đến khi các cô về nhà mình, tôi đã làm tất cả vì mục đích ấy nhưng nếu việc bãi miễn chức giám hộ do ngài Surcouf chỉ định làm các cô vui lòng thì tôi sẵn sàng xin từ chức vụ vinh quang này. Tôi đã rất sung sướng được lựa chọn nhưng tôi sẽ rất thất vọng nếu phải làm nó một cách miễn cưỡng.

- Ôi thưa ngài René… - Jane thốt lên.

- Tất nhiên là chúng tôi rất vui - Chị gái của Jane ngắt lời em - khi được trở về trong sự chăm lo của một người đàn ông tốt bụng, cao thượng và dũng cảm, những chúng tôi không có quyền đòi hỏi ngài vì quyền lợi của mình. Tất cả những gì chúng tôi mong muốn là ngài tìm cho chúng tôi một thuyền trưởng có thể đưa chúng tôi đến Miến Điện, ông ấy sẽ để chúng tôi ở một điểm nào đó và chúng tôi có thể đi nhờ một tàu đến sông Pégou.

- Nếu quả thật cô thích như vậy hơn lời tôi đề nghị thì tôi không có quyền nài nỉ và ngay lúc này, tôi rất lấy làm tiếc vì phải từ bỏ dự định mà tôi ấp ủ từ ngày gặp hai cô. Mong hai cô cứ suy nghĩ, tôi chờ mệnh lệnh và sẽ làm theo mệnh lệnh của hai cô.

René đứng dậy đội mũ và chuẩn bị đi ra. Nhưng bằng một động tác theo bản năng và không suy nghĩ, Jane lao ra chặn giữa anh và cánh cửa.

- Ôi thưa ông - Cô nói - Chúa tha tội cho chúng tôi nếu ngài nghĩ chúng tôi bạc bẽo không nhận thành ý của ngài. Nhưng chị tôi và tôi rất ngại vì để một người lạ như ngài đây phải vất vả.

- Một người lạ! - René nhắc lại - Cô còn độc ác hơn cả chị mình, thưa cô, cô ấy không dám nói từ này bao giờ.

Jane chữa lại:

- Lạy Chúa! Quả thật, một người trẻ tuổi như tôi, lại quen được nuông chiều nên đã quá vụng về trong việc bày tỏ ý nghĩ của mình. Có lẽ chủ tôi sẽ mắng tôi mất nếu như vì câu nói của tôi mà ngài ra đi.

- Thôi Jane - Hélène nói - Ngài đây biết rõ mà.

- Không đâu, chị Hélène - Jane ngắt lời - Em đã nghe giọng ông ấy lạc đi khi chúng ta nói muốn nhờ người khác giúp.

- Jane! Jane! - Hélène lặp lại.

- Cứ để cho ông đây nghĩ gì ông ấy muốn - Jane kêu lên - miễn là ông ấy đừng cho chúng ta là những kẻ vô ơn! - Rồi quay sang phía René cô nói tiếp - Thưa ngài, chúng tôi đã nhiều lần tranh luận với nhau. Sự thật là chị tôi sợ ngài vắng mặt hai tháng sẽ làm ảnh hưởng đến vị trí của ngài bên ông Surcouf, chị ấy sợ lợi ích của ngài không được đảm bảo, chị ấy muốn thà chúng tôi mất hết của cải hơn là thấy ngài mất hết sự thăng tiến ngài đáng được nhận.

- Trước hết hãy để tôi giải đáp nỗi lo sợ của tiểu thư Hélène. Chính ngài Surcouf đã giao cho tôi giám hộ các cô và tôi cũng thực lòng muốn được là người anh trai chăm sóc cho hai cô. Nhờ sự động viên, giúp đỡ của ông ấy, tôi mua con tàu nhỏ để đưa các cô đến Rangoon, con tàu mang quốc tịch một nước trung lập nên không gây nguy hiểm cho các cô như trên tàu *Standard*. Sáng nay, các cô cũng thấy ngài Surcouf mặc cả giá sửa chữa con tàu đó. Không có tàu nào, dù có lớn đến đâu, khiến các cô thoải mái như trên tàu *Tay đua New York*.

- Nhưng… - Hélène ngập ngừng - chúng tôi không thể để ngài thanh toán khoản tiền tám nghìn đến mười nghìn phăng trong khi chúng tôi mới là người đáng phải trả tiền.

- Các cô nhầm rồi; không phải các cô đến Ấn Độ mà là tôi sẽ đến đó cơ mà. Thăm thú đảo Pháp hay đảo Réunion chưa phải là thăm Ấn Độ. Tôi là người đam mê săn bắn, tôi tự hứa với mình sẽ đi săn báo, hổ hay voi. Dù hai chị em các cô có đi đến đó hay không tôi cũng vẫn đi đến đó một mình. Theo những gì người ta nói với tôi, hai bên bờ sông Pégou là nơi có nhiều hổ báo nhất. Vả lại tôi thấy mình phải có trọng trách đưa hai cô đến nơi đó như thế tôi mới hoàn thành nghĩa vụ cuối cùng của mình. Chẳng lẽ hai người lại không muốn để tôi hoàn thành hay sao?

Trong khi René nói, Jane chắp tay vào nhau, nước mắt lưng tròng. Hélène không thể cưỡng lại thêm nữa chìa tay ra, Jane ôm lấy bàn tay chị chìa cho René mà hôn tới tấp.

- Jane! Kìa Jane! - Hélène thì thào.

Jane cụp mắt xuống, ngồi trở lại ghế.

- Cứ từ chối mãi lời đề nghị chân thành ấy e sẽ xúc phạm đến tình bạn của chúng ta do vậy chúng tôi chấp chân và xin hứa trọn đời chúng tôi sẽ nhờ đến sự che chở của người anh trai này.

Hélène đứng dậy và khẽ nghiêng mình trước René, điều này cũng muốn nói chuyến viếng thăm của anh cũng khá lâu. René chào rồi đi ra.

Kể từ đó, René chỉ còn mối bận tâm duy nhất là làm sao cho con tàu *Tay đua New York* ở tình trạng chạy tốt. Để thế chỗ cho hai khẩu đại bác cũ của nó, ngài Surcouf đã tặng năm khẩu đại bác bằng đồng từ tàu *Standard*.

Mười lăm ngày là đủ để chỉnh trang con tàu nhỏ, hai thủy thủ đoàn của tàu *Standard* và *Revenant*, dưới sự cho phép của thuyền trưởng Surcouf sang đầu quân cho những thủy thủ trên tàu *Tay đua New York* còn thiếu. Song thật không may, René không thể để người Pháp làm thủy thủ trên tàu Mỹ, do đó anh đành tuyển mười người Mỹ làm thủy thủ và lấy của thuyền trưởng Surcouf năm người nói thạo tiếng Anh. Hơn thế nữa, ngài Surcouf còn cử hoa tiêu hàng đầu của mình là Kernoch, người từng ra vào cửa sông Hằng nên biết rõ luồng lạch chuyến đi ấy. Ngoài ra các thủy thủ còn muốn chứng tỏ lòng biết ơn của họ, trước tiên vì lòng độ lượng của anh đã trả tiền cho họ trước lúc họ xuất phát, thứ nữa là lòng can đảm của anh khi giết con cá mập. Họ tìm được một khẩu súng trường nòng có rãnh sản xuất từ Anh. Họ biết René muốn đi săn, hổ báo nhưng anh chỉ có một cây súng cạc bin một viên nên họ mua khẩu súng nọ và đích thân đến tặng trước hôm anh lên đường. Họ cho khắc lên nòng súng dòng chữ: *"Quà tặng của các thủy thủ của ngài Surcouf cho người bạn dũng cảm René"*.

Với một thủy thủ trẻ, không có gì dễ chịu hơn một món quà như thế. Đã nhiều lần anh đã bị trách là không cẩn thận trang bị vũ khí đầy đủ nhưng khi rời đảo Pháp, khẩu súng trên đã bổ sung chỗ vũ khí còn thiếu và thoả mãn lòng tự kiêu của anh.

Đến ngày hẹn, Raimbaut trao cho René con tàu được trang trí theo gu thẩm

mỹ hoàn hảo. Gỗ trên đảo Pháp đẹp đến nỗi không cần phải tô vẽ nhiều. Hai phòng của hai cô gái rất lộng lẫy cô quan tài của cha hai cô gái được đưa từ tàu *Standard* sang tàu *Tay đua New York* và đặt trong một nơi quan tài bốn phía phủ vải đen. Đến lúc đó, René mới lên phòng Hélène và Jane để thông báo anh chỉ chờ lệnh của hai cô để xuất phát. Về phần mình, các cô cũng đã sẵn sàng lên đường. Họ muốn làm một lễ long trọng cho người chết, sau đó họ sẽ lên tàu *Tay đua New York* để ăn trưa.

Sau bữa trưa, họ sẽ giong buồm ra khơi.

Mười giờ sáng ngày hôm sau, hai thiếu nữ được ngài Surcouf dẫn vào nhà thờ. Vì mọi người đều biết buổi lễ đặc biệt dành cho một cảnh thuyền trưởng chiến hạm quân đội Pháp nên các quan chức trên đảo Pháp, tất cả các thuyền trưởng sĩ quan, thủy thủ trên tàu tạm trú hay ghé qua cảng Louis đều tham dự buổi lễ mang tính quân sự hơn là dân sự này.

Một tiếng sau, hai cô gái do ngài Surcouf và René hộ tống đã đi bộ xuống cảng. Thay mặt hai hành khách, René đã mời ngài Surcouf, Bleats và Kernoch cùng ăn trưa. Tất cả các tàu neo tại đó đều treo cờ như một ngày lễ. Tàu *Tay đua New York*, nhỏ nhất, sang trọng nhất đã treo lên cột buồm duy nhất, hai trục buồm và đỉnh của nó tất cả các cờ đuôi én có trên tàu.

Bữa trưa diễn ra rất buồn dù ai cũng gắng tỏ ra vui vẻ theo lệnh của Decaen, đảo trưởng, dàn quân nhạc đã đến chơi bên cảng tất cả những bản nhạc hiện quốc gia.

Cuối cùng, giờ xuất phát cũng đến, người ta nâng cốc chúc mừng René. Một phát đạn đại bác vang lên báo hiệu xuất phát.

Thế là tàu *Tay đua New York* chuyển động dưới sức kéo của hai xà lan từ tàu *Standard* và *Revenant*. Các thủy thủ muốn giúp bạn mình đến phút cuối. Mọi người ra cảng đứa tiễn chạy theo mãi cho đến khi hết đường. Khi tàu của

René thu cáp về, các thủy thủ trên hai xà lan chào anh và chúc anh lần cuối, họ hô to:

- Chúc chuyến đi của thuyền trưởng René và hai tiểu thư Sainle Hemine thượng lộ bình an!

Con tàu đi vào vịnh Tom be rồi khuất sau mũi Canonmes.

Đường rẽ nước của nó cứng đã nhoà dần.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 64
Những tên cướp biển Mã Lai

Sau sáu ngày đầu thuận buồm xuôi gió, tàu của René không gặp một tàu nào, họ rẽ qua một hướng khác. Điều khiến hai cô gái khó chịu nhất là cái nóng như đổ lửa trong tàu. Nhưng René đã đặt hai bồn tắm trong phòng nên nhờ sự tiên liệu ấy, hai cô không phải quá khổ cực vào những giờ nóng nhất trong ngày.

Đêm xuống, họ lên boong, gió mát và những giờ dễ chịu đến thay thế cho những giờ nắng như thiêu như đốt. Người ta kê một chiếc bàn lên boong. Do có cách nên họ luôn giữ được hoa quả và thực phẩm tươi.

Vậy là những cảnh tượng tuyệt vời của chiều hoàng hôn và đêm tối diễn ra. Cảnh mặt trời đi ngủ trên Ấn Độ Dương thật đẹp, khi khối cầu lửa dần dần lặn vào đại dương, nhìn như có lớp bụi hay lớp cát vàng toé ra trên nền trời xanh lơ.

Biển, đến lượt mình cũng thu hút sự chú ý bằng cách tặng cho con người những vẻ đẹp nhất của tạo hoá.

Quãng thời gian trên tàu lênh đênh giữa đại dương cũng không buồn tẻ như người ta tưởng. Thói quen nhìn qua nước thấy những kỳ quan đã cuốn hút những ánh mắt chưa từng được thấy bao giờ. Họ ngắm nhìn vô số những sinh vật khác nhau, với hình dạng lớn nhỏ. Số lượng nhiều vô kể và các chủng loại đa dạng khiến các du khách như được mở. rộng tầm mắt. Rồi khi họ thủng thẳng đi dạo trong làn gió nhẹ mát rượi.

Vào tám giờ tối, ánh trăng lên cao và sáng tỏ ngời ngợi trong nền trời trong lành và thanh thản. Những đám mây bỗng ùa đến từ những luồng gió thổi từ cuối chân trời lại, đột ngột leo lên đỉnh không trung cao ngất lập tức bầu trời giống như một cái đã đen và sâu thẳm khôn cùng, mặt trăng bị những đám mây đáng sợ che lấp và nó gắng sức chống lại chúng. Thỉnh thoảng, một phần của tấm màn tối sầm ấy rách toạc để lọt vài ánh sáng yếu ướt xuống trần gian. Những lớp mây khác màu đồng bạc lại bị ánh sáng cày xới. Thỉnh thoảng có vài giọt nước to như đồng năm phăng rơi xuống tàu, tiếng sấm rền rĩ xa xa, bầu trời bị che phủ hoàn toàn, bóng tối trở nên mịt mùng, gió thổi mạnh kinh khủng, con tàu chòng chành đi nhanh như chưa bao giờ như thế.

Đột nhiên người ta nhận ra phía trước con tàu có một tấm khăn bạc toả rộng trên mặt biển. Khi lại gần người ta nhận ra đó là một đàn cá, chủ yếu là những con sứa, bị sóng xô mạnh, những con khác vốn bơi ở các tầng nông sâu khác nhau và cũng có hình dạng khác nhau thậm chí là đối lập nhau. Người ta thấy những con cá bơi trên mặt nước cuộn xoáy lại như những cột xi lanh lửa, những con khác bơi sâu hơn giống như những con rắn dài đến sáu bộ. Mỗi động tác quẫy mình chúng làm nước bắn lên lấp loá. Chúng có những màu sắc khác nhau như đỏ, hồng, da cam, xanh lục, xanh lơ, khiến tập hợp ấy giống như màu đảo biển tuyệt đẹp.

Nhận thấy lợi ích của bầy cá ấy, René đã cho bắt rất nhiều. Anh thả chúng vào một thùng đựng đầy nước biển, có một loài toả sáng đến mức có thể đọc và viết được trong ánh sáng ấy.

Mỗi tối khi ngồi lên khoang thượng hay bên cửa sổ phòng của hai cô gái, René ngắm những khối màu vàng và bạc ấy chuyển động dưới đáy biển hàng giờ liền. Ánh sáng của chúng càng mạnh khi biển động hay trong màn đêm đen quánh. Người ta nhận ra những cơ thể động đậy với kích thước to kỳ lạ, có con có đường kính không dưới mười lăm, hai mươi bộ.

Nhờ ánh sáng của đám cá này toả ra, người ta có thể nhìn thấy những loại cá khác, đặc biệt là những con cá tráp và cá ngừ bụng sọc. Bị tước khỏi luồng sáng là chúng bơi tụm lại thành khối giữa biển.

Con tàu *Slúp* không phải là một con tàu rẽ sóng lớn tạo thành hai lớp sóng hai bên mạn mà nó chỉ như một cái cày đang cày trên mặt đất bằng phẳng có dung nham và từ mỗi cánh của lưỡi cày bắn lên những con cá lửa.

Sau mười một ngày đi tàu, họ đến miền thượng Maldive, khoảng sáu giờ sáng người ta nghe thủy thủ canh gác kêu to: "Có một chiếc thuyền!"

Nghe tiếng kêu ấy, Kernoch chạy lên boong và thấy René đang đứng ở đó tay cầm ống ngắm.

- Nó đâu? - Kernoch hỏi người thủy thủ

- Phía sau.

- Có ván thăng bằng hay không có?

- Có ván thăng bằng.

- Tất cả sẵn sàng chứ? - Kernoch quay sang chủ tàu hỏi.

- Sẵn sàng, thưa chỉ huy.

- Đại bác đã nạp đạn chưa?

- Rồi, ba quả, ba khẩu.

- Các thứ khác?

- Chỉ chờ lệnh của ngài.

- Một phần ba đạn thường, hai mươi tư livre đạn, cho mang súng lên boong.

- Kernoch - René hỏi - con ruồi quỷ quái nào trêu tức ngài thế

- Ngài có thể cho tôi mượn ống ngắm không, ngài René?

- Rất sẵn lòng - René nói và chìa ra - đó là một cái sản xuất từ Anh, rất tuyệt đấy!

Kernoch ngắm con thuyền.

- Đúng thế! Nó phải có bảy, tám người trên đó.

- Đồ chơi ấy làm ngài lo lắng, ngài Kernoch?

- Không hẳn thế, những khi tôi thấy con cá ép thì không phải tôi sợ con cá ép mà tôi sợ con cá mập.

- Thế con cá ép này làm hoa tiêu cho con cá mập nào?

- Một thuyền Mã Lai nào đấy sẽ không bực mình khi chiếm một tàu xinh xắn như *Tay đua New York* rồi bắt trả vài nghìn *roupi*.

- Nhưng kìa - René nói - Chúa tha tội, tôi nghĩ hình như con thuyền độc mộc kia đang quay mũi về phía chúng ta rồi kia.

- Ngài nói đúng.

- Nó đến làm gì?

Để nhận xét chúng ta, đếm xem chúng ta có bao nhiêu đại bác, có bao nhiêu người, cuối cùng để xem chúng ta có là miếng mồi dễ nuốt hay không.

- Quỷ tha ma bắt! Nhưng ngài biết trong năm phút nữa con thuyền kia rời khỏi tầm ngắm hay sao?

- Đúng thế, tôi cho rằng nếu ngài muốn nói lời chào với nó thì đừng để lỡ thời gian mà đi tìm súng của ngài đi.

René gọi một thủy thủ người Paris. Anh này là người rất đặc biệt nên trên tàu, mọi người chỉ gọi anh ta là anh chàng Paris.

Giống như mọi cậu bé của thành Paris, François cũng giỏi mọi ngón, cái gì cũng biết ít nhiều và không sợ gì cả. Anh ta nhảy điệu *gi guc* đến nỗi làm người Mỹ cười lộn ruột, anh ta biết bắn súng đọ gươm.

- François - René nói - mang khẩu cạc bin, khẩu súng trường hai viên và súng ngắn hai viên trong phòng tôi lại đây, mang thuốc súng và đạn cho tất cả các cỡ súng nữa.

- Chúng ta sắp bắt chuyện với bọn da màu, thưa chỉ huy? - François hỏi.

- Tôi e là vậy - René đáp - cậu biết mọi thứ tiếng, thế cậu có biết tiếng Mã Lai không?

- Tiếng Mã Lai à, không.

Rồi anh ta chạy xuống cửa khoang trước và huýt sáo bài *Hãy thức dậy chào đế chế.*

François là người sùng bái chính thể của Bonaparte và điều sỉ nhục lớn của anh ta là liên kết với quân Anh. Năm phút sau anh ta đã mang đầy đủ các vật dụng yêu cầu.

Vì chiếc thuyền độc mộc vẫn lại gần với tốc độ nhanh nên René nạp đạn luôn cả mấy loại vũ khí. Anh đeo hai khẩu súng ngắn vào thắt lưng, tay cầm khẩu cạc bin và đưa khẩu súng trường cho François chiếc thuyền vẫn tiến đến. Nó chỉ cách đuôi tàu hai trăm bộ, René với chiếc loa từ tay Kernoch:

- Thuyền kia! Anh hét to bằng tiếng Anh - hãy đầu hàng tàu *Tay đua New York*.

Để trả lời, một người đàn ông trên thuyền trèo lên thành làm một động tác lỗ mãng, René giương khẩu cạc bin bắn luôn hầu như không ngắm. Kẻ nọ nhảy dựng lên rồi ngã xuống biển. Đoàn người trên thuyền hét lên giận dữ và đe doạ giết anh.

- Ngài Kernoch này - René nói - Ngài có biết Romulus không?

- Không. Ông ta là người Saint-Malo à? - Kernoch hỏi.

- Không đâu, ngài Kernoch đáng mến, người nào không muốn trở thành một vĩ nhân và giống như mọi vĩ nhân, kẻ đó đừng nương tay. Một hôm trong lúc tức giận, ông ta đã giết em mình. Việc giết em mình là một trọng tội mà không thể không bị trừng phạt. Một hôm khi duyệt binh, một cơn giông tố nổi lên và ông ta biến mất trong cơn bão! Hãy nhắm lấy cô nàng kia, ngắm nó như một con mồi đừng để nó biến mất như Romulus.

- Tay súng đại bác, các anh đã sẵn sàng chưa? Kernoch hỏi.

- Rồi! - Họ đáp - Khi nào con thuyền kia đến thì nổ súng!

René kêu lên:

- François, chạy đi báo cho hai cô gái khỏi sợ, cứ nói chúng ta đùa một chút, đang cho bắn thử đại bác nhé.

François chạy biến đi, một phút sau đã chạy trở lại.

- Các cô ấy nói tốt lắm, đi với ngài, họ chẳng sợ gì cả.

Khẩu đại bác hai mươi tư ly đã dựng lên dõi theo hướng chiếc thuyền rồi khai hoả ở khoảng cách gần hai trăm bộ. Một lát sau, người ta chỉ còn thấy những mảnh gỗ nổi lềnh bềnh, những cái xác đã hấp hối chìm dần, nhưng cá mập đã kéo họ xuống.

Đúng lúc đó, thủy thủ gác lại thông báo.

- Có thuyền Mã Lai!

- Nó đâu? - Kernoch hỏi.

- Phía trước chúng ta.

Quả nhiên, giống như một con rắn, người ta thấy một chiếc thuyền rất lớn dài sáu mươi bộ, rộng bốn, năm bộ. Trên đó có khoảng ba mươi tay chèo và năm mươi chiến thủ chưa kể đến những người còn núp dưới đáy vừa ra khỏi eo hẹp, chiếc thuyền Mã Lai hướng mũi về chiếc tàu *Slúp*.

- Các anh sẵn sàng chưa? - Kernoch hỏi.

- Chúng tôi sẵn sàng chờ lệnh chỉ huy.

- Một phần ba lượng đạn nữa, cỡ hai tư ly.

Vì gió nổi lên giúp việc bắn thuận lợi hơn nên Kernoch nói:

- Hãy chuẩn bị sẵn sàng rẽ khi tôi ra lệnh.

- Vẫn đi theo đường cũ à? - Người lái tàu hỏi.

- Đúng thế nhưng giảm tốc độ, chúng ta không phải tỏ ra đang chạy trốn trước những kẻ thù khốn kiếp này.

Lệnh được thi hành ngay. Tàu của René giảm một phần ba tốc độ

- Ngài đảm bảo sẽ làm đội trưởng thuyền đó chứ? - Kernoch hỏi to.

- Nó sẽ quay như một con quay, ông cứ yên tâm.

Họ bắt đầu nhìn rõ người trên thuyền Mã Lai. Tên chỉ huy đứng trước mũi cong và giơ súng lên với những cử chỉ đe doạ.

- Ngài có muốn nói vài lời không, ngài René - Kernoch hỏi - Gã này có điệu bộ mà tôi thấy không ai đáng ghét hơn.

Cứ để nó tiến lên thêm chút nữa, Kernoch thân mến, để chúng ta khỏi mất uy, với những kẻ này, cần phải mỗi tên một phát.

- François, cho mang giáo lên đây, không cho chúng cập vào mạn.

François chạy xuống rồi lại chạy lên cùng hai thủy thủ nữa ôm các ngọn giáo trong tay. Người ta cắm chúng bên mạn trái tàu tức là bên quân cướp biển sẽ áp sát.

- Cử hai người lên xả buồm mang theo súng loe lòng, ngài Kernoch ạ - René nói.

Mệnh lệnh được thực thi ngay lập tức.

- Ngài Kernoch, hãy nhìn tên kia nhé.

René nói và bắn một phát súng các bin. Gã đàn ông nọ đang đứng có lẽ gã là tên đầu sỏ, lập tức giang tay, buông súng rồi ngã nhào ra đằng sau. Hắn đã trúng một phát đạn giữa ngực.

- Hoan hô ngài René. Về phần mình, tôi cũng sẽ dành cho chúng một sự ngạc nhiên mà chúng không thể ngờ đến.

René trao súng cho François để anh này nạp đạn. Kernoch thì thầm vài câu vào những người can đảm nhất trên tàu rồi nói to với tất cả:

- Chuẩn bị đổi hướng!

Rồi ông ta rời bàn điều khiển đi gặp đội trưởng pháo binh.

- Hãy nghe và hãy hiểu ý tôi, Valter, chúng ta sẽ đổi hướng tàu.

- Vâng, thưa chỉ huy.

- Hãy tận dụng chỉ một giây thôi và khai hoả.

- Vâng, tôi hiểu.

Tên thứ ba nhảy lên mũi thuyền và phát súng thứ ba đã kết liễu hắn gửi xác hắn xuống đáy biển sâu. Đúng lúc đó thì tàu của René xoay hướng.

Đột nhiên, lần nạp đạn pháo thứ hai vang lên và người ta thấy đám người trên thuyền nằm rạp xuống như một tấm thảm.

- Hoan hô - René reo lên - một phát như thế nữa mọi chuyện sẽ xong, Kernoch ạ.

Chiếc thuyền Ma Lai hỗn loạn thật sự. Hơn ba mươi người đã đổ xuống đáy thuyền. Chúng vội vã ném những người chết xuống biển và lập lại trật tự để chuẩn bị tiếp tục chiến đấu.

Một lát sau, một cơn mưa đạn và mũi tên bắn vào tay của René nhưng không gây tổn thất lớn. Hai mươi tay chèo bắt đầu vào ghế và chiếc thuyền Mã Lai

tiếp tục tiến lên.

Trong khi đó, Kernoch đã chuẩn bị cỗ máy của mình. Sự ngạc nhiên ông dành cho quân kẻ cướp Mã Lai đã sẵn sàng. Đó là bốn quả pháo 24 ly cuộn trong một tấm lưới treo ở đầu xà buồm bên mạn trái.

Chiếc thuyền cướp biển chỉ cách tàu *Slúp* gần một trăm bộ và đến rất gần.

Ba khẩu đại bác cỡ 16 được nạp đạn nổ đồng loạt tạo thành ba lỗ hổng chỗ các tay chèo và chỗ những ai còn sống sót.

Kernoch nghĩ đã đến lúc kết thúc mọi việc liền hô to với người chỉ huy đội pháo:

- Để cho nó đến.

Khoảng cách giữa thuyền Mã Lai và tàu *Slúp* xoá đi rất nhanh trong làn lửa kinh khủng. Rồi tiếng còi vang lên, những quả đạn lướt xuống thuyền Mã Lai khiến chúng vỡ tan. Bốn, năm mươi người sống sót đều rơi xuống biển bám vào tất cả những gì có thể để leo lên tàu của René.

Một cuộc chiến thật sự, kinh hoàng, mặt đối mặt đã bắt đầu.

Những ngọn giáo tảo ra khắp tàu và bao nó bằng một vành máu. Đột nhiên, giữa tiếng hỗn độn, René nghe thấy tiếng hét của phụ nữ. Hai cô gái Hélène và Jane vừa sợ tái xanh mặt vừa lao lên boong. Hai tên Mã Lai đã phá cửa sổ nhảy vào trong phòng tay lăm lăm con gao găm. Jane lao vào vòng tay của René và hét lên:

- Cứu tôi René! Cứu tôi!

Cô chưa dứt lời, hai tên cướp biển đã lăn xuống, một tên trên boong tên kia ngay cầu thang.

René trao Jane vào vòng tay cô chị Hélène rồi bắn hai phát đạn bằng súng lục vào hai cái đầu xuất hiện phía trên thành tàu, vớ lấy một ngọn giáo trao hai cô gái cho François bảo vệ rồi lao vào trận chiến.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 65
Đến đích

Trận đấu bước vào hồi kết. Hàng trăm tên cướp biển tấn công tàu *Slúp* chỉ còn chưa đầy chục tên sống sót và phần lớn đều bị thương, chúng kết thúc bằng việc giết lẫn nhau và biển hoàn tất nốt công việc của nó.

- Giương tất cả buồm lên, - Kernoch hô to - hướng mũi tàu về phía bắc.

Cánh buồm ngoan ngoãn hứng gió rồi lao đi theo hướng đã định. Vài người còn sống lềnh bềnh trên mặt biển, bám vào những mảnh vụn của thuyền Mã Lai. Vài kẻ khác đánh lẫn nhau mà không còn sức để bơi đến thanh gỗ dài, những kẻ khác nữa thì biến mất do cá mập kéo xuống đáy biển sâu. Đoàn người của René chỉ còn cách bờ họ phải đến khoảng hơn hai trăm dặm nữa.

Kernoch đã có một ngày vẻ vang. Nhờ sáng tạo của ông ta mà chiếc thuyền Mã Lai đã bị hạ, toàn bộ quân cướp trên tàu bị rớt xuống biển. Ai mà biết được nếu hơn sau mươi tên đó có thể lên tàu thì chiếc tàu *Slúp* của René sẽ ra sao.

René đến cạnh hai cô gái đang ngồi trên chiếc cầu thang nhỏ dẫn lên khoang thượng. Tóc bay phất phơ trong gió, chiếc áo sơ mi rách bươm bởi những đường dao, tay cầm cây giáo đẫm máu, nhìn anh đẹp như tráng sĩ trong trường ca Homère. Vừa nhìn thấy anh, Jane sung sướng reo lên, tiếng kêu ấy pha lẫn cả lòng ngưỡng mộ nữa. Cô giang tay về phía anh nói:

- Lần thứ hai, anh lại là người cứu chúng tôi!

René cầm tay cô và đưa lên môi. Hélène ngước mắt nhìn anh bày tỏ lòng biết ơn vì đã bảo vệ em mình.

- Lòng biết ơn của tôi - Hélène nói - với anh, tuy không vồn vã bằng tình

cảm của Jane nhưng không phải thế mà không lớn lao, xin anh hiểu cho. Chúa đã trở thành người tốt trong nỗi đau. Người dành cho chúng tôi. Người lấy đi một người cha của chúng tôi nhưng lại cho chúng tôi một người anh, một người bảo vệ, một người bạn, tôi biết nói sao đây để bày tỏ lòng biết ơn vô hạn của chúng tôi. Chúng tôi sẽ ra sao khi không có anh?

- Một người khác sẽ thay thế cho tôi - René nói - Chúa không thể không gửi người giúp đỡ các cô. Không có tôi, một thiên thần sẽ xuống mặt đất để bảo vệ các cô.

Trong khi đó, François đã thu lượm tất cả vũ khí của René mang đến cho anh.

- Cho tất cả những thứ đó vào phòng của tôi đi François - René nói - thật may là lúc phải dùng đến những vũ khí giết người này cũng đã qua.

- Thưa ngài, - Chàng trai Paris nói - ngài đừng coi thường chúng thế. Hai tên khốn kia, - François chỉ vào hai tên Mã Lai đã nhảy vào phòng tấn công hai chị em Hélène - chúng cũng không phải những tên vừa đâu.

- Nhanh lên các bạn - René nói với các thủy thủ đang lau boong - Hãy làm nhanh tay lên và đừng để sót giọt máu nào trên boong này. Thuyền trưởng Kernoch cho phép tôi thưởng các bạn ba chai *arack* uống vì sức khoẻ các quý cô đây và trả gấp đôi thù lao hôm nay. Thôi các quý cô, chúng ta hãy về phòng đã, để mấy người thợ sửa sang lại đã. Có lẽ các cô nên nán lại bên mạn hoặc vào phòng tôi cho đến khi các vị có thể về phòng.

- Vậy chúng ta lên khoang thượng - Hélène nói.

Cả ba cùng lên khoang thượng ngồi nghỉ, mắt hướng ra biển.

Kiệt tác của Chúa luôn an ủi những việc làm của con người. Cả ba đều bất giác nhìn lại phía chiến trường khuất dần.

- Khi nghĩ lại - René nói và vỗ tay lên trán - ai mà ngờ được chỗ ấy cách đây không lâu lại có những con người xâu xé nhau bằng dao găm lưỡi lê, và với tên cuối cùng suýt nữa tôi mất mạng.

Hélène thở dài lại ngồi cùng Jane và René trên một chiếc ghế.

- Cô không có bà con nào ở Pháp? - René hỏi - Vậy tôi có thể chuyển tin tức của các cô cho ai khi tôi trở về đó và nhờ ai bảo vệ các cô?

- Chuyện về gia đình tôi là một câu chuyện dài và rất buồn. Cái chết đến thật đột ngột. Bác tôi qua đời sau khi chồng bà mất. Tiếp đến là ba đứa con trai, người đầu bị xử bắn, người thứ hai bị xử trảm trong hoàn cảnh cực kỳ đáng sợ. Còn người con thứ ba thì biến mất một cách đầy bí hiểm khiến cha tôi mất rất nhiều công sức để đi tìm nhưng vẫn không thấy.

- Thế các cô chưa từng gặp chàng trai ấy à? - René hỏi.

- Có chứ. Tôi còn hình dung ra anh ấy nữa kia, khi chúng tôi còn nhỏ. Anh ấy từng làm việc cho cha tôi hồi ông ấy làm thuyền trưởng. Đó là một cậu bé rất đáng yêu khi mặc bộ đồ thủy thủy tí hon con dao đeo bên cạnh và chiếc mũ hải quân trên đầu. Hồi ấy anh ấy chỉ mười hai mười ba còn tôi lên sáu hay bảy tuổi. Em gái tôi nhỏ hơn nên không nhớ. Cha tôi thậm chí đã muốn gắn bó hai gia đình lại hơn nữa vì chúng tôi bị mất liên lạc khá lâu. Tôi còn nhớ hồi bé, chúng tôi không chỉ gọi nhau là anh yêu quý, em gái yêu quý mà còn gọi là chồng yêu quý của em, vợ yêu quý của anh nữa cơ. Đó là những ký ức trẻ con xa xưa mà đáng lẽ phải quên khi mà nhớ lại chẳng được gì. Nhưng khi được tin bất hạnh đến với anh ấy, chúng tôi tìm đủ mọi cách nhưng anh ấy vẫn bặt vô âm tín và cha tôi coi anh ấy như một đứa con tội nghiệp bị mất tích. Rồi đến thảm hoạ khi tướng Cadoudal, Pichegru và công tước Enghien chết, cha tôi chán cảnh nước Pháp quyết định chỉ chăm lo đến mảnh đất xa xôi tận cùng trái đất. Tại London, chúng tôi có quen ông James Asplay, ông ấy cũng sống ở Ấn Độ từ bảy, tám năm và đang đóng quân ở Calcutta. Ông ấy trở thành hàng xồm của chúng tôi. Ông ấy đã nghiên cứu đạo Hindu và biết có thể thu lợi được gì. Ông ấy là tay săn giỏi. Ông ấy mơ được có một xứ sở cho mình với chu vi khoảng 60 dặm. Tôi chỉ như Hamlet, ít tham vọng, xứ của tôi dù chỉ nhỏ bằng cái bánh tôi cũng hạnh phúc rồi miễn là em tôi cũng được sung sướng.

Hélène nghiêng đầu về phía em và choàng tay ôm lấy Jane rất dịu dàng.

René lắng nghe lời kể ấy rất chăm chú, thỉnh thoảng từ lồng ngực anh lại nén tiếng thở dài như thể chính anh cũng có vài kỷ niệm gắn với những kỷ niệm của các cô gái.

Rồi anh đứng dậy đi vài vòng ngang dọc trên khoang thượng rồi lại ngồi xuống cạnh hai cô gái lẩm bẩm hát một đoạn bài hát của Chateaubriand rất mốt vào thời đó:

Tôi có kỷ niệm dịu dàng rất đỗi

Từ chốn ấu thơ sáng đẹp ngời ngời

Ôi những ngày vàng son chị hỡi

Trên đất Pháp

Ôi đất nước tôi, là tình yêu của tôi

Mãi muôn đời

Mỗi người lại chìm vào im lặng theo dòng suy tư của mình và có Chúa mới biết sự im lặng ấy sẽ kéo dài bao lâu nếu François không đến báo bữa trưa đã sẵn sàng. Vì trong lúc giao chiến, phòng ăn bị tổn thất khá nhiều nên lần này họ ăn trong phòng của René.

Chưa bao giờ hai tiểu thư Sainte-Hermine đặt chân vào căn phòng này. Họ ngạc nhiên khi thấy dáng vẻ nghệ thuật của nó.

Như một nhà hoạ sĩ tài hoa, René đã phải vẽ tất cả những cảnh đẹp, những hình ảnh đáng nhớ mà anh thích thú. Giữa những bức hoạ ấy là một sưu tập những chiến lợi phẩm quý giá nhất. Đối diện với các chiến lợi phẩm là một số nhạc cụ. Hai chị em vốn là những nhạc sĩ, tò mò lại gần. Trong số các nhạc cụ ấy có một cây đàn ghi ta mà Jane rất thích chơi. Hélène cũng rất giỏi dương cầm nhưng từ khi cha cô qua đời ngay cả ý định lại gần cây đàn cô cũng không dám dù trong phòng hai chị em cũng có một cây đàn.

Một mối liên hệ mới lại giúp họ thêm gần gũi với nhau hơn, đó là âm nhạc. Trong phòng René có đàn dương cầm nhưng anh có cách chơi rất khác không bao giờ anh dạo những khúc vui tươi ồn ã của các tác giả bậc thầy đương đại mà chỉ chơi vài đoạn nhẹ êm dịu, du dương buồn bã hợp với tâm trạng của anh như *Một cơn sốt nóng* của Gretry, hay *Suy nghĩ cuối cùng* của Weber. Thông thường ây đàn chỉ là một vật vọng lại những kỷ niệm xa ngái lạ lẫm với tất cả mọi người trừ anh chính vì thế mà bàn tay anh hoà quyện thật nhịp nhàng với âm điệu đến mức không phải chỉ để cất lên những âm thanh mà nó còn như một thứ ngôn ngữ nữa.

Buổi tối, các cô gái thường nghe thấy tiếng nhạc xuất phát từ phòng của René, một thứ âm nhạc run rẩy hài hoà như tiếng sột soạt của gió trong các sợi dây căng hay sự tụ hội của những âm thanh trong đêm tối mà các du khách cổ đại dành cho những lời thánh ca trên biển. Chưa bao giờ các cô lại được thưởng thức những tiếng thở than của sóng biển với nỗi buồn bất tận vang lên từ tay một người đàn ông và những phím dương cầm lạnh lùng.

Nhưng sau bữa trưa, để không phải lên boong dưới những tia nắng hừng hực của mặt trời xích đạo, họ ở lại trong phòng René.

Thế là anh chỉ cho hai cô gái cây dương cầm và các nhạc cụ treo trên tường. Song thấy mắt hai thiếu nữ đang ngấn lệ, anh nghĩ đến thi thể của cha họ, đến cuộc hành trình anh đi cùng họ vào một xứ sở lạ lẫm đầy nguy hiểm. Thế là trên cây đàn, những ngón tay của chàng trai đánh thức dậy tâm trạng man mác mà Vienne Weber mới sáng tác. Bản nhạc này như một bài thơ buồn của André Chéner và Miuevoye vừa mới xuất hiện và bắt đầu nổi tiếng trên những miền đất mới bị các cuộc cách mạng các cuộc chiến tranh xô đẩy, gây ra bao nhiêu điều phải rơi lệ. Dù không muốn nhưng anh vẫn bị tình cảm cuốn đi khúc nhạc toả ra trên những ngón tay anh và rút gọn trong những hợp âm đơn giản khiến nó chỉ càng thêm thống thiết.

Khúc nhạc buồn của Weber kết thúc, theo bản năng, những ngón tay của René vẫn trải rộng trên phím đàn và những hồi ức của tác giả như bày ra trước mặt anh. Đó là trong những lúc bất ngờ không thể cắt nghĩa nổi, tâm hồn của chàng trai trẻ bùng phát hoàn toàn. Những ai cô khả năng đọc trong âm nhạc như trong một cuốn sách sẽ thấy qua một áng mây mờ, một thung lũng đẹp, một đồng bằng trù phú sẽ sinh ra, thế giới cô tịch nơi những dòng suối thay những thì thầm lại rền rĩ rền rĩ, những bông hoa thay vì toả hương

lại khóc thút tha. Thứ âm nhạc này thật mới và lạ đến độ các cô không nhận ra những giọt nước mắt vẫn lặng lẽ chảy trên má họ. Khi các ngón tay của René đã dừng lại thì Jane đứng dậy đến quỳ trước Hélène nói:

- Chị ơi một khúc nhạc êm dịu và thành kính như một lời cầu nguyện.

Hélène chỉ đáp lại bằng tiếng thở dài và ôm chặt em vào lòng. Rõ ràng từ vài ngày qua, hai thiếu nữ đang sống trong một cuộc sống mới và những ấn tượng hoàn toàn khác mà chính các cô cũng nhận ra.

Một buổi sáng, thủ gác thông báo: "Đất liền!" Theo tính toán của René, nơi này hẳn là đất Miến Điện. Anh tính lại một lần nữa và khẳng định niềm tin ấy.

Kernoch nhìn anh tính toán mà không hiểu gì cả. Anh ta tự hỏi làm sao một người chưa từng đi đến đây như René lại có thể thực hiện một công việc mà chính anh ta không bao giờ có thể hiểu nổi.

Họ hướng mũi tàu về cửa sông Pégou. Bờ biển thấp đến mức chúng bị lẫn vào nhưng con sóng biển.

Khi nghe tiếng kêu "Đất liền", hai chị em chạy vội lên boong. Các cô gái gặp René trên đó tay cầm ống nhòm. Anh đưa nó cho hai cô xem nhưng tầm nhìn của họ chưa quen với chân biển nên ban đầu không thấy gì cả. Tuy thế, khi tiến lại gần bờ hơn họ cũng thấy hiện ra những đỉnh núi, như những hòn đảo.

Con tàu treo chiếc cờ mới lên cột buồm lớn, bắn mười hai phát đại bác và nhận được tiếng đại bác từ cảng, đáp lại. Sau đó Kernoch báo hiệu mình cần một hoa tiêu. Lát sau người ta thấy một chiếc tàu nhỏ đi ra từ sông Rangoon mang theo người mà Kernoch yêu cầu. Anh ta lên tàu và khi được hỏi nói tiếng gì anh ta đáp mình không phải là người Pégou hay Malacca mà là người Junchseylon. Để tránh bị làm phu cho vua Xiêm, anh ta trốn ở Rangoon và làm nghề hoa tiêu. Anh ta nói được một chút tiếng Anh và Réne có thể trực tiếp xen vào. René hỏi liệu sông Pégou có thể cho tàu của anh chạy vào được hay không khi nó có độ mớm nước từ chín đến mười bộ.

Người hoa tiêu tên là Baca đáp họ có thể ngược con sông khoảng hai mươi dặm, tức là đến tận một vùng đất thuộc về một Đức ông người Pháp. Vùng này có tên gọi là Pangoon House, chỉ có vài ngôi nhà lụp xụp. Không nghi

ngờ gì nữa, đó là đất của tử tước Sainte-Hermine.

Dù con tàu nhỏ mang quốc tịch Mỹ nhưng vẫn bị kiểm tra rất gắt gao. Nó hầu như không giống với những con tàu buôn hay qua lại nơi này và phải mất ba lần xem xét, con tàu mới được phép đi vào trong sông.

Trong ngày, họ cũng đến được đất Rangoon, qua sông Rangoon, họ sẽ sang một nhánh Irrawaddy để vào sông Pégou.

Họ dừng lại ở Siriam, thành phố đầu tiên họ gặp ven sông để mua thực phẩm tươi. Ở đây, người ta có thể thấy gà, chim bồ câu, hải sản rau và cá. Nếu tiếp tục có gió nam, con tàu nhỏ có thể ngược lên tận sông Pégou trong hai ngày, còn nếu gió đổi hướng ngược lại thì họ sẽ phải nhờ tàu kéo lên sông Pégou. Điều này sẽ mất gấp đôi thời gian đi bằng buồm.

Không một người nào có ý định dừng lại để thăm thú thành Rangoon nghèo nàn dù trước đây nó từng là kinh thành, từng có một trăm ngàn dân. Ngày nay nó chỉ còn bảy nghìn, kỳ quan sót lại chỉ còn đền Gautama theo tiếng địa phương người ta gọi là Schuredagon có nghĩa là *Điện vàng*.

Sông Pégou rộng gần một dặm, nhưng rừng già ngày càng bồi ra khiến khiến nó không rộng hơn sông Seine đoạn từ điện Louvre đến Viện chính. Người ta cảm giác rất rõ tất cả phần không nhìn thấy của cánh rừng rậm, cao khoảng mười đến mười hai bộ - tức là đạt đến độ cao của khoang thượng, đều ẩn chứa đủ loại dã thú. Từ xà buồm, người ta có thể thấy đầu kia của cánh rừng và hai bên tả ngạn và hữu ngạn đều có cánh đồng một đầu trải dài đến ven sa mạc Sittang, đầu nữa đến tận vùng khác của các thành trì trù phú

René hiểu rất rõ việc đi trên con sông bị che phủ như vậy không phải không có nguy hiểm. Anh quyết định đích thân mình sẽ gác trên boong và mang theo súng trường và khẩu cạc bin hai viên. Đêm xuống, hai thiếu nữ lên ngồi cùng anh trên khoang thượng tò mò muốn biết trong chốn tịch mịch ấy tiếng kèn liệu đi săn sẽ có hiệu ứng gì. René cho mang chiếc tù và của mình đến nịnh thoảng, họ lại nghe thấy những tiếng động dữ dội trong rừng rậm, chắc chắn đang có cuộc hỗn chiến long trời lở đất của những cư dân trong rừng. Nhưng cư dân ấy là ai? Có thể là những con hổ, những con cá sấu, hay những con trăn khổng lồ đang quấn chặt một con bò để rồi nuốt chửng.

Có cái gì đó vừa kinh hãi vừa trịnh trọng trong sự im lặng bị quấy rầy ấy. Từ giờ khắc này sang giờ khắc khác, do những tiếng rú gào như thể sinh ra

không phải dành cho tai người nghe nên rất nhiều lần hai thiếu nữ giang tay ngăn René đưa chiếc tù và lên miệng. Đột nhiên tiếng kèn hiệu vàng lên, rền rĩ, rung động và khiêu khích người ta nghe nó như một thứ gì đó vượt qua ngọn rừng già, lan toả, yếu dần rồi biến mất trong những miền hoang vắng mà ngay Chúa lẫn con người còn chưa đạt tên. Sau những âm thanh lạ lẫm, tất cả đều câm bặt quanh họ. Người ta tưởng như dám thú hoang dã im lặng để nhận định tiếng động lạ và mới ấy.

Gió thuận chiều và họ giọng buồn không cần thuyền kéo. Đột nhiên, thủy thủ gác kêu to:" Có thuyền phía trước"

Ở chốn này, cái gì cũng đều nguy hiểm. René trấn an hai cô gái, xách súng, tiến lên lan can khoang thượng để tận mắt xem chuyện gì. Hai cô gái đứng dậy sẵn sàng trở về phòng mình khi René ra hiệu. Đêm hôm ấy trời không tối, trăng tròn chiếu sáng hình thù giống một chiếc thuyền phía trước.

Vật đó có vẻ đi thẳng. Càng lại gần hình dạng của nó càng rõ và René nhận ra đó là một thân cây đang trôi. Nhận thấy không có gì đáng sợ từ cái vật ấy, anh gọi hai cô gái lại gần ban công khoang thượng. Khi thân cây cách con tàu khoảng hai chục bước thì René nhận ra có hai luồng sáng như hai hòn than chiếu đến.

Anh chưa thấy báo gấm bao giờ nhưng anh dễ nhận ra một con vật như thế đang đến gần. Chắc là nó đang nấp trên cây nào đó thì các cây bị cơn gió mạnh làm bật rễ đẩy nó xuống sông. Ban đầu sợ quá nó đành bám vào đó, khi bị nước đẩy đi, nó không biết làm sao để lên bờ.

- Hélène, cô muốn có một tấm thảm bằng lông thú không? - René vừa nói vừa chỉ vào con vật.

- Con thú cũng bắt đầu nhận ra các hành khách, nó dựng đứng lông, nhe nanh gầm gừ đe doạ dữ dằn.

René đưa súng lên vai nhưng Hélène đã ngăn anh lại.

- Đừng giết nó, tội nghiệp con vật.

Phụ nữ bao giờ cũng có những cử chỉ độ lượng.

- Vấn đề là - René thì thầm - đó là một kẻ sát nhân.

Cái cây và con tàu va vào nhau, người ta nghe rõ tiếng cành cây chạm vào mạn tàu đột nhiên tiếng người lái tàu hét lên khiếp đảm.

- Nằm xuống! - René ra lệnh vừa dõng dạc vừa thúc bách.

Khẩu súng trên vai anh được hạ ngay xuống tay trái và viên đạn lao đi rồi viên thứ hai cũng phát nổ cách đó chỉ một giây.

Hai chị em ôm chặt lấy nhau vì họ đã đoán được chuyện gì vừa xảy ra. Con báo bị đói trong những ngày buộc phải ở trên thân cây đã lùi lại, lấy đà và nhảy lên thành tàu. Nghe thấy tiếng động, người lái tàu quay lại và thấy con vật đang bám trên thành tàu và chỉ một cú nhảy là tới chỗ ông ta. Vậy là ông ta hét lên hoảng hốt thu hút sự chú ý của René. Anh đã ban hai phát đạn vào con vật.

Chỉ một cú chảy, René đã cầm tiếp khẩu súng thứ hai, chạy đến giữa vị trí con báo và người lấy tàu những nó đã chết, một viên đạn đã găm giữa ngực nó.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 66
Thành Pégou

Nghe thấy tiếng súng, toàn đội tàu chạy lên boong. Họ tưởng lại bị người Mã Lai tấn công. Kernoch đang đi nghỉ là người chạy lên boong đầu tiên. Anh ta nhìn thấy người lái tàu và con báo đang nằm cạnh nhau không xa và cả hai đều bất động như đã chết.

Họ sợ cứu người lái tàu vì khi đánh lộn ông ta có thể bị vài vết cào nhưng thật may là ông ta bình an vô sự, con báo đã bị chết ngay sau phát đạn thứ hai.

Đầu bếp trên tàu lột da con báo rất cẩn thận. Da của nó ban đầu định dành cho Hélène nhưng Jane đã nài nỉ nên Hélène nhường lại cho em.

Con tàu vẫn tiếp tục đi. Vì gió khá thuận nên dù đi chậm, nó vẫn ngược lên dòng sông. Hai cô gái về phòng mình mà vẫn chưa hết run. Các cô bắt đầu thấy ít hứng thú với mảnh đất tuyệt đẹp mình sắp định cư. René ở lại bên họ đến tận ba giờ sáng. Các cô luôn tưởng tượng sau mỗi ô cửa sổ là những khuôn mặt khủng khiếp của con thú hoang khát máu nào đó.

Đêm qua đi trong những nỗi sợ nối tiếp. Ngay khi trời sáng, hai cô đã lên boong hy vọng gặp chàng trai bảo vệ họ. Vừa thấy họ, anh chàng René đã gọi:

- Lại đây! Tôi đang định đi gọi các cô dậy để xem hai ngôi chùa trong cảnh bình minh đẹp như thế nào. Chùa gần hơn là Dagoung. Các cô sẽ nhận ra nó qua mũi tên vàng và mái của nó. Đêm qua, chúng ta đã đến rất gần nó.

Hai cô gái nhìn thấy hai công trình đầy cuốn hút ấy nhất là ngôi chùa. Dagoung rất cao khắp các khu nông thôn lân cận đều nhìn thấy. Nền của nó vốn đã được xây dựng trên những gò: Cầu thang duy nhất dẫnlên thềm cũng phải đến một trăm bậc bằng đá.

Như René đã nói, các kim tự tháp mạ vàng này đẹp tuyệt vời hơn nhiều khi mặt trời dìm nó trong những chùm nắng. Xung quanh đều là miền đồng bằng rồi đến những cánh rừng nơi suốt đêm phát ra những tiếng rú kinh hồn bạt vía. Rừng rậm bao lấy dòng sông cũng không có vẻ an toàn nào cả. Suốt đêm, người ta nghe thấy tiếng cá sấu giống như tiếng trẻ con bị bóp cổ. Cánh rừng này thỉnh thoảng bị xen vào các cánh đồng rộng bát ngát do một tầng lớp dân cư đặc biệt cấy trồng. Những người đó được gọi là *carainers*. Họ có phong tục rất đơn sơ, nói thứ tiếng khác với tiếng Miến Điện. Họ cày bừa, cấy trồng và có một cuộc sống thuần nông. Họ không sống ở các thành thị mà ở quê trong những mái nhà sàn. Họ không bao giờ đánh lẫn nhau và cũng không tham gia vào các cuộc chinh phạt của triều đình.

Con sông mà đoàn người của chúng ta đi qua có rất nhiều cá, đến nỗi các thủy thủ chỉ cần thả vài mảnh lưới là thu được đủ cả ăn cho cả đoàn. Vài người muốn ăn thịt báo. Con báo này chỉ một tuổi rưỡi hoặc hai tuổi là cùng, người đầu bếp làm vài món thịt sườn nhưng những hàm răng khoẻ nhất cũng không xé nổi thịt ra khỏi xương nó Ngày hôm sau nữa trôi qua không có đụng độ nào ngoài một cuộc quyết đấu giữa một con cá sấu châu Á và một con cá sấu châu Mỹ. Một phát đạn đại bác đủ để kết thúc cuộc chiến ấy và cho hai đấu sĩ tan thành từng mảnh. Hôm ấy, họ đã đến thành Pégou.

Pégou còn mang vết tích của các cuộc khởi nghĩa và nơi này từng là kịch trường. Những thành quách của nó phần lớn đã bị đổ nát, chúng chỉ còn cao khoảng ba mươi bộ tính từ dưới mặt nước sông nơi mà khi triều cường có thể dâng lên cao chục bộ.

Các con tàu có độ mớn nước từ mười đến mười hai bộ buộc phải dừng lại ở đây vì khi thủy triều hạ đi thêm một dặm nữa sẽ bị mắc cạn. Con tàu lại buộc ở trạm kiểm soát sẽ đặt dưới sự giám sát của một Chékey, tức một quan trực thuộc Bộ binh.

Du khách được vào một nơi như cung điện mà người ta gọi là phủ ngoại quốc vì nó dành cho những người nước ngoài hiếm hoi đặt chân đến Pégou.

Nhưng khi René nhìn kỹ các phòng thì anh nói mình muốn ở trên tàu hơn, rằng như thế sẽ chuẩn bị tốt cho việc đến mảnh đất của tử tước Sainte-Hermine mà theo cách gọi của dân bản địa là *Đất Trầu* vì trên đó loại cây này có rất nhiều. Người ta trồng nó và đó là khoản thu nhập chủ yếu. Việc một con tàu *Slúp* với mười sáu khẩu pháo đại bác của nước Mỹ hùng mạnh xuất hiện, bắt đầu chiếm được sự trân trọng trên Ấn Độ Dương, trở thành

điều tò mò cho dân Pégou. Chính vì thế khi con tàu vừa đến, người đầu tiên đến thăm con tàu là người thông ngôn của hoàng đế. Ông ta chịu trách nhiệm mang hoa quả vật phẩm của Shabunder(1) của Pégou đồng thời thông báo ngài Nak-kan và ngài Serédogée hôm sau sẽ đến thăm họ.

René vốn lường trước các cuộc viếng thăm này nên đã mua sẵn vải vóc và vũ khí trên đảo Pháp. Anh gởi tặng một khẩu súng trường hai viên cho ngài Shabunder. Thấy ông ta thích thú với món quà, nhân cơ hội ấy, anh xin nhập cảnh cho con tàu *Slúp* và nhờ ông ta, với chức danh như một cảnh sát trưởng hải quân ở Anh, để mắt giùm.

Trong suốt thời gian viên cảnh sát trưởng hải quân đến thăm, ông này mang theo hai tên hầu cắp theo tráp bạc, ông ta chỉ ăn trầu và mời anh ăn.

René nhai thứ lá thơm thơm ấy như một người theo đạo Phật thật sự nhưng khi khách vừa đi để giữ cho bộ răng trắng của mình anh đã vội xúc miệng bằng nước trắng thêm vài giọt rượu *Arack*.

Hôm sau, như đã được ông Shabunder báo, anh đón hai người nak-kan và Serédogée đến thăm. Nak-kan tương đương với chức hộ vệ có nghĩa là tai của vua còn Serédogée tương đương với chức thư lại.

Cả hai người này đều có tên hầu cắp tráp đi theo. Họ nhai trầu liên tục và nhổ nước trong lúc nhai nhưng câu chuyện với họ khá thú vị René được cung cấp nhiều tin tức quan trọng để đến mảnh đất của hai tiểu thư xinh đẹp. Anh được biết rằng không gì bằng trồng trầu vì người ta có thể thu được ít nhất là năm mươi nghìn phăng, gần bằng trồng lúa hay mía. Mảnh đất ấy rộng năm mươi dặm Anh, tức là gần bằng thành Pégou. Chỉ có điều, để đến được đó phải qua những khu rừng đầy hổ báo, ngoài ra nghe nói còn có những băng cướp người Xiêm và người Miến Điện ẩn nấp trong những khu rừng ấy và chúng còn hung bạo hơn đám dã thú.

Hai vị khách đều ăn mặc gần giống nhau, một người áo tím và người kia áo xanh. Cả hai đều mặc một loại áo dài như váy ngủ có thêu các đường chỉ vàng ở các chỗ khoét và hai đầu ống tay.

René gởi cho vị thượng thư một tấm thảm Ba Tư thêu vàng và cho hộ vệ hoàng thượng một cặp súng lục sản xuất ở Versailles.

Trong suốt cuộc nói chuyện ấy, cả hai vị khách đều ngồi xổm, viên thư lại

biết nói tiếng Anh, làm thông ngôn cho người còn lại.

Trầu ở vùng này là một loại cây leo như cây thường xuân. Lá của chúng gần giống như lá chanh nhưng to và dài hơn, một đầu thót lại. Quả trầu gần giống như quả nho dại nhưng người ta thích lá hơn. Dân ở đây trồng trầu như trồng nho, người ta bắc giàn cho chúng leo. Thỉnh thoảng họ nhai cùng với miếng cau. Cây trầu sinh trưởng khắp Đông Ấn và nhất là vùng ven biển.

Người Ân nhai trầu suốt ngày thậm chí cả ban đêm, nhưng nếu nhai không thì lá rất đắng nên người ta nhai cùng cau và một chút vôi quệt vào trong phiến lá. Những ai giàu có hơn thì nhai cùng nước long não Bornéo, vỏ quạch hương nhu.

Khi nhai đủ các vị trên ta sẽ thấy một vị và mùi dễ chịu vô cùng khiến người Ấn trở nên nghiện. Tất cả những ai khá giả đều coi đó là món khoái khẩu của họ. Cũng có người còn nhai cau với quế và cây đinh hương những vị không bằng cau với lá trầu thêm chút vôi.

Người Ấn nhổ nước tiết ra đầu tiên, đó là một thứ nước đỏ nhờn nhợt họ có hơi thở dịu và dễ chịu lan khắp phòng. Nhưng lại làm răng của họ đen lại, bị hỏng rồi rụng. Có chăng người Ấn Độ chỉ còn mỗi một cái răng khi mới ở tuổi hai mươi lăm, nguyên do là nhai quá nhiều trầu.

Thỉnh thoảng, khi từ biệt nhau, người ta trao cho nhau vài miếng trầu bọc trong một mảnh vải lụa và sẽ không về nếu chưa được người thân thiết mời trầu. Người ta cũng không dám nói chuyện với người có địa vị sang trọng trong xã hội mà không có cái miệng phảng phất hơi trầu. Với người ngang hàng khi nói chuyện việc không nhai trầu cũng coi là phép thiếu lịch sự.

Lại nói hai kẻ nhai trầu nọ đi vừa chưa được lâu thì tiếng đồn về con tàu *Slúp* của một người Mỹ giàu có tặng súng ngắn, thảm và súng trường hai viên đã lan xa và người ta đã nghe thấy tiếng nhạc vọng đến.

René gọi ngay hai cô gái đến để hai cô thưởng thức âm nhạc cho đỡ buồn. Hai cô gái lên khoang thượng, họ thấy ba chiếc thuyền chở các nhạc công, mỗi thuyền có một bó gồm hai sáo, hai chũm chọe và một cái có dạng như cái trống. Tiếng sáo nghe giống như tiếng kêu ô-boa. Thứ âm nhạc đó dù không bác học nhưng rất thú vị. René yêu cầu họ chơi vài ba khúc để ghi lại những giai điệu chính: Mỗi tấu được thưởng mười hai *talks* (mỗi *talks* tương

đương với ba phăng rưỡi)

Ngay từ ngày đầu, René luôn lo lắng làm cách nào đến được mảnh đất của tử tước Sainte-Hermine. Nhưng cách thức duy nhất đến đó là đi ngựa hoặc voi. Ngoài ra viên cảnh sát trưởng hải quân Anh khẳng định anh còn cần ít nhất hơn chục người đàn ông tháp tùng. Trong vùng sắp có lễ hội nên không người đàn ông nào muốn rời Pégou trước khi dâng lễ xong. Buổi lễ ấy kết thúc, ngài Shabunder sẽ thuê ngựa hoặc voi cho René kèm theo một bộ đồ nghề săn hổ. Anh có thể giữ một tháng, hai tháng hoặc ba tháng tuỳ thích. Giá thuê ngựa và người đánh ngựa là hai mươi *talks,* giá voi và quản tượng là ba mươi *talks*.

Vì René hứa sẽ chỉ thuê ngựa hoặc voi qua ngài Shabunder nên ông này tặng cho anh một khung cửa sổ trong một ngôi nhà trên lối chính vào chùa. René đã chấp nhận, lúc anh cùng hai cô gái đến đó, anh đã rất ngạc nhiên khi thấy ngài võ quan có ý trải thảm và kê ghế ở đó.

Dòng người tham dự vào buổi lễ ấy rất đông. Từ lúc mặt trời mọc đến mười giờ sáng, phải có ba mươi nghìn người trèo lên, môi người mang một khay đồ lễ tuỳ lòng thành và điều kiện của họ. Vài người còn ôm ngang lưng một cái cây rủ xuống dưới sức nặng của những món quà dành cho sư sãi. Đó là cây trầu, mứt, bánh trái, có người lại vác những con cá sấu và các con thú lớn bằng giấy trên những cái khay đựng đủ loại đồ lễ. Cuối cùng là những con voi giấy, hoàn tất cho đoàn cúng tiến lên chùa.

Tất cả mọi người đều mặc bộ quần áo hội đẹp nhất, phần lớn dệt từ lụa trong cùng giống với các xưởng dệt ở phương Tây và thường có chất lượng tốt hơn. Phụ nữ Miến Điện cũng được tự do như phụ nữ Châu Âu, họ không phải bịt mặt. Thật buồn là đàn ông lại ít khi dành cho họ đặc quyền như thế. Đàn ông coi họ như kẻ dưới và đặt họ ở khoảng cách giữa con vật và con người.

Người Miến Điện bán vợ mình cho người nước ngoài. Trong những trường hợp như thế, vì chăng người vợ chỉ phục tùng lệnh của chồng nên họ không thấy bị hổ thẹn. Họ có hai lý do để thanh minh cho thái độ của mình, thứ nhất là do luật phục tùng và thứ hai họ phải hy sinh để giúp đỡ gia đình.

Ở Rangoon và ở Pégou cũng có các kỹ nữ. Có thể là do lười lao động hay hư hỏng hay sa đoạ mà các cô gái trẻ bán thân vào cái nghề nhơ nhớp ấy, ngay ở các thành phố văn minh cũng vậy.

Luật nợ tiền ở người Miến Điện cũng không khác ở Rome thời đạo luật *Mười Hai Bàn*, đó là: tất cả các chủ nô trở thành ông chủ của con nợ hay gia đình con nợ, khi con nợ không trả nổi tiền, chủ nợ bán con nợ như một nô lệ và khi vợ hay con của họ xinh đẹp và các chủ thanh lâu trả giá cao thì các chủ nợ sẽ bán những kẻ bất hạnh ấy. Người ta có thể gọi đó là gái vỡ nợ. Ngày trước còn đồn đại có một tầng lớp kỹ nữ quý phái có xuất thân khác, người ta gọi các ả đó là gái hạng sang.

Nếu một phụ nữ cầu mong sinh con trai nhưng lại đẻ ra con gái, chị ta mang nó đến gửi ở chỗ gái hạng sang và các cô nàng này sẽ trả khoản tiền người mẹ yêu cầu. Người ta sử dụng cô gái dưới chức danh hạng sang cho những người nước ngoài qua đây với dân bản địa, các cô gái đó được gọi là *valasi* (nô lệ của gái sang), người nước ngoài lại gọi là *bayadère* với những vũ công và kỹ nữ.

Chú thích:

(1) Chức dùng cho các khu ở Malaixia, một sĩ quan chịu trách nhiệm theo dõi thương nhân, tuần tra cảng và thu thập các giấy thông quan

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 67
Cuộc hành trình

Buổi lễ hội kết thúc, René nhắc ngài Shabunder lời ông ta đã hứa. Ngay hôm sau ngày René nói anh cần ba con voi.

Ngay lập tức, ba con vật cùng người quản tượng đã đến chỗ con tàu *Slúp*. René rất tin tưởng vào đoàn thủy thủ Anh-Mỹ nên để họ lại trông tàu. Đồng thời anh cũng để lại Kernoch và sáu người Bretaglle vì anh tin tưởng vào lòng tự tôn dân tộc và lòng thủy chung của họ một trong việc bảo vệ tàu nếu có xung đột xảy ra.

René chỉ mang theo anh chàng người Paris, tức là người phục vụ trung thành François. Chỉ cần hai con voi có là có thể chở được bốn người đủ chỗ cho hai cô gái và anh. Ngoài ra, để yên tâm, anh đã thuê mười hộ vệ mà ngài Shabunder tuyển hộ.

Mỗi người và mỗi con ngựa mất năm *talks* mỗi ngày trong suốt chặng đường. Hai con ngựa do anh và François dắt, hoặc cưỡi khi nào họ không muốn đi voi. Trưởng đoàn dự định chuyến đi sẽ kéo dài ba ngày.

Hai con ngựa được chất đầy thực phẩm vì họ lo là sẽ không gặp được làng nào trên đường đi. Ngoài ra họ hy vọng sẽ kiếm thêm các con thú săn được trên đường.

Buổi tối, đoàn người dựng lều ngoài bìa rừng, và không rời xa nguồn nước.

Họ lấy nước dự trữ vì sợ dọc đường sẽ không tìm được nước sạch.

Đêm đầu tiên qua đi không có gì đặc biệt, như đã nói ở trên, vì họ chưa vào rừng và họ còn nhìn thấy thành Pégou, chiếc ghế có tán che có thể đặt lên lưng voi hoặc tháo xuống đất. Họ hạ nó xuống dùng làm giường tránh muỗi cho hai cô gái.

Họ đốt một đống lửa to để xua đuổi các loài bò sát và ác thú. René cho rằng đi bằng voi, họ sẽ dễ dàng qua những đoạn đường khó và con vật thông minh này, với bản năng tự nhiên sẽ biết cảnh báo khi có kẻ thù sắp lại gần. Tuy thế, anh vẫn không hoàn toàn tin tưởng và tự mình gác. Nửa đêm, gần sáng anh giao cho François.

René vẫn chưa thấy dấu hiệu nguy hiểm của lũ voi. Tuy nhiên, ngay từ đầu anh bắt đầu làm thân với chúng bằng cách mang cành cây tươi và mấy quả táo mà chúng ưa thích. Để chúng không ghen tị lẫn nhau, anh mang cho chúng hai khẩu phần bằng nhau. Ban đầu chúng nhìn anh hơi nghi ngại, không hiểu kẻ lạ mặt này quan tâm đặc biệt đến chúng vì mục đích gì. Nhưng dẫu sao chúng cũng không từ chối món quà ấy. Sau đó, René dẫn hai cô gái lại gần, mang cho chúng ba đoạn mía tươi và ngọt. Chúng khoái chí lấy vòi quấn từ tay hai cô gái rồi đưa lên miệng. Như vậy trước lúc lên đường, René đã làm bạn với hai con voi và cho chúng trở thành bạn của hai cô gái.

Đêm qua đi bình yên trừ vài con báo đi uống nước và vài con cá sấu châu Mỹ ra khỏi rừng tìm mồi được con voi gác báo trước.

Chính bản thân hai con voi cũng thấy cả hai cùng thức đêm thật là vô ích nên chúng chia nhau canh gác như René và François vậy. Quả nhiên, đến nửa đêm, con voi đầu khụy gối đi ngủ nhường chỗ cho con voi thứ hai mới thức dậy gác tiếp.

Trời vừa sáng, con voi đã hú lên đách thức mọi người trở dậy. Hai cô gái hiểu có René canh gác họ không thể gặp bất trắc gì nên yên tâm làm một giấc ngon lành như ngủ trong phòng. Các cô dậy ngay và tận hưởng không khí trong lành của buổi ban mai.

René lại gần chỗ hai cô gái mang theo một ôm cành cây mà ngày hôm trước lũ voi rất thích. Hélène và Jane vẫn có chút e sợ khi đi lại gần hai con thú khổng lồ ấy. Nhưng với ánh mắt dịu dàng của chúng, các cô cũng hiểu là sẽ không có chuyện gì. Các cô cầm những cành cây từ tay René đưa cho chúng. Chúng quấn lấy kèm theo những tiếng cục cực khoái chí. Ăn hết cả ôm cành cây lũ voi nhìn sang trái lại nhìn sang phải như còn thiếu một cái gì đó. Chúng chưa được ăn mía, loại thức ăn không thể thiếu của chúng René chạy đi lấy và chuyển qua tay Hélène và Jane. Lũ voi ngốn ngấu đám mía với sự ưng ý như hôm trước.

Đoàn người chỉ ăn nhẹ, họ chia quãng đường làm hai chặng, chặng thứ nhất đến mười một giờ trưa rồi nghỉ bên hồ để tránh ánh nắng gay gắt trong ngày, chặng thứ hai đến bảy giờ tối, nghỉ đêm tại một nơi quang đãng.

Hai thiếu nữ lại leo lên lưng voi, chúng tỏ ra vui thích được cái vinh dự đưa họ đi. René và François, cậu ta đi phía sau anh vài bước, song song với con voi chở hai cô gái. Người dẫn đường đi đầu mười người nữa đi ngựa tiếp theo, con voi không ai cưỡi ngoài người quản tượng của nó đi kế đó. Cánh rừng này thật u ám và đầy vẻ đe doạ đến nỗi René không khỏi lo ngại cho hai người bạn gái của mình. Anh gọi người dẫn đường nói được chút ít tiếng Anh lại gần.

- Đoạn rừng này có sợ bị cướp tấn công không? - René hỏi.

- Không- Người dẫn đường đáp - bọn cướp ở cánh rừng khác.

- Thế ở đây có gì đáng sợ không?

- Các loại ác thú

- Là những loại nào?

- Hổ, báo và những con trăn khổng lồ.

- Được rồi, chúng ta đi tiếp, - René nói rồi quay lại François nói - cậu đi lấy cho tôi hai miếng bánh mì ngon lại đây!

François mang lại một chiếc bánh mì cắt làm hai. Lũ voi vừa nhìn thấy bánh mì, chúng nghĩ người ta mang đến cho mình nên con voi không cho ai lùi lại gần René khiến cho anh này trở thành đi giữa hai con vật to lớn.

Hai cô gái hốt hoảng cúi ra khỏi kiệu, chỉ thêm một bước nữa, René và con ngựa của anh đã bị nghiến nát giữa hai con vật khổng lồ rồi. René trấn an hai con voi bằng một nụ cười rồi đưa bánh mì cho chúng. Hai cái vòi của chúng thay vì doạ nạt hình như lại tỏ ra âu yếm chàng trai. René để lũ voi tận hưởng món bánh yêu thích của chúng. Đó là một viên gạch nữa anh dựng lên lâu đài tình bạn giữa mình và hai con quái vật bốn chân.

- Vừa nãy người dẫn đường nói gì với ngài đấy? - Hélène hỏi.

- Nếu người khác, tôi sẽ bảo anh ta nói rừng này đây con mồi và chúng ta không phải lo về đồ ăn. Nhưng cô là một người đồng hành can đảm nên tôi có thể nói thật. Anh ta bảo chúng ta khi ngủ chỉ nên nhắm một mắt thôi còn mắt kia phải mở to để mà canh gác. Nhưng các cô cứ yên tâm ngủ, tôi sẽ là người gác cho các cô.

Từ lúc đoàn người đi vào rừng, họ thấy hình như mình đang vào một nhà thờ, giọng nói của họ trở nên nhỏ nhẹ hơn mức bình thường. Đang giữa ban ngày mà cứ như đang sáu giờ tối, vòm cây dày đến nỗi họ không nghe thấy một tiếng chim nào. Khi màn đêm kéo đến, bản hợp xướng của các loài vật mới thức giấc. Đêm tối mới là ban ngày của chúng. Đêm tối là lúc chúng săn

mồi, yêu đương còn ban ngày là khi chúng ngủ.

Họ thấy sợ cái sức mạnh thiên nhiên ấy, khi mà một cơn giông cũng khiến tất cả bụi mù như một sa mạc cát, khi một cái cây to lớn cũng đủ làm rừng, khi trong những vùng tối sâu thẳm nhất của cánh rừng này, nơi người ta tưởng không có ban ngày hay một tia nắng mặt trời nào xuyên vào lại phô ra những bông hoa sặc sỡ và toả mùi ngây ngất trong khi những cây khác ngạt thở trước bóng tối và chỉ toả hương sác trước ánh mặt trời. Chúng bám lên những cành cây đầu tiên, trượt sang các cành cây khác leo đến đỉnh ngọn rồi nở hoa như những viên đá rubi hay sa phia nằm trong ngọc bích. Người ta nhìn nó ngay khi gặp, chúng lan thật rộng nhưng khi người ta tìm thân của chúng, người ta chi thấy một thân mảnh khảnh như dây điều. Trong những cánh rừng này tất cả đều bí hiểm nhưng sự bí hiểm ấy còn cho người ta những suy nghĩ đen tối nhất thậm chí đến cả cái chết.

Quả thật, cái chết rình rập khắp nơi. Trong bụi rậm kia, con hổ đang chờ bạn. Trên cành cây này, con báo đang rình bạn. Rồi cái thân cây mềm mại uốn lượn giống như một cái cây bị chặt cách mặt đất từ sáu đến tám bộ kia nữa lại là cái đầu con rắn mà phần thân của nó trải dài như một con suối có thể quấn lấy bạn ở khoảng cách mười lăm bộ. Cái hồ nước rộng phẳng lặng như một tấm gương kia đang hội tụ đủ loại thứ nguy hiểm như cá sấu châu Mỹ, châu Á, khi nó há miệng, nó có thể nuốt cả một con ngựa và một ky sĩ một lúc. Đó là Ấn Độ, nơi phần sinh sôi nhất và cũng chết chóc nhất vũ trụ.

René đã có những suy nghĩ như thế khi đi dưới cái vòm cây câm lặng và tối tăm ấy, thỉnh thoảng mặt trời phải khó nhọc lắm mới xuyên qua được một tán lá. Đột nhiên, như thể một tấm màn được vén lên, người ta chuyển từ vùng hoàng hôn chạng vạng tối sang chỗ ánh sáng chói loà. Đó là một cái hồ. Để đến chỗ đó, người ta chỉ phải qua một đồng cỏ đẹp như mơ, một mảnh thiên đường rơi xuống mặt đất, những khối hoa loả hương ngát đến người ta sắp chết ngạt. Mảnh đất đó bị những con chim cày xới bằng những tiếng kêu lạ tai, người bộ lông màu ngọc bích, màu đá ruồi và saphia. Phía chân trời là hồ nước đang trải rộng như một tấm thảm màu xanh lơ. Ai cũng hít thở thật sâu, lồng ngực giãn ra.

Họ đi qua đồng cỏ, một vài tiếng rên rỉ thoát ra chứng tỏ họ vừa giẫm chết vài con bò sát. Người dẫn đường luôn thận trọng, dùng một cái gậy để giết con rắn khoang vàng đen nhỏ dài gần một bộ. Con này cắn có thể chết người, trong tiếng Miến Điện, người ta gọi nó là rắn "ca rô". Người dẫn đường giải thích rằng vết cắn đặc biệt của con vật đó là tuỳ vào thời điểm bị cắn, người ta sẽ chết vào cái buổi tối, hoàng hôn, sáng hay bình minh.

Cuối cùng, đoàn người cũng đến được chỗ hồ nước. Đó là nơi dừng chân đầu tiên của họ trong ngày.

Lúc qua đồng cỏ, René đã bắn được vài con chim giống như gà lôi và một con giống như con linh dương gazelle, một con thỏ. François với bản tính của người Paris đã học được cách chế biến nên xử lý khá hợp lý chỗ con mồi ấy.

Cũng cần nói thêm là René vẫn chăm sóc cẩn thận lũ voi như thường lệ. Khi thấy chúng hướng vòi về một thứ cây hoa màu đỏ lớn những không với tới. René hỏi François xem bằng tài trí của cậu bé Paris, anh ta có trèo lên cây ấy được không. François khẳng định là được nên René trao cho cậu ta một con dao quắm nhỏ và yêu cầu cậu ta chặt nhiều cành nhất có thể. Những con voi nhìn hành động ấy một cách thích thú ra mặt, chúng vuốt ve tay René như thể muốn hôn lên đó.

René để hai cô gái xuống kiệu. Các cô vừa xuống đất, lũ voi đã vội tiến lại đống cành cây và bắt đầu bữa trưa kèm theo những tiếng kêu nho nhỏ sung sướng và những ánh mắt bao lấy René và hai người bạn của anh đầy vẻ biết ơn.

Mọi người ăn bữa trưa và đi ngủ tuỳ ý thích. Họ đã quên hết mọi nỗi sợ và hầu như không tin rằng trong một ngày đẹp trời đến thế trong một khung cảnh diễm lệ đến vậy lại có thể bị nguy hiểm rình rập.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 68
Cuộc chiến với con trăn (Con rắn chúa)

Cạnh hồ nước; có một rừng cây bụi kề sát rừng rậm. François phát hiện ra có hai, ba con công ở trong rừng rậm đó. Anh ta liền nảy ra ý định giết hai con, lấy lông đuôi kết thành hai cái quạt cho hai cô gái. Anh ta đến xin phép René, sau bữa ăn sẽ bắt đầu cuộc vui ấy.

René biết rằng trong rừng rậm nơi lũ công ở có thể có hổ. Anh nhắc François phải cẩn thận. François xách một thanh gươm và khẩu súng hai viên của René rồi đi.

Anh ta chưa đi được chục bước, René đã thấy hối hận vì để một thợ săn ít kinh nghiệm như thế đi một mình. Anh nhìn quanh, thấy tất cả đều yên tĩnh nên ra hiệu cho François chờ mình. Anh muốn trước khi đi săn phải có vài dự phòng cho chỗ nghỉ của hai cô gái.

Các cô đang ngồi bên nhau, duyên dáng giữa những bộ trang phục bình dân. Anh mang bánh mì cho hai con voi, dẫn chúng đến cạnh cây cành lá xúm xuê cao đến hai chục bộ rồi chỉ cho chúng thấy hai cô gái và anh nói:

- Hãy gác cho các cô ấy!

Hai thiếu nữ bật cười về sự đề phòng ấy mà các cô cho là vô ích ấy. Họ không nghĩ mình sẽ gặp nguy hiểm nào.

Trước lúc đi, René còn yêu cầu họ nếu bị con vật hoang dã nào tấn công hãy đến nấp giữa những cái chân voi như trong một pháo đài bất khả tấn công.

Ngay bản thân René cũng hy vọng là sẽ không chỉ gặp vài con công. Anh đã từng va chạm với một số con quái vật ở Ấn Độ. Nhưng chưa khi nào được giáp mặt với một con hổ. Anh nắm chặt tay hai cô gái rồi tiến lại phía François. Cả hai khuất dần vào cánh rừng.

Sau đoạn rừng cây bụi là đến rừng rậm. Nó chằng chịt đến nỗi không thể nào đi được nếu không lấy dao phát một lối đi.

François rút gươm toan chặt cây thì René nhận ra một lối đi trên đó có những mẩu xương vẫn còn rất tươi chứng tỏ một con thú ăn thịt lớn đi qua chưa lâu. Anh tiến vào đó và gọi François đi theo.

Đi được vài vòng trong rừng rậm nơi những ngọn cây trên đầu đan vào nhau như một cái nôi thì René bắt gặp một cặp hổ.

Nhưng đó là hai con hổ con, không có con bố hay con mẹ nào ở nhà. Hai con hổ con chỉ to bằng con mèo béo đang nô đùa.

Vừa nhận ra những sinh vật khác nòi giống của mình, dù bé tí nhưng chúng cũng vào thế tự vệ. Song René đã luồn tay vào túm lấy cổ chúng nhấc bổng lên và đưa cho François một con.

- Cầm lấy, cầm lấy chạy đi!

Hai con hổ con bắt đầu gầm gừ, kêu ré lên như thể báo cho mẹ chúng biết chuyện gì vừa xảy ra với chúng. Lập tức người ta nghe được cánh đó bốn năm trăm bước một tiếng gầm khủng khiếp vang lên đó là tiếng hổ mẹ đáp lại tiếng gọi của lũ con.

- Chạy khỏi rừng rậm, chạy khỏi rừng rậm! - René kêu lớn - Nếu không chúng ta sẽ nguy to.

François không cần phải giục. Tiếng gầm vừa rồi đủ để anh ta cảm thấy nguy hiểm đang đến gần. François rảo bước mà vẫn không thả con hổ con. Anh ta định mang về Pháp và tặng cho vườn thú

François đã chạy ra khỏi rừng rậm vào vành đai rừng cây bụi bao quanh rừng rậm.

Một tiếng gầm thứ hai vang lên nhưng chắc chắn phải cách thợ săn hàng trăm bước.

Một cái cây và một bụi rậm hiện ra cách họ hai chục bước.

- Thả con hổ con ra - René hét lên và tự tay thả con vật mình đang ôm - Cậu nhảy lên cây, còn tôi vào chỗ cây bụi.

François tuân lệnh ngay lập tức khi hai người tìm được chỗ nấp của mình cũng là lúc tiếng gầm thứ ba vang lên nhưng lần này nó như một tiếng sấm rền trên đầu họ rồi một con hổ cái đột ngột xuất hiện, nó như bay hơn là chạy đến cách họ chúng hai mươi bước.

Nó lưỡng lự giữa một bên là kẻ thù một bên là tình mẫu tử, nhưng cuối cùng tình mẫu tử đã thắng Nó tiến lại chỗ lũ con và gầm gừ như con mèo cái

nhưng tiếng gầm nghe kinh rợn lắm.

Đúng lúc ấy nó quay ngoắt lại phía François vì anh ta vừa bắn vào vai nó. Con hổ bị tấn công đột ngột nhảy dựng lên rồi ngã khuỵu xuống, François đã bắn trúngvai con hổ.

Con hổ cái nhanh chóng nhận ra hai kẻ vừa bắn mình vẫn còn ở đó, nó chồm lên lấy đà rồi lao lên cao đến bảy, tám bộ.

François nhận thấy không thể để nó lại gần hơn nữa. Anh ta bắn phát súng thứ hai, con hổ lăn ngửa ra hú lên kinh hoàng rồi dùng toàn bộ sức mạnh lật mình dậy, lấy bàn chân còn lại bắt đầu bấu vào đất còn hàm răng cắn ngoạm vào đám cỏ đầm máu chảy từ cái mồm của nó.

- Nó chết rồi! Nó chết rồi ngài René ạ! - François reo lên như một đứa trẻ bắn được con thỏ đầu tiên của mình.

Và anh ta định lại gần định dùng báng súng kết liễu con hổ cái nhưng René đã hét lên:

- Đừng lại gần, đồ ngốc! Hãy nạp tiếp đạn đi.

- Sao phải thế? Nó chết rồi cơ mà?

- Thế con đực đã chết chưa hả, đồ ngu? Nhanh lên, nghe thấy chưa.

Chưa bao giờ lại có tiếng hú ghê rợn như vậy.

- Nạp đạn đi, nạp đạn đi và đứng ra phía sau tôi. - René nói.

Nhưng khi thấy François vừa run lên vì sung sướng lẫn sợ hãi đến nỗi đổ thuốc súng xuống đất thay vì vào nòng súng, anh đưa súng của mình cho anh ta cầm rồi nạp đạn thay cho François, chỉ một phút sau, hai nòng đã có thuốc và đạn. Anh trao lại súng cho người săn cùng.

- Nó không gầm nữa. - François thì thào vào tai René.

- Và nó sẽ không gầm nữa đâu. - René nói - Khi không nghe thấy tiếng vợ

đáp lại nó hiểu hoặc vợ nó đã chết hoặc bị mắc bẫy. Cho nên thay vì lộ diện như vợ nó, nó sẽ đi tìm. Chú ý đấy, phải nhìn ở mọi phía.

- Suỵt! - François lại thì thầm vào tai René - Tôi nghe thấy tiếng cành cây gãy.

Khi ấy René đặt tay lên vai François rồi chỉ cái đầu con hổ đực đang chúi xuống đất xuất hiện ở lối vào rừng rậm. Nó đã chạy lại phía bầy con nhưng không thấy nên mới mò ra đây.

François gật đầu ra điều đã nhìn thấy.

- Vào mắt phải, Philippe! - René nói thật to rồi siết cò.

Trong vài giây, khói toả ra khiến họ chưa nhìn rõ.

- Tôi chưa chết thì nó phải chết. - René thản nhiên nói.

Và quả thật họ nhanh chóng nhìn thấy con hổ đực đang giãy giụa trong cơn gầm gừ hấp hối.

- Vì sao lúc ngài bắn ngài lại nói "Vào mắt phải, Philippe?". Chẳng hay con hổ đực này tên là Philippe à?

- Không- René đáp- Nó tên là hổ, nhưng vì thế mà phải cẩn thận với nó.

Tuy thế, họ không cần phải thận trọng, dù chỉ bị bắn một phát nhưng con hổ đực lại chết trước con hổ cái bị bắn hai phát.

Thật ra phát đạn của René đã bắn trúng mắt phải của con đực đúng như tay súng thiện xạ thông báo và xuyên vào não khiến con vật chết ngay tức thì trong khi con hổ cái phải chờ thêm mười lăm phút nữa mới trút hơi thở cuối cùng.

Hai thợ săn chờ ít lâu, hy vọng khi nghe ba phát súng những người trong đoàn sẽ tò mò muốn biết xảy ra chuyện gì và kéo đến.

Nhưng họ chờ mãi mà không thấy ai. Mãn nguyện về chuyến đi săn của mình, họ quyết định quay về đoàn người và mang ngựa lại kéo hai con hổ.

Nhưng François lại không muốn rời xa tác phẩm của mình. Anh ta khoác súng lên vai, chạy lại túm gáy hai con hổ con, chờ cho René nạp đạn rồi mới cùng anh đi về phía hồ nước nơi cách họ chưa đầy một cây số.

Họ mới bước được một trăm bước thì một tiếng kêu ré lên, giống như tiếng kèn trom-pét vang đến rồi tiếng thứ hai tương tự như vậy cũng cất lên.

Hai chàng trai nhìn nhau: tiếng kêu này rất lạ. Con vật nào kêu thế nhỉ? Đột nhiên René vỗ lên trán.

- Thôi rồi! - Anh kêu lên- đó là lũ voi của chúng ta đang kêu cứu!

Rồi anh tức tốc lao về phía tiếng kêu, François chạy được một trăm bước nữa đành bỏ cuộc không theo kịp René.

Vừa đến nơi, René dừng lại sững sờ trước cảnh tượng trước mặt đoàn người bị tản mác và đứng cách xa nhau. Hai cô gái vẫn ngồi dưới gốc cây ôm chặt lấy nhau và như đang cứng đờ vì kinh khiếp chỉ hai con voi còn đứng vững, huơ huơ cái vòi trong không khí trước một con trăn cuộn quanh một trong những cành cây thấp nhất trên đầu hai cô gái, đung đưa cách mặt đất khoảng mười lăm bộ, cái đầu quái vật khiến hai cô gái không rời mắt khỏi nó như bị thôi miên.

Hai con voi đã quyết định hoàn thành nhiệm vụ được giao đã sẵn sàng nghênh chiến:

Đoạn người đi cùng đã chạy trốn tán loạn. Họ chỉ được trang bị gươm và giáo nên không có cách nào chống lại một địch thủ như thế.

Lũ voi nhận ra René trở về liền phát ra những tiếng kêu vui sướng. Người chúng vừa gọi đã hiểu và chạy đến.

René chỉ trong nháy mắt đã hiểu mình cần phải làm gì. Anh đặt súng xuống đất, lao về phía hai cô gái, bế họ như bế hai đứa trẻ. François cũng vừa về đến nơi. René giao hai cô gái cho anh ta canh chừng.

- Bây giờ - René nói kèm theo tiếng thở dài và nhặt súng lên - chỉ còn hai chúng ta thấy Python(1)! Chúng ta sẽ xem liệu đạn của khẩu súng Lepage có như mũi tên của thần Apollon hay không.

Con trăn nhìn theo hai cô gái người ta mang đi, hai người mà nó đã chọn làm con mồi. Khi thấy hai con voi đứng cạnh, nó còn dè chừng chưa lao vào họ. Nó phun ra những tiếng phì phì như tiếng gió trong trận bão vậy. Một làn hơi hôi thối bốc ra từ cái miệng của nó, cặp mắt lửa của nó hằn lên những tia đáng sợ, mỗi khi nó nhấc cái cổ lên. Cái cổ của nó, phần hẹp nhất cơ thể cũng phải to như một cái thùng. Người ta không thể nhìn theo hết những uốn khúc của nó trên cành lá cây.

René dồn trọng lượng xuống hai chân. Đây là một đối thủ anh không thể để trượt ngay từ phát đầu tiên. Anh ngắm vào cái lưỡi của nó và bắn hai phát liền. Cái cây rung lên do con quái vật cuộn mình. Nó trèo lên cành cao hơn rồi mất hút một lát trong tán lá dày nơi đang rung tít như trong một cơn bão. François chạy lại, chìa khẩu súng đã nạp đạn cho René, còn René đưa lại khẩu súng hết đạn của mình.

- Hãy đưa hai cô ấy ra càng xa càng tốt - René bảo anh ta - và để lại thanh gươm của cậu cho tôi.

François tuân lệnh và đưa hai cô gái rời xa bãi chiến trường.

Những con voi vẫn huơ vòi trong không trung, đôi mắt ti hí của chúng nhìn chăm chú không để mất dấu vết của loài bò sát. Tất cả mọi người đều vừa nhìn cảnh đó vừa rùng mình, trừ René. Bởi lẽ René không phải là khán giả, anh là tác giả. Hai con voi giậm giậm chân xuống đất như muốn khiêu khích con trăn. Cuối cùng nó cũng xuất hiện, cái đầu gớm ghiếc, dị dạng, máu me be bét từ thân cây hướng xuống mặt đất. Hai phát súng nữa chặn nó trên chặng đường ấy.

Hoặc vì kiệt sức, hoặc bị mù do bốn vết thương, hình như nó đã mất cảm giác chuyển động nên đổ sầm một đống xuống thân cây. Chúa Rangoon có đổ từ nền đá granite xuống cũng không ầm ĩ và chấn động mặt đất mạnh hơn thế.

Con trăn đã mất cảm giác nhưng vẫn còn sức mạnh. Vừa tới mặt đất liền nhanh chóng cuộn thân lại. Nhưng vì không nhìn thấy gì nó trườn đến đúng tầm của một con voi. Voi liền giậm chân vào cái đầu nát bét của con trăn. Dưới sức nặng khủng khiếp, con trăn oằn lại như một con sâu. Một khối cơ thể lớn quấn xung quanh chú voi thứ nhất.

Con voi thứ hai nhận ra nguy hiểm của bạn mình, nó lao lại phía con trăn dùng vòi gỡ thân con trăn ra khỏi bạn của nó nhưng con trăn mới quấn một phần ba cơ thể nó vào con voi thứ nhất lại quấn nốt hai phần ba thân còn lại vào con voi thứ hai. Trong giây lát một khối dị dạng khổng lồ như bức tượng Lacoon hiện ra.

Hai con voi kêu lên đau đớn. René khi ấy như một chú lùn đứng trước ba con vật khổng lồ thời tiền sử. Nhưng anh là con người, anh có suy nghĩ, anh phải chiến thắng.

René nhặt thanh gươm mà François vừa ném dưới chân lên.

Trong lúc gắng hết sức, hai con voi đã kéo căng cơ thể con trăn ra khiến nó

có một đoạn thẳng không quấn vào con voi nào. Anh vung gươm chém mạnh vào khúc đó như những chàng khổng lồ trong trường ca của Homère hay các anh hùng trong "Giải phóng Jerusalem". Anh đã chém con trăn đứt thành hai. Cột sống của nó đứt đôi hai khúc dù còn quằn quại nhưng cũng mất sức dần rồi rơi xuống.

René chạy lại phía hồ, múc nước vào mũ rồi đổ ít một vào miệng của con voi đang đứng, còn con kia đang khuỵu xuống, phải chờ cho nó thở bình thường đã. René gọi hai quản tượng lại rồi chạy về phía hai thiếu nữ đang tái mét vì sợ hãi. Anh ôm cả hai vào lòng như hai em gái. Trong lần ôm chặt ấy, đôi môi Jane bắt gặp môi René nhưng anh nhanh chóng rời ra. Cô gái trẻ thở dài buồn bã.

Chú thích:

(1) Một con quái vật trong thần thoại Hy Lạp

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 69
Đụng độ với kẻ cướp

Tất cả mọi người đều bị chấn động sau sự việc vừa rồi. René vừa dìu hai cô gái vừa đến ngồi cùng họ trên một mảng cỏ. Vốn thận trọng anh vẫn cầm khẩu súng đã nạp đạn từ tay François. Khẩu súng và thanh gươm mà François để lại vẫn còn nằm ở bãi chiến trường.

Dịu dàng như một tiểu thư đài các, René lôi từ trong túi ra một lọ nhỏ màu vàng và cho hai cô gái ngửi. Ngay khi họ có thể nói được, Hélène là người đầu tiên cất lời, René hỏi đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra như thế nào và tại sao hai cô lại để con trăn tới gần đến thế mà không chạy đi.

Hélène kể lại: Sau bữa trưa, yên tâm vì có hai kẻ bảo vệ khổng lồ, hai cô đi ngủ. Được một lát, trong giấc ngủ Hélène thấy khó chịu kỳ lạ. Một mùi hôi thối bóc lên đâu đó. Cô đã nghe thấy những tiếng kêu hoảng hốt nhưng chỉ đủ sức mở mắt khi có nhiều tiếng voi giậm chân xuống đất. Bấy giờ cô mới nhận ra cách cô hai chục bước là cái đầu xấu xí của con quái vật với cái miệng há to và đôi mắt vào cô. Hơi thở bốc lên mùi từ chính miệng của nó.

Hélène đánh thức em dậy và muốn chạy trốn nhưng họ không sao đứng dậy nổi, cô hoảng hốt nhớ lại sức mạnh thôi miên của nó, dù không động đậy nhưng nó làm những con chim từ trên cây phải rơi xuống và thu hút được con vật mà nó muốn.

Cô nhớ lại đã đọc những chuyến thám hiểm của Levaillant người từng là nạn nhân của sự thôi miên tương tự và chỉ thoát được khi có phát súng. Cô muốn hét lên kêu cứu nhưng như thể rơi vào cơn bóng đè, cô không sao cất lời

được. Cô đưa mắt tìm René nhưng không thấy anh đâu. Cô thấy mình ngất đi rồi hình như có người đỡ ngang lưng bế mình đi và khi mở mắt cô thấy mình đang ở trong vòng tay của René.

Khi được đưa ra xa khỏi con rắn và ngoài tầm ánh mắt thôi miên của nó, cô dần dần lại sức nhưng vì vẫn còn sợ nên cô không dám mở mắt theo dõi cuộc chiến.

Giờ đây, khi đã được bình an vô sự bên người tận tụy bảo vệ mình, cô gái không còn lời nào để diễn tả những gì mình cảm thấy Jane lắng nghe chị kể mà không nói gì. Chỉ René mới hiểu cô trong cái siết tay của anh và anh cũng hiểu những giọt lệ lặng lẽ đang chảy từ hàng mi xuống má cô.

Khi cơn bàng hoàng về trận chiến Héc-quyn qua đi, François mới sực nhớ ra hai con hổ con. Thế là anh ta thao thao kể mình chỉ bắn hai phát là giết chết con hổ cái còn ngài René chỉ một phát súng đã giết chết con hổ đực.

Vấn đề là không nên để lỡ hai bộ lông tuyệt đẹp ấy. René đưa mười đồng *talks* cho những ai muốn đi kéo xác chúng về hoặc bằng ngựa hoặc dùng cáng.

Mấy người trong đoàn thích dùng cáng hơn, và vì tất cả đều muốn đi nên René đành chia cả tiền thưởng cho những ai ở lại giữ. François chuẩn bị đi lấy súng và gươm thì đã thấy hai con voi cặp chúng lại và đặt dưới chân René. René nhặt vũ khí lên và dẫn đầu đoàn đi lấy xác hổ khi đến lượt anh kể lại cuộc chiến với con hổ anh chỉ khiêm tốn coi đó như một việc săn cơn thỏ trong rừng Vésinet.

Họ tìm thấy hai cái xác nằm trơ ở chỗ chúng bị giết, tất cả sung sướng khiêng chúng về.

Trong khi ấy, đoàn người ở nhà vui đùa bằng cách đo cái xác con trăn. Nó dài bốn mươi sáu bộ(1) và vòng bụng rộng một mét.

Lũ voi cũng tò mò xem, chúng hiểu chính René đã cứu chúng bằng tất cả khả năng của anh. Khi anh về, chúng lấy vòi vuốt nhẹ nhàng anh và Hélène đã thân thiện với chúng đến mức cô có thể để cho chúng tháo găng tay của mình và chúng thực hiện vô cùng khéo léo. Đã đến giờ xuất phát, mọi người rời khung cảnh tuyệt đẹp nơi từng diễn ra cảnh tượng hãi hùng mà có lẽ chỉ có Chúa mới có thể thấy một cảnh tương tự.

Hai cô gái lại lên kiệu. René và François lên con voi của mình. Những người dẫn đường dắt dây cương ngựa. Đi tiếp được ba giờ, họ lại vào rừng và mất hút trong đó đến mười một giờ trưa.

Vẫn bóng tối, vẫn những nỗi hãi hùng như buổi sáng nhưng bây giờ còn khiếp đảm hơn vì họ từng thấy sự nguy hiểm không phải chỉ ở trong chuyện kể mà là sự thật phơi bày ngay trước mắt.

Họ chuẩn bị kỹ càng cho trại nghỉ đêm. Người ta chặt những cây nhỏ đóng cọc cao đến sáu bộ tạo thành một hàng rào có đường kính mười lăm bộ. Như thường lệ, họ hạ kiệu xuống đất và hai cô gái sẽ ngủ trong đó. Họ ăn tối bằng thịt hai con linh dương mà René bắn được dọc đường, lấy máu cho lũ hổ con uống thay sữa. Cuối cùng, để xua đuổi những con thú hoang người ta đốt những đống lửa to và ăn tối bên trong. Ai cũng biết hàng rào cao sáu bảy bộ chưa thấm tháp gì trước cuộc tấn công của lũ hổ báo nhưng lửa có thể xua đuổi chúng ra xa.

So với ban ngày, đêm ấy yên tĩnh hơn: người ta vẫn thấy qua khe hàng rào những ánh mắt như không hòn than lửa ánh lên, người ta vẫn nghe ở chỗ nào đó những tiếng gầm khiến tim họ dựng đứng nhưng so với những gì họ thấy ban ngày thì đêm ấy vẫn bình yên. François và René lại chia nhau canh gác

còn hai con voi cũng can đảm chia phần canh của chúng.

Sáu giờ sáng hôm sau, mới người đã sẵn sàng lên đường. Hôm ấy là ngày họ phải đến chỗ ở của hai thiếu nữ. Họ chỉ còn phải trải qua một đoạn rừng không nhiều thú nguy hiểm nhưng lại có bọn sơn tặc rình rập. Sào huyệt của chúng ở trong núi thậm chí tận nơi con sông Pégou bắt nguồn. Chỗ trú ngụ của chúng khi bị săn đuổi khỏi đó là làng Tougoo. Mảnh đất của hai thiếu nữ ở phía những dãy núi đó và bên bờ sông Sittang, điều này mang lại giá trị cho mạch đất cửa sông Sittang, tức là nơi thông ra biển.

Sáu giờ sáng, sau bữa ăn nhẹ, mọi người tiếp tục lên đường. Lần này François và René trèo lên voi của họ. Dự tính có thể gặp lại cướp và phải chiến đấu để bảo vệ hai thiếu nữ khiến René lập một kế hoạch trong đó có phần tham gia của cả hai chú voi. René chắc chắn hai đồng minh này sẽ không bỏ rơi anh.

Đến mười một giờ, họ tìm được một chỗ thích hợp để nghỉ cho chặng thứ nhất. Đó là một chốn đổ nát của một cái làng từng bị bọn cướp tàn phá. Bọn này khi tấn công thương tập trung thành nhóm mười đến mười hai người rồi ò ạt xông từ vùng này đến vùng khác.

Vì đoàn người đã đến gần chỗ mà người ta e sẽ gặp cướp nên René chuẩn bị mọi phương tiện về vũ khí, anh là người ra lệnh khi có đụng độ. Tuy nhiên, một sự việc không ngờ tới đã xảy ra làm đảo lộn mọi tính toán.

Trong lúc mọi người đang ngồi nghỉ và mải ăn trưa thì họ nghe thấy tiếng súng cách đó chỉ nửa cây số: Hình như tiếng súng vang đến từ bên bờ sông Sittang. Hiển nhiên là đang có một đoàn người khác đang đánh nhau với bọn cướp. Ngay lập tức, René cho sáu người lên lưng voi, còn anh nhảy lên ngựa ra lệnh cho François trèo lên con ngựa kia và lao thẳng về phía cuộc đọ

súng.

Anh đến bên bờ sông và thấy một chiếc thuyền đang bị ba thuyền khác tấn công. Trên chiếc thuyền bị tấn công có hai người Anh, dấu hiệu nhận ra họ qua bộ trang phục màu đỏ và cầu vai màu vàng. Cùng họ còn có một nhóm mười đến mười hai người đàn ông nhưng cũng giống người của René, số này chỉ trang bị những cây giáo.

Ngược lại, bọn cướp đều có vài khẩu súng, trên mỗi thuyền có một tá người. Hai trong số ba thuyền ấy có nhiệm vụ áp sát con thuyền của người Anh, chiếc thứ ba đang ném hai cái xác chết xuống sông.

Sự thật là vũ khí của quân Anh tối tân hơn vũ khí cửa bọn cướp nhưng nếu không có cứu trợ, hai sĩ quan và đoàn người của họ sẽ bị thua về số lượng.

- Can đảm lên thuyền trưởng! - René kêu to bằng tiếng Anh rất chuẩn. - Tìm cách tiến lại phía chúng tôi. Kẻ nào gây chiến với ngài sẽ phải biến thành thây ma.

Lập tức hai phát súng vang lên, hai tên cướp gục xuống.

René chuyển súng hết đạn cho François rồi lấy khẩu khác. Lại hai tên cướp nữa ngã ra.

- Nạp đạn nữa đi - René nói với François và rút súng ngắn ở thắt lưng ra.

Một chiếc thuyền đã áp mạn được vào thuyền của sĩ quan Anh. Một tên cướp chuẩn bị nhảy sang thì phát súng lục của René đã buộc hắn phải ngã xuống sông.

Hai sĩ quan Anh thấy được cứu một cách lạ kỳ như vậy cũng vội nhả đạn bằng súng dài hai viên, ba tên cướp lại gục xuống.

Trong lúc ấy, một con voi cũng hiểu chuyện gì đang diễn ra. Nó xuống dòng sông mặc cho chúng đang chở hai người quản tượng và sáu người nữa. Vì đoạn sông không sâu nên nó dẫm chân lên một cái thuyền làm cái thuyền ấy chìm nghỉm. Những người trên đó ngã nhào xuống nước, voi còn lấy vòi phun nước, còn người thuộc đoàn của René dùng dao găm phi như phi ngọn giáo.

Có tiếp tế hai sĩ quan Anh như lấy lại sức mạnh mà họ gần như để mất. Họ lại tiếp tục nổ súng, có tự tin, họ bắn phát nào trúng phát đó. Chưa đầy mười phút, bọn cướp đã bị René, François, sĩ quan Anh, cả phần của chú voi, quân của René đánh cho thiệt hại hơn nửa. Chúng buộc phải vừa đánh vừa tháo lui.

Tên thủ lĩnh ra lệnh lui nhưng vừa dứt lời hắn đã lăn ra chết. Lập tức quân địch chạy toán loạn. Ba bốn phát đạn nữa đuổi theo chúng cũng hạ thêm ba bốn nạn nhân nữa. Thuyền Anh cập vào bờ, viên sĩ quan nhảy xuống đất được René kéo tay lên, anh nói:

- Thưa ngài, tôi lấy làm tiếc là không có ai giới thiệu mình và đành phải tự giới thiệu.

- Ngài ra mắt trong một hoàn cảnh mà ngài có thể được miễn mọi thủ tục - Người Anh nói với René và xiết tay anh. - Bây giờ, tôi có thể hỏi chúng ta đang ở đâu? Từ đây đến Rangoon House còn bao xa?

- Chỉ hai, ba dặm nữa là đến đất của tử tước Sainte-Hermine, và chưa đầy một phần tư dặm nữa là đến đoàn xe của tôi. Nếu ngài muốn đi cùng chúng tôi và kết thúc chuyến đi của mình bằng đường bộ, chúng ta sẽ cùng đến chỗ ngài tử tước. Tôi có thể để ngài chọn đi bằng voi hay bằng ngựa.

- Tôi sẽ đi ngựa - Viên sĩ quan đáp - Như thế không đòi hỏi quá nhiều. Tôi cũng cần nói thêm là tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương dũng cảm và bắn giỏi như vậy ở một nơi cách Tổ quốc năm nghìn dặm.

René cười thầm về đánh giá của viên sĩ quan, đưa ngựa của mình cho anh ta

và gọi François:

- François, hãy thu súng và vũ khí rồi đi cùng voi đến chỗ chúng tôi.

Rồi René nhảy lên con ngựa thứ hai, chỉ đường cho người Anh rồi lao đi. Chưa đầy 5 phút, họ đã đến chỗ đoàn nghỉ vẫn bình an vô sự. Chỉ có điều Jane lo lắng quá đến nỗi cô không thể ngồi yên trên kiệu. Cô cùng chị gái xuống đất, khi nghe tiếng ngựa, các cô đã tiến vài bước về phía kỵ sĩ.

Cả hai kỵ sĩ đều xuống ngựa, René dắt tay viên sĩ quan Anh đến chào tiểu thư Sainte-Hermine.

- Cô Hélène, - Anh nói - Hân hạnh giới thiệu với cô đây là ngài James Asplay.

Rồi anh quay lại phía người Anh:

- Ngài James Asplay, hân hạnh giới thiệu với ngài cô Hélène de Sainte-Hermine và cô Jane, em gái cô ấy.

Sau đó, anh bước đi vì không muốn quấy rầy những giây phút hội ngộ đầu tiên của họ.

Jane chào René bằng cái nhìn không thể diễn tả được, một chút sợ sệt lẫn biểu lộ dịu dàng của tình yêu rồi mới bước theo chị gái. Cô còn điều khiển được lời nói nhưng con tim và ánh mắt cô thì không tuân lệnh cô nữa. Mười phút sau, trong lúc René đang lau súng và nòng súng bằng chiếc khăn mùi xoa bằng vải lạnh thì James đến bên anh, nghiêng mình nói:

- Thưa ngài tôi không biết phải biết ơn ngài thế nào. Tiểu thư Hélène vừa kể tất cả cho tôi nghe, cô ấy còn nói thêm rằng cô ấy mong không phải sớm rời xa ngài.

René đến chỗ hai cô gái trẻ và hai tiếng sau, khi màn đêm bắt đầu buông xuống thì những tiếng chó sủa chào đón đoàn người đến lãnh địa của tử tước Sainte-Hermine cũng vang lên.

René hiểu nỗi đau buồn của hai thiếu nữ khi không có cỗ quan tài của cha họ. Trong ba ngày dài đến đây, cỗ quan tài ấy đã được một đoàn khác mang đi và sẽ đến Đất Trầu ba ngày sau khi người sống đến nơi.

Chú thích:

(1) bộ = 30cm

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 70
Gia đình người quản gia

Một tiếng rưỡi trôi qua, mọi người đã nhận ra họ sắp đến chỗ có nhiều người ở. Bằng cách quan sát những dấu vết để lại trên đường, người ta biết đó là dấu chân voi, trâu và ngựa.

Con đường này dẫn đến một cái rào chắn vừa làm cổng vừa dựa trên một cây cầu. Qua những thanh rào chắn, mọi người có thể thấy bóng dáng của nhiều mái nhà hai bên đường dẫn đến một căn nhà xây giống như nhà lãnh chúa trong một thành phố thu nhỏ. Điều gây ra tiếng ồn của bầy chó là René đã rút chiếc tù và đi sàn ra, ngồi trên kiệu và thổi điệu trở về giống như một người đi săn thực thụ.

Ngài James rùng mình. Từ khi xa nước Anh, chưa khi nào anh ta được nghe liệu lệnh mạnh mẽ như thế.

Không chỉ lũ chó chưa nghe tiếng động ấy bao giờ mà cả những dân cư ở đó, trừ những người từ nơi khác đến cũng không hiểu được khí nhạc gì vừa khuấy động màn đêm yên tĩnh, khuấy động không chỉ thói quen gầm rú của ác thú mà còn khiến lũ chó chạy khỏi chuồng khi mà chúng được tự do tháo khỏi xích trong lúc chủ chúng ăn tối tập trung vào thời điểm kết thúc một ngày.

Ngôi nhà như giật mình tỉnh giấc. Những cánh cửa mở ra, kêu kèn kẹt; một tá gia nhân đủ gốc gác: da đen, người Indu, người Trung Quốc xuất hiện, trong tay ai cũng cầm một cầy đuốc tẩm nhựa cây.

Một ông già tiến lên. Qua ánh sáng từ cây đuốc ông cầm trên tay, người ta có thể nhận ra đó là một ông lão khoảng 68 đến 70 tuổi ông ta có mái tóc bạc dài, chòm râu cũng bạc và có lẽ từ khi đến Ấn Độ, chúng chưa phải chạm đến kéo hay bàn cạo lần nào.

Đôi mắt to đen còn lanh lợi nấp dưới cặp lòng mày điểm bạc và rậm; dáng ông thẳng, đầu gối săn chắc. Ông dừng lại cách cửa mươi bước.

- Xin chào những người lạ muốn đến xin trú nhờ - ông ta nói - Nhưng trước khi mở cửa ngôi nhà không phải của tôi, xin được hỏi các vị là ai.

- Lẽ ra sẽ là cha tôi trả lời câu hỏi ấy của bác - Hélène đáp - Cầu chúa ban phước cho bác, bác Rémi Guillaume và cả gia đình bác.

- Ôi lạy Chúa! - ông già thốt lên - Có phải là các cô chủ trẻ mà tôi chưa từng được gặp đấy không? Tôi cứ sợ không được gặp các cô trước lúc nhắm mắt.

- Vâng, chúng tôi đây - Cả hai chị em đồng thanh nói.

Rồi Hélène nói tiếp:

- Bác hãy mở cửa nhanh lên. Chúng tôi quá mệt mỏi sau ba ngày dài trên đường. Chúng tôi mang đến những vị khách, họ còn mệt mỏi hơn chúng tôi nhiều.

Ông già chạy lại phía cổng kêu to.

- Lại đây giúp cha, Jules! Lại đây giúp cha, Bernard! Chúng ta hãy nhanh tay mở cửa cho các vị chủ nhân đáng kính của chúng ta.

Hai thanh niên trạc hai mươi hai đến hai mươi bốn tuổi, rất lực lưỡng chạy vội về phía cổng trong khi ông già tiếp tục kêu to:

- Adda, đi bảo Thứ sáu đốt cái lò lên, bảo Domigo cắt tiết những con gia cầm lớn nhất. Con cầm móc chưa, Bernard? Con xong chưa, Jules?

- Ồ! Bố cứ yên tâm - Hai chàng trai đáp - Chúng con xong rồi đây.

Hai chàng trai nhảy xuống ngựa đỡ Hélène và Jane xuống voi.

- Lạy chúa Jésus! - Rémi thốt lên khi nhìn thấy hai thiếu nữ - Những đứa trẻ mới xinh đẹp làm sao! Tên các cô là gì, hỡi những thiên thần đáng yêu của Chúa?

- Jane và Hélène xưng tên.

- Tiểu thư Hélène - ông già nòi - Cô thật giống ngài tử tước, cha mình, còn tiểu thư Jane, cô lại mang dáng vẻ của mẹ! Ôi những ông bà chủ kính mến - ông già nói tiếp với cái cúi đầu giấu đi giọt nước mắt trên mi - Tôi sẽ không bao giờ gặp các vị nữa! Tôi không bao giờ gặp lại các vị nữa rồi? Tôi không gặp các vị nữa? Nhưng mọi việc vẫn phải tiếp tục. Một ngày nọ, một người đưa tin ở Pégou mang đến một lá thư của cha các cô, những đứa trẻ yêu quý của tôi ạ? Cha các cô thông báo ông cùng các cô sắp đến. Trên thư có ghi "100 phăng cho người mang thư đến" và tôi đã đưa cho anh ta 200 phăng, 100 phăng của cha cô và 100 phăng nữa là tiền của tôi vì tôi hài lòng biết bao trước tin vui mà anh ta mang tới. Các cô sẽ thấy phòng của mình được chuẩn bị từ gần sáu tháng qua. Khi chưa có ai, những căn phòng đó trở nên trống vắng và trái tim tôi cũng trống rỗng. Lạy Chúa phù hộ! Các cô đây rồi, khoảng trống đã được lấp đầy rồi.

Ông già ngả mũ ra tay, dẫn đầu đoàn người đi về phía ngôi nhà lớn có những cánh cửa sổ vừa mở rộng. Mọi người vào một phòng ăn rộng được lót bằng gỗ mun và một loại gỗ keo vân vàng. Những tấm chiếu tinh xảo được dệt từ tay những phụ nữ da đen trong nhà trải trên sàn nhà. Một chiếc bàn kê sẵn đã phủ khăn trải bàn và khăn ăn dệt từ sợi cây lô hội. Đồ ăn bằng sứ màu sắc sặc sỡ mua ở đất Xiêm sáng lấp lánh trên bàn. Thìa và dĩa làm bằng gỗ cứng thay cho đồ kim loại. Những con dao ăn kiểu Anh mua ở Calcutta hoàn tất cho bộ đồ ăn ấy. Phải có lòng kiên nhẫn cộng với niềm đam mê mới tập hợp được những đồ vật khác nhau ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này.

Phần đồ đạc còn lại trong nhà như giường, tủ, gương, đồ phủ tường đều sản xuất từ Anh và mua ở Calcutta. Họ sang Ấn Độ và qua sông Hằng bằng

thuyền để mang những thứ vật dụng cần thiết thậm chí là xa xỉ về ngôi nhà lớn ấy.

Ông Rémi Guillaumelàm nghề thợ mộc. Bác cho các con mình mỗi đứa học một nghề. Một người cũng làm nghề mộc, một người làm nghề sắt còn cậu con trưởng làm nghề nông. Cậu con trai cuối cùng mà chúng ta chưa gặp có tên là Justin. Cậu này đang đi rình hổ: một con trâu của cậu đã bị một con hổ tha đi mất nhưng chưa kịp ăn. Cậu đang đi rình gần chỗ thịt còn lại của con trâu. Là một nông dân đồng thời cũng là một thợ săn, cậu là người cung cấp thực phẩm trong nhà. Trong trường hợp cần thiết, cả ba người con trai ấy nếu không là thợ săn cũng là lính phòng vệ nên họ bắn rất giỏi.

Từ khi nhận được lá thư thông báo cho ông Rémi biết tử tước và hai con gái sắp đến, chiếc bàn đã được kê và để nguyên như vậy phòng khi đoàn người có thể về bất cứ ngày hay đêm. Ngày nào người ta cũng cho lau đồ thủy tinh và đồ sứ.

Adda đưa hai cô gái về phòng của họ. Hai cô đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Các cô nghĩ sẽ thấy vài mái nhà tranh tre vách đất hay mấy túp mái rạ nhưng ngược lại, họ lại thấy một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi cần thiết.

Hai con trai của ông Rémi là Jules và Bernard đưa hai chàng trai trẻ về phòng của họ. Jules đã từng đi học ở Calcutta và biết nói tiếng Anh, được đặc cách chăm sóc bên thiếu uý. Còn Bernard chỉ biết tiếng Pháp, vài đặc ngữ Sumatra và bán đảo Mã Lai nên phục vụ René.

Cũng cần nói thêm rằng những từ như "chăm sóc" hay "phục vụ" ở đấy không mang hàm ý giống như hầu hạ. Trong những thanh niên có nhận thức về giá trị của họ này, có đôi chút lòng tự trọng bẩm sinh khiến họ mang dáng vẻ lịch sự với khách hơn là kiểu cách của gia đình. Ngay từ tối đầu tiên René và Bernard đã trở nên thân thiện. Chàng trai người Anh kia hơi kiêu căng một chút nên phải ít lâu mới hoà hợp với Jules.

Khoảng nửa tiếng sau, người ta thông báo cho những người mới đến bữa tối đã chuẩn bị xong.

Những người mới đến vào phòng ăn và nhận ra chỉ có bốn bộ đồ ăn được bày ra. Ông già hai con trai và cô con gái của ông đứng sát tường.

- Adda này - Hélène dịu dàng nói - Trừ anh trai cô đang đi săn, chúng ta còn thiếu bốn bộ đồ ăn nữa trên bàn.

Cô bé ngạc nhiên nhìn Hélène đáp:

- Thưa tiểu thư, tôi không hiểu.

- Một bộ cho cha cô - Hélène nói gần như ra lệnh - Đặt giữa bộ đồ ăn của tôi và em gái tôi, một bộ đặt giữa hai quý ông đây, một bên phải tôi và một bên trái em Jane cho hai anh trai có mặt của cô và bộ thứ năm cho người anh vắng mặt. Tôi chắc chắn rằng ngài René sẽ không phản đối khi để người bạn François cùng ăn với mình. Hôm nay, François đã giết chết một con hổ mà không hề sợ hãi, anh ấy xứng đáng tự hào như một tay thợ săn lão luyện. Theo ý tôi, một người đã giết được một con hổ đáng được ngồi vào mọi loại bàn, thậm chí là bàn của một bậc đế vương.

- Nhưng thưa tiểu thư, - ông già tiến lên nói - tại sao tiểu thư muốn xoá khoảng cách vẫn có giữa kẻ hầu và chủ nhân thế này? Cô muốn nói gì thì nói, chúng tôi sẽ không tuân lệnh đâu.

- Hỡi các bạn của tôi - Hélène nói - Giữa chúng ta làm gì có ai là chủ ai là đày tớ. Ít nhất cha tôi đã nhắc hai mươi lần như vậy. Khi chúng tôi đến trú nhờ ở chỗ bác, bác đã sẵn sàng đón tiếp. Chúng tôi không có ý định thay đổi giờ giấc hay thói quen của bác, nhưng tối nay hãy dành cho chúng tôi niềm vinh hạnh được ăn tối cùng mọi người.

- Vì tiểu thư đã nói như vậy, Adda, chúng ta vâng lệnh thôi - Rémi nói.

Rồi ông gõ một cái trống dùng để gọi người hầu: bốn người da đen xuất hiện.

- Tiểu thư hãy ra lệnh đi - ông Rémi nói với Hélène.

Hélène sai mang năm bộ đồ ăn và chỉ từng chỗ phải đặt chúng. Hai chị em Hélène dịch ghế để ông già ngồi vào giữa họ, hai con trai ông cũng lần lượt ngồi bên phải Hélène và bên trái Jane. Hai chàng trai cũng ngồi dịch ra, René lịch sự như một chàng trai Pháp thực thụ nhường ghế cho Adda.

Cuối cùng, họ cho gọi François. Sau vài câu từ chối cho phải phép, anh chàng này không chối nữa, can đảm ngồi vào chỗ dành cho người đi vắng.

Từ đó, người ta chuyển sang chú ý đến Adda vì sắc đẹp của cô chính hai chị em gái người Pháp cũng phải ngưỡng mộ.

Adda đẹp như thần vệ nữ người Indu với đôi mắt to đen láy, nước da bánh mật, mái tóc lượn sóng và đen như lông một con quạ đôi môi đỏ như màu đỏ của trái sơ-ri, hàm răng đều đẹp như ngọc, cánh tay và bàn tay đáng làm mẫu để tạc tượng. Cô mặc một bộ san bằng vải miền Belgale với những nếp gấp nhẹ nhàng khác xa với nếp giả tạo của các bộ váy châu Âu. Chiếc váy áo ấy như các nhà điêu khắc hay khoác lên những bức tượng cẩm thạch của họ. Trong cô có sự duyên dáng không chỉ thuộc về phụ nữ mà của cả thú hoang nữa. Ở cô vừa có cái vẻ của con thiên nga lại đượm chút dáng vẻ của con linh dương, kèm với nó là một dòng máu và tinh thần hoàn toàn Pháp. Tuy vậy chẳng có ai có ý định khen ngợi vẻ đẹp của Adda. Người ta chỉ ngắm nhìn cô vậy thôi.

Bốn người đày tớ da đen vừa dọn đi món thứ nhất thì những tiếng chó sủa rộ lên báo hiệu có người. Tất cả đều dừng lại.

Mọi người không cần để ý - ông Rémi nói - đó là Justin về đấy.

Tiếng chó sủa càng mạnh hơn. Hai em trai họ gật đầu với nhau.

- Cậu ấy đã giết chết con hổ à? - René hỏi.

- Đúng vậy - ông Rémi trả lời - Nó mang da con hổ về nên lũ chó mới sủa hăng đến thế.

Đúng lúc ấy, cửa phòng ăn mở ra, người anh cả trong số ba anh em trai, một thanh niên đẹp trai, vóc dáng như lực sĩ Héc-quyn, tóc và râu màu vàng xuất hiện trước ngưỡng cửa với chiếc áo choàng, một kiểu trang phục người Gô-Loa cổ dài đến đầu gối, ngang lưng thắt chiếc đai. Với tấm da hổ vắt ngang vai, nhìn anh ta giống quân giữ cờ thời cổ đại do Le Brun vẽ.

Sự xuất hiện thật lạ lùng và bất ngờ. Cảnh tượng ấy càng thêm hoang dã khi trên trán anh ta còn những giọt máu của con vật khiến ai cũng đứng dậy.

Còn anh chàng ấy chào mọi người từ ngoài cửa rồi tiến thẳng đến chỗ Hélène quỳ một gối xuống và nói với cô:

- Thưa tiểu thư hãy ưng thuận đặt tấm thảm này dưới chân của mình, tôi mong nó xứng đáng với tiểu thư.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 71
Thiên đường chốn trần gian

Vào năm 1780, tức là trước thời điểm đang nói đến 25 năm, tử tước Sainte-Hermine, thuyền trưởng tàu "Chiến thắng" đã được giao một nhiệm vụ đặc biệt giúp vua Pégou, người vừa giành được độc lập khỏi đế chế Ava. Mục đích của nhiệm vụ này là nhận trong vịnh Belgale, trên bờ biển phía tây của nhà nước quân chủ mới, bảy hay tám dặm đất giữa sông Métra và biển để xây dựng ở đây thành một vùng thuộc địa Pháp.

Vua Louis XVI đưa ra lời đề nghị này đổi lại sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc, thậm chí các kỹ sư Pháp để giúp nhà nước quân chủ mới này củng cố lực lượng.

Vua mới nắm quyền có hiệu là Mendéragée-Praune. Là một người thông minh, ông ta chấp nhận cắt đất đổi lấy một số tài sản trên, đồng thời muốn chứng tỏ lòng tận tụy của mình cho nước Pháp và dành sự mến mộ cho tử tước, đức vua cho ông chọn trong số phần đất đai rộng lớn chưa có dân cư sinh sống, một mảnh đất để xây dựng một khu buôn bán.

Tử tước Sainte-Hermine có một thợ mộc rất thông minh trên con tàu Chiến thắng, ông ta là con trai của người đầy tớ của cha ông.

Người thợ mộc ấy tên là Rémi. Có một cuốn sách ông đọc suốt đó là Robinson Crusoé. Ảnh hưởng của cuốn sách ấy mạnh đến nỗi mỗi khi họ ghé vào một hòn đảo hoang là Rémi lại xin tử tước Sainte-Hermine cho phép ông ta lên bờ mang súng hoả mai và thuốc súng rồi đi thám thính.

Tử tước Sainte-Hermine không hề có tài sản riêng, ông hiểu mảnh đất người ta tặng mình quý giá như thế nào nên đã quyết định nhận lời và đi một vòng tìm hiểu xem nên chọn chỗ nào cho thích hợp. Đây cũng là ý nguyện thoả tham vọng của Rémi.

Có lẽ họ cũng đã đi theo con đường tương tự chúng ta vừa thấy hai cô gái của tử tước mà một trong số hai cô có lẽ chưa ra đời hồi tử tước đi thăm dò, đã đi và họ đã đến mảnh đất mà vào năm 1805, nó có cái tên *Đất Trầu*.

Địa thế nơi đây rất đẹp. Tử tước đã đánh giá hết những lợi thế của nó. Qua dòng sông Pégou, họ có thể đi sang Rangoon và Xiêm, qua dòng Sittang đến đảo Mergui, qua dòng Tabaluayn có thể đến Maltaban và tất cả bờ biển phía tây Xiêm. Mảnh đất này có lẽ được thiên nhiên ưu đãi lắm. Đó là một bán

đảo hầu như được các hợp nhánh sông bao quanh. Đất này cũng từng được trồng thử một thứ cây nông nghiệp mà ở Ấn Độ vốn không mọc tự nhiên, đó là cây trầu. Ở đây, với những hạt cũ rụng, chỗ nào cũng thấy chúng mọc xanh tốt.

Tử tước Sainte-Hermine đã chọn chỗ đất này. Bán đảo ấy phải dài hai dặm, rộng một nửa hoặc một phần tư dặm. Tử tước vẽ một sơ đồ rất chính xác rồi nói với vua Pégou rằng nếu ông ta thật sự muốn thực hiện lời đã nói thì hãy hoàn thành tâm nguyện của tử tước theo bản vẽ ấy.

Tấm sơ đồ chiếm vị trí quá nhỏ trên giấy cũng như trên lãnh thổ đất nước nên nhà vua đồng ý ngay. Nhà vua triện giấy chuyển quyền sở hữu cho tử tước mảnh đất rộng ba dặm của mình.

Rémi đã theo sát cuộc thương lượng ấy với niềm thèm muốn cực độ. Khi giấy tờ được ký, tử tước gọi ông ta đến nhìn thẳng vào ông và nói:

- Này Rémi, tôi hy vọng bây giờ thì anh được hạnh phúc!

- Tôi vui sướng làm sao khi chỗ tài sản ấy đã đến tay ngài, thưa chỉ huy - Rémi đáp.

- Nhưng lúc này thì chỗ tài sản ấy chưa về tay tôi đâu.

- Sao lại như vậy?

Nói rồi Rémi bắt đầu hiểu, mặt đỏ bừng và người run lên.

- Ôi lạy Chúa? Thưa chỉ huy, sao có thể thế được? - ông ta kêu lên.

- Lạy Chúa, đúng thế, cậu sẽ chủ duy nhất của mảnh đất rộng lớn này vì cậu sẽ là đại diện của tôi. Tôi không thể nói trước khi nào mình sẽ trở lại hay liệu có trở lại đây không. Nếu tôi không đến đây, mảnh đất này sẽ không thuộc quyền con tôi, nó thuộc tất về cậu. Nếu tôi trở lại hay con tôi đến đây, chúng ta sẽ chia đôi lợi tức trước đó và lợi tức về sau. Tôi để lại cho cậu 5000 phăng, hai khẩu súng, ba thùng thuốc súng, ba trăm livre chì và tất cả đồ đạc của cậu. Cậu muốn mấy nô lệ, một, hai, hay bốn tôi sẽ để lại.

- Tôi không muốn ai cả - Rémi đáp - nhưng ngài cũng biết là dù bất cứ lúc nào ngài trở lại đây, không phải một phần tư hay một nửa thuộc về ngài mà toàn bộ là của ngài.

- Được rồi! - Tử tước nói - Chuyện đó sẽ tính sau.

Rồi ông bắt tay Rémi, để ông lại giữa lại cánh đồng nơi người thợ mộc định bụng sẽ chặt gỗ làm nhà. Khoảng 10 giờ sáng là lúc Rémi còn lại một mình trước Chúa, đối diện với thiên nhiên trù phú và đầy khắc nghiệt này. Ông nhìn quanh, cao ngạo tự nhủ: "Mình là vua của tất cả những thứ này!". Như thể đáp lại lời ông, một tiếng gầm vang dậy. Đó là tiếng con hổ muốn nói: "Được thôi, nếu ngươi là vua, ta sẽ là ông chủ xứ này".

Khi sở hữu đế chế mới của mình, Rémi đã lường trước những khó khăn như thế nên ông không sợ hãi lắm. Ông chọn một cành cây rà sát mặt đất và trước khi đêm xuống ông đã dựng quanh thân cây ấy một dạng như túp lều có thể tránh được những đợt tấn công đầu tiên của các loài ác thú. Dẫu sao ông vẫn dành một lỗ hổng phía trên cho phép mình có thể trèo lên cành cây cao hơn; trèo những cành cao, ông treo hai tấm ván rồi cài bẫy, gần đó ông đặt những khẩu súng đã nạp đạn dằn. Sau đó, ông cất chỗ thực phẩm mà tử tước đã để lại cho mình.

Rémi đang vô cùng sung sướng, đây là lần đầu ông được làm chủ chính mình. Giống như hoàng đế Auguste, ông cứ ngỡ mình đang làm chủ cả vũ trụ. Rémi đã quên bẵng tiếng gầm buổi sáng. Có cái gì động đậy cách chỗ ông sáu chục bước làm ông nhớ lại nó. Lập tức, vừa tiếp tục ăn, ánh mắt ông không rời đám cỏ lớn đang xao động.

Đó là một con báo không có may mắn được ăn trưa như ông, nó đang đi kiếm bữa trưa. Rémi không quen lắm với thói của loài thú này nên cứ yên tâm đứng ở cành đầu tiên còn tay bám vào cành thứ ba, mãi sau ông mới leo lên cao hơn. Khi đã đến chiếc ghế của mình, tức là cách mặt đất gần 25 bước thì ông ngồi lại yên tâm trong pháo đài kiên cố của mình.

Con báo đã đánh hơi thấy ông. Nó tiến lên, bụng trườn sát đất như một con mèo và giống một con mèo đang rình một chú chim. Cách cái cây khoảng hai chục bước, con báo lấy đà rồi nhảy phắt lên cây dưới Rémi chỉ hai mét.

Rémi dắt sẵn một cái rìu thợ mộc ở thắt lưng. Ông tận dụng lúc con báo đang với chân để bám vào thân cây. Ông chém mạnh và khéo léo lưỡi rìu cắt đứt một chân khiến cái chân rơi từ cành này sang cành khác rồi rơi xuống đất.

Con báo gầm rú vì đau đớn và tức giận, nó tiếp tục choài cái chân thứ hai, Rémi lại chém nhát nữa, không kém phần mạnh và khéo léo như lần đầu, gửi cái chân thứ hai xuống nằm cạnh cái chân thứ nhất.

Con báo lại gầm lên lần nữa và trong lúc mất thăng bằng, nó rơi bịch xuống mặt đất cách đó hai mươi bộ.

Ông Rémi cầm một trong năm khẩu súng của mình, không chờ cho con báo kịp chồm dậy sau cú ngã, ông bắn vỡ sọ nó. Sau đó ông nhảy xuống, dùng dao găm lột da treo lên một cái cây, đóng hai chân nó vào cửa như ông từng thấy những cái chân sói treo ở cửa rồi lại tiếp tục bữa ăn trưa của mình, bụng bảo dạ:

- Người ta cứ thổi phồng mọi chuyện bí hiểm. Khi chỉ đứng nhìn từ xa, còn khi lại gần thì đâu có chuyện gì?

Những con báo khác không dám bén mảng đến gần cái lều nữa. Chính lẽ đó mà cái lều dần dần được thay đổi hình dạng. Ban đầu nó chỉ là một đống bởi những cành cây cài buộc lại, những gần một tháng sau đã trở thành một pháo đài nhỏ kiên cố với những thân cây đẽo vuông khớp mộng với nhau. Một lớp ván xà rầm chắc chắn tạo thành cái kho có thể trèo lên bằng thang. Sáu tấm ván khớp với nhau tạo thành một chiếc giường dã chiến và một cái bàn có bốn chân chắc chắn.

Một buổi sáng, Rémi thấy một đoàn ngựa đến gần lều của mình. Ngài tử tước Sainte-Hermine đã đoán trước khi đến Pégou anh chàng đơn độc đáng thương của ông thiếu những gì. Ngài gửi ông ta thóc, lúa mì, ngô, một con

ngựa đực, một con ngựa cái, một con bò mẹ và một con bò con, một đôi lợn, một con gà trống và sáu con gà mái, một chú chó canh gác to lớn cùng ả bạn gái của nó và cuối cùng là đôi mèo. Tất cả đàn lũ ấy nhìn như đang đến cối xay để xay lúa mì vậy. Ban đầu Rémi đã hoảng hốt trước chỗ của cải ấy. Ông biết nhốt chúng ở đâu bây giờ? Thật may là ngài tử tước còn gửi thêm một chiếc cũi lớn có khoá và một lô những thứ Rémi không thể tìm ra ở nơi khỉ ho cò gáy ấy.

Tuy thế vẫn phải nghĩ đến chuyện dựng chuồng cho chúng. Ngay hôm đầu, lũ gà mái mới đến đã đẻ trứng.

Đoàn người chở hàng cho Rémi đã được tử tước trả tiền trước nhưng Rémi cũng đưa thêm cho họ vài *talks* gọi là tiền thưởng.

Sau ngày đoàn người ấy đi, Rémi thả các con vật vào đồng cỏ. Lũ chó, mèo nhanh chóng chấp nhận nghĩa vụ của loài vật nuôi trong nhà. Lũ chó nằm ngoài cửa còn đôi mèo leo lên nhà kho.

Cái kho ấy có dáng một pháo đài lắm, nào là chục khẩu súng thường nạp đạn sẵn, đặt ngay tầm với, nào là năm chục viên đạn sẵn sàng chờ đến lượt chúng hạ thủ đối phương. Từ nhà kho này, người ta có thể quan sát xung quanh, bắn từ mọi phía mà không bị lộ.

Những con vật còn lại nhảnh nha ra đồng cỏ, gà thì quanh quẩn gần nhà. Đến tối, theo bản năng, chúng lũ lượt kéo nhau về chuồng. Qua những tiếng gà kêu, tiếng chó sủa, người ta có thể đoán vài con hổ hay báo vẫn quanh quẩn đâu đó. Nhưng ngày cũng như đêm mọi việc vẫn bình yên.

Tuy thế, Rémi ly bắt đầu cảm thấy ngần ấy con vật, ngần ấy công việc là khá nhiều cho người đàn ông sống một mình: Đôi khi ông nghĩ rằng một người phụ nữ sẽ không phải là quá thừa cho mảnh đất sinh sôi này.

Một đêm, sau khi mải quay cuồng với những ám ảnh quen thuộc mà ông coi như những ám ảnh của quỷ thì Rémi chợt thức giấc trước lúc trời sáng một

tiếng vì có tiếng gà, tiếng chó sủa và cả những phát súng vang lên từ phía bờ sông.

Ông xách súng, nhét đầy đạn vào túi rồi theo lũ chó lao về phía bờ sông nơi có lẽ xảy ra cuộc đụng độ.

Vài xác chết nằm xõng soài bên bờ sông. Ba người đã tắt thở, chắc chắn họ bị bọn cướp theo dòng Sittang từ bờ biển nước Xiêm tấn công. Ông tìm quanh, cất tiếng gọi nhưng không có tiếng trả lời. Khi trời sáng hình như ông thấy một người đang quỳ gối, câm bặt, cứng đờ như một pho tượng.

Ông tiến lại gần, đó là một cô bé người Indu khoảng mười hai, mười ba tuổi đang quỳ bên một người đàn ông quãng bốn nhăm tuổi đã chết. Một viên đạn đã găm đúng ngực ông ta.

Từ hai tháng ở một mình chốn đèo heo hút gió này, Rémi với bộ râu ria xồm xoàm trông cũng không khác gì một tên cướp. Tuy nhiên, cô bé nhìn ông mà không tỏ ra sợ sệt. Cô chỉ vào người đàn ông đã chết, cúi xuống hôn lên đầu ông ta rồi bật khóc.

Rémi để vài phút cho cô bé trấn tĩnh qua đi rồi ra liệu cho cô bé đứng dậy đi theo mình. Cô bé đứng lên, kêu to ba tiếng nhưng không có ai đáp lại. Thế là với sự duyên dáng trẻ trung cộng với vẻ tự nhiên hoang dã, cô ngả đầu vào vai Rémi bước đi cùng nhịp với ông. Khoảng mười lăm phút sau, họ đã đến bờ dậu.

Từ xa, lũ vật đã chạy ra cổng bày tỏ những cơ chỉ thân thiện rồi rẽ ra cho họ đi qua. Chó sủa, lợn ủn ỉn, bò rống, ngựa hí, mèo kêu meo meo, gà trống gáy vang. Cô bé bước vào chốn thiên đường cõi trần trong sự chào đón của loài vật mỗi con một kiểu.

Chỉ duy nhất người đàn ông là không nói gì, nhưng khi mở cửa nhà mình, trái tim của ông đã đập rộn ràng như chưa bao giờ được đập.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 72
Mảnh đất khai hoang

Rémi ôm vài bó cây giống như cây dương xỉ, thứ cây mọc rất nhiều quanh nhà, mang tên nhà kho căng lên phía trên tấm da báo, làm thêm cầu thang và nhà kho trở thành phòng của cô Ève mới đến.
Rémi ngắm nhìn cô gái Miến Điện như thể ông chưa từng nhìn bao giờ và ông thấy cô thật duyên dáng: Cô mặc một chiếc váy dài màu thiên thạch, thắt ngang bụng bằng một dải thêu bằng lụa, cổ áo và cổ tay áo đều thêu viền, đôi giày tết bằng rơm ôm lấy đôi chân trẻ con, hai bàn tay để trần và nước da sẫm hơn da trên mặt. Đôi mắt thông minh nhìn Rémi đầy biết ơn và như muốn nói "Bất hạnh đã đưa tôi đến với ông, tôi có thể làm gì cho ông đây?".
Về phần mình, Rémi làm mọi thứ để giúp cô bé khuây khoả nỗi đau, họ nhanh chóng học được những từ cần thiết trong giao tiếp hàng ngày hoặc sang tiếng Pháp hoặc sang tiếng Miến.
Có lẽ cô bé này sống trong một bộ tộc làm nghề nông vì cô biết chăm sóc lũ vật rất khéo. Cô nói con lợn đực và vợ nó phải được nhốt riêng, thế là ngay hôm đó, một chuồng mới được dựng riêng. Con bò con đã lớn, không cần bú mẹ nữa nhưng vì háu ăn hoặc vì lười biếng mà nó vẫn quấn lấy mẹ. Cô bé dùng một loại cỏ đan thành chiếc sọt chắc chắn đến độ có thể đựng được sữa giống như cấp vại bằng gỗ hay bằng sành. Cô thu trứng gà, chia ra thành gà đẻ và gà ấp giúp cho trong nhà luôn có trứng ăn lại có gà con ra bới thức ăn quanh nhà.
Tuy nhiên, một phát hiện quan trọng mà cô bé tìm ra đó là loại cây trầu, một thứ cây, một thứ cây leo mọc khắp nơi. Cô cũng biết trồng ngô và lúa mì. Cô hướng dẫn Rémi cách tra ngô và gieo hạt lúa mì.
Rémi rất yêu thích những công việc mới ấy. Ông cũng đóng một chiếc cối xay và dạy cô làm bánh. Nhờ bơ và pho mát cô thu được từ lượng sữa khá nhiều, cuộc sống ngày càng sung túc hơn.
Ngoài ra cô gái còn biết đan lưới bằng sợi cây lô hội, làm thành một loài công cụ bắt cá cung cấp thêm thực phẩm cho họ. Cuối cùng, một hôm Rémi nhận ra công việc trang trại không thể phát triển thêm mà không có người làm. Vậy là ông quyết định đi Toungoo, nơi cách đó mười lăm dặm, để xem có thể mua ở đó vài nô lệ hay thuê mấy người làm hay không. Mặt khác ông cũng muốn biết liệu có thu lợi gì từ chỗ trầu mà Ève chuẩn bị cộng với số

lượng đáng kể ông có thể cung cấp như mong muốn hàng năm.
Một buổi sáng, thay vì thả ngựa, họ buộc yên cương và Rémi trèo lên. Lập tức con ngựa cái cứ đòi đi theo. Họ cũng buộc yên cương cho nó rồi mở cổng hàng rào. Nhưng Ève đứng chặn ở đó, giang tay ra chực khóc, trong số những từ bằng tiếng Pháp cô biết cô nhắc đi nhắc lại:
- Với ông, với ông, với ông.
Rémi cũng rất phiền lòng khi phải để Ève ở lại một mình trong hai ba ngày. Ông sợ trong lúc ông vắng mặt sẽ có điều không may xảy ra cho cô bé. Nếu bị tấn công, Ève không thể tự bảo vệ trong một túp lều đơn sơ. Vả lại nếu phải mất một trong hai, ông thà để mất ngôi nhà và lũ vật nuôi hơn là để mất Ève.
Thế là họ giấu súng và thuốc súng, những thứ mà Rémi cho là quý nhất vào một cái hố. Còn về đám vật nuôi thì không phải lo, chúng có thói quen tự kiếm được đồ ăn vì phần số đều là thú ăn cỏ ông cũng mang theo hai mươi lăm đồng louis vàng trong kho của cải của mình.
Cuối cùng, không còn vướng bận gì nữa, ông giao lại điền sản nho nhỏ của mình vào bàn tay canh gác của Chúa. Rémi có một cái la bàn, nhờ nó ông có thể định hướng về Toungoo. Họ chủ phải vượt qua một nhánh của dòng sông Sittang. Rémi muốn tìm chỗ nông để lội qua nhưng cô bạn gái của ông ra hiệu không cần vì cô biết bơi. Hai người tiến lại gần bờ nắm tay nhau rồi thúc ngựa lội xuống nước.
Ngay tối hôm ấy, họ đã đến Toungoo.
Đến đây, Ève càng thấy rõ tầm quan trọng với ông. Cô biết nói tiếng Miến nên làm phiên dịch cho ông rồi nhắc ông mua nhiều thứ vật dụng mà trong chốc lát ông quên mất.
Nhưng thứ có giá trị lại là cây trầu, nó giúp ông trao đổi đủ loại thực phẩm. Người mua còn cam đoan sẽ mua hết số hàng cô bé chuẩn bị trong ba tháng tới. Lần sau, họ không cần phải đến chợ vì người buôn sẽ tự đến trang trại, nơi mà từ đó mang cái tên Đất Trầu.
Họ mua thêm hai người đàn ông và hai phụ nữ da đen, thuê hai thanh niên quen việc trồng lúa, hai phụ nữ để giúp Ève chăm sóc súc vật và trồng trọt cây trầu.
Cuối cùng, họ mua hai con trâu đực và dĩ nhiên cả một con trâu cái để kéo một công cụ giống cái cày do Rémi chế tạo gồm một mảnh gỗ tếch có gắn với một lưỡi bằng sắt.
Chặng đường về nhà mất ba ngày vì đoàn người và vật không theo kịp bước hai con ngựa. Lần vượt sông thật may mắn là không gặp rủi ro nào. Cuối cùng, họ cũng về đến túp lều bé xíu.
Vừa nhận ra chủ, hai con chó đực và chó cái đã lao ra dẫn đầu cả đoàn súc vật ngoại trừ con gà trống đang đứng trên hàng rào, lũ gà mái mải đưa con đi

tìm mồi và hai con mèo canh hai bên cửa uy nghiêm như những vị thần. Trong lúc chủ vắng nhà, trong ngoài vẫn bình yên vô sự. Rémi nhận thấy mọi chuyện suôn sẻ trong chuyến đi quá nên giang tay định tạ ơn trời thì Ève lại tưởng ông giang tay vì mình nên sà vào đó rất vô tư. Rémi ôm cô vào lòng, và lần đầu tiên đôi môi họ trao cho nhau một nụ hôn.
Kể từ đó, thói ghét người của Rémi biến mất, ông không đọc cuốn sách Robinson nữa và dấu tích duy nhất còn lại trong nhà là một trong hai người đàn ông da đen mua về mang cái tên Thứ Sáu.
Cũng kể từ đó, công việc được phân công rõ ràng, ai vào việc nấy và ngày tháng đều đặn trôi đi.
Bằng tài khéo léo của mình, Rémi đã hoàn tất việc cày đất, ông cho mấy con trâu cày hơn chục mẫu đất để gieo hạt. Cày xong thì bừa cũng không khó, chẳng bao lâu lúa mì đã nảy mầm.
Một trong hai thanh niên mà ông thuê về để giúp ông làm đất đã tìm được một khoảng đất sình lầy, anh ta khơi một con lạch dẫn nước để cấy lúa ở đó. Người thanh niên thứ hai chuyên săn bắn và đánh cá chịu trách nhiệm lo thực phẩm trong nhà nhưng vì thú săn và cá nhiều và dễ bắt nên phần lớn thời gian anh ta giúp các chị da đen trồng và chăm sóc cây trầu làm chúng lớn nhanh hơn mức Rémi tưởng tượng.
Chỉ một chị da đen và Ève là đủ cho việc chăn nuôi và làm việc nhà. Nhờ sự trợ giúp nhân lực mới này, cái mảnh đất vỡ hoang đã mang một dáng dấp mới. Những công nhân xong việc không phải làm gì cả vì sau công việc họ được nuôi ăn và đối xử như những người phục vụ chứ không phải như những nô lệ. Từ sớm tới tối, khuôn mặt ai cũng tươi rói rạng rỡ chỉ trừ ông chủ Rémi. Ông ta không còn ghét người nữa, và ông còn mắc căn bệnh tệ hơn, ông đang yêu.
Về phần Ève, cô cũng yêu ông bằng cả trái tim và trọn lòng thơ ngây trinh bạch. Nhưng chính sự vội vã ấy lại là nhát dao xuyên vào trái tim ông: Giá Ève đừng yêu ông, giá cô đừng nói với ông thì ông còn đủ sức một mình cưỡng lại tình yêu của mình nhưng cả tình yêu của hai người cộng lại thì tình cảm ấy vượt quá sức của ông.
Có lẽ một câu hỏi sẽ xuất hiện trên đôi môi độc giả của tôi: "Tại sao?".
Tôi sẽ đáp ngay trước khi câu hỏi ấy dứt: bởi vì Rémi, một người đàn ông đứng đắn, một con chiên ngoan đạo, con trai hợp pháp của Mathunn Rémi và Claudine Perrot không bao giờ muốn sinh một cậu con trai đầu lòng lại có nguồn gốc lạc đạo.
Đây là cuộc chiến giằng co giữa ý muốn và ý thức, nhưng rồi một buổi tối, lũ chó sủa không phải vì giận dữ như khi báo có nguy hiểm mà nhẹ nhàng như thông báo có một người bạn đến nhà. Rémi ra mở cửa. Người gõ cửa đúng là một người anh em.

- Đó là một thày tu người Pháp đang đi truyền đạo Thiên chúa ở Trung Quốc.
- Xin chào mừng cha hai lần, cha của con! - ông Rémi sung sướng - Vì chắc chắn cha sẽ mang đến cho chúng con nhiều hơn thứ mà không bao giờ chúng con có thể mang lại cho cha.
- Ta có thể mang được điều kỳ diệu nào đến với các con của ta thế? - Người của Chúa hỏi.
- Cha sẽ mang đến cho cô gái này sự giải thoát và mang hạnh phúc đến với con. Cô ấy là người ngoại đạo, tối nay cha sẽ rửa tội cho cô ấy, con yêu cô ấy và ngày mai, cha sẽ làm lễ thành hôn cho chúng con.
Các nghi thức nhập đạo cũng không lâu. Người ta hỏi liệu cô gái có thừa nhận Chúa nào khác ngoài Chúa của Rémi không, cô trả lời là không. Người ta lại hỏi cô có muốn sống và chết trong cùng đạo với Rémi không, cô đáp là có.
Ngay tối hôm ấy, Rémi thông báo hôm sau là ngày lễ, không ai phải làm việc.
Cuối cùng, ông đưa cha xứ đến một quả đồi, trên đỉnh có dựng một cây thánh giá nơi sớm tối Rémi vẫn đến cầu nguyện.
- Thưa cha - ông nói với người của Chúa - Đây là nơi ngày mai cho sẽ ban phúc cho chúng con, và con xin hứa trước một năm kể từ ngày cha ban phúc, nơi đây sẽ được dựng một nhà thờ.
Ngày hôm sau, trước sự chứng kiến của hai phụ nữ và hai người đàn ông da đen cùng với hai chàng trai Pégou, Rémi và Ève tổ chức hôn lễ.
Như vậy lễ rửa tội diễn ra trước lễ cưới quá nhanh, đến nỗi được hiểu quá ít về tôn giáo của chúng ta, về không kịp xưng tội thậm chí không suy nghĩ gì.
Cũng ngay hôm cưới, cha cố theo tục lệ xưa sau khi ban phúc cho ông chủ, bà chủ, những người phục vụ các con vật nuôi và ngôi nhà, đã lên đường.
Loài vật trong nhà chẳng cần phải đợi lời ban phúc mới sinh đàn đẻ đống.
Con bê con đã thành một anh chàng bò mộng một tuổi con trâu cái cũng sinh một con nghé con, con ngựa cái đẻ một con ngựa con, gia đình nhà mèo đã có sáu thành viên, nhà chó cũng mau mắn với mười con, còn nhà lợn thì đông không đếm nổi, thậm chí những con lợn con thả rông còn có nguy cơ trở thành lợn rừng.
Thời điểm lái buôn phải đến đã tới: ông ta đến cùng đôi ba người cùng hội, những người yên tâm về sản lượng hàng năm mà mảnh Đất Trầu mang lại.
Họ đưa ra giá hợp lý, nhưng vì mảnh đất cho thu hoạch gấp ba lần sản lượng người ta mong đợi nên kết quả là Rémi không chỉ kiếm được chín nghìn talks từ dinh cơ nho nhỏ của mình vì các thương lái khác biết trước đây là vụ làm ăn lớn nên cũng mang theo đầy những thỏi vàng nhỏ dùng để trao đổi ở Miến Điện.

Những người buôn đề nghị Rémi: họ cam kết trả mỗi năm một khoảng 15 nghìn talks trong đó 12 nghìn cho trầu và phần còn lại cho ngô, lúa và lúa mì. Nếu mùa màng thất bát, Rémi sẽ dùng trầu thế cho những thứ thiếu. Họ còn hứa sẽ gửi thêm hai con trâu, bốn đàn ông, hai phụ nữ da đen và hai người Pégou trong đó hai người Pégou một là thợ sắt, một là thợ mộc.
Chín tháng vài ngày sau hôm vị cha cố dòng Tên nọ ra đi, Ève sinh được một cậu con trai tên là Justin. Một chị da đen làm bà đỡ đã hoàn thành xuất sắc công việc ấy.
Chính trong giáo đường dựng trên đồi nơi Rémi từng kết hôn ông đã tự tay làm lễ rửa tội cho đứa con đầu lòng của mình, có lẽ việc giữ lời hứa đã mang lại hạnh phúc cho ông, hai năm sau, hai cậu con trai khác lần lượt ra đời với cái tên Jules và Bernard.
Ba năm sau nữa là cô con gái đến lượt mình mang tên Adda.
Đồng thời mảnh đất tiếp tục được khai hoang, hơn một dặm đất đã được trồng trọt. Số người phục vụ và số nô lệ trong nhà đã lên đến mười tám người, chưa kể hơn một chục trẻ lai đủ độ tuổi, đứa bé nhất còn chưa đầy năm, suốt ngày chơi cùng bày chó con, mèo con hay chạy theo lũ gà.
Cậu con trưởng của ông Rémi chuyên về trồng trọt, đánh cá và săn bắn. Cậu thứ hai, Bernard học tại nhà ông thầy làm khoá còn cậu thứ ba, Jules, học thợ nề.
Có lẽ không cần phải tiếp tục kể về mảnh đất không ngừng sinh sôi này, tuy vậy còn một điều đáng nói đó là những túp lều ấy đã trở thành quá bé nhỏ nên ông Rémi quyết định thay bằng việc xây một ngôi nhà lớn sau này sẽ là nhà của ngài tử tước, xung quanh đó là những ngôi nhà nhỏ hơn sẽ là nhà của ông Rémi và tất cả các nhân công, đày tớ trong nhà.
Ông Rémi vẽ sơ đồ ngôi nhà của ngài tử tước và như thế đó là người mọi người mong chờ nhất nên ai cũng bắt tay tham gia xây dựng: hai cậu con trai của ông Rémi đã đủ khéo léo để làm việc cùng như người thợ nề và thợ cơ khí ông Rémi cũng trổ tài dựng cột, xà, những trạm khắc xà, mái hiên. Rồi trong khi Ève dệt những tấm thảm trang trí nội thất bằng sợi mua từ Prome, Pégou và thậm chí ở Calcutta thì mọi người lo xây nốt phần làng còn lại gồm không dưới mười tám ngôi nhà.
Phải mất hai năm mới hoàn thành công việc, nhưng vì trang trại luôn phát triển nên người ta thu về từ 15 đến 18 nghìn talks tương đương với 60 nghìn phăng. Bằng số tiền ấy, công việc tiến triển nhanh hơn mức mọi người mong đợi.
Ba người con lớn của ông Rémi đã trở thành những chàng trai trẻ đẹp cường tráng, cả ba đều là những thiện xạ. Hai lần mảnh đất khai hoang của họ bị bọn cướp tấn công nhưng nhờ bốn lô cốt bốn góc làng nên bọn cướp đành ra về với bàn tay trắng.

Đặc biệt Justin trở thành mối kinh hoàng cho bọn cướp và cả các loài ác thú nữa. Nếu nghe nói ở hai ba dặm quanh đó có một con hổ hay báo là y như rằng Justin vác súng lên vai, dắt chiếc rìu của cho lên đường và chỉ trở về khi con hổ hay con báo ấy đã chết.
Khi anh bước vào phòng ăn với tấm da hổ trên đầu và vai, gặp những người mà anh chờ rất lâu đó là con hổ thứ 11 bị anh hạ.
Một năm trước, đã có sự bất hạnh lớn đổ xuống ngôi nhà xinh đẹp, một mất mát cho tất cả người làm và nô lệ trong trang trại, đó là vợ của ông Rémi, mẹ của ba chàng trai trẻ đẹp và cô gái xinh xắn đã qua đời.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 73
Lễ tang của tử tước Sainte-Hermine

Bây giờ chúng ta đã biết điền sản của tử tước Sainte-Hermine đã sinh sôi, phát triển như thế nào trên Đất Trầu, chúng ta có thể quay trở lại với câu chuyện hiện tại.
Có lẽ tôi không cần giải thích với các bạn độc giả tác động đến hai cô gái trẻ người Pháp, ngài James Asplay và René về một gia đình phục quyền đã thay đổi những phong tục của người A Rập từ thời Kinh thánh hồi đầu thế kỷ XX như thế nào.
Thánh Abraham có lẽ cũng không sùng đạo hơn Rémi, Rébécca có lẽ cũng không đẹp hơn Adda, thánh David và Jonathan có lẽ cũng không tự hào hơn Bernard và Jules, cuối cùng Samson, người xé con hổ bằng cách cầm hai hàm của nó e cũng không gan dạ và dũng cảm hơn Justin.
Khi hai cô gái trở lại phòng mình, hai chàng trai trẻ về phòng của họ, tất cả đều ngạc nhiên trước những gì họ thấy và đều nghiêng mình trước sự vĩ đại khiêm nhường ấy.

Ngày hôm sau, khi Adda đến hỏi hai cô ngủ có thoải mái không và liệu họ có cho phép cha cô đến gặp hai cô chủ trẻ không thì các cô đều trả lời đồng ý. Ông già bước những bước chậm rãi, chắc chắn vào phòng hai cô, tay cầm một cuốn sổ nhỏ để báo cáo.
- Thưa hai tiểu thư, - ông nói - Việc đầu tiên phải làm giữa chủ nợ và người nợ sau hai mươi năm không gặp, đó là người nợ đến nộp tiền nợ của mình.
Hai cô gái ngạc nhiên nhìn nhau.
- Cha chúng tôi chưa bao giờ nhắc đến chuyện này - Hélène nói - Nếu có thì bác là chủ nợ chứ không phải cha tôi, trong trường hợp ấy, việc chúng tôi phải làm là bán chỗ ở này và chia đôi với bác.
Ông Rémi bật cười.
- Tôi không thể chấp nhận điều kiện như thế thưa tiểu thư, như thế là bán sự phục vụ thấp kém của tôi cho ông chủ với giá cắt cổ rồi. Không, thưa tiểu thư, nếu các cô không mệt, hãy đi cùng tôi để tận mắt nhìn chỗ của cải của mình. Nếu các cô cho là sự hiện diện của hai người kia cần thiết tôi sẽ rất vui lòng báo cáo trước càng đông nhân chứng càng tốt.
Hai chị em nhìn nhau và đồng ý là chuyện này chỉ nên biết giữa họ.
- Chúng tôi sẽ đi một mình. - Hélène đáp - Xin bác hãy dẫn đường.

Ông già tiến lên trước họ vài bước, mở một cánh cửa nhỏ và ra hiệu cho hai cô gái bước vào. Đây là căn phòng nhỏ duy nhất trong nhà được xây bằng đá có thanh chấn sỏng bằng sắt ngoài của sổ. Đồ đạc bên trong chỉ có hai chiếc thùng sắt, một cái cao một bộ, một cái cao ba bộ, mỗi thùng được gắn vào tường bằng hai cái xích sắt bao bằng đầu người dựa trên hai thanh sắt gắn vào tường bằng hai vòng tròn sắt.

Ông già rút chìa mở một khoá cho phép mở nắp thùng. Chiếc nắp mở ra trước con mắt kinh ngạc của Hélène và cô em gái với một lượng vô số những thoi vàng nhỏ bằng ngón tay út. Hai chị em ôm nhau vừa nhìn nhau ngạc nhiên.
- Thưa các cô ông già nói - Trong thùng này phải có hơn một triệu.
Hai cô gái rùng mình.
- Nhưng chúng là của ai? Không thể là của chúng tôi được - Hélène nói.
- Tuy nhiên đây hoàn toàn là sự thật - ông già đáp - Gần hai mươi năm qua tôi đã điều hành số tài sản này cho nó sinh lời, đến 50 hay 55 nghìn phăng thì tôi không đếm nữa, lẽ ra phải cân đong đo đếm cẩn thận nhưng trừ những chi phí ăn ở chắc phải còn gần 900 nghìn phăng.
Hai cô thiếu nữ lại nhìn nhau.

Ông già rút chìa thứ hai trong túi mở một chiếc thùng nhỏ hơn được cất giữ không kém phần chắc chắn so với chiếc thùng trước. Chiếc thùng này đựng một nửa đầy đá rubi, hồng ngọc, saphia, ngọc bích, vàng thoi, đá quý, những thứ dùng làm tiền tệ ở Miến Điện. Ông già thọc tay đến đáy hòm rồi thò xuống một dòng vàng bạc sáng lấp loá.
- Đây là cái gì? - Hélène hỏi - Bác tìm thấy kho báu của Haroun Al-Rachid à?
- Không - ông già đáp - Nhưng tôi nghĩ rằng vàng có giá trị khắp nơi chỉ dựa vào trọng lượng của nó trong khi số đá quý này dù thế nào cũng đắt gấp đôi nếu bán ở Pháp. Ở đây, chỗ này giá gần 300 nghìn phăng.
- Bác định đưa chuyện này đến đâu? - Hélène mỉm cười hỏi.
- Tôi muốn thông báo cho các cô chủ yêu mến của mình rằng không những mảnh đất này, những con người này, súc vật, mùa màng thuộc về các cô mà ngay cả số vàng và đá quý này cũng thuộc về các cô.
- Người bạn tốt của tôi - Hélène nói - Tôi có nghe nói đến thoả thuận giữa bác và cha tôi: "Rémi vì anh muốn ở lại đây, tôi sẽ để anh ở lại, hãy xây dựng một nơi chốn để giữ liên lạc giữa điều kiện ít ỏi tôi có thể để cho anh, chừng nào tôi hay ai đó trong gia đình trở lại đây, anh sẽ chia đôi anh và tôi". Tôi thật bất hạnh là người thừa kế đến nhân danh cha để đòi phần chia ấy với bác, bác Rémi yêu quý ạ: một nửa của tất cả những gì của bác sẽ là

của tôi và em Jane nhưng nửa kia sẽ phải là của bác.
Những giọt nước mắt lăn dài trên má ông già.
- Không! - ông nói - Không, có thể ý ông chủ không nói như thế hoặc khi nói như thế với tôi, ông không nghĩ mảnh đất này lại thịnh vượng như vậy. Hãy nghĩ chúng tôi chỉ là những trang phục nghèo khó, quá sung sướng khi được các cô giữ lại tiếp tục cho kiếp sống và phục vụ mọi người nếu các cô đảm bảo cho con cháu tôi cũng được như cha ông chúng.
Hélène nhìn thẳng vào ông Rémi bằng ánh mắt nghiêm nghị.
- Bác Rémi, bác quên là mình đã quá rộng rãi với chúng tôi và tỏ ra bất công với con của mình hay sao. Các con bác đã làm việc như bác, thành quả chưa lâu bằng bác nhưng đã làm hết sức vì số tài sản chung của chúng ta, như vậy tôi phải là người chịu trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn quyền của họ chứ!
Ông Rémi định nài nỉ nữa nhưng lúc đó đã có báo hiệu đến giờ ăn trưa, đó là ba tiếng kẻng Trung Quốc thông báo bàn ăn đã dọn sẵn.

Hélène đưa Jane ra trước rồi khoác tay ông Rémi. Ông Rémi khoá cửa lại và cả ba đi xuống.
Chưa bao giờ bàn ăn của bậc vua chúa cũng được thịnh soạn hơn thế: nào là những con công Ấn Độ, những con gà lôi vàng Trung Quốc hay những con gà Miến Điện bày la liệt trên bàn. Về món tráng miệng, mọi loại quả ngon nhất đều có: Xoài, ổi, chuối ngự, dứa, sầu riêng, mít. Đồ uống thì không có gì khác ngoài vang đỏ và rượu bưởi. Những thức uống này được chôn rất sâu trong lòng đất nên tươi và mát như đồ uống có đá vậy.

Vì trong khu dân cư không có vườn cây ăn quả nên tối hôm trước ba anh em đã đi hái quả ven vùng đất hoang. Justin đi ngược dòng sông đến hai dặm để tìm vải, thứ chỉ mọc ở ven sông và nhận ra trong rừng rậm bên bờ dòng Sittang có dấu vết của nhiều hổ.

Tin tức này làm năm chàng trai hưng phấn lên, họ quyết định vài ngày tới sẽ tổ chức một cuộc đi săn cùng với để các cô gái cũng có thể đi cùng các thợ săn.
Chính Jane là người đưa ra đề xuất ấy và được đa số ủng hộ. Chỉ duy Hélène nhìn em buồn bã lầm bẩm:
- Tội nghiệp em gái.
Thật ra Jane đâu có bạo gan đến thế, nhưng không có gì đáng sợ hơn là để René đi một mình trong chuyến săn khủng khiếp ấy giữa những rình rập đáng sợ ba bốn ngày không gặp anh.

René cố gắng thuyết phục cô những anh chỉ làm cô gái thêm buồn mà không

thay đổi được. Thế là Hélène quyết định rời cuộc đi săn ấy vào một thời điểm khác. Mọi người đang từng ngày chờ thi thể của tử tước và tang lễ phải được cờ hành trước khi người nào nghĩ đến chuyện vui chơi.

Khi rời bàn, Hélène gọi ngài James và René đến, kể cho họ nghe chuyện gì vừa xảy ra giữa họ và ông già và mặc dù ông già nài nỉ nhưng cô vẫn yêu cầu điều kiện giữa ông và cha cô phải được thực hiện ra sao. Cả hai cùng đồng tình với quyết định của cô gái trẻ.
- Như vậy - Hélène tươi cười nói - bây giờ nhân lúc em tôi không nghe được chúng ta nói gì, vậy là Jane cũng trở thành người thừa kế thì dù ở nơi vắng vẻ này cô ấy cũng không khó tìm được một đấng phu quân.
- Nhưng cô ấy cũng cần thận trọng như nàng, Hélène yêu quý của tôi. - James nói - và nên dẫn cho cô ấy một anh chàng người châu Âu.
Những con mắt đổ dồn về René nhưng chàng trai trẻ không lay động, chỉ một nụ cười buồn thoáng hiện trên môi.

Đúng lúc đó, sự chú ý của họ bị cuốn đi bởi một công việc do ba anh em con ông Rémi thực hiện: Dưới bóng một cây bao báp tuyệt đẹp, họ đào một chiếc bể với ý định sẽ dẫn nước từ sông vào. Dòng nước cuộn lại trong bể sâu sẽ làm thành một phòng tắm tuyệt vời cho các cô gái. Họ chỉ cần đi ra khỏi nhà một trăm bước là có thể đến bồn tắm. Vậy là mọi công việc của gia đình đều vì mục đích tốt đẹp cho những vị khách của họ.

Lúc trở lại ngôi nhà, ba chàng trai bắt gặp Jane đang ngồi bên bậc cửa mắt lơ đãng nhìn Adda chải lông cho hai con ngựa nòi Miến Điện. Chúng được dành cho Hélène và Jane đi dạo.
Ở Pégou có hai giống ngựa rất khác nhau. Ngựa ở miền hạ lưu Pégou, sinh ra trong miền đất ngập nước và sình lầy trải dài từ Arakan đến tận Tenassenm. Chừng nào người ta còn ở miền châu thổ này chừng đó người ta chỉ thấy những con ngựa nhỏ thô kệch và yếu nhưng khi lên miền đất khô Henzad, người ta sẽ thấy nòi ngựa nhỏ nhưng dáng đẹp và dai sức.

Vả lại ở Miến Điện, ngựa là phương tiện di chuyển của các bậc chức cao vọng trọng, xe có lọng che là loại dùng cho quãng đường ngắn do trâu hoặc bò kéo. Do đó, ngựa trở thành thứ đồ xa xỉ ở khu dân này có năm hay sáu con ngựa thuộc nòi này nhưng chỉ những chàng trai và Adda con ông Rémi mới trèo lên chúng, không người nào khác được phép sử dụng hay nói đúng hơn là không ai dám trèo lên chúng.

Adda như có trong mình một dòng máu hoang dã không hề nghĩ đến chuyện

thắng yên như các cô gái châu Âu, cô trèo lên lưng ngựa như cách của đàn ông, chiếc váy của cô bó và xẻ ra hai bên, cô còn mặc một chiếc quần chẽn dài đến mắt cá chân. Cơ thể mềm mại không mặc áo lót ngả người theo cử động của con ngựa mái tóc cô lượn theo gió, nhìn cô như gợi lại những người phụ nữ Tét xa ly của Hy Lạp mà Phèdre đã nói tới.

Hai chị em Hélène thừa nhận vẻ duyên dáng của cô gái chủ nhà song họ không bao giờ lên ngựa theo cách đó.
Adda cho rằng chuyện ấy không ngại, chỉ cần René hay James vẽ bộ yên kiểu Pháp là anh trai làm thợ sắt của cô sẽ chế tạo được ngay.

Nhưng khi ấy người ra nhìn thấy một đoàn người bao gồm một con voi, bốn con ngựa và hơn chục người đi ra khỏi rừng. Con voi phủ một tấm vải đen. Nghe tin ấy và nhất là khi trèo lên chòi gác cao hơn mái nhà, hai cô gái không nghi ngờ gì nữa, đó chính là thi thể của cha họ đã đến.

Người ta khua chiêng để tập hợp mọi người rồi mở cổng chờ đoàn đưa linh cữu ấy. Khi con voi mang cỗ quan vào trong sân, hai chị em Hélène quỳ gối xuống và tất cả đều làm theo.

Vị Shabunder ở Pégou vốn muốn lo mọi việc mai táng đã nảy ra ý định gửi hai cha cố đi nhờ theo đoàn người này qua miền đất rừng hiểm nguy đầy thú dữ. Đổi lại hai cha cố sẽ đọc lời cầu nguyện trên linh cữu của tử tước Sainte-Hermine.

Cỗ quan tài được chuyển đến tiểu giáo đường. Vì không có nến, những đoạn gỗ nhựa đã cháy suốt hai mươi bốn tiếng cho thật giống nơi quàn quan tài. Rồi những bài kinh cầu siêu cho người chết vang lên long trọng nhất. Cuối cùng, thi thể của tử tước được đặt trong hầm mộ gần thi thể của Ève.
Trong suốt vài ngày, toàn bộ trang trại đều đau buồn do nhớ lại những kỷ niệm về cái chết bất ngờ và tàn khốc ấy. Cũng trong suốt vài ngày ấy, Jane có thể khóc thoải mái mà không ai hỏi cô lý do tại sao.

Ngày hôm sau nữa, hai vị linh mục tiếp tục con đường của họ sang Trung Quốc.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 74
Hổ và voi

Trong những ngày mới xong lễ tang của tử tước Sainte-Hermine, đám thanh niên tỏ lòng thành kính nên không ai nghĩ ra trò giải trí mới hay nhắc lại kế hoạch đã bàn trước đó. Kế hoạch ấy, như ta cũng biết là cuộc săn hổ bên dòng sông Sittang, ở một nơi mà Justin phát hiện có nhiều vết chân khi anh đi tìm vải, nhưng để thực hiện chuyến đi có sự tham gia của mấy con voi, họ phải có những chuẩn bị thiết yếu.

Vậy là anh chàng thợ mộc Jules phải làm cái khung nôi bằng gỗ cao một mét để có thể mang được bốn đến năm người còn anh chàng thợ sắt Bernard đã chế ra năm, sáu cây giáo, loại mà ở Belgale người ta dùng để săn lợn rừng.

Còn René, anh lúc nào cũng giữ quan hệ tốt với lũ voi. Ngày nào anh cũng tự mình đi đến chuồng của Omar và Ali - đó là cái tên người ta đặt cho hai con vật da dày ấy. Anh đến bên chúng để chúng dùng vòi cuộn mình lên, ra lệnh cho chúng quỳ gối nhờ đó leo lên cái lưng đồ sộ của chúng sau đó lại để chúng đưa anh xuống đất. Khi anh gọi tên con nào, con ấy đến ngay. Cuối cùng, anh chọc tức chúng hoặc xoa dịu chúng bằng cách tấn công hay vờ chịu thua và không con nào làm sai mệnh lệnh anh đưa ra.

Tám ngày sau, cái khung gỗ đã sẵn sàng, những ngọn giáo cũng đã làm xong. Họ vẫn chờ vài ngày nữa.

Cuối cùng, Jane là người đầu tiên nhắc đến chuyện ấy.

- Ngài René, việc săn hổ sao rồi?

René nghiêng người trước Jane và nói:

- Chuyện này chỉ còn tuỳ thuộc vào các quý bà ra lệnh.

Thế là họ ấn định ngày chủ nhật tiếp đó. Để đến chỗ săn phải mất gần hai giờ đi đường, như vậy chủ có thể xuất phát từ bốn giờ sáng mới đến nơi lúc trời sáng rõ.

Bốn giờ sáng chủ nhật tiếp đó, tất cả mọi người đã sẵn sàng.

Người ta bắt đầu bằng việc lắp khung gỗ bằng những dây xích chắc chắn như người ta vẫn làm nhiều lần trên lưng voi và bụng voi. Người ta còn buộc quanh những khung ấy các túi đựng đạn, lương thực và các túi da đựng nước. Sau đó, họ chuyển sang việc chuẩn bị vũ khí.

Justin và các em trai của anh chỉ có súng hoả mai gắn lưỡi lê. René bèn đưa cho Justin khẩu cạc bin một viên của mình. Mọi người chia ra như sau: Justin đi ngựa, James, Jules, Hélène lên lưng con voi Omar, Jane, Bemanl và René lên lưng con voi Ali. Ngoài ra trên mỗi khung gỗ còn có một người che lọng, James cũng cho Jules mượn một trong hai khẩu súng dài Mantor của mình.

Jane, René và Bernard ngồi vào vị trí, dắt hai ngọn giáo vào thành của khung gỗ. Ngoài ra, René còn dắt hai khẩu súng ngắn 2 viên ở thắt lưng. Anh muốn cho Bernard mượn một khẩu nhưng anh chàng này chưa từng sử dụng nó bao giờ.

Những người quản tượng, ở Pháp gọi là "cornac" và ở Ấn Độ gọi là "mahout", ngồi lên đầu voi, dùng tai chúng làm lá chắn.

Người ta đưa cho họ không phải chiếc búa sắt mà họ quen sử dụng để điều

khiển con vật mà lần này là một cây giáo không chỉ dùng cho việc trên mà còn để tự vệ nữa.

Mười hai người chăn thả súc vật mà người ta không muốn chỉ định vì sợ tai nạn song chính họ lại tự nguyện tham gia do François chỉ huy. Anh này không muốn thứ vũ khí nào khác ngoài khẩu súng dài có gắn lưỡi lê và thanh gươm trứ danh từng một phát chặt đôi con trăn.

Một đoàn hơn chục con chó chờ sẵn ngoài hàng rào tự do chạy theo ngài James từng nhiều lần tham gia các cuộc đi săn như vậy ở Calcutta nên được phong làm trưởng đoàn.

Họ đã đi hai dặm đường mà chưa thấy gì. Cuối cùng, người ta cũng đến cánh rừng già nơi Justin phát hiện dấu vết của hổ.

Những con chó tỏ ra căng thẳng, những con voi bước đi với cái vòi dựng cao, con ngựa của Justin đi chậm để thăm dò, tai dựng đứng mũi ngửi ngửi không khí. François động viên người của mình nhưng họ lại ngập ngừng vào rừng rậm dù anh ta đã nêu gương đi trước. Anh ra gọi lũ chó hùng dũng xông lên.

- Chú ý! - James hét lên - con hổ không ở xa đâu.

Anh chưa dứt lời, một con chó đã kêu lên thất đảm.

Ngay lập tức có tiếng gầm quàu quạu và vang xa cất lên. Những ai chưa được nghe ở gần tiếng sư tử và tiếng hổ gầm tức là chưa được nghe những âm thanh đáng sợ nhất của tự nhiên. Đó là một thứ tiếng động thâm nhập vào cơ thể ta không phải qua cơ quan thính âm mà qua tất cả các lỗ chân lông trên da.

Lập tức hai, ba tiếng gầm khác từ những vị trí khác vang lên chứng tỏ con hổ không phải chỉ có một mình.

Người ta đã nghe thấy tiếng nạp đạn lách cách rồi tiếng sủa của tất cả bầy chó như thể chúng không chỉ ngửi thấy mà còn nhìn thấy con hổ rồi vậy.

- Con hổ của các vị kìa - François hét.

Tức thì người ta thấy lao từ rừng rậm ra nhanh như một tên lửa, một con hổ chúa tuyệt đẹp đã to hết tầm của nó. Ngay cú nhảy đầu tiên, nó đã vượt qua một quãng đường hai mươi mét và rơi ra khỏi rừng bảy hoặc tám bộ, nhưng như thể nó chỉ cần chạm đất để lấy đà nên ngay khi chạm xuống nó lại nhảy lên và trở lại chỗ cây rậm rạp che kín.

Tất cả các con vật đều sợ hãi ra mặt, chỉ duy con ngựa của Justin là tỏ ra tức giận hơn là sợ. Nó rướn cái mũi phì phò và ném cái nhìn sáng quắc về phía con hổ. Có thể nói nếu không bị ghìm cương, nó đã lăn xả vào cuộc chiến rồi.

Ngoài ra, quả không gì đẹp như kỵ sĩ lên ngựa không cần bàn đạp, yên cương hay tấm nệm lót này, con ngựa tuân lệnh theo giọng nói, theo đầu gối của chủ nó hơn là dây cương.

Mọi ánh mắt đổ dồn về phía Justin, chàng trai đầu trần, ngực phanh ra một nửa, tay áo sắn cao đến khuỷu, một tay cầm cương ngựa tay kia nắm cây giáo, nhìn anh giống như một kỹ sĩ xứ Numide vậy.

Đột nhiên, do những tiếng kêu của những người chăn thú, tiếng sừng trâu, tiếng chó sủa, con hổ thứ hai ra mặt khỏi rừng. Nó không nhảy chồm chồm

như con đầu tiên mà nhẹ nhàng trườn sát cái bụng xuống đất như một con vật đang chạy chốn. Ra khỏi rừng mươi bước, nó đứng đối diện với lũ voi và theo thói quen của loài hổ khi muốn lấy đà nó nằm sát sạt xuống đất Hai cô gái hốt hoảng kêu lên: "Hổ! Hổ!". Lũ voi đứng vào tư thế tự vệ, các tay thợ săn định nổ súng thì họ thấy Justin và ngựa của anh vụt qua như một tia chớp. Đến cách con hổ hai bước, tất cả đều lặng người, Justin hét lớn một tiếng, cho ngựa chồm lên cao bốn bộ vượt lên trên đầu con thú dữ, dùng hết sức phóng cây giáo ghìm nó xuống đất. Rồi dừng ngựa lại sau ba bốn bước và nói:

- Phần các vị những con hổ khác đấy, tôi đã có một con rồi, với tôi thế là đủ.

Và anh cho ngựa đi vòng ra sau lũ voi.

Con hổ gầm lên một tiếng rùng rợn, dùng hết sức đứng dậy trên bốn cái chân của nó nhưng ngọn giáo đã phập xuống như trời giáng không chỉ xuyên từ phía này xuống phía kia mà còn cắm sâu vào đất năm, sáu tấc đến nỗi nó đứng trên chân của mình với phần cán gỗ cũng xuyên vào thịt. Thế là nó rú lên điên dại, quay tròn quanh mình, dùng răng ngoạm vào cán ngọn giáo và bẻ gãy cán. Tuy nhiên, đó là cố gắng cuối cùng, nó thở một hơi dài, máu tràn khỏi miệng thở hắt ra. Tiếng rên rú cuối cùng của nó như thể là một lời kêu gọi nếu không trả thù thì cũng kêu gọi những con khác chiến đấu, thế là con hổ ban đầu xuất hiện cách đó khoảng sáu chục bước, nó chỉ cần nhảy lần thứ ba là tới chỗ lũ voi. Tuy nhiên, nó không có thời gian để làm như thế. Vừa chạm đất sau cú nhảy thứ hai, hai phát đạn đã đồng loạt vang lên. Con hổ lăn ra. Ngài James ở vị trí nghiêng bắn sượt qua vai còn René đối diện đã bắn giữa trán nó. Con hổ nằm chết thẳng cẳng.

Cùng lúc, như thể bị cuốn hút bởi những âm thanh vừa rồi, ba con hổ khác lại lao từ rừng ra, phát ra những tiếng gầm gào khủng khiếp. Nhưng như thể chúng đã chứng kiến chuyện vừa xảy ra nên chúng sợ nếu dừng lại một giây, các thợ săn sẽ nhân cơ hội ấy để nã đạn vào chúng nên chúng sắp đối đầu.

Các thợ săn đủ kinh nghiệm để không nhả đạn khi đó. Họ chờ cho bọn hổ

dừng trò lượn lờ ấy đã. Sau vài giây, một trong hai con lao vào con voi của René, lập tức voi ta dù chậm chạp cũng né sang một bên để tránh bị tấn công. Trong khi đó René rút súng ngắn nhả đạn nhưng viên đạn chỉ găm vào đùi con hổ gây ra một vết thương nhẹ càng khiến nó tức điên. Với ánh mắt rừng rực, cái miệng đỏ lòm, nó xoải móng vượt lên sườn voi định trèo lên tận khung gỗ. Nhưng bằng động tác đột ngột, con voi hất nó văng ra xa vài bước, nhân đà đó, René bắn phát súng ngắn thứ hai trúng cổ. Chú voi tiến về phía con hổ, dùng vòi vần nó định dùng cái chân khổng lồ đè bẹp nó nhưng con hổ đã tránh được nguy hiểm bằng cách lao vào ngực voi. Bernard đứng ở cạnh đối diện nên dù cố gắng vẫn không nhìn thấy gì. Jane lo sợ cho sự nguy hiểm của René hơn cả của mình nên ló ra ngoài khung gỗ. May thay đúng lúc con hổ ở vị trí khuất tầm nhìn của các thợ săn, người quản tượng phóng ngọn giáo vào giữa ngực nó. Con hổ rời tay bám và ngã xuống. Nó vừa chạm đất thì chú voi đã dẫm chân đè nát nó.

Cùng lúc đó, James, Hélène và Jules còn gặp một nguy hiểm lớn hơn nguy hiểm mà Jane, Bernard và René vừa trải qua. Trong khi một con hổ tấn công họ trực diện thì con khác lại vòng ra sau, nhảy lên mông voi để trèo lên. Khốn thay cho nó là René ở cạnh đó không xa phía bên trái. Anh ngắm bắn, bóp cò và viên đạn xuyên vào trúng tim. Con hổ bỏ cuộc, thẳng đơ người và rơi xuống.

Cái đầu con hổ phía trước chỉ cách cô gái lớn nhà tử tước một, hai bước chân thì James giương hai nòng súng không cần đưa lên vai và nhả đạn. Cả đạn và thuốc súng tạo thành hai vết thương. Con hổ choáng váng rơi bịch xuống.

Mọi người thở phào. Vậy là đã có năm con hổ bị giết.

François, đám người hầu và lũ chó cùng ra khỏi rừng. Trong số những người khua chiêng gõ mõ xua hổ ra có hai người bị hại: một người bị nát đầu, người kia bị rách ngực do lũ hổ vừa bị hạ gây ra. Số là họ đã bắt gặp chúng trên đường, trước khi chúng lao ra khỏi rừng. Cái chết đến quá nhanh và bất ngờ khiến họ không kêu lên được tiếng nào hoặc có chăng cũng bị át đi trong những tiếng kèn, chiêng trống, tiếng voi rú, tiếng chó sủa và tiếng la hét của những người xua hổ ra khác. Nhưng khi nhận thấy 5 con hổ nằm

sõng soài trên mặt đất cách bốn năm chục bước thì họ quên hai người đã bị sát hại. Máu hăng săn hổ ở người Belgale và người Miến Điện cao đến mức họ thấy năm con hổ chết cũng an ủi được hai người của họ bị chết.

Cả hai con voi đều bị thương nhưng vết thương không nặng lắm. Người ta khiêng hai người xấu số lên cáng về nhà.

Trên con ngựa nòi Miến Điện của mình, Adda đến chỗ đoàn người rồi lại phóng về nhà để báo tin bốn người khách và các anh trai mình bình an vô sự. Hai chú voi lại có chủ mới: Nguyên do là Hélène bày tỏ ý muốn mua lại chúng, vốn thông minh như chúng, họ sẽ dùng chúng để canh giữ và bảo vệ ngôi nhà. René tuyên bố với hai chị em rằng kể từ lúc đó, các cô có thể giữ chúng lại làm tài sản cho mình. Anh sẽ nhờ ngài Shabunder làm trung gian thương lượng việc mua bán với ông chủ voi.

Tối hôm ấy, Jane lên cơn sốt. Người ta cho là cô bị mệt vì chuyến đi trong ngày. Chị cô ở bên cô còn René và James nói chuyện ở bên ngoài.

Họ nhờ Adda vào xem tình hình của Jane ra sao. Cô kể rằng khi lại gần phòng họ, cô nghe thấy có tiếng khóc, e là thiếu tế nhị nên cô không vào mà rút lui.

James nhận thấy René rất quan tâm đến tình cảm của hai cô gái, đặc biệt là của Jane vì Adda khẳng định là chỉ cô em khóc thôi nên anh ta hứa hôm sau sẽ không nói với René vì sao cô bé lại buồn như vậy.

Ở miền đất nóng như đổ lửa này, ban đêm rất mát. Chính vì thế hai anh chàng đi dạo rất muộn, đến tận một giờ sáng. Họ nhìn qua tấm rèm bằng vải mousseline thấy ánh nến vẫn run rẩy trong phòng Jane như một ánh sao lạc loài trong màn hơi sương.

René vốn từng học nhiều môn khoa học nên anh cũng có nhiều cơ hội hoặc

sau các cuộc giao đấu hoặc ở hoàn cảnh đặc biệt bộc lộ khả năng y thuật của mình. Có lẽ vì vậy mà anh thấy buồn hơn là ngạc nhiên khi thấy ngày hôm sau James đến thay mặt Hélène cầu xin anh đến thăm Jane, cô bé ngày càng đau đớn.

Thâm tình bấy lâu giữa họ khiến anh thấy thật kỳ cục khi từ chối lời mời ấy. Có lẽ Jane đã muốn gặp riêng René vì khi René muốn Hélène đưa mình sang phòng cô em, Hélène bảo sự hiện diện của cô có khi làm hỏng sự ý tứ của cuộc nói chuyện.

Vậy là René vào phòng một mình, khẽ gõ cửa. Một giọng run run cất lên:

- Mời vào.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 75
Căn bệnh của Jane

Jane nằm trên chiếc ghế trường kỷ, tất cả các cánh cửa trong phòng cô đều khép lại để giữ bóng tối và sự mát mẻ chỉ để vài làn gió lùa qua kẽ song.

Vừa thấy René vào, Jane ngồi dậy, chìa tay cho anh.

- Cô muốn gặp tôi phải không, em gái thân mến. Tôi đây! - René nói.

Jane chỉ cho anh chiếc ghế gần chỗ mình rồi lại nằm xuống thở khó nhọc:

- Hôm qua - Jane nói - trong lúc trở về đây, khi mà chị tôi tỏ ý muốn mua hai con voi, ngài đã nói rõ là muốn từ biệt chúng tôi trong vài ngày tới.

- Đúng vậy - René đáp - Tôi phải khởi hành sớm. - Tôi chỉ xin ngài chỉ huy một khoảng thời gian vừa đủ đưa các cô về nhà. Bây giờ thì mọi chuyện đã đâu vào đấy, ơn Chúa! Các cô về đây bình an vô sự. Chị cô cũng tìm được người bảo vệ mà cô ấy mong đợi. Vị cha cố đầu tiên đến Trung Quốc hay Tây Tạng sẽ qua đây và sẽ làm lễ cưới cho họ.

- Chính vì thế mà chị tôi muốn ngài ở lại để tham dự buổi lễ ấy.

René buồn bã nhìn Jane, cầm tay cô và nói:

- Cô là một thiên thần, Jane ạ, tôi phải có lý do thật đặc biệt để không thể đáp ứng lời đề nghị của cô.

- Vậy là anh từ chối tôi? - Jane thở dài hỏi.

- Phải như thế.

- Hãy thú nhận là anh không nói thật với tôi về lý do thật sự khiến anh ra đi.

René nhìn thẳng vào Jane.

- Cô muốn tôi nói cho dù nó như thế nào chứ?

- Vâng, cho dù nó có thế nào đi chăng nữa - Jane đáp - Tôi muốn thế, sự thật đôi khi làm ta đau đớn hơn song hầu như lại là phương thuốc hiệu quả. Tôi đang nghe đây!

- Jane ạ - René nói bằng tất cả sự chắc chắn của mình - Thật bất hạnh là cô yêu tôi.

Jane hét lên.

- Nhưng về phần mình, tôi không thể thuộc về cô.

Jane gục đầu vào đôi bàn tay, khóc nức lên.

- Tôi những mong không phải nói ra điều cô vừa nghe Jane ạ - René nói tiếp - Nhưng tôi nghĩ một người đàn ông đứng đắn nên hành động như vậy.

- Đủ rồi, để tôi yên.

- Không, tôi sẽ không để cô như vậy, cô nên biết lý do khiến chúng ta không đến với nhau và cô sẽ là người phán xử cho tình cảm của tôi và cả của cô nữa.

- Ngài René - Jane nói - Hãy nhìn sự yếu đuối của tôi đây, tôi không còn sức để từ chối nữa. Ngài nói giữa chúng ra, giữa mối quan hệ của chúng ta có một rào cản không thể vượt qua nổi. Hãy kết thúc đi! Ngài gây ra vết thương ngài hãy chữa nó đi.

- Hãy để tôi chạm vào vết thương như bàn tay dịu dàng của một người anh Jane ạ, chứ không phải như bàn tay khô khan của bác sĩ. Đừng quên là một tấm màn đã rách và qua chỗ rách ấy, tôi đã thoáng thấy điều cô muốn giấu tôi. Hãy đặt tay vào tay tôi, ngả đầu vào vai tôi vì có Chúa, tôi không muốn cô không yêu tôi nữa! Chỉ có điều đó là một tình yêu theo cách khác. Cô bạn yêu mến, cô đã sinh ra năm 1788, cô lên hai tuổi thì có một cậu bé tên là Hector de Sainte-Hermine đến gia đình cô để học làm thủy thủ trên tàu của cha cô: đó là cậu con trai thứ ba của anh cả cha cô, bá tước Sainte-Hermine. Nếu cô không nhớ về cậu ấy thì chị gái Hélène của cô chắc chắn sẽ nhớ.

- Tôi cũng nhớ anh ấy - Jane nói - nhưng có gì liên quan giữa người đàn ông ấy với trở ngại không thể vượt qua đang ngăn chúng ta?

- Hãy để tôi nói hết đã Jane, vì khi tôi nói xong, cô phải hết nghi ngờ về lòng chân thật của tôi. Đứa trẻ đi cùng cha cô ba chuyến trên biển và bắt đầu thích làm thủy thủ thì cách mạng nổ ra, và vào cuối năm 1792, cha cậu ấy đã gọi cậu ấy về. Chắc cô còn nhớ hôm cậu ấy ra đi vì cậu ta rất buồn, dù khóc bao nhiêu nước mắt cậu ấy vẫn phải chia tay và đã gọi cô là vợ yêu.

Một tia chớp rạch qua trong đầu Jane.

- Không thể thế được! - Cô kêu lên và sợ hãi nhìn René.

- Hector - René nói tiếp không dừng lại, không tỏ ra nhận thấy sự ngạc nhiên của Jane - trở về nhà để thấy cha mình bị xử trảm, anh trai cả bị xử bắn còn anh trai thứ hai bị chặt đầu. Trung thành với lời thề sẽ nguyện theo con đường ấy, cậu ta đã gia nhập lực lượng của họ. Rồi hòa bình được ký kết, tưởng mọi chuyện đã chấm dứt, Hector có thể mở mắt nhìn quanh mình, yêu đương và hy vọng.

- Và anh ấy đã yêu tiểu thư Sourdis - Jane lạc giọng đi.

- Và anh ấy đã yêu tiểu thư Sourdis - René nhắc lại.

- Thế rồi chuyện gì đã xảy ra? Sao anh ấy lại biến mất hôm ký giấy kết hôn mà không ai hiểu tại sao và như thế nào? Anh ấy ra sao? Ở đâu?

- Đúng lúc chuẩn bị ký, một người bạn của anh ta đến tìm anh ta về tham gia trở lại lực lượng ngày trước. Anh ta thích đánh mất hạnh phúc và mạo hiểm mạng sống của anh hơn là nắm giữ nó. Anh ta ném bút đi, bí mật rời căn phòng, chạy theo tiếng gọi của người cha và các anh trai đã chết đang gọi. Rồi anh ta bị bắt, nhờ có sự bảo vệ, anh ta không bị xử bắn như anh ta yêu cầu mà bị tù ba năm ở Temple. Sau ba năm, hoàng đế ngỡ anh ta đã chết nay lại hay tin anh ta còn sống. Nhưng ba năm tù vẫn chưa đủ là hình phạt thích đáng cho một kẻ nổi dậy chống lại ông ta ông ta đã kết án anh chàng ấy phải vào lính phục vụ như một lính bộ binh hay một thủy thủ, không có hy vọng thăng tiến nào.

Hector đã từng đi biển với cha của cô, nên xin làm thủy thủ. Anh ta không muốn vào lực lượng của nhà nước nên đến Saint-Malo để xin tuyển lên tàu *Revenant* của ngài Surcouf. Cô cũng biết run rủi thế nào tàu *Standard* đụng độ với tàu *Revenant* rồi đấy. Các vị đứng xem cuộc đấu và cha cô đã chết. Hector ở trong thủy thủ đoàn của Surcouf có nghe đến cái tên ngài tử tước Sainte-Hermine. Anh ta thấy ông đã qua đời, đã nghe các cô, xin ngài Surcouf không thả xác ông xuống biển và được ngài Surcouf cho phép đưa các cô bất cứ nơi đâu các cô muốn, chỉ rời các cô khi đã thấy các cô về nhà. Bây giờ thì Jane thân mến, cô đã biết tất cả. Tôi không cần phải nói phần còn lại nhưng tôi cần cô giữ bí mật ấy thật tuyệt đối với ngay cả chị gái cô. Đứa bé đã học những bài học đầu tiên làm thủy thủ, bị gia đình gọi về năm 1792, đã rất đau khổ khi chia tay hai chị em cô, đã thấy cha bị chặt đầu, anh trai cả bị bắn, anh trai thứ hai bị xử chém, chàng trai đã đi theo con đường của họ mặc những tấm gương khủng khiếp, kẻ những tưởng chiến tranh chấm dứt đã ngỏ lời yêu tiểu thư Sourdis, dù đám cưới bị lỡ đầy tai tiếng vẫn giữ lời không bao giờ có người vợ nào khác ngoài cô ấy, kẻ từng cầm vũ khí, bị bắt, bị phạt tù ba năm thay vì bị xử bắn, kẻ đầu quân làm thủy thủ, chàng trai ấy, Jane thân yêu, đó là bá tước Sainte-Hermine, anh họ của cô và cũng chính là tôi đây!

Rồi anh quỳ xuống cạnh chiếc ghế của Jane, ôm cô vào lòng phủ lên cô những nụ hôn tới tấp và cả nước mắt.

- Bây giờ -René nói tiếp - Em tự quyết định đi, anh có thể rũ bỏ mọi trách nhiệm của một người đứng đắn đi, làm chồng một người khác ngoài tiểu thư Sourdis được không?

Jane nghẹn ngào nấc lên, choàng tay qua cổ người anh họ đặt đôi môi băng giá lên trán anh rồi ngất đi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 76
Thời hạn

Hành động đầu tiên của René khi thấy Jane ngất đi là rút lọ muối ngửi từ trong túi ra định cho cô thở nhưng anh nghĩ nếu cho cô tỉnh lại chỉ càng khiến cô thêm đau đớn. Cứ để cô mê man, khả năng hồi phục sẽ mang lại cho cô sức lực cô cần khi tỉnh dậy cũng giống như ban ngày tích tụ sức mạnh của nó từ bóng đêm và từ những giọt nước mắt của ban mai.

Quả nhiên, Jane nhanh chóng thở dần chứng tỏ cô đang tỉnh dần. René có thể đếm được bao nhiêu nhịp đập của con tim chia cách cái chết và sự sống do cô dựa vào ngực anh. Cuối cùng, cô gái cũng mở mắt vẫn chưa biết mình đang ở đâu.

- Tôi thật khỏe! - Cô thì thào.

René không nói. Chưa đến lúc để anh tắt đi những ánh sáng đầu tiên và mơ hồ về sự trở lại của cô. Anh tiếp tục để kéo dài tình trạng nửa tỉnh nửa mê ấy để tâm hồn cô được thảnh thơi hơn.

Cuối cùng, Jane cũng tỉnh hẳn. Sau những chuỗi suy nghĩ nối nhau nhận thức của cô cũng tìm thấy mình đang ở hoàn cảnh nào.

Sự thất vọng, giống như một người không biết làm sao để thấy nó bất hạnh, trở thành buồn bã rồi nhanh chóng chuyển sang sự chịu đựng Những giọt nước mắt còn lã chã tuôn rơi nhưng không còn bạo lực và không còn những tiếng nấc giống như một cái cây non bị nhát rìu không cố tình chạm vào đang lên lớp da non vào mùa xuân. Khi mở hẳn mắt, khi cô thấy chàng trai vẫn ở cạnh mình, cô nói:

- Ôi René, anh đã ở gần em, anh thật tốt. Nhưng anh nói đúng, tình hình này không thể kéo dài lâu hơn cho anh và cả cho em. Hãy ở đây thêm một lát nữa, hãy cho em chút sức lực. Về bí mật của anh, anh đừng lo, nó sẽ được chôn chặt trong lòng em như những người chết nằm trong mồ, và anh René, hãy tin chắc rằng mặc cho tất cả những nỗi đau của em, mặc những khổ hạnh đã qua của em, mặc những đau đớn sắp tới em vẫn muốn không được gặp anh. Khi em so sánh tất cả những đau khổ hiện tại của em với những gì của cuộc sống trước lúc gặp anh và với cuộc sống khi không có anh nữa, em thích cuộc sống hiện tại được thấy anh hơn là cuộc sống không sắc màu đã qua và cuộc sống vô định sắp tới. Em sẽ chỉ ở trong phòng một mình mà hồi tưởng những kỷ niệm về anh. Anh xuống dưới nhà đi và nói rằng em sẽ không xuống, hãy nói rằng bệnh của em nhẹ thôi, rằng anh đã ra lệnh cho em nằm trong phòng. Hãy gửi cho em vài bông hoa, lên thăm em nếu anh có thời gian, em sẽ biết ơn anh về tất cả những gì anh làm cho em.

- Anh phải nghe lời em à? - René hỏi - hay anh phải ở đây dù em không đồng ý để cho em hồi phục sức khỏe?

- Đừng anh hãy nghe em. Khi nào em nói "đừng đi" thì anh mới không nghe lời em.

René dừng dậy. Ôm hôn đôi bàn tay cô em họ trìu mến thật lòng, buồn bã nhìn cô một lát, tiến ra cửa, lại dừng lại một chút rồi mới đi ra.

Chỉ mình Hélène mới nhận ra tình hình trầm trọng của Jane. Cô biết không phải em mình bị mệt vì sự nguy hiểm của cuộc đi săn mà còn vì lý do khác.

Hélène là người có tính cách dịu dàng và duyên dáng nhưng lại có cái đầu lạnh hơn là bốc đồng. Cô không kết hôn vì yêu. Cô đã gặp James trên đời này, thấy ở anh ta ba thứ quý giá: trí tuệ, xuất thân và con tim. James thích cô nhưng thực ra, cô không yêu anh ta đến mức đặt cả bất hạnh hay hạnh phúc của cuộc đời vào mối quan hệ của họ. Về phần mình, anh ta cũng có một thứ tình cảm tương tự như thế. Anh ta đến Calcutta vào một giờ đã định nhưng đúng hơn là như một con người đứng đắn giữ lời, giống một ông chồng đến gặp người vợ mà anh ta yêu mà thôi. Anh ta đi vòng quanh thế giới cũng ngâu nhiên như việc anh ta đi vài dặm từ Calcutta đến *Đất Trầu*.

Nhưng nếu anh ta không gặp Hélène ở chỗ hẹn, anh ta sẽ rất ngạc nhiên vì theo anh ta, tất cả mọi phụ nữ đều là nô lệ của đời mình nó giống như một quý ông, nhưng anh ta đã không thất vọng, hai con tim ấy sinh ra để cho nhau, hai con người ấy sinh ra là để được hạnh phúc.

Với Jane lại không như vậy. Cô gái Jane với tính cách ngược lại cô có cái đầu nóng bỏng và con tim bốc lửa, cô cần yêu và được yêu. Cô không dừng lại ở dáng vẻ bề ngoài, không quan tâm đến bộ đồ thủy thủ tầm thường mà René đang mặc, cô cũng không tự hỏi xem anh giàu hay nghèo, quý tộc hay bình dân. Anh xuất hiện trước mặt cô như một vị cứu tinh khi cô rơi vào tay tàu cướp biển cô đã thấy anh lao mình xuống biển chỉ vì một thủy thủ bình thường đã bị các bạn của anh ta bỏ rơi và bị cá mập đuổi sát phía sau. Cô đã thấy anh chiến đấu và chiến thắng con quái vật là nỗi kinh hoàng của mọi thủy thủ. Cô cũng thấy anh đến bảo vệ hai chị em cô đã dấn thân vào một chuyến đi hơn một nghìn năm trăm dặm, phải chống chọi với quân cướp biển Mã Lai, chống lại hổ, trăn, bọn cướp… Cô thấy lòng tốt của anh trải rộng như bóng cây cổ thụ. Liệu người ta có thể làm gì hơn thế. Mặt khác anh lại trẻ trung, đẹp trai và có nhân phẩm. Cô đã tự nhủ rằng số mệnh đã cho họ gặp nhau chứ không phải do tình cờ. Cô đã yêu anh như yêu mối tình đầu say đắm và đã yêu bằng trọn sức mạnh của trái tim mình. Giờ đây phải dứt bỏ cái hy vọng được yêu mà cô ấp ủ ngay từ ngày đầu gặp gỡ cho đến lúc thổ lộ mọi tâm tư, làm sáng rõ mọi chuyện với René và cô, thử hỏi cô sẽ ra sao ở cái chốn nước Pháp bốn nghìn dặm, trong cái nơi hoang vu nơi mà sự ra đi của René càng khiến cô thêm đơn độc gấp đôi này? Ôi, chị gái cô mới thật hạnh phúc làm sao! Chị ấy yêu và được yêu. Thật ra, một tình yêu như của ngài James Asplay là không đủ cho một tình yêu như của cô bé. Những con tim yêu nồng cháy hà cớ gì mà phải sống trong sự cô lẻ và để nó tắt đi trong mùa đông của một cuộc đời không có ánh mặt trời?

Một phụ nữ không đẹp thì không có tuổi trẻ nhưng một phụ nữ không được yêu thì chưa từng sống.

Và trong cơn tuyệt vọng, Jane cắn nát chiếc khăn tay đẫm nước mắt, chiếc khăn từng là nơi cô mơ mộng một ngày thấy số của mình và René.

Ngày đã qua đi như thế tình trạng của mình cho phép Jane lấy cớ không xuống nhà. Hélène thấy rõ nguồn cơn bệnh của em không phải do mệt mỏi nên đã xin phép liệu mình có vào được không, điều mà từ trước đến nay cô

không quen làm.

Jane trả lời là đồng ý và ngay lập tức cô đã nghe thấy tiếng bước chân của chị gái ngoài hành lang. Cô lau nước mắt, gượng cười nhưng vừa thấy bóng chị gái thân yêu là cô không sao kìm được những tiếng nức nở và kêu lên khi giang vòng tay đón chị.

- Ôi chị gái của em ơi, em bất hạnh quá! Anh ấy không yêu em và anh ấy sẽ ra đi.

Hélène khép cánh cửa, vặn khoá rồi đến bên em.

- Ôi sao em lại thổ lộ anh yêu ấy khi vẫn còn thời gian nghĩ thêm?

- Nhưng than ôi! Em đã yêu anh ấy ngay lúc gặp đầu tiên.

- Thế mà chị lại ích kỷ, chị chỉ nghĩ đến tình cảm của mình thay vì chăm lo đến em, là người có nghĩa vụ như một chị gái và như người mẹ thứ hai, chị đã tin tưởng vào sự tử tế của con người này!

- Đừng buộc tội anh ấy - Jane kêu lên - Có trời làm chứng, anh ấy không bao giờ làm gì tỏ ra là anh ấy yêu em, chỉ có em đơn phương yêu anh ấy vì thấy anh ấy là người đẹp trai nhất, có tinh thần hiệp sĩ nhất, anh dũng nhất trong số tất cả những người đàn ông.

- Và anh ta đã nói là anh ta không yêu em? - Hélène hỏi.

- Không, không, anh ấy hiểu nếu làm như thế sẽ là xấu xa.

- Anh ta có vợ rồi à?

Jane lắc đầu và nói:

- Chưa.

- Thế thì là vấn đề tế nhị à? Em có nghĩ mình quá cao quý và quá giàu có để trở thành vợ của một trung uý trên tàu cướp biển không?

- Hơn cả một bí mật mà là một uẩn khúc! - Jane đáp.

- Em có thể nói cho chị không?

- Em đã thề rồi.

- Tội nghiệp em tôi, bây giờ chỉ còn chờ em hãy nói xem chị có thể làm gì cho em.

- Làm sao cho anh ấy ở lạt càng lâu càng tốt, anh ấy ở thêm ngày nào, em như sống thêm được ngày ấy.

- Em định gặp gỡ anh ta cho đến khi anh ta ra đi ư?

- Ở mức nhiều nhất em có thể.

- Em có chắc việc mình làm không?

- Không, nhưng em chắc việc anh ấy làm!

Cửa sổ chợt hé mở, Hélène lại gần để khép lại. Nhìn ra sân, cô thấy James đang nói chuyện với bốn, năm người mình đầy bụi đường, chắc chắn họ vừa trải qua một quãng đường dài. Họ nói rất sôi nổi và cỏ vẻ rất vui. Anh chàng James nhận ra Hélène.

- À Hélène tốt bụng, em hãy xuống đây, tôi có tin vui muốn báo cho em biết.

- Xuống nhanh lên chị Hélène - Jane bảo - và cũng lên đây ngay để báo cho em tin đó. Than ôi! - Cô lẩm bẩm - Chẳng ai có tin vui nào báo cho mình và không có người nào gọi mình để thông báo tin gì vui vui cả!

- Em cũng đoán lại sao chúng ta lại để các thày tu đã đọc kinh cầu siêu cho cha chúng ta ra đi mà không để họ ở lại làm lễ cưới cho bọn chị đường không? - Hélène hỏi.

- Vâng - Jane trả lời - Vì chị thấy không hay khi để một người vừa làm lễ cho người chết đồng thời lại làm lễ cưới.

- Đúng vậy. Nhưng Chúa đã thưởng cho chúng ta một món quà. Một cha cố người Italie mà mọi người gọi là cho Louis đang sống ở Rangoon. Cứ ba

năm. Ông lại đi quyên tiến khắp cả nước. Ngài James Asplay vừa thông báo trong ba bốn ngày nữa, cha Louis sẽ đến đây. Ôi, Jane yêu của chị, một ngày đẹp trời làm sao nếu ông ta có thể làm cả bốn người hạnh phúc.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 77
Đêm Ấn Độ

Kể từ lúc đó cuộc sống đối với Jane chỉ là một chuỗi ngày cảm xúc đối lập. Khi René ở bên cô thấy cuộc sống tràn trề sức lực, khi anh xa cô, cô thấy con tim mình như không còn đủ sức để đập.

René, con người yêu cô bằng tình cảm trìu mến của một người anh họ và một người bạn không nhận ra hoàn cảnh của mình. Trẻ trung và đầy sức quyến rũ, anh cũng không thoát khỏi sự ảnh hưởng mê hoặc của một cô gái trẻ đẹp, yêu anh đến điên cuồng. Qua ánh mắt, những cái siết tay, những tiếng thở dài, cô gái như thổi cuộc sống khốn khổ của mình vào những động mạch của người đàn ông mà cô yêu. Với anh, trong những cuộc nói chuyện say sưa ấy có một sự quyến rũ đau đớn đồng thời cũng đầy hấp dẫn. Phải phản kháng lại tình yêu ở tuổi hai mươi sáu, tức là ở độ tuổi xuân nồng nhất thời trai trẻ khi mà trời, đất, hương, hoa, trăng, gió đều ngất ngây men say kích thích của phương Đông, chúng nói với bạn "Hãy yêu đi", tức là anh đang một mình chống lại tất cả sức mạnh của tự nhiên.

Phải nói René đã đặt mình vào một vấn đề không thể, tuy nhiên đã chiến thắng cuộc chiến không ngơi nghỉ này. Anh phải có sức mạnh mới đối diện trước mối nguy hiểm khủng khiếp nhất.

Ở tầng trên của toà nhà có một phòng lớn có hai ban công quay ra hướng đông và tây. Đó là nơi Jane và René thường cùng nhau trải qua những phần đêm đẹp nhất. Jane rất yêu các loại hoa thay vì ngọc trai, đá quý hay kim cương bị bỏ quên trong các hộp nữ trang, cô kết những chiếc vòng cổ bằng loài hoa rực rỡ và thơm dịu gọi là *mhogry*. Loài hoa này vừa giống hoa nhài và hoa đinh về hình dạng nhưng lại có mùi thơm giống như cây sương mai và hoa huệ. Nó thay đổi sắc khi trắng, khi hồng khi lại vàng trên các đài hoa

dài. Người ta xâu sợi dây qua các đài hoa ấy tạo thành chiếc vòng cổ thơm ngây ngất.

Ấn Độ có những đêm tuyệt diệu, thời điểm nào cũng có nét đẹp mê hồn, trong đó cảnh bình minh và hoàng hôn là lộng lẫy nhất: bầu trời chuyển đủ màu như người làm pháo hoa tài tình nhất tạo ra các loại sản phẩm của mình. Vào những ngày đẹp trời của mùa xuân và mùa thu cảnh trăng lên đầy đặn giống như cảnh mặt trời lên trong những ngày yếu nắng ở phương Tây. Nếu mặt trời là lửa thì mặt trăng là vàng. Những hôm trăng sáng, người ta có thể đọc viết hay đi săn như giữa ban ngày. Điều làm nên vẻ kỳ diệu của đêm, đó là sự thay đổi của chính chúng: có những đêm trời tối mịt mùng đến nỗi người ta không nhìn thấy gì cách mình hai bước chân, có những đêm trăng lại sáng vằng vặc như ban ngày. Những hôm nhiều sao, các vì sao trên bầu trời như gần hơn, đông đúc hơn và lóng lánh hơn. Mặt trăng không vì thế mà bị át đi nó càng rót thêm ánh sáng của mình vào.

Có những đêm khác, tôi băn khoăn khi nói đêm khác vì từ nay ít xuất hiện trong suy nghĩ của tôi, có những đêm khác, thật sự có một vầng hào quang bắc cực ôm lấy trọn bán cầu. Khi những mảnh mây hiếm hoi dạt về chân trời, những tia nắng đỏ tía còn vương vất sót lại lúc mặt trời đi ngủ, khi hoàng hôn vừa buông như tấm rèm sân khấu khép lại giữa hai màn kịch thì một vùng sáng nhô lên khỏi mặt đất, choán lấy khung cảnh phía chân trời và ban phát cho đêm trắng tuyệt đẹp như Puskin, đại thi hào Nga, từng ca ngợi. Ngày sắp lên? Đêm sắp xuống? Không ai biết phải nói thế nào: cơ thể không mang theo cái bóng của chúng nữa, một kẻ lạ khó hình dung bước vào con người bạn, sức tưởng tượng tràn ra và như chạm đến đỉnh vòm trời cao ngất; con tim cảm thấy những tình cảm thánh thiện đang ùa vào bạn, tâm hồn lấy đà bật lên cao bất tận khiến bạn tin là có hạnh phúc.

Trong khi đó, những cành cây lay động và toả ra những mùi thơm dìu dịu, những tiếng lao xao truyền từ ngọn cao nhất đến từng cọng cỏ trên cánh đồng, hoa trao hương của mình cho gió còn gió lại mang cho bạn mùi thơm ngào ngạt của cả triệu bông cộng lại như nén hương mà thiên nhiên đốt trước bàn thờ Chúa toàn năng.

Hai con người trẻ tuổi ở đó, họ ngồi cạnh nhau, bàn tay Jane đặt lên bàn tay René, có khi họ còn im lặng cả giờ đồng hồ: Jane đang ngây ngất còn René đang mơ màng.

- Anh René này - Jane nói, đôi mắt ngước lên trời đắm chìm trong cơn mơ màng - Em đang hạnh phúc. Tại sao Chúa không cho em hạnh phúc ấy. Chỉ thế này cũng đủ mà.

- Jane ạ - René đáp - Đó chính là điểm yếu của chúng ta cũng như những người khác, những tạo hoá thấp kém đáng thương. Thay vì tạo một vị Chúa từ con người, lập nên sự hài hoà của vũ trụ bằng sự cân đối các yếu tố vũ trụ chúng ta lại tạo ra một vị Chúa trong trì tưởng tượng, một vị Chúa của cá nhân, người mà ai cũng đòi hỏi yêu cầu của mình không phải từ những biến cố lớn lao mà từ những bất hạnh cá nhân. Chúng ta cầu xin Chúa, vị Chúa mà ta không mắt thấy tai nghe, tuy nhiên ngài lại tồn tại khắp nơi. Chúng ta cầu nguyện ngài giống như tổ tiên cầu nguyện vị thần tại gia, một pho tượng cao bằng nửa cánh tay, giống như người Ấn Độ cầu linh vật của họ, giống như người da đen cầu thờ bùa của mình. Chúng ta yêu cầu ngài theo hoàn cảnh chúng ta thấy thoải mái hoặc đau khổ: "Tại sao Người đã làm thế này? Tại sao Người đã làm thế kia?" Chúa của chúng ta không trả lời Ngài ở quá xa chúng ta vả lại Ngài đâu có lo cho những đam mê nhỏ nhen của chúng ta. Vậy là chúng ta trở nên bất công với ngài, chúng ta trách cứ ngài về những bất hạnh xảy ra với chúng ta như thể chính Ngài gởi chúng đến vậy, và từ những bất hạnh chúng ta xúc phạm hay vô lễ với ngài.

Jane yêu quý, em hỏi Chúa tại sao Ngài không để chúng ta ở bên nhau như thế này, thế em có chú ý đến đại cục không. Chúng ta là những phần tử bất hạnh bị cuốn vào cơn đại hoạ của cả dân tộc bị nghiền nát giữa một thế giới đã chấm dứt và một thế giới mới bắt đầu, bị lôi kéo bởi một vương triều mục nát và bởi sự xuất hiện của một đế chế mới. Hãy hỏi Chúa tại sao đức vua Louis XVI lại nồi da xáo thịt thần dân của mình khiến nước Pháp kiệt quệ bằng những cuộc chiến của ông ta, tiêu tán ngân khố vì thói đỏng đảnh bằng đá cẩm thạch và bằng đồng. Hãy hỏi Ngài tại sao ông ta lại theo một chính sách huỷ hoại để dẫn đến kết cục phải nói một câu không có thật: "Không có dãy Pyréneés nữa". Hãy hỏi Chúa tại sao chỉ vì chịu đựng thói nhõng nhẽo của một người đàn bà và uốn mình dưới ánh trăng lữ mà để vua huỷ bỏ sắc chỉ Nantes khiến Hà Lan và Anh quốc giàu có trên sự lụi tàn của nước Pháp?

Hãy hỏi Ngài tại sao vua Louis XV lại tiếp tục sự nghiệp định mệnh của cha mình khi phong tước cho nữ công tước Châteauroux, các hầu tước nhà Etioles và các nữ bá tước Du Barry. Hãy hỏi Ngài vì sao, ông ta chống lại ý kiến của lịch sử mà nghe theo một tên bộ trưởng bán nước và tại sao không nhớ đến liên minh Áo luôn mang lại bất hạnh, cho ba bông huệ mà đặt lên ngôi nước Pháp một công chúa nước Áo. Hãy hỏi Ngài tại sao Ngài lại trao cho vua Louis XVI thay vì đức hạnh hoàng gia lại là bản năng tư sản. Hãy hỏi Ngài tại sao Ngài cho phép ông tay cầu cứu ngoại bang vì mục đích của cá nhân và tại sao Ngài lại hạ một cái đầu tôn nghiêm trên đoạn đầu đài như thế, nơi vẫn dành cho các vụ phạm tội tầm thường.

Em thấy chưa Jane tội nghiệp của tôi, từ đó em sẽ thấy sự bắt đầu câu chuyện của chúng ta. Từ đó, em sẽ thấy tại sao tôi không ở lại gia đình em lâu hơn nơi tôi đã có một người cha và hai em gái. Ở đó, em sẽ thấy tại sao cha tôi đã chết trên đoạn đầu đài nơi thấm máu đỏ của nhà vua, tại sao anh trai cả của tôi bị xử bắn, anh trai thứ hai bị chặt đầu, tại sao tôi, đến lượt mình tiếp tục hoàn thành lời thề ấy. Tôi đã tham gia, không nhiệt tình, không có niềm tin vào một con đường mà đúng đến lúc chạm tay vào hạnh phúc lại bị tước đi mọi hy vọng để chôn thân trong ba năm tù ở Temple rồi lại rơi vào sự khoan hồng giả tạo của một kẻ vừa ân xá vừa kết án tôi phải sống trong bất hạnh. Nếu Chúa trả lời em và nếu Chúa trả lời được câu hỏi "*Tại sao em không thể sống như thế này chỉ cần thế cũng đủ rồi*" thì Ngài sẽ trả lời em rằng: "Tội nghiệp cô gái, ta không thể giúp gì trong sự việc quá nhỏ bé của cuộc đời hai con, cuộc đời giúp hai con gặp trong tình cờ và phải chia tay vì cần thiết".

- Anh không tin vào Chúa sao, anh René? - Jane kêu lên.

- Có chứ, Jane. Anh tin vào Chúa, nhưng vào một vị Chúa đã tạo ra con người, vạch đường cho họ trong không trung nhưng không có thời gian để lo cho bất hạnh hay sung sướng của những phần tử bám trên bề mặt trái đất ấy. Ôi Jane, người bạn tội nghiệp của tôi, tôi đã qua ba năm để nghiền ngẫm tất cả những bí mật ấy. Tôi đã đi xuống phần tối tăm nhất từ một phía của cuộc đời và đã đi ra phía kia trong lòng tự hỏi tại sao chúng ta đang sống, như thế nào và tại sao chúng ta chết đi rồi tự nhủ Chúa là một từ cho tôi dùng để gọi tên người tôi tìm; từ này, cái chết sẽ nói với tôi, trừ phi cái chết còn câm lặng hơn cái sống.

- Ôi René - Jane ngả đầu vào vai anh thì thầm - Cái triết lý ấy quá nặng nề so với lòng yếu đuối của em. Em muốn tin tưởng là có Chúa hơn, như vậy dễ dàng hơn và cũng đỡ tuyệt vọng hơn.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 78
Chuẩn bị ngày hôn lễ.

René đã từng chịu rất nhiều đau khổ. Vì lẽ đó mà anh thấy dửng dưng với cuộc sống và bất cần trước nguy hiểm. Ở tuổi hai mươi sáu, độ tuổi mà cuộc sống mở ra trước mắt con người ta một vườn hoa đầy hương sắc những với anh cuộc sống đã khép lại rồi. Đột nhiên anh đã bị rơi vào một nhà ngục nơi có các tù nhân lần lượt tự tử và hầu hết những ai đặt chân vào đó đều có kết cục là bước lên đoạn đầu đài. Từ quan điểm của mình, anh thấy Chúa thật bất công vì Chúa đã trừng phạt anh, ý anh muốn theo tấm gương và truyền thống gia đình, tức là tận trung với triều đình. Anh phải đọc rất nhiều, suy nghĩ rất nhiều mới nhận ra rằng trong lòng tận tụy bất hợp pháp đôi khi dẫn đến tội ác và chỉ có lòng tận tụy vì lẽ Chúa và vì Tổ quốc là đúng. Anh cũng ngộ ra một điều rằng phải tận tụy với Chúa - và vì Chúa người tạo ra vạn vật chứ không phải vị Chúa của cá nhân, người viết giấy khai sinh cho mỗi con người đồng thời viết luôn số phận của anh ta.

Nếu anh nhầm lẫn, nếu ngược lại với tất cả khả năng đưa ra. Vị Chúa ấy vẫn bất công và mù quáng, nếu sinh mạng của nhân loại không bao gồm những tai ương vật chất, bị bỏ mặc cho cơn đỏng đảnh của ngẫu nhiên thì vị Chúa dẫu chẳng có gì phải phàn nàn khi anh chống lại Chúa và anh vẫn là con người trung nghĩa dù Chúa có phản đối đi chăng nữa.

Thử thách đã rất nhiều và anh vẫn vượt qua nó như lưỡi thép mới đúc xong: cứng cáp và thuần khiết. Đức tin con trẻ lần lượt rụng từng mảng dưới chân anh giống như những mảng lá chắn lỏng lẻo rơi dần trong một cuộc đấu. Nhưng cũng gương như Asin, anh không cần vào dòng sông Stich rồi. Anh ghê tởm cái ác vì anh hiểu bản chất của nó, và làm điều tốt, anh không mong một ân huệ khoản đãi nào. Vì anh không tin vào sự bảo vệ trực tiếp của Chúa với con người trong những mối hiểm nguy mà họ phản đối diện, anh tin vào sức mạnh của chính bản thân vào sự khéo léo và sự tỉnh táo lạnh lùng của mình. Anh chưa ra những phẩm chất bên ngoài, thứ người ta nhận được

từ tạo hoá với nền giáo dục đạo đức cũng như thể chất của trí não và cơ thể do chính người ta tu dưỡng học tập mà thành. Một khi nghĩ thấu đáo như thế, anh không đổ lỗi cho Chúa phải chịu trách nhiệm về những bất hạnh vụn vặt đời mình nữa, anh không làm điều ác vì anh ghê tởm cái ác. Anh làm điều tốt vì cái tốt là nghĩa vụ xã hội giao cho con người.

Trước một con người như thế, Jane đã có lý khi nói với chỉ mình "*Em không tin vào mình nhưng em tin anh ấy*". Và để tận dụng quãng thời gian ngắn ngủi René còn ở bên mình, Jane ít rời xa anh nếu có thể. Họ đi dạo bằng ngựa bên nhau ở những nơi có người ở và chỉ trở về khi tiếng kẻng gọi họ về ăn trưa hay cái nóng như thiêu như đốt bắt buộc. Buổi chiều, họ lại đi chơi lang thang đây đó, đôi khi tình cờ đi xa hơn mức bình thường. Nhưng khi René có cây súng khoác ngang vai và súng ngắn đeo bên ngựa thì Jane chẳng sợ gì hết.

Vả lại từ ít lâu nay, Jane có vẻ hoàn toàn thờ ơ trước nguy hiểm, thậm chí cô còn mong gặp nó hơn là tránh nó. Buổi tối, hai con người trẻ tuổi ngồi dưới mái hiên. Họ cùng nhau nói về những triết lý mà một tháng trước Jane không hiểu nên không bàn luận gì. Bây giờ cô thường xuyên trăn trở trước cái bí hiểm vĩ đại của cái chết, trăn trở mà không được sáng tỏ với Hamlet. Những suy nghĩ của cô đã rõ ràng, chắc chắn và quyết đoán đáng kể. Vốn chưa bao giờ từng nghĩ đến những vấn đề tương tự, đầu óc cô vốn có trực giác còn trong sáng nó cho phép cô nếu không nhận ra sự thật chí ít cũng nhận ra khả năng lý luận trong những lý lẽ của René.

Còn lại, có lẽ bề ngoài Jane không có gì thay đổi ngoài việc cô vẫn xanh xao hơn, buồn bã hơn và ánh mắt đắm đuối hơn. Hầu như kết thúc buổi tối nào, cô cũng gục đầu vào vai René và ngủ thiếp đi. René trở nên bất động nhìn cô mà lòng se thắt. Qua ánh trăng vằng vạc, cô bé trẻ đẹp này đã chứng tỏ nỗi buồn và nỗi bất hạnh của mình. Và rồi khi cơn buồn ngủ khiếm nhã muốn cặp mi để rơi một hạt lệ, anh lại dùng lý trí giữ nó lại. Anh thở dài, nhìn trời trong lòng thầm hỏi liệu những đau khổ ở thế giới này có được bù đắp bằng hạnh phúc ở thế giới khác hay không. Ngày và đêm nối tiếp nhau qua đi như thế. Chỉ có Jane ngày càng buồn hơn, xanh xao hơn.

Một buổi sáng, cha Louis, đang được sốt ruột mong đợi với người này và là mối sợ của người kia, cuối cùng cũng đến. Lần này, Jane không thể giấu nổi cảm xúc của mình, cô chạy vào phòng, vùi mình vào giường khóc nức nở.

Chỉ mình René nhận ra sự vắng mặt ấy. Anh vốn vẫn dành cho Jane một tình cảm bạn bè nhưng tình cảm ấy vừa dịu dàng, có dự báo và lo lắng hơn là một thứ tình yêu tầm thường.

Cha Louis biết mình đang được chờ đợi. Một người đàn ông thông báo sự hiện diện của cha đã từng được gửi đến Pégou để báo tin và dẫn đường cho ông. Vị linh mục đã đi một mình cùng người đàn ông ấy dưới sự che chở của Chúa mà không lo sợ chút nào.

Họ đang ở ngày thứ ba. Lễ cưới được ấn định vào ngày chủ nhật tới và mỗi ngày từ thứ ba đến chủ nhật đều là ngày chuẩn bị cho hôn lễ.

Chúng ta đã nhắc đến ở trên là chỉ có René nhận ra sự vắng mặt của Jane. Anh lên phòng cô, mở cửa thân mật như một người anh và bắt gặp cô đang khóc thổn thức. Cô biết ngày đánh dấu hạnh phúc của Hélène cũng là ngày đánh dấu bất hạnh của cô bởi lẽ một khi xong đám cưới, James Asplay và Hélène không có lý do gì để giữ René lại, còn René cũng không có lý do gì để ở lại.

Anh đỡ cô dậy dìu ra gần cửa sổ, mở cửa, rẽ tóc cô rồi hôn nhẹ lên trán.

- Can đảm lên Jane thân yêu của tôi, can đảm lên!

- Can đảm ư, nói thì dễ lắm - Jane vừa đáp vừa nức nở - Anh xa em để đi tìm người anh yêu, không trước thì sau, còn em xa anh để không bao giờ gặp lại anh nữa.

René ôm chặt cô vào lòng không trả lời. Anh biết nói sao đây? Cô ấy hoàn toàn nói đúng! Anh nghẹn thở, con tim thổn thức những giọt nước mắt trào ra.

- Anh thật tốt bụng - Cô gái nói và đưa tay lên môi anh rồi chạm vào môi mình như thể cô muốn uống những giọt nước mắt ấy.

Jane chắc chắn là rất đau khổ, nhưng René có lẽ còn đau khổ hơn vì nghĩ rằng anh là người gây ra bất hạnh này mà không thể làm gì để an ủi cô bạn được, đầu óc căng ra tìm lời trợ cứu nhưng trí óc chỉ cho anh vài câu nói đơn điệu mà con tim không muốn. Có những lúc trí tuệ chẳng thể làm gì, người ta cảm nhận là đủ và chỉ có con tim mới an ủi được con tim.

Thế là cả hai cùng im lặng mỗi người chìm đi trong dòng suy nghĩ của mình, Vì dòng suy nghĩ ấy giống nhau cùng là một thứ tình yêu bất hạnh nên tốt nhất họ im lặng để khỏi phải nói những câu vô nghĩa.

Dù không yêu Jane, René vẫn thấy một tình cảm buồn bã khi cảm nhận tình yêu của cô dành cho anh. Nếu không thể sống cùng Claire người phụ nữ duy nhất anh sẵn lòng muốn sống cùng là Jane. Trong sự chờ đợi, giờ phút trôi qua, ngày trôi qua và càng ngày Jane càng thêm buồn và đáng yêu.

Có một thứ nhân đôi nỗi đau của Jane đó là những chuẩn bị cho thứ mà người ta gọi là ngày lễ.

Bernard, bằng cách rạch thân cây đã tìm được một cây gọi là *tsy-tchou,* một loại cây sơn chắc chắn và trong suốt như cây thanh thạch trên núi cao.

Đám nô lệ cũng tìm được loại sáp gọi là *pélatchong* làm ra *tứê* nên vừa thanh khiết vừa trong như nến của ta.

Người ta còn đi hái hoa quả trong rừng cho vào giỏ lớn để làm rượu. Thứ rượu này làm những người da đen và người Indu rất mê.

Không ai giấu giếm những chuẩn bị ấy trước mặt Jane và ai ai cũng tham gia chuẩn bị hứa hẹn một hạnh phúc trọn vẹn cho cô chị và dù chị cô có dịu dàng với cô bao nhiêu. Jane vẫn tan nát cõi lòng.

Buổi tối thứ bảy, Jane càng trở nên đau đớn là René không để cô một mình. Thấy cô đứng dậy ra ngoài, anh chờ vài giây rồi cũng đi theo. Cô gái không thể rời xa phòng của mình. Anh xuống cầu thang, bước được bốn bước đã thấy cô ngất xỉu bên bậc. Anh bế cô về phòng. Thông thường khi bị như thế, Jane chỉ cần ngửi muối là hồi phục song lần này cơn mê sảng vẫn dai dẳng.

Jane nằm ngang gối René, ngực áp vào ngực anh bàn tay lạnh như đá, tim cô như ngừng đập chỉ đôi môi cách môi anh vài centimét là còn chút hơi ấm yếu ớt phả ra từ lồng ngực cô gái trẻ.

Anh sẽ truyền sự sống cho cô. Anh tin rằng chỉ áp môi mình vào môi cô, cô gái sẽ dựng người lên như bị cơn sốt điện. Tuy nhiên, anh không dám thử cách này hay cách kia. Có lẽ anh không tự tin vào mình như Jane từng tin vào anh. Khi nhìn cô gái trẻ trung đến thế, xanh xao đến thế, đang héo hon bất động đến thế con tim chàng trai như tan ra những giọt nước mắt rơi xuống khuôn mặt anh. Thế là như bông hoa bị héo nước bừng dậy khi có giọt sương mai, Jane ngẩng đầu mở mắt ra.

- Khi anh không ở đây nữa! Em sẽ ra sao? Em thà chết đi còn hơn!

Sau câu than vãn đau đớn ấy là cơn chấn động thần kinh mạnh. René muốn đi gọi người tới giúp nhưng Jane đã níu chặt lấy anh và nói:

- Đừng bỏ em một mình. Em muốn chết lắm nhưng em muốn anh ở lại đây cơ.

René quay lại ôm cô vào lòng vỗ về nhẹ nhàng cho đến khi cô tỉnh hoàn toàn. Hélène và James đang quá sung sướng nên không thể nghĩ đến những người khác nhất là những người khác không có mặt ở đó.

Cho đến hai giờ sáng, René và Jane ở trên ban công. Mọi người trong nhà đều thức chuẩn bị cho lễ cưới. Ba anh em Justin đã cất những cành cây đầy hoa định trồng thành một hàng đi từ nhà đến giáo đường. Vì đây là món quà bất ngời cho Hélène và James nên họ bí mật làm việc từ mười giờ đêm đến ba giờ sáng. Khi trở về, tay vịn vào tay René, nhìn thấy cành cây cuối cùng. René nói:

- Tội nghiệp những bông hoa sống trọn mùa xuân của chúng chỉ trong ba ngày rồi sẽ chết!

- Em còn biết một loại hoa không sống đến mùa xuân mà chết trước chúng cơ - Jane lẩm bẩm.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 79
Đám cưới

Sớm ngày hôm sau, khi René đi xem tình hình sức khỏe của Jane, anh gặp Hélène vào phòng cô. Cô chị tốt bụng chợt nhớ ra hôm qua không chú ý đến em đã đến xin lỗi. Lúc ấy trời còn sớm nên chưa ai trong nhà thức dậy. Hai chị em ở trong vòng tay nhau nửa tiếng mới chia tay.

René chờ cho Hélène về phòng mới tiến đến cánh cửa của Jane. Khi nghe tiếng nức nở gọi tên anh nhiều lần anh mới hỏi qua cửa:

- Em có cần gì anh chàng? Anh vào được chứ?

- Vâng, em cần anh, anh vào đi.

Anh bước vào.

Jane đang ngồi trên giường, cô mặc bộ đồ ngủ bằng vải lanh rộng, bên cạnh cô có một chiếc túi lớn đựng đá rubi, saphia, ngọc bích đã dốc một nửa ra tấm trải giường. Cô đang chọn những viên to nhất đẹp nhất cho vào một chiếc túi da Tây Ban Nha nhỏ thơm ngát và thêu hai chữ.

Hai chữ đó là C và S.

- Lại đây - Cô nói với René - Anh đến ngồi cạnh em đi.

René kéo chiếc góc lại gần giường Jane.

- Chị em vừa ra khỏi đây. Chị ấy rất hạnh phúc. Điều duy nhất khiến chị ấy buồn là em không thể giấu được nước mắt của mình. Chị ấy hỏi bao giờ anh đi, em nói là ngày mai thì mai anh sẽ đi, đúng không? - Cô gái hạ giọng và cố giữ cho giọng khỏi run.

- Em đã yêu cầu anh ở đến hôm sau ngày cưới còn gì.

- Và anh thật tốt bụng đã đồng ý. Hãy tin rằng em rất biết ơn anh, anh René ạ. Chị ấy hỏi em có muốn giữ anh ở lại vài ngày không nhưng em nói đây là quyết định của anh, vả lại cũng cần chấm dứt thôi.

- Chấm dứt ư, Jane yêu quý của tôi! Em định nói gì?

- Em định nói là mình đau khổ, rằng em cũng làm anh đau khổ tình trạng của chúng ta không lối thoát, rằng dù anh có ở lại thêm một ngày, hai ngày hay năm ngày đi chăng nữa thì sau năm ngày anh vẫn rời xa chúng em. Người ta chỉ sợ cái chết khi người ta sống hạnh phúc thôi.

René thở dài và không nói gì. Suy nghĩ của anh giống hệt ý của Jane, chỉ có điều anh thấy ngạc nhiên khi cô còn đủ can đảm để nói rành mạch như thế.

Jane dốc nốt túi đá quý xuống giường và tiếp tục chọn. Trong công việc ấy buồn bã biết nhường nào. Cô chăm chút chọn những viên to nhất, đẹp nhất mà René không dám hỏi cô định làm gì với những viên mà cô tách ra khỏi những viên khác ấy.

Trời sáng ùa vào căn phòng. Người trong nhà lục tục kéo nhau dậy và gây tiếng động. Jane chìa tay ra cho René ra hiệu đã đến lúc anh về phòng mình. René hôn tay cô rồi đi ra. Chắc chắn lòng anh cũng phiền muộn như cô gái. Anh thay bộ quần áo ngủ bằng bộ veste buổi sáng và đi xuống nhà.

Con ngựa mà Justin quen dùng không yên được thả tự do trên đồng cỏ cạnh nhà. Anh lại gần, chìa cho nó một nắm cỏ và huýt sáo khe khẽ. Con ngựa đến ăn cỏ trong tay anh, nhân lúc đó anh nhảy lên lưng nó.

Con ngựa nhảy chồm lên nhưng lúc René đã kẹp chặt nó giữa hai chân mình thì nó không thể hất anh xuống được. Chỉ Justin mới có thể làm được như thế. Có lẽ vì vậy mà con ngựa ấy mang tên *Bất Khả Thuần Phục*. Cánh cửa mở ra và một giọng nói vang lên.

- Vì Chúa, René! Không ai dám cưỡi con ngựa ấy đâu. Nó sẽ giết ngài mất.

Nhưng chưa đầy năm phút, con *Bất Khả Thuần Phục* đã bị khuất phục. Nó trở nên ngoan ngoãn như một con cừu.

René lồng tay túm bờm nó và dùng nó làm dây cương. Anh dẫn nó đến bên cửa sổ của Jane và mặc cho nó kháng cự, anh ép nó quỳ gối xuống. Nhưng tay anh vừa mới khỏi cổ là nó đã dựng lên chạy một vòng đưa anh vào một con đường quanh co qua một góc nhọn. Ở góc quanh ấy anh gặp một bà già da đen. Dù đã ép con vật dẹp sang bên phải nó vẫn không biết mình sắp làm gì tuy tuân lệnh nhưng đã nhanh chóng va vào vai bà già rồi hất bà ngã.

Người phụ nữ ấy hét lên nhưng René đã nhanh chóng nhảy xuống đất và giúp bà đứng dậy.

Tai nạn thì không có gì thậm chí người khác còn không bận tâm. Nhất là ở Ấn Độ chuyện ấy thật vặt vãnh vì người da trắng đầu tiên đến đây cũng đều nghĩ mình có quyền cán nát một bà da đen. Nhưng René rất tốt bụng. Anh rút một thỏi vàng trong túi ra đưa cho bà. Nó tương đương với mười lăm, hai mươi phăng. Bà già muốn hôn tay anh.

Thấy bà ta đi bình thường và tai nạn không có gì nghiêm trọng, anh huýt sáo gọi con *Bất Khả Thuần Phục* lại, nhảy lên lưng nó lên đường về nhà. Justin đã chờ sẵn để khen ngợi anh.

Chưa người nào có thể trèo lên lưng ngựa của anh ta, thế mà anh ta đã thấy

René không chần chừ nhảy lên lưng nó, thuần phục nó rất nhanh.

René chuyện trò với Justin một lát thì bà già bị anh hất ngã ở góc đường đi vào sân hỏi vài câu với người trong nhà. Hỏi xong, bà ta vào khu nhà rồi mất hút.

- Đó là ai thế? - René hỏi.

Justin nhún vai đáp:

- Đó là một mụ phù thủy. Quỷ mới biết con mụ bất lương đến đây làm gì - Rồi nhận ra René vẫn mặc áo veste trắng và quần dài trong khi James đã mặc đại lễ đi xuống anh ta nói - Tôi nghĩ ngài đã muộn rồi đấy. Buổi lễ bắt đầu lúc mười giờ sáng.

René rút đồng hồ đeo dây ra xem, đã chín giờ kém mười lăm.

- Đúng rồi. Nhưng tôi còn thừa thời gian.

Tuy vậy anh vẫn lên phòng. Nhưng khi đi qua phòng khách, anh ngạc nhiên khi thấy bà già da đen đi ra từ phòng Jane. Mụ ta đến đây làm gì?

Anh tiến lại gần hỏi vài câu nhưng bà ta lắc đầu ra hiệu không hiểu rồi đi tiếp.

René muốn vào phòng Jane để hỏi nhưng phòng bị khoá bên trong. Anh hỏi có vào được không, Jane đáp:

- Không được, em đang thay quần áo.

René trở lại phòng mình. Vài phút sau anh đã thay bộ đồ đại uý hải quân lịch sự. Anh xuống nhà và gặp vị cha cố đang ở phòng ăn.

Từ hôm người ta biết ông sẽ đến, Adda đã nghĩ đến việc may cho ông một bộ áo choàng lễ. Ý nghĩ để ông hành lễ trong chiếc áo đen khiến cô không vui suốt cả ngày. Thế là dựa vào một cây thủy cư mà dân Ấn Độ dùng để

trang trí màu vàng trên quần áo các nhà sư, cô đã nghĩ ra cách kết hợp với đường chỉ thêu tạo thành một chiếc áo choàng mà ngay ở châu Âu cũng phải coi đó là một kiệt tác.

Cha Louis chưa bao giờ thấy một cái áo đẹp thế nên nét mặt vô cùng rạng rỡ.

Mười giờ, những cây nến trên điện thờ đã cháy. Tất cả mọi người đều sẵn sàng.

Jane yếu đến mức chính cha cố mời cô dựa vào tay ai đó để đến nhà thờ. Cô đã tựa vào tay René. Vì ở *Đất Trầu* không có toà thị chính nên hôn lễ không tổ chức theo phương thức dân sự mà theo nghi thức tôn giáo.

Lối đi trồng toàn cây nở hoa trải từ nhà đến nhà thờ làm tất cả mọi người đều ngạc nhiên, trừ những ai trồng nó. Nhìn cây giống như mọc bởi phép thuật vậy.

Sau những câu hỏi quen thuộc với sự trả lời đồng ý của cặp vợ chồng, lúc cha cố trao nhẫn cho Hélène, Jane thở mạnh và sụp xuống chiếc ghế đối diện.

René vội đưa lọ muối ngửi. Jane hiểu mọi người sẽ đau lòng thế nào khi có biểu hiện buồn bã như vậy. Cô tập trung tất cả can đảm của mình giả cho mọi người thấy cô chỉ quỳ gối cầu nguyện thôi.

Chỉ có Hélène và René nhận ra chuyện vừa xảy ra.

Jane muốn dự bữa trưa nhưng sức khỏe không chiều theo ý muốn của cô. Cô rời bàn và lên nhà.

René đưa mắt nhìn Hélène ra hiệu anh ở lại, nhưng năm phút sau cô nói với anh:

- Ngài René, phiền ngài lên xem Jane thế nào. Ngài là bác sĩ của tất cả chúng tôi. Em tôi dạo này yếu quá và chỉ ngài mới có cách chữa thực sự.

René đứng dậy nhảy lên phòng Jane. Anh thấy cô đổ vật xuống sàn. Cô không kịp nằm lên ghế hay lên giường. Anh đỡ dưới vai cô dìu cô ngồi lên chiếc ghế bành cạnh cửa sổ. Cô chuyển từ cơn mệt sang mê man. Khi dứt cơn sốt, cô rơi vào tình trạng đờ đẫn, còn đáng sợ hơn bị sốt.

Người ta cảm thấy có điều bất ổn đang xảy ra trong cỗ máy người đẹp đẽ này. Cô không theo quy luật cuộc sống thông thường nữa mà sẽ theo những cơn biến động lộn xộn của bất ổn ấy.

- Ôi, Jane - René tuyệt vọng nói - Em định tự sát đấy à?

- Ôi! - Jane đáp lại - Nếu em có thời gian, em sẽ không tự sát đâu em sẽ chết một mình cơ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 80
Eurydice(1)

Nghe câu trả lời ấy có lẽ người ta không còn gì để nói. Người ta cảm thấy cơn tuyệt vọng ghê gớm trong trái tim trẻ trung đã buông xuôi mặc cho mọi chuyện đến đâu thì đến.

Jane đã ở cung bậc đau khổ cao nhất khiến René quyết định không rời cô suốt hôm ấy.

Đến giờ ăn tối, Hélène giấu đi tất cả nét vui tươi đang tràn ngập trong lòng lên phòng Jane xem cô có xuống không nhưng cô em đang ở tình trạng đờ đẫn đến nỗi cô thấy không gì vui thú có thể giúp ích cho tâm thần bị tổn thương sâu sắc đến thế. Cô là người đầu tiên xin René ở lại bên em mình. Hélène hiểu chỉ có nguyên do đau khổ mới có thể khiến em mình đờ đẫn như vậy.

René, về phần mình cũng rụng rời. Anh không còn lời nào để nói với Jane. Anh thở dài, nhìn cô, chìa tay cho cô. Giữa họ, những cơ chỉ ấy còn là ngôn ngữ biểu cảm hơn mọi lời họ có thể nói với nhau. Nếu René nghĩ vài ngày ở thêm có thể chữa khỏi bệnh cho Jane thì chắc chắn anh sẽ ở lại. Nhưng sự đòi hỏi về đạo đức buộc anh ra đi và với một số người, đòi hỏi ấy đôi khi là mạnh nhất. Vả lại, Jane cũng có vẻ đồng tình với sự ra đi đó, từ bảy tám ngày qua cô chỉ tính đến thứ hai. Sau ngày thứ hai, không có gì còn tồn tại với cô nữa và như một chiếc đồng hồ đã lên giây cót cho 8 ngày, sau tám ngày ấy mọi chuyển động của nó sẽ dừng lại.

Tiếng đồn về căn bệnh của Jane đã lan ra khắp khu dân cư và vì mọi người

đều yêu quý cô nên ai cũng buồn. Đồng thời, người ta cũng đồn căn bệnh này là số phận do bàn tay của bà trò làm rắn.

Người ta gọi bà già da đen mà René va ngựa vào người đi ra khỏi phòng Jane như thế. René đã nghe tiếng xì xào bàn tán của các nô bộc trong nhà nhưng anh cũng không quên lời than vãn thốt ra từ miệng Justin khi anh này nhận ra bà ta.

- Liệu một phát súng có giúp chúng ta thoát khỏi ả vô lại đó không?

Trong lúc đi xuống dưới nhà để ăn tối, Jane cũng nhờ anh xuống xin lỗi vì cô không xuống được, René hình như cũng đồng tình với thái độ của Justin với bà già da đen dù anh hiểu rõ hơn ai hết căn bệnh của Jane do đâu mà có. Anh hỏi Justin về người phụ nữ nọ.

Người ta gọi bà là kẻ làm trò rắn vì bà ta có khả năng đặc biệt là ru ngủ và chạm được vào những loài bò sát độc nhất. Nhưng tài năng của bà ta không dừng lại ở đó, người ta đoán bà ta còn biết về những loại cỏ độc, loại có thể giết người chỉ trong vài phút.

- Sao Jane lại có quan hệ với một người đàn bà như thế?

Khi đến gần Jane, René định hỏi cô nhưng đứng trước một thiên thần ngây thơ trong trắng ấy, từ ngữ không dám phát ra khỏi miệng anh. Tuy thế anh vẫn mơ hồ cảm nhận một điều đặc biệt kinh khủng. Anh thấy run rẩy như một cơn dự báo rồi đột nhiên tim anh se thắt lại buộc anh kêu lên một tiếng nghẹn thở khiến Jane cũng phải rùng mình.

Sau đó anh tiến lại phía cô như một người cha tiến lại gần đứa con mà ông ta sợ mất nó. Anh áp cô vào lòng, hôn lên trán, lên tay nhưng cử chỉ ấy chỉ dịu dàng ở mức độ nào đó nằm ngoài tình cảm lứa đôi mà chính Jane cũng không thể nhầm.

Đêm xuống, hai thanh niên ấy lại đến ngồi chỗ quen thuộc của họ ngoài mái

hiên. Như thể tất cả đều đồng tình trả cho Jane tội nghiệp sự bình yên nên chưa bao giờ đêm đẹp như thế, chưa bao giờ trời có nhiều ánh sáng xua tan bóng đêm đến thế. Dù trăng không rõ và những vì sao bị một màn mây che khuất nhưng đâu đâu cũng bừng sáng: Một mùi thơm hãng hạc, nồng nàn xộc vào các động mạch, vào phổi, khơi dậy một cuộc sống lạ lẫm mà người ta chỉ có thể hiểu được toàn bộ sức mạnh khi sống trong không khí rừng rực như khi người ta hít thở ở châu Á và đặc biệt ở Ấn Độ.

René ngỡ đã thổ lộ với Jane ngọn nguồn mọi câu hỏi và câu trả lời về khả năng một cuộc sống tương lai và sự thật bất tử của linh hồn. René là người theo thuyết vô thần, anh tin vào sự vĩnh hằng của vật chất vì anh nhận ra rằng một hạt cát có thể bị nghiền thành nghìn hạt cát chứ không mất đi, anh không tin vào linh hồn vì dưới mọi góc độ linh hồn chưa bao giờ xuất hiện và anh cũng không tin vào thuyết vô hình hay siêu hình.

Bichat mới vừa chết, ông ta đã xử lý và giải quyết vấn đề ấy. Cuốn sách hay của ông về cái chết và sự sống đã được René đọc trong tù. Anh còn nghiên cứu rất kỹ phần mở rộng của Gall và Spurzheim. Anh càng phát triển thuyết vật chất của mình những giọt nước mắt càng chảy trên khuôn mặt Jane.

- Anh René, như vậy anh tin rằng một khi chúng ta xa nhau là xa nhau vĩnh viễn chúng ta sẽ không gặp nhau nữa đúng không?

- Anh không nói như vậy - René đáp - Sự tình cờ đã khiến chúng ra gặp nhau lần đầu, em có thể trở lại Paris, anh cũng có thể trở lại Ấn Độ, sự tình cờ sẽ có thể khiến chúng ta gặp nhau.

- Em sẽ không đến Pháp - Jane buồn bã nói - Anh cũng không trở lại Ấn Độ. Con tim chúng ta đã xa cách hoàn toàn vì tình yêu anh dành cho người phụ nữ khác, cơ thể chúng ta chia cách mãi mãi vì khoảng cách mặt đất. Vừa nãy anh nói với em rằng anh không tin vào những điều vô hình và không tưởng tuy nhiên em lại tin vào tình yêu của anh với Claire de Sourdis, dù nó vô hình và không tưởng đến đâu.

- Đúng vậy, nhưng mục đích của tình yêu ấy là không tưởng và vô hình. Anh cũng tin vào anh yêu em dành cho anh, Jane ạ.

Dù anh không nhìn thấy nó nhưng nó vẫn bao bọc anh như đám mây của thần Énéide che giấu các vị thần ấy.

- Anh có lý, René ạ - Jane nói và lau nước mắt, cô tiếp tục nói và đứng dậy - Em thật tàn nhẫn và ích kỷ. Em bắt anh bất hạnh theo sự đau khổ của em: Hẹn anh ngày mai, anh René. Ngày mai chúng ta sẽ xa nhau. Đừng làm tâm hồn em thêm yêu đuối vào thời điểm cực độ này. Em cần tất cả sức mạnh của mình và có thể anh cũng cần tất cả sức mạnh của anh.

- Em về phòng ư, Jane?

- Vâng. Em cần cầu nguyện. Em biết lời nguyện cầu không chữa khỏi bệnh nhưng nó như một thứ cần sa giúp ta mê muội đi. Chỉ xin anh hứa với em một chuyện.

- Chuyện gì hả Jane?

- Đó là đừng đột ngột bỏ đi mà không nói với em một lời từ biệt. Em cần một lời từ biệt dài và an ủi. Em cần ngủ trên vai anh như mọi khi nhưng lần này phải tin là em sẽ không bao giờ dậy nữa.

René lưỡng lự không muốn rời Jane. Anh cảm thấy một thứ tình cảm không sao cắt nghĩa được. Anh dìu cô đến phòng, ôm cô trong lòng thật lâu rồi mới về phòng mình sau khi dừng lại ba bốn lần vì tưởng Jane gọi anh. Khi về phòng, anh không sao chợp mắt nổi. Anh có cảm giác sắp có bất hạnh lớn xảy ra.

René lại gần cửa sổ phòng mình gắng hít thở không khí trong lành từ vài cơn gió đêm. Thật ra những làn gió ban mai đã bắt đầu lướt trên mặt đất rồi. Cái màu trắng nhợt nhạt khiến đêm có màu sáng trong suốt bắt đầu lụi dần và một luồng hơi nước xám nhạt bắt đầu thay thế nó. Đúng lúc đó, hình như anh nghe thấy tiếng mở cửa phòng Jane. Anh chạy ra khỏi phòng mình xem cô có cần gì không nhưng anh có cảm giác mình như một tên rình mò giấc ngủ của cô thiếu nữ nên đừng lại trước cánh cửa khép chặt ở phòng mình. Sau đó không nghe động tĩnh gì nữa, anh trở lại cửa sổ. Khi ấy dù trời còn tờ mờ, anh vẫn nhận ra Jane trong bộ áo choàng đêm ra khỏi nhà lưỡng lự đi về phía đồng cỏ như thể cô đang bước đi bằng đôi bàn chân trần. Ý nghĩ đầu

tiên xuất hiện trong đầu anh là Jane đang bị mộng du. Nhưng anh nhanh chóng nhận ra không phải như vậy. Cô không bước đi với dáng vẻ cứng nhắc như những bóng ma hay những người bị mộng du mà ngược lại rất rụt rè, thỉnh thoảng còn rùng mình đau đớn khi giẫm phải vài hòn sỏi sắc nhọn. Có một lát cô ngẩng đầu lên nhìn về phía cửa sổ của René nhưng anh đã kịp nép vào trong nên cô không thấy anh.

Jane đi ra ngoài một mình và hầu như ăn mặc đơn giản, điều này không những bất bình thường mà còn bất cẩn nữa. Mùi thịt thơm mà mọi người rán trong buổi tiệc cưới có thể thu hút loài thú dữ đến quanh nhà và nấp trong bụi rậm hay vài đám cỏ um tùm. Chúng có thể bất thình lình xông ra tấn công cô.

Anh với tay tìm khẩu cạc bin nạp đạn sẵn trong bóng tối và đi lại gần cửa sổ.

Đúng lúc đó, anh thấy một khối đen đang di chuyển lại gần Jane nhưng không xác định được hình dạng vì trời còn tối. Nhưng Jane, thay vì chạy trốn lại tiến về phía đó. Đó là một người đàn ông? Hay một người đàn bà? René chưa kịp phân biệt thì nghe tiếng Jane hét lên đau đớn ngã khuỵu xuống rồi lăn cuộn tròn ra đất như vừa chịu một cơn đau khủng khiếp. René nghĩ cô bị sát hại khi thấy bóng đen cố chạy về phía rừng gần đó. Nhưng bóng đen chỉ chạy được chục bước, René đã đưa súng lên vai và nhả đạn.

Tiếng hét thứ hai không kém phần chói tai và đau đớn vang lên. Kẻ sát nhân, đàn ông hoặc đàn bà, lăn xuống cỏ, giãy vài cái rồi nằm thẳng đơ, bất động.

René ném cây súng ở lại trong phòng, vội chạy xuống cầu thang và thấy tất cả những cánh cửa Jane đã mở để ra ngoài. Thoảng thấy bóng Jane nằm trên cỏ, anh chạy thẳng về phía đó, bế cô chạy trở lại nhà.

Tiếng súng đã khuấy động toàn bộ khu nhà. Người ta tưởng bị tấn công ban đêm nên ai nấy cầm ngay vũ khí đầu tiên tìm được và chạy ra. Justin là

người đầu tiên dẫn hai, ba nô lệ chờ sẵn ngoài cửa với đèn đuốc sáng rực.

René ôm Jane trong tay, bế cô vào mà không để ý con rắn cắn chân cô còn lủng lẳng bám vào chân qua cái răng móc đầy nọc độc.

- Con rắn khoang kìa? - Justin hét lên rồi dùng tay trần túm lấy nó quật đầu vào tường - Ai đó mút vết thương!

- Tôi sẽ làm điều đó - René nói và bế cô lên phòng - Đi tìm và hỏi xem thông thường người da đen có cách trị độc rắn.

- Ngài ấy nói đúng đấy - Justin nói - Ba bốn anh đi ngựa tìm mụ phù thủy rắn lại đây bất kể mụ còn sống hay chết!

Trong khi ấy, René đã mang Jane lên phòng đặt cô xuống giường. Khi nhìn chân cô trắng muốt, lạnh như đá có hai vết cắn như hai vết kim đâm có hai giọt máu rịn ra thì anh áp môi vào bắt đầu hút máu độc.

Mọi người bắt đầu tụ tập quanh Jane, người đang nhắm mắt, tay để trên ngực như sắp chết. Tuy nhiên René đã thấy chân cô rung rung dưới đôi môi anh. Jane đang đau và đau khủng khiếp.

Quanh anh có rất nhiều người. René mệt mỏi ngước mắt lên nhìn thấy ở hàng đầu tiên có Hélène đang mặt mày tái mét vịn vào tay James mặt cắt không còn giọt máu như cô.

- James - René nói - Hãy đi ngay sang tủ thuốc săn của tôi lấy một lọ amoniac và một con dao.

James chạy ngay sang phòng René và mang hai dụng cụ được yêu cầu mang lại. Một quầng thâm nhạt to bằng đồng năm phăng tụ quanh vết cắn. René lấy một ly nước, nhỏ vài giọt alcali rồi cầm lấy dao rạch một đường cho máu đen chảy ra. Anh tiếp tục mút, ép cho đến khi máu đỏ chảy trở lại. Anh để vài giọt dung dịch ăn mòn vào vết rạch. Jane co chân lại vì đau.

- Chúa phù hộ! - Hélène reo lên - Cô ấy không chết.

- Cô ấy chỉ chết vào ngày mai, đúng giờ cô ấy bị rắn cắn sáng nay - Justin nói khẽ.

René nhân lúc Jane tỉnh lại ép cô uống ly nước nhỏ alcali. Mấy người bị sai đi tìm bà điều khiển rắn da đen trở về thông báo họ tìm thấy xác mụ phù thủy cách chỗ Jane ngã hai chục bước.

- À - René thốt lên - Khi nghe Jane kêu và thấy cô ấy ngã xuống, tôi tưởng đó là người giết hại cô ấy nên đã bắn chết bà ta.

- Thật khốn thay - Justin nói nhỏ - Ngài giết chính con người duy nhất có thể cứu cô ấy rồi.

- Tội nghiệp cô gái thân yêu của tôi! - René ôm Jane vào lòng và khóc nấc lên.

- Đừng lo cho em - Jane nói nhỏ để không ai nghe thấy - Anh không nghe Justin nói là em còn sống được hai mươi tư giờ nữa hay sao?

- Thế thì sao chứ? - René hỏi.

- Thì em còn hai mươi tư giờ được tự do nói là em yêu anh tình yêu của đời em ạ! Dù cái chết được chào đón, em tin tưởng vào nó nhưng em cũng không mong nó lại độ lượng đến thế.

Đúng lúc đó vị cha cố bước vào. Không ai nghĩ đến chuyện đi báo ông. Ông chỉ nghe tai nạn và đến thăm. Qua rèm mi hé mở, Jane nhận ra ông.

- Hãy để tôi một mình với con người thánh này - Cô nói, sau đó quay sang René thì thào - Hãy vào đây ngay khi ông ấy đi ra, em không muốn để lỡ bất cứ phút giây nào trọng quý hai mươi tư tiếng của mình.

Tất cả mọi người đi ra.

Đến cửa những tiếng nức nở rộ lên.

Hélène, hầu như đã ngất đi trong tay chồng, được đưa về phòng. Không ai ngờ đến sự việc như vậy xảy ra, ai cũng sững sờ thậm chí còn rớm lệ.

René ngồi lại ngoài mái hiên nơi vẫn còn hai chiếc ghế cạnh nhau. Anh ngồi xuống chiếc ghế của mình, tựa đầu vào ghế nơi Jane vẫn ngồi, mặc nỗi đau

sâu thẳm, những giọt nước mắt anh chưa từng thấy trào ra. René để cho tâm trí đi trên con đường quá khứ và thấy Jane đã chuẩn bị cái chết của mình đúng hôm anh ra đi. Cô đã cho gọi người đàn bà da đen đến. Liệu đó có phải là ả nô tì xứ Naybi được Cléopâtre giao cho việc mang con rắn trong làn đến để cắn mình chết?

Cái chết này đã được xác định giờ hẳn hoi. Vì hôm trước Jane đã bắt anh hứa không thể ra đi mà không nói gì vì cô muốn nói lời từ biệt với anh. Lời từ biệt ấy không phải là tiếng giã từ thông thường mà là lời vĩnh biệt. Cô đã sắp sẵn mọi chuyện. Cô biết tất cả người trong nhà đều ghê tởm bà phù thủy, cả người lẫn vật nuôi nên cô không nghĩ bà ta sẽ đến sân vào ban đêm. Tiếng chó sủa và tiếng nguyền rủa của gia nhân sẽ ngăn bà ta đến được chỗ cô. Do vậy, cô quyết định đi đến chỗ bà ta với đôi chân trần để con rắn dễ dàng cắn và tiêm chất độc vào người.

Cuối cùng, thay vì than trời cho mình ít thời gian với René, cô lại sung sướng có được hai mươi tư tiếng để có thể bộc bạch tất cả sức mạnh tình yêu của mình với anh. Sau hai mươi tư tiếng, cái chết sẽ gội sạch những lời lẽ quá dạn dĩ ấy. Lời thú tội của cô rất ngắn gọn, cô chỉ nói "Con yêu René" và xưng tội của một mình cô. Vị cha cố đi ra khi trời vừa sáng, ông ta ở bên cô nửa giờ.

Lúc ra ngoài, ông tiến đến bên René bảo:

- Hãy đến bên cô bé thánh thiện đang yêu con đi. Con đừng bận tâm, hãy an ủi cô bé ra đi.

Khi bước vào phòng Jane, René thấy cô đang giang tay chờ mình.

- Hãy ngồi xuống cạnh em hỡi người yêu dấu của em - Cô nói - Trước hết anh phải biết là anh sẽ không rời xa em cho đến lúc cái chết đón em đi.

- Trước hết cho anh xem chân em thế nào rồi.

- Để làm gì cơ chứ? Bản án của em chẳng phải đã tuyên rồi hay sao? Bây giờ em chỉ còn sống thêm hai mươi ba giờ nữa. Em không cần giảm án, không cần giúp đỡ, em đang hạnh phúc.

- Cha đã nói gì với em thế?

- Một lô những điều hay ho mà em không nhập tâm được. Cha đã làm em hy vọng. Ông nói với em rằng chúng ta có những tinh thần vô hình bay bổng trong không trung bao bọc, rằng chúng ta không thể phân biệt được chúng vì chúng tan trong không khí và trôi nổi trong gió. Những tinh thần này là linh hồn của người yêu mến chúng ta. Họ lượn lờ quanh chúng ta, lướt vào chúng ta, thì thầm những từ ta không hiểu được khi ta thức và nói chuyện với ta khi ta ngủ. Họ biết điều chúng ta không biết vì họ ở trong bí mật của định mệnh: Vài lời thú nhận, vài linh cảm mà những linh hồn yêu mến chúng ta quá đã để chúng ta cảm thấy. Chúng ta không tin vào điều chúng ta thấy, đó là sự thật nhưng có vô số bằng chứng buộc chúng ta phải nghi ngờ sự yếu đuối và bất lực của cảm giác. Trước khi người ta phát minh ra kính hiển vi, tức là trong gần sáu nghìn năm, một nửa những sinh thể ngày nay phát hiện được đã không được biết đến. Người đầu tiên nhìn vào thế giới vô cùng nhỏ bé ấy đã cho rằng thế giới này là vô hạn và đã bị coi là điên. Thế thì biết đâu một ngày - Cha nói với em - Một ngày người ta sẽ chế tạo ra một công cụ cho phép nhìn được những vật thể vô cùng trong suốt như người ta đã từng thấy các siêu vi. Vậy cho nên, bằng cách nào đó ngoài ngôn ngữ, người ta sẽ liên hệ với các thiên tinh ấy, thứ mà chỉ thi ca đã nghi ngờ sự tồn tại của chúng. Anh René yêu quý, cái ý nghĩ rằng linh hồn em sẽ không rời xa anh, một khi chết đi em vẫn có thể theo anh bất cứ đâu, hoà vào không khí anh thở, ở trong làn gió ve vuốt mái tóc anh cái hy vọng ấy dù rất phi lý vẫn làm em vui khôn xiết. Shakespeare chẳng đã từng nói: "*Còn biết bao điều trong trời đất này mà triết học loài người không tưởng tượng được*" đó sao?

Giọng nói của Jane nhỏ dần và với những từ cuối cùng cô gục đầu vào vai anh.

- Em đau à? - Chàng trai hỏi.

- Không, không hẳn như vậy, em chỉ yếu đi, chỗ chân bị cắn đang đông lại. Đó là nơi em bước vào hầm mộ. Cái lạnh sẽ lên dần dần như thế, khi nó đến tìm em sẽ chuyển từ giường ngủ sang chiếc giường vĩnh hằng.

Vì René thấy cô dang thiu thiu nên không nói gì nữa để cô tìm trong giấc

ngủ chút sức lực cho cuộc chiến cuối cùng. Giấc ngủ của cô bất an, đầy những cơn giật mình và nói mê sảng.

Hélène lên phòng anh. Cửa phòng hé mở và cô ló đầu đưa mắt hỏi em mình ra sao. René chỉ cô trên vai mình. Hélène bước vào lại gần và hôn lên trán em.

- Lạy Chúa! Hélène, cô hỏi mọi người nhà xem có làm gì, dù không chữa khỏi cũng an ủi cô bé tội nghiệp này không?

- Ồ ngài nghĩ tôi chưa hỏi ai, kể cả người không biết gì nhất hay sao? Tất cả đều nói cái chết không đau đớn nhưng không thể tránh khỏi. Hãy nói với cô ấy rằng tôi để cô ấy một mình với ngài không phải vì tôi dửng dưng mà vì tôi không muốn tước đi niềm vui cuối cùng của em tôi.

Rồi cúi xuống lần thứ hai. Hélène hôn em lần nữa và lại nhón gót chân đi ra.

Hélène vừa đi khỏi, đôi mắt Jane lại mở ra chúng trân trân bất động một lát rồi cô thở dài.

- Anh René yêu quý! Em vừa mơ một giấc mơ đẹp làm sao! Em thấy rõ, như đang thấy anh vậy này, một thiên thần lộng lẫy rực rỡ trong ánh sáng xuống gần giường em, hôn lên trán em và nói: "Đến với chúng ta, em gái chúng ta chờ em!" Rồi thiên thần hôn em lần nữa và bay đi.

Nếu nói thật, René sẽ tước đi ảo tưởng đẹp nên anh im lặng.

- Bây giờ người yêu dấu của em - Jane nói tiếp - Hãy để em nói đến một chuyện. Hôm nọ khi em quyết định không đi theo anh. Anh đã thấy em chọn những viên đá quý và cho vào một túi riêng đúng không?

- Đúng vậy Jane ạ. Anh định hỏi em muốn làm gì nhưng nghĩ như vậy thật khiếm nhã nên lại thôi.

- Em cũng đoán được ý định của anh. Nhưng vì chưa đến lúc nên em không nói gì cả.

- Chiếc túi ấy thêu hai chữ C và S bằng tay - René nói.

- Hai chữ ấy làm anh tò mò đúng không?

- Đó là chữ viết tắt của Claire de Sourdis.

- Đúng thế. Đó là chiếc túi dành cho Claire de Sourdis của em. Một ngày nào đó khi anh làm Napoléon quên đi lỗi anh mắc phải khi anh có được vị trí xứng đáng, tiểu thư Claire de Sourdis sẽ trở thành vợ anh. Khi đó anh sẽ nói với chị ấy rằng: "Anh đã gặp, ở xứ sở nhiệt đới với những đam mê cháy bỏng, hai cô gái, hai người em họ. Ban đầu, anh đã cứu danh dự của họ rồi cuộc sống của họ. Khi xa em, dù luôn nghĩ đến em, anh vẫn dành mạng sống của mình cho họ. Cô em bất hạnh qua đời: Anh yêu cô ấy bằng một tình bạn đằm thắm nhưng trái tim anh không thuộc về cô ấy, nó thuộc về em. Cô ấy chết vì tình yêu đó là một trong những tình yêu chỉ gây tử biệt khi nó không sống được. Nhưng trước khi chết cô ấy đã chuẩn bị cái túi này từ tài sản riêng của mình nó bao gồm ba món quà hoàn chỉnh, một viên hồng ngọc, một viên ngọc saphia và một viên ngọc bích. Tự tay cô ấy chọn chúng trong số lượng đá lớn gấp mười lần. Tự tay cô ấy cũng thêu tên viết tắt của em trân chiếc túi này. Cuối cùng, trước khi qua đời, cô ấy nhờ anh trao lại nó cho em, đây là món quà cưới. Em không được quyền từ chối nó vì nó được tặng cho em từ bàn tay của người dưới mộ. Em đừng ghen, anh không bao giờ yêu cô ấy vả lại người ta không cần ghen với người đã chết.

René khóc nức nở.

- Thôi em đừng nói, Jane, em đừng nói nữa.

- Lần nào anh nhìn thấy ba đồ trang sức này, anh sẽ buộc phải nghĩ đến em.

- Ôi Jane, Jane? - René lêu lên - Em có thể nghĩ anh có lúc nào lại quên em ư?

- Em khát nước - René, cho em uống nước.

Nhu cầu uống nước là điều duy nhất cô đòi ba lần từ sáng.

René đưa ly nước và Jane uống lấy uống để. Trán cô sẫm lại, cô có vẻ ngày càng yếu.

- Không ai đến hỏi han em à? - Jane hỏi - Hình như chị gái em thực hiện lời em yêu cầu được ở riêng với anh.

René thấy tiếc vì trong thâm tâm Jane đã đổ lỗi thờ ơ cho Hélène. Anh tự trách mình giấu chuyện thăm ban nãy.

- Đừng trách Hélène - Anh nói - Cô ấy đã đến đây trong khi em ngủ.

- À - Jane cười - Em không nhầm mà, chính chị ấy là người em đã thấy trong giấc mơ, em lại tưởng chị ấy là thiên thần từ trên trời. Chị Hélène yêu quý, chị ấy chẳng khác gì các thiên thần, chỉ cần thêm đôi cánh nữa thôi.

- Jane này - René nói - Anh không rời em một giây phút nào cả, nhưng em cũng đừng khiến những ai yêu quý em đau lòng vì không được em gặp không lo nghĩ đến họ khi em sắp xa họ mãi mãi.

- Anh nói đúng René, hãy gọi mọi người lại đây.

René nhẹ nhàng đặt đầu cô xuống gối và đi gọi Hélène.

- Đến ngồi lại bên em đi - Jane bảo anh - Không ai được quyền như anh, ở bên em cho đến khi em chết. Đêm nay, em không muốn ngủ. Khi mọi người trở về, anh sẽ bế em ra ngoài hiên nơi chúng ta từng trải qua những giờ phút hạnh phúc. Em sẽ vĩnh biệt bầu trời, các vì sao, tất cả và anh.

Họ nghe tiếng bước chân những người đến cầu nguyện bên Jane, đầu tiên là chị gái Hélène của cô, James Asplay và vị cha cố.

Sau những người đó là ông già Rémi, ba con trai của ông, Adda và François. Sau François đến lượt người làm, gia nô người Miến và đám người da đen. Tất cả đều quỳ gối. René đứng ở đầu giường. Cha có đứng giữa phòng, tất cả những người khác quỳ quanh ông.

Thật xứng đáng thay một người như cha Louis. Ở bất cứ hoàn cảnh nào, ông cũng tìm được ngôn từ thích hợp. Bản diễn ca của ông là một lời từ biệt cảm

động của cô thiếu nữ đến những điều mới lạ, đến những bí ẩn của tình yêu, đến sự dịu dàng của việc kết hôn, niềm vui làm mẹ. Ông đối lập những thứ trên với hạnh phúc vĩnh hằng, thần thánh dành cho những người con được Chúa lựa chọn.

Jane lại ngất đi lần thứ hai. Cha cố là người đầu tiên nói:

- Ta nghĩ không ai thánh thiện hơn đứa con ngoan đạo này, cô ấy không cần phải cầu nguyện cũng về được trời.

Ở lại bên Jane chỉ còn René, Hélène và James. René cho Jane ngửi muối. Cô rùng mình, làm vài động tác theo bản năng, mở mắt trở lại và mỉm cười. Cô thấy quanh mình có tất cả những người yêu quý cô và những người còn yêu cô mãi, cả người cha đang chờ cô trong giáo đường. Cô đưa tay cho Hélène và Hélène một lần nữa sà vào vòng tay em gái.

- Chị biết là em không thể sống được nữa, chị Hélène yêu quý của em - Jane nói - Em đã hỏi bà già khốn khổ người cho em cái chết nhẹ nhàng nhất, bà ta đã hướng dẫn cho em để rắn khoang cắn. Nếu em chết đó là em muốn như vậy và đừng trách em nếu René rời xa em hôm nay, em sẽ chết từ từ trong đau đớn và buồn khổ. Chính em phải là người bỏ anh ấy em không muốn thế nhưng bất hạnh mà người ta tự chuốc cho mình lúc nào cũng không thể chịu nổi. Đó là thứ số phận áp đặt mà người ta không thể cam chịu. Hãy xem em bình tĩnh và hạnh phúc biết bao. Nhìn chị thế kia người ta lại nhầm tưởng chúng ta đổi vai thì sao? Chị khóc còn em lại cười. Chị Hélène yêu quý của em, để cái chết đến với em như em mong muốn, cứ để em ra đi trên vai anh ấy, bàn tay yêu dấu của anh phải mãi mãi ấp tay em trên ngực em. Chị còn nhiều tháng ngày hạnh phúc phía trước, em chỉ còn vài phút nữa thôi. Hãy để em với anh ấy. Anh ấy sẽ là người đi báo cho chị biết.

Hélène ôm hôn em lần cuối, James nắm chặt tay cô. Người ta nhận thấy trong nét bình thản trên khuôn mặt cô có một cơn run run đau đớn và một giọt nước mắt chảy ra qua đôi rèm mi khép lại rồi cả thân hình cô được bóng dáng của Hélène chùm lên ôm chặt lấy cô như thể Hélène sợ cái chết giằng mất người em của mình.

Thời gian vẫn trôi, đêm đến và dù trong phòng không có ánh sáng đêm ấy vẫn là đêm sáng tỏ, người ta có thể nhìn rõ như trong một buổi chiều tà.

- Thời điểm ấy đến gần quá rồi - Jane nói - Em thấy cái lạnh đang dần ngấm dần, em không đau nữa, em chỉ thấy không thể sống được. - Cô chỉ vào thắt lưng nói.

- Từ đây em không nhìn thấy gì nữa. Hãy mang em ra chỗ ban công của chúng ta. Em muốn nói lời vĩnh biệt anh ở đó, đó là nơi em sẽ ra đi.

René ôm Jane, bế cô ra ngoài ban công đặt cô ngồi vào lòng. Đến đó, cô gái như thở được và tươi hơn. Đêm trong suốt như đêm hôm trước. René nhìn qua bãi cỏ con đường mà Jane đã đi. Anh thấy mụ da đen đến bên cô. Anh nghe tiếng cô hét lên rồi ngã xuống, anh thấy mụ da đen lăn ra sau phát súng của mình. Tất cả cảnh tượng ấy bày ra trước mắt khiến anh khóc nức nở. Anh áp Jane vào lòng mà rên siết.

- Ôi! Jane, Jane yêu quý!

Jane mỉm cười.

- Anh làm tốt thật vì không nói câu ấy với em từ hôm kia, nếu không em đã không thể quyết định ra đi nổi.

Cô im lặng một lát, mắt cô mở to như muốn nhìn cả René và bầu trời.

- Ôm em chặt trong vòng tay anh nữa đi, anh René - cô nói - Hình như anh đang để em tuột khỏi anh.

- Ồ không - René kêu lên - không, ngược lại, anh đang ôm em chặt có thể đây.

- Nếu thế, là cái chết đang kéo em về phía nó rồi. Bảo vệ em, René! Hãy bảo vệ em!

Đôi tay quàng lên quanh cổ René cứng đờ và cô ngả đầu vào ngực anh. René cũng gục đầu mình vào đầu cô.

Một lát sau, anh cảm thấy cô run lên. René ngẩng đầu và nhìn thấy khuôn mặt cô co giật vì đau đớn.

- Ôi! Cô hét lên - Nó cắn vào tim nó cắn vào tim.

Bằng một động tác kéo đầu René xuống cô áp đôi môi mình vào môi chàng trai: "Vĩnh biệt! Vĩnh biệt" - Rồi bằng giọng lí nhí không rõ ràng cô nói thêm: Tạm biệt! Có thể…

Rồi cô thả lỏng toàn bộ sức nặng của cơ thể lên tay René.

Anh nhìn cô: mắt cô vẫn mở, nhìn như cô vẫn thấy. Anh áp tay lên ngực, tim cô ngừng đập. Anh áp má lên môi cô: hơi thở đã tắt, hơi thở cuối cùng chạm vào mặt anh đã mang linh hồn cô ra đi.

Anh im lặng nhìn cô vài phút. Anh cứ luôn nghĩ chỉ một từ hay một cử động nào đấy sẽ cho cô tỉnh lại lần cuối.

Nhưng không cô đã ra đi, ra đi mãi mãi.

René đưa cô trở lại phòng, đặt cô lên giường bắt chéo hai tay trước ngực và gõ chiêng. Tất cả mọi người chạy đến. Hélène và James là người đến đầu tiên.

- Tất cả đã chấm dứt - René nói.

Tiếng khóc vang lên từ tứ phía. Hélène lại gần. Giang tay định vuốt đôi mắt còn mở.

- Ồ không - René nói và nhẹ nhàng đẩy tay Hélène ra - cô biết rõ tôi là người phải làm việc này.

Anh đưa tay vuốt mắt cho Jana. Đôi mắt ấy bây giờ chỉ mở trước ánh sáng của ngọn lửa xa lạ dẫn dắt linh hồn đến miền vĩnh hằng. Làm xong động tác thành kính ấy, René lao ra ngoài phòng và nói:

- Hãy ở lại với thi thể, nếu thi thể này có một linh hồn tôi sẽ mang linh hồn ấy đi cùng tôi.

Thật ra, chỉ có một trong hai người vào lúc ấy biết được cái bí mật sâu xa mà

họ thường nói với nhau trước những vì sao đêm.

René không yêu Jane như một người tình mà như một người bạn trai dịu dàng nhất, một người anh tận tụy nhất. Con người sắt thép này cần được ở một mình để khóc.

Jane đã chết. Khí hậu quá nóng bắt buộc tang lễ phải được cử hành ngay. Chỉ còn mình cha cố ở bên cô. Hélène đã trở về phòng mình và kết thúc đêm tân hôn bằng cách khóc em như mưa như gió trong vòng tay chồng. Cuối cùng, ông già Rémi và ba con trai lo mọi chuyện hậu sự, trong khi Justin trang trí toàn bộ giáo đường bằng hoa thì Adda lo khâm liệm thi thể, đặt Jane giữa những cành tươi trên đệm và một cái gối dệt từ sợi cây lô hội, vào cỗ quan tài bằng gỗ tếch do Jules và Bernard chuẩn bị.

Năm giờ ngày hôm đó, tiếng chiêng buồn bã vang lên báo hiệu lễ tang sắp diễn ra. Tất cả mọi người trong khu nhà tập trung trước sân, trên bậc thềm cỗ quan tài đã đặt sẵn: Mọi người cầu nguyện lần nữa và bốn thiếu nữ đưa cỗ quan tài vào giáo đường.

René đã thả hai con voi. Như thể chúng hiểu nỗi bất hạnh ấy nên cũng đi theo đoàn người và hoặc vì thấy thiếu cô gái hoặc hiểu mọi người đang đau buồn mà chúng cũng buồn thiu đứng cạnh hai bên cửa giáo đường bất động và câm lặng.

René được đưa vào hầm mộ nơi Ève và tử tước Sainte-Hermine đã yên nghỉ. Theo thông lệ từ thời nguyên thủy, sau khi nghi lễ tôn giáo là một bữa ăn lớn trong đó cả nô lệ thấp kém cũng được tham dự.

Jane chết, René càng quyết tâm rời khỏi khu nhà và ngay hôm sau tang lễ. Anh thông báo mình sẽ ra đi. Dù mang ơn anh với những gì anh đã làm cho

hai chị em họ song sự hiện diện của anh vẫn khiến Hélène thêm buồn. Hélène là người hiểu quá rõ tình yêu của Jane với người đàn ông này đã giết chết cô. Nhưng vì Hélène không biết tên thật và xuất thân của René nên cô không thể ngăn mình nghĩ rằng chính anh là nguyên nhân gây ra cái chết của em gái mình. Thay vì những lời cảm ơn nồng nhiệt cô lại dè dặt nhắc đến khoản chi phí của René trong chuyến đến Miến Điện. René chỉ mỉm cười nhìn cô hôn tay cô rất lịch lãm và Hélène hiểu mình không nên nói thêm về chuyện này. Như thể cũng đoán trước sự từ chối đó, cô tặng cho René một hộp nhỏ do Jules chế tác đựng đầy đá quý nhưng René rầu rầu rút từ ngực ra chiếc túi cho chính tay Jane thêu mở ra cho Hélène xem.

Tuy thế anh vẫn để chiếc hộp Jules làm xuống bàn chọn một viên đá saphia đẹp nhất trong số những viên đá quý Hélène tặng và nói.

- Viên đá quý này, tôi sẽ làm một chiếc nhẫn và sẽ đeo mãi không rời.

Hélène chìa hai má cho René và nói:

- Ồ đó lại là chuyện khác, đó là món quà của một cô em gái cho anh trai.

Và René ôm hôn cô.

Ngày hôm sau, tất cả đã sẵn sàng cho chuyến ra đi. Đoàn người vẫn như khi họ đến, chỉ riêng hai con voi là Jane muốn giữ lại ở khu nhà nên được René để lại. Khi James, đến lượt mình và trong hy vọng may mắn hơn Hélène hỏi anh định giá lũ voi bao nhiêu thì René trả lời.

- Jane đã ngỏ lời và tôi trao chúng cho cô ấy. Chúng là của cô ấy.

Ngày hôm sau trời mới hửng sáng đoàn người đã sẵn sàng và chờ trong sân.

Trong giây lát, người ta thấy lo cho René. Anh không xuống khỏi phòng, khi người ta lên xem, anh không ở đó. Mọi người bổ đi tìm thấy anh đang ở cạnh Jane.

Còn một chuyến viếng thăm cuối cùng nữa, đó là thăm Omar và Ali. Ban đầu, hai con voi này tưởng người ta mang nó đi với anh, nhưng chúng nhanh chóng nhận ra mình không tham gia vào cuộc hành trình và vốn không đủ lịch sự để che giấu nỗi buồn, chứng tỏ những cử chỉ rõ ràng nhất và ấn tượng nhất với anh.

Họ chia tay nhau ở nơi họ đã gặp nhau lần đầu trên *Đất Trầu*.

James khăng khăng muốn tặng khẩu Manton tuyệt đẹp của mình cho René và René cũng tặng lại khẩu súng của anh. Hélène có thể tặng nhiều hơn, đó là chìa cặp má cho anh hôn tạm biệt.

Lần trở về này vì không có phụ nữ đi theo làm chậm trễ cuộc hành trình nên quãng đường từ Đất Trầu đến Pégou chỉ phải nghỉ một chặng.

Như vậy, họ phải ngủ lại bên hồ để ngày hôm sau đi thẳng một mạch tới Pégou.

René và François trèo lên hai con ngựa Miến dáng đẹp và khoẻ không biết mệt. Những người còn lại đi bộ, nhưng kỳ lạ thay là họ còn khoẻ hơn cả ngựa.

Đoàn người nghỉ một lát lúc buổi trưa để tránh cái nóng nung người dưới bóng mát của rừng rậm. Được ba anh em Justin cho rất nhiều trầu. René chia cho mọi người và hứa với họ chỉ một lần nghỉ tối và nghỉ trưa mai là về nhà.

Khoảng năm giờ chiều, họ đã đến hồ nước.

Vừa đến nơi, dù từ xa họ nhìn thấy bập bềnh trên mặt nước những hình thù như thân cầy bị bật rễ, những con cá sấu thân rất dài nhưng vài người da đen và người Indu không thể cưỡng lại ý muốn lội xuống tắm. Họ chỉ cần cởi một loại áo chùm giống như váy dài đến đầu gối là đã ở trong trang phục của người tắm. Họ cởi áo và nhảy xuống nước. Trong khi đó René và François

đứng canh súng lăm lăm trong tay, lúc nhìn xuống hồ lúc nhìn vào mảng rừng rậm chằng chịt.

Chú thích:

(1) Nàng Eurydice trong thần thoại Hy Lap vợ của Orphée bị Arist truy đuổi và bị một con rắn độc cắn chết

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 81
Trở về (2)

Đột nhiên một người đang bơi kêu ré lên rồi biến mất dưới làn nước. Chắc chắn là một con cá sấu đã lặng lẽ lại gần anh ta ngoạm vào chân và lôi xuống đáy hồ.

Với tiếng hét hoảng hốt và kinh hãi như thế, tất cả những người khác vội bơi vào bờ. Nhưng phía sau họ vài bước người ta đã thấy một con quái vật rẽ nước bơi lại. Người bị đuổi vội tăng tốc bơi lại gần bờ gấp hai lần.

Anh ta vừa đứng trên mặt đất cũng là lúc con cá sấu nhô cái đầu lên khỏi mặt nước. Nó bám chân bò lên đất. Người da đen chỉ cách nó chục bước vội chạy hết sức về phía René.

- Này, có chuyện gì thế - René cười hỏi.

- Một con cá sấu, nó muốn dùng tôi làm bữa trưa - Người da đen đáp.

Trong lúc ấy, con cá sấu đã lên hẳn trên bờ chuẩn bị đuổi theo người da đen mà nó nghĩ anh ta vừa chạy trốn.

- Này, - René hỏi - cá sấu có tấn công người trên cạn không?

- Tôi nghĩ chắc như thế thưa ông chủ, nhất là khi nó đã được nếm mùi thịt người rồi. Nhưng kìa nó đang lại gần phía tôi, bây giờ tôi sẽ săn nó.

- Nhưng cậu không có vũ khí? - René nói.

- Không cần - Người da đen nói rồi quay sang các bạn của mình - Ồ tui không cần, lại đây các anh tui chỉ cần một cái cây.

Và thay vì chạy trốn, con cá sấu dừng lại. Thấy con mồi có đồng loại giúp đỡ, nó ngại không tiến thêm.

Nhưng người da đen chạy lại thật gần nó khiến nó tưởng đớp được anh ta, há miệng ngoác vái miệng ra, song cái mõm nó khép lại như tiếng hai thanh ván va vào nhau. Con vật chỉ đớp được không khí.

Nó bắt đầu đuổi theo. Nhưng anh chàng châu Phi nhanh chóng leo lên cái cây gần đó vừa chỉ cho các bạn để kết thúc trò đùa với con cá sấu.

Anh ta vừa kịp lấy đà nhẹ nhàng leo lên cây như một con khỉ thì con cá sấu cũng trườn cách anh ta mươi bước. René nghĩ anh chàng da đen đã qua khỏi cơn nguy hiểm thì thấy con cá sấu nặng nề trườn lên cây như một loài bò sát quỷ quái nhích lên sau anh chàng da đen.

Anh ta bèn đu vào một cành nằm song song với mặt đất. Con cá sấu mải theo mồi cũng leo ra cành đó. Đến đây ai cũng lo cho anh chàng da đen vì đoán anh chắc thua. Nhưng anh ta leo ra đầu cành và nhẹ nhàng đu xuống đất.

Lập tức, các bạn của anh ta chạy lại giúp đỡ, họ túm đầu cành cây cùng nhau lắc thật mạnh khiến cành cây rung tít, đột ngột nên dù cứng đến mấy, con cá sấu bắt đầu hiểu nó đã rơi vào bẫy.

Bấy giờ nó có những cử chỉ sợ hãi chứng tỏ đã nhận ra mình sinh ra không phải để leo lên cây, nó thẳng đơ người, dùng hết sức của bốn chân bám chặt vào cành, mặc cơn rung lắc mạnh, cố giữ thăng bằng. Nhưng cuối cùng nó phải lăn xuống mạn dưới thân cành cây như chiếc yên lăn xuống bụng con ngựa rồi rơi bịch xuống.

Thấy nó bất động, mấy người da đen chạy lạy. Nó đập đầu xuống đất trước nên bị gẫy cổ.

Một tiếng sau, đoàn người ngồi quây quần bên một đống lửa lớn ăn thịt cá sấu chứ không phải bị nó ăn thịt.

Đêm xuống rất nhanh. René ra lệnh cho tất cả mọi người đi nhặt củi cạnh rừng để đốt một đống lửa lớn xua các oải rắn rết, thú dữ và cá sấu.

Mười phút sau, người ta đã lượm đủ củi đốt cho cả đêm. René dùng củi dựng thành đống sao cho họ có thể chất thêm khi lửa lụi dần.

Cuối cùng anh mời trầu cho mọi người khiến họ rất vui rồi để mọi người đi ngủ. Anh tuyên bố mình cùng François sẽ canh cho tất cả bọn họ.

Đống lửa đã cháy. Đêm xuống cùng với bản hoà nhạc tang tóc của tiếng hổ gầm gào, tiếng báo rên gừ gừ và tiếng cá sấu rền rỉ giống tiếng khóc của trẻ con. Hình như tất cả đều lên tiếng để doạ nạt con người: rừng, nước như chiến trường cho đội quân của quỷ sẵn sàng xông vào xâu xé nhau. Không khí là kẻ cuối cùng xung vào chiến trường ấy. Vào khoảng mười một giờ những con dơi to như chim cú đến lượn trên đống lửa vừa thêm những nốt chói tai vào bản hoà ca kinh sợ ấy vừa bay trên lớp khói như thể đám khói ấy bốc lên từ cửa địa ngục.

Phải có trái tim ba lần bọc thép như Horace nói mới không run sợ trước âm thanh ấy. Dù là người vô cùng gan dạ, François trong giây lát vẫn thấy lòng can đảm chạy đi đâu mất. Anh ta đặt một bàn tay lên cánh tay của René, tay kia chỉ cho anh hai đốm sáng nhấp nháy trong rừng cách họ khoảng ba chục bước chân.

- Im lặng nào - René nói - Tôi thấy chúng rồi.

Rồi điềm tĩnh đặt báng súng lên vai ngắm mục tiêu, anh bóp cò.

Một tiếng rú lồng lộn đáp lại phát súng của anh. Sau đó, như thể tiếng rú ấy là dấu hiệu đánh thức vô số những tiếng hú khác quanh cái trại nhỏ, cả chốn rừng hoang đang đe doạ.

- Chất thêm củi vào đống lửa đi - René bình tĩnh nói.

François tuân theo.

Bị giật mình tỉnh dậy, những người Miến và người lndu kẻ quỳ người đứng.

- Ai trong số các anh trèo lên một cái cây kia và chặt cành xuống được? - René hỏi bằng tiếng Anh.

Một người Miến đứng ra mượn François thanh gươm và nhanh nhẹn leo lên cây gần trại nhất. Cành cây đổ rào rào xuống tứ phía. May thay, đó là cây có nhựa cháy, những cành đầu tiên vừa ném thành một vòng tròn, lập tức một vòng lửa dựng lên như bức thành ngăn khu trại với cánh rừng. Tuy thế, tại nơi René vừa nhả đạn những tiếng rên rĩ vẫn vang lên: hoặc con hổ bị thương chưa chết hoặc theo thông lệ, kẻ bạn tình của nó vẫn quẩn quanh.

René bắt đầu nạp đạn và đưa cho François giữ bốn khẩu súng trường tạo thành một dàn pháo của anh. Sau đó, anh lượm những hòn than hồng ném lên cây vừa bị chặt. Thân cây bắt lửa. Chỉ trong chốc lát, ngọn lửa quấn lên thân, lên ngọn tạo thành một đống lửa khổng lồ chiếu sáng cả vùng năm chục bước quanh đó. Nhờ thế người ta thấy bên hồ những con cá sấu đang cố bò lên bờ trườn nhẹ đến chỗ đoàn người.

René tiến về phía hai con bò sát khổng lồ trong giây lát đang lưỡng lự bò tiếp vì sợ lửa. Người ta quan sát cặp mắt to ngây dại của chúng đang ngỡ ngàng, cơ thể chúng bị chạm phải lửa quá nóng đang rúm người lại. Mỗi mắt chúng phải to như đồng năm phăng, một con đang tiến về phía René. Anh bắn một phát đạn vào mắt con gần nhất đang cách anh khoảng chục bước. Con này quằn quại rồi lăn nhào trở lại phía hồ nước vài bước.

Thế là anh chàng da đen vừa săn cá sấu ban nãy vớ lấy cành cây có một đầu đang cháy dùng nó như một mũi lao phóng thẳng vào họng con quái vật. Con này kêu rú lên ghê người, đi dập lửa bằng cách lao xuống hồ. Con thứ hai thấy sợ trước những gì xảy ra với bạn nó liền lùi lại và cũng trườn xuống nước.

Trong khi đó, cái cây vẫn cháy đùng đùng. Từ ngọn cây rụng xuống những cành cháy đỏ đổ lửa xuống vạt cỏ lan sang những cây lân cận. Chẳng mấy chốc lửa lan ra thành vòng rất rộng. Gió từ mặt hồ thổi lên đẩy mạnh đám lửa trước mặt nó đi xa. Lửa lan đến đâu người ta nghe những tiếng các con vật đến đấy. Giữa những tiếng kêu tán loạn có tiếng phun phì phì của lũ rắn vừa chạy vừa trườn cái đuôi của chúng lên cành cây nơi chúng đang quấn đậu.

- Thôi nào các bạn của tôi, - René nói - Tôi nghĩ bây giờ chúng ta có thể yên tâm ngủ được rồi.

Và khi nằm giữa vòng trong lửa, năm phút sau quả nhiên anh đã ngủ ngon lành như đang ở khoang tàu của mình vậy.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 82
Hai chiến lợi phẩm

Sáng sớm hôm sau, René thức dậy, còn François, anh ta không thể làm như vậy. Là lính canh cần mẫn, anh ta đã gác cả đêm. Không một con thú nào, ngay cả cá sấu, đến quấy quả nữa.

Khi thức giấc, René ra hiệu xuất phát và không quên cho mọi người uống chút rượu arack và nhai trầu. May thay lũ ngựa đã bị buộc níu vào nhau, nếu vì sợ đám lửa bị mặt hồ phản chiếu như một tấm gương khổng lồ mà chúng chạy trốn, e là chúng không thành công.

Tất nhiên đã có một lúc tất cả loài vật sống ở chốn đáy sâu của cái mặt nước này không hiểu chuyện gì xảy ra. Rừng đã cháy rộng đến nửa dặm và ngay cả hồ nước cũng giống như một hồ lửa.

Hôm sau, khi trời sáng rõ, tất cả đã chạy trốn. Người ta không nghe thấy tiếng hổ gầm, tiếng rắn phun phì phì, tiếng cá sấu xì xoạt. Tất cả đều im lặng, tất cả đều đã chạy trốn đám cháy đến nỗi người ta còn nghe tiếng bước chân bên rừng rậm.

Mọi người nhìn René đầy ngưỡng mộ. Ban ngày một người có thể đối diện với nguy hiểm mà không nao núng nhưng ban đêm vẫn người ấy có thể lại run lên trước mối lo hoặc trước sự việc mà ban ngày anh ta cho là quá dễ. Nhưng tâm hồn của René là nước thép đặc biệt nên nỗi sợ không thể xâm nhập được.

Đoàn người tiếp tục đi bộ. Không ai thú nhận nỗi sợ đang đè trĩu trong người họ nhưng những bước chân của họ cho thấy ai cũng muốn mau chóng thoát khỏi cánh rừng nguyền rủa ấy.

Khoảng hai giờ chiều người ta đã nhìn thấy bìa rừng và ai nấy đều thở phào. Họ nói đến chặng nghỉ và ăn tối nhưng phải đến lúc ra khỏi rừng người ta mới dám thực hiện dự định ấy, cái dự định mà nếu thực hiện trong rừng có lẽ được coi là khá táo bạo với cả những người dũng cảm nhất.

Khi ra đến đồng bằng lúc trời còn sáng mọi người mới bắt đầu nhận ra rằng họ đã đi từ sáng mà chưa ăn gì. Họ vui vẻ ngồi xuống, lấy đồ ăn đeo hai bên sườn ngựa gồm một chiếc đùi linh dương quay và hun khói, mỗi người cắt một miếng, vừa ăn vừa uống một ly rượu arack.

Sau đó, chỉ mất hai ba tiếng đi bộ trong địa hình bằng phẳng và họ không gặp tai nạn nào cho đến khi về thành Pégou.

Con tàu của René không hề di chuyển. Nó vẫn bập bềnh bên mỏ neo.

René ra hiệu, lập tức chiếc xuồng nhỏ được tháo khỏi mang tàu *Tay đua New York* đến bờ đón anh. Người đến chờ René thanh toán tiền thuê người, ngựa và voi đang đợi anh trên tàu.

Ngay tối hôm ấy, họ thanh toán mọi khoản trước sự chứng kiến của ông chủ cảng. Riêng hai con voi mà René làm quà tặng cho Hélène không có trong hợp đồng nên chuyện sẽ được bàn với ngài Shabunder. Như đã nói ở trên, chức danh Shabunder tương đương với chức cảnh sát trưởng hải quân ở Anh.

Không gì có thể níu giữ René ở lại Miến Điện nữa, chỉ ngẫu nhiên đã dẫn anh đến đây. Nghĩa vụ gia đình anh đã hoàn tất, không còn lý do gì mà lưu luyến chốn này. Vì vậy, ngay hôm sau họ thuê người hoa tiêu dạo trước đi xuôi dòng Pégou.

Đó là ngày 22 tháng Năm năm 1805.

René hoàn toàn không biết chuyện gì xảy ra ở Pháp từ ngày anh rời Saint-Malo lên tàu *Revenant* một năm trước.

Cũng không phải có quá ít lý do để người ta tiếc thương tổ quốc nơi sinh ra ta. Vả lại, René đã rời nước Pháp ở thời điểm có nhiều sự kiện trọng đại đang phôi thai. Ngài Bonaparte đã quyết định sinh tử với nước Anh. Liệu ông ta có theo đuổi dự định ấy hay đã từ bỏ nó rồi? Đây là điều không ai có thể nói với anh từ khi anh đến An Độ.

Có lẽ khi về đến đảo Pháp, gặp lại thuyền trưởng Surcouf, ông ta có thể cung cấp cho anh vài tin tức gì đó chăng. Nhờ dòng sông mang tàu *Tay đua New York* ra biển, họ chỉ mất ba ngày là vượt đoạn đường từ Pégou đến Rangoon. Ngày thứ tư, họ vào biển.

René chỉ đạo nước chạy con tàu về mũi đảo Sumatra. Mười ngày sau anh nhận ra mũi Achem. Ngay tối hôm ấy anh vượt qua nó đi vào một khoảng không mênh mông vô tận trải dài không có mỏm đá nào từ Achem đến Chagos.

Sớm hôm sau, thủy thủ canh gác hô to "Có tàu!", lập tức René chạy lên boong tay cầm ống ngắm.

Quả thật từ phía trên múi Jouzou, người ta nhận ra ba con tàu, hai chạy về phía quần đảo Chagos và một tiến đến chỗ họ. Qua vẻ bề ngoài René đoán hai tàu đều là tàu buôn. Nhưng ở thời điểm ấy tàu buôn cũng trang bị vũ khí như tàu của chính quyền. Tuy nhiên, René lại tập trung toàn bộ sự chú ý của mình vào con tàu đang tiến đến gặp họ. Qua dáng vẻ nhẹ nhàng và lướt nhanh của nó, anh dễ dàng nhận ra đây là một tàu có vũ khí dùng để săn đuổi.

René chuyển ống ngắm cho François chỉ nói gọn "Nhìn kìa!" nhưng toàn bộ sức nặng đó đè lên câu nói ấy.

François cầm ống ngắm nhìn một hồi rồi không thể kìm được cơn run lên vui sướng. Thấy René mỉm cười, François trả anh ống ngắm và thì thầm:

- Tôi xin thề đúng là nó.

Một phát đạn pháo của con tàu đang ấy tách biệt vang lên, cờ hiệu của nó cuộn quanh một lớp khói.

- Cậu thấy chưa, cờ Cộng hoà đấy - René bảo François.

Hai con tàu đang chạy cầm chừng lập tức cũng đáp trả bằng một phát đạn đại bác và giương cờ Anh lên.

- Giương tất cả buồm lên! - René ra lệnh - Quay mũi tàu về phía có đụng độ!

Tàu của René cách đó độ hai dặm biển nhưng trời ít gió lên chẳng mấy chốc tàu của anh cũng nằm giữa đám mây khói. Việc ít gió không quan trọng đối với con tàu có thể chạy năm đến sáu dặm một giờ như *Tay đua New York*.

Càng đến gần, lớp khói càng dày vấn vít lấy ba chiếc tàu. Tiếng đạn pháo không ngớt từ những cái miệng lửa tạo thành những tiếng vang rền rĩ đến từ phía Mã Lai giống như tiếng sấm dai dẳng không dứt. Ba chiếc thuyền buồm đã vờn nhau gần một tiếng thì René ra lệnh chuẩn bị lao vào lớp khói mù mịt bao quanh họ. Các pháo thủ vào vị trí, qua ánh mồi lửa René thấy tên một trong hai tàu là Louisa.

Bất cần nó thuộc quốc gia nào và thủy thủ đoàn của nó là ai! Anh chỉ biết con tàu buôn này đang chiến đấu với một tàu Pháp. Anh chỉ cần có thế!

- Khai hoả mạn trái! - Anh ra lệnh.

Sáu khẩu đại bác từ mạn trái đồng loạt nhả đạn. Rồi vượt lên trước con tàu đang ngỡ ngàng không biết mình gặp phải địch thủ nào, anh bắn hai phát dọc từ mũi xuống đuôi con tàu Anh. Một tiếng gãy răng rắc vang lên: cột buồm

mũi đổ gục xuống boong tàu Louisa.

Qua làn khói ngày càng dày đặc, René nghe thấy giọng nói quen thuộc át mọi âm thanh: "Tấn công lên tàu!"

Lúc này cột buồm mũi của René vướng vào dây neo của con tàu trước mũi nó mà anh chưa biết tên. Mặc kệ, anh hoà theo tiếng hô ban nãy bằng một tiếng hô tương tự: "Tấn công lên tàu!"

Dứt lời qua một tia sáng, anh nhận ra một viên sĩ quan Anh trên bàn điều khiển con tàu anh vừa áp sát, René chuyển súng trường từ tay phải sang tay trái, vai rung mạnh nhả đạn và thấy tên người Anh lăn tròn xuống boong.

- Tấn công! - Các bạn ơi tấn công! Anh hét lên một lần nữa rồi lao đầu tiên lên cột buồm mũi trong khi chục người khác do François dẫn đầu cũng leo lên dây neo đu sang cột buồm theo sau chỉ huy của họ.

Người Anh còn đang ngỡ ngàng không hiểu những người này ở đâu ra hay từ trên trời rơi xuống thì giọng nói như sấm của René bằng tiếng Anh vang lên:

- Hạ cờ xuống cho tàu *Tay đua New York*?

Viên trợ lý trên tàu Anh giơ tay định ngăn lại lệnh nhưng tay hắn đã thõng xuống theo cơ thể, giọng nói của hắn nghẹn lại trong cuống họng, một viên đạn từ súng lục vừa xuyên qua thái dương hắn. Lần này tàu Anh hạ cờ và René nói bằng tiếng Pháp.

- Các bạn, dừng chiến, tàu Anh đã hàng rồi.

Nói xong anh lắng nghe. Tất cả đã im lặng.

Người ta cảm thấy một cơn gió thổi đến làm căng hai cánh buồm che phủ trận đấu và hai con tàu. Khói vẫn chầm chậm quấn lấy các cột buồm. Hai con tàu Anh đều đã đầu hàng vài phút sau, René nhận ra viên thuyền trưởng trên con tàu cộng hoà Pháp cũng làm chủ boong tàu địch thủ của mình giẫm

chân lên cờ Anh.

René không nhầm: đó chính là thuyền trưởng Surcouf.

Cả hai đồng thời kêu lên vì sung sướng và vì chiến thắng.

Nếu như hai tay họ không với tới nhau được thì hai cái tên thốt ra từ miệng họ cho thấy hai người bạn đã nhận ra nhau.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 83
Trở lại cảng Chien-De-Plomb

Trong thời gian đầu, cả Surcouf và René không dám rời con tàu họ vừa chiếm được. Nhưng khi mời thủ tục vừa hoàn tất, các sĩ quan vừa chấp nhận đầu hàng, François được tuyên bố trở thành chỉ huy tàu Louisa và Èdeux, trợ lý của Surcouf trở thành chỉ huy con tàu ba cột buồm Le Triton thì hai chỉ huy René và Surcouf sai thả xuồng lòng biển để đi thăm nhau.

Đi được nửa đường, hai chiếc xuồng gặp nhau, René nhảy lên chỗ Surcouf và lao vào vòng tay của ông.

Hiển nhiên, họ bên nhau suốt ngày và ăn tối cùng nhau. Ai cũng tán dương tài nấu bếp của tàu mình để lôi kéo bạn nhưng cuối cùng họ đồng ý ăn tối trên tàu *Tay đua New York*. Kết quả là hai người bạn cùng trở lại con tàu của người buôn nô lệ da đen trước kia.

René kể vắn tắt chuyến đi của mình tới Miến Điện cho ngài Surcouf nào là những cuộc đi săn, những cuộc tấn công ngày đêm, trận quyết đấu với hải tặc Mã Lai, ẩáp đọ gươm với con trăn và không quên nhắc đến cái chết của Jane nhưng không nói gì đến hoàn cảnh vì sao cô qua đời. Cuối cùng, anh kể về *Đất Trầu*, vụ đốt rừng sau hai lần cá sấu tấn công và hổ tấn công.

Ngài Surcouf giậm chân thích thú. Ông nói:

- Đó là cái gọi đi một ngày đàng học một sàng… vui. Tôi cũng ba bốn bận đụng độ với quân Anh, bọn họ đều để bị bắt như một lũ ngốc. Hôm nay tôi đang ngỡ đụng phải miệng sói thì thật may cậu đã đến bắt nó phải ngậm

mồm. Cậu tưởng quá mải lo đến hai tàu vừa rồi mà không thấy cậu đến ư, tôi có những con mắt tinh tường của các thuyền trưởng người Malo, Bretagne và Normand đấy! Tôi làm sao có thể ngạc nhiên khi nghe tiếng nhạc của những khẩu đại bác cỡ 16 ly lẫn vào tiếng đạn của chúng tôi nhé: Ngay khi anh bạn cất giọng, dù bằng tiếng Anh, tôi nhận ra ngay. Bấy giờ, cậu biết là chúng ta đã chiếm được chúng chưa?

- Thực tình là không! Tôi không chiến đấu để cướp tàu, tôi đến để trợ chiến cho ông.

- Được rồi anh bạn thân mến của tôi - Surcouf nói - Chúng ta vừa kiếm được lượng hạt tiêu có thể rải khắp đại dương từ Mũi Hảo vọng đến mũi Horn. Ba triệu tiền hạt tiêu anh bạn ạ, một triệu cho cậu và người của cậu.

- Một triệu cho tôi, để làm gì? Ông biết rõ là tôi không chiến đấu cho số hạt tiêu của ông.

Đành rằng là vậy, nhưng còn người của cậu? Người ta có thể từ chối một triệu cho mình nhưng cũng phải nghĩ đến mười tám hai mươi con người đáng thương trông mong có gì cho vào bát súp trong phần đời còn lại của họ chứ. Cậu có thể không lấy phần của mình thì tuỳ, khoản đó gần năm trăm nghìn phăng đấy! Nhưng cậu có thể phân chia cho họ.

- Tức là ông là người sẽ đưa cho họ.

- Cậu hay tôi thì cũng thế. Thôi nào, có quan trọng gì nửa triệu ấy đến từ ta, miễn là nó đến tay người cần đến. Bây giờ tới câu hỏi đầu tiên của cậu muốn biết người ta đã làm gì ở Pháp.

- Người ta có đánh nhau trên biển hay đánh nhau trên bộ. Tôi tuyệt nhiên không hay biết gì cả, tiếng đại bác sao đến được Ấn Độ Dương. Tất cả những gì tôi biết là Đức Giám mục Thánh - Cha đã đến Paris để tấn phong hoàng đế cho ngài Napoléon. Nhưng có xảy ra chiến tranh với nước Anh hay không thì tôi không rõ. Nếu được khuyên hoàng đế bệ hạ một câu thì tôi khuyên ông ta cứ hành nghề chiến binh của ông ta và để chúng ta làm nghề thủy thủ của chúng ta.

René mới rời đất liền chưa lâu nên trên tàu của anh có lượng thực phẩm tươi và hoa quả ngon khiến các sĩ quan trên tàu *Revenant* tỏ ra rất khoái chí.

Về phía Surcouf, ông cũng đã trải qua vài sự kiện đặc biệt và chủ yếu là một lần quần nhau giáp lá cà với một con cá mập. Câu chuyện về cuộc đụng độ này sẽ chứng tỏ rằng không khác gì René, ông cũng bình tĩnh dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Số là vài ngày sau khi *Revenant* lên đường, Surcouf cũng bắt đầu đi săn. Trong lần thả neo ở đảo Mahé, một chiếc thuyền độc mộc tình cờ gặp phải một con cá mập khổng lồ trong lúc nó đang ngủ. Con này dùng một phát quật đuôi đã cho chiếc thuyền nát tan tành. Những ai trên thuyền đều trở thành mồi cho con quái vật biển trừ ông chủ.

Những người thiệt mạng đều là thủy thủ trên tàu của Surcouf. Ban đầu sự việc này khiến ai trên tàu cướp biển cũng kinh hoàng đặc biệt là ông chủ, người duy nhất thoát khỏi hàm răng của con cá mập. Thậm chí ông còn tạ ơn nữ thần Madone. Nhưng rồi giữa mệt mỏi, công việc nặng nhọc, các thủy thủ cũng nguôi ngoai dần. Họ lại vô tư tiếp tục cuộc hành trình từ đảo này sang đảo khác để mua đồ giải khái từ những người dân di cư.

Lại một lần neo tàu khác, một ngươi dân ở Mahé, bạn cũ của ngài Surcouf mời ông đến ăn tối cùng vài sĩ quan bản địa mới được phong chức được vài năm ở phía tây đảo. Họ rời bây giờ những ca nô của tàu *Revenant* và đi mất rất ít thời gian dù quãng đường khá dài.

Ngày hôm ấy qua đi vui vẻ cho đến lúc họ phải trở lại tàu. Ca nô của Surcouf đi đầu tiên chất đầy thực phẩm tươi của miền nông thôn. Một sĩ quan và Bambou: anh chàng da đen của thuyền trưởng cũng nhân cơ hội ấy vào bờ trước. Surcouf đưa cho anh ta khẩu súng trường và túi săn hai vật bất ly thân của ông trong mỗi lần đi đâu đó.

Dân bản địa dùng một chiếc thuyền gỗ đưa khách về tàu do ông chủ tiệc cầm lái chở ngài Surcouf, bác sỹ phẫu thuật Millian và trung uý Joachim Vieiliard.

Thuyền gỗ vượt qua mũi bắc đảo Mahé, gió dịu dần vào thời điểm cuối ngày nên mặt biển chỉ khẽ xao động. Người ta đã nhận ra giàn pháo của tàu Revenant mới được sơn lại đang hắt ánh nắng hoàng hôn. Con thuyền gỗ đi được là nhờ bốn người da đen lực lưỡng chèo lái trên mặt nước trong suốt nơi ẩn chứa nhiều cá mập đáng gờm về kích thước cũng như tính hung bạo của chúng.

Đột nhiên trong lớp xoáy nước của con thuyền xuất hiện một trong những con thủy quái có cái đầu khổng lồ đã ngửi thấy mùi thịt người mà anh chàng hoa tiêu, không phải ai khác chính là ông chủ bữa tiệc, đập cho nó một mái dầm chèo đầy giận dữ.

Con vật bản tính hung bạo còn lâu mới chịu từ bỏ, nó áp sát vào mạn thuyền và xét về chiều dài, nó trội hơn hẳn. Sau đó, nó vòng ra sau tìm mọi cách để nhấn chìm con thuyền thứ mà chắc chắn sẽ thoả mãn cơn đói cồn cào của nó. Con quái vật quật đuôi suýt làm con thuyền vỡ tan đó là điều làm mọi người lo sợ biết làm sao để kết thúc cuộc đua tài với một cú đạp chèo do chủ tàu thưởng cho.

Trong cơn tấn công đáng sợ, nó há cái miệng cao đến mạn thuyền, Surcouf tiện tay ném chỗ trứng tươi trong làn. Vật ném ra là quà tặng của ông chủ hiếu khách, bay thẳng vào họng con cá như một miếng bánh nhúng ngon lành mà nó có vẻ khoái khẩu. Nó khép cái hàm ba hàng răng lại, cuộn mình rồi biết mất.

Khi nguy hiểm đã qua, mọi người bật cười về cuộc tấn công và quả đạn dùng để hạ con *goulu(1)*. Chủ nhà hứa sẽ mời họ món trứng rán vào dịp gặp

khác.

Đó là những lần ngài Surcouf bị tấn công sau khi rời đảo Pháp. Thủy thủ đoàn của ông chỉ còn bảy mươi người. Do đó, ông quyết định, trừ phi René phản đối, sẽ trở về đảo Pháp.

René không mong gì hơn thế.

Ngày 26 tháng Năm, tàu *Rèvenant* và tàu *Tay đua New York* cùng hai tàu chiến lợi phẩm của họ vượt qua xích đạo trở về.

Ngày 20 tháng Sáu, khi bình minh mới ló rạng, thủy thủ gác báo: "Đất liền!" Các dãy núi dần dần hiện ra khi mặt trời tiến sát chân trời. Bằng giờ ấy ngày hôm sau, họ đã ở giữa đảo Flacq và quần đảo Ambre.

Phía trên vịnh Tombeau có tàu hoa tiêu neo đậu thông báo rằng vì cuộc chiến Anh - Pháp sắp bùng nổ nên không tàu nào được đậu trước đảo Do đó, Surcouf, René và hai chiến lợi phẩm dễ dàng vào cảng Louis rồi thả neo trên cảng Chien-De-Plomb.

Chú thích:

(1) Biệt hiệu các thủy thủ gọi loài cá mập

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 84
Cuộc viếng thăm ngài đảo trưởng.

Surcouf và René trở về, sau mỗi tàu của họ còn kéo thêm chiến lợi phẩm quan trọng khiến cả đảo Pháp vui mừng.

Trong số tất cả các đảo thuộc địa của Pháp, có lẽ đảo Pháp là nơi gắn bó với tổ quốc mẹ hiền nhất. Một nhà thơ Pháp đã mang lại cho nó cuốn *Paul và Virginie* một tác phẩm văn học có giá trị khiến nó đáng là đứa con của mảnh đất lục địa gấp hai lần.

Những cư dân anh dũng, phiêu lưu, vừa phóng túng song cũng rất dịu dàng ngưỡng mộ những sự kiện trọng đại hay các cuộc chiến lớn của Pháp. Họ yêu quý mẫu quốc không chỉ vì lợi ích theo một qui luật tự nhiên là ngưỡng mộ và yêu quý những cái gì vĩ đại.

Từ gần sáu mươi năm qua, đảo Pháp đổi tên là đảo Maurice và thuộc về nước Anh cũng là sáu mươi năm, ba thế hệ thay nhau nối tiếp và ngày nay, đảo Pháp vẫn đậm chất Pháp từ tận đáy lòng mỗi khi có lá cờ trắng hay cờ ba màu bay phấp phới trên cảng Louis và cảng Bourbon.

Và quả thật, ngày nay, những cái tên người anh hùng Bretagne hay người Normand thời trước vẫn còn nguyên vẹn trọng tâm trí người Pháp. Khi nhớ lại quá khứ của những người thời ấy như Surcouf, Cousinène, Hermite, Hénon và Le Gonidec, thì không một trẻ em nào trên cảng Louis lại không biết tên họ và sẵn sàng kể về những chiến công của họ, những chiến công khiến bọn bất lương trên vịnh Mexique phải tái mặt. Khi họ gặp hoạn nạn, những thủy thủ của chúng ta vẫn tìm thấy trên đảo Pháp sự đồng chào nồng nhiệt như khi họ thành công. Không biết bao lần, chỉ bằng chữ ký của mình họ đã nhận từ tay ngân quỹ của nhà băng của ngài Rondeau nổi tiếng khoản

tiền đến 200 thậm chí 250 nghìn phăng để sửa chữa hay dựng lại tàu của họ.

Quả thật, những thủy thủ Pháp rất đoàn kết tương thân tương ái nếu một người không thể thực hiện cam kết của mình, hàng chục người khác sẵn sàng chung tay giúp đỡ anh ta.

René, người một lòng một dạ vào nghề giống như anh từng học làm thủy thủ trước kia, người không suy chuyển trước bất cứ cam go nào, người hiểu lời khuyên tuyệt vời mà ngài Fouché dành cho anh, cũng hiểu rằng nếu anh làm trợ thủ trên tàu của nhà nước như ngài Surcouf hoặc làm chủ tàu *Slúp* của mình, anh cũng sẽ có quyền đạt được vinh quang như các quan chức cao cấp và có quyền như trên chiến thuyền Hải quân hoàng gia.

Nhưng những gì anh đã làm, anh lại thực hiện nó trong tâm trạng của một người không thiết tha gì nữa. Ngài Surcouf từng được phong làm chỉ huy một chiến thuyền vốn được tất cả những sĩ quan hải quân của Pháp biết đến và đề cao. Một lời đề bạt của ông có thể giúp René làm chuẩn uý trên con tàu đầu tên họ gặp, một chìa khoá cho anh trở lại châu Âu và phục vụ cho những thuyền trưởng danh giá chỉ huy các tàu như *Le Tonnant, Redoutable, Le Bucenlaure, Le Fouguellx, L Achille, Le Témérmne* và nhiều tàu khác.

Muốn vậy, chỉ cần một lời đề cử của Surcouf và chắc chắn ông ta cũng không từ chối điều đó.

Ngài Surcouf vốn quen biết đảo trưởng đảo Pháp, tướng Decaen. Ông sắp đi thăm viên tướng ấy và ngỏ muốn một trong những sĩ quan dũng cảm của mình, người đang mong trở lại Pháp được tham gia vào cuộc chiến. Ông hăng hái kể nhưng chuyện đã qua, cách René thể hiện khi chiếm tàu *Standard* và anh đã cống hiến ra sao để đưa hai cô gái Pháp trở lại Miến Điện khi cha các cô, hành khách trên tàu *Standard* bị tử nạn. Tướng Decaen

tỏ ra rất vui được tiếp anh chàng dũng cảm mà ngài Surcouf nhắc đến.

Ngày hôm sau, vào giờ đã định, René đến nhà đảo trưởng, nhưng người lục sự lưỡng lự không muốn cho anh vào. René nhận ngay ra thái độ của ông ta và anh hỏi tại sao.

- Ông có đúng là trợ lý của ngài Surcouf và là chỉ huy tàu *Tay đua New York* không? - Viên lục sự hỏi.

- Đúng vậy. - René trả lời.

Ông ta càng lưỡng lự khi thấy cách ăn mặc của René. Vì thủy thủ tàu cướp biển không nhất thiết phải mặc quân phục nên anh mặc theo mốt thời đó và với vẻ lịch sự bẩm sinh anh không thể mặc khác đi ngay cả khi anh muốn che giấu thân phận của mình. Ở đảo Pháp anh không nghĩ nó quan trọng nên mặc như thể đến thăm tiểu thư Sourdis hay phu nhân Récamier vậy.

Tướng Decaen khi được thông báo có ông René, trợ lý của thuyền trưởng Surcouf đến, những mong sẽ gặp một con sói biển, một thủy thủ râu tóc xồm xoàm cộng với bộ quần áo loè loẹt nhưng trước mặt ông là một chàng trai trẻ đẹp, nước da hơi tái, đôi mắt dịu dàng, mái tóc uốn thành lọn, bàn tay trong đôi găng không chê vào đâu được và một bộ ria chớm xoà lên môi trên.

Ông định đứng dậy khi nghe cái tên René đến nhưng vừa thấy anh, ông như bị chôn chân tại chỗ.

Ngược lại, René rất đàng hoàng, thoải mái tiến lên trong tư thế của người quen với chốn sang trọng nhất trên đời, anh chào viên tướng bằng vẻ lịch thiệp hoàn hảo.

- Sao, anh là người mà ông bạn cướp biển Surcouf của tôi đã nói đến hôm qua ư? - Viên tướng ngạc nhiên hỏi.

- Lạy Chúa! Ngài làm tôi sợ, thưa tướng quân - René đáp - Nếu ông ấy hứa hẹn một ai khác thì tôi sẵn sàng xin rút lui và thú thật tôi không xứng với sự quan tâm mà ngài có lòng tốt dành cho tôi. Tôi chỉ là một chàng trai hai mươi sáu tuổi tội nghiệp, không biết chuyện gì xảy ra vì đã lênh đênh sóng nước hàng năm nay.

- Không đâu - Viên tướng nói - Tôi ngạc nhiên trước phong cách của anh thôi chứ không có ý không tôn trọng anh. Cho đến giờ tôi vẫn nghĩ người ta chỉ có thể làm cướp biển khi câu nào cũng chửi đổng, đội mũ lệch và bước chân khuỳnh ra như một người đi trên đất bồng bềnh như trên biển. Xin thứ lỗi, tôi đã nhầm và cho tôi hân hạnh được nói rằng mình may mắn được anh đến thăm.

- Thưa tướng quân - René nói với ông ta - Ngài có thể giúp tôi một việc được chăng, đó là để tôi được chết một cách hợp lẽ và trong danh dự.

Nói rồi René ngồi xuống mân mê một đoạn gậy bịt đầu bằng ngọc bích.

- Để anh chết à? - Viên tướng nói và một nét cười khó nhọc hiện ra - ở tuổi anh, tài sản, vẻ lịch thiệp, thành công anh đã có và chắc chắn còn nhiều hơn nữa sao! Anh đùa…

- Ngài hãy hỏi ngài Surcouf xem đối diện với kẻ thù, tôi có làm tất cả những gì có thể vì điều ấy hay không.

- Ông Surcouf có nói với tôi những chuyện không thể tin được về lòng dừng cảm, về tài khéo cũng như sức mạnh của anh. Chính vì thế mà khi nhìn thấy anh tôi thấy khó tin anh là người mà ông ấy đã nói vơi tôi, và không chỉ ông ấy đã nói về lòng can đảm của anh đối với con người mà còn nhiều lần thể hiện trước các loài ác thú. Có thể nói ở tuổi anh, anh đã hoàn thành mười hai kỳ công của Héc-quyn vậy.

- Thật không xứng đến vậy đâu, thưa tướng quân. Một người không những không sợ cái chết thậm chí còn coi là hạnh phúc khi được đón nhận nó thì ngoài viên đạn lạc ra anh ta sẽ lần như thất bại. Vả lại tôi mới chỉ đương đầu với lũ hổ mà hổ lại là một loài vật tàn bạo nhưng bạc nhược. Lần nào đối diện với một trong những con vật ấy, tôi đều nhìn thẳng vào mắt chúng và khiến chúng phải cụp mắt xuống. Người hay vật, một khi đã cụp mắt tức là đã thất bại.

- Thật ra anh làm tôi rất vui. Nếu anh vui lòng ăn tối cùng tôi, tôi sẽ giới thiệu với phu nhân Decaen, mời anh làm quen với con trai tôi và kể cho nó nghe vài cuộc đi săn của anh.

- Tôi rất vui lòng thưa tướng quân, thật hiếm khi một thủy thủ thấp kém nào lại có vinh hạnh gặp một người cao quý như ngài.

- Thủy thủ thấp kém ư? - Vị tướng quân mỉm cười - người sắp có một khoản 500 nghìn phăng ư? Cho phép tôi nói rằng về phía tài sản anh đã không phải là người thấp kém rồi.

- Thưa tướng quân, đến đây tôi mới nhớ một việc mà thiếu chút nữa tôi quên mất. Đó là khi làm nghề cướp biển nghiệp dư, tôi có thói quen chia sẻ phần của mình, như vậy với khoản 500 nghìn phăng, tôi sẽ dành 400 nghìn cho các bạn của tôi, còn 100 nghìn còn lại cho phép tôi trao lại cho ngài để phân phát cho những người Pháp nghèo khổ đang cần hồi hương hay những người vợ goá bất hạnh của các thủy thù. Ngài cho phép chứ?

Và trước khi vị tướng quân kịp trả lời, anh cúi xuống bàn rút một tờ giấy viết dòng chữ quý tộc nhất trên đời:

"Thưa ngài, mong ngài vui lòng chuyển theo xuất trình giấy này khoản tiền 100 nghìn phăng cho ngài tướng quân Decaen, đảo trưởng đảo Pháp. Ông ấy biết sử dụng khoản ấy ra sao.

Cảng Louis ngày 23 tháng 6 năm 1805

Gửi ngài Rondeau,

Chủ nhà băng, phố Gonverment, cảng Louis".

Ông tướng Decaen cầm tờ giấy và đọc.

- Nhưng - ông ngạc nhiên nói - Trước khi sử dụng khoản này, tôi phải chờ bán được chiến lợi phẩm của ngài đã chứ.

- Không cần thưa tướng quân, tôi có khoản tín dụng nhiều gấp ba lần khoản tôi xin đưa cho ngài ở chỗ ngài Rondeau.

- Vậy ít nhất anh cũng phải nói với ông ấy chứ.

- Có lẽ không cần. Ngài sẽ thấy khoản tiền thanh toán khi xuất trình giấy. Vả lại ông ấy còn hai chữ ký của tôi được gửi từ Paris bởi ông chủ ngân hàng của tôi, ngài Penégeau.

- Vậy từ khi về đảo anh đã đến thăm ông Rondeau hay báo cho ông ấy là anh đã về chưa?

- Tôi chưa có hân hạnh diện kiến ông ta, thưa tướng quân.

- Anh có muốn làm quen với ông ta chăng?

- Rất sẵn lòng thưa tướng quân. Tôi không thảy có bất tiện nào cả.

Vừa lúc đó, phu nhân Decaen bước vào, René đứng dậy.

- Phu nhân - Viên tướng nói - Bà có cho phép tôi giới thiệu anh René, trợ lý của thuyền trưởng Surcouf, người vừa có một trận đấu tuyệt mỹ, nhờ đó anh ta mang lại tự do và mạng sống của anh bạn người đảo Malo của chúng ta. Anh ấy dành cho chúng ta vinh sự đến ăn tối cùng chúng ta và ngài Rondeau người mà anh ấy chuyển 100 nghìn phăng cứu tế cho những người Pháp bần hàn và các goá phụ của thủy thủ. Đến lượt phu nhân có trọng trách thiêng liêng làm tiếp đấy. Hãy cảm ơn anh René và tôi mong bà đưa tay cho anh ấy hôn.

Phu nhân Decaen ngỡ ngàng chìa tay về phía René. Anh này nghiêng mình trước bàn tay ấy khẽ chạm môi lên đầu ngón tay, lùi lại một bước đồng thời cáo từ ra về.

- Nhưng anh quên là có điều định nói với tôi sao.

- Ồ tôi có vinh dự được gặp lại tướng quân trong ngày cho nên tôi xin phép không dám quấy rầy ngài thêm vì chuyện viếng thăm này nữa.

Nói rồi vừa chào vị tướng đang sửng sốt rồi đến phu nhân Decaen còn ngạc

nhiên hơn chồng, anh đi ra để cho họ nhìn nhau cố tìm lời giải thích cho hành động cực kỳ khó hiểu ấy.

Sau đó, tướng Decaen đến chỗ ông Surcouf vừa mời ông này ăn tối cùng trợ lý của ông và ông chủ nhà băng Rondeau và thông báo giờ ăn vì ban nãy quên mất. Đó là từ ba rưỡi đến bốn giờ chiều.

Tướng quân Decaen vừa ra về, ngài Surcouf đã lao vào phòng René.

- Có chuyện gì xảy ra thế bạn hữu của tôi? Ngài đảo trưởng vừa đến mời tôi tới ăn cùng anh và ông Rondeau.

- Đã xảy ra một chuyện hợp theo lẽ tự nhiên thôi. Đó là ngài đảo trưởng là người rất đúng mực, ông ta biết rằng việc mời thêm ông khiến tôi rất vui mà.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 85
Một cuộc quyên tiền cho người nghèo

Đúng ba rưỡi, với sự đúng giờ như quân lệnh, ông Surcouf và René đến nhà ngài đảo trưởng.

René muốn bốn giờ kém mười lăm mới đến nhưng ông Surcouf nhận thấy mọi lần ăn tối nhà mình đều vào lúc ba rưỡi và ông cũng biết phải chờ đợi thật khó chịu.

René dự đoán thường khách mời hay đến trễ một chút nhưng ông Surcouf gạt đi. Thế nên kim đồng hồ của ông Surcouf chỉ đúng ba rưỡi, họ gõ cửa nhà ngài đảo trưởng.

Người ta dẫn hai vị khách đến phòng khách nơi chưa có ai cả.

Phu nhân Decaen đang hoàn tất việc điểm trang, viên tướng đang kết thúc công việc, còn Alfred Decaen đi ngựa cùng gia nô vẫn chưa thấy về.

- Ông thấy chưa, - René nói và huých tay vào ông.

Một cánh cửa mở ra, viên tướng bước vào nói:

- Xin lỗi các quý ông, nhưng ông Rondeau, đã ngỏ ý lui lại đến bốn giờ. Đó là giờ ông ta đóng cửa nhiệm sở. Từ mười năm qua, ông ấy luôn là người cuối cùng trong số nhân viên rời công sở. Bây giờ thì tuỳ các vị lựa chọn trong khi chờ đợi, hoặc ở đây hoặc đi dạo một vòng quanh vườn. Cậu con trai tôi cũng vừa xuống ngựa. Nó cũng cần chuẩn bị một chút trước khi có thể ngồi vào bàn.

Vị tướng mở cửa gọi con trai.

- Presto! Presto! Chúng ta chờ con ngoài bãi biển.

Mọi người đi ra vườn, qua các lối phủ cỏ họ đi đến bậc thềm bên bờ biển.

Nơi đây có tầm ngắm rất đẹp, một bên người ta có thể quan sát từ Bête-à-Mille-Pieds đến tận vịnh Grande-Rivière. Hai mái dài ở hai đầu thềm dẫn đến một phòng tập vũ khí có trang trí mặt nạ, kiếm, phòng kia là phòng tập bắn có bia, hình nộm búp bê đạn và đủ thứ liên quan cho người tập những động tác phức tạp nhất. Họ đi vào phòng vũ khí.

- Đây là sở trường của anh phải không anh René - Vị tướng nói - Vì ngài Surcouf khẳng định với tôi anh là người không chỉ am hiểu mà còn siêu phàm nữa.

René thoáng hiện một nụ cười trên môi.

- Thưa tướng quân - Anh nói - Ngài chỉ huy Surcouf của tôi luôn nhìn tôi với ánh mắt ưu ái như người cha nhìn con mình. Nếu ngài nghe ông ấy, tôi sẽ là kỵ sĩ giỏi nhất, sĩ quan giỏi nhất người bắn súng thiện xạ nhất từ thời thánh Georges. Tôi bắn cũng như mọi người, có hơn cũng chỉ hơn kẻ tầm thường trong đám tuần đạo, sự siêu phàm của tôi cũng chỉ đến vậy. Vả lại với kiếm thuật chắc tôi đã sa sút nhiều vì từ ngày đi biển, tôi không đụng vào thanh gươm nào.

- Vì cậu không tìm được người cân xứng đó thôi - Surcouf nói - Đừng khiêm tốn.

- Sao! Ngay cả với ngài ư, ngài Surcouf? - Viên tướng hỏi - Ngài vốn là tay gươm giỏi cơ mà.

- Ở Saint-Malo thì quả có vậy! Tôi chỉ nhìn cậu ấy cầm gươm một lần cũng đủ biết là mình mất uy rồi.

Đúng lúc đó, con trai của ông Decaen bước vào.

- Lại đây Alfred - Cha cậu ta nói - Hãy lĩnh giáo vài đường từ ngài Surcouf đi. Con vốn có triển vọng về gươm thuật, ngài Surcouf lại rất nổi tiếng. Cha hy vọng ông ấy chứng tỏ cho con thấy rằng con là một kẻ kiêu căng.

Chàng thanh niên mỉm cười và bằng vẻ tự tin của tuổi trẻ, anh ta đi lấy hai thanh kiếm và hai mặt nạ đưa cho ngài Surcouf một cái.

- Thưa ngài - Anh ta nói - Nếu ngài muốn giúp cha tôi và tôi như ông ấy yêu cầu thì tôi sẽ vô cùng biết ơn.

Surcouf bị đặt vào tình thế ấy không thể làm gì khác ngoài việc chấp nhận lời thách đấu. Ông ngả mũ, và cởi bớt áo, đeo mặt nạ và cúi chào vị tướng.

- Xin tuân lệnh tướng quân cũng như quý công tử.

- Thưa các ngài… - Viên tướng cười và nói - Hãy chờ xem cuộc đọ gươm sánh cùng Entelle và Darès. Ngài Rondeau đây rồi.

- Ngài đến đúng lúc lắm! Thưa các quý ngài, tôi xin giới thiệu ngài Rondeau, được mệnh danh là tay súng cự phách của chúng tôi. Ở đây ai cũng biết sử dụng vũ khí ngay cả ông chủ nhà băng. Thưa ngài Rondeau thân mến, đây là ngài Surcouf mà ngài đã biết từ lâu còn đây là anh René mà ngài chưa biết nhưng tôi nghĩ có liên quan về tài chính với ngài…

- À có phải với ngài René…

- René… vô danh thưa ngài. - René đáp.

- Sao lại thế được - ông Rondeau nói và đưa tay lên dây đồng hồ - Tôi mới là người phục vụ ngài với khoản 300 nghìn phăng tiền mặt và còn hơn thế.

René cúi chào.

- Nhưng chúng ta đang cản trở hai quý ông này. - ông ta nói - Nào, các vị chạm gươm thôi.

Surcouf và Alfred Decaen vào tư thế chuẩn bị, một người bất động như pho tượng - không cần nói cũng biết đó là Surcouf người kia rất tự tin và mang

vẻ duyên dáng của tuổi trẻ.

Giữa hai kiếm thủ có vài khác biệt, một người điềm tĩnh, hơi cứng nhắc, đệm vào bằng những đường đơn giản; người kia lại khiến thanh kiếm chết mệt vì những đợt tấn công lại đệm vào bằng những đường trực diện. Người ta khó nhận ra ai làm người cao tay hơn.

Chàng trai chạm vào Surcouf một lần còn Surcouf hai lần sau mười phút xung trận. Alfred chào Surcouf, chấp nhận thua và chuyển gươm cho ông chủ ngân hàng.

Như ngài Decaen đã nói, mọi người đều biết sử dụng khí giới, hoặc ít ra là đã biết sử dụng khí giới từ hồi đảo còn mang tên đảo Pháp, ngay cả những người trong nhà băng. Ông Rondeau cởi bớt áo rút ví chuyển nó từ túi áo sang túi quần và vào thủ thế.

Giữa ông ra và Surcouf có một thế cân bằng hoàn toàn. Mỗi người đều chạm vào nhau hai lần và lần này đến lượt Surcouf tháo mũ che mặt đưa cho René.

- Thưa ngài Surcouf thân mến - René nói - ông biết là tôi không có thói quen thi đấu trước các khán giả và nhất là trước các cử toạ chuyên gia như thế này. Do vậy hãy miễn cho tôi.

- Thưa các ngài, - Surcouf nói - là một người bạn thân của René, tôi mới chỉ thấy anh ấy đấu một lần và lần ấy cũng chống chế như hôm nay. Vậy thì ta nên tuỳ anh ấy và không nên ép buộc anh ta. Vả lại, tôi nghĩ chuông báo bữa tối đang gọi chúng ta rồi.

Một nụ cười đắc thắng hiện ra trên khuôn mặt béo phị của ông Rondeau, nó sáng lên như một bông mẫu đơn nở:

- Vì ngài đây không muốn cho tôi cái vinh dự đấu kiếm với mình, chúng ta sẽ tính lại chuyện này sau đã.

René cúi chào còn Surcouf đi treo lại mặt nạ và gươm về chỗ cũ. Tiếng chuông báo bữa tối đã vang lên và người ta nhận ra phu nhân Decaen đã bước xuống bậc thềm đầu tiên đi lại phía các quý ông.

Mọi người vào nhà, chàng trai trẻ chạy như một cậu bé học trò sau một ngày không gặp mẹ, đến quàng tay qua cổ và ôm hôn bà.

Người ta chào nhau, nói vài câu khen tặng rồi chờ đợi xem ai sẽ là hiệp sĩ của bà Decaen.

- Anh René, hãy chìa tay cho phu nhân Decaen đi! - Viên tướng nói.

René cúi chào, chìa khuỷu tay và đưa phu nhân Decaen vào tận phòng ăn.

Giống như mọi khi bữa ăn diễn ra trong những tiếng dao nĩa, thìa va vào bát đĩa lách cách. Sau đó, ông Rondeau thở phào khoan khoái rồi quay sang René.

- Ngài René này - ông ta nói - Hôm qua, khi nghỉ trưa, tôi có đi uống một ly ở quán cà phê *La Comédie*, ở đó có một nhóm người quây quanh một thanh niên. Tôi nghe anh thanh niên nói chuyện, hình như anh ta là một thủy thủ vừa ở Miến Điện về. Anh ta kể hàng lô chuyện về thuyền trưởng của mình tôi nghe mà không thể nhịn cười.

- Anh ta kể những gì thế ngài Rondeau? - René hỏi.

- Anh ta bảo chỉ một nhát gươm mà thuyền trưởng của anh ta chặt đôi con trăn đang siết nghẹn thở hai con voi.

- Chuyện ấy làm ngài buồn cười sao, ngài Rondeau?

- Dĩ nhiên rồi!

- Tôi xin quả quyết rằng nếu ngài có mặt ở đó ngài sẽ không cười nổi.

- Vậy ngài cho tôi là kẻ nhát gan sao, ngài René.

- Tôi không nói như vậy, nhưng vẫn có những cảnh làm người dũng cảm nhất cũng phải chột dạ. Con người kể chuyện đó hôm qua cũng từng giết một con hổ cái và túm cổ hai con hổ con thế mà đứng trước loài bò sát khủng khiếp ấy cũng phải run lên như một đứa trẻ, mà tôi khẳng định anh ta không phải nhát đâu.

- Nhưng ít ra anh ta cũng là tay ba hoa - ông Rondeau nói - Anh ta bảo con trăn dài 57 bộ.

- Thì chính anh ta đo nó chứ có phải tôi đâu. - René thản nhiên đáp.

- Thì ra chính ngài là thuyền trưởng ấy à?

- Phải, nếu đúng anh ta tên là François.

- Đúng rồi. Thế con trăn siết chặt hai con voi làm chúng nghẹt thở à?

- Tôi không biết chúng có nghẹt thở hay không thưa ngài, tôi chỉ biết xương chúng kêu răng rắc. Tuy nhiên chỉ khi con trăn hấp hối tôi mới bắn bể đầu nó bằng hai phát đạn.

Phu nhân Decaen nhìn vị khách của mình vô cùng sửng sốt còn Alfred thì hết sức tò mò.

- Nhưng nếu ngài đã tin chuyện anh bạn René của tôi, - Surcouf nói - chính ở bến Chien-De-Plomb, anh ấy đã lao vào cuộc chiến với con cá mập ngay trước mắt mọi người, chuyện cũng khó tin bằng giao chiến với con trăn ấy chứ.

- Sao cơ, chính ngài đã đâm thủng bụng con cá mập đuổi theo một thủy thủ đó sao?

- Vâng, nhưng ngài biết dấy chuyện đó dễ nhất trên đời. Chỉ là sự khéo léo cộng với một con dao sắc thôi.

- Anh ta còn kể một chuyện khác nữa - ông Rondeau tiếp tục - Anh ta kể rằng cách họ gần hai chục bước, một con hổ vừa ra khỏi rừng rậm, vị thuyền

trưởng ngắm và trước khi bắn còn nói: "Nhằm trúng mắt phải của Philippe?". Tôi không nhớ rõ là mắt phải hay mắt trái nhưng chuyện đó không hề gì song anh chàng kể chuyện không hiểu gì và tôi cũng không hiểu nốt.

Tướng Decaen bật cười.

- Thưa tướng quân - René nói với ông - Xin ngài vui lòng kể lại giai thoại về Aster cho ngài Rondeau đây nghe. Nếu tôi kể e là ông ấy vẫn không muốn tin tôi.

- Ngài Rondeau thân mến của tôi - Vị tướng quân nói - Aster là một cung thủ rất giỏi của thành Amphipolis, bị Philippe ngược đãi anh ta rời triều đình và lui về Méthone. Chẳng mấy chốc Philippe lên trị vì nơi đây. Thế là Aster muốn trả thù và để cho Philippe biết sự trả thù này đến từ ai, anh ta viết lên mũi tên: *"Aster nhằm vào mắt phải của Philippe"*. Quả nhiên, Philippe không chỉ bị hỏng mắt phải mà còn tưởng chết vì vết thương ấy. Thế là anh ta gửi tiếp mũi tên thứ hai trên đó có ghi: *"Thành Méthone bị hạ, Aster sẽ bị treo cổ"*. Vua Macédome chiếm được Méthone và giữ lời với Astea. Giai thoại là thế và tôi xin báo nếu chuyện ấy không có thật ít ra nó cũng là lịch sử.

- Quỷ quái! Quỷ quái! Nhưng đó cũng là mục tiêu lẽ ra có thể xứng với điểm bắn của ngài, ngài René ạ.

- Được rồi! - René nói - Tôi thấy rõ là ngài muốn dồn tôi đến cùng thưa ngài Rondeau và ngài không thể tha thứ cho tôi cái việc từ chối giao đấu. Vậy thì sau bữa tối tôi xin được chiều theo ý ngài và nếu ngài chấp nhận lời đề nghị của tôi, tôi cam đoan ngài bỏ cuộc trước mặt tôi.

Kể từ lúc đó câu chuyện trở nên đại khái. Phu nhân Decaen và Alfred nhanh chóng thấy cuộc đấu khẩu nghiêng về ông Rondeau nên ngay khi bữa tối chấm dứt. Đềnghị mọi người sang uống cà phê và rượu mùi bên phòng tập vũ khí.

Mọi người làm theo và thật ra ông Rondeau, với cái bụng bắt đầu nở to hơn mức vẻ điệu đà của ông ta muốn, bị thúc đẩy bởi lòng tự tin quá độ nên không phải là người cuối cùng sang đến nơi.

- Xem lời đề nghị của anh thế nào, anh René. - ông tướng nói.

- Có phải ngài từng nói với tôi phu nhân nhà ta là chủ hội quyên góp vì người nghèo không? - René hỏi.

Rồi anh nghiêng mình trước phu nhân Decaen.

- Vậy được với năm lần xuất chiêu, hoặc ngài Rondeau, hoặc tôi người nào bị nhận năm vết mà không đáp lại sẽ phải trả một ngàn quan.

- Ồ! - Ông Rondeau cười thô lỗ - Tôi nghĩ có thể chấp nhận lời thách cược này, thưa ngài.

Nói rồi ông ta nhặt thanh kiếm chấm mũi xuống đế giày sau đó khua khua trong không trung, uốn nó cong lại rồi vào thủ thế.

Đến lượt René với ngay thanh kiếm đầu tiên anh gặp, cúi chào và cũng vào thế.

- Hân hạnh tiếp chiêu ngài trước. - Anh nói.

Ông Rondeau xuất liền ba chiêu liên tiếp và nhanh chứng tỏ ông ta rất tinh mắt và dẻo tay, nhưng ba đường gươm ấy đều lần lượt bị gạt ra bằng những cử động đơn giản.

- Đến lượt tôi! - René nói.

Mọi người quan sát đường gươm hoa lên.

- Một, hai, ba… - René đếm.

Mỗi người đều đã xuất ba chiêu và ông Rondeau là người bị chạm. René quay lại phía khán giả nói bằng giọng điềm nhiên:

- Ba vết.

- Đến lượt ngài, thưa ngài. - René nói - Nhưng tôi xin báo trước với hai

đường gươm đầu ngài sắp tấn công, tôi sẽ đỡ được, dĩ nhiên, nhưng tôi sẽ phản lại hai chiêu luôn. Tôi báo trước vì ngài có thể cho rằng tôi tinh quái hơn bản chất thật và ngài sẽ lúng túng trong đường gươm của mình.

Ông Rondeau mím môi.

- Được rồi, tôi đồng ý.

Quả thật ông ta xuất hai chiêu và René vừa đỡ vừa tấn công luôn bằng hai lần đỡ ấy. Chiêu thứ hai không cãi vào đâu được vì lưỡi gươm dừng ngay trước ngực ông chủ nhà băng.

- Thưa phu nhân - René nói và nghiêng người trước bà Decaen - Ngài đây nợ phu nhân 1000 phăng cho người nghèo.

- Tôi đợi được phục thù - ông Rondeau nói.

- Rất sẵn lòng, mời ông vào thế!

- Không đấu kiếm nữa. Tôi thừa nhận ngài là thầy tôi nhưng về bắn súng thì phải xem đã.

Alfred nhanh nhảu đi mở hai hộp đựng súng ngắn.

- Chỉ bắn một viên thôi đúng không? - René hỏi ông Rondeau - Không cần phải khiến cảng Port-Louis tin rằng đảo bị chiếm.

- Đồng ý, chỉ một viên, thưa ngài. - ông Rondeau đáp - Nhưng chúng ta bắn vào đâu.

- Ngài cứ chờ đã, chuyện này dễ thôi.

Alfred vừa nạp bốn khẩu súng.

- Như thế đủ rồi? - René nói.

- Và không cần ngắm anh nhặt một khẩu bắn một phát đạn trúng giữa thân cây to cách đó hai mươi lăm bước hoặc gần như vậy.

- Ngài có nhìn thấy lỗ viên đạn găm không? - Anh hỏi.

- Rất rõ. - ông Rondeau đáp.

Ông ta cầm vũ khí lên.

- Thoả thuận là viên đạn nào gần lỗ hơn sẽ thắng. - René nói.

- Đồng ý. - ông Rondeau đáp.

Rồi ông ta vô cùng chăm chú chứng tỏ việc trả thù này vô cùng hệ trọng. Cuối cùng phát đạn của ông găm vào thân cây cách viên đạn đầu tiên một pút.

- Chà chà! - ông ta khoái chí nói - Thế cũng không tồi với một viên đạn của ông chủ nhà băng.

Đến lượt René cấm súng lên ngắm và bắn.

- Nào, các ngài hãy đến xem và xác định hai xạ thủ.

Ông tướng, Surcouf, Alfred và nhất là ông Rondeau mạnh ai nấy chạy nhanh nhất có thể đến chỗ thân cây dùng làm bia đạn.

- Ái chà chà! - ông Rondeau nói - Tôi hoa mắt hay là ngài thậm chí còn bắn không trúng thân cây.

- Ngài hoa mắt thưa ngài - René nói.

- Sao tôi hoa mắt được?

- Đúng thế đấy! Ngài không tìm chỗ phải tìm. Hãy moi ở lỗ thứ nhất.

- Sau đó thì sao?

- Ngài sẽ thấy viên đạn đầu tiên.

- Tôi thấy rồi.

- Lôi nó ra.

- Nó đây.

- Được lắm! Hãy lôi tiếp đi.

- Lôi tiếp gì?

- Phải, lôi tiếp, lôi tiếp.

- Ông Rondeau sững người vì kinh ngạc.

- Ngài không thấy viên đạn nữa à? - René hỏi.

- Có thấy, thưa ngài.

- Tôi đã bắn viên đạn thứ hai chồng lên viên thứ nhất. Tôi nghĩ mình không thể bắn gần nó hơn ngoài việc cho chúng vào cùng một lỗ.

Tất cả im bặt trong giây lát. Ngay cả Surcouf cũng ngạc nhiên về tài năng thần kỳ ấy.

- Ngài có muốn trả thù một lần thứ ba không ngài Rondeau? - René hỏi.

- Ồ thật tình là không.

- Tôi sẽ đề nghị ngài một việc dễ thôi.

- Việc gì?

- Bắn chết một trong những con dơi dang bay trên đầu chúng ta.

- Ngài dùng súng để giết dơi à? - ông Rondeau hỏi.

- Tại sao không? - René nói - Tôi giết chúng bằng súng lục giỏi lắm.

Và anh cầm nốt khẩu súng thứ tư hạ ngay một con dơi xấu số đang chập choạng bay trong phòng tập vũ khí.

Tối hôm ấy René vẫn chưa kịp nói với ngài đảo trưởng đảo Pháp việc anh muốn nhờ ông ta.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 86
Ra đi

Ngày hôm sau, vào lúc 11 giờ sáng, René xuất hiện lần thứ ba tại dinh ngài chúa đảo. Lần này anh không được đón tiếp như một vị khách mà như một người bạn. Phong cách thẳng thắn, cởi mở và hào hiệp đã khiến ngài đảo trưởng đảo Pháp vui lòng. Ông đến giang tay đón anh không cần lục sự phải dẫn vào như thường lệ dù bất kỳ là người nào.

- Anh bạn René thân mến, lần này chúng ta không bị quấy rầy nữa. Tòi quên là mình phải giúp anh một việc và cả khoản nợ phải trả cho anh nữa. Anh muốn gì tôi nào?

- Tôi đã thưa ngài rồi, thưa tướng quân: Tôi muốn có cơ hội được chết.

- Anh vẫn còn nhắc lại câu đùa ấy à, anh René thân mến - Viên tướng nhún vai nói.

- Tôi không hề đùa một chút nào - René nói tiếp - Tôi đang buồn đến chết. Nếu cứ sống chán chường thế này, có ngày tôi cong tự bắn vào đầu mất. Nhưng mà như thế tôi sẽ khiến cái chết ấy trở nên vô ích và kỳ cục, tôi sẽ là một kẻ điên. Khi chết cho nước Pháp, tôi sẽ có một cái chết có ích, và vinh quang và người ta sẽ gọi tôi là một anh hùng. Hãy cho tôi làm một anh hùng thưa tướng quân, chuyện ấy không khó khăn gì.

- Phải làm sao cho chuyện này?

- Trước hết ngài hãy cho tôi hay tin tức về nước Pháp. Người ta đang nói về một liên quân chống lại Pháp. Ở Calcutta, đó là tin tức nóng hổi. Ngài có biết chúng ta đang ở tình thế nào và có thể nói cho tôi nghe không?

- Tôi nghĩ chúng ta vẫn đang ở Boulogne, đang đóng tàu chiến và nhìn London qua sương mù trên eo biển Manche.

- Nhưng ngài nghĩ đến chiến tranh đúng không tướng quân?

- Tôi còn hơn cả nghĩ đến điều đó, tôi chắc như vậy.

- Vậy thì tốt! Thưa tướng quân, không phải tôi tự khoe nhưng ngài có tin một người như tôi, người không hề sợ chết, người có thể nói được bốn thứ tiếng, người sẵn sàng chỉ cần hiệu lệnh là lao vào nước sôi lửa bỏng, liệu tôi có thể có ích cho đất nước không?

- Nếu tôi tin! Lạy Chúa, có, tôi tin và nếu vì thế mà anh muốn tôi giúp anh được chết thì hãy ở bên tôi.

- Nếu tôi ở lại đây, thưa tướng quân với chiếc thuyền buồm mười hai pháo đại bác chẳng là gì cả. Tôi sẽ chết trong vô danh và như tôi nói ban nãy là vô ích. Nếu tôi sở dụng điều mà Chúa trao cho tôi, tôi có thể cho mình một cái tên, đi đến một vị thế và đạt đến mục tiêu vốn là mục đích tham vọng của tôi.

- Vậy tôi có thể làm gì cho điều đó? - Đảo trưởng hỏi.

- Ngài có thể viết những điều tốt đẹp nghe nói về tôi về lòng can đảm của tôi trong chuyến đi Ấn Độ, gửi tôi về Pháp bằng cách tiến cử tôi…

- Đến một bộ nào đó? - Viên tướng ngắt lời.

- Ồ không! Xin ngài lưu ý, ngược lại đến vị thuyền trưởng cao cấp đầu tiên tôi gặp. Với lời tiến cử của ngài, chắc sẽ không có thuyền trưởng nào lại không nhận tôi như một chuẩn uý hàng đầu. Tôi có quyền được cấp hàm này vì đã từng là trợ lý cho ngài Surcouf và từng tự mình đến Ấn Độ trên thuyền chiến *Slúp* với tư cách là chỉ huy.

- Điều anh yêu cầu tôi quá đơn giản, René thân mến ạ - Vị tướng nói - Tôi muốn làm nhiều hơn thế cho anh. Trước hết, tôi ra lệnh, dựa trên những gì anh có thể làm cho nước Pháp, để anh quay về châu Âu. Sau đó là những lá thư đặc biệt gửi tới ba chỉ huy tàu chiến hạng nặng, những người bạn thân thiết của tôi đó là Lucas chỉ huy tàu *Redoutable*, Cosmao chỉ huy tàu *Le Pluton* và Internet chỉ huy *L Intrépide*. Bất kể gặp họ ở đâu anh cũng có thể lên tàu và mười phút sau, anh sẽ có vị trí ở hàng sĩ quan. Tôi có thể làm gì khác giúp anh nữa không?

- Xin đa tạ ngài, những gì ngài làm đó cũng quá đủ rồi.

- Anh định về Pháp thế nào?

- Tôi không cần ai giúp việc này. Chiếc *Slúp* nhỏ có thể chấp mọi tàu tuần tiễu của Anh là tài sản riêng của tôi. Nó là tàu Mỹ nên thuộc phe trung gian. Tôi nói được tiếng Anh như một người Mỹ. Tôi sẽ đi trong vài ngày để lại chiến lợi phẩm của tôi cho mười tám người từng theo tôi đến Miến Điện. Ngài cũng sẽ có khoản đó. Khi thủy thủ đoàn trở lại đảo Pháp, họ sẽ lĩnh khoản của mình. Chỉ riêng một người được ưu đãi đó là François người đã theo tôi đến Pégou. Anh ta sẽ được lĩnh hai phần.

- Anh sẽ đến chào từ biệt chúng tôi đúng không anh René?

- Tôi sẽ hân hạnh khi tự tay mang bản tính toán phần của mọi người đến cho ngài. Tôi cũng sẽ rất tiếc nếu phải ra đi mà không thăm hỏi phu nhân Decaen và gửi lời ái hữu đến công tử Alfred.

- Anh có muốn gặp họ ngay không? - Tướng quân Decaen hỏi.

- Tôi không muốn quấy rầy họ. - René đáp.

Rồi anh chào ngài đảo trưởng ra về.

Khi trở về, René gặp ông chủ nhà băng Rondeau đang đợi anh. Bên cạnh những tỵ hiềm hôm trước, ông ta cũng không quên nhiệm vụ của mình là kiếm tiền. Ông ta đến thương lượng với René mua lại phần chiến lợi phẩm của anh, điều này giúp anh trước khi đi đến cảng Louis có thể phân phát tiền cho anh em thủy thủ sớm.

René suy nghĩ quả như vậy sẽ dễ dàng đưa người đi khỏi phải trở lại cảng Louis để lấy khoản tiền bán chiến lợi phẩm.

Trước hết, anh thoả thuận với ông Rondeau thủy thủ đoàn của anh sẽ được một nửa phần chiến lợi phẩm tức 500 nghìn phăng. Khoản này sẽ trích 100 nghìn cho người nghèo, bốn trăm nghìn còn lại sẽ chia đều cho mười tám người của anh, trong đó François được gấp đôi.

Ông Rondeau đòi một khoản triết khấu 20 nghìn và sẽ trả một triệu ngay lập tức.

René chấp nhận, sau khi cho ông chủ nhà băng nhận 20 nghìn từ khoản 300 nghìn riêng của anh, cho gửi ngay đến phu nhân Decaen 100 nghìn phăng cho người nghèo khó, để ông Rondeau hoàn tất khoản nợ phu nhân như ông đã hứa rồi mới hẹn người của mình đến gặp anh ngày hôm sau.

Trưa hôm sau, mười tám thủy thủ của anh đã đến. Trước hết anh thông báo họ sẽ được chia trước khoản tiền bán chiến lợi phẩm. Phần của họ được 500 nghìn phăng. Anh nói thêm đã dành cho ngài đảo trưởng 100 nghìn giúp các thủy thủ tàn phế, các goá phụ và trẻ mồ côi của các thủy thủ. Còn lại, anh dành tất cho họ 400 nghìn còn lại để cảm ơn lòng tận tụy và trung thành của họ. Riêng François được phần gấp đôi vì đã theo anh đến tận *Đất Trầu* và đã ở lại đó cùng anh.

Sau đó, anh thông báo họ sẽ đi cùng anh về Pháp vào ngày kia.

Do đó mọi người nên mang hết tiền về cho vợ con. Nếu tính các chiến lợi phẩm lần trước, mỗi người phải được hơn 60 nghìn phăng.

Mọi người được nhận tiền hoặc bằng vàng, bằng tiền Pháp hay ngân phiếu Anh. Họ đi ra mà hai tay vẫn để trong túi quần như thể sợ vì một lý do nào đó, vàng hay ngân phiếu không theo cùng họ được.

Khi đi vào yên lặng nhưng lúc đi ra họ lại vô cùng ầm ĩ. Có 60 nghìn phăng trong tay lại trở về dưới lá cờ của một nước trung lập cho phép họ hy vọng về nhà bình an vô sự. Đó là điều khiến niềm vui sướng nổ tung và nó trở thành ồn ào nhất trên đời.

Cơn lốc chạy từ quảng trường nhà hát kịch đến biển tạo thành một trong những kỷ niệm náo nhiệt trong nhiều năm sau của thành phố cảng Louis, và còn nhiều sự việc nữa xảy ra hôm thủy thủ đoàn của tàu *Tay đua New York* nhận được tiền chia.

Như đã hứa, ngày hôm sau nữa, René đến tổng dinh đảo Pháp từ biệt trong nỗi niềm bịn rịn chân thành của gia đình của ngài tướng quân. Họ đón tiếp anh như người con trong nhà và cũng đoán ra ẩn dưới sự hào hiệp hoàn hảo, dưới cái tên đơn giản của René thế nào cũng có những bí mật mà René không thể nói ra.

Họ mang tặng chàng trai trẻ, trong ý mong anh nhớ đến họ, hai khẩu súng ngắn hai viên đạn, độ chính xác của chúng khiến anh nghĩ ngợi nếu có cách hai chục bước anh cũng có thể bắn trúng một lưỡi dao.

Thư giới thiệu của ngài đảo trưởng đã sẵn sàng. Đó là lời ca tụng hàm chứa điều René hy vọng. Đó cũng là thứ anh có quyền được hưởng theo lệnh của tướng Decaen, người có vị thế lãnh đạo khu hải phận quan trọng, thuyền trưởng trẻ tuổi tàu *Tay đua New York* được lên tàu nào anh muốn.

Đảo trưởng hỏi thời gian nhổ neo và hứa sẽ đến tạm biệt thủy thủ đoàn *Tay đua New York* và chỉ huy của nó. Họ nhổ neo vào đúng ba giờ chiều. Từ trưa, bãi neo đậu Chien-De-Plomb đã có đông người tò mò đến xem. René không ra lệnh cho thủy thủ của mình mà xin họ có mặt trên tàu đúng hai giờ và tỉnh táo thực hiện chính xác mọi thao tác. Anh muốn có một cảnh tượng chưa từng thấy trong cảng biển, đó là một thủy thủ đoàn mà mỗi người có sáu mươi nghìn phăng trong túi nhưng không ai say rượu. Điều này khó thực hiện được bằng mệnh lệnh dù khắt khe nhất nhưng một lời xin thân ái của anh lại thành công.

René báo trước cho họ vinh dự ngài đảo trưởng dành cho khi ông đến tham dự buổi ra đi của họ. Về phía các thủy thủ, không báo cho René biết, họ đã thuê sáu thuyền kéo, trên mỗi thuyền ngoài các tay chèo còn có các tay trống và nhạc công.

Ngài đảo trưởng cũng cho neo ca nô của mình vào tàu của René. Khi xuất phát, một loạt súng vang lên và giàn nhạc cất vang bài *Khởi hành khúc*. Ngài đảo trưởng ra hiệu, mười sáu phát đại bác từ phía đài trắng cũng vang lên đáp lại loạt súng và con tàu nhẹ nhàng chuyển động. Đi được một phần tư dặm, gặp gió bấy giờ chiếc ca nô của ngài đảo trưởng mới đưa gia đình của vị tướng quân quả cảm Decaen trở lại bến Chien-De-Plomb cùng sáu thuyền nhạc công.

Còn tàu *Tay đua New York* tiếp tục cuộc hành trình của mình về phía nam và nhanh chóng biến mất sau màn sương chiều đầu tiên.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 87
Chuyện xảy ra ở châu Âu

Bây giờ, có lẽ đã đến lúc độc giả hướng về những chuyện xảy ra ở Châu Âu, điều mà ngài đảo trưởng không thể kể cho René có lẽ cũng do khoảng cách xa xôi mà chính ông cũng không được hay biết.

Chúng ta nhớ lại thời điểm chúng ta chia tay Napoléon. Sau chiến thắng Pyramides khiến Ai Cập choáng ngợp, chiến thắng Marengo buộc nước Ý khuất phục, nước Đức kinh ngạc Tây Ban Nha may một bộ hoàng bào và lồng Hà Lan vào đế chế Pháp, ngài Napoléon mang giấc mơ đế chế toàn cầu các mỏm đá thành Douvres mà không nghĩ đến người từng giáng sấm sét xuống chiến hạm *Aboukir* của ông, sẽ còn gây bối rối nữa trên eo Manche như đã từng gây khó khăn trên bờ biển Syrie. Người đàn ông ấy là Nelson!

Tôi xin chuyển tới độc giả, theo quan điểm đích thực, số mệnh được ưu ái đặc biệt đến kỳ lạ của nhân vật mà những chiến thắng của con người này đã nâng ông ta trong một chốc lát lên ngang tầm với con người thiên tài đối đầu với ông ta.

Quả thật con người này phải sống đúng thời điểm lịch sử mới hoàn thành sứ mệnh cứu nước Anh khỏi một trong những cơn nguy khốn nhất từng có kể từ thời hoàng đế Guillaume *Người chinh phục*.

Tôi sẽ nói Nelson là ai và qua những sự kiện định mệnh ở thời điểm hiện tại, trong một lúc nào đó, ông ta được coi có thể thay chỗ của Pompée chống lại César thời trước.

Nelson sinh ngày 20 tháng Chín năm 1758. Do đó, vào thời điểm đang nói đến, ông ta 47 tuổi.

Con người này được sinh ra tại Burnham-Thorpe, một làng nhỏ thuộc quận Norfolk. Cha ông ta là một mục sư ở đó, mẹ chết trẻ để lại mười một người con. Một người bác làm trong ngành hàng hải, người bà con với Walpole, đã đưa ông ta làm chuẩn uý trên chiến hạm sáu mươi tư khẩu đại bác, tàu *Redoutable*. Có một điều kỳ lạ trong số vô vàn điều kỳ lạ của cuộc đời con người này đó là ông ta bị một viên đạn bắn vào từ tàu chiến Pháp mang cùng tên với con tàu đầu tiên ông ta đi biển và cũng có sáu tư khẩu đại bác.

Ông ta khởi nghiệp bằng chuyến lên cực bắc và tàu bị mắc băng trong suốt sáu tháng. Trong một lần thăm dò khu vực xung quanh tàu, ông ta đụng độ với một con gấu trắng và đã đánh giáp lá cà với nó. Con quái vật đang siết ông nghẹt thở trong các chi của nó thì một người bạn thấy cuộc chiến bất cân bằng liền với khẩu súng gí vào tai con vật siết cò bắn vỡ đầu nó.

Ông ta từng xuống xích đạo, bị lạc trong một cánh rừng ở Pérou, ngủ dưới gốc cây to, bị một con rắn độc cắn suýt chết và phải mang những vết thương giống như vết trên người con rắn suốt đời.

Ở Canada, ông ta có mối tình đầu và định làm trò dại dột nhất đời. Vì không thể xa người vợ yêu, ông ta muốn từ chức thuyền trưởng tàu chiến. Thế là các sĩ quan của ông ta lừa thời cơ trói ông ta lại như một kẻ bất lương hay như một tên khùng, chất lên ngựa cho lên tàu và chỉ cởi trói cho ông khi đã ở giữa dại dương:

Giả dụ Nelson đã từ chức và lời từ chức được chấp thuận, Bonaparte đã chiếm được Saint-Jean - d Acre, đã không có Aboukir, Trafalgar nữa, hải quân của Pháp sẽ bị hải quân Anh ức hiếp. Nước Pháp đã vững bước chinh phục thế giới nếu không có bàn tay của người đàn ông này.

Khi trở về London, ông ta cưới một goá phụ trẻ tuổi là phu nhân Nisbelt. Ông yêu bà ta bằng thứ đam mê bốc cháy dễ dàng và cũng nhanh chóng ăn vào tâm hồn. Khi trở lại hải quân ông ta mang theo cậu con trai riêng của vợ tên là Josuah.

Lúc Toulon bị trao cho quân Anh, Horatio Nelson đang làm thuyền trưởng trên tàu Agmemnon. Ông ta được cử đến Naples để báo cho đức vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline việc chiếm cảng quân sự đầu tiên của Pháp.

Ngài William Hamilton, đại sứ tại Ý, gặp ông ta ở chỗ nhà vua, dẫn về nhà mời ông ta ở phòng khách rồi qua phòng ngủ của vợ nói:

- Tôi dẫn về cho phu nhân một con người bé nhỏ, tuy không đẹp nhưng một ngày ông ta sẽ là vinh quang của nước Anh và là nỗi kinh hoàng của kẻ thù.

- Sao ngài dự đoán như thế? - Phu nhân Hamilton hỏi.

- Qua vài lần ít ỏi chúng tôi nói với nhau ông ta đang ở phòng khách, hãy đến chào mừng ông ta đi em yêu. Tôi chưa từng đón một sĩ quan Anh nào đến nhà song tôi không muốn người này ở trọ chỗ nào khác ngoài lâu đài của ta.

Thế là Nelson ở lại đại sứ quán Anh nằm giữa góc sông và phố Chiaia.

Đó là vào năm 1793. Khi đó Nelson là một anh chàng ba mươi nhăm tuổi, vóc dáng khiêm tốn như ngài William nói, khuôn mặt mai mái với cặp mắt xanh, cái mũi khoằm phân biệt con người tham chiến với người biến César và Condé thành những con chim mồi, cái cằm nhô ra mạnh cho thấy tính quả quyết đến cứng đầu. Râu tóc của ông có màu vàng nhạt, thưa và mọc lung tung.

Qua cái nhìn đầu tiên, Emma Lyonna đánh giá về diện mạo của ông ta không khác gì chồng mình. Nhưng vẻ đẹp lộng lẫy của bà đại sứ này đã để

lại ấn tượng mạnh cho ông. Nelson rời Naples mang theo sự trợ giúp mà ông ta đến xin triều đình *Hai đảo Sicile(1)* và tình yêu điên cuồng với phu nhân Hamilton. Tình yêu này đã khiến Nelson phải chịu xấu hổ.

Còn về Emma Lyonna, thời điểm ấy, bà ta đã hết sạch cả hổ thẹn rồi.

Không biết có phải để chữa tình yêu ấy hay vì tham vọng, vì đeo đuổi khát khao vinh quang mà Nelson muốn hy sinh trong cuộc chiến Calvi nơi ông ta mất một mắt và cuộc chinh phạt Ténériffe nơi ông ta mất một cánh tay chăng? Chẳng ai biết rõ, nhưng trong hai cơ hội ấy, ông ta đã mạo hiểm mạng sống của mình mà vẫn tỏ ra dửng dưng không bận tâm.

Ngày 16 tháng Sáu năm 1798, ông ta trở lại Naples lần thứ hai và lần này lại có sự xuất hiện của phu nhân Hamilton.

Lần ấy Nelson lẽ ra đã bị chỉ trích. Chịu trách nhiệm chặn chiến hạm Pháp ở cảng Toulon và hạ nó nếu nó ra khỏi cảng, ông ta lại để chiến hạm ấy tuột khỏi tay và nó đã chiếm Malte khi đi ngang qua đó rồi có thể đổ bộ 30 nghìn quân lên Alexandrie.

Thế vẫn chưa hết: bị một cơn bão quần tơi tả, thiếu nước và thực phẩm do chuẩn bị ít, không thể tiếp tục truy đuổi, Nelson buộc phải quay lại sửa sang ở Gibraltar.

Ông ta đã thất bại: Người ta có thể buộc tội phản bội cho ông.

Suốt một tháng ròng mà không tìm ra chiến hạm mười ba tàu chiến hạng nặng và tám mươi bảy tàu chuyên chở, không những không đuổi kịp mà còn không phát hiện ra dấu vết nào của nó ở Địa Trung Hải. Mặt khác, lẽ ra ông ta nhận được sự trợ giúp từ triều đình *Hai đảo Sicile* vào lấy lương thực trong cảng Messine và Syracuse, vào Calabre để lấy gỗ sửa cột buồm, xà buồm bị gãy.

Nhưng triều đình *Hai đảo Sicile* đã ký hoà ước với nước Pháp. Hiệp ước này yêu cầu triều đình giữ thế trung lập tuyệt đối, nếu cho Nelson những thứ ông ta cần tức là vi phạm thoả ước.

Tuy nhiên, vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline rất ghét người Pháp nên những thứ Nelson cần đều được ngang nhiên đáp ứng. Còn Nelson, ông ta hiểu chỉ chiến thắng vang dội mới có thể tự cứu mình nên rời Naples với tâm trạng điên cuồng, yêu mãnh liệt và kỳ cục hơn bao giờ hết, thề phải chiến thắng hoặc mất mạng ngay từ cơ hội đầu tiên.

Ông ta đã thắng và suýt mất mạng.

Chưa bao giờ kể từ khi phát minh ra thuốc súng và cách sử dụng đạn đại bác lại có trận thủy chiến kinh thiên động hải đến thế. Trong số mười ba chiến thuyền của hạm đội nói trên chỉ hai chiếc thoát khỏi tầm đạn và không rơi vào tay kẻ thù.

Một tàu bị nát là *L Orient*, một tàu chiến và một tàu ba cột buồm khác bị chìm, chín tàu bị chiếm. Nelson đã tỏ ra như một vị anh hùng. Trong suốt thời gian diễn ra trận chiến, ông ta sẵn sàng xả thân nhưng tử thần không muốn ông ta. Tuy thế, ông ta vẫn bị một vết thương nặng: một quả đạn của tàu *Guillaume Tell* đã bắn nát xà buồm tàu *Vanguard* có ông ta trên boong. Nó rơi vào trán khi ông ta ngẩng lên xem vết gãy răng rắc làm toạc một mảng da đầu với con mắt duy nhất còn lại. Giống như cả một con bò mộng đè vào người, ông ta đổ vật ra boong đầm đìa máu. Nelson tưởng vết thương ấy sẽ khiến ông ta mất mạng nên cho gọi linh mục lên rửa tội và nhận lời trăng trối của ông chuyển về gia đình. Nhưng đi cùng cha xứ còn có một bác sĩ. Người này xem xét hộp sọ, nó không sao cả, lớp da được níu lại vào trán bằng lớp băng đen.

Nelson lại vớ lấy chiếc loa vừa rời khỏi tay và tiếp tục công cuộc phá huỷ bằng cách thét lên: "Bắn!".

Chắc phải có hơi thở của một thần tiên trong lòng hận thù chống lại nước Pháp của con người này.

Ngày 2 tháng Tám, khoảng tám giờ tối, chiến hạm Pháp chỉ còn hai tàu chiến thoát được chạy trốn sang đảo Malte.

Một chiếc tàu hạng nhẹ mang tin chiến thắng của Nelson và chiến hạm của ta bị huỷ diệt về bộ tư lệnh hải quân Anh và triều đình *Hai đảo Sicile*.

Lập tức toàn châu Âu reo hò sung sướng tột độ lan sang cả châu Á, người Pháp lo ngại bao nhiêu thì cách mạng Pháp ghê tởm sự kiện này bấy nhiêu.

Còn triều đình Naples, sau cơn sung sướng tột độ, trở nên hạnh phúc điên cuồng. Hiển nhiên phu nhân Hamilton là người đầu nhận được lá thư báo tiệp của Nelson. Chiến thắng ấy khép lại vĩnh viễn chuyện 30 nghìn lính Pháp sang Ai Cập gặp Bonaparte.

Bonaparte, con người làm nên trận Toulon, cuộc đảo chính 13 Vendénnaire, trận Montenotte, Dego, Arcole và Rivoli, người chiến thắng Beaulieu, Wurmser, Alvinzi và hoàng tử Charles, người trong vòng hai năm đã thắng lớn, bắt được 150 nghìn tù binh, chinh phục 170 quốc kỳ, chiếm 150 pháo đại bác hạng nặng, 600 làng, năm đội cầu, con người tham vọng đã tuyên bố châu Âu chỉ là cái hang chuột và chỉ Đông Phương mới có các đại đế chế cũng như các đại cách mạng mà thôi, một đại uý ưa phiêu lưu ở tuổi hai mươi chín đã vượt cả Annibal và còn muốn chinh phục Ai Cập để cũng vĩ đại như Alexandre và César, con người đã tịch biên, loại khỏi danh sách nhiều chiến binh; với trò chơi chiến tranh vĩ đại này, cuối cùng con người ấy cũng tìm được đấu thủ may mắn và khéo léo hơn mình. Trên bàn cờ khổng lồ của dòng sông Nil ấy nơi mà quân tốt là những cột tháp, quân mã là các nhân sư, quân pháo là những kim tự tháp, quân sĩ có tên là Cambyse, vua Sésostris, hoàng hậu Cléopâtre, ông đã từng bị thất bại và xa xẩm mặt mày.

Thật ngạc nhiên khi đong đo nỗi sợ hãi của các vị quốc vương ở châu Âu khi nghe hai cái tên nước Pháp và Bonaparte cộng lại qua những món quà họ tặng cho Nelson, họ trở nên mừng vui khôn xiết khi thấy nước Pháp bị hạ gục và tin là Bonaparte sẽ thất bại.

Phần liệt kê những quà mừng ấy không khó, chúng tôi xin chép lại từ chính bản viết tay của Nelson.

Vua Geoges Đệ tam, trao tặng phẩm hàm danh dự Anh Quốc và một mề đay vàng.

Công viện dành cho người thừa kế gần nhất và cho ông ta tước hiệu Nam tước Nil và Burnham-Thorpe cùng một khoản tô tức hai nghìn *livre sterling* bắt đầu lĩnh từ mồng 1 tháng Tám năm 1798, tức ngày diễn ra trận đánh.

Viện công khanh cũng dành một khoản tương tự, trong điều kiện tương tự.

Nghị viện Ai xơ len tặng một khoản trợ cấp một nghìn livre *sterling*.

Liên đoàn người Án Đông phương tặng mười nghìn livre trả một lần.

Quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ(2) tặng một vòng kim cương đính cây bút chiến thắng trị giá 2000 livre *sterling*, một chiếc áo lông sang trọng trị giá một nghìn livre *sterling*. Thái hậu Thổ Nhĩ Kỳ cũng tặng một hộp kim cương trị giá 1200 livre.

Vua Sardaigne(3) tặng một gạt tàn nạm kim cương trị giá 1200 livre.

Đảo Zante tặng một thanh gươm có nắm tay bằng vàng, một trái táo vàng.

Thành Palerme tặng một gạt tàu và một dây chuyền vàng trên một đĩa bạc.

Cuối cùng là người bạn Benjamin Hallowell, thuyền trưởng tàu Swiftsure, tặng một món quà đặc Anh mà sẽ là rất thiếu nếu không liệt kê. Như tôi đã nói, con tàu L Orient của Pháp đã bị nát tan tành, Hallowell vớt được cột buồm lớn của nó. Ông ta cho thợ trên tàu đóng một cỗ quan tài có trang trí một tấm biển ghi lời chứng thực sau:

"Tôi chứng nhận cỗ quan tài này đóng hoàn toàn bằng gỗ và sắt từ chiến thuyền L Orient mà tàu của nhà vua, theo lệnh tôi, đã vớt được trong vịnh Aboukir.

BEN HALLOWELL"

Kèm theo cỗ quan tài có xác nhận như thế là một lá thư.

"Gửi tới ngài Nelson C. B đáng kính, đức ông của tôi,

Tôi gửi cho ngài cỗ quan tài đóng từ chính cây cột buồm của tàu chiến L Orient của Pháp để ngài dùng khi từ bỏ cõi đời này đi an nghỉ chốn của riêng mình. Hy vọng ngày ấy là ý muốn chân thành của kẻ phục tùng và thân ái này.

BEN HALLOWELL"

Trong số tất cả những món quà nhận được, đây là thứ khiến Nelson cảm động nhất. Ông ta nhận nó bằng vẻ mãn nguyện ra mặt. Ông ta cho đặt nó vào ca bin của mình sát tường ngay sau chiếc ghế nơi ông ta ngồi ăn. Một nô bộc già thấy đồ vật này buồn quá nên theo lệnh của đô đốc đã chuyển nó lên boong phụ.

Khi Nelson rời tàu *Vanguard* sang *Fulminan*, cỗ quan tài ấy chưa tìm được vị trí thích hợp nên ở khoang trước trong vài tháng. Một hôm, các sĩ quan tàu *Fulminan* khen ngợi món quà của thuyền trưởng Hallowell, Nelson hét

lên với họ từ ca bin:

- Cứ ngắm thoả thích chừng nào các quý ông muốn, nhưng nó không phải làm để cho các vị đâu.

Cuối cùng, ngay khi có dịp, Nelson cho bọc nó trong một tấm thảm và quấn vải nhung để, với nghề của mình, ông ta muốn có nó sẵn sàng khi cần.

Khỏi phải nói, bảy năm sau, khi bị chết ở Trafalgar, Nelson đã được khâm liệm trong cỗ quan tài ấy.

Chú thích:

(1) Triều đình cũ của nước Italie gồm Triều đình *Sicile* (đảo) và Triều đình Naples (bán đảo *Sicile*)

(2) Tức Sélim Đệ Tam

(3) Charles-Emmanuel Đệ Tứ

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 88
Emma Lyonna

Để trừng phạt kẻ thắng trận Aboukir và Trafalgar, công lý của đức Chúa đã muốn cái tên Emma Lyonna phải gắn với cái tên Nelson mãi mãi.

Như tôi vừa nhắc ở trên, Nelson đã cho con thuyền hoả tốc về báo tin chiến thắng trận Aboukir đến Naples và London.

Ngay khi nhận được thư của Nelson, Emma Lyonna chạy ngay đến chỗ hoàng hậu Caroline và chìa lá thư ra trước mắt hoàng hậu. Bà hoàng liếc mắt xem qua rồi kêu lên và đúng hơn là rú lên vì sung sướng.

Sau đó, không cần biết đến đại sứ Pháp Garat, người đã đọc bản án tử hình vua Louis XVI và người được chính quyền Đốc chinh cử đến Naples như một lời cảnh báo cho nền quân chủ Bourbon, hoàng hậu ra lệnh chuẩn bị chu đáo để thết đãi Nelson đến Naples như người ta nghênh đón một người chiến thắng trở về.

Và để không đứng sau các quốc vương khác, bà ta muốn tỏ lòng biết ơn trội hơn hẳn người nước khác mà không nghĩ đến nguy cơ cao gấp hai lần khi có sự hiện diện quân đội Pháp ở Rome cộng với sự tuyên bố chế độ Cộng hoà La Mã. Hoàng hậu thúc người tình của mình, ngài bộ trưởng Acton thuyết phục vua phong cho Nelson tước Quận công Bronte với ba nghìn livre tiền tô tức mỗi năm. Mặt khác, bên cạnh việc trao sắc phong nhà vua còn đích thân tặng cho Nelson thanh kiếm được vua Louis XIV trao cho con trai ngài là vua Philippe Đệ ngũ khi ông ta đi trị vì Tây Ban Nha rồi vua Philippe Đệ ngũ lại trao lại cho con trai Carlos của ngài khi người con này đi chinh phục

Naples.

Ngoài giá trị lịch sử, tức là giá trị không định giá được thanh gươm này (theo lời di huấn của vua Charles Đệ tam chỉ có thể trao cho người bảo vệ và cứu tinh nền quân chủ của *Hai đảo Sicile*) còn có thể xác định giá trị vật chất, dựa vào các viên kim cương khảm nạm trên đó, là năm nghìn livre tức 125 nghìn phăng.

Riêng hoàng hậu, bà ta dành cho Nelson một món quà mà không một tước hiệu hay đặc ân vua chúa nào trên đời có thể sánh nổi đó là trao cho ông ta Emma Lyonna, mục đích năm năm mơ mộng mãnh liệt nhất của Nelson.

Kết quả là vào buổi sáng hôm Nelson đến Naples, khi Emma Lyonna vén mái tóc hạt dẻ để hôn lên cái trán dối trá nhưng bề ngoài lại thánh thiện như một thiên thần của hoàng hậu thì hoàng hậu nói:

- Emma yêu dấu của ta, để ta còn là vua và em là hoàng hậu, con người ấy phải thuộc về chúng ta và để con người ấy thuộc về chúng ta thì em phải thuộc về ông ấy.

Emma cụp mắt xuống không nói gì, cô ta nắm lấy hai tay hoàng hậu mà ra sức hôn lên đó.

Hãy xem tại sao hoàng hậu Marie-Caroline lại có thể cầu xin hay nói đúng hơn là ra lệnh như vậy với phu nhân Hamilton, bà đại sứ phu nhân Anh quốc.

Emma là con gái của một nông dân nghèo xứ Galles. Cô ta không biết mình bao nhiêu tuổi và được sinh ra ở đâu. Những gì cô ta còn nhớ là hình ảnh một đứa trẻ ba, bốn tuổi mặc chiếc váy xoàng xĩnh đi chân trần trên con

đường miền sơn cước giữa sương mù và mưa bay tháng Chín, níu đôi bàn tay lạnh cóng vào bộ quần áo của mẹ, một phụ nữ đáng thương bế cô bé trong tay mỗi khi cô mệt hay phải lội qua một con suối chặn qua đường.

Emma nhớ đến cái đói và lạnh trong chuyến đi ấy. Cô ta còn nhớ khi họ đi qua một thành phố, mẹ cô đã phải dừng lại trước ngôi nhà giàu có hay trước cửa hàng bánh mì để van xin vài đồng tiền lẻ hay một cái bánh mỳ nhưng luôn bị từ chối.

Cuối cùng, hai mẹ con cũng đến thành phố nhỏ Flint, nơi họ cần đến. Đó là nơi đã sinh ra mẹ của Emma và John Lyon, cha của cô. Cha cô khi đi tìm việc đã rời mảnh đất Flint để đến Chester. Công việc chẳng đem lại kết quả gì, John Lyon đã qua đời khi còn trẻ và trong nghèo khổ, bà vợ goá đành mang con về quê xem mảnh đất này còn đón nhận họ không.

Thế là như trong giấc mơ, Emma thấy mình trên một sườn đồi chăn vài con cừu. Chúng đến uống nước bên dòng suối nhỏ nơi cô bé hay soi xuống xem khuôn mặt mình ra sao khi đội lên đầu một vành hoa dại.

Sau đó, gia đình cô được nhận một khoản tiền từ bá tước Halifax, một phần dành cho mẹ và một phần dành cho cô ăn học.

Thế là người ta đưa cô vào trường nội trú dành cho các bé gái, tại đó cô bé được mặc đồng phục là một chiếc mũ rơm, chiếc váy màu thiên thanh và một tạp dề đen.

Cô bé ở đó hai năm. Sau hai năm, bà mẹ đến đón cô về vì không còn tiền trả tiền học. Bá tước Halifax đã chết và bỏ quên hai người phụ nữ ấy trong di

chúc của mình.

Cô buộc phải làm hầu gái trong gia đình của một ông Thomas Hawarden nào đó có cô con gái goá qua đời để lại ba đứa cháu côi cút.

Một buổi đưa lũ trẻ đi dạo đã xui khiến nên một cuộc gặp định mệnh quyết định số phận cuộc đời cô ta. Một ả gái lầu xanh nổi tiếng tên là Miss Arabell và một hoạ sĩ tài danh, người tình qua đường của ả có tên là Romney, đã dừng chân để cho hoạ sĩ ký hoạ khung cảnh làng quê xứ Galles. Miss Arabell đi theo xem hoạ sĩ vẽ.

Đám trẻ do Emma dẫn đi chơi nhón chân lại gần xem hoạ sĩ làm gì. Emma đi theo chúng. Khi quay lại, hoạ sĩ nhìn thấy cô ta và kêu lên kinh ngạc. Emma mới mười ba tuổi và chưa bao giờ người hoạ sĩ thấy ai đẹp như thế.

Ông ta hỏi cô ta là ai và làm gì. Vốn có chút học hành nên cô bé trả lời câu hỏi ấy khá lịch sự. Cô nói mình kiếm được bao nhiêu khi chăm sóc lũ trẻ nhà ông Hawarden: Cô nói mình được nuôi ăn, mặc, ở và kèm theo mười *schelling* mỗi tháng.

- Hãy đến London - Hoạ sĩ bảo cô - Tôi sẽ trả cô năm đồng *guinée* cho mỗi bức ký hoạ nếu cô đồng ý làm người mẫu.

Rồi ông ta chìa tấm thiệp có ghi: *"Edward Romney, số 8 Quảng trường Cawendish"*, đồng thời Miss Arabell cũng rút vài đồng vàng đưa cho cô.

Cô bé cầm tấm các, cần thận cất vào ngực nhưng không nhận khoản tiền. Khi Miss Arabell nài ai nói rằng khoản tiền ấy để cô tới London, Emma nói:

- Cảm ơn bà. Nếu tôi đến London, tôi sẽ đi bằng khoản tiết kiệm nhỏ tôi vẫn

dành dụm và sẽ tiếp tục để dành.

- Với mười *schelling* một tháng ư? - Miss Arabell cười hỏi.

- Vâng thưa bà. - Cô bé đáp gọn.

Và mọi chuyện kết thúc ở đó.

Không, mọi chuyện chưa kết thúc ở đó vì ngày hôm ấy còn có chuỗi hệ quả khác. Sáu tháng sau, Emma đến London, nhưng hoạ sĩ Romney đi vắng. Không gặp được ông cô bé đến gặp Miss Arabell, người này coi cô như kẻ cùng hội cùng thuyền.

Miss Arabell là người tình của ông hoàng nhiếp chính nên ả đạt đến tột đỉnh giàu sang của một kỹ nữ. Trong hai tháng Emma ở nhà ả, cô bé đọc đủ loại tiểu thuyết đến tay, lui tới tất cả các nhà hát kịch, trở về phòng mình bắt chước mọi vai kịch nghe được, tập tành đủ các loại vở ba lê được xem. Những gì người khác chỉ xem là trò giải trí, cô lại coi là mối bận tâm duy nhất. Vừa đến độ mươi lăm, cô bé bước vào tuổi thanh xuân rực rỡ nhất vẻ đẹp lộng lẫy nhất. Thân hình mềm mại cân đối cho phép cô bé thực hiện được mọi tư thế, mọi uốn éo và đã đạt đến độ khéo léo nhất của một vũ nữ. Về khuôn mặt, dù những vất vả cực nhọc khuôn mặt ấy vẫn giữ được vẻ trong sáng thơ ngây trinh trắng. Được trời phú cho khả năng biểu hiện cảm xúc vô cùng tinh tế, khuôn mặt ấy có thể biểu lộ, nỗi đau đớn qua vẻ đượm buồn hay một cơn bột phát sung sướng. Người ta bảo rằng vẻ thanh khiết của tâm hồn toát ra dưới những đường nét ngây thơ tuy nhiên một đại thi hào thời đại chúng ta ngần ngại làm lu mờ tấm gương tuyệt mỹ ấy khi nói đến các tật nhỏ của cô rằng: "Sa ngã của nàng không nằm ở thói hư mà vì bất cẩn và lòng tốt".

Cuộc chiến nước Anh phát động chống lại thuộc địa Mỹ đang ở đỉnh điểm. Anh trai một cô bạn của Emma tên là Richard bị ép phải xung vào hải quân. Cô em gái chàng trai tên là Fanny đã chạy đến chỗ Emma nhờ giúp. Fanny thấy Emma quá đẹp nên nghĩ nếu cô cầu xin hộ thì chắc không ai nỡ từ chối.

Emma vui vẻ mặc chiếc váy đẹp nhất cùng bạn đi tìm ngài đô đốc. Emma đã nhận được điều cô muốn song John Payne cũng có điều kiện của ông ta đó là Emma sẽ đổi tự do cho Richard nếu không bằng tình yêu thì cũng bằng lòng biết ơn của cô.

Emma Lyonna trở thành người tình của đô đốc Payne, có một ngôi nhà riêng, có xe ngựa, đầy tớ riêng cho mình. Tuy nhiên đống của cải phù du ấy đến và đi nhanh hơn thời tiết. Hạm đội ra đi. Emma Lyonna lại thấy chiến thuyền của người tình trong lúc khuất dần chốn chân trời cũng đồng thời cuốn đi mọi giấc mộng vàng son của cô.

Tuy thế Emma đâu phải là người phụ nữ dễ gục ngã như Didon sau lần cất cánh của Enée. Một trong những người bạn của đô đốc Payne, Sir Harry Fatherson, giàu có và lịch lãm, muốn cô tiếp tục làm cái việc đã làm, tức là trở thành người tình cho ông ta.

Emma đã bước những bước đầu tiên trên con đường sa ngã. Cô ta chấp nhận và trong suốt một mùa trở thành nữ hoàng trong các buổi săn bắn, hội hè và vũ tiệc. Nhưng than ôi, khi mùa qua đi, bị người tình thứ hai lãng quên, bị coi rẻ trong mối tình thứ hai, cô ta dần rơi vào thế cùng quẫn đến độ không còn nguồn nào khác ngoài vỉa hè Heymarket, vỉa hè nhơ nhớp nhất cho những sinh linh bất hạnh đi ăn mày tình ái của những kẻ qua đường.

May thay, người mối lái mà cô ta nhờ dẫn dắt vào ngành bán phấn buôn hương ấy bị ấn tượng trước vẻ tao nhã và chỗ ở mới thanh đạm của ả nên thay vì đưa cô ta làm gái điếm như những người khác, lại dẫn đến chỗ một bác sĩ nổi tiếng quen lui tới chỗ bà ta.

Đó là bác sĩ nổi danh Graham, một tay lang băm ưa thần bí và thích nhục dục, người hành nghề thứ tôn giáo vật chất sắc đẹp trước các cô gái trẻ London.

Khi Emma xuất hiện trước mắt hắn tức là thần vệ nữ Astarté của hắn đã được tìm thấy dưới những đường nét của Vệ nữ trinh bạch. Hắn ta trả giá cao cho kho báu ấy. Nhưng với hắn, kho báu này thật vô giá. Hắn đặt cô ta ngủ trên giường thần Apollon, đắp lên cô ta tấm voan trong suốt hơn cả của thần Vulcain đã đắp lên nữ thần Vệ nữ khiến mọi con mắt của đỉnh Olympia phải hút vào, rồi hắn phô trương ầm ĩ trong báo giới rằng cuối cùng mình cũng sở hữu một nguyên bản duy nhất và tột đỉnh về sắc đẹp còn thiếu cho đến giờ để hoàn tất học thuyết của mình.

Trước lời kêu gọi vừa nhắm vào sa hoa và khoa học ấy, mọi tông đồ trong cái tôn giáo tình ái, thứ tôn giáo khoả rộng trên toàn cầu đều đổ dồn đến phòng của bác sĩ Graham.

Thành công thật trọn vẹn: không hoạ sĩ hay nhà điêu khắc nào từng tạo được một kiệt tác tương tự, đến Apelle và Phidias cũng phải chịu thua cuộc.

Các nhà hoạ sĩ và điêu khắc kéo đến rất đông. Romney khi trở về London cũng đến như không người khác và nhận ra cô bé ở Flint dạo nào. Ông ta thể hiện cô dưới nhiều hình dạng, thành Ariane, cô đồng, Léda, hay nữ thần Armide và chúng ta có ở Thư viện hoàng gia một bộ sưu tập điêu khắc thể hiện sự quyến rũ trong mọi thái độ khoái cảm từ thời cổ đại dâm đãng nghĩ ra.

Thế là vì tò mò, chàng trai Charles Grenville xuất thân trong gia đình danh giá Warwich mà người ta gọi là *Người lập vua* và là cháu họ của Sir William

Hamilton cũng tìm đến. Thấy Emma hoàn hảo nên đã đem lòng yêu dấu. Những lời hứa hẹn bay bướm nhất đã được chàng trai quý tộc này chuyển đến Emma. Nhưng cô ta còn vướng bận với bác sĩ Graham một mối liên hệ ơn nghĩa nên đã cự lại mọi lời quyến rũ, tuyên bố lần này chỉ chia tay nhân tình để theo chồng.

Sir Charles hứa lời hứa danh dự của một quý ông sẽ lấy Emma Lyonna ngay khi cô đủ tuổi trưởng thành. Trong khi chờ đợi Emma đồng ý để anh ta làm một cuộc bắt cóc.

Thực ra hai kẻ yêu đương ấy đã sống với nhau như vợ chồng và theo lời ông bố, ba đứa trẻ sinh ra phải được hôn thú chứng nhận hợp pháp.

Tuy nhiên trong quãng thời gian sống chung ấy, một thay đổi bộ ngành đã khiến Grenville mất công việc mang lại thu nhập chính cho anh ta. Thật may là sự việc này xảy ra khi họ ở với nhau đã được ba năm do đó Emma Lyonna đã kịp nhờ các ông thầy giỏi nhất London, học và tiến bộ vượt bậc trong âm nhạc và hội hoạ, ngoài ra cô ta còn hoàn thiện học vấn, học thêm tiếng Pháp và tiếng Ý, làm thơ như phu nhân Siddons.

Dù mất việc, Grenville vẫn không thể giảm bớt chi tiêu, vậy là anh chàng viết thư cho chú mình để xin tiền. Ban đầu, lần nào yêu cầu của anh ta cũng được đáp ứng nhưng lần cuối, ngài William Hamilton trả lời rằng ông định đến London ít ngày và nhân cơ hội ấy để xem xét công việc của cháu.

Cái từ xem xét này làm đôi trẻ lo sốt vó. Họ vừa muốn lại vừa sợ sự xuất hiện của ngài William. Rồi ông đột ngột xuất hiện tại nhà họ mà không báo trước. Ông đã ở London từ tám ngày rồi.

Trong tám ngày ấy, Sir William đã tìm hiểu tin tức về cháu mình. Những người cung cấp tin cho ông không quên nói đến nguyên nhân sự đảo lộn và khốn khó của cháu ông là do một con điếm cháu ông đã ăn ở và đẻ được ba đứa con gây ra.

Emma lui vào phòng để người tình của mình ở lại với ông chú. Ông chú không đưa ra điều kiện nào ngoài việc lựa chọn hoặc ngay lập tức bỏ Emma hoặc từ bỏ quyền kế nghiệp thứ mà từ nay là nguồn tài sản duy nhất của anh ta.

Nói xong ông chỉ ra đi để cho cháu mình ba ngày suy nghĩ.

Mọi hy vọng của hai người từ giờ chỉ còn trông đợi ở Emma. Cô ta phải là người đi xin Sir William Hamilton tha thứ cho tình nhân của mình và chứng tỏ anh ta đáng được tha thứ bao nhiêu.

Thế là thay vì mặc bộ đồ sang trọng trong hoàn cảnh mới, Emma mặc lại bộ quần áo thời thiếu nữ: chiếc mũ rơm và chiếc váy cà tàng. Những giọt nước mắt, nụ cười, trò điệu bộ trên khuôn mặt, những cái ve vuốt và giọng nói sẽ làm nốt phần còn lại.

Khi được đưa đến chỗ Sir William, Emma phủ phục dưới chân ông; và hoặc khéo léo buộc hờ hoặc do tình cờ dải quai mũ tung ra khiến mái tóc hạt dẻ xổ tung trên vai.

Kẻ quyến rũ đang trong sự đau đớn vô bờ.

Ông già cổ hủ, kẻ từng yêu say đắm bức tượng cẩm thạch ở thành Athènes và những tượng Hy Lạp cổ đại, lần đầu liên thấy sắc đẹp sống động át cả vẻ đẹp lạnh lùng và tái nhợt của những nữ thần do Praxitèle và Phidias tạc nên. Tình yêu, cái thứ ông không muốn hiểu ở đứa cháu, đã xộc thẳng vào tim ông rồi chiếm vị trí trọn vẹn mà ông không kịp phản ứng.

Khoản nợ của cháu, xuất thân thấp hèn của Emma, những tai tiếng, tiền quảng cáo cho mỗi tiếng, tất cả, thậm chí những đứa con của cô, Sir William chấp nhận hết chỉ với một điều kiện duy nhất là Emma phải dứt bỏ hoàn toàn cách sống cũ.

Thế cũng là thành công lớn thoả ước ao bấy lâu của Emma, nhưng lần này cô ta ra điều kiện cụ thể không như lời hứa suông làm đám cưới với cháu ông lần trước. Cô ta tuyên bố chỉ đến Naples với tư cách là vợ chính thức của ngài William Hamilton.

Sir William chấp nhận hết.

Sắc đẹp của Emma mang đến thành Naples tác động chưa từng có, cô ả không chỉ khiến mọi người ngạc nhiên mà còn khiến họ loá mắt.

Vốn là nhà khảo cổ học và khoáng vật học có uy tín, ngôi nhà của đại sứ Anh quốc, là anh em cùng vú nuôi và bạn thân của vua Georges Đệ tam, Sir William hội tụ tại nhà mình giới thị thành hàng đầu của *Hai đảo Sicile* gồm những nhà khoa học, chính khách và giới văn nghệ sĩ. Chỉ ít ngày cũng đủ cho Emma dù rất nghệ sĩ, muốn hiểu về chính trị và khoa học, biết mình còn biết gì và rất nhanh sau đó những lời đánh giá của Emma đã thành luật đối với những ai hay lui tới phòng tiếp của Sir William.

Thành công của ả chưa dừng lại ở đó. Vừa mới được giới thiệu đến triều đình, hoàng hậu Marie-Caroline đã tuyên bố ả là bạn thân thiết và từ đó trở thành người yêu mến không những xuất hiện trước công chúng với ả gái điếm phố Haymarket mà còn đi suốt phố Tolède, đi dạo ở Chiaia trong cùng cỗ xe và trang điểm cùng kiểu với ả. Hơn thế, sau những buổi tối bắt chước những tư thế gợi cảm và bốc lửa nhất thời cổ đại, bà hoàng sai người nói với Sir William, kẻ sung sướng lặng người trước ân huệ ấy, rằng bà chỉ trả lại ông ta cô bạn gái của mình vào ngày hôm sau.

Người ta đã thấy, bên cạnh những chuyện gây xôn xao triều đình Naples ấy, xuất hiện và lớn mạnh một Nelson, nhà quán quân trong các thế lực triều đình cũ. Chiến thắng Aboukir mang lại hy vọng cho tất cả các ông vua từng đặt tay lên vương miện chao đảo của họ. Bằng mọi giá, Marie-Caroline

người đàn bà hám của, quyền lực và đầy tham vọng, cũng phải bảo vệ vị thế của mình; cho nên không có gì lạ khi bà ta lại nhờ đến sức cuốn hút của cô bạn gái khi vào buổi sáng hôm dẫn Emma đến trước.

Nelson người đã trở thành chìa khoá cho nền chuyên chế, bà đã nói với ả: "Người đàn ông này phải thuộc về chúng ta và để con người ấy thuộc về chúng ta, em phải thuộc về ông ấy".

Liệu việc giúp người bạn gái Marie-Caroline về chuyện đô đốc hải quân Horace Nelson có khó như việc Emma Lyonna từng làm giúp cô bạn Fanny trong về chuyện đô đốc Payen không?

Vả lại phải có phần thưởng vẻ vang cho những què cụt của Nelson, cho đứa con người linh mục nghèo làng Burnham-Thorpe, cho con người gây dựng vĩ đại cho mình bằng chính dũng khí bản thân, gây dựng tiếng tăm bằng tài năng của mình, phải có phần thưởng xứng đáng cho những vết thương để thấy ông vua, bà hoàng, cái triều đình này và phần thưởng cho chiến thắng của ông, cái con người ông đam mê tiến đến trước mặt chứ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 89

Do đâu Napoléon thấy đôi khi buộc con người tuân lệnh còn khó hơn số mệnh

Ai cũng biết hậu quả sau buổi lễ đón chào Nelson.

Đại sứ Pháp đùng đùng nổi giận trước động thái ngang ngược ấy đã lấy lại hộ chiếu và về nước. Nhà vua không muốn cho nước Pháp cái mãn nguyện là người tấn công trước. Ông ta cầm 65 nghìn quân đối đầu với Championnet chỉ có 12 nghìn và ngày lần gặp đầu tiên đức vua đã thất bại thảm hại, chạy trốn và chỉ dừng lại ở Naples.

Championnet đuổi theo với lòng nhiệt tình mà các tướng lĩnh Cộng hoà vẫn hay phô ra. Chỉ năm, sáu nghìn người cùng khổ, thành Naples cũng làm được điều mà 65 nghìn quân của vua Naples không thể. Họ đối đầu với quân Pháp, bảo vệ thành suốt ba ngày thậm chí còn bảo đảm an toàn cho nhà vua, hoàng hậu, hoàng gia Naples, ông bà đại sứ anh xuống thuyền an toàn.

Những người này trốn sang đảo *Sicile*.

Một ngày, giáo chủ Ruffo được lệnh của nhà vua trở về từ Messine để chiếm lại Naples.

Trong khi ấy Bonaparte vẫn đang ở Ai Cập, bị chôn chân một chỗ do chiến hạm Aboukir bị phá huỷ.

Quân đội Pháp ở nhà thất thủ tại Italie cũng mất luôn uy danh bất khả chiến bại của mình.

Giáo chủ Ruffo lấy lại Calabres rồi Naples và chỉ dừng lại khi đã đến biên giới Rome.

Vua Ferdinand trở lại Naples với danh sách một trăm người bị ông ta tuyên phạt tử hình trước khi đưa ra toà án.

Caracciolo, người từng từ chức đô đốc hải quân như một công dân Naples đã bị buộc đứng vào hàng ngũ ấy. Không một toà án nào dám kết án ông ta nhưng Nelson đã chấp nhận làm đao phủ để đổi lấy nụ hôn của người đẹp Emma và một nụ cười của hoàng hậu.

Nelson cho bắt Caracciolo tại nhà ông này ẩn náu, đưa ông ta lên tàu Foudroyant và chống lại luật nhân quyền, một đô đốc Naples bị một đô đốc Anh kết án và treo cổ như một tên cướp biển hèn hạ trên đầu xà buồm.

Người ta cứ nghĩ rằng khi trở lại London, sau những trò hổ thẹn ông ta làm cho triều đình Naples, Nelson ít nhất cũng sẽ nhận sự quở trách công khai. Thế nhưng ông ta chẳng làm sao cả.

Ngược lại, trở về Anh cùng Lady Hamilton ông ta còn được tôn vinh về chiến thắng Aboukir và chiến công tại Naples: mọi tàu chiến ở Tamise đều trưng cờ hoa, chính phủ và tổng bộ London ca tụng ông ta như một vị cứu tinh cho tổ quốc: dân chúng cuồng nhiệt sau mỗi bước chân và đi sau thành đoàn người vào thành.

Ông ta mua một toà nhà ưng ý tên là Merton gần London, cất giữ tình yêu, vinh quang và những hối hận của mình trong đó. Ông ta có với Emma Lyonna một cô con gái đặt tên thánh là Horatia.

Cuộc chiến trên biển Baltique gọi con người này trở lại Đại dương. Nelson chỉ huy hạm đội buộc cảng Copenhague, khuất phục và thiêu cháy hạm đội Đan Mạch. Lần ấy khi nhận được tín hiệu của đô đốc đối phương, Nelson đưa ống ngắm lên cái mắt bị chột và khi người ta bảo ông ta ngừng bắn ông lại cứng đầu nói "Tôi chẳng thấy gì cả".

Câu trả lời ấy từng là câu nói của Alanc hay Allila và sẽ bị xử phạt tại tất cả các dân tộc văn minh, lại vinh danh ông ta tại London cũng đồng thời là nỗi ghê sợ cho phần còn lại của châu Âu.

Nelson trở về Anh quốc như một người chiến thắng và được nhà vua phong tước quý tộc.

Nước Anh chỉ có ông ta làm đối trọng có thể chống lại Napoléon.

Tuy thế Napoléon vẫn đeo đuổi cuộc đọ gươm với nước Anh.

Từ mười tám tháng qua, trên khắp các cảng nước Pháp hay Hà Lan, ông cho tập trung mối đe doạ tấn công sang Anh. Năm sáu trăm xà lan cỡ lớn chở đại bác được tập hợp từ Dunkerque đến Abbeville sẵn sàng chở quân từ Boulogne cắm trại bên bờ biển và có thể một ngày nào đó sẽ đưa sang bờ biển Anh đội quân bất khả khuất phục như đội quân của hoàng đế Guillaume *Người chinh phục*.

Nước Anh trong lúc chế nhạo những vỏ dừa của ngài Bonaparte, như cách gọi của họ, không hề bỏ sót hành động tập hợp quân đội đáng sợ trước mặt. Các hạm đội của họ cũng toả khắp eo biển Manche và tức thời có thể chặn các xà lan chuyên chở của Pháp sang London.

Ngài Napoléon chỉ muốn tấn công sau khi tập hợp đủ một hạm đội với 60 hoặc 80 tàu chiến toả ra eo biển Manche để đương đầu với hạm đội Anh. Với ông, bất kể thắng hay bại, miễn là ông cầm chân địch trong một ngày để đưa 50 hay 60 nghìn quân đổ bộ lên bờ biển Anh. Nhưng các tàu chiến Pháp nằm rải rác ở Escaut, Brest, Toulon hay Cadix nên chỉ có thể tập hợp nhanh khi có sức mạnh huyền bí, có sự phối hợp và có cả sự táo bạo nữa. Tuy nhiên, không đô đốc nào ở Pháp, Hà Lan hay ở Tây Ban Nha có đủ khả năng thực hiện công cuộc anh hùng và vô vọng ấy. Dù có lòng dũng cảm nhưng trì tuệ hạn chế, tất cả bọn họ đều suy nghĩ và làm theo áp lực trách nhiệm.

Họ không hiểu điều gì nằm ở sau mệnh lệnh: "Hãy biết phòng ngự nếu các ông không thể tấn công, những dù thế nào vẫn cứ tiếp tục chiến đấu".

Họ cũng không hiểu rằng bằng mọi giá phải ngăn các chiến hạm Anh cách Manche 500 dặm tức là đã giúp Napoléon trong kế hoạch xâm chiếm nước Anh.

Vấn đề là chiến đấu trên bộ chỉ cần dũng khí nhưng khi chiến đấu trên biển thì nhất thiết phải có khí chất anh hùng và khoa học. Một đội quân trên cạn bị thua, chỉ huy mất hay chạy trốn thì vẫn có thể tập hợp lại, chỉnh đốn và hồi phục. Nhưng một hạm đội bị thất bại hay bị bốc cháy sẽ nuốt chửng theo những ai trên nó và chỉ để lại trên sóng những mảnh vỡ cháy đỏ.

Điều này người Anh cũng rõ chẳng khác gì Napoléon.

Trong cơn tuyệt vọng khi tập hợp các chiến hạm tản mác, ngài Bonaparte mang hai chiến hạm ở Toulon và ở Brest đồng thời xuất phát mang theo 40 - 50 nghìn quân chia ra làm hai cánh đi vào Ấn Độ Dương. Hai chiến hạm này chắc chắn sẽ buộc các chiến hạm Anh đuổi theo và trong khi lực lượng hải quân Anh còn mải chạy đến cứu Ấn Độ thì có thể ông còn thời gian đưa các boong di động qua eo biển Manche và làm điều mà hai người, César và hoàng đế Guillaume *Người chinh phục*, đã từng làm trước mình.

Nhưng phạm vi đồ sộ của kế hoạch này nhanh chóng khiến ông nản lòng. Ông nghĩ đến phương án khác có vẻ đơn giản và chắc chắn hơn. Ông sẽ kéo đám chiến hạm Anh dày đặc ra xa eo biển Manche. Theo lệnh của ông, đô đốc Villeneuve, chỉ huy tối cao chiến hạm Tây Ban Nha và Pháp hợp lại, đã rời Toulon cùng mười ba tàu chiến và vài chiến thuyền ba cột buồm.

Ông tập hợp hạm đội Tây Ban Nha tại Cadix dưới sự chủ huy của đô đốc

Gravina. Từ đây Gravina vượt Đại Tây Dương đến gặp chiến hạm của đô đốc Missiessey với sáu tàu chiến tại Antilles; còn đô đốc Ganteaume, chỉ huy hạm đội Brest, nhận lệnh nhân cơn bão đầu tiên đẩy đội tuần dương của đô đốc Comwallis của Anh ra xa Brest, đến gặp Villeneuve, Gravina và Missiessey ở đảo Martinique.

Toàn bộ hạm đội này sẽ tức tốc về Pháp sau khi khiến người Anh lo ngại mất quần đảo Antilles mà chia ra đuổi theo. Họ tiếp tục giao chiến với lực lượng hải quân Anh ở lại bên bờ châu Âu tạo điều kiện cho các xà lan cỡ lớn đưa quân đổ bộ sang Anh.

Nhưng thật không may, trời yên biển lặng và không có cơn bão nào nên hạm đội của đô đốc Ganteaume không rời được Brest. Thế là Đô đốc Villeneuve trở lại biển châu Âu nhận lệnh giao chiến với Comwallis để giúp hạm đội của đô đốc Ganteaume rồi tập hợp toàn bộ lực lượng hải quân quốc gia với 60 tàu chiến hợp lại chiến đấu với lực lượng hải quân Anh ngay lối vào eo biển Manche bất kể lực lượng Anh nhiều ít ra sao.

Ngài Napoléon giương nắm đấm như Ajax và kêu to:

- Người Anh không biết cái gì đang treo lơ lửng trên đầu họ: nếu tôi làm chủ trên eo biển Manche 12 tiếng, nước Anh chỉ còn là quá khứ!

Lúc Napoléon kêu lên vui sướng như vậy, ông đang ở Boulogne, đứng trước đội quân 80 nghìn người từng thắng trận trên các lục địa và ánh mắt đang khao khát cuộc chinh phạt cuối cùng.

Napoléon có cảm giác rất tốt về giá trị của thời gian. Ông biết mình chỉ cần vài ngày sẽ chuẩn bị tiếp việc tuyên chiến với áo và thôn tính toàn bộ nước Đức. Nhưng ông đâu có hay Villeneuve không ở trước Brest trong khi tệ hơn

thế, sau một cuộc chiến ban đêm giữa bóng tối và sương mù, ông ta còn vừa để mất hai tàu chiến Tây Ban Nha vào tay quân Anh và mặc dù đã nhận lệnh phá phong toả Brest, liên kết với Ganteaume rồi giương buồm ra phía cổng vào Manche, ông ta lại tiến vào cảng Ferrol để tiếp tế cho tàu một cách không cần thiết.

Napoléon nổi giận đùng đùng. Ông cảm thấy cơ hội đang tuột khỏi tầm tay. "Hãy xuất phát - ông viết cho Ganteaume đang bị kẹt trong cảng Brest - Hãy xuất phát và chỉ trong một ngày chúng ta sẽ báo thù được sáu thế kỷ yếu thế và hổ thẹn. Hãy xuất phát đi. Vì một kết cục quan trọng nhất, không bao giờ bộ binh và hải quân của tôi tiếc mạng sống của họ".

"Hãy xuất phát đi - ông viết cho Villeneuve - Hãy xuất phát ngay và đừng để lỡ một phút nào, hãy xuất phát và cùng các chiến hạm khác của tôi vào eo biển Manche. Tất cả chúng tôi đã sẵn sàng, tất cả đã lên tàu để đổ bộ, chỉ trong vòng 24 giờ thôi mọi chuyện sẽ chấm đứt".

Qua những lá thư này người ta có thể cảm nhận Napoléon sốt ruột như thế nào. Khi ông sững sờ được biết Villeneuve vẫn im ắng ở cảng Cadix và điều này bắt buộc Ganteaume bị kẹt lại trong cảng Brest thì ông coi Villeneuve là kẻ ngu si và hèn nhát. Ông tuyên bố người này không thể chỉ huy nổi một thuyền ba cột buồm.

- Đó là người bị nỗi sợ làm cho mù quáng - ông nói.

Ngài bộ trưởng Hải Quân Decrès vốn là bạn của Villeneuve. Không thể giáng một đòn cho Villeneuve thế là ngài Napoléon giận cá chém thớt quay sang Decrès.

"Ông bạn Villeneuve của ông chắc quá hèn nhát nên không dám rời cảng Cadix - Napoléon viết gởi Decrès - Hãy cử đô đốc Rosily đi chỉ huy hạm đội nếu nó chưa xuất phát. Ngài ra lệnh cho đô đốc Villeneuve đến Paris giải

trình cho tôi động thái của ông ta".

Bộ trưởng Decrès không đủ sức thông báo cho Villeneuve cái bất hạnh sẽ tước đi của con người này mọi cách khôi phục ấy, ông ta chỉ báo cho bạn mình rằng Rosily đã khởi hành mà không nói rõ lý do. Ông ta cũng không khuyên Villeneuve ra khơi trước khi Rosily đến Cadix dù ông hy vọng sẽ là như vậy, và, trong cơn bối rối của người bạn mà ông biết lỗi của bạn cũng như cơn giận chính đáng của hoàng đế, thật sai lầm khi không tham gia và để mác mọi chuyện cho số phận.

Nhưng khi nhận được thư từ ngài Bộ trưởng, Villeneuve đã đoán ra tất cả những gì ông bạn không dám nói. Điều tổn thương ông ta nhất đó là tiếng xấu về sự hèn nhát mà ông không đáng phải chịu. Nhưng vào thời điểm ấy, hải quân Pháp trong tình trạng suy sút ghê gớm và ai cũng biết yếu thế của nó. Mặt khác, Nelson lại tiếng nổi như cồn đặc biệt là dũng khí kỳ cục, cho nên chiến hạm nào đối diện với Nelson cũng coi như đã thất bại.

Villeneuve quyết định tìm một lối thoát. Ông ta đưa quân lên bờ để cho họ nghỉ ngơi và chữa bệnh cho người ốm yếu. Đô đốc Gravina bỏ lại một nửa số tàu không thể ra khơi đổi lấy những chiếc tốt hơn trong xưởng tàu Cadix.

Toàn bộ tháng chín dành cho những công việc ấy. Chiến hạm củng cố nhiều về vật lực nhưng nhân lực vẫn y như cũ.

Từ tám tháng hoạt động, các thủy thủ đoàn cũng thu được ít nhiều kinh nghiệm. Một vài thuyền trưởng rất giỏi nhưng trong số các sĩ quan phần lớn đều chuyển từ ngành thương mại sang nên thiếu hiểu biết cũng như óc quân sự trên biển. Các thủy thủ đặc biệt thiếu hệ thống chiến thuật hải quân tương thích với cách đánh mới của người Anh: Thay vì hình thành hai chiến tuyến, như người ta vẫn làm trước kia, và tiến lên có phương pháp họ lại xếp hàng đối đầu với từng tàu chiến, Nelson đã bỏ thói quen tấn công ồ ạt, không cần biết gì khác ngoài vận tốc. Ông ta tấn công vào chiến hạm địch, tách nó làm

hai, chia nhỏ mà không sợ bị rối loạn và có nguy cơ tự bắn vào mình, sau đó khai hoả cho đến khi địch thủ đầu hàng hoặc chìm nghỉm.

Khi đó, dù chưa chắc chắn nhưng cũng bắt đầu e rằng chuyến chuyển quân sang Anh thất bại, Napoléon viết cho ngài Talleyrand một lá thư chỉ cho ông này biết những kế hoạch mới của mình, kế hoạch còn mơ hồ trong lớp sương mù chưa có gì sáng tỏ.

"Thực tế là các chiến hạm của tôi đã mất hút trên Đại dương - ông viết - Nếu chúng trở lại Manche thì thời gian vẫn còn, tôi sẽ lên thuyền và đổ bộ sang Anh, sẽ cắt đứt phe liên minh ở London. Tôi chiếm Vienne, săn bọn Bourbon khỏi Naples và khi lục địa đã bình yên, tôi sẽ trở lại Đại dương và chinh phục hoà bình trên biển".

Cuối cùng, ngày 18 tháng Chín, Napoléon thông báo cho La Malmaison biểu hiện chống đối của hoàng đế Áo với nước Pháp.

Nước Pháp đáp trả Áo tương đương với những khiêu khích của Áo.

Với hành động khẩn trương, thứ chủ đạo làm nên con người ông, Napoléon chuyển phần quân đội Boulogne đã bị bại thay vì thành công và quay sang kế hoạch chiến đấu trên bộ mà ông mới chỉ ấp ủ có hơn chục ngày qua.

Chưa bao giờ ông có nguồn lực mạnh thế. Chưa bao giờ ông lại thấy phạm vi hành động rộng mở đến vậy. Đây là lần đầu tiên ông tự do như Alexandre và César. Những kẻ đồng hành ghen ghét đố kỵ một cách lỗi thời với ông như Moreau, Pichegru, Bernadotte vv… đều đã tự loại mình khỏi trường đấu bằng cách cư xử phạm pháp hay bất cẩn. Ông chỉ còn trong tay những sĩ quan phục tùng và tập hợp những phẩm chất ở cấp độ nào thích hợp nhất cho việc thực hiện mục đích của ông.

Sáu bốn năm mệt mỏi vì nằm yên, quân đội của ông chỉ khao khát chiến thắng, chỉ muốn được chiến đấu, qua mười năm chinh chiến và ba năm hạ trại, nó đã sẵn sàng cho những bước đi đầy khó khăn như đối với lần xông

pha quan trọng nhất.

Chỉ có điều quân đội này được chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng, có thể nói chưa thời kỳ nào nước Pháp có được một đội quân như thế lại phải đột ngột chuyển về đánh ở lục địa đó là vấn đề.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 90
Cảng Cadix

Ngày 17 tháng Mười năm 1805, sau khi chuyển về thành Paris hai khẩu đại bác và tám lá cờ chiếm được trong trận Gunzbourg, hoàng đế đã đến Munich, vây hãm Ulm, vào trận Elchingen cuộc chiến khiến thống soái Ney đáng với tước hiệu công tước của mình. Cùng ngày diễn ra trận chiến ấy tức là trước hôm hoàng đế gửi tiếp 40 cờ đến Nghị viện, một chiếc tàu *Slúp* một cột buồm mang cờ Mỹ đã vào cảng Cadix nơi neo đậu toàn bộ chiến hạm của đô đốc Villeneuve.

Khi đã vào trong cảng, nó xác định hướng và tên xem tàu *Redoutable* đậu ở đâu. Được biết nó ở chân pháo đài và vì không để đến tận nơi, nó thả thuyền danh dự xuống biển rồi thuyền trưởng ra lệnh các tay chèo bơi về phía tàu *Redoutable*.

Cách con tàu chiến hạng nặng *Redoutable* một đoạn, bị sĩ quan canh gác hỏi, viên thuyền trưởng đáp con thuyền đó tên là *Tay đua New York* và rằng thuyền trưởng mang tin từ Ấn Độ và thư của đảo trưởng đảo Pháp đến ngài chỉ huy Lucas.

Ngay khi thuyền trưởng Lucas được báo, ông chạy đến boong và ra hiệu cho người sĩ quan dưới thuyền con trèo lên tàu lớn.

Người sĩ quan ấy không phải ai khác chính là René. Và chỉ trong nháy mắt, anh leo lên cầu thang và đến boong.

Thuyền trưởng Lucas nhã nhặn tiếp anh. Ông ta hỏi người khách xem có phải anh ta muốn nói chuyện riêng với mình hay không, khi người này đáp đúng thì ông ta mời anh vào phòng riêng.

Hai người đàn ông vừa vào trong và cánh cửa cũng vừa khép lại phía sau họ, René trao cho Lucas lá thư của ngài đảo trưởng.

Lucas chỉ liếc qua lá thư ấy rồi hỏi:

- Ông bạn tướng quân Decaen của tôi giới thiệu anh với tôi bằng những lời lẽ mà tôi chỉ có thể hỏi xem tôi làm gì giúp anh vui lòng đây?

- Thưa ngài chỉ huy, trong ba bốn ngày tới ngài sẽ có một trận đại chiến trên biển. Từ trước đến giờ tôi chỉ từng thấy cuộc chiến nhỏ lẻ và xin thú thật với ngài tôi muốn tham gia vào một đại sự châu Âu nào đó nơi mà tôi có thể góp phần tên tuổi của mình, thứ mà chỉ được biết đến trong Ấn Độ Dương.

- Phải, phải - Lucas đáp - Đúng là chúng tôi sắp tham gia một cuộc đại thủy chiến nơi chắc chắn bằng cách này hay cách khác người ta sẽ góp tên của mình vào cuộc chiến một mất một còn đó. Tôi có thể hỏi, không phải kiểu thẩm vấn đâu mà như một cuộc nói chuyện bạn bè, anh phục vụ trong ngành hải quân thế nào?

- Thưa ngài chỉ huy, tôi mới thật sự tham gia gần hai năm vào ngành này. Tôi đã phục vụ bên ngài Surcouf, cùng con người nổi tiếng ấy trên chiếc tàu 16 đại bác và 100 thủy thủ đoàn đánh chiếm con tàu *Standard* có 48 đại bác và 450 người trên boong. Sau đó, tôi chỉ huy chiếc *Slúp* nhỏ này để sang Miến Điện thám hiểm. Cuối cùng, khi trở về đảo Pháp tôi may mắn cùng phối hợp với ngài Surcouf chiến đấu với hai tàu Anh và tôi chiếm được một tàu có 16 đại bác và 60 thủy thủ dù tôi chỉ có 18 người.

- Tôi biết rõ ông Surcouf. - Lucas nói - Đó là một trong số những tay chiếm tàu táo bạo nhất của chúng ta.

- Đây là thư của ông ấy phòng khi tôi có gặp ngài.

Rồi René đưa cho chỉ huy tàu *Redoutable* lá thư Surcouf đã viết cho Lucas.

Ông này chăm chú đọc từ đầu đến cuối.

- Anh bạn ạ - ông ta nói với René - để ngài Surcouf ca ngợi anh như vậy thì anh quả là một người kỳ lạ. Ông ta nói với tôi rằng với số tiền 500 nghìn phăng đầu của anh chiếm được, anh đã để 400 nghìn cho các thủy thủ của mình còn 100 nghìn cho người nghèo trên đảo Pháp. Điều này cho thấy anh là người rất giàu có nhưng do khuynh hướng lớn về hải quân nên mới đầu quân vào đó - ông ấy nói với tôi - như một kẻ cướp biển bình thường với tham vọng nhanh chóng xây dựng con đường của mình đến lực lượng hải quân đế chế. Tiếc thay tôi chỉ dành được một vị trí làm đại uý thứ ba trên tàu *Redoutable* thôi.

- Thưa chỉ huy, như vậy cũng vượt quá điều tôi mong đợi rồi và tôi chấp nhận với lòng biết ơn ngài lắm. Khi nào tôi có thể bắt tay vào việc?

- Bất cứ lúc nào anh muốn!

- Nhanh nhất có thể thưa chỉ huy. Mùi khói đạn đã sực lên rồi và tôi chắc chỉ ba bốn hôm nữa tôi sẽ thấy trận đại chiến mà mình tìm kiếm từ tận bán cầu bên kia. Con tàu của tôi có trọng tải quá nhỏ để giúp ích được gì cho ngài, tôi xin trở lại boong và gửi nó về Pháp rồi sẽ quay trở lại.

Lucas đứng dậy nở nụ cười duyên dáng nói:

- Tôi chờ anh, đại uý.

René đưa cả hai tay bắt tay ông ta trong dạt dào tình cảm, lao xuống cầu thang trở lại chiếc thuyền *Slúp* của mình.

Đến nơi, anh gọi François vào phòng.

- François này, - Anh nói với anh ta - tôi sẽ ở lại đây, tôi tin tưởng giao chiếc *Slúp* của tôi cho cậu để cậu đưa nó về Saint-Malo. Đây là chiếc ví có di chúc của tôi. Nếu tôi chết, cậu sẽ thấy phần của mình trong di chúc ấy. Ngoài chiếc ví ra, đây là một chiếc túi đá quý. Nếu tôi chết chính cậu sẽ mang chiếc túi này đến tiểu thư Claire de Sourdis. Cô ấy sống cùng mẹ cô là nữ bá

tước Sourdis tại lâu đài nhà Sourdis một hướng quay ra bến một hướng quay ra phố Beaune.

Trong chiếc túi này có lá thư nói rõ chỗ đá quý ấy từ đâu ra nhưng cậu chỉ mở di chúc và trao đá quý này khi chắc chắn tôi đã chết. Dưới giấy sở hữu tôi có ghi tên cậu làm chủ tạm thời con tàu. Hãy là người giữ tàu trong vòng một năm. Trong ngăn kéo bàn làm việc cậu sẽ thấy mười hai xâu tiền vàng mỗi xâu một nghìn phăng. Số tiền này dành cho cậu chi tiêu trong năm ấy.

- Nếu cậu bị quân Anh bắt, cậu chứng minh xuất xứ con tàu của cậu và nếu chúng hỏi tôi đâu cậu đáp là khi gặp chiến hạm của Nelson tôi bị bắt lên tàu chiến của ông ta. Tạm biệt François yêu quý hãy ôm hôn tôi, mang giùm vũ khí của tôi và đến Saint-Malo đừng hà tiện. Ngay khi đến nơi hãy đến báo tin về Robert cho bà Surcouf và gia đình.

- Thế có nghĩa là - François đưa mu bàn tay to tướng lên lau mắt - thế có nghĩa là ngài không yêu tôi đến mức có thể cho tôi đi cùng ngài, tôi sẽ theo ngài đến cùng trời cuối đất thậm chí còn đi xa hơn nữa. Tim tôi tan nát khi phải xa ngài!

Rồi anh chàng ấy khóc rống lên.

- Không phải thế mà là khi xa cậu, tôi coi cậu là người bạn duy nhất, vì cậu là người duy nhất tôi có thể tin tưởng vì cái ví này đựng nửa triệu, vì túi đá quý này đựng hơn 300 nghìn phăng và cuối cùng là vì khi tất cả những đồ vật này nằm trong tay cậu tôi cũng cảm thấy yên tâm như chúng ở trong tay tôi. Nào, chúng ta hãy bắt tay nhau như hai người đàn ông rắn rỏi. Chúng ta hãy yêu thương nhau như hai con tim trung hậu. Hãy ôm nhau như hai người bạn tốt! Cậu sẽ đưa tôi lên tàu *Redoutable*, cậu sẽ là người cuối cùng tôi chào từ biệt.

François nhận thấy René đã cương quyết và thậm chí rất cương quyết. René đi gom vũ khí gồm một khẩu cạc bin, một khẩu súng trường hai viên và chiếc rìu chiến. Xong xuôi, anh thông báo tình hình mới cho thủy thủ đoàn mong mọi người công nhận người bạn François của họ là chỉ huy mới.

Nghe xong ai nấy đều buồn thiu nhưng René cho phép họ giữ nguyên các điều kiện hiện tại một năm trên cảng Saint-Malo với khoản lương bình thường trên tàu *Tay đua New York*. Giữa những lời hứa tuyệt đối trung thành của họ, anh xuống chiếc thuyền nhỏ cùng François và sáu tay chèo.

Mười phút sau anh đã ở trước mặt thuyền trưởng Lucas.

Họ từ biệt nhau trước mặt ông này.

Sự tiến cử tốt nhất đối với một con người chính là tình cảm quyến luyến cấp dưới dành cho anh ta. Trong mối quan hệ ấy, vì René rất được yêu mến, những giọt nước mắt của François và vẻ nuối tiếc trên khuôn mặt các thủy thủ khác cũng đủ để ông thuyền trưởng thấy cảm mến viên đại uý của mình. Lúc ra về, thuyền trưởng Lucas còn tặng cho François một chiếc tẩu đá bọt tuyệt đẹp.

- Thế là không biết bày tỏ lòng biết ơn ra sao!

François càng khóc nấc lên gấp hai lần rồi ra đi mà không thể cất lên dù chỉ một lời.

- Tôi thích cách bày tỏ ý kiến ấy với mọi người - Lucas nói - và chắc anh phải là một người nhân nghĩa vì anh được quý trọng nhường ấy. Nào, hãy ngồi xuống và chúng ta nói chuyện.

Và như để làm gương, ông ta ngồi xuống trước trong khi xem xét vũ khí của René, lúc này chỉ có một khẩu súng trường hai viên nòng trơn, khẩu cạc bin nòng rãnh và chiếc rìu tấn công.

- Tôi tiếc là đã chia vũ khí của mình cho các bạn trên đảo Pháp. - René nói - Lẽ ra tôi phải tặng ngài cái gì xứng với ngài nhưng hiện giờ tôi chỉ còn ba thứ…

- Người ta bảo tôi anh bắn xuất sắc lắm - Lucas nói - nên hãy giữ súng lại,

tôi lấy cái rìu, tôi hy vọng sẽ khiến nó vẻ vang trong trận đánh tới.

- Trận đánh tới, nếu không có gì bí mật, sẽ diễn ra khi nào? - René hỏi.

- Thực lòng mà nói nó không thể chậm trễ hơn nữa - Lucas nói - Hoàng đế đã cử đô đốc Villeneuve chuẩn bị cho chiến hạm Pháp-Tây Ban Nha ra khơi, tiến về Carthagène để liên kết với chuẩn đô đốc Salceco và từ Carthagène đến Naples để tiếp quân thêm cho hạm đội ở đó rồi kết hợp với tướng Saint-Cyr. "*Ý định của chúng ta - Hoàng đế chỉ rõ - là dù bất cứ chỗ nào hễ thấy quân địch dù có lực lượng mạnh hơn cũng tấn công không chần chừ. Hãy giáng đòn quyết định. Thành hay bại phụ thuộc chủ yếu vào sự xuất phát ngay lập tức của ông khỏi Cadix. Chúng tôi mong và tin ông sẽ không trễ hạn định và yêu cầu dốc toàn lực trong lần xuất quân táo bạo quan trọng và có ảnh hưởng lớn nhất này"*. Với đô đốc Villeneuve, Hoàng đế không sợ phải nói quá ý nghĩ của mình. Dưới con mắt của ngài, vị đô đốc này là một trong những người cần khăn khố hơn là dây cương. Đồng thời ngài cũng phái phó đô đốc Rosily rời Paris và sẽ chỉ huy hạm đội liên quân Pháp-Tây Ban Nha nếu hạm đội còn ở Cadix, giương cờ thách đấu trên cột buồm lớn của tàu *Bucenlaure* và yêu cầu đô đốc Villeneuve về Pháp để báo cáo chiến dịch vừa rồi của ông ta.

- Chúa ơi! - René kêu lên - Tình hình nghiêm trọng thật.

- Chính vì vậy - Lucas nói tiếp - hội đồng trực chiến đã được triệu tập ở chỗ đô đốc Villeneuve. Các đô đốc và các sư trưởng, các chuẩn đô đốc Dlamanoir và Magon, các thuyền trưởng Cosmao, Maistral, Devillegris và Piglly đại diện cho hạm đội Pháp. Họ sẽ được tham khảo ý kiến về tình mỗi chiến thuyền với mong muốn và lo ngại của họ.

Lucas đi đi lại lại khi đang nói đột ngột dừng lại hỏi René.

- Anh có biết Hoàng đế nói như thế nào không?

- Không thưa chỉ huy, tôi chẳng biết gì cả. Tôi rời nước Pháp đã hai năm rồi.

- Quân Anh - Hoàng đế nói - sẽ trở nên bé xíu khi ở Pháp có hai hay ba đô đốc muốn hy sinh". Tuy nhiên - Lucas nói tiếp - dù chúng ta không phải là những đô đốc, chúng ta vẫn chứng tỏ cho Hoàng đế thấy trong vài ba ngày

tới, thay vì các đô đốc muốn hy sinh, sẽ có những thuyền trưởng biết hy sinh.

Lucas đang nói chuyện đến đó với René thì một sĩ quan bước vào.

- Thưa thuyền trưởng - Anh ta nói với Lucas - có tín hiệu thông báo tất cả các thuyền trưởng tập trung về tàu ngài đô đốc.

- Tốt lắm, hãy cho thả xuồng xuống - Lucas đáp.

Chiếc xuồng đã sẵn sàng, ông ta bước xuống và giống như năm sáu con tàu có các thuyền trưởng được triệu tập khác, nó hướng mũi về phía tàu *Bucenlaure*.

Trong lúc đó, René đi xem phòng cho mình. Đó là một phòng rất đẹp, lớn hơn và tiện nghi hơn phòng thuyền trưởng trên tàu *Tay đua New York*.

Vừa đặt xong mấy chiếc rương mang theo thì chỉ huy Lucas cũng trở lại. René không dám xuất hiện trước mặt ông ta khi không được gọi nhưng sau buổi nói chuyện vừa rồi anh chắc thế nào người này cũng cho mình cái vinh hạnh được tiếp kiến lần nữa.

René đã không nhầm: năm phút sau, viên thuyền trưởng đã cho gọi anh. René kính cẩn lắng nghe vị chỉ huy nói:

- Thế này, sẽ là ngày mai hoặc ngày kia. Đô đốc đã trả lời: "Nếu gió thuận, tôi sẽ nhổ neo ngay ngày mai". Lúc nãy cũng có tin báo Nelson vừa cho sáu tàu rời đi Gibraltar; vậy là đô đốc Villeneuve cho gọi đô đốc Gravina lên tàu và sau khi bàn bạc, ông lại cho triệu tập các thuyền trưởng không nằm trong hội đồng để ra lệnh chuẩn bị căng buồm. Đó là tín hiệu tôi vừa biết.

- Vậy tôi có thích hợp cho công việc gì chăng? - René hỏi.

- Hãy nghe đây - Lucas nói - Anh chưa biết gì về tàu cũng như mọi người của tôi. Hãy bắt đầu bằng việc làm quen với họ và chờ đợi. Được biết anh bắn giỏi, hãy chọn một chỗ cao để có thể nhìn rõ boong tàu địch. Hãy hạ càng nhiều quân có cầu vai màu vàng càng tốt. Còn khi đã áp sát hãy chỉ hành động theo cảm húng của anh. Tôi giữ cái rìu của anh, nó làm tôi thích lắm. Tôi đã bảo người mang thanh kiếm của tôi sang phòng anh rồi. Nó quá to so với tôi! - Lucas nói thêm và cười rung cả thân hình bé nhỏ của ông ta - Đúng ra nó phải là của anh.

Hai người chào nhau và René lui về phòng.

Anh thấy trong phòng có một thanh kiếm thép Đa-mát kiểu Tunis bản rộng và hơi cong. Đó là một thứ binh khí lưỡi rất bén chỉ cần huơ tay cũng cắt đứt tấm khăn Ấn Độ bay trong gió làm 2 phần.

Tuy nhiên lúc xuất phát, người ta phát hiện ra một điều, đó là từ hai tháng rưỡi lưu lại cảng Cadix và những vùng lân cận, hàng ngũ lính sĩ đã vơi đi khá nhiều, nhất là thủy thủ đoàn Tây Ban Nha vắng đến một phần mười.

Người ta dành cả ngày để thu lượm nhiều người đảo ngũ nhất có thể trên các phố ở Cadix nhưng phần đông đã chạy về nông thôn này thế, bảy giờ sáng ngày 19, liên quân vẫn bắt đầu xuất phát.

Nelson cũng biết chuyện này. Thế là hắn tập trung phần lớn hạm đội Anh chặn phía Tây Bắc cách Cadix chừng 16 dặm. Biết rằng nếu ra eo biển trước, Villeneuve có thể sẽ thoát được nên ông ta cho tiến về đoạn hẹp để chặn đường.

Tuy nhiên việc phối hợp ra khỏi cảng Cadix không dễ. Sáu năm trước đô

đốc Villeneuve, đô đốc Bruix đã mất ba ngày mới ra khỏi đây. Biển động và luồng ngược nhanh chóng cản trở đường đi của đội quân. Suốt ngày 19, chỉ có tám đến mười tàu chiến ra khỏi lối vào.

Hôm sau, ngày 20, một làn gió đông nam nhẹ giúp chiến hạm ra khỏi cảng dễ dàng hơn. Hôm trước thời tiết đẹp nhưng đêm đó lại đầy mây và dự báo có gió tây nam. Nhưng vài giờ sau có gió thuận đưa chiến hạm liên quân về phía mũi Trafalgar và cơn bão thổi từ đông đến tây nam chỉ càng thuận lợi cho kế hoạch của đô đốc Villeneuve.

Mười giờ sáng, những chiến tàu Pháp và Tây Ban Nha cuối cùng đã ra khỏi cảng Cadix. Hạm đội Anh đã cách mũi Spartel vài dặm và trực gác ở eo biển.

- Thế là đô đốc Villeneuve, quyết định không lùi nữa, viết thư cho đô đốc Decrès bức điện nhanh cuối cùng sau:

"Tất cả chiến hạm đã giong buồm… Gió nam - Tây nam, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là gió buổi sáng. Người ta thông báo cho tôi có mười tám buồm. Như vậy rất có thể dân Cadix sẽ là người báo tin tiếp cho ngài… Thưa đức ông, trong chuyến đi này tôi chỉ có ước muốn mãnh liệt là làm theo ý của Hoàng đế và cố gắng hết sức phá đi sự bất bình mà Bệ hạ thấy qua chiến dịch vừa rồi. Nếu nó thành công - tôi thấy khó tin mọi việc sẽ tiến triển như vậy thì tất cả đều vì điều tốt đẹp nhất cho Đấng chí tôn của chúng ta".

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 91
Con chim nhỏ

Hai tháng trước lúc chúng ta đang nhắc đến, Nelson những tưởng đã dứt bỏ hoàn toàn và mãi mãi con đường binh nghiệp. Ông ta lui về ở trong khu làng Merton tuyệt đẹp cùng phu nhân Hamilton. Quý ông Hamilton cha đã qua đời và chỉ còn trở ngại duy nhất ngăn đôi kẻ yêu đương thách vợ chồng: đó là sự tồn tại của bà Nisbeu người mà Nelson đã kết hôn vài năm trước.

Nelson định không đi biển nữa. Mệt mỏi trước các chiến thắng, chán chường vinh quang, danh dự nặng nề, cơ thể què cụt, ông ta khát khao sống trong hạnh phúc và bình yên. Trong cơn hy vọng ấy, ông ta cho chuyển toàn bộ đồ đạc quý giá từ London về Melton.

Cô nàng Emma Lyonna xinh đẹp đang chắc mẩm mười mươi về tương lai ổn định thì một cú sét đã giáng xuống đánh thức ả giữa những cơn mơ màng êm dịu.

Ngày 2 tháng Chín, tức là chỉ 12 ngày sau khi Nelson trở về, năm giờ sáng người ta gõ cửa ngôi nhà ở Merton. Dự đoán có thông điệp từ Bộ tư lệnh hải quan, Nelson nhảy xuống giường đi gặp vị khách sớm mai.

Đó là thuyền trưởng Blackwood. Quả nhiên anh ta đến từ Bộ tư lệnh hải quân mang tin các chiến hạm liên quân Pháp-Tây Ban Nha, sau nhiều lần bị Nelson đuổi đang đậu trong cảng Cadix.

Vừa nhận ra Blackwood, Nelson kêu lên:

- Blackwood này, tôi cá là anh mang tin về chiến hạm liên quân và tôi phải chịu trách nhiệm huỷ diệt chúng.

Đó đúng là điều Blackwood đến thông báo. Người ta đang chờ Nelson sự huỷ diệt đó.

Vậy là mọi dự định êm đềm của Nelson đều tan thành mây khói, ông ta chỉ còn thấy cái góc đất liền hay đúng hơn là góc biển nơi chiến hạm liên quân đang neo đậu. Ông ta nhắc đi nhắc lại với Blackwood bằng vẻ chắc chắn từ nhiều chiến công trong quá khứ rằng:

- Blackwood, hãy tin chắc là tôi sẽ dạy cho Villeneuve một bài học mà hắn phải nhớ mãi.

Ban đầu, ông ta định đi London và chuẩn bị mọi việc cho chiến dịch mà không nói gì về nhiệm vụ mới. Chỉ đến giờ phút cuối ông ta mới thú thật toàn bộ. Nhưng vì Emma thức dậy cùng ông ta nên ả nhận ra vẻ tư lự của ông sau khi gặp Blackwood. Cô nàng đưa chồng ra góc vườn nơi ông ta thích hơn những chỗ khác và gọi là bàn tiêu khiển của mình.

- Ngài có chuyện gì vậy, bạn của em? - Cô ta hỏi - Có gì khiến ngài bận tâm mà không muốn nói cho em biết?

Nelson gượng cười đáp:

- Tôi là người hạnh phúc nhất trần gian. Ở giữa tình yêu dạt dào của em tôi còn mong gì hơn là ở nhà? Thật ra, tôi sẽ không bỏ tiền mua trăng đâu.

Emma ngắt lời:

- Em hiểu ngài, Nelson, và ngài không cần dối em làm gì. Ngài biết chiến hạm địch ở đâu, ngài coi chúng như con mồi và ngài sẽ là người đau khổ nhất nếu có ai khác ngài đi huỷ diệt chúng.

Nelson nhìn Emma dò xét.

- Được rồi người bạn đời của em, hãy đi đập tan các chiến hạm ấy, hãy kết thúc công việc mà ngài bắt đầu rất hoàn hảo. Lần huỷ diệt này sẽ là phần thưởng cho hai năm nhọc lòng mà ngài vừa phải chịu đựng.

Nelson vẫn nhìn tình nương của mình, dù im lặng, khuôn mặt của ông ta vẫn toát lên vẻ biết ơn khó tả.

Emma nói tiếp:

- Dù vắng ngài lòng em đau khôn xiết nhưng hãy cống hiến cho tổ quốc như ngài vẫn làm và hãy đi ngay đến Cadix. Những cống hiến ấy sẽ được ghi ơn và lòng ngài cũng thanh thản. Ngài sẽ ca khúc khải hoàn cuối cùng và vinh quang rồi sẽ trở lại hạnh phúc khi thấy ở nơi đây sự nghỉ ngơi và phẩm tước.

Nelson nhìn ả vài phút giây vẫn trong im lặng rồi nước mắt ứa ra ông ta thốt lên:

- Emma can đảm! Emma tốt bụng! Đúng vậy, em đã đọc thấu tim tôi, đúng, em đã vào từng suy nghĩ của tôi. Nếu không có Emma sẽ không còn Nelson nữa. Chính em là người đã làm nên tôi bây giờ, ngay hôm nay tôi sẽ đi London con tàu *Victory* tối hôm ấy vẫn đang ở Tamise đã được gọi về bằng điện tín và hôm sau người ta chuẩn bị xong xuôi cho chuyến ra khơi.

Tuy nhiên hai kẻ nói trên còn ở bên nhau mười ngày nữa, nhưng Nelson mất trọn năm ngày cuối ở Bộ tư lệnh hải quân. Đến ngày 11, họ đi dạo lần cuối cùng nhau và quay lại Merton yêu dấu, bên nhau suốt ngày 12 và ngủ tại đó.

Một tiếng trước khi trời sáng, Nelson thức dậy đi sang phòng con gái, cúi xuống giường, lặng lẽ cầu nguyện thành tâm và rơi nhiều nước mắt.

Nelson là một kẻ rất mê tín.

Bảy giờ sáng, ông ta từ biệt Emma. Ả đưa ông ta đến tận xe. Ông ôm ả vào lòng thật lâu, ả khóc sướt mướt nhưng vẫn gượng cười giữa những giọt nước mắt và nói:

- Đừng giao chiến khi chưa thấy con chim nhỏ nhé.

Để đánh giá chính xác một con người, không phải đánh giá anh ta từ đỉnh thế lực danh vọng mà phải đánh giá anh ta từ tận đáy của lòng yếu đuối.

Câu chuyện về con chim nhỏ của Nelson là thế này:

Lần đầu tiên Emma Lyonna thấy "Người hùng sông Nil", như cách người ta gọi Nelson thời bấy giờ, là khi ông ta từ trận Aboukir trở về. Cô ả thấy khó ở khi ôm hôn ông ta. Nelson đã đưa cô nàng đến ca bin của mình. Trong khi tỉnh táo đầu óc trở lại một con chim nhỏ bay qua cửa sổ đến đậu trên vai Horatio.

Khi mở mắt, Emma, người có lẽ không nhắm mắt hoàn toàn, đã hỏi ông.

- Con chim nhỏ này là thế nào?

Nelson bật cười và vừa cười vừa trả lời:

- Đây là thần may mắn của tôi thưa phu nhân. Khi người ta chặt cái cây để làm cột buồm cho chiến thuyền, người ta phát hiện trên cành có một tổ chim. Mỗi chiến thắng của tôi đều được con vật nhỏ nhắn dễ thương này đến báo, dù tôi ở biển nước Anh, Ấn Độ hay Mỹ quốc. Chắc chắn tôi còn nhiều chiến thắng đang đợi nên chú chim này lại đến thăm. Nhưng hôm tôi giao chiến mà không thấy nó hôm trước hoặc hôm giao chiến, tôi chắc sẽ bất hạnh xảy ra với mình.

Và quả thật lần ấy con chim đến báo chiến thắng tuyệt vời của ông ta, đó là chiến tích với Emma Lyonna.

Lần đánh Copenhagen, ông ta đã thức dậy với tiếng hót của con chim ấy dù hoàn toàn không biết làm sao nó vào trong phòng được.

- Đó là lý do tại sao Emma lại nói:

- Đừng giao chiến khi chưa thấy con chim nhỏ nhé.

Nelson đến Portsmouth vào sớm hôm sau. Ngày 15 tháng Chín ông ta lên đường ra khơi.

Nhưng thời tiết quá xấu đến nỗi con tàu *Victory* buộc phải ở lại hai ngày bên bờ biển Anh. Sự chậm trễ này cho phép Nelson gửi đến tình nương của mình, trước lúc đi xa, hai lá thư tràn đầy tình cảm cho con gái và cho Emma nhưng từ đây cũng bắt đầu có vài dự cảm chẳng lành.

Cuối cùng cũng đến lúc trời quang mây tạnh và Nelson có thể ra khỏi eo biển Manche. Sáu giờ chiều ngày 20 tháng Chín, đang cháy hết tốc lực ông ta gặp chiến hạm Cadix bao gồm hai mươi ba tàu chiến dự phòng dưới sự chỉ huy của phó đô đốc Collingwood.

Hôm ấy cũng là ngày ông ta 46 tuổi.

Ngày 1 tháng Mười, qua lá thư dưới đây, Nelson báo tin gặp phó đô đốc Collingwood cho Emma đồng thời cả một cơn đau đầu từ hồi bị con rắn độc cắn.

Lá thư như sau:

"Ngày 1 tháng Mười năm 1805

Emma vô cùng yêu dấu của tôi, thật là niềm an ủi lớn khi lại được cầm bút viết đôi dòng cho em. Vì sáng nay, khoảng bốn giờ tôi bị một cơn đau dữ dội. Tôi nghĩ một ngày nào đó, một trong những cơn đau ấy sẽ giết tôi mất. Tuy nhiên, mọi chuyện đã hoàn toàn lui vào quá khứ và chỉ còn thấy hơi khó

ở. Hôm qua tôi đã viết liền bảy giờ, có lẽ mệt mỏi đã gây ra cơn đau này.

Tôi gặp lại hạm đội vào lúc khá muộn tối 20 tháng Chín và chỉ có thể hoà vào đó sáng ngày hôm sau. Tôi nghĩ sự xuất hiện của tôi vốn rất được mong đợi không chỉ từ phía chỉ huy hạm đội mà còn từ tất cả các thành viên khác. Khi tôi đưa ra cho các sĩ quan kế hoạch tác chiến của mình, nó như một phát hiện với họ khiến họ nhảy lên vô cùng hào hứng. Thậm chí vài người còn rớm nước mắt. Kế hoạch ấy vừa mới, đặc biệt lại đơn giản và nếu áp dụng được vào cuộc chiến chống lại hạm đội Pháp, chiến thắng là điều chắc chắn: "Ngài có những người bạn vô cùng tin tưởng vào ngài bên cạnh!". Tất cả các sĩ quan ấy đều hô vang có thể trong số họ vẫn có Judas nhưng phần lớn chắc chằn đều vui mừng khi tôi chỉ huy họ.

Tôi mới nhận được những bức thư của hoàng hậu và vua Naples khi đáp lại những lá thư của tôi từ 18 tháng Sáu và 12 tháng Bảy vừa rồi. Không có lời nào dành cho nàng. Kỳ thực ông vua và bà hoàng này làm Thần Bạc Bẽo cũng phải đỏ mặt. Tôi gửi kèm theo bản chép cùng với lá thư của tôi và chúng sẽ đến nước Anh ngay cơ hội đầu tiên, để nói rằng tôi yêu em biết bao.

Vẫn chưa có con chim nhỏ nhưng không thể để lỡ thời gian.

Thể xác tôi đang ở đây, nhưng con tim tôi thì đang trọn vẹn bên em

H. N."

Đúng một tháng sau ngày Nelson nhập vào chiến hạm của Collingwood, đô đốc Villeneuve cũng nhận được, như chúng ta đã nói đến ở trên, lệnh của chính phủ Pháp ra khơi, vượt eo biển và tấn công lên bờ biển Naples và sau khi đã quét sạch các chiến hạm Anh khỏi Địa Trung Hải thì quay về cảng Toulon.

Hạm đội liên quân, bao gồm 33 tàu chiến hạng nặng, 18 tàu Pháp. 15 tàu Tây Ban Nha, bắt đầu xuất hiện ngày chủ nhật 20 tháng Mười vào lúc 7 giờ sáng dưới một cơn gió nhẹ.

Ngay sáng hôm ấy, trận đấu có vẻ sắp xảy ra, Nelson đã viết hai lá thư, một cho tình nương và một cho con gái Horalia.

"Emma yêu dấu, người yêu thương nhất của tôi, tôi nghĩ chiến hạm của kẻ thù đã rời cảng. Chúng tôi có rất ít gió đến độ tôi không hy vọng chạm trán chúng trước ngày mai. Cầu Thần Chiến tranh ban thưởng cho những nỗ lực của chúng ta bây giờ một chiến thắng vang dội. Dù thế nào, chiến thắng hay hy sinh tôi chắc rằng tên tôi sẽ càng thân thương với em và với Horalia vì tôi yêu hai người hơn cả mạng sống của chính mình.

Hãy cầu nguyện cho người bạn của em.

NELSON"

Ngày hôm sau, ông ta viết thêm tái bút vào lá thư gửi Emma:

"Sáng 20 tháng Mười Anh đã đến cửa eo biển. Có người báo đã thấy 40 cánh buồm từ xa. Anh nghĩ đó là 33 tàu chiến hạng nặng và bảy tàu ba cột buồm nhưng vì gió lạnh và biển động mạnh, anh nghĩ chúng sẽ trở lại cảng trước đêm nay".

Cuối cùng, khi nhận ra chiến hạm liên quân, Nelson viết vào nhật ký đặc biệt của mình.

"Cầu đức Chúa vĩ đại, trước người con quỳ lạy bằng tất cả lòng yêu kính, phù hộ cho nước Anh, vì lợi ích của cả châu Âu, một chiến thắng vĩ đại và vinh quang và cầu xin người, cho chiến thắng ấy không có sai lầm nào từ phía những người tham chiến và chiến thắng. Về phần cá nhân con, con xin trao mạng sống của mình vào tay người đã tặng nó cho con. Cầu Đấng tối cao ban phước cho những nỗ lực mà con sắp làm để tận trung với tổ quốc.

Con tin tưởng và trao cho chỉ mình người lý tưởng thần thánh mà hôm nay

người đã hạ cố chỉ định con là người bảo vệ. Amen! Amen! Amen!".

Sau lời cầu nguyện có hoà lẫn chút thần bí và nhiệt thành ấy, thứ mà đôi khi vẫn toát ra ngoài lớp vỏ khô khan của người đàn ông đi biển, ông ta viết di chúc:

Ngày 21 tháng Mười năm 1805

Trước chiến hạm liên quân Pháp-Tây Ban Nha, cách chúng tôi khoảng 10 dặm.

"Xét thấy những phục vụ hết mức của Emma Lyonna, goá phụ của Ngài William Hamilton, đến Đức vua và quốc gia đã không nhận được khoản đãi nào từ nhà vua cũng như quốc gia.

Tôi xin đặc biệt lưu ý những điều sau:

1) Năm 1799, phu nhân Hamilton đã được biết một thông điệp của vua Tây Ban Nha gửi đến em trai mình là vua Naples, trong thư ông ta thông báo ý định tuyên chiến với nước Anh và rằng, được báo trước nội dung bức thư, ngài bộ trưởng ra lệnh cho Sir John Jervis, nếu điều kiện cho phép, tiến công chiến hạm Tây Ban Nha và nếu những chuyện này đã không được thực hiện thì lỗi không phải từ phu nhân Hamilton.

2) Chiến hạm Anh, dưới sự chỉ huy của tôi, chỉ có thể quay lại từ Ai Cập lần thứ hai nhờ tác động của phu nhân Hamilton đối với hoàng hậu Naples, nhờ vậy tôi đã nhận được tất cả những gì mình cần và đã phá huỷ chiến phạm Pháp.

Do đó, tôi xin giao lại cho nhà vua và tổ quốc tôi trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho phu nhân Hamilton.

Tôi cũng tin tưởng trao lại cô con gái nuôi của mình là Horalia Nelson Thomson cho nhà nước và tôi mong từ nay cô bé sang tên Nelson.

Đó là những cái duy nhất tôi mong đức vua và nước Anh để tâm khi tôi sắp

mạo hiểm mạng sống của mình vì họ. Cầu Chúa phù hộ cho nhà vua và đất nước của tôi cũng như tất cả những người thân thiết.

Nelson"

Tất cả dự phòng nhằm bảo đảm tương lai cho người tình của mình là chẳng bằng chứng cho thấy Nelson đang bước theo lối linh cảm chết chóc dẫn dắt. Để đảm bảo tính xác thực hơn nữa cho các chứng thư nói trên trong nhật ký của mình, ông gọi hai thuyền trưởng Hardy và Blackwood đến làm chứng. Ông cho họ ký vào bản di chúc ấy. Tên họ quả nhiên đã nằm cạnh chữ ký của Nelson trong cuốn nhật ký hạm đội.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 92
Trận đánh Trafalgar

Vào thời điểm ấy, tức là ngày 21 tháng Mười năm 1805, ở Pháp chỉ có một cách đánh nổi tiếng trên biển: xông vào kẻ thù, nếu có thể thì nhờ thế gió thượng phong, theo một hàng ngang duy nhất, tấn công tàu trước mặt, hạ nó hoặc bị nó hạ và nhường cho con tạo sắp đặt lực lượng mạnh yếu mỗi bên.

Ngoài ra, còn có các nguyên tắc khác, chủ yếu là mệnh lệnh giúp cho cuộc giao chiến bớt nguy hiểm cho địch hơn là cho ta các chỉ thị chính thức được hải quân đưa ra là không được quên rằng mục tiêu đầu tiên và chủ yếu của một cuộc thủy chiến là bắn bỏ buồm chão và hạ cột buồm đối phương.

- Chúng ta thường thấy rằng - Tướng Sir Edward Douglas của Anh nói - trong các lần đụng độ với người Pháp, tàu của chúng ta luôn gặp vấn đề về buồm chão hơn là vấn đề về vỏ tàu.

Điều mấu chốt là hoả lực Anh mạnh hơn Pháp. Đại bác của họ bắn đạn một phút một quả trong khi Pháp chỉ bắn được ba phút một quả.

Chính do sự chênh lệch về hoả tiễn như vậy mà người Anh khiến các boong tàu của Pháp phơi đầy xác thủy thủ trong khi đạn đại bác của Pháp chỉ chạy theo các cột buồm và dây buộc, bắn năm sáu quả cao vống lên chẳng có tác dụng gì. Ngược lại, một tàu Anh cỡ 74 lại phóng vào mạn tàu ta ba nghìn livre sắt với vận tốc 500 mét/ giây.

Khi ba nghìn livre sắt va phải mạn tàu, tức là va phải chướng ngại bị xuyên thủng được khiến nó tan thành những mảnh vỏ nguy hiểm chết người hơn là chính quả đạn. Thay vì lãng phí sức mạnh bất khả kháng, như Pháp vẫn làm, họ bắn vào các mạn tàu rồi hướng cao nòng giết nốt những gì còn lại trước mặt.

"Chính nhờ những loạt đạn ấy mà nước Anh trở thành đế chế tuyệt đối trên biển - Nelson đã viết cho Bộ tư lệnh hải quân Anh - và năm năm trước, nó đã tạo cho ta chiến thắng Aboukir".

Về cách đánh dàn hàng ngang, Nelson đã từ bỏ từ lâu và thay vào đó một cách mà chúng ta còn chưa quen. Ông ta cho dàn hàng thành hai cánh chữ V ngược, tức là sẽ rẽ quân Pháp ra làm hai. Tàu của ông ta sẽ đi đầu, nó rẽ tất cả những gì nó đụng phía trước khai hoả từ hai bên mạn, vượt qua hàng rào địch rồi quay lại với đội hình ngược lại tiếp tục như thế.

Trong cuộc họp hội đồng hai ngày trước, đô đốc Villeneuve đã nói:

"Tất cả cố gắng của các tàu chiến của chúng ta là trợ cứu các tàu bị tấn công và áp vào tàu đô đốc tiên phong. Người can đảm và yêu vinh quang là một chỉ huy phải biết tham khảo tín hiệu của đô đốc, người cũng tham gia cuộc chiến và chìm trong vòng khói lửa cùng các bạn, như thế công việc sẽ dễ dàng hơn. Mọi chỉ huy không xông vào lửa đạn tức là không ở đúng vị trí của mình và một tín hiệu phải gọi anh ta vào vị trí của mình sẽ là một vết nhơ hổ thẹn với anh ta".

Nelson đã nói:

"Sau khi chia hạm đội của tôi thành hai cánh quân, tôi cũng chia ra làm hai loại trận chiến khác nhau: một loại tấn công, tôi dành cho Collingwood, và một loại phòng thủ do chính tôi chỉ huy. Villeneuve có thể sẽ trải ra một không gian rộng 5 đến 6 dặm. Tôi sẽ lao vào ông ta, chia ra làm hai phần. Do đó, tôi sẽ để Collingwood được lợi thế số quân và là người duy nhất chống lực lượng mạnh hơn.

Chiến hạm Anh bao gồm 40 tàu chiến, chiến hạm liên quân Pháp-Tây Ban Nha có 46. Collingwood, cùng với 16 tàu chiến sẽ tấn công mười hai tàu địch, còn tôi với 24 tàu còn lại tôi sẽ giữ chân 34 tàu khác và không chỉ giữ

chân, tôi sẽ lao vào trung tâm có các tàu chiến bao quanh tổng tư lệnh, bằng cách này tôi sẽ cô lập đô đốc Villeneuve khỏi đội quân của ông ta và ngăn ông ta truyền lệnh cho đội tiên phong.

Ngay khi tôi ra hiệu cho chỉ huy cánh quân thứ hai, toàn bộ hướng đi và quyền chỉ huy tuyệt đối của cánh quân này thuộc về Collingwood. Chính ông ta là người điều khiển việc tấn công của mình như ông ta muốn và lựa theo lợi thế của mình cho đến khi bắt được hay phá huỷ các tàu xung quanh. Tôi chịu trách nhiệm để các tàu địch khác không can thiệp vào đó. Còn về các thuyền trưởng trong chiến hạm, nếu trong trận chiến họ không nhận ra hay không hiểu hoàn toàn tín hiệu do đô đốc của mình đưa ra, họ cứ yên tâm rằng họ chỉ có nước trả giá ngay khi chạm trán với tàu địch".

Với lối trình bày đơn giản về những nguyên tác xúc tích nhất trong chiến thuật hải quân, phòng họp hội đồng trên tàu *Victory* nơi triệu tập các sĩ quan cấp trưởng, các thuyền trưởng trong chiến hạm vang dậy tiếng hô la nhiệt thành rất lâu.

"*Có thể nói* - Nelson viết cho Bộ tư lệnh hải quân - *đây là một cú sốc điện. Vài sĩ quan còn cảm động đến rơi nước mắt. Tất cả mọi người đều nhất trí với kế hoạch tấn công ấy. Họ thấy mới lạ bất ngờ, dễ hiểu và dễ triển khai. Từ các đô đốc đầu tiên đến các thuyền trưởng cuối cùng đều kêu lên "Kẻ địch sẽ thua nếu chúng ta có thể bắt kịp chúng"*.

Hoàn toàn ngược lại với Nelson, kẻ đang cầm chắc phần thắng mười mươi, Villeneuve đang chạy theo cuộc chiến nhưng lại chạy trong trạng thái mất niềm tin. Trong chiến hạm của người anh dũng, vô cùng tận tụy này cũng có bao người có học thức và vui vẻ song ông ta lại cảm thấy một mầm mống huỷ diệt mà không thể cắt nghĩa nó là gì. Ký ức về trận Aboukir còn nằm ở tận cùng mối sợ hãi của ông ta, việc thiếu kinh nghiệm trên biển của các sĩ quan, thiếu kinh nghiệm trận mạc của các thuyền trưởng chỉ huy, sự thiếu lòng tin của các binh sĩ, thiếu sự gắn kết tổng thể là nguyên do buộc ông

phải liên tục liên lạc với họ.

Gió đưa chiến hạm của Villeneuve và Gravina ra khỏi cảng đột ngột yếu đi. Dù chạy chậm lại do vài tàu chiến Tây Ban Nha thiếu kinh nghiệm khi gặp gió, chiến hạm liên quân vẫn chầm chậm rời bờ biển.

Nelson được tàu ba cột buồm của mình báo quân ta đã xuất phát, ông ta căng hết buồm để chặn đánh. Nhưng chẳng mấy chốc gió dịu lại và đêm xuống trước khi hai chiến hạm có thể nhận ra nhau.

Ngày hôm sau, khoảng bảy giờ sáng, đô đốc quân Pháp ra hiệu dàn hàng ngang nghênh chiến. Nhận ra động thái đó, Nelson hiểu rằng cuộc chiến mong đợi bấy lâu sẽ diễn ra ngay hôm đó.

Chiến hạm liên quân tiến lên theo mệnh lệnh và siết chặt vòng vây rất quyết liệt và nhanh chóng khiến khoảng cách đôi bên giảm dần sau mỗi đợt sóng.

Một cơn gió Tây - Tây nam yếu khẽ làm cho các cánh buồm trên chiến thuyền phồng lên qua mỗi xà buồm rồi lại chuyển xuống những đợt sóng dài, triệu chứng một cơn bão không hề bị suy yếu.

Chiến hạm Anh tiến lên với vận tốc một dặm một giờ và theo kế hoạch của Nelson nó đã chia ra làm hai cánh.

Tàu *Victory* có Nelson ở trên, dẫn đầu chiến hạm. San nó có hai tàu loại 98 là tàu *Téméraire* và *Neptune* bọc đồng dùng để khoét lỗ thủng đầu tiên trong

hàng ngũ tàu địch. Tàu *Conquéraut* và *Léviatha*n cỡ bảy mươi tư đi sau *Neptune* và đi trước *Britannia*, tàu có một trăm khẩu đại bác mang cỡ hiệu của chuẩn đô đốc như Northerk.

Cách tốp đầu một đoạn khá xa là tàu *Agamemnon*, một trong những tàu chiến đầu tiên Nelson từng chỉ huy trước đây, nó dẫn theo tàu *Britannia* và bốn tàu bảy mươi tư đại bác khác là *Ajax, Orion Monitor và Spartiate*.

Các chiến thuyền đã vào tầm đại bác. Villeneuve theo chiến thuật quen thuộc trên biển là chờ tàu thật sự vào gần mới bắn, nhưng lần này ông ta đã không may. Hai cánh quân Anh đang tập hợp lượng tàu lớn nên nếu có bắn từ xa thế nào cũng trúng vì tàu địch không có khoảng trống là bao nhiêu.

Đến giữa trưa, cánh quân phía nam do đô đốc Collingwood chỉ huy xuất phát, trước mười lăm phút so với cánh quân phía bắc do Nelson chỉ huy, đã tiến đến giữa hàng quân của ta đường đầu với tàu *Santa Anna*. Tàu *Belle-Isle* và *Mars* theo sau nó, tàu *Tonnant* và *Bellérophon* đứng hai bên *Mars*. Tàu *Colossus*, *Achille* và *Polyphème* gần Bellérophon, chếch sang bên phải là *Revenge* dẫn theo nó có Swi*f*tsure, *Thunder* và *Réfence*. Hai tàu *Dreadnought* và *Prince*, cả hai đều có buồm không tốt và thuộc phạm vi của cánh quân Collingwood.

Chiến hạm Anh có 2.148 đại bác, chiến hạm Pháp có 1.356, chiến hạm Tây Ban Nha có 1.270 khẩu.

Cờ hiệu đô đốc Villeneuve ở trên tàu *Bucenlaure* còn cờ hiệu đô đốc *Gravina* phấp phới trên tàu *Prince des Astuties*, một tàu chiến có 112 đại bác. Chuẩn đô đốc Dumanoir ở trên tàu *Formidable*, (chuẩn đô đốc Magon trên tàu *Algésiras*: hai chiếc ba boong tuyệt vời của Tây Ban Nha. Tàu *Santissima Trinidad*, 130 đại bác, và *Santa Anna*, 112 đại bác, mang cờ lần

lượt của chuẩn đô đốc *Cisneros* và chuẩn đô đốc Alava.

Mười tàu khác do gió lặng và sóng nhẹ vẫn chưa vào vị trí chiến đấu, tạo thành hàng thứ hai sau chiến tuyến thứ nhất. Đó là các tàu *Neptune, Seipion*, *Intrépide*, *Ray*, *Fomlidable*, *Duguay-Trouin*, *Mont-Blanc*, *San Francesco di Assisi*.

Ba tàu chiến hàng đầu của hạm đội tập trung quanh tàu *Bucenlaure*. Trước đô đốc là tàu *Santissima Trinidad*, tàu *Redoutable* ở đường chạy riêng và cuối cùng *Neptune* ở giữa *Bucenlaure* và *Redoutable*.

Thuyền trưởng Lucas trong lúc nhận ra điểm hai cánh quân Anh phải tụ lại, một do tàu *Victory* dẫn đầu và cánh quân kia do tàu *Royal Souverain* đã điều khiển tiến lên khi có ngăn cách giữa *Bucentallre* và *Santa Anna*. Ông cho gọi một số sĩ quan trẻ còn xa lạ với mọi người đến bên cạnh mình trên boong thượng. Người đó không ai khác chính là René.

René mang theo thanh kiếm và một khẩu cạc bin.

Người ta có thể thấy Nelson đứng trên boong thượng của ông ta cùng Blackwood, thuyền trưởng tàu *Euryale*, người cùng với Hardy là thuyền trưởng cờ hiệu luôn chiếm được lòng tin và tình cảm của Nelson. Khi ấy ông ta gọi một trong những sĩ quan tuỳ viên bộ tham mưu của mình lại bảo:

- Ngài Pasco, hãy truyền khẩu hiệu sau đến toàn quân:

"England expects every man will do his duty!" (Nước Anh trông mong mỗi người sẽ làm nhiệm vụ của mình).

Hôm ấy, Nelson mặc một bộ quần áo màu thiên thanh. Ông ta đeo trên ngực

đủ loại huân chương. Thuyền trưởng Hardy lại gần ông ta nói:

- Thưa chỉ huy, vì Chúa, ngài hãy thay đồ đi, những trang sức loè loẹt trên ngực của ngài sẽ là điểm ngắm cho mọi tay súng.

- Muộn quá rồi - Nelson nói - mọi người đã thấy tôi trong trang phục này, tôi không thể mặc khác được.

Thế là người ta xin ông ta nghĩ đến vị trí tổng chỉ huy chứ đừng xông ra như một tàu tiên phong trước vòng vây sát sao của chiến hạm liên quân.

- Hãy để mặc. - Hardy nói - Hãy để mặc tàu *Léviathan* đang theo sau ngài vượt qua và để quân Pháp khai hoả.

- Tôi muốn - Nelson nói và cười - tàu *Léviathan* vượt qua trước tôi lắm, nếu nó có thể - Rồi ông quay lại phía Hardy: Trong khi chờ đợi hãy tăng tốc lên.

Bấy giờ các thuyền trưởng mới rời boong tàu *Victory* để ai nấy quay về tàu của mình. Khi chia tay từ đầu cầu thang trên mạn tàu Nelson thân ái bắt tay thuyền trưởng Blackwood, người này nồng nhiệt chúc ông chiến thắng.

- Bao nhiêu tàu chiến địch đầu hàng hay chìm mới đủ cho một cuộc đại thắng? - Ông ta cười hỏi Blackwood.

- Thì mười hai hoặc mười lăm,- Blackwood đáp.

- Thế vẫn chưa đủ. - Nelson nói - Tôi sẽ không hài lòng dưới hai mươi tàu, rồi trán ông sầm lại - Tạm biệt Blackwood. Cầu chúc ban phước cho anh, tôi sẽ không gặp lại anh nữa.

Tuy nhiên, Nelson không dành cho mình cái vinh dự là người khai hoả đầu tiên. Dẫn đầu cánh quân, đô đốc Collingwood đã sáp mạn theo hướng chếch với đường đi của cánh quân do Nelson chỉ huy. Chính Collingwood là người xé toạc chiến thuyền quân Tây Ban Nha và Pháp. Con tàu *Royal Souverain*

có Collingwood bên trong đã lao vào con tàu ba boong Tây Ban Nha Sanh *Anna* quay mạn trái vào nhau rồi trùm lên nó bằng trận mưa đạn và khói.

- Collingwood thật can đảm! - Nelson kêu lên và chỉ vào lỗ hổng giữa quân địch vừa được tạo ra - Hãy nhìn kìa Hardy, hãy xem ông ấy như đang lao tàu của mình vào lửa mà không cần nhìn đằng trước; đằng sau và bên cạnh. Đường thông rồi, hãy lấy hết gió nào.

Trong lúc Nelson kêu lên như vậy trên đuôi khoang thượng thì Collingwood cũng kêu lên với thuyền trưởng cờ liệu giữa lòng sấm sét ấy.

- Ha ha! Nelson cũng sẽ sung sướng nếu ông ấy ở đây!

Nelson sẽ đến đó không chậm trễ. Bắt đầu những đạn pháo từ bảy tàu chiến của hạm đội liên quân bay ràn rạt qua đầu xé toạc các cánh buồm và cày lên bong tàu của ông ta.

Người đầu tiên rơi từ tàu *Victory* là một thanh niên tên là Scott thư ký của Nelson. Trong lúc đang nói chuyện với đô đốc và Hardy, anh ta bị một quả đạn cắt làm đôi.

Vì Nelson rất yêu mến chàng trai trẻ này nên Hardy nhanh chóng cho mang cái xác đi để đô đốc khỏi đau lòng khi nhìn thấy.

Vừa khi ấy hai quả đạn khác khiến tám người nữa bị cắt giữa thân mình đổ vật xuống boong.

- Ồ! Nelson nói - Đây là một hoả lực mạnh nên sẽ kéo dài đấy.

Đúng lúc đó, sức gió từ một quả đạn bay ngay trước mặt Nelson khiến ông ta tức thở và suýt bị ngạt. Nelson vịn tay vào một sĩ quan lảo đảo và thấy tức ngực, khi tỉnh lại ông ta nói:

- Không sao, không sao.

Những phát đạn đại bác ấy đến từ tàu *Redoutable*.

Như chúng ta đã biết vào thời điểm ấy người Pháp có thói quen bắn vào cột buồm và dây néo nhưng với tàu của Lucas lại không thế.

- Hỡi anh em - ông nói với những pháo thủ trước khi họ bắt đầu khai hoả - Hãy bắn thấp xuống! Bọn Anh không thích bị giết đâu.

Và thế là họ bắn thấp.

Tàu *Victory* vẫn chưa bắn trả.

- Chúng ta có ba tàu trước mặt, ta sẽ tấn công cái nào trước? - Hardy hỏi Nelson.

- Cái gần nhất- Nelson trả lời - Mà tuỳ ông chọn.

Đó chính là tàu *Redoutable* cho đến lúc ấy khiến *Victory* tổn hại nhiều nhất. Hardy ra lệnh cho các thủy thủ đài chỉ huy tiến về phía tàu *Redoutable* và sáp lại.

- Tôi nghĩ - René bảo Lucas - đã đến lúc tôi về vị trí của mình trên cánh buồm rồi.

Và anh lao lên xà cột buồm lái.

Trong khi René đang trèo lên, hai chiến thuyền cho hai mạn húc vào nhau. Cú đâm mạnh tạo thành cơn chấn động dữ dội đến mức người ta tưởng một trong hai tàu đã đâm thủng tàu kia. Lẽ ra đã như vậy nếu sức gió không giảm trên khối cánh buồm làm tàu *Redoutable* lui lại, trong động tác lùi ấy đã kéo theo tàu *Victory* với nó.

Những tàu chiến đi theo Nelson vượt qua lỗ hổng trong chiến tuyến tàu liên quân rồi chia ra hai bên tả hữu lao vào đoạn bị chặn của liên quân.

Đến mười hai giờ trưa thì cuộc chiến thật sự bắt đầu. Quân Anh giương lá cờ thánh Geoges lên, bên dưới có chiếc thuyền Yacht đuôi trắng. Quân Tây Ban Nha cũng giương cờ Castille, treo bên dưới một cây thập tự bằng gỗ dài đồng thời bảy lần tung hô "Hoàng đế vạn tuế". Còn người Pháp, trên các mũi tàu đều giương lá cờ ba màu.

Xong xuôi, sáu bảy tàu chiến quanh đô đốc Villeneuve đồng loạt khạc đạn vào tàu *Victory*. Tàu *Redoutable* chắn ngay lối đi của nó, có hai trăm cái miệng lửa nhằm vào nó mà không thể chặn nó được. Nó tiến đến phía sau tàu *Bucenlaure* chỉ cách một tầm súng lục. Một khẩu đại bác cỡ 68 đặt dưới boong mũi trước của nó nhả đạn tròn qua cửa sổ đuôi tàu Pháp kèm theo năm trăm phát súng trường.

Tàu *Victory* chầm chậm đi qua chiến tuyến mà đám cháy lớn trên tàu *Redoutable* vừa tắt. Bị níu sát vào nhau, hai con tàu ấy tiếp tục chuyển hướng khỏi chiến tuyến. Từ trên xà buồm và giàn súng của *Le Redoutable*, người ta đáp lại hoả lực của *Victory* và trong trận đấu bằng loạt súng hơn là loạt pháo, các thủy thủ của Pháp là người chiếm ưu thế. Chỉ trong một thời gian ngắn, trên cầu tàu và khoang thượng tàu *Victory*, các xác chết nằm la liệt.

Hơn một trăm mười tên của tàu này trước khi kịp ra tay đã chỉ còn hai mươi tên có thể chiến đấu tiếp. Gian boong đầy ắp thương binh, những người chết bị đưa đi liên tục. Nhìn thấy những thân thể bị thương, những cái chân dập nát, những cánh tay lìa khỏi thân, các bác sĩ cũng phải nhìn nhau sững sờ. Cha xứ trên tàu *Victory* cũng phải kinh hãi mụ mị người và muốn chạy khỏi cái lò mổ khủng khiếp ấy, như cách ông ta gọi nó mười năm sau.

Ông ta lao lên boong. Giữa đám lộn xộn, qua làn khói, ông ta nhận ra Nelson và thuyền trưởng Hardy đang đứng ở khoang sau.

Đột nhiên Nelson đổ vật xuống boong như bị sét đánh.

Lúc đó là đúng một giờ mười lăm phút.

Một viên đạn từ xa cột buồm lái trên tàu *Redoutable* đã bắn trúng ông ta theo hướng từ trên xuống, dọc theo vai trái nhưng không bị cầu vai cản lại tiếp tục xuyên vào cột sống.

Nelson đang đứng ở chỗ thư ký của mình bị trúng đạn, ngã xuống gục mặt vào vết máu của anh ta. Ông ta định quỳ một gối đứng dậy với sự giúp đỡ của cánh tay duy nhất còn lại. Hardy đứng cách đó hai bước nghe tiếng ngã quay lại, vội vã chạy đến cùng hai thủy thủ và Secker giúp ông ta đứng lên:

- Mong là đức ông không bị thương nặng. - Hardy nói.

Nhưng Nelson trả lời:

- Hardy ạ, lần này chúng đã kết thúc với Nelson rồi.

- Ô! Tôi mong không phải thế? - Viên thuyền trưởng hét lên.

- Thật đấy! - Nelson nói - tôi thấy toàn thân rung động như bị dập cột sống.

Hardy lập tức ra lệnh mang đô đốc đến trạm cứu thương.

Trong lúc các thủy thủ khiêng đi, Nelson nhận ra các dây chão dùng để giữ bánh lái đã bị đạn bắn đứt. Ông ta chỉ cho Hardy và ra lệnh cho một chuẩn uý thay dây mới.

Sau đó, ông ta rút khăn mùi xoa trong túi đậy lên mặt và huân chương để các thủy thủ không nhận ra và không biết ông ta bị thương. Khi xuống đến gian boong, ông bác sĩ Beatty chạy lại sơ cứu.

- Ồ, Beatty thân mến của tôi. - Nelson nói - Dù anh có giỏi đến đâu cũng không thể làm gì cho tôi. Tôi bị vỡ cột sống rồi.

- Tôi hy vọng vết thương không nặng như đức ông nghĩ - Bác sĩ nói.

Khi ấy, vị mục sư trên tàu *Victory* lại gần Nelson. Nelson nhận ra ông liền kêu lên bằng giọng tắc nghẹn do đau nhưng còn âm vang:

- Thưa cha, hãy nhắc con đến phu nhân Hamilton, đến Horalia, đến tất cả các bạn của con. Hãy nói với họ là con đã viết di chúc và giao phu nhân Hamilton và con gái Horalia của mình cho đất nước… Hãy nhớ rõ điều con nói vào lúc này và đừng bao giờ quên!

Nelson được khiêng lên giường. Khó khăn lắm người ta mới cởi được quần áo của ông ta và quấn lên người tấm vải ga.

Trong lúc người ta làm nhưng công việc trên, ông ta bảo bác sĩ.

- Bác sĩ, tôi thua rồi! Bác sĩ, tôi chết mất!

Ông Beatty xem xét cẩn thận vết thương. Ông ta trấn an Nelson rằng mình có thể thông vết thương mà không gây đau đớn lắm. Quả thật khi thăm xong, bác sĩ nhận ra viên đạn đã xuyên vào ngực và dừng lại ở sống lưng.

- Tôi chắc chắn ráng - Nelson nói trong lúc người ta xem vết thương tôi bị xuyên từ bên này sang bên kia.

Ông bác sĩ xem lưng nhưng nó không bị làm sao.

- Ngài lầm rồi thưa đức ông. Những hãy cố nói xem ngài cảm thấy thế nào.

- Tôi cảm thấy như có những đợt máu trào lên mỗi lần tôi thở. Nửa thân dưới như đã chết… Tôi thấy khó thở và dù ông có nói ngược lại tôi vẫn chắc chắn sống lưng đã bị vỡ.

Những triệu chứng nói trên cho bác sĩ thấy mười mươi không còn hy vọng nào nữa. Chỉ có điều không ai trên tàu được biết Nelson bị thương nặng trừ bác sĩ, thuyền trưởng Hardy, vị mục sư và hai phụ mổ.

Nhưng, mặc mọi dự phòng của Nelson để mọi người không nhận ra thảm hoạ vừa xảy ra, thảm hoạ ấy vẫn được cả tàu *Redoutable* biết đến.

Khi Nelson ngã xuống boong, một giọng mạnh mẽ vang lên từ xà của cột buồm lái và toàn bộ thủy thủ đoàn đều nghe thấy:

- Thuyền trưởng Lucas ơi, tấn công bên mạn thôi! Nelson bị giết rồi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 93
Thảm cảnh.

Thuyền trưởng Lucas lao về phía dây néo và khi trèo cao hơn hai chục bộ, quả nhiên ông nhìn thấy boong tàu *Victory* vắng ngắt.

Ngay lúc đó ông cho gọi bộ phận tấn công áp mạn. Chưa đầy một phút sau, các khoang trên tàu *Redoutable* đã đầy những chiến sĩ trang bị vũ khí vội vã tràn lên khoang thượng đuôi tàu, bờ thành tàu và trên các dây neo.

Các tay pháo thủ trên tàu *Victory* bỏ pháo của mình để xông ra chặn đợt tấn công mới. Bị dồn dưới cơn mưa đạn và lửa từ súng trường, họ nhanh chóng lùi lại hỗn độn trong giàn pháo đầu tiên.

Vận tốc của tàu *Victory* đã bảo vệ nó và các thủy thủ tàu *Redoutable* gắng sức vẫn không leo lên thành của nó. Thuyền trưởng Lucas ra lệnh cắt các dây treo sào căng buồm và dùng sào bắc giữa hai tàu làm cầu leo sang.

Mặt khác, chuẩn uý Yon và bốn thủy thủ nữa, nhờ mỏ neo treo trong giá đỡ dây néo, đã lên được boong tàu Anh. Cánh quân tấn công áp mạn nhìn thấy con đường ấy, thuyền phó tàu *Redoutable*, đại uý Dupotet, vội dẫn đầu họ đi theo.

Một người dùng dây chão đu từ cột buồm lái tàu *Victory* rồi xả vào giữa họ như một tảng thiên thạch. Tàu *Victory* sắp bị thua vào tay một tàu kém nó 26 khẩu đại bác thì một chặp đạn đại bác và đạn tầm trung dội lên boong tàu

Redoutable.

Đó là tàu *Téméraire*, sau khi vượt qua chiến tuyến đã đến xông vào cột buồm mũi tàu *Redoutable* để trợ chiến cho *Victory*.

Hai trăm người đã bị ngã nhào chỉ vì lượt đạn duy nhất ấy.

Tàu *Téméraire* chạy ngang qua tàu Pháp và lại nổ loạt súng thứ hai. Lần này lá cờ bị gãy gục, nhưng một thanh niên hầu như còn lạ với thủy thủ đoàn của thuyền trưởng Lucas, đã chạy về hòm đựng cờ, lấy một lá cờ ba màu khác cắm trên cột buồm mũi.

Nhưng như thể hai tàu chiến ba boong đánh một tàu hai boong là chưa đủ, một tàu Anh mới lại xông đến như muốn nghiền nát *Redoutable*.

Tàu *Neptune* của Anh quay mũi và nã pháo vào tàu *Le Redoutable* hòng hạ cột buồm mũi và cột buồm lái. Lại một lần nữa, lá cờ bị tung lên sau loạt sắt ấy song cột buồm lớn vẫn còn nguyên. Vẫn con người vừa cắm cờ lên một buồm mũi lại lao lên cột buồm lớn và cắm lá cờ nữa lên xà buồm. Sau đó anh đáp trả tàu *Téméraire* một loạt đạn khiến nó gãy cột buồm buộc năm mươi tên phải đền mạng.

Một loạt đạn mới từ tàu *Neptune* trúng vào vỏ tàu *Redoutable* làm bánh lái bị tê liệt, đâm thủng đường mớm nước khiến nước ùa vào khoang.

Toàn bộ bộ tham mưu bị thương, mười chuẩn uý trên mười một bị chết. Với 643 người trong thủy thủ đoàn thì 522 người không còn khả năng chiến đấu trong đó 300 người chết và 222 người bị thương. Cuối cùng, một quả đại bác

hạ nốt cột buồm lớn cùng lá cờ thứ ba của tàu *Redoutable*.

Chàng trai ban nãy đi tìm một chỗ định cắm cờ tiếp nhưng con tàu đã trơ trọi như tàu trại lính, Lucas ngăn anh lại bình thản nói:

- Vô ích, René, chúng ta đang chìm rồi.

Tàu *Bucenlaure* cũng đang ở tình trạng không kém phần tệ hại. Nó đã đưa cột buồm mũi của mình vào tầm của tàu *Santissima Trinidad* và gắng sức một cách vô ích để dứt khỏi nó.

Hai con tàu này gồm 210 khẩu đại bác và gần 2000 chiến binh đang đè bẹp nhau bằng tiếng nổ kinh thiên từ hai tầng pháo bên mạn tàu.

Đô đốc Villeneuve đứng trên khoang thượng nhận ra tình huống vô vọng mà không tên ra giải pháp gì. Ông ta thấy các sĩ quan của mình lần lượt ngã xuống quanh mình. Đứng chôn chân một chỗ, ông ta buộc phải chịu hoả lực lấn lướt đằng sau và bên phải mà không sử dụng được giàn pháo bên trái của mình.

Sau một tiếng giao tranh, ông ta thấy thuyền trưởng cờ hiệu Magendi bị thương. Đại uý Dandignon lên thế chỗ cũng đến lượt mình ngã xuống và lại được đại uý Fournir chạy lại thay.

Cột buồm lớn và cột buồm lái lần lượt gãy gục gây ra cảnh hỗn độn kinh hoàng trên boong. Họ cắm cờ lên cột buồm mũi. Bị chìm trong lớp khói mù mịt mà trời lại ít gió khiến khói càng đặc quánh lại bao trùm lên các tàu chiến hạng nặng này, đô đốc không nhìn thấy được chuyện gì xảy ra ở phần

còn lại của chiến hạm. Qua một ánh chớp, ông ta nhận ra tốp tàu chiến đi đầu - tất cả có mười hai chiếc vẫn bất động - ông ta ra lệnh cho họ, qua các tín hiệu từ cột buồm duy nhất còn lại, ngắm vào các tàu địch và khai hoả.

Khói càng dày đặc ông càng không nhìn thấy gì. Vào lúc ba giờ, cột buồm cuối cùng của ông ta cũng đổ nốt xuống boong và khiến nơi đây đầy những mảnh vỡ ngổn ngang.

Thế là ông ta cố thả một trong những chiếc ca nô của mình.

Những ca nô trên boong đã bị cột buồm đổ vào làm vỡ tan, những chiếc bên mạn bị đạn, pháo xuyên thủng, hai hay ba chiếc vừa xuống nước đã chìm nghỉm.

Trong suốt trận đấu, đô đốc Villeneuve đều xuất hiện ở những vị trí nguy hiểm nhất, không mong gì hơn ở số mệnh ngoài việc nó ban cho ông một quả đạn pháo hay một viên đạn.

Nhưng số mệnh muốn dành cho ông ta một hành động tuẫn tiết.

Tàu của đô đốc Tây Ban Nha bị bảy tàu nước mình bỏ rơi đã đầu hàng sau bốn tiếng giao tranh và phần còn lại trong chiến hạm Tây Ban Nha tuỳ nghi để gió đưa đi về phía bờ biển Cadix.

Còn thủy thủ đoàn trên tàu *Victory* thì reo hò sung sướng mỗi khi một tàu Pháp mất cờ và mỗi lần ồn ào ấy Nelson lại quên cả vết thương của mình.

- Có chuyện gì thế?

Thế là người ta nói lý do của những tiếng hò hét cho ông ta nghe và kẻ thương binh biểu hiện sự mãn nguyện tột độ. Ông ta thấy khát khủng khiếp nên thường xuyên đòi uống và cầu xin mọi người quạt cho ông ta bằng chiếc quạt giấy.

Có lẽ Nelson rất yêu quý thuyền trưởng Hardy cho nên không lúc nào không lo cho mạng sống của viên sĩ quan này.

Mục sư và bác sĩ ra sức trấn an ông ta về điều ấy. Người ta chuyển từng yêu cầu được gặp Hardy của Nelson và mỗi lần không thấy Hardy đến, Nelson sốt ruột gào lên:

- Ngài không muốn cho gọi Hardy đến, tôi chắc là ông ấy chết rồi.

Cuối cùng, một tiếng mười phút sau khi Nelson bị thương, thuyền trưởng Hardy cũng xuống khoang boong. Vừa nhận ra ông ta, Nelson đã kêu lên sung sướng, siết thật chặt tay người này mà nói:

- Thế nào Hardy, chiến trận thế nào rồi? Ngày hôm nay ra sao với chúng ta?

- Tốt, rất tốt thưa ngài - Viên thuyền trưởng trả lời - Chúng ta đã chiếm được 12 tàu.

- Tôi hy vọng không tàu nào của chúng ta hạ cờ chứ?

- Không thưa ngài, không một tàu nào cả.

Thế là yên tâm về mặt đó, Nelson trở lại với chính mình, buông tiếng thở dài.

- Tôi là người tử trận Hardy ạ và sẽ nhanh chóng đến điểm đó. Tất cả sẽ sớm

kết thúc với tôi. Hãy lại gần đây bạn của tôi - Rồi ông ta nói thầm - Tôi cầu xin anh một điều nhé Hardy: sau khi tôi chết, hãy cắt tóc của tôi cho phu nhân Hamilton yêu dấu của tôi và trao cho cô ấy tất cả những gì thuộc về tôi.

- Tôi vừa nói chuyện với bác sĩ. - Hardy nói - ông ấy rất khả quan sẽ giữ mạng sống cho ngài.

- Không phải đâu Hardy, không phải. - Nelson trả lời - Đừng cố lừa tôi nữa. Tôi bị dập cột sống rồi.

Nhiệm vụ lại gọi Hardy lên boong. Ông ta nhảy lên đó sau khi bắt tay kẻ bị thương.

Nelson hỏi bác sĩ. Ông này đang chăm sóc cho đại uý William Ruvers, người bị mất một cẳng chân. Tuy nhiên bác sĩ vẫn chạy lại chỗ Nelson vì cho rằng những phụ tá của mình cũng đủ để băng bó cho đại uý.

- Tôi chỉ muốn biết tin của những người bạn cũ của tôi. - Nelson nói - Về phần mình, bác sĩ ạ, tôi không cần ông nữa. Tôi chẳng nói mình mất hết cảm giác phần thân dưới và một phần cơ thể đã lạnh như băng rồi là gì.

Bác sĩ nói với Nelson:

- Thưa ngài, hãy để tôi sờ xem.

Quả nhiên ông bác sĩ chạm vào phần thân dưới, nó không có phản ứng gì như đã bị liệt.

- Ồ, Nelson nói - tôi biết mình nói gì mà: Scoll và Burke cũng đã động vào tôi như ông vừa làm và tôi cũng không cảm thấy họ như với ông vậy. Tôi chết đây Beatty, tôi đang chết.

- Thưa ngài, - ông bác sĩ đáp lại - thật bất hạnh thay khi tôi không thể làm gì được cho ngài.

- Tôi biết - Nelson nói - tôi cảm thấy có cái gì đang trào lên trong ngực tôi.

Nói rồi ông ta đặt tay lên chỗ có cảm giác ấy.

- Ơn Chúa - ông ta thì thầm - mình đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ông bác sĩ không thể an ủi gì được nữa cho đô đốc. Ông ta đi lo cho những thương binh khác. Nhưng khi thuyền trưởng Hardy trở lại, trước lúc lên boong lần thứ hai, ông ta đã lệnh cho đại uý Hill đưa tin khủng khiếp ấy cho đô đốc Collingwood biết.

Dù Nelson đang trong bàn tay tử thần, Hardy vẫn chúc mừng ông ta đã có một chiến thắng hoàn toàn và quyết định nhường ấy.

Hardy cũng thông báo mười lăm tàu chiến hạng nặng của Pháp đã bị hạ.

- Tôi đã cá là có hai mươi tàu, - Nelson thì thào rồi đột nhiên nhớ ra hướng gió và những triệu chứng của cơn bão ông ta quan sát được trên biển ông kêu lên: Hãy thả neo, Handy! Hãy thả neo mau!

- Tôi e là đô đốc Collingwood sẽ chỉ huy chiến hạm. - Thuyền trưởng hải kỳ nói.

- Không đâu, chừng nào tôi còn sống. - Kẻ tử thương nói và nhấc cánh tay lên - Hardy, tôi bảo anh hạ neo xuống, tôi muốn như vậy.

- Tôi sẽ ra lệnh thưa ngài.

- Vì mạng sống của ông, hãy làm nhanh lên, trước năm phút nữa - Rồi ông ta hạ giọng và như thể phải đỏ mặt trước một sự yếu đuối sau đó, ông ta nói tiếp - Hardy, đừng ném tôi xuống biển, tôi xin anh.

- Ồ không, chắc chắn là không. Ngài có thể yên tâm về điểm này - Hardy vừa nói vừa khóc nấc lên.

- Hãy chăm sóc cho bà Hamilton đáng thương. - Nelson nói giọng đã yếu đi - Hamilton yêu dấu của tôi. Hãy hôn tôi đi, Hardy!

Viên thuyền trưởng vừa khóc vừa hôn lên má Nelson.

- Tôi yên lòng nhắm mắt. - Nelson nói - Nước Anh đã qua cơn hoạn nạn.

Thuyền trưởng Hardy ở lại một lát bên kẻ tử thương mẫu mực trong niềm ngưỡng mộ câm lặng rồi quỳ xuống hôn lên trán ông ta.

- Ai hôn tôi đấy? - Nelson hỏi, mắt đã lờ dở trong vương quốc bóng tối của thần chết.

Thuyền trưởng đáp:

- Là tôi, Hardy.

- Cầu Chúa phù hộ ông, bạn của tôi! - Kẻ sắp chết nói.

Hardy trở lại boong.

Nelson nhận ra vị mục sư ở bên cạnh liền nói:

- Ồ bác sĩ, tôi chưa bao giờ là một tội đồ ngoan cố. - Rồi dừng lại sau một cơn nghỉ ông ta nói tiếp - Bác sĩ, xin hãy nhớ, tôi trao gửi phu nhân Hamilton, con gái Horalia Nelson cho đất nước và đức vua của tôi. Đừng bao giờ quên Horalia.

Cơn khát dồn đến, ông kêu to:

- Uống… uống… quạt… cho tôi không khí… vuốt cho tôi.

Ông ta vừa dành lời yêu cầu cuối cùng cho vị mục sư, ngài Scott người này an ủi ông bằng cách dùng tay xoa ngực, vừa thốt ra vài lời ngắt quãng chứng

tỏ cơn đau đã tăng mạnh đến nỗi phải dốc toàn bộ sức mới nói được lần cuối:

- Ơn Chúa, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Nelson đã nói lời trăng trối cuối cùng.

Ông bác sĩ trở lại, ông mục sư vừa chạy đến báo chỉ huy của ông ta đang sắp tắt thở. Ông Beatty nắm tay kẻ chết: nó lạnh băng. Ông ta bắt mạch: nó không đập nữa. Cuối cùng ông ta sờ lên trán, Nelson mở con mắt duy nhất và lại nhanh chóng khép lại.

Nelson vừa trút hơi thở cuối cùng, khi đó là bốn giờ hai mươi phút. Ông ta đã sống thêm ba giờ ba mươi hai phút sau khi bị thương.

Có lẽ mọi người sẽ ngạc nhiên trước sự chính xác của những chi tiết tôi nói về cái chết của Nelson. Nhưng tôi thiết nghĩ một trong những chiến binh vĩ đại nhất không còn nữa nếu không được đưa đến cửa nấm mồ của mình bởi các nhà lịch sử thì ít ra cũng để một tiểu thuyết gia làm điều ấy. Tôi đã không tìm được cuốn sách nào nhắc đến những chi tiết này nên đã tìm đến biên bản ghi chép về cái chết của ông ta có chữ ký của bác sĩ Beatty trên tàu và mục sư Scott.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 94
Cơn bão

Lẽ ra trận thủy chiến Trafalgar cũng chấm dứt cùng cái chết của Nelson, nhưng chúng ta có thể sẽ trở nên quá bất công khi cho bao nhiêu tên tuổi của những người kiên cường, cũng hy sinh như ông ta, cũng làm tất cả vì tổ quốc của mình, vào bóng tối.

Chúng ta đã để đô đốc Villeneuve tuyệt vọng trên boong tàu *Bucenlaure* nham nhở đổ nát, không có chiếc ca nô nào còn nguyên vẹn để đưa ông ta sang những tàu chiến còn nguyên vẹn vì nằm xa vùng lửa. Tất nhiên, nếu ông ta có thể bắt kịp một trong mười tàu chiến trong tốp đầu không đụng phải quân địch và nếu ông có thể phối hợp với lực lượng mạnh ấy thì có lẽ đã không để thua một trận thảm bại như vậy.

Thế nhưng ở trên tàu *Bucenlaure* như một người sống trên một cái thây bất động, phơi mình ra trước đạn pháo mà không thể đáp trả thì ông ta không còn cách nào khác là buộc phải hạ cờ đầu hàng.

Thế là một chiếc xà lan của Anh tách khỏi tàu đến tìm và dẫn ông ta lên tàu *Mars*.

Chuẩn đô đốc Dumanoir đã lặp đi lặp lại các tín hiệu của đô đốc Villeneuve. Mười tàu được gọi là Héros, có thuyền trưởng Poulain hy sinh ngay khi cuộc chiến vừa bắt đầu, tàu *San Agostino, San Francesu Mont-Blanc, Duguay-Trouin, Formidable, Ray, Intrépide, Scipion, và Neptune*.

Tuy nhiên, chỉ có bốn tàu tuân theo hiệu của chỉ huy đổi hướng đi. Đó là tàu *Mont-Blanc*, *Duguay-Trouin, Formidable và Scipion*. Chỉ có điều viên chuẩn đô đốc ra hiệu đổi hướng theo "gió trước", tức là để tiến vào chỗ khói lửa hỗn độn thì họ lại cho nơi đó là không cần thiết quay vào.

Chuẩn đô đốc Dumanoir lên tàu *Formidable* và trở xuống cùng *Scipion, Duguay-Trouin*, *Mont-Blanc* từ bắc xuống nam dọc theo chiến tuyến. Ông ta có thể đặt quân Anh vào giữa hai làn đạn nhưng đã quá muộn, khắp nơi đâu đâu cũng là thảm hoạ. Tàu *Bucenlaure* bị kẹt, *Santissima Trinidad* bị địch chiếm, *Redoutable* bị phá hỏng. Từ tứ phía, quân Anh xông vào những tàu thuộc tầm gió của mình. Vì vậy, trên quãng đường ấy, bốn tàu nói trên cảm thấy hoả lực địch quá mạnh sẽ gây ra tổn thất và giảm khả năng tấn công. Nản lòng vì hoả lực ấy, họ chẳng làm gì nữa lẳng lặng rời xa bãi chiến trường.

Về đầu kia chiến tuyến quân Pháp, các chiến hạm chiến đấu vô cùng quả cảm với quân của Collingwood.

Hai tàu *Santa Anna và Prince des Asturies* đáng được lưu danh sử sách. Sau hai giờ chiến đấu, tàu *Santa Anna* đã mất ba cột buồm những nó cũng khiến tàu *Royal Sounerain* trả giá tương tự. Nó cũng mới hạ cờ song chỉ khi phó đô đốc Alava bị thương trầm trọng mà thôi.

Tàu *Fougeux*, gần *Santa Anna* nhất, sau khi nỗ lực không mệt mỏi để trợ cứu người bạn hàng xóm bằng cách cản bước *Royal Souverain* không cho nó chọc thủng thêm chiến tuyến, đã bị tàu *Monarque* ở sau nó bỏ rơi. Bị hai tàu địch quay quanh tấn công, tàu *Fougueux* vẫn khiến cả hai bị hỏng nặng. Tiếp đó, sáp mạn với tàu *Téméraire* ban đầu nó đã đẩy lùi ba đợt đổ quân sang. Trong đó 700 người trên tàu, đã có bốn trăm người hy sinh.

Thuyền trưởng Beaudoin chỉ huy tàu *Fougueux* đã hy sinh, đại uý Bazin lên thay ông nhưng quân Anh lại tràn sang lần thứ tư chiếm mất khoang mũi. Bazin bị thương, người đầy máu và chỉ còn vài người quanh mình rút về khoang sau và cuối cùng buộc phải hạ cờ.

Ở chỗ lẽ ra tàu *Monarque* chiến đấu nhưng đã bỏ vị trí, tàu *Pluton* do thuyền trưởng Cosmao chỉ huy đã lướt nhanh và đột ngột dừng lại trước tàu *Mars* của địch đang tìm cách vượt lên, nã đạn vào nó và suýt lao lên tấn công áp mạn thì một tàu địch ba boong khác xông tới trợ cứu bằng cách bắn phần đuôi tàu *Pluton*.

Tàu *Pluton* khéo léo xoay tàu không những tránh được đạn pháo của địch mà còn giáng trả nhiều loạt đạn chí mạng.

Trở lại kẻ thù lúc đầu đang đợi gió lao đi, *Pluton* đã hạ hai cột buồm của nó và loại nó khỏi vòng chiến đấu. Tiếp đến, *Pluton* lại đi cứu quân Pháp.

Phía sau tàu *Pluton*, tàu *Algésirias* cũng lập chiến công oanh liệt. Do chuẩn đô đốc Magon chỉ huy, nó lao vào cuộc chiến sánh ngang với những gì tàu *Redoutable* vừa làm.

Chuẩn đô đốc Magon sinh ra ở đảo Pháp, xuất thân trong một gia đình ở Saint-Malo. Đó là một người còn trẻ đẹp trai và anh dũng. Lúc giương cờ lên ông ta đã tập hợp mọi người và hứa sẽ tặng cho ai lao sang tàu địch đầu tiên một sợi dây gươm do liên hiệp Philippies trao tặng cho mình.

Ai cũng muốn nhận phần thưởng danh giá ấy.

Sánh cùng các chi huy tàu *Redoutable*, *Fougueux* và *Pluton*, chuẩn đô đốc Magon cũng đẩy tàu *Algésiras* của mình lên trước nhằm lấp chỗ, phòng tuyến bị quân Anh chọc thủng. Trong động thái ấy ông vướng phải tàu *Tonnant*, con tàu trước kia là tàu Pháp nhưng đã thuộc về Anh sau trận Aboukir, do một sĩ quan gan dạ chỉ huy tên là Tiller Magon cho áp sát chỉ cách một tầm đạn súng ngắn, nhả đạn vào nó sau đó đâm xà buồm mũi vào dây néo của tàu địch. Níu tàu *Tonnant* như vậy xong, ông gọi tên các thủy thủ can đảm nhất để dẫn họ nhào sang tấn công. Nhưng vừa tập trung trên boong và xà buồm mũi, họ đã bị một quả đạn bắn chúng, riêng Magon bị thương vào cánh tay và đùi. Ông không chịu rời boong. Nhưng các sĩ quan mời ông đi băng bó rồi mới có thể trở lại chiến đấu cùng họ. Hai thủy thủ dìu ông đi. Nhưng vừa nhận ra thuyền trưởng Tiller dẫn một toàn quân tràn sang boong tàu *Algésiras* của mình, ông chạy khỏi tay các thủy thủ, vớ lấy một cái rìu tấn công quân Anh, ba lần chúng tràn sang đều là ba lần chúng bị đẩy lùi. Thuyền trưởng cờ hiệu Leboumeus bị hy sinh bên cạnh ông. Đại uý Plassant lên thay cũng lập tức bị thương.

Magon nhận thêm một vết thương mới. Thấy sắp kiệt sức, ông lập tức trao lại quyền chỉ huy cho ông La Bretonnière rồi bấy giờ mới chịu vịn vào hai thủy thủ xuống khoang boong.

Nhưng vì sườn tàu bị hở, ông bị thêm một viên đạn từ súng nòng to nhằm vào giữa ngực. Ông đổ vật xuống cùng cột buồm mũi vừa trúng một phát đại bác.

Boong tàu *Algésiras* bị quân Anh chiếm hoàn toàn.

Bên cạnh *Algésiras*, bốn tàu chiến hạng nặng khác là *Aigle*, *Swiftsure*, *Berwick* và *Achille* cũng tham gia trận đánh khốc liệt với tinh thần dũng cảm

vô cùng.

Sau khi lao vào tàu *Bellérophon* sát sạt, tàu *Aigle* lại tiếp tục giáp mặt với *Belle-Isle* sau khi bất đắc dĩ phải dứt khỏi địch thủ sắp bị mình hạ gọn. Thuyền trưởng tàu *Aigle*, chỉ huy Courège anh dũng, đã hy sinh lúc ba giờ nhưng không vì thế mà tàu giảm sức chiến đấu. Nó chỉ hạ cờ lúc ba rưỡi sau những loạt đạn đồng thời của cả tàu *Revenge* và *Defence*.

Tàu *Swiftsure* đã mất 250 thủy thủ. Chỉ huy và thuyền trưởng của nó bị hy sinh ngay trên bàn điều khiển. Đại uý Lune thế chỗ họ và cũng hy sinh như họ ở tư thế danh dự. Cuối cùng tàu *Swiftsure* cũng về tay hai tàu *Bellérophon* và *Colossus*.

Tàu *Berwick* do thuyền trưởng Camas chỉ huy, người mà James trong tác phẩm lịch sử hải quân đã gọi là thuyền trưởng Camas anh dũng. Ba cột buồm của tàu bị hạ nhưng không ngăn ông điều khiển hai giàn súng, ngổn ngang 51 xác chết, trong khi 200 người khác bị thương được đưa vào khoang boong.

Thuyền trưởng Camas hy sinh, đại uý Guichard theo gương ông được vài phút. Tàu *Berwich* cũng trở thành mồi của quân Anh.

Tàu *Achille* tấn công *Belle-Isle* trước nhưng nhanh chóng đến lượt mình bị bao vây: tàu *Polypéme* thoát khỏi *Neptune* và tàu *Prince* trùm lửa lên nó bằng 96 khẩu đại bác của chúng. Chỉ huy Demé-Port, ban đầu bị thương ở đùi nhưng vẫn hiên ngang đứng trước bàn điều khiển và đã anh dũng hy sinh ở vị trí của mình. Cột buồm mũi cháy rực đổ xuống do hoả tiễn địch, các thủy thủ dây rợ vẫn vãi đạn lên boong kẻ thù mặc cho lửa cháy.

Tàu *Achille* bị ngọn lửa trùm lên, không thấy bóng dáng tàu nào quanh mình. Tất cả các sĩ quan trên tàu đều bị hy sinh hoặc bị thương Người chỉ huy tàu này là trung uý tên là Cochard, đó là người sót lại duy nhất của một ban tham mưu anh hùng.

Anh ta chiến đấu trong vô vọng nhưng vẫn chiến đấu không ngơi nghỉ. Sợ tàu này bị nổ tung, các tàu chiến hạng nặng của Anh đã lùi ra xa. Hành động cuối cùng của người sĩ quan trẻ là cho cắm cờ vào góc tàu và *Achille* nổ tung cùng với một phần thủy thủ đoàn của nó.

Chắc chắn đây là cái chết của viên sĩ quan trẻ có thể xứng với cái chết của Nelson.

Trong khi đô đốc Dumanoir và bốn tàu chiến của mình chạy ra ngoài vòng đấu thì một tàu khác, tàu *Intrépide*, và thuyền trưởng *Internet* lại hăng hái xông vào chốn dầu sôi lửa bỏng. Đó là chiếc tàu cuối cùng còn có cờ ba màu phấp phới trong gió. Nó đẩy lùi tàu *Léviathan* và *Africa*, nhận hoả tiễn của *Agamemnon* và *Ajax*, chiến đấu giáp lá cà với *Orion* và hai tàu nữa trong đó đẩy lui một và chỉ thua cuộc trước tàu thứ sáu của địch là tàu *Conquérant*. *Conquérant* hạ cột buồm cuối cùng của nó và trong số 555 thủy thủ đoàn, 306 người đã không còn khả năng tham chiến.

Lá cờ trên tàu *Intrépide* hạ xuống là hơi thở cuối cùng trút ra từ cuộc đại chiến.

Một ngày kết thúc, phe Pháp hoàn toàn thất thủ. Một vài cái tên phát ra tiếng vang mới và sau cuối có thể lấy lại chút danh dự chiến thắng cá nhân giữa một thất bại toàn cục. Cho đến lúc cuối cùng, đô đốc Villeneuve đã làm tất cả những gì có thể để cho mình được chết. Chuẩn đô đốc Magon sẵn sàng hy

sinh. Thuyền trưởng Lucas dẫn đầu đội quân của mình, dù chỉ còn 136 người, chiến đấu như một con mãnh hổ và từ trên buồm của ông, một bàn tay lạ đã nhả đạn giết chết Nelson. Tàu *Achille* được coi như tàu *Vengeur*(1) *Infernet* và *Cosmao* là những tấm gương quả cảm tuyệt vời Liên quân Pháp-Tây Ban Nha đã để 17 tàu chiến rơi vào tay quân Anh, một chiếc nổ tung. Ngoài ra còn sáu, bảy nghìn quân bị chết hoặc bị thương.

Quân Anh đại thắng song đó là một chiến thắng đẫm máu, tàn khốc và đắt giá. Nelson chết, hải quân Anh như rắn mất đầu.

Với họ, Nelson còn đáng tiếc hơn cả một đạo quân.

Họ dùng móc kéo 17 tàu chiến hầu như đều gãy cột buồm hay chìm nghỉm và bắt một đô đốc làm tù binh.

Chúng ta đã có một trong những trận bại trong tư thế ngẩng cao đầu vô song trong lịch sử bởi lòng can đảm và tận tụy của kẻ thua.

Đêm tối và cơn bão sẽ làm nốt phần việc kết thúc chiến thắng cho người Anh. Sáu tàu chiến què cụt mang trên dẻ sườn của chúng lời ăn năn cho sự anh dũng của chúng. Chúng chỉ chập choạng trên lớp sóng đang cuộn dâng cao với gió trong buổi hoàng hôn.

Đô đốc Collingwood chịu trách nhiệm chỉ huy đống đổ nát ấy thay vì nhấn chìm như Nelson đã ra khẩn khoản yêu cầu, lại dùng phần ngày còn lại để mang theo 17 tàu thu được trong trận chiến, và thế là bão tố cùng bóng đêm tập kích ông ta bằng cách nhặt nhanh nốt những mảnh còn lại.

Biển, gió, sấm chớp, bãi đá ngầm, tất cả thảm hoạ của trời và biển là những gì rình rập trong hai ngày sau cuộc chiến, hai ngày kinh khủng hơn cả ngày diễn ra chiến sự. Biển gầm gào nô giỡn suốt sáu mươi tiếng với ba chiến hạm ấy và hầu như không có sự ân sủng nào cho cả kẻ thắng lẫn người thua.

Một phần tàu do Nelson chiếm được đã bị bật tung, bị sóng đánh hay đưa vào bãi đá ngầm của mũi Trafalgar.

Tàu *Bucenlaure* nát vụn trên đá ven bờ. Tàu *Indomptable* cũng tự bật đèn trên boong để lao vào bờ. Nó tắt ngấm cùng toàn bộ thủy thủ đoàn trên mũi Diamant. Người ta chỉ nghe được một tiếng kêu: đó là tiếng kêu của thủy thủ đoàn bị nuốt chửng.

Collingwood nhận thấy gió từng chặp muốn giằng các chiến lợi phẩm khỏi tay mình nên cho đốt tàu *Santissima Trinidad* rồi ném vào lửa ba tàu ba boong Tây Ban Nha là *Saint Augustin Argonaute và Santa Anna*.

Biển như dịu lại một lúc, gió cũng đứng lại để xem bốc cháy cái khúc củi lớn nhất thứ không bao giờ còn lênh đênh trên biển được nữa.

Khi ấy, lúc cuộc chiến đã kết thúc, kẻ thua còn có vị trí tốt hơn người thắng. Đô đốc Gravina và 11 tàu chiến của mình đã tìm được trong cảng Cadix chỗ nghỉ ngơi an toàn. Còn cách quá xa Cadix, người Anh lại chỉ nghe tiếng sóng gầm để hồi sức sau cơn chiến thắng mệt nhọc.

Buộc phải chống lại cơn bão vì chính sự tồn tại của mình, tàu của quân Anh cũng thấy họ bị vây hãm, gãy cột buồm và hư hỏng khi mải kéo theo những chiến lợi phẩm còn tan tành hơn cả của họ. Thế là họ bỏ rơi luôn vài tàu

chiến rách nát mà họ thu được.

Cuộc chiến với biển ấy chống lại kẻ thắng trận và điều này khiến kẻ bại trận hoan hỉ và reo lên sung sướng.

Người Anh giữ lại tàu *Bucenlaure*, nhưng nhận thấy đô đốc Collingwood chẳng mặn mà với đám tù binh, nên họ thả luôn cả tàu cùng thủy thủ đoàn. Người Pháp thầm cảm ơn bão tố, dựng vài cây cột hú hoạ trên tàu nhẫn lỳ, buộc vài mảnh buồm và hướng về Cadix theo sức đẩy của cơn bão.

Tàu *Algésiras*, giống như tàu *Victory* mang thi hài của Nelson, cũng mang phần thi thể của vị chuẩn đô đốc dũng cảm Magon, cũng muốn được thả ra trong cơn bão. Dù bị hư hỏng nặng trong trận chiến mà nó dành những hiển hách vinh quang, nó còn chịu đựng tốt hơn những tàu khác vì mới được đóng. Dẫu sao ba cột buồm đã gẫy cột buồm lớn cách boong 15 bộ, cột buồm mũi 9 bộ, cột buồm điều chỉnh 5 bộ. Tàu kéo nó phải khó khăn lắm mới giữ thăng bằng cho nó nên cuối cùng cũng tháo dây cáp thả nốt tàu tù binh. Người Anh bắn đại bác cầu tiếp viện nhưng chiến hạm của họ còn quá nhiều việc phải làm nên không đáp lại. Vậy là họ thoả thuận với một sĩ quan Pháp chỉ huy tàu này.

Người sĩ quan ấy là ngài La Bretonnière. Họ cầu xin ông dùng người trong thủy thủ đoàn của mình cứu lấy con tàu và giúp họ cứu mọi người cả người Anh lẫn người Pháp.

Ngay khi nghe xong, ông La Bretonnière đã biết mình phải làm gì. Ông yêu cầu bàn với những người đồng hương của mình dưới đáy khoang. Yêu cầu ấy được chấp nhận.

Ông đi tìm các sĩ quan và bàn riêng với họ, kể cho họ biết chuyện gì đang xảy ra. Thoạt nghe tất cả mọi người hiểu ngay vấn đề nhờ trí tuệ thông minh rất xứng đáng với người Pháp.

Tàu *Algésiras* chở 30 đến 40 quân Anh có vũ khí cùng 270 người Pháp bị tước vũ khí nhưng đều đang sẵn sàng để giải cứu tàu của họ. Các sĩ quan vào khoang thông báo kế hoạch cho các tù binh, họ hưởng ứng nhiệt liệt. Ông La Bretonnière ban đầu sẽ đi đòi quân Anh thả họ. Nếu bị từ chối, chỉ cần ra hiệu, quân Pháp sẽ xông ào và nếu đánh nhau, quân Anh chắc có gây thiệt hại cho quân Pháp về người nhưng số đông quân Pháp sẽ áp đảo thế trận.

Dự tính kế hoạch xong, thuyền trưởng Bretonnière quay trở lại mang câu trả lời của ông đến người Anh.

Việc đòi thả tàu *Algésiras* khiến quân Anh bỏ mọi cam kết.

Thế là người Pháp tuyên bố họ được coi là tự do và nếu chủ tàu muốn giao đấu, họ, dù không có vũ khí, chỉ cần một tín hiệu sẽ lập tức tham gia ngay.

Thật ra đã có hai thủy thủ Pháp mất kiên nhẫn, tay không xông vào đám lính gác Anh. Họ nhận hai phát lưỡi lê trong đó một người chết và người kia bị thương nặng. Sự việc này đã gây náo loạn song ông La Bretonnière đã kiểm soát và cho các sĩ quan Anh có thời gian suy nghĩ. Những người này bàn bạc hồi lâu rồi thoả thuận thả người Pháp với điều kiện quân Anh cũng phải được tự do khi đến bờ biển Pháp.

Ông La Bretonnière đưa ra điều kiện cuối cùng. Đó là người Anh phải để ông có thời gian xin chính phủ Pháp cho họ tự do, điều này ông ta hứa sẽ xin được.

Thế là những tiếng hò reo vui sướng rộ lên khắp nơi vì chiếm lại được tàu của mình các sĩ quan và thủy thủ về vị trí của mình, kéo cột buồm dự trữ, các thợ mộc chốt các xà buồm, căng buồm dự trữ rồi hướng tàu chạy về phía cảng Cadix.

Suốt đêm, cơn bão mà Nelson dự báo vần vũ không ngớt, ban ngày nó càng trở nên mạnh và ác liệt hơn. Tàu *Algésiras* đánh vật với nó suốt cả ngày. Dù không có hoa tiêu nhưng nhờ một thủy thủ quen địa hình cảng Cadix, con tàu cũng vào đến cửa cảng.

Nhưng đến đây, nó không muốn liều lĩnh. Nó chỉ còn một mỏ neo và một dây cáp lớn để chống chọi lại những cơn gió thổi dữ dội vào bờ. Nếu neo không chịu được, tàu *Algésiras* coi như thua, nó sẽ bị va vào những bãi đá ngầm được gọi là mũi Diamant.

Đêm qua đi trong nỗi sợ hãi hiện rõ và ngày mới lại đến. Trong đêm, người ta đã nghe những tiếng hét át cả tiếng bão. Tàu *Bucenlaure* vừa nát vụn bên bờ biển còn tàu *Indomptable* ướt sũng chưa vào bờ dù nó có neo tốt và dây cáp chắc chắn!

Suốt ngày hôm ấy, tàu *Algésiras* bắn đại bác một cách tuyệt vọng hòng gọi cứu trợ. Một vài thuyền liều lĩnh đến nhưng chưa kịp lại gần đã bị sóng đánh hỏng. Chỉ duy nhất một lần họ ném được cho *Algésiras* thêm một neo yếu.

Đêm lại buông xuống trên biển. Tàu *Algésiras* và *Indomptable* đều được níu bằng vài sải cáp, bão tố dữ dán hơn như một đám lửa xoáy cái nhìn vào tàu *Indomptable*, con tàu bắn đại bác đầy tuyệt vọng, hai chiếc neo khỏe của nó

đã núng thế và như một bóng ma lửa chứa trên mình đoàn thủy thủ vô cùng tuyệt vọng, nó vượt tàu *Algésiras* vài bộ rồi lao về phía bờ trong tiếng gãy khủng khiếp rồi chìm xuống mũi Diamant. Trong một phút, các đèn hiệu bật sáng, những tiếng hét dấy lên rồi tất cả tắt ngấm trong tầng sóng.

1500 người trên boong là 1500 người thiệt mạng.

Được níu giữ chỉ bằng không neo nhỏ, tàu *Algésiras* ngỡ ngàng khi thấy ngày hôm sau biển đã lặng sóng. Nó được các thủy thủ hướng dẫn vào cảng Cadix.

Bây giờ chúng ta sẽ xem giữa cơn giông tố khủng khiếp ấy, tàu *Redoutable*, thuyền trưởng Lucas và viên đại uý thứ ba René ra sao.

Tôi đã nói ở trên là sau ba giờ chiến đấu thuyền trưởng Lucas mới chịu hạ cờ. Với 643 thủy thủ thì 523 người không còn khả năng chiến đấu trong đó 300 người chết 222 người bị thương nặng. Trong số sĩ quan, mười chuẩn uý trên mười nằm trong số tốp thứ hai.

Thuyền trưởng Lucas cũng bị thương nhẹ ở đùi. Về tàu *Redoutable*, nó mất cột buồm lớn và cột buồm lái, đuôi tàu bị thủng toác một lỗ lớn. Hầu như giàn pháo bị bật tung do các đợt tấn công giáp lá cà, các đợt đạn đại bác và cuối cùng là do một khẩu đại bác cỡ 18 đã gây tổn hại nặng nề.

Phía nào con tàu cũng bị thủng nhìn thấy cả trời và nhìn nó trơ ra một bộ khung tơi tả. Không có ván sàn đủ chắc để chống chọi, đạn pháo của địch xuyên cả xuống khoang boong sát hại những thương binh khốn khổ vừa rời khỏi tay bác sĩ hay đang chờ được cứu chữa.

Lửa cũng bắt vào bánh lái khiến nó hoàn toàn không hoạt động được. Nhiều đường nước rò ri còn những cái bơm đã bị hư nát hết trong trận đấu. Tàu *Victory*, *Téméraire* buộc sát tàu *Redoutable* nhưng không những chúng không kéo nó đi được mà còn không đủ sức để rời ra xa.

Khoảng 7 giờ tối, phải chờ tàu *Swiftsure* của Anh đến kéo thì *Redoutable* mới di chuyển được.

Đêm hôm ấy, René đến chỗ chỉ huy và đề nghị ông ta, vì bờ biển Tây Ban Nha chỉ cách đó một dặm, nên họ sẽ chui qua một lỗ hổng nhảy xuống biển và bơi vào bờ.

Lucas là người bơi rất giỏi nhưng đang bị thương ở đùi, ông ta sợ không thể vào được đến bờ. René đảm bảo hết, hứa sẽ giúp ông nhưng Lucas từ chối thẳng thừng và khuyên René nên nghĩ đến mình.

René lắc đầu.

- Thưa chỉ huy, tôi lặn lội từ tận Ấn Độ về tìm ngài, tôi sẽ không rời xa ngài đâu. Nhưng nếu bọn chúng buộc ta phải xa nhau thế thì ai vì người nấy, khi đó chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu? Ở Paris chăng?

- Anh sẽ luôn biết tin về tôi ở Bộ Hải quân, anh bạn thân mến ạ - Lucas nói.

Thế là René lại gần ông.

- Thưa chỉ huy đáng kính của tôi, trong thắt lưng tôi có hai xâu tiền mỗi xâu có 50 đồng *louis*, ngài có vui lòng lấy một xâu không?

- Cảm ơn anh bạn - Lucas nói - Tôi cũng có trong ngăn kéo phòng ngủ, tất nhiên nếu phòng tôi còn, khoảng 30 đồng mà tôi định dành tặng cho anh. Ngay khi đến Paris, đừng quên hỏi tin của tôi, hàm hiệu của tôi đảm bảo bọn trâu, chó này không dám làm gì với tôi như có thể với cậu đâu.

Ngày hôm sau, chỉ huy tàu *Swiftsure* thả một canô đi đón thuyền trưởng lịch sử, thuyền phó Dupotet và thiếu uý Ducrès. Nếu muốn sĩ quan nào đi thêm, thuyền trưởng có thể gọi, anh ta cũng sẽ bị dẫn sang tàu *Swiftsure*.

Suốt ngày hôm ấy dùng để cứu người, mới nhìn qua cũng thấy tàu *Redoutable* sẽ chìm. Thật may là người ta đã kịp đưa 119 người đi. Hai người khác rơi xuống nước trong lúc chuyển tàu và một trong số họ bị thiệt mạng.

Lucas gọi thêm René và René bị dẫn cùng ông sang tàu *Swiffsure*. Họ quay mũi về phía Gibraltar. Ngày hôm sau nữa, họ đã ở một trong hai cánh quân Héc-quyn.

René giấu khả năng hiểu tiếng Anh của mình. Do đó mà anh nghe người ta nói chuyện, bằng tiếng Anh và Tây Ban Nha, về đảo Péninsule quanh mình.

Nhờ vậy anh biết các tù nhân sẽ bị đưa xuống tàu hạng vừa để chuyển về Anh. Các tù nhân nhất thiết phải bị chia nhỏ vì một tàu hạng vừa không thể chuyên chở quá 60 - 70 người.

Vài ngày sau, anh báo cho Lucas rằng người Anh nhận thấy trường hợp đặc biệt của ông nên sẽ dẫn ông về London trên tàu chiến hạng nặng, những người khác sẽ chia ra trên hai tàu 3 cột buồm hạng trung và tất cả sẽ xuất

phát cùng ngày.

Toàn bộ hạm đội gồm hai tàu hạng trung, một tàu coóc vét và một tàu buôn ba cột buồm đồng loạt trở về châu Âu. Tôi nói về châu Âu vì Gibraltar châu Phi hơn là châu Âu.

Chỉ huy Lucas bị dẫn lên tàu *Prince* không tham chiến nên không đứt một sợi dây hay bị thiệt mạng một thủy thủ nào.

René cùng 50 bạn chiến đấu được đưa lên tàu buôn 3 cột buồm có tên là tàu *Samson*. Trước khi chia tay anh, thuyền trưởng Lucas đã bày tỏ lòng cảm mến mà ông chưa từng dành cho ai, sự mến mộ xuất phát từ lòng can đảm mà anh đã thể hiện vào cái ngày 2 1 tháng Mười định mệnh ấy.

Lời chia tay của họ thân ái như bạn bè chứ không phải của cấp chỉ huy với cấp dưới.

Các con tàu di chuyển chậm đến tận vịnh Gascogne, đến đó mới có gió mạnh chia cách họ.

Tàu *Prince* chạy khỏe, buổi tối đã vượt qua mũi Finistère.

Chỉ huy tàu *Samson*, thuyền trưởng Parker, không làm chủ tàu của mình bằng sức gió nên đưa nó ngược lên trên vì theo tiêu đề rằng trong một cơn bão, không có gì nguy hiểm hơn bờ biển.

Khi biển đã dịu lại một chút, lúc mặt trời ló rạng trở lại, người ta nhận ra mình đang ở cách 30 - 35 dặm phía tây Ai xơ len.

Bấy giờ họ quay mũi về phía đông và tiếp tục cuộc hành trình.

Nhưng các thủy thủ lâu năm hiểu rằng sự lặng sóng chỉ là tạm thời và thuyền trưởng Parker người chưa từng leo cao lên làm chỉ huy một tàu chiến không yên tâm chút nào về vị trí của mình.

Trong chặng đường vừa qua của mình, vì René đặc biệt được yêu quý ông ta đã có thể đánh giá khả năng của anh. Vì việc để tù nhân lên tàu là không hay, dù họ chỉ có ít người, nên ông ta đi thẳng đến chỗ René vừa bắt chuyện bằng thứ tiếng Pháp dở ẹc vừa chỉ tay vào khối mây đen đang đùn lên từ phía Tây.

- Tối nay chúng ta sẽ ăn muộn đại uý ạ, nhưng tôi đã ra lệnh cho đầu bếp để chúng ta không phải đợi - Rồi ông ta chỉ tay vào đám mây tiếp tục kéo về. Vả lại, đây cũng là một cảnh đáng chú ý và có thể cho chúng ta giải trí.

- Đúng vậy. - René trả lời - Tôi chỉ mong một điều, đó là cái kết cục không làm chúng ta quá bận rộn.

Quả thật khung cảnh rất lạ nhưng những lo ngại của René không vì thế mà thái quá.

Những khối mây đen nặng nề tản dần về phía Tây nam, nhanh chóng tạo thành lớp núi cao trùng điệp và ngày một lớn lên.

Người ta nhận ra trong đó tất cả hình ảnh của dãy Alpe trên trời: những đỉnh núi nhọn hoắt, những con đường quanh co để trèo lên, đỉnh cao nhất như một miệng núi lửa mà gió đang thò cái chổi quét nhanh không thể tin nổi, như một trong những luồng hơi cuối cùng thoát khỏi ống khói vừa tắt lửa.

Thật vui mắt khi xem cái lò giả ấy và nhìn chúng lan ra màu xanh ngắt của bầu trời, vì trời đang có màu xanh tuyệt đẹp lan đến chân trời chỉ trừ nơi, như tôi vừa nói, đang bị khói núi lửa xâm chiếm.

- Dẫu sao. - Viên đại uý thứ nhất nhanh nhảu nói - nếu có gì xảy ra từ cái khối hỗn mang kìn kịt kia thì cũng từ từ, ai cũng biết chúng ta còn kịp ăn tối thoải mái và tiêu cơm ấy chứ.

- Xin thứ lỗi cho chứ, - Một thủy thủ già khi đi ngang qua không dám đưa ra nhận xét cho câu vừa rồi mà chỉ nói - Gió tây nam đi nhanh hơn răng và dạ dày của ngài dù nó có thế nào.

- Tôi đồng ý với thủy thủ của ngài - René nói - Tôi không nghĩ cơn giông này lại hào hiệp để chúng ta ăn bữa tối yên lành đâu. Nếu được khuyên ngài, ngài hãy chuẩn bị đón nhận cơn giông ấy đổ ụp xuống tàu như mưa đá hay một cú sét.

Nhưng… - Một chuẩn uý đang ngồi trên lan can, cổ áo dựng cao, mắt nhìn chăm chăm vào khối đen khiến mọi người đang bận tâm nói - nhưng, thưa thuyền trưởng, không có gió thì biển khó đập vào mạn tàu được, thế thì hà cớ gì mà chúng ta phải vội?

- Ngài Blackwood, giá như chú ngài ở vị trí của ngài, ông sẽ thấy rõ hơn ngài. Hãy thu buồm vẹt và cho hạ chúng xuống ngay lập tức.

Blackwood ra lệnh làm theo và người ta còn nghe người thủy thủ già người tự phong là nhà tiên tri cảnh báo tài hoa nói:

- Kế chúng lắm nhưng chưa đủ.

Thuyền trưởng mỉm cười nhìn ông ta và nói tiếp:

- Ngay khi hạ buồm vẹt xong, hãy cho giảm ba mép buồm rồi cất buồm lớn đi.

Mệnh lệnh được thi hành ngay tức thì, đây là nguyên tắc chủ yếu của ngành

hàng hải. Người ta đã thấy gió ào đến từ chân trời và dưới đôi cánh của nó, biển cuộn lên. Vết đen phía tây nam toả ra khắp bầu trời như một vết mực khổng lồ đang loang ra. Gió nhẹ đã trở thành hung dữ và đầy đe doạ.

- Còn bây giờ, ông già, ông sẽ làm gì? - Viên thuyền trưởng hỏi kẻ vừa đưa ra lời khuyên.

- Tôi ấy à. - Người thủy thủ già nói - Ngài thứ lỗi cho chứ tôi sẽ còn hạ nốt các cánh buồm cho đến khi chẳng còn gì.

- Hạ nốt những buồm mũi xuống. - Viên thuyền trưởng kêu to.

Mệnh lệnh được thực hiện ngay.

Sóng biển cuộn cao, sấm rền rĩ.

- Vào bàn ăn thôi các vị, vào bàn! - Một chuẩn uý xuất hiện trước cửa cầu thang lên boong kêu to, chiếc khăn mặt cầm trong tay.

Anh ta để nó bay vèo mất.

- Ối này. - Anh ta nói - Chúng ta có gió này, thế mà ở dưới chẳng biết tí gì.

- Đúng thế ở đây đã thấy rồi - Thuyền trưởng nói - và ở dưới, anh sẽ sớm biết thôi.

- Ở trên ấy thế nào? - Các sĩ quan ở dưới tàu hỏi viên chuẩn uý vừa lên boong.

- Tôi thấy nhiều lần thời tiết đẹp hơn thế. - Viên chuẩn uý đáp.

- Thuyền trưởng không xuống ăn tối à? - Một người hỏi.

- Không! Ông ấy ở lại boong với một tù binh trẻ mà thuyền trưởng Lucas tiến cử, anh ta được coi là người đã bắn chết đô đốc Nelson đấy.

- Nếu gặp nguy hiểm - Viên đại uý thứ hai nói - tao hứa sẽ ném thằng cha ấy xuống biển mười phút trước đó, nếu tao ở vị trí ấy.

- Anh bạn thân mến, anh thật bất công - Một đồng sự nói với hắn ta - Nếu đó là người đã giết Nelson, anh ta đã làm ở cấp chính phủ Pháp. Là anh, anh có đáng bị quẳng xuống biển vì giết Lucas không? Tôi biết, tất cả các ông Lucas trên đời không sánh được với Nelson nhưng can đảm thay một thuyền trưởng như chỉ huy Lucas. Anh đã thấy bộ quân phục của ông ta sáng lên ta lần khi tấn công trên mạn tàu *Victory* chưa? Anh đã thấy giữa khói lửa, cái rìu của ông ấy sáng lên như cáu vồng chưa? Nếu anh ở trước mặt Lucas, dù trời đẹp hay giông tố, hãy chào kính cẩn rồi mới đi qua, đó là điều tôi sẽ làm đấy.

Trong khi cuộc nói chuyện ấy diễn ra ở phòng ăn của sĩ quan, trên boong là vẻ lặng thinh tẻ ngắt. Gió đột ngột nhào tới, cỏn tàu đã hạ hết buồm, lừ đừ trôi theo những con sóng. Nước ủ ê lướt trên hai mạn tàu và khi con tàu dềnh lên theo sóng, lớp nước ấy lại rơi từ lưng khoang vào Đại dương tạo thành một luồng thác bé nhỏ trắng sáng.

Khi ấy một luồng sáng từ boong có khi bay lên đến tận trời.

- Đúng là một đêm lệnh hoàng thuyền trưởng Parker ạ. - Viên đại uý thứ nhất nói.

- Tôi đã thấy ít dấu hiệu đổi gió. - Viên thuyền trưởng đáp bằng giọng chắc chắn.

- Nhưng mà - Người thủy thủ già càu nhàu, người với 45 năm đi biển cho phép ông được các sĩ quan nhìn nhận - Sự thay đổi ấy vẫn có dấu hiệu mà người thủy thủ lâu năm không thể không nhận ra.

- Thưa các ngài, vậy các ngài còn muốn gì nữa? - Thuyền trưởng nói - Không hề có mảy may chút gió nào còn tàu thì đã hạ cánh buồm còn gì.

- Được rồi! - Người thủy thủ già nói - tôi sẽ không nói nữa, kể ra tàu *Samson* cũng hành động không quá tệ so với chiến thuyền buôn đúng mực. Có ít tàu cột buồm vuông nào không mang cờ vua Geoges lại có thể tránh gió hay sóng đâu. Nhưng bây giờ là lúc một thủy thủ phải suy nghĩ. Hãy nhìn dưới

ánh sáng xám nhạt chiếu tới chỗ chúng ta kia, ai có thể nói cho tôi biết nó từ đâu đến không? Từ châu Mỹ hay là từ bắc cực? Dù thế nào thì hẳn nó không phải là ánh trăng rồi.

Thuyền trưởng lại gần cửa cầu thang lên boong. Ông ta nghe thấy tiếng cười nói của các sĩ quan và tiếng ly cụng vào nhau.

- Uống thế, cười thế đủ rồi đấy! - ông hét lên - Tất cả mọi người lên boong.

Chỉ trong giây lát, những người được nói tới nhảy lên boong.

Vừa nhận ra tình hình thời tiết trên trời và biển, thủy thủ đoàn gồm sĩ quan và thủy thủ, đều chắc chắn sẽ phải đương đầu với cơn bão.

Không ai nói một lời nhưng mỗi người đều vận dụng tất cả sức mạnh, nghị lực của mình có thể có được. Quả thực, không có cánh tay nào lại không cần thiết, lại không có nhiệm vụ trực tiếp phải làm.

Sương mù nhợt nhạt và càng dày đặc từ mươi phút qua tràn đến từ hướng tây nam bây giờ đã lan khắp tàu với sức nhanh của một con ngựa đang lao đi trong đường đua để giành giải. Không khí mất dần hơi ẩm theo gió đông và những cơn gió tây nam như bắt đầu rít qua các cột buồm, dấu hiệu của cơn bão đang dồn lại.

Thế rồi người ta nghe một tiếng động mạnh và khủng khiếp lồng lên trong Đại dương mà cái bề mặt của nó ban đầu còn xao động sau đó lô nhô và cuối cùng phủ một lớp sóng trắng xoá. Một lát sau, cơn giận dữ của gió liên tiếp chống lại cái khối nặng và trơ ì của con tàu.

Với cơn bão, con tàu đang trong tình trạng một thế trận bộ binh vuông vức đang chờ sức mạnh của cả trung đoàn kỵ binh.

Lại gần gió lốc, viên chỉ huy đã thả vài mảnh buồm để tận dụng gió phía trước ở mức nhiều nhất có thể. Nhưng con tàu này được đóng để làm tàu chuyên chở chứ không phải để đua nên không đáp ứng được lòng mong mỏi trong cơn bất nhẫn cũng như nhu cầu cấp thiết của thời điểm ấy. Mũi tàu rời về hướng đông một cách chậm chạp và nặng nề khiến nó bị rơi vào tư thế phải hứng cơn gió giật bên mạn. Thật may cho tất cả những ai tình cờ đặt tính mạng của mình vào con tàu không sức kháng cự này là nó chắc chắn chứ không phải loại chỉ để nhận một cú va duy nhất của cơn bão. Một chút buồm mà người ta vừa thả run lên trên các xà ngang chình ình, phồng lên rồi lần lượt xổ tung chỉ trong một phút và thế là cơn bão đổ vào đấy với vẻ dữ dội đáng sợ.

Màn đêm quá dày đặc đến nỗi người ta chỉ có thể mò mẫm. Mọi người chỉ thấy nhau, vội vã như những bóng ma, qua ánh sáng yếu ớt của những ánh chớp hay ánh sáng phản chiếu từ các cuộn sáng bùng lên trong mắt họ một lát rồi lại ném ánh mắt ấy vào đêm mịt mùng đến nỗi nó khiến ánh sáng hắt ra gắt hơn, chớp nhoáng hơn. Tất cả những gì con người có thể làm để chiều theo cơn bão là vài phương cách tạm thời đã làm. Người ta chỉ còn nước chờ đợi. Họ đếm từng phút.

Bị những cơn va đập liên tiếp vào cột buồm và thành tàu, nơi các đợt tròng trành lắc lư liên tục ném họ làm họ giập hết mình mẩy, bị những đoạn dây chão đứt đang ngoáy tít trong không trung như những cái roi vô hình và sắc nhọn quật vào. Mệt mỏi vì công việc và vì sợ hãi, không có hy vọng nào manh nha dù là điên khùng vì càng lúc, nguy hiểm mới càng nhiều, các thủy thủ trên tàu *Samson* đứng sát vào thành tàu phía có gió, cúi lưng xuống để tránh cơn sóng khổng lồ nhào tới ập vào khoang rồi vội vã chạy từ sau lên trước hay chồm lên con tàu từ phải sang trái. Không hề có lời trao đổi nào, ai cũng dồn hết mình vào những dòng suy nghĩ, một sự im lặng tẻ ngắt, vài câu chửi tục, than vãn, rền ri ném lên trời để nguyền rủa hay buộc tội trời cao.

Biển cả nô giỡn với con tàu như một gã khổng lồ chơi đá cầu, huých vào nó

phía trước, đằng sau, qua chân, qua má, qua sườn, và đồng thời từ tất cả các phía, đưa nó lên đỉnh ngọn núi di động hay vội vã ném nó xuống vực sâu nơi mà có lẽ nó không bao giờ có thể thoát ra được.

Một trong những cú vào mạn trái va mạnh vào đuôi tàu đến nỗi lập tức mạn này sang thế chỗ mạn phải và chỉ một lát lại mang nó về bên trái, buồm mũi trở nên vô hiệu. Gió cuốn nó, xé rách nó, cái buồm chắc chắn là vậy mà chỉ như một tấm vải mút sơ lin mỏng tang.

Bị chọc thủng, rách bươm, xé thành từng miếng và bị cuốn đi chẳng còn dấu tích nào cho thấy đó là cột buồm. Cần bánh lái bị gãy và con tàu lệch về mạn phải, để những khối nước tràn qua khiến nó không lật lại được vì các lớp nước liên tiếp dồn đến.

- Làm sao bây giờ? - Viên chỉ huy hỏi René.

- Chỉnh cần gió? Chỉnh cần gió! - René đáp.

- Chỉnh cần gió ngay! - Viên chỉ huy Parker hét lên bằng giọng mạnh đến mức giữa cơn ầm ĩ của bão tố, nó vẫn được nghe rõ.

Người thủy thủ già đã tham gia ý kiến ban nãy là người chạy nhanh đến bánh lái với một cái cần khác để thay, chiếm ngay chỗ của người lái. Ông làm theo mệnh lệnh nhanh và chắc chắn, nhưng mắt ông chăm chú nhìn vào cánh buồm phía trước để chờ cơ hội hành động mà không được. Hai lần nhiều cột buồm lớn ngả về phía chân trời là hai lần chúng lại trở dậy điệu đà trong không trung, rồi phải chịu khuất phục trước cơn dữ dội và sóng nước, con tàu chúc nghiêng xuống biển.

- Làm sao bây giờ? - Viên chỉ huy hỏi René.

- Hãy chặt đi! - René nói.

- Chú ý! - Parker lại kêu to với đại uý thứ hai - Hãy đi tìm một cái rìu lại đây.

Nhanh như ý nghĩ vụt đến để đưa ra mệnh lệnh ấy, viên đại uý lao lên cột buồm mũi, giơ tay lên trời, hỏi lại:

- Chặt chứ?

- Chờ đã, Vieux Nick - Thuyền trưởng hỏi người lái - bánh lái còn điều khiển được con tàu không?

- Không, thưa thuyền trưởng.

- Thế thì chặt đi! - Parker đáp bằng giọng chắc chắn và bình thản.

Chỉ một nhát cũng đủ hạ cột buồm mũi. Do bị kéo căng bởi lực lớn cột buồm lớn nhận lưỡi rìu, đau đớn gục xuống như một cái cây bị bật rễ, nó bay một đoạn ngắn rồi rơi xuống biển.

Hỏi xem tàu nâng lên chưa - René thì thầm vào tai thuyền trưởng.

- Nó nâng lên chưa? - Parker gào lên với người lái.

- Thưa chỉ huy, nó chỉ hơi nhích lên một tí thôi, nhưng một cơn gió lốc lại vừa nhấn lên mạn nó rồi.

Viên đại uý thứ hai vẫn còn đứng dưới chân cột buồm lớn, anh ta hiểu toàn bộ tầm quan trọng của công việc mình vừa bắt đầu.

- Có chặt nữa không? - Anh ta hỏi.

- Chặt đi! - Giọng xầm xì của thuyền trưởng cất lên.

Người ta nghe thấy tiếng nhát rìu chát chúa vang lên, tiếp đến là tiếng gãy răng rắc rợn người, nhát thứ hai, thứ ba nối ngay sau đó; Gỗ, dây chão, cánh buồm, tất cả ngả rạp xuống biển và con tàu vừa nổi lên đã nặng nề trôi đi theo hướng gió.

- Nó nổi rồi! Nó nổi rồi! - Toàn bộ thủy thủ đoàn hò reo, tiếng kêu mà trước lúc đó còn câm lặng và ghìm lại.

Bỏ hết nó đi để không gì ảnh hưởng đến hoạt động của tàu - Giọng nói khỏe khoắn đầy xúc động của thuyền trưởng vọng đến - Các anh hãy sẵn sàng cuốn buồm lớn, hãy chờ một lát để tàu ra khỏi bước xấu này đã; nhưng trong khi chờ hãy chặt đi! Can đảm lên các bạn, dao, rìu, chặt hết, cắt hết!

Chỉ trong một lát, với sức mạnh và lòng can đảm do hy vọng hồi sinh mang lại, các dây chão như con tàu với các que vặn bị rơi đã được chặt sạch. Tàu *Samson*, như ở con chim trụi lông trên mặt biển, chỉ còn nước lướt trên mặt sóng.

Gió gào rú ngang sức với tiếng sấm rền, chỉ những nếp trên cột buồm duy nhất còn lại lúc gió lốc tràn đến là còn bay phần phật và phần buồm vẹt phồng lên như muốn giật cả cột buồm lái, cột buồm duy nhất còn trên tàu, theo cùng nó.

Đặt tay lên cánh tay viên thuyền trưởng, René chỉ mối nguy hiểm ấy cho ông ta. Parker hiểu ra và những lời nói sau đây của ông ta giống như một lời van lơn hơn là một mệnh lệnh:

- Anh em, cột buồm kia không thể cự nổi lâu hơn các cú lắc như vậy. Nếu nó đổ xuống phía trước tàu, những gì nó kéo theo sẽ gây ra đại hoạ. Một hay hai người leo lên cao để cắt buồm trên các trục căng.

Viên đại uý thứ hai là người mệnh lệnh này có vẻ nhắm tới đã lùi lại một bước.

- Cây cụt này gập xuống như cành liễu ấy - Anh ta nói - Nó dập dềnh thế kia thì trèo lên nguy chết, gió lại quấy đảo không ngừng nữa chứ.

- Anh nói đúng đấy - René bảo - Hãy đưa dao cho tôi nào.

Và trước khi viên đại uý hỏi anh định làm gì, René đã giằng lấy con dao từ tay anh ta, chồm lên dây néo mà mỗi sợi đều bị gió bão quần tơi tả như sắp đứt.

Những cặp mắt tinh anh của những người nhìn theo đều hiểu ý định của anh và nhận ra anh tức thì.

- Gã người Pháp! Gã người Pháp đấy? - Chục giọng nói đồng thanh cất lên.

Và bảy tám thủy thủ lâu năm, xấu hổ khi thấy một người Pháp làm cái công việc mà không ai trong số họ dám làm, lao lại phía thang dây để leo về phía nền trời chằng chịt.

- Xuống ngay - Thuyền trưởng hét lên trong loa - Tất cả xuống ngay chỉ trừ người Pháp thôi, xuống ngay.

Những lời đó đến tai các thủy thủ của ông ta nhưng vừa bị kích động lẫn bị làm nhục, họ tảng lờ như không nghe thấy gì.

Nhưng René vẫn là người đến nơi trước, anh lia lưỡi dao sắc nhọn theo chiều rộng các sợi dây chão níu với các trục căng dưới một góc mảnh buồm đã bị xước chỉ chực toác ra. Cánh buồm chỉ mong được giúp, bứt khỏi mọi ràng buộc, người ta thấy nó bay phấn phật trong không trung phía trước con tàu như một chiếc khăn lớn; con tàu nhô lên cao bởi một con sóng lớn rồi nặng nề đổ nhào theo.

Sức mạnh của cú sốc khiến mảnh buồm dưới phồng lên lôi theo cột buồm

khiến nó phát ra tiếng kêu răng rắc rồi nghiêng xuống mũi tàu.

- Xuống ngay! - Thuyền trưởng hét lên qua các loa - Xuống bằng các cột chống ấy! Xuống ngay không mất mạng bây giờ, tất cả xuống đi!

Chỉ mình René nghe theo. Anh trượt xuống nhanh như sét đánh vào cột thu lôi chạy theo sợi dây dẫn nó vào cái giếng nơi nó phải tắt lịm.

Cột buồm lắc lư một lát và như chúi xuống điểm thấp nhất rồi theo cơn tròng trành tàu đổ ụp xuống biển, những gì là dây rợ đứt sạch kéo theo những người khác, kẻ rơi xuống boong, người lộn nhào xuống những cơn sóng.

- Thả một thuyền con xuống biển! Một thuyền xuống biển! - Thuyền trưởng gào lên.

Nhưng chỉ trong chốc lát, tất cả mảnh vụn của cột buồm cũng như những thứ dính vào đó đều biến mất giữa lớp sương mù đang bao tứ phía con tàu.

Sau khi nhận ra không còn cách nào để cứu được những người đã rơi xuống biển, sau khi giao những người bị thương do ngã xuống boong cho bác sĩ, viên chỉ huy đến chìa tay cho René, ông ta thấy anh vẫn thản nhiên như thể không hề tham gia vào cơn tai hoạ cuối cùng.

Vào lúc ấy trong khi viên thuyền trưởng hỏi René xem anh có bị thương chỗ nào không thì một thủy thủ đến thông báo nước tràn vào hầm tàu đã dâng đến bốn bộ. Con tàu đã phải chịu nhiều đợi sóng liên tiếp va mạnh, loại sóng mà các thủy thủ gọi đùa là "quà của biển" khiến nước tràn vào lưng khoang hầm người ta mới kịp nghĩ đến.

- Trong hoàn cảnh khác, chuyện này không là gì, - Viên chỉ huy nói - nhưng

ngài cũng biết các thủy thủ ghét bơm nước thế nào rồi đấy: họ ghê tởm việc này, cộng với sự mệt mỏi thế kia, tôi không dám buộc họ làm gánh nặng cuối cùng ấy.

- Chỉ huy, - René nói và chìa tay cho viên thuyền trưởng - Ông có tin vào tôi không?

- Hoàn toàn tin tưởng. - ông ta đáp.

- Thế thì được? Tôi có dưới khoang boong sáu mươi bảy đến sáu mươi tám người vốn nghỉ ngơi trong lúc đoàn thủy thủ của ông lo cứu họ: thật ra trong khi cứu họ là họ cũng tự cứu mình. Bây giờ đến lượt người của tôi làm thay cho người khác nghỉ. Hãy trao thủy thủ của tôi cho tôi trong vòng bốn giờ, sau bốn tiếng nữa, ngài sẽ không thấy giọt nước nào trong khoang. Và trong bốn tiếng ấy người của tôi sẽ đến lượt mình đáp lại những gì thủy thủ đoàn của ngài đã làm cho họ trong hai ngày qua.

René, bằng tiếng tăm lan khắp rằng anh là người đã hạ Nelson, bằng cách anh hành động trong cơn bão, anh đã chiếm được uy tín nhất định trong con mắt các thủy thủ Anh. Đó không phải là một con người bình thường, đó là người đã giết được Nelson, con người mà suốt bao năm qua chống lại nước Pháp, chống lại bão tố và đôi khi chống lại cả Chúa.

Thuyền trưởng nhân lúc cơn bão dịu lại đôi chút, tập hợp người của mình trên boong và nói với họ:

- Các bạn của tôi, tôi có tin xấu báo cho các bạn là chúng ta có bốn đến năm bộ nước ngập dưới khoang hầm. Nếu chần chừ nước sẽ tăng nhanh và tàu sẽ chìm trước sáng mai. Nhưng nếu các bạn muốn xuống bơm nước, chúng ta còn cơ may thoát khỏi hiểm nguy mới này, nguy hiểm lớn nhất từ trước đến giờ.

Vậy là điều thuyền trưởng Parker dự đoán đã xảy ra, hơn một nửa thủy thủ đoàn nằm xuống boong và nói rằng họ thà để chìm tàu hơn là đi bơm nước,

nửa khác im lặng song thuyền trưởng khỏi cần nhìn cũng biết chỉ cần ông nài nỉ họ sẽ là người phản kháng mạnh nhất.

- Các anh em,- Thuyền trưởng tiếp tục - Tôi hiểu sự mệt nhọc của các bạn và hơn thế là sự ghê sợ của công việc ấy. Đây là đại uý René, người tỏ lòng biết ơn những gì các bạn đã làm cho anh ấy và người của mình trong chuyến đi này, sẽ có lời đề nghị.

Người lái tàu là người đầu tiên ngả mũ của mình và lạy anh.

- Đại uý René là một thủy thủ hoàn hảo, dũng cảm chưa từng, chúng ta hãy nghe lời đề nghị của anh ấy.

Giữa cơn bão mà không ai có vẻ quan tâm đến nó, thủy thủ đoàn cùng đồng thanh kêu lên:

- Chúng ta hãy nghe đại uý René, hoan hô đại uý René!

Người được nhắc đến rớm lệ chào mọi người, trong sự ngạc nhiên của toàn đoàn chưa từng nghe anh nói ra một câu tiếng Anh nào, anh cất giọng bằng ngôn ngữ chuẩn như một người ở hạt Suffolk có thể nói:

- Cảm ơn! Trong trận chiến chúng ta là kẻ thù, sau trận chiến, chúng ta là đối thủ nhưng trong hoạn nạn, chúng ta là anh em.

Những tiếng tán thành rì rào từ tứ phía chào đốn phần mở đầu ấy.

- Đây là điều tôi đề nghị các anh: Các anh có trên tàu sáu mươi chín tù binh đã nghỉ ngơi trong suốt hai ngày khi các anh làm việc vì họ. Dù trong công việc của các anh có đôi chút ích kỷ dù có thể các anh không nghĩ đến họ trong khi cơn bão xảy ra nhưng họ vẫn nhờ tôi đại diện bày tỏ ý muốn đến lượt họ làm việc.

Các thủy thủ anh lắng nghe mà vẫn chưa hiểu.

- Hãy cho họ tự do trong bốn tiếng. Trong thời gian này họ sẽ bơm nước ra thay cho các anh. Trong 4 tiếng nữa con tàu sẽ được thoát hiểm và đôi bên sẽ cùng nhau thân tình uống một ly rượu gin rồi mỗi người trong số họ lại trở về vị trí tù binh, trong lòng vui mừng khi các anh giữ lại kỷ niệm đẹp về họ cũng như họ giữ kỷ niệm đẹp về các anh. Tôi xin dùng danh dự của tôi để đảm bảo cho họ.

Quân Anh vô cùng sửng sốt. Chưa bao giờ họ nghĩ anh sẽ đề nghị như vậy. Có cái gì rất hiệp sĩ trong lời đề nghị của tù nhân của họ khiến trong giây lát họ chưa hiểu ra.

Tuy nhiên ông già chỉ huy Parker, người đang mong điều tương tự đã quàng tay qua cổ René mà kêu rằng:

- Các bạn của tôi, đại uý René đảm bảo cho họ còn tôi đảm bảo cho anh ấy.

Thế là trên tàu xôn xao mà không thể đưa ra ý kiến cụ thể, trong khi ấy viên đại uý thứ nhất nhận được lệnh nói nhỏ của chỉ huy, chỉ lát sau ta thấy xuất hiện ở cửa cầu thang lên boong một tốp mười hai tù nhân đang ngỡ ngàng không hiểu vì sao người ta đưa mình lên boong vào giờ này và vào thời tiết như vậy; nhưng khi thấy trên boong, đã nhẵn lì bởi cơn bão như boong tàu *Redoutable* của họ gãy sạch buồm bởi trận đấu, đại uý của họ đương tươi cười và chìa tay ra thì họ yên tâm.

- Các bạn của tôi - René nói với họ - đây là những người bạn can đảm từ hai ngày qua đối diện với cơn bão. Không cần nhìn cũng thấy sức mạnh của nó, họ đã thoát nhưng mệt quá rồi. Dưới khoang hầm lại có năm bộ nước tràn vào.

- Hãy đưa chúng tôi đến chỗ bơm nước - Trưởng kíp tàu *Redoutable* nói - Trong ba tiếng, nước sẽ hết sạch.

René nhắc lại bằng tiếng Anh điều người trưởng kíp vừa nói, trong khi ấy thuyền trưởng Parker mang đến một thùng rượu gin.

- Thế nào các bạn - René nói với quân Anh - Các anh đồng ý chứ?

Chỉ có một tiếng kêu:

- Đồng ý, thưa đại uý! Vâng, chúng tôi đồng ý!

Và những con người này, vài ngày trước còn xông vào nhau không thương tiếc cho đến giọt máu cuối cùng bây giờ lại xông vào nhau đầy thân ái trong vòng tay nhau.

- Hãy nói với người của ngài là họ có thể đi nghỉ. - René thì thầm vào tai ông thuyền trưởng Parker - Còn ngài cũng đi nghỉ đi! Chỉ cần nói với chúng tôi các vị định cập tàu ở đâu, trong 4 tiếng nữa tôi sẽ lo hết, kể cả chuyện lái tàu.

- Chúng tôi phải đến thượng lưu eo Saint-Geoge, gió và sóng đã đẩy chúng tôi đến cảng nhỏ Cork, hãy cắm một cột buồm nhỏ dự trữ và căng mảnh buồm nào đấy rồi điều khiển về phía Cork giữa kinh độ 10 và 12. Một ly rượu gin nào các bạn - viên thuyền trưởng nổi tiếng và làm gương bằng cách cụng ly với René.

Mười phút sau, ai vào việc nấy: Kẻ thắng trận đi ngủ người thua trận làm việc và chính các tù binh lại điều khiển nhà tù của họ.

Sau bốn tiếng, không còn giọt nước nào trong khoang, người Anh trở lại vị trí của mình và ngày hôm sau, những mảnh vỡ tàu *Samson* thả neo ở cuối vịnh, cách thành phố Cork nhỏ bé hai sải cáp.

<u>Chú thích:</u>

(1) Tàu Vengeur du Peuple do Renaudin chỉ huy đã chiến đấu đến phút cuối cùng chống lại hạm đội Anh của Lord Howe ngày 1- 6-1794.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 95
Vượt ngục

Ngày hôm sau, người ta nhận thấy chẳng có lý do gì mà để lại tù binh Pháp trên tàu nữa dù nhìn cái tàu ấy chẳng khác gì một tàu giam tù.

Việc bơi vào bờ quá dễ dàng. Một khi đã lên bờ, có quá nhiều cảm mến giữa người Pháp và người Ai xơ len nên người Pháp chẳng có gì nghi ngờ người Ai xơ len. Hiển nhiên là không bao giờ một người Ai xơ len lại tố cáo một tù binh Pháp.

Người ta đã thoả thuận cho tù binh vào nhà tù của thành phố.

Vừa xuống khỏi bậc thang tàu, một tù nhân lại gần René và nói với anh bằng giọng Ai xơ len không trốn vào đâu được:

- Hãy chọn tôi vào phòng của ngài, ngài sẽ không phải hối hận về điều này đâu.

René liếc nhìn con người này. Anh ta có khuôn mặt thẳng thắn và cởi mở. Khi người ta hỏi anh muốn ở cùng ai, anh chỉ vào anh ta là người thứ ba, còn để năm người khác tự họ chọn.

Mỗi phòng giam gồm có tám người.

René không quan tâm đến chuyện đòi hỏi đặc ân nào. Anh không biết rằng một khi ra khỏi Cork, anh sẽ bị dẫn đến trại giam Poltsmouth và ai biết những hình phạt khủng khiếp gì sẽ xảy ra ở những trại kinh tởm ấy. Tuy thế anh cũng không hỏi han, anh nghĩ chuyện gì đến khắc tự nó đến và anh đã không nhầm.

Quả nhiên, các tù nhân vừa vào phòng giam dành cho họ - đó là một phòng dưới tầng trệt, quay ra sân có tường bao cao 16 bộ, cửa sổ có song sắt, cái sân suốt ngày đêm có hai đội lính gác đi qua đi lại - thì anh chàng người Ai xơ len, sau khi nhìn ngó ra sân chạy lại phía René và nói thì thầm bằng tiếng Anh:

- Có phải muốn trốn thì trốn ở đây, nếu chúng ta không muốn đến trại Porsmouth không?

- Đúng thế, - René trả lời - Bây giờ thì chỉ còn tìm cách nào thôi, tôi có tiền và nếu tiền có ích, tôi sẽ dùng nó cho những người bạn tốt của mình.

- Tiền là một thứ hay - Anh chàng Ai xơ len nói - Nhưng còn có thứ hay hơn.

Rồi anh ta chỉ cho René tám thanh sắt nhọn bọc trong tám cái chân ghế.

- Khi nhận ra chúng ta sắp bị bắt - Anh chàng Ai xơ len nói thêm - tôi đã nghĩ đến tương lai và tự nhủ: "Chẳng có nhà tù nào người ta lại không trốn thoát khi người ta có lòng can đảm và cánh tay khéo léo". Thế là tôi luôn mang theo túi gậy, tôi đã cắt tám chân ghế và lấy một cái dũa chỗ thợ sắt. Đấy là tư trang của tôi.

- Tôi thấy rõ rồi - René nói - Tôi thấy rõ tám con dao găm, một cái rũa để cưa thanh chắn nhưng còn thiếu một sợi dây để leo lên tường.

- Anh có tiền, chẳng phải anh đã nói thế với tôi là gì. Tôi là người Ai xơ len, tôi biết nước tôi và đồng bào tôi. Tàu của chúng ta ít nhất phải mất sáu tuần mới trở lại trạng thái hạ thủy được. Người Ai xơ len sẽ dành cho chúng ta một trong những đêm không có lính gác Anh nào ở ngoài trong giá lạnh. Chúng chỉ mở cửa và túm tụm lại trong phòng ấm cúng. Còn về những đồng bào của tôi, nói tới người Pháp tức là nói người giải phóng cho họ, bạn bè, anh em, liên minh. Về phía đồng bào tôi, không chỉ không có gì đáng ngại mà còn đầy hy vọng nữa kia. Anh nói anh có tiền, điều này không nhất thiết cần nhưng chẳng bao giờ thừa; chúng ta sẽ thấy một gã hay, biết đâu lại chúng là cai ngục ném dây từ đầu tường bên kia cho chúng ta: vậy nên chỉ còn chờ và luôn ở tư thế sẵn sàng. Hãy để tôi lân la với thầy cai và chưa đầy

8 ngày sau, chúng ta sẽ ở ngoài, như thế không có nghĩa là chúng ta đã thoát nhưng thế cũng gần thoát rồi. Bây giờ mới người đã thấy chúng ta nói chuyện với nhau, các bạn khác có thể nghi ngờ, hãy nói chuyện với họ đừng giải thích gì cả để họ im lặng và hy vọng.

Chỉ vài lời René đã hoàn tất ý định của anh chàng Ai xơ len.

- Chà xem nào, xem chúng ta có bao nhiêu người? - ông ta nói.

Rồi ông ta đếm.

- Tám, tức là cần tám cái nệm, vì không có chuyện để các anh ngủ trên ổ rơm. Nếu các anh là người Anh hay người Êcốt thì đừng hòng.

- Hoan hô, bố Donald! - Anh chàng Ai xơ len nói.

Thầy quản ngục rùng mình. Ông ta vừa nghe ai đó gọi tên mình bằng giọng Ai xơ len.

- Ông ấy đã không quên - Anh chàng Ai xơ len nói - rằng mình là bà con bốn mươi năm độ của tướng Mac Donald mà tôi đã phục vụ ở Naples và Calabre.

- Chà cậu là người Ai xơ len à?

- Con nghĩ con là người Ai xơ len, ở Youghal, cách đây 10 dặm. Bố không nhớ con sao, bố Donald, đúng là lâu quá rồi, hơn 20 năm, con vẫn đến chơi cùng hai cậu bé, Jame và Tom. Đó là hai cậu bé kháu lắm. Họ ra sao rồi bố?

Ông quản ngục đưa mu bàn tay lên lau mắt.

- Chúng buộc phải xung quân phục vụ người Anh: James đã mất, nó bị bắn. Còn Tom, nó cũng bị chết ở Aboukir, tội nghiệp thằng bé!

Chàng Ai xơ len nhìn René như muốn nói: "Anh thấy chưa, cũng không khó như chúng ta tưởng".

- Bọn Anh chết giẫm! - Chàng ta nói - Chúng ta sẽ không bao giờ bỏ qua cho

chúng.

- À! Nếu vào tay tôi - ông Donald nói và giơ nắm đấm lên - Tôi cũng chỉ nói thế.

- Bác theo đạo Cơ đốc à? - René hỏi.

Người cai ngục đáp lại bằng cách làm dấu thánh giá.

René tiến lại phía ông ta, lấy một nhúm vàng từ trong túi vừa đặt vào tay ông vừa nói:

- Bác cầm lấy, đây là để làm lễ cầu siêu cho linh hồn các con bác được an nghỉ.

- Ông là người Anh - Người cai ngục nói - Tôi chẳng lấy gì của người Anh cả.

- Tôi là người Pháp và là người Pháp tốt bụng bác ạ, như đồng hương của bác nói đấy. Nếu người ta cầu kinh ở thế giới bên kia, tôi cũng đã cử kha khá bọn Anh đến dự lễ như trẻ hát đồng ca và tu sĩ rồi.

- Thật thế chứ - Người cai ngục hỏi anh bạn đồng hương.

- Thật như thánh Trinité vậy - Anh này trả lời.

Ông già quay lại chìa tay cho René, René siết tay ông:

- Bây giờ bác đồng ý rồi chứ?

- Đồng ý tất thưa anh, vì anh không phải là người Anh.

- Mọi chuyện thế là ổn thoả - Anh chàng Ai xơ len nói - Chúng ta đều là bạn bè và là bạn tốt, chỉ cần đối xử với nhau như bạn bè, bánh mì ngon, bia ngon và lửa khi trời quá lạnh.

- Và cả thịt cho tất cả các bữa nữa. - René nói thêm - Đây là cho tuần đầu tiên.

Rồi anh đưa ra đồng năm Louis cho ông quản ngục.

- Chà, - ông già nói với anh chàng người Ai xơ len - Đây chắc là một đô đốc?

- Không phải. - Anh chàng Ai xơ len đáp - Nhưng anh ấy giàu lắm. Anh ấy đã kiếm được chiến lợi phẩm ở vùng biển Ấn Độ và đến với chúng tôi một hay hai hôm trước trận đấu.

- Trận đánh nào" - ông cai ngục hỏi.

- Thì trận Trafalgar chứ trận nào, trận mà Nelson đã bị giết ấy.

- Cái gì! - Người cai ngục kêu lên - Nelson bị giết rồi ư?

- Đúng thế, nếu cần người ta có thể chỉ cho bố bàn tay nào đã hạ ông ta.

- Cảm ơn cho hôm nay, chúng ta sẽ nói chuyện này sau.

- Tạm biệt bố Donald, và bánh ngọt, bia ngon và thịt tươi nhé.

Tù nhân chẳng có gì phải phàn nàn về ông quản ngục của họ.

Ngay buổi tối, họ đã thấy thành ý của ông Donald muốn hoàn thành lời hứa của mình với họ ra sao. Nhưng cũng ngay tối ấy hai lính gác đi đi lại lại trong cái sân hẹp mà cửa sổ song sắt phòng giam của họ nhìn ra.

Tám ngày trôi đi mà không có lời nào trao đổi giữa những người Pháp với thầy Donald. Nhưng đổi lại, không lần nào ông cai vào phòng giam mà không thì thầm to nhỏ với người đồng hương Ai xơ len của mình.

- Sẽ ổn thôi. - Người này nói sau mỗi lần hội nghị.

Thời tiết ngày càng lạnh. Có những lúc tuyết rơi dày đến mức đám lính canh người Anh túm tụm vào bót gác. Thế là anh chàng Ai xơ len dùng dũa cắt ba

thanh chắn song sắt ở cửa sổ, cái ở giữa đã bị đứt chân.

Thời tiết chuyển từ xấu sang tệ hại.

- Đưa cho tôi 100 phăng. - Một buổi tối anh chàng Ai xơ len bảo René.

- René rút ra năm đồng 5 Louis và đưa cho anh ta. Anh này đi cùng quản ngục và trở về sau một tiếng.

- Chúng ta hãy cầu Chúa cho Người khiến thời tiết đêm nay không cho con quỷ nào canh ở cửa - Anh chàng Ai xơ len nói - và chúng ta sẽ tự do.

Bữa ăn tối hôm ấy thịnh soạn hơn thường lệ và mỗi người có thể bỏ chút bánh mì kẹp thịt vào túi cho bữa trưa mai. Khoảng chín giờ tối, tuyết bắt đầu rơi cuộn theo cơn gió bắc mạnh như muốn bẻ gãy hết sừng bò trong vùng. Mười giờ, các tù nhân lắng tai nghe cũng không thấy tiếng bước chân lính gác trong sân: Có thể tấm thảm tuyết dày phủ nền gạch đã ngăn tiếng động. Họ hé mở cửa sổ thận trọng nhìn ra. Lính Anh đã vào phòng trực sưởi ấm thay vì canh ở vị trí gác của chúng.

Anh chàng Ai xơ len lượm một hòn đá trong góc nhà ném qua bức tường. Tức thì một sợi dây ném từ bên kia bức tường, rơi vào sân và đung đưa trong không khí.

- Bây giờ chỉ còn cưa đứt nốt thanh sắt này.

- Được rồi - René nói - không cần phải mất thời gian, hãy đợi đấy!

- Anh dùng hai tay bẻ mạnh về mình, và ngay từ cố gắng đầu tiên, anh đã giật tung tảng đá xây nơi cái chắn song gắn vào đó.

- Đây là vũ khí của tôi, tôi chẳng cần cái gì khác - Anh nói.

Anh chàng Ai xơ len chui qua lỗ đầu tiên và chạy ra sân. Sân vắng ngắt. Anh ta kéo sợi dây, nó căng ra chứng tỏ đầu bên kia có người giữ, anh ta cắn thanh sắt gắn với chân ghế vào mồm, nhẹ nhàng leo lên đỉnh rồi biến mất.

René trèo lên thứ hai với vẻ nhẹ nhàng không kém, nhưng khi sang đến phía bên kia, anh chỉ thấy anh chàng Ai xơ len giữ cái dây, người giúp họ đã biến mất.

Những người khác lần lượt leo qua mà không gặp trở ngại gì khi người cuối cùng đi xuống, họ ném cái sợi dây vào sân.

- Đó là một đêm xứ Bắc Âu, người ta không nhìn rõ quá bốn bước. Chắc chắn không bị đuổi theo, anh chàng Ai xơ len nói cần một lát để định hướng.

- Đây là biển - Anh ta nói và chỉ về phía đông - cũng không chắc lăm, vì tiếng động không mạnh, chắc là vịnh Saint-Gerge.

- Nếu đuổi người ta sẽ đuổi theo chúng ta lối ấy, vì thế chúng ta phải đi theo hướng ngược lại. Chúng ta hãy theo hướng bắc đến khi tới Limenck, tôi biết chỗ này và tôi hầu như chắc chắn không để các anh bị lạc. Tuy nhiên giá có cái la bàn thi tốt hơn.

- Đây tôi có một cái - René nói và rút từ túi ra một cái la bàn nhỏ vật bất ly thân từ hồi anh ở Ấn Độ.

- Thế thì ổn rồi - Anh chàng Ai xơ len nói - Lên đường thôi!

Họ cần phải rời khỏi Cork. Thật may Cork không phải là một thành phố công sự nhưng nó có một quân đội đồn trú. Những kẻ lẩn trốn vừa đi được trăm bước thì họ nghe tiếng đội tuần tra của Anh.

- Anh chàng Ai xơ len ra hiệu im lặng, lùi lại cùng nhịp bước với đội tuần tra nấp dưới một cánh cửa lớn trong phố nhỏ.

Đội tuần đi lướt qua trước mặt họ, tất cả đều nín thở. Một tên lính Anh lẩm bẩm.

- Thuyền trưởng có thể để chúng mình ở đồn gác. Phải có con quỷ trong người mới khiến bọn Pháp có ý nghĩ bỏ trốn trong thời tiết thế này.

Tiếng bước chân xa dần, những người chạy trốn ra khỏi chỗ nấp đi ngược lại con đường đội tuần vừa đi qua. Mười phút sau họ đã ra khỏi Cork và cảm thấy quất vào mặt những cơn gió phương Bắc lạnh buốt mà Hamlet từng than vãn trên thềm Elseneur. Đến đây toán người dừng lại vài giây.

- Chúng ta đang trên đường đến Blamey - Anh chàng Ai xơ len nói - Nếu các anh muốn ngủ, tôi có vài người bạn ở đó, tuy nhiên tôi nghĩ sẽ thận trọng hơn nếu đi tiếp đường này đến Mallow, con đường hoàn toàn vắng vẻ chẳng có lấy một mái nhà.

- Thế ở Mallow anh có biết ai không? - René hỏi.

- Ở Mallow, chúng ta mỗi người có cả chục bạn.

- Thế thì đến Mallow - René nói - Như thế càng lợi thế cho những kẻ muốn đuổi theo chúng ta ngày mai.

Họ đến Mallow vào sáu giờ sáng, tức là một tiếng trước khi trời sáng. Anh chàng Ai xơ len đi thẳng đến một ngôi nhà, gõ cửa và hỏi "Ai ở dưới ấy?" từ cửa lầu một, anh ta hỏi lại thay vì trả lời:

- Farrill vẫn sống ở đây chứ?

Phải - Giọng nói đáp - Farrill là tôi, còn anh là ai?

- Tớ là Sullivan.

- Chờ nhé, chờ nhé, tớ xuống mở cửa cho cậu.

Cánh cửa mở ra, hai người đàn ông lao vào vòng tay của nhau. Farrill lôi bạn vào nhà nhưng anh này đã sắp xếp cho các bạn nấp vào tường nói:

- Tớ không đi một mình, tớ còn bận, tớ phải bảo đảm cho họ đến tận đêm

nay.

- Dù bạn có 10 người hay 100 người cũng không sao. Không những Farrill này muốn mời họ nghỉ mà còn tiếp đãi bằng hết khả năng. Dù các anh là ai, hãy vào đi!

Những tù nhân lại gần:

- Thưa ngài - René nói - Chúng tôi là những tù nhân Pháp tối qua mới trốn khỏi nhà tù Cork. Anh bạn Sullivan của chúng tôi đã giới thiệu ngài và chúng tôi đến đây xin trao mạng sống của chúng tôi vào tay ngài.

Cánh cửa mở ra. Farrill ra hiệu, tất cả lẻn vào không để bị lộ và cánh cửa lại khép lại sau lưng họ.

Khi đi vào Sullivan báo cho René là không phải tặng cho Famli cái gì trước tấm thịnh tình hiếu khách của anh ta, mọi món quà đều làm anh ấy bị tổn thương sâu sắc.

Họ đã đi sáu dặm rưỡi. Ngày hôm ấy dùng để ăn, ngủ cho lại sức.

Nhìn bề ngoài hiển nhiên Farrill không phải là người giàu có, tuy nhiên lòng hiếu khách của anh quả đúng như anh chàng Ai xơ len đã hứa, tuy không sang trọng và thịnh soạn nhưng rất thân tình và đầy đủ. Họ còn bột mì, vài chai vang Dublin ngon; thế là đành để uống luôn vào dịp ấy. Buổi tối, ngay từ bảy giờ, những người chạy trốn đã lên đường. Đêm ấy họ phải tới Bruree tức là phải đi bảy dặm nữa. Giày của hai người bỏ trốn đã hư hỏng nhưng trong ngày Farrill sau khi ướm chân mình vào những chiếc giày cũ đã đi mua hai đôi mới để họ không phải bận tâm về chuyện giày dép.

Khoảng 5 giờ sáng, họ đến Bruree.

Sullivan đi về phía hữu ngạn con sông Maigue bé nhỏ dẫn đến làng đã định. Ở đây anh ta có một người quen không kém hiếu khách như anh chàng Farrill trung hậu. Mọi việc lại diễn ra gần tương tự, những người bỏ trốn ăn uống, ngủ nghỉ như ý rồi khởi hành đêm đó đi Askeaton. Chỉ có điều lần này, vì con đường khó đi hơn trước nên người bạn của Sullivan muốn làm người hướng dẫn cho họ, vả lại, Sullivan thú thật anh không quen ai trong thành phố Askeaton.

Thế là họ đồng ý sự giúp đỡ của người bạn Sullivan với lòng biết ơn sâu sắc. Họ đến Askeaton dưới sự dẫn lối của người này.

Với mỗi từ ma thuật: "*Đây là những người Pháp*!" lập tức những cánh tay giang rộng và những cánh cửa rộng mở. Lần này, người dẫn đường đưa họ đến nhà anh rể mình.

Không cần giải thích dài dòng, dù còn chặng đường hôm sau nữa nhưng René muốn mua một chiếc thuyền và về Pháp bằng chiếc thuyền ấy sau khi chất đủ lương thực cần thiết, nhưng Sullivan lắc đầu anh ta không tin tưởng dân trong cảng, bằng người dân sâu trong lục địa vì họ có buôn bán với quân Anh. Vậy là anh ta đưa ra ý kiến sẽ bất ngờ chiếm một con thuyền và sở dụng nó bất kỳ tình trạng nó ra sao. Nếu cần họ sẽ đổ ở nơi khác để lấy lương thực. Vả lại, khắp nơi người ta đã thấy lính Anh đi lùng sục những người bỏ trốn. Tiếng đồn đã lan khắp bờ biển rằng có tám tù nhân Pháp đã vượt ngục khỏi Cork.

Nghĩ sao làm vậy, họ đi bốn dặm nữa đêm hôm ấy và đến ngủ tại Loghill. Tại đây họ dò la những con tàu đang thả néo bên dòng sông Shannon.

Có một tàu *Slúp* ở Foynes nhưng nó ở quá sâu trong lạch. Người dẫn đường khuyên họ nên chiếm một con tàu có cột buồm như chiếc *Slúp* đang thả neo

giữa Tarbelt và hòn đảo nhỏ đối diện là hơn.

Mọi người bàn nhau việc này sẽ diễn ra lúc ba bốn giờ sáng. Thật ra khoảng bảy giờ họ mới vớ được một chiếc ca nô để hờ hững ngoài bờ biển do thói vô lo của người Ai xơ len. Họ lên đó, tiến về phía chiếc *Slúp* rồi xông vào trong. Trong tàu có ba người đàn ông và một phụ nữ. Nhận thấy tám người bất ngờ xông vào, đám người này kêu lên.

Nhưng Sullivan ra hiệu cho họ, nhờ tiếng Ai xơ len tuyệt vời, rằng nếu họ không im, mọi người sẽ dùng luật bắt họ im và chìa ra thanh sắt nhọn. Những kẻ khốn khổ đành làm theo.

Một lát sau, tàu nhổ neo, cánh buồm bung ra đón gió Bắc tiến vào Đại Tây Dương bệ vệ như một chiếc tàu chiến hạng nặng.

Đi được một dặm biển, họ cho bốn người Ai xơ len lên một chiếc tàu ngang qua chiếc *Slúp*. René đưa cho họ khoảng 20 đồng *louis* và hứa nếu anh về Pháp bình an vô sự, anh sẽ gửi sang một nhà băng ở Dublin khoản tiền ít nhất là gấp đôi giá trị con tàu của họ.

Đám người ấy không cho đó là điều nghiêm túc song vì họ không đòi mà vẫn nhận được 20 đồng *louis* nên cũng không mất hy vọng sẽ nhận được khoản kia. Họ vui vẻ trở về phía sông Shannon. Họ đến chỗ thả neo cũ trước khi kịp hoàn hồn xem tai nạn vừa xảy ra với mình là thật hay là một giấc chiêm bao.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 96
Vượt biển

Mọi khi đã làm chủ tàu *Slúp*, mối quan tâm đầu tiên của những người chạy trốn là đi xem nguồn sống của họ có gì. Chiếc tàu này chở than bùn và chỉ có 100 củ khoai tây, 8 cái bắp cải, hai lọ bơ và hơn chục chai nước ngọt, một cái compa tồi tàn một cánh buồm lớn thủng lỗ chỗ, một cột buồm mũi xấu và một buồm trước áp mũi còn tệ hại hơn.

Như vậy thực phẩm chỉ gần đủ cho năm, sáu ngày dùng tận tiện. Không có bánh mì trên tàu, có thể trong nhà họ cũng không có thứ ấy. Đó là tình trạng của những chủ tàu cũ và nhìn chung cũng là tình trạng của dân Ai xơ len bấy giờ.

- Tôi nghĩ mọi chuyện sẽ ổn nếu chúng ta biết suy nghĩ hợp lý - Réné nói - Chúng ta đã ăn nhiều tối hôm qua, ăn ngon sáng nay rồi cho nên chúng ta sẽ không cần ăn gì cho đến tối nay.

- Hừm… hừm! - Vài giọng cất lên.

- Thôi nào - René nói - hãy là những chàng trai can đảm và cùng nhau nhất trí một điều: không ai đói trước tám giờ tối nay.

- Đồng ý - Anh chàng Ai xơ len nói - không ai đói trước 8 giờ. Ai đói thì buộc bụng vào và đi ngủ. Trong lúc ngủ ta sẽ mơ thấy bữa tối.

- Ối chao? - Một thủy thủ nói - Anh không thấy việc cần thiết nhất bây giờ là đốt lửa hay sao?

- À ít ra chúng ta cũng sẽ không thiếu than bùn - Sullivan nói - Mặt trời không xuất hiện và có vẻ cũng không vội lộ diện đâu.

Tuyết vẫn tiếp tục rơi nhờ đó chúng ta sẽ có thêm nước ngọt nếu có tấm bạt để đựng. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta hãy đi tận hưởng việc sưởi ấm

cái đã.

Họ đốt chỗ than giúp giữ ấm từ sáng đến tối và nhất là từ tối đến sáng hôm sau.

Cái lạnh ban đêm thật không thể chịu đựng nổi nhất là đêm tháng giêng và tháng hai bên bờ biển Anh và eo Manche. Không những lạnh mà còn khó nhìn để lái nữa. Họ có thấy cái compa nhưng cũ kỹ và han rỉ đến độ không tính toán chính xác được: họ gắng công tìm một cái đo tốc độ để tính đoạn đường đã đi mò vô ích không hề có dụng cụ nào để xác định hướng gió, không dầu, không đèn chiếu sáng. Họ chỉ biết ban đầu đi theo hướng nam rồi sang hướng đông. Nhưng để làm những điều đó họ chỉ dựa vào chiếc la bàn bỏ túi của René và không có ánh sáng để giúp họ ngoài chỗ than bùn mà ban đầu bị khinh rẻ.

Là người hiểu biết cũng như gan dạ nhất, René được bầu làm thuyền trưởng.

Biển rất xấu, gió mạnh và thay đổi liên tức, buồm lại thủng lỗ chỗ, René ra lệnh tập hợp tất cả những mảnh vải có thể tìm thấy trên tàu lại. Sullivan phát hiện một chiếc thùng, trong thùng có vài mảnh vải còn tốt và một chiếc đèn dùng chiếu sáng cho các thủy thủ làm lại chiếc buồm lớn.

Tất cả mọi người cứ tám tiếng nhận được hai củ khoai tây, hai lá bắp cải, một mẩu bơ và ly nước ngọt.

Chiếc buồm lớn thiếu vải, thế là họ quyết định hy sinh cái buồm trước áp mũi. Việc chuẩn bị ấy mất năm ngày. Khi buồm lớn làm xong, họ đi nhanh và chắc chắn hơn.

Ngày thứ năm, họ nhận ra một con tàu ở phía chân trời. René gọi các bạn của mình và chỉ nó cho họ.

- Nó là tàu Anh hoặc tàu liên minh. - Anh nói - Nếu là tàu Anh chúng ta sẽ áp vào và chiếm lấy, nếu là liên minh của chúng ta, chúng ta sẽ xin trợ giúp, nó sẽ cho chúng ta và chúng ta tiếp tục hành trình. Tàu *Standard* mà chúng tôi, tàu *Revenant*, chiếm được có tới 450 người trong khi chúng tôi chỉ có 120. Nó có 48 đại bác chúng tôi chỉ có 16. Giương thanh gió lên và tiến vào.

Mỗi người cầm con dao găm chọn còn René vớ lấy thanh sắt của mình, nhưng con tàu nọ, không biết là bạn hay thù, tàu chiến hay tàu buôn, đã bỏ chạy khiến chiếc *Slúp* buộc phải bỏ cuộc.

- Có ai còn giọt nước nào cho tôi không? - Một thủy thủ rền rỉ.

- Còn chứ - René nói - tôi còn đây anh bạn can đảm ạ.

- Thế còn anh?

- Tôi không khát. - René nói và nở nụ cười đến những thiên thần cũng phải thèm.

Rồi anh trao phần nước của mình cho người thủy thủ.

Đến tối hôm ấy phần chịu cuối cùng đã xong, mỗi người được một củ khoai tây, một lá bắp cải và một nửa ly nước. Từ lâu họ đã nhận ra trong thủy thủ đoàn nguy khốn này điều phải chịu đựng tệ hại nhất là cái khát: cái khát khiến người ta không đoái hoài đến nhau dù là người bạn tốt nhất.

Ngày hôm sau, như cầu khiến những kẻ chạy trốn thêm thảm hại, mỗi người đứng riêng ra một góc chừng nào họ có thể, những khuôn mặt tái nhợt và hốc hác. Đột nhiên, một tiếng hét vang lên và một trong những thủy thủ trong cơn hoảng loạn đã nhảy xuống biển.

- Ghìm tàu lại và ném dây xuống biển. - René kêu lên.

Rồi anh lao mình xuống biển sau người thủy thủ nọ.

Hai giây sau, anh nhô lên khỏi mặt nước tay ôm người bạn của mình. Anh với một sợi dây quàng quanh người rồi buộc anh ta lại.

- Kéo lên các bạn! - Anh nói.

Và quả thật, họ kéo người thủy thủ lên tàu.

- Bây giờ đến lượt tôi - René nói.

Đã có ba bốn sợi dây ném xuống, anh túm một sợi trèo lên, chỉ một lát đã lên chiếc *Slúp*.

Cái cơ thể rất là mảnh dẻ và duyên dáng ấy lại là cơ thể duy nhất tỏ ra không phải chịu đói khát.

- Ối chao! - Anh chàng Ai xơ len nói - Giá tôi có một chút chì để mút nhỉ.

- Cậu không nghĩ vàng cũng làm được điều tương tự à? - René hỏi.

- Tôi không biết - Anh chàng Ai xơ len đáp - vì tôi thường có chì nhiều hơn là có vàng.

- Thế thì cầm lấy, cho đồng xu này vào miệng đi.

- Anh chàng Ai xơ len nhìn theo: đó là một đồng xu 24 phăng đúc từ thời vua Louis XVI.

Sáu thủy thủ khác cùng há mồm và chìa tay ra.

- Ái chà! Mát thật - Anh chàng Ai xơ len nói.

- Ngài nghe thấy chưa ngài René - Những người khác đứt hơi nói.

Đây các anh cầm lấy thử xem - René nói và chia cho mỗi người một đồng *louis*.

Còn ngài? - Họ hỏi.

- Tôi ấy à? Cơn khát của tôi không phải không dùng thủ thuật được, tôi dùng cách này như phương cách cuối cùng.

Quả nhiên, cách giải khát đặc biệt mà các thủy thủ hay làm với một miếng chì cũng có tác dụng tương tự khi họ ngậm vàng.

Họ qua ngày hôm ấy trong càu nhàu, than thở nhưng vẫn mút và nhai đồng *louis* của mình.

Sớm hôm sau khi vừa có tia sáng từ phía nam. René, người thức suốt đêm bên bánh lái, bật đứng dậy và kêu lên:

- Đất liền!

Tiếng kêu ấy có hiệu quả như có phép thuật, ngay lập tức bảy người khác đứng bật dậy.

- Quay sang mạn trái - Một thủy thủ kêu lên - đó là Guemesey.

Quân Anh chắc chắn có ở đấy, hãy quay mũi sang mạn trái.

Một guồng quay bánh lái đưa con tàu rời khỏi đảo và hướng nó quay về mũi Tréguier.

- Đất liền kìa! - René kêu lên lần thứ hai.

A! Tôi nhận ra nó - Người thủ thủ nói - Đó là mũi Tréguier, chúng ta không

việc gì phải sợ, chúng ta hãy tiến lại càng gần bờ càng tốt, trong hai tiếng nữa, chúng ta sẽ ở Saint-Malo.

- Anh chàng Ai xơ len, người đã trở lại vị trí cần bánh lái, làm theo lời chỉ dẫn và một tiếng sau anh ta đã bỏ qua phía bên phải mình mỏm đá Grand-Bé, bán đảo ngày nay dựng lăng mộ của Chateaubriand và giương cao buồm tiến thẳng vào cảng Saint-Malo.

Vì chiếc *Slúp* đóng theo kiểu Anh nên nó bị phát hiện ngay. Tuy nhiên, khi nhìn thấy trang phục của các thủy thủ, người ta cũng đoán ra sự tình: nó đang chứa các thủy thủ trốn khỏi tàu chở tù binh hay nhà tù Anh.

Vừa hạ neo, họ bị bắt giữ lên chiếc xà lan quân sự vừa nhận ra chiếc *Slúp*. Việc nhận người nhà diễn ra nhanh chóng. René chịu trách nhiệm kể lại mọi chi tiết của cuộc bỏ trốn trong khi viên lục sự ghi biên bản.

Biên bản soạn xong có chữ ký của René và bốn thủy thủ biết ký. René hỏi thăm họ có biết con tàu Mỹ nào trong cảng trở về từ đảo Pháp có tên là *Tay đua New York* do thuyền trưởng François chỉ huy hay không.

- Nó thả neo gần xưởng đóng tàu và cũng mới trở về được mười hay mười một ngày.

René bảo đó là tàu của mình và hiện thời anh có thể đến đó hay không. Người ta đáp anh được thừa nhận danh tánh nên muốn đi đâu cũng được.

Nhưng trong lúc người ta lập biên bản, viên phó cẩm hải quân thấy tình trạng của các tù nhân vượt ngục trong đó hai ba người đã ngất đi sau khi nói: "Tôi đói chết mất, tôi khát chết mất!" đã cho mang tám ly nước và một chai rượu vang ngon rồi cho gọi bác sĩ.

Ông bác sĩ ấy đến vừa kịp lúc các thủy thủ đáng thương cần sự cứu giúp nhất song mọi thứ được chia cho họ hết sức cẩn trọng vì họ đang kiệt sức. Họ uống từng thìa nước không bánh mì và chút rượu vang bằng ly bé xíu.

Mười lăm phút sau, ai cũng muốn trả lại René đồng tiền nhưng anh từ chối nhận lại, anh bảo họ cứ cầm lấy phòng khi cần thiết.

Sau đó, vì René tuyên bố chiếc *Slúp* mà anh và các bạn của mình đã dùng sức đoạt lấy của những người Ai xơ len đáng thương đã đưa họ trở về, anh hỏi giá của nó và muốn chuyển tiền cho chủ tàu. Công việc trở nên dễ dàng khi trong tủ của tàu có giấy tờ ghi địa chỉ của người chủ.

Chiếc *Slúp* vẫn đậu ở trước cảng. Khi René và các bạn của anh đã lấy lại sức, họ nhảy xuống một chiếc thuyền nhỏ.

- Nào các anh em, bơi đi nào và bơi thật nhanh! - René nói - Thẳng tiến đến tàu *Tay đua New York*: Hai đồng *louis* cho các tay chèo.

- Này - Một trong số người chèo thuyền nhận ra anh nói - Đây là ngài René đã trả khoản nợ cho các bạn của chúng ta khi đi tàu *Revenant* của ngài Surcouf đấy. Hoan hô ngài René!

Những tay chèo khác cũng mong góp phần nhiệt thành của họ gấp hai lần, đồng thanh hô: "Hoan hô!" bằng cả sức của họ.

Nghe tiếng kêu ấy, thủy thủ tàu *Tay đua New York* chạy hết ra boong và René nhận ra người bạn François trên khoang đuôi đang cầm ống ngắm trên tay cố tìm hiểu xem có chuyện gì.

Anh ta vừa kêu: "Các bạn ơi, ông chủ. Hoan hô ngài René!" thì cả con tàu trương cờ lên chỉ trong một phút và chẳng cần đợi sự cho phép của trưởng cảng, tám phát đạn đại bác đã vang lên.

Sau đó, các thủy thủ vừa lao lên dây néo vừa huơ huơ mũ vừa reo to:

- Hoan hô ngài René!

Trong khi ấy François dừng ở bậc thang cuối cùng tay mở rộng chờ thuyền trưởng của mình và có vẻ sẵn sàng nhảy xuống biển để ôm lấy anh dù chỉ một giây.

Người Anh có thể nhận ra René được chào đón nồng nhiệt thế nào khi lên tàu. Anh trả tiền cho các tay chèo theo ý thích của họ trong lúc bảy người bạn của anh kể lại cho toàn thủy thủ đoàn tàu *Tay đua New York* nghe họ đã trốn ra sao, René đã chia phần nước của mình cho họ, đã khích lệ lòng can đảm của mọi người và tập hợp họ cho đến khi tìm được cơ hội tốt nhất thế nào.

Sau đó, như thể tất cả những ai đã đồng cam cộng khổ với René đều muốn cùng anh chia ngọt sẻ bùi, vài thủy thủ muốn xin phép anh chia tiền thuê các tay chèo đưa họ lên tàu. Anh nói:

- Các bạn, không phải các bạn chung tiền, mà là chung bữa tối với tôi. Ngày tôi trở về là một ngày lễ, tất cả các thủy thủ đều là sĩ quan trên tàu của tôi hôm tôi từ nhà tù Anh trở về.

Sau khi lại mời các bạn cùng trốn giải khát lần nữa, anh cho gọi người đầu bếp muốn tự mình kêu món cho bữa tối.

Ngày hôm ấy, tất cả những gì đẹp và tốt ở Saint-Malo đều dành cho thủy thủ đoàn tàu *Tay đua New York* và thuyền trưởng của nó.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 97
Lời khuyên của ngài Fouché

René trở về vào ngày 11 tháng Giêng năm 1806, cùng ngày diễn ra cuộc tấn công vương quốc Naples và tiến quân vào Masséna ở Spolète.

Trong lúc ngài đô đốc Villeneuve bất hạnh thảm bại ở Trafalgar, Hoàng đế đã qua sông Rhin và mở chiến địch chiếm cầu Donawertch và lối qua sông Danuble.

Sau đó, trong lúc Hoàng đế tiến đến trước thành phố Ulm và chuẩn bị chiếm thành phố này, thống chế Soult đã chiếm được Memmingen còn thống chế Ney cũng tháng trận Elchingen, trong tước hiệu công tước đầu tiên của mình.

Ulm đầu hàng. Mack và 30 ngàn quân đồn trú lần lượt diễu qua và đặt vũ khi dưới chân ngài. Sau đó, Hoàng đế tiến vào Augstourg thành trì đế chế hàng đầu, và 80 lính đầu tiên ai cũng có một lá cờ chiếm được từ kẻ thù. Cuối cùng Hoàng đế tiến vào Vienne, chiến thắng trận Austerlitz, tuyên bố đình chiến với hoàng đế nước Áo và để Nga ra khỏi liên hiệp áo với vẻ hấp tấp mà Junot, người đem thư của Hoàng đế Napoléon đến hoàng đế Alexandre, lá thư trong đó Napoléon muốn hoà bình, Junot đã không thể gặp được người Nga.

Từ 12 đến 29 tháng Mười hai, Napoléon ở lại lâu đài Schonbrunn, nơi ông ban sắc chiếu ngày 27 rằng triều đại Naples chấm dứt cai trị. Ngày 1 tháng Giêng năm 1806, ngài bãi bỏ lịch Cộng hoà. Không biết có phải để quên đi một số ngày tháng chăng? Trong trường hợp ấy thì Hoàng đế chẳng thành

công.

Những ngày tháng không chỉ không bị quên mà còn không được lấy lại chuyển sang lịch cũ theo ngày lịch Grégoire nữa kia.

Người ta chỉ tiếp tục nói về hai ngày, ngày trận Offenburg và ngày 18 Brumaire.

Mọi tin tức mới ấy được truyền về Pháp làm cho mời người quên đi trận thảm bại Trafalgar. Vả lại, Napoléon đã ra lệnh rằng thảm bại ấy, nó làm ông nghẹn lại giữa những chiến thắng của mình, coi là hậu quả của một cơn bão hơn là kết cục của một trận thắng.

Tin tức về trận Trafalgar chỉ được đưa lên mặt báo nếu được sự cho phép, và René có lẽ là người Pháp duy nhất đã trở về. Do đó ngay sau đó, anh được ngài giám đốc Sở hải quân(1) cho mời anh đến với tư cách là thuyền trưởng René.

Anh vội vã có mặt theo ý nguyện của ngài Sở trưởng. Lẽ tự nhiên, vị phán quan này muốn biết những tin tức chính xác về thảm hoạ Trafalgar.

René vẫn chưa biết mệnh lệnh của chính Hoàng đế yêu cầu giữ im lặng về thảm hoạ ấy.

Trước khi hỏi anh, ông Sở trưởng đã thông báo điều đó những ông ta không tỏ rõ mình muốn biết toàn bộ sự thật của sự kiện ấy đến mức nào.

Vì không có yêu cầu cụ thể, René kể hết những gì mắt thấy tai nghe cho ông ta.

Đổi lại vị Sở trưởng cũng thông báo cho anh ngài chỉ huy Lucas bị bắt làm tù binh suốt bảy hay tám ngày, theo tuyên bố từ London đã được thả tự do nhờ một tờ lệnh từ chính phủ. Chính phủ Anh muốn tôn vinh lòng anh dũng tuyệt vời của tàu *Redoutable*.

Sắc lệnh ấy hòng tỏ ý rằng, vì tàu chiến hạng nặng *Redoutable* đã bắn chết Nelson nên chính phủ Anh không muốn việc bắt giữ Lucas làm tù binh bị coi là để thoả mãn lòng hận thù hèn hạ.

Do đó Lucas đã về Paris ngày hôm trước. Vị giám đốc Sở hải quân có được tin này là nhờ điện tín báo về. René xin ông ta hỏi giùm địa chỉ của ngài Lucas rồi chuyển đến chỗ anh.

Sau đó, không còn gì để hỏi chàng trai trẻ, ông cho anh lui với cử chỉ biết ơn chân thành nhất.

Sau cuộc hành trình trở về Saint-Malo, René được coi là con người huyền thoại. Người ta còn ngưỡng mộ anh hết mức khi biết anh đã gửi khoản tiền 2500 phăng, khoản tiền gấp đôi giá trị chiếc *Slúp* cũ kỹ, đến quý ngài O Brien và Hiệp hội ở Dublin để quý ngài O Brien và Hiệp hội chuyển khoản tiền ấy cho người có tên là Patrick chủ chiếc *Slúp*.

Cả cái gia đình khốn khó ấy vô cùng ngỡ ngàng khi nhận được khoản tiền trả cho chiếc *Slúp* của mình với giá cao gấp đôi từ ngài O Brien và Hiệp hội.

Trong khoảng thời gian ấy, về phần mình, René cũng lắng nghe François kể lại chi tiết lần trở về Saint-Malo của anh ta và ở thượng mũi Finistère, anh đã bị thuyền Anh truy đuổi buộc anh ta phải giả đò quay mũi tàu về phía châu Mỹ ra sao. Chính vì thế anh ta mới trở về Saint-Malo muộn như vậy.

Trong lần bị truy đuổi, tàu *Tay đua New York* đã xứng với danh hiệu "tay đua" của mình khi chạy với tốc độ 12 nơ một giờ.

François đảm bảo với René rằng nếu anh ta chẳng may bị bắt, anh ta thà tự mình bắn vào đầu còn hơn. René khá hiểu anh chàng đó nên không nghi ngờ gì cả. Hiển nhiên, René vẫn thấy đồ đạc trên tàu ở y nguyên vị trí cũ, chiếc ví vẫn trong ngăn kéo, tờ di chúc còn trong ví và chỗ đá quý trong cái túi nhỏ.

Với khoản tiền René để lại, François đã trả công cho mọi người trong đoàn. Tất cả không ai nợ ai và dù cho có người kế toán nghiêm khắc nhất cũng không thấy François nợ họ một xu.

René vẫn muốn François tiếp tục công việc chủ tàu tạm thời cho đến khi số phận của anh rõ ràng hơn. Mặt khác, anh cũng nhận được tin chỉ huy Lucas đã về Paris và Hoàng đế cũng sắp về thủ đô. Hai lý do ấy khiến anh cũng muốn đến đó càng sớm càng tốt.

Khỏi phải nói lần đến thăm, sau ngài giám đốc Sở hải quân, lần thăm phu nhân Surcouf này diễn ra thân tình thế nào, anh đã báo cho bà những tin tức tuyệt vời về chồng mình.

Đến Paris, anh thuê phòng trong khách sạn Mirabeau, phố Richelieu. Thời đó, phố này chưa đổi thành phố Hoà Bình. Mới đến nơi, tên anh vừa ghi vào tờ đăng ký khách sạn anh có cuộc viếng thăm của viên thư ký của ông Fouché - ông này mong anh đến Bộ Cảnh sát sớm nhất có thể.

Chẳng có lý do gì ngăn anh đến chỗ ông ta ngay hôm ấy, hơn nữa anh còn đang nóng lòng muốn biết Fouché sẽ báo cho anh tương lai mình ra sao. Anh xin viên thư ký chờ một lát làm vệ sinh qua quýt rồi cùng anh ta lên xe.

Mới thông báo, cánh cửa phòng làm việc của ông bộ trưởng đã mở, viên thư ký đi ra thông báo:

- Bộ trưởng đang chờ ngài René.

René không muốn phải đợi nên vào ngay lập tức.

Anh thấy Fouché vẫn mang bộ mặt ngạo nghễ ngày nào nhưng hôm nay nó thân thiện hơn là cau có ủ ê.

- Thế nào, ngài thuyền trưởng tàu *Tay đua New York*, ngài đã trở về đấy à?

Ngài Bộ trưởng gọi tôi bằng danh tánh đó chứng tỏ ngài biết hết dù là chuyện nhỏ về tôi rồi.

- Đây là nhà nước của tôi, việc của tôi là vậy. - Fouché nói - Tôi có lời khen ngợi về cách anh đã hành động. Anh có hài lòng về lời khuyên của tôi chăng?

- Dĩ nhiên, con người sáng suốt như ngài chỉ có thể đưa ra lời khuyên hay mà thôi.

- Vấn đề không phải là chỉ đưa ra lời khuyên hay mà còn phải làm theo đúng như vậy nữa anh René thân mến của tôi ạ. Về mặt này, tôi chỉ còn biết khen ngợi anh. Đây là bản sao lá thư của anh Surcouf đến bộ Hải quân kể lại trận đánh chiếm tàu *Standard*. Anh ta nói đến một thủy thủ René nào đó đã hành sự đến mức mà anh ta không hề lưỡng lự bổ nhiệm làm chuẩn uý hàng đầu.

Tôi quan tâm đến anh chàng René này nên đã yêu cầu ông bạn Decrès cho sao lại lá thư ấy. Đây là lá thư thứ hai vẫn gởi đến cùng một bộ thông báo Surcouf đã đến đảo Pháp và cho René nghỉ phép để trên con tàu do anh ta mua, đi đến Miến Điện cùng hai người em họ và thi thể của người chú, tử tước Sainte-Hermine.

Đây là lá thư thứ ba thông báo anh ta về đảo Pháp sau những kỳ tích tuyệt vời chống lại những con quái vật kinh khủng nhất và đa dạng nhất, có con hổ to như con sư tử ở Némée(2), con trăn dài như rắn Python(3). Khi trở về từ Miến Điện, chuẩn uý René lại xông vào giữa cuộc chiến mà anh Surcouf chống lại hai tàu Anh và kết quả là anh và Surcouf chiếm được tàu kia. Sau đó anh chàng René đã chia chiến lợi phẩm thành một phần cho những người nghèo khổ trên đảo Pháp, phần kia cho các thủy thủ của mình. Anh ta cũng đã hỏi tin tức về mệnh lệnh của hoàng đế sáp cho đánh lớn với quân Anh nên đã xin tướng Decaen, đảo trưởng đảo Pháp, và xin phép chỉ huy Surcouf của mình tham gia cuộc đại thủy chiến. Anh ta dùng tàu *Tay đua New York* bé nhỏ của mình trở về và vào vịnh Cadix ba ngày trước khi diễn ra trận chiến Trafalgar. Anh ta lập tức được đầu quân lên tàu *Redoutable* do thuyền trưởng Lucas chỉ huy và ông này phong cho anh chức đại uý thứ ba trên tàu của mình. Trận đấu diễn ra, thuyền trưởng Lucas bị ba tàu tấn công đã dồn sức chống lại tàu *Victory* và suýt chiếm được nó nếu không có sự xuất hiện của tàu *Téméraire*, nó đã cướp đi 80 người của ông ta ngay loạt đầu tiên. Nó đã cứu cho tàu đô đốc Anh.

Nhưng trong khi ấy, Nelson đã trúng một phát đạn từ cột buồm lái của tàu *Redoutable* và theo người ta khẳng định viên đạn xuất phát từ tay một đại uý thứ ba có tên là René chưa có vị trí xác định trên tàu nên được phép tuỳ chọn vị trí chiến đấu nào tuỳ thích và kết quả là anh ta đã chọn vị trí nguy hiểm nhất…

Đột nhiên Fouché dừng lại và nhìn chăm chú vào chàng trai trẻ:

- Có đúng anh là viên đại uý thứ ba René, người đã giết chết Nelson không?

- Tôi không dám khẳng định điều đó thưa ngài bộ trưởng - René nói - Chỉ có điều khi ấy chỉ có mình tôi với cây súng trên cột buồm lái, trong giây lát, tôi phát hiện ra Nelson nhờ bộ quần áo xanh, nhả đạn vào hắn nhưng khi ấy chúng tôi cũng đồng thời bắn từ buồm ở cột buồm lớn xà cột buồm mũi - Do đó, tôi không dám chắc mình có phải là người giúp nước Pháp hạ kẻ thù đáng gờm ấy chăng.

- Tôi cũng không thể khẳng định điều đó. - Fouché nói - Tôi chỉ nhắc lại và sẽ nhắc lại theo những gì người ta nói hay viết cho tôi thôi.

- Thế thì ngài có thể đã biết phần kết hành trình Odyssée của tôi như ngài đã biết phần mở đầu chăng?

- Đúng vậy. Bị dẫn đến nhà tù ở Gibraltar trên con tàu *Samson* của thuyền trưởng Parker, các anh đã, sau cơn bão khủng khiếp cùng người của mình bơm nước cứu con tàu nếu không nó đã chìm nghỉm xuống đáy. Sau đó, anh bị giam ở Cork rồi tự giải thoát với bảy người bạn. Anh đã chiếm một chiếc tàu *Slúp* nhỏ trên sông Shannon để trở về Saint-Malo. Sau đó, anh gởi ngân phiếu 2500 phăng đến nhà O Brien ở Dublin.

- Thưa đức ông, phải nói là ngài được cung cấp rất đầy đủ thông tin.

- Anh cũng biết đấy, thật hiếm khi thấy những thủy thủ mua tàu *Slúp* của Mỹ để đi lại dưới màu cờ một nước trung lập, chia sẻ tiền bạc với người nghèo và thủy thủ của mình, không chỉ tiền kiếm được mà còn là tiền của chính bản thân, đi hai nghìn dặm để trở về chiến đấu trong tuyệt vọng ở Trafalgar, bị tù đày, tự giải thoát rồi trở về Pháp mà vẫn nhớ đến chủ nhân khốn khổ của con tàu rách nát chỉ đáng một nghìn một trăm phăng nhưng lại trả tiền gấp đôi cho ông chủ mình đã "mượn" tàu. Anh trả món nợ ấy hào phóng đấy. Bây giờ, vì những lời khuyên trước kia của tôi đều thành công, anh có muốn cho vào góc nào trong trí nhớ của mình những điều tôi sắp nói không?

- Thưa đức ngài, xin cứ nói, xin cứ nói.

- Anh tên là René, anh sẽ được hoàng đế gặp dưới cái tên ấy, đừng quên là hoàng đế chưa bao giờ được nhắc đến, trong bản báo cáo tôi trình hoặc sẽ trình lên ngài, anh có mối liên quan đến bá tước Sainte-Hermine. Khi hoàng đế chẳng có gì chống lại thủy thủ René, ông ấy không những không phản đối mà còn giúp cho sự nghiệp của anh thăng quan tiến chức, còn nếu ông ấy thấy dù chút ít mờ ám giữa thuỳ thủ René với bá tước Sainte-Hermine, cặp

lông mày của ông ấy sẽ nhíu lại, và anh có thể đã làm những kỳ tích chẳng có nghĩa lý gì, tất cả sẽ lại bắt đầu lại từ đầu. Chính vì vậy mà tôi cho gọi anh đến ngay. Hoàng đế có lẽ sẽ về đây ngày 26 tháng này. Hãy đến gặp thuyền trưởng Lucas ở khách sạn Hải quân, hoàng đế sẽ sớm gặp ông ta ngay khi Ngài về; nếu Lucas tặng anh cơ hội xuất hiện trước hoàng đế, hãy chấp thuận.

- Anh không thể tìm đâu ra người giới thiệu tốt như thế và tôi chắc chắn nếu nghe theo lời khuyên tôi vừa đưa ra, tức là quên đi cái tên bá tước Sainte-Hermine, anh sẽ có vị trí trong ngành quân sự đồng thời bắt đầu sự nghiệp với chức đại uý thứ ba René.

René xin phép ngài bộ trưởng cảnh sát ra về mà trong lòng không thể đoán ra Fouché được lợi gì từ anh. Fouché nếu có được hỏi về khoản này, ông ta chắc chắn tự nhủ rằng: "Chẳng gì cả, chỉ vì có những con người có phong cách đáng mến đến nỗi những ai khó tính nhất cũng phải mềm lòng trước sự hiện diện của họ".

René lập tức đến khách sạn Hải quân, gặp chỉ huy Lucas đã hoàn toàn bình phục sau vết thương và tỏ ra thoải mái với các cách người Anh đối xử với ông.

- Nếu chúng ta mở chiến dịch nữa, hãy đến với tôi, René thân mến - ông nói với chàng trai trẻ - Anh sẽ chịu trách nhiệm gởi đến đô đốc Collingwood viên đạn chị em với viên đạn đã gửi cho Nelson nhé.

Chỉ huy Lucas hoàn toàn không biết khi nào ngài Napoléon trở lại Paris. Ông được René cho hay là ngày 25 ngài sẽ bí mật về thủ đô, Lucas nghĩ ngợi một lát.

- Hãy đến gặp tôi ngày 29 - ông nói - Có thể tôi sẽ có tin mừng cho anh.

Napoléon, như tôi đã nói, đã về Paris ngày 26. Ngài dừng lại vài ngày ở Munich để tổ chức hôn lễ cho Eugène Beauhamais với công nương Auguste de Bavière, ngài còn dành cho các lĩnh thành khác, mỗi nơi một ngày khi đám cưới chưa tiến hành.

Một ngày ở Stungart để nhận lời chúc tụng của các đồng minh mới, một ngày ở Carlsrulle để tuyên bố liên minh trong gia tộc(4). Ông biết dân Paris đang nóng lòng mong ông trở về để tỏ rỡ niềm vui sướng và ngưỡng mộ của mình. Vô cùng hài lòng về các công trạng suôn sẻ từ hồi nó dõi theo mà không tham gia, nước Pháp đã thấy lại sự nồng nhiệt của những ngày đầu cách mạng đã vỗ tay tán thưởng các chiến tích lẫy lừng của quân đội và người thủ lĩnh của nó.

Một chiến dịch ba tháng, thay vì một cuộc chiến tranh ba năm, một miền lục địa bị tước vũ khí nước Pháp đã đạt đến những giới hạn mà nó chưa bao giờ vươn tới, một chiến công vang dậy nữa, lại thêm vào chuỗi vinh quang của quân đội ta, uy tín quốc gia được tái lập, hoà bình bảo đảm cho một viễn cảnh nghỉ ngơi và vượng phát, đó là điều dân tộc muốn cảm ơn Napoléon bằng cả nghẹn lời hô: "*Hoàng đế vạn tuế*!".

Không gì tuyệt vời hơn sau trận Marengo như điều người ta thấy sau trận Austerlitz.

Austerlitz quả thật đã làm cho Đế chế điều mà Marengo đã làm cho chết Tổng tài. Nếu trận Marengo khẳng định quyền Tổng tài trong tay Bonaparte thì trận Austerlitz khẳng định cái vương miện hoàng đế trên đầu ông.

Được tin chỉ huy Lucas đã về Paris, dù chủ đề khó chịu nhất khi nói đến là nhắc lại trận Trafalgar, Hoàng đế vẫn cho báo với thuyền trưởng vào sáng ngày 3 là ông sẽ được tiếp vào ngày 7.

Sáng ngày mồng 4, như Lucas đã dặn, René xuất hiện ở khách sạn Hải quân. Viên chỉ huy mới nhận được tối hôm qua lá thư triệu kiến vào ngày mồng 7.

Lần diện kiến diễn ra lúc 10 giờ sáng, Lucas và René cùng thoả thuận René sẽ đến ăn trưa cùng Lucas và họ sẽ ăn cùng nhau ở Tuileries.

René, không được mời và cũng không muốn điều ấy vẫn đi cùng Lucas chờ ở phòng chờ. Nếu Napoléon muốn gặp anh, Lucas sẽ cho gọi nếu ngài tỏ ra lạnh lùng về chàng thủy thủ trẻ, anh sẽ không xuất hiện và chờ ở phòng chờ.

Thật ra René khá hồ nghi có sự hiện diện ấy. Đôi mắt sắc sảo của ngài Bonaparte đã lặng lẽ găm cái nhìn vào anh hai lần, một lần ở nhà phu nhân Permnon, một lần ở nhà nữ bá tước Sourdis, ngay tối hôm ký hôn ước, cái nhìn ấy làm anh ngợp thở. Hình như ánh mắt ấy luôn để lại dấu ấn với tất cả những gì nó nhìn và khắc sâu trong tâm trí anh; nhưng may thay điều giúp René có thể chịu đựng được mọi ánh mắt đó là một tâm thức bình thản mà không gì có thể khuấy đảo nổi.

Chín giờ sáng ngày 7, René đã có mặt ở nhà Lucas. Mười giờ kém mười lăm, anh lên xe ngựa cùng Lucas; mười giờ kèm mười phút, họ dừng lại trước cửa điện Tuileries.

Anh cùng Lucas dừng lại ở phòng chờ, như đã thoả thuận, và để người có giấy mời đi trước.

Người này là một người vô cùng tinh ý, ông xuất hiện trước hoàng đế, tìm được cách nói về chàng trai trẻ đã lập những kỳ tích to lớn, đẹp đẽ và anh dũng; tuy nhiên ông thấy hoàng đế hầu như cũng biết về những điểm đó như ông; khi Lucas ngỏ ý hỏi hoàng đế có muốn gặp người anh hùng ấy không vì anh này đi cùng ông đang chờ ở phòng đợi thì hoàng đế ra hiệu ưng thuận ấn vào một cái chuông, một cận vệ mở cửa.

- Cho đại uý thứ ba trên tàu *Redoutable*, anh René, vào đây.

Chàng trai trẻ bước vào.

Napoléon liếc mắt nhìn anh và ngạc nhiên khi thấy anh này không mặc quân phục.

- Sao thế này - Ngài nói - Anh đến điện Tuileries trong bộ đồ trưởng giả này sao?

- Tâu Bệ hạ - René đáp - Thần đến điện Tuileries không phải vì có vinh hạnh được gặp hoàng đế Bệ hạ mà thần cũng không mong được Ngài triệu kiến, thần đến chỉ để tháp tùng ngài chỉ huy và định cùng trải qua nốt phần ngày còn lại với ông ấy. Vả lại, tâu bệ hạ, thần là đại uý cũng như không. Chỉ huy Lucas đã phong chức này cho thần trên tàu của ông ấy ba ngày trước trận chiến Trafalgar vì người đại uý thứ ba đã chết vài ngày trước, nhưng việc bổ nhiệm của thần vẫn chưa được phê chuẩn.

- Tôi tưởng anh còn có vị trí là đại uý thứ hai? - Napoléon hỏi.

- Vâng, những trên tàu cướp biển thôi.

- Trên tàu *Revenant* của Surcouf đúng không?

- Vâng, tâu bệ hạ.

- Và rất anh dũng?

- Thần làm tất cả những gì có thể, tâu bệ hạ.

- Ta được hay tin về anh qua đảo trưởng đảo Pháp, tướng Decaen.

- Thần có cái vinh dự được diện kiến ông ấy, tâu bệ hạ.

- Ông ấy có kể về cuộc hành trình anh đến Ấn Độ.

- Thần đã vào sâu khoảng 50 dặm.

- Thế quân Anh để anh yên à?

- Đó là phần họ không chiếm đóng, tâu bệ hạ.

- Chỗ nào thế? Ta nghĩ họ chiếm toàn bộ Ấn Độ.

- Trong triều Pégou tâu bệ hạ, giữa sông Sittang và Irrawaddy.

- Người ta còn kể anh đã thực hiện những cuộc đi săn khủng khiếp?

- Thần đã gặp vài con hổ và đã giết chúng.

- Anh có xúc động khi lần đầu bắn vào loài vật ấy không?

- Lúc đầu thì có tâu bệ hạ, nhưng với con khác thì không.

- Tại sao?

- Hạ thần đã làm con thứ hai phải cụp mắt xuống, kể từ lúc đó, thần nhận ra rằng hổ là một loài vật mà con người ngự trị được.

- Thế trước Nelson?

- Tâu bệ hạ, trước Nelson thần đã lưỡng lự một lát.

- Tại sao?

- Vì Nelson là một chiến binh vĩ đại, thần nghĩ có thể ông ta là một đối tượng cần thiết với Hoàng đế bệ hạ.

- À! Thế thì anh phải đừng bắn con người thiên định ấy chứ?

- Không. Vì thần tự nhủ nếu đúng đó là con người thiên định, chắc chắn ông Trời sẽ tránh cho ông ta khỏi trúng đạn. Vả lại, tâu bệ hạ, thần chưa bao giờ tự cho mình là người đã bắn chết Nelson.

- Tuy nhiên…

- Người ta không tự tán dương những điều như thế - René ngắt lời - Người ta chỉ thú nhận thôi. Nếu thần đã giết Gustave - Adolphe hay Frédéric vĩ đại, thần sẽ tự tán dương vì thần nghĩ đó là điều phải làm vì lợi ích của dân tộc,

nhưng thần sẽ không bao giờ được an ủi về điều ấy.

- Thế nếu anh ở hàng ngũ kẻ thù của ta, anh sẽ bắn vào ta chứ?

- Thần sẽ không bao giờ làm điều đó, tâu bệ hạ!

- Tốt lắm.

Ông ra hiệu dừng lại, nhưng không ra khỏi phòng và gọi Lucas.

- Ông chỉ huy - Napoléon nói - chính hôm nay tôi tuyên chiến với Anh và Phổ. Trong cuộc chiến chống lại nước Phổ, nơi chẳng có một điểm nào giáp biển thì ông chẳng có việc gì to tát phải làm; nhưng trong cuộc chiến chống lại nước Anh, tôi sẽ giao cho ông một trọng trách nặng nề. Ông là một trong số những người tôi đã nói, nhân nói về Villeneuve, là người biết chết và đôi khi là muốn chết.

- Tâu bệ hạ - Lucas nói - trong trận Trafalgar, lôi không rời mắt khỏi ngài Villeneuve chút nào. Không ai trong chúng tôi dám nói ông ấy có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng lúc và nghiêm túc hơn.

- Đúng vậy, một khi đã đến Trafalgar thì đúng. Ta biết, nhưng trận đó làm ta đau lòng lắm. Chính vì ông ta mà ta đã không đến được London và chuyển sang Vienne.

- Xin bệ hạ cũng đừng phàn nàn, ngài đã chẳng mất gì về việc thay đổi chặng đường ấy.

- Về chiến công thì hẳn rồi, nhưng ông thấy đấy dù ta đã ở Vienne, mọi chuyện lại phải bắt đầu lại, vì ta buộc phải một lần nữa tuyên chiến với Anh và Phổ. Nhưng vì chỉ có cách ấy, ta sẽ đánh nước Anh trên cạn trong khi hạ những tên vua mà nó viện trợ. Tôi sẽ gặp lại ông trước khi bắt đầu cuộc chiến này, chỉ huy Lucas ạ; Đây là cây thập tự sĩ quan Bắc đẩu bội tinh mà tôi mong ông nhận và đừng quên rằng nó do chính tay ta trao tặng cho ông.

Rồi quay sang René:

- Về phần anh, anh René - Ngài nói - Anh sẽ để lại họ tên ở chỗ sĩ quan tuỳ tùng Duroc của ta và người chỉ huy Lucas có vẻ là bạn của anh, chúng ta mong anh sẽ không rời quá xa ông ấy.

- Tâu bệ hạ - René nói vừa lại gần vừa cúi xuống - Trong lúc Bệ hạ chưa nhận ra thần, thần có thể giữ cái tên mà người ta vẫn gọi thần nhưng như thế sẽ là lừa dối hoàng đế. Người ta có thể chịu cơn giận dữ của Napoléon chứ người ta không lừa ông ấy.

- Thưa đức ngài, với tất cả mọi người tôi tên là René, nhưng trước bệ hạ, tôi tên là bá tước Sainte-Hermine.

Và không lùi lại một bước nào, anh cúi đầu trước vị hoàng đế và chờ đợi.

Hoàng đế đúng bất động một lát, lông mày nhíu lại, ban đầu nét mặt tỏ ra ngạc nhiên nhưng sau đó nó chuyển từ ngạc nhiên sang nghiêm khắc.

- Điều anh vừa nói là tốt, nhưng chưa đủ để ta tha thứ cho anh. Hãy về đi, để lại địa chỉ ở chỗ Duroc và chờ lệnh của ta chuyển qua ông Fouché. Vì nếu ta không nhầm, ông Fouché là một trong những người bảo trợ cho anh.

- Thần xin vâng - Sainte-Hermine nói và cúi chào.

Rồi anh đi ra và chờ chủ huy Lucas trong xe.

- Tâu bệ hạ - Lucas nói - Thần hoàn toàn không biết hoàng đế bệ hạ có ý định gì cho anh bạn René đáng thương; nhưng tôi xin lấy danh dự của mình mà bảo đảm đó là một trong những người chính trực nhất, gan dạ nhất mà tôi biết.

- Than ôi - Napoléon nói - ta vừa nhận ra! Nếu anh ta không xưng tên, vì chẳng có gì bắt buộc anh ta cả, anh ta đã là đại uý trên một tàu chiến hạng trung rồi.

Còn lại một mình, Napoléon trở nên bất động và lo âu, sau đó ông ném mạnh găng tay nát nhàu xuống bàn:

- Mình thật không may, đó đúng là những người mình cần trong hải quân.

Còn về René, hay bá tước Sainte-Hermine, như người ta muốn, điều tốt nhất anh ta có thể làm là tuân theo mệnh lệnh.

Và anh đã tuân theo mệnh lệnh.

Anh trở về khách sạn Mirabeau ở phố Richelieu và chờ đợi.

Chú thích:

(1) Đô đốc chỉ huy về hải quàn của một tỉnh có quyền hạn cả về bên dân sự

(2) (3) Némée, Python: Hai quái vật trong thần thoại Hy Lạp

(4) Stuttgart là thủ đô của triều đình Wurtemberg mới (theo hiệp ước Presbourg tháng 12 năm 1805, Carlsrulle vốn là kinh thành của bá tước Bade, người trở thành đại công tước sau khi Charles-Fréderic đạt được Liên bang bên sông Rhin. Cháu nội thừa kế của người này. Charles-Louis đã lấy Stéphanie de Beauhamais con gái nuôi của Hoàng đế.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 98
Trạm ngựa ở Rome

Ngày 2 tháng Mười hai, Napoléon thắng trận Austerlitz.

Ngày 27, ông tuyên bố triều đại Naples chấm dứt cai trị.

Ngày 15 tháng Hai, Joseph Napoléon đã vào thành bị bỏ trống lần thứ hai bởi thế lực nhà Bourbon.

Cuối cùng, ngày 30 tháng Ba, ông này được phong là vua *Hai đảo Sicile*.

Sau việc lập vua Naples mới hay đúng hơn là vua Naples tương lai, quân đội Pháp đã chiếm các Nhà nước La Mã, điều này làm đức Giáo hoàng vô cùng giận dữ, ngài cho mời hồng y giáo chủ Fesch đến để phàn nàn về cái mà ngài gọi là một sự xâm phạm lãnh thổ đó.

Giáo chủ Fesch chuyển lời lại cho Napoléon. Napoléon đã trả lời rằng:

"Thưa Đức Giáo hoàng, ngài là vua thành Rome, đúng vậy, nhưng Rome thuộc vào Đế chế pháp; ngài là linh mục, nhưng tôi là hoàng đế, hoàng đế như các hoàng đế Đức, xa hơn nữa như Charlemagne, với ngài tôi là Charlemagne hơn là một tước hiệu, tước hiệu sức mạnh, tước hiệu ân thiện: do đó ngài sẽ tuân theo hệ thống liên hiệp của đế chế, bằng cách mở lãnh

thổ của mình cho những người bạn của tôi và khép nó lại trước kẻ thù của tôi".

Trước câu trả lời *"rất Napoléon"* này, đôi mắt thường ngày vốn dịu dàng của đức Giáo hoàng chí tôn quắc lên. Kết quả là ngài đáp lại giáo chủ Fesch rằng mình không thừa nhận chủ quyền nào vượt trên mình và rằng nếu Napoléon muốn thiết lập lại sự chuyên chế của vua Henri Đệ tứ nước Đức thì ông cũng lập lại sự kháng cự như vua Grégoire VII.

Napoléon đáp lại bằng vẻ coi thường ra mặt vì ông vốn ít sợ thứ vũ khí tinh thần trong thế kỷ XIX, ông sẽ không đưa lý do hợp pháp nào nếu họ sử dụng vũ khí ấy, ông không trực tiếp đụng vào vấn đề tôn giáo, nhưng ông đánh vào thế lực hiện tại, ông để cho Vatican, giám mục được tôn trọng ở Rome và người đứng đầu các giám mục trong Giáo giới giải quyết.

Việc tranh cãi ấy không tiến cũng chẳng lùi, dùng dằng suốt tháng 12 năm 1805, tháng mà Napoléon, để chứng tỏ ý định sẽ đi đến cùng, đã cho tướng Lemarois chiếm các tỉnh Urbin, Ancône, Macerata tạo thành vùng ven biển Adriatique.

Thế là giáo hoàng Pie VI, trong khi từ bỏ dự định rút phép thông công vừa đưa ra thoả thuận hoà giải trong điều kiện sau:

- Giáo hoàng Rome có quyền độc lập với nhà nước của mình tuy nhiên được nước Pháp bổ nhiệm và bảo đảm phải liên minh với Pháp bất cứ khi nào nó có chiến tranh đẩy lùi kẻ thù khỏi lãnh thổ các nhà nước La Mã;

- Quân đội Pháp sẽ chiếm Ancône, Ostie, Civitavechia nhưng sẽ được bảo lưu chi phí từ chính phủ Pháp;

- Giáo hoàng sẽ cam kết đào sâu và đưa vào sử dụng cảng bị xâm bùn Ancône.

- Giáo hoàng sẽ thừa nhận vua Joseph, sẽ lật đổ tham tán của vua Ferdinand,

những tên sát hại người Pháp, các giáo chủ Naples chối bỏ lời thề và sẽ từ bỏ quyền làm lễ thụ phong vương miện ở Naples.

- Ông cũng sẽ thực hiện cam kết Italie đến tất cả các tỉnh trong nước.

- Ông sẽ bổ nhiệm vô thời hạn các linh mục Pháp và Ý, và không đòi hỏi các linh mục Ý phải đến Rome.

- Cuối cùng, để trấn an Napoléon và cho thấy ảnh hưởng của Pháp đến mọi phần lãnh thổ của mình, giáo hoàng sẽ có một phần ba tổng số hồng y giáo chủ là giáo chủ Pháp.

Hai trong số những điểm dàn xếp trên đây làm toà thánh La Mã đặc biệt kinh tởm là: Thứ nhất khép cửa lãnh thổ trước kẻ thù của Pháp và thứ hai là tăng số lượng các hồng y giáo chủ Pháp.

Thế là Napoléon liền trả hộ chiếu cho hồng y giáo chủ Bayane và ra lệnh tấn công vào phần còn lại của các nước thuộc giáo hoàng. Hai nghìn năm trăm quân tập trung ở Foligno, hai nghìn năm trăm quân khác, dưới sự chỉ huy của tướng Lemarois, tập hợp ở Pérouse. Ông ra lệnh cho tướng Miollis chỉ huy cả hai cánh quân này, khi ngang qua sẽ nhận tiếp ba nghìn quân mà Joseph đã nhận lệnh cho xuất phát từ Tenacine và tám nghìn lính này sẽ đi chiếm thủ đô của thế giới Cơ đốc.

Dù tự nguyện hay phải dùng sức mạnh, tướng Miollis phải vào lâu đài Saint-Ange(1), phải chiếm đội quân của giáo hoàng, để giáo hoàng ở Vatican với một đội quân danh dự, phải đáp lại mọi động thái của họ và chiếm Rome vì lợi ích hoàn toàn quân sự hòng tách các Nhà nước La Mã khỏi kẻ thù của nước Pháp, ông ta chỉ chiếm lực lượng cảnh sát và sử dụng lực lượng này khi săn đuổi bọn kẻ cướp và để đưa các hồng y Naples về Naples.

Tướng Miollis là một cựu quân nhân Cộng hoà, tính tình cương quyết, có học thức, lòng trung không vết mờ, vừa bảo vệ danh dự cho người đứng đầu giáo giới vừa giữ Rome trong tình trạng tốt, làm cho dân ở đây quen với

người đứng đầu chính phủ thật sự nằm trong tay tướng quân Pháp ở lâu đài Saint-Ange chứ không phải ở trong tay giáo chủ già tại Vatican.

Hồi đó, giáo hoàng vẫn có thói quen biến nơi đây thành chốn lưu vong cho những tên cướp chạy khỏi các Nhà nước Napoli, bọn cướp này không phải là thứ thảm hoạ ồ ạt mà rải rác khắp nơi, ở Abruzze, Basilicate, Calabre người ta thấy dân đạo tặc sinh ra nối nghiệp nhau theo kiểu cha truyền con nối, cướp giật cũng như một nhà nước, chúng làm cướp như người ta là thợ mộc, cắt quần áo hay bán bánh mỳ vậy. Chỉ có điều, chỉ bốn tháng trong năm, chúng mới rời nhà đi làm các quý ông trên các đại lộ. Mùa đông, chúng ở yên trong nhà và đừng bao giờ có ai có ý định đến quấy rầy chúng. Xuân đến, chúng lại hành sự, ai về vị trí kẻ đó.

Trong số các vị trí này, những nơi lý tưởng nhất là những chỗ gần biên giới La Mã. Bị chính quyền Naples truy quét, bọn cướp hay qua biên giới và tìm được chốn dung thân bất khả xâm phạm trong các Nhà nước La Mã. Đôi khi, trong những hoàn cảnh đặc biệt, chính phủ Naples còn truy đuổi bọn cướp của họ chứ chính phủ Rome thì không bao giờ.

Do đó, tại trụ sở Gaète, một số sĩ quan được cử từ Rome đến chỗ tướng Reynier đã bị sát hại giữa Terracine và Fondi nhưng cái chết của anh ta chẳng gây ra động tĩnh nào trong khi ngược lại đây là nơi giới tăng lữ nháo nhào cứu Fra Diavolo(2), sau khi bị tướng Hugo đuổi như một con hoẵng, vừa mới để bị tóm.

Trong hoàn cảnh ấy, có một thanh niên khoảng hai mươi sáu đến hai mươi tám tuổi, vóc dáng trung bình, mặc quân trang loè loẹt không thuộc đội quân nào đã xuất hiện ở trạm ngựa. Anh ta hỏi ngựa và một cỗ xe.

- Anh này đeo một khẩu cạc bin kiểu Anh nòng chéo, một cặp súng ngắn dắt ở thắt lưng cho thấy con người này bất biết hiểm nguy là gì khi đi trên con đường từ Rome đến Naples.

Chủ trạm ngựa trả lời mình có một cỗ xe nhưng không thể cho thuê vì người ta đã hẹn mua và trả tiền đặc cọc. Về ngựa, anh có thể chọn tuỳ thích.

- Nếu cỗ xe không quá đắt và phù hợp, tôi có thể thoả thuận giá - Anh ta nói.

- Vậy thì ông đến mà xem.

Người lữ khách đi theo chủ trạm. Cỗ xe ấy là một loại xe độc mã không mui, những vì trời nóng việc thiếu hụt này thay vì là điều khó chịu lại thành phù hợp.

Chàng trai trẻ đi một mình chỉ mang theo một chiếc rương và một hộp đồ.

Giá cả nhanh chóng được thoả thuận. Hành khách trả giá chóng vánh chỉ cốt cho được việc chứ không tính đến chuyện trả rẻ. Số tiền là 800 phăng. Trong lúc lắp ngựa vào xe và cho chuyển hòm lên, một sĩ quan kỵ binh đã đứng trước cửa hiệu, lạnh lùng nhìn công việc thắng ngựa rồi hỏi chủ trạm đúng như điều người khách ban nãy hỏi:

- Mày có ngựa và xe cho tao thuê không?

- Tôi chỉ còn ngựa thôi - Chủ trạm kiên cường đáp.

- Thế mày làm quái gì với những cỗ xe rồi?

- Tôi vừa bán chiếc cuối cùng cho ngài đang đóng ngựa kia.

- Luật quy định mày lúc nào cũng phải có một cỗ xe sẵn sàng cho hành khách đấy.

- Luật ư! - Chủ trạm nói - ông gọi luật là cái gì? Lâu lắm rồi chúng tôi chẳng biết đến nó ở đây - Rồi anh ta búng móng tay như một người chẳng lấy làm tiếc khi thiếu vắng cái phương cách bảo vị đạo đức xã hội ấy.

Anh chàng sĩ quan thốt ra một câu cho cho thấy anh ta rất bất bình.

Hành khách ban nãy liếc nhìn người này, thấy một chàng trai trẻ đẹp cỡ hai tám ba mươi tuổi, trán khắc kỷ, mắt xanh nhạt biểu lộ tính cách hay nổi cáu và bướng bỉnh và khi thấy anh ta vừa giậm chân xuống đất vừa nói với mình:

- Dù sét nổ ngang tai mình cũng phải ở Naples vào 5 giờ tối mai, mà mình lại không muốn đi quãng đường sáu mươi dặm trên yên ngựa.

- Thưa ngài - Anh nói với vẻ lịch thiệp mà người trong giới dễ nhận ra nhau
- Tôi cũng thế, tôi cũng đến Naples.

- Phải rồi, nhưng ông, ông đi bằng xe - Viên sĩ quan nói bằng vẻ bông lơn kệch cợm.

- Chính vì vậy mà tôi có thể mời ngài một chỗ cạnh tôi.

- Xin lỗi ngài - Viên sĩ quan chào lịch sự và đổi giọng - Nhưng tôi chưa có được cái vinh hạnh quen biết ngài.

- Nhưng tôi thì biết ngài. Ngài mặc quân phục đại uý trong đoàn kỵ binh thứ ba của tướng Lasalle, tức là một trong những trung đoàn anh dũng nhất trong quân đội.

- Thế không phải là lý do để tôi biến mình thành kẻ khiếm nhã khi chấp nhận lời mời của ngài.

- Tôi hiểu, thưa ngài, và tôi sẽ giúp ngài thoải mái hơn: chúng ta sẽ chia đôi chi phí ngựa.

- Thế thì còn phải thoả thuận cái xe nữa - Viên đại uý kỵ binh nói.

- Không phải tôi muốn làm tổn thương lòng tự trọng của ngài, tôi chỉ muốn có một người bạn đồng hành thôi. Khi đến Naples, chúng ta chẳng cần cái đồ này nữa, chúng ta sẽ bán hoặc đem ra làm củi nếu không bán được. Nếu bán, vì tôi đã trả 800 phăng, tôi sẽ lấy lại 400 còn lại ngài lo nốt.

- Tôi chấp nhận lời đề nghị với điều kiện tôi sẽ trả bốn trăm phăng ngay lập

tức, chiếc xe sẽ là của hai chúng ta và chúng ta sẽ cùng chia khoản lỗ.

- Tôi muốn làm ngài thoải mái lắm, thưa ngài, do đó tôi chấp nhận lời đề nghị của ngài theo mọi phạm vi của nó, song tôi thấy như thế là quá khách sáo giữa người đồng hương với nhau.

Viên sĩ quan tiến về phía chủ trạm ngựa.

- Tao mua một nửa chiếc xe của mày, chung với ông kia, đây là 400 phăng phần của tao.

Chủ trạm vẫn đứng khoanh tay.

- Ông kia đã trả tôi rồi - Anh ta nói - Thế thì tiền phải đến tay ông ấy chứ không đến tay tôi.

- Mày không thể nói điều đó với tao lịch sự hơn à, thằng vô lại?

- Tôi nói việc tôi, còn ông chấp nhận đến đâu là việc của ông.

Viên sĩ quan làm động tác đưa tay lên cán thanh gươm nhưng cuối cùng vẫn để nguyên nó trong vỏ và quay sang người hành khách đầu tiên:

- Thưa ngài, - Anh ta nói bằng giọng lịch sự ra mặt so với cách vừa nói thô bạo với chủ trạm ngựa ban nãy - Ngài có chấp nhận bốn trăm phăng tôi nợ ngài không?

Người thứ nhất khẽ nghiêng mình, mở một chiếc valy da nhỏ có khoá kéo mà anh đặt cùng chỗ với khẩu cạc bin của mình.

Viên sĩ quan thả những đồng vàng trong tay vào đó.

- Bây giờ thì tuỳ ngài muốn đi lúc nào cũng được.

- Ngài có muốn đặt valy vào cùng với cái rương của tôi không?

- Cảm ơn, tôi sẽ để phía sau tôi. Tôi muốn bảo đảm nó trong cái cỗ xe xương xẩu này. Vả lại nó chỉ có cặp súng ngắn, tôi sẽ không lấy làm khó chịu khi

nó ở trong tầm tay mình. Lên ngựa, đánh xe đâu, lên ngựa nào!

- Các ông này không cần một đoàn hộ tống à? - Chủ trạm ngựa hỏi.

- À mày coi chúng tao như các nữ tu về nhà tu kín à?

- Tuỳ các ông thôi, các ông được tự do mà.

- Đó là thứ khác biệt giữa chúng tao và mày đấy, quân giáo hoàng quỷ tha ạ!
- Rồi nói với người đánh ngựa: Avanti! Avanti!

Người đánh ngựa cho ngựa phi nước đại.

- Đi theo đường Appienne, đừng đi qua cửa Saint-Jean-De-Latran - Người đến trạm ngựa đầu tiên kêu to.

Chú thích:

(1) Lâu đài Saint-Ange tại Rome. Lăng mộ Hadrien. hoàn thành năm 139.

(2) Tên thật là Michele Pezza trong cuốn "hồi ký" của mình tướng Hugo có nói nhiều về người này.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 99
Đường Appia

Gần mười một giờ trưa, hai chàng trai trẻ mới bỏ lại tháp Sextius ở phía bên phải, xuất hiện trong cỗ xe mui tràn lăn trên những tấm lát đường Appia mà hai nghìn năm qua chưa đủ sức tách chúng xa nhau.

Đường Appia, theo ngài Haussmann, nó như Rome của César, Champs-Élyseés, rừng Boulogne và gò Chaumont ở Paris.

Vào ngày đẹp trời thời cổ đại người ta đã gọi nó là Appia vĩ đại, bà hoàng của các con đường, như đường thiên đàng vậy. Đó là nơi gặp gỡ của sự sống và cái chết, của tất cả những gì giàu có, cao quý, lịch lãm bậc nhất thành Rome.

Nó có tán lá của đủ loại cây, nhất là những cây bách tuyệt đẹp phủ lên những lăng tẩm nguy nga. Ngoài ra còn có những con đường khác như đường Flaminienne và đường Latine cũng có lăng tẩm như đường Appia. Với người La Mã, cái dân tộc có gu về cái chết gần như phổ biến giống ở Anh, nơi dưới thời cai trị của Tibère, Caligula và đặc biệt thời Néron việc chết như một bệnh dịch lây lan thì với người La Mã, mối bận tâm xem việc đặt thi thể an nghỉ ngàn thu ở chỗ nào là cực kỳ quan trọng.

Vì lẽ đó hiếm khi một người còn sống phó mặc việc lo hậu sự chỗ chôn cất cho thế hệ kế cận. Đó là một thú vui khi tự mình chăm lo phần hậu táng của chính bản thân. Vì thế, phần lớn các ngôi mộ ngày nay chúng ta gặp đều mang hoặc hai chữ viết tắt V. F. có nghĩa là *Virus fecit*; hoặc ba chữ V. S. P. có nghĩa *Virus si bi posuit* hay V. E. C. có nghĩa *Virus faciendum curavit*(1).

Quả thật điều vô cùng quan trọng với một người La Mã là được chôn xuống đất. Theo tục lệ tôn giáo lan truyền từ thời Gicéron, khi mà mọi loại mê tín tuy đang bắt đầu bị loại bỏ, rằng linh hồn của bất cứ ai chết nếu không có mồ mả sẽ phải lang thang hàng trăm năm bên bờ sông Styx. Chính vì vậy mà ai đó gặp một thi thể dọc đường mà không chôn chất tử tế sẽ bị coi phạm một tội nặng không thể dung thứ trừ phi dùng một con lợn cái tế cho Cérès.

Tuy nhiên, được chôn cất chưa phải là tất cả mà còn phải được chôn một cách êm ái nữa kia. Thần Chết của người tà đạo không có vẻ gì đáng ghê sợ như kiểu một bộ xương lủng lẳng gắn với các sọ trắng hếu, hốc mắt trống rỗng và hàm răng nhe ra chết khiếp ta vẫn thấy.

Không, thần Chết của họ là một người đàn bà đẹp, là cô con gái xanh xao nhợt nhạt của thần Giấc ngủ và thần Bóng đêm với mái tóc loà xoà, bàn tay trắng và lạnh giá, cái ôm đóng băng, có cái gì giống như một người bạn gái xa lạ, khi người ta gọi thì bước ra khỏi bóng tối với bước đi chậm chạp và lặng lẽ, khẽ cúi xuống người chết và chỉ cần một nụ hôn tang tóc đủ khép đôi môi và đôi mắt của kẻ đó. Thế là cái xác trở nên câm lặng, vô cảm cho đến khi giàn lửa bao trùm và cuốn lấy cái xác, chia phần linh hồn ra khỏi vật chất, vật chất trở thành tro tàn còn linh hồn trở thành thần thánh. Tuy nhiên, vị thần mới này, cũng vô hình với người sống như những con ma đối với chúng ta, sẽ lấy lại thói quen, sở thích và đam mê của nó, trở lại việc sở hữu các giác quan, yêu thứ nó từng yêu và ghét thứ nó từng ghét.

Chính vì thế mà trong mộ của một binh sĩ người ta hay chôn theo cái khiên, cái lao và thanh kiếm, trong mộ của phụ nữ là kim khâu kim cương, dây chuyền vàng và vòng ngọc của họ, trong mộ của trẻ em là đồ chơi, bánh mì, hoa quả, một cốc Albat, vài giọt sữa vắt từ vú mẹ khi người mẹ chưa bị kiệt sữa.

Nếu cái ngôi nhà mà người ta sống trong quãng đời ngắn ngủi của mình còn quan trọng mức nào với La Mã thì bạn hãy nghĩ xem ngôi nhà họ ở vĩnh viễn phải được chăm chút ra sao vì các vong hồn ở mãi trong nấm mồ của họ. Do đó, họ trang trí tuỳ sở thích, một số là những người vui thú điền viên nghiệp dư với sở thích đơn giản, ưa chè chén, một số ít khác lại sắp đặt chỗ mai táng của mình trong vườn, trong rừng để thiên thu vui cùng các thần sông núi, rừng già, được đưa nôi trong tiếng lá xào xạc trong gió, thư giãn theo tiếng suối rót rách qua những viên sỏi hay vui cùng bầy chim líu lo trên cành cây.

Những người này thường là các nhà triết gia hay những nhà thông thái còn những người khác vốn là số đông, đa số, ưa vận động, ưa giao tế họ sẵn sàng trả giá bằng vàng để mua những mảnh đất bên đường cái quan nơi lắm kẻ qua lại để tứ xứ mang đến châu Âu tin tức về châu Á, châu Phi dọc theo đường Latine, Flaminienne và nhất là đường Appia. Đường nào cũng đi đến Naples nhưng chúng có hai hàng điện thờ, lăng tẩm. Kết quả là những vong hồn may mắn được chôn dọc theo đường Appia không chỉ được thấy những khách quan quen và lạ qua lại, không chỉ được nghe người ta nói đến tin tức sốt dẻo ở mãi châu Á, châu Phi mà còn nói với các khách quan bằng những hàng chữ văn bia trên lăng tẩm của họ.

Tuỳ theo tính cách từng người, họ viết khi còn sống mà chúng ta quan sát được, người khiêm nhường thì nói:

"Tôi đã từng sống, hiện tại tôi không sống nữa

Đó là tất cả cuộc sống của tôi, tất cả cái chết của tôi".

Người giàu có thì viết:

"Nơi đây an nghỉ

STABIRIUS

Lẽ ra ông đã có thể có một vị trí

trong đội quân thành Rome

nhưng ông ấy không muốn

Sùng đạo, can trường, chung thủy

Tay trắng mà để lại 30 triệu

và không bao giờ muốn nghe những tên học giả

Hãy bảo trọng và bắt chước ông ấy!

Và như để thu hút sự chú ý nhiều hơn của khách qua đường, Stabinus, một anh nhà giàu còn cho khắc hình mặt trời lên trên văn bia của mình.

Người văn chương lại nói:

Du khách!

Dù hành trình của bạn có vội vã đến đâu

tảng đá này vẫn muốn bạn nhìn nó

và đọc những gì được ghi:

Nơi đây an nghỉ nắm xương tàn của nhà thơ

MARCUS PACUVIUS

Đó là điều tôi muốn nói với bạn

Vĩnh biệt.

Người kín đáo viết:

Danh tính, quê quán, xuất thân của tôi

Tôi từng thế nào vẫn là như thế

Tôi sẽ không nói ra

Câm lặng vĩnh hằng, tôi chỉ còn chút

Tro tàn, xương trắng, không gì hết.

Đến từ hư vô, tôi quay lại nơi tôi đã đến

Số phận tôi chờ bạn.

Vĩnh biệt

Người mãn nguyện lại viết:

Từng sống trên đời, tôi trải qua hết

Phần tôi đã xong, phần bạn cũng sớm đến hồi kết

Vĩnh biệt.

Hãy vỗ tay vào.

Cuối cùng, một người vô danh, chắc là cha một em bé đã viết lên mộ con, một bé gái tội nghiệp mới lên bảy tuổi:

Đất ơi! Đừng đè lên em!

Em vẫn chưa từng đè lên đất.

Vậy những kẻ đã chết còn cố bám đuổi sự sống bằng ngôn từ trên mộ nói với ai? Ai là người họ vẫy gọi từ nấm mồ của họ? Họ tiếp tục đi vào suy nghĩ của thế giới nào nữa? Kẻ nào là người vui vẻ vô tư đi qua nhanh mà chẳng nghe họ, chẳng nhìn họ?

Vào khoảng bốn giờ chiều, khi cái nóng gay gắt trong ngày dịu lại, khi mặt trời bớt dữ dằn và bớt loá mắt trên biển Tyrrhénienne, khi bóng những cây thông, cây sồi xanh và cây cọ ngả dài từ Tây sang Đông, khi cây trúc đảo *Sicile* rũ mình khỏi bụi ngày trước làn gió đầu tiên và từ dãy núi xanh lơ nơi có đền thờ Jupiter Latial xuống, khi hoa trà Ấn Độ nở cánh trắng như ngà tròn trặn như ống kèn, và như một cái cúp toả hương sẵn sàng đón giọt sương chiều, khi loài hoa nélumbo từ biển Caspa tránh ngọn lửa nóng nhô lên khỏi mặt nước để tận hưởng cái dịu mát ban đêm cũng là lúc cổng lớn của đường Appia bật mở xuất hiện những gì người ta có thể gọi là những người đẹp, những hiệp sĩ thành Rome, những thị dân bước ra khỏi nhà mồ của họ để hít thở, để sẵn sàng diễn binh, ngồi lên ghế bành, ghế tựa, lên bậc cho các kỵ sĩ lên ngựa hay nằm trên các ghế băng hình vòng tròn dùng cho khách qua đường ngả lưng ở nhà của những người quá cố hòng tạo thuận tiện cho những người sống.

Chưa bao giờ thành Paris, ở giữa hai hàng rào đại lộ Champs-Élysée, chưa bao giờ thành Florence có Cascine, Vienne có frater, Naples bị dồn giữa phố Telède hay Chiaina từng thấy số lượng diễn viên phong phú, tụ họp số khán giả tương tự như ở đây.

<u>Chú thích:</u>

(1) "Đã thực hiện khi còn sống"; "Sinh thời (ông ấy) đã tự soạn cho mình"; "Cho xây từ khi còn sống".

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 100

Chuyện xảy ra trên đường Appia năm mươi năm trước công nguyên.

Trước hết tốp đầu tiên hiện ra là các kỵ sĩ cưỡi giống ngựa xứ Numide, tổ tiên loài ngựa các quý ông ngày nay hay cưỡi. Những con ngựa đua ấy không yên cương, không bàn đạp chỉ có tấm vải phủ mông màu vàng hay tấm chăn phủ bằng da hổ. Vài chú sẽ dừng lại xem đoàn người diễu qua, số khác sẽ tiếp rảo bước về phía trước những người chạy mặc áo lửng, giày nhẹ, áo choàng cuộn buộc quanh vai trái và cánh áo có một thắt lưng bằng da thắt gọn gàng hay thả lỏng tuỳ theo họ muốn đi nhanh hay đi chậm. Cuối cùng có một toán người như thể đang tranh cãi ngã giá cho cuộc đua đã nhảy vào đường Appia, thả vào trước đám ngựa lũ chó ngao cổ đeo vòng bạc. Bất hạnh thay cho kẻ nào rơi vào cái cuộn vòi rồng ấy? Thương thay cho kẻ nào để cơn lốc xoáy giữa tiếng ngựa hí, tiếng chó sủa và bụi quấn lấy! Kẻ nào bị lôi ra do chó cắn, do ngựa giẫm phải y như rằng kẻ đó máu me, bầm dập, thương tích đầy mình. Trong lúc tay đua đang ra đòn quay lại nhưng không giảm tốc độ, hắn ta sẽ phá lên cười và sẽ hướng ngựa về đích.

Phía sau lũ ngựa Numide là các chiến xa hạng nhẹ có tốc độ chạy ngang với các con ngựa miền hoang mạc mà chủng này được đưa vào Rome cùng thời với Jugurtha: đó là những con Cisil, đội quân biết bay, bao gồm ba con chạy chĩa ra hình rẻ quạt trong đó con bên phải và bên trái vừa phi và chồm lên vừa lắc tít cái lục lạc bằng bạc của chúng, trong khi con ở giữa chạy theo một đường thẳng tắp mà người ta vẫn gọi là như tên bắn.

Sau đó là những xe Carrucae, loại xe bốn bánh cao mà xe Corricolo hiện đại chỉ là một biến thể hay đúng ra là hậu duệ của nô, hiếm khi các quý ông tự lái mà hầu như cho một tên nô lệ mặc bộ đồ lòe loẹt đánh xe.

Phía sau những Cisil và Carrucae, nhiều cỗ xe bốn bánh tiến lên, đó là

những chiếc xe có đệm tựa lững màu đỏ tía và thảm sang trọng phủ bên ngoài; những xe có mui và cửa đóng chắc vì đôi khi nó còn chở những bí mật chốn khuê phòng trong những khu phố thành Rome hay các cuộc công cán vi hành. Hai hình ảnh tương phản lẫn nhau hiện ra, một là hình ảnh mệnh phụ mặc váy dài, ngồi thẳng đơ như một pho tượng trên cỗ xe Carpentium, một loại xe có hình thù kỳ dị mà chỉ các quý bà quyền thế mới có quyền ngồi, một là hình ảnh các ả gái mặc thứ quần áo mỏng như dệt bằng sương mù, uể oải nằm trên kiệu tám phụ khiêng, bên phải là một ả Hy Lạp phóng túng, kẻ mồi lời hẹn hò tay cầm chiếc quạt lông công phe phẩy cho bà chủ, bên trái là một tên nô lệ vác bậc kệ chân có bọc vải nhung đính với một đài dài và hẹp cũng bằng nhung để cho kẻ bán phấn buôn hương cao giá có thể xuống nền nơi ả quyết định ngồi nghỉ sao cho bàn chân trần và đeo đầy đá quý khỏi phải chạm vào đất.

Một khi đã "diễu binh" qua Champ de Mars, một khi ra khỏi cổng Capène, hay một khi ra khỏi đường Appia, rất nhiều người tiếp tục con đường của họ bằng ngựa hay xe, song cũng có rất nhiều quan khách dừng chân xuống đất, để hành lý cho bầu đoàn nô lệ trông coi rồi đi dạo ở khoảng giữa các lăng tẩm và nhà mộ hay ngồi lên ghế đẩu cho thuê với giá nửa Sesterce một giờ. Ôi chao! Đến đây ta mới thấy cơ man là thanh lịch thật sự! Đó mới là nơi "mốt" ngự trị một cách áp đảo! Nào là người ta tên hiểu kiểu cách để râu, để tóc, hình thù váy dài váy ngắn ra sao. Dẫu cái vấn đề lớn đã được César quyết song trước sự hoài nghi của thế hệ mới họ vẫn xem nên mặc áo dài hay ngắn, bó sát hay buông rộng. César mặc áo choàng dài và buông rộng nhưng từ thời César đến nay người ta đã tiến những bước dài lắm rồi! Thế là họ luận với nhau hết sức nghiêm túc về trọng lượng nhẫn đeo tay vào mùa đông ra sao cấu tạo các thành phần son môi thế nào, về dầu thoa da cho mềm mại về viên ngậm chiết xuất từ cây mía hay cây nhũ hương với rượu vang lâu năm để miệng phả ra cái mùi dễ chịu! Các quý bà vểnh tai nghe tay lại tung qua tung lại từ trái sang phải những hợp nhỏ đựng long diên vừa thơm vừa mát, họ tán thưởng bằng đầu, bằng mắt thậm chí bằng tay trước những học thuyết uyên thâm nhất và ngẫu nhiên nhất; môi họ nghếch lên bởi một nụ cười để hé hàm răng như ngọc như ngà, tấm mạng hất ra sau để nhìn ngầm, lộ ra sự tương phản chan chát giữa cặp mắt nhung huyền và cặp lông mày như mun với mái tóc vàng rực, vàng như vàng khuôn hay hơi xám tuỳ cách nhuộm làm biến màu nguyên gốc hoặc bằng xà phòng hỗn hợp từ than cây sồi rừng trộn với mỡ dê mua từ mãi bên Đức hoặc dùng hỗn hợp cặn giấm với dầu nhũ hương hoặc đơn giản hơn rất nhiều đi mua ở cửa hàng

những bộ tóc giả đẹp tuyệt của các cô gái nghèo xơ xác xứ Gaule bán cho các tay kéo với giá 50 Sesterce để các tay phó cạo này bán lại với tài ra giá xuất chúng.

Thế mà cái cảnh tượng này được ngưỡng mộ một cách vô cùng thèm muốn bởi những kẻ bình dân mình trần, những tên Hy Lạp đói khát đến mức chực bay lên trời để ăn tối và bởi những kẻ triết gia choàng áo măng tô nhàu nát và cái hầu bao rỗng tuếch vẫn tuôn ra những bài diễn văn chống lại thói xa hoa và chống lại kẻ giàu.

Tất cả, vừa kẻ đứng người ngồi, kẻ nằm người đi tới đi lui, núng nính gác chân khi thì vào người khác khi tự đè lên chân mình vừa giơ tay lên cho cổ tay kéo tụt trễ cuống lộ ra cánh tay đeo đầy đá quý, hỉ, nộ, ái, ố, lầm bầm những bài hát của Cadix hay Alexandrie mà quên bẵng những người chết đang lắng nghe họ, tuôn ra nhưng câu đùa nhảm nhí bằng ngôn từ của Virgile, ném vào nhau những trò chơi chữ từ tiếng Démesthène, vừa nói tiếng Hy Lạp, vì tiếng Hy Lạp là ngôn ngữ tình yêu thật sự. Một ả gái lầu xanh không biết nói với tình lang của mình bằng tiếng Thais hay Aspasie rằng "Cuộc sống của em và tình yêu của em" thì ả đó chỉ là con bé dành cho đám lính đi dép lê và mang khiên bằng da. Thế mà, để mang lại thú vui, những lâu đài thành quách, những cuộc biểu diễn và bánh mì cho đám người vô công rồi nghề này, cho đám thanh niên có cái đấu nhẹ tếch, đám đàn bà lẳng lơ, đám con trai phung phí sức trong những nhà thổ và hầu bao trong các tửu lâu, cho đám dân ăn không ngồi rồi và lười biếng vì trên hết, dân ấy là dân Italie những nó khà khịa như dân Anh, kiêu hãnh như dân Tây Ban Nha, gây gổ như dân Gaulois, đám dân dành cuộc sống của mình để diễu dưới những hàng hiên, thả tấm thân vào bồn tắm hay nện hai tay vào nhau trong các đấu trường chính vì đám thanh niên ấy, đàn bà, công tử bột và vì cái dân ấy mà Virgile, con thiên nga dịu dàng thành Man-tô-ca, nhà thơ cơ đốc từng ca ngợi hạnh phúc miền thôn dã, nguyền rủa tham vọng cộng hoà, lên án cuộc nội chiến tàn khốc vô lương tâm và chuẩn bị phần đẹp nhất, phần thơ vĩ đại nhất lẽ ra phải sáng tác từ thời Homère đã đem đốt đi vì thấy nó không xứng với không chỉ hậu thế mà còn với kẻ đương thời!

Chính vì chúng, vì trở về với chúng mà Horace phải trốn sang với Philippe, để chạy nhanh hơn ông ta đã ném cái khiên ra; để được chúng ngắm nhìn, tôn danh mà ông ta dấn thân vào Champs de Mars, bên bờ sông Tibre mải miết theo cái gọi là chiến trận; chính vì chúng mà ông bị sống lưu vong từ năm năm ở chỗ người Thraces không biết gì đến vui thú dẫu rằng trước kia ông tưởng là người tình của con gái hoàng đế. Vì bọn chúng mà Ovide viết những vần thơ "Buồn", "Ponti ques" và "Métamorphoses", chính vì trở lại với bọn chúng mà ông cầu xin hoàng đế Auguste và sẽ cầu khẩn hoàng đế Tlbère để mình trở lại Rome. Vì chúng, vì để giữ lại tình yêu của chúng, thừ tình yêu thay đổi như thời tiết tháng tư mà Mécène, hậu duệ của những vị vua nước Etrurie, bạn của hoàng đế Auguste, cho ra những vần thơ của mình, những bức bích hoạ, những tiết mục hài kịch, những nét mặt khóc cười trong thể loại kịch điệu bộ Pylade, những thế nhảy đập chân của kiểu nhảy Bathylle! Vì chúng mà Balbus mở nhà hát, Philippe dựng viện bảo tàng, Pollion xây các điện đài nhà thờ.

Vì chúng, Agrippa cho bán vé xổ số trị giá hàng hai mươi nghìn Sesterces, bán các loại vải thêu chỉ vàng chỉ bạc, những đồ gỗ khảm xà cừ và ngà voi. Vì chúng mà ông ta xây những nhà tắm có thể ở lại từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời đi ngủ, những phòng tắm vừa cạo râu, xực nước hoa, xoa bóp, giải khát, được thưởng thức những đồ ăn siêu hạng. Vì chúng, ông cho đào ba mươi dặm kênh rạch, xây sáu mươi bảy dặm cầu máng dẫn vào Rome mỗi ngày hơn hai triệu mét khối nước phân phát cho các suối giả, một trăm ba mươi lâu đài nước, một trăm bảy mươi đài phun. Cuối cùng vì chúng, để thay thế từ Rome xây gạch sang lát đá cẩm thạch, để xây các nghị trường, các nhà thờ lớn kiểu *basilique*, những nhà hát mà hoàng đế Auguste, vị hoàng đế thông thái, đã cho nung chảy cái đá vàng của mình, chỉ giữ từ những gì Ptolémées để lại một bình mua rin, di sản của cha mình Octavius truyền lại từ thời César. Vì chúng mà ông cho làm lại con đường từ Flaminia đến tận Rimini, cho gọi những tên hề và các triết gia từ Hy Lạp sang, những vũ công từ Cadix, những đấu sĩ từ Gaule và Đức, cho mang những con trăn, hà mã, hươu cao cổ, hổ, voi, sư tử từ châu Phi về. Và cuối cùng cũng vì chúng mà trước khi chết ông hỏi: "Các ngươi có hài lòng về ta không hỡi dân La Mã? Ta có hoàn thành vai trò hoàng đế không? Có ai?… Thế thì vỗ tay đi…?

Đó là những gì xảy ra trên đường Appia, ở Rome với người La Mã vào thời hoàng đế Auguste. Nhưng vào thời điểm hai vị lữ khách của chúng ta đang đi tại đó, tức là gần hai nghìn năm đã trải qua, cái nơi thích thú nhất của những kẻ đã chết từ cổng Capène đến Albano, chỉ còn là những hoang tích lụi tàn mà trong đó chỉ có con mắt của nhà khảo cổ mới có thể dõi theo được cái huyền bí của quá khứ mà thôi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 101
Cuộc luận bàn cổ học giữa một đại uý hải quân và một đại uý kỵ binh

Hai chàng trai trẻ im lặng một hồi lâu, một trong hai người trẻ hơn, đó là người đã mua cỗ xe trước, chăm chú nhìn những dòng chữ kỳ vĩ của lịch sở cổ đại, người kia nhiều tuổi hơn lơ đãng ngắm nhìn và chắc hẳn với anh ta, đống hoang tàn lịch sử ấy chẳng gợi lại một ngày tháng cũng như âm thanh nào trong khi người bạn đồng hành của anh ta như đang đọc trước cuốn sách mở sẵn.

- Thế mà có người - Anh chàng sĩ quan kỵ binh nói một cách lơ đãng và gần như là cao ngạo - Thế mà có người nghĩ rằng có những kẻ biết tên và chuyện về những tảng đá này đấy.

- Đúng thế có những người như vậy - Người đồng hành mỉm cười nói.

Tôi hình dung hôm qua tôi ăn tối tại nhà ngài đại sứ của chúng ta, ngài Alquier, để trình một lá thư của đại công tước Berry.

Lúc ấy có một nhà bác học, một kiến trúc sư cũng đến, ông ta có một bà vợ quả thật vô cùng xinh đẹp.

- Ông Visconti đúng không?

- Ngài biết ông ta?

- Thì với miêu tả của ngài, ai mà chẳng nhận ra ông ấy chứ?

- Ngài sống ở Rome à?

- Tôi mới chỉ đến đó hôm qua là lần đầu tiên và sáng nay lại chia tay nó cùng ngài, nhưng điều đó không ngăn tôi hiểu Rome như nơi tôi sinh ra.

- Nói như vậy là ngài rất để tâm nghiên cứu Thành phố vĩnh hằng, như cách

người ta vẫn gọi?

- Tôi quan tâm như thể khoả lấp niềm đam mê, tôi vô cùng yêu những chuỗi ngày xa xưa, con người thời ấy là những gã khổng lồ và Virgile quả nói đúng khi một câu thơ tuyệt vời có nói rằng một hôm, khi lưỡi cày xới qua mộ phần của họ, ta phải kinh ngạc về kích cỡ bộ xương của họ.

- À đúng! Quả có vậy, tôi nhớ rồi - Anh chàng kỵ binh vừa ngáp vừa nhớ lại kiến thức hồi học trong trường: *mirabitur ossa sepulcris*(1) - nhưng anh ta cười nói tiếp - Nhưng không biết có thật chúng to hơn xương của chúng ta không nhỉ?

- Chúng ta đang đi qua đúng nơi có bằng chứng ấy đấy.

- Chúng ta qua đâu vậy?

- Chúng ta đi qua trước đấu trường Maxence, rướn người lên và ngài sẽ thấy một thứ dạng như nấm mồ.

- Thế nó không phải một lăng mộ à?

- Phải, nhưng vào thế kỷ XV nó bị lộ ra: đó là mộ của một người bị mất đầu, không có đầu mà ông ta còn cao gần sáu bộ. Cha ông ấy là con cháu người Goths, mẹ người Alains; ban đầu ông ta làm mục đồng trên núi, sau đầu quân dưới trương Septime Sévère, tiếp đến chỉ huy đội một trăm quân dưới Caracalla, làm tộc trưởng dưới quyền Hélingabale và cùng làm hoàng đế sau Alexandre. Ông ta đeo nhẫn bằng chiếc vòng cổ tay của vợ, chỉ dùng một tay cũng kéo được xe bò chở nặng, bóp đá nát vụn thành bụi, vật 30 đô vật xuống đất không cần nghỉ, chạy nhanh như ngựa phi nước đại, chạy quanh đấu trường ba vòng chỉ mất mười lăm phút và mỗi một vòng, mồ hôi chảy đầy một chiếc cốc.

Cuối cùng, ông ấy ăn 40 livre thịt mỗi ngày và uống cạn vò rượu chỉ một hơi. Ông ấy tên là Maximin: ông bị giết ở Aquilée do chính bàn tay quân của mình, chúng mang đầu ông dâng cho Sénat, người này đem thiêu nó trước sự chứng kiến của dân chúng ở Champ de Mars. Sáu mươi năm sau, một hoàng đế khác được coi là hậu duệ của ông cho tìm thi thể ông ở Aquilée; Sau đó, vì người này cho xây đấu trường kia nên đặt ông vào nhà mộ. Do cung tên là

vũ khí sở trường của người chết nên vị hoàng đế cho đặt cạnh thi hài ông sáu mũi tên bằng cây sậy Euplurate và cây cung bằng gỗ cây tần bì Đức; Cây cung dài 8 bộ, mũi tên tài nam bộ; như tôi vừa nói đấy, người khổng lồ này có tên là Maximin mà ông ấy từng là hoàng đế Rome. Người dựng lăng này và cho tạc ngựa xe xung quanh lăng là Maxence, ông ấy bị chết đuối trong khi bảo vệ Rome chống lại Constantin.

- Đúng thế, - Viên sĩ quan kỵ binh nói - Tôi còn nhớ như in bức hoạ của Le Brun tái hiện cảnh Maxence đang cố ngoi khỏi nước. Cái tháp trôn trên đó có mọc cây lựu như trong vườn treo Sémiramis đấy, có phải là mộ của ông ta không?

- Không, đó là lăng mộ của một phụ nữ duyên dáng mà ngài có thể đọc tên trên bia đá cẩm thạch. Vào thế kỷ XIII lăng này dùng làm pháo đài cho cháu của giáo hoàng Boniface VIII, giờ nó là lăng của Caccilia Metella, vợ Crassus, con gái Metellus.

- À! - Viên sĩ quan kỵ binh nhận ra - đó là vợ của một gã hà tiện đến nỗi khi đi theo một tên triết gia Hy Lạp mà ông ta mua, lúc về sợ nắng đã đội cho hắn cái mũ rơm cũ mèm chứ gì.

Điều ấy không ngăn ông ta cho César vay 30 triệu khi đám chủ nợ ngăn không cho César đến Tây Ban Nha nơi mà khi trở về sau khi trả hết nợ, César còn có 40 triệu nữa. Ba mươi triệu trả nợ thay cho hoàng đế César và lăng mộ dựng cho vợ là hai dấu vết duy nhất trong đời Crassus.

- Thế bà ta có đáng được xây lăng mộ như vậy không? - Viên sĩ quan hỏi.

- Có chứ, đó là một phụ nữ cao quý, thông tuệ, nghệ sĩ và thi sĩ Tập trung ở nhà bà có Catilia, César, Pompeé, Cicéron, Lucullus, Terentius Vanon, tất cả những gì thông thái, lịch thiệp giàu sang của thành Rome, ngài có hình dung ra sự quần tụ như vậy không?

Chắc chắn phải vui hơn nhà ông đại sứ Alpquier của chúng ta rồi. Những hình như lăng tẩm của bà ta đã bị đào hay sao ấy.

- Đúng thế, theo lệnh của giáo hoàng Paul Đệ tam, người ta tìm thấy một bình thi hài của bà ta đã cho mang vào góc sảnh điện Famèse nơi chắc bây giờ bà vẫn ở đó.

Trong khi ấy, cỗ xe vẫn tiếp tục con đường của mình. Họ vừa đi qua lăng mộ của Caccilia Metella và lại gần một đống hoang tàn đổ nát vì không được bảo quản.

Viên sĩ quan kỵ binh ban đầu tỏ ra thờ ơ trước những lời giải thích của người bạn đồng hành, nhưng càng nghe anh ta càng chăm chú từng lời:

- Thú thật có một điều tôi không hiểu nổi - Anh ta nói - Đó là lịch sử viết thường tẻ ngắt bao nhiêu thì chuyện kể lại hấp dẫn bấy nhiêu. Tôi ấy à, tôi luôn tránh xa những đống đổ nát như tránh tổ rắn vậy, tôi sẵn sàng bỏ đi khi những bia đá kia muốn kể chuyện của chúng cho tôi nghe.

- Ngược lại, câu chuyện về chúng rất hấp dẫn đấy.

- Thôi nào, tôi đâu tò mò như vị hoàng đế trong chuyện *Nghìn lẻ một đêm* nghe nàng Shéhérazade xinh đẹp kể mỗi tối một chuyện.

- Đó là dinh của hai anh em Quintilien muốn ám sát hoàng đế Commode.

- À! à! Đó có phải là cháu nội của Frajan không?

- Và là con trai của Marc Aurèle. Nhưng những hoàng đế về sau cha truyền mà con không nối. Khi 12 tuổi, thấy bồn tắm nước nóng quá, hắn đã cho tên nô lệ chuẩn bị nước ấy vào lò thiêu và dù nước tắm đã nguội hắn vẫn chỉ muốn tắm khi tên nô lệ đã chín thui. Tính khí ngông cuồng của tên hoàng đế trẻ này càng ngày càng hung bạo, kết quả là đã có bao người nguyền rủa hắn trong đó có hai anh em chủ nhân toà đổ nát mà chúng ta đi qua đây. Chỉ cần hành thích Commonde là xong, nhưng để hành thích một người có sức vóc như vậy đâu có dễ. Tên hoàng đế lẽ ra không được gọi là Commode con trai của Marc Aurèle mà phải gọi là Hercule, con trai thần Jupiter(2) mới đúng. Hắn rất thích xem võ sĩ đấu hắn khéo léo hơn bất cứ đấu sĩ nào quần nhau trong đấu trường, hắn học bắn cung từ một người Parthe và phóng lao từ một người Maure. Một hôm, trong đấu trường, ở phía đối diện hoàng đế có một con báo cắp một người chực xé xác ông ta. Commode, người lúc nào cũng mang theo cung tên, đã bắn một mũi chính xác vào con báo mà không chạm vào người kia. Một hôm khác, khi thấy lòng cuồng nhiệt của dân chúng bắt

đầu nguội đi, hắn cho loan báo khắp thành Rome rằng mình hạ 100 con sư tử với 100 mũi lao. Thế là đấu trường đầy ắp khán giả, ngài cũng đoán được đấy. Người ta mang vào lô của hoàng đế một trăm mũi lao bằng sắt mạ vàng rồi lùa vào đấu trường 100 con sư tử. Hắn đã phóng 100 mũi lao và giết chết một trăm con sư tử thật.

- Ồ! Ồ! Chàng sĩ quan kỵ binh thốt lên.

- Không phải tôi dựng chuyện đâu - Người đồng hành của anh ta nói - Chính Hérodien(3) đã viết lại, ông ấy nhìn tận mắt mà.

- Thế thì lại là chuyện khác - Anh chàng sĩ quan kỵ binh vừa nói vừa ngả cái mũ côn-bắc - Tôi không còn gì để nói.

- Ngoài ra - Người kể chuyện tiếp tục - hoàng đế cao sáu bộ và như tôi nói đấy, hắn rất khỏe. Hắn quật một cây gậy đủ gẫy chân một con ngựa, đấm một phát cũng hạ con bò chết tươi. Một lần thấy một tráng sĩ có thân hình vạm vỡ vô cùng, hắn gọi lại, rút gươm ra và chỉ một nhát đã chém đứt người đó làm hai. Ngài thấy đấy thật mạo hiểm và khó khăn khi tạo phản chống lại một kẻ như vậy.

Tuy thế hai anh em Quintilien vẫn quyết định hành sự chỉ có điều họ rất thận trọng: họ đem chôn tất cả số vàng bạc đá quý tiền mặt và chuẩn bị ngựa sẵn sàng bỏ trốn nếu sự không thành. Sau đó họ rình dưới mái vòm, lối hẹp dẫn từ cung điện đến đài vòng.

Ban đầu vận may có vẻ mỉm cười với những tên mưu phản: Commode xuất hiện hầu như không có ai đi kèm. Anh em Quintilien xông vào và những kẻ đồng mưu vây quanh hắn.

- Nhận lấy này - Một trong hai anh em vừa đâm dao gắn vừa nói - Nhận lấy này César, đây là thứ ta mang cho mi phần của Sénat.

Thế là một cuộc chiến nảy lửa diễn ra dưới một vòm tối om trong lối đi hẹp đó. Commode chỉ bị thương nhẹ: những đòn tấn công chẳng làm hắn nao núng, ngược lại mỗi lần hắn ra đòn lại một người ngã xuống. Cuối cùng hắn cũng tóm được người đã đâm hắn đầu tiên dùng cánh tay thép siết cổ ông ta. Trong lúc gần chết, người anh cả hét lên với em:

- Chạy đi Quadratus, thất bại rồi!

Quintilien tháo chạy, nhảy lên lưng ngựa lao đi.

Quân lính nhanh chóng bủa vây: đó là cuộc đua giữa mạng sống của kẻ bị truy đuổi với khoản tiền thưởng hậu hĩnh cho kẻ nào bắt được.

Tuy bị quân lính đuổi kịp song may thay con người này lường trước mọi việc đã chuẩn bị một mẹo, mẹo này hết sức kỳ lạ nhưng ta phải tin vì nó được Dion Cassius kể lại. Kẻ chạy trốn đã chuẩn bị một chai tiết thỏ rừng, đây là con vật duy nhất có máu không đông, không bị hỏng như máu các loài vật khác. Ông ta giả vờ bị ngã ngựa y như một vụ tai nạn. Quân lính thấy ông ta nằm sõng soài ra đất; máu trào ra như suối. Thế là chúng chắc kẻ này đã chết, lột quần áo, quẳng cái xác tại chỗ rồi về bẩm báo lại với Commode rằng kẻ thù của hắn đã chết và chết ra sao. Trong khi ấy Quintilien đã nhỏm dậy, về nhà mặc quần áo, mang theo tất cả vàng bạc châu báu rồi bỏ trốn.

- Thế Commode về sau chết thế nào? - Viên sĩ quan kỵ binh hỏi - Tôi thấy quan tâm đến gã đồ tể giết cả trăm con sư tử một ngày ấy quá.

- Commode bị đầu độc chết bởi Marçia, nhân tình được sủng ái nhất của hắn rồi bị Narcisse, lực sĩ tâm đắc nhất của hắn treo cổ Peltinax chiếm ngôi hoàng đế rồi sáu tháng sau để tuột mất ngai vàng cùng mạng sống của mình. Thế là Ordius Julianus mua Rome. Nhưng Rome vẫn chưa quen với việc bị đem ra bán ấy.

- Giờ thì nó quen rồi đấy thôi - Viên sĩ quan bẻ lại.

- Đúng thế, nhưng lần ấy nó đã nổi dậy. Quả thật là kẻ mua nó đã quên trả tiền. Septime Sérère nhân cuộc bạo động cho giết Didius Julianus rồi trèo lên ngai vàng. Mọi người thở phào.

Vì trước khi đến Velletri sẽ không có trạm ngựa nào mà từ Rome đến Velletri phải mất năm dặn nên người đánh ngựa xin phép cho ngựa nghỉ một lát.

Hai hành khách vui lòng chấp thuận vì họ đã đến một trong những nơi thú vị

nhất của miền thôn dã thành Rome.

Chú thích:

(1) Thơ của Virgine "Georgique" tập 1, trang 497.

(2) Trong thần thoại Hy Lạp gọi là thần Dớt (Zeus).

(3) Trong cuốn "Lịch sử đế chế sau cái chết của Marc Aurèle" - tập 1

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 102
Nhờ đâu độc giả đoán được tên một trong hai hành khách biết được tên người kia?

Họ đang đứng tại vị trí từng quyết định vận mệnh của thành Rome. Đó là chiến trường giữa người Horace và người Curiaces.

Trước thông tin này, chàng sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi làm động tác cúi chào bằng cách dùng tay ngả cái mũ côn-bắc ra.

Cả hai cùng đứng dậy trong xe.

Con đường Albano chia làm hai, trước mắt họ là dải đồi hùng vĩ trong đó có ngọn Socacte, từ thời Horace còn phủ đầy tuyết giờ đây đã phủ một màu xanh ngút ngát, nằm ở tận cùng phía bên trái đỉnh cao nhất của dải đồi là nơi có đền thờ Jupiterlatial.

Phía trước, trắng xoá đến tận đỉnh một quả đồi là Albano, đứa con đỡ đầu của thành phố Albe La Longue, thành phố dành tên của mình cho đứa con tiếm quyền nổi lên trên đống đổ nát của trang viên Pompée và nơi đó, với tám trăm nóc nhà cùng ba nghìn dân cũng chưa vừa cho tên giết người như giết ruồi Domitien từng làm, còn phải thêm vào trang viên một kẻ giết người là Pompée nữa. Bên phải, tháp dần về phía biển Tyrrhène là dải đồi trải rộng theo hình vòng cung nơi từng là chiến trường lần lượt xâm chiếm lẫn nhau của các tộc người Falisquèque, Volsque, Sabine và Hemlque. Phía sau là Rome, thung lũng Egérie nơi Numa từng đến nghe lời phán truyền, chuỗi các lăng tẩm họ vừa đi qua giống như nối họ với thành Rome bằng một đường cày đổ nát. Cuối cùng, sau Rome là biển kỳ vĩ, đó đây đó những hòn

đảo trăng trắng nổi lên giống những đám mây trên đường lên chốn vĩnh hằng đang thả neo trên nền trời.

Đấu trường gần đó đã có lịch sử hai nghìn năm trăm năm. Nó như cái cội trụ của lịch sử nhân loại trong hai mươi thế kỷ hoặc dưới thời cộng hoà hoặc dưới thời Giáo hoàng.

Sau khi ngựa lại sức, cỗ xe tiếp tục cuộc hành trình của nó.

Ngược lên trên mạn lăng mộ của ba anh em nhà Horaces có một con đường mòn nhỏ nằm tách hẳn bên phải con đường lớn và nó được nhìn rõ giữa đám cỏ màu hung hung và vàng nhạt phủ khắp miền nông thôn ngoại thành Rome giống như một lớp da sư tử.

- Con đường mòn này nhìn mờ dần rồi hút vào các lớp đồi núi uốn lượn. Nó còn tồn tại vì đây là quãng đường tắt dành cho người đi bộ từ Rome đến Vellatri.

- Ngài có nhìn thấy con đường mòn kia không? - Một chàng trai nói sau một hồi im lặng để người đồng hành của anh ta sốt ruột ra mặt - Rất có thể hai đấu sĩ Milon đã đi theo con đường mòn ấy rời khỏi bìa rừng với hơn chục lâu la hợp thành một đám người đi lùng bắt Clodius. Clodius bị một đường phóng lao làm cho bị thương đã lẩn trốn trong đống đổ nát này, nơi trước kia từng là một trang trại. Các đấu sĩ đuổi theo, bắt được anh ta trốn trong một cái lò nướng, kết liễu và kéo lê anh ta trên đường cái quan.

- Vậy ngài hãy giải thích xem do đâu mà Clodius, gần bị lụi bại do nợ nần lại có ảnh hưởng lớn như vậy đến dân chúng thành Rome?

- Rất đơn giản: trước tiên vì anh ta đẹp mã đến nỗi các công dân đã đặt cho anh ta biệt danh Pulcher. Ngài cũng biết ảnh hưởng của cái đẹp đến những dân tộc cổ đại rồi đấy. Một trận thất bại khi đấu với đấu sĩ Spartacus ở lối ra Capoue không hề hấn gì đến tiếng tăm của anh ta, sự nổi tiếng ấy có giúp đỡ của bốn chị em gái trong đó một cô là vợ của quan chấp chính Metellus

Celer, một người là vợ của diễn giả Hortensius người thứ ba là vợ ông chủ nhà băng Lucullus và người thứ tư là Lesbia, từng là người tình của nhà thơ Catulle. Tuy nhiên tin đồn lại cho rằng anh ta là nhân tình của bốn chị em này. Dẫu sao, nhờ bốn chị em nói trên, Clodius đã có bốn sức mạnh lớn nhất trên đời: nhờ vợ Metellus Celer, anh ta có quyền chấp chính, nhờ vợ của Hortensius, anh ta có một trong những tiếng nói uy tín nhất thành Rome, nhờ vợ của Lucullus, anh ta nhập trong những két vàng bạc của một chủ nhà băng giàu nhất thế giới; cuối cùng nhà Lesbia, người tình của Catulle, anh ta có sự nổi tiếng nhờ qua lại với một thi sĩ vĩ đại.

Hơn thế nữa anh ta còn được phú hộ Crassus nâng đỡ, được César cưng chiều mà anh ta chia sẻ những rối ren với ông ta bằng cách cố lén lút với vợ của ông. Lại còn ân sủng lớn của Pompée dành cho nữa chứ. Anh ta cũng có quan hệ với Cicéron người yêu Lesbia và muốn trở thành người tình của cô nàng, điều này chẳng có hại gì cho Clodius cả. Tình yêu là nguyên nhân dẫn đến cái chết của Clodius. Như tôi đã nói anh ta là người anh của Mussia con gái Pompeé vợ César. Để được thoả thích gặp bà ta, anh ta cải trang thành phụ nữ, như ngài cũng biết đấy việc đàn ông xuất hiện chốn thâm cung như vậy là hoàn toàn bị cấm. Một nữ tỳ đã nhận ra và tố cáo hắn: Mussia đưa anh ta trốn bằng hành lang bí mật nhưng tiếng đồn về sự xuất hiện của anh ta lan rất nhanh là một vụ tai tiếng khủng khiếp đã xảy ra.

Anh ta bị một toà án buộc tội có hành vi nghịch đạo và buộc phải ra toà cấp cao. Nhưng Crassus bảo anh ta không cần phải bận tâm, ông ta sẽ lo chuyện đó. Quả nhiên với tiền và sự ủng hộ của các quý bà quý tộc xinh đẹp; chuyện trở nên ầm ĩ hơn bao giờ lại thành Sénèque từng nói: "*Tội của Clodius không nặng bằng sự ân xá*".

Tuy vậy Clodius cũng phải chịu hình phạt đi biệt xứ: anh ta định trước ngày lễ Nữ thần Nhân từ sẽ đi cách Rome 100 dặm.

Thật ra anh ta không thể đi 35 dặm trong năm tiếng. Thật không may, Terentia, vợ của Cicéron là người có máu hoạn thư, vô cùng căm tức khi biết chồng dan díu với Lesbia, tối hôm ấy bắt gặp chồng mình nói chuyện với Clodius. Chị ta lập luận nói Cicéron đến nỗi ông này không chối vào đâu được:

- Hoặc ông là tình nhân của chị Clodius, nếu thế tôi biết phải làm sao, ông mới không tố cáo hắn ta; hoặc ông không phải là tình nhân của ả, nếu thế chẳng có lý do gì mà không tố cáo hắn.

Cicéron vốn là anh chàng râu quặp, vô cùng sợ vợ nên đã tố cáo Clodius. Clodius không bao giờ tha thứ cho ông ta. Từ đó, lòng căm giận lấp đầy Rome bằng những bạo động và nổi dậy trong suốt một năm và chỉ chấm dứt khi Milon giúp cho Cicéron một việc là ám sát Clodius.

Dân chúng còn trung thành với thần tượng của họ đến tận lúc anh ta chết, đó là điều hiếm thấy, vì xác hắn còn được một nghị sĩ mang về Rome trên xe của mình, Fulvia, vợ của ông ta ném lửa vào viện nguyên lão còn dân chúng thì ném than củi và đốt một khu phố ở Rome.

- Bạn đồng hành thân mến - Anh chàng sĩ quan thốt lên - Ngài cũng là một thư viện sống và tôi sẽ ca ngợi cả đời khi đã đi cùng đường với một thầy Varron nữa! Ngài thấy đấy, tôi cũng hiểu đôi chút về lịch sử La Mã đấy - Anh chàng sĩ quan nói tiếp vừa hoan hỉ khi tự mình cũng vừa dẫn ra một nhân vật vừa vỗ tay…

- Ta tiếp tục đi. Cái lăng mộ kia là gì? Tôi đang tò mò muốn một lần thấy ngài mắc lỗi đấy.

Rồi anh ta chỉ một công trình hiện ra phía bên trái

- Ngài chọn nhầm chỗ rồi - Chàng hướng dẫn tham quan nói tiếp vì tôi biết rõ về lăng này. Đó là mộ của Ascagne, con trai Éneé người do bất cẩn đã thả váy mẹ trong cuộc cướp phá thành Troy đến nỗi lạc mẹ và chỉ thấy cha mình, người từng mang theo Anchise và những vị thần giữ nhà: từ nơi đó dựng lên thành Rome. Thật kỳ lạ thay hầu như cùng lúc đó, qua một cổng khác cũng có một người đi ra đó là Télégones, con trai Ulysse, người lập lên Tusailum có lăng mộ cách đây gần hai dặm. Hai con người này, một người Hy Lạp, một người châu Á tức là hai người con trai của hai chủng tộc thù địch, hai quốc gia đối đầu lại đến khẳng định mình ở châu Âu. Hai quốc gia trở thành đối thủ của nhau, hai cư dân trở thành thù địch. Những cuộc đọ gươm của cha họ đã bắt đầu trước thành Troye sau này con cháu họ lại tái diễn trước thành Rome. Hai thủ lĩnh của thành Albe và Tusculum là hai nhà Julia sinh ra César và nhà Porcia sinh ra Caton về sau. Ngài cũng biết cuộc chiến kinh hoàng giữa hai thế lực ấy rồi đấy. Gần một nghìn năm sau, cuộc đọ gươm thành Troye kết thúc ở Utique. César, hậu duệ của kẻ bại trận đã trả thù Hector lên Caton, hậu duệ của những kẻ thắng trận. Lăng của Ascayne là lăng đầu tiên trên đường từ Naples trở lại và là cái cuối cùng từ phía Rome trở đi. Chuỗi lăng mộ còn nhiều nhưng chúng hầu như không còn

dấu vết vì lưỡi hái của thời gian đã cào bằng chúng rồi.

Chàng trai nhiều tuổi hơn, tức là người biết ít hơn, trầm ngâm suy nghĩ một lát. Rõ ràng anh ta phải nghĩ mông lung trong đầu lắm.

- Chắc ngài là từng giáo sư lịch sử phải không? - Anh ta hỏi.

- Ồ nói thật lòng là không - Người kia trả lời.

- Thế làm thế nào mà ngài biết tất cả những chuyện ấy?

- Tôi cũng chẳng rõ: khi đọc cuốn sách này, lúc xem cuốn sách khác. Những thứ như thế không tự có, chúng phải được đắp bồi. Khi con người ta có niềm đam mê lịch sử, người ta có tư tưởng quay về cái kỳ mỹ, các sự kiện và con người sẽ đi vào đầu bạn, trì óc bạn sẽ cho chúng những hình thù và bạn sẽ thấy những con người và sự kiện ấy dưới một ngày khác.

- Lạy Chúa! Giá mà tôi có bộ óc như của ngài, tôi sẽ chỉ dành nó để đọc cả đời.

- Tôi không mong ngài như vậy đâu - Chàng trai bác học vừa nói vừa cười - Nghiên cứu trong điều kiện như của tôi thì… Tôi đã bị kết án tử hình nhưng lại nằm trong nhà ngục suốt ba năm chực chờ bị bắn hay đem đi chặt đầu. Tôi cũng phải thư giãn chứ.

- Thế thì hẳn ngài phải có quãng đời thăng trầm lắm - Chàng sĩ quan vừa chăm chú nhìn người bạn đồng hành vừa tìm cách đọc những dấu ấn quá khứ trên những đường nét khắc khổ trên khuôn mặt.

- Quả thật tôi đã không được ngủ mãi trên chiếc giường trải toàn hoa hồng.

- Chắc chắn ngài xuất thân từ gia đình quý tộc phải không?

- Tôi còn hơn cả quý tộc thưa ngài, tôi là một quý ông.

- Vì lý tưởng chính trị mà ngài bị kết án tử hình à?

- Lý tưởng chính trị, phải.

- Ngài có phiền khi tôi hỏi như vậy không?

- Không hề. Với những gì tôi không thể trả lời… hay không muốn trả lời, tôi sẽ không nói, có vậy thôi.

- Ngài bao nhiêu tuổi.

- Hai mươi bảy.

- Kỳ lạ thật, nhìn ngài vừa trẻ hơn lại vừa già dặn hơn tuổi đấy Ngài ra tù bao lâu rồi?

- Ba năm.

- Ngài làm gì khi ra khỏi đó?

- Tôi tham chiến.

- Trên biển hay trên cạn?

- Đánh nhau với người trên biển, với thú hoang trên cạn.

- Thế có nghĩa là…?

- Là trên biển, tôi là cướp biển, trên cạn tôi là thợ săn.

- Trên biển ngài đánh gì?

- Quân Anh.

- Thế trên bộ, ngài săn gì?

- Hổ, báo, trăn.

- Ngài đã đến Ấn Độ hay châu Phi?

- Tôi đã đến Ấn Độ.

- Nơi nào ở Ấn Độ?

- Một chỗ gần như cùng trời cuối đất, ở Miến Điện.

- Ngài có tham dự vài trận lớn nào trên biển không?

- Tôi từng ở trận Trafalgar.

- Trên tàu nào.

- *Redoutable*.

- Ngài có thấy Nelson không?

- Có thậm chí rất gần nữa kia.

- Làm sao ngài thoát khỏi người Anh?

- Tôi không thoát khỏi họ. Tôi bị bắt và bị đưa sang Anh làm tù binh.

- Ngài được trao đổi à?

- Tôi tự trốn.

- Khỏi các trại tù à?

- Ở Ai xơ len.

- Bây giờ, ngài đi đâu?

- Tôi không biết.

- Ngài tên là gì?

- Tôi chẳng có tên. Khi nào chúng ta chia tay, ngài cho tôi một cái tên, tôi sẽ coi đó như cái tên người con nuôi nhận từ cha đỡ đầu.

Người sĩ quan nhìn kẻ đồng hành với mình bằng vẻ ngỡ ngàng. Anh ta cảm thấy trong mảnh đời vô tư và phiêu bạt của con người này hẳn phải có bí ẩn

thật sự nào đó. Anh ta bằng lòng với những câu trả lời ấy, không muốn biết thêm điều người kia muốn giấu.

- Thế ngài không hỏi tôi là ai sao?

- Tôi không thích tò mò, nhưng nếu ngài vui lòng nói cho tôi hay thì tôi xin tỏ lòng biết ơn.

- Ồ! Tôi ấy à, cuộc đời của tôi bình thường ngang với cuộc đời lý thú và có lẽ cũng nên thơ của ngài vậy. Tôi tên là Charles Antoine Manhès. Tôi sinh ngày 4 tháng Mười năm 1777 trong một làng nhỏ ở Aurillac, tỉnh Cantal. Cha tôi là đốc thuế của nhà vua gần toà dân chính. Ngài thấy là tôi không thuộc vào giới quý tộc Pháp như ngài. A nhân tiện xin hỏi ngài mang Tước hiệu gì?

- Bá tước.

- Tôi được đi học trong trường làng, chính vì vậy ngài có thể hiểu việc học hành của tôi chểnh mảng thế nào. Các quan chức trong tỉnh nhận thấy tôi có khả năng quân sự nên gửi tôi đến trường Mars. Tôi đặc biệt thiên về pháo binh và đã tiến bộ nhiều đến nỗi mới 16 tuổi tôi đã được bổ nhiệm làm sĩ quan huấn luyện.

Nhưng rồi trường Mars giải tán, người ta cho tôi tham dự một kỳ thi nhờ nó tôi được bổ về tiểu đoàn 3 ở Cantal và tiểu đoàn này thuộc trung đoàn số 26. Tôi tham chiến năm 1795. Tôi đi chiến dịch bốn năm trong đội quân sông Rhin và Moselle. Năm thứ VI, VIII và IX tôi vào đội quân đánh Italie, bị thương nặng ở Novi, tôi mất sáu tuần mới hồi phục vết thương và đuổi kịp đơn vị trên sông Gêne… Ngài đã bao giờ ăn thịt bò điên chưa?

- Rồi, vài bận.

- Còn tôi ấy à, ngày nào tôi cũng ăn, tôi còn có thể nói cho ngài hay nó thế nào nữa kia. Tôi được thăng chức trung uý qua tiến cử của các đồng đội, sau đó được phong hiệp sĩ Bắc đẩu bội tinh ngày 6 tháng 6 năm ngoái. Sau chiến dịch Austerlitz tôi được thăng cấp đại uý. Hiện giờ tôi là đại uý và sĩ quan cận vệ của đại công tước Berg(1), tôi đi báo tin của ngài về việc vào thành Berlin của Hoàng đế cho anh trai Joseph của Hoàng đế và báo cho ông mọi chi tiết về chiến dịch Jéna mà tôi có tham gia. Khi trở về, tôi được hứa là sẽ được thăng cấp chỉ huy một đại đội kỵ binh. Hai mươi chín tuổi được như

vậy cũng không tệ lắm. Đó là toàn bộ chuyện của tôi. Ngài thấy nó ngắn ngủi và ít hấp dẫn nhưng điều hấp dẫn nhất là chúng ta đã đến Velletri còn tôi đang đói cồn cào đây chúng ta hãy xuống ăn tối cái đã.

Hành khách vô danh thấy đề nghị này dễ ợt nên nhảy khỏi xe đi theo viên chỉ huy đại đội kỵ binh tương lai Charles Antoine Manhès vào khách sạn có tên *Nơi sinh Auguste*.

Điều này có nghĩ là, trừ sự kiểm chứng của các nhà khảo cổ, cái khách sạn này được xây trên nền đổ nát của các nhà khảo cổ, sinh ra vị hoàng đế La Mã đầu tiên.

Chú thích:

(1) Tức tướng Murat. em rể của hoàng đế Napoléon Bonaparte

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 103
Đầm Pontins

Hai lữ khách ăn bữa tối khá tệ, nhưng họ sẽ nhầm to nếu phàn nàn bị đối xử tệ ở quán trọ *Nơi sinh Auguste* khi mà hoàng đế Auguste lúc trên ngai cũng chỉ ăn tối với hai con cá khô và một ly nước. Có cả một tập sách nói đến những điều xung quanh nơi chôn rau cắt rốn của Auguste, những chuyện dự báo cho ngài, con trai một người xay bột và mẹ là người gốc châu Phi, trở thành hoàng đế trên đời.

Antoine chẳng phải đã nói với ngài: "Tổ tiên mi là người châu Phi, mẹ mi quay quanh cái cối xay tồi tàn nhất Aricie và cha mi đảo bột bằng tay đen xỉn do tiền ông ta kiếm được ở Nerulum", đó sao?

Nhưng những dự báo cũng bắt đầu từ họ.

Mẹ của ngài, Atia, khi ngủ trên ổ rơm trong đền thần Apollon, con rắn đã quấn quanh cột tượng làm biểu tượng thần y học đã rời khỏi điện thờ, bò đến ổ rơm, quấn lấy Atia và chỉ thả bà khi đã có thai.

Một hôm ngài đi đến trường, tay cầm một mẩu bánh mì, một con đại bàng xông tới cắp mẩu bánh của ngài và chỉ trả lại sau khi đã nhúng nó vào các món cao lương mỹ vị trên đỉnh Olympe.

Cuối cùng là tiếng sấm rền trên ngôi nhà và biến nó thành chốn thiêng.

Tối hôm ấy, ở Velletrie có một lễ hội, tất cả các nam thanh nữ tú miền thôn quê quanh đó đều tụ tập về đây.

Họ khiêu vũ.

Lúc nào cũng có một nửa đất Italie nhảy múa trong khi nửa kia đổ lệ. Họ chẳng lo liệu người Pháp có vào Rome chiếm Naples, có vây hãm Gaète hay không, và từ phía kia đầm Pontins, nếu người ta nghe thấy tiếng đại bác hai mươi tư ly tức là người ta hiểu có đánh nhau kịch liệt trong thành.

Napoléon đã viết cho anh trai: "*Hãy siết chặt vòng vây*".

Và Joseph tuân lệnh anh siết chặt vòng vây.

Ở đây người ta vẫn cười với người Pháp. Các cô thiếu nữ chìa tay ra và nhảy với họ, các cô chẳng quay đi trước những đôi môi của các anh chàng người Pháp, nhưng khi họ gặp những anh chàng này một mình, người ta sẽ dùng dao găm đâm chết anh ta.

Các thực khách ăn cùng bàn với hai chàng thanh niên hau háu nhìn các túi vàng mà anh chàng trẻ hơn xỉa ra một đồng *louis* để trả khoản tiền bốn phăng mà hai người vừa ăn cũng như nhìn chăm chăm cái ví bạn anh ta rút từ áo khoác cho xuống túi quần.

Người đại diện Velletri đi đi lại lại giữa những kẻ uống rượu và nhảy múa nhìn vào đống của cải ấy không kém phần thèm muốn, nhưng cũng giống như người chủ trạm ngựa ở Rome, ông ta không giúp các chàng trai trẻ gì hơn ngoài việc đề nghị một đoàn bốn người hộ vệ giúp họ đi qua đầm Pontins.

Nhưng Manhès rút ra hai khẩu súng ngắn và vỗ tay vào thanh gươm của mình còn người đi cùng anh ta đảm bảo chỉ hai phát đạn cạc bin cũng đủ làm dịu tình hình.

- Đây là đoàn hộ tống của chúng tôi - Anh nói - Người Pháp không cần đoàn hộ tống nào khác ngoài vũ khí của họ.

- Cách đây một tháng - Người đại diện nói với vẻ quàu quạu - một sĩ quan tuỳ tùng cũng ăn tối ở đây như các vị, cũng trưng ra vũ khí hay lắm, nhưng tôi thề là thấy số vũ khí ấy trong tay những kẻ đã giết chết anh ta.

- Thế mày không làm gì để bắt chúng à? - Manhès hét lên và đùng đùng đứng dậy.

- Nghĩa vụ của tôi là cung cấp đoàn hộ tống cho khách qua đường chứ không phải bắt những kẻ giết họ khi mà những người đó đã từ chối thuê quân của tôi. Tôi chỉ làm tròn bổn phận của mình thôi.

Manhès cho rằng có gây gổ thêm cũng chẳng giải quyết vấn đề gì nên ra hiệu cho người bạn của mình đứng dậy đi theo anh ta.

Sau đó, hai người lên cỗ xe đã thay người đánh xe và ngựa mới, trả hậu hĩnh cho người đánh xe trước rồi cho xe chạy nước đại về phía đầm Pontins.

Ai cũng biết tiếng phần đất La Mã trải dài từ Velletri đến Tenacine tức là phần giáp biển Vương quốc Naples ấy. Không khí nhiễm độc có khi còn giết người chắc chắn hơn cả bọn cướp.

Trong bữa tối, màn đêm đã buông xuống và khi hai lữ khách ra khỏi quán trợ ánh trăng bàng bạc tuyệt đẹp đã rải xuống đường, thỉnh thoảng thủng lỗ chỗ do tán lá cây rung rinh. Chốc chốc, một tảng đá dựng đứng như chực đè lên đầu kẻ nào đi phía dưới, lại đổ cái bóng tối om của nó xuống đường.

Càng lại gần đầm Pontins người ta càng thấy nhiều vết hằn không phải vì mây mà vì hơi nước đùn lên trời. Chúng tụ lại dưới trăng khiến mặt trăng như trùm phải tấm vải đen.

Vì thế bầu trời nhuốm một màu kỳ ảo, vàng vọt. Qua ánh đèn bão mà màn đêm dày đặc thít nó lại khiến nó chỉ toả một quầng bé xíu, mà qua bóng đêm hình thù của chúng còn lớn hơn nữa. Chúng chỉ phì phò trong lúc nhô cái đầu khỏi mặt nước. Đó là những con trâu hoang, với chúng những đầm dạng này là nơi trú ẩn an toàn, kể cả trong cái nắng ơi bức nhất những bàn chân tò mò nhất cũng chẳng dám bén mảng đến tìm chúng.

Từ đoạn đường này sang đoạn đường khác, hoảng hốt do tiếng xe, những con chim lớn đen lù lù bay lên, không phát ra tiếng vỗ cánh. Đó là những con diệc xám, con diệc sao hoang dã phát ra tiếng kêu tang tóc khi đã dấn thân vào màn đêm nơi chúng biến mất ngay sau phát đập cánh thứ ba. Faust và Méphes to Phélès đi đến dạ hội phù thủy cũng không theo con đường lắm biến hoá như con đường hai lữ khách của chúng ta đang đi.

- Ngài đã bao giờ thấy cảnh tương tự thế này chưa" - Manhès hỏi.

- Rồi, trên đường đi từ Pégon đến mảnh đất Trâu rống; chỉ có điều chúng tôi không nghe tiếng trâu thở phì phò mà là tiếng gầm gào của bầy hổ và tiếng oe oe của cá sấu châu Mỹ. Trên đầu không phải bầy diệc xám, diệc sao bay lượn mà là lũ dơi mà người ta gọi là loài hút máu, chúng chích vào động mạch kẻ đang ngủ mà không ai cảm thấy gì trong mười phút rồi hút máu.

- Tôi cũng muốn chứng kiến cảnh ấy quá - Manhès nói.

Rồi cả hai lại chìm trong sự im lặng có thể nói là bất đắc dĩ.

Đột nhiên, người đánh ngựa thổi ba tiếng kèn đồng mà anh ta quàng qua vai. Không biết tiếng kèn ấy gọi ai, hai chàng trai coi đó là một tín hiệu và đặt tay lên súng của mình.

Lập tức có hai ba tiếng kèn tương tự đáp lại. Họ nhìn thấy giữa đám thực vật xanh tươi, có ánh lửa bập bùng như bao quanh những con ma. Đó là một trạm trung chuyển.

Cỗ xe dừng lại.

Năm sáu người có ngựa sốt sắng châm đuốc, cầm roi chạy vào kho cỏ trong khi những người khác đứng ở lối ra.

Vài giây sau, người đánh xe tháo ngựa của mình.

- Trả tiền cho tôi nhanh lên để tôi còn chuồn - Anh ta nói với hai chàng trai.

Hai hành khách vừa đưa tiền, anh ta đã nhảy phốc lên ngựa phóng nhanh và biến mất trong bóng tối, tiếng bước chân ngựa cũng lịm dần.

Trong khi đó, một cuộc chiến thật sự xảy ra trong đó có tiếng người chửi rủa, tiếng ngựa hí lên dữ dằn đáp lại. Người coi ngựa hung tợn bao nhiêu thì lũ ngựa cũng bất kham bấy nhiêu.

Hai khối dị dạng và không phân biệt nổi đang lại gần cỗ xe. Hai con người với mái tóc bay loà xoà lẫn vào bờm ngựa, nhìn giống như những con thú hoang đường không có thật, những con nhân mã ba đầu. Lũ ngựa chịu khuất phục không còn hí nữa mà chỉ rền rĩ. Người ta đẩy một con vào giữa hai càng xe, buộc con nữa ở cạnh. Hai người cưỡi ngựa khác đứng xáp lại hai bên cỗ xe. Người đánh ngựa lôi tiếp con ở ngoài cùng vào, hai người khác

dùng hết sức giữ lũ ngựa đã đóng càng đang thở hồng hộc và dậm chân bình bịch xuống đất thỉnh thoảng chỉ chực húc sang bên.

Chúng như nổi xung, lao đi vừa hí vừa phì khói ra khỏi hai lỗ mũi còn con mắt thì nảy lửa. Hai người cưỡi ngựa hai bên phi theo với tiếng hét lồng lộn để chặn lũ ngựa đã đóng xe dừng lại giữa đường không cho chúng lao sang hai bên kênh nước dọc đường: người cưỡi ngựa, ngựa đã đóng vào xe, cỗ xe và hành khách vội vã quấn rết như một cái vòi rồng vậy.

Ba trạm chuyển ngựa tiếp theo cũng tái diễn cái cảnh tương tự như cảnh tôi vừa cố tả lại trên đây. Chỉ có điều càng về sau, lũ ngựa như càng hung tợn hơn, những con người càng tái xanh và rách rách rưới hơn.

Đến trạm cuối cùng, vì ngọn đèn bão đã tắt và cả người đánh xe lẫn người giữ ngựa đều không còn nến để cắm vào đó nên hai hành khách buộc phải mỗi người cầm một ngọn đuốc. Họ đi nhanh, chỉ còn cách Tenacine hai dặm rưỡi nữa.

Đột nhiên, đến một nơi bắt đầu có những mỏm đá nổi lên khỏi mặt đất, hai chàng thanh niên cảm thấy hình như có những bóng đen lù lù chui lên từ hố đen và lao ra đường.

- *Faccia in tern*! (Nằm xuống đất) - Một giống nói hét lên.

Vì thấy cả hai người cùng đứng dậy, một phát súng vang lên và một viên đạn xuyên qua giữa hai hành khách, đâm thủng đáy cỗ xe. Lập tức không cần đưa khẩu cạc bin lên vai, anh chàng không xưng tên nhả đạn tay duỗi ra như anh ta đang bắn súng ngắn.

Một tiếng thét xé toạc không khí vang lên, người ta nghe tiếng thân người đổ bịch xuống đường.

Cùng lúc, hai hành khách ném ngọn đuốc của mình ra xa chục bước. Chúng chiếu sáng cả đoạn đường và họ có thể nhận ra bốn hay năm người đang lưỡng lự chặn xe trong khi một trong số họ đã nắm được dây cương.

- Mày có muốn thả dây cương ra không thằng vô lại! - Manhès hét lên.

Rồi bằng một phát súng ngắn, anh ta cho tên này đến nằm cạnh đồng bọn của hắn, lại một phát súng cạc bin thứ hai hất tên cướp thứ ba lăn ra đất.

Đến đây, những tên còn lại chỉ còn nghĩ đến việc chạy trốn nhưng hai chàng trai của chúng ta đã nhảy xuống hai bên xe mỗi người đều cầm súng ngắn trong tay. Bất hạnh thay cho lũ cướp, trời bắt đầu rạng và hai chàng trai lại chạy nhanh như trong cuộc đua với Atalante.

Manhès thưởng cho tên bỏ chạy phía trước mình một phát đạn. Hắn lảo đảo, muốn rút súng ở thắt lưng ra nhưng trước khi hắn kịp rút nó ra khỏi vỏ, thanh gươm của đại uý đã găm vào ngực hắn.

Tên bị hành khách thứ hai đuổi, nhận ra sắp bị tóm liền rút súng ngắn khỏi thắt lưng, quay lại, nhả đạn nhưng bắn trượt.

Đồng thời hắn thấy một bàn tay thép đang siết vào cổ trong khi nòng súng lạnh băng áp vào thái dương.

- Tao có thể giết mày - Hành khách nói - Nhưng tao thích bắt sống để trưng mày ra như một con gấu bị rọ mõm trước những người cứ nghĩ bọn cướp là lũ bạo gan. Nào anh bạn Manhès, chọc cho mấy "cái mặt úp xuống đất" kia bằng mũi gươm của ngài cho chúng dậy để giúp chúng ta trói hai tên vô lại này.

Quả thật người đánh ngựa và hai kỵ sĩ cưỡi ngựa hai bên đã tuân lệnh theo bọn cướp, xuống ngựa và nằm áp xuống đường thật. Khi bị mũi gươm của Manhès chọc vào người họ chồm dậy đờ đẫn hỏi:

- Các ngài cần gì ạ?

- Dây chão - Manhès nói - và trói chặt hai tên kia lại.

Những người này tuân lệnh ngay. Họ cho hai tên cướp vào xe, lượm những khẩu súng ngắn, cạc bin mà hai hành khách bỏ lại sau khi chúng hết đạn và nhanh chóng nạp lại vì sợ sẽ có cuộc tấn công khác.

Hai hành khách đi bộ hai bên cỗ xe, bỏ lại ba cái xác trên đường cái và mang theo hai tên bị thương.

- Này, nói thật nhé bạn thân mến - Manhès nói vừa vốc nước bằng tay, vừa nâng cái mũ của bạn lên - Anh đã xin tôi làm cha đỡ đầu tôi nghĩ đã đến lúc thực hiện nghi lễ ấy rồi đấy. Nhân danh Buyard, Assas, Tháp Auvergne, ta đặt tên cho anh và gọi anh là Léo. Anh không phải ăn cắp cái tên này đâu nhé. Nào bá tước Léo, hãy ôm hôn cha đỡ đầu đi!

Bá tước Léo vừa ôm vừa cười ông cha đỡ đầu của mình, sau đó cả hai tiếp tục đi bộ đến Terracine với đoàn lâu la theo sau là hai tù binh bị trói trong xe, hai kẻ trông ngựa cưỡi ngựa đang tái mét, run rẩy và vội vã hơn nữa vì khiếp đảm.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 104
Fra Diavolo

Trước khi đến đài Anxus, như cách gọi của Virgile và đến miền đất bụi Tenacine, như cách tôi gọi bớt thiên vị hơn, là trạm gác của Pháp đang canh giáp biên giới La Mã.

Lập tức, các hành khách được vây quanh vì nhìn thoáng qua họ cũng biết đây là những người Pháp. Nhưng chỉ có điều, đồng hương của hai chàng trai khi thấy hai tên cướp ngồi trong cái xe mà họ tưởng trống rỗng thì vô cùng tò mò.

Hai chàng trai giải thích ngay khi những ánh mắt đầu tiên nhìn vào trong xe.

- Tốt lắm - Viên đội chỉ huy trạm gác nói - Đây là những kẻ đáng bị treo cổ. Hãy dẫn chúng đến Naples: những quý ông này sẽ được đồng hành với đám đồng đảng của chúng.

Họ vào Teltacine và dừng lại trước khách sạn La Poste.

Thấy một sĩ quan đi tuần trước cửa, Manhès lại gần anh ta nói:

- Thưa đại uý tôi là đại uý Manhès, sĩ quan cận vệ của đại công tước Berry tức tướng quân Murat.

- Tôi có thể giúp gì cho ngài đây, bạn đồng nghiệp thân mến? - Viên sĩ quan kia hỏi.

- Cách đây nửa dặm chúng tôi vừa bị sáu tên cướp chặn đường Chúng tôi đã giết chết ba tên, nếu ngài muốn chôn xác chúng cho khỏi để dịch hạch lây lan, ngài sẽ thấy chúng đã chết hoặc ngắc ngoải trên đường. Chúng tôi bắt sống hai tên. Ngài có phiền nếu cho người canh chiếc xe và ra lệnh cho họ

cứ đâm lê vào bụng đứa nào cựa quậy trong khi chúng tôi dùng bữa trưa mà chúng tôi vô cùng cần và ngài có vui lòng ăn với chúng tôi chăng?

- Ngài sẽ nói về mình ở đây và chúng tôi sẽ nói về chúng tôi. Thật tình lời mời của ngài quá hấp dẫn để tôi có thể từ chối.

Nói rồi viên sĩ quan ra lệnh cho hai tên lính khoác súng vào vị trí mỗi người canh một bên xe, tất nhiên lệnh súng có gắn lưỡi lê thì không thể quên được.

- Bây giờ - Viên sĩ quan nói - hãy cho tôi cái vinh hạnh tự giới thiệu để ngài có thể nói tên tôi cho người đồng hành của mình dù anh ấy hoàn toàn xa lạ. Tôi tên là đại uý Santis.

Cả hai đi vào bếp nhà trọ và thấy Léo đang rửa mặt bên vòi nước dẫn từ suối vào.

- Bá tước yêu mến của tôi - Manhès nói với anh - Tôi giới thiệu với anh đại uý Santis, người vừa cho hai lính canh giữ hai tên cướp của chúng ta.

Đại uý Santis, giới thiệu với ngài bá tước Léo.

- Cái tên hay quá thưa ngài. - Đại uý Santis nói.

- Và cũng rất xứng đáng nữa - Manhès chen vào - tôi đảm bảo với ngài như vậy. Giá ban nãy ngài có dịp nhìn tận mắt: hai phát súng, hai tên lăn ra đất, còn tên thứ ba, anh ấy không thèm bắn từ sau lưng mà tóm sống nó. Anh ấy tóm nó bằng bàn tay trắng nõn nà này rồi siết cổ nó, tên kia xin tha, thế là xong.

Vì ông chủ khách sạn lại gần để nghe, anh ta liền nhấc cái mũ của ông ta bằng ngọn roi ngựa ngoáy ta quanh ngón tay với vẻ thích thú như một đứa trẻ đang chơi và vì ông chủ giang tay ra cố bắt lấy cái mũ, anh ta nói:

- Tôi xin nhận xét là ngài quên chào chúng tôi đấy nhé. Bây giờ thì xong rồi, mũ của ngài đây. Hãy cho chúng tôi bữa ăn ngon nhất có thể và trong khi chờ đợi đồ ăn, hãy mang vài ba chai vang Lacryma-Christi nổi tiếng mà bấy

lâu tôi vẫn ước được nếm thở lên đây.

Chủ quán chạy đi gọi đầu bếp xuống hầm rượu, gọi mấy cậu phục vụ đi châm lò, mấy cô gái hầu bàn đi dọn bàn ăn.

Rồi vừa đi vừa lắc lắc cái đầu ông ta giơ tay lên trời lẩm bẩm:

Questi Francessi! Questi Francessi(1)!

Manhès phá lên cười.

- Chúng ta còn và sẽ mãi còn là điều khó hiểu với những con người này, họ không hiểu tại sao chúng ta vừa có thể chiến đấu mạnh như sư tử lại có thể chơi đùa như đám trẻ. Họ không biết điều gì làm nên sức mạnh của chúng ta. Nào, đầu bếp, hãy đưa chúng tôi về phòng và cho chúng tôi nếm loại rượu Lacryma-Christi của ông chủ anh, tôi hứa nếu nó không ngon, tôi sẽ bắt anh nốc hết cả chai liền một hơi không cho anh thời gian để thở đâu đấy!

Đầu bếp trèo lên gác, hai sĩ quan và bá tước Léo đi theo anh ta.

May thay rượu vang lại rất ngon.

- Chú mày, - Manhès nói sau khi nếm chút ít - tuy chú mày không làm ta phải rầu lòng nhét cả chai này vào dạ dày chú, ta sẽ dành nó đến nơi khác, nhưng chú mày lại làm ta vui lòng nhét đồng écu này vào túi chú đấy.

Rồi anh tung ra một đồng écu ba livre, anh chàng phục vụ bắt lấy bỏ vào túi tạp dề.

- Bây giờ hãy nói cho tôi nghe chuyện ở đây - Manhès nói với viên sĩ quan.

- Tôi nghĩ nghe chuyện ở đấy thú vị hơn nhiều - Viên đại uý đáp.

Sự thật là một vòng đã chầm chậm quay - Manhès kể - Cuộc chiến kéo dài đúng một tháng; vào chiến dịch ngày 8 tháng Mười, hoàng đế Napoléon đã nhận sự đầu hàng của Magdebourg ngày 8 tháng Mười một. Trong một tháng ấy, đã có ba mươi nghìn người chết, mỗi ngày chết một nghìn, làm cũng vất vả, đúng không? Một trăm nghìn tù binh, ba mươi lăm nghìn người còn lại không ai sang Oder. Quận Saxon quay trở về Saxe, những người Phổ đã quẳng vũ khí của họ khi chạy qua cánh đồng. Còn một đạo quân Phổ một trăm sáu mươi nghìn người nữa, khi Napoléon khẽ thổi một hơi: nó ngã lăn quay bỏ lại chiến trường với ba trăm đại bác và cơ man cờ quạt đủ để phủ kín Viện quân nhân danh dự. Vua Phổ vẫn luôn là vua Phổ, chỉ có điều ông ta chẳng còn đất cũng chẳng còn quân.

Thật ra, dù nhà Bourbon đã rút về *Sicile*, họ vẫn giàu hơn vua Phổ vì họ vẫn còn đất cày ở Gaète và một đội quân ở Calabres. Thực tình đó là một đạo quân ở bước đường cùng, nhưng càng như vậy chúng càng trở nên liều mạng. Ôi! Cuộc chiến tranh vĩ đại! Một cuộc chiến tranh vĩ đại! Chỉ cuộc chiến ấy, chiến tranh của chúng ta đã là cái lò thịt người rồi, tôi đau lòng cho những tướng sĩ anh hùng như tướng Verdier và tướng Reynier bị buộc phải làm người kiếp khác.

Ông chủ khách sạn cắt ngang lời ca thán của viên đại uý bằng việc mang đồ ăn đến.

- Binh lính bị cấm uống rượu trong quân đội - Bá tước nói - nhưng tù nhân không phải chết khát, do đó ông hãy mang cho chúng một chai vang và rót cho chúng uống, tháo dây trói tay chúng ra rất nguy hiểm. Còn về hai lính canh thì khỏi phải lo cho họ. Một khi hết giờ gác, họ sẽ được đến lượt. Nhân đây, ông nói với tên không bị thương rằng đây là phần của người đã không muốn giết hắn. Ông cũng cho những người coi ngựa và đánh xe ăn uống nhé dù tôi thấy họ quả dứt khoát tuân lệnh khi bọn cướp nói: Nằm xuống đất. Còn nữa, ông hãy cho thắng ngựa mới vào xe và cho chúng tôi thêm hai con ngựa để chạy cùng.

Bữa trưa xong xuôi, ba thực khách uống vì nước Pháp bắt tay nhau và cùng đi xuống.

Léo cảm ơn hai lính gác, cho họ hay một bữa trưa thịnh soạn đang đợi họ trong quán. Anh trèo lên ngựa với Manhès cùng cỗ xe có người đánh xe mới hứa hẹn làm việc tốt hơn, đi theo đường Capone nơi còn những trạm thay ngựa nữa.

Hai chàng trai đi qua Gaète đúng lúc người ta mang thi hài tướng Vallongue về đó. Ông ta vừa bị quả đạn đại bác cướp mất cái đầu. Đã có sáu chục khẩu đại bác hai mươi tư ly dội vào thành.

Người đánh ngựa hứa sẽ đi vòng quanh và anh ta đã giữ lời. Tám giờ sáng họ thay trạm ngựa ở Capone, mười một giờ mười lăm, họ đã vào Naples.

Thành mặt trời ồn ã và náo nhiệt đến nỗi cách xa từ một dặm, người ta đã nghe những tiếng xôn xao của nó. Ngày hôm đó, nó còn trở nên cuồng nhiệt hơn bao giờ hết. Tất cả các cửa sổ đều cắm cờ của một Naples mới, đường phố đông nghẹt người, không chỉ dân trong thành mà dân từ tất cả các làng lân cận cũng đổ về đây.

Một khi đã bị cuốn vào dòng xoáy ấy, sức mạnh của nó buộc cỗ xe và hai kỵ sĩ chỉ còn nước đi theo. Nó dẫn họ đến quảng trường Chợ Cũ nơi dựng lên một giá treo cổ cao 18 bộ. Tất cả mọi người đang sục sôi trước một cuộc hành quyết sắp diễn ra. Cái tên Fra Diavolo, được tất cả các cái miệng nhắc đến, đủ cho hai vị khách hiểu tầm quan trọng của kẻ sắp bị hành tội, tầm quan trọng mà cái đám đông khổng lồ này đến đây để xem ông ta chết đã chứng thực rất rõ ràng.

Cùng lúc cỗ xe, hai tên cướp bị trói và đoàn người vào Chợ Cũ qua quảng

trường del Cannine thì cỗ xe dẫn phạm nhân cũng vào đến con hẻm "*dei Sospin del Abisso*" nghĩa là *Tiếng thở dài của vực thẳm*.

Con hẻm này được gọi như vậy bởi lẽ khi đi ngang qua đó, phạm nhân sẽ thấy lần cuối công cụ hành hình của mình là giá treo cổ hay cỗ máy chém. Tuy nhiên hiếm khi phạm nhân nào nhìn thấy vật dụng ấy còn có thể thở dài được.

Vừa nhìn thấy Fra Diavolo, tên kẻ cướp mà người ta cứ ngỡ không thể đụng đến sợi tóc của hắn, tiếng xì xào dậy lên từ tứ phía, ngay cả hai tên tù binh trong xe cũng phải nhổm dậy.

Manhès và bá tước Léo lại gần chúng nhưng với vẻ mặt hoan hỉ đến tàn bạo của dân chúng đặc biệt là dân thành Naples thì người đánh xe nói:

- Được rồi, các ngài cứ để bọn khốn kiếp này nhìn cái cảnh sắp xảy ra, với chúng đây là một bài học nhớ đời.

Nói rồi ngay bản thân anh chàng này cũng ngồi trên ngựa ở tư thế thoải mái nhất để thoả thích xem cái cảnh hành hình.

Chúng ta hãy chờ xem kẻ khiến Naples sôi sục như vậy có đáng với tiếng tăm của hắn chăng.

<u>Chú thích:</u>

(1) Những anh chàng người Pháp này! Những anh chàng người Pháp này!

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 105
Cuộc săn đuổi.

Fra Diavolo nổi tiếng ở Pháp qua các vở hài kịch của Quý ông Scrile và Auber hơn là qua những lần liên lạc dài dằng dặc giữa Hoàng đế Napoléon và anh trai của ngài, vua Joseph.

Hắn tên thật là Michele Pezza, sinh ra tại một làng nhỏ ở Itri, trong một gia đình nghèo khó sống lần hồi qua ngày nhờ hai con la chở chút dầu bán cho các làng lân cận. Hắn được đặt biệt danh là Fra Diavolo do những người đồng hương nghĩ ra cái tên nửa thánh nửa trần vì nó kết hợp kiểu chơi chữ ý nói một thày dòng ác như quỷ.

Ban đầu hắn được đưa vào nhà thờ nhưng lại hoàn tục, đi học nghề ở nhà người làm yên thồ cho la và ngựa. Nhưng chẳng được bao lâu, sau một cuộc cãi vã kịch liệt với ông chủ, hắn bỏ về nhà, ngày hôm sau, hắn bắn chết ông ta bằng một khẩu súng trường trong lúc ông này đang ăn cùng ba bốn người khách trong vườn.

Vụ giết người ấy xảy ra khoảng năm 1797, tên sát nhân mới chỉ mười chín tuổi.

Giống như những trường hợp tương tự, hắn bỏ trốn vào vùng núi cao. Sau hai năm hắn làm sơn tặc thì xảy ra cuộc cách mạng năm 1799 và Championnet chiếm đất Naples. Thế là hắn tuyên bố theo nhà Bourbon và trở thành dân Bảo hoàng. Kết quả là hắn làm lễ chuộc tội và chịu ra tay bảo vệ luật thần thánh.

Hắn là người đầu tiên đáp lại lời kêu gọi của vua Ferdinand chống lại quân Pháp. Ban đầu, hắn tập hợp ba anh em của mình phong chức trung uý cho họ, nhân số băng đảng của mình thành gấp ba gấp bốn nhờ số người tự nguyện đến ngày càng đông.

Ngay từ đầu, hắn đã chứng tỏ chủ nghĩa yêu nước của mình trên chặng đường lớn từ Rome đến Naples.

Cuộc treo cổ do hắn thực hiện thật nực cười thay khi hắn vừa rửa tay gác kiếm lại bắt đầu hành nghề trở lại. Cách Itri chưa đầy một dặm, hắn đã cố bắt lại hai hành khách mình mới thả chưa lâu.

Trong chiến dịch ấy, Fra Diavolo giết khá nhiều người: sĩ quan tuỳ tùng của tướng Championnet, chỉ huy của đại đội Claye được cử đến gặp tướng Lemoine, do bất cẩn đã chọn người dẫn đường không chắc chắn bị tên này dẫn đến giữa toán của Fra Diavolo và bị hắn băm thành từng mảnh.

Trong lần tấn công cây cầu Garigriano, sĩ quan tuỳ tùng Gourdel, chỉ huy tiểu đoàn bộ binh hạng nhẹ và hơn chục sĩ quan và binh lính đã rơi vào trận và bị Fra Diavolo cùng quân của hắn trói vào gốc cây chất những cành cây tươi xung quanh châm lửa từ từ. Trong khi ấy dân chúng làng lân cận, đàn ông, đàn bà trẻ con vừa nhảy múa xung quanh các khúc củi vừa hô vang: "*Fra Diavolo vạn tuế*.".

Tướng quân Championnet, người từng có dịp đấu với Fra Diavolo một lần đã gần như triệt hạ được băng đảng của hắn mà không sao tóm được hắn, đã thừa nhận tên thủ lĩnh này khiến ông nhọc sức hơn ông tưởng.

Khi vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline bỏ trốn sang đảo Sicile để chờ phản công, Fra Diavolo cũng lên tàu cùng để nhận ý chỉ từ đế vương của họ. Hắn không những không phải là người lạ mà còn trở thành người rất quan trọng đến mức được họ tiếp đãi như bạn bè. Đức vua phong cho hắn chức đại uý còn hoàng hậu tặng hắn chiếc nhẫn tuyệt đẹp có chữ viết tắt của mình sáng lên giữa hai hàng ngọc bích.

Fra Diavolo trở lại miền Đất cày, tổ quốc của hắn. Hắn thành lập ở đây giữa Capoue và Gaète một đạo quân gồm bốn trăm tên.

Viện vào công cuộc phục vụ triều đình, Fra Diavolo ra tay vô cùng thái quá khiến giáo chủ Ruffo cũng không cho phép hắn đặt chân vào Gaète, nhưng giáo chủ buộc phải báo cho nhà vua sự từ chối một trong những đại uý của nhà vua. Thế là nhà vua tự tay viết:

"Ta tán thành việc ngài không cho phép Fra Diavolo vào Gaète như hắn muốn, ta đồng ý với ông đó là một tên thủ lĩnh cướp bóc nhưng mặt khác, ta buộc phải thú nhận rằng hắn đã phục vụ trung thành cho ta, vì lẽ đó mà phải sử dụng hắn chứ không nên ghét bỏ hắn. Cần phải dùng những lời lẽ phải trái để thuyết phục hắn kìm hãm dục vọng của hơn, buộc người của hắn vào khuôn khổ nếu hắn thật sự muốn có vị thế lâu bền từ ta".

Nhưng nếu việc từ bỏ các hành động quá khích giúp Fra Diavolo xứng với lời trách móc nhẹ nhàng của vua Ferdinand, nó còn giúp hắn chiếm được cảm tình của hoàng hậu Caroline vì ngay sau khi chiếm lại Naples, bà ta đã rủ lòng tự tay viết thư thông báo rằng hắn được phong hàm đại tá. Lá thư này còn kèm thêm một chiếc vòng tay kết bằng tóc của hoàng hậu. Ngoài ra, hắn cũng được phong công tước Cassano với bổng lộc 3 nglùn *ducats* (tương đương với 13200 trăm phăng).

Vua Joseph đoạt ngai vàng nhà Bourbon đã tạo cho Fra Diavolo cơ hội tuyệt vời để tỏ lòng tận trung của hắn với vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline. Hắn đi Palerme. Hoàng hậu cử hắn đến Abruzzes kèm theo những lời vỗ về song cũng như vua Ferdinand, bà hoàng này quên mất việc yêu cầu hắn để mắt đến kỷ luật của đám lâu la.

Fra Diavolo làm đúng theo ý hoàng hậu từng ly từng tí khiến vua Joseph thấy cần tuyệt đối loại trừ kẻ thù này, có thể hắn không nguy hiểm nhưng chắc chắn đáng ghét hơn huân tước Stuart và đám quân Anh của ông ta.

Thế là vua Joseph cho vời tiểu đoàn trưởng Hugo đến. Vua Joseph hoàn toàn tin tưởng vào dũng khí cũng như nghĩa khí của con người này: đó là một người kiểu Plutarque. Lòng trung của ông ta từng khiến ông ta phải chịu thiệt thòi. Trước đây ông tá phục vụ dưới quyền tướng Moreau ông yêu mến, tôn thờ con người ấy. Khi Bonaparte lên ngôi hoàng đế, người ta ký tên vào thư thỉnh nguyện ủng hộ, Hugo cũng ký như bao người khác.

Nhưng khi người ta muốn ông ký vào bản ghi những điều trái với thực tế về Moreau hòng buộc tội cho ông này trong vụ án Cadoudal thì ông từ chối thẳng thừng.

Bonaparte hay tin về sự từ chối ấy và Napoléon đã để bụng.

Ai cũng biết mối tị hiềm Napoléon là thế nào. Một buổi sáng, Hugo được lệnh tham gia quân đội ở Naples, có nghĩa là rời xa hoàng đế cho khuất mắt. Hoàng đế lại chỉ trọng thưởng cho những ai chiến đấu trong tầm mắt ngài mà thôi!

Tuy nhiên, ngài tiểu đoàn trưởng Hugo vẫn có thể hiên ngang lấy một từ trong tiếng Tây Ban Nha để ký tên trong thư gửi con trai ngài một thời gian là: Hierro ("sắt"). Sau những gì tôi vừa nhắc đến, chắc không cần nói các bạn cũng biết khi đó ngài là cha của đại thi hào Victor Hugo của chúng ta.

Và để chứng tỏ ông là người bác ái còn hơn cả anh dũng, con trai ông đã vẽ

lại cha mình trong vài vần thơ sau:

Cha tôi, đấng anh hào có nụ cười độ lượng,

Theo sau chỉ một kỵ binh ông mến thương,

Vì lòng gan và vì vóc dáng,

Dong duổi chúng ông trên ngựa sau một trận đánh,

Chiến trường phơi xác người trong bóng đêm

Hình như ông nghe tiếng động vang lên

Một tên Tây Ban Nha lạc trận

Đang lê đi nức nở bên lề đường

Xây xát, thảm thương như người sống dở.

Miệng lảm nhảm than "Nước, rủ lòng cho tôi xin!"

Cha cảm thương chìa cho anh bạn trung thành

Chiếc bi đông rượu Rhum ông vẫn đeo bên ngựa

Rồi nói: "Này cho kẻ bị thương"

Nhưng bỗng nhiên khi anh cúi xuống

Hắn nhổm lên chĩa súng của mình

Nhằm vào trán chạ và hét lên "Mẹ kiếp!"

Viên đạn quá gần sượt qua làm mũ cha rớt xuống

Và con ngựa chồm lên lùi lại phía sau

Cha vẫn ôn tôn bảo: "Cứ cho hắn uống, có gì đâu"

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 106
Tiểu đoàn trưởng Hugo.

Như đã nói ở trên, vua Joseph cho vời ngài Hugo đến Portici. Từ lâu nhà vua đã biết đến ông và thật sự quý mến như ông đáng được như vậy. Nhưng dẫu sao nỗi sợ Napoléon gây ra cho mọi người ngay cả với các anh em mình khiến vua Joseph cũng chột dạ, không dám ân sủng cho kẻ cả gan làm phật ý hoàng đế và cuối cùng mới cho Hugo cái cơ hội tự khẳng định nếu ông ta bắt được kẻ mà ngay cả những người táo bạo và khéo léo nhất cũng từng phải bó tay.

Cũng phải nhớ đến bằng chứng về Madonald bị năm năm thất sủng chỉ vì lý do duy nhất là bạn Moreau và từng bị nghi ngờ có thông đồng tư tưởng cộng hoà với ông ta. Phải chờ đến khi hoàng tử Eugène mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác ở Italie, hoàng đế Napoléon mới nhớ đến ông và cất nhắc làm tổng tham mưu. Madonald trả thù bằng việc cứu cả đội quân và trở thành người hùng ở Wagram.

Nhà vua Joseph ra lệnh cho tướng Hugo thành lập một đạo quân lấy người trong vài trung đoàn bộ binh cận vệ hoàng gia, hoàng gia Phi châu, quân đảo Corse, trong quân hạng nhất và hạng nhì Naples. Cánh quân này có thể lên đến tám, chín trăm người ông phải chỉ huy nó truy quét Fra Diavolo không để cho hắn yên thân một chút nào.

Ngoài ra còn có thêm pháo và năm chục long kỵ binh cũng nhập vào đội quân ấy.

Fra Diavolo đã trở thành một tên đầu lĩnh thật sự. Hắn có trong tay khoảng gần một nghìn năm trăm tên và chọn địa hình quyết chiến ở dãy núi hiểm trở bao gồm biển, nhà thờ và vùng Garigriano.

Hugo quyết định qua sông, truy tìm kẻ địch, một khi thấy chúng sẽ khổng để mất dấu vết cho đến khi hạ được hắn mới thôi.

Các phương án tác chiến vạch ra để tên cướp không thể chạy ra khỏi thế trận nơi hắn đã xa vào. Tướng quân Duhesme chỉ huy cánh quân chặn phần biên giới La Mã, tướng Goullus cùng một lữ đoàn trong thung lũng Sora. Các toán quân khác rải bên bờ sông Garigriano. Tướng Valentin chỉ huy quân của quận Gaète phải làm sao không cho Fra Diavolo lên thuyền.

Các bạn cũng thấy Fra Diavolo được đối đãi như một kẻ thù nghiêm chỉnh: ba tướng quân để mắt đến hắn trong khi một tổng chỉ huy sắp tấn công hắn.

Chỉ huy Hugo gửi lại hai khẩu đại bác và đội long kỵ binh vì họ chỉ làm ông vướng bận. Nếu ông cần long kỵ binh ông sẽ cho gọi và những người này sẽ tập hợp bất cứ chỗ nào ông muốn.

Tuy nhiên, các sĩ quan Pháp đã phải đối đầu với một kẻ thù có khả năng làm chủ thế trận trong địa hình núi non ấy. Fra Diavolo vừa nhận ra tình hình phải hành động thay vì ngồi chờ bị tấn công, hắn bất ngờ đánh úp đội quân của San Guglielmo đánh bại một tiểu đoàn đang hạ trại ở Arce rồi tiến về phía Cervaro.

Chỉ huy Hugo lao theo dấu vết hắn và đã ở Cervaro chỉ một tiếng sau hắn.

Phía sau làng Cervaro là chỗ đất hoang rừng cây rậm rạp, chỉ huy Hugo đoán quân địch trốn trong đó đã chia quân làm hai, một vòng ra sau núi, một nửa xộc vào tìm kiếm. Ông đã không nhầm, ngay lập tức có vài phát súng

vang lên báo hiệu kẻ địch đã bị lộ. Nhưng dù các tay súng bắn vào xối xả, cuộc đọ súng diễn ra rất chóng vánh. Fra Diavolo cho quân vòng ra phía bên phải, chỉ cách quân địch, phần ba con đường. Hắn nghĩ rằng quân Pháp mệt mỏi không thể đuổi theo nên đã rút về miền núi cao.

Đêm xuống, mối nguy hiểm khi mò mẫm trong một cánh rừng lạ cộng với nhu cầu phải ăn uống buộc chỉ huy Hugo trở lại Cervaro khoảng 10 giờ tối.

Nhưng đến ba giờ sáng, chỉ huy và đội quân đã thức dậy chia làm ba cánh tiếp tục lên đường. Fra Diavolo đã để một đội hậu quân trong hẻm Acquafondata để chặn không cho quân Pháp qua.

Chỉ huy Hugo dẫn đầu binh đoàn số hai Naples đẩy lùi đám hậu quân. Nhưng không may đêm lại xuống kèm theo mưa như trút nước buộc quân Pháp phải dừng lại nghỉ trong một trại lính canh của dân bỏ hoang. Trời sáng họ lại tiếp tục lên đường.

Dù biết mọi đường đi, Fra Diavolo vẫn không theo một đường nào. Hắn đi vào những lối mòn những người chăn súc vật hay đi mặt khác thường xuyên làm những động tác đánh lạc hướng. Do đó, để không mất dấu vết của hắn, người ta chỉ có thể trông cậy vào những người chăn thả gia súc. Được trả hậu hĩnh, những người này chỉ cho quân Pháp con đường ngắn nhất, thường là những vỉa thác ngoằn ngoèo, phải trèo lên hay xuống thác. Các vỉa này có nhiều đá đến nỗi phần lớn quân lính phải cất giầy đi bằng chân trần.

Cuộc truy đuổi ráo riết kéo dài đã tám ngày. Người ta vẫn chưa thể bắt được hắn nhưng có thể nói đã suýt tóm được, quân lính được nghỉ rất ít, vừa đi vừa ăn, ngủ đứng. Chỉ huy Hugo giăng khắp nơi cơ mạn những điệp viên dò la, đến cảnh sát, đến các trụ sở hành chính. Ông biết hắn làm gì từng ngày một song ông vẫn chưa thể ép hắn lộ diện.

May thay có một tiểu đoàn Pháp tiến quân về phía Abruzzes mà Fra Diavolo không hay biết gì. Họ được thông báo tên cướp và băng đảng của hắn tụ tập trong một cánh rừng gần ngôi làng nơi tiểu đoàn đi qua nên họ dừng lại, theo một liên lạc chộp được chỗ của hắn, hạ hơn một trăm tên.

Nghe tiếng súng, chỉ huy Hugo cho quân tiến thẳng về đó. Hầu như bị bao vây hoàn toàn và không mong thắng được, Fra Diavolo buộc dùng mẹo. Hắn tập hợp cả băng lại rồi nói:

- Chúng mày chia ra thành từng toán hai mươi đứa một, mỗi toán đều làm ra vẻ có tao ở trong đó rồi tìm cách chắc chắn lên thuyền. Nơi tụ họp sẽ ở Sicile.

Vừa quyết định xong, chúng thực hiện ngay. Băng cướp chia thành nhiều toán nhỏ tản ra như khói về tứ phía. Chỉ huy Hugo nghĩ xem Fra Diavolo sẽ theo hướng nào. Thật khó xác định vì người của ông báo khi thấy hắn chạy về phía Abruzzes người lại nói hắn đi về phía bờ sông Biferro định đến Pouille hay vừa đánh vừa lùi về Naples.

Sau khi ngẫm nghĩ một lúc, chỉ huy Hugo đoán ra chiến thuật của hắn. Đó là cách thống chế Rantzau đã làm. Nhưng biết Fra Diavolo ở toán nào đây?

Trong mối nghi ngờ ấy, ông đành chia quân cho các ngả.

Kết quả là quân Naples tiến về tả ngạn sông Bifemo. Ông cùng binh đoàn Corse, quân cận vệ hoàng gia, quân Phi đen chia ra về các phía Cantalupo và thung lũng Bojano.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 107
Bủa vây

Đến mảnh đất của bá tước Molisse, quang cảnh nơi đây thật tiêu điều xơ xác do một thiên tai khủng khiếp gây ra. Thực tế là cách đây ít lâu, nơi này đã bị một trận động đất.

Dân chúng bỏ đi nay lại lần lượt trở về mái nhà đổ nát của họ. Số khác vẫn còn trú ngụ trong những mái lều dựng tạm. Chỉ huy Hugo rất biết những người này tốt bụng và thông minh. Ông không nghi ngờ chỉ ít lâu họ sẽ giúp mình hết sức. Quả nhiên những người dân được cử đi đã lần tìm suốt cả ngày đêm. Các lực lượng quân cảnh dù trụ sở sập rạp xuống đất vẫn quên đi cái thảm hoạ mà họ là nạn nhân, sẵn sàng đốt đuốc dẫn đường trước sự kinh ngạc của Fra Diavolo, hoảng hốt thấy đồng bào hắn lại trở thành kẻ thù của hắn.

Bằng sức mạnh không cưỡng nổi, băng cướp buộc phải tụ lại như ý muốn của những người truy đuổi. Bị vây bắt khắp nơi, bọn cướp đành chạy xuống thung lũng Bojano.

Thời tiết khi đó xấu tệ hại. Mưa trút xuống thành những dòng xối đáng sợ và rất nhiều. Mỗi bước đi phải qua vài dòng như thế và nước ngập đến tận thắt lưng. Dòng sông Bifemo thông thường có gần hai bộ nước nhưng đã dâng lên rất cao đến nỗi nếu không cộ cảnh binh của ngài Vinchiaturo đến kịp để cứu cây cầu, chắc Fra Diavolo đã bị bắt vì dòng sông không thể qua được.

Cuối cùng, vào một ngày trời còn đổ mưa, quân Phi châu và người của Fra Diavolo đã đụng độ ở giữa Bojano và làng Guardia.

Quân của Hugo do chính ông chủ huy đấu với quân của Fra Diavolo một

chọi bốn. May sau các cánh quân khác đuổi Fra Diavolo cũng lần lượt tới nơi trợ chiến. Nhưng mưa càng lúc càng xối xả. Trận chiến chỉ còn dùng báng súng, lê và dao găm.

Trận quyết tử kinh khủng hay đúng ra là cuộc đọ dao, gươm một mất một còn còn ấy kéo kéo đài hơn hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng, nhờ lòng can đảm anh dũng siêu phàm, bọn cướp đã bị truy diệt. Chỉ còn năm mươi tên, tàn quân của một nghìn năm trăm tên qua được cầu Vinchiaturo xuống thung lũng Tammaro đến tận Bénèvent. Người ta bắt được khoảng ba mươi tù binh, một nghìn tên nằm lại chiến trường hoặc bị cuốn trôi theo dòng lũ.

Giá chỉ huy Hugo có thêm đội quân long kỵ binh, toàn bộ băng cướp đã bị tiêu diệt và Fra Diavolo đã bị tóm rồi.

Trong lúc dẫn giải, một tù nhân lại gần chỉ huy đề nghị nếu hắn ta được thả tự do hắn sẽ đưa ông đến một góc núi nơi chôn mười nghìn *ducats* tương đương 45 nghìn phăng của băng cướp.

Chỉ huy từ chối lời đề nghị ấy: nhiệm vụ của ông không phải tìm kiếm chiến lợi phẩm cho cánh quân của mình mà là truy sát Fra Diavolo. Khi tiến quân đuổi Fra Diavolo đến sông Calore, chỉ huy Hugo nhận thấy con sông đã dâng nước vào đến mười lăm mười sáu bộ. Canh quân trở lại Bénèvent báo cáo lại với chỉ huy trở ngại họ gặp phải. Fra Diavolo có ưu thế hơn họ hai mươi tư tiếng nên ông sợ nếu để mất dấu hắn dù chỉ một thời gian rất ngắn hắn sẽ kịp trở lại bãi biển lên tàu đến Capri nơi vẫn còn một cánh quân nữa.

Chỉ huy Hugo phân phát giày cho quân của mình và mặc cho có những tiếng rì rầm phản đối, ông ép họ lên đường ngay từ một giờ đêm.

Đến Montesarchio, ông được tin Fra Diavolo lại một lần nữa thoát khỏi cánh

quân lưu động của ông bây giờ đã đến bên kia sườn núi Vergine.

Montesarchio là một ngôi làng nằm dọc theo đường từ Naples đến Bénèvent. Chính con đường này là nơi người ta gặp những rãnh Caudines nổi tiếng mà quân đội La Mã buộc phải đi qua trong cuộc chiến tranh chống lại người Samnite. Những rãnh Candines này, nơi đây là một lối đi hẹp, được hình thành một bên do dãy Tabumo và bên kia do núi Vergnine. Từ phía Bénèvent, núi dựng đứng đến mức chỉ có những người chăn súc vật mới dám liều lĩnh theo đàn dê của họ.

Khi trèo qua ngọn núi này, tướng Hugo sẽ lấy lại hai mươi tư tiếng để lỡ và còn cơ hội bắt được kẻ ông truy lùng. Dù những người dẫn đường dùng mọi cách để khuyên ông thay đổi ý định nhưng chỉ huy Hugo nhất quyết trèo qua ngọn núi. Khi trời vừa sáng, nhờ những người chăn dê dẫn đường, chỉ những người này mới chấp nhận leo lên độ cao ấy, ông bắt đầu trèo. Đám lính lầm bầm đi theo và cuối cùng cũng lên cùng ông.

Con đường đã khó đi cộng với tuyết mỏng khiến nó càng trơn hơn. May thay, trèo lên một đoạn thì có vài cái cây giúp họ bám vào leo tiếp. Ngoài ra cộng với sự kích thích của chính cái khó đi tiếng cười chế giễu khi ai đó ngã, quân của ông cuối cùng cũng lên được nơi bằng phẳng sau ba tiếng mệt mỏi khủng khiếp đến mức họ không biết mình đang ở đâu.

Vẫn còn đang chao đảo và ướt sũng người, một luồng gió mạnh thổi từ đỉnh các dãy núi xé toạc màn mây bao phủ quanh họ và, giống như một tấm rèm sân khấu kéo lên, họ thấy vịnh Naples trải rộng ngút ngát đẹp tuyệt vời.

Ngọn núi đã bị chinh phục. Mừng rỡ, nhưng câm lặng, đoàn quân tiếp tục trèo xuống sườn núi đối diện, hướng về phía Alena.

Khi đột nhiên giật mình trước một loạt súng, họ mới biết tình cờ đã vào giữa đám quân của Fra Diavolo.

Tên kẻ cướp Fra Diavolo rất muốn bỏ trốn không giao đấu nhưng đâu có dễ: quân tiên phong đảo Corse đã xông vào chiến đấu giáp lá cà với chúng. Những toán quân khác lần lượt tập hợp lại khi nghe tiếng súng. Đoán chắc kết cục bi đát vẫn cắm đầu xông vào giữa vòng lửa. Nhưng thêm một lần nữa Fra Diavolo, không mệt mỏi như những người truy bắt hắn vì được nghỉ ngơi hai đêm, lại trốn thoát cùng ba mươi tên tay chân. Một trăm hai mươi tên còn lại bị bắt làm tù binh hoặc quăng súng tháo chạy.

Chỉ huy chẳng bận tâm đến chúng, ông chủ quan tâm đến tên trùm sò, kẻ duy nhất có giá trị thật sự. Một khi Fra Diavolo bị bắt, đám tàn quân của hắn không thể tập hợp lại nữa. Những kẻ từng phục vụ cho hắn sẽ không chấp nhận phục tùng dưới quyền một thủ lĩnh khác.

Vừa chạy qua dưới bóng cây rậm rạp, Fra Diavolo rất thông thạo địa hình xứ này nên còn hy vọng chạy tiếp. Nhưng hắn phải ra được đầu đường Pouille và đi theo đường này một đoạn. Hắn nhanh chóng tìm thấy con đường.

Một vực thẳm ngăn hắn xuống phía bên kia. Phía sau hắn là quân lính của ngài Hugo, đột nhiên hắn thấy một đoàn kỵ sĩ Pháp đi tuần đang tiến đến. Nếu hắn đi thẳng hắn sẽ rơi vào tay đội quân đi tuần. Nếu hắn lùi lại, quân lính phía sau sẽ đuổi và tràn lên đường chặn hắn. Còn bên phải, như tôi vừa nói có một vực thẳm chặn lại.

Đồng bọn của hắn dừng lại run rẩy nhìn hắn đầy lo âu. Chúng như muốn nói với hắn: "Chỉ có anh mới cứu chúng tôi thoát khỏi đây nhờ một trong những mưu mô quỷ quyệt từng làm lên cái tên Fra Diavolo của anh mà thôi".

Quả thật, con quỷ của hắn không bỏ rơi hắn trong tinh cảnh khó khăn này.

- Hãy nhanh trói tay tao ra sau lưng - Hắn nói - và trói cả trung uý này nữa.

Bọn cướp im bặt sợ hãi nhìn hắn.

- Làm nhanh lên! Làm đi! - Fra Diavolo hét lên - Chúng ta không được để mất thời gian.

Mệnh lệnh được thực thi một cách thụ động. Không có dây trói chúng dùng khăn tay buộc tay thủ lĩnh lại.

- Bây giờ - Fra Diavolo nói - hãy mạnh dạn đi thẳng đến đám kỵ binh kia. Chúng sẽ hỏi chúng tao là ai, chúng mày trả lời bọn ta là hai tên cướp của băng Fra Diavolo mà chúng mày bắt được đang dẫn đến Naples để lĩnh thưởng.

- Thế nhỡ chúng muốn tự mình dẫn các anh đi thì sao?

- Thì bọn mày cứ để chúng làm, hãy vừa rút lại phía sau vừa phản đối cái bất công chúng làm với bọn mày.

- Thế còn ngài, đại uý?

- Ối dào! Ai chẳng một lần chết.

Mệnh lệnh nhanh chóng được thực hiện. Fra Diavolo và tên trung uý của hắn lâm bộ rầu rĩ thảm hại. Hai tên cảnh binh đóng giả bước quả quyết về phía đám kỵ binh. Đám này hỏi chúng. Tất cả dân Naples đều là những người tài ứng đối. Một trong hai tên cướp lên tiếng thao thao kể chúng bắt được hai tù binh ra sao.

Đám kỵ sĩ nhiệt liệt khen ngợi diễn giả và một toán nhỏ nữa đến nhập vào đuôi đoàn quân theo hướng ngược lại. Đôi bên của tay nhau như bạn bè và

chúc nhau thượng lộ bình an.

Đi cảnh hậu quân săn lùng chừng ba trăm bước, bọn cướp tìm được một con đường mòn xuyên qua đường dẫn ra chỗ của chung. Fra Diavolo và tên trung uý của hắn được cởi trói, bấy giờ hắn ra lệnh bắn trả người săn chúng.

Đám lính ban nãy hoàn toàn không biết tầm quan trọng của những kẻ vừa thoát khỏi tay họ. Họ chỉ nhận ra chúng giễu cợt họ nhưng vì đi ngựa lại không thông thạo đường rừng, họ không dám đuổi theo đám kẻ cướp đi bộ thuộc lòng thông thổ nơi đây. Chỉ khi gặp quân của chỉ huy Hugo họ mới biết mình đã để xổng ai.

Cuộc săn đuổi lại tiếp tục. Buổi tối hôm ấy Hugo và đội quân của ông đến Lettere, một xứ nhỏ ven Castellammare. Đến đây, người ta thông báo cho họ biết cách chỗ đóng quân của ông không xa, Fra Diavolo vừa đụng độ thêm và phần lớn người của hắn đã bị giết, chính hắn cũng bị thương. Hắn gắng hết sức chạy về La Cava. Hầu như chỉ còn lại một mình, lúc này Fra Diavolo không đáng lo ngại, chỉ sợ hắn tìm được một chiếc thuyền đi sang Capri hay Sicile rồi lại xuất hiện với một băng đảng mới. Trốn bằng thuyền là cứu cánh duy nhất của hắn. Hắn cho giải tán nốt những tay chân cuối cùng vì nghĩ một mình sẽ dễ dàng trốn thoát hơn.

Cái đầu hắn trị giá gần 6 nghìn *ducats* tiền thưởng (tương đương 26 nghìn phăng). Đội quân đội quốc gia những vùng lân cận và quân viễn chinh Pháp đều được thông báo. Ngay cả Fra Diavolo cũng biết dù có trốn sang Sicile hắn vẫn có thể bị kẻ hám sáu nghìn *ducats* tố giác.

Vào khoảng cuối tháng mười, đêm rất lạnh còn mặt đất phủ đầy tuyết hắn không thể dong duỗi bộ trên núi, hơn nữa, trong lần đụng độ mới nhất với cảnh binh dân sự, hắn bị thêm một vết thương nữa và đã kiệt sức; hai mươi

chín ngày chạy trốn quân Pháp, hắn lả dần vì đói do không có gì ăn từ Aletta. Nếu có thể hắn sẽ hào phóng đổi mười nghìn *ducats* giấu trong núi, khoản tiền mà một tên đồng bọn muốn dâng cho Hugo, để lấy một nơi trú ẩn chắc chắn, một mẩu bánh mì và một đêm ngủ yên giấc.

Hắn bước đi một hai tiếng vô định đến một nơi lạ lẫm hắn không quen thông thổ. Khoảng chín giờ tối, hắn lại gần một túp lều của người chăn gia súc. Hắn nhìn qua khe quan sát bên trong và nhận thấy chỉ có một người sống ở đây. Hắn vào xin ở nhờ và nếu chủ lều từ chối hắn sẽ dùng vũ lực.

Nhưng ông chủ đồng ý với vẻ dễ dãi mà người nghèo hay chia sẻ với người khác chút ít của cải Chúa dành cho họ. Fra Diavolo vào lều hỏi thăm mới biết không bao giờ thấy cảnh binh lặng vảng quanh đây. Hắn đặt vũ khí vào một góc, ngồi cạnh đống lửa và ăn phần bữa tối còn lại của người chăn dê. Tức là vài củ khoai tây bỏ quên vùi trong tro sau đó, hắn lăn ra ổ rơm và thân cây ngô ngủ thiếp đi.

Fra Diavolo được báo không có cảnh binh nhưng hắn không ngờ lại còn bọn cướp. Vào khoảng nửa đêm, bốn tên cướp của băng Ciliento tình cờ vào túp lều nơi Fra Diavolo đang ngủ. Ông chủ lều và khách của ông ta bật thức dậy khi cái họng thép dí vào cổ và không biết những kẻ này là quan quân hay bọn đồng nghiệp, Fra Diavolo giấu tên thật, mặc chúng muốn làm gì thì làm không mảy may kháng cự. Kết quả là hắn trơ trọi không vũ khí, không tiền bạc.

Nếu thoát khỏi lần này, Fra Diavolo chẳng còn gì để sợ ngoài cái chết. Từ khi tướng Hugo truy lùng hắn, mọi may mắn đều bỏ rơi hắn, hắn luôn bị đánh bại, bị thương không vũ khí, không tiền bạc, liệu còn gì tệ hại hơn đến với hắn nữa đây?

Khốn thay, hoạ vô đơn chí, bọn cướp vừa đi chưa đầy trăm bước, nghĩ rằng chúng vừa để thoát một kẻ có thể đem tố cáo lấy thưởng, chúng quay trở lại lều buộc hắn đi theo.

Hắn chỉ còn biết tuân lệnh.

Những với hai mươi chín ngày dòng chạy trốn qua những bụi cây ngấy, cây tầm ma, qua gai nhọn, ba ngày vừa rồi lại không giày, đôi chân của hắn đau đớn khôn tả. Mặc những cố gắng hắn không thể đi theo, chúng dùng báng súng nện và dí lưỡi lê vào ngực.

- Cứ giết tao nếu chúng mày muốn, tao không thể đi xa hơn nữa - Fra Diavolo nói rồi lăn ra đất.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 108
La Forca(1)

Hoặc do lòng độ lượng hoặc thấy hắn không thể làm hại mình, mấy tên cướp bỏ mặc cho hắn chết trên đường.

Vậy tại sao Fra Diavolo không nói tên mình? Bởi lẽ hắn biết cái đầu hắn trị giá sáu nghìn *ducats*, không nghi ngờ gì nữa, nếu bọn cướp mà biết, chúng sẽ nhanh chóng mang hắn đi nộp cho sở cẩm để lĩnh mỗi tên một nghìn năm trăm *ducats* bỏ túi.

Hắn đã nhận ra mình đang đối đầu với hạng người nào. Khi chúng đã đi xa, hắn gượng đứng dậy, lấy một cành cây vịn vào nó đi hú hoạ xuống núi. Cuối cùng, hắn tới cổng một ngôi làng, đó là làng Baromssi. Hắn rẽ vào ngõ đầu tiên và một lát sau đứng im như tượng tại quảng trường.

Một thày thuốc mở cửa hàng thấy mặt đất phủ đầy tuyết, ông ngạc nhiên nhìn một người đàn ông đứng ở chỗ công cộng dáo dác ngó nghiêng xung quanh với vẻ lo lắng, không ngay thẳng.

Ông lại gần anh ta và hỏi hắn tên gì.

- Tôi chờ một người bạn - Hắn đáp - Tôi đến từ Calabre, ngay khi anh ấy đến, tôi sẽ đi tiếp.

Thật không may cho Fra Diavolo, vị đại phu lại là người Calabre. Ông nhận ra ngay giọng nói người này không phải giọng người quê mình. Ông nghi ngờ hắn là kẻ đang bỏ trốn nên mời vào bếp sưởi ấm và uống vài giọt rượu. Trong lúc giả bộ chăm sóc, ông ra hiệu cho cô bé phục vụ lại gần nói thầm bảo cô chạy đến nhà xã trưởng và báo cho lực lượng dân phòng.

Một lúc sau, bốn người lính và một thầy cai bước vào cửa hàng. Thầy cai lại gần Fra Diavolo và hỏi giấy tờ của hắn:

- Giấy tờ nào - Fra Diavolo hỏi - Bây giờ người ta không thể đi lại mà không có giấy thông hành nữa hay sao?

- Đúng thế - Viên cai đáp - Bây giờ bọn cướp nhan nhản, chúng tôi không thể không đề phòng. Nếu ông không nói ông từ đâu đến, chúng tôi buộc phải đưa ông đến Saleme.

Hắn để họ dẫn đến đó. Họ đưa hắn vào phòng làm việc của ngài trung đội trưởng Farina để thẩm vấn. Đúng lúc ấy, một lính công binh quân đội Naples trực thuộc chỉ huy Hugo có tên là Pavese tình cờ đi ngang qua phòng này, nhìn thấy tù nhân và hét lên:

- Fra Diavolo!

Sau tiếng kêu ấy, các bạn có thể hiểu những người tham dự và nhất là tù nhân sửng sốt thế nào.

Hắn muốn chối nhưng khốn thay cho hắn, vào thời nhà Bourbon còn ở Naples, khi hắn làm đại tá và là công tước, khi hắn nghênh ngang diễu qua các phố Naples vênh váo với bộ quân phục và tước hiệu của mình thì cái anh chàng công binh thấp kém kia lại có quá nhiều vinh hạnh gặp hắn để bây giờ không thể không nhận ra, dù hắn có nửa trần, đã chết hay bị vấy máu cũng không lẫn vào đâu được. Anh chàng công binh quả quyết lời mình nói đến mức không ai nghi ngờ nữa mà họ chắc tên Fra Diavolo hay hớm cuối cùng đã bị bắt.

Chính chỉ huy Hugo là người báo cho vua Joseph tin tên cướp gớm ghiếc ấy đã bị bắt. Nhưng vì muốn thừa nhận và ngưỡng mộ lòng can đảm và tinh thần của hắn, ông xin cho hắn được hưởng khoan hồng từ chính quyền Pháp.

Nhưng vua Joseph đáp rằng, ngoài những hành vi phạm tội chính trị, Fra Diavolo còn phạm các tội dân sự không thể hưởng lượng khoan hồng của nhà vua. Fra Diavolo có thể là quân của nhà Bourbon, là sĩ quan quân đội của vua Ferdinand, công tước Cassano nhưng điều đó không ngăn hắn là kẻ sát nhân và đốt phá.

Tiếng tăm của Fra Diavolo quả không nhỏ do đó phòng xử án chật ních những kẻ hiếu kỳ. Tên tội đồ bị đem ra chất vấn, thủ tục trước thời trị vì của Joseph và Murat bị coi là hình thức không cần thiết. Khi được mời đứng ra tự bào chữa, hắn luôn từ chối.

Lúc trong ngục, hắn nhắc đi nhắc lại mình chỉ làm theo mệnh lệnh. Hắn bình thản nghe tuyên bản án tử hình và khi người ta đọc xong hắn kêu lên.

- Tuy nhiên thế cũng đáng nếu tôi làm được một nửa những gì ngài Sidney Smith ra lệnh cho tôi.

Buổi thi hành án được ấn định vào trưa ngày hôm sau.

Và đúng trưa ngày hôm sau ấy Manhès và bá tước Léo vừa đến quảng trường Chợ Cũ; nhờ bộ quân phục của Manhès, họ cùng ngựa, hai tù nhân và tên đánh xe tìm được một chỗ thoải mái trên quảng trường Del Mercato Vecchino.

Từ con hẻm "*Tiếng thở dài của vực thẳm"*, Fra Diavolo xuất hiện với nước da tái nhưng khuôn mặt nghiêm nghị. Mái tóc của hắn được cắt vòng tròn cao đến tai để không vướng vào dây chão.

Hắn đã đeo vào cổ tấm bằng phong tước hạ sĩ quân đội của nhà vua, kèm theo những hình thù các thứ vũ khí là dấu xi đỏ và chữ ký của nhà vua

Ferdinand. Chiếc áo khoác quàng qua vai và đến chân cầu thang sẽ bị lấy lại để hở phần tay, một trong hai cánh tay hắn còn đeo chiếc vòng tay bằng tóc vàng của hoàng hậu Caroline.

Fra Diavolo không vênh váo xấc xược cũng không quá nhún mình. Hắn tỏ ra bình thản, qua đó cho thấy sức mạnh tinh thần chế ngự thể xác và ý chí hắn lấn át vật chất. Ba phần tư đám người đến xem đều quen biết hắn, nhưng hắn chỉ đáp lại lời chào của những người chào hắn đầu tiên. Hắn mỉm cười nhìn vài phụ nữ và chào một hai người. Một hàng quân Pháp dẹp đường phía trước xe và chắn cách bậc lên giá treo cổ vài bước. Dưới chân cầu thang là đao phủ, thầy Donato và hai phụ tá của lão.

Cỗ xe dừng lại. Người ta muốn đỡ Fra Diavolo nhưng hắn nhẹ nhàng tự nhảy xuống đất tiến những bước chắc chắn đến chân cầu thang. Một thầy tu và một lục sự đi theo sau. Đến nơi viên lực sự đọc to bản án của hắn.

Bản án nêu tất cả những ca thán của xã hội đổ lên Fra Diavolo bắt đầu từ vụ giết hại ông chủ của hắn đến việc ám hại hai binh sĩ Pháp. Toàn bộ hội Tử thiện đã đi theo cỗ xe từ Castel Capuano đến giá treo cổ. Một thành viên của hội ngồi cạnh hắn trên xe. Anh ta xuống xe cùng hắn, khoác tay lên vai và đưa hắn đến chân giá treo cổ. Trong lúc người này còn khoác tay lên tử tù, đao phủ không có quyền đụng vào hắn, một khi cánh tay ấy nhấc lên, án phạm mới thuộc về kế hành quyết.

Bản án đọc xong, Fra Diavolo đứng im không chao đảo, nói khe khẽ với con người khoác chiếc áo choàng màu trắng. Đao phủ đang chờ đợi. Cuối cùng bằng giọng giõng dạc, Fra Diavolo nói với thành viên hội Tử thiện khi quay lưng vào giá treo cổ rằng:

- Tôi không còn gì để nói với ông nữa, hãy nhấc cánh tay của ông lên hỡi người anh em của tôi, tôi sẵn sàng rồi.

Đao phủ đi sau hắn muốn đỡ hắn nhưng hắn lắc đầu.

- Không cần - Hắn nói - tôi có thể tự trèo lên một mình.

Và dù hai tay bị trói, hắn vẫn trèo lùi lên các bậc thang, mỗi bậc hắn đều nói: "Ave Maria, Ave Maria, Ave Maria"; cho đến khi lên đến bậc cao nhất chạm vào nút thòng lọng, đao phủ quàng sợi dây qua đầu hắn, chờ một giây xem trong trường hợp ấy, tội đồ có muốn nói gì không.

Quả nhiên, Fra Diavolo hét to:

- Con cầu xin Chúa tha tội, mong những nạn nhân do tôi sát hại tha thứ, tôi cầu mong được cầu nguyện Đức Mẹ Đồng…

Hắn chưa dút lời: một nhát hẩy chân của thầy Donato đã tung hắn vào cõi vĩnh hằng.

Tên cướp cảm thấy rơi vào chốn hư không, dùng hết sức định gỡ hai tay trói ra. Đao phủ nhanh chóng trèo lên ba bốn bậc, túm lấy đầu dây đang đung đưa gần chỗ ông ta để, nếu cột sống chưa gãy cũng gãy luôn khi có thêm trọng lượng của ông ta. Ông ta lắc lắc vài cái rồi trượt xuống dọc theo cơ thể của tội đồ rồi nhảy xuống đất.

Nhưng hoặc vì nút thắt thít kém, hoặc sợi dây mới quá nên không trơn hoặc cuối cùng do tên tử tội mạnh mẽ khác thường hơn hắn những người khác nên khi đao phủ trượt xuống ngang ngực, tên tử tội túm lấy ngang lưng đao phủ dùng hết sức bình sinh siết chặt, càng lúc càng mạnh trong cơn giãy giụa khi hấp hối.

Dân chúng đồng thanh kêu lên: "Hoan hô, Fra Diavolo, hoan hô!" trong khi đao phủ cũng gần cái chết như tội phạm, đang rú lên đau đớn.

Hai trợ thủ của lão lao vào cứu ông chủ. Trong giây lát bốn con người hầu như cùng lơ lửng trên một đầu dây tạo thành một khối hình thù dị dạng, xứng làm quả của cây giá treo cổ. Nhưng đột nhiên sợi dây đứt và bốn người cùng rơi xuống sàn của giá treo cổ.

Nhìn cảnh tượng ấy, những tiếng kêu giận dữ vang lên trong đám đông, đá bay tới tấp, những người bán hàng giơ gậy của họ, đám người Lazzaroni giơ dao găm, tất cả lao về phía giá treo cổ vừa hô "Donato chết đi! Bọn giúp việc chết đi!".

Nhưng đám bình dân Naples không còn được như những ngày dưới sự trị vì của vua Ferdinand, họ có thể lật đổ giá treo cổ và cho đao phủ tan xác khi không thành thực kỹ nghệ của hắn.

Lính Pháp đứng vòng tròn xung quanh giá treo cổ giương lưỡi lê về phía đám đông, đẩy họ về phía cuối chợ để giữ khoảng cách.

Trong lúc như vậy, viên sĩ quan điều khiển buổi hành quyết đã nhận ra một nhóm người đặc biệt bao gồm Manhès, bá tước, hai tên cướp bị bắt trong xe và tên đánh xe đang ngồi trên ngựa.

Anh ta lịch sự hỏi vài câu hỏi ngắn gọn và nhận được những câu trả lời lịch lãm không kém. Manhès giải thích ngắn gọn hai tên tù nhân là thế nào và hỏi xem mình có thể làm gì.

Viên sĩ quan khuyên họ nên đưa chúng đến nhà tù Vicaria.

Nhân đó, hai chàng trai hỏi:

- Khách sạn sang trọng nhất thành phố là gì?

Viên sĩ quan trả lời ngay tắp lự:

- Nhà Martin Zir, khách sạn La Vittoria.

- Mày nghe rõ rồi đấy chứ? - Manhès nói với tên đánh xe sau khi đã cảm ơn viên sĩ quan.

Tên đánh xe đưa hai hành khách đến nhà tù Vicaria. Cả hai xuống ngựa trao bọn cướp cho người gác cổng đổi lại, người này hỏi họ tên của họ là gì. Trước lúc ra đi, Léo nghĩ những kẻ khốn nạn kia chẳng có đồng nào dắt lưng và chúng cần hoàn lương nên thả một đồng *louis* vào tay của anh ta. Mười phút sau, họ đến khách sạn La Vittoria, trả tiền cho kẻ đánh xe rồi vào yêu cầu tắm rửa và bữa trưa, hai thứ họ đang rất cần sau một chuyến đi đêm qua đầm Pontins và mười hai dặm ngồi trên lưng ngựa.

Tuy vậy, trước lúc đi tắm, Manhès viết một lá thư đến viên đại nội thị thần của vua Joseph Bonaparte còn bá tước Léo cũng gửi danh thiếp của mình đến ngài bộ trưởng Quân cảnh Saliceti.

Lúc ngồi vào bàn ăn, cả hai đều nhận được hồi âm, viên thị thần báo lại cho Manhès rằng vua Joseph chờ anh đến càng sớm càng tốt vì ngài đang mong tin tức của hoàng đế và Murat.

Bá tước Léo cũng nhận được thư của thư ký ngài bộ trưởng Quân cảnh rằng ngài Bộ trưởng của anh ta sẽ hân hạnh khi anh đến điện.

Cả hai cùng tin chắc như thế và bắt đầu sửa soạn.

<u>Chú thích:</u>

(1) giá treo cổ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 109
Christophe Saliceti, ngài Bộ trưởng Bộ cảnh sát và chiến tranh

Việc sửa soạn của những chàng trai lịch lãm nhanh chóng kết thúc.

Bá tước Léo mà các bạn đã nhận ra là René là một trong số những chàng trai đó. Vì cấp bậc phụ tá thuyền trưởng Surcouf và cấp đại uý hải quân thứ ba của ngài Lucas không được phê chuẩn nên anh không muốn mặc bộ quân phục xộc xệch như một tên cướp biển hay bộ trang phục tầm thường như một thủy thủ, do đó anh mặc trang phục như thanh niên thời bấy giờ, tức là chiếc áo rơ danh gột cổ nhỏ rủ xuống có đính núm hình khuyết áo, chiếc quần bó bằng vải cachemire, đôi bót ống vểnh, cà vạt và áo gilê trắng, mũ vành vểnh. Ba giờ chiều là lúc người ta báo có người tên là bá tước Léo muốn gặp ngài bộ trưởng Bộ Quân cảnh.

Vẫn còn hai ba người nữa chờ đến lượt gặp bộ trưởng, nhưng vì ngài bộ trưởng muốn gặp bá tước Léo nên bảo họ trở lại vào ngày mai vì thời gian diện kiến đã hết.

Ngài Bộ tướng Quân cảnh Christophe Saliati là người đảo Corse, khi ấy ông đã sáu mươi tuổi.

Là luật sư ở Bastia khi nổ ra cuộc cách mạng Pháp, ông được bổ làm đại biểu và cử vào Quốc hội lập hiến. Ông được tham gia vào việc ra sắc luật nhập những người đảo Corse thành công dân Pháp rồi ông trở thành viên của chính quyền Quốc ước và Hội đồng Năm trăm. Sau cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, ông xa lánh Bonaparte một thời gian do phản đối hành động chính trị này nhưng lại nhanh chóng được tin tưởng. Khi Joseph được phong vua Naples, ông được giao làm bộ trưởng bộ Quân cảnh.

Ông có khuôn mặt đẹp, những đường nét thanh nhã. Ông là cánh tay đắc lực cho vua Joseph Bonaparte trở thành chỗ dựa vững chắc cho ngài trong chính nhà mình.

Đang ngồi bên bàn làm việc, khi nghe "Bá tước Léo đến!", ông duyên dáng đứng dậy và chỉ cho anh chiếc ghế.

Léo bày tỏ lòng cảm ơn về lòng nhân từ và sự hồi âm nhanh chóng của ông.

- Thưa ngài - ông Saliceti nói - Tôi vừa hân hạnh tiếp ngài vừa âu lo một điều rằng ngài đến Naples để thay vị trí của tôi.

- Ồ thưa ngài - Anh chàng mà chúng ta khi gọi là Léo khi gọi là René vừa cười vừa nói - Cái vị trí này quá hoàn hảo nên tôi có nhã ý định liếc nhìn nó một lát.

- Thế chẳng phải ngài là người đến từ Rome cùng đại uý Manhès hay sao?

- Vâng, thưa ngài và ngài cũng chứng tỏ cảnh sát của ngài đã hoàn tất nhiệm vụ thế nào để tôi còn dám hy vọng thậm chí giữ cái ước muốn viển vông là kế vị ngài.

Khi đi ngang qua nhà tù Vicana, ngài đã để lại đó hai tên cướp bị ngài bắt sống và bỏ lại xác ba tên trên đường đứng không?

- Chúng tôi đã cố gắng hết sức có thể trong trương hợp như vậy - Léo đáp - Chúng tôi đã không thể làm hơn thế thưa ngài.

- Bây giờ liệu tôi có thể biết điều gì khiến ngài dành cho tôi cái vinh hạnh được đón tiếp, tôi có thể giúp gì cho ngài?

- Thưa Bộ trưởng, tôi có cái bất hạnh bị Napoléon Bệ hạ chối từ song bù lại, tôi cũng không biết vì sao lại được ngài Fouché đoái thương.

- Thế cũng là nhiều rồi đấy. - Saliceti nói - Fouché không xấu như người ta vẫn nói, ông ấy cũng tốt lắm. Tôi biết ông ta từ hồi chính quyền Quốc ước. Chúng tôi luôn tán đồng quan điểm với nhau và rất gắn bó. Ngài không chuyển nhiệm vụ nào cho tôi đấy chứ?

- Không, thưa ngài. Khi tôi đến nhận lệnh và hỏi tôi phải đi đâu ông ấy bảo: "Anh đã thấy những lời khuyên của tôi đúng chưa? Thế thì tốt, hãy đến Naples, đến gặp ông Saliceti, cố gắng phục vụ em trai hoàng đế cho tốt rồi trở lại gặp tôi".

- Thế ngài không yêu cầu ông ấy tiến cử gì à? - Saliceti hỏi.

- Có chứ, nhưng ông ấy nói với tôi: "Anh bạn thân mến, không cần đâu. Anh là một người đàn ông may mắn, hãy thẳng tiến, may mắn sẽ tìm thấy anh". Vì vậy tôi ra đi. Đến Rome, tại trạm ngựa tôi gặp đại uý Manhès: chắc là sự khởi đầu may mắn như ngài Fouché dự đoán, rồi đến đầm Pontins, chúng tôi gặp sáu tên cướp chặn đường, chúng tôi đã hạ ba tên, bắt hai tên làm tù binh như ngài biết đấy. Cuối cùng, vẫn là may mắn đồng hành cùng chúng tôi, chúng tôi đã đến vừa kịp lúc xử Fra Diavolo.

- Ngài là người đồng hành rất tuyệt, tôi đã biết điều đó, ngài có muốn gì ở tôi không?

- Thưa Bộ trưởng, thực tình tôi bắt đầu đồng ý với ngài Fouché. Ngài hãy vạch cho tôi một con đường, tôi sẽ đi theo.

- Ngài không phải là nhà ngoại giao cũng không phải là người mánh khoé đúng không? - Saliceti hỏi.

- Ồ thật lòng là không. - René đáp - Tôi chỉ là một binh sĩ hoặc là một thủy thủ thôi. Hãy cử tôi đến những nơi tôi có thể cho mình chết đi, trên biển hay trên cạn với tôi đều như nhau cả.

- Tại sao phải làm anh chết cơ chứ?

- Vì tôi là người tham vọng, vì tôi muốn có một vị trí thật cao, chỉ như vậy tôi mới lấy lại hạnh phúc mà tôi đã đánh mất.

- Chúng tôi không có hải quân thưa ngài. Chúng ta đã chuẩn bị hai tàu chiến và nó chỉ hoàn thành sau hai năm. Như thế thì lâu cho ngài quá. Chúng tôi cũng không có chiến tranh gì lớn. Mảnh đất Gaète cũng sắp đầu hàng trong năm sáu ngày nữa. Ngài là tay săn hổ báo cự phách nhưng chúng tôi không có rừng rậm như ở Miến Điện, chúng tôi chỉ có những con hổ tên là Tombio, Parafante, Benincasa, Ireland Bizzarro(1). Ngài có muốn săn những con hổ

ấy không? Sẽ là một cấp hàm cho mỗi con ngài hạ hay bắt sống.

- Tôi đồng ý. - René nói - Tôi thích những cuộc đại chiến, tôi thích làm quân nhân hơn là thợ săn, nhưng ngài Fouché có lẽ có cái lý của ông ấy khi hướng tôi về lĩnh vực này.

- Tôi nghĩ mình hiểu suy nghĩ của ông ấy. Đó là ông ấy rất quan tâm đến ngài và ông ấy gửi ngài đến chỗ tôi vì chắc tôi sẽ chia sẻ mối quan tâm ấy. Tôi sẽ nói về ngài với Đức vua, hãy quay lại đây gặp tôi.

- Khi nào?

- Ngày mai.

René đứng dậy và cúi chào.

- Ngài cho phép tôi báo cho ngài Fouché mọi việc chứ? - Anh hỏi.

- Ngài hãy viết sang Pháp càng ít càng tốt, ngài từng viết trong thư về những người ngài yêu hay ghét. Trong lúc này hãy hạn chế những lời tiến cử.

- Tôi hiểu thưa ngài nhưng làm sao với một người vĩ đại như Ngài Napoléon…

- Suỵt! Saliceti nói - Ngài Napoléon là đồng hương của tôi, và trước mặt tôi, tôi chỉ cho phép người ta so sánh ông ấy với mặt trời: Mặt trời cũng còn có vết thưa ngài.

Bá tước Léo chào rồi xin phép ông Bộ trưởng đi ra.

Về đến cửa khách sạn La Victoria, anh gặp lại Manhès. Khuôn mặt của chàng đại uý trẻ sáng lên:

- Nhân thể tôi báo cho ngài một điều - Anh ta nói - tôi đã kể về ngài với đức vua, bệ hạ đã nói với tôi là muốn gặp ngài.

- Bạn thân mến của tôi - Léo nói với Manhès - Từ khi tôi quan hệ với các bộ trưởng và tôi vừa gặp ngài Saliceti chừng bốn mươi lăm phút, tôi trở thành

người có nhãn mác rồi. Ngài Saliceti có lòng sẽ nói về tôi với Bệ hạ cứ để ông ấy làm vậy, tôi nghĩ ông ấy muốn tôi theo con đường khác với con đường ông ấy định chỉ cho tôi.

- Tất nhiên, ngài có lý lắm. - Manhès nói - Nhưng từ giờ đến đó còn phải xem đã. Bây giờ ngài định làm gì với phần ngày còn lại? Ngài có muốn ăn tối ở Pompei không?

- Rất sẵn lòng - Léo nói rồi rung chuông:

- Phục vụ - Anh bảo - chuẩn bị một cỗ xe đẹp và hai con ngựa tốt cho ngày hôm nay nhé.

Ông chủ Martin Zir cho đóng ngựa vào cỗ xe đẹp nhất khách sạn ông ta hiểu rằng hai chàng trai mới đến cách một tiếng, một người đã được vua triệu kiến, người kia đến nhà ngài bộ trưởng, thì phải là người xứng đáng với mọi ánh mắt ngưỡng mộ.

Hai chàng trai lên xe.

Ngày hôm ấy quả rất đẹp: dù mới chỉ ở nửa kia của tháng giêng nhưng người ta đã cảm thấy từ phía đảo Sicile những làn gió biển ấm áp làm những đoá hoa hồng Paestun nở bung gấp hai lần bình thường và sắp run rẩy chết đi dưới đáy vịnh Baies.

Tuy thời tiết chưa sang xuân nhưng cũng không còn cái giá băng mùa đông. Cái bến cảng Le Môle rất bẩn tuy vậy cũng rất náo nhiệt trải dài từ Piliero đến cổng del Carmine. Những con lợn con mà người ta vấp sau mỗi bước chân là những lao công duy nhất trên các đường phố ở Naples. Nước vịnh nơi này sáng lên cùng mũi Campanella một bên và bên kia là mũi Misène. Đảo Cap xanh lơ nằm trên các con sóng như một cò quan tài, những lớp sóng bạc tràn dâng như các thiếu nữ mang đoá hoa còn ngủ dưới lớp tuyết

bừng lên trước không khí ấm áp và vui vẻ nói với Métestase rằng:

Ồ tuổi trẻ, mưa xuân của cuộc đời!

Ồ mùa xuân, tuổi trẻ trong nam!

Tất cả cười đùa, ca hát ném những bông hoa hay chửi rủa. Cảnh đấy kéo dài hai dặm, tức là từ Môle đến tận Resina. Đến Resina, quang cảnh đã thay đổi. Vẫn những thiếu nữ, những tu sĩ, những ca sĩ và những chú lợn con như thế song tất cả gắn với những nhà làm mì ống, một thứ nghề truyền thống quen thuộc với mọi người dân Portici.

Biểu tượng nơi đây là hình ảnh khổng lồ về những người đàn ông mình trần cõng trên lưng những khối bột to vừa nói tới những luật sành ăn trên đời. Chắc chắn những người làm mì ống ở Portici là có tiếng nhất trong toàn cõi Italie.

Đến gần Torre del Greco, hai thanh niên ngỡ mình lạc vào một cuộc nổi dậy hay một cuộc tấn công băng cướp. Tiếng súng vang lên dồn dập đến độ họ thấy tiếc khi không mang vũ khí theo.

Thế nhưng khi lại gần hỏi thăm họ mới vỡ lẽ ra chẳng có cuộc đọ súng nào cả mà đó là những tiếng của vô số tiếng ném hộp để chào thánh Antoine.

Hai chàng trai của chúng ta không để ý đến lịch, tưởng đến tháng sáu mới diễn ra buổi lễ thần thánh nổi tiếng. Nhưng người ta giải thích cho hai chàng rằng đó không phải là lễ thánh Antoine de Padoue, người chiến thắng Vésure và thuần hoá ngọn lửa mà là lễ thánh Antoine được minh hoạ bằng âm mưu

của Callot cơ. Việc chào mừng, tôn vinh thánh giải thích cho họ tại sao lại có nhiều lợn con chạy trên đường đến vậy.

Cuối cùng họ cũng đến Pompei.

Thành phố dưới lòng đất hồi ấy vốn còn nguyên chứ không bị san phẳng như ngày nay. Nó từng nổi tiếng đến mức cho người ta cái ý tưởng tuyệt vời rằng nếu đào lại sẽ thu hút rất nhiều khách hiếu kỳ.

Đến đây, bá tước Léo giải thích cho bạn mình thế nào là *atrium impluvium, triclinium*(2) và cuối cùng là lối kiến trúc của một ngôi nhà Hy Lạp - La Mã.

Vừa ra khỏi lòng đất, họ đi vào phố Lăng Mộ, những chiếc ghế băng hình vòng mà người chết rất thích được đặt quanh mộ của họ để những người thân cha mẹ, bạn bè hay đơn giản là những người đi dạo đến ngồi.

Anh cũng chỉ cho Manhès như thể anh đang sống ở thời kẻ phóng túng Diomède cho xây ngôi nhà đẹp nhất thị trấn.

Đêm xuống trước khi Manhès kịp thoả chí tò mò của mình. Họ như lùi lại mười tám thế kỷ và trải qua ba giờ với người đương thời Pline l Ancien và Pline le Jeune.

Rồi đột nhiên, bối cảnh thay đổi, thay vì bóng tối và sự im lặng chốn nghĩa địa, họ đi vào một đường phố sống động và náo nhiệt hình như ở chỗ này, buổi tối còn ầm ĩ hơn ban ngày. Mặt trăng treo lơ lửng như một quả đạn bị súng cối khổng lồ bắn lên trời Biển giống như một tấm rèm bằng hơi bạc trên đó vài chiếc thuyền toả ánh đèn vẽ lên vệt đen hình một ngư dân tay

cám đinh ba rình đâm con cá mà ánh đèn nhử nó ngoi lên mặt nước.

Chặng đường dài từ Pompei trở về Naples được những vì sao soi bằng hàng hà đốm sáng giống như trên đường thành Rome một tối thắp *moceoleti* vào những ngày cuối cùng của lễ hội hoá trang (3)

Phải tận mắt nhìn cử động ấy, có thể nói phải cảm giác thoát khỏi mọi lời nói xung quanh mới hiểu được mạch sống cương trào từ tay Chúa gieo trồng trong những tỉnh lỵ được ánh nắng mặt trời ban phước này

Đến Portici, xe dừng lại cho ngựa nghỉ lấy sức. Cỗ xe nhanh chóng bị đám dân hiếu kỳ mến khách vây quanh, họ leo lên bậc xe đến nhìn tận mắt, sờ tay vào những riềm bạc của Manhès hay hình trang trí khuyết áo bằng lụa của Léo.

Đột nhiên, giữa đám đông xuất hiện một tu sĩ dòng thánh François và một kẻ hành khất.

Kẻ hành khất nói bằng đặc ngữ Naples vô cùng thiểu não khiến người ta ngỡ rằng ông ta sắp kiệt sức.

- Một grano xin các đức ông! Một grano xin các đức ông! - Tôi đói chết mất, tôi chưa ăn gì từ ba ngày rồi!

Viên thầy tu vừa nói bằng cái giọng mũi khìn khịt phân biệt rõ tông đồ dòng François vừa lắc lắc cái túi tiền trong đó có vài xu.

- Các quý ngài, hãy ban chút gì cho những linh hồn tội lỗi phải chịu trong bể khổ từ hơn nghìn năm qua mà các vị cũng nghe tiếng gào thét của họ mặc những âm thanh vây quanh chúng ta, nếu bể khổ không ở trong lòng đất.

Kẻ ăn xin nhắc lại.

- Lạy đức ông!

Trong khi vị thầy tu cũng lặp lại.

- Các quý ngài!

Thế là Manhès ra hiệu muốn nói.

Cả hai con người trên đều im bặt.

- Này ông bạn - Anh nói với thầy tu - Nếu các linh hồn đã chờ được suốt nghìn năm trong bể khổ, họ vẫn có thể chờ thêm vài ngày nữa, trong khi kẻ khốn khổ này không có gì ăn suốt 72 giờ qua thì không nên bỏ lỡ giây phút nào kẻo ông ấy chết vì đói mất.

Nói rồi anh kéo túi tiền của vị thầy tu mở ra rồi dốc vào mũ của kẻ hành khất. Xong việc, anh bỏ mặc vị thầy tu đứng như trời trồng quay về phía người đánh ngựa hô to:

- Avanti! Avanti!

Cỗ xe lao đi nhanh và chỉ dừng lại trước cổng khách sạn La Victoria.

Chú thích:

(1) những tên cướp thời ấy.

(2) Tên những bức hoạ tuyệt đẹp trong biệt thự của Diomède, sau này người ta khai quật được và đưa vào viện bảo tàng Naples.

(3) Lễ hội có thắp vô số nến

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 110
Vua Joseph.

Vào khoảng trưa hôm sau, khi hai chàng trai dùng bữa xong, một người cưỡi ngựa mang thư của ngài Bộ trưởng đến với nội dung như sau:

"Thưa ngài bá tước,

Tôi chờ ngài đến ba giờ chiều nay để giới thiệu ngài với Bệ hạ, người mà tối qua, trước khi tôi kịp giới thiệu ngài, đã tỏ ý muốn gặp ngài. Khi từ lâu đài trở về, chúng ta sẽ ăn tối, tôi sẽ giới thiệu với ngài con gái tôi, nữ công tước Lavello người rất muốn làm quen với ngài.

Tời cũng nhờ ngài chuyển lời mời dùng bữa tôi trong lá thư thứ hai đến bạn của ngài, đại uý Manhès, người tôi không rõ địa chỉ, tôi mong ông ấy cũng đến nhà tôi khoảng năm đến sáu giờ".

René chuyển lá thư thứ hai đến tay Manhès, anh chàng này đáp lại là rất vinh hạnh và sẽ đến theo lời mời của ngài bộ trưởng.

Ba giờ, bá tước Léo xuất hiện tại nhà ngài Saliceti. Anh thấy ngài Bộ trưởng đã sẵn sàng, cỗ xe đã thắng ngựa.

Vua Joseph, con cả trong nhà, người đã sẵn sàng nhường ngôi trưởng cho Napoléon vì tài năng xuất chúng của em, là một người đàn ông bốn mươi lăm tuổi, nét mặt phúc hậu và niềm nở.

Tính khí của con người này ôn hoà ngang với tính gây gổ của em ông. Đây là người đầu tiên trong nhà Napoléon có ý định dành cho một ngai vàng. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng trên ngai vàng cũng như ở cương vị khác,

Joseph luôn là người tận tụy và nghe lời em trai nhất nhà.

Không có gì kỳ lạ hơn là suốt 89 tập thư từ trao đổi giữa Napoléon và Joseph, trong đó Joseph luôn gọi em là "Ngài" và "Bệ hạ", trong khi Napoléon gọi lại bằng một từ không đổi "Anh".

Rất nhiều trong số thư từ ấy là những lời khuyên, vài thư là mệnh lệnh và thật kỳ lạ hơn nữa là dù Napoléon chưa từng ở Naples nhưng lại biết rõ tình hình nơi đây hơn cả Joseph đang tại vị. Napoléon hay đề cập đến lòng tốt quá mức của anh trai. Vị hoàng đế không muốn nương tay trong luật pháp hoàng tộc, ông đặc biệt không thích ân xá cho bọn cướp, trộm cắp và ngay cả các thầy tu. Chính vì vậy mà tử tước Rodio, kẻ leo được lên tước vị ấy nhờ vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline, tiếp tục ủng hộ cho lực lượng du kích sau khi vua Joseph thay Ferdinand, bị bắt ở Pouille khi trong tay đang cầm vũ khí, bị đưa ra toà, được thừa nhận là tù binh chiến tranh và được xá tội. Nhưng có một mệnh lệch "cấp cao" đưa đến, toà xử lần thứ hai được triệu tập và kết hội hắn. Đức vua vắng mặt, Saliceti cho xử bắn kẻ này.

Về việc này, vì vua Joseph lấy làm tiếc khi người ta không cho ông được thoải mái ân xá, Napoléon đã viết một lá thư dài mà chúng tôi xin trích đoạn dưới đây:

"Anh cứ so sánh dân Naples với dân đảo Corse, anh hãy nhớ khi chúng ta vào Niolo, bốn mươi tên nổi dậy đã bị treo cổ lên cây và nỗi sợ đã khiến không kẻ nào dám ho he nữa. Còn chuyện khi em trở về từ Grande Armée lập tức nơi đó nổi dậy. Em đã cử Junot đến nhưng tình hình không thay đổi, em bèn ra lệnh đốt trụi hai làng và cho xử bắn kẻ nổi dậy, trong đó có sáu tên thầy tu. Thế là đâu vào đấy, xứ ấy thuần phục và còn thuần phục lâu nữa. Tất nhiên, em không đề nghị anh noi gương em. Song phải công nhận đó là một sức mạnh. Nếu anh trị vì nghiêm khắc và kỷ luật dân Calabre cũng như những vọng khác có ba mươi năm nữa cũng sẽ không nhúc nhích.

Em sẽ kết thúc thư của mình như em đã bắt đầu. Anh sẽ là vua Naples và Sicile, anh sẽ có ba, bốn năm hoà bình. Nếu định làm ông vua trễ nhác, nếu anh không cầm chắc dây cương trong tay, nếu anh chỉ nghe ý kiến của dân chúng, đám người chỉ biết điều họ muốn, nếu anh không từ bỏ những lạm dụng và những vị tha cũ theo cách anh vẫn làm, nếu anh không thiết lập những áp đặt mà anh có thể thực hiện nhờ sức của người Pháp, người đảo Corse, người Thuỵ Sĩ, người Naples và trang bị vũ khí cho các tàu chiến, anh sẽ chẳng làm được gì hết và trong bốn năm nữa, thay vì có ích cho em, anh lại làm hại em vì anh sẽ tước đi các phương cách của em. Anh hãy nhớ kỹ điều em nói: Sự trị vì của anh phụ thuộc vào kết quả xử lý vùng Calabre. Đừng tha thứ. Hãy dùng vũ lực với ít nhất sáu trăm phần tử nổi dậy. Chúng làm phương hại số lượng lớn binh sĩ của ta. Hãy cho đốt nhà của ba mươi trưởng làng và hãy phát vãng tài sản của họ cho quân đội. Hãy giải giáp vũ khí với mọi người dân và cho càn qua năm hay sáu làng lớn, những làng tỏ ra cứng đầu nhất.

Vì Calabre nổi dậy, tại sao anh không dùng nửa tài sản quốc gia cho quân đội? Đó sẽ là một nguồn cứu cánh rất lớn đồng thời tạo tiền lệ cho tương lai. Người ta không thay đổi cũng không cải cách một Nhà nước với đường lối mềm mỏng. Phải có những giải pháp khác thường và cứng rắn. Vì dân Calabre sát hại quân sĩ của em, em sẽ tự ra sắc chỉ trưng thu nửa phần thu nhập của tỉnh đó. Nhưng nếu anh bắt đầu bằng việc thực hiện những quy tắc để không cho họ nổi dậy, họ sẽ luôn dựa vào anh, lòng tốt của anh, thứ chỉ là sự yếu đuối sẽ là nấm mồ cho nước Pháp.

Anh là người quá tốt bụng".

Thực tế là vua Joseph rất hiền, do đó mà ông không làm vua được bốn năm tại Naples mà chỉ được hai năm.

Saliceti vừa được thông báo ông đến cùng bá tước Léo. Anh chàng Manhès không biết gì về cuộc diện kiến của bạn mình, đã đang ở bên cạnh vua Joseph.

- Thưa ngài - Vua Joseph nói với Léo sau khi đáp lại lời khen tặng của Saliceti và lời chào kính trọng của Léo - Hôm qua, nghe bạn đồng hành của

ngài, ngài Manhès, sĩ quan tuỳ tùng của em rể Murat của tôi, cách ngài đối xử với sáu tên cướp chặn đường ở đầm Pontins. Tôi có lời khen với hành động ấy, nhưng đến tối qua ngài Saliceti, người ngài được tiến cử đến do một trong số người bạn tốt nhất của ông ấy, rằng ngài muốn phục vụ trong quân đội. Với quyết định này, ta phải làm điều hơn cả khen ngợi, ta nợ anh lời cảm ơn.

- Tâu bệ hạ - Bá tước Léo đáp - Chắc ngài Bộ trưởng đã nói với Bệ hạ là thần không có chút tham vọng nào cả. Những gì Bệ hạ ban cho thần, dù có ít thế nào, với thần cũng là đủ. Một khi có súng trong tay, nếu bệ hạ cho thần làm binh sĩ bình thường, một khi có kiếm trong tay nếu bệ hạ cho thần làm sĩ quan, tức là thần phải làm cho xứng với lòng tốt của bệ hạ và thần sẽ làm hết sức.

- Ông Saliceti đã nói với ta rằng anh từng phục vụ trong hải quân?

- Thần từng làm cướp biển với một trong những người tên tuổi nhất bờ biển nước ta, với thuyền trưởng Surcouf người Malo.

- Ta có nghe nói anh có mặt ở trận Trafalgar. Làm sao anh tham gia trận Trafalgar được nếu anh trên tàu cướp biển?

- Được biết trận đại chiến sắp xảy ra, thần xin vào phục vụ cho chỉ huy tàu *Redoutable*, thuyền trưởng Lucas. Nhờ tướng Decaen, đảo trưởng đảo Pháp và ông chủ Surcouf giới thiệu nên chỉ huy Lucas đã cho thần làm đại uý thứ ba trên tàu *Redoutable*, thay vị trí còn khuyết.

- Và trên tàu *Redoutable*, ông Saliceti đã bảo với ta anh không chỉ chiến đấu mạnh mẽ như một con sư tử mà còn có khả năng là người đã bắn chết Nelson đúng không?

- Thần không bao giờ dựng lên chuyện này tâu bệ hạ, trước hết vì thần không chắc chắn về điều đó, thứ nữa là Nelson là một chiến binh vĩ đại mà thần sẽ xấu hổ khi bịa chuyện về cái chết của ông ta.

- Thế khi từ Anh trở về, anh không gặp lại chỉ huy Lucas sao?

- Có chứ tâu Bệ hạ.

- Thế chỉ huy Lucas không nói về anh với em trai ta à?

- Ông ấy đã làm như vậy, tâu bệ hạ.

- Thế tại sao ông ấy không giới thiệu anh tới gặp hoàng đế

- Ông ấy đã dành cho thần cái vinh dự đó.

- Thế mà em ta không những không thưởng gì cho anh mà còn không thừa nhận cấp bậc của anh ư?

- Thần không thể trả lời tâu bệ hạ vì như thế là thần hoặc buộc tội mình hoặc buộc tội em trai bệ hạ. Nếu hoàng thượng ra lệnh cho thần buộc tội mình thì…

- Thôi! Thế đủ rồi - Vua Joseph nói và chạm tay vào vai bá tước Léo kèm theo một nụ cười - Anh hãy đem kể mọi chuyện với ông Saliceti người mà ta mới bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Quân cảnh ấy. Về chuyện này, ông ấy sẽ làm tốt cả những gì anh muốn - Rồi gật đầu ra hiệu cho lui - Nếu anh không hài lòng về ông ấy, cứ đến phàn nàn với ta.

- Thần không bao giờ phàn nàn tâu bệ hạ - René nói.

- Nhân đây - Joseph nói với theo buộc René dừng lại khi anh sắp bước qua ngưỡng cửa vì hiểu cuộc triệu vời đã xong - Ta không thể mời anh đi săn như ở Ấn Độ nơi anh giết hổ, báo nhưng trong rừng Asproni ta cũng có nhiều lợn lòi lắm, nếu anh không chê con mồi yếu đuối ấy, ông Saliceti sẽ để anh đi dạo bao nhiêu lần trong đó cũng được.

René cúi mình đa tạ rồi lui ra.

Manhès còn ở lại phía sau nhà vua, nháy mắt và tay ra hiệu anh sẽ ra ngay sau đó. Thật ra Manhès lui lại để xem phản ứng của vua Joseph với người bạn của mình là thế nào, và cái khuôn mặt tươi roi rói của anh khi ra gặp René cho thấy ấn tượng của nhà vua là rất tuyệt.

Quả nhiên như vậy, khi cánh cửa chưa khép lại sau lưng Manhès vua Joseph

đã rút một cuốn sổ tay trong túi ra, cuốn sổ này dùng để ghi chép những điều ngài sợ không nhớ được và đã viết vài dòng bút chì như sau: "Giới thiệu hoặc với Reynier, hoặc với Verdier chàng trai mà mình thấy đó là một mẫu mực về lòng can đảm và sự hào hoa".

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 111
Il Bizzarro

Ngài Saliceti và hai vị khách của mình trở về dinh bộ Chiến tranh. Ngài Saliceti cũng đã đoán được ấn tượng mà René để lại trong vua Joseph là thế nào. Riêng Manhès thì rất yên lòng vì vài câu đức vua nói với anh khi anh nấn ná ở lại thêm cạnh ngài. Chỉ cần cái bắt tay của mình với René anh cũng cho René biết cảm tình của nhà vua là rất tốt. Tiểu thư Lavello đang đợi cha mình và hai vị khách trong phòng.

Tiểu thư là một cô gái vô cùng trẻ đẹp được cha cô hết mực yêu quý Khi toà lâu đài của Bộ chiến tranh bị sập một năm sau đó khi tiểu thư suýt thiệt mạng dưới đống đổ nát, ngài Saliceti cũng chết đi sống lại không phải vì hậu quả của cơn chấn động mà do quá lo cho cô con gái yêu.

René được giới thiệu ra mắt trước cô và với thiên tư của một cô gái tinh tế, lịch lãm cô nhanh chóng nhận ra sự hào hoa và phong cách của chàng trai trẻ này.

Họ ngồi vào bàn ăn.

Ông Saliceti muốn nhân trong bữa ăn gia đình để nói chuyện thoải mái với hai thực khách. Về phần René, ông không hiểu thêm gì nhiều vì do khiêm tốn hay tế nhị, ông nhận ra anh chàng này không thích nói về mình, thế là ông hy vọng có thể dựa vào Manhès, anh này sẽ cho mình biết những gì ông không thể biết được từ René.

Người thứ sáu ngồi vào bàn là thư ký thứ nhất của ông bộ trưởng người này cũng là người đảo Corse như ông Saliceti.

Câu chuyện bắt đầu rôm rả ngay khi họ mới ngồi vào bàn.

- Thưa ngài, - ông Saliceti nói với khách - Ngài định sử dụng cái tên nào? Nếu là tôi, tôi sẽ dùng cái tên anh bạn Manhès của ngài đặt cho: bá tước Léo là một cái tên đẹp phải không con gái của cha?

- Nhất là cái tên Léo tựa như muốn nói đến sư tử - Tiểu thư Lavello đáp.

- Tôi dùng cái tên ấy không với nghĩa là sư tử đâu, thưa tiểu thư tôi dùng cái tên này là bởi nó do một người bạn tôi yêu mến và đáng kính đặt cho. Ngài bộ trưởng và tiểu thư thích cái tên này lại là một lý do khiến tôi sẽ giữ nó.

- Vị khách thân mến của tôi - ông Saliceti nói - bây giờ chúng ta hãy quyết định công việc như người trong nhà nhé. Cũng giống như ông bạn Fouché của tôi từng khuyên ngài đầu quân vào tàu cướp biển rồi vào chiến hạm quốc gia, tôi cũng có những đội quân đặc biệt và những đội săn bọn đạo tặc để khuyên ngài tham gia. Trong những đội quân đặc biệt, hiếm khi ai có cơ hội thăng tiến, nhưng trong đội săn cướp thì ngược lại, việc truy lùng còn hiểm nguy hơn chiến đấu thông thường, người ta có cả chục cơ hội tỏ bản lĩnh và thu hút sự chú ý. Nói ngay như ông Hugo đấy - Giữa chúng ta tôi cũng chẳng giấu giếm gì - ông ấy bị sự trả thù nho nhỏ mà cứ mãi ở chức chỉ huy, mặc dù rất xuất sắc trong trận Caldiero. Nhưng mới đây, khi tóm được Fra Diarolo, chẳng mấy chốc ông ấy sẽ đeo lon đại tá cho mà xem.

- Anh nghĩ sao, Manhès? - René hỏi.

- Lạy Chúa! Tôi nghĩ ngài bộ trưởng đã cho anh lời khuyên quá lý thú đấy! Xin tiểu thư bỏ quá cho. Tôi muốn ở lại cùng anh săn lùng bọn cướp rồi đấy.

- Hơn nữa - Viên thư ký xen vào - chúng tôi có một tên rất bất hảo. Nếu hắn tiếp tục, những tên như đồng bọn của Benincasa, Taccone và Panzanera sẽ chỉ là những tay trộm vặt.

- Hôm nay ông có tin tức quan trọng nào không? - ông Saliceti hỏi.

- Có cận vệ của tướng Verdier đã gửi thư cho tôi.

- Thế tên cướp của ông tên là gì thế? - ông bộ trưởng hỏi tiếp.

- Hắn vẫn chưa bị sơ hở nhưng làm nghề này thì sớm muộn gì cũng phải lộ diện thôi. Hắn tên là Il Bizzano. Đó là một thanh niên khá trẻ, mới chỉ hai mươi lăm tuổi là cùng.

- Để xem - Manhès nói - chính chúng tôi là người sẽ đánh giá điều đó.

- Ngay từ hồi còn ít tuổi - Viên thư ký của ngài Saliceti nói tiếp - hắn đã phục vụ cho một đại tá giàu có và quyến rũ luôn con gái ông ta. Đôi trẻ bất cẩn không che đậy tình cảm của mình khiến các anh cô bé tò mò rình hai kẻ yêu đương và bắt quả tang đúng lúc không thể chối vào đâu được…

- Này, này - Tiểu thư Lavello nói - xin ông ý tứ cho!

- Nhưng thưa quý cô - Viên thư ký vừa nói vừa cười - cũng phải giải thích để mọi người còn hiểu chứ.

- Thôi được rồi, Robert - ông Saliceti nói.

- … không thể chối vào đâu được - Viên thư ký cứng đầu nói tiếp - và đâm kẻ tình lang mấy nhát dao rồi bỏ hắn chết ngất trên một đống phân. Những người tốt bụng đi ngang qua thấy một cái xác họ đưa hắn về nhà thờ trong làng, để đọc xong bài kinh cầu siêu. Thi thể hắn phải ở lại đó đến sáng hôm sau.

Nhưng tên sát nhân yên chí hắn đã chết. Quả thật, hắn đã được đưa vào trong quan tài, được đọc những bài kinh cầu siêu.

Đêm xuống, các cha xứ lần lượt ra khỏi toà nhà. Ai cũng nghĩ chỉ còn việc đóng nắp quan tài và hạ kẻ yêu đương xấu số xuống đất ngay cạnh nhà nữa là xong.

Nhưng vị cha cố cuối cùng vừa ra khỏi, kẻ nằm đó đã mở mắt, thò đầu ra khỏi cỗ quan tài, nhờ ánh sáng đèn nến đang cháy, hắn thấy nhà thờ hoàn toàn vắng vẻ.

Ban đầu, hắn không hiểu chuyện gì đã xảy ra và mình đang ở đâu Nhưng máu chảy khiến hắn kiệt sức và nỗi đau từ các vết thương nhắc cho hắn nhớ lại chuyện gì đã đến với mình. Hắn gắng gượng ra khỏi cỗ quan tài rồi lết ra khỏi nhà thờ tiến về phía rừng núi, chốn ẩn nấp vĩnh cửu của những kẻ chạy trốn.

Tấn thảm kịch mà tôi vừa kể cho các vị nghe màn đầu tiên ấy diễn ra vào khoảng năm 1800, Bizzano, kẻ anh hùng, hồi ấy mới chỉ mười chín tuổi.

Trong suốt bốn hay năm năm sau, không ai nghe nhắc đến cái tên Bizzano. Chỉ có điều khi thấy cỗ quan tài trống rỗng, lập tức người ta hiểu ngay hắn đã bỏ trốn. Rất có thể hắn đã gia nhập một băng trộm cắp và giết người trong suốt năm năm dưới sự chỉ huy của tên Soriano, kẻ trừng tuyên bố bảo vệ triều đình Bourbon khi cuộc tấn công lần thứ hai của quân Pháp tiến vào Naples và đưa vua Joseph lên ngôi vua nơi đây.

Lòng can đảm và máu lạnh của Bizzano đã nhanh chóng đưa hắn vượt lên mọi tên khác. Hắn được bầu làm thủ lĩnh và khi quyền độc tài đã nằm trong tay, hắn nghĩ thời điểm trả thù đã đến.

Kết quả là vào một ngày chủ nhật, khi tất cả dân chúng trong làng Varano - Đó là tên ngôi làng hắn bị bỏ cho chết - bao gồm cả gia đình nhà chủ cũ của hắn tụ tập làm lễ tại chính nhà thờ nơi hắn bị bỏ lại qua đêm, Bizzano theo bè lũ của hắn vào nhà thờ, tiến đến tận chính điện ra lệnh cho mọi người ra ngoài.

Đám đông nghe theo ban đầu họ ngạc nhiên nhưng sau đó cự lại lưỡng lự một lát. Nhưng Bizzano xưng tên và doạ sẽ đốt nhà thờ. Tiếng tăm của hắn

đã nổi lắm nên không ai lưỡng lự nữa.

Tất cả lao ra cửa. Dưới con mắt của hắn, một đám đông câm lặng, sợ hãi, hoảng hốt trước đám lâu la lần lượt đi qua.

Có hai nạn nhân bị đọc tên đích danh ở lại là hai con trai ông chủ cũ của hắn tức hai anh traí của người tình, hai kẻ đã đâm hắn.

Không được may mắn như hắn, hai con trai ông chủ đã ngã xuống mà không bao giờ đứng dậy được. Nhưng món nợ của Bizzano đâu đã xong, vẫn còn thiếu ba nạn nhân nữa vì ông chủ trước kia của hắn có tới năm người con trai, người tình của hắn có năm anh em trai và như vậy phải trả món nợ không phải hai mà tất cả là năm tên.

Bizzano vào nhà thờ cùng đám tay chân của mình. Hắn tìm được những kẻ cần tìm nấp sau điện thờ. Tự tay hắn đâm chúng như đã đâm những người đầu tiên, như thể với hắn hoàn tất cuộc trả thì là một thú vui tự hắn dành cho mình. Bizzano đi tìm hai người khác là ông bố của người tình và chính người tình của hắn.

Hắn chạy đến nhà ông già, bắt gặp ông ta đang bị ốm và cô con gái đang chăm sóc.

Cô này nhận ra người yêu cũ đoán được hắn đến để hoàn thành cuộc trả thù khủng khiếp nên đã lao ra cản nhưng Bizzano đẩy cô ta ra trút nốt nỗi giận dữ lên đám đàn ông trong nhà, hoàn tất cuộc thảm sát đẫm máu, bế cô gái ngất xỉu đặt lên ngựa và trở vào vùng rừng núi.

- Thế cô ta ra sao? - Tiểu thư Lavello hỏi - Người ta có tin tức gì về cô ta không?

- Than ôi thưa quý cô tôi buộc phải nói ra cái điều đáng hổ thẹn cho thanh danh giới nữ của quý cô: đó là ở cô ta, tình yêu lại mạnh hơn quan hệ huyết thống, ả tiếp tục yêu Bizzano, người từng là nạn nhân của cha và anh em mình, về sau ả vẫn tiếp tục yêu hắn, kẻ giết hại chính cha và anh em của ả. Giờ đây, băng đảng của Bizzano đã có tổ chức quy củ, người ta luôn thấy chúng cưỡi ngựa bên thủ lĩnh của chúng. Trong những đợt càn quét, điên cuồng, chúng tỏ ra táo tợn hung dữ rất xứng với Bizzano.

- Thế người ta không thể bắt được tên khốn kiếp ấy à? - Tiểu thư hỏi.

- Cái đầu hắn có giá hai nhìn *ducats* thưa cô, nhưng cho đến bây giờ chưa ai dám phản bội hắn, hắn đã thoát khỏi mọi cạm bẫy và chiến thuật giăng ra.

- Được đấy bá tước Léo - Manhès nói - ở vị trí của cậu, thề danh dự người lính tôi sẽ có cái đầu của Bizzano hoặc tôi mất tên của mình.

- Tôi sẽ giữ lại tên của mình - Léo đáp gọn - và tôi sẽ có cái đầu của hắn.

- Đến ngày ấy, tôi sẽ trao tay mình cho anh hôn - Tiểu thư Lavello nói.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 112

Hai chàng trai chia tay, một người tiếp tục chiến đấu bên tướng quân Murat, người kia đến xin tòng quân dưới quyền tướng Reynier

Ngày hôm sau, Manhès và bá tước Léo thuận theo lời mời của vua Joseph đi săn lợn lòi ở Asproni. Họ thích có trong thực đơn con mồi của vùng Capodimonte. Họ đã bắn được mười hai con và phải dùng xe kéo, thịt được chia đều cho các binh lính.

Vốn tự hào về thành Naples của mình, ông Saliceti đòi hai chàng trai lưu lại năm, sáu ngày để thưởng ngoạn cảnh trí và chính ông cũng theo họ đi vài chuyến dã ngoại.

Họ đi thăm Nisida, thành cổ của Lucullus, thăm Pouzzole từng là cố đô của Campanie, thăm đền Sérapis, xem những gì còn lại của cây cầu Caligula, tới hồ Lucrin đến bên dòng sông mà Énée đã hái cành vàng giúp mình mở cánh cửa địa ngục và cuối cùng đến Achéron. Bằng một con đường tuyệt đẹp trải một tấm thảm cây xanh và cây thạch thảo vàng, họ đến vùng biển Misène nơi người La Mã từng có những hạm đội thuyền chiến do Pline l Ancien làm đô đốc. Chiến hạm đã tách một thuyền để lại gần xem hiện tượng núi lửa Vésuve và bị cát chôn phủ giữa Stabia và Pompei. Họ còn tới thăm Baies(1) nơi Cicéron từng xây một toà nhà mà chính ông ta cũng không dám thừa nhận vì tiếng xấu trong cách tắm ở đó. Họ cũng đến Bauli xem gác chuông ngoại đạo ánh lên dưới nắng mặt trời nơi hình như Néron đã giảng hoà với mẹ mình, hôn lên ngực bà trước khi chia tay, một cử chỉ bày tỏ sự chú ý và tôn trọng của một người con trai dành cho mẹ.

Cách đó chừng một trăm bước là chiếc thuyền mạ vàng dẫn bà đến toà nhà Baies. Agrippine không kêu cứu, không hò hét đã bơi đến ngôi nhà của mình và được các nô lệ chào đón. Những chỉ một tiếng sau, khi Anicetus đến, bà

đã buông ra câu nói khủng khiếp cuối cùng với con trai: *Fen Ventrem (Hãy đâm vào bụng!).*

Bà đã trừng phạt kẻ giết cha như vậy.

Qua một miền cảng Naples, họ trở lại Poltici, Tolte del Greco, Castellammare, nơi từng lấy tên một pháo đài bị đổ đặt cho mình.

Mặc những nguy hiểm khi phải qua rừng La Cava để đến Salerme, hai chàng trai không thể cưỡng lại ý muốn tới thăm đền Paestum và đi viết tên của mình lên những công trình từ thời Hy Lạp cổ đại đã bị đổ nát từ thời hoàng đế Auguste.

Giữa đám cây ngấy và đám cỏ cao khổng lồ mọc chắn lối vào những kỳ quan của thời cổ đại, René phải nhọc công lắm mới tìm được những bông hồng mà ở Naples bày đầy trong các giỏ, để đặt lên bàn của Apicius và Lucullus.

Một con rắn hốt hoảng khi nghe tiếng động, lao ra khỏi bụi cây ngấy, cuộn tấm thân vàng choé thành từng vòng trên những tấm lát xỉn màu rồi mất hút trong khoảng để tượng trong đền.

Có lẽ đó là vị thần canh giữ chốn hoang vu này.

Khi trở lại, họ dừng chân ở Salerme để thám lăng mộ của giáo hoàng Grégoire VII người sau khi truy hại cha mình là vua Henri Đệ tứ nước Đức

đã lại bị ông ta đánh trả. Trước khi chết ông đã ra lệnh khắc trên bia dòng chữ:

Ta đã yêu công lý, ta đã chạy trốn sự bất công, chính thế mà ta chết trong nghèo đói và lưu đày.

Cuối cùng đã đến lúc phải chia tay thành Naples tuyệt đẹp và lòng hiếu khách của ông Saliceti. Léo và Manhès kết nghĩa anh em rồi chia tay.

Riêng với bá tước Léo, ông Saliceti khuyên anh nên chờ một đội quân sắp đi Calabre để đi cùng họ. Nhưng René đâu phải là người quá lo lắng đến mạng sống của mình đến vậy. Khi được biết anh sẽ đến đầu quân cho tướng Reynier mà người ta không biết giờ này ông ở đâu do mọi tin tức đều bị gián đoạn, có chăng thì ông ta đang ở Amantea hay Cotrone; thế là anh tuyên bố tự mình sẽ đến gặp ông ta.

- Anh chỉ cần xưng tên - ông Saliceti nói - ông ấy sẽ biết mình phải liên kết với anh để đạt kết quả tốt nhất.

Tiểu thư Lavello muốn chìa tay cho anh hôn nhưng anh chỉ cúi mình trước người con gái đẹp ấy và nói:

- Thưa quý cô, một ân huệ như vậy phải dành làm phần thưởng chứ không phải cho một lời động viên.

René trèo lên con ngựa tuyệt đẹp mà người ta chuẩn bị cho anh trước cửa dinh của ông Saliceti, ông này bảo đó là một món quà của vua Joseph. René mặc bộ quân phục sĩ quan cấp thấp, súng cạc bin trên cốt yên ngựa, hai khẩu súng ngắn bên thắt lưng gọn gàng rồi ra đi bỏ mặc lời khuyên của ông Saliceti bảo nên chờ thêm.

Ngày ngày đầu tiên, anh đã ngủ tại Salerme. Con ngựa của anh chỉ nghỉ hai tiếng trong lúc tiết trời nóng nực nhất, sau đó nó có thể chạy mười tiếng một ngày không biết mệt.

Ngày thứ hai, anh đến Capaccio. Tại đây, anh hỏi thăm và biết đường sẽ rất khó đi vì vừa chằng chịt đan xen nhau lại vừa có những băng cướp nằm cách xa quân đội Pháp ở Naples. Chúng chặn mọi tin tức giữa thủ đô và tướng quân. Người ta còn đồn tướng Stuart của nước Anh đã đưa đội quân khoảng năm đến sáu nghìn và ba trăm tù khổ sai vào vịnh Sainte-Éuphénie.

Không vì thế mà René không đến Capaceti. Anh chẳng lo đường khó đi hay bọn cướp. Ngày thật dài. Anh phải đến Lagonegro và dọc đường không có mái nhà nào, anh thận trọng cho vào túi bánh mì, thịt gà và một chai rượu vang.

Đi được năm tiếng từ lúc tờ mờ sáng, anh bắt gặp một ngã tư và ba ngã rẽ phơi ra trước mắt anh đây là khó khăn đầu tiên như người ta đã báo trước. René tin sẽ gặp được ngôi sao may mắn như Fouché tưởng đã thấy trong cơn bão của ông ta.

Anh xuống ngựa, đặt khẩu cạc bin, hai khẩu súng ngắn và chai rượu vang trong tầm tay phải, đặt thịt gà và bánh mì trong tầm tay trái rồi ngồi xuống ăn bữa trưa thản nhiên như trong công viên Asproni hay ở Capodimonte.

Anh hy vọng sẽ gặp vài nông dân đi ngang qua và chỉ đường cho anh. Anh đã không nhầm. Vừa xẻ chỗ thịt gà và uống được phần tư chai rượu, anh đã nghe thấy tiếng ngựa rồi thấy xuất hiện một người như thợ cối xay trắng xoá vì bột, một con mắt bị che dưới cái khăn mùi xoa, cái mũ rộng vành che gần nửa khuôn mặt.

René gọi anh ta.

Nghe giọng nói, ông phó cối dừng ngay ngựa lại, đưa con mắt còn lại nhìn người vừa nói với mình.

- Này bạn hữu - René hỏi - Anh có khát không?

René chìa chai rượu ra.

- Lại đây uống đi. Anh có đói không?

Anh chìa thịt gà ra.

- Lại đây ăn đi.

Người đàn ông nọ vẫn không nhúc nhích.

- Ông đâu có biết tôi - Anh ta nói.

- Nhưng anh, anh biết tôi đấy. Tôi là người lính Pháp. Anh sẽ nói cho tôi trong ba con đường kia, đường nào dẫn đến chỗ quân đội và chúng ta sẽ chia tay. Nếu anh muốn kiếm vài đồng *louis* anh sẽ dẫn đường cho tôi.

- Tôi không đói cũng không khát - Người đàn ông đáp - Nhưng tôi sẽ dẫn đường cho ông.

- Tốt lắm.

Người nông dân vẫn ngồi nguyên trên lưng ngựa.

René tiếp tục ăn trưa. Ăn xong, anh để chai rượu, bánh mì vừa con gà lại cho người nào đói đi ngang qua rồi lên ngựa, chìa một đồng *louis* cho người nông dân bảo:

- Anh đi trước đi, đây là tiền đặt cọc.

- Cảm ơn - Người đàn ông nọ đáp - Nếu ông hài lòng, ông sẽ trả nó cùng với chỗ còn lại một thể.

Người nông dân đi trước, René đi theo sau anh ta. Dù nhìn con ngựa của anh ta cà tàng nhưng nó lại phi rất nhanh khiến cho René rất hài lòng vì thấy chuyến đi của mình không bị chậm lại.

Họ đến Lagonegro suôn sẻ. René nhận ra trong suốt dọc đường người dẫn đường của mình đã nói vài lời với những người bất thình lình xông ra từ cánh rừng hai bên đường, đám người ấy lẩn đi ngay lập tức. Anh đoán người dẫn đường của mình là người trong vùng nên quen biết những kẻ kia.

René ăn tối rất ngon. Anh gọi một suất ngon tương tự cho người đưa đường của mình và dặn gọi anh dậy từ sớm hôm sau.

Ngày mai anh phải đến Laino hay Rotonda: một ngày dài với hơn chục dặm đường nữa đang chờ anh.

Ngày hôm sau diễn ra như mấy ngày trước, con ngựa của người thợ xay bột cũng vẫn giữ được nước chạy như trước, với nước chạy ấy, người ta có thể đi được hai dặm một giờ. Dọc đường sau những mỏm đá lớn, ở giữa khu rừng thưa, người dẫn đường tiếp tục gặp vài người quen. Anh ta nói vài câu và những người kia lẩn đi.

Ngày hôm sau nữa, thay vì đi theo đường lớn, nếu ở Calabre vào thời đó có được con đường đáng được gọi là đường lớn, người dẫn đường lại đưa René rẽ phải, bỏ lại Cosenza phá bên trái.

Đêm ấy họ ngủ lại San Mango.

René hỏi thăm và biết chỉ còn vài dặm nữa là đến chỗ quân đội Pháp đang đóng quân bên vịnh Sainte-Éuphénie. Anh nhận ra những câu trả lời dành cho anh có vẻ rất xấc và ông chủ tỏ vẻ mặt khó chịu với anh.

- Vậy là anh đối xử với ông ta theo cách coi ông ta là kẻ khôn ngoan. Thế là ông ta kính cẩn đưa chìa khoá và cây đèn của mình cho anh.

René lên phòng và thấy chìa khoá ở chốn này là một thứ đồ xa xỉ vì cánh cửa chỉ khẽ níu với chiếc đinh bằng một sợi chỉ.

Anh vào phòng thấy một thứ có hình dạng như cái giường bèn để nguyên quần áo ngả lưng xuống đó không quên cẩn thận đặt khẩu súng cạc bin và hai khẩu súng ngắn lên bàn ngay cạnh đó.

Anh mới chỉ ngủ được một tiếng thì nghe thấy tiếng bước chân trong phòng bên cạnh. Những bước chân ấy lại gần cánh cửa René trong lúc chờ cánh cửa mở ra với một khẩu súng ngắn sẵn sàng nhả đạn.

Nhưng anh rất lấy làm lạ, cánh cửa rung rung hai lần mà không mở ra. Anh cầm súng tự mình đi ra mở và thấy một người đàn ông ngủ bên ngoài. Anh cúi xuống nhìn và nhận ra đó là người đưa đường của mình.

- Vì Chúa, - Người này nói - ông đừng ra khỏi đây.

- Sao vậy? - René hỏi.

- Ông chưa đi được mười bước đã bị giết rồi.

- Thế anh làm gì ở đây?

- Tôi canh cho ông - Người đưa đường nói.

René đăm chiêu trở lại giường, thả mình xuống đó rồi thiếp đi.

Hình như anh đã nghe thấy giọng nói này ở đâu đó.

Chú thích:

(1) Thành phố nước cổ xưa, nơi giải trí của người La Mã

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 113
Tướng quân Reynier

Tướng Reynier, người mà René sắp đến gặp, vào năm 1792 nhờ sự tiến cử của tướng La Harpe đã được bổ nhiệm vào ban tham mưu cho tướng quân Dumouriez với tư cách là trợ lý. Nhanh chóng trở thành sĩ quan tuỳ tùng của tướng Dumouriez, ông được tham gia chiến dịch Hà Lan lừng danh khi mà các trung đoàn kỵ binh nhẹ của địch phải bỏ chạy bằng chiếm hạm rồi đâm vào băng gần đảo Texel. Nhờ chiến dịch này, ông được phong thiếu tướng và nhanh chóng làm trưởng ban tham mưu quân đội sông Rhin do tướng Moreau chỉ huy.

Bonaparte từng đưa ông sang Ai Cập và tin tưởng giao cho ông chỉ huy một sư đoàn. Sư đoàn này bao gồm các cánh quân thắng trận Pyramides.

Thành Cai-rô bị chiếm, tướng quân Reynier chịu trách nhiệm đẩy lùi quân Ibrahim bey ở Syrie và trở thành chỉ huy cao cấp tỉnh Charki. Nhân cách cao thượng nhanh chóng đưa tướng quân Reynier vượt trội trong mọi hoàn cảnh và chiếm được cảm tình của dân A Rập. Bonaparte rời Ai Cập. Chỉ huy toàn quyền quân đội nơi đây lẽ ra phải thuộc Reynier nhưng lại rơi vào tay tướng Menou. Quân đội xì xào bàn tán một vài hôm, Menou cho bắt Reynier, cho ông lên tàu chiến hạng vừa đưa về Pháp không một lời giải thích.

Về đến Paris, Reynier không chiếm được cảm tình của Bonaparte và bị đẩy đến Nièvre.

Tính khảng khái và tự trọng như Reynier không hợp với Napoléon, tuy vậy, ông vẫn được huy động vào chiến dịch năm 1805. Sau trận Austerlitz, hoàng đế giao cho ông chỉ huy quân đội giúp anh mình thôn tính vương quốc Naples.

Chúng ta cũng thấy việc lên ngôi của vua Joseph không vấp phải kháng cự nào. Dễ để thuyết phục trong những lần trao đổi với em trai là Hoàng đế nước Pháp, vua Joseph cũng mang cái dễ dãi ấy với dân chúng Naples mà theo quan điểm của em ngài đó là những điều kiện quá thoải mái. Việc chần chừ ở mảnh đất Gaète đã cho những bè đảng cũ nhà Bourbon kịp có thời gian ngóc đầu dậy. Thật ra đó là những tên trộm cướp biết nắm cơ hội để tô vẽ cho lá cờ hòng che đậy cái nghề mạt hạng đáng phỉ báng của chúng, cho chúng cơ may tập hợp thêm nhiều băng đảng mới và mượn cớ chính trị hòng cướp bóc hay trả thù tư.

Thế là tướng quân Reynier được cử đến Calabre với đội quân bảy tám nghìn người. Không một thành phố hay băng đảng nào dám trực diện chống lại ông. Cứ thế ông dẹp yên đến Scilla và Reggio nơi đặt đội quân đồn trú của mình.

Những những kẻ lưu đày khỏi Palerme, tức vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline đã kịp thông đồng với người Anh, tạo thành liên minh vĩnh viễn hòng chống lại nước Pháp: Dọc bờ biển Calabre, lực lượng nói trên bắt đầu hành động bằng việc rải tiền, súng đạn cho những kẻ nổi dậy trong lúc chờ đợi một chiến hạm trang bị từ Messine để mang tới cho chúng quân tiếp viện liệu quả hơn.

Do đó, ngày nào tướng quân Reynier cũng bị đe doạ quân địch sẽ đổ bộ lên bờ biển, mặt khác các thủ lĩnh băng đảng Panedigrano, Benincasa, Parafante, Bizzarro như cá thêm vây ngày nào cũng nhũng nhiễu tập kích sát hại người của ông.

Từ một tháng qua, ông đã trình lên vua Joseph bản báo cáo về sự xuất hiện tại Calabre rất nhiều tiền Anh. Số tiền này được dùng làm phương tiện kích động dân chúng làm phản. Ông đã cho nhiều cánh quân cơ động truy lùng chúng.

Cuối cùng, chiến hạm rình rập cũng rời eo biển Messine. Tướng Reynier nhanh chóng báo tin cho tướng Compère người mà ông cử lại ở hai trận đánh giữa Scilla và Reggio rằng chỉ cử đến hai thành phố trên số quân cần thiết để trấn thủ các lâu đài và bệnh viện còn lại đưa quân đến tập hợp với ông tại sông Angitola đồng thời gởi thư cho các trung đoàn rải rác, ra lệnh tập trung cũng tại sông này.

Vừa đến Monteleone, tướng quân Reynier đã hay tin quân Anh đổ bộ vào Sainte-Éuphénie đêm hôm trước. Ba cánh quân Ba Lan muốn chống lại cuộc đổ bộ đã bị đẩy lùi và rút vào sâu phía sau Angitola. Tướng Digonet cũng mới đến đêm trước, đóng quân bên sông Lamato với đội quân liên minh Ba Lan và trung đoàn săn bắt cướp số 9.

Về phía tướng Reynier, với gần bốn nghìn năm trăm quân, ông cho họ hạ trại miền thưởng lưu sông Angitola. Từ vị trí cao nguyên ấy, ông đã bao quát toàn bộ vịnh Sainte-Éuphénie. Kẻ thù có khoảng sáu đến bảy nghìn quân vẫn chưa di chuyển vị trí kể từ lúc đổ bộ. Cánh phải là giàn hoả tiễn dưới chân tháp pháo đài Malte, cánh trái của chúng là làng Sainte-Éuphénie. Quân địch đã cử những toán quân đến Sambiase và Nicastro. Dưới con mắt của quân Anh, đó là hai địa điểm nổi dậy, trưng cờ đỏ và chịu xuống hợp quân với chúng. Suốt ngày có những băng cướp xuống núi theo toán hai mươi, ba mươi hay bốn mươi tên.

Từ trên cao, tướng quân Reynier quan sát hết thảy những động tĩnh ấy. Ông nghĩ càng chờ đợi, quân Anh càng nhận thêm viện trợ nữa nên dù yếu hơn về số quân, ông vẫn quyết định tấn công ngay hôm sau hoặc hôm sau nữa.

Kết quả là đúng hôm René ngủ tại Amantea, tướng Reynier đã cho quân tràn từ trên Angitola xuống gần sông Lamato, gần Maida để có thể tấn công với kẻ thù hai tiếng tại địa điểm giữa núi và biển để vừa nằm ngoài tầm súng của bọn cướp tụ tập phía chân núi vừa tránh hoả tiễn của chiến hạm ven biển.

Ngày hôm trước, René đã được người dẫn đường của mình thông báo rằng quân Pháp chỉ cách họ vài dặm nữa và ngày hôm sau là anh có thể gặp họ. Mới sớm tinh mơ hôm sau, anh đã nai nịt gọn gàng mở cửa và gặp người dẫn đường cũng sẵn sàng như anh.

Anh ta ra liệu cho anh im lặng và đi theo mình. Họ không đi qua cổng mà trèo qua cửa sổ xuống đất nhờ một cái thang dựng sẵn. Người đưa đường xuống trước, hai người lên ngựa đã đóng yên sẵn đang chờ ở cổng hậu.

- Nhưng mà này - René nói khi thấy người dẫn đường lên ngựa chực lao đi - Hình như chúng ta chưa trả tiền.

- Chuyện ấy xong rồi - Người dẫn đường trả lời - chúng ta đừng để lỡ giây phút nào nữa.

Rồi kẻ đó lên ngựa lao đi với vận tốc mà René đã biết.

Khoảng tám giờ sáng, họ đến đỉnh núi Sainte-Éuphénie nơi họ nhìn rõ hai đạo quân, chiến hạm quân Anh và cả một đường xanh nhạt xa tít chính là đảo Sicile cùng vài chấm đen bốc khói chính là núi lửa Stromboli.

René dừng lại một lát để chiêm ngưỡng khung cảnh non xanh nước biếc nơi tụ hội của những gì đẹp nhất, và đáng sợ nhất của thiên nhiên. Nào là núi non, rừng, biển, đảo, vịnh cát vàng nơi hai đạo quân cách nhau khoảng một dặm, hai đạo quân đang chuẩn bị tàn sát lẫn nhau.

- Chúng ta đã đến nơi rồi - Người đưa đường nói - Đây là quân Pháp và kia là quân Anh mà ông cũng biết họ đổ bộ đêm qua đấy.

René lục túi quần.

- Đây là sáu Louis thay vì ba như tôi đã hứa - Anh nói.

- Cảm ơn! - Người đưa đường đáp và gạt tay anh ra - Tôi còn một nửa số tiền ông đưa cho khi chia tay tôi ở nhà tù Vicana đấy.

René ngạc nhiên nhìn người đàn ông.

Người này bỏ mũ, tháo tấm khăn nửa khuôn mặt và dù anh ta đã cắt râu tóc, René vẫn nhận ra tên cướp anh đã bắt được ở đầm Pontins.

- Gì thế này! Là ngươi à? - Anh hỏi.

- Đúng vậy Tên cướp cười đáp.

Ngươi trốn được à?

- Vâng - Hắn nói - cai ngục là bạn của tôi, định mệnh đã cho tôi gặp ông, tôi vẫn nhớ những gì ông đã làm cho tôi.

- Ta đã làm gì cho ngươi?

- Ông đã có thể giết tôi nhưng lại tha mạng cho tôi. Tôi chết vì khát nhưng không xin, ông đã cho ăn uống lại cả tiền, khi rời cửa nhà tù ông đã luồn một đồng *louis* vào tay tôi. Chúng tôi là kẻ cướp, nhưng chúng tôi vẫn là người. Về phần mình, tôi đã ngăn người ta giết ông đôi ba bận đấy. Thôi chúng ta

chia tay.

Nói rồi tên cướp lao ngựa đi không phải chậm rãi mà phi nước đại, biến mất trước khi René hết ngạc nhiên.

Rồi anh nhún vai tự nhủ:

- Quỷ tha ma bắt, không biết lòng biết ơn ấy trú ẩn ở chỗ nào không biết.

Sau đó, anh đưa mắt nhìn về phía bãi biển nơi sắp diễn ra trận đánh. Đã có sự di chuyển lớn trong hàng ngũ quân Anh. Các toán quân đã tiến về phía biển khiến trong chốc lát René tưởng họ sắp rời đi nhưng họ chia thành hai cánh tiếp tục đi về cửa sông, họ qua sông, một thuyền chiến hạng nặng, một thuyền chiến hạng vừa và nhiều xà lan chở đại bác tiếp tục đi theo họ. Sau đó, cánh quân tiến về mạn phải ngược dòng Lamato, hình như chúng muốn chặn quân Pháp trên đường Monteleone.

Vào lúc đó cánh quân qua cửa sông cũng tiến về phía trại lính Pháp. Mới nhìn qua cũng thấy lực lượng hai bên ra sao. Quân Pháp ít hơn địch rất nhiều. Quân Anh, cùng với lực lượng hợp nhất của đám cướp bóc lên đến tám nghìn trong khi quân Pháp chỉ có năm nghìn.

Tuy vậy, tướng Reynier vẫn nghĩ đó là thời điểm thích hợp để tấn công. Khi bị dòng Lamato chia làm hai, ông có thể sẽ dễ dàng tấn công vào giữa băng hoả lực mạnh. Một khi đã chia làm hai, phần quân đi dọc bờ biển chắc chắn sẽ có thể quay lại nhưng cánh trái của Reynier sẽ buộc phải trốn trong các đầm hay rừng Sainte-Éuphénie.

Quả nhiên, khi qua đường Lamato, tướng Reynier có thể tiếp giáp quân địch không gặp trở ngại nào với quân bộ binh, pháo binh hạng nhẹ và đội kỵ binh của mình, tiếc là đội kỵ binh này chỉ có một trăm năm mươi nghìn người của đội sàn bắt cướp số 9.

Trong khi đó, nếu để quân địch qua sông ông sẽ mất hết lợi thế vì buộc phải chiến đấu ở địa hình nhiều khe và đầm lầy không cho phép ông sử dụng pháo binh và quân kỵ binh.

Đứng cách chiến trường chưa đầy một phần tư dặm, René quan sát thấy tướng quân Reynier cho hai đội khinh binh chận đầu để bắn tia dọc theo cánh quân Anh đã qua cửa sông Lamato và dưới quyền chỉ huy của một vị tướng mà anh không biết, hai trung đoàn chủ lực khoảng hai nghìn bốn trăm đến hai nghìn năm trăm quân cũng qua sông hình thành thế trận phía bờ bên kia. Theo sau họ có tiểu đoàn thuỵ Sĩ số bốn và mười hai đại đội của trung đoàn quân Ba Lan, tắt cả khoảng gần một nghìn năm trăm người.

Cuối cùng, trung đoàn bộ binh số hai mươi ba, dưới sự chỉ huy của tướng quân Digonet sẽ trấn giữ cánh phải trong khi bốn toán pháo binh hạng nhẹ và một nghìn năm trăm quân kỵ binh sẽ ở giữa.

Tướng Reynier đã ra lệnh cho tướng Compère đứng đầu ngay trung đoàn tiên phong tiến lên theo tuyến hướng về phía quân Anh trung khi quản Thuỵ Sĩ và quân Ba Lan theo ở tuyến sau còn trung đoàn bộ binh số hai mươi ba, vì ở quá xa bên cánh phải, sẽ sáp lại gần quân Thuỵ Sĩ toàn lực hỗ trợ cho tướng Compère đánh khu giữa trung tâm quân Anh.

Đây là lần đầu tiên René tham dự vào một cuộc chiến bày binh bố trận như thế. Anh như đứng chôn chân một chỗ vì tò mò. Vả lại anh tự hỏi không biết thêm một người như anh thì làm được gì trong cái mớ hỗn độn kia.

Hai cánh quân tấn công tiến lên rất bình tĩnh và tỉnh táo, đi đầu là tướng

Compère của họ. Phát hiện quân Pháp đang tiến đến, quân Anh dừng lại ở nửa tầm súng trường, vũ khí sẵn sàng những chưa khai hoả.

Thế là trung đoàn tiên phong nạp đạn rồi xông lên, trung đoàn bộ binh sĩ bốn mươi hai cũng noi theo. Tướng Compère và hai sĩ quan tuỳ tùng cùng một trung uý lọt lại ở giữa.

Khi quân Pháp chỉ còn cách mười lăm bước, quân địch nổ súng ở hàng thứ nhất và hàng thứ hai. Quân Pháp tiếp tục tràn sang nhưng hàng thứ ba của quân Anh đã truyền súng cho tốp đầu nên lại một loạt súng nữa vang lên.

Trong loạt đạn thứ hai này tướng Compère trúng đạn cả ở đầu lẫn ở tay.

Vừa nhìn tướng phe mình ngã ra đất, quân lính trung đoàn tiên phong đã quay lưng định tháo chạy. Trung đoàn số bốn mươi hai nhận ra hành vi hèn nhát ấy nên lưỡng lự. René hiểu rằng nỗi sợ này có thể sẽ lan ra toàn quân. Lập tức chân ngựa của anh như nhấc bổng khỏi mặt đất và không quản việc có thể vấp phải chướng ngại vật khác trên đường, anh thả dây cương và chỉ chốc lát đã hai tay hai súng đứng giữa đám người bỏ trốn.

Cố gắng đầu tiên của anh là ngăn họ nhưng nhận thấy họ giương súng ra doạ anh nên anh bỏ sang một bên chạy lại cứu tướng Compère mà quân Anh đang muốn bắt sống vì phát hiện ông chỉ bị thương. Hai phát súng ngắn và hai phát súng cạc bin khiến khối người bu gần tướng Compère tản ra chút ít. Vì cả hai loại súng đều hết đạn, anh mắc khẩu cạc bin vào yên ngựa, tra súng lục vào bên sườn nó, vẫn ngồi trên ngựa, lượm một thanh gươm rồi phi thẳng vào năm sáu tên lính Anh đang hùng hổ xáp lại tướng Compère.

René điều khiển thanh gươm điêu luyện như đấu kiếm. Chỉ trong giây lát, ba tên lính Anh đã ngã ra hoặc bị chết hoặc bị thương ba tên kia cắm đầu bỏ chạy trong đó một tên bị giết bởi sĩ quan tuỳ tùng của tướng Compère.

Tuy nhiên, tướng quân Reynier đã xông vào giữa đám quân nháo nhác dẫn theo một trăm năm mươi quân kỵ binh. Từ trên cao, ông đã thấy René dũng mãnh lao vào chiến trường và chiến đấu. Ban đầu ông rất ngạc nhiên. Không nhận ra anh thuộc cánh quân nào vì quân phục khá lạ, ông lưỡng lự một lát nhưng rồi ông hiểu ngay bộ quân phục anh mặc dù thuộc đơn vị nào cũng bọc trong nó trái tim của một con người anh dũng.

- Hãy chỉ huy các chiến sĩ này - ông hét lên - và hãy làm cho thật tốt

- Các anh có muốn tôi chỉ huy các anh không? - René hỏi to.

- Có! - Họ đồng thanh trả lời.

Thế là anh đặt cái mũ lên đầu thanh gươm, lao lên phía trước, lẳng nó vào giữa tốp quân Anh đầu tiên vừa hạ một tên lính vừa nói:

- Hai mươi đồng *louis* cho người nào lấy lại cái mũ cho tôi.

Thế là bị kích thích vừa bằng lòng dũng cảm của anh vừa vì hy vọng được món tiền thưởng, lính sĩ Pháp xuyên thủng hàng ngũ quân Anh và đánh đến tuyến thứ ba. Nhưng họ không thể tiến sâu hơn. René đưa thanh gươm lên miệng dùng răng cắn chặt, rút súng ngắn hạ hai tên rồi tra lại vào bao tiếp tục dùng gươm.

- Này - Anh nói và lấy lại chiếc mũ mà chỉ mình anh mới lại gần được - Này, hình như tôi lại kiếm được hai mươi *louis* của tôi rồi.

Quân Anh khép lại vòng vây anh. René đã xuyên qua hai tuyến quân địch và chọc vòng thứ ba bằng cách hạ hai tên đối diện khi chúng mắt tròn mắt dẹt thấy chỉ có mỗi một lính Pháp trong quân đội Anh.

Một toán sĩ quan đang bao quanh tướng Stuart. Hai trong số họ tách ra xông lại phía René.

René hiểu rằng họ muốn dành cho anh một cuộc so gươm nhưng là cuộc đụng độ hai chọi một.

Anh dừng ngựa, bắn khẩu cạc bin vào một tên cách mình năm bước tên kia cách hai chục bước: cả hai đều gục xuống.

Lập tức, một kỵ sĩ thứ ba tách khỏi nhóm và khua tít thanh gươm ý muốn nói anh ta sẽ đọ gươm. René mắc khẩu súng cạc bin vào cốt yên ngựa và lao lại phía đối thủ mới.

Thế là giống như thời cổ đại hay thời kỳ của các hiệp sĩ xa xưa giống như những anh hùng trong trường ca của Homère, hay những hiệp sĩ thời trung cổ, René và địch thủ lao vào nhau trong trận quyết tử dữ dội trong đó ai cũng tỏ ra có bản lĩnh và khéo léo tuyệt vời. Cuối cùng, sau mười phút chiến đấu, sĩ quan người Anh bị thương vào tay phải và bị mũi gươm của René dí vào ngực buộc phải chịu thua.

- Thưa ngài - Anh ta nói bằng tiếng Pháp rất chuẩn với René - Ngài có muốn tôi quay lại nói một câu với tướng quân của tôi không?

- Được đi đi!

René nhân cơ hội ấy để nạp đạn vào hai loại vũ khí của mình và đặt nổ trở lại vị trí.

Một lát sau, anh thấy viên sĩ quan Anh quay trở lại, tay phải buộc một chiếc khăn và đầu gươm phất phơ một chiếc khăn tay màu trắng.

- Chiếc khăn màu trắng kia có ý nghĩa gì vậy - René vừa nói vừa cười - ông đến thương thuyết và khuyên tôi đầu hàng chăng?

- Tôi đến để mời ngài đi theo tôi, thưa ngài. Để ngài không gặp bất hạnh nào khi vượt qua hàng ngũ của chúng tôi trở về quân đội của ngài, tôi được hân hạnh nhận lệnh của tướng quân Stuart, mở lối cho ngài ra.

- Thế tướng quân Stuart tưởng tôi không biết cách mở vòng vây sao?

- Ông ấy không nghi ngờ điều đó, thưa ngài, nhưng ông muốn ngài được bình an vô sự trở về, ông ấy còn nói nếu ngài từ chối tôi dẫn đường, tự ông ấy sẽ đến làm việc đó.

- Rất cảm ơn - René nói - Tôi không muốn quấy rầy ông ấy đến thế. Ông đi trước đi, tôi sẽ theo sau.

Trong khi đó, số phận của trận đánh đã được quyết định: tướng Compère bị bắt, chỉ huy tiểu đoàn tiên phong hy sinh chỉ huy tiểu đoàn quân Thuỵ Sĩ bị thương rất nặng, chỉ huy tiểu đoàn số hài mươi ba của trung đoàn cũng bị thương, đường thông lên Monteleone bị cắt đứt, quân Pháp bị quân Anh truy đuổi đến tận thung lũng Lamato. Đến đó, quân Anh ngần ngại không đuổi tiếp và để tướng Reynier được thảnh thơi rút lui từ chỗ đó.

Khi gặp quân Anh, người dẫn đường cho René kêu to:

- Theo lệnh của tướng quân Stuart, hãy hạ vũ khí và giữ nguyên vũ khí bên mình!

Binh sĩ Anh tuân lệnh ngay, René đi qua hai hàng quân mà không việc gì. Họ đi như vậy đến cửa vào thung lũng nơi quân Anh dừng chân.

- Thưa ngài - René nói với người đưa đường - Bây giờ chỉ còn ngài mới có thể xứng đáng thay mặt tôi gởi lời cảm ơn trân trọng của tôi tới tướng Stuart.

Sau khi chào rất kiểu cách tù nhân đã trả tự do cho mình, René phi ngựa đuổi theo hậu quân Pháp đang dừng ở Catanzaro tức là cách đó sáu dặm.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 114
René đã thấy ông Saliceti giữ lời ra sao

René tới trại đóng quân ngoài trời của trung đoàn săn bắt cướp số chín mà anh được lệnh của tướng Reynier chỉ huy họ khi họ đang tơi tả giữa quân bộ binh Anh.

Những người này lúc đuổi theo anh đã thấy anh lao vào hàng ngũ quân Anh rồi mất hút cứ ngỡ anh đã chết. Chính vì vậy khi thấy anh trở về, họ reo lên sung sướng ai cũng chia cho anh một phần rơm để anh làm giường, chia một phần quân lương để anh có cái cho vào bụng thay bữa tối.

René nhận một nắm rơm, rải áo măng tô lên và nhận một cái bánh mì nhưng lại chia cho con ngựa một nửa.

Tờ mờ sáng hôm sau, anh bị một số quan cận vệ của tướng quân Reynier đánh thức. Anh này nhận lệnh của vị tổng chỉ huy đi tìm chàng trai trẻ mặc áo đại uý hải quân và đã chiến đấu rất anh hùng. Trừ phi bị giết hoặc bị bắt, với trang phục ấy thì không khó tìm cho lắm.

René thức dậy, lắc lắc cái đầu rồi lên ngựa đi theo viên sĩ quan cận vệ. Anh ta đưa anh đến một toà thị chính của thành phố.

Đây là nơi tướng quân Reynier đặt làm tổng hành dinh.

René bước vào phòng hội đồng mà ông tướng coi phòng làm việc ông đang có người ra trước tấm bản đồ lớn vùng Calabre nơi mỗi ngôi nhà mỗi thân cây, khe suối đều có đánh dấu. Những ngọn nến đã cháy đến tận chân, những ngọn đèn cạn dầu cho thấy ông đã làm việc suốt đêm.

Khi nghe tiếng thông báo: "Sĩ quan mà ngài cần tìm đã đến, thưa tướng quân" thi ông quay lại phía René, nhổm người ngồi trở lại ghế của mình và đưa tay ra hiệu chào anh.

- Thưa ngài - ông nói - hôm qua, tôi đã thấy ngài thể hiện một tinh thần quật cường tuyệt vời đến nỗi tôi không nghi ngờ gì nữa ngài đúng là chàng trai mà ngài Saliceti đã tiến cử cho tôi thậm chí còn do người cấp cao hơn ông ấy giới thiệu nữa kia. Ngài là bá tước Léo có phải không?

- Vâng thưa ngài.

- Ngài đã bày tỏ với bộ trưởng Saliceti muốn nói chuyện với tôi về việc sẽ tham gia quân đội của tôi.

- Ông ấy đã khẳng định với tôi, thưa tướng quân, rằng vì điều này có lợi cho công cuộc của chúng ta nên ngài sẽ đồng ý.

- Chắc ngài đói rồi - Reynier nói - Tôi đoán ngài cũng khó tìm được gì lót dạ quanh vùng Catanzaro này. Chúng ta vừa ăn sáng vừa nói chuyện cho thoải mái.

Hai binh sĩ khiêng bàn ăn đã bày sẵn sàng vào: bốn miếng thịt lườn, hai con gà, một trong những loại phô mai mà người ta lấy treo trên trần các quầy tạp phẩm có tên gọi Cacciocavallo, kèm với chai rượu vang Calabre làm nên vẻ thịnh soạn cho bữa sáng.

- Suốt đêm qua - ông tướng nói - tôi đã viết thư cho các sĩ quan của mình tập trung lực lượng của chúng ta về Catanzaro. Khi tin thất trận ngày hôm qua lan ra, cả miền Calabre sẽ nổi dậy. Hôm qua, lúc tôi đến đây, đã có vài kẻ khởi xướng thay lá cờ quốc gia bằng cờ trắng, thay cờ ba màu bằng cờ đỏ.

Tối qua, tôi đã cho bắt thị trưởng và thị phó thành phố. Đêm nay sẽ cho hỏi cung chứng, nếu có sự đồng ý trong việc thay cờ này, chúng sẽ bị xử bắn vào sáng mai. Trong hôm nay, tôi định trình báo lên đức vua Joseph. Nếu ngài thấy có cách nào giúp chúng ta thoát khỏi tình hình này hãy nói cho tôi với, tôi sẽ sửa sai lầm ấy.

- Thưa tướng quân - René nói - Ngài đánh giá tôi quá cao đấy. Tôi không phải là nhà chiến thuật hay kỹ sư. Vả lại thua trận như tôi hôm qua giữa quân Anh, đánh đấm túi bụi thì tôi còn nhìn thấy gì nữa.

- Phải phải, tôi biết ngài có cuộc chiến rất xuất sắc với ba sĩ quan Anh trong đó ngài hạ hai, bắt tên thứ ba làm tù binh. Tôi còn biết chính ngài James Stuart ngưỡng mộ lòng dũng cảm của ngài đã ra lệnh cấm không cho binh sĩ bắn ngài thậm chí còn làm cổng chào danh dự tiễn ngài ăn đi chàng trai trẻ, những thứ này rất ngon đấy.

René không phải để mời lần thứ hai. Anh ăn ngon lành như một người đánh suốt một ngày dài chưa được ăn gì vào bụng.

- Tất cả những gì tôi đã thấy - Tướng quân Reynier thân mật nói với chàng trai trẻ - cộng với những gì tôi nghe nói về ngài hôm qua khiến tôi thấy rõ có một nhiệm vụ mà tôi phải nghiêm túc hỏi đó là ngài muốn phục vụ bên tôi thế nào.

- Nếu tướng quân thật lòng muốn hỏi tôi về chuyện này, tôi muốn có một toán quân mà không những tôi là chỉ huy mà phải là chủ của họ. Tôi sẽ chọn họ trong số các tay bắn tỉa xuất sắc, tôi nghĩ họ sẽ rất được việc. Ban nãy ngài có nhắc đến bọn cướp sắp nổi dậy. Chính ngài Saliceti cũng đích thân nhắc đến vài toán, một trong số đó tôi muốn hạ chúng lắm?

- Ngày mai - Tướng Reynier nói - ngài sẽ được toại nguyện. Ngài cần bao nhiêu người?

- Không nhiều cũng không ít quá - René đáp - Chỉ bốn mươi đến bốn mươi lăm người là đủ.

- Ngày mai, đích thân ngài sẽ chọn trong số những tay súng cừ khôi nhất. Chuyện này không khó khăn gì ngoại trừ vài phát đạn cũng phải gây xôn xao một tí chứ. Ngài đã tạo được cảm giác kinh hoàng cho kẻ thù, sự kinh hoàng ấy sẽ còn tăng hơn nữa qua không gì chúng tôi tạo điều kiện cho ngài. Ngài

sẽ tự do nhắm vào băng nào tuỳ thích và truy quét chúng không còn một mống. Vả lại, một chàng trai như ngài dẫn đầu một đội quân bốn mươi lăm người sẽ đi được bất cứ nơi nào. Ngài sẽ là sĩ quan tuỳ tùng của tôi và khi có mệnh lệnh quan trọng, ngài sẽ là người tôi phải trông cậy.

- Như vậy tôi được phép chọn người của mình chứ?

- Ngài sẽ chọn ai?

- Những tay súng giỏi nhất, vì tôi sẽ giao cho họ những công việc nặng nhọc hơn và phải xuất đầu lộ diện nhiều hơn nên tôi muốn trả tiền cho họ cao hơn.

- Tôi thấy không có vấn đề gì miễn là không gây ra sự ganh tị và đừng lấy hết quân đội của tôi nếu ngài đủ giàu có để trả tiền cho họ. Còn lại, cơ hội dành cho ngài truy quét bọn cướp là rất lớn bởi lẽ thất bại mà chúng tôi vừa nếm trải sẽ nhanh chóng thu hút bầy quạ và linh cẩu kéo đến bữa thịt mồi.

- Mong tướng quân ra lệnh chuyển quyền của mình.

- Hãy yên tâm, ngài cứ chọn người và cho tập bắn đi. Cầu Chúa dẫn lối cho ngài! Về phần tôi, trong vòng hai tuần tới tôi chưa thể được trợ cứu, nhưng một khi tôi có thể tập hợp được năm hay sáu nghìn quân, tôi sẽ chống lại toàn bộ Calabre. Với quân Anh, chúng sẽ không bao giờ dám tiến sâu vào lục địa.

- Xin tướng quân ra lệnh việc thi bắn sẽ diễn ra vào ngày mai. Mỗi trung đoàn sẽ có năm mươi tay súng giỏi nhất, mỗi người có ba viên đạn. Người đặt giải nhất sẽ được một chiếc đồng hồ bằng vàng, giải nhì được chiếc đồng hồ bạc, giải ba là sợi dây chuyền bạc có một móc ghim ở đầu. Qua đó tôi sẽ tự mình chọn bốn mươi lăm người bắn giỏi nhất. Ngoài khoản thu nhập bình thường mỗi binh sĩ được chọn sẽ hưởng thêm mỗi ngày một phăng.

- Ngài có thể chịu được khoản chi phí này trong bao lâu?

- Suốt quãng thời gian tôi ở bên tướng quân và tôi mong rằng nó kéo dài càng lâu càng tốt.

Tướng Reynier cho khua trống thông báo mỗi trung đoàn ngày hôm sau cử năm mươi người đến trường bắn. Ba giải thưởng do bá tước Léo đi mua tại Catanzaro.

Suốt ngày hôm ấy, khoảng một trăm binh sĩ bị lạc sau trận đánh lần lượt tập trung về trại Catanzaro.

Cuộc tuyển chọn diễn ra vào ngày hôm sau. Để chứng tỏ mình xứng đáng chỉ huy những người tài giỏi nhất, bá tước Léo là người đầu tiên giương súng bắn ba phát trúng vào chấm đen.

- Vậy là cuộc thi bắt đầu.

Tất cả có bốn trăm xạ thủ. Có năm mươi ba viên đạn bắn trúng vòng tròn đỏ bao quanh hồng tâm xách đó năm mươi bước.

Nhưng trong số đó có ba viên đạn bắn không trúng vòng nên bị loại chỉ còn năm mươi được chọn vào đội ngũ săn lùng bọn cướp do bá tước Léo chỉ huy và gọi tắt là *Cuộc săn sư tử*.

Ba giải thưởng trao cho ba người thắng, bốn mươi bảy người khác mỗi người nhận được năm phăng. Cuối cùng tất cả những ai tham gia cuộc thi đều được thưởng một phăng.

Trở về Catanzaro, bá tước Léo lần lượt giới thiệu với tướng quân Reynier ba người đoạt giải trong đó người đoạt giải nhất là trung sĩ còn hai người kia là hạ sĩ, tiếp đến là bốn mươi bảy người được chọn cùng tất cả các tay súng tham gia cuộc thi. Để ngày hôm đó trở thành một buổi lễ với họ, tướng quân Reynier cho mời người nghỉ và giải trí trong khuôn khổ kỷ luật cho phép rồi ra hiệu cho René ông có điều muốn nói với anh.

René đi theo ông.

Một nông dân vừa báo tin thành phố Cotrone mới bị rơi vào tay hai thủ lĩnh băng đảng có tên là Santoro và Gargaglio. Ông báo tin này cho René và bảo anh:

- Ngài thấy chưa, bắt đầu rồi đấy.

Nhưng việc chiếm lại thị trấn Cotrone nằm ngoài khả năng của René. Anh không thể lập lại trật tự nơi đó chỉ với năm mươi quân của mình.

Tướng quân Reynier có một số đội quân dưới sự chỉ huy của một tiểu đoàn trưởng định không cho bọn cướp kịp nghỉ lại sức tấn công bất ngờ chiếm lại ngay thị trấn và buộc quân địch phải lui ra vành đai thành phố. Tối hôm sau, chúng liều mở một lối vào nhưng đã bị đánh bật ra.

Viên tiểu đoàn trưởng muốn kết thúc đợt giao tranh vào ngày hôm sau và chiếm toàn bộ thành phố nhưng hai chiếc xà lan của quân Anh đã áp sát bờ biển, sự cứu viện này khiến bọn cướp thêm hung hăng. Ngay hôm sau, chúng mở hai lối đánh vào thành song đều bị đẩy lùi. Vậy là quân Anh chuyển bốn khẩu đại bác lên bờ đặt áp vào tường thành.

Quân Pháp thấy cần thêm tiếp viện. Tướng Reynier được thông báo đã cử tướng Camus cùng một đạo quân hướng về trung tâm thành phố rồi cho gọi bá tước Léo đến.

- Ngài và đội quân của ngài thế nào rồi? - ông hỏi.

- Đội quân đã đi vào tổ chức và rất ăn ý. Tôi chỉ còn chờ mệnh lệnh.

- Cứ ngồi xuống đấy, tôi có nhiệm vụ cho ngài đấy!

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 115
Làng Degli Parenti

- Tôi vừa nhận được một tin xấu, bá tước thân mến ạ. Một đoàn quân thuộc trung đoàn hai mươi chín xuất phát từ Cosenza đến hợp quân với tôi phải qua rừng Scilla, đó là địa phận làng Degli Parenti, một trong những ngôi làng tàn khốc nhất do bọn cướp trấn giữ ở miền Calabre này.

Dân ủng hộ triều đình Bourbon trong làng, dưới sự lãnh đạo của một tên cướp khét tiếng, từ lâu rất tự do lộng hành, luôn rình quân Pháp và cắt cổ họ vào lúc họ không ngờ đến nhất.

Việc tấn công và bắt sống một đội quân Pháp khoảng tám mươi người giữa ban ngày trong khi ai cũng trang bị hai mươi bốn viên đạn là một việc nguy hiểm và khiến chúng phải suy nghĩ. Thế là chúng quyết định giăng bẫy.

Thủ lĩnh của băng đảng ấy tên là Taccone, và tính tàn bạo khủng khiếp mà hắn gây ra cho người Pháp vào những năm 1799 cũng như 1806 và 1807, hắn được mệnh danh là Il Boja. Hắn bèn cùng vài nông dân đến chỗ đạo quân của chúng ta, Il Boja tự xưng là đại uý cảnh binh nhà nước cùng hai trung uý thay mặt dân làng đến tiếp tế và bày tỏ lòng hiếu khách với quân đội Pháp.

Viên đại uý và các sĩ quan trong đội quân Pháp, dù đã được cảnh báo chớ có tin vào vẻ thân thiện bề ngoài của dân xứ này, nhưng với bản tính hay tin người của người Pháp, họ đã bị lừa. Họ bất cẩn ra lệnh cho quân sĩ bỏ vũ khí bên ngoài trụ sở làng nơi đồ ăn và đồ giải khát bày biện sẵn. Họ vào nhà ăn uống mà không nghĩ đến việc đề phòng. Chưa đầy 10 phút sau, một phát súng lục làm hiệu vang lên. Viên đại uý và hai trung uý ngồi trong phòng chết ngay tại chỗ. Binh lính lao ra nhưng đám nông dân đã đợi họ sẵn bằng chính vũ khí họ bỏ bên ngoài và bắn thẳng tay. Chỉ có bảy người lính thoát được. Họ là người đi suốt đêm đến đây kể lại tin dữ ấy.

- Chà! René nói - Phải cho tên Taccone này một bài học mới được.

- Đúng thế anh bạn thân mến. Nhưng phải biết người biết ta mới thắng được.

Taccone không chỉ mưu mẹo như trong chuyện tôi vừa kể đâu, hắn lúc nào cũng hạ được những binh sĩ giỏi nhất, can đảm nhất của tôi. Nhờ ở địa điểm thuận lợi, am hiểu địa hình và nhờ bóng đêm, hắn luôn thắng họ. Khi không thắng được, hắn bất thình lình đánh úp bằng những cách rất lạ…

Thông thường, giữa cuộc chiến đông quân, hắn ra hiệu cho người của mình rút lui lập tức bọn cướp tản ra nhiều phía khác nhau. Người của chúng tôi đuổi theo và thế là lại lặp lại chuyện giữa quân của Horaces và Curiaces xa xưa. Bọn cướp bất thình lình quay lại, xuất hiện trước đối thủ mệt lả vì đuổi theo, bắn hoặc đâm chết họ. Nếu có đội quân mạnh đến tấn công, chúng lại lủi vào núi chỉ có quỷ mới tìm được một dân Calabre trốn trong núi mà thôi.

Taccone là tên táo tợn nhất và cũng tàn bạo nhất băng đảng. Nhờ hai đức tính này mà hắn được làm chỉ huy. Ngoài ra hắn còn là kẻ chạy nhanh nhất. Người ta bảo cứ như thể hiệp sĩ Asin trong trường ca của Homère đã trao tấm áo choàng vàng cho hắn hay thần Mercure đã gắn vào chân hắn đôi cánh đưa tin của thần Jupiter vậy. Hắn như nhảy xa hàng dặm: như gió, như chớp ấy.

Một lần, quân của tôi tấn công hắn dữ dội trong một cánh rừng, nhân trời tối, hắn lẩn đi như một bóng ma và quân của hắn cũng biến mất như vậy. Ngày hôm sau hắn đã ở dưới tường thành Potenza, đi bằng những con đường mà người ta tưởng không thể nào đi được ngoại trừ loài linh dương hay lũ thỏ hoang.

Thưa bá tước thân mến, xin ngài nhớ cho là Potenza không phải là một làng hay một thị trấn mà là một thành phố tám đến chín nghìn dân. Vậy mà vừa nhìn thấy băng cướp từ trên trời rơi xuống ấy và nghe giọng nói sang sảng của Taccone, tám chín nghìn dân ở đó chạy về nhà đóng cửa lớn, cửa sổ lại thậm chí không nghĩ đến việc kháng cự.

Thế là ông vua Taccone, người ta gọi hắn như thế trước khi gọi hắn là đao phủ, có một tên làm nhiệm vụ tuyên cáo vào thành, ra lệnh mọi quyền lực dân sự, tôn giáo và quân sự, quyền sinh quyền sát hay đốt nhà đều lập tức rơi

vào tay hắn.

Một tiếng sau, người ta thấy một cảnh tượng lạ lùng xảy ra: các vị phán quan địa phương theo sau các nhà tu cùng dân chúng lũ lượt kéo đến thăm viếng tên thủ lĩnh, quỳ gối xuống hai tay chắp lại cầu xin hắn thương tình. Thế là Taccone để họ trong tư thế hèn hạ một lúc mới tuyên bố như thể một hoàng đế Alexandre nói với gia đình Danus rằng:

- Hãy đứng dậy hỡi những kẻ khốn khổ, các người không đáng để ta nổi giận. Các người sẽ rắc rối to nếu quấy quả ta vào một thời điểm khác. Nhưng hôm nay ta đã thắng kẻ thù nhờ sự giúp đỡ của thánh Vierge, nên ta mở lòng cho những kẻ khốn kiếp. Hôm nay là ngày lễ chiến thắng cho tất cả những gì là lẽ phải, ta không muốn làm vấy bẩn thân ta bằng máu của các người dù rằng những lời báng bổ của các người đủ đẩy ta làm cho nó đổ.

Các người cũng đừng vội mừng, các người chưa thoát hết mới hình phạt đâu, vì tội đã nổi dậy chống lại vua của các người, vì phản lại Chúa của các người nên các người phải trả thuế cho thư ký của ta. Thôi hãy đứng dậy đi và cử người loan báo cho khắp thành phố để người ta chuẩn bị một buổi lễ linh đình xứng với chiến thắng của ta. Những người có mặt ở đây sẽ theo ta hát vang lời ca ngợi đến tận nhà thờ nơi Đức giám mục sẽ hát vang bài *Te Deum* để đa tạ Đấng tối cao về chiến thắng của quân ta. Bây giờ, hãy đứng dậy và tiến lên.

Dân chúng lầm rầm hát đồng thanh bài thánh ca cùng bọn cướp tay cầm cành ô-liu. Taccone vừa tiến về nhà thờ trên con ngựa treo đầy chuông, lông vũ và phủ một tấm vải xoa vừa hát bài *Te Deum* xong, bọn cướp rút đi mang theo số của cải vàng bạc quý giá nhất.

Vào trong thành, kẻ thắng trận ngẩng cao đầu đưa mắt lên nhìn các cửa sổ như muốn tìm kiếm gì đó trong các ngôi nhà.

Đám phụ nữ, háo hức xem các cảnh náo nhiệt, là người tò mò nhất ngó ra chiêm ngưỡng hắn.

Một thiếu nữ cũng rụt rè kéo rèm cửa sổ để lộ một vẻ đẹp nghiêng nước

nghiêng thành. Thế là tên cướp dừng ngựa nhìn cô gái trân trân. Hắn đã thấy thứ hắn muốn.

Cô gái như sực hiểu vội lùi lại lấy tay che mặt. Taccone nói nhỏ với hai thuộc hạ, hai tên này xộc vào nhà cô.

Ra khỏi nhà thờ, Taccone gặp một ông già, đó là ông của cô bé, cha cô đã qua đời. Ông cụ đến xin chuộc lại cháu gái dù với bất cứ giá nào.

- Mi nhầm rồi - Taccone nói - về chuyện của trái tim tao không buôn bán gì, cháu lão đẹp lắm, ta yêu nó, ta muốn nó chứ không phải tiền của lão.

Ông già muốn níu Taccone lại nhưng hắn dùng tay đẩy ra.

Ông quỳ xuống trước tên cướp, hắn lấy chân đạp ông ngã ngửa ra sau rồi hắn trèo lên ngựa. Không ai dám phản ứng trước hành động ấy, hắn rời thành mang theo cô thiếu nữ trinh trắng chưa từng biết đến nụ hôn nào khác ngoài nụ hôn của mẹ.

Từ ngày ấy, không ai thấy cô gái đó trở lại Potenza nữa.

Nghề cướp bóc của Taccone rất thành công. Sau khi rời Potenza, hắn tiến về phía lâu đài của nam tước Fedenci, kẻ thù ra mặt của phe Bourbon.

Dù bị đột kích bất ngờ, nam tước vẫn kịp đóng cổng lâu đài. Sau khi tập hợp được một số gia nhân, bị tấn công áp đảo, ông vẫn chống trả quyết liệt. Cuộc chiến kéo dài từ sáng tới tối, rất nhiều xác kẻ thù đã phơi dưới chân tường bao.

Nhưng thật không may, sau một ngày chống trả ác liệt nữa, đến ba giờ chiều hôm sau, đạn dược trong pháo đài đã thiếu hụt. Bọn cướp chào ngày mới bằng một loạt đạn kinh hãi. Sau khi chiếm cả thành phố không mất viên đạn

nào, chúng thấy bị xỉ nhục khi phải chững lại trước một pháo đài tầm thường, phải thấy sự kháng cự ngoan cố dù đạn vơi dần nhưng một số nông dân vẫn noi gương nam tước.

Tuy thế những nông dân này lại đề nghị nam tước nên nghe theo ý của bọn cướp đó là đưa cho chúng một khoản tiền để chúng rút đi không đánh phá lâu đài cũng như tha mang cho dân chúng.

- Thưa nam tước, ta thoả hiệp thôi! - Họ kêu lên với ông Federici - khi thoả hiệp, ta có thể đưa ra điều kiện của mình trong khi nếu chúng tấn công đến nơi, chúng ta sẽ mất hết, chúng tôi còn vợ con.

- Tội nghiệp thay cho các anh - Nam tước đáp - Các anh tưởng quân kẻ cướp này đủ danh dự để đồng ý thoả hiệp ư? Nếu không có cứu viện từ bên ngoài, chúng ta sẽ thua.

Nhưng họ mong mãi từ các cửa sổ mà không thấy bóng dáng quân tiếp viện nào, có chăng chỉ tiếp viện cho kẻ vây hãm chứ không có lực lượng cho kẻ bị bao vây. Thật ra, các làng lân cận đã ngầm thông đồng với bọn cướp kéo đến cùng kiếm chác. Cuối cùng, Taccone ra lệnh tổng tấn công. Từ khắp các phía, người ta thấy dựng thang quanh tường bao, đạn bay ràn rát, những lưỡi rìu sáng lên dưới nắng mặt trời. Tiếng reo hò sung sướng một cách man rợ như bay lên đến tận trời xanh.

Nam tước Fedenci một phần nhận ra lực lượng ấy, phần khác vì thấy vợ mình run rẩy, các con gái tái nhợt như sắp chết, cậu con trai sáu tuổi khóc mãi vì sợ, ông cảm thấy tức giận vô cùng và tuyệt vọng nhất là khi những người phụ nữ nhìn vào mắt ông như tìm kiếm trong đó vài tia hy vọng. Cuối cùng, nhận thấy tất cả đều muốn thoả hiệp, dù không tin lời bọn cướp, nam tước đành chiều theo ý mọi người, cử một người trung gian đến nghị hoà với Taccone.

Người này phải chờ rất lâu mới vào gặp tên thủ lĩnh đang khép mình cùng cô vợ hắn mới cướp được ở Potenza. Khi người điều đình đề nghị thoả hiệp, hắn phá lên cười.

- Hãy về mà nói với nam tước của mày rằng cứ giao lâu đài của hắn cho tao. Không cần thoả ước gì hết, ai sống trong đó sẽ được bảo toàn tính mạng.

Người điều đình ra về, bọn lâu la của Taccone phàn nàn chủ tướng của chúng hào hiệp với nam tước quá nhưng hắn nhún vai và phá lên cười lần nữa:

- Ai dám chắc việc dai dẳng đánh thêm nữa lại không gặp phải quân tiếp viện? Bọn bay tưởng nếu ta không hứa bảo đảm tính mạng cho chúng, chúng lại chịu đầu hàng chắc? Một khi đã vào trong được rồi, chúng ta sẽ quyết định kẻ nào được sống và kẻ nào phải chết.

Đến tối, lâu đài mở cổng. Sau khi nam tước Federici giao chìa khoá cho Taccone, ông định ra đi cùng gia đình thì Taccone giang tay chặn lại nói:

- Mày đi đâu đấy thằng phản bội? - Rồi quay sang người của hắn - Bắt nó lại để tao xem qua lâu đài một lượt đã.

- Ngài có thể hình dung, bá tước thân mến - ông Reynier nói - Những gì xảy ra khi đám sát nhân này bủa vào các phòng không, chúng đập phá lục lọi tất cả tủ, hòm rồi chất đống những đồ gỗ hư nát, những bàn ghế, đồ đạc mà bọn chúng không dùng vào việc gì vào góc sân. Tất cả những thứ đó diễn ra trước mắt nam tước đang bị trói chờ kẻ chiến thắng tuyên xử.

Cuộc cướp phá kết thúc, người ta nghe thấy nhưng tiếng gầm gào doạ dẫm, thấy bọn cướp say mèm, chập choạng, nhảy chót tay cầm đuốc sáng rực. Sau đó, một vầng sáng hừng hực toả ra cho thấy lâu đài đã trở thành mồi lửa.

Ra đến sân, nơi mấy tên cướp đang giữ nam tước, Taccone lại gần ông, chế nhạo bằng cách chụp lên đầu ông chiếc mũ cũ nát, xin lỗi ông vì để ông trong bóng tối lâu như vậy và ra lệnh thắp sáng.

Mệnh lệnh vừa đưa ra, chúng đốt ngay đống củi. Lửa bén nhanh trên đống gỗ khô lập tức bốc lên ngùn ngụt như cái lưỡi mềm của con rắn.

- Ôi! Chúa muôn năm! - Taccone hét lên - Đúng là tội lỗi khi để lửa cháy thế này mà chẳng làm gì. Nào! Nào anh em chiến hữu, hãy làm một vòng với các quý bà này nào. Đức ông Fedenci hẳn sẽ không phiền khi vợ và các con

gái của mình dành cho chúng ta cái hân hạnh này ở lâu đài đâu.

Vừa ra hiệu, hắn vừa nắm tay một trong số con gái của nam tước đồng bọn của hắn túm lấy các cô khác bà nam tước và cô tì nữ, cuối cùng tất cả phụ nữ có trong lâu đài buộc phải tham gia cùng chúng nhảy quanh đống lửa.

Nhìn thấy cảnh đó nam tước gắng hết sức giằng ra khỏi tay bọn giữ ông lao vào giữa đống củi cháy hừng hực, sụt xuống chân rồi biến mất:

- Ái chà! - Taccone nói với cô gái nhảy cùng hắn - Cha cô xấu quá! Ông ta không muốn tham dự vào bữa tiệc của các cô con gái mình, nhưng chúng tao cũng không có việc gì cho thằng nhóc hãy quẳng nó vào cùng cha nó đi.

Rồi tự tay hắn xách một chân cậu bé sáu tuổi ném vào đống củi.

Đám phụ nữ bị hãm hiếp xong cũng bị ném nốt vào đó.

Trong số cả gia đình bất hạnh ấy, một đứa bé duy nhất sống sót nhờ phép màu. Bị ném quá tay sang mạn kia đống củi, đứa trẻ rơi gần một cửa hầm. Nó chỉ việc nhón chân là rời khỏi cảnh đó.

Taccone hành động ngày càng ngang ngược. Một lần hắn táo tợn gởi lời thách đấu một tiểu đoàn trưởng hành quân cùng người của mình đến từ Cosenza, hẹn anh ta đến một chỗ gọi là Lago, trên đường từ Cosenza đến Roghiano.

Viên sĩ quan chỉ cười nhạo lời thách đấu và bằng lòng tự cao của một sĩ quan quân đội, ông không chấp. Tuy nhiên, tiểu đoàn nhận lệnh hành quân tiếp. Đến một hẻm đường hẹp, binh sĩ phát hiện từ trên đỉnh núi đột ngột có một tảng đá khổng lồ lăn xuống ào ào. Dưới sức nặng của khối đá khổng lồ ấy, mặt đất rung lên như có địa trấn, đồng thời sườn núi như bốc cháy và những loạt đạn từ bàn tay vô hình xối xuống đầu họ.

Chưa đầy một tiếng, tiểu đoàn không kịp nhả đạn đã chỉ còn hai mươi ba

người do hai sĩ quan tên là Figlangien và Guarasci còn sống sót khỏi vụ thảm sát.

Taccone cho dẫn họ đến và nói:

- Này lính, sự thật là số phận của chúng mày rất thảm. Tao sẵn sàng thả chúng mày nếu như tao không trót cầu thánh Antoine là không tha bất cứ ai. Tuy nhiên, nhận thấy chúng mày đi đánh trận không phải do tự nguyện mà do luật nhập ngũ nên tao thấy chúng mày đáng thương quá. Để nhận được lòng chiếu cố của tao, chúng mày phải tỏ ra ăn năn. Dấu hiệu của sự ăn năn đó là chúng mày tự tay xử hai sĩ quan kia. Nếu chúng mày làm, tao thề trước thánh nữ Đồng trinh sẽ bảo toàn mạng sống cho chúng mày, còn nếu từ chối, cả sĩ quan lẫn bọn lính chúng mày sẽ chết tất.

Trước lời đề nghị ấy, các binh sĩ đứng im không ai nhúc nhích. Không người nào muốn bàn tay mình tắm máu của chính người chỉ huy, nhưng hai sĩ quan nhận thấy không tránh khỏi cái chết và nếu chiến sĩ của họ giết họ, những người ấy còn cơ may sống sót nên vừa cầu xin vừa ra lệnh, mãi sau quân lính mới chịu bắn hai người.

Nhưng hai kẻ tử vì đạo vẫn còn co quắp trong cơn hấp hối, Taccone đã ra hiệu, bọn bất lương xông vào đám tù binh, lột hết quần áo cho khỏi vấy máu của họ rồi đâm chết hết ngay trước mắt Taccone.

- Kể từ đấy - Tướng Reynier nói tiếp - người ta gọi hắn là đao phủ. Đó là kẻ chúng ta cần bắt.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 116
Chiếc lồng sắc

René kéo tấm bản đồ trải trước vị tướng nói:

- Ngài hãy để tôi tự nghiên cứu địa hình. Tôi không muốn chọn người dẫn đường. Họ chỉ phản bội mà thôi.

Viên tướng chỉ cho anh làng Degli Parénti nằm khuất sau một vệt đen tượng trưng cho cánh rừng. Tuy nhiên trên vệt đen ấy, người ta nhận ra có một cơn đường rất rõ và một lối mòn mờ gần như không nhìn thấy.

- Tôi phải lưu ý với ngài rằng làng này có gần một nghìn người. Do vậy ngài không thể tấn công chỉ với nam mươi quân. Tôi sẽ cử thêm một trăm lính và một đại uý. Họ sẽ theo đường lớn dễ đi đến tấn công trực diện ngôi làng, còn ngài, hãy đi theo đường mòn, đến ngọn đồi ngự phía trên ngôi làng. Khi nhận thấy cánh quân xuất hiện, ngài sẽ bắn một phát súng báo hiệu tấn công.

- Tôi có thể tự do thay đổi vài điều trong kế hoạch này không? - René hỏi.

- Ngài thay đổi thế nào cũng được. Đây là hướng chung chứ không phải kế hoạch tuyệt đối tôi vạch cho ngài.

Ngay tối hôm ấy, khi tướng quân Reynier xuất phát đi tiếp viện Cotrone thì René cùng một trăm lăm mươi quân cũng lên đường đến làng Degli Parenti.

Vừa đến ngả rẽ từ đường lớn sang lối đi tắt cách làng năm dặm, René hỏi viên đại uý xem anh ta có muốn nhường bốn cái trống cho mình hay không dù xét bề ngoài anh không cần lắm.

Viên đại uý bằng lòng.

Hai toán quân chia thành hai ngả. René nhắc viên đại uý đừng đi quá nhanh vì năm mươi người của anh phải đi đoạn đường khó hơn.

Đến bốn giờ sáng, tức là lúc trời bắt đầu rạng ở phương đông, René đã tới đỉnh đồi cao nhất bao quát toàn bộ ngôi làng. Anh sai một người chạy tắt đến gặp viên đại uý.

Anh ra lệnh khi toán quân cách làng ba bốn trăm bước thì bắn một phát súng lên trời. Người được sai đi chạy ngay xuống con đường phía trước toán quân nhỏ với vận tốc rất nhanh.

Một phát súng vang lên, tín hiệu đã phát. Lập tức, René ra lệnh cho bốn tay trống khua thật mạnh còn người của anh hét vang "Giết! Giết!" rồi tất cả lao xuống ngôi làng dùng báng súng nện vào các cánh cửa dọc đường.

Những cánh cửa đầu làng tự mở và một trong số nông dân đầu tiên bỏ chạy mang theo một phụ nữ trong tay, đó là Taccone.

Nhìn qua bước chạy cực nhanh và sức khỏe phi tường của tên cướp René nhận ngay ra hắn. Anh sợ nếu nhắm bắn vào lưng, viên đạn xuyên qua cơ thể tên cướp sẽ trúng tiếp người phụ nữ trước ngực hắn do đó anh hạ nòng khẩu cạc bin và nhả đạn.

Taccone ngã lăn cuộn tròn trên đường buông tay vợ ra và theo quán tính hắn để người phụ nữ văng ra xa rơi vào miệng vực.

Một tiếng kêu kinh hãi vang lên cho thấy người phụ nữ đáng thương đã rơi xuống đó.

Taccone chồm dậy thì sẽ một phen sống mái. Đây là lần đầu tiên trong quãng đời làm cướp hắn để bị thương như vậy. Hắn lết đến bên một thân cây nấp vào đó giương súng chờ đợi.

Tiếng tăm về sức mạnh và sự táo tợn của hắn khiến không ai dám xông lên tấn công đối diện với hắn. Chỉ René là nhanh chóng hạ hắn bằng một phát súng song anh không muốn giết hắn mà muốn bắt sống.

- Bắt sống! Bắt sống - Anh hét lên rồi lao về phía hắn mặc cho nguy cơ có thể trúng đạn vì súng của hắn đã lên nòng.

Nhưng nhanh như cắt, người lính được anh cử đi liên lạc ban nãy đã luồn ra sau, nấp dưới đám cây bụi phía sau thân cây nơi hắn nấp và đâm một lưỡi lê.

Taccone hét lên đau đớn rồi đổ vật xuống buông cây súng ra.

Hắn như đã chết nhưng khi anh chàng nọ lại gần cúi xuống để cắt cái đầu trị giá một nghìn *ducats* thì Taccone lại chồm dậy như một con rắn siết chặt anh ta và dùng dao găm giấu dưới tay đâm vào giữa hai vai đối thủ rồi cả hai cùng tắt thở trong vòng tay thù hận lẫn nhau mà nhìn bề ngoài lại thân tình như anh em.

René để người của mình cắt đầu Taccone, thu dọn làng Degli Parenti rồi cho đốt sạch. Kiểu chinh phạt này không khiến anh phải nhọc lòng. Anh xua và giết lợn rừng, phần còn lại đành cho đám ăn thịt.

Ngày hôm sau, anh trở lại Catanzoro. Sau khi giành lại Cotrone, tướng quân

Reynier cũng trở về và thấy đầu Taccone nằm trong một cái lồng sắt treo trước cổng thành Catanzaro.

Ngay khi đến nơi, ông đã cho gọi René tới.

- Bá tước thân mến của tôi - ông nói - Tôi đã hay tin của ngài khi về đến đây rồi. Ngài đã có cái đầu treo trước cổng thành nói hộ mình. Về phần tôi, tôi cũng nhận được lá thư của đức vua cho hay ngài sẽ không bỏ chúng ta. Ngài sắp gởi thêm hai hoặc ba nghìn quân cùng thống soái Masséna. Thêm nữa đô đốc Đức và chuẩn đô đốc Cosmao đã khởi hành khỏi Toulon. Họ sẽ đến Calabre và sẽ hạ trại ở Corfou.

Nhưng tướng Reynier đã mừng hụt.

Cùng lúc người Đức và Cosmao xuất phát khỏi Toulon, một chiến hạm của Anh lại rời Messine với ý định chiếm Ischia như họ từng chiếm Capri. Vua Joseph đã giữ thống chế Masséna bên mình và chỉ cử đến Calabre hai trung đoàn mới thành lập là La Tour d Auvergne và Hambourg do tướng Saligny chỉ huy sẽ theo đường vừa mở từ Lagonegro đến trại La Corona để thông sang Naples hợp với quân của tướng Reynier.

Nhờ con đường lớn này, người ta có thể tiếp viện đạn dược cho pháo binh.

Vấn đề còn lại bấy giờ là chiếm Scilla và Reggio nơi mà quân Anh đã đặt trại đồn trú với một nửa lính Anh một nửa quân nổi dậy. Hoàng đế Napoléon rất sốt ruột chiếm hai thành phố này. Sẽ không có quân đội chuyển sang Sicile được nếu hai thành phố này nằm trong tay người Anh.

Do đó, họ tiến quân về phía Scilla.

René yêu cầu được chỉ huy cánh quân bắn tỉa của mình, anh được chấp thuận ngay.

Họ hạ trại phía thượng nguyên thành phố Scilla. Thành phố này nhanh chóng biết tin và đã có vài xung đột với những băng đảng nhỏ lẻ quanh đó. Một trong những đụng độ ấy đã dẫn đến một sự kiện khá quan trọng trong cuộc đời René: một toán tù nhân bị bắt và vì chúng là toán cướp nhỏ lẻ nên số phận của chúng được định đoạt ngay, đội quân bắt được chúng sẽ thực thi mệnh lệnh xử bắn.

René cùng đội quân của mình đi ngang qua đột nhiên nghe có người gọi mình bằng tên bá tước Léo. Giọng nói vang đến từ nhóm kẻ cướp. Anh lại gần thấy người vừa gọi mình một tên cướp bước lên một bước nói:

- Xin lỗi bá tước, nhưng trước lúc chết tôi muốn nói lời vĩnh biệt với ngài.

René nghe giọng nói và nhìn khuôn mặt quen quen. Anh chăm chú nhìn và nhận ra tên cướp trên đầm Pontins cũng là tên từng che một bên mặt ăn mặc như thợ xay bột làm người dẫn đường cho anh hôm diễn ra trận Sainte-Éuphénie.

- Ôi lạy Chúa - Anh nói và nhìn quanh nhận ra hoàn cảnh của tên cướp - ta nghĩ ngươi không có ý xấu khi gọi ta.

Rồi anh quay sang viên trung uý chỉ huy đội quân, kéo riêng người này ra nói nhỏ:

- Anh bạn, anh có thể giao tên vừa nói chuyện với tôi cho tôi được không? Hay tôi phải xin ý kiến của tướng quân Reynier đã?

- Thưa ngài bá tước - Anh chàng này vồn vã nói - Thực tình đám cướp này có thêm một tên hay bớt một tên cũng không ảnh hưởng gì quan trọng đến đức vua Joseph. Vả lại, một khi ngài hỏi tôi tên này tức là ngài chỉ có động cơ tốt đẹp thôi. Ngài hãy dẫn hắn đi coi đó như một bằng chứng về sự ngưỡng mộ mà tất cả tôi ủng hộ lòng yêu nước và lòng dũng cảm của ngài.

René siết chặt tay viên trung uý.

- Tôi có thể tặng gì cho người của ngài không? - Anh hỏi.

- Không - Anh ta nói - chỉ một người có thể có quyền ấy thôi.

- Các bạn là những người trung hậu, các bạn của tôi ạ - René nói.

- Hãy thả tên này ra - Viên sĩ quan nói với binh sĩ của mình.

Tên cướp ngạc nhiên nhìn người ta cởi trói cho hắn.

- Thôi nào, đi theo ta.

- Ngài muốn đi đâu, có thân tôi đây - Hắn sung sướng nói.

Rồi hắn tươi tỉnh đi theo René. René đưa hắn ra xa chỗ xử bắn và nói:

- Bây giờ một bên là rừng, một bên là núi, tuỳ mi chọn hướng nào cũng được, mi đã tự do.

Tên cướp nghĩ ngợi một lát rồi lắc đầu, giậm chân xuống đất.

- Ôi không, tôi muốn làm tù binh của ngài hơn. Không biết bao lần tôi hụt chết rồi, khi trước mũi súng lục, khi trước dây treo cổ lúc lại trước hàng súng. Tôi đã thấy thần chết đáng sợ thế nào nên không muốn dính dáng đến ả nữa. Hãy giữ tôi ở bên ngài tôi sẽ làm người đưa đường cho ngài. Ngài biết là tôi thông thạo đường đi mà. Ngài cần một đày tớ ư, được thôi! Có tôi đây. Tôi sẽ chăm lo ngựa và khí giới cho ngài. Còn rừng núi ư, tôi ngán lắm rồi!

- Thế thì được, ta đồng ý - René nói - Ta sẽ cho mi đi theo, nếu mi dẫn đường tốt ngươi sẽ được thưởng thay vì chịu phạt.

- Tôi sẽ làm hết sức thưa ngài - Tên cướp đáp - Nếu tôi không trả hết ơn cứu mạng của ngài thì tội của tôi to lắm.

Họ hành quân đến nơi đã định đó là đỉnh một quả đồi cao có thể nhìn bao quát toàn cảnh. Từ đấy người ta thấy hết Scilla, bờ biển Socile, mũi Reggio, đảo Lipari và như một dải sương mù ở cuối chân trời đảo Capri.

Đến đây, đường rất khó đi đối với lực lượng pháo binh vì có những dòng thác chảy từ Aspromonte xuống cắt ngang con đường. Tướng Reynier họp bàn tìm giải pháp, mỗi người đưa ra một ý nhưng không giải pháp nào chấp nhận được. Họ phải ra quyết định gấp vì đang ở dưới tầm đại bác của nhiều xà lan chở đại bác neo đậu ven bờ biển trong đó một vài chiếc đậu sát bờ quay vào Pampinello. Chúng bắn dữ dội và trúng đích đến nỗi tướng Reynier buộc phải cho pháo của mình bắn trả.

Nửa giờ sau, hoả lực của ông buộc tàu địch câm bặt, quét sạch boong của chúng và vì chúng không có cách nào rời bờ nên họ gọi chúng đầu hàng.

Nhưng thật kỳ lạ là dù đã gọi ba lần, quân địch vẫn không có ai xuất hiện. Họ định đánh chìm xà lan địch thì René lại gần viên tướng nói nhỏ vài câu.

- Quả thế thật - ông tướng nói - Có thể lắm chứ, cứ xem nào.

René nói vài câu với tên cướp của anh, ném quần áo cho hắn để đi truyền lệnh yêu cầu các xà lan đầu hàng. Thật ra, các xà lan ấy không đáp trả vì mệnh lệnh tướng Reynier đưa ra bằng tiếng Pháp nên người Anh không hiểu gì cả.

René là người phát hiện ra trục trặc này nên anh tiến lại gần các xà lan nửa tầm súng trường và ra lệnh đầu hàng bằng tiếng Anh. Các xà lan nhanh chóng hạ cờ. Mỗi chiếc đều chở hai mươi tên và một đại bác cỡ hai mươi tư.

Tướng Reynier tiến về phía chàng trai trẻ đang ướt sũng quay lại.

- Ngài là người sáng ý lắm, hãy đi thay quần áo rồi trở lại cùng chúng tôi tìm cách đưa pháo đến Reggio.

- Thưa tướng quân - René nói - Tôi cũng đang tìm giải pháp đây Nếu ngài cho tôi mười hai đến mười lăm tiếng, tôi hy vọng sẽ mang tin tốt trở về.

- Cứ làm đi - Reynier trả lời - kinh nghiệm cho thấy cứ để ngài làm hơn là

hỏi.

Mười phút sau có hai nông dân như thể đến từ Pizzo đi qua chỗ tướng quân Reynier chỉ cách ông năm mươi bước chân. Ông tướng tưởng họ là do thám ra lệnh đuổi bắt, nhưng một trong hai nông dân bỏ mũ và ông nhận ra đó là René.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 117
René phát hiện ra dấu vết của Bizzarro khi anh không ngờ đến nhất

Dưới sự dẫn đường của tên đày tớ mới, René đã lên đỉnh núi và thấy chỉ nấp khe nước do dòng thác đổ xuống ở lưng chừng hoặc ở chân núi. Thật ra, khi đã đến phía dưới Aspromonte việc xuống thành phố Reggio không còn gì dễ dàng hơn, chỉ cần tám ngày là giàn hoả tiễn có thể được đưa đến cách thành phố một phần tư tầm đại bác.

René và kẻ dẫn đường để chắc chắn đã đi đến chỗ cách Reggio một dặm và nhận ra đường ngày càng dễ đi. Họ chỉ còn việc mang tin vui về báo cho tướng quân.

Tuy nhiên, khi ấy màn đêm đã xuống. Nếu một mình René có lẽ anh sẽ không tìm được đường, nhưng với kẻ dẫn đường đầy kinh nghiệm René không sợ gì hết. Họ ngồi xuống một gốc cây và bình thản ăn bữa tối không dùng gì nguỵ trang ngoài màu xanh của rừng. Đang ăn, đột nhiên René thấy bàn tay của người đồng hành đặt lên vai mình đồng thời ngón tay anh ta đưa lên môi ra hiệu im lặng. René im lặng nghe ngóng.

Họ nghe thấy những tiếng bước chân nặng nề như thể người ta phải lôi vật nặng cùng với những âm thanh ư ử không đều như đang phản kháng. Họ nhìn thấy hai người đàn ông bị trói và bị nhét giẻ vào miệng đang bị lôi đến một cây khá cứng cáp để làm giá treo cổ.

René siết tay người đi cùng mình.

- Ngài đừng lo, tôi biết bọn này. Như tôi đã nói, có hai người bị trói do năm người khác lôi đến. Kháng cự của hai kẻ kia chẳng được mấy chốc. Chúng quàng một đầu thòng lọng qua cổ họ. Một tên có vẻ giống như tên chăn la

trèo lên cây vắt hai sợi dây qua hai cành cây rồi cùng đồng bọn kéo nạn nhân lên cao. Chưa đầy mười phút, hai kẻ bị hành hình đã bị treo lủng lẳng. René như nín thở. Anh thấy ghê tởm khi phải thấy cái chết bẩn thỉu như vậy.

Khi những kẻ hành hình và đám khán giả chắc chắn những người bị treo cổ đã chết hẳn, chúng chia tay nhau bốn tên tiếp tục đi về hướng thành phố Reggio còn tên thứ năm tách ra một mình chuẩn bị bị đi trở lại con đường hắn đến ban nãy thì tên đày tớ của René lao ra gọi:

- Orlando phải không?

Tên vừa được gọi tuy không tham gia vào việc treo cổ nhưng hắn đã rất chăm chú xem cảnh tượng đó. Hắn chỉ rời hiện trường khi chắc chắn kẻ thù của mình đã chết hẳn. Hắn đưa tay vào chuôi dao găm rồi quay đầu về phía có tiếng gọi.

- À! - Hắn nói - Là mày à Tomeo, mày làm cái gì ở đây thế?

- Tao xem mày làm, tao không tham gia.

- Hy vọng mày không trở thành người lương thiện đấy chứ? - Orlando vừa nói vừa cười.

- Thế thì mày nhầm rồi, chí ít tao cũng làm tất cả để có thể trở lại lương thiện. Nhưng hai kẻ đáng thương mà chúng mày vừa treo cổ tàn nhẫn như vậy là ai thế?

- Đó là hai tên khốn đã không nhận ra chữ ký của tao. Tao đã cấp cho mấy người chăn la ban nãy tiếp tục đi về phía Reggio đấy một giấy thông hành. Mặc dù đã có lời cam kết hứa hẹn giữa tao và Biazano là sẽ tôn trọng chữ ký của nhau thế mà người của hắn đã bắt giữ người của tao và lột sạch đồ của họ. Thế là những người chăn la kia đến chỗ tao đòi công lý. Tao nói: "Hãy dẫn tôi đến chỗ Bizzarro. Họ dẫn tao đến chỗ hắn. Tao bảo: "Này người anh em, người của ông đã coi thường chữ ký của tôi, tôi cần xử làm gương và phải làm gương thích đáng". Bizzarro để tao kể lại toàn bộ sự việc trong lúc hắn vừa chè chén xong. Hắn bảo. "Cứ trừng phạt kẻ phạm tội, nhưng làm nhanh lên người anh em. Ông biết là tôi không thích bị quấy rầy trong lúc ăn tối đâu. Tao gọi người của mình ở ngoài cửa vào. Họ nhận ra ngay bọn trấn lột, Bizzarro giao chúng cho tao, phần còn lại thì mày cũng thấy rồi đấy.

Trong khi đó, René đã đến bìa rừng và nghe kể những gì Orlando vừa kể.

- Uống một chai với chúng tôi nào, anh bạn - René kêu lên với hắn.

Orlando rùng mình quay lại và thấy một người đàn ông đang nắm cổ chai. Hắn đưa mắt nhìn bạn của mình thăm dò, tên này gật đầu ra hiệu có thể tin tưởng hoàn toàn người bạn mới.

René đưa chai cho hắn sau khi uống ngụm đầu tiên để chứng tỏ trong rượu không có gì rồi hỏi vài điều về người bạn Bizzarro của hắn.

Orlando thấy rượu rất ngon và thấy không có lý do gì phải giấu những điều hắn biết về Bizzarro nên nói hết cho René biết những gì anh cần. Nhưng vì trời đã tối vả lại René cũng biết khá nhiều nên anh nhắc kẻ đi cùng mình đã đến lúc phải về.

Họ uống nốt chai rượu, bắt tay nhau rồi chia tay để mặc hai cái quả đáng nguyền rủa vừa mọc trên cành cây.

Hai tiếng sau, René đã về trại.

Sớm hôm sau, bá tước Léo đã đến chỗ tướng quân Reynier.

Vị tướng quân này đã dậy đang trầm ngâm trước tấm bản đồ Calabre trên giường.

- Thưa tướng quân - René cười bảo ông - Ngài không cần phải đau đầu về chuyện đó nữa. Tôi đã tìm được con đường đưa pháo đi rất dễ dàng như trên thảm bàn đánh bia. Trong mười lăm ngày nữa, chúng ta sẽ rót pháo đại bác vào Reggio và mười ngày sau, nó sẽ về tay ta.

Ông tướng nhảy khỏi giường.

- Không phải tôi không tin lời ngài nói, bá tước thân mến ạ, nhưng những điều như vậy đáng phải xem tận mắt.

- Việc đó có khó gì thưa tướng quân. Ngài hãy mặc quần áo đi, tôi sẽ điều động năm mươi người của mình. Nếu địa hình mà tôi chỉ khiến ngài hài lòng, chúng ta sẽ tập hợp cả quân đội chỉ để lại quanh Scilla những người cần thiết.

- Thế chúng ta đi ba người không được à? - Reynier hỏi.

- À nếu vậy, thưa tướng quân - Chàng trai trẻ đáp - Tôi không gánh được trách nhiệm lớn thế. Với năm mươi quân của mình tôi mới đảm bảo an toàn cho ngài được. Nếu ba người tôi chỉ đảm bảo sẽ hy sinh trước ngài mà nếu thế thì tôi chẳng được ích gì cho ngài cả.

Mười lăm phút sau, khi tướng Reynier lên đường, ông thấy năm mươi quân của bá tước Léo súng ống sẵn sàng. Ông liếc mắt vào tất thảy cỗ máy đó.

- Bạn thân mến - ông nói với René - ngài thật chu đáo. Khi về hãy ăn sáng cùng tôi để tôi chia vài chai vang cho người của ngài…

Chỉ nửa giờ sau tất cả mọi người đã vào tư thế xuất phát.

Tomeo biết một con đường khác con đường hôm trước có thể đi ngựa được khoảng chín giờ sáng, họ đã lên đỉnh núi Aspromonte và họ chắc chắn khi lùi pháo đến Maida, họ sẽ thấy ở đó có một con đường đưa lên đỉnh núi rồi từ đỉnh này dễ dàng sang đỉnh khác đến tận đỉnh Aspromonte. Phải có con mắt linh nghiệm như tướng Reynier mới thấy không có cách nào khác đến tận Reggio ngoài con đường mà trung uý trẻ của ông vừa phát hiện.

Mệnh lệnh được ban ra cho một phần quân đội đến cắm trại lên cao, phần kia ở lại ven biển để chống trả các cuộc gây hấn của quân Anh.

Nhưng khi René vừa thấy các kỹ sư và lính pháo binh bắt tay vào việc anh xin phép tướng quân Reynier cho phép vắng mặt mười lăm ngày.

- Nếu đây là chuyện bí mật - Tướng Reynier hỏi - tôi không muốn ép anh nói lý do. Nhưng nếu đó là chuyện có thể nói với bạn bè thì tôi muốn hỏi anh sẽ làm gì.

- Ồ lạy Chúa! - René nói - Đây là một chuyện hết sức bình thường Ngài hãy hình dung trong một buổi ăn tối tại nhà ngài Bộ trưởng Bộ chiến tranh Saliceti, người ta có nhắc đến một tên thủ lĩnh băng cướp có tên là Bizzarro. Họ kể những chuyện kinh khủng về con quỷ này và tiểu thư Lavello, con gái ngài bộ trưởng đã khiến tôi hứa sẽ gửi cái đầu hắn về cho cô ấy. Tôi luôn trăn trở với lời hứa ấy nhưng chỉ đến hôm qua tôi mới có tin về con mồi của mình. Vì đó là một kẻ mưu mô nên tôi xin mười lăm ngày, ngoài ra nếu bắt sống tôi không chắc có đúng mười lăm ngày hay không.

- Trong khi đó tôi có thể làm gì giúp ngài không? - ông Reynier hỏi.

- Thưa tướng quân, thực tình ngài có thể vui lòng cho chuẩn bị một cái hòm thật lịch sự bằng gỗ ô-liu hay gỗ rễ cây cây sồi có khắc số của tiểu thư Lavello để tôi gửi cho cô ấy cái đầu của Bizzarro.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 118
Cuộc săn lùng băng cướp

Kể từ khi René hứa với tiểu thư Lavello sẽ gửi đầu của Bizzarro về, tên này đã chuyển địa điểm từ quanh Cosernra đến tận cuối Calabre.

Ở đó có một cánh rừng tên là Sila mà chỉ bọn cướp và dân bản địa mới biết đường. Bizzarro ẩn náu trong đó và nhanh chóng chứng tỏ sự tàn bạo của mình cả với dân tư sản lẫn những người thuộc tầng lớp dưới. Sự tàn bạo khiến những người này quay ra chống lại hắn dù họ có thói quen hay hỗ trợ bọn cướp.

Không chỉ khiến dân chúng ghét hắn mà hắn còn khiến đồng bọn của mình cũng trở nên đáng bị căm thù để không kẻ nào có ý định tố cáo thủ lĩnh hòng được hưởng khoan hồng vì tên nào cũng phạm những tội tày đình không còn xứng được hưởng ân xá nữa.

Thật ra đã có một tên cướp trẻ tuổi do bị quân đội ép đã giúp họ truy đuổi Bizzarro. Tên này bị chính người của hắn mỗi tên đâm một nhát dao. Với bốn mươi chín vết đâm tên kia vẫn sống nhưng tới nhát thứ năm mươi của Bizzarro thì hắn chết hẳn.

Sau đó tên đồ tể thịt người cho chặt kẻ đồng bọn thành từng mảnh nhỏ số miếng thịt tương ứng với số người trong bọn rồi cho tất cả chỗ ấy vào một nồi lớn, nấu thành súp bắt mỗi tên uống vài thìa và ăn một miếng.

Hắn có hai con chó ngao to khổng lồ. Hắn bỏ chúng đói ba ngày liền rồi thả vào chỗ hai sĩ quan cảnh binh Monteleone trong khi những người này không

quần áo, không vũ khí. Chỉ trong giây lát đã diễn ra cảnh tượng chiến đấu như thời cổ đại mà trong đó người Cơ đốc giáo chống lại loài dã thú.

Ban đầu hai tù nhân cố chạy trốn nhưng nhận thấy không có cơ hội thoát khỏi kẻ thù đang đói cồn cào, họ đành lao vào tấn công trước cố gắng đẩy chân chúng ra và dùng răng chọi răng.

Những trong khi hàm răng ghê người của loài chó cắm vào thịt của hai kẻ bất hạnh thì răng của họ mới chỉ làm đứt lớp lông dày của loài tứ chi mà thôi.

Kết quả là ai cũng phỉ nhổ Bizzarro và thề sẽ cho hắn bị thất bại trong khả năng của mình.

Tomeo không biết tên này. Anh ta chưa bao giờ phục vụ hắn. Anh ta là một trong những người chấp nhận thế giới làm cướp như một chi phí, anh ta thực hiện công việc một cách cung kính, ăn trộm, giết người khi cần nhưng không bao giờ lạm sát vô cớ.

Được René khuyên nhủ và chỉ dẫn, anh ta thấy nhiệm vụ của mình không khó khăn lắm khi bắt Bizzarro miễn là có cơ hội.

Việc đầu tiên là tìm ra chỗ Bizzarro đang ở. Đây là nhiệm vụ của Tomeo, anh ta xin ba ngày để có câu trả lời chắc chắn. Tomeo hy vọng sẽ có tin tức từ một tên cướp nổi tiếng tên là Parafante mà trước đây anh ta từng làm chung trong rừng Sila.

Ngay tối hôm sau Tomeo đã trở về. Anh ta đã biết chỗ của tên thổ phỉ.

Một bà già đang khóc bên gốc cây làm anh ta chú ý. Tomeo đã lại gần hỏi han và được biết đó là bà mẹ của chàng trai mục đồng đã bị bọn cướp giết chết một cách tàn bạo.

Bà già khi biết ý định của Tomeo, thề sẽ trả thù cho con trai nên hẹn anh tối hôm sau quay lại, bà sẽ cung cấp tin tức chính xác về hắn.

Tomeo trở về báo tin ấy cho René. Anh dẫn năm mươi người của mình đi theo Tomeo với sự tin cậy vốn có. Người phụ nữ đã đến chỗ hẹn.

Chỉ riêng Tomeo và René lại gần bà. Bà hướng dẫn chính xác cho Tomeo chỗ Bizzarro phải nghỉ qua đêm hôm sau. Khi thấy chỉ dẫn đầy đủ, cả hai đều cáo lui.

René cùng năm mươi người của mình xác định vị trí. Khi đêm xuống, họ đốt đuốc xục tìm trong rừng song họ chỉ thấy vài con chim hoảng sợ và đám thú hoang.

Tuy nhiên khi tìm được vị trí chúng hạ trại, vì than bếp vẫn còn nóng, thì Tomeo và René đều chắc chắn lời chỉ dẫn là chính xác. Tiếc là quân của René đã bị lộ, một đội ngũ khá đông như vậy dễ làm chúng kinh động.

- Vậy là lại phải bắt đầu lại từ đầu.

Và quả thật họ đã làm lại.

Lần này Bizzarro và tay chân của hắn ở đúng chỗ được chỉ nhưng đám lính canh gác quanh trại đã báo động: đạn vãi ra tới tấp nhưng không có kết quả gì ngoài một tên cướp bị chết. Dẫu sao, tiếng đồn về cuộc săn lùng Bizzarro đã lan ra khắp nơi.

Il Bizzarro từng là vua trên khắp miền của hắn.

Khi tướng quân Reynier bị thất bại trong vịnh Sainte-Éuphénie và bị buộc phải rút vào tận Basilicate, động thái này đã nhường cả miền hạ lưu Calabre cho quân sơn tặc. Thế là Bizzarro cho tổ chức một cuộc diễu vào thành Palmi như một lời ca ngợi chiến thắng của hắn mà người ta còn nhắc cho đến tận ngày nay: Dẫn đầu đoàn một trăm người cưỡi ngựa và theo sau là rất đông lũ trộm cướp đi bộ, hắn được chính quyền cùng giới tăng lữ tiếp đón đến nhà thờ giữa dòng người từ khắp xứ xung quanh kéo đến. Bài thánh ca *Te Deum* vang lên chào mừng sự đại diện hợp pháp của hắn. Buổi lễ kết thúc bằng tiếng hô "Đức vua vạn tuế! Hoàng hậu Marie-Caroline vạn tuế! Bizzarro vạn tuế!". Tiếng hoan hô ba lần ấy khiến vài bộ óc ít người cảm thấy hoan hỉ.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Phần II - Claude Schopp
Phần bản thảo kia tác giả đến đây là hết (30-10-1869)
Claude Schopp đã hoàn thành nốt phần kết luận

Hang núi Tarpéienne ở ngay cạnh Capitole. Một kẻ vốn một thời làm vương làm tướng nay chỉ còn là một tên tội đồ đang lẩn trốn.

Tội ác của băng cướp càng làm tăng thêm hận thù cho dân chúng đám dân quân thề là chỉ hạ vũ khí khi nào Bazzarro bỏ mạng.

René và Tomeo không cần phải đi tìm thông tin vì người dân tự động đến cung cấp. Trong suốt năm, sáu ngày ròng rã, cứ vào những giây phút cuối René lại để tên cướp trốn thoát. Hết sáng này đến sáng khác họ phát hiện ra những chỗ mà bọn chúng vừa cắm trại, những đống tro còn ấm, và đôi khi là xác chết của một kẻ đồng bọn. Chính Il Bizzarro đã hạ thủ đồng bọn của mình khi hắn nghi ngờ kẻ đó phản bội và sau đó hắn ném xác chết cho bầy chó hung dữ của hắn.

Chỉ có điều càng tiến lên, họ nhận thấy rằng vết tích của bọn cướp ngày càng ít. Như một người Anh điêng của đồng cỏ xavan, Tomeo cúi xuống những chỗ vết tích đó, quan sát tỉ mỉ các dấu chân để lại, những phần thức ăn thừa và đưa ra kết luận rằng băng cướp chỉ còn lại ba người trong đó có một đứa trẻ hoặc một phụ nữ. Chắc hẳn, giống như Tomeo đã làm trước hắn, hắn đã tìm cách phân tán băng nhóm.

Cuối cùng, René quyết định cho quân của mình mai phục ở làng Maida, còn anh tiếp tục cùng Tomeo đi lùng sục.

Những người dân trong vùng đều thừa nhận là có nhìn thấy Il Bizzarro trên con đường từ Maida đến Vena. Chắc hẳn băng cướp ít ỏi của hắn đang ẩn náu ở một trong những vô vàn hang động nào đó bên sườn núi. René và Tomeo khi lên đến một bãi đất bằng phẳng dưới đỉnh núi, đã quyết định qua đêm dưới những tảng đá đang được nhuốm màu dưới ánh trăng vằng vặc như trong một bức tranh của Salvador Rosa. Họ sẽ tiếp tục lên đường vào sáng hôm sau. Ngủ được 1, 2 giờ gì đó, René thấy bị lay nhẹ. Anh mở mắt và thấy Tomeo đang ở cạnh anh, lấy bàn tay đặt lên vành tai ra liệu cho anh

chú ý lắng nghe.
Cuối cùng, René cũng nhận ra những tiếng rên rỉ từ xa vọng đến cùng với những tiếng gầm gừ nặng nề.
- Chắc là một con chim hù hay con chim đi ăn đêm nào đó - René thì thào.
- Không, một đứa trẻ.
René nhớ ra mẹ của chàng trai đã bị bọn cướp giết kể rằng cô gái đi cùng Bizzarro vừa mới sinh con.

Anh nhẹ nhàng đứng lên lôi Tomeo đi theo con đường ngoắt ngoéo giữa các tảng đá. Khi tiếng rên rỉ dẫn đường cho họ tắt ngấm thì họ phải xem xét lại kế hoạch của mình. Bởi lẽ khi họ ngỡ là đã tiến được đến cận kề hang ở của bọn cướp thì tiếng rên rỉ lại tiếp tục vang lên chứng tỏ chúng đã rời xa nơi đó. Họ đành quay trở về.

Bỗng nhiên, tiếng rên rỉ lại ngừng hẳn. Buổi sáng hai chàng trai lục tìm các dấu vết xung quanh nhưng vô ích. Họ chẳng tìm thấy dấu hiệu khả quan nào cả.

Tuy vậy, họ vẫn tin rằng băng cướp đã ở đó, trong cái hang đá này. Hai người ở lại nơi heo hút đó sáu đêm, ngày nào cũng ra sức tìm kiếm nhưng chẳng thu được kết quả gì.

Đến đêm thứ bảy sau khi René đã nản chí và quyết định sáng hôm sau trở về làng Maida thì anh bị đánh thức bởi một tiếng nổ chát chúa vọng lại. René và Tomeo vội vã lao đi, cố gắng định vị nơi xảy ra tiếng súng đó. Nhưng những đám mây đen xịt đang vần vũ trên bầu trời đã làm ánh trăng mờ đi. Họ tìm kiếm trong khoảng một tiếng, chân trượt trên những viên sỏi sắc nhọn, đôi khi đu người trên những mỏm đá. Một làn gió ẩm ướt xộc đến khiến hai người toá mồ hôi. Bỗng nhiên, cách họ khoảng hai trăm bước chân, sau một mỏm đá, tiếng nổ thứ hai lại vang lên.
Họ tiến đến chỗ mỏm đá, lánh người vào những khe đá hẹp.

Ngay lúc đó, cơn giông nổ ra. Những ai đã từng chứng kiến giông bão ở vùng miền nam nước Pháp mới thấu được sức mạnh của thiên nhiên ở đây như thế nào. Gió mưa, sấm sét, chớp như muốn xé tan cả bầu trời và vạn vật. René và Tomeo không thể tiếp tục leo lên được nữa. Họ tụt xuống tận đáy vực đá và tìm con đường mòn để leo lên. Sấm chớp, nhằng nhịt trên bầu trời, thác nước đổ từ trên đỉnh núi xuống khiến hai chàng trai buộc phải dừng lại và dập tắt hy vọng tận thấy Bizzarro.

Cuối cùng, họ quyết định trở về Maida dưới màn mưa dày đặc như ngấm vào xương tuỷ. Những đám mây do gió đưa đến mang theo những hơi thở nóng hổi. Mưa mỗi lúc một dữ dội hơn, con đường họ đi giờ đây ngập đến tận đầu gối. Gần sáng, họ nghe thấy la hét và ánh sáng. Thì ra những người ở Maida vì quá lo lắng nên đang đi tìm họ.

Họ đi vào quán trọ duy nhất trong làng. Đó là một ngôi nhà lụp xụp dường như cũng đang run rẩy trong gió. Chớp len vào qua những lỗ thủng trên tường. Họ nhóm lò và nướng một con gà.

Người chủ quán trọ sấy khô những chiếc khăn lau cho René và Tomeo. Bàn ăn được trải bằng một tấm vải trắng, trên đó là hai đã thức ăn bị mẻ lỗ chỗ. Khi người đã ấm trở lại, René vừa ngồi sang bàn ăn thì Tomeo gác ở cửa quán trọ đến báo với anh rằng có một phụ nữ muốn đến gặp anh về chuyện Bizzarro.
- Cho chị ta vào - René nói.
- Người đàn bà đi vào. Mái tóc đen dài, quần áo của chị ta đều ướt sũng. Chị ta cầm trên tay một chiếc túi vải, thắt bốn góc.
- Chị mang đến cho tôi nhưng tin tức của Bizzarro? - René hỏi.
- Tôi mang đến cho ông hơn cả điều đó - Chị ta trả lời với giọng trầm xuống.

Nói rồi, chị ta đặt chiếc túi xuống đất, tháo nút luồn tay vào trong và lôi ra một thứ những trong bóng tối lập lòe khiến René vẫn chưa rõ là cái gì. Chị ta tiến đến sát René tay túm mái tóc trên chiếc đầu lâu còn nguyên máu me và đặt chiếc đầu lâu lên bàn ăn, bên cạnh đĩa thức ăn của anh.
Giây phút rùng mình thoáng qua nhanh. René đứng vụt dậy.
- Cái đầu này trị giá hàng ngàn ducat - Người đàn bà nói - trả tiền cho tôi đi.
René tiến hai bước về chỗ lò sưởi nơi bộ quân phục của anh đang hong khô trên thành ghế rồi lôi ra bọc tiền vàng. Anh đặt chỗ vàng đó lên mặt bàn, bên cạnh chiếc đầu lâu.
Người đàn bà đếm từng đồng rồi lần lượt cho vào túi tạp dề.
Đếm tiền xong, chị ta đi ra cửa. René chặn chị ta lại.
- Chị đang lạnh và đang kiệt sức. Chắc hẳn chị đang đói?
- Rất đói! - Chị ta trả lời.
- Vậy hãy ngồi xuống cạnh lò sưởi đi.
Anh ra lệnh cho chủ quán mang đến cho anh phần còn lại ít ỏi của con gà rồi ngồi xuống cạnh người đàn bà. Chị ta lao vào đĩa thịt gà và ăn ngấu nghiến, chỉ một loáng đã trơ lại đống xương.
- Tại sao chị lại giết hắn? - René hỏi.
Người đàn bà chẳng nức nở lấy một tiếng, hai mắt chị ta nhìn trâng trâng

vào ngọn lửa và chị ta kể về cái chết của tên cướp với giọng đều đều.

Khi bị truy đuổi từ mọi phía, Bizzarro tìm đến một cái hang mà chỉ mình hắn biết để trú ẩn. Hắn cũng đã thủ tiêu hai tên đi cùng chỉ giữ lại vợ và con hắn. Quả thực cái hầm đó rất kín đáo. Lối vào rất nhỏ, vòng vèo và rậm rịt, khi đã đi vào trong, đám cây gai, đám rêu lại phủ kín gần như ban đầu.
Tuy nhiên, đứa trẻ lại không chịu đựng được cuộc sống lang thang nay đây mai đó của cha mẹ nó. Nó bị ốm, khi thức cũng khóc khi ngủ cũng khóc
- Kìa, mẹ mày đâu - Tên cướp nói - dỗ con đi chứ. Không biết Chúa sinh ra nó hay quỷ sinh ra nó vậy. Tiếng khóc của nó sẽ mang mạng của tao và mẹ mày nộp cho quân địch thôi.
Người đàn bà vạch vú ra cho con bú nhưng cái vú quắt queo chẳng có lấy một giọt sữa. Đứa bé vập vào bú rồi lại lăn ra khóc và rên rỉ.

Một buổi tối, người đàn bà không tìm được cách nào để đứa bé ngậm mồm lại thêm vào đó là tiếng chó gầm gừ như muốn báo rằng đám người lạ đang ở đâu đây. Bizzarro ngồi bật dậy rồi không nói một lời hắn giằng đứa bé khỏi tay người đàn bà rồi ném mạnh đứa bé vào vách hang khiến đầu đứa bé vỡ toác.
- Lúc đó, tôi chỉ muốn nhảy chồm lên bóp cổ hắn. Tôi đã thề có Madone chứng giám là sẽ trả thù cho đứa bé - Người đàn bà nói.

Người đàn bà không nói gì. Chị ta đứng lên gom xác đứa con lại rồi gói vào chiếc tạp dề và đặt lên đùi. Chị ta run rẩy, hai mắt đỏ vằn và bắt đầu ru đứa bé ngủ cứ như nó vẫn còn sống.

Sáng hôm sau, tên cướp dẫn theo đàn chó đi kiếm thức ăn. Chỉ còn lại một mình, người đàn bà lấy con dao hì hục đào một hố trong hang rồi đặt đứa trẻ vào đó. Sau đó, chị kê chiếc giường lên trên nấm mồ nếu không đàn chó đói không tìm được thức ăn bên ngoài sẽ vào ăn thịt đứa bé.

Trong những đêm không ngủ, người đàn bất hạnh thì thầm trò chuyện với đứa con đang nằm cách chị vài nắm đất.

Mỗi khi thì thầm hứa trả thù cho đứa con xấu số, chị ta lại nhớ đến cha mẹ, nhớ đến cuộc đời trôi nổi khi theo tên giết người, những đau đớn, chịu đựng mà chị chẳng được than phiền với ai những nỗi đau đớn lớn nhất mà chị phải gánh chịu là cái chết thương tâm của đứa con bé bỏng của chị. Chị thầm nghĩ rất có thể một ngày nào đó chị cũng sẽ chết trong bàn tay của tên ác ôn như hắn đã giết con mình.

Đêm hôm đó, khi tên cướp đang say sưa ngủ sau một ngày mệt mỏi đi tìm đồ ăn, người đàn bà như mọi khi vẫn nằm trên nấm mồ của đứa bé thì thầm vài lời như lời hứa hẹn, chị luôn cúi mặt xuống hôn đất rồi đứng lên lặng lẽ đi về chỗ tên cướp đang nằm. Chị ta cúi xuống xem chồng có ngủ thật không. Khi thấy tiếng thở hắt ra đều đều, chị ta đứng lên, nhẹ nhàng nhấc khẩu cạc bin mà tên cướp luôn để bên mình rồi nhằm họng súng vào tai tên cướp đang ngủ và bóp cò không hề do dự.

Bizzarro không kịp kêu lên tiếng nào. Hắn bị nảy người lên rồi lộn úp mặt xuống đất.

Người đàn bà cầm lấy con dao, chặt đầu tên cướp, gói chiếc đầu lâu vào tạp dề vẫn còn vết máu của đứa con, lấy hai khẩu súng ngắn dắt vào thắt lưng và đi ra khỏi hang.

Khi chị đi được khoảng hai trăm bước thì hai con chó đang canh ở ngoài đuổi theo chị, mắt chúng vằn máu, lông xù lên.

Chúng cảm thấy ông chủ của chúng vừa gặp nguy hiểm và người đàn bà này chính là thủ phạm.

Với hai phát súng ngắn, chị đã hạ thủ luôn cả hai thành viên cuối cùng trong toán cướp.

Sau đó, tôi đã chạy về đây chẳng kịp ăn uống gì cả - Người đàn bà nói.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 119
Bàn tay của tiểu thư

(Phần do Claude Schopp bổ sung)

Cùng ngày hôm đó khi bàu trời đã quang đãng, René và đoàn tuỳ tùng rời khỏi ngôi làng.

René đã mua lại của ông chủ quán chỉ một con la. Tomeo chất lên lưng con vật một chiếc giỏ đan bằng cây liễu giỏ trong đó đựng đầu của tên cướp Bizzarro vẫn được gói trong chiếc tạp dề thắt nút bốn góc. Tomeo dẫn con la đi đầu, đoàn người đi sau khoảng một trăm bước chân. Cả đoàn chìm trong không khí sợ hãi, họ như muốn xa lánh những tội ác dã man mà cái đầu này gây ra.

René yêu cầu Tomeo đưa đoàn người đi về hướng Reggio vì nghĩ rằng tướng Reynier đã đến thành phố. Liệu anh có về kịp để tham gia vào việc chiếm lại Reggio nổi mà các băng đảng ủng hộ triều đình Bourbon được người Anh hậu thuẫn đã thảm sát các khu đồn trú lẻ tẻ trong tiếng la hét "Vua Ferdinand muôn năm!".

Chính hoàng đế cũng đã viết cho anh trai mình là Joseph như sau:

"Các người phải chiếm được Reggio và Scilla. Thật là xấu hổ khi để nghị Anh đặt một chân vào vừng đất này. Ta không thể chịu đựng được điều đó. Hãy chuẩn bị cho cuộc chiến".

Còn tướng Reynier cũng muốn chuộc lại lỗi lầm sau thất bại của mình nên cũng vội vã huy động quân lính mở ra một con đường chuyển quân và vây hãm một phần tư tầm đại bác của thành phố. Như vậy, cuộc tấn công đã bắt

đầu.

Tuy vậy khi đi qua những dãy hoành sơn của vừng núi Aspromonte, René phát hiện ra trong vùng Calabre không hề có dấu hiệu nào của sự chuyển quân chứng tỏ sắp có cuộc chiến diễn ra, anh chỉ thấy ở phía trên Reggio một vài cuộn khói hờ hững bốc lên bầu trời xanh ngắt. Vậy chuyện gì đã xảy ra? René đã tự hỏi trong suốt chặng đường đi xuống rất dễ dàng với anh. Nhưng rồi một lính gác trong một đồn ở phía trước đã trả lời cho câu hỏi của anh.

- Ngay từ loạt đại bác đầu tiên, những tên nổi loạn tự xưng là Saint Foi đã lủi như đàn sẻ. Chúng tháo chạy bằng đường thủy và đường bộ để về Sicile.

- Thế còn những người Anh?

- Chúng tôi không nhìn thấy họ. Ngài Stuart và đội quân của ông ta đã biến mất.

Trên các đường phố Reggio, quân lính chất súng thành từng đống. Một số ngồi dưới bóng râm trên vỉa hè, lôi khẩu phần ăn của mình ra, bỏ vào mồm từng miếng nhỏ để được ăn lâu hơn.

Một số khác đã cởi bỏ bộ quân phục, đứng cạnh vòi nước vừa tắm rửa vừa cười đùa như lũ trẻ.

Năm, sáu ngôi nhà sau khi bị bắn phá cũng đã tắt lửa. Để đi tìm tướng Reynier trong một lâu đài cũ như người ta chỉ René cùng đồng đội của mình phải vượt qua những đống đổ nát nghi ngút khói và bước qua những xác chết nham nhở.

Trên quãng đường Castello là một cây đại thụ với những dây nho rủ xuống, một người lính có nhiệm vụ đứng canh ở đây nói:

- Bọn nổi loạn đã cầm vũ khí, chúng thảm sát hầu hết những người bạn của tôi.

Trong lâu đài, các sĩ quan đã kết thúc bữa ăn, một bữa ăn vốn được chuẩn bị cho những kẻ chiếm đóng thành phố trước khi đội quân của tướng Reynier kéo đến và bọn chúng đã tháo chạy, bỏ lại tất cả.

Một người đi báo với tướng Reynier về sự hiện diện của René. Vị tướng này liền đi đến chỗ anh, hai tay giang rộng.

- René yêu quý, anh đến muộn quá! - ông ta vừa ôm René vừa nói.

- Vậy tôi đã không giúp gì được cho ngài?

- Không, tôi đã chiến thắng một cách dễ dàng. Nói thực, dù anh không có mặt nhưng chính anh là người mang lại chiến thắng vì anh đã phát hiện ra con đường giúp đội pháo binh bao vây mà không gặp khó khăn gì.

- Thưa tướng quân, vinh dự chiến thắng là thuộc về ngài - René mỉm cười nói.

- Chẳng lẽ anh nghĩ là tôi cần điều đó để lấp lại những thất bại của tôi sao?

- Nếu được như vậy, tôi rất vui lòng về điều đó.

- Thế còn anh, công việc của anh thuận lợi chứ?

- Tôi đã có cái đầu của Bizzarro mà không hề bị vấy máu của hắn.

- Hãy kể cho tôi nghe về chuyến săn cướp của anh đi.

René đã kể lại cho tướng Reynier nghe về cuộc truy đuổi gian nan và vô ích của anh, đúng đến lúc anh nản chí muốn bỏ dở thì vợ tên cướp đã mang đầu của hắn đến nộp.

- Tôi rất muốn được nhìn thấy đầu của hắn, một kẻ đã từng được làm vua Palmi trong vài giờ và làm rung chuyển dãy Calabres.

René ra hiệu và Tomeo mang chiếc giỏ và tháo tấm tạp dề ra.

- Từ mười lăm nam nay, có biết bao cái đầu đã bị chặt - Reynier thì thầm khi ông quay sang nhìn khuôn mặt kinh tởm của Bizzarro, một kẻ mà không ai nghĩ rằng có thể làm cho hắn nhắm mắt.

- Vâng, lạy Chúa. Có những cái đầu là thân nhân của tôi - René nhắc lại với giọng trầm hẳn xuống! - Trong những năm cô đơn tôi đã suy ngẫm về ý nghĩa những cuộc tàn sát đó, những cuộc tàn sát đã nhấn chìm tôi vào đau khổ.

- Và anh đã rút ra được điều gì?

- Rằng đoạn đầu đài cũng là một trong những phương pháp mà một sức mạnh huyền bí, nhân danh Chúa, nhân danh Đấng cứu thế hay một cái gì đó để chống chọi với những trở ngại mà nhân loại vấp phải trên con đường đi đến tự do.

- Nếu như vậy thì đức ngài Guillotin người đã phát minh ra máy chém cũng không phải là một biến cố vô tình.

- Không ông ta đã xuất hiện rất đúng lúc cũng như tất cả các sự việc tuyệt đối và định mệnh. Ông ta phải lập ra một đội quân cho cách mạng. Thanh kiếm mà ông ta dâng cho cách mạng cũng giống như cú sét của thần Jupiter có 12 vạch vặn xoắn với nhau: ba vạch dành cho căm hận, ba vạch dành cho trả thù, ba vạch dành cho nước mắt và ba vạch còn lại dành cho máu đổ. Cũng như Saint-Just đã nói: "*Trong cách mạng, kẻ nào không thẳng tay, kẻ đó tự đào hố chôn mình và chôn cả tự do"*. Chúng ta đang sống trong thời kỳ rối ren, nhiều biến cố nên chúng ta phải vượt qua những cái nhỏ bé.

- Chính vì vậy, René yêu quý, chúng ta phải quên đi rằng tên tướng cướp này cũng là một con người bởi những hành động của hắn khiến hắn chỉ được xếp vào cùng thứ hạng với những loài thú dữ khát máu mà anh đã từng chiến đấu ở vương quốc Miến Điện.

- Trong khi anh truy đuổi hắn, tôi đã thực hiện những điều tôi đã hứa.

Rồi vị tướng quay sang một sĩ quan tuỳ tùng.

- Hãy đi tìm Jean cho tôi và bảo anh ta mang đến cho tôi những cái mà anh ta đã làm.

Một lát sau, một người lính bước vào. Qua dáng vẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, người ta có thể đoán đây là một người thợ thủ công Paris.

- Jean, hãy chỉ cho ngài đây kiệt tác mà anh đã làm để cho ông ấy.

Người lính đặt trước mặt René một chiếc hộp to bằng gỗ ô-liu gắn một chữ số bằng vàng. Chiếc hộp được bào nhẵn bóng và trông khá xinh đẹp. Người thợ mở nắp hộp, bên trong được lót bằng lớp vải nhung đỏ.

- Đây là chiếc hòm mà tôi đã cho đóng để đặt đầu lâu của Bizzarro vào đó. Chúng tôi sẽ nhờ bác sĩ phẫu thuật chuẩn bị kỹ càng trước khi anh ra đi. René, tôi cho anh nghỉ ngơi ít ngày, hay nói đúng hơn là tôi giao cho anh nhiệm vụ đi đến Naples để thông báo cho vua Joseph biết tin là chúng ta đã chiếm được Reggio.

Sáng hôm sau, khi trời vừa sáng tỏ, René trên lưng một con ngựa tốt nhất của vi tướng còn Tomeo trên lưng con la mà anh ta rất yêu quý và đặt tên nó là Regina rời khỏi lâu đài thẳng tiến về Naples. Từ Maida, trở đi họ đi lại con đường mà họ đã đến. Lộ trình của họ vẫn lặp lại như cũ, vẫn người dẫn đường cũ, vẫn những kẻ với vẻ mặt dữ dằn bất ngờ nhảy ra tấn công rồi lại nhanh chóng phải rút lui, mỗi buổi tối, để chắc chắn hơn Tomeo lại ngủ trước cửa để canh phòng.

Sáu ngày sau, từ sáng sớm họ đã tiến đến gần Naples, tiếng ồn ào của thành phố mỗi lúc càng rõ hơn. Quân của Napoléon không làm hại đến dân chúng nên cuộc sống ở đây vẫn điền ra náo nhiệt như thường. Tiếng chuông nhà thờ ngân nga khắp nơi, tiếng lục lạc và tiếng vó ngựa lọc cọc trên đường, tiếng phụ nữ, tiếng trẻ em nô đùa, ca hát. Tất cả đều vang lên như những bản nhạc mãi không thôi. Trên cầu Madeleine, khoảng chục đứa trẻ tò mò nhìn

những túi hàng mà Tomeo chất trên lưng con la. Thỉnh thoảng anh lại dùng roi quất vào mông nó.

René đi đến khách sạn La Victoria và được ông chủ Martin Zir đón tiếp nồng nhiệt. Anh được ông chủ xếp vào những du khách hào hiệp. Khi vừa tắm rửa xong, anh đã nhận được hồi âm của bức thư mà anh gửi cho Saliceti yêu cầu anh đến yết kiến nhà vua ngay lập tức. Mặc dù còn sáng sớm, René đã được nhà vua chờ đón.

Anh có mặt ngay sau đó và được Saliceti đưa vào. Nhà vua đến trước mặt anh và nói:

- Không giống như em trai ta, ta lại chỉ yêu cầu mọi người đánh thức ta khi có tin mừng. Ta tin rằng tin tức mà anh mang đến cho ta không phải là tin xấu…

- Thưa bệ hạ, Reggio đã về tay chúng ta mà không phải quá nhọc công. Chỉ vài đợt đạn pháo đã khiến kẻ thù tháo chạy.

- Theo những gì mà tướng Raynier kể lại thì chính anh đã mở đường để đưa đội pháo binh vào trước Reggio.

- Nếu như tướng quân đã nói như vậy… Nhưng tôi không có mặt lúc chiếm thành phố.

- Ta biết, ông ấy cũng có nói với ta là anh phải đi săn đuổi tên cướp lấy danh nghĩa là người của triều đình Bourbon đã hoành hành trong vùng Calabre.

- Ở Calabre, hắn chỉ là một trong số những tên cướp thôi, thưa ngài!

- Bây giờ, - Joseph vẫn tiếp tục - cần phải nghĩ đến việc chiếm Sicile, đổ bộ 7 hoặc 8 ngàn quân để chiếm Le Phare. Như vậy cần phải điều quân từ Reggio.

- Đúng vậy, thưa ngài, nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục trang bị tàu bè cho Naples để có thể chống chọi với số lượng quân đông nhất ở Sicile.

- Anh có lý trong bối cảnh hiện nay ở châu Âu, chúng ta không được thiếu quân. Hoàng đế có thể gửi quân cho tôi bất cứ bao nhiêu mà tôi yêu cầu. Đây là thư ngài đã viết cho tôi.

Nhà vua trao cho René một lá thư khẩn, bên dưới là chữ ký vội vàng của Napoléon:

"Ở Naples, anh luôn luôn phải ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng tiếp nhận các đội quân và tiên thẳng đến Mortella để chiếm Phare. Mặt khác, anh phải giữ tuyệt mật dự định này bởi tên dò la có thể đi từ Naples về Sicile chẳng một bao lâu thời gian và nếu bị lộ thiệt hại của chúng ta là vô cùng lớn. Chỉ có anh và Saliceti, một sĩ quan hải quân được biết chuyện này, ngay cả viên sĩ quan mà anh gặp ở Otrante và Brindisi cũng không được biết gì cả. Anh hãy gửi cho anh ta một lá thư niêm phong cẩn thận và cho phép anh ta chỉ được mở sau khi anh ta biệt được điều kỳ diệu ở Otrante".

- Tôi nghĩ việc cho anh biết bí mật này là không vô ích…

Sau khi từ biệt nhà vua, viên bộ trưởng bộ quân cảnh đưa anh ra tận cầu thang danh dự.

- Anh bạn René, đức vua muốn nhờ tôi mời anh ở lại dự bữa trưa. Tiểu thư, con gái tôi sẽ không tha thứ cho tôi nếu như tôi không thể để cho nó được nghe kể về cái chết của Bizzarro.

Ba giờ sau, René bước vào phòng khách của dinh bộ Chiến tranh. Tiểu thư Lavello, cùng với cha nàng, viên thư ký đang chờ anh. Nhìn thấy René từ xa, tiểu thư đã sung sướng reo lên:

- A, vì khách đây rồi. Chúng tôi đang nóng lòng chờ ngài.

- Tôi có thể gọi ngài là bá tước Léo được chăng?

René đặt chiếc hòm bằng gỗ ô-liu xuống dưới chân.

- Quý cô có thể mãi mãi coi tôi như vậy. Tôi đã không mất tước hiệu đó: Tôi đã có đầu của Bizzarro.

- Bá tước Léo, đây là tay tôi, như đã hứa.

René cung kính đặt môi hôn lên bàn tay nhỏ nhắn quý phái của nữ bá tước. Hai má cô gái bỗng đỏ lên ngượng ngùng. Và rồi như để che giấu cảm xúc, cô gái ngồi xuống bên chiếc hòm và mở nắp.

Tiểu thư thét lên một tiếng rồi ngất lịm đi.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Chương 1

Phó vương Eugène – Napoléon

Ba chương sau đây, theo Dumas, sẽ là phần mở đầu của một phần khác của tiểu thuyết nhưng còn dang dở.

- Chúng ta cũng biết rằng chiếu theo hiệp ước Campoformio, toàn bộ phần lãnh thổ của công quốc Venice trước đây là thuộc về áo phần lãnh thổ thuộc Adige trước đây sẽ nhập vào công quốc Cisalpine.

Công quốc Usalpine sau này trở thành vương quốc Italie.

Năm 1805, công quốc này được nhập thêm phần lãnh thổ của Venice mà theo hiệp ước Campoformio người ta sẽ nhương lại cho Áo.

Eugène de Beauhamais, con riêng của Joséphine được Napoléon ban cho tước hiệu phó vương công quốc Venice, công quốc này được chia thành tám phủ mỗi phủ đều có thủ phủ.

Venice là thủ phủ của vùng biển Adriatique, Padoue là thủ phủ của Brenta, Vicence là thủ phủ của Bacchiglione, Trévice là thủ phủ của Tagliamento, Cao là d Istria là thủ phủ của Istrie, Udine là thủ phủ của Passenano.

Udine là một thành phố nhỏ bé duyên dáng nằm ở giữa vùng đồng bằng màu mỡ, bên bờ biển Roja. Thành phố này được phân thành hai vùng: nội thị và ngoại thị và hai vùng này được phân cách với nhau bởi các thành lũy và công sự. Cũng chính nơi đây Phó vương của Italie chọn làm nơi đóng đô.

Người đứng đầu triều là vị phó vương trẻ tuổi, 28 tuổi, vui vẻ, ồn ào nhưng đầy vẻ oai hùng. Bên dưới phó vương là những hiệp sĩ dũng cảm, mạo hiểm những cũng rất vô cùng nhã nhặn và tuấn tú những quý phu nhân mỹ miều, giàu xúc cảm thường hát cùng cây đàn dương cầm những bíu hát lãng mạn của hoàng hậu Holtense, của Jadin cha và của quý ông Alvimar.

Các buổi sáng, triều đình thường đi dạo trong thành phố, hoặc đi săn hay đi câu ở phà Marano.

Bao trùm lên cả công quốc là một cuộc sống yên bình, êm ả và no đủ. Người ta phải làm gì nữa ngoài việc vui chơi?

Nhưng rồi từ một buổi sáng khi cả triều đình đi câu trong các đầm phà, mọi sự đã đảo lộn. Đó là ngày 8 tháng Tư năm 1809.

Lúc đó là 9 giờ sáng, một cỗ xe phủ đáy bụi với ba con ngựa kéo phi nhanh lên dốc trên con đường dân tới lâu đài Udine.

Lâu đài Udine trước kia vốn là nơi ở của một giáo trưởng của người đứng đầu thành Venice, nay trở thành nơi ngự của vị phó vương.

Chiếc xe dừng lại trên quảng trường Marché. Một mái đầu trẻ trung của một sĩ quan thò ra ngoài cửa xe, ngắm nhìn cây cột Campoformio đã được dựng lên sau hiệp định mang tên nó, trên đó người ta khắc ngày ký hiệp định và lời ca tụng sự vĩ đại, hào hiệp của vị Tổng tài thứ nhất, người đã từ chối Venice trở thành một phần của lãnh thổ của mình. Cỗ xe lại tiếp tục lên

đường và như chúng ta cũng thấy nó lại tiếp tục bò lên con đường dốc dẫn tới lâu đài.

Vừa đến cổng lâu đài, lính gác ra chặn xe lại.

- Người đưa thư của hoàng đế - Hai giọng đồng thanh vang lên.

Một trong hai giọng đó là của chàng sĩ quan trẻ đang ngồi bên trong xe. Một giọng là của người đầy tớ ngồi trên ghế đánh xe ngựa.

- Xin cho gặp sĩ quan thư tín! - Chàng sĩ quan trẻ nói.

Một đại tá già càu quạu đi ra. Đó là một cựu chiến binh trong cuộc chiến ở Italie.

- Thế đây lại một anh chàng ria mép trẻ tuổi nữa đấy! - ông già nhìn thấy chàng sĩ quan trẻ và nói.

Chàng sĩ quan cũng nghe thấy lời ca cẩm mà người lính già vừa thốt ra, anh cười mà nói:

- Cụ ơi không phải tất cả những người có ria mép đều có vinh hạnh được nhìn thấy những lưỡi kiếm Thổ Nhĩ Kỳ sáng lên ở Pyramides và những ánh lửa của những khẩu đại bác ở Marengo đâu.

Người lính già đỏ mặt bởi ông biết ông vừa xúc phạm một cấp trên. Đó là một sĩ quan mặc quân phục và những huy hiệu của một đội trưởng đội kỵ binh săn bắt cướp.

- Xin ngài thứ lỗi - Người lính già phân bua - Ngài thấy đấy hoặc ngài không có diễm phúc được thấy, ở đây những người phải ở lại hậu phương thường kêu ca là thừa thãi chân tay, nhưng dẫu sao khi người có cái này - ông vừa nói vừa chỉ vào cây thập tự trên ngực - khi người ta có cái này thì người ta chẳng phàn nàn điều gì cả.

- Cụ có lý lắm. Cụ thấy đấy - Chàng trai vừa nói vừa chỉ vào tấm ngực trần của mình - về điểm này, tôi chẳng được hạnh phúc như cụ. Nhưng chúng ta đang để mất thời gian quý giá một cách vô ích. Tôi cần được gặp phó vương ngay. Tôi là người mang tin khẩn từ chỗ hoàng đế.

- Cần ư? - Người lính già nhắc lại - Thế đấy, chàng trai trẻ này chỉ biết ra lệnh và đòi người khác phải tuân theo. Vậy nếu phó vương không ở Udine, nếu phó vương đi câu, đi vui đùa ở đầm phà thì việc anh "cần" sẽ ra sao đây?

- Ngài không ở Udine sao? Vậy ngài ở đâu? Dù ngài có ở đâu tôi cũng phải tới gặp ngài. Tôi đã hứa với hoàng đế là sẽ phải gặp phó vương dù ngài có ở đâu vào ngày 8 tháng Tư trước giờ trưa.

- Trong đất nước của tôi, thưa vị chỉ huy. Họ vui vẻ hơn cả những cáp tình nhân. Tôi không biết liệu anh đã yêu chưa nhưng tôi biết anh đang hạnh phúc. Này, anh hãy nhìn kia kia, trên con đường Palmanova, cách đây nửa dặm, đám bụi mà anh nhìn thấy, đó chính là đám bụi của đoàn xe triều đình.

- Vậy thì… - Chàng trai vừa nhảy lên xe vừa nói - chuyến đi của tòi cũng sắp hoàn thành. Tomeo, khởi hành thôi.

Cùng lúc, một cỗ xe kéo tức tốc chạy đến vòng quanh cỗ xe đang định khởi hành. Một sĩ quan của triều đình, nhân danh phó vương người đang trở về, mời ngài đội trưởng đội săn bắt cướp vào lâu đài. Chàng trai chìa bàn tay về phía người lính già, bắt tay ông thân thiện và nói:

- Cám ơn cụ. Tôi sẽ không quên những sự thật mà cụ đã nói cho tôi biết. Nếu như cụ có cơ hội được đeo trên vai cụ một dây vai nữa tôi sẽ xin được là người cài dây cho cụ.

Người lính già nhìn anh đi vào trong, rồi lắc đầu thì thầm:

- Đúng là kẻ lẻo mép! Chắc anh ta định hứa sẽ bảo vệ cho ta đây.

Rồi ông ta nhún vai đi vào trong đội bảo vệ.

Người ta đưa viên đội trưởng đội săn bắt cướp đến một phòng trong lâu đài

và hỏi anh xem anh cần gì.

- Nước và người hầu của tôi - Anh đáp.

Tomeo là tên mà người hành khách đã đặt cho người hầu Italie ngồi trên ghế đánh xe ngựa. Anh ta lôi ra một thùng đựng đồ bằng bạc được trang trí rất cầu kỳ và lấy quần áo đặt vào trong phòng tắm cho ông chủ. Sau cùng, anh ta lấy ra chiếc mũ có chùm lông được gắn trên những viên ngọc trai và kim cương và đưa mắt nhìn ông chủ như muốn hỏi ý kiến.

Chàng sĩ quan trẻ gật đầu đồng ý.

- Đúng rồi!

Mười phút sau, chàng sĩ quan đã thay đổi hoàn toàn, tóc tai, quần áo đã tươm tất đúng với một sĩ quan tuỳ tùng.

Anh vừa tỉa xong bộ ria của mình thì cũng là lúc đoàn xe đi vào sân của lâu đài.

Phó vương vừa về đến lâu đài thì người ta cũng đến báo với vị khách trẻ rằng ngài sẵn sàng tiếp đón anh.

Anh liền lấy bức thư khẩn của hoàng đế đặt trong chiếc mũ rồi vội vã theo viên sĩ quan tuỳ tùng.

Eugène de Beauhamais mà chúng ta đã gặp 14 năm trước khi ngài học đấu kiếm ở Strasbourg cùng với Augereau bây giờ đã là một phó vương khoảng 28, 29 tuổi.

Hai chàng trai trẻ chỉ trạc tuổi nhau.

Trước hết, họ nhìn nhau với vẻ ngưỡng mộ mà nam giới thường dành cho nhau, nhưng rồi Eugène liền nhận ra ngay trong vẻ tuấn tú của chàng trai này có những vẻ cứng rắn, nghiêm nghị ẩn chứa một điều gì đó rất hệ trọng đang đè nặng.

Eugène chào vị khách lạ với vẻ kính trọng và vị khách lạ cũng tiến lên nghiêng người dâng lá thư khẩn lên cho phó vương và nói:

- Thư của hoàng đế nước Pháp gửi phó vương Italie.

- Hãy đưa cho ta - Eugène nói. Ông đưa lá thư lên môi rồi xé ra xem.

- Paris? - Eugène thốt lên - Hoàng đế không ở Paris! Hoàng đế đang ở Valladolid!

- Xin ngài hãy đọc thư! - Viên sĩ quan sốt sắng.

Phó vương tiếp tục đọc lá thư và ông ta đi từ ngạc nhiên sang nghi ngờ.

- Không thể thế được - ông ta thì thầm - không thể thế được! Hoàng đế không thể biết được những gì đang xảy ra ở đây hơn ta được.

Rồi quay sang người đưa thư, phó vương nói:

- Hoàng đế có cho ông biết tin mà ngài đã báo cho tôi không?

- Có thưa ngài. Tôi được lệnh từ hoàng đế nhắc ông chuẩn bị phòng bị và thông báo cho ngài biết là từ nay cho đến 3, 4 ngày nữa các ngài ở đây sẽ bị quận công Jean tấn công.

- Làm sao có điều đó được! Một cuộc tấn công không cần tuyên chiến. Tôi không thể không được báo trước. Ông ta và quân Áo của ông ta không thể rớt từ trên trời xuống được.

- Đúng vậy, nhưng họ sẽ tấn công qua đường Tolmezzo và Fella Torte. Chỉ cần hai ngày họ sẽ kéo đến tiền đồn của ngài. Hoàng đế cũng cho tôi biết

rằng từ Valladolid ngài sẽ ra lệnh cho vua Murat một sư đoàn, khoảng mùng 8 hoặc mùng 9 sẽ có mặt ở Udine theo sự chỉ huy của tướng Lamarque.

Phó tướng rung chuông, một sĩ quan tuỳ tùng xuất hiện.

- Hãy cho gọi tướng Sahuc đến ngay!

Viên tuỳ tùng tuân lệnh rồi đi ra.

Cuộc trò chuyện giữa hai người lại tiếp tục xoay quanh những thông tin mà người đưa tin mang lại.

- Hoàng đế không nhắn gởi đôi lời gì cho tôi sao?

- Hoàng đế khuyên ngài nên đặc biệt chú ý giám sát trên tất cả các con đường. Nếu như các đội quân của ngài tập trung được và nếu được đặt ở vị trí hiểm trở, thì ngài có thể giao chiến. Ngài nên hiểu được tầm quan trọng của cuộc chiến đầu tiên này. Nếu như thắng lợi sẽ là nguồn cổ động cho toàn quân đội, còn nếu thất bại… chúng ta không thể nói được hậu quả của nó nếu như thất bại.

Eugène lấy khăn mùi xoa lau mồ hôi đang vã ra trên trán, vẻ mặt ông tái đi rõ rệt:

- Và sẽ thất bại nếu như quân đội của tôi phân bố rải rác; nếu như quân đội của tôi không ở vị trí hiểm yếu.

- Chính vì vậy, thưa ngài, ý kiến của hoàng đế là ngài nên rút về sau Tagliamento và chọn một phòng tuyến ở đó.

- Nhưng bắt đầu chiến dịch bằng một cuộc chạy trốn…

- Ban đầu, phòng ngự không phải là chạy trốn. Chiến thuật của những vị tướng vĩ đại nhất của thời kỳ cổ đại hay chiến thuật của nhưng vị tướng thời nay đều dựa trên sự phòng ngự. Hãy phòng ngự trong tám ngày. Các ngài hãy dừng lại. Hãy giao chiến.

- Hãy chiến thắng. Và ngài sẽ nhanh chóng lấy lại đất đai trong tám ngày

này.

Người ta thông báo tướng Sahuc có mặt.

- Hãy cho ông ấy vào! - Phó vương vồn vã.

- Tướng quân, - Eugène cắt ngang khi ông này đang làm các thủ tục chào hỏi - ông có mang theo các đội quân chứ?

- Chắc chắn rồi, thưa ngài.

- Từ phía nào?

- Từ mọi phía.

- Hãy tăng cường lên gấp đôi. Mỗi vị trí đóng quân đều cử những người biết nói tiếng Italie để họ có thể hỏi chuyện được người dân địa phương. Hoàng đế đã báo cho tôi biết - tôi chỉ nói cho mình ông biết điều này thôi đó - hoàng đế báo cho tôi biết chúng ta sắp bị tấn công.

- Thưa phó vương, khi tôi đi đến đây để gặp ngài, tôi cũng bắt gặp một đạo quân khác đến từ Venice, tôi thấy họ mang lá cờ ba màu nên tôi nghĩ đó là quân Pháp.

- Đó là tướng Lamarque và sư đoàn của ông ấy - Vị phó tướng thì thầm với Sahuc.

- Nhưng kẻ nào sẽ tấn công chúng ta?

- Áo!

- Không tuyên chiến sao?

- Thế mới lạ chứ… Tuy nhiên, tướng quân này, hoàng đế có nói với tôi chiến sự có thể bắt đầu từ ngày 13 đến ngày 15. Đừng chần chừ nữa. Hãy huy động hết số quân của ông và hãy đến đơn vị tham mưu của các khu đồn trú.

- Tôi xin đi, thưa phó vương.

- Vậy ông hãy đi luôn cho.

Khi tướng Sahuc vừa ra khỏi thì người đầu bếp bước vào và mời phó tướng dùng bữa:

- Mời ông dùng bữa với chúng tôi - Eugène nói với René.

- Hoàng đế đã ra lệnh cho tôi phải phục tùng ngài! - Chàng trai nói và nghiêng mình kính cẩn rồi đi theo phó vương

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương 2
Bữa ăn trưa

Hai cánh cửa rộng mở, phó vương đưa René vào trong một căn phòng nơi tề tựu đầy đủ cả triều đình.

- Chúng ta đã được miêu tả về tổ chức của triều đình này.

Chàng sĩ quan trẻ sững sờ. Chưa bao giờ chàng gặp những người phụ nữ xinh đẹp hơn thế và những hiệp sĩ lịch thiệp hơn thế.

- Thưa các quý bà, quý ông - Phó vương nói - tôi xin giới thiệu với các quý vị ngài đội trưởng Đội săn bắt cướp René, người đã được Hoàng đế và bộ Chiến tranh cờ mang tin đến cho tôi. Thưa các quỷ ông đây sẽ là một đối thủ của các vị. Còn thưa các quý bà, đây sẽ là người phục vụ mới của các bà. Ông René, tôi cho phép ông được đưa tay cho hoàng hậu. Hoàng hậu, hãy để hiệp sĩ ngồi cạnh.

Cánh cửa phòng ăn vừa được mở ra.

Trong giây lát, mọi người mải mê đi tìm chỗ ngồi cho mình, những chiếc ghế được thiết kế sao cho các vị khách không làm phiền đến nhau. Khi các thực khác đã ổn định chỗ ngồi thì mời chú ý đều đổ dồn về phía René.

Khi anh mới bước vào, họ nhận thấy anh là một người đẹp trai và lịch lãm. Nhưng khi nhìn cách anh đưa tay cho hoàng hậu, cách anh lấy ghế, cách anh chào và ngồi xuống, thì họ đều cho rằng anh là con người thuộc dòng dõi cao quý.

Phó vương nói:

- Ông René, tôi nhận thấy các quý bà đây đang khao khát được biết ông. Ông từ đâu đến, và công việc của ông ra sao? Vậy ông có thể kể cho các quý bà đây một chút, được không?

- Thưa phó vương, quả thực ngài làm tôi bối rối khi được vinh dự tiếp chuyện các quý vị đây. Cuộc đời tôi chỉ là cuộc đời của một kẻ tù đày, một thủy thủ, một kẻ nay đây mai đó, một kẻ chuyên đi săn bắt cướp. Có lẽ chẳng có gì đáng nói về cuộc đời tôi cả.

- Thế đấy, quý ông thì thấy rằng cuộc đời của quý ông không có gì đáng nói nhưng tôi lại thấy tất cả đều rất lý thú - Phó vương nói.

- Kìa hoàng hậu, nàng hãy hỏi anh ta điều gì đi chứ! - Phó vương nói với vợ.

- Ông đã từng ngồi tù? - Hoàng hậu hỏi René.

- Vâng, trong 3 năm, thưa hoàng hậu.

- Ở đâu vậy?

- Ở Temple.

- Vậy ông là tù nhân của chính phủ?

- Vâng, tôi đã có vinh dự đó - René vừa cười vừa nói.

- Ở Temple, ông chờ đợi điều gì?

- Hoặc là họ chặt đầu tôi hoặc là họ bắn tôi.

- Ồ? Ai vậy?

- Hoàng đế Napoléon.

- Nhưng bây giờ, ông vẫn được ở đây…

- Đó là vì Ngài thấy tôi không xứng đáng được chặt đầu hay được xử bắn.

- Và Ngài đã gia ân cho ông?

- Vâng.

- Với điều kiện là gì? - Eugène hỏi.

- Là tôi phải chết trong tay kẻ thù.

- Và ông đã không thực hiện điều hiện đó.

- Đó không phải là lỗi của tôi - René nói và mỉm cười đầy cay đắng - Tôi đã làm những gì có thể để thực hiện được điều kiện đó, tôi xin thề danh dự.

- Nhưng tôi hy vọng rằng giữa ông và hoàng đế đã có sự dàn hoà.

- Ồ! Chúng tôi đã từng thương lượng - Chàng sĩ quan trẻ mỉm cười - nhưng nếu như khi phục vụ đức ngài, tôi bị thương thì tôi tin điều đó tốt hơn cho công việc của tôi.

Các quý bà bắt đầu nhìn René với một cái nhìn đầy ngạc nhiên còn các quý ông cũng không hiểu nhiều ẩn ý của câu nói đó.

- Vậy ông tham chiến với tư cách là một người lính?

- Không, thưa bà, chỉ là một tên cướp biển.

- Dưới lệnh của ai? - Phó vương hỏi.

- Dưới lệnh của thuyền trưởng Surcouf, thưa phó vương.

- Các ông đã chặn được con tàu nào khá không?

- Thưa tàu *Standard*.

Xung quanh phó vương lúc này là các sĩ quan đủ mọi cấp bậc, đủ mọi binh chủng.

- Sao? Ông từng là một trong những tên cướp biển khét tiếng đó sao?

- Vâng, cướp biển, thưa ngài - René trả lời và ngẩng cao đầu.

- Xin lỗi ông - Vị sĩ quan hải quân nói - Có phải ông chính là một trong những tên cướp biển trên một con tàu *Slúp* có 12 khẩu đại bác và 18 thủy thủ nhưng đã chiếm được con tàu *Standard* có 42 đại bác và hơn 400 thủy thủ không?

- Vâng, thưa ngài. Và khi đó thuyền trưởng Surcouf đã khuyên tôi nên chiếm hoặc mua một con tàu nhỏ để làm vốn cho riêng mình.

- Nếu như những gì tôi được nghe kể về lòng dũng cảm của ông thì tôi nghĩ có lẽ ông chiếm nhà còn dễ hơn mua?

- Thưa ngài, với tôi hai việc đó đều dễ như nhau mặc dù việc mua nhà có thể làm cho nguồn vốn của tôi bị cạn kiệt. Tôi có hơn 500 ngàn phăng tiền chiếm lợi phẩm nhưng tôi đã phân phát cho các bạn bè của tôi. Lần này, tôi có một dự định: Tôi sẽ mua một con tàu nhỏ của Mỹ và đi đến Ấn Độ, tôi rất muốn đi săn hổ báo, đó là một niềm đam mê của tôi. Và tôi đã mua được tàu, đó chính là con tàu của một viên thuyền trưởng và tôi đi đến vương quốc Miến Điện.

- Và ông đã săn hổ chứ - Một sĩ quan hỏi.

- Vâng, thưa ông.

- Ông đã hạ được chúng chứ?

- Khoảng 12 con.

- Nhưng ông đã không gặp nguy hiểm nào sao? - Hoàng hậu hỏi.

- Ồ thưa bà, việc săn hổ chỉ nguy hiểm khi con hổ bị thương bởi phát đạn thứ nhất và nó quay lại tấn công.

- Và sao nữa? - Phó vương tiếp tục.

- Thưa ngài nếu tôi nói ra, có lẽ ngài sẽ cho tôi là một kẻ khoác lác nhưng…

- Nhưng sao? - Phó vương vẫn tiếp tục hỏi.

- Tôi đã tìm thấy một biện pháp rất đơn giản: tôi không để chúng bị thương từ phát đạn đầu mà tôi giết chúng luôn.

- Ông thường bắn vào đâu?

- Vào một trong hai mắt của chúng.

Chẳng lẽ ông bắn chính xác như Astor sao? - Một thực khách cười và hỏi với vẻ nghi ngờ.

- Không, nhưng tôi lại có những vũ khí tuyệt vời mà Lepage chỉ làm cho riêng tôi.

- Xin lỗi vì câu hỏi thất thố của tôi - Người vừa hỏi lên tiếng - Nhưng ông có thường xuyên chiến đấu tay đôi không?

- Thưa ông, hai lần. Lần đầu tiên, tôi dùng dao chiến đấu với một con cá mập dài tới 50 bộ. Cuối cùng, tôi đã mổ được bụng nó.

- Vậy lần hai?

- Chiến đấu với một con trăn đang quấn chặt hai con voi của tôi.

- Chắc hẳn đó là con trăn? - Vị sĩ quan hỏi.

- Tôi cũng không biết chính xác tên nó là gì nhưng tôi biết nó dài tới 52 bộ.

Nhận thấy tất cả mọi người đều há hốc mồm kinh ngạc pha lẫn nghi ngờ kể cả các quý bà, René nói:

- Thưa phó vương, xin ngài hãy cho ngừng những câu hỏi như vậy hoặc ra lệnh cho tôi được nói dối. Ở Ấn Độ có những điều rất khác với chúng ta nên chúng ta khó mà tin được những sự kiện mà chúng ta không được chứng kiến tận mắt.

- Nhưng tôi lại thấy những lời ông kể rất hấp dẫn. Ông cứ kể nữa đi - Hoàng hậu giục giã.

- Kể tiếp đi! - Phó vương cũng nói.

- Đúng đấy! Đúng đấy! - Các quý bà thốt lên ầm ĩ, họ vốn là những người rất thích nghe những điều gì mà họ cho là không thể.

René tiếp tục kể nhưng anh tránh những câu hỏi khiến anh thấy khó chịu. Anh kể về lần trở về Pháp, cuộc chiến của anh với hai tàu Anh, cuộc gặp gỡ của anh với tướng Decaen, mong muốn của anh được tham gia vào cuộc quyết chiến trên biển, việc tướng Decaen đã đưa anh mang thư tới những thuyền trưởng nổi tiếng nhất chuyện anh đã đến Cadix như thế nào, anh đã gặp thuyền trưởng Lucas, chuyện anh đã lên tàu *Redoutable* với tước vị đại uý thứ ba, chuyện anh đã tham gia vào trận Trafalgar, chuyện anh đã bị bắt làm tù binh, rồi đã vượt ngục về chạy về Pháp ra sao, sau đó được cử đến gặp Joseph và Murat.

Trong khi anh đang kể thì người ta thông báo có tướng Lamarque và sư đoàn của ông ta muốn yết kiến phó vương, cùng lúc đó người ta nghe thấy có tiếng trống vang lên và tiếp theo là khúc quân hành.

Khúc quân hành có một sức hút mạnh mẽ khiến tất cả mọi con mắt đổ dồn về phía phó vương như muốn xin ông cho phép rời bàn ăn để đi ra phía cửa sổ.

Tất cả các cánh cửa sổ đều mở toang, đón nhận những tia nắng mặt trời rực rỡ hắt vào. Sư đoàn từ Naples đang đi vào con đường vòng dẫn tới lâu đài, những khẩu súng lấp lánh trong nắng trưa như lớp vảy của một con rắn khổng lồ. Đám quân trải dài trên con đường, họ đi đến đâu bụi lầm lên đến đó, những khúc quân hành rộn rã, tiếng hô hoán của các chỉ huy tạo nên một bản hùng ca, một cảnh tượng hoành tráng trước mắt của các quý bà và quý ông người Pháp.

Khi đi vào trong sân của lâu đài, đội quân nhạc và các sĩ quan đi vào trong sân danh dự, đi đầu là tướng Lamarque.

Phó vương khi nhìn thấy những con người dũng mãnh đó đã vượt qua Italie để đến quyết chiến vì ông thì trái tim ông bỗng đập rộn ràng, một trái tim được thiên phú bởi lòng nhân từ nhiều hơn là sức mạnh.

Ông đi xuống, hai tay dang rộng ôm lấy tướng Lamarque, người mà ông chưa từng gặp mặt nhưng đã được nghe đến danh tiếng nhất là khi ông chỉ huy quân đội ở Capri.

Một lát sau, phó vương đưa vị tướng đó đi vào trong triều đình để giới thiệu về chỗ ăn ở dành cho vị tướng và quân sĩ, đồng thời phó vương cũng hỏi tướng Lamarque về những gì mà vị tướng biết được về cuộc chiến sắp tới, cuộc chiến mà vị tướng phải điều quân đến giúp phó vương.

Tuy nhiên, tướng Lamarque vốn đang ở Rome cũng chỉ biết tuân theo lệnh cùng sư đoàn lên đường, hành quân về vùng Frioul và ở đó sẽ tuân theo mệnh lệnh của phó vương Eugène.

Lá thư gửi tới Murat yêu cầu viện trợ là do Napoléon viết từ vùng Valladolid.

Tất cả những gì tướng quân biết chỉ có vậy.

Còn về phía phó vương, ông cũng chẳng biết gì hơn. Ông chỉ biết rằng ngày 12 hay ngày 14 gì đó tháng Tư, ông sẽ bị quân Áo tấn công.

Phó vương ra lệnh cho các binh sĩ vào phòng dưới và yêu cầu cung cấp đồ uống mát cho họ. Sau đó, phó vương đưa tướng Lamarque lên yết kiến với hoàng hậu.

Các quý bà trong bữa trưa đã trở lại phòng khách để dùng cà phê. Họ không thể chế ngự được sự tò mò, họ háo hức ngắm nhúm lông chim cắm trên những viên ngọc trai và kim cương được nạm trên chiếc mũ côn bắc của chàng trai, mà theo họ trị giá của chiếc mũ đó không dưới hai mươi ngàn phăng.

Khi phó vương và tướng Lamarque bước vào là lúc hoàng hậu cũng rất tò mò như những phụ nữ khác, đang cầm chiếc mũ côn-bắc trên tay. Bà muốn được tận mắt nhìn đồ vật khiến các quý bà khác phải thán phục ngưỡng mộ và tất nhiên bà vốn quá quen thuộc với các loại ngọc trai và kim cương nên bà chỉ ngắm nghía, xem xét cách trang trí chúng trên mũ. Bà say sưa ngắm chiếc mũ đến mức mà phó vương đẩy cửa bước vào và đi đến bên cạnh bà mà bà vẫn không hay biết.

Bà giật mình, khẽ thốt lên khi nhìn thấy phó vương.

- Phu nhân, - Phó vương nói với bà - xin phép cho tôi được hướng ánh mắt của phu nhân ra khỏi đồ vật duyên dáng này trong giây lát để giới thiệu với bà tướng quân Lamarque. Tên tuổi của ông ấy như phu nhân biết đấy, được gắn liền với sự dũng cảm, lòng yêu tổ quốc và sự trung thành. Hoàng đế Napoléon đã phái tướng quân đến đây để giúp chúng ta bởi như các quý phu nhân ở đây ở đều đã biết những ngày vui rồi cũng qua đi và chúng ta đang bị đe doạ là sẽ bì tấn công vào bất cứ lúc nào. Đêm nay chúng ta vẫn tổ chức vũ hội nhưng có thể ngày mai hay ngày kia thứ âm nhạc ngoài kia sẽ là nhạc đệm cho các chiến binh.

Tướng quân Lamarque cúi chào hoàng hậu vừa theo hiểu là một người đàn ông bình thường lại vừa theo kiểu nhà binh bởi trong ông là sự kết tinh của hai phẩm hạnh đó.

Về phần mình, hoàng hậu vẫn còn một chút sững sờ và chiếc mũ côn-bắc của chàng đội trưởng đội săn vẫn trên tay.

- À vâng, - Tướng Lamarque nói - đây là chiếc mũ gắn lông của người đưa tin của chúng tôi, có lẽ đó là một món quà của một công nương nào đó bởi tôi không tin rằng một đội trưởng đội săn lại có thể có một đồ trang sức quý giá như vậy.

- Chà! - Một phu nhân lên tiếng - một chàng trai đã tặng lại cho đoàn thủy thủ của mình cả 500 ngàn phăng chiến lợi phẩm!

- Xin lỗi - Vị tướng vừa nói vừa giơ tay cầm lấy chiếc mũ vốn đang là tâm điểm thán phục của các phu nhân - hình như tôi có biết chùm lông gài ở mũ này.

Ông quan sát chiếc mũ thêm một lát nữa.

- Ồ đúng rồi, đây là chiếc mũ của René, người bạn chúng tôi.

- Ông biết chàng trai này sao? - Phó vương hỏi.

- Biết rõ, thưa ngài.

- Thể còn chiếc mũ và chim lông này? - Hoàng hậu sốt sắng.

- Đó là chùm lông mà vua Murat trao cho anh ta để anh ta tự do đi lại trong cung điện. Vậy, anh ta đang ở đây sao?

- Đúng vậy, hoàng đế đã cử anh là làm người đưa tin đến đây. Anh ta cũng chỉ đến đây được hai giờ.

- Vậy đức ngài không biết gì khác về anh ta sao?

- Không.

Cùng lúc đó, René, đang ở phía sau để trò chuyện với các sĩ quan tuỳ tùng bước vào ngưỡng cửa của phòng khác.

- Xin phép tôi được giới thiệu người đó với tướng quân chứ?

- Vâng, thưa ngài.

- Ồ! - Hoàng hậu thốt lên với vẻ tò mò giống như tất cả các quý bà khi họ nhìn thấy chàng trai đi vào.

Tướng Lamarque lao đến chỗ René, ông vui sướng reo lên khi nhận ra anh, ôm lấy anh và cầm tay anh kéo về phía phó vương và hoàng hậu, ông nói:

- Tôi rất vinh dự được giới thiệu với đức ngài người chiến thắng trận Capri.

- Capri - phó vương cũng reo lên -Tôi biết ngay đó là ông mà.

Thực ra, chính tôi là người chiếm được Capri - Lamarque nói nhưng quý ông đây mới là người mang lại chiến thắng cho tôi.

- Ồ thưa đức ngài, xin ngài đừng tin lời…

- Im lặng nào, ngài đội trưởng đội săn bắt cướp! - Lamarque nói - Tôi đề nghị anh giữ im lặng khi tôi nói…

Rồi Lamarque vừa cười vừa nói:

- Khi tôi nói về anh, rõ chưa?

- Tướng quân, - Phó vương nói - ông có thể sang phòng của tôi được không. Chúng ta cần bàn việc đại sự.

Rồi phó vương quay sang René với một vẻ thân thiện mà ông chưa từng có từ 10 phút trước, ông nói:

- Anh cũng có thể đi cùng chúng tôi, René.

Hiệp Sĩ Sainte Hermine

Dịch giả: Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà
Chương Kết
Chuẩn bị

Một tấm bản đồ lớn được trải trên bàn làm việc của phó vương.
Phó vương đi thẳng đến chỗ bản đồ, chỉ tay vào vùng Udine và nói với Lamarque:
- Thưa tướng quân, hoàng đế đã ban cho tôi một món quà quý giá khi gửi ông đến bên tôi. Tôi sẽ cho ông biết những tin tức mà tôi được biết.
Có thể Áo sẽ phá vỡ hoà ước với chúng ta và sẽ tấn công chúng ta vào ngày 12. Trước đây chưa đầy hai giờ, tôi đã được báo tin này và tôi đã huy động tất cả các tướng lĩnh của các cánh. quân về tập trung xung quanh Udine. Nhưng với những cánh quân từ Italie cần phải năm hoặc sáu ngày họ mới về đến đây.

Tướng Lamarque lên tiếng:
- Thưa phó vương, xin phép ngài cho tôi hỏi ngài một số câu hỏi. Ngài đang nhắc đến kẻ thù nào? Các đội quân của chúng hiện đang đóng ở đâu? Số lượng của chúng là bao nhiêu?
- Về đối thủ của tôi, đó là quận công Jean.
- Thế thì càng hay đấy.
- Tại sao ông lại nói là càng hay?
- Bởi vì ông ta là người ít kinh nghiệm nhất, là người phiêu lưu nhất trong ba anh em. Chắc chắn ông ta sẽ có những lầm lỗi có lợi cho ngài.

Vị phó vương thở dài và khẽ nhún vai:
- Thật tồi tệ tôi cũng không có kinh nghiệm nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức… À, mà ông hỏi tôi những ba câu hỏi cơ mà.
- Tôi đã hỏi ngài về vị trí đóng quân của quân Áo.
Vì tôi cứ ngỡ là đang hoà bình nên tôi đã hạn chế sự giám sát kẻ địch. Nhưng tôi nghĩ là tôi có thể trả lời là hiện tại ông ta đang ở Save và vịnh Adriatique. Về số lượng quân địch, có lẽ chúng có khoảng 50 đến 55 ngàn quân.
- Và nếu như ngài tập hợp hết số quân của mình…
- Nếu như tập hợp toàn bộ thì chúng tôi có 45 ngàn quân.
- Như vậy tỉ lệ chênh lệch là không quá lớn nên không có gì là đáng sợ Theo ý kiến riêng của ngài, ngài có cho là chúng ta sẽ bị tấn công không?

- Điều đó tôi hoàn toàn không biết.
- Xin lỗi thưa phó vương - René lần đầu can thiệp vào cuộc nói chuyện - Tôi được biết hoàng đế đã nói với ngài rằng có thể quân địch sẽ tấn công qua lối Fella Torte.
- Ông muốn nói gì? Chẳng lẽ hoàng đế ở Paris lại có thể đoán được con đường tấn công của quận công Jean sao?
- Tôi xin lỗi vì đã tham dự, nhưng con đường này trên bản đồ cũng chỉ rõ điều đó.
- Ông có thể giải thích rõ hơn?
- Nếu quận công thẳng tiến đến Udine, ông ta sẽ phải vượt qua vòng lửa đạn của chúng ta ở Isonzo và La Torre. Ngược lại, nếu ông ta đi ngược lên vùng Isonzo, ông ta sẽ gặp hai cây cầu nằm trong lãnh thổ của ông ta và ông ta sẽ đi qua một cách dễ dàng. Sau đó, ông ta vượt qua núi đến Pontebbena, đi xuống thung lũng Glans rồi đi theo triền núi đến lãnh địa đầu tiên của ngài có tên gọi La Chiusa rồi đi qua Orpi và Osoppo, sau đó đi xuống Udine mà không gặp chướng ngại nào cả.
Phó vương nhìn sang Lamarque để dò ý.
- Nếu như tôi là quận công Jean, tôi cũng làm như vậy - Lamarque nói.
- Thưa phó vương, - René nói - Tôi có đi cùng với một người cũng rất khéo léo, một tướng cướp đã được tôi cứu mạng. Ngài có muốn tôi cử anh ta đi thăm dò không?
- Rất có thể anh ta sẽ bị treo cổ - Phó vương nói.
- Thưa phó vương, anh ta đã từng bị treo cổ và tôi đã cắt dây cho anh ta. Vì vậy, việc anh ta sẽ bị treo cổ hôm nay hay ngày mai, không phải là điều quan trọng nữa. Nhưng tôi vẫn hy vọng anh ta thoát được.
- Được vậy ông cứ làm đi.
- Tôi sẽ trao cho anh ta một con ngựa tốt. Nhiệm vụ của anh ta là thăm dò Chiargo ở Tolmezzo. Đây chính là nơi mà theo ý tôi quân địch sẽ tấn công.
- Vậy còn vấn đề tiền nong? - Phó vương Eugène thốt lên trong khi nhìn ra bậu cửa.
- Anh ta chỉ nhận tiền từ tôi - René nói - Xin ngài cứ yên tâm.
Nói xong, René đi ra khỏi phòng.

Eugène nhìn Lamarque rồi vừa nói vừa cười.
- Thế bây giờ chỉ còn hai chúng ta. Ông có thể nói cho tôi biết quý ông René của ông là người như thế nào vậy? Nếu như chúng ta đang ở thời kỳ Trung cổ, tôi sẽ cho rằng cậu ta là con đỡ đầu của một bà tiên nào đó.
- Hoặc là học trò của một tay phù thủy. Anh ta đẹp trai như Renaud de Montauban. Anh ta chẳng nghi ngờ điều gì cả, mỗi lần đụng độ với quân địch, anh ta xả thân lao ra mà không hề run sợ Nhưng anh ta lại khiêm

nhường đến kỳ lạ, chỉ nói về mình khi bị ép buộc. Đó không phải là thói quen của các chàng trai thời nay. Người ta kể rằng chính anh ta là người đã hạ Nelson trong vụ Trafalgar. Và cũng như tôi đã kể với ngài, chính anh ta cùng với 50 người nữa đã đột phá buộc Hudson Lowe phải đầu hàng. Anh ta còn là một người tháp tùng rất tài giỏi. Khi còn Ấn Độ, anh ta đã chiến đấu như Héc-quyn đánh lại các quái vật.
- Với những chiến công như vậy, tại sao anh ta lại không được phong chức tước gì nhỉ?
- Tôi không biết. Hình như giữa anh ta và hoàng đế có chuyện gì đó. Người ta đồn rằng anh ta đã cấu kết với Cadoudal làm phản nhưng được Fouché cứu mạng và sau đó anh ta trở thành chỗ thân tình của Fouché. Đó là những gì tôi nghe được từ vua Murat, chính ông ta đã được tận mắt chứng kiến lòng dũng cảm của anh ta và muốn anh ta phục vụ mình nhưng René đã từ chối, không phục vụ ai khác ngoài hoàng đế, không gia nhập quân đội nào ngoài quân đội Pháp. Vua Murat đã cử anh ta mang về cho hoàng đế lá cờ Anh mà anh ta đã chiếm được ở Capri để thông báo về tin vui chiến thắng mà ngài rất khao khát.
- Và hoàng đế, dù là người đánh giá rất cao lòng dũng cảm nhưng cũng đã không ban cho anh ta chút gì cả cho tin tức mà anh ta mang về, cả cho những chiến công mà anh ta đã giành được trong trận chiến lẫy lừng này?
- Không hề, thậm chí ngài không dành một chút ân huệ nào.
- Bây giờ anh ta mới chịu mặc đồng phục đấy, còn trước kia, anh ta toàn ăn mặc kiểu lạ lùng. Ở Naples, anh ta đã chiến đấu với 50 người, quả là một điều phi thường. Quả thật, anh ta là một tay phù thủy, chiến đấu không biết mệt mỏi mà không hề bị thương tích. Cũng may mà các quý bà của chúng ta không được đi theo quân đội như ở thời vua Louis XIV, nếu không chắc hẳn các quý bà này sẽ phát điên vì anh ta.
- Hình như anh ta cũng vướng mắc chuyện tình duyên nào đó - Eugène nói.
- Có thể.
Cánh cửa bật mở. Người phục vụ nói là René xin phép được vào.
René vừa đi vào vừa nói:
- Thưa phó vương, mọi việc đã hoàn tất. Chúng ta sẽ nhận được tin tức vào tối nay hoặc sáng ngày kia hoặc người đi dò la của chúng ta bị chết.

Cùng lúc, người phục vụ lại thông báo có tướng Sahuc đến yết kiến.
Tướng Sahuc chìa ra một bản viết tay và nói:
- Thưa phó vương, tôi đến từ bộ tham mưu. Đây là danh sách các đơn vị đồn trú của quân ta và tên các tướng lĩnh đang đóng quân quanh khu vực Udine.

Phó vương, tướng Lamarque và René lại cùng cúi xuống tấm bản đồ.

Sư đoàn lục quân thứ nhất do tướng Seran chỉ huy đóng ở Palmanova, Cividale và Usine.

Sư đoàn thứ hai do tướng Bouvier chỉ huy đóng ở Altegna, Gemona, Ospedalette, Venzone, San Danielle, Mainano và Osoppo sẽ tấn công xuống thung lũng Fella đến tận Pontebba trên đường Tarvisio.
Sư đoàn thứ ba của tướng Grenier sẽ là hậu vệ cho hai sư đoàn trên ở Pordenone, Sacile và Conegliano.

Tướng Lamarque cùng với sư đoàn thứ tư chờ lệnh từ phó vương.
Hai vị tướng quay sang chào nhau rồi tướng Sahuc tiếp tục:
- Sư đoàn thứ năm của tướng Barbou ở Trévise, Cinadella, Bassano. Sư đoàn thứ sáu của tướng Serteroli gồm quân lính Italie sẽ được chia ra đóng ở Padoue, Este và một số điểm ở gần hai thành phố này.
Sư đoàn thứ bảy cung gồm lính Italie do tướng Fontanelli chỉ huy tập trung ở chiến trường Montechiaro. Một phần của sư đoàn này hiện đang hành quân từ Naples đến để gia nhập đội quân.
Hai sư đoàn long kỵ binh của tướng Pally và Grouchy đóng ở Villa Franca, Rovigo, Isola della Scala, Roverbella, Castellaro, Sanguinetto, Mantone và Fenare.
Một đoàn pháo binh hiện đang ở Vérone nhưng chúng tôi không có đủ ngựa để vận chuyển.
Đội quân tinh nhuệ của hoàng gia Italie đang ở Padoue Milan và vùng lân cận.
Cuối cùng, tôi và quân lính của tôi sẵn sàng chiến đấu vì phó vương. Chúng tôi đang ở Udine. Lữ đoàn thứ nhất của chúng tôi đang đóng ở Tong trên chiến tuyến từ Nogaretto đến Vilesi, lữ đoàn thứ hai đóng rải rác ở Ceneda, Pordenone, Conegliano Vicence và Padoue.

Hai vị tướng sau khi xác định các điểm đóng quân trên bản đồ, lo lắng nhìn nhau: khoảng 30, 35 ngàn quân của phó vương Eugène đóng rải rác từ Tyrol đến tận phía Grado, từ Piave đến tận Olte.

Ngay lập tức những người đưa tin được lệnh mang tin từ phó vương đến các đơn vị đồn trú yêu cầu các tướng lĩnh phải tăng cường trực chiến vì sắp bị tấn công, chỉ có điều phó vương chưa nói rõ sẽ bị tấn công từ hướng nào mà đành phải đợi tiếng đại bác đầu tiên nổ ra để định vị và sau đó mới tiến quân đến.

Giờ ăn tối đã đến. Phó vương mời tướng Lamarque và tướng Sahuc ở lại ăn

tối cùng còn René có nhiệm vụ là hiệp sĩ của hoàng hậu. Các quý bà thì mất quá nhiều thời giờ cho trang điểm, như các bạn cũng biết rồi đấy.

Buổi tối, các quý bà thi nhau đến để xem hoà nhạc, dự vũ hội hay muốn chiêm ngưỡng con người đầy bí hiểm và hấp dẫn đến lạ lùng này? Tất cả những gì mà tướng Lamarque nói về anh chỉ làm tăng thêm sự tò mò dành cho anh nghĩ cho rằng chính những đau khổ trong tình yêu đã mang lại vẻ xanh xao, u buồn trên khuôn mặt anh khiến các quý cô quý bà phải quặn lòng.

Rõ ràng, điều gì có thể đẩy một chàng trai sẵn sàng đón nhận cái chết nếu như đó không phải là những thất bại trong tình trường nhất là khi đó là một chàng trai vừa đẹp trai, vừa dũng cảm lại vừa giàu có?
Chúng ta cũng nên biết một chút nghi thức trong các triều đình: Hoàng hậu là người cho mời các vũ công đến và là người lựa chọn vũ công nào có vinh dự được khiêu vũ cùng. Hoàng hậu cũng ban cho René niềm vinh dự này những René đã tỏ ra tiếc nuối sâu sắc mà thông báo lại cho hoàng hậu biết rằng từ lâu anh không còn muốn khiêu vũ nữa những anh có thể làm một điều khác để phục vụ hoàng hậu.
- Một điều khác, anh có thể cho ta biết được không?
- Thưa hoàng hậu - René mỉm cười đáp - tôi sẵn sàng đệm nhạc cho những quý bà nào muốn thể hiện tài năng ca hát.
- Đệm nhạc? - Hoàng hậu ngạc nhiên - Vậy anh chơi được loại nhạc cụ nào?
- Tất cả, thưa bà.
- Vậy anh là nhạc công?
- Trong ba năm cầm tù, âm nhạc là thứ tiêu khiển duy nhất của tôi.
- Anh biết làm thơ chứ?
- Ai mà chẳng biết, dù ít hay nhiều, thưa bà.
- Vậy sau bữa ăn tối, anh nhớ phải làm những điều đó đấy.
- Tuân lệnh, thưa bà.
Mọi người bắt đầu tham gia vào câu chuyện. René vì không muốn trở thành tâm điểm chú ý nên anh chỉ tham gia vài lời qua loa.

Các quý bà cũng được báo trước là ngay sáng mai phải lui về Venice vì các quý bà không được tham gia vào quân đội. Hoàng hậu sẽ là người dẫn đầu.

Hoàng hậu là người đầu tiên tỏ ra phản đối.
- Tại sao chúng ta lại phải rời xa nơi này trong khi chúng ta chắc gì đã an toàn hơn khi đến Venice.
- Thưa bà, không hoàn toàn như vậy - René đáp - Chính vì vậy tôi sẽ tâu với

hoàng đế không nên đồng ý với mệnh lệnh của phó vương.
Khi nói những từ này, anh hạ giọng xuống nhưng với vẻ rất nghiêm trọng khiến hoàng hậu cũng cảm nhận được mức độ quan trọng của nó.
- Anh sợ điều gì chăng? - Hoàng hậu lo lắng hỏi.
Các đội quân của chúng ta được bố trí rất sơ sài. Nếu quận công Jean là một nhà thao lược mưu trí, ông ta sẽ tấn công chúng tả một cách riêng lẻ.
- Anh có nói điều đó với Eugène không? - Hoàng hậu hỏi chàng trai.
Nhưng René chỉ nghiêng người khiêm tốn.
- Thưa phu nhân, tôi không được phép dự báo trước những tin xấu.
- Vậy theo ý kiến của riêng anh, anh cũng cho rằng chúng tôi nên đi Venice?
- Thưa bà, bà hãy làm điều đó vì phó vương, còn ý kiến của tôi không có gì đáng kể. Tôi chỉ biết khuyên bà nên tuân theo ý kiến của đức ngài.

Họ đứng lên trong sự im lặng đầy lo lắng khi sắp phải thông báo cho các quý bà chuẩn bị để ngày nai lên đường đến Venice.

Họ vẫn còn nghe tiếng nhạc mà các nhạc công đang chơi trong bữa ăn tối, sau đó họ đi mời các nhạc công đi dùng bữa.

Quang cảnh thật huy hoàng. Đó là một ngày tháng Tư. Họ cùng nhau đi dạo trên sân thượng rồi lại cùng nhau đi trong những khu vườn tuyệt đẹp của lâu đài Udine.

Trong cái ánh sáng mập mờ của buổi tối, người ta nhận ra, trong vùng đồng bằng mà họ đang ở phía Tây, giữa những ngôi làng và những ngôi nhà thôn dã giống như những con rắn khổng lồ mà lớp vảy của chúng đang lấp lánh dưới ánh chiều tàn, dòng sông Isonzo và dòng song Torre. Dòng sông Torren chảy dưới chân lũy chiến hào của thành phố còn dòng sông Isonzo uốn lượn theo những dãy núi Gontz. Ở phía bắc và tây bắc là dãy núi Tyrol với những đỉnh núi phủ đầy mây trông giống như những đám mây bất động trên bầu trời. Ở phía tây là dòng thác Taghamento đang xối xả cũng đang chìm dần trong bóng tối nhưng lại hắt lên một vòng sáng bàng bạc do một tia sáng lẻ lơi của mặt trời lọt qua khe núi.

Không khí thật êm ả, tinh khiết đầy mùi hương khiến họ chỉ trở về khi trời đã tối hẳn.

Căn phòng sáng rực, mùi thơm ngào ngạt được toả ra từ các quý bà đang lũ lượt kéo đến. Dường như họ đã lấy hết mang theo mình hương thơm của các loài hoa.

Những cạnh cửa sổ vẫn còn khép kín nhưng cây đàn dương cầm đã được mở.

Hoàng hậu nhẹ nhàng lướt những ngón tay trên phím đàn, và như một điều kỳ diệu - tất cả đều im lặng.
Các quý bà đứng vòng quanh cây đàn. Hoàng hậu lên tiếng:
- Thưa các phu nhân, đây là quý ông René, một nhạc công đại tài. Ông ấy đã hứa với tôi trong bữa tối là sẽ làm tất cả những gì tôi yêu cầu… Vậy tôi yêu cầu anh ấy ngồi bên cạnh cây đàn dương cầm này, hát cho chúng ta nghe một giai điệu nào đó, vừa hát vừa chơi đàn.

Họ chờ đợi những gì mà chàng trai sẽ làm, giống như những nhạc công kỳ tài khác, là sẽ giả bộ từ chối để được mọi người van nài, cầu xin. Nhưng lần này thì khác, René tiến thẳng đến chỗ cây đàn, anh ngồi xuống và đặt tay lên những phím đàn.

Các quý bà nhanh chóng nhận ra vẻ đẹp mỹ miều của đôi bàn tay của anh với những mỏng tay hồng hào, ngón tay thon nhỏ như bàn tay con gái. Trên ngón trỏ phải, anh đeo một chiếc nhẫn bằng đá ngọc lam rất đẹp.

Chưa bao giờ các quý bà lại tò mò hơn thế, chưa bao giờ sự im lặng lại chìm trong sâu lắng như thế khi họ đang được thưởng thức những ngón đàn điêu luyện của một nhạc công kỳ tài như vậy.

Và giữa bầu không khí im lặng đó, một giọng hát thanh cao hài hoà nhưng lại rất mạnh mẽ vút lên. Giọng hát phảng phất nỗi u sầu khó tả cùng với những lời ca bi tráng với những vần thơ của Saint-Hubert.

Dãy núi ngủ yên dưới bầu trời tăm tối
Thung lũng lặng câm, thấm đẫm sương rơi
Bụi lắng dần trên con đường xa
Lá cây lặng im và gió cũng dịu hơn…
Hãy chờ thêm chút nữa rồi em cũng ngủ thôi!

Không thể tả hết được những cảm xúc mà lời ca ngắn ngủi nhưng thê lương này đã gợi lên trong lòng người nghe cộng với những tiếng đàn đầy u buồn. Người ta như đang nghe thấy tiếng thì thầm cuối cùng của lá, tiếng thở dài cuối cùng của gió và kết thúc bằng tiếng thốt lên của nhạc cụ giống tiếng thốt lên của một tâm hồn con người đang tan vỡ hay tiếng kêu của dây đàn hạc bị đứt nửa chừng.

Phải mất vài giây sau khi những âm hưởng cuối cùng của giọng hát và cây đàn vang lên, cuộc sống dường như mới trở lại.
Mọi người vỗ tay rào rạt tán thưởng.
René đứng lên, với tay lấy chiếc mũ côn-bắc.
- Anh lại đi sao? - Hoàng hậu hỏi.
- Thưa bà, tôi đã hứa làm theo những gì bà yêu cầu. Bà đã yêu cấu tôi hát, và hát những vần thơ do chính tôi tạo nhạc, tôi đã tuân lệnh bà. Nhưng tôi xin phép được nói với lệnh bà một điều rằng: Khi một người lính cất tiếng hát hay chơi một loại đàn nào đó để được nhận lấy những tiếng vỗ tay tán thưởng với tôi là một điều rất nực cười. Nhưng một người đàn ông dù là người lính hay không lại từ chối một điều gì đó mà phụ nữ yêu cầu, nhất là người phụ nữ đó là hoàng hậu thì đó là một người đàn ông thô lỗ. Để tuân lệnh phó vương, tôi đã trở thành người rất nực cười và tôi không muốn trở thành nực cười hơn nữa. Khi tôi hát hay chơi đàn tức là lúc tôi đang hát cho chính mình và để vượt lên chính mình. Vậy xin bà hãy rủ lòng thương cho sự yếu đuối của tôi và xin cho tôi được cáo từ.

Và khi thốt lên những lời này, hầu như tất cả những ký ức đau buồn của anh lại ập về, đè nặng lên trái tim anh. Anh nói với giọng nghẹn ngào và nước mắt tuôn trào.

Hoàng hậu cảm động, bà đứng dịch sang một bên nhường lối cho chàng sĩ quan trẻ tuổi bước ra ngoài nơi đó một xã hội tươi sáng đang đón chờ anh ở phía trước.

HẾT